

VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỊ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

NĂM THỨ 18 * THÁNG 12 * JAHRGANG 18. * DEZEMBER 1996 * AUSGABE IN VIETNAMEISISCHE & DEUTSCH

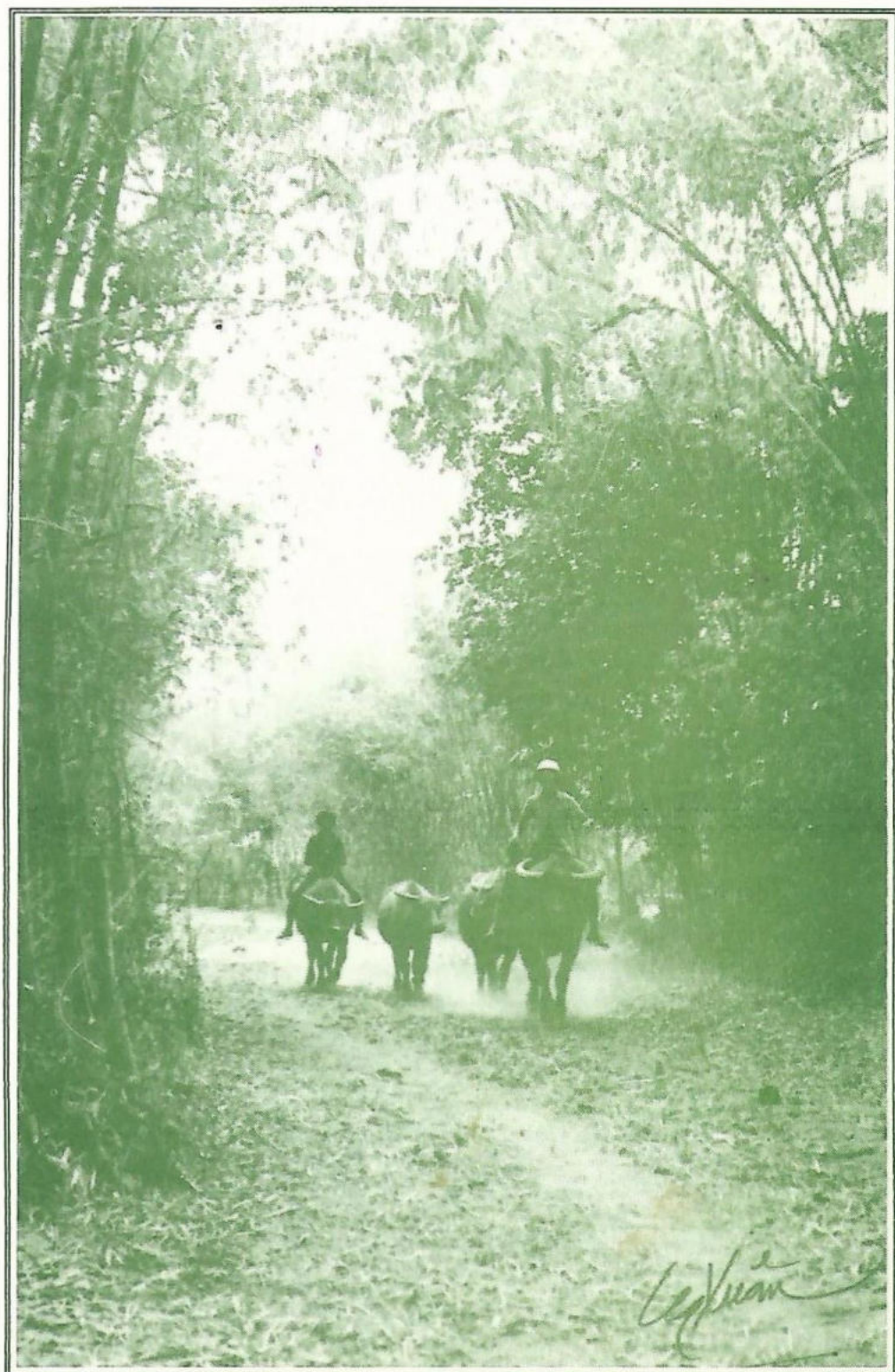
Phật giáo

Đức

Số 96

SỐ - NR.

96



VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ :

TÒA GIÁO

Thích Như Điển
VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Phù Vân - Vũ Nam
GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ
Thiên Căn Phạm Hồng Sáu
HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên - Huy Giang

THỂ THAO

Người Giám Biên

Y HỌC THƯỜNG THỨC

Huỳnh Hoa

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ

Phan Ngọc Minh

KỸ THUẬT ÁN LOÁT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật
Giáo Việt Nam tại Đức Quốc
CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại
Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-
Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ÁN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật
Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác
Karlsruher Str.6
30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30
Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

MỤC LỤC

Lá Thư Xuân	3
Thư Chúc Tết	4
Luận về Đời Nối Tiếp Đời - <i>Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch</i>	5 - 6
Tam Giáo và Việt Tinh - <i>Mạnh Bích</i>	6 - 13
Lòng Tử Bi là nền tảng của Hòa Bình Thế Giới - <i>HT. Thích Trí Chân dịch</i>	14
Bí ẩn về Tiền kiếp hậu kiếp - <i>Đoàn Văn Thông</i>	15 - 20
Đôi nết về Bồ Đề Đạo Tráng nơi Đức Phật thành đạo - <i>TS. Lâm Như Tạng</i>	21 - 23
Công Đức của việc xuất gia - <i>Thích Như Điển</i>	24 - 28
Cổ vấn tâm lý trong Phật Giáo ??? - <i>Phạm Lương</i>	29 - 30
Địa ngục có thật - <i>Nguyễn Hữu Nhật</i>	31 - 35
Trong đầm gì đẹp bằng sen - <i>Nguyễn Văn Ba</i>	36 - 38
Lá Thư Bắc Mỹ - <i>Lê Thị Bạch Nga</i>	39
Chọn một đường tu - <i>Trần Thị Nhật Hùng</i>	40 - 41
Đoàn văn nói về Năm Đinh Sửu 1997 - <i>Ký Thường</i>	41 - 42

TRANG HOA PHƯỢNG

Trầu cây trầu cột - Trầu nhà và trầu rừng - Con trầu chàng - <i>Hồng Nhiên sưu tầm</i>	43 - 45
Vạn Thắng Vương Đình Tiên Hoàng Đế - <i>Bé Ngọc</i>	45 - 47
Đón Xuân tại chùa Viên Giác - <i>Diệu Hiền NTK</i>	47 - 48
Người và Ác quỷ - <i>Thanh Bình</i>	48 - 49
Hai bài toán cổ truyền - <i>Bảo Vân</i>	50
Trang gia đình Phật tử - <i>Thiên Căn</i>	51
Lòng hiếu của chim Oanh Vũ - <i>Thiện căn sưu tầm</i>	51
Tổng kết sinh hoạt của BHD & GĐPTVN tại Đức Quốc năm 1996 - <i>Thiện Căn</i>	51 - 52

AUF DEUTSCH*

Buddhismus des Lauteren Landes <i>Übersetzung Tu Xung Roland Berthold</i>	53 - 54
Weg ohne Grenzen - <i>Thich Nhu Dien</i>	55 - 56
Mười Bốn đời Dalai Lama - <i>Vô Thức</i>	57 - 59
Một vài nhận xét về Đạo Phật <i>Cứ sĩ Đông Phương Mai Lý Đang</i>	59 - 60
Sổ Táo Quân - <i>Đan Hà</i>	61
VƯỜN THÓ VIÊN GIÁC : Gọi thầm giữa mùa Xuân Ly Hương - <i>Phù Vân</i>	62 - 66
Vài ý nghĩ tản mạn trong ngày Xuân - <i>Vũ Nam</i>	66 - 67
Con trâu là đầu cơ nghiệp - <i>Hương Giang</i>	68 - 70
<i>Thái Văn Kiểm</i>	
Đôi lời phiếm luận ngày Xuân : về Trầu - <i>Phan Hùng Nhơn</i>	71
Cái ngu thú nham - <i>Phạm Thắng</i>	72 - 75
Tân liễu trai : Uyên Nhi - <i>Giang Phúc Đông Sơn</i>	75 - 78
Xuân về nhỏ hội Chùa Hương - <i>Lê Thị Thu</i>	79
Rực rỡ đêm Xuân - <i>Nguyễn Tấn Hùng</i>	80 - 82
Trầu ơi là trầu - <i>Phù Vân</i>	83 - 88
Hỉ họa : Chào mừng năm Đinh Sửu & Mừng Xuân năm con rêu - <i>Hiếu Đệ</i>	89 - 90
Cô Bạ năm xưa - <i>Hồ Trường An</i>	91 - 95

MỤC LỤC

Tàu Tây kia liệt mái - <i>Phong Hùng LNN</i>	96
Một chuyện ma trên đất Mỹ - <i>Nguyễn Đoàn</i>	97 - 101
Có một lần như thế - <i>Nhất Thanh</i>	102-105
Văn, Thơ ... Người ??? - <i>Diệp Trung Phùng</i>	
Trò về tử côi chết - Tô Vũ	106-115
Kinh nghiệm giữ nước - <i>Nguyễn Đình Hùng</i>	116-118
Thời gian - <i>Nguyễn Đại Quý</i>	119-121
Tìm hiểu niên lịch và đối chiếu giữa Đông Tây - <i>Nguyễn Phú Thứ</i>	122-126
Trang Khoa học : Vũ Trụ - <i>Lê Văn Quới</i>	127
Tuyên ngôn Quốc Tế nhân Quyền	128-129
Tham luận : Đọc luận cương về văn hoá VN của Vũ Kỳ - <i>Nguyễn Thùy</i>	130-135
Nền Văn Hoá VN.... - <i>Vũ Kỳ</i>	136-139
Ai là thù phạm <i>Nguyễn Việt Nữ</i>	140-144
Thế Thao - <i>Người Giám Biên</i>	145-148
Nghệ thuật gọi cảm bằng hình ảnh ... - <i>Xuân Vũ</i>	149-150
Xem hình đọc tên - <i>Bùi Bảo Thạch</i>	151
1946 - 1996 - <i>Người Quan Sát</i>	152-156
Thông Báo Tin Sinh Hoạt CĐ	156-158
Ngày Quốc Tế Nhân Quyền	159-160
Bàn về điểm 3 của Tuyên ngôn...	161-162
Sinh hoạt cộng đồng	163-164
Ở một vùng cao nguyên - <i>T.N. Như Giác</i>	165-166
Thông cáo báo chí	167-168
Không còn xa nữa - <i>Lê Thanh Tùng</i>	169
Y Học Thường Thức - <i>Quỳnh Hoa</i>	170
Gia Chánh Chay	170
Thời Sự Thế Giới - <i>Phan Ngọc</i>	171-179
Diễn đàn dân chủ	180-184
Tâm Thư của GHPGVNTN tại Đức	185
Tìm hiểu về hoạt động ... <i>Thúy Trúc</i>	186-189
Chương trình lễ Phật trong năm 1997	190
Hai hướng đường về - <i>Phạm Hồng Sáu</i>	191-192
Hộp thư Viên Giác - Nhân Tin - Thông Báo - Giới Thiệu	193-194
Phượng Danh Cúng Dường	195-197

THƠ

Thúy Trúc - Nguyễn Song Anh - Huyền Thanh Lữ - Vũ Hồi - Lê Thị Bạch Nga - Nguyễn Gia Lê Thi - Tôn Nữ Hỷ Khương - Nguyễn Minh Hiền - Nguyễn Thường Quê Hà Đậu Đông - Dy Sỹ - Trình Chung - Tâm Huyền - Bùi Thị Rau Dzènh - Hồ Trọng Khôi - Nguyễn Thùy - Văn Nường - Trần Ngọc Sơn - Quang Kính - Hoàng Ngọc Quỳnh Giao.

HÌNH BĨA

Lê Quang Xuân





Lá Thu Xuân

Thấm thoát mà Xuân qua Đông lại đã mấy mươi lần nơi hải ngoại. Năm nay quý Phật Tử và người Việt chúng ta lại đón một cái Tết tha hương nữa trong giá lạnh của thời tiết và sự se thắt của tâm hồn.

Ai xa quê rồi cũng luôn vọng về cố quốc.

Dầu cho nơi đó có nghèo nàn, đói rách đi chăng nữa. Nhưng đã là nơi chôn nhau cắt rún và nơi đã dưỡng dục chúng ta thành người, thì ta không thể đành đoạn quên đi quê hương và nòi giống.

Chủ nghĩa nào rồi cũng phải băng hoại để lại cho con người những giá trị căn bản về nhân chủ của nó. Nhìn lịch sử thấy bao nhiêu thời vàng son, cũng đâu có còn gì, ngoài trử những cung điện, chuông tích và những hung quân bạo chúa rồi cũng phải lui về với dĩ vãng để lịch sử phê phán và nguyên rủa.

Độc Tam Quốc Chí hay xem phim ảnh về Tam Quốc Chí, chúng ta cũng có thể kết luận về việc tranh bá đồ vương của Tào Tháo, Tôn Quyền và Lưu Bị ở 3 dãy giang sơn Ngụy, Ngô và Thục vào thời gian cách đây 2.000 năm về trước cũng chỉ có thể nằm gọn nơi câu này:

"Thị phi thành bại tổng hoàn không"

Một cuộc chiến đã tốn hao biết bao nhiêu xương máu và của cải lúc bấy giờ; nhưng kết cuộc cũng hoàn không thôi. Ai rồi cũng phải ra đi, để trở thành người thiên cổ. Không ai sống suốt cả một thời gian dài vô tận để hưởng phú quý vinh hoa được. Cho hay lời Phật dạy rất đúng và nhiệm mầu; những chúng sanh vẫn mãi lặn hụp trong biển đời muôn thuở, nên chưa tỏ ngộ đấng thôi, mà vẫn còn đâm chém nhau, thù hận nhau để rồi tham, sân, si vẫn còn ngự trị ở mọi chúng sanh và mọi hoàn cảnh trong mọi nẻo luân hồi.

Nhìn về quê hương, nơi tù ngục đã giam giữ bậc Đại Sĩ của thời đại. Đó là Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ. Thân phận tuy bị nhốt giam trong ngục thất; nhưng tư tưởng của bậc đại nhân này đã thoát tục siêu phàm. Phân tích lại 4 câu

thơ của Đại Sĩ mỗi sáng tác và gởi ra hải ngoại, chúng ta sẽ hiểu được điều ấy:

*"Phụng thủ ngục tù phạn
Cúng dường Tối Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn"*

Chỉ 4 câu thơ thôi; nhưng hành động và tư tưởng thật tuyệt vời. Hình ảnh của một nhà tu đang ở trong tù đang giờ ăn trưa không có gì cả, thế nhưng người tu ấy đã dâng cả phần cơm của mình và suy nghĩ về cuộc đời, thế nhân đang hôn mê nơi cõi mộng với hận thù chông chất. Vì vậy khi hai tay nâng bát cơm lên để cúng dường Đức Điều Ngự, tự nhiên bậc Đại Sĩ lệ rơi không nói được thành lời.

Có những người vẫn chưa ý thức được sự vô thường trong cuộc sống nên mãi say mê nơi giấc mộng trần, đắm chìm trong tham ái và ngũ dục của tài, sắc, danh, thực và thù. Để đến khi tỉnh mộng thì đã quá trễ rồi. Vì lịch sử đã sang trang.

Khi xuân đến thì hoa nở, cảnh lá đâm chồi nảy lộc để trải qua một mùa hè nóng bức, rồi thu sang, lá vàng rơi; đông đến mang tuyết lạnh giá sương cho cỏ cây vạn vật. Cuối cùng rồi không sẽ biến thành cỏ và cỏ sẽ biến thành không, luân lưu hoán đổi trong không gian vô tận của đất trời. Ai chiêm nghiệm và thực hiện cũng như ý thức về việc này, tức đã hiểu được nhân quả, luân hồi, vô thường và hủ ảo. Người hiểu và ý thức sự vô thường là người đã tỉnh thức. Kê nào không chấp nhận sự thay đổi của đất trời, chính kẻ ấy đã quên đi rằng bản tính của sự vật vốn không có cái gì bất di bất dịch cả.

Nhân số thế giới càng ngày càng gia tăng, mỗi đầu thế kỷ thủ 20 này dân tộc Việt Nam mới 25 triệu người, nhưng sang đến đầu thế kỷ thủ 21, theo dự tính của cơ quan Liên Hiệp Quốc thì dân số Việt Nam sẽ lên đến 125 triệu người. Chỉ trong 100 năm thôi, dân số đã tăng lên 100%. Còn thế giới? Những nước kém mở mang như Châu Phi, Châu Á thì số sanh đẻ không ngừng. Đến đầu thế kỷ 21 này dân số tăng lên 8 tỉ người chủ không còn ở mức độ 6 tỉ người như hiện nay nữa. Quả đất này đã tải một trọng lượng quá sức, phải chịu đựng sự xử dụng thiên nhiên vô ý thức của con người, có lẽ một ngày nào đó không xa, quả đất này sẽ vỡ tung, để rồi tất cả mọi sinh linh nơi cõi này, sẽ đổi thay về một thế giới xa xôi khác.

Người Âu-Mỹ ngày nay đã trở về với Đạo Phật rất nhiều. Họ xem giáo lý của Đức Phật như là một chất liệu dưỡng sinh, làm hồi sinh bao nhiêu tâm hồn đã bị chết khô, chết héo nơi cõi thế gian này, vì họ đã bị đóng khung trong sự hiểu biết và sự giác ngộ về lý vô thường.

Xuân đã đến, dầu tuyết chưa tan cũng xin chân thành gởi đến quý độc giả xa gần và quý ân nhân lâu nay đã hỗ trợ cho báo Viên Giác một cách liên tục, để Viên Giác vẫn còn góp mặt với làng báo, làng văn khắp nơi trên thế giới, nhằm bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt của chúng ta tại hải ngoại này.

Lời cuối, xin cầu nguyện gia đình của quý vị được tăng phước, tăng thọ nhân ngày Xuân sắp về trên đất khách và mong rằng Xuân sang sẽ sưởi ấm phần nào trong lòng người nhân lúc xa quê, luôn hướng về cố quốc.

Ban Biên Tập Báo Viên Giác



*Thành Tâm
Kính Chúc*



*Chữ Tôn Hòa Thượng,
Chữ Thượng Tọa
Đại Đức Tăng Ni
Và Đồng Bào Phật Tử
Khắp nơi trên Thế Giới
Một Năm Đinh Sửu
Được Kiết Tường Như Ý*

Chùa Viên Giác

Luận về

ĐỜI TIẾP NÓI ĐỜI

Nguyên tác:

Reflections on Life After Life

Tác giả:

Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch:

Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

CHƯƠNG II - PHÁN XÉT

Bàn về quyển "Đời Tiếp Nói Đời" một nhà phê bình đã viết:

"Lĩnh vực ắt hẳn gây nhiều tranh luận giữa các nhóm tôn giáo là đoạn nói về những mẫu đời sống sau khi chết. Phần lớn những người chết hụt được phỏng vấn cho biết đã không trải qua những màn thường phạt giống như mẫu truyền thống về sự tái xét của Thánh Peter trước khi hồn được nhận sang bên kia thế giới". (Frederic A. Brussat, Cultural Information Service, tháng 11 năm 1976, trang 16-17).

Nhiều người đã nêu vấn đề này nên thấy cần phải xét xem chuyện xảy ra ở ngưỡng cửa tử sinh có thể hoặc không có thể, theo tôn giáo của mình, giống như khái niệm về một sự phán xét. Các đối tượng chết hụt của tôi đã nhiều lần lặp đi lặp lại, mô tả một toàn cảnh đầy màu sắc, ba chiều của các biến cố trong cuộc đời họ. Vài người nói rằng lúc đó họ chỉ thấy các biến cố chính mà thôi. Còn những người khác đi xa đến độ có thể cho biết khi ấy hiện ra tất cả những điều họ đã nghĩ hoặc làm. Điều thiện cũng như điều ác đều được trình chiếu hết. Tưởng cũng nên nhớ là các cảnh này thường được chiếu với sự có mặt của "Đấng Ánh Sáng" mà vài người theo Thiên Chúa giáo bảo đó là Chúa Kitô, và vị này hỏi họ một câu: "Con đã làm gì với cuộc đời con?".

Vì bị ép phải giải thích rõ ý nghĩa câu hỏi này, nhiều người cho biết đã được hỏi những việc từng làm có phải vì yêu thương kẻ khác, tức là *do lòng nhân ái*. Hiển nhiên lúc ấy này sinh ra sự xét đoán, và vì đang ở trong trạng thái rất tinh thức nên khi thấy các hành vi ích kỷ họ hối hận lắm. Còn khi xem những việc đã làm vì yêu thương, tốt bụng, họ thấy thỏa dạ.

Xin lưu ý một điều là sự phán xét trong những trường hợp mà tôi nghiên cứu không

phải của Đấng Ánh Sáng (vì Ngài tỏ ra yêu thương, độ lượng) mà chính tự trong lòng những người ở ngưỡng cửa tử sinh. Một đoạn trong Tin Mừng Theo Thánh Matthêu về sự xét đoán khá có ý nghĩa về phương diện này. Bản Thánh Kinh của vua James như sau:

"Đừng xét đoán để khỏi bị đoán xét. Các người xét đoán cách nào, thì sẽ bị đoán xét cách ấy; và các người đong bằng đấu nào thì người ta sẽ đong cho các người bằng đấu ấy". (Matthew 7:1-2).

Còn trong bản Tân Ước Kinh của Today's English Version (còn được xuất bản với tên Good News for Modern Man) thì lại dịch như sau: "Chớ xét đoán người khác, để Chúa sẽ không phán xét bạn, vì Chúa sẽ phán xét bạn y như cách bạn xét đoán người khác, và Ngài sẽ áp dụng cho bạn các luật lệ mà bạn đã áp dụng cho kẻ khác".

Tôi chẳng phải là một học giả về Thánh Kinh nên không thể cho biết bản nào dịch chính xác hơn. Tuy nhiên, đừng về phương diện kinh nghiệm chết hụt, ta thấy sự xét đoán xuất phát tự trong lòng những người này. Khi ấy họ dường như thấy cho chính họ những điều đáng lý nên làm hoặc không nên làm và tự mình xét đoán mình.

Nghĩ về chuyện này, tôi thấy đề tài chính của kinh nghiệm chết hụt là cảm giác *bị phơi bày*, thấy được *bộ mặt thực* của chính mình. Con người thường phí rất nhiều thì giờ để ẩn núp sau nhiều thủ thuật. Chúng ta thấy an tâm khi có nhiều tiền tài, quyền lực. Chúng ta cố gắng làm cho mình cảm thấy tài giỏi hơn kẻ khác bằng cách tự hào về địa vị xã hội, trình độ học vấn, màu da, tiền của, quyền thế, sắc đẹp, vai trò của mình trong xã hội, v.v... Chúng ta trau chuốt bản thân với y phục gấm vóc lụa là, che giấu các ý nghĩ thâm kín cũng như một số hành vi để thiên hạ chẳng thấy biết.

Tuy nhiên đến phút lâm chung, tất cả các mặt nạ đó đều rơi xuống. Đột nhiên họ thấy các ý nghĩ, hành động hiện rõ thành hình ảnh đầy màu sắc và có không gian ba chiều. Thảng như có gặp ai, thì họ hiểu được tư tưởng người này và ngược lại. Họ thấy khi ấy họ không liên lạc với nhau bằng lời nói mà bằng tư tưởng đến độ một người đã bảo: "Bạn sẽ bối rối vì thấy quanh bạn thiên hạ không cảm nghĩ giống như bạn đâu".

Sắc đẹp của thân thể hay màu da chẳng còn là niềm hãnh diện. Thực ra thiên hạ giờ đây còn có thể xác. Cái nét đẹp duy nhất giờ đây chẳng dính dáng chi đến hình hài. Chỉ có cái đẹp của tâm hồn. Phái tính cũng không còn nữa; đa số thấy rằng khi ấy họ chẳng là đàn ông hay đàn bà. Như vậy, dĩ nhiên trong những giây phút chung cuộc, chỉ còn hai đức tính hiện ra trong trí: Tình Thương và Trí Thức.

Còn một yếu tố nữa trong việc xem trình chiếu này tưởng cũng cần nêu ra là một số người cho biết ngoài ra họ còn thấy *hậu quả* hành vi của họ đối với người khác. Thí dụ có một người cho biết:

"Thoạt tiên tôi thoát ra khỏi thân xác, bay bên trên tòa nhà và thấy thi hài mình nằm đó. Rồi tôi thấy ánh sáng, chỉ có ánh sáng, bao phủ quanh tôi. Rồi dường như có sự trình

chiếu quanh tôi, và mọi việc trong đời tôi được chiếu lại. Tôi cảm thấy thực xấu hổ về nhiều việc đã làm vì dường như giờ đây tôi có một thủ tri thức khác biệt. Vầng ánh sáng chỉ cho tôi thấy cái gì là quấy, những điều tôi đã làm bậy. Và chuyện này rất là thực".

"Dường như sự nhỏ lại, hay kỳ ức, hay gì gì chẳng nữa cũng là nhằm xác minh kiếp người của tôi. Giống như có sự phán xét, rồi bỗng nhiên ánh sáng trở nên nhạt hơn và có sự đối đáp, không phải bằng lời nói, mà bằng tư tưởng. Khi tôi thấy một việc gì, kinh qua một biến cố trong quá khứ, dường như tôi thấy nó với cặp mắt có tri thức toàn năng đã hưởng đần, giúp tôi thấy được".

"Điều này còn ám ảnh tôi vì nó chẳng những cho thấy việc mình đã làm mà cả *hậu quả của nó đối với những người khác*. Nó không giống như đi xem xi-nê bởi tôi *cảm giác* được những điều này. Đó là những xúc cảm, và đặc biệt từ khi biết được điều này tôi thấy tư tưởng của chúng ta không bị mất. Tất cả tư tưởng đều hiện ra ở đó. Tư tưởng của chúng ta không mai một...".

Hoàn cảnh này xem ra khó chịu lắm đấy nhỉ. Cho nên chẳng lấy làm lạ tại sao nhiều người trở về từ cõi chết thấy cần phải thay đổi nếp sống. Mời các bạn xem những đoạn phỏng vấn hai người sau đây:

1. "Tôi không kể cho ai nghe về những điều đã kinh qua. Nhưng từ khi trở về, tôi rất muốn làm những điều gì đó giúp đỡ kẻ khác. Tôi rất xấu hổ về tất cả các chuyện đã làm hoặc không làm trong quá khứ. Tôi thấy cần phải làm và chẳng thể chần chờ nữa".

2. "Khi trở lại, tôi thấy mình nên thay đổi. Tôi rất hối hận. Tôi không bằng lòng với cuộc đời mình từ trước đến giờ, nên tôi muốn bắt đầu làm tốt hơn".

Khá nhiều người cứ hỏi tôi có ai nói đã xuống địa ngục chưa. Xin thú thực là trong đồng tài liệu tôi sưu tập được không có ai tả cảnh địa ngục. Tuy nhiên có thể nói tôi chưa từng phỏng vấn một tên đầu trộm đuôi cướp đã chết hụt. Những ai được phỏng vấn đều là những người bình thường, đảng hoàng, tử tế. Những điều họ thấy đã phạm chi là lỗi nhỏ thôi, đại loại những việc tất cả chúng ta chắc đã từng làm. Vì vậy họ chưa thấy cảnh hỏa ngục. Tuy nhiên những điều tôi biết không phủ nhận là chẳng có địa ngục.

Vài người dường như thắc mắc ở điểm Đấng Ánh Sáng được nói đến trong các kinh nghiệm chết hụt sao lại rất mực nhân ái, độ lượng, yêu thương cả mấy người từng phạm nhiều lỗi lầm, thiết sót được trình chiếu rành rành ra đấy. Theo thiên ý, tôi chỉ có thể nói tôi yêu các con tôi dù chúng lầm lỗi và chắc chắn là sẽ tiếp tục thưởng dù chúng có làm chi chẳng nữa.

Một số người khác có vẻ không thỏa mãn vì cho rằng các kinh nghiệm này chẳng giống khái niệm "Sự Phán Xét Cuối Cùng" khi tận thế. Tôi thấy đâu có gì trái ngược. Dĩ nhiên nếu có ai về từ cõi chết và bảo là đã kinh qua Sự Phán Xét Cuối Cùng, thì kinh nghiệm này có thể bị hiểu sai. Vì ngày tận thế đầu đã đến, cho nên nếu có kẻ báo rằng đã thấy Ngày Tận Thế trong lúc chết hụt ắt là chẳng đáng tin. Có thể sẽ có ngày tận thế.

Những kinh nghiệm chết hụt đầu bác bỏ điều này.. Và thật vậy, nhiều người được tôi phỏng vấn đã cho biết họ tin điều này sẽ xảy ra. Nên nói thêm là họ chỉ chấp nhận điều này trên cơ sở kinh điển và không suy diễn tí nào từ những điều họ học hỏi hay thấy được nơi ngưỡng cửa tử sinh.

Các ý niệm về thiên đường, địa ngục, sự xét đoán, sự phán xét cuối cùng, ngày tận thế, ân sủng của Chúa, tất cả đều là những khái niệm về sự tận thế, đề tài của những sự tranh luận giữa các nhà thần học. Vì các chuyện ấy có tính cách tối hậu, rất quan trọng nên con người khó diễn tả một cách trực tiếp. Chúng thường được mô tả bằng hình ảnh hay ẩn dụ.

Xem qua lịch sử hội họa Âu Châu ta thấy khái niệm về sự phán xét ở nhiều thời đại được vẽ như là một quyển sổ ghi chép, một số kế toán, một phiên tòa, cái cân (để cân linh hồn). Trong huyền thoại Er, triết gia Plato đã nói về "những phiếu điểm" mà linh hồn phải mang khi sắp được phán xét. Trong quyển "Tủ Thư Tây Tạng" khái niệm này được tả là một "kính chiếu nghiệp". Xin nhớ rằng các người chết hụt được tôi phỏng vấn cho biết ngôn từ họ dùng để tả kinh nghiệm của họ chỉ là những điều tưởng tượng hoặc ẩn dụ mà thôi chứ các kinh nghiệm này vượt quá ngôn ngữ loài người. Cho nên chẳng lấy làm lạ nếu những chữ đặc biệt được dùng trong thời đại kỹ thuật của chúng ta được mượn chẳng hạn từ môn quang học (như chữ "hình ảnh" được dùng đến), hay từ những phát triển kỹ thuật như hình chiếu Slide, phim ảnh, và ngày nay những biểu tượng được dùng hầu như nhắc ta nhớ đến các phát minh tân kỳ trong khoa nhiếp ảnh hay kỹ thuật truyền hình: hình hologram ba chiều hoặc sự chiếu lại tức thì.

Nhận xét cuối cùng liên quan đến vấn đề chuyện gì có thể xảy đến cho những kẻ chẳng hạn bọn đồ tể Đức Quốc Xã. Nếu điều mà các đối tượng nghiên cứu của tôi đã kể có thể xảy đến cho tất cả mọi người, ta thử tưởng tượng điều xảy đến cho họ ở ngưỡng cửa tử sinh, như một số người cho biết, họ không những xem lại các hành động ích kỷ mà còn thấy cả các hậu quả đối với những người khác. Bọn gây ra thảm họa Đức Quốc Xã là những kẻ hoàn toàn không có lòng nhân đạo nên mới thích giết hàng triệu người vô tội, gây bao thảm trạng cá nhân khiến con xa cha, vợ lìa chồng, bạn bè ly tán. Có vô số những cái chết dần mòn hoặc nhanh chóng và ghê rợn. Nhân phẩm bị chà đạp, những năm dài đói khổ, nhục nhằn, dày dạn. Nếu những gì xảy đến cho các đối tượng tôi nghiên cứu cũng xảy đến cho bọn khất máu này, chúng ắt thấy tất cả những chuyện đó và nhiều thử nữa trình chiếu một cách sống động trước mắt chúng. Dù giàu tưởng tượng đến đâu tôi cũng không hình dung nổi một địa ngục khủng khiếp hơn, dày dạn hơn là địa ngục này.

Đón xem kỳ tới:
Chương III : Tự vấn

TAM GIÁO và Việt tính

Vài suy nghĩ nhân đọc tiểu luận:

Có thượng-đế không ?
Does god exist?
của Trần Văn can

. MẠNH BÍCH

Tôi hân hạnh được tác giả tập tiểu luận "Có thượng đế không?" gửi tặng một bản, cho nên, cung kính bất như tuân mệnh, tôi đã "bớt chút thì giờ nhàn rỗi" để đọc tập tiểu luận ấy, một thói quen mà tôi vẫn áp dụng khi mong đáp lại mỹ ý của một tác giả gửi tặng sách báo.

Với tập sách nhỏ này (khổ A4, dày 20 trang, không kể hai trang Foreword - Lời mở đầu), học giả họ Trần muốn gửi đến chúng ta - và có lẽ đến riêng tôi - những nhận xét sáng suốt của ông về ý niệm Thượng đế của người Việt, vốn được tiềm nhiệm tinh thần Tam giáo Nho, Phật, Lão. Ngụ ý rất quý hóa, tôi xin trân trọng hết lòng. Tuy nhiên, có vài chi tiết không thể không nói đến được khi đọc kỹ pho tiểu luận ấy. Tôi xin được nêu ra sau đây để gọi là góp vài ý nông cạn nhưng thành tâm của tôi:

Trước nhất, trong đoạn cuối của "Lời mở đầu", học giả họ Trần "nguyện ước bạn đồng hướng thân mến bớt chừng 60 phút của thì giờ nhàn rỗi đọc hết cuốn sách ngắn ngủi (này) để tìm kiếm chân lý". Sau khi đọc chỉ có mỗi phần I "Có Thượng đế hay không?", tôi đã nhận thấy rằng chỉ phải "bỏ ra chừng 60 phút thì giờ nhàn rỗi" thôi để hiểu được đề tài "sự hiện hữu của Thượng đế" đã là một việc ngoài khả năng của riêng tôi, còn nói đến "tìm kiếm chân lý" - như ý nguyện của tác giả - thì lại càng bất ửng hơn. Vì nghi vấn được đề ra tự nó đã là quá phức tạp và nhu cầu tìm kiếm chân lý cũng không thể nào xem là giản dị như vậy được.

Thứ nữa là một số nhận định về tôn giáo qua mặt đại cương, về tam giáo làm trường hợp cá biệt và về tinh thần tôn thờ tổ tiên cổ truyền của người Việt để xác định vấn đề, đã

tạo cho tôi nhiều thắc mắc khó bỏ qua được, thúc đẩy tôi phải viết bài này. Xin dẫn chứng:

1) Để kết luận về sự hiện hữu của Thượng đế, trong chương "Phật-đà và Thượng-đế", ta đọc được: "*Việt Nam ta chịu ảnh hưởng sâu xa tín ngưỡng tôn giáo đa thần bái vật (polytheist, fetish and anamistic) của Tàu, nên thờ phụng giống như Tàu, giữ tam giáo, cúng tế Lão Tử, Khổng Tử và Phật Thích Ca và cũng bắt chước Tàu làm nhiều trò mê tín dị đoan như v.v...*" (ch. 2, t.8)

2) Viết về Đạo giáo của Lão Tử, tôi đọc được những câu như: "*Lão Tử chán đời nêu ra thuyết vô-vi...*" (ch. 1, t.2) hay "*Lão Tử chán ngán cảnh quan trường tham ô, quốc sự rối ren và dân tình điên đảo...*" (ch. 2, t.9)

Về Thái tử Tất Đạt Đa, để giải thích việc tìm kiếm chân lý của vị Như Lai, ông viết: "*Thế là từ đó Ngài dám ra yếm thế, chán ngán cho kiếp người sinh, lão, bệnh, tử...*" (ch. 2, t.6)

Còn nhận xét về lý thuyết nhập thế của Khổng Tử, ông cũng viết: "*Khổng Tử bất đắc trí, tử quan ở nước Lỗ, đi chu du các nước chư hầu...*" (ch. 2, t.9)

Và ông cũng viết: "... thành thật mà nói, ba Ngài cũng có những khuyết điểm của con người bị chi phối bởi "thất tình" của nhân tính tự nhiên...", những vấn: "... làm thầy dạy đời về đạo làm người..." (ch. 2, t.9)

Đấy là những điểm thiết yếu trở thành căn bản để luận bàn về tín ngưỡng và tôn giáo. Tác giả tập tiểu luận "Có Thượng đế không?" không hiểu vô tình hay dụng ý đã đột ngột cho chen những chi tiết nêu trên vào các đề tài lớn, làm cho vấn đề được đặt ra qua tựa đề mất phần chính xác và nghiêm túc.

Vậy tôi xin chú vị thức giả am hiểu thiên đạo học, thần đạo học, hay các triết gia hãy dựa sẵn trên tinh thần tâm linh Summum Mentis Bonum est Dei Cognito et Summa Mentis virtus Deum Cognoscere của Spinoza (*) và trên nguyên tắc tri hành nho giáo cổ truyền "tri chi vi tri chi, bát tri vi bát tri, thị tri dã (Luận ngữ) để xem những lời lạm bàn sau đây chỉ là những đóng góp nhỏ nhoi vào công tác phổ biến và tu tri văn học Việt Nam mà thôi.

Và mục đích sự góp ý này là để lớp người lưu vong, ly hương có dịp tìm hiểu thêm về văn hóa Việt Nam của ta, khi phải buộc lòng rời xa nơi quê cha đất tổ, không biết ngày

nào mới được thực sự sống an nhiên với Việt-tính của mình.

Trong khuôn khổ văn hóa và việt tính hạn hẹp hơn ấy, tôi xin nêu ra hai vấn đề tiên khởi sau đây:

1) Thế nào là Thượng đế? Thế nào là Tôn giáo? Mục đích của Tôn giáo?

2) Thế nào là Thượng đế trong tâm hồn người Việt? Thế nào là Việt tính?

Xin phân tách từng phần:

I. Ý NIỆM THƯỢNG ĐẾ

Nếu quan niệm rằng *Thượng đế* là một quyền uy toàn năng, siêu việt (*thượng*) làm chủ tể (*đế*) cả nhân loại và vạn vật, vũ trụ thì nghi vấn đặt ra bởi tác giả trở thành để giải hơn nhiều.

Và vấn đề lại được thu gọn trong những suy nghĩ triết lý triền miên này của con người qua thời gian và không gian:

- một là: trong trí tưởng tượng của loài người, đáng Tối cao Toàn năng ấy như thế nào, có hình thái ra sao, phải quan niệm ra sao và do đấy, nên tổ chức những nghi lễ nào để tôn vinh Người?

- hai là: đến khi quan niệm đã được xây dựng thành hệ thống, con người nên tôn vinh Đấng Thần linh ấy bằng danh xưng gì? Thượng đế, Đức Chúa Trời, Allah, Jehovah, Brahma?

(Xin lưu ý ngay là vì lý do uyên nguyên minh triết của Tam giáo Lão, Khổng và Phật sẽ được trình bày sau, tôi không nêu danh xưng Lão Tử, Phật Thích Ca và Khổng Tử vào ngay đây).

- ba là: do đấy, sự liên quan giữa tôn giáo hay đạo lý với ý niệm Thượng đế sẽ phải được khảo sát như thế nào?

1) *Sự tôn vinh Thượng đế*

Con người là một sinh vật có lương tri và lý trí cho nên dù là người của thời tiền sử hay giữa thời cận đại hiện kim này, vẫn quen, không ít thì nhiều, không suy luận sâu sắc cũng thắc mắc phân vân về cái *hiện hữu của mình*, về cái thân phận, về cái ý nghĩa, giá trị của Sự Sống Con Người.

Những câu than thân trách phận khi gặp cảnh đau thương hoạn nạn, hay những lời cầu xin, khẩn nguyện vào những lúc tâm linh lạc lõng hoang mang đều nói lên cái khiếp hãi của Con Người khi nghĩ đến thân phận của mình trước sự *Vô minh*. *Bào thai* tự đâu mà thành? Tại sao cũng là *Con Người* mà kẻ thì sống yên lành an lạc trọn đời, người thì chịu trăm thứ đau thương, kẻ thọ trên trăm tuổi, người chỉ có mặt trên cõi đời có vài trăm phút hoặc vài vạn giờ? Rồi cuối chuyến du

hành ngắn ngủi ấy - có là bao sự cách biệt giữa trăm phút với mấy vạn ngày!! - Con Người phải *đi về đâu*, khi từ già cõi trần?

Tóm lại, tại sao Con Người lại cũng giống như những sinh vật khác mà thôi, phải vâng chịu *định luật "sinh ký tử quy"*, cát bụi lại hoàn cát bụi? Mà *cát bụi ấy là gì?*

Tiện đây, chúng ta cũng có thể thử nói qua vài cách tôn sùng thần linh Thượng đế.

* *thời tiền sử* - hiện nay vẫn có những bộ lạc ở Phi Châu hay ở vùng Nam, Trung Mỹ cũng vậy - con người rất kinh sợ những quyền lực thiên nhiên: sấm chớp, thác lũ, rừng sâu, biển cả, đêm tối, thậm chí đến cả nắng trái mùa rào, thú dữ hổ, báo, rắn, voi, kỳ vật, bệnh tật, tử vong, cái gì cũng làm cho Con Người cảm thấy là mình bị ràng buộc và phải đối phó với sự vật bên ngoài và cuộc sống của mình là một chuỗi dài những thử thách, những khổ đau cho đến lúc phải nhắm mắt xuôi tay. Để sống, con người phải chống chọi, phải khổ cực. Cho nên, mong được sống an nhiên, con người đành đi kiếm tìm một giải pháp tâm linh.

Thế nên:

- Dân Aztèque sùng bái Thủy thần Tlaloc để được mưa thuận gió hòa; dân Incas, vùng Nam Mỹ, dân Algonquins ở Bắc Mỹ, dân Mayas ở Mê Tây Cốc, dân Da Đỏ Omahas, cũng như dân Ngonis ở Phi Châu v.v... và người Trung Hoa nói chung đến bây giờ cũng vậy, vẫn, mỗi dân tộc một kiểu, thường cúng vái để cầu an, cầu may.

Thời hoang sơ đã đành, đến cả giữa những thế kỷ hiện kim này, những cuộc múa tập thể, những cuộc lễ lên đồng huyền bí, những loại bùa phép, những lối bói toán, xin xăm, xem tử vi, xem chi tay đều nhằm mục đích tìm hiểu vận mệnh của Con Người, hầu tìm thấy một sự an ủi cho tâm linh.



Những hình thức "đi tìm an lạc" cho Sự Sống của mình ấy xúi đẩy Con Người lập giáo phái, tụ tập với nhau để tôn thờ ma thiêng quỷ linh thần dữ hoặc tôn vinh thánh hiền. Có thể nói, mê tín dị đoan đầu phải là sản phẩm riêng của những xã hội hoang sơ hay của nước "*Việt Nam ta chịu ảnh hưởng của Tàu, ... bất chúc Tàu làm nhiều trò mê tín dị đoan!*" Những năm gần đây, nhiều giáo phái ở Hoa Kỳ, ở Nhật, ở Âu Châu không phải chỉ qui tụ những tâm hồn yếu đuối, hoang mang mà thôi còn có kết nạp không phải ít những vị trí thức, học giả, khoa học

gia. Nhưng những giáo phái ấy bị xem là tà ma độc hại và ở Á Châu, Âu Châu hay Mỹ Châu cũng vậy, bị xã hội lên án để trừng phạt nặng nề vì đã xâm phạm đến Sự Sống của Giống Người, vì đã gây rối loạn trật tự Xã hội Con Người.

Và vấn đề tà giáo hay chính đạo thiết tưởng cũng nên được hiểu là... một "chuyện" khác, phức tạp, cao viễn, thuộc về niềm và thức, đã tạo ra nhiều cuộc "tranh hùng" trên giấy mực cũng như về thánh chiến. Nhân danh tôn giáo, biết bao "kẻ" đã tạo nên những cuộc tàn sát vô cùng thảm khốc và phi đạo lý cũng vì "họ" nghĩ rằng chỉ có "chân lý" của mình là đúng!!

* đến khi những suy tưởng, luận thuyết được tạo thành hệ thống với những giáo điều, những kinh kệ, những tập tục lễ nghi, những *hình thức sùng bái* thần linh - biểu tượng cho một Quyền uy Tối thượng Siêu nhiên hay... Thượng đế - đã kể trên được qui định chặt chẽ thì sự thờ cúng Thần linh sẽ biến thành tôn giáo.

Thiết tưởng, bất cứ ai cũng có thể hiểu: *tôn giáo chỉ là một nhu cầu mà thôi. Con người cần có tôn giáo cũng như cần phải ăn để sống.* Đã là Con Người thì, về mặt vật chất, mỗi dân tộc quen với một loại thực phẩm, mỗi người thích một cách ăn, cần tìm một thức ăn thích ứng để "đỗ đói lòng"; còn về mặt tâm linh, con người như ta có thể nhận thấy, qua thời gian và không gian, cũng cần tìm đến với một tôn giáo được xem như một nhu cầu tinh thần.

Trong tác phẩm "*Các loại tôn giáo, từ thời tiền sử đến thời cận đại*", Geoffrey Parrinder viết: "*Sự nghiên cứu tôn giáo cho thấy một điểm hệ trọng: con người cho rằng Sự Hiện Hữu có một giá trị và Sự Sống không phải là một hiện tượng tự nhiên, vô nghĩa. Cuộc tìm kiếm giá trị của Sự Sống dẫn đến kết luận là có một quyền uy siêu nhiên và siêu nhân muốn bảo trì giá trị siêu việt của Sự Sống Con Người.*"

Tóm lại, mỗi tôn giáo có một phần giáo điều, một phần đạo lý và những nghi thức dùng làm cung cách tôn vinh hình thức Thượng đế đã được tạo dựng. Và phần quan yếu của mỗi tôn giáo là dựng lên một uyên nguyên để tạo cho Thượng đế một danh xưng. Như trên đã dẫn sơ lược, Đấng Tạo Hóa được mang tên Allah, Jehovah, Brahma v.v..., tùy theo từng tôn giáo.

2) *Ý niệm Thượng đế*

Ba tôn giáo lớn Phật, Nho, Lão được nêu lên, ý niệm Thượng đế như thế nào? Xin đi vào từng tôn giáo một:

2a - **Ấn Độ giáo:** Trước tiên xin đồng ý là cụm từ "Ấn Độ Giáo" không được chính xác vì, theo "Thần thoại học tổng quát" Larousse thì: "*Thần thoại Ấn Độ chẳng khác gì rừng sâu với những từng lớp cây cối trùng điệp. Một khi lạc bước vào đấy thì không còn thấy ánh sáng gì nữa và cũng không còn phương hướng nào để đi.*" Cho nên phải dựa trên khẳng định này của nhà văn Ấn Độ

Parthasarathy để nghiên cứu tôn giáo ấy: *"Dân tộc Ấn không theo đa thần. Ấn Độ giáo chỉ có một Thượng đế... Thần thoại Ấn Độ có vô số thần linh - khoảng 330 triệu - nhưng tất cả các vị thần linh ấy dùng để biểu tượng hàng hà sa số quyền lực của Vị Thượng đế tối thượng của Vũ trụ"*.

Quan yếu của giáo lý Ấn Độ được gom lại trong Kinh Vệ Đà. Kinh này gồm có bốn pho: Rig, Sam, Yagur và Atharva được viết trong nhiều thế kỷ, từ năm 900 trước công nguyên... Chính trong các pho kinh tụng ấy, giáo lý luân hồi và nhân quả được đem ra giảng dạy.

Hai pho kinh Brâhmana và Upanishad viết thêm sau này - quãng năm 300 trước công nguyên - dùng để dẫn giải rõ ràng về ý nghĩa thiêng liêng của nghi lễ Ấn Độ giáo. Còn trong pho Purâna thì nói đến các Thần linh Râma và Krishna - hai vị này là hiện thân của thần Viscu (hay Civa) - và Durgâ, Skanda và Ganesha. Đứng đầu các thần linh là tam vị nhất thể gồm có: đấng Tạo Hóa muôn vật *Brahmâ*, đấng bảo tồn sự vật *Vishnu* và đấng biến thái sự vật *Civa*. *Đấng Brahman (hay Brahm)* có linh âm là *AUM* hay *OM* là đấng Thượng đế, là đấng Toàn năng. Tuy nhiên, trên thực tế, dân Ấn Độ không tôn sùng bằng Vishnu và Civa vì Vishnu thường ban phép lành còn Civa thì biểu tượng cho sự sinh tồn của loài Người.

Theo kinh Garuda-Purâna thì *"Con người tự định đoạt lấy phần số của mình. Ngay từ lúc đang còn là một bào thai, nghiệp chướng đã có tác dụng rồi. Lúc đã sinh thành, dù ẩn náu nơi rừng sâu, hay âm thầm nơi biển cả, hay được che chở bởi tình thương trên gối mẹ, con người cũng phải chịu cái hệ quả của những gì mình làm ở kiếp trước... Và, những gì xảy ra trong cuộc đời của mình, trong không gian hay thời gian, đều đến đúng lúc như đã định trước theo luật nhân quả"*.

Vì mỗi hành động sẽ tạo ra những hệ quả tốt hay xấu cho cuộc sống ở kiếp sau, cho nên, cách hành xử cuộc đời của mỗi người phải vâng theo đạo pháp để giúp cho con người thoát khỏi vòng luân hồi.

2b - Phật Giáo: Ở đây tôi xin được miễn nhắc lại những chi tiết về nguồn gốc đạo Phật, về sự thoát ly gia đình để tầm sư học đạo của Thái tử Tất Đạt Đa thường được thần thánh hóa hay lãng-mạn-hóa, không bổ ích lắm đối với sự tìm kiếm ý nghĩa triết lý và văn học mà tôi đã mạn phép đặt ra làm nền tảng cho sự "góp ý" thô thiển này.

Vậy xin đặt sang một bên những giai đoạn của Thái tử Tất Đạt Đa đã trải qua trong lúc thiền định để tìm Chân lý cùng những danh xưng được đặt cho Thái tử trước và sau khi đã giác ngộ. Tôi xin nói ngay về ý nghĩa của *Nhân quả* và *Luân hồi* trong Phật giáo mà thôi để trở về với nghi vấn do học giả họ Trần đề ra: *"Phật giáo có chấp nhận sự hiện hữu của Thượng đế hay không?"*

Đạo Phật, theo nhiều sách thống kê Âu Mỹ, qui tụ chừng 300 triệu tín đồ (trong ấy có chừng 200.000 ở Châu Âu, chừng 200.000 tại Bắc Mỹ, 500.000 tại Nam Mỹ, và quãng 300.000 tại Nga). Còn lại thì sống ở Sri

Lanka (trước là Tích Lan), Myanna (trước là Miến Điện), Thái Lan, Tây Tạng, Nhật Bản, Đại Hàn (trước là Triều Tiên), Việt Nam, Lào và Căm-Bu-Chia (trước gọi là Cao Mên). Nếu kể thêm "một số ít" dân Trung Hoa nay trở về với Tam giáo của họ thì con số Phật tử lên đến hàng tỷ!!

Phật giáo chia làm nhiều phái, được xếp vào hai loại: Tiểu Thừa (Hina-yana = Tiểu Luân Xa) và Đại Thừa (Mahâ-yana = Đại Luân Xa).

Phật tử là người chấp nhận lý thuyết căn bản: *"Sự vật trong vũ trụ được và phải liên kết, tương ứng với nhau, cho nên bất cứ sự hiện hữu nào cũng do nhân quả mà thành. Khi đã thành (nghĩa là có một hình thái) thì phải tru, hoại rồi diệt để thành hình thái khác và cứ thế mà xoay vần mãi mãi"*. Do đấy mà có thuyết nhân quả luân hồi.

Dưới hình thái một *sinh vật* có lương tri và lý trí, Con Người thấy mình phải chịu nhiều khổ đau, kẻ ít người nhiều và bằng nhiều hình thức khác nhau dù là về thân xác hay thuộc về tâm thức cũng vậy. Phật tử tin vào Phật, Pháp, Tăng để chuyển tâm tu luyện - trên căn bản Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Kiến - để dứt khổ ải - vì lẽ khổ ải cũng theo qui luật nhân quả - để tìm đến giác ngộ. Nghĩa là tự giải thoát khỏi vòng luân hồi và trở về với Phật tánh. *Phật tử giác ngộ sẽ sống trong cảnh Niết Bàn*.

Vậy Niết Bàn là gì? Phật tánh là gì?

Trong kinh sách, ít khi Đức Thích Ca Mâu Ni xác định hay đề cập đến quang cảnh, hình thái của Niết Bàn. Ở đây tôi xin mượn lời giải thích của Đức Đạt Lai Lạt Ma (Phật giáo Tây Tạng) trong buổi nói chuyện với báo chí tại Loudes (Pháp) ngày 15.11.93, để nói về mối tương quan giữa lý thuyết nhân quả và ý niệm Thượng đế: *"Phật tánh - Samanthalhadra - là cảnh giác ngộ trong đó những hiện tượng xấu hay tốt về nghiệp chướng, hay nhân quả, luân hồi đều tan biến. Phật tử sống một trạng thái yên nghỉ trong ánh sáng giác ngộ..." (*2). Do đấy, Giác ngộ có thể xem như là một ý niệm về Tạo hóa vì tất cả các hiện tượng liên quan đến nhân quả luân hồi cũng được tạo thành từ đấy"*. (*2)

Nói như vậy để xác định ngay là: *"Phật giáo không chịu đặt cho Tạo hóa - hay Thượng đế - một danh hiệu, để hình-thái-hóa Tạo hoá"* như trường hợp của các tôn giáo độc thần thường làm. Trái lại, Phật giáo có một ý niệm rõ rệt, rất khoa học về Tạo hóa. (xem phần Big Bang ở sau). Các hình tượng các vị Phật chỉ là hình tượng, là biểu tượng cho những *trạng thái* của các bậc siêu phàm đã thành đạt việc tu tập, đã đến Ánh sáng Giác Ngộ. Hình tượng Phật Thích Ca (thường được gọi là Phật-tổ cho nên dễ tạo hiểu lầm), Phật A Di Đà, Phật Di Lặc, Phật Bà Quán Thế Âm v.v... do đấy được tạo dựng theo trí tưởng tượng của từng dân tộc và nét mặt, hình dáng thường không giống nhau vì không thể giống nhau.

Nói như vậy cũng để minh chứng rằng *lý thuyết nhân quả luân hồi của Phật giáo* - Tiểu Thừa hay Đại Thừa không quan hệ lắm

- được người dân Việt Nam chấp nhận một cách dễ dàng và giản dị trong *khốn khổ đạo lý làm người*, để dùng làm nền móng trong cách hành xử việc đời, khi phải thường trực đối diện với những nhiều khê, bí hiểm của số phận con người. Tinh thần Phật giáo giúp cho Phật tử hiểu rõ hơn về ý nghĩa của sự khổ đau trong kiếp người, xem như điều gì, việc gì cũng do nhân quả mà ra, cũng có liên hệ mật thiết với nghiệp báo, luân hồi, cho nên đừng "trách lẫn trời gần trời xa" làm gì... Sự tu tập hành đạo - gọi nôm na theo ngôn ngữ dân gian là *tu nhân* (nhân chủ không còn là *thân* nữa), tích đức - khi dựa lên lý thuyết nhân quả, nghiệp báo, luân hồi ấy sẽ giúp Phật tử giảm được khổ đau trong cuộc sống, hầu có can đảm để *sống tốt đẹp cho mình và với mọi người trước, sau nữa để sửa soạn lúc chết của mình*.

Tinh thần Phật giáo ấy - bằng bạc nhưng sâu đậm đủ chỉ là phần đạo lý thực tiễn của Phật pháp thời - không những trở thành *"truyền tu"* như trường hợp gia đình tác giả "Does God exist?" và trong hầu hết các gia đình Việt Nam ngày xưa mà còn thấm nhuần vào văn thơ, nghệ thuật, tập tục nghi lễ cổ truyền. Các văn nhân, thi gia, vốn thâm nhiễm tinh thần tam giáo Nho, Phật, Lão, nên trong hầu hết tác phẩm của họ đều có dấu vết tư tưởng Phật giáo cũng như Lão giáo. Về phía người dân, do tinh thần tôn quý trường thọ - một đặc tính của những dân tộc chuyên nông, phụ hệ và thị tộc - ai cũng chuộng lễ nghi, thích cúng bái vì đấy là cung cách, qui tắc được dùng làm khuôn phép trong việc giao tế trong xã hội Việt, phía quảng đại quần chúng. Những nghi thức về quan, hôn, tang, tế, gốc ở Nho giáo, thường được tô điểm thêm bằng những lễ cầu siêu, cầu an, hoặc bằng những lễ trừ tà, yểm qui, có lẽ do tinh thần ấy mà có.

Đấy chính là nét đặt thù của Việt tính sẽ được đem ra bàn ở những đoạn sau.

2c - Nho giáo

Trước tiên, để khỏi dây dưa, lạc lõng, nhằm lẫn trong lục bần về nguyên nguyên minh triết, xin đặt sang một bên những vấn đề huyền sử, lễ nghi, qui tắc v.v... mệnh danh là "nho phong" do các hủ nho áp đặt lên tinh thần người dân sống - bên "Tàu" cũng như bên "Ta", dưới các chế độ quân chủ, phong kiến.

Cũng như trên, trước khi bàn đến đề tài nguyên thâm "Ý niệm Thượng đế trong tư tưởng Nho giáo", xin cùng xem phần chủ yếu của tư tưởng đạo Khổng-Mạnh do vị "vạn thế sư biểu" của người Trung Hoa đàm thuyết ra sao, rồi mới bàn đến ảnh hưởng của đạo Nho trong xã hội nước ta.

Khổng Khứu (551- t.DL đến 479 t.DL) được xem như cùng thời với Thái tử Tất Đạt Đa ở Ấn Độ, Pythagore ở Grèce và Nabuchodonosor ở Mésopotamie. Ông vẫn tự xem như một kẻ học giả, nghiên cứu thi, thư, lễ, nhạc, sử của các thời xưa rồi đem chiết trích những điểm đạo lý hay tốt, đẹp quý cổ truyền ra để truyền bá, đạo đặt lại cho những người có bốn phận trị đạo đương thời.

Mà thời Xuân Thu, Chiến quốc của Khổng Phu Tử lại là một giai đoạn bi đát của lịch sử Trung Hoa cho nên ý nguyện chính lúc còn ở Lỗ cũng như trong thời gian chu du liệt quốc của họ Khổng là nhắc nhở, giảng giải *đường lối xử thế tốt đẹp, cao quý nhất cho mọi người* - tự thiên tử dĩ chí ư thủ dân - để sớm hà xã tắc nói riêng và xã hội con người nói chung được thái bình an lạc. Con người ích quốc lợi dân như vậy sẽ được tôn quý vì được xem như là *bậc hiền nhân quân tử* (mà người đời thường xem là *bậc thánh hiền*).

Cuộc đời của họ được gồm trong những lời tự phê phán của Khổng Khứ: "Ngô, thập hữu ngũ chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi trí thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ nhuần, thất thập nhi tòng tâm sở dục bất dư cù" (*3). Đến 60 tuổi sau khi đã "trí" được cái lẽ trời để sống thân thảo với lý đường nhiên, như vậy có nghĩa là cuộc đời của người học đạo Nho là một hành trình gian khổ xa tấp dẫn đến lúc khám phá ra *mục đích sự hiện hữu của Con Người*.

Có cấu tứ tưởng đạo Nho "bên Tàu" với Khổng, Mạnh và một loạt thánh hiền của họ, được tổ đắp qua nhiều thế hệ trên sự phân biệt cuộc đời Con Người làm hai phần, được hiểu một cách giản dị là hai giai đoạn:

>> *nhập thế* (phần hình nhi hạ) là con đường dẫn vào đạo lý trong xã hội, giúp con người hiểu cách hòa hợp "ngã" và "tha". Người theo đạo Nho phải dùng phương cách nhập thế để tập cho mình giữ, để giúp cho mình thấy cái giá trị và chỗ đứng trong vũ trụ của mình. Giá trị ấy thông thường được gọi là "nhân cách". Điều kiện cần và đủ để có một nhận định vững vàng rõ ràng về nhân cách là nho-già phải biết xử dụng cái *Trí* làm căn bản trong việc học làm người. Nói cách khác, nho-già cần có một trình độ thông minh, cần tự tạo một căn bản hiểu biết tối thiểu để dễ thành tựu việc bồi dưỡng đức *Nhân* tự nhiên của mình, vì có *Trí* chưa đủ. *Trí* phải được soi sáng bằng đức *Nhân*. Vậy *Trí* và *Nhân* là cơ bản trong việc học Nho; nho-già phải có *Trí* và *Nhân* trước đã mới mong tu chính *Lễ*, *Nghĩa* và *Tín* được. Ngũ thường được xem là những đức hạnh cần phải có để hiểu rõ chỗ đứng và vai trò của mình trong xã hội.

Trong xã hội, mối tương giao giữa người và người có thể xây dựng trên định lý đã nêu: ta và người. Cho nên đạo Nho qui những mối tương giao ấy vào trong ba khuôn khổ, được xem là giềng mối để việc xử thế được tốt đẹp: *quân/thần* - *phụ/tử* - *phu/phụ*. Trông thì có vẻ cổ lỗ, đơn giản đấy nhưng những giềng mối ấy - dù cho dưới chế độ cộng sản hiện nay tại "nước Tàu" - cũng vẫn còn được áp dụng một cách chặt chẽ để cho hơn một tỉ người sống chung với nhau khá yên ổn. Đây là một điều để chúng ta suy gẫm. Cũng xin nói thêm là chúng ta không nên quá chú trọng những phần rườm rà trong tứ tưởng Khổng Mạnh thường bị lạm dụng trong các luận thuyết để bào chữa một quan điểm tiện ích cho một trường phái nào đó như tam cương, tam tòng, chính danh, nhân bản, thiện căn, tri hành v.v....

Như trên đã gợi qua, việc thấu đạt giá trị của Con Người đối với người theo đạo Nho là

một công phu cần phải kiên nhẫn, bởi bố suốt đời. Đạo Nho luôn nhắc đến hai chữ *tu thân* là vậy. Mà muốn cho xã hội được tốt, nhân loại được yên, việc tu thân trở thành là việc của mọi người, tự thiên tử dĩ chí ư thủ dân.

>> *xuất thế* (phần hình nhi thượng) là cái ưu thế dành cho nho sĩ nói riêng và người đời nói chung, cho bất cứ ai đã hiểu được cái vui của "người-thấy-lương-tâm-mình-yên-tĩnh". Đúng vậy, không cử gì là hạ hạnh hiền nho, đã thành công trong việc trị quốc, bình thiên hạ mới có dịp, mới có quyền xuất thế, nói nôm na là cầu nhàn. Ngay cả những hàn nho, đến cả hạng nông, công góp phần vào việc hưng thịnh của xã hội, muốn cho cái yên vui khi đã hoàn tất trách nhiệm mỗi ngày của mình được trọn vẹn, bất luận ai cũng có quyền hưởng những giây phút nhàn nhã nghỉ ngơi.

Vì "*cầu nhàn*" thì mỗi tạo được nhàn. Để làm gì? Nhàn là một giai đoạn phải có, là một thời trong lẽ biến dịch trong vũ trụ và con người phải thuận theo. Nhàn là cái tĩnh để sửa soạn cái động kế tiếp. Vậy cái nhàn là tụ điểm của mọi sự việc. Hiểu khác, làm trái đi sẽ bị rơi vào rối loạn và nghịch với lẽ hành thông trong vũ trụ. Câu "*trí nhân, tiện nhân, đãi nhân hà thời nhàn*" của Nguyễn Công Trứ bao hàm và tổng kết những luận thuyết để giải thích cái nhàn, cái trạng thái tâm hồn của vị *đạt-nhân*.

Nhàn còn được hiểu là chung điểm trong cuộc sống; cho nên thế giới nho gia luôn cầu đạt cái thanh thản của tâm hồn, được xem là phần thưởng của những người tự thấy không "hỗ thẹn với lương tâm". Nho gia không phải chờ thời "*đường mây rộng thành thành cử bộ*" rồi mới được dịp "*thành thời lung tú rưỡi bầu*" (NCT). Cầm, kỳ, thi, tửu, trà dư tửu hậu, ngắm cảnh trăng trong gió mát là sự thích thú mình tự dành cho mình sau bất cứ cuộc hành xử việc đời nào.

Tóm lại, cầu nhàn không phải là một nhân tính thông thường và tầm thường. Cầu nhàn trở thành một cửu cánh, là thái độ của nho sĩ muốn trở thành *đạt nhân*. Đạt đến cái nhàn là để thấu hiểu "lẽ trời", là đã tạo dịp để trở về với chính mình, giúp cái "ta" hòa hợp với vũ trụ.

Cầu nhàn? Vì sao? Phần vũ trụ quan, Nho giáo dùng Kinh Dịch để trả lời. Đại để là:

Dựa trên nguyên lý "vạn vật đồng nhất thể" ta có thể giải thích rằng con người cũng là sự vật nên phải thuận theo lẽ biến dịch trong vũ trụ. Trong môi trường vũ trụ vô thủy vô chung (*vãng cổ lai kim vị chi trụ; tử phương thượng hạ vị chi vũ*), sự vật biến chuyển theo lý "*thái cực sinh lưỡng nghi tứ tượng, bát quái và âm dương vận chuyển theo ngũ hành*". Và cái *sinh* ấy cũng theo qui tắc nhất định: *sinh khác, phân sinh phân khác*. Áp dụng vào "sinh-vật-người", những biến dịch ấy trong cuộc sống vật lý và tâm thức của nó cũng có những biến động như vậy.

Ngoài ra, khi ngũ hành được biểu hiện trên cơ thể con người bằng *can, tâm, tỳ, phế, thận, bàng can, mạch, nhục, bì, cốt, bàng mật, lười, miêng, mủ, tai và chiụ định luật sinh, trưởng, hóa, thâu, tàng*, khi loài người

có nam, có nữ, tất có âm có dương, thì phải hiểu là cuộc sống "vật thể" của nó cũng luôn luôn theo lẽ biến dịch mà trôi, hết lên lại xuống, hết xuống lại lên, theo lẽ tự nhiên *cùng tác biến, biến tác thông*.

Hiểu được như vậy, nho gia sẽ nhập thế với nhiều chí thành, khiêm cung và khoáng đạt, để xuất thế trong một trạng thái tinh thần an nhiên, hoan lạc. Tóm tắt được "lẽ trời" giúp cho nho gia "đạt" được cái thiện mỹ của tâm hồn và trong cuộc đời.

Luôn luôn, dù trong lúc luận đàm với các môn đệ hay các vương gia, triết nhân khác, Khổng Khứ tỏ ra quan tâm đến phần đạo lý, xử thế hơn hết, nên trong khuôn khổ chuyên văn hóa này, nên tránh không nói đến những điều quá cao xa có thể làm cho tư tưởng của ông bị sai lạc hay xuyên tạc. Đây cũng là ý nghĩa khiêm nhường và thực tiễn của nguyên tắc suy tưởng mà Ông đặt cho Tử Lộ về nhân-sinh quan của nho sĩ: "*Vị trí sự nhân, yên trí sự qui?*" (*4). Chính vì vậy, khi được hỏi về thần linh, thượng đế, ông tránh né bằng cách căn dặn môn sinh là đối với vấn đề "đạo qui thần" ấy thì nên "*kinh nhi viễn chi*". (Luận-ngũ, VI-20). Chuyên chú học đạo làm người để tìm đến ý nghĩa, giá trị của Con Người trong vũ trụ, đây là triết thuyết nhân bản, thực tiễn giúp cho nho gia tìm thấy thanh thản trong tâm hồn, để đến khi "nhắm mắt xuôi tay" tin rằng mình đã *đạt* đến cái chân, thiện, mỹ của cuộc đời vật thể mà "Ông-Trời" đã ban cho mình.

2d - Đạo-giáo (hay Lão-giáo) Người được xem là thủy-tổ của Đạo-giáo là Lão Tử, tên thật là Lý Nhĩ, tự là Bá Dương, húy Đam. Ông là người cùng thời nhưng được liệt vào hạng tiền bối của Khổng Tử. Luận về tư tưởng của Lão Tử, lại cũng xin khởi bàn "nhàm" đến những chuyện hoang đường, về sự sanh hay sự biến của vị triết gia kỳ bí ở Trung Quốc này. Chỉ xin cùng suy gẫm về những tư tưởng của Lão Tử - và cả Trang Tử, Liệt tử nữa-xem các bậc triết nhân này "nói" thế nào về Thượng đế mà thôi.

Tất cả luận thuyết của Lão Tử được góp lại trong quyển *Đạo Đức Kinh* chỉ gồm có 2 thiên, 81 chương và được năm ngàn lời. Những câu thơ ngắn gọn, "cộc lốc" thêm loại ngôn từ hiểm hóc của Lão Tử dùng - như "đạo khả đạo phi thường đạo"!! - làm cho tư tưởng trong Đạo Đức Kinh trở thành huyền hồ, kỳ bí. Các học giả chỉ ghi nhận vài tư tưởng rất đặc biệt của Ông:

* *Đạo* là nguyên lý của vũ trụ. Con người cần phải ghép mình vào nguyên lý ấy để sống. Đây là cái *Đức* cần phải đạt đến.

* Con người cần hiểu là vật thể, mọi sự đời cũng trở về với hư vô do lý "*hữu sinh ư vô*". Cho nên phải tuyệt đối tránh dùng thiết tha đến bất cứ sự vật nào, gây dùa vào bất cứ chuyện gì ở đời. Ngược lại, muốn cho tâm thức khỏi bị giao động, mở tối, cần phải lánh xa cuộc đời, trở về với thiên nhiên, thôn dã, làm bạn với cỏ cây, non nước. Đây là ý nghĩa thấp hẹ của tôn chỉ "*vô vi*". Thật ra thì *vô vi* là một triết lý xuất thế rất cao, đòi hỏi một trình độ niệm thức rất uyên bác, ngoài khuôn khổ của vấn đề văn học của bài này.

Hợp với kinh Dịch trong ấy có giải thích, theo phương pháp cổ của toán học Á Đông với nhiều hình vẽ kỳ-hà diễn các biến thái của bát quái, rất cận kề nguyên tắc hình thành, biến hóa của vũ trụ, Đạo Đức Kinh trở thành dụng cụ của các đạo sĩ, thuật gia, phù thủy trong cách thức giao lưu với thế giới huyền bí.. Họ biến Lão Tử thành Thái Thượng Lão Quân, rồi những phép tu tiên, luyện trường sanh bất tử được họ chế tạo ra để một mặt tìm cách thỏa mãn ước vọng được sống một cách phóng khoáng tự do một cuộc đời tiêu diêu, ngoài "vòng cương tỏa"; đồng thời, những bùa chú, ấn quyết, những phương thức trừ tà, yếm qui được đem dùng trong việc giúp cho những người dân "ngu dốt"... thoát khỏi những trạng huống thần bí hiểm nghèo như quỷ ám, ma bắt, chứng bệnh nan y v.v... Đây là những sai lầm mà một số tín đồ của bất cứ tôn giáo cũng thường rơi vào. Huống nữa Lão giáo nguyên chất của nó chỉ là một triết thuyết, tưởng không nên hiểu rằng Lão giáo là nguyên nhân của mê tín dị đoan ở nước ta.

Trở về với nghi vấn "hiện hữu của Thượng đế", nếu đem hỏi thẳng với Lão Tử chắc Ông cũng không màng trả lời vì những lẽ nêu trên. Có điều chắc chắn là Ông muốn đứng ngoài, đứng trên sự đời nên đã từ quan, ra đi biệt tích để khỏi "lý" đến việc đời theo tôn chỉ vô vi chủ không phải vì "chấn đời", vì đối với Ông, tất cả đều chỉ là hư ảo, phi nghĩa.

3 - Kết luận :

Giữ một cái nhìn đúng đắn đối với tôn chỉ của Tam giáo nói trên, ta có thể kết luận:

* Mặc dù có những ý niệm riêng biệt về Tạo hóa, các vị hiền triết của các tôn giáo Phật, Nho, Lão không chú trọng việc "tạo" một danh xưng cho cái quyền uy hành khiến vũ trụ. Quyền uy ấy nằm trong cái vô biên, vô minh tiềm tàng trong mỗi hình thái của sự vật, huyền diệu trong mọi biểu hiện của sự sống. Sống vì vậy chỉ là một giai đoạn của biến dịch, vật thể được ký gửi vào một hình thái. Còn chết là một nhận định khách quan của Con Người để nói đến sự biến dịch sang hình thái khác. Cho nên, vấn đề không phải là Thượng đế tên gì mà là Tạo hóa có phải là Thượng đế không.

Tưởng cũng nên nhận xét là với lối nhận định như trên về Quyền uy của Tạo hóa - của Ông Trời!! - Phật giáo tuy chia làm nhiều phái, nhiều hệ, Nho giáo tuy phân làm hàng chục trường phái, Lão giáo qui tụ nhiều loại triết nhân nhưng không có tôn giáo nào trong Phật, Nho, Lão bị sa vào những cuộc tranh luận gay gắt, dẫn đến những cuộc chiến tranh tàn khốc, nhân danh chân lý, nhân danh Thượng đế. Trong khi ấy thì do chủ trương "chứng minh chân lý của mình!, xem Ai là Thượng đế, Ki-tô giáo (*christianisme*), Hồi giáo (*Islam*), Do Thái giáo (*Judaisme*) đã phải gặp nhiều cảnh tượng tàn thảm khốc dù cùng tôn quí một loại Thánh Kinh (Bible và Ecritures). Tam giáo độc thần này, trong khuôn khổ nghiên cứu Thánh Kinh và chính danh cho Thượng đế đã phân hóa thành

hàng chục giáo phái, luôn bài bác nhau. (Xem *L'Humanité à la recherche de Dieu*). Theo nhận xét thiên cận của tôi, giá Thượng đế không mang "tên" là YHWH, Allah, rồi Jesus Christ, Mohamed v.v... thì có lẽ không có vấn đề Tam vị nhất thể (trinité) hay cả nơi sinh, ngày chết của các vị thánh linh.

* Nói riêng về quyền uy của Tạo hóa - hay của Thượng đế nếu ta chấp nhận định nghĩa tạm thời ở trang 4 -, điều này đã được chứng minh khắp nơi. Không phải dẫn nhiều tác giả, triết gia, bác học để xác nhận việc dùng danh từ Thượng đế, tôi xin đưa ra hai nhận định của hai nhà thông thái cận kim ở Âu Châu đã nói về tín ngưỡng và lý trí.

>> Theo Giáo sư sinh vật học *J.M. Pelt*, khoa học cận kim đã dẫn đến sự hòa giải Pascal với Descartes, cũng như thánh François d'Assise với thánh Thomas d'Aquin, những hiền triết biểu tượng cho sự đối nghịch giữa tín ngưỡng và lý trí. Nói cách khác, không còn sự hoài nghi "*Có Thượng đế không*" nữa. Vì những khám phá mới nhất về vật lý học giúp cho cả "hai mặt trận (camp)" (dùng từ của ông Trần) đồng ý một điều: là Vũ trụ vật thể phát sinh bằng *ánh sáng* của Đại bùng khởi (Big Bang *5) cũng như trong Thánh Kinh có dẫn: "*Fiat lux*".

Nói như vậy để thỏa thuận về một câu hỏi khác nên đặt ra thì hơn: "*Chết là gì?*" để trở về với nhận xét tiên khởi của bài này: sở dĩ có ý niệm Thượng đế và *Sinh vật Người không hiểu chết thì sẽ đi về đâu?*

>> theo triết gia và thần học gia *Louis Guilton*, việc tin vào sự hiện hữu của Thượng đế là một *sự chọn lựa của cá nhân*. Người có lòng tin ấy - căn bản của tín ngưỡng - thấy lòng mình bình thản hơn vì đã dứt trừ được nghi hoặc. Cũng nên nói thêm là sự chọn lựa ấy, nếu được hiểu như một thiên tính, sẽ có một phần liên quan đến *thiên kiến tiền định* nữa.

Vậy, để trả lời dứt khoát nghi vấn của học giả họ Trần đề ra, tôi xin nhắc lại quan niệm của tôi về vấn đề này: Thượng đế có hay không, đây là một vấn đề tâm linh của mỗi cá nhân trong việc kiểm tìm triết lý sống của mình. Tam giáo Phật, Nho, Lão có xác nhận hay không sự hiện diện của Thượng đế tưởng cũng không nên "vô vào" sự tìm kiếm Chân Lý làm gì.

II. TAM GIÁO VÀ VIỆT TÍNH

Trước khi luận về ảnh hưởng của Tam giáo Phật, Nho, Lão ở nước ta, hãy cùng nhau nhìn kỹ sự du nhập và bành trướng của từng tôn giáo trước.

Trên dòng lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc Việt - xin để sang bên những luận thuyết còn hàm hồ về độ dài ngắn của nó - văn hóa nước ta có sẵn từ thời huyền sử. Khi còn lẫn với dân tộc miền núi, người Việt đất Phong Châu, Giao Châu đã có phong tục, văn hóa, văn chương dân gian biệt lập rồi.

Phải chờ đến hơn một trăm năm sau khi xâm chiếm đất Việt, từ năm 43 Tây lịch, các Thái thú Tàu như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp mới áp đặt được văn hóa của họ lên

đất nước ta. Và từ đó mới có ảnh hưởng của Nho, Lão.

Vậy, các đạo Phật, Lão bành trướng ở nước ta và chiều sâu, bề rộng của sự bành trướng ấy như thế nào? Chúng ta hãy xét qua hai mặt sau đây:

* Tôn giáo nào vào nước ta trước? Ảnh hưởng như thế nào?

* Dấu vết của Phật, Nho, Lão trong văn hóa Việt Nam và Việt tính.

1) Sự du nhập các tôn giáo

1a - Trong khi nước ta bị Tàu đô hộ, nhờ chính sách khai trí của Sĩ Nhiếp, Nhâm Diên, nhiều người nước ngoài vào di trú đến nước ta. Trong ấy có:

- *Vinitarucci*, người Thiên Trúc (Ấn Độ) năm 580 TL dựng chùa Pháp Vân để tu ở Bắc Ninh. Tu theo Thiên Tông với vị sư này có những vị có đạo hạnh nổi tiếng như: Phổ Hiền, Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Tử Vạn Hạnh.

- thấy có nhiều thuận tiện, nhiều vị sự Trung Hoa cũng sang nước ta lánh nạn và dựng chùa tu tập: *Vô Ngôn Thông* (năm 820) lập chùa Kiến Sơ ở Bắc Ninh và *Tháo Đường* (năm 1069) có sư Ngô Chân Lưu và nhiều vua Lý, Trần đến thụ giáo.

Dưới các triều đại Đinh, Tiền-Lê, Lý, Trần (968-1428) mặc dù ta đã giành lại quyền độc lập, tự trị, ảnh hưởng Phật giáo vẫn rất mạnh. Phật giáo được xem gần như là quốc giáo.

1b - Từ đời Hậu-Lê, *Nho giáo* càng ngày càng phồn thịnh, lấn áp Phật giáo. Từ đấy, những vị cao tăng đắc đạo trở thành hiếm thấy và những tầng ni xuất gia tu hành không có người hưởng dẫn đạo pháp chuyên chính nữa nên đạo Phật bị suy đồi.

Nho giáo, trái lại, được đem áp dụng trong việc trị dân và lễ giáo ở nước ta. Một lớp nho sĩ hiền đạt tìm cách tạo cho mình một địa vị ưu thắng trong xã hội Việt mỗi ngày mỗi trở thành phong kiến. Xã hội Việt Nam rập khuôn xã hội Tàu, chia làm bốn giai cấp: sĩ, nông, công, thương. Từ đấy mới có tinh thần trọng văn, miệt võ, ức thương (*tuốc hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt và thương giả mạt dã!!*).

1c - Bên cạnh Phật, Nho, có Lão giáo được nho gia tán thưởng bởi tư tưởng Lão, Trang đượm nhiều tiêu diêu phóng khoáng, hợp với cứu cánh xuất thế, cần nhàn của hạng đạt nhân.

Dân Việt, vốn mộ đạo, tin thánh thần, trọng tín ngưỡng, nên cũng chấp nhận dễ dàng sự hiện diện của các tôn giáo khác nữa như Bà La Môn, Hồi và sau này, từ thế kỷ 16, Ki-tô, Tin Lành, Cao Đài hay Hòa Hảo v.v... Những chuyện binh tây, sát tà dưới triều Nguyễn và tranh đấu của Phật giáo dưới thời Ngô Đình Diệm là những vọng động chính trị không được toàn dân Việt tán thưởng.

2) Ảnh hưởng của Phật, Nho, Lão :

2a - Đạo Phật, đạo Lão, như trên đã nói, trước khi là tôn giáo, vốn là một triết thuyết. Đạo Phật đem lại cho quảng đại quần chúng dân Việt một lối giải thích về những kỳ bí bất công của cuộc đời và sự đời bằng luật nhân quả, nghiệp báo. Cũng làm người ngoại nổi hải hùng trước cái chết bằng lý thuyết luân hồi, niết bàn. Về phần Nho giáo, trong những kỳ cuồng, phong cách được đem áp đặt lên tinh thần dân Việt, chỉ còn lại phần hợp lý, tiện ích cho sự tiến hóa của dân tộc mới được xem là "tinh hoa" để đi vào tập quán, phong tục. *Cái tinh hoa đó là phần tôn kính bậc trưởng thượng, đáng tiền nhân và đạo lý làm người.*

Văn hoá Việt Nam không phải được hình thành nhờ hơn mười thế kỷ bị Tàu đô hộ; dân tộc Việt Nam cũng không phải chỉ có ý niệm quốc gia sau những lần chiến thắng xâm lược đến từ miền Bắc. Dân tộc Việt - nói như vậy cho gọn và để tránh những luận thuyết về việc truy nguyên nguồn gốc của ta - đã có sẵn một nền văn minh cá biệt, một truyền thống vững chắc từ trước khi bị người Tàu đô hộ (thế kỷ 2 trước công nguyên đến t.k.8 sau c.n.).

Không nhắc lại thời huyền sử Văn Lang, Âu Lạc, chỉ cần biết là từ Lý Bôn (thế kỷ 6) cho đến các triều đại độc lập Lý, Trần, Lê, trong việc chinh chiến việc cai quản đất nước, trị dân phù thế, các vị vua luôn luôn chăm lo bảo trì, bồi đắp cá tính dân tộc cổ truyền của ta. Không phải đi sâu vào những vấn đề lịch sử, chính trị, luật pháp hay xã hội, phong tục rất nhiều khe, chúng tôi chỉ nêu lên sau đây những gì là đặc thù và biệt lập của văn hóa Việt. Do đấy sẽ làm sáng tỏ *ưu điểm của Việt* lịch đã giúp cho các đạo giáo được chan hòa vào văn minh Việt và làm trọn, làm đúng vai trò chân như của mình: vạch con đường đạo đức để con người sống an nhiên và chết thanh thản.

1) về ngôn ngữ :

Không ai phủ nhận hậu quả của mười thế kỷ đô hộ của Tàu, với những sắp đặt khôn khéo của Sĩ Nhiếp: ngôn ngữ, văn học và luôn cả phong tục, tập quán, hành chính của ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của Trung Hoa. Hai phần ba từ-ngữ thông dụng và văn chương của ta là chữ Hán-Việt. Nhưng phần ba còn lại là gốc, là hay, là đẹp của tiếng Việt. Không phải là lộn ngôn đầu. Xin dẫn vài thí dụ:

* để *xúng hổ* trong giao tế xã hội, gia đình, chúng ta không dùng vài từ đơn giản *ngộ, ni, y, á*, để chỉ ngôi thứ nhất, thứ nhì, thứ ba. Chúng ta có cả một hệ thống hoàn chỉnh, tế nhị để dùng trong việc xúng hổ giúp cho việc "chính danh, định phận", nghĩa là tự xác định trách nhiệm của "ta" đối với "người", vì dân Việt ta là vốn trọng trật tự, hòa nhã. Dân tộc ta vững mạnh, trường tồn mãi là nhờ tinh thần trách nhiệm tiềm tàng trong mọi hành xử việc đời ấy. Nói chuyện với cha mẹ, vợ con, với anh, chị, em, ngôi thứ nhất phải định rõ vị thứ của mình để cả đôi bên đi vào khuôn phép, thiết lập mẫu mực cho cuộc đời thoải được hữu ích, xây dựng. Chủ không như với trường hợp của "tiếng Tàu" và rất

hiều ngôn ngữ khác trên thế giới. Chỉ những người không thông thạo, không biết tôn quý tiếng Việt mới chê nó là rườm rà, phong kiến. Nên cố gắng hiểu là, một phần nào đó, loại ngôn ngữ "chính danh, định phận" ấy đã giúp cho nước ta có một phong tục và hôn nhân rất "đạo đức và khoa học"; nói rõ hơn là: dân tộc ta, không lúc nào cũng "mày tao chi tớ" và hôn nhân giữa anh chị em chú bác hay bà con cô cậu bị tuyệt đối cấm từ đời Trần. Các vị phụ đạo thời ấy đã nghĩ đến việc làm cho dân tộc ta cường tráng bằng cách ngăn chặn nạn "khủng hoảng mầm sinh" (distorsions génétiques).

Xin dẫn cử thêm vài ví dụ về tính ưu việt của tiếng Việt "thuần túy":

Người dân Việt chuyên về nông thôn nên có đủ hơn các nước khác từ ngữ để nói đến sinh hoạt hằng ngày. Để nói đến động tác đời một "vật", ta có những chữ chính xác sau đây để dùng cho thích hợp: mang, xách, vác, rinh, bê, ôm, ẵm, bế, đeo, choàng, v.v...

Động tác "ăn" cũng rất hoàn chỉnh để nói lên cái thích thú nhân tính này: gặm, nhấm, mồm, khò, cạp, và, húp, lua, chang, gắp, vè, xấn, v.v...

* để diễn tả ý tứ, tâm tình tế nhị và sâu sắc, chúng ta thủ nhỏ lại những từ gì người đàn ông phải dùng để "chính danh" đối người đàn bà. Thật là đẹp, thật là hay khi lúc ban sơ còn gọi nàng *là cô, là chị, là bà*, để sau một quá trình ướm đắp bằng những rung động thiết tha mới được sung sướng thốt lên chữ "em" hằng ao ước. Ngược lại cũng vậy. Phải xây đắp trên biết bao nhiêu là dè dặt, là xao xuyến, băn khoăn, nhiều khi nóng, trách hôn nũa, người đàn bà Việt Nam mới hân hoan quyết định đổi từ "*ông*" để gọi chàng với tiếng "*anh*" hằng mơ ước.

* tiện đây cũng xin nhắc nhủ các bạn nhiệm tây học là văn phạm Việt không nên rập khuôn với văn phạm các ngôn ngữ Tây Âu. Văn phạm ta được xây dựng trên cấu trúc của từ tưởng nên được gọi là văn phạm cơ cấu (grammaire structurale). Ví dụ về loại từ chẳng hạn. Tiếng Việt có một lối dùng loại từ lẫn với mạo từ không thế nào "ghép" vào lối phân biệt hai ngữ-loại theo văn phạm định chức (grammaire fonctionnelle) Pháp, Anh, Đức, La tinh. Ta nói: *cái bàn, cái ghế, con người, thẳng ăn cắp, chiếc giày, đôi dép*, nhưng còn nói: *bàn ăn, bàn làm việc, bàn là... người thợ, người ngợm, cái con người ấy, cái thẳng ấy... một chiếc, hai chiếc, chiếc xe, đơn chiếc... v.v...*

Tính khiêm cung của người dân Việt không cử gì nơi giai cấp nọ gia mới thấy được. Người dân Việt định rõ phép tắc với nguyên tắc "*gọi dạ bảo vâng*". Đào lộn nguyên tắc ấy đã là mất Việt tính của mình rồi. "Dạ, dạ" luôn mồm đối với người đối thoại có khi là một thái độ thờ ơ khiếm lễ. Trái lại cũng vậy. Nghe người trên gọi phải dạ, người ngang hàng thì ới, chủ không bạ lúc nào cũng vâng dưng.

Trong cái lễ phép của người mình có rất nhiều sâu sắc và nề trọng hơn người Trung Hoa. Điều ấy có thể thấy rõ khi so sánh hai câu đầu mỗi chót lưỡi của hai dân tộc:

Một bên thì nói một cách cao xa, làm cho mất phần thực dụng: *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã*

Một bên thì rất đôn sơ, mộc mạc nhưng rõ ràng mà lại đầy đủ nghĩa cần trọng, khiêm cung: *Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe*. Phải thưa thốt để góp ý của mình và nên giữ bề ngu dốt để nghe người dạy bảo. Thật là bao hàm đủ các đức của dân tộc tinh nước ta!!

Trở về với vấn đề ngôn ngữ, tiếng Việt có chịu ảnh hưởng Tam giáo; xin đưa vài ví dụ nhỏ, thường. Trong cách hành xử việc đời, ta thường nghe nói: *tiền oan nghiệp chướng, ăn chay niệm Phật, khẩu Phật tâm xà, ăn chay nắm đất, ăn cơm nhà Phật đốt râu thầy chùa... ăn trên ngồi trước, ăn trông nồi ngồi trông hướng...* Nói như vậy để thấy rõ rằng ngôn ngữ Việt không bao gồm là ngôn ngữ "gốc Tàu" và từ tưởng của ta không hoàn toàn rập khuôn theo "Tàu".

2) về *thi văn*: Nói đến ngôn ngữ tất phải bàn về thi văn của ta. Trong khi Khổng Tử dùng Kinh Thi làm mẫu mực cho văn chương, lễ nhạc Trung Hoa thì văn chương dân gian của ta, dù không được ai bồi đắp, cũng vẫn giữ cá tính của nó.

Thử so sánh mấy bài sau đây thì rõ:

Nói về nỗi tiếc thương (chuyện Đái-Vĩ, Trang-Không và Vệ Trang-Công) trong Kinh Thi, chương Bội Phong 3, mục Yến Yến, ta đọc:

Yến yến vu phi

Há thưởng kỳ âm

Chi tử vu qui

Viễn tống vu nam

Chiêm vọng phát cập

Thực lao ngã tâm.

(Vật đi con én bay nhanh

Khí cao khi thấp âm thanh dịu dàng.

Đã về ở mãi chẳng sang,

Ăn cần tưởng biệt tiễn nàng về nam.

Trông theo chẳng kịp hơi tâm

Thực lòng ta đã thấm dần khổ đau).

Tạ Quang Phát dịch nôm

Cùng một tâm tình ấy trong ca dao của ta có những lời mộc mạc và chan chứa ân tình hơn:

Công anh đắp nắm trồng chanh

Chẳng được ăn quả vin cành cho cam.

Xin đừng ra bắc dạ nam

Nhất nhật bất kiến như tam thu hề!

Hướng tam thu như bất kiến hề

Đường kia nổi nọ như chia mối sầu...

Để xúng tụng giá trị thi ca dân gian, tôi xin chép ra đây một dân ca Nghệ An còn nhiều dân tộc tính về vần điệu (hát ví), cũng như về âm hưởng:

Nàng ơi!

Một thời thề không duyên thì rồi

Hai lời thề không vợ thì chồng

Ba lời thề cách núi ngàn sông

Em nhớ theo anh cho trọn đạo

kéo luống công anh đợi chờ.

Anh ra đi đá mềm chân cứng
 Em ở nhà hây vũng như đồng
 Dù gió bắc mùa đông
 Em xe trò chiếu lại
 Con thuyền dạo ngái
 Vũng tay lái đồng tâm
 Cho tình nghĩa ngàn năm
 Trọn đời ước nguyện.
 Ta thường nhau bằng trời bằng biển
 Anh xa em như bến xa thuyền
 Dù bá ngả trùng nghiêng
 Anh một lòng đợi bạn
 Tình sâu nghĩa nặng
 Dù đá nát vàng phai
 Lời thề chẳng đốn sai
 Một lòng anh cử đội

Khỏi phải nói nhiều, ta thấy ngay văn chương dân gian nếu có chịu một ít ảnh hưởng Nho giáo, cũng vẫn *giữ trọn tính chất cổ truyền thuần túy*. Bên cạnh nó, xin nhắc lại là các triều đại độc lập của ta (Lý, Trần, Lê, kể cả nhà Hồ) đều có công gìn giữ tính cá biệt của dân tộc trên mọi phương diện. Ngoài việc "chế tạo" *chữ nôm* để khỏi dùng chữ Hán làm chuyển-vận-ngữ (langage-véhicule), việc học chữ Nho cũng được Việt hóa. Đây là công trình văn học của bộ sách ngữ vựng *Nhất thiên tự, Tam thiên tự, Ngũ thiên tự, Sơ học vấn bản, Ấu học ngũ ngôn thi*. Nhờ thể thơ lục bát được chọn viết nên ảnh hưởng Nho giáo lan tràn tới hạng bình dân chuộng văn, hiếu học. Những câu: *Thiên trời, địa đất, vân mây; vũ mùa, phong gió, trú ngày, dạ đêm* mở đầu cho sự nhập tâm những nguyên tắc đạo lý trong việc ăn ở với người đời: "*tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác*" hay "*vi thiện giả thiên báo chi dĩ phúc, vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa*". Trong tục ngữ của ta, do đấy, mới có những câu: "Ồ hiền gặp lành", "trời cao có mắt" chẳng hạn. Cái "thiên lý, thiên mệnh" mới hiện diện trong cái học nhà nho cũng là cái "ông trời" cũng được dùng để đánh giá con người: đây là một *nét đặc thù của con người Việt cổ truyền quen sống với những ân oán của thiên nhiên màu nhiệm*.

Trên nguyên tắc ấy bộ "*Gia Huấn Ca*" của Nguyễn Trãi được viết để thay cho "*Minh Đạo Gia Huấn*". Rồi tiếp theo sau, trong khuôn khổ Việt hoá Nho giáo để tạo ra nét cá biệt cho văn hóa và xây dựng độc lập cho đất nước trên mọi phương diện, Lê Quý Đôn viết "*Văn Đai Loại Ngữ, Kiến Văn Tiểu Lục*" để Việt hóa Nho học và soạn ra những bài kinh nghĩa "*Mây về nhà chồng phải kính phải rần chó trái lời chồng*", văn sách "*Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen*" bằng chữ nôm cũng không ngoài dụng ý ấy.

Nói đến đây, chúng ta cũng đừng quên là Hán học luôn luôn được Việt hoá. Các thể thi, văn của Tàu đã được các tiến sĩ tiền nhân "cài cách" và có khi đưa thẳng vào thi cử. Nhìn chung, chúng ta thấy:

- phía Tàu, có cổ-phong-thi, đường thi, phú, đối, biến ngẫu v.v...

- phía ta có: thể *truyện* viết bằng lục bát, thể *ngâm* viết bằng song thất lục bát và trong dân gian, nhờ ngôn ngữ thất âm của ta nên người dân Việt *hát dặm, hát ví, hát về* thường theo thể "bốn chữ" nhịp nhàng, hồn nhiên. Các loại khác như *ca Huế, hát bộ, hát nói, ca trù v.v...* do "các cụ xưa" đặt ra để "huống nhàn".

Mở ngoặc ở đây: Khi chữ Việt được các giáo sĩ Ki-Tô giáo và có chân trong phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, tôi mong rằng tinh thần nghiệm xét phong tục cổ truyền của ta cũng nên có tính cách khách quan, khiêm cung như của cụ Phan: "*... trước hết phải xét điều gì quá tệ mà bỏ bớt đi, rồi lâu lâu mới đem các tục hay mà bổ kết cho các tục dở. Còn tục gì hay mà là quốc túy của ta thì cứ giữ lấy... Song muốn biết tục nào hay tục nào dở thì lại phải xét từ cái gốc tích cái tục dở*".

3) về *phong tục, tập quán*: Nếu phân tích từng phong tục tập quán riêng để chứng minh Việt tính thì khuôn khổ bài này không cho phép. Tôi xin nêu ra đây vài nhận xét làm căn bản cho việc chứng minh ấy mà thôi.

Dẫn lời của Phan Kế Bính, một vị túc nho am tường Tây học và có chân trong phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, tôi mong rằng tinh thần nghiệm xét phong tục cổ truyền của ta cũng nên có tính cách khách quan, khiêm cung như của cụ Phan: "*... trước hết phải xét điều gì quá tệ mà bỏ bớt đi, rồi lâu lâu mới đem các tục hay mà bổ kết cho các tục dở. Còn tục gì hay mà là quốc túy của ta thì cứ giữ lấy... Song muốn biết tục nào hay tục nào dở thì lại phải xét từ cái gốc tích cái tục dở*".

Vậy tinh thần nghiệm cứu được dùng sau đây cũng đặt trên nguyên tắc ấy để nhận định xem dân Việt "cũng bắt chước Tàu làm nhiều trò mê tín dị đoan" hay không và Việt tính nổi bật như thế nào.

Nhìn chung, có hai loại phong tục tập quán: loại có từ thời cổ sơ của dân ta và loại được áp đặt bởi chính quyền đô hộ hoặc từ nước ngoài du nhập.

* loại thứ nhất có nhiều tính chất hồn nhiên và tiện ích như nhuộm răng, mặc váy, chít khăn, ăn trầu, tế lễ ở làng họ, dựng am đền, để thờ cúng các thiên thần, nhân thần, tế lễ ở làng họ, đều có nét hay đẹp của nó. Dân Việt, từ thời cổ sơ, vẫn tôn trọng tiền nhân, tế thờ người chết. Làng, xóm, bản, buôn, thành, chợ và gia đình nào cũng có nơi thờ tự. Đình làng, nhà thờ họ, am, miếu, đền đài, điện tẩm v.v... là những nơi mà người dân Việt tụ lại vào những dịp định kỳ để tổ chức tế lễ, biểu lộ lòng nhớ ơn những tiền nhân đã có công gây dựng cơ nghiệp cho mình. Những cuộc tế lễ ấy càng ngày càng rườm rà, càng "trọng thể" vì các nho sĩ thuộc hàng khoa giáp trong làng bày thêm nghi lễ, cốt để hoẵng dưỡng Nho giáo. Cái dở xấu của nó là tạo cho dân Việt thói trọng hủ danh, óc ản trên ngồi trước, chiếu trên chiếu dưới rất nghịch với tinh thần cổ truyền thuần túy. Tuy vậy, tưởng cũng không đến nỗi độc

hại bằng tinh thần vô thần, phi gia đình, phản dân tộc chủ trương xóa bỏ lễ lối cũ, mọi tín ngưỡng xưa để chạy theo những tín ngưỡng, chủ nghĩa phi nhân bản.

Những lễ tiết (Tết) khác đối với dân Việt chuyên nông là những dịp cho nông phu, dân gian vui đùa, mừng ngày được mùa hay tỏ lòng biết ơn "Trời Phật" đã đem lại cho mình cơm no áo ấm. Tết *Nguyễn Đán* được mọi người trân trọng không phải để tưởng nhớ Thần Trà, Khuất Lũy của Tàu, Tết *Trung Thu* để cho con cháu, trẻ em "đốt đèn đi chơi", dù được các nhà trường già, hiền nho dùng làm dịp khoe nhiều cỗ bàn, bánh trái, tiến sĩ giấy những không phải để bắt chước "Đường Minh Hoàng Du Nguyệt Điện". Ngày *Thanh Minh* đối với dân ta chỉ là ngày tảo mộ; rất hiếm khi người dân mong gặp được mỗi tinh lãng mạn oái oăm Kim Kiều vào dịp đi chăm sóc mồ mà ông cha này. Tết *Trung Nguyên*, rằm tháng bảy, đối với đại đa số người dân nhiệm đạo Phật, được hiểu là ngày xá tội vong nhân hay về sau này, theo gương Mục Kiền Liên, trở thành "ngày tưởng nhớ Mẹ Hiền" (fête des Mères của Âu Mỹ). Cũng nên phân biệt với Tết *Hàn Thực, Đoàn Ngộ, Trùng Cửu, Trùng Thập v.v...* chỉ được các gia đình Nho giáo theo đòi tổ chức mà thôi. Và kể cả trong các gia đình ấy, mấy ai đã hiểu gốc tích ý nghĩa của những ngày tết ấy!!

Việc thờ cúng trong các nơi công cộng cũng vậy. Dân chúng luôn luôn làm theo ý mình. Mặc dù được xem là quốc giáo dưới các triều Lý, Trần, các chùa chiền thường thờ chủ Phật Thích Ca, Di Lặc chung với Bụt ố, Mục Thiện, Thập Điện La Hán, Ngọc Hoàng Thượng Đế với Nam Tào, Bắc Đẩu, Phật Bà Quan Âm luôn luôn có Kim Đồng Ngọc nữ theo hầu. Cũng như trong các đình làng, ngoài sự tôn thờ Thần Hoàng là vị khai sáng làng tộc ta còn thấy đủ mặt các thiên thần Danh Sơn, Đại Xuyên, Sư Đồng Tử, Liễu Hạnh Công Chúa v.v... và các nhân thần như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo.

Ngoài các truyện tích *Trầu Cau, Sơn Tinh, Thủy Tinh* chẳng hạn là những huyền thoại có liên quan đến những tục lệ cổ truyền. Ngày nay nếu không còn ai ăn trầu nữa, cũng không nên vì vậy mà xem các truyện xưa tích cổ là hoang đường hoặc cho là hủ lậu, mê tín dị đoan được!!

* loại thứ nhì, do "phép vua" nhưng cũng "thua lệ làng" vì sức mạnh của tập quán dân gian thường lấn át những luật lệ do "chính quyền" áp đặt. Tinh thần dân tộc, bảo vệ Việt tính là một bản năng tự vệ của người dân Việt. Để đối phó với bạo lực, người Việt từ thôn quê đến thành thị, thường dùng khí giới sắc bén hữu hiệu nhất là chàm biếm:

Trước một lệnh vua rất "dở hơi" làm đảo lộn tập quán cổ truyền, người dân la hoàng bằng những câu:

*Chiếu vua Minh Mạng ban ra
 Cấm quần không đậy người ta hải hùng.
 Không đi thi chợ không đồng
 Đi thi bóc lột quần chồng sao dang.*

Sau ngày chính quyền cộng sản nắm quyền cai trị, người dân Việt phản đối bằng nhiều cách vì những chương trình cải tổ thiếu dân tộc tính và không hợp lý chỉ gây khổ cho dân. Không kể vô số những câu vè, hát ví, câu đố được đặt ra để chế giễu một chính quyền phân dân hại nước, ngay từ những ngày đầu sau khi cướp được chính quyền miền Nam, bốn chữ X.H.C.N. bị bêu riếu, xuyên tạc như: Xướng Hàng Chó Ngựa, Xếp Hàng Cà Ngày v.v...

III - TÍN NGƯỠNG VÀ CHÂN LÝ

Loài người đang trải qua một giao đoạn thử thách tâm linh rất đen tối. Bên cạnh hiểm họa SIDA ập lên cả một thế hệ, còn có những phong trào diệt chủng ở Rwanda, Bosnie, những cuộc tửng tàn ở Algérie, Palestine, Israel, Tchetchénie, thiết tưởng nghi vấn "Có Thượng Đế Không" được đặt ra không phải không nhằm lúc. Nhân loại có phải đang đi vào con đường tự hủy diệt chẳng? Hay Thượng đế muốn ban xuống Cối Phàm lời răn dạy Loài Người nên nghĩ cách để tự cứu rỗi chẳng?

Nếu mục đích của học giả họ Trần là nhắc cho chúng ta nên tin rằng Có Thượng Đế thì mỹ ý ấy rất đáng được hoan nghênh. Nhưng nếu dùng nghi vấn ấy để bài bác tín ngưỡng cổ truyền của ta thì, thảng thẩn mà nói, đấy là một điều tác hại đáng phiến. Người Việt ta là một dân tộc trọng Đạo Lý, tôn thờ Thần quyền, sùng bái Thượng đế dưới hình thức đa thần. Không phải vì vậy mà xếp dân tộc ta vào loại vô thần, chỉ biết tôn thờ lãnh tụ và chủ nghĩa được.

Còn lẫn lộn vấn đề tin vào sự hiện hữu của Thượng đế với Chân lý của Đời Người là một lối "vô vào" nên tránh. Tôi xin chép ra đây những tư tưởng của những vị hiền triết Âu Mỹ để gọi là "góp ý" với ông Trần:

* Đáp câu hỏi của một nữ học viên Viện Phúc Âm ở Lourdes (Pháp), đức Giám mục Duval nói: "Tất cả các tôn giáo đều tìm kiếm Hòa bình. Sáng nay, trong lúc gặp gỡ nhau, chúng tôi vừa khẳng định là tất cả chúng tôi đều tìm kiếm hòa bình, hòa bình trong con tim của mọi người... Chúng tôi nghĩ là hòa bình có thể tăng trưởng được khi các tôn giáo tìm đến với nhau để đồng tình tôn quý nhau hầu tạo dựng phúc đức chung". (*6)

Đúng vậy, Chân lý là tìm thấy được hòa bình trong con tim của mình chứ không phải chạy theo một sự Đồng ý của một số người. Có rất nhiều tự do trong lối định nghĩa Chân lý như vậy.

Có lẽ vì vậy mà Oscar Wilde mới viết: "Không phải vì có người chết cho một chuyện gì cho nên đấy là chân lý" (*7)

Và John Stuart Mill cũng vậy: "Câu ngạn ngữ nói rằng Chân lý luôn luôn thắng Áp bức là một trong những huyền tượng bị thực tế chối bở". (*8)

Mạnh Bích
Paris, 07-96

Chú giải:

*1. Thiện của tâm là trí thức Thượng đế; Đức của tâm là nhận thức Thượng đế.

*2. Le bouddha primordial, appelé aussi Bouddha Samanthaibhadra se définit comme étant la réalité ultime, la sphère du Dharmakaya - espace de vacuité - où tous les phénomènes, purs ou impurs, sont dissous. Soustras ou tantras enseignent ces explications. .. La tradition tantrique explique de façon unique le Dharmakaya en termes de claire lumière innée, la nature essentielle de l'esprit; ce qui tend à dire que tous les phénomènes, *samsara et nirvâna*, se manifestent à partir de *source chaire et lumineuse*.

*3. Tôi, lúc 15 tuổi chỉ hướng vào việc học, ba mươi tuổi chỉ đã vững; Lúc 40 tuổi, hết nghi hoặc; 50 tuổi, biết mệnh trời; 60 tuổi, nghe thuận với lẽ trời; 70 tuổi, theo lòng mong muốn mà không ra ngoài đạo lý.

*4. Chưa biết cách ăn ở với người, nói chỉ đến việc xử xử với qui thần.

*5. L'astro physique propose le modèle d'un Univers en expansion à partir d'un Big Bang primiiif. Au tout début de l'Univers, le premier état compréhensible de monde est le vide. Pour la physique quantique, ce vide n'est ni un espace, ni le néant mais un vide comprenant des particules virtuelles, si éphémères qu'on ne peut les discerner; vide qui s'est transformée en lumière sous l'effet du Big Bang, correspondant à un changement d'état: c'est cette lumière qui a donné à son tour naissance à la matière et à son double, antagoniste et annihilateur, l'antimatière.

A son début, l'Univers est comme une boule feu: d'où son agsence de transparence; personne n'a jamais vu l'intérieur du Soleil! Ce n'est qu'après un million d'année que l'Univers est devenu transparent donc observable; ce qui est déjà tard..." C'est du moins l'hypothèse du big bang telle que se la représente la majorité des astrophysiciens, sans pour autant faire l'unanimité des scientifiques. Les moins qu'on puisse dire de cette théorie du big bang donnant naissance à l'inivers, c'est qu'elle ressemble beaucoup au récit que fait la Bible. Souvenez-vous: "Fiat lux" (Que la lumière soit!) Cela n'évoque-t-il pas parfaitement ce que dit là science d'aujourd'hui sur la phase "lumière" du big bang?

*6. Toutes les religion recherchent la paix. Ce matin, lors de notre rencontre, nous avons de nouveau confirmé que nous cherchons tous la paix, la paix des coeur... Nous pensons que la paix oeut progresser quand les religions se retrouvent pour mettre en commun cette vonlonté du *respect des autres* et travailler à leur bonheur.

*7. A thing is not necessarily true because a man dies dor it.

*8. The dictum that truth always triumphs over persecution is one of those pleasant falsehoods wich all experiences refute.



XUÂN VỀ BÁT NHÃ MÔN

*Chim trên cành vui hót
Bướm chập chồn tìm hoa
Cúc vàng sương mai đọng
Cỏ mọc mừng đồng qua*

*Hồn hồ năm ba chị
Áo đỏ tím xanh cả
Tung tăng vào Thiên Viện
Tiếng chuông chùa ngân nga*

*Bé thơ đi với mẹ
Trước Đài Sen chấp tay
Ngây ngô nhìn Từ Phụ
Em đọc kinh theo Thầy*

*Cụ già lâm râm khấn
Cầu dân tộc Tự Do
Thôi xiềng xích tù tội
Người người được ấm no*

*Khói trầm xông nghi ngút
Hương ngào ngào bay xa
Lắng lòng tâm thanh tịnh
Nam-Mô-A-Di-Đà*

*Sáng trưa chiều lại tối
Bánh xe luân kiếp người
Rơi rơi từng chiếc lá
An nhiên nở nụ cười*

*Đêm qua rồi tình mộng
Nẻo đạo củ vừng tâm
Bồ Đề và phiến nã
Đẹp như ánh trăng rằm*

*Ngậm ngùi thường nhớ nước
Giao Thừa có khai kinh,
Chùa xưa, Sư cò ở,
Hay vào ngục U-Minh?*

*Hai mươi năm chờ đợi
Ngày Đạo Pháp nở hoa
Cây Nhân Quyền đơm nụ
Tăng Ni sống lục hòa*

*Thành tâm con mong ước
Xuân phụ chánh thời là
Bát Nhã Môn rộng mở
Chung hát bài hoan ca.*

• Thúy Trúc

LÒNG TỬ BI LÀ NỀN TẢNG CỦA HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Nguyên Tác:
Đức Đạt Lai Lạt Ma
(DALAI LAMA)

Chuyển ngữ:
Hòa Thượng
THÍCH TRÍ CHƠN

Ghi chú của người dịch: Đức Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama) tục danh là Tenzin Gyatso, sinh năm 1937 tại Amdo, miền đông Tây Tạng (Tibet). Sau khi Tây Tạng bị Trung Cộng xâm lăng, chiếm đóng vào năm 1959, Ngài đã lánh sang tỵ nạn tại Ấn Độ và lãnh đạo Chính phủ Tây Tạng lưu vong, đặt trụ sở tại thành phố Dharamsala (vùng tây bắc Ấn). Đức Đạt Lai Lạt Ma là nhà lãnh đạo tôn giáo lẫn chính trị tối cao của dân tộc Tây Tạng. Hiện nay Ngài là nhân vật được nhiều nhà lãnh đạo các nước Âu-Mỹ lẫn Á Châu và mọi người khắp nơi trên thế giới rất ngưỡng mộ, tôn kính qua đường lối đấu tranh bất bạo động của Ngài cho nền độc lập xứ Tây Tạng và nền hòa bình nhân loại. Ngài được Giải thưởng NOBEL Hòa Bình năm 1989.



Theo khoa tâm lý học Phật Giáo, phần lớn những khổ đau của chúng ta đều phát xuất từ lòng dục vọng, và sự tham đắm của chúng ta vào mọi vật mà chúng ta làm tưởng rằng chúng là những vật thể chắc thực bền lâu.

Sự theo đuổi các đối tượng dục vọng và lòng tham đắm của chúng ta khiến chúng ta dùng đến sự xâm lăng và tranh chấp như những phương pháp mà chúng ta thường nghĩ rằng chúng sẽ mang lại kết quả. Những ý tưởng này dễ dàng biến thành hành động nhằm nuôi dưỡng chiến tranh được chúng ta xem như là phương pháp hiển nhiên. Tâm con người đã có những ý niệm ấy từ thuở xa

xưa, những hành động tranh chấp này đã trở nên có tác dụng hơn trong hoàn cảnh sống hiện tại.

Làm thế nào để chúng ta có thể kiểm soát và chế ngự được những ý tưởng độc hại tham sân si này? Vì những ác tính đó là nguồn gốc đã gây ra mọi cuộc khủng hoảng khó khăn trên thế giới.

Là một tu sĩ được hấp thụ qua truyền thống của nền Phật Giáo Đại Thừa, tôi nghĩ tình thương và lòng tử bi là căn bản đạo đức cho nền hòa bình thế giới.

Trước tiên, tôi xin định nghĩa thế nào là lòng tử bi? Khi bạn phát tâm thương hại hay có lòng thương một người nghèo khổ vì bạn thương hại kẻ đó đang khổ cùng, như vậy lòng tử bi của bạn được xây dựng trên sự xót thương hồn nhiên, không suy tính.

Trái lại, tình yêu thương vợ chồng, con cái hay người quen thân của bạn thường xuất phát từ lòng tham đắm. Khi sự đắm say của bạn thay đổi, lòng tốt của bạn cũng thay đổi theo, và nó có thể biến mất luôn. Đây không phải là tình thương chân thật.

Tình thương chân thật không xây dựng trên lòng tham đắm, mà trên sự xót thương. Trong trường hợp này, lòng tử bi của bạn được xem như một nhu cầu đáp ứng lại sự khổ đau và tình thương ấy cần được duy trì bao lâu con người còn tiếp tục đau khổ.

Đó là lòng tử bi mà chúng ta nên tu tập nơi mỗi chúng ta và chúng ta cần phát triển nó từ mức độ hẹp hòi cho đến rộng rãi bao la.

Lòng tử bi bao la, hồn nhiên và không phân biệt đối với mọi chúng sanh rõ ràng không phải là thủ tình yêu thông thường, phát xuất từ vô minh, lòng ái dục và tham đắm mà con người thường có đối với bạn bè hay gia đình của họ. Loại tình thương chúng ta nên duy trì, phát triển là thủ tình thương rộng lớn hơn mà chúng ta có thể thực hiện ngay cả đối với kẻ thù đã làm hại chúng ta.

Lý do chúng ta nên có lòng tử bi vì mọi người chúng ta ai cũng muốn sống hạnh phúc và không thích khổ đau. Thực vậy, mọi người sinh ra với những ước muốn giống nhau nên ai cũng có quyền bình đẳng để thành đạt các điều mong ước đó.

Nếu tôi so sánh tôi với vô số những người khác, tôi thấy họ quan trọng hơn tôi nhiều, vì tôi chỉ có một trong khi những người khác thì số đông. Lại nữa, giáo lý Phật Giáo Tây Tạng dạy chúng ta nên xem mọi chúng sanh như những thân mẫu của chúng ta và nên bày tỏ lòng biết ơn, yêu thương họ.

Vì theo lời Phật dạy chúng ta sinh ra và luân hồi trong nhiều đời nhiều kiếp, cho nên ai cũng có thể là cha mẹ của chúng ta trong đời này hay đời khác. Do đó, tất cả mọi người ở thế gian này đều có liên hệ gia đình với nhau.

Bất cứ ai dù có tin đạo giáo hay không, họ vẫn tán dương tình thương và lòng tử bi. Ngay khi chúng ta vữa mỗi giọt lòng, chúng ta đã được sự chăm sóc của cha mẹ chúng ta, và sau này trong cuộc sống, khi chúng ta gặp đau khổ vì bệnh hoạn hay già yếu, chúng ta cũng cần đến tình thương giúp đỡ của những người khác.

Nếu từ lúc sinh ra cho đến giờ phút lia đời trong cuộc sống, chúng ta đã phải nương nhờ đến lòng tốt của mọi người, thì tại sao trong đời sống chúng ta lại không bày tỏ lòng yêu thương của mình đối với những kẻ khác?

Sự phát triển lòng yêu thương (tình cảm thân thiện đối với mọi người) không liên quan gì đến lòng sùng đạo mà chúng ta thường áp dụng trong sự thực hành tôn giáo. Nó không những chỉ dành riêng cho kẻ có tín ngưỡng mà cho mọi người không phân biệt chủng tộc, tôn giáo hay đoàn thể chính trị.

Tình thương cần thiết cho bất cứ ai, nam lẫn nữ tự nhận thấy mình trên hết, là một phần tử trong đại gia đình của nhân loại, cũng như đối với những người nhìn thấy sự việc từ nhận thức bao quát và xa rộng hơn. Đó là thủ tình cảm đạo đức mà thay vì không lưu tâm, chúng ta nên phát triển và thực hành nó, đặc biệt đối với tuổi thanh xuân, khi chúng ta nhận thức được rằng kiếp sống con người là vô thường, không bền chắc.

Khi chúng ta tìm hiểu vấn đề một cách xa rộng hơn, chúng ta nhận thấy mọi người đều muốn có hạnh phúc và không thích sự đau khổ cũng như ý thức rằng trong tương quan với vô số người khác, cá nhân chúng ta không có gì quan trọng; và khi ấy, chúng ta có thể nghĩ rằng mạng tài sản của chúng ta ra chia xẻ, giúp đỡ cho người khác là điều đáng làm.

Nếu luyện tập cho mình có được nhận thức như vậy, giá trị chân chính của lòng tử bi - ý nghĩa đích thực của tình thương và sự kính trọng kẻ khác - sẽ trở nên là điều mà chúng ta có thể thực hiện được.

Hạnh phúc cá nhân không còn là ý thức nỗ lực tìm cầu của chính bản thân mà nó trở nên thành quả tự nhiên và tuyệt luân của mọi sự phát triển về tình thương và hành động cứu giúp cho những kẻ khác.

Lòng tử bi chân chính còn mang lại kết quả khác của sự phát triển tinh thần cũng như rất hữu ích cho đời sống hằng ngày vì nó giúp cho tâm mình được sáng suốt và thanh tịnh. Cuộc đời chúng ta luôn luôn biến đổi và gặp nhiều khó khăn.

Những khó khăn đó sẽ được giải quyết thành công khi tâm chúng ta bình tĩnh và sáng suốt. Nếu chúng ta không kiểm soát được tâm mình vì lòng oán giận, ích kỷ, ganh ghét và sân hận; chúng ta sẽ không còn lý trí để xét đoán.

Vào những giờ phút cuồng dại vì tâm chúng ta mù quáng thì bất cứ việc gì cũng có thể xảy ra, kể cả chiến tranh. Cho nên, sự thực hành lòng tử bi và trí tuệ là điều hữu ích cho tất cả, nhất là đối với những người có trách nhiệm điều hành công việc quốc gia, khi mà họ nắm trong tay quyền lực và phương tiện có thể tạo dựng nền hòa bình cho thế giới.

Trích tập "A human approach to world peace"



Bí ẩn về tiền kiếp hậu kiếp



Alexandra David Neel and Yongden

Alexandra David Neel and Yongden.

Nữ ký giả nổi danh Alexandra David Neel phải chăng có tiền kiếp là người Tây Tạng? (Ảnh tài liệu trích từ The People's Almanac - David Wallechinsky và Irving Wallace - Bantam Books, USA 1978)

• Tác giả
ĐOÀN VĂN THÔNG

CHƯƠNG IV

(Tiếp Theo)

Dấu tích luân hồi biểu hiện qua sự yêu thích chán ghét hay nhớ lại một nơi chốn nào đó

• Những trường hợp điển hình

Có một điều mà ai cũng nhận rằng ngay bản thân chúng ta nhiều khi cảm thấy yêu mến nơi mình đã sống hay một nơi nào đó ở một quốc gia mà ta chưa hề đến. Dĩ nhiên đối với quê hương xứ sở nhiều người sẽ bảo rằng vì nơi ấy nhiều kỷ niệm đã in sâu vào trí óc ta từ lúc trẻ thơ đến khi khôn lớn làm ta khó quên. Tuy nhiên có nhiều người dù ở một nơi tử nhỏ đến già họ vẫn cảm thấy không có chút gắn bó thích thú nào. Trái lại họ lại cảm thấy thích một xứ khác hay một nước khác. Có người chỉ học địa lý các nước, tự nhiên họ cảm tình sâu đậm với nước nào đó dù rằng nước ấy không giàu, không văn minh. Ngay trong một quốc gia, có người tự nhiên cảm thấy yêu mến, cảm tình với một tỉnh lẻ nào đó qua tên gọi hoặc qua phong tục tập quán hay khí hậu. Dù rằng những địa danh, phong tục, tập quán, khí hậu hay con người ở đó chẳng có gì đặc sắc cũng như họ chẳng có kỷ niệm nào. Ai trong chúng ta cũng đã một lần có ý nghĩ ấy. Người ta tự hỏi do nguyên nhân nào mà một vùng xứ sở kia lại có liên hệ với người này dù không đem lại lợi nhuận hay kỷ niệm gì? Có những người đã vượt đại dương rời bỏ quê hương xứ sở có khi rất trẻ để tới một vùng đất xa lạ khổ khổ khó cần và sống cho đến già.

• Trường hợp Jocelyn Crane:

là một cô bé ra đời vào năm 1909 tại tỉnh Saint Louis. Lúc còn bé mỗi lần nhìn vào bản đồ thế giới là cô nói với mẹ: "Con thích chỗ này, con muốn đi tới đấy", chỗ cô bé chỉ là vùng đất Á Châu. Điều kỳ lạ là từ nhỏ cô bé đã ham thích các loài sinh vật, điều mà cả gia đình chẳng ai có sở thích ấy. Khi lớn lên Jocelyn tốt nghiệp ngành sinh vật học (năm 1930) và sau đó đến sống ở Á Châu để nghiên cứu về sinh vật học.

• Trường hợp bà Lise Meitner:

là nhà nữ vật lý học nổi tiếng ở thành phố Vienna nhưng lại yêu mến nước Thụy Điển và bà đã nhập quốc tịch tại đây và chọn Thụy Điển làm quê hương thứ hai của bà. Nhiều người Âu Mỹ tự nhiên ham thích và cảm thấy yêu mến vùng đất Phi Châu man dã, nghèo nàn và quyết tâm đến đó để sống chung với các thổ dân xa lạ những họ lại cảm thấy thích thú, hạnh phúc vô cùng. Hoặc trường hợp của nhà văn Lafcadio Hearn người Hy Lạp nhưng lại chỉ thích qua Nhật sống và biết rất rành về văn hóa Nhật.

• Trường hợp bà Alexandra David Neel:

là một nữ phóng viên nổi tiếng. Từ nhỏ bà đã say mê đất nước Tây Tạng không phải vì đất nước này giúp bà viết những bài báo hấp dẫn lạ kỳ huyền bí mà theo bà, khi còn ở nhà trường, học lịch sử, nghe thầy giáo giảng về xứ sở của Đỉnh Trời này thì tâm hồn bà tự nhiên dậy lên lòng cảm mến dạt dào và bà ước mơ có ngày sẽ đặt chân đến đó. Mặc dầu vào những năm 1900, Tây Tạng được xem như là một xứ sở khắc nghiệt về nhiệt độ, cuộc sống và luật lệ. Tại đây, luật lệ đặt ra chặt chẽ, không nhận sự hiện diện của một người ngoại quốc nào trên Tây Tạng nhất là những kẻ "Mắt xanh mũi lõ". Vậy mà vào năm 1914, bà Alexandra David Neel vẫn quyết tâm tìm đường đến Tây Tạng, bà phải giả làm một người hành khất mới lọt được vào sâu trong lãnh địa đất nước này. Nhưng khi gần đến thủ đô, bà không dám tiến nữa vì sự kiểm soát rất chặt chẽ. Bà phải tìm đến một ngôi chùa và vào đó xin cơm và may mắn gặp được một nhà sư, bà ngỏ ý xin quy y.

Thế là bà trở thành sư nữ và cũng từ đó bà trở thành người Tây Tạng và dân chúng quanh vùng đều biết đến bà. Trong cuốn nhật ký của mình bà có ghi chú những câu đáng lưu tâm như sau:

"Tôi luôn luôn có cảm tưởng rằng Tây Tạng là quê hương thân thuộc của mình. Tây Tạng như có mãnh lực lạ kỳ lôi cuốn tôi theo. Điều kỳ dị là có nhiều vùng xa lạ nhưng tôi lại có cảm tưởng như mình đã đi qua nhiều lần trong đời, điều đó làm tôi suy nghĩ rằng phải chăng ở tiền kiếp tôi đã làm người dân Tây Tạng?"

Có lần ông Cayce đã tìm hiểu tiền kiếp của một Nha sĩ khi thấy ông này ham thích vùng đồng quê hoang vắng. Giấc ngủ thôi miên đã giúp ông Cayce biết được tiền thân của ông này là một người Đan Mạch di cư đến vùng Bắc Mỹ trong thời kỳ có chiến tranh thuộc địa. Hình ảnh những vùng hoang dã, tinh mịch đã in sâu vào ký ức ông đến độ ở kiếp hiện tại vẫn còn ảnh hưởng khiến ông ham thích môi trường sống cũ một cách say mê.

Một trường hợp lạ lùng khác mà nhiều người trong chúng ta ai cũng đã một lần trải qua. Đó là đôi khi đến một vùng nào đó tự nhiên trong tâm trí ta xuất hiện câu hỏi rằng chỗ này hình như có lần ta đã đến rồi, cũng hàng cây ấy, dãy nhà ấy, khúc đường ấy, ánh nắng và tiếng động ấy... không phải ngay trong một tỉnh mà ta sinh sống, đôi khi ở những tỉnh khác và ở nước khác nữa hình ảnh, nơi chốn, không gian, thời gian khiến ta như chợt nhớ rằng nơi đây mình đã sống qua hay đã đi qua.

Phải chăng đó là dấu tích của tiền kiếp? Câu hỏi tại sao mọi người trong chúng ta ai cũng đã một vài lần cảm nhận điều đó thì câu trả lời có thể rằng mọi người ai cũng đều phải trải qua nhiều kiếp và trong tiền kiếp có lần ta đã sống ở đó, ghé lại đó và hình ấy vẫn còn tồn tại trong tiềm thức tuy không rõ ràng ở kiếp hiện tại. Chính hình ảnh mỗi trường hợp chợt hiện lên trong trí óc ta đó là dấu tích của luân hồi.

• Trường hợp bé David:

Đại Đức Dhamananda đã thuật lại câu chuyện lạ lùng về một cậu bé tên là David sống ở Luân Đôn (Anh Quốc) như sau:

Lúc cậu bé David vừa tròn 5 tuổi, cậu đã làm cho gia đình ngạc nhiên nhiều lần vì lời phát biểu của cậu, cậu bé thường nói một cách tự nhiên

"Hồi trước con làm việc nhiều lắm, lúc đó, con là một người chuyên đi xem xét kiểm tra đôn đốc các hàng hóa, con còn được đi thăm nhiều nơi và hồi đó con còn gặp nhiều điều lạ lùng".

Một hôm, David được mẹ dẫn đi theo trong một chuyến du lịch sang La Mã. Tại đây, hai mẹ con đi theo một nhà khảo cổ để đến một ngôi làng vừa mới được các người phu khai quật lên. Khi đến một gian phòng nọ, David bỗng thấy cái bồn tắm xưa cũ vội chạy đến lần mò tìm kiếm các chữ khắc trên thành bồn, rồi cậu la lên: A! Đây chính là cái bồn tắm của con! Người mẹ nghe nói chẳng hiểu cậu nói gì chỉ kêu: "Ái chà! Con nói gì làm phào thế, thôi dậy đi thôi..."

Nhưng David vẫn không đứng dậy, cậu mân mê miếng ngói vỡ vừa nhặt lên trong tay vừa nói với mẹ: "Mẹ ơi! Hồi đó con thường lấy các mảnh ngói như thế này để chơi, mỗi mảnh chúng con đập cho có dạng thể một con vật... A! Đây là mảnh giống con cá, ngày xưa Macus rất thích mẫu cá..."

Có lần, David được dẫn đi viếng một động đá huyền bí trên đảo Channel thuộc Guernsey, (một vùng đảo nằm ở vị trí gần bờ biển nước Pháp). Sau khi đi một vòng trước động đá, David bỗng nhớ ra điều gì, chạy lại nắm tay mẹ nói:

"Trong động này có một người tù bị lính Pháp dẫn vào đây để giết, bọn lính Pháp đóng đinh, người tù vào thành động rồi xây gạch bí kín lại". Người mẹ vừa sợ vừa không tin nên bảo David đừng nói bậy, nhưng cậu bé vẫn nhất mực quả quyết đó là chuyện có thật... Cậu phân bua với mẹ:

"Hồi đó, con là một lao công chiến trường, chính con đi theo đoàn lính này khuôn đồ đặc..."

Về sau, chính quyền của xứ Guernsey đã cho người tới quan sát động đá và khám phá ra điều cậu bé David đã nói với mẹ. Cuối động đá, sau một bức vách được xây thêm là bộ xương của một người đàn ông bị đóng đinh vào vách động đá.

Tuy nhiên, mẹ của cậu bé David lúc nào cũng nhìn con trai mình qua hình ảnh một cậu bé con mà thôi. Có lần, David theo mẹ đi thăm viện bảo tàng nước Anh. Khi đến khu vực trưng bày các đồ vật xưa cổ thuộc xứ Ai Cập huyền bí, cậu bé vội vã chạy ngay đến bên những chiếc hòm gỗ, chỉ cho mẹ xem rồi nói:

"Mẹ biết không! Hồi con còn làm chức vụ thanh tra, con thường kiểm soát nhiều hàng hóa đồ vật. Chính các hòm này phải qua sự kiểm nhận của con. Nếu mẹ không tin, thì hãy lật xem ở dưới đáy các hòm này đều có dấu kiểm nhận của con cả. David muốn mẹ tin mình hơn nên đã dùng cái que nhỏ viết lên nền viện bảo tàng những mẫu chữ tượng hình Ai Cập. Những mẫu chữ mà từ ngày được sinh ra đến giờ, cậu bé chưa bao giờ biết tới cũng như chưa bao giờ được thấy.

Trong một tài liệu tưởng tượng kể lại trường hợp một người Anh tên là Lawrence, người này mặc dầu là dân Anh chính gốc nhưng từ nhỏ chỉ thích giao du với người Ả Rập mà thôi. Khi khôn lớn, ông quyết định rời bỏ quê hương mình để đến đất nước xa xôi cần cỏi của vùng bán đảo Ả Rập để có dịp sống chung với người xứ này. Từ đó ông ăn mặc và hành xử hoàn toàn giống như người Ả Rập.

Báo chí Hoa Kỳ trong năm 1992 cũng đã đăng tải một câu chuyện liên quan đến vấn đề nêu trên, đó là trường hợp Derek Klinger: Câu chuyện có thật do chính Derek Klinger, giáo viên người Anh dạy học tại trường trung học ở Waterford kể lại. Lúc còn bé ông đã có cảm tình với nước Đức nhưng ông cũng không hiểu tại sao. Càng lớn lên, ý nghĩ ấy vẫn không giảm trong trí ông. Thế rồi nhân một lần nghỉ hè, ông quyết định du lịch nước Đức (lúc đó ông 32 tuổi). Tại Đức ông đã đi nhiều nơi và điều kỳ lạ là có nơi khi đến ông có cảm tưởng như đã đến đó một vài lần. Cảnh trí nơi ấy đối với ông có vẻ rất quen thuộc. Tuy nhiên vấn đề không làm ông quan tâm. Hôm gần quay về nước Anh, ông tìm tới một tiệm đồ cổ mong mua được một vài thứ lạ làm kỷ niệm vì ông rất thích đồ xưa. Tiệm đồ cổ này nổi tiếng ở Munich vì có đủ thứ. Tại đây ông đã trầm ngâm trước một tấm ảnh chụp rất xưa, nước thuốc đã ngả sang màu nâu vàng. Tấm ảnh chụp 14 người lính Hải quân Đức. Nhưng đối với ông lại vô cùng kỳ lạ vì làm ông nhớ lại quá khứ xa xôi vào khoảng thời gian mà ông là một trong 14 người lính đó. Dần dần ông nhớ lại tên từng người một trong ảnh. Ông đứng ngẩn ngơ chăm chăm nhìn bức ảnh và ông nhớ lại năm đó là 1942 ông cùng 13 đồng đội cùng ở trong một chiếc tàu ngầm và đang có cuộc hải chiến trong vùng. Một chiến hạm đã phóng ngư lôi vào ngay bụng chiếc tàu ngầm làm cho nổ tung khiến ông và 13 đồng đội tử thương... Ông Derek Klinger vội vã mua ngay tấm ảnh và tức tốc hỏi nhân viên cảnh sát Đức địa điểm của văn khố chiến tranh rồi tìm đến để hỏi về trường hợp chiếc tàu ngầm. Được biết, cơ sở này là nơi dự trữ, sưu tập, phân tích các sự kiện đã xảy ra trong cuộc chiến tranh giữa Đức và Đồng Minh. Cơ sở này có vô số tài liệu và tự hào là có thể trả lời trong một thời gian ngắn về những gì có liên quan tới cuộc chiến tranh, kể cả các cuộc hành quân của Đức. Khi Derek Klinger yêu cầu muốn biết số phận của chiếc tiềm thủy đình mà ông đã nhớ số hiệu và cuộc hải hành cùng năm tháng thì được chuyên viên văn khố chiến tranh cho biết như sau: "Chiếc tàu ngầm này có 14 người. Đó là tàu ngầm chữ U của Đức, tàu ngầm này bị Hải quân Anh đánh chìm ở Bắc Hải và trước khi tàu chìm, trung tâm hành quân thuộc Bộ Hải Quân có nhận được điện kêu cứu...". Ngày nay, Derek Klinger vẫn còn lưu giữ tấm ảnh lạ lùng này nhưng ông rất sợ nhìn nó vì theo ông, mỗi lần nhìn vào tấm ảnh ông lại có cảm tưởng xao xuyến lạ thường và bên tai như có tiếng nổ vang rền và tiếng la hét của 13 người đồng đội. Ông nói với các phóng viên nhà báo như sau:

"Tôi thấy rõ hình ảnh tôi lúc đó trong ảnh. Đó là hình ảnh của tôi từ tiền kiếp. Khi đó tôi

là một quân nhân Đức. Giờ đây tôi là một giáo viên người Anh. Tôi chắc chắn lúc trước tôi là người Đức, điều dễ hiểu là từ nhỏ tôi đã có cảm tình với nước Đức và trong lần du lịch sang Đức, nhiều nơi tự nhiên có vẻ rất quen thuộc đối với tôi. Lúc đó tôi có phần ngạc nhiên nhưng giờ tôi đã biết rõ vì sao..."

• Trường hợp của danh tướng George S. Patton

George S. Patton là một danh tướng, một nhà chiến lược kỳ tài mà cả thế giới đều biết. Tính tình nghiêm khắc và luôn luôn chỉ biết có "kỷ luật sắt, kỷ luật là sức mạnh của quân đội". Con người hùng ấy lại có một bộ óc lạ lùng là luôn luôn tin vào thuyết luân hồi. Ông thường bảo: "cuộc đời và cuộc sống là cái vòng tuần hoàn chuyển tiếp nhau. Đời tôi cũng nằm trong cái vòng tuần hoàn chuyển tiếp đó".



George S. Patton, Jr. - United Press. Danh tướng Hoa Kỳ trong thế chiến II. Người đã tin rằng mình đã trải qua nhiều "kiếp" trong nhiều đời.

Một sĩ quan cao cấp đã kể lại câu chuyện có thật về tướng Patton: "Hôm đó tướng Patton đến thăm một vùng đất lịch sử tại Ý. Đó là vùng đất nằm cạnh sông Métaure, nơi mà xưa kia, trong trận chiến hải hùng giữa Carthage và Rome với những đoàn quân dũng mãnh của 2 phe đã để lại trên chiến trường hàng ngàn tử thi đầm máu, mặc dầu hai bên đều đã được những chiến lược gia, những danh tướng điều khiển.

Hình ảnh hùng tráng rùng rợn ấy đã đi vào quá khứ và cách thời đại của tướng Patton đến hơn 1800 năm nhưng khi tướng Patton cùng các tướng lãnh và một số sĩ quan chuyên về sử học tháp tùng đến thăm vùng đất này và thử ôn lại những chiến thuật và chiến lược của trận đánh ấy thì điều kỳ dị mỗi xảy ra. Nhân lúc một Đại Tá trình bày những nơi đóng quân của hai phe Carthage và Rome cho tướng Patton nghe thì ông này nhiều lần tỏ ý không hài lòng. Sau cùng tướng Patton cất ngang lời viên Đại Tá và nói như sau: "Tôi xin lỗi Đại Tá, mặc dầu Đại Tá là chuyên gia nghiên cứu về các trận chiến trong cuộc chiến tranh La Mã nhưng tôi

khẳng định rằng đoàn kỵ binh của tướng Hasdrubal lúc bấy giờ (trong trận này) không phải đóng tại địa điểm mà Đại Tá đã trình bày mà là ở vị trí đầu kia kia. Tôi quả quyết điều đó vì... một điều rất dễ hiểu là thời đó, chính tôi đã có mặt ở đó..."

Và để tăng cường cho sự tin tưởng của mọi người đang có mặt quanh mình, tướng Patton nghiêm nét mặt, đưa cao chiếc can cầm ở tay lên chỉ về một điểm ở trước mặt và lập lại câu nói thật chậm rãi, rõ ràng:

"Đó! Địa điểm mà đoàn kỵ binh của Hasdrubal là ở đó và tôi nhắc lại lúc ấy tôi đã ở đó!"

Trong những lần dừng chân nơi chiến trận hay những lúc nghỉ ngơi, tướng Patton thường nói đến những địa danh và những mặt trận cổ xưa mà ông đã có mặt tuy rằng những nơi đó đã đi vào quá khứ xa xăm hay chỉ còn lại trong các bộ sử nói các thú viện.

Trong nhật ký của mình, tướng Patton thường ghi lại các cảm nghĩ lạ lùng của mình về những gì mà ông đã gọi là kiếp trước, có đoạn ông viết:

"Tôi tin là có tiền kiếp và hậu kiếp, tôi tin, thật sự là tôi biết rằng tôi đã có ít nhất là một quãng đời trước đây trong binh nghiệp và hiện nay tôi lại "Đầu thai" lần nữa vào đời binh nghiệp..."

Về sau, trong một Hội nghị Quốc tế với chủ đề là "Ứng dụng của khoa Tâm lý học" tổ chức lần thứ 14 vào năm 1961, một nhân vật có tên tuổi là Aldous Huxley đã trình bày trường hợp của tướng Patton cùng câu chuyện lạ lùng xảy ra trong lần đi thăm chiến trường La Mã cổ xưa ấy. Trường hợp này đã được báo Paris Match đăng tải và bình luận vào ngày 23 tháng 3 năm 1989. Trong lần diễn đàn này, Aldous Huxley đã phát biểu như sau: không riêng gì tướng Patton, mà ngay cả chúng ta đây, đôi lúc ở một thời điểm nào đó trong đời ta bỗng có cái cảm giác, cái suy nghĩ, cái nhìn kỳ lạ mà ý thức của chính ta như bỗng nhiên hé mở có khi ta bất gặp một hình ảnh, một sinh hoạt, một tiếng nói, một cảnh tượng, một con người mà hình như có lần ta đã thấy, đã nghe, đã ở, đã đi qua, mặc dầu trong cuộc đời chưa hề gặp bao giờ. Đó là quá khứ, quá khứ ấy không phải trong một cuộc đời hay nói khác đi là trong "một kiếp" mà trước đó nữa. Cảm nhận ấy đôi khi vụt ra khỏi cái cảm nhận của các giác quan thông thường ở mỗi con người... để đi về quá khứ xa xăm hay có thể gọi là tiền kiếp..."

Những dấu tích luân hồi thật ra bằng bạc, tàn mạn trong mỗi đời người. Nó như dấu ấn chứng nhận cho một người phải đi qua nhiều trạm gác, nhiều biên giới của các quốc gia. Chúng ta cũng còn thấy được dấu tích ấy ở mối liên hệ cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, bè bạn v.v... và có thể nói đó là dấu tích luân hồi rõ ràng và thâm diệu nhất.

Dấu tích luân hồi biểu hiện qua những người liên hệ, thân thuộc

Những người liên hệ thân thuộc là những người liên quan về gia đình như cha mẹ, anh

em, vợ chồng, con cái, bè bạn v.v... Nhìn chung, những người đó chỉ có sự ràng buộc về huyết thống, tình nghĩa. Mỗi người thường có cuộc sống và thể cách riêng. Tuy nhiên từ lâu trong dân gian và ngay cả những nhà nghiên cứu về nhân chủng học, tâm lý học, đều có một nhận xét về sự tương quan nào đó thuộc về dáng dấp, diện mạo của những người ấy với nhau. Nếu xét về mặt di truyền học thì dĩ nhiên con cái có những nét giống cha mẹ. Ở đây chỉ xét về trường hợp vợ chồng.

• Trường hợp vợ chồng

Trên thế giới nhiều người đã có sự nhận xét giống nhau về một vấn đề: đó là sự tương quan về nhân dáng diện mạo giữa chồng và vợ. Phần lớn một cặp vợ chồng thường có những nét giống nhau về gương mặt và đôi khi cả tánh tình. Có nhiều vợ chồng thoạt mắt nhìn qua ai cũng tưởng đó là hai anh em. Nếu xét về mặt tánh tình thì có thể bảo rằng vì sống gần nhau họ sẽ chịu ảnh hưởng về cá tính của nhau. Nhưng trên thế giới, thật sự những người có tánh tình tương tự nhau mới hợp được nhau, mới khiến họ tìm đến nhau và để tiến tới hôn nhân (đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu là vậy). Nếu xét về diện mạo thì khó mà giải thích theo lập luận nào. Vì quả thật vợ chồng không đồng chung huyết thống, mỗi người thuộc một dòng dõi riêng. Vậy mà như đã trình bày ở trên, có lắm cặp vợ chồng có gương mặt tương tự nhau và ai trong chúng ta cũng có lần thấy rõ điều đó. Nguyên nhân nào đã khiến những người này liên hệ, kết hợp với nhau để thành vợ chồng? Theo các nhà tâm lý học thì một trong những nguyên nhân đáng kể là sự "gặp lại hình ảnh của chính mình". Những cặp vợ chồng ấy trước đây sống riêng lẻ, khi mới gặp nhau, quen biết nhau, họ đối mặt nhau và mỗi người tự cảm nhận một hình ảnh thân thuộc lạ lùng từ người kia mà họ chưa định rõ là gì. Cái hình ảnh thân thuộc ấy chính là những nét giống họ về gương mặt mà thường ngày họ bất gặp trong lúc soi gương... Tuy nhiên, điều cần lưu ý là không phải cặp vợ chồng nào cũng đều có gương mặt tương tự nhau mà trái lại có những cặp vợ chồng lại khác nhau một trời một vực về diện mạo và cả tánh tình. Những nhà nghiên cứu về các hiện tượng siêu linh đã dựa vào một vài thuyết tôn giáo, trong đó có thuyết luân hồi để giải thích và làm sáng tỏ phần nào vấn đề này.

Hôn nhân có nguồn gốc từ tiền kiếp. Ở kiếp này khi hai người nam nữ cùng nhau đi đến hôn nhân vợ chồng, quyết định sống bên nhau trọn đời thì thật ra điều đó không có nghĩa là điều mỗi đấng quyết định. Theo thuyết luân hồi, chính nhân duyên từ kiếp trước đã là quyết định. Thế nào họ cũng gặp nhau vì nhân duyên (nhân duyên được hiểu đơn giản là Nhân cái này mà sinh ra cái kia (Quả) như nhân có hạt giống mà sinh ra quả. Nhân duyên có 12 chữ: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, thủ, hữu, sinh, lão và tử - xem ý nghĩa 12 nhân duyên - Duyên giữa trai gái để trở thành vợ chồng.

Nguyễn Du có câu thơ: Có nhân duyên, có vợ chồng.

Chính sợi dây duyên nghiệp sẽ nối kết trời buộc hai người lại với nhau. Khi hai người nam nữ gặp nhau, cảm tình với nhau, mong ước được cùng nhau sống hạnh phúc dưới một mái nhà, họ vẫn tưởng họ là hai người xa lạ không quen biết nhau và chỉ gặp nhau qua sự giới thiệu hoặc sự tình cờ, nhưng thật sự họ đã quen biết nhau từ kiếp trước, hay nói khác đi là họ đã có duyên nghiệp với nhau từ kiếp trước. Duyên nghiệp gồm có nghiệp và duyên theo nhau để tạo nên quả báo. Có thể trước đây người này đã gây đau khổ cho người kia (về khía cạnh nào đó) và trái lại. Hoặc trước đây hai người vẫn còn mối liên hệ ràng buộc nào đó chưa dứt cần phải có thêm thời gian nữa mới mong trả hết cho nhau v.v... Ví thế mà họ phải gặp lại nhau ở kiếp kế tiếp. Có thể trước đó họ là anh em trong một nhà, hay cùng một dòng dõi thân thuộc. Do đó, không lạ gì khi có những cặp vợ chồng có gương mặt thường giống nhau như hai anh em. Ngoài ra tùy theo duyên nghiệp mà cặp vợ chồng sống với nhau thuận hòa hạnh phúc hay lại xung đột, cãi vã, bất hòa khổ đau, chán chường để rồi đi đến ly hôn, ly dị, đôi khi còn coi nhau như kẻ thù. Có những cặp vợ chồng mới cưới nhau một thời gian ngắn đã vội lìa nhau. Thời gian chung sống với nhau ấy tùy thuộc vào nghiệp quả (giống nghiệp báo chỉ sự báo ứng của những gì mà trước đó người này đã tác động lên người kia nhiều hay ít, dữ hay lành...).

Nhiều người ở tiền kiếp đã có những nghiệp duyên với người khác và nếu chưa trả hết thì kiếp này họ phải trả. Ví thế có nhiều người đã phải trải qua nhiều cuộc hôn nhân mà không được hưởng hạnh phúc của một vợ một chồng. Theo những nhà nghiên cứu và thực hành phương pháp tìm về quá khứ hay tiền kiếp của con người như nhà vật lý học Pháp P. Drouot, Morris Nettherton, Cayce, N. Kchan... thì có nhiều người trong những thời gian của những tiền kiếp khác nhau đã là vợ chồng của nhau nên bị cái hấp lực mạnh của nhau tác động vào, vì thế đến kiếp này họ vẫn còn liên hệ ràng buộc với nhau theo kiểu tự nguyện. Dĩ nhiên phần lớn những trường hợp này họ dễ hòa thuận với nhau hơn là xung khắc, vì họ đã biết nhau nhiều hơn qua nhiều kiếp và chắc chắn họ dễ đạt thành công trên đường đời. Có nhiều trường hợp ở tiền kiếp người này vì có nghiệp duyên với người kia quá nặng nên đến kiếp này họ tự nhiên bị ám ảnh bởi một sự hối thúc tìm gặp người kia và đôi khi người kia chẳng biết.

Ông Lê Xuân Nghĩa là một giáo viên đã kể một câu chuyện mà ông bảo rằng hoàn toàn có thật về người chị của mình là Lê Thị Mỹ. Chị Mỹ người Mỹ Tho, sinh năm 1938. Chị là người tuy không đẹp nhưng lại rất có duyên. Nhiều chàng trai trong vùng ngấp nghé và nhiều nơi đến dạm hỏi nhưng chị không quan tâm. Mỗi lần gia đình hối thúc việc chồng con thì chị lại cương quyết từ chối bằng câu: "con đã có chồng và con phải đi tìm anh ấy". Gia đình anh Nghĩa cứ tưởng chị Mỹ nói đùa, nhưng rồi một hôm cả nhà đang ngồi ăn cơm, chị Mỹ tuyên bố: "chồng con hiện bị giam tại khám Chí Hòa, con phải đi thăm anh

ấy..." Cả nhà ngạc nhiên vô cùng khi nghe chị Mỹ nói, sự ngạc nhiên càng gia tăng khi chị Mỹ kể chi tiết câu chuyện như sau: "nhiều đêm nằm ngủ cô thường mơ thấy một người, người này cao và ốm, gương mặt choắt, đôi lông mày rậm, cổ đeo sợi dây chuyền có gắn cái vòng và giữa vòng là một chữ A hoa. Mặt người ấy luôn luôn buồn và mỗi lần người ấy hiện ra trong giấc mơ là cô lại nghe văng vẳng bên tai lời nói thì thầm: "người này là chồng của cô đó". Mấy tháng nay cô lại mơ thấy anh ấy. Lần này trông anh ta ốm yếu hơn, tội nghiệp hơn. Rồi cô lại nghe văng vẳng bên tai lời nói lạ lùng ấy: "chồng cô đã bị tù và hiện bị giam ở khám Chí Hòa, phải tìm cách đến thăm anh ấy không thì quá muộn... anh ấy tên là Phan Thái An..." Liên tiếp nhiều đêm cô đều mơ một giấc mơ như thế và cô tò mò muốn đi thăm người chồng trong giấc mộng với lòng quyết tâm lạ lùng của cô. Người nhà lúc đầu không chịu, nhưng anh Nghĩa là một giáo viên, anh lại là người sống nội tâm và hay tìm hiểu về các vấn đề siêu linh, nhà anh sách vở nhiều như một thư viện nhỏ. Chính anh đã thuyết phục gia đình và chịu dẫn chị Mỹ lên Sài Gòn đến khám Chí Hòa thăm người "anh rở" trong mộng của chị mình. Tại Sài Gòn, hai chị em trú tại nhà một người bà con ở đường Trương Minh Giảng chờ đi thăm nuôi. Chị Mỹ có vẻ sốt ruột mong sớm gặp mặt "người chồng trong mộng". Ngày thăm nuôi, hai chị em dậy sớm để đi cho kịp giờ. Chị Mỹ đã mua đủ thứ để bồi xách, vì thật sự chị cũng chưa biết "anh ấy" thích món ăn gì và cần thứ gì. Khi gặp nhân viên lo việc thăm viếng thân nhân ở trại giam, chị Mỹ xin được gặp anh Phan Thái An để thăm nuôi. May mắn người giữ trật tự là học trò cũ của anh Lê Xuân Nghĩa nên chị được phép gặp người tù Phan Thái An dễ dàng. Mười phút sau anh An xuất hiện sau vòng dây kẽm gai và rồi người học trò dẫn anh ta ra gặp hai chị em tại phòng thăm nuôi. Thật là một cuộc thăm viếng lạ kỳ, không ai biết ai, chỉ có một mình chị Mỹ nhận ra anh An mà thôi. Anh An cũng ngạc nhiên không hiểu gì cả trong khi chị Mỹ nước mắt lưng tròng. Anh Nghĩa vội kể lại câu chuyện mà chị Mỹ đã kể cho anh An nghe. Nghe xong câu chuyện, anh An vẫn không hiểu ắt giáp gì cả nhưng tỏ vẻ cảm động. Chị Mỹ đột nhiên nhìn vào mắt anh An và hỏi: trước khi bị bắt, anh có đeo sợi dây chuyền ở cổ không? Anh An ngạc nhiên trả lời: "- Có, sao cô biết?" Chị Mỹ lại hỏi thêm: "trên sợi dây chuyền ấy có mang cái vòng và giữa vòng có chữ A hoa phải không? Anh An đáp "phải!". Câu chuyện đã khiến cho Nghĩa và An vô cùng kinh ngạc. Anh Nghĩa nói:

- Dù câu chuyện thế nào thì sự thật vẫn có anh An đó và chị tôi đây, biết đâu đó là vấn đề có liên quan đến kiếp trước của anh và chị tôi. Anh đứng ngai ngùng chỉ về cuộc thăm viếng này và nên nhận chút quà mà chị em tôi đem từ Mỹ Tho lên... Anh An vô cùng cảm động, anh nói: - Tôi bị bắt oan, người ta nghi tôi là cộng sản nằm vùng vì có liên hệ tôi một người hoạt động cho cộng sản, anh ấy là bạn tôi những tôi không biết anh ta là cộng sản, tôi thường đi chơi và chụp hình chung với anh ấy nhưng không ngờ mỗi chuyến đi, anh ta đều chuyển tài liệu mật cho mật khu...

Câu chuyện không chấm dứt ở đó vì hai tháng sau, chị Mỹ nghe tin người ta đã chuyển toán tù nhân cộng sản về giam ở đảo Côn Sơn trong đó có anh An. Trên đường đi chuyến không hiểu sao anh An lại có thể nhảy được ra khỏi xe để trốn thoát, nhưng vì xe chạy quá nhanh nên anh đã chết. Từ đó chị Mỹ như người mất hồn và mãi 6 năm sau, tức là vào năm 36 tuổi chị mới chịu lấy chồng.

• Trường hợp cha mẹ, anh chị em, con cái

Đối với trường hợp cha mẹ anh em cũng vậy, đã có những sự liên hệ nhân quả nào đó giữa cha, mẹ, anh em, con cái với nhau ở tiền kiếp. Cha mẹ dĩ nhiên có liên quan với con cái không phải xét về mặt di truyền và tình cảm ruột thịt mà xét về mặt luân hồi. Con cái và cha mẹ có những sợi dây liên hệ ràng buộc nhau. Có thể kiếp trước người cha, người mẹ, những người con có nghiệp cần nào đó và kiếp này gặp lại nhau để tiếp tục hoàn tất những gì theo nghiệp quả báo ứng. Chuyện cái cân thủy ngân là câu chuyện giả tưởng trong dân gian một phần nào đã nói lên hình thức báo ứng của cha mẹ và con cái. Ngoài ra cũng phải hiểu thêm rằng để có cơ hội gần gũi sâu xa hơn, những đứa con đã mượn chỗ đầu thai ở cõi trần của kiếp này qua phương tiện là cha mẹ. Sự liên hệ của người con không phải luôn cả với cha và mẹ mà có thể người con chỉ có sự liên hệ nghiệp quả ràng buộc với người mẹ mà không phải người cha hoặc có khi trái lại. Vì thế thường có trường hợp có sự bất hợp ý hay dùng dưng, tệ nhạt hoặc thương yêu, gần bó mật thiết giữa mẹ con hay cha con tùy theo duyên nghiệp phát sinh từ tiền kiếp. Trong dân gian thường cho rằng: cha mẹ, con cái, vợ chồng thật ra đều là oan trái nghiệp quả của nhau cả. Những kẻ cùng sống chung một nhà hay tranh cãi, xung khắc, bất hòa chán ghét nhau cũng đều có nguyên nhân từ tiền kiếp, có thể họ đã gây đau khổ cho nhau nên mới phải trả quả đã gây ra.

Thuyết luân hồi nhân quả còn cho rằng "có thể nhìn cuộc sống của con cái và cha mẹ với nhau trong một gia đình, cách đối xử, nuôi nấng, chăm sóc, tình phụ tử, mẫu tử nồng nàn hay tệ lạnh của họ mà đoán được sự liên hệ ràng buộc của những con người ấy với nhau ở tiền kiếp. Ở kiếp trước có thể họ là anh em, là chị em, là cha con là mẹ con, là bạn bè với nhau và đã tạo ra những nghiệp quả nào đó nên kiếp này vẫn phải còn liên hệ ràng buộc để hoàn tất những gì chưa giải quyết hết. Riêng về anh, chị em trong gia đình cũng như thường yêu, ganh ghét, hay đôi khi xung khắc căm thù nhau đều là những dấu vết biểu hiện của luân hồi. Có thể ở kiếp trước họ là những người khác nhau về chí hướng, chủng tộc hoặc có sự tranh chấp đố kỵ nhau, hay cũng có thể ở kiếp trước họ là hai vợ chồng hoặc là hai người bạn thân v.v...

Câu chuyện có thật sau đây xảy ra tại Hoa Kỳ và đã được báo chí ở Hoa Kỳ đăng tải vào năm 1991. Bà Gillian sống ở tiểu bang Colorado, năm 1986 bà sinh hạ được một

cháu bé khá khinh đặt tên là Mandy. Nhưng không may cho bà Gillian, cháu bé chỉ sống được bốn tháng thì qua đời. Bà Gillian vô cùng đau khổ, bà khóc than vật vã bên mộ huyệt, bà đã tế xú và khi tình dậy lại muốn nhào xuống huyệt theo con... Một thời gian sau, bà Gillian có chuyện bất hòa với chồng, họ ly dị nhau và sau đó bà Gillian có thai với người chồng thứ hai. Lần này bà cũng hạ sinh được một cháu bé khá khinh và bà lại đặt tên là Mandy để nhớ lại đứa con gái bất hạnh của mình trước đây.

Năm Mandy lên bốn tuổi, bà đưa cháu đến nghĩa trang để thăm mộ Mandy, chị gái cháu bé. Khi vừa đến gần mộ chị, bé Mandy bỗng nhiên nói to lên có vẻ thích thú: "Má, Má! đây là nơi mà ngày trước má đã đặt con xuống dưới cái hố sâu trong đất. Lúc đó má khóc nhiều lắm, và má đã suýt rơi xuống cái hố đất ấy rồi, má có còn nhớ không?..."

Bà Gillian vừa ngạc nhiên vừa kinh hãi. Bà không ngờ con bà mới bốn tuổi mà đã nói lên câu nói lạ lùng và trôi chảy như người lớn. Điều kỳ dị là bà chưa bao giờ kể chuyện bé Mandy, con gái đầu lòng của bà chết ra sao và an táng thế nào cho bé Mandy, đứa con thứ hai của bà nghe cả.

Vậy phải chăng bé Mandy con bà hiện đang sống với bà chính là bé Mandy ngày trước và đã lia đời? Phải chăng bé Mandy, đứa con thứ hai của bà là hậu thân của đứa con gái thứ nhất của bà? Từ đó bà Gillian cảm thấy sung sướng yêu đời và thường ôm Mandy vào lòng và nói: tôi cảm thấy có được tất cả và con tôi là tất cả..." Câu chuyện có thật ấy là một chứng cứ điển hình về những gì thuộc về tiền kiếp và hậu kiếp. Thời gian chuyển đổi từ kiếp này qua kiếp khác đôi khi rất xa hay đôi khi rất gần. Ngoài ra người thân thuộc trong một gia đình có khi lia đời rồi có thể quay trở lại, đầu thai làm con hay cháu trong gia đình.

Ở Việt Nam năm 1942 dân chúng vùng Cầu Hai Nước Ngọt (lúc đó còn rất thưa thớt) kể lại cho nhau câu chuyện lạ lùng về gia đình ông Nghênh. Hai vợ chồng ông Nghênh mỗi làm lễ thành hôn cho đứa con trai được bốn ngày thì người cha của ông Nghênh qua đời.

Một năm sau, con dâu ông Nghênh sinh hạ một người con trai. Đứa bé khi lên 6 tuổi tự nhiên ăn nói rất khôn ngoan, chỉ đáng điệu trầm mặc như người lớn và thường thích dậy sớm uống trà dù trời có lạnh lẽo thế nào. Một hôm đang ngồi chơi, bỗng đứa bé nhìn quanh rồi hỏi người nhà: "Bố ly tách của tôi sao cứ để trên bàn thờ mãi thôi, đem xuống cho tôi đi!" Cả nhà nghe câu nói lạ lùng đó sợ quá, những khi hỏi đứa bé nguyên nhân thì nó chỉ yên lặng. Về sau, gia đình ông Nghênh còn chứng kiến những cử chỉ và nghe những lời nói lạ lùng của đứa bé hoàn toàn giống với ông cố nó ngày nào thì lại tưởng là đứa bé bị ma nhập nên lo bán ruộng, nhà, chuyển vào sống ở vùng Lăng Cờ Đà Nẵng. Câu chuyện này phần nào trùng hợp với câu chuyện có thật xảy ra tại Hoa Kỳ năm 1979: Bà Diane Williams sinh một bé gái đặt tên là Kelly. Năm Kelly vừa tròn bốn tuổi thì nó ăn nói rất sành sỏi như người lớn. Một hôm bà đi tên là Pam đặt bé Kelly đặt lên đùi mình và nó giỡn với nó thì bỗng nhiên Kelly vừa cười vừa hỏi: "Này! cháu có còn

nhỏ ngày xưa cháu cũng đã ngồi trên đùi bà như thế này không?" Di Pam không hiểu Kelly nói gì, cứ tưởng nó học theo câu nói của ai hay của một bài hát nào đó mà thôi. Khi đi Pam hỏi: con nói gì thế?, thì Kelly nói rõ ràng từng chữ một làm bà Pam và bà Diane Williams há hốc mồm ra vì kinh ngạc. Bé Kelly nói như sau: "Chắc chắn các cháu không nghĩ được rằng ta chính là bà ngoại của các cháu đây!".

Những câu chuyện trên mới nghe qua quá thật vượt quá sức tưởng tượng của con người vì có vẻ mơ hồ, tuy rằng một phần chứng cứ vẫn có đó. Lý do là tận cùng của vấn đề hiện nay vẫn chưa được lý giải hoàn toàn. Tiến sĩ Ian Stevenson đã cho rằng không riêng gì ở một vài nơi xảy ra sự việc (có liên quan về vấn đề luân hồi tái sinh) có giới hạn mà khắp nơi trên thế giới, hầu như quốc gia nào, vùng đất nào cũng đã và đang xảy ra những sự việc như đã trình bày ở trên. Tại Ấn Độ, Nga Sô, Trung Hoa, Việt Nam, Canada, Anh Quốc, Thụy Điển, Ý, Đức, Nhật cũng không hiếm xảy ra những vấn đề liên quan đến lãnh vực đầu thai gây kinh ngạc cho nhiều gia đình và đôi khi còn gây xôn xao dư luận. Nhà vật lý học nổi tiếng của Pháp là Patrick Drouot phát biểu như sau về vấn đề này: "Nếu chúng ta xem vấn đề luân hồi tái sinh cũng giống như chu kỳ của vũ trụ, sự lặp lại của những tình huống nào đó của những chu trình của sự sống thì điều đó cũng không đến nỗi phải làm chúng ta kinh ngạc. Điều tốt nhất trước mắt là hãy mạnh dạn đi sâu vào vấn đề để tìm hiểu, nghiên cứu, gạt bỏ những gì có tính cách mê tín huyền hoặc và ghi nhận những gì khả dĩ đem lại những giải đáp hữu lý cho vấn đề..."

Dấu tích luân hồi biểu hiện qua giấc mộng

Hiện tượng luân hồi biểu hiện dưới nhiều hình thức và sự khởi dậy về những gì thuộc về tiền kiếp cũng xảy ra qua nhiều tác động khác nhau. Nhiều người tự nhiên nói lên những gì đã xảy ra về tiền kiếp của mình. Qua các cuộc nghiên cứu về hiện tượng này, Giáo sư Tiến sĩ Ian Stevenson cho rằng: phần lớn trẻ em có khả năng nhớ lại tiền kiếp tốt hơn người lớn. Riêng đối với người lớn thì phần nhiều phải nhờ những tác động từ bên ngoài như thôi miên hoặc qua giấc ngủ mới giúp họ nhớ lại được tiền thân của mình.

Theo các nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi, tái sinh thì trên thế giới đã có vô số trường hợp con người thấy lại được tiền kiếp mình qua giấc mộng.

Sau đây là một thí dụ điển hình

• Trường hợp bà George Rudolph:

Bà George Rudolph là nữ y tá kỳ cựu tại một bệnh viện lớn ở thành phố Atlanta (Hoa Kỳ). Bà là một con người bình thường giống như bao nhiêu người khác, nhưng có một điều rất lạ ám ảnh tâm trí bà đó là những giấc mơ kỳ dị đã nhiều đêm liên tiếp hiện rõ trước mắt mình. Theo bà George thì ngày lúc còn bé khoảng 5, 6 tuổi bà cũng đã từng nằm mơ

cùng một giấc mơ đó. Trong giấc ngủ bà thấy một cô gái trẻ độ 15 tuổi mặc bộ y phục màu trắng đứng trước một ngôi giáo đường.

Bị ám ảnh mãi hình ảnh ấy cho đến năm bà 40 tuổi, bà cảm thấy phân vân lo lắng trong lòng. Một hôm có vị giáo sư dạy về tâm lý học đã giúp bà bằng cách giới thiệu cho một nhà phân tâm học nổi tiếng ở Hoa Kỳ. Nhà phân tâm học này đã áp dụng phương pháp thôi miên giống giáo sư tiến sĩ vật lý Patrick Drouot đã thực hiện tại Pháp. Qua cuộc thôi miên ấy, bà George đã thấy lại tiền kiếp của mình, lúc ấy bà là một cô gái dễ thương tên là Sandra Jean Jenkins. Sandra là một cô gái đa tình, đa cảm và lãng mạn luôn luôn thích thơ văn thích cảnh gió trăng mây nước, nên thơ, thích mặc toàn đồ trắng tuy còn nhỏ nhưng lại hay đến những nơi yên tĩnh vắng lặng như nghĩa trang, công viên, nhà thờ... Trong lúc bị thôi miên, bà George còn nói rõ năm sinh của chính mình lúc đó (là cô gái Sandra) là vào năm 1895 và sinh quán là thị trấn Mariette thuộc tiểu bang Ohio. Năm Sandra 19 tuổi, cô gái có yêu một chàng trai, họ quấn quít bên nhau như bóng với hình. Nhưng đau đớn thay, chàng trai gặp tai nạn và qua đời khi Sandra mang thai được một tháng. Nỗi bất hạnh kế tiếp lại giáng vào chính cô gái, một hôm Sandra ra tắm ở một con sông cạnh nhà rồi bị chết đuối...

Bà George kể đến đó thì tỉnh lại. Nhà phân tâm học đã hỏi rằng bà có nhớ rõ gương mặt cô gái Sandra Jean Jenkins không, thì bà George gật đầu nhiều lần và bảo: Tôi nhớ rất kỹ vì gương mặt đó chính là gương mặt cô gái mà tôi đã thường thấy trong những giấc mơ qua suốt một thời gian dài. Nhà phân tâm học liền đề nghị bà George nếu thuận lợi nên đến thị trấn Mariette để nhờ nhân viên tòa thị chính lục lại hồ sơ các gia đình ở đó vào khoảng các năm 1895, 1897 thử ra sao. Bà George liền đến thị trấn Mariette và tại tòa thị chính bà đã thấy được hồ sơ lý lịch hộ khẩu của gia đình cô gái có tên là Sandra Jean Jenkins đã sống tại thị trấn này. Câu chuyện lạ lùng về giấc mơ kỳ lạ và tiền kiếp của bà George Rudolph được báo chí loan truyền rất nhanh. Điều kỳ lạ tiếp theo là nhờ qua báo chí mà một người trong dòng họ của cô Sandra đã tìm gặp bà George và cho bà xem một bức ảnh chụp toàn gia đình của Sandra. Bà George nhìn bức hình và đã tìm thấy một cô gái khoảng 13, 14 tuổi mặc bộ đồ trắng đứng bên một người đàn ông lớn tuổi có lẽ là cha cô gái. Bà George vô cùng kinh ngạc, trong người bà tự nhiên như có một luồng điện chạy và tay chân bà như nổi gai ốc vì cô gái trong bức ảnh chính là cô gái mà bà thường gặp trong mơ và đó cũng chính là cô gái Sandra bà mô tả qua buổi thôi miên, đó là hình ảnh thực sự của bà trong tiền kiếp. Câu chuyện có thật về tiền kiếp của bà George đã được đài truyền hình Hoa Kỳ chiếu đi chiếu lại nhiều lần trong những năm 1990, 1991 và 1992.

• Trường hợp cô bé Winnie Eastland

sinh năm 1955 tại Virginia cũng rất kỳ lạ. Năm 1961 cô bé bị xe hơi cán khi chạy băng qua đường. Mặc dầu được các bác sĩ tận tình

cứu chữa, cô bé vẫn hôn mê trong một tuần lễ rồi sau đó qua đời. Người mẹ của Suzanne là bà Eastland vật vã khóc lóc thảm thường và đã nhiều lần nhảy xuống mộ huyết quyết chết theo con. Người nhà và bạn bè hết lời khuyên giải nhưng người mẹ vẫn khóc lóc đau khổ khôn nguôi. Một năm sau, bà Eastland nằm mơ thấy con mình là Winnie nhẹ nhàng bước vào nhà vừa mỉm cười vừa nói: "mẹ yêu quý, con sẽ trở lại với mẹ một ngày gần đây!". Không riêng gì mẹ Winnie thấy con mình trở về mà người con gái lớn của bà cũng nằm mộng thấy em mình quay về nữa. Năm 1964, bà Eastland sinh hạ một gái và để nhớ đến đứa con yêu dấu 3 năm trước đây, bà đặt tên là Winnie. Một sự lạ lùng sau đó đã xảy ra khi bé Winnie mới 2 tuổi đã nói một câu làm cả nhà phải ngạc nhiên: "năm nay con đã 6 tuổi rồi...". Câu nói thật dị kỳ vì lúc đó Winnie mới 2 tuổi hay là cháu bé nhắc lại kỷ niệm xưa lúc Winnie bị xe đụng chết vào năm 6 tuổi? Về sau, bé Winnie còn nhắc lại những gì đã xảy ra lúc nó chưa ra đời nghĩa là những gì mà bé Winnie đầu tiên đã sống. Điều kỳ lạ là bé Winnie đã kể lại vụ đụng xe, nó nói như nó là nhân chứng: Hôm đó con chạy qua đường và bất ngờ chiếc xe lao tới con tối tăm mày mặt. Con thấy nhiều người tụ tập lại quanh con rồi con được đưa lên băng ca chở vào bệnh viện... rồi sau đó con lang thang và báo cho mẹ biết rằng con lại quay về...". Bác sĩ Ian Stevenson đã ghi chú một phần quan trọng về câu chuyện có thật này như sau:

Các chuyên viên nghiên cứu về hiện tượng tái sinh, luân hồi đã lưu ý đến một vết nám bên hông cháu bé. Đó là dấu tích luân hồi, dấu tích vết thương lớn của tiền kiếp cháu bé về vụ đụng xe gây thương tích trầm trọng và khiến bé qua đời. Chính các bác sĩ giải phẫu ở bệnh viện cũng đã quan sát dấu vết ấy và họ cho biết: "các vết sẹo thường khi co rút, thu nhỏ lại. Đây cũng là một vết tích về một tai nạn hay một xê những gì xảy ra quá lâu nên dấu vết không lộ rõ rệt".

• Trường hợp Kỹ sư Frank. M. Balk

Câu chuyện có thật sau đây còn lạ lùng hơn nữa. Một kỹ sư người Hoa Kỳ tên là Frank M. Balk đã vô cùng ngạc nhiên vì ông thường nằm mộng thấy một người đàn bà mặc áo trắng đến bên giường bảo rằng: "Người hãy mau mau đến một đất nước có tên là Việt Nam để gặp lại cha mình, người ấy giống như tạc, đó chính là người cha tiền kiếp, ông ta là một nhà sư và hiện đang trụ trì tại một ngôi chùa trên một ngọn đồi gần thành phố!". Giấc mộng tiếp diễn nhiều đêm và nội dung đều giống nhau. Lúc đầu viên kỹ sư tưởng mình bị ám ảnh bởi một vài vấn đề nào đó nhưng khi nghĩ lại, ông ta nhận thấy nội dung giấc mơ không liên quan gì đến công việc hàng ngày cả. Viên kỹ sư là một nhà khoa học nên ông không tin những gì có tính cách mơ hồ, huyền bí, nhưng lại nghĩ rằng có lẽ mình yếu thần kinh hay có sự xáo trộn, lệch lạc về tinh thần nên đã tìm đến bác sĩ khám bệnh thủ. Kết quả bác sĩ cho biết "không có dấu hiệu gì chứng tỏ có sự mất quân bình về tâm, sinh lý cũng như não bộ và hệ thần

kinh. Sức khỏe tốt". Nhưng rồi một thời gian ngắn sau đó, viên kỹ sư lại nằm mơ và bên tai lại nghe văng vẳng tiếng thúc giục "hãy mau mau đi tìm người cha của tiền kiếp...". Giấc mộng lạ lùng ấy cứ tái diễn nhiều lần và năm 1956 (thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm) viên kỹ sư này cảm thấy không thể an ổn được tâm thần khi chưa tìm ra sự thật về giấc mộng dị kỳ ấy. Thế rồi ông quyết định xin được công tác ở Việt Nam. Thời đó, tại Hoa Kỳ có rất nhiều đoàn chí nguyện đến Việt Nam để công tác và giúp đỡ đất nước này sau Hiệp định Genève (1954), một đất nước bắt đầu xây dựng về đủ mọi lãnh vực sau bao đau thương tang tóc vì chiến tranh. Tại Việt Nam, kỹ sư Frank M. Balk làm việc ở cơ quan xây dựng, tạo tác và thiết kế những công tác của ông lại phải chuyển đổi luôn vì thế rất thuận lợi cho việc "đi tìm người cha trong tiền kiếp của ông theo như giấc mộng". Kỹ sư Frank M. Balk đã đi nhiều nơi ở miền Nam Việt Nam và nơi nào ông ta cũng tìm đến các ngôi chùa tọa lạc trên các ngọn đồi. Tuy nhiên từ miệt Cần Thơ, An Giang, Châu Đốc, Tây Ninh cho đến Vũng Tàu, Sài Gòn... nơi nào viên kỹ sư này cũng đều đặt chân tới và vào tận trong chùa tìm gặp vị trụ trì những chẳng thấy nhà sư nào giống mình cả. Mỗi đến một hôm có công tác tại Nha Trang, dù bận rộn viên kỹ sư này cũng đã sắp xếp công việc để có thời gian đi viếng các ngôi chùa. Nơi xứ thủy dương cát trắng này có một vài ngôi chùa tọa lạc trên đồi. Sau hai ngày đi thăm các chùa, viên kỹ sư vẫn chưa gặp được vị sư nào như đã thấy qua giấc mộng. Ngày thứ ba viên kỹ sư bước vào một ngôi chùa nằm trên ngọn đồi lớn nằm ở vùng Mã Vòng đó là chùa Hải Đức. Trên đồi này là một trung tâm hoàng pháp thuộc Giáo Hội Phật Giáo đang khuếch trương lớn để trở thành Trung Tâm Phật Học của Nha Trang sau này. Nhiều cơ sở được dựng lên và nơi đây có nhiều nhà sư trẻ có kiến thức văn hóa cao trí tuệ. Viên kỹ sư đã may mắn gặp được một số thầy, chú biết tiếng Anh nên sau khi tự giới thiệu và trình bày sự việc với nhà chùa viên kỹ sư được đưa vào chánh điện để gặp vị trụ trì. Lúc này trụ trì chùa là Sư Thích Phước Huệ. Vị sư này tuổi độ 70 đang ngồi tụng niệm trước bàn thờ Phật. Viên kỹ sư yên lặng đứng bên cây cột sau lưng vị sư già chờ đợi và quan sát. Trong khi đó các thầy, các chú, các sư tăng trong chùa cử ngáp ghé quan sát viên kỹ sư và ai cũng lấy làm lạ là tại sao hai người: Sư Phước Huệ và viên kỹ sư mỗi người một quốc gia riêng biệt, khác tôn giáo, phong tục tập quán, tiếng nói nhưng lại có gương mặt giống nhau như hai cha con?

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, Sư Phước Huệ tụng kinh xong đứng dậy. Chủ tiểu vội ra đầu cho viên kỹ sư trở xuống hậu liêu chờ đợi. Sư Phước Huệ được các thầy trong chùa kể lại sự việc, rất ngạc nhiên nên vội vã xuống gặp viên kỹ sư. Cuộc hội ngộ lạ lùng đã diễn ra sau đó. Viên kỹ sư đã trình bày mọi việc cho Sư Phước Huệ nghe, từ chuyện nhiều đêm thấy giấc mộng lạ kỳ cũng như những cuộc đi tìm người cha tiền kiếp trong mộng qua các ngôi chùa tọa lạc trên đồi ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Dĩ nhiên cuộc đối thoại ấy đã được các thầy, các chú ở

chùa Phật Học thông dịch. Sau cùng, viên kỹ sư mong mỏi được Sư Phước Huệ là cha và còn xin được quy y làm đệ tử.



Bức ảnh chụp viên Kỹ sư Mỹ đứng bên người cha tiền kiếp là Sư Phước Huệ. (Bức ảnh này được quý Thượng Tọa tại chùa Hải Đức - Huế, gửi tặng năm 1991 cho Tác giả để góp thêm tư liệu xác thực cho cuốn Những Bí Ẩn về Tiền Kiếp và Hậu Kiếp).

Hôm đó là ngày chủ nhật 27 tháng 4 năm 1958 lúc 4 giờ 30 phút chiều.

Thế rồi, hai tuần sau, một buổi lễ quy y cho viên kỹ sư Hoa Kỳ Frank M. Balk được tổ chức tại chùa Hải Đức. Sư Phước Huệ đã chọn pháp danh cho viên kỹ sư này là Chơn Trí. Viên kỹ sư được Sư Phước Huệ trao cho một chiếc áo tràng màu lam và chiếc quần dài nâu sòng. Sau đó "hai cha con" đã chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm ngày hội ngộ. Bức ảnh được phóng lớn treo ở hai ngôi chùa cùng có tên là Hải Đức, một ở Nha Trang và một ở Huế. Ngày nay, du khách đến Nha Trang hay Huế, nếu ghé thăm chùa Hải Đức sẽ thấy bức ảnh này treo ở nhà khách của chùa. Nhìn bức ảnh ai cũng ngạc nhiên thấy sự trùng hợp lạ lùng về hai con người xa lạ kẻ góc biển người chân trời nhưng lại có hai gương mặt giống nhau như tạc từ đất, mũi, miệng, tai và khuôn mặt. Dưới bức ảnh có đề hai hàng chữ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt Nam (Le fils perdu et retrouvé dimanche, le 27 Avril 1958 - 4h1/2 PM - Đứa con mất đã tìm lại được - chủ nhật 27.4.1958 - 4g30 chiều).

Một thời gian sau, vì cảm thấy quá già yếu nên Sư Phước Huệ ra Huế trụ trì tại chùa Hải Đức gần chùa Tử Đàm và viên tịch tại đây. Thi hài đã nhập tháp gần cạnh chùa.

Trong suốt thời gian công tác tại Việt Nam, viên kỹ sư này đã vẽ kiểu và xây dựng một ngôi bảo tháp trên đồi bên chùa Hải Đức gọi là chũt lòng thành cúng dường Tam Bảo và cũng để kỷ niệm ngày gặp gỡ người cha tiền kiếp của mình. Câu chuyện lạ lùng từ đó lan truyền khắp Việt Nam, chánh quyền thời đó (thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm) sợ sự hiện diện của viên kỹ sư ở Việt Nam cũng như vấn đề tiền kiếp sẽ tạo lợi điểm cho Phật Giáo nên tìm cách để chánh quyền Hoa Kỳ triệu hồi ông về nước sớm. Cuộc chia ly thật

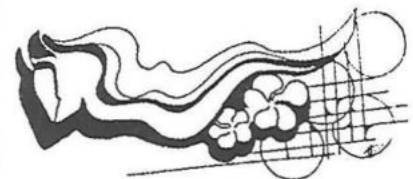
cảm động. Sư Phước Huệ đã nắm chặt tay đứa con tiền kiếp. Cả hai đều rơm rớm nước mắt. Từ đó, viên kỹ sư thường liên lạc thư từ cùng vị cha tiền kiếp của mình.

Ngày rằm tháng Tứ năm 1963, Sư Phước Huệ viên tịch. Nhà chùa có đánh điện qua Hoa Kỳ báo tin buồn cho viên kỹ sư những vào thời gian này tại Huế và Sài Gòn xảy ra cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Vì thế việc trở lại Việt Nam của viên kỹ sư để đưa tiền người cha tiền kiếp về nơi an nghỉ cuối cùng không thành (1).

(1) Ghi chú: Trên đây là tóm tắt lại câu chuyện có thật theo lời kể của TT Thích Trí Hải trụ trì chùa Hải Đức, Huế, đã có nhã ý gửi tư liệu và tấm ảnh từ Huế qua Hoa Kỳ cho tác giả để viết về trường hợp hy hữu này - (1990) ngoài ra cần biết thêm ở Hoa Kỳ hiện nay có TT Thích Chánh Lạc, Tiến sĩ văn chương Trung Hoa (hiện ở Colorado) là đệ tử của ngài Hải Đức.

Riêng chùa Hải Đức ở Huế, du khách muốn đến thăm chùa, Báo tháp và đi ảnh thì cứ đi theo đường dốc Bến Ngự, Huế, thẳng lên đường Phan Bội Châu (rẽ về phía mặt chùa Tử Đàm rồi đi thẳng lên đường Nam Giao cách chùa Tử Đàm 200 thước thì rẽ xuống một con đường đất dốc thoải thoải là đến cổng chùa Phước Huệ, trước mặt chùa có mấy đám ruộng lúa và khoai lang).

(Còn tiếp)



MÙA XUÂN

CHIM THỜI BAY

*nắng sao còn rừng rưng
mưa sao còn ngập ngừng
ôm đàn không đám không
e nhạt nhòa thanh cung*

*nếu mùa thu không đi
ai ngóng đợi xuân về
nếu tình xuân hờ hững
ai đem lòng si mê*

*nếu hoa giờ trôi xuôi
ai đi vay nụ cười
nếu xuân về bằng giá
chim đâu về reo vui*

*bây giờ không heo may
bây giờ vàng mai gầy
ôm đàn xưa nhỏ khúc
mùa xuân chim thời bay.*

• Nguyễn Song Anh

Đôi nét về "BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG", nơi ĐỨC PHẬT thành đạo

.TS. Lâm Như Tạng

*Nón nấp trần tâm mờ xa nẻo thẳm
Cuồng say kiếp sống con người
Muôn vạn vàng dường về trên đỉnh núi
Thác reo lòng suối xưa nay
Và giữa đêm sương buốt lạnh đời
Gió rừng xào xạc ánh trắng với
Thú khuya bùng hót tàn canh mộng
Là lúc Ngài vang một tiếng cười... (*)*

Khi nghĩ về Đức Phật, là Phật Tử, không ai lại không nhớ về bốn Thánh tích quan trọng. Đó là Vườn hoa Lâm Tỷ Ni (Lumbini Nava), dưới cây hoa Vô Ưu (Asoka), thành Ca Tỳ Ly Vệ (Kapilavastu) nay thuộc nước Nepal phía Bắc Ấn Độ, nơi Thái tử Sĩ Đạt Đa (Siddhartha Gautama) đản sanh. Thứ hai là Bồ Đề Đạo Tràng (Bodddha Gaya), tại Buddh Gaya, nay thuộc tiểu bang Bihar, miền Bắc Ấn Độ, nơi Đức Phật thành đạo. Thứ ba là Vườn Lộc Uyển (Miga daya, nay gọi là Sarnath thuộc xứ Utta Pradesh) (1), nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên. Thứ tư là Câu Thi Na (Kusinagara), nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Nhân ngày Đức Phật thành đạo, xin số lược đôi nét về Bồ Đề Đạo Tràng để ghi nhớ nơi Đức Tử Phụ sau 49 ngày đêm tham thiền nhập định đã thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kể từ đó sau 49 năm Ngài thuyết giảng kinh pháp đã để lại cho nhân loại một kho tàng kinh điển quý giá vĩ đại.

Bồ Đề Đạo Tràng ngày nay còn lại những gì, lược sử của nó như thế nào?

1. CÂY BỒ ĐỀ VÀ KIM CƯƠNG TÒA

Trên đường chiêm bái các Phật tích nếu đi từ núi Khổ hạnh lâm (Dungsiri) một ngọn núi khô khan cằn cỗi, nóng bức như lửa đốt vào mùa hè, phải lội qua sông Ni Liên Thiên (Neranjara), để đến Bồ Đề Đạo Tràng.

Gần nơi Bồ Đề Đạo Tràng có một di tích nông trại của nàng Tu Sa Đa (Sujata), người đã dâng sữa cúng dường Thái tử Sĩ Đạt Đa sau khi Ngài từ Khổ hạnh lâm đến (2)

Bồ Đề Đạo Tràng có một Tháp lớn, sau Tháp này là cây Bồ Đề rất lớn, tại nơi gốc cây có một Kim Cương Tòa chính là nơi Thái Tử đã ngồi tham thiền nhập định 49 ngày đêm đến lúc Ngài hoá nhiên đại ngộ thành bậc chánh đẳng chánh giác.

Theo lịch sử ghi lại cây Bồ Đề này từ đó đến nay đã ba lần bị đốn ngã nhưng lành thay sau khi bị chặt từ dưới gốc lại đâm chồi lên và tồn tại xanh tươi cành lá xum xuê cho đến ngày nay. Lần thứ nhất bị chặt đó là trước khi vua A Dục (Asoka, lên ngôi năm 273 trước Tây lịch, làm vua được 37 năm) (3) chúa phát tâm theo Phật Giáo. Lần thứ hai, sau khi vua theo Phật Giáo, Ngài thường đến nơi cây Bồ Đề để tưởng nhớ Đức Phật, Hoàng Hậu phẫn nộ nên sai quân lính đến chặt phá cây Bồ Đề. Lần thứ ba khi giặc Hồi Giáo xâm lăng Ấn Độ đã chặt phá cây Bồ Đề (4). Mặc dù trải qua những cơn tàn phá như vậy cây Bồ Đề nguyên thủy nơi Đức Phật thành đạo đến nay cành lá vẫn tỏa rộng xanh tươi như giáo pháp của Ngài đang tỏa khắp năm châu bốn bể.

2. THÁP NHỎ VÀ TƯỢNG PHẬT LỘ THIÊN

Phía Đông của Tháp lớn là một ngôi Tháp nhỏ được xây để kỷ niệm nơi Đức Phật đến đây để nói những lời nhân hậu cảm ơn cây Bồ Đề đã che nắng che mưa cho Ngài trong suốt thời gian Ngài tham thiền nhập định cho đến khi thành Phật.

Phía Nam của Tháp lớn là một Tháp nhỏ khác kỷ niệm nơi Đức Phật đã tu chứng được tứ thiền.

Bên phải của Tháp lớn là một tượng Phật lộ thiên xây giữa hồ sen có cừu long che chở. Tương truyền rằng khi Ngài tu thiền định có thần long che mưa che nắng cho Ngài (5).

Nơi sát vách phía đông Tháp lớn có một tượng Đức Quán Thế Âm. "Trở về phía đông của ngôi Đại Tháp thấy có nhiều người Tây Tạng, cả Tăng lẫn tục đều nhắm mắt, chấp tay chí thành đi về hướng tượng Đức Quán Thế Âm được tạc sát vào thành của ngôi Đại

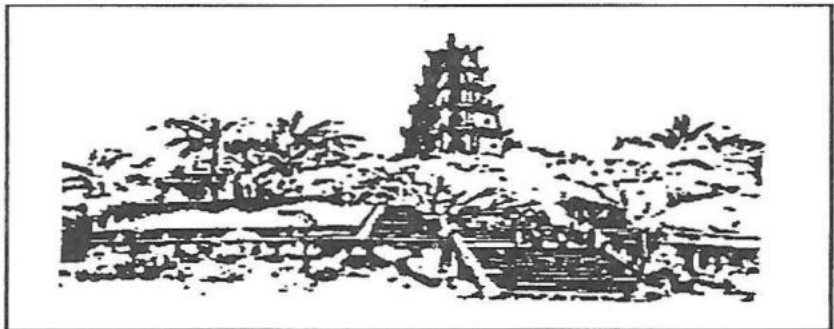
Tháp.... Tượng Đức Quán Âm nguyên thủy không còn nữa, sau này người Tây Tạng tạc tượng này để lễ bái và họ tin rằng nếu nguyện một điều gì đó sẽ thành tựu thì nhắm mắt đi vẫn đến như thường. Nếu không, tự nhiên có một dẫn lực nào đó dắt ra khỏi tôn tượng. Ai không tin, cũng phải tin. Vì đây là nơi Thánh Địa, linh thiêng vô cùng. Độ xa từ khi nhắm mắt khởi đầu đi đến gần tượng chừng 10 thước. Khi đi đến tự nhiên thấy mình như bị xô tới. Tất cả ai nấy cũng đều cảm nhận như vậy. Mà quả thật pháp Phật thật nhiệm mầu. Nếu không có những linh thiêng mầu nhiệm này thì ma vương và ngoại đạo đã phá nơi này rồi..." (6) (Trích lời Thượng Tọa Thích Như Điển).

Nhất là nơi Thánh địa quan trọng này ngoại đạo thấy nhiều Phật Tử các nơi trên thế giới đến chiêm bái họ sanh lòng ganh ghét muốn phá phách. Còn những người theo Ấn Giáo địa phương thì lúc nào cũng muốn lợi dụng lòng sùng kính thánh tích của khách thập phương mà lập mưu để thủ lợi.

3. NGÔI ĐẠI THÁP

Thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng có lịch sử từ khi Đức Phật thành đạo tại nơi này. Về cây Bồ Đề mặc dầu bị chặt ba lần nhưng nó vẫn tồn tại liên tục đến ngày nay nên có phần dễ hiểu.

Riêng về ngôi Đại Tháp khó xác định được thời gian xây cất và vì bị phá hủy và



được xây lại nhiều lần nên khó xác định hình thái và độ cao của nó một cách chính xác.

Vua A Dục đã đến đây chiêm bái nhiều lần, cuộc chiêm bái của Ngài có khắc vào bia đá để kỷ niệm, hiện còn giữ tại Sanchi (7).

Đại Tháp đầu tiên rất có thể do vua A Dục dựng lên nhưng vì thiếu bia ký để kiểm chứng. Nhưng dù có do vua A Dục xây dựng Đại Tháp đầu tiên đi nữa thì rất tiếc là ngôi Tháp nguyên thủy ấy nay không còn, ngôi Tháp hiện tại là do sau này mới xây lại mà thôi.

Muốn hiểu về lịch sử Đại Tháp ta phải dựa vào ký sự của Ngài Pháp Hiển và Ngài Huyền Trang để dễ thẩm định. Dựa theo những tài liệu đó có thể đoán chắc là ngôi Đại Tháp hiện tại được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ hai sau Tây lịch.

Vào năm 409 Ngài Pháp Hiển đã đến thăm Bồ Đề Đạo Tràng, trong ký sự Ngài viết: "Tại chỗ Đức Phật thành đạo có 3 ngôi

Tháp và nhiều vị Sư tu hành. Gia đình dân chúng chung quanh cũng dùng các thức ăn chắc rất đầy đủ, không thiếu thứ gì. Các vị Sư giữ giới luật rất thanh tịnh trang nghiêm!" (8)

Năm 637 Ngài Huyền Trang đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng, trong ký sự Ngài viết: *"Phía đông cây Bồ Đề có một Tháp cao chừng 52 thước, nền Tháp rộng độ 20 thước vuông, tường bằng gạch xanh, trét vôi chu nam, các khám tượng của mỗi tầng đều thếp vàng. Bốn mặt tường đều đầy những tượng khắc rất đẹp, chỗ này là hình ảnh những chuỗi ngọc dài, chỗ kia là những vị Tiên. Ngọn Tháp là một trái Amlak bằng đồng thếp vàng. Mặt phía đông, có một tòa lầu 3 tầng và các mái hiên, cột trụ và cột nhà cùng của lớn và cửa sổ đều được trang hoàng với những ảnh tượng bằng vàng hay bạc, với ngọc ngà dính vào tượng và các kẻ hở. Những phòng âm u và những dãy hành lang bí mật đều có cửa mở vào trong những tầng lầu... Về phía mặt và phía trái đều có tượng Đức Quán Thế Âm và tượng Đức Bồ Tát Di Lặc. Những tượng này đều bằng bạc và cao độ 3 thước tây. Tại chỗ Tháp hiện tại, vua A Dục ban đầu có lập một ngôi chùa nhỏ, về sau có người Bà La Môn lập lại một ngôi khác to rộng hơn nhiều"* (9).

"Ngọn Tháp mà Ngài Huyền Trang miêu tả chính là ngọn Tháp hiện tại, không còn nghi ngờ gì nữa, đầu có sửa chữa và thay đổi" (10).

Theo lịch sử, Phật Giáo Tích Lan có liên quan đến Bồ Đề Đạo Tràng kể từ khi vua A Dục cử Đại Đức Sanghamitta đem nhánh Bồ Đề qua Tích Lan tặng. Năm 330 vua Meghavana có lập một ngôi chùa tại Bồ Đề Đạo Tràng để chú Tăng người Tích Lan có nơi tu học.

Năm 1079 Phật Tử Miến Điện góp công sửa sang lại ngôi Đại Tháp và xây tường bao bọc chung quanh.

Đến năm 1298 Phật Tử Miến Điện lại trùng tu lại một lần nữa.

Tại làng Janibigha thuộc xứ Bihar có tìm được một tấm bia đề năm 1202 có ghi vị Tỷ Kheo người Tích Lan tên Mangalawami quản lý ngôi làng để lo việc tu bổ và cúng lễ Kim Cương Tòa tại Bồ Đề Đạo Tràng.

Theo những tài liệu ghi trên cho thấy ít nhất là cho đến thế kỷ 13 sau Tây lịch Bồ Đề Đạo Tràng còn do Phật Tử Tích Lan và Ấn Độ quản trị. Sau khi giặc Hồi Giáo tràn vào chiếm cứ Ấn Độ, tàn sát Tăng Ni và Phật Tử, đốt phá chùa chiền và các di tích Phật Giáo, Phật tích này mới bị bỏ hoang, không người chăm sóc cho đến khi ông Mahant (thuộc Ấn Độ Giáo) đến tại nơi này.

Năm 1812 nhà khảo cổ trú danh là Bác sĩ Buchanan Hamilton đến thăm Bồ Đề Đạo Tràng, ông đã trông thấy ngôi Đại Tháp đã đổ nát hoang phế từ lâu. Như vậy chứng tỏ ông Mahant không để ý gì đến việc tu sửa ngôi Tháp này.

Vị Đại sư Miến Điện tên là Mêngy Maha Chesu và đoàn tùy tùng đã đến thăm nơi đây vào năm 1833, có tìm thấy một tấm bia ghi

bằng chữ Pali như sau: *"Đây là một trong số 84 ngàn ngôi Tháp do vua A Dục, vua cõi Diêm Phù Đề, dựng lên để kỷ niệm nơi Đức Phật thành đạo..."*

Ngày 18 tháng 8 năm 1875, Bộ Ngoại Giao Miến Điện gửi một văn thư cho ông Tổng Toàn Quyền yêu cầu được phép trùng tu lại ngôi Đại Tháp, xây tường để đỡ nhánh cây Bồ Đề, sửa chữa lại những đền đài đổ nát tại đây và xây một ngôi chùa cho Tăng chúng tu học trong khu vực Bồ Đề Đạo Tràng. Trong khi ấy, chiến tranh giữa nước Anh và Miến Điện bùng nổ nên đáng lý ra công việc trùng tu, xây cất phải do đại diện của nhà vua Miến Điện, nhưng lại phải giao cho ông Mahant (Ấn Độ Giáo) và chính phủ Ấn Độ quản đốc công việc. Có điều lạ là Sở Bắc Cổ Ấn lại không quan tâm đến Đại Tháp Bồ Đề Đạo Tràng.

Sau đó có rất nhiều ý kiến và thỉnh nguyện thư của Phật Tử đòi giao lại Phật tích này cho Phật Tử quản lý, nhưng không được đáp ứng bởi chính phủ Anh và Ấn Độ lúc bấy giờ...

Mãi đến năm 1891, Ngài Anagarika Dharmapala tự dảm trách công việc đòi lại Bồ Đề Đạo Tràng từ tay người Ấn Độ Giáo. Vì họ chỉ giữ Thánh tích này với mục đích hưởng lợi qua sự cúng dường của bá tánh chứ không hề có ý muốn tu sửa hay cung kính chi cả.

Sau lần chiêm bái Thánh tích này Ngài Dharmapala ngày 21.1.1891 đã ghi trong nhật ký như sau: *"Tôi đến với ông Durga Bahu và Bác sĩ Chettejee tại Buddhagaya, nơi tôn quý nhất của Phật Tử. Sau khi đi độ 6 dặm Anh, chúng tôi đến tại Thánh tích. Trong khoảng một dặm Anh, chúng tôi đã thấy những tượng của Đức Từ Phụ lần lóc chỗ này chỗ kia. Tại ngôi đền của ông Mahant hai bên cửa có những tượng Đức Thế Tôn đang thiền định hay đang thuyết pháp. Ôi! Tôn nghiêm làm sao ngôi Tháp quý báu này! Đức Thế Tôn ngồi trên pháp tòa và sự tôn nghiêm tỏa khắp làm cho đệ tử chí thành phát khóc. Ôi sung sướng biết bao! Khi vòng trang của tôi chạm đến Kim Cương Tòa, một ý niệm phát ra rồi đánh mạnh vào tâm trí tôi. Ý niệm ấy bảo tôi dừng lại đây và gìn giữ thánh tích tôn nghiêm này, tôn nghiêm đến nỗi không gì trên đời này sánh bằng, vì đây là chỗ mà dưới gốc Bồ Đề Thái tử Sĩ Đạt Đa đã giác ngộ thành Phật. Tôi lượm một vài ngọn lá và một ngọn cỏ có hình dáng rất đặc biệt. Khi một ý niệm đột nhiên đến với tôi, tôi hỏi vị Tu sĩ người Nhật tên Kozen có bằng lòng ở lại đây với chúng tôi không. Vị này hoan hỉ bằng lòng và hơn thế nữa vị này cũng nghĩ như tôi. Cả hai chúng tôi thề một cách trịnh trọng quyết ở lại đây cho đến khi có một vị Tu sĩ đến quản đốc Thánh tích này"* (22.1.1891).

Ngài Dharmapala sau khi chiêm bái về đến Tích Lan, ngày 30.6.1891 tổ chức một buổi Đại Hội Phật Giáo do Ngài Sumangala làm chủ tọa, trong buổi họp này hội Maha Bồ Đề được thành lập với mục đích lấy lại Bồ Đề Đạo Tràng và truyền bá chánh pháp tại Ấn

Độ. Đại Đức Sumangala là Chủ tịch, Đại Đức Dharmapala làm chánh thư ký hội.

Sau hai lần kiện đòi lại Thánh tích này cho Phật Tử, thất bại vì Ngài Dharmapala không đủ tiền bạc và thế lực nên bị thua kiện. Thế nhưng Ngài đã dùng phương tiện truyền thông, báo chí để vận động dư luận quần chúng ủng hộ. Do đó dân chúng Ấn Độ và Phật Tử trong nước cũng nước ngoài đều biết qua báo chí và họ đều hỗ trợ cho công việc đòi lại Thánh tích này.

Do những ảnh hưởng kể trên nên vấn đề này được đem ra bàn cãi tại Đại Hội Quốc Gia Ấn Độ (Indian National Congress) nhóm họp tại Gaya, Belgaon, Coconada và các nơi khác nữa. Đảng Quốc Đại đã thành lập một Ủy Ban để lo xử lý công việc này theo đó Phật Giáo cử đại diện và Ấn Độ Giáo cũng cử đại diện vào Ủy ban Quản lý Thánh tích này nhưng không thành công vì phía Ấn Độ Giáo phản đối đề án này.

Mãi đến sau khi Ấn Độ được Anh trao trả độc lập, chính phủ Ấn Độ đứng ra trực tiếp can thiệp và trao quyền quản đốc Thánh tích cho một Ủy ban gồm có 11 người, năm người Ấn Độ Giáo (trong số này có ông Mahant) và năm người Phật Tử, một vị Chủ tịch Ủy ban do chính phủ Ấn cử để lo việc quản đốc Thánh tích.

Kể từ ngày ấy đến nay Thánh tích đều do Phật Tử đứng ra tu bổ. Ngoài ra chính phủ Ấn còn kêu gọi Phật Tử các nước khác đến lập chùa trong khu vực Thánh tích để tiện việc cho chú Tăng Ni tu niệm và có nơi tạm trú cho tín đồ đếm tham bái. (11)

4. NHỮNG NGÔI CHÙA CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI BỒ ĐỀ ĐẠO TRĂNG

Chung quanh khu vực Bồ Đề Đạo Tràng có những chùa của các nước như:

Chùa Miến Điện, được xây cất cách nay độ chừng trên 50 năm. Chùa xây có vẻ sơ sài, có lẽ ảnh hưởng đến cách suy nghĩ của người Miến Điện là đón gian hóa mọi vấn đề?...

Chùa Trung Hoa nằm đối diện Bồ Đề Đạo Tràng về hướng đông.

Phật Giáo Nhật Bản có hai ngôi chùa trong khu vực này. Chùa xây đồ sộ có lối kiến trúc tân thời theo kiểu Nhật Bản. Ngoài chánh điện lớn, trang nghiêm, còn có cả thiền đường, Tăng phòng, nhà trọ, Trai đường... trông có vẻ nguy nga đồ sộ...

Chùa của Butan rất lớn, mặc dầu họ là một quốc gia nhỏ bé. Phật Giáo là quốc giáo tại quốc gia nằm trong dãy Hy Mã Lạp Sơn này.

Một chùa Ấn Độ đang xây cất (đó là vào năm 1988), chẳng biết giờ này đã xong chưa, vì công việc xây cất trông yếu ớt lắm.

Ngoài ra còn có các chùa khác như chùa Nepal, chùa Thái Lan rất lớn, chùa Sikkim v.v....

Về phía Tây Tạng họ có hai chùa, cả hai đều có những bích họa rất đáng để ý.

Một ngôi chùa thuộc phái Geluppas thường được gọi là phái "Mũ Vàng". Trong

chùa có một tấm bích họa bánh xe Pháp Luân khổng lồ, sự phức tạp và màu sắc sặc sỡ tượng trưng cho sự rắc rối lộn xộn của đời sống luân hồi, con đường đưa đến giải thoát và hình ảnh thuyết pháp, giảng đạo... Bích họa là cả một công trình khoa học, bố cục và họa theo phương pháp hình học rất phân minh, rõ ràng và đầy ý nghĩa thâm sâu của nó.

Để diễn tả tam độc là tham, sân, si, ở trong trục bánh xe có vẽ một con gà, một con rắn và một con heo. Ba con vật này cắn đuôi của nhau làm thành một vòng tròn liên tục.

Để diễn tả cái nghiệp (karma), vòng tròn xung quanh trục chia làm hai phần đen và trắng. Đen tượng trưng cho ác nghiệp và trắng tượng trưng cho những điều thiện...

Để diễn tả 12 nhân duyên, vành bánh xe chia làm 12 đoạn như sau:

Một người đàn bà mù tượng trưng cho Vô minh (Avijja). Người đang nhồi đất sét tượng trưng cho Hành (samkhara). Con vượn đang cầm cái ghế cái chậu chỉ cho Thức (Vijnana). Người đang ở trong một chiếc thuyền chỉ cho Danh sắc (Namarupa). Một cái nhà với 6 cửa sổ tượng trưng cho Lục nhập (salayatana). Đồi trai gái ôm nhau chỉ cho Xúc (phasso). Một người đang rút mũi tên ra đâm vào mắt là chỉ cho Thọ (Vedana). Một người nghiện rượu liên miên chỉ cho Ái (tanha). Một con khỉ đang hái trái cây chỉ cho Thủ (Upadana). Hữu (bhava)... Sanh (Jati) là một hình ảnh đang hành dâm. Một người già đang đi khòm chống gậy là Lão (jara) và một số người đang khiên thây chết đi chôn chỉ cho Tử (marana), cũng vừa là diễn tả cho sự tiếp nối của đời sau trong sự chuyển nghiệp.

Ngoài ra còn có hình ảnh một con quái vật rừng rợn (chỉ cho ma vương), đang cắn chặt toàn thể bánh xe trong răng và cho quay tròn bánh xe bằng hai chân và hai tay của nó.

Hình ảnh cuối cùng là Đức Phật Thích Ca đang đứng thẳng, cao xa, ở góc bên trái, phía mặt, đưa tay chỉ ma vương và bánh xe đó. (12)

Những hình ảnh kể trên cho ta những ấn tượng sâu xa về kiếp sinh, tử, luân hồi, sự trầm luân đọa lạc, khiến chúng ta nhằm chán ghê sợ mà dừng mãnh phát tâm cầu giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

5. VIỆT NAM PHẬT QUỐC TỰ

Chùa Việt Nam có tên là "VIỆT NAM PHẬT QUỐC TỰ"

Chùa được thành lập trong một khu đất rộng chừng 5 mẫu tây, cách Thánh tích chừng 15 phút đi bộ. Bắt đầu xây cất từ năm 1987, đến tháng 12 năm 1988 đã xây xong được một Pháp xá 3 tầng, chiều dài độ 50 thước tây, có 30 phòng đối dành cho khách hành hương nào muốn trú ngụ trong thời gian chiêm bái Thánh tích. Phòng có đủ tiện nghi hiện đại như khách sạn cỡ trung tại New

Delhi. Chùa đang vận động xây chánh điện, thư viện, tượng Đức Quan Âm lộ thiên...

Trên đây là một công trình Phật sự lớn lao không phải do chú Tăng đứng ra chủ xướng mà lại do một số Phật Tử đứng ra đảm trách công việc. Trong đó phải kể là công lao của Giáo sư Lâm Trung Quốc. Nếu ai có dịp tham quan Phật Tích này xin đừng quên ngôi Chùa Việt Nam trên đất Phật áy.

Như chúng ta đã biết sau khi Đức Phật thành Chánh Giác tại gốc Bồ Đề nơi Bồ Đề Đạo Tràng, Ngài đến Vườn Lộc Uyển thuyết pháp lần đầu tiên để độ 5 anh em Kiều Trần Như.

Dưới đây xin tóm lược bài pháp đầu tiên Đức Phật đã giảng tại Vườn Lộc Uyển.

6. BÀI KINH ĐẦU TIÊN :

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (DHAMMACAKKAPAVATTNANA SUTTA)

Từ Bồ Đề Đạo Tràng đến Vườn Lộc Uyển (Miga Daya) thuộc thành Ba La Nại (Bénarès xưa gọi là Vārānasi), đoạn đường dài trên 300 cây số, mà Đức Phật đã thân hành đến đây vì năm vị đồng tu ngày trước mà thuyết pháp độ họ.

Đức Thế Tôn gọi 5 vị Tỷ Kheo (tức 5 anh em ông Kiều Trần Như) dạy rằng:

"Năm các Tỷ Kheo có 2 điều thái quá, người xuất gia không nên theo. Một là mê đắm dục lạc, hạ liệt phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không thiết lợi đạo. Hai là tu khổ hạnh, khổ đau, không xứng Thánh hạnh, không thiết lợi đạo. Chính nhờ từ bỏ hai điều thái quá này, Đức Như Lai giác ngộ con đường trung đạo, con đường đem đến pháp nhãn, trí huệ, đưa lại an tịnh, thượng trí, giác ngộ Niết Bàn..." (13)

Con đường trung đạo Đức Như Lai đã thuyết giảng đó là Bát Chánh Đạo (Ariyatthangikomaggo): Chánh tri kiến (Samma-ditthi), Chánh tư duy (Samma-sankappa), Chánh ngữ (Samma-mavaca), Chánh nghiệp (Samma-kammanta), Chánh mạng (Samma-vajiva), Chánh tinh tấn (Samma-vayama), Chánh niệm (Samma-sati), Chánh định (Samma-samadhi). (14)

Đức Phật đã giảng pháp Tứ Diệu Đế (Aryasacca): Khổ (Dukkha-aryasatya), Tập (Samudya), Diệt (Nirdha), Đạo (Marga), như sau:

KHỔ ĐẾ LÀ GÌ?

Tức là những hình tướng của sự khổ não: "sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, thân ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) chấp thủ là khổ".

KẾ ĐẾN TẬP ĐẾ LÀ GÌ?

Tức là những nguyên nhân đưa đến sự khổ. Đức Phật dạy: "*Chính là Ái đưa đến Hữu, tướng ứng với hỷ và tham, tìm cầu hoan lạc chỗ này chỗ kia, chính là dục ái, sanh ái, vô sanh ái*".

DIỆT ĐẾ LÀ GÌ? "

Chính là sự diệt tận, vô dục, tử bỏ, xả ly, giải thoát, tự tại đối với các ái".

Đức Phật dạy chúng ta hãy diệt tận những nguyên nhân đưa đến khổ não ràng buộc, khiến cho tâm trí ta bị vô minh che lấp, ánh sáng trí tuệ không thể tỏa sáng được...

Phương pháp diệt tận gốc rễ của sự khổ não đó là Đạo Đế. Đạo Đế đây tức là Con Đường Thánh Tám Ngành, còn gọi là con đường hay phương pháp hướng dẫn chúng ta cách diệt trừ những sự khổ và nguyên nhân đưa đến khổ não nói trên.

Đó là Bát Chánh Đạo:

Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Sau khi Đức Như Lai thuyết pháp như vậy, 5 vị Tỷ Kheo hoan hỉ tán thán lời Đức Thế Tôn. Đức Kondanna (Kiều Trần Như), chứng được pháp nhãn thanh tịnh, không cấu nhiễm và chứng ngộ rằng: các pháp do tập sanh đều là những pháp phải bị diệt.

7. NỖI NHỔ

Vừa chiêm bái một vòng quanh Thánh Tích và suy niệm xong bài kinh thứ nhất, giờ này trong tâm tư tôi như vẫn còn nghe văng vẳng những lời vàng ngọc Đức Từ Phụ đã giảng dạy.

Ồi! Lành thay! Lưu luyến mãi cây Bồ Đề mấy ngàn năm vẫn ngày càng tỏa rộng cành lá xanh tươi hiền hòa để che mát cho con người.Ồi! Lưu luyến ngôi Đại Tháp, cảnh vật hiền hòa thanh tịnh, và những ngôi chùa, những ngôi chùa triu mến thân thương:

Từ năm tôi đến chùa này

Lòng như đã đến cõi ngoài trần gian

Câu kinh như những tiếng lòng

Cỏ hoa là bạn tâm đồng trời mây...

(Như Tịnh) (15)

GHI CHÚ:

(*) Như Tịnh, Tuyển tập thơ "Trọn Vẹn Một Tình Yêu", 1991.

(1) Tự Điển Bách Khoa "The World", Volume 10, năm 1995.

(2, 7, 11, 12, 13) Hòa Thượng Thích Minh Châu "Đường Về Xứ Phật", 1964.

(3) Đoàn Trung Còn, "Phật Học Từ Điển", 1966.

(4, 5, 6) Thượng Tọa Thích Như Điển, "Lòng Từ Đức Phật", 1989.

(8) Ký sự "Fa-hsien" của James Legge.

(9) "Hiuen Tsiang", tập 11 của Beel.

(10) "Maha Boddhi" của Alexander Cunningham.

(14) Tuệ Giác, "Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử", 1964.

(15) Như Tịnh, Truyện thơ "Con Đường Cầm Thông" (đoạn 69), 1996.

CÔNG ĐỨC CỦA VIỆC XUẤT GIA

.Thích Như Điển

Viết về người xuất gia và công đức của việc xuất gia đã được chú Tổ, chú Tăng, các bậc thân giáo sư đã viết ra rất nhiều sách vở và ngay cả Đức Phật, chính Ngài là người đã chế ra giới luật để giúp đỡ cho chú Tăng có cơ hội hành trì, mà đi vào con đường giải thoát này.

Hôm nay tôi viết lại về đề tài này tưởng cũng không thừa. Vì có nhiều người muốn biết về đời sống của người xuất gia như thế nào? Họ làm gì ở trong chùa? Họ có được tự do hay gò bó? Sự tu và học của họ ra sao?, Sự ăn, ngủ và sự hành trì về giáo pháp của Như Lai như thế nào? Nên cảm thấy cần phải viết để cho những người đang và sẽ đi vào con đường này đỡ ngỡ.

Việc xuất gia không phải chỉ có bây giờ, mà ngay từ thời Đức Phật và trước đó nữa đã có. Chính những vị đạo sĩ Bà La Môn đã hướng dẫn Đạo sĩ Cồ Đàm đi vào con đường buông xả ấy. Trong tất cả những hình ảnh về cuộc đời của Đức Phật, có một hình làm cho tôi cảm động nhất và thấy hữu lý nhất đó là hình ảnh uy nghi của Đức Phật, với một thái độ rất dũng dũng, bước đi khoan thai, trong khi đó, một người Công chúa đẹp tuyệt trần, với dung nhan mỹ miều, với vòng vàng xuyên nhẫn đeo khắp thân mình nằm mọp phía sau Ngài và có lúc tôi đã tự cho chùa vào bức hình này cả tiếng Việt lẫn tiếng Đức – có nghĩa là: xả bỏ tất cả để được tất cả. "Alles verlassen, um alles zu haben". Cuộc đời của Đức Phật, Ngài đã có tất cả; nhưng Ngài đã bỏ tất cả. Khi không còn gì tất cả, trong ý nghĩa không vướng bận nợ thế nhi triền phược, nợ áo cơm của cuộc sống, chính lúc ấy là lúc giải thoát của chính mình. Sự giải thoát có nghĩa là sự cởi trói mọi sự ràng buộc, mà sự ràng buộc ấy chính mình đã tự buộc ràng trong vô lượng kiếp; kể từ đây, cuộc sống của người xuất gia là cuộc sống trong một phương trời cao rộng.

Gần đây tại chùa Viên Giác có mấy chú mới xuất gia, mà mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau. Có chú thì được cha mẹ cho xuất gia hẳn hoi, có chú thì phải tranh đấu nhiều lắm với gia đình mới được toại nguyện. Có chú thì gia đình vẫn cho, nhưng cũng vừa không cho. Tôi nêu ra ba trường hợp tiêu biểu như vậy thôi, những trên thực tế thì có nhiều trường hợp khác nhau nữa.

Trường hợp thứ nhất là trường hợp rất hy hữu. Nghĩa là cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia và người con cũng có ý xuất gia tu học. Đây quả là một nhân duyên thù thắng, vì giữa cha mẹ và con cái đã có duyên lành với Phật pháp từ nhiều đời nhiều kiếp rồi. Nên kiếp này mới dám sẵn sàng cắt đứt nướm ruột của mình để hiến dâng con mình cho đời và cho đạo. Trong trường hợp này gọi là thuận duyên. Nhưng cũng có lúc cha mẹ thích cho con đi tu học, nhưng người con không có ý xuất trần làm thượng sĩ thì cũng đành hẹn kiếp lai sinh vậy thôi.

Trường hợp thứ hai khó khăn hơn nhiều. Nghĩa là chính quý chú có tâm cầu đạo, xuất gia tu học, nhưng gia đình kháng kháng từ chối. Việc này cũng không dễ chút nào, nhưng phải đòi hỏi ở người có tâm tu học, có một ý chí thật kiên cường mới có thể chinh phục được gia đình. Việc chinh phục này có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau, như ăn chay nhiều ngày hơn thường lệ tại gia đình, để chứng tỏ cho cha mẹ và anh chị em thấy rằng mình đã quyết. Nếu làm vậy mà thấy cũng chưa có kết quả thì hãy đi chùa nhiều hơn ngoài giờ đi học ở trường để tạo



thêm tăng thượng duyên trong sự xuất gia của mình. Phải thực hiện việc này liên tục trong nhiều năm tháng mới có thể chinh phục gia đình được. Mà đây cũng chính là thời gian để thử thách mình có còn đủ can đảm để bảo vệ ý muốn của mình nữa không?

Cha mẹ hoặc anh chị em có thể nêu ra rất nhiều lý do để làm sao cho mình nản chí và nản lòng; nhưng hãy nhìn kỹ lại cuộc đời của Đức Phật, Ngài cũng đã làm đủ mọi bổn phận, nhưng nào có được vua cha chiều ý theo. Nên cuối cùng Ngài phải vượt thành tìm đạo là vậy. Trong lịch sử Phật Giáo thế giới như Ấn Độ, Trung Hoa, Tích Lan, Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản thuở xa xưa, Đại Hàn, Đài Loan v.v... không thiếu những hình ảnh này. Mà phải nói rằng đại đa số chú vị xuất gia tiền bối, đương nhiệm hoặc hậu lai cũng đều nằm trong trường hợp này cả.

Nếu con đường giải thoát giác ngộ là độc lộ trường thiên với khách lữ hành cô độc trong phương trời cao rộng ấy, thì đó chính là nẻo về thên thang của ý thức, của sự tu học sau này. Một chút gán bó tình cảm cá nhân, gia đình và xã hội mà mình không vứt bỏ được thì làm sao vứt bỏ được tham, sân, si, nghiệp chướng của mình để đi vào cõi tịnh lặng của tâm linh?

Trường hợp thứ ba cũng thường hay xảy ra nơi thiền môn lắm. Có nghĩa là người có tâm muốn xuất gia khi thì tinh tấn dũng mãnh nhưng cũng có lúc bị chùn tâm xuống, có lẽ vì nhiều lý do khác nhau trong khi chuẩn bị tu tưởng cho một cuộc sống xuất gia trọn vẹn. Có thể bị thử thách của gia đình làm mình khó khăn chọn lựa giữa Đạo và Đời. Nhưng cũng có thể khi vào chùa thấy nhiều cảnh trái ý nghịch lòng trong khi chuẩn bị phát tâm xuất gia, nên lại thoái chí. Loại người này là loại người tương đối thôi. Không phải là người có nghị lực mạnh. Tuy nhiên, nếu được hướng dẫn trong một môi trường tốt đẹp thì bỏ để tâm - tâm giác ngộ, tâm hiểu mình và hiểu người sẽ được phát triển thuận chiều, nhưng cũng dễ bị nghịch cảnh làm chán nản, dễ buông xuôi khi có vấn đề gì khó khăn trong cuộc sống xuất gia của mình.

Tôi nêu lên ba trường hợp đó là ba trường hợp có thật tại chùa Viên Giác, nơi tôi đang trụ trì và hướng dẫn tăng chúng tu học, mà cũng có nghĩa là ở rất nhiều chùa trên thế giới này cũng xảy ra tương tự như vậy đó. Dưới mắt tôi, trong ba trường hợp ấy đều đáng được độ hết. Vì sao? Vì chính họ là những người đã tự nguyện phát tâm sống cuộc đời tinh thức, làm lợi cho mình và cho cả tha nhân. Nếu ở tại gia cũng chỉ có thể làm lợi cho vài người trong gia đình; nhưng nhiều khi lại gây ra nhiều oan khiên nghiệp chướng nữa là đáng khác. Yêu thương đâu không thấy, mà chỉ thấy hận thù. Lợi lạc đâu không có, mà chỉ thấy bị sống chung chịu đựng cái phiền muộn với nhau. Quả là địa ngục, nhưng nào ai có lối thoát thân, để cứu mình và cứu tha nhân nữa?

Người xuất gia có cái sở tâm lúc ban đầu rất vững, vì vậy trong thời gian tu học hãy tự trở về lại với mình trong lời nguyện ban đầu để được an ủi nhiều hơn. Lời nguyện ban đầu là lời thệ nguyện thoát ly gia đình để xuất ly sanh tử, thì không vì bất cứ một lý do nào đó trong cuộc sống tu hành mà mình phải trở lại với sự triền phược của thế gian chăng?

Có nhiều người sẽ nghĩ rằng nếu ai cũng đi tu thì thế gian này có còn ai đâu mà nổi dòng, nổi giống. Lo như vậy cũng hơi xa, vì trồng cây cau, cây quít, cây táo vào mỗi thời khác nhau thì hoa quả, trái chín sẽ cho ta khác mùa và khác thời điểm, chứ làm sao có cùng trong một lúc được. Nếu có được như vậy thì cũng tốt chứ có sao đâu? Vì thế giới Ta Bà này sẽ thành Tịnh Độ.

Sau khi đã quyết định kỹ càng thì vào chùa xin Thầy, xin Cô để mình được xuất gia tu học. Có nhiều người vẫn bị Thầy, Cô từ chối không nhận cho xuất gia bởi nhiều lý do khác nhau. Nhưng điều ấy phải hiểu vì nhân duyên để khỏi bận lòng. Vì có duyên sẽ thành thầy trò, đệ tử. Nếu thiếu duyên thì

dành phải đi tìm nơi khác để thực hiện chí nguyện của mình vậy.

Sau một thời gian thử thách dài ngắn tùy theo mỗi người tại nhà và tại chùa, Thầy Bốn Sứ sẽ cho giới tử ấy xuất gia chính thức. Ngày xuất gia là ngày rất quan trọng, đánh dấu một bước rẽ ý nghĩa trong cuộc đời. Nếu người con trai, con gái ở đời, ngày lấy vợ, lấy chồng là ngày quan trọng, thì đối với người xuất gia càng quan trọng hơn như thế nữa. Vì một bên là tự nguyện ký giấy tờ để chịu đựng sự khổ đau với nhau bên cạnh những hạnh phúc rất nhỏ nhoi, mong manh dễ vỡ; còn một bên là bước ra khỏi sự ràng buộc tầm thường của cuộc sống và hướng về một phương trời tự tại giải thoát hơn. Có nhiều người thân sẽ khóc cho người xuất gia khi mái tóc xanh đã đoạn lìa thân thể, nhưng chính kẻ xuất gia sẽ mãn nguyện, mỉm cười. Vì ít ra chính mình đã chiến thắng được mình trên hành trình thiên lý ấy. Đó là tâm trạng chung của những người tự chọn con đường thoát ly ấy.

Ngày xưa khi xuống tóc hay bây giờ khi tôi làm lễ xuống tóc cho các chú và các cô tại chùa, có hai bài kệ rất hay, đọc lên nguyện văn bằng chữ Hán rất cảm động. Đầu tiên là bài như vầy:

*Thiện tại thiện nam tử
Năng liễu thế vô thường
Khí tục thú Nê Hoàn
Công đức nan tư nghĩ.*

Nếu dịch ra tiếng Việt, có thể dịch tử chú như sau:

*Lành thay kẻ thiện nam
Hãy biết đời vô thường
Bỏ tục vui Niết Bàn
Công đức khó nghĩ lường.*

Tuy nghĩa rất thoát đó, nhưng đọc lên âm điệu vẫn không hùng tráng như chữ Hán, khi chú Tăng hộ giới trong ngày xuất gia cử giọng tụng lên bài này.

Bài kệ này ý nói: vì biết được bản chất của cuộc đời là vô thường nên mới xin xuất gia học đạo, khi đã được vào cửa giải thoát, có nghĩa là bỏ hết lại những niềm vui tạm bợ của thế gian. Cái gì của trần thế hãy trả về cho trần thế. Ổn nghĩa của mẹ cha xin gởi lại mẹ cha, để một mình mình thong dong trong cuộc sống tự tại ấy. Bản chất của cuộc đời là vô thường, ai cũng hiểu điều đó, nhưng chấp nhận nó và tự cởi trói nó, rất ít người đủ khả năng và tự lực để làm được việc này. Thật sự ra việc làm này không khó mà cũng không dễ. Nếu khó quá thì đã không có người đi tới đích, nếu nói dễ quá thì mọi người đã thực hiện hết rồi. Ấn thua nói mình có hạ thủ công phu để chiến thắng mọi khổ đau, phiền não, tục lụy hay không. Đó mới là điều đáng nói.

Bài thứ hai có vẻ hùng tráng hơn. Khi tụng lên bài này người được xuất gia và kẻ dự phần xuất gia, cảm nhận như quả đất cũng chấn động. Bài kệ ấy như sau:

*Hủy mình thủ chí tiết
Cát ái tử sở thân
Xuất gia hoằng thánh đạo
Thệ độ như thế nhân.*

Dịch sát nghĩa từng chữ bài này được hiểu như sau:

Bỏ hình giữ ý chí

*Cát ái xa người thân
Xuất gia hừng việc Thánh
Thệ độ hết mọi người.*

Đọc câu văn tiếng Việt tôi cảm thấy vẫn không ứng ý chút nào. Dầu cho bài kệ ấy đã dịch thoát chữ và thoát nghĩa như vậy.

Tại sao người xuất gia phải hủy hình? Hủy hình không có nghĩa là giết mình hay làm cho thân thể của mình tiêu tụy đi trong khi tu hành. Mà hủy hình có nghĩa là lâu nay sống với phần son giả tạo, với quyền thế tạm bợ của thế gian, với sự ăn mặc trang chải bề ngoài nhưng không để ý về nội tâm. Giờ đây đã được xuất gia phải luôn luôn giữ ý chí của mình. Ý chí ấy là ý chí gì? Đó là ý chí xuất trần thượng sĩ. Thượng sĩ được hiểu ở đây là kẻ làm lợi cho cả mình lẫn cho người khác, gọi là Thượng sĩ. Người mà chỉ làm lợi cho mình, không làm lợi cho người gọi là Hạ sĩ. Người chỉ ưa làm lợi cho người, không làm lợi cho mình gọi là Trung sĩ. Ở đây Thượng, Trung, Hạ được chia ra làm ba bậc như thế để đánh dấu bước đường tu.

Ồ đời có hai dây mà cứ ràng buộc mãi, khó thoát được. Đó là dây ái và dây ân. Có người cắt đứt được dây ái thì dây ân còn ràng buộc. Ngược lại có người cắt đứt được dây ân thì dây ái tự cột chặt vào. Hai dây tuy vô hình nhưng rất khó đứt, mà chính nó buộc mọi người vào nhau để hành hạ con người cho khổ sở trên suốt đoạn đường sanh tử luân hồi này vậy. Có người chấp nhận nó một cách tự nhiên, thì nó sẽ làm nhiệm vụ quán chặt. Có người muốn cởi trói, nó lại quán siết vào cho sự khổ đau và tục lụy lại chồng chất lên nhau. Cha mẹ là những người sinh ra ta nên rất khó tử già. Vì chúng ta là người Á Châu, không đợi đủ 18 tuổi để được trưởng thành, rồi ra ở riêng như nhiều người Âu Mỹ vẫn làm, mà cha mẹ đối với người Á Đông là nơi nương tựa của con cái, lúc còn thơ cũng như lúc trưởng thành. Những người đi tu phải tự cắt bỏ hai dây này. Vì muốn trở thành độ sanh, trong đó có cả cha mẹ mình, thì phải hy sinh những gì nhỏ bé mà mình đang có. Đó là cách đứng đắn nhất để được chấp nhận cái cao rộng hơn.

Kẻ xuất gia là người tuyên dương việc thánh. Đó là những gì? Là những chân lý của sự khổ, nguyên nhân của sự khổ, tìm cách diệt bỏ sự khổ đau và con đường đi đến cảnh giới giải thoát. Đây cũng là bài pháp đầu tiên của Đức Phật sau khi thành đạo đã nói lần đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như nghe tại thành Ba La Nại, bên cạnh sông Hằng. Con đường Thánh là con đường giải thoát, mà trong bài kệ tụng trong lễ xuất gia của Đức Phật có mấy câu tôi rất tưởng đặc như sau:

*Nói đánh dấu bước đường lên Thánh
Dùng vô cầu thả gánh tang bồng
Gởi lời về lầu trước bệ rồng
Cầu vương phụ dữ lòng trông đợi
Rừng khổ hạnh lần dò bước tới...*

Đây là những câu kệ rất Việt Nam, vị nào dịch từ bài nào cũng không đề xuất xứ và tên người dịch. Nhưng khi tụng lên, nghe và thấy rất thâm trầm, đúng với ý nghĩa của việc xuất gia của Đức Phật.

Sau khi đã giác ngộ rồi, người xuất gia có bốn phận phải thực hành con đường Bồ Tát, có nghĩa là phải sống một cuộc sống lợi tha, chủ không phải chỉ sống cho mình, hoặc an ổn nơi núi rừng, vui sâu với Thiền Định. Hay ở vào trong Niết Bàn đại định, mà không tìm cách độ sanh.

Đó là ý nghĩa cao cả nhất và cũng là công đức thù thắng nhất trong việc xuất gia vậy. Ai làm được, người ấy sẽ thong dong tự tại cả một cuộc đời. Nếu ai không đi được trọn vẹn, giống như một người gánh một gánh nặng trên vai, không có khả năng gánh đi tiếp tục nữa. Hãy để gánh xuống, quay về trách nhiệm thế tục cũ ngày xưa, cũng không ai chê cười gì cả. Vì mình không có khả năng đi tiếp nữa, thì không có ai có quyền và nhân danh bất cứ một vấn đề gì để bắt một người không có khả năng để làm một công việc ngoài sức của họ, thì phi họ phải tự nguyện gánh vác mới đi hết con đường khó khăn ấy được.

Trong thời gian qua có nhiều cô và nhiều chú đến xuất gia với tôi, ít nhất cũng trên dưới 20 người rồi. Sau hơn 10 năm, còn lại độ 16 người, cả Tăng lẫn Ni. Với tôi, ngoài những điều kiện phát tâm xuất gia là điều cần bản nhất để đi vào cửa Đạo, tôi còn đòi hỏi những người xuất gia phải có một trình độ thể học tương đối vững vàng, ít nhất là Tú Tài 2 trở lên đối với giới trẻ. Còn những vị Ưu Bà Di từ 60 tuổi trở đi hay ngay cả Ưu Bà Tắc với tuổi đó, tôi không đòi hỏi một điều gì thêm nữa, ngoại trừ chí nguyện xuất gia và sức khỏe mà thôi.

Có nhiều Thầy không đồng ý về vấn đề này, nhưng tôi nghĩ khác. Vì chính mình đã được đi tu và được đi học để trở thành như hôm nay, thì không vì một lý do nào đó, dầu cho lý do ấy ẩn tàng dưới bất cứ một hình thức nào, cũng không đứng vững được, để không cho quý chú tiếp tục đến trường để học về ngôn ngữ, tôn giáo, giáo dục, triết học v.v... Tôi rất đồng ý là bằng cấp Cử Nhân, Cao Học, Tiến Sĩ không làm nên con người Tăng Sĩ, nhưng nếu Tăng Sĩ mà có thêm chứng trình thế học ấy thì vẫn hơn là không có gì trong tay. Ví dụ một cú điện thoại hay một thư gởi tới cho vị trụ trì bằng tiếng Anh, Đức, Pháp, Nhật, Hoa v.v... mà vị Tăng sĩ hay vị trụ trì ấy không đọc được, để phải nhờ người này kẻ nọ. Quá là mất thì giờ vô ích. Riêng trường hợp này thì không thể dùng trí tuệ của sự tu mà soi sáng rõ chữ nghĩa được, mà phải dùng sự học mới chiến thắng được cái lưới biếng học hành của mình. Bằng cấp không mang đến sự giải thoát. Điều ấy đúng. Nhưng sống trong cuộc đời tương đối này, phải lấy cái tương đối để đối đãi với nhau trước khi đi đến cái tuyệt đối của vô ngã, vô học, vô sở đắc v.v... Phật, chú Tổ ngày xưa không có mấy người có bằng cấp, nhưng ta không phải là Phật, là Tổ, và thời đại của Đức Phật khác, thời đại của chúng ta khác, đâu có giống nhau để mà so sánh. So sánh một chiều dài hàng tỷ năm ánh sáng, với chiều dài của một cây kim, sợi chỉ, quá là điều đáng trách vô cùng. Bằng cấp với người tu, nó chỉ là phương tiện thôi, chủ không phải là cứu cánh. Cũng như thế

ấy, tiền bạc đối với người tu không phải là mục đích sau cùng của cuộc sống, mà nó chỉ là một phương tiện để trao đổi với con người như bao phương tiện khác thôi. Nếu nói bằng cấp cũng không cần đến, chẳng khác nào tụ tập một đám người đốt trong chùa, để kẻ bằng quang thiên hạ bên ngoài nhìn vào, lại có lời thì nhơn nghĩa, đúng là bọn họ đó! Không có công ăn việc làm, không bằng cấp, bị đời bạc đãi nên mới tìm vào chùa để nương náu, kiếm sống qua ngày, nương nhờ vào hạt cơm của đàn na thí chủ. Không! Trăm lần không và vạn lần không, vì cuộc sống của người Tăng sĩ ở trong chùa không phải là một cuộc sống lợi dưỡng, mà là một cuộc sống lộc nào cũng phải tự giác, chiến thắng với chính mình trong mỗi sát na và mỗi công việc.

Suốt ngày không thể chỉ ngồi để ăn cơm trong một hai tiếng đồng hồ mỗi xong bữa cơm, dẫu cho là một cuộc sống của Tăng sĩ đi nữa, phải chia sẻ khó khăn với đồng loại, phải cần có nhiều thì giờ để tinh thức trong mọi công việc, chủ không phải ngồi đó để nhồi cơm, trong khi mọi người phải đầu tắt mặt tối, lo cho cái ăn cái mặc, cái dù thừa để cúng dâng vào chùa, cho mình có nhiều thì giờ để nhồi nhét trong cuộc sống. Chắc hẳn và hẳn nhiên cuộc sống của người xuất gia phải khác như thế, mới theo kịp đà tiến hóa của nhân loại ngày nay.

Học đạo vẫn là điều quan trọng, nên chú Tổ ngày xưa đã chế ra cho người xuất gia trước phải học luật, sau mới học kinh, luận và hai thời công phu chiều sáng hằng ngày cũng là những phương pháp thực hành sự tập trung tư tưởng vào một sự việc nào đó nhất định. Như khi đi, mình biết mình đang đi. Khi ngồi, mình biết mình ngồi. Khi ngủ, mình biết mình ngủ, khi làm việc biết mình có ý thức trong sự làm việc. Đó là những việc làm căn bản của một người tu tại chùa. Các chú các cô học luật Tỷ Ni, tức là những bài kệ có tính cách cảnh tỉnh trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, lễ bái, thực tập thiền tọa v.v... rất bổ ích cho người mới vào Đạo. Đây là con đường chuyển hóa thân tâm của hành giả mới vào cửa chùa rất diệu dụng.

Hai mươi bốn oai nghi của bộ luật sẽ giúp cho các chú các cô về cách hầu Thầy, nói chuyện với khách, khi ở trong phòng, lúc ra đi, khi đến chùa khác, khi tắm rửa, giặt giũ v.v... mỗi động tác đều nhắc nhở người xuất gia phải ý niệm về việc làm của mình. Rồi mười giới của Sa Di là những bổn căn bản để ngăn chặn lòng mình phải tập sống xa lìa những cám dỗ thường tình của nhân thế. Trong khi đó năm giới căn bản khi còn là Cư sĩ và thêm năm giới phạm hạnh của một người xuất gia nữa. Ngoài ra còn phải học quyển Cảnh Sách của Tổ Qui Sơn là một quyển luật rất hay để nhắc nhở người tu lúc nào cũng phải tự cảnh tỉnh mình về ơn cha mẹ, Thầy, Tổ, ơn đàn na thí chủ v.v... Tất cả những ơn nghĩa đó ta chưa đền đáp được, thì không vì bất cứ một lý do nào đó mà chểnh mảng sự tu hành. Ai đọc đến văn Cảnh Sách này của Ngài Qui Sơn cũng phải ứa nước mắt, cũng giống như đọc văn bài "Phát Bồ Đề Tâm" của Ngài Thật Hiền vậy. Ngoài ra

hai thời công phu sáng và chiều rất quan trọng. Trước hoặc sau các thời khóa này có thể tọa thiền để huân tu chúng tử tối thiện trong việc thực hiện tuệ giác siêu việt trong cuộc sống tu hành. Công phu sáng tập chúng ta huân tu đại định, mà kinh Lăng Nghiêm, nếu không chú tâm sẽ không bao giờ thuộc lòng được, mà không thuộc lòng thì việc xuất gia, thọ giới cũng như giữ mình khó được vẹn toàn. Ngay cả Ngài A Nan còn cần đến thần chú này, thì chúng ta thử hỏi dựa vào đâu để không hành trì thời công phu sáng?

Công phu chiều các chú tiểu phải hiện diện đầy đủ nơi chánh điện để thể hiện lòng tử bi đối với tha nhân, cầu nguyện cho những chúng sanh đã thác hóa thân siêu thoát về cảnh giới an nhàn, không còn ở trong địa ngục lần than, đau cho đến địa ngục vô giãnr đi chẳng nữa, cũng sẽ được lợi lạc một phần nào. Trong thời kinh này sẽ tụng Kinh Di Đà, Hồng Danh sám hối và Mông Sơn Thí Thực, có nhiều người chủ trương Thiền, nên bỏ luôn Tịnh Độ bài bác Tịnh Độ không còn một lối đi; nhưng những vị ấy đã làm lớn, dẫu cho họ là một Thiền sư hữu danh đi chẳng nữa. Ví dụ như thế này để được dễ hiểu. Một người đầu tốt nghiệp cao học, tiến sĩ đi chẳng cần học nhưng tự mình viết đơn để xin việc làm thì dễ bị từ chối lắm. Có thể bằng nhiều lý do như thiếu kinh nghiệm, vì mới ra trường, hay đó là người ngoại quốc, viết ngoại ngữ chưa thạo v.v... và v.v... Nhưng nếu người sinh viên mới ra trường ấy mà được sự giới thiệu của một ông giám đốc thì chắc chắn sẽ được nhận vào hãng làm ngay. Vậy thì tha lực của ông giám đốc vẫn cần có, trong khi tự lực mình cũng phải cần. Vậy thì đời mạng pháp này không thể không cần đến tha lực của Đức Phật A Di Đà mà có thể thành tựu sự giải thoát được mà phải nhờ rằng tay của Ngài Văn Thủ Phổ Hiền cũng phải nguyện vãng sanh về Tịnh Độ, thì còn ta? Ta nên nương vào đâu? Mười hai vị Tổ Thiền Tông của Trung Hoa đã hơn quá nửa đều nói về Tịnh Độ Còn Việt Nam chúng ta há không cần đến Tịnh Độ chăng? Hay chỉ có thiền ngồi đó để đếm hơi thở và thực hành chánh niệm trong khi người chết đang cần sự trợ niệm vãng sanh của những người tu?

Các chùa ở Việt Nam còn có thêm thời kinh buổi tối, gọi là thời khóa Tịnh Độ hay tụng Di Đà, đôi khi tụng Phổ Môn cũng rất hay. Vì đây là thì giờ mà các Cư sĩ bận công ăn việc làm ban ngày có thể tham gia các thời khóa này tại tư gia hay tại chùa được. Cũng có nhiều chùa cúng Ngọ nữa. Thời kinh này rất ngắn. các chú Tiểu chỉ tụng trong ngày 10 đến 15 phút là xong. Ngày nay ra hải ngoại nhiều chùa chỉ còn tụng thời kinh chiều và sáng. Còn hai thời kia bị giảm đi. Tuy nhiên cũng có nhiều chùa vẫn còn giữ đúng quy củ của Thiền Môn, mỗi ngày 4 đến 6 thời và công phu Thiền Tọa; nên cũng có thể gọi là Thiền Tịnh song tu nữa.

Khi tôi còn ở Việt Nam, từ năm 1968 đến năm 1971, ở tại chùa Hùng Long ở Sài Gòn, có Hòa Thượng Thích Pháp Ý trụ trì chùa này đã ngoài 70 tuổi, mà mỗi ngày không bao giờ thiếu hai thời tụng kinh cả. Tối và

sáng là hai thời căn bản của Ngài. Tăng chúng Ngài cũng bắt buộc thế. Nếu đi công phu chiều thì khỏi đi tối, hoặc ngược lại. Những thời công phu sáng thì không được bỏ. Dẫu cho đó là lý do quan trọng gì đi chăng nữa. Thuở ấy trong những Tăng sinh chúng tôi có người thì tú tài và học tại các Phật Học Viện, bận rộn vô cùng, xin phép Ngài được nghỉ một thời kinh để có thì giờ lo bài vở đi thi. Ngài tán thành. Nhưng nghỉ thời chiều hoặc tối. Còn thời kinh buổi sáng bắt buộc phải đi. Tôi cũng nằm trong trường hợp đó nên mãi đến bây giờ mấy mươi năm ở ngoại quốc rồi, lúc nào thời kinh sáng và thiền tọa nơi chánh điện vẫn không thể thiếu được. Đó là một thói quen cần phải hành trì.

Khi còn ở chùa Hùng Long, Hòa Thượng Pháp Ý đặt ra một cái luật cũng như Tổ Bách Trượng ngày xưa đã đặt ra là, nếu chỉ tụng kinh một thời trong ngày thì chỉ được quyền ăn một lần cơm vào buổi trưa hoặc buổi tối. Nếu tụng hai lần thì được dùng cả hai buổi. Nếu không tụng lần nào thì không được dùng gì cả, còn bữa sáng tại chùa thì không kể, có người ăn, có kẻ phải đi học sớm, nếu tối hôm trước còn cơm nguội thì tự chiên lại để dùng, không ai nói gì cả. Đây cũng là một cái lệ rất hay của chùa Hùng Long, mà nay thì Hòa Thượng đã tịch rồi, không biết có còn giữ lại được như thế chăng? Và Tăng chúng sống lâu ngày nếu không có một quy củ như thế thì đâm sanh ra lười biếng và cái số tâm xuất gia lần lần bị lãng quên đi để đắm vào những lợi danh của trần thế, quả thật uổng phí vô cùng. Có người nhờ tiếng tụng kinh hay, nên chỉ rèn luyện cho số để chỉ đi cúng đám, có người chuyên ngồi đàn chần tế để được này nọ, thì đó cũng là những hình ảnh mà làm cho người xuất gia bị giải đãi hơn lúc ban đầu.

Tụng kinh, niệm Phật, ngồi Thiền mỗi ngày hai buổi mỗi chỉ là trả nợ áo cơm cho đàn na thí chủ, chủ chưa mang một ý nghĩa độ sanh nào cả, mà còn lười như thế thì làm sao để Bồ Đề Tâm được phát triển và con đường giải thoát vốn đang đi nhưng vẫn còn xa với vợ. Vì vậy trong bài tựa của kinh Pháp Hoa mỗi lần chúng ta tụng đạo, đều được nhắc nhở rằng: mặc dù con đang ở trong cảnh thanh tịnh nhưng vẫn thấy không an vui, sống trong cảnh giới giải thoát mà vẫn còn bị ràng buộc... Đó chẳng qua là tại tâm mình chưa vững, phát tâm chưa đúng cách, nên dễ bị sanh tâm nhàm chán như vậy.

Các chú, các cô tại chùa sống phải theo phép lục hòa để đối xử hàng ngày với nhau thì mỗi khi gây phiền toái cho nhau. Vì lẽ cha mẹ, anh chị em có tình thương, gắn bó của gia đình mà vẫn luôn bị kinh chống, giận hờn nhau, thì thử hỏi một đoàn thể Tăng Già không quen biết nhau từ trước vào sống chung trong một Chùa, một Tu viện, một Tổ đình, một Phật Học Viện v.v... nếu không có giới luật và phép lục hòa thì không thể nào sống chung được.

Khi sống trong chùa, với số tâm xuất gia rất mạnh lúc ban đầu, có thể chiến thắng mọi thử thách như buồn ngủ, vì thức khuya dậy sớm, ăn chay mau đói, Thầy bạn hay rầy rà

v.v... nhưng lần lần nếu Bồ Đề Tâm không phát triển mà cứ để cho các phiền não và danh lợi, thế quyền chen lẫn vào, quả là điều đáng tiếc. Đó là chúa kể đến những chuyện tình lắm cảm được núp dưới bóng thiền môn ở nhiều hình thức khác nhau như Thầy thường riêng bốn đạo, đệ tử hay ngược lại đệ tử đi quấy nhiễu Thầy. Viết đến đây nhớ lại thời còn đi học tại trường Bồ Đề ở Hội An thời 64-67, trong lứa tuổi hoa niên của nam nữ, các chú, các cô tại chùa trong tỉnh, ngoài tỉnh học tại chùa, còn đi học thêm chương trình thế học ở ngoài đời, điều này ắt hẳn cũng đúng với tinh thần ngũ minh của Phật Giáo, có nghĩa là người tu phải thông lâu nội điển (nội minh), ngoại điển (ngoại minh), ngôn ngữ (thanh minh), y học (y phương minh), và nghề nghiệp (công xảo minh). Thiết nghĩ ngày xưa chú Tổ cũng không làm để phải chế ra phương pháp này cho người tu hành trì vậy.

Thuở ấy mấy cô con gái 15, 16 tuổi thấy mấy chú học giỏi nên chọc ghẹo, trêu đùa trong cái tình cảm học trò, của đầu tóc mỗi lú đuôi tôm, kể cũng vui vui, nhưng cũng có nhiều học sinh hiểu đạo nên mỗi khuyên quý cô rằng: Tụi bây đừng có bậy bạ. Nếu mày không khuyên được một người đi tu để dứt nợ hồng trần được, thì cũng đừng nên kéo một người đang đi trên con đường thoát tục để về với trần thế. Tội lắm tụi bây ơi! Lời khuyên tuy đơn giản nhưng hàm chứa ý nghĩa rất sâu sắc, chỉ có những người hiểu đạo mới có thể nói được những câu ấy. Khi lớn lên rồi và khi đi làm việc đạo, tôi vẫn nhớ lại những kỷ niệm ngày xưa, khi thời còn Trung Học, cảm thấy vui vui.

Trong luật Phật dạy khi người Tăng sĩ gặp một người nữ bình thường hay một Ni cô gặp một nam Cư sĩ thì phải có ý niệm như vậy mỗi giữ tròn được ý chí của người xuất gia. Nếu họ hơn mình nhiều tuổi, xem họ như cha hoặc mẹ của mình. Nếu họ hơn mình vài tuổi xem họ như anh hay chị ruột của mình. Nếu họ thua mình vài tuổi hãy xem như em ruột của mình. Nếu họ bằng tuổi mình, hãy xem như anh em ruột song sinh hay bạn bè chí thiết thì những việc không lành ắt phải lánh xa. Ngoài ra trong luật dạy rất kỹ, không tiện viết ra đây cho mọi người đọc, vì nó chỉ có giá trị cho những người đã thể pháp xuất gia mà thôi.

Có nhiều người nữ tín đồ vì cảm cái hiền từ, học giỏi của các chú, các Thầy mà nói năng những lời ong bướm, hoặc dụ dỗ ra đời để được cái này, cái nọ. Nhiều người tu vì không tự làm chủ được mình nên đã nghe theo ra đời, nhưng khi ra đời rồi, cái hiền từ ấy có được trong chùa, cái học giỏi ấy và tiếng tụng kinh hay ấy, không làm nên được cơm gạo cho đời để nuôi vôi con, nên 100 người ra đời đều khổ cả 100, chỉ trừ vài người có khả năng, hoặc bằng cấp đã học được trong chùa, những so ra với người bình thường khác vẫn không sánh vai kịp. Dĩ nhiên bỏ tu như thế không phải là một tội lỗi, như đã trình bày bên trên, những rất uống phí cho lời nguyện lúc ban đầu là phải giải thoát cho chính mình và ngay cả tha nhân. Trong những trường hợp tâm bị chùn xuống

như thế phải cần nương vào năng lượng tha lực của chúng Tăng, Thầy Tổ rất nhiều, để tâm không bị giao động, mà phải bị nổi trôi theo dòng đời sinh tử. Đức Phật cũng đã có lòng từ mỗ rộng của chùa cho cả người nam lẫn người nữ khi đã ra đời có quyền tái xuất gia lại để tiếp tục con đường Thiền Long Thánh Chủng, chấn nhiếp ma quân. Điều ấy có nghĩa là làm hưng thịnh hạt giống Thánh. Đó là sự giác ngộ giải thoát và lại tiếp tục con đường tự chiến thắng mình từ bên trong lẫn bên ngoài. Vì thế Đức Phật mới dạy rằng: *Chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình, tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất.*

Thầy Bốn Sứ phải nên thân cận, gần gũi hỏi han và bực bạch những khó khăn của mình về sự tu, học, tài chánh, tinh cảm, thương, ghét, giận, hờn v.v... vì Thầy đã thay thế cho cha mẹ, mà còn hơn thế nữa, vì cả hai phương diện từ vật chất đến tinh thần, người đều lo cho trọn vẹn, thì không thể không sám hối trước Thầy hoặc các vị Hòa Thượng, A Xà Lê để được hướng dẫn kỹ càng. Vì chính cuộc đời của các Ngài cũng đã phải trải qua những cuộc chiến đấu cam go như vậy. Các Ngài đã có kinh nghiệm và cũng sẽ không trách đệ tử của mình tại sao mà gặp khó khăn như vậy. Nếu tất cả những lời khuyên đều không có kết quả, thì lúc ấy được quyền hiểu rằng: Tất cả đều do nghiệp lực và chính đường sự ấy không có khả năng hoá đổi được nghiệp lực của mình. Đây là một sự mất mát to lớn lắm, chắc gì trong đời này hay cuộc sống kế tiếp có được tái diễn lại để được làm thân của một bậc Đại Trượng phu chăng?

Ta có tình thường, ta có tâm cứu khổ, ta có khung trời tự do cao rộng thênh thang rộng mở để đi vào cửa ngõ của cảnh giới Niết Bàn thì hãy trân quý nó, giữ gìn nó, đừng cho nó bị băng hoại theo thời gian năm tháng trong sự phát tâm lúc ban đầu.

Người Tăng sĩ phải chọn cho mình một hướng đi đích thực, mà Thầy ta, bạn ta chính là những tha lực rất cần thiết trong cuộc sống tu hành của mình. Nếu thiếu những tha lực này là một sự thiếu thốn rất to lớn trong cuộc đời tu hành. Nếu ở chùa mà thiếu sự thông cảm của Thầy, của bạn, thì sự ở chùa ấy tuy đang sống, nhưng lòng mình đã chết. Vì mình không tự làm chủ được mình, không khác nào như chú tiểu Lan ngày nào cũng âm thầm chôn xác bướm của Điệp. Liệu như thế lại có lợi ích gì?

Người Phật Tử đi chùa họ mong mỏi những gì nói chú Phật, nói giáo pháp và nói chú Tăng? Ngược lại chú Tăng sẽ cho cái gì cho người Phật Tử tại gia? Đây là những vấn đề chính mà chúng ta cần phải nghiêm túc đề cập đến.

Người Phật Tử sống có gia đình phải lo săn sóc và chăm nom để gia đình cũng như xã hội được phát triển theo nhu cầu của xã hội. Người Phật Tử mang phần vật chất có được nhờ khả năng của mình tự làm ra ấy vào chùa để cúng dường lên chú Tăng, mong chú Tăng nạp thọ, để có nhiều thì giờ lo tu hành, không phải vướng bận với công ăn việc làm, mà tất cả thì giờ dành cho việc tu

học giải thoát. Người Phật Tử khi làm như vậy, sẽ được một cái quả hữu lậu ở đời này hay đời sau sẽ được giàu có an vui sung sướng. Ngoài ra khi trong gia đình hữu sự, Phật Tử thường hay đến chùa cầu nguyện để cho tâm của họ được an và cầu vào tha lực của chú Phật cũng như chú Tăng, để từ đó họ an tâm trong cuộc sống của một người tại gia.

Dĩ nhiên cũng có rất nhiều vị Cư sĩ tham củu kinh điển một cách sâu sắc và cũng dành rất nhiều thì giờ để thiền tọa và tụng kinh tại tu gia hay tại chùa; nhưng mục đích của họ không phải là độ sanh, mà lo tự độ.

Như vậy người xuất gia sẽ cho lại người Cư sĩ được những gì? Điều đầu tiên người xuất gia có thể cho người tại gia một sự an lạc nơi nội tâm, mà sự an lạc này dầu tốn hết bao nhiêu tiền vẫn không có thể mua ở bất cứ nơi chợ đời của thế gian được. Nó chỉ có nơi những tâm hồn của những kẻ đã biết gạt lọc và tu tinh thân tâm. Tiêu biểu là những người xuất gia vậy. Người xuất gia mang hoài bão giải thoát và giác ngộ, nhưng trước khi đi vào sự giải thoát, người xuất gia phải tự mình gạt lọc thân tâm để được an lạc trong cuộc sống thế trần này. Mỗi người, mỗi chúng sanh chúng ta khi sinh ra trong đời này đều mang theo một nghiệp lực khác nhau và phúc đức của mỗi người cũng khác nhau nữa. Có người thì thông dong tự tại trong cuộc sống, mà cũng có lắm người khổ đau tục lụy vẫn còn vầy bùa chung quanh mình. Dầu cho đó là người xuất gia đi chăng nữa, nhưng chính họ phải chọn một lối đi và lối đi ấy phải hợp với khả năng của mình, nhưng không phải ngoài tự độ và độ tha. Sự tự độ, trước tiên phải mang sự an lạc đến cho chính mình, cũng tương tự như tập lái xe hay lái thuyền vậy. Sau khi đã thuần thục tay lái, lúc ấy mới có thể chở mọi người cùng đi chung một chiếc thuyền được. Nếu người thủy thủ vững tay chèo thì mọi người mới an tâm. Nếu chưa vững tay lái mà đã lo chuyên chở cho bao nhiêu người thì người ngồi trên con thuyền ấy chẳng an tâm chút nào. Dầu cho con thuyền đó mang tên là con thuyền giải thoát đi chăng nữa.

Sự an tâm trong từng bước đi, trong từng lời nói, nụ cười, khi tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, trì chú sẽ là một sức gia trì rất vững chãi và là một trọng lực của chánh định khi đối diện với mọi biến đổi của đời. Đây là một chiếc phao, một cán cần để quân bình cuộc sống tâm linh của người Tăng sĩ và cũng là một chỗ dựa vững chắc cho hàng Cư sĩ tại gia vậy.

Ở trong chùa, người xuất gia có cơ hội thực tập sự an lạc và sẽ cho người Cư sĩ sự an lạc của mình để họ an tâm hơn khi vào cửa đạo vậy. Sự an lạc là một nguồn suối vô biên để dẫn tới tình thương yêu vô tận của loài người cũng như vạn vật. Nếu người Tăng sĩ không có tử và bi tâm thì sẽ không độ thoát được muôn loài. Dưới con mắt hành động và vị tha và phải có lợi cho tha nhân đồng loại, đó mới là cuộc sống chân thật của người Tăng sĩ vậy. Tử và Bi, Hỷ và Xả là bốn đức tính vị tha, cho vui cứu khổ và tạo sự an lạc cho mọi người, tất cả những hành trang

này, người xuất gia phải trang bị cho thật đầy đủ thi phướng tiện đồ sanh, đi vào cuộc đời mới mang một ý nghĩa thực tiễn được.

Khi người xuất gia tu tập có nghĩa là người xuất gia huân tu giới đức và giới đức này sẽ là một hành trang vi diệu để trang sức cho nội tâm của người xuất gia cũng như sẽ san sẻ cho mọi người ánh sáng trí tuệ ấy. Cái đức là một nhân vô lậu, không dứt mất như cái phước bên nhân hữu lậu, nên có thể truyền đạt mãi cho nhau trên phương diện vật chất cũng như tinh thần cho mọi người để cùng chung cộng hưởng. Cái đức là một sự cảm nhận vô hình; nhưng tâm ta sẽ tiếp thu nó như một luồng điện, một luồng ánh sáng, một sự tồn tại của không khí trong hư không. Tuy vô hình, nhưng thiếu những sự hiện hữu này thì con người và vạn vật sẽ không tồn tại được. Có những loại vật chất ta có thể sờ mó được, để tin rằng chúng có hình tướng và từ hình tướng đó, nó sẽ bồi bổ cho thân thể ta để được trường thành; nhưng cũng có những món ăn tinh thần như vữa kế, không sờ mó được; nhưng nếu thiếu nó, con người như cây cỏ của nội ngàn...

Tóm lại người xuất gia sẽ sống hài hòa trong cuộc sống của thế trần, giữa chốn đế và tục đế, giữa giải thoát và khổ đau. Giữa tục lụy và thanh cao, giữa con người và vạn hữu để trao truyền cho các thế hệ từ đời này đến đời khác, từ nơi này đến chốn khác trong phạm vi của mỗi con người, đầu tại gia hay xuất gia cũng cần phải thể hiện qua trong cuộc sống của mình.

Xuất gia là một việc khó làm, nhưng không phải là điều không làm được. Vì đã có biết bao nhiêu vị Tổ sư, bao nhiêu Thánh Tăng, phàm Tăng đã trải qua con đường tu học giải thoát ấy. Vậy nên, chúng ta có thể hiểu rằng ai cũng có thể bắt đầu đi vào con đường ấy cả; nhưng tùy theo mỗi người về sức khỏe, khả năng, điều kiện, thời gian v.v... Nếu biết hưởng thụ thì ánh sáng chân lý sẽ rộng mở cho mọi người và mọi loài. Nếu không muốn đi và không muốn đến, thì con đường giác ngộ vẫn còn xa và do đó người xuất gia sẽ không làm được trọn vẹn ý nghĩa cho việc độ mình cũng như độ người.

Ngồi trên máy bay, với trời xanh mây biếc, ý nghĩ chập chùng lúc ẩn lúc hiện nơi nội tâm của mình, như đang đi vào một thế giới của chư Thiên chứ không phải của người trần thế. Xin ghi vội vài dòng để gửi về mặt đất và mong rằng với ý nghĩa an lạc, tử bi sẽ làm lợi lạc cho mọi loài và mọi người trong cuộc sống của người xuất gia đang mang hạt giống giác ngộ và giải thoát ấy đi gieo rắc khắp nơi trên mọi nẻo luân hồi.

Viết xong vào lúc 14 giờ chiều ngày 1 tháng 11 năm 1996, trên chuyến bay AF346 từ Paris đến Montréal, Canada.



Tuyết Mai

Mai tuyết tranh xuân vị khắng hàng,
Tao nhân gác bút phí bình chương.
Mai tu tổn tuyết tam phân bạch,
Tuyết khuốc thâu mai nhất đoạn trường.

Hữu mai vô tuyết bất tinh thần,
Hữu tuyết vô thi tục liễu nhân.
Nhật mộ thi thành thiên hữu tuyết,
Dữ mai tính tuyết thập phần xuân.

• LƯU MAI PHA

雪梅
梅雪爭春未肯降
騷人寫得黃昏
梅須遜雪三分白
雪却輸梅一段香
梅雪爭春未肯降
騷人寫得黃昏
梅須遜雪三分白
雪却輸梅一段香

盧梅坡

玄清旅



書

Mai Tuyết

Mai tuyết giành xuân vẫn chẳng nhường,

Thi nhân gác bút uổng văn chương.
Mai nên nhún tuyết ba phần trắng,
Tuyết lại thua mai một chút hương.
Có mai không tuyết kém tinh thần,
Có tuyết không thơ người khó thân.
Chiều tắt thơ nên trời lại tuyết,
Cùng mai cộng tác vẹn toàn xuân.

• HUYỀN THANH LŨ

(Trích: XUÂN THU Thi Tuyển)

XUÂN KHUÊ

Dục tiên nghi xuân tự,
Xuân hàn nhập tiễn đao.
Liêu Dương tại hà xử?
Mạc vọng kỳ chinh bào.

• THÔI ĐẠO DUNG

PHÒNG XUÂN

Chữ xuân muốn cắt cho vừa,
Tái tê xuân lạnh cũng thừa kéo dao.
Liêu Dương ở tại chốn nào?
Chỗ hòng mong gửi chinh bào tới nơi!

• HUYỀN THANH LŨ

(Trích: XUÂN THU Thi Tuyển)



春閨
欲剪宜春字
春寒入剪刀
遙陽在何處
莫望寄征袍

崔道融

• của Phạm Lương

CỐ VẤN TÂM LÝ TRONG PHẬT GIÁO... ???

Lời mở đầu: "Anh Phong, một thường gia đang bị thua lỗ trong vấn đề buôn bán. Trước đó ăn nên, làm ra, anh ta đã lừa dối vợ, ăn, ngủ với một cô làm công... Vợ anh giận, bỏ đi. Cô nhân tình cũng bỏ rơi anh để trở về với chồng cũ của cô ta. Anh Phong lại bị lừa đảo liên tiếp, và bị thua lỗ trong nghề nghiệp... Anh ta buồn, khổ, sinh chứng bệnh ưu tú, khó ngủ, khó ăn, mất dần những khả năng làm việc hàng ngày, đi đến chỗ chán đời. Nhờ Bác sĩ Văn giới thiệu để được cố vấn tâm lý với Bác sĩ Phillips, anh Phong đã dần lấy lại được đời sống tâm lý bình thường... Tâm trí gia Phillips lại khuyên anh Phong có thêm sự cố vấn tâm lý về tôn giáo với một Tu sĩ... Đây là phần cố vấn tâm lý về Tôn giáo của một Hòa Thượng cho anh Phong..."

Bác sĩ Phillips tiếp tục giúp anh Phong, đi sâu vào những sự việc, những vấn đề đã ảnh hưởng đến tâm trí suy sụp của anh hiện tại. Thời thơ ấu của anh, sống trong một gia đình đông đúc anh em. Tinh thần cạnh tranh tử nhỏ đã làm anh Phong luôn lo sợ vào tương lai. Không cách gì tự anh làm anh được khuấy khỏa, nếu anh không có được những sự sắp đặt, với những hy vọng tiến triển. Anh đã như đa số những người Mỹ, chỉ biết tiến tới, tiến tới nữa. Được cái này, lại muốn thêm cái khác. Không so tự biết đủ, mà dừng lại được... Bác sĩ đã chỉ thêm cho anh Phong những loại sách tâm lý anh cần đọc thêm ở nhà, và trả lời những câu hỏi thêm, sau những khảo cứu sách, báo như vậy...

Trong những bài phải tập nghiên cứu và trả lời ở nhà. Trong bài đầu tiên, anh Phong đã báo cáo ngay về những lo lắng về việc làm, về sự buôn bán thua lỗ của anh hiện tại... Với những hướng dẫn của Tâm trí gia, anh Phong đã tự xét anh, xét công việc đang có của anh. Những suy tư cần có. Những giải quyết anh có thể làm được. Những hy vọng kèm theo đó... Nhờ được cố vấn, được bàn

thảo vào từng chi tiết. Anh Phong lo sợ bị phá sản của tiệm Kim Hùng, nhưng lại tìm ra nguồn hy vọng mới. Anh tìm được những chương trình mới mà anh có thể làm. Anh đã thấy nhờ được cố vấn với Bác sĩ Phillips, đầu óc của anh như đã bắt đầu làm việc trở lại. Anh có lại các sáng kiến, thêm tự tin. Không chán nản, không thất vọng như trước...

Anh bàn thảo với Tâm trí gia những điều anh đã nghĩ ra: Nhờ những gợi ý của ông ta, anh đã tìm ra được nhiều nghề khác, mà anh có thể kiếm sống, nếu anh hoàn toàn thất bại với tiệm Kim Hùng. Anh nhờ lại Trung sĩ Phổi, và nghĩ rằng anh vẫn có thể tiếp tục làm ra tiền với nghề của người đàn em cũ đó. Anh cũng có thể mở tiệm bán những loại bánh nhiều người thích. Như bánh Bagel, bánh Pretzel. Làm và bán bánh. Mở tiệm bán fast foods, bán đồ giải khát... mà người địa phương vẫn ưa chuộng. Hoặc mở tiệm bán đồ chơi, đồ làm quà tặng nhau, đồ chơi giáo dục cho con nít. Căn cứ vào những tiêu xài khổng lồ của người Mỹ vào các dịp lễ lớn của Hoa Kỳ, anh Phong suy ra rất nhiều món có thể buôn bán, đánh vào thị hiếu của người Mỹ...



Không muốn buôn bán nữa, anh Phong có thể đi làm công trở lại. Hoặc làm những nghề mới, nhằm vào nhu cầu của người địa phương: Tàu nghiệp vụ trông coi, cung cấp đồ ăn tại gia cho những người lớn tuổi, bị tàn tật, người bị bệnh kinh niên, đàn bà đẻ muốn được chăm sóc tại nhà... Nhờ cố vấn anh Phong dần lấy lại sự tự tin vào khả năng của anh. Anh lại được Bác sĩ khuyến khích cách tập trung tư tưởng. Tập thờ để luôn minh mẫn và tinh thức. Anh Phong lại có dịp áp dụng lại cách tập thiền anh đã học được từ các Thầy ở chùa. Nhờ được chỉ dẫn chu đáo, anh Phong thấy rõ được sáu điều lợi khi anh tập thiền đúng cách.

1. Anh biết tập trung tư tưởng.
2. Cơ thể được nghỉ ngơi, thoải mái, không cơ rút.
3. Tăng thêm năng lực cho cơ thể, vì thờ đúng cách, hút thêm dưỡng khí cho tim và các bắp thịt...
4. Biết xếp đặt ý nghĩ theo chiều hướng tốt đẹp mà anh muốn theo.
5. Có được cảm giác, cảm xúc tốt.
6. Thêm phong phú ý tưởng, thêm sáng kiến khi tập thiền...

Anh Phong biết rằng, với những phương pháp tự hướng nội, tự kiểm soát lấy chính bản thân, anh đã dần lấy lại sự thanh thản của tâm hồn. Anh lại nghĩ thêm rằng, anh cũng có thể cộng tác với những người có uy tín để mở lớp dạy thiền, giúp những người bị hoàn cảnh đã luôn hối hả, luôn lo nghĩ, bị những áp lực từ việc làm, từ gia đình, từ xã hội... có thể lấy lại sự quân bình của đời sống tinh thần của họ...

Theo lời khuyên của Bác sĩ cố vấn tâm lý, cũng như vì nhu cầu tìm về tôn giáo, để có được sự bình an của tâm hồn, anh Phong đã gọi điện thoại đến một vị Thầy mà anh vẫn kính mến, để xin được nói chuyện. Hòa Thượng rất bận rộn, nhưng nghe lời khẩn khoản của anh, Thầy đã vui lòng tiếp anh Phong vào buổi tối hôm sau, ngay trước giờ Thiền định của chùa. Anh Phong đã nhiều lần được Thầy nói chuyện. Anh rất khâm phục những lời khuyên sâu sắc của vị tu hành khả kính đó...

Anh Phong đã đến nơi hẹn rất sớm. Lần này khác hơn những lần trước. Dù được Tâm trí gia cố vấn về tâm lý, anh vẫn có nhiều lo nghĩ, anh vẫn còn bị dẫn vật bởi những kỷ niệm vừa xấu, vừa tốt đã xảy ra. Anh vẫn lo lắng cho tương lai, anh thấy rằng trong hoàn cảnh ưu tú, anh đã dễ dàng tìm về với tôn giáo...

Thầy trụ trì đã ân cần tiếp anh ở trai phòng của chùa. Sau khi rót mời anh Phong một tách trà thơm ngát. Thầy mở lời:

- "Nghe Đạo hữu cần được nói chuyện với Thầy về những chuyện có liên quan giữa Phật pháp và nếp sống tinh thần hàng ngày. Thầy nghĩ rằng Đạo hữu có nhiều tâm sự cần chia sẻ... Vậy xin cứ tự nhiên?"

Anh Phong đang nhìn bức ảnh Phật A Di Đà treo ngay ngắn trên tường đối diện. Anh nhỏ nhẹ trả lời:

- "Kính thưa Thầy. Con thật biết ơn Thầy đã dành cho con buổi nói chuyện ngày hôm nay. Trước khi đi vào vấn đề, con xin Thầy cho con được biết: Theo kinh, sách Phật Giáo, có thật rằng, cuộc đời của mỗi cá nhân tựu trung lại, chỉ toàn những nỗi khổ? Hạnh phúc có được chỉ là những gì ngắn ngủi, so với những ưu tú, lo lắng, chán chường xảy đến hàng ngày?"

Thầy trụ trì nhìn về mặt buồn bã của anh Phong. Đã lâu, không thấy anh đến chùa. Thầy đoán nhiều chuyện đã xảy ra cho anh. Thầy nở nụ cười thông cảm, nhỏ nhẹ trả lời:

- "Đạo hữu có thể tự thấy câu trả lời. Vì chính nó nằm sẵn trong kinh nghiệm của mỗi cá nhân khi nhìn về những chuyện đã xảy ra trong cuộc đời của mình... Ngay những người tự nhận là họ đang hạnh phúc, đang thoải mái, sung sướng... những những cái đó sẽ kéo dài bao lâu? Chỉ một thời, một số năm, tháng nào đó... Rồi những điều kiện về sức khỏe, về vật chất, tinh thần, hoàn cảnh... sẽ đưa đến cho những cá nhân đó những điểm không mấy hài lòng? Máy ai thoát được những tham, sân, si và hậu quả của chúng? Cuộc sống của mỗi người đã có nhiều điều

không vừa ý, nhiều ham hố, thất vọng. Cái khổ về tinh thần, cái đau về vật chất đã luôn rõ ràng, đã luôn nhiều hơn so với niềm vui, hạnh phúc hạn hẹp, có được..."

Anh Phong thắc mắc:

- "Con vẫn biết: Cứu cánh của cuộc đời là làm sao sống cho mình cảm thấy mình được hạnh phúc. Đa số đã cố gắng làm sao để tăng cái vui, giảm nỗi khổ. Theo con nghĩ, chỉ có tu tập là con đường hay ho nhất, để có hạnh phúc trường cửu, trong tâm hồn. Phải vậy không thưa Thầy?"

Hòa Thượng trụ trì vẫn điềm đạm:

- "Tu cũng phải có căn. Ngay những người đi tu cũng có những vấn đề khi đang đi tu. Dĩ nhiên ai cũng có thể đi tu. Nhưng mấy ai đã dễ dàng từ bỏ tất cả, để dễ dàng tu hành? Thầy không có ý nói rằng đi tu là phải từ bỏ tất cả những trách nhiệm ở ngoài đời. Người tu hành không những phải tu tập cho riêng mình, mà còn phải lo cho các Phật tử, bá tánh nữa... Cuộc đời của mỗi người thường trải qua nhiều giai đoạn. Những hi, nộ, ái, ố, đã đưa đến những vui sướng, hoặc sầu khổ hay không là tùy ở ý muốn của cá nhân đó và hoàn cảnh xung quanh... Mỗi lần gặp những cảnh trái với ý riêng, Thầy nghĩ rằng cá nhân đó cần giải quyết sự việc tùy theo trường hợp. Hoặc tự mình suy xét tìm ra lẽ phải. Hoặc nhờ những người kinh nghiệm hơn ở ngoài đời, hoặc trong giới tu hành cố vấn giúp đỡ... Đành rằng tu hành cũng là một cách để giúp đỡ con người trong nhiều hoàn cảnh. Đi tu, thêm nữa, cần được coi như một lý tưởng, một lối sống đạo đức cần thiết cho cá nhân và cho xã hội. Không chỉ vì những yếu tố nhất thời, bị bắt đắc chí, vì hờn giận, vì chán đời... mới đi tu...?"

Anh Phong vẫn thắc mắc:

- "Nhưng nếu cá nhân chỉ gặp những cảnh thất bại, đau buồn thái quá. Ngoài sức chịu đựng. Tự cá nhân đó không sao làm cho mình được khuây khỏa. Thầy có nghĩ rằng cá nhân đó cần phải cầu Trời, khẩn Phật phù hộ. Hoặc cầu xin một đấng linh thiêng nào đó, trợ giúp cho mình hay không?"

Ông Thầy ôn tồn:

- "Đạo hữu hỏi một câu hết sức căn bản để phân biệt giữa đạo Phật và đa số những tôn giáo Độc Thần hoặc Đa Thần khác. Khác với những tin tưởng phản tượng: Không tin ở những ông bà Thần, như Thần Mặt Trời, Thần Núi, Thần Sông, Thần làm ra mọi người, mọi vật v.v... Đạo Phật thực tế, chú trọng Con Người giúp Con Người... Từ xưa đến nay, Đạo hữu nhìn ngay trong cuộc đời của mình: Bao nhiêu lần Đạo hữu đã được học hỏi, được giúp đỡ, được sung sướng... từ các người khác đã giúp đỡ Đạo hữu, và Đạo hữu đã tưởng trợ lại? Bao nhiêu lần Đạo hữu cảm thấy... đã được các Thần linh giúp đỡ, hay đó chỉ là những tưởng tượng?"

Nhiều tôn giáo suy tôn một Thần tưởng tượng nào đó, đặt ra những giáo điều, bắt các tín đồ phải tin theo mà không được suy luận? Dĩ nhiên, dù biết rằng những niềm tin đó, phản với những tiến bộ của khoa học. Vẫn có người theo truyền thống gia đình tiếp

tục cuồng tín, hoặc vì có những người có tinh thần yếu đuối, không thể tự mình suy nghĩ. Chỉ biết trông vào những quyền lực giả tạo trên thế gian...

Đạo Phật khác hẳn. Đức Phật được coi như một vị Thầy. Thầy dạy cho những điều hay. Tiến hay không là do sự cố gắng tu tập của mỗi cá nhân..."

Anh Phong vẫn thắc mắc:

- "Một đoán Thầy muốn nhắc rằng, nếu cá nhân nào tu tập đàng hoàng, theo đúng những lời dạy của Đức Phật, thì sẽ được Ngài ban phúc, cho lên cõi Niết Bàn, để được an lạc đời đời?"

Hòa Thượng nhìn anh Phong bằng con mắt hiền từ:

- "Một lần nữa, Đạo hữu đã suy đoán, mà không suy luận căn cứ vào những kinh sách của Đức Phật đã dạy. Nhiều người tự nhận là Phật tử, vẫn có những quan niệm sai lầm về đạo Phật, vì họ không đọc sách, nghiên cứu kinh Phật... Đức Phật chỉ là một người được sinh ra trước chúng ta, và trước nhiều vị giáo chủ của những tôn giáo lớn khác. Ngài không hề tự nhận là Ngài có quyền phép, thần thông gì, để tạo ra mọi người, mọi vật. Hoặc phải có được những uy quyền tuyệt đối tin tưởng, có thể cho người này lên cõi Niết Bàn, Thiên Đàng, bắt người kia phải xuống địa ngục..."

Cõi Niết Bàn, khác với Thiên Đường của các tôn giáo khác, vì cõi Niết Bàn đã không xa cách với cuộc sống hiện tại của chúng ta ở trần gian này... Nếu chúng ta biết tự tu tập; Theo lời dạy của Đức Phật; thực hành "Bát Chánh Đạo", từ bỏ được tham, sân, si... để có tâm hồn an lạc, toàn thiện... Cá nhân lúc đó sẽ được thoải mái ngay ở thế gian này, không cần phải đến một thế giới nào khác, hoặc phải đợi chờ một tướng lai xa xôi nào đó, mới được hưởng sự an lạc của cõi mở ước. Nói khác đi, nếu ta tự tu tập được tới mức toàn thiện, toàn mỹ... ta đã ở ngay trong cõi Niết Bàn nơi ta đang sinh sống, không cần sự can thiệp của bất cứ thần linh tưởng tượng nào..."

Anh Phong mặt sáng rỡ. Anh chấp tay cung kính:

- "Những lời giảng của Thầy làm con tỉnh ngộ. Thật sự, con đang hưởng những lợi lộc hiển nhiên, bắt được những lo lắng, những dằn vặt vì những chuyện xấu mà con đã làm. Đó là nhờ con đang được cố vấn tâm lý với chuyên gia. Con đã thấy lợi ích thiết thực của người đời giúp đỡ người, hơn là cầu xin chờ đợi, những thần linh nào đó giúp đỡ. Nhưng vì còn thiếu tự tin, lại muốn tinh thần được mau phục hồi hơn nữa, nên con mới xin được Thầy chỉ dạy... Thầy đã soi sáng tính ham hố, sự ướng ngạnh, tính tự kiêu của con... Con biết con phải làm gì từ giờ phút này để thay đổi và tiến triển. Nhưng con sợ rằng, ra khỏi nơi đây, con sẽ khó giữ được những tin tưởng như con đang có..."

Hòa Thượng điềm đạm trả lời:

- "Thầy đoán rằng, Đạo hữu đang có nhiều suy tư, đang có nhiều rắc rối về tình cảm và tinh thần nhất là thiếu sự tự tin..."

Theo Thầy thì có nhiều cách để tập suy nghĩ chín chắn, để tự mình tìm ra, hoặc nhờ lại những điều hợp lý, những điều cần thiết, cần làm, cần theo... Mấy năm trước, Thầy đã chỉ cho Đạo hữu cách tập thiền và sống đời tỉnh thức. Khi Thiền định cá nhân sẽ tự tập làm thoải mái, tập suy nghĩ những điều cần suy nghĩ và sẽ có được tối thiểu sáu điều lợi như Thầy đã cất nghĩa trước kia... cho Đạo hữu".

Anh Phong mau mắn:

- "Con đang tập Thiền mỗi ngày ở nhà và thấy những ích lợi thiết thực như Thầy đã dạy. Tuy nhiên, con vẫn muốn biết, có một cách gì đó, để luôn lưu ý con tập thành, tu thân, sống đời "tỉnh thức"... Theo Thầy, hiện tại cái gì đang được dùng làm biểu tượng của Phật Giáo, để dâng nhắc nhở những người con Phật nhớ về Đạo, nhớ những nhắc nhở tập thành, tu tập, để có sự an lạc của tâm hồn?"

Hòa Thượng suy nghĩ rồi nói:

- "Đạo Phật, từ xưa, có nhiều thứ để nhắc nhở các Phật tử nhớ về đạo của mình. Ảnh, tượng của Đức Phật ngồi mỉm cười trên tòa sen đã luôn tượng trưng cho sự an bình, sự trầm tư cao quý, tinh thần hòa bình, sự gần gũi với mọi người... để các Phật tử noi theo. Không lấy làm lạ, bao nhiêu ngàn năm qua, đạo giáo của Ngài đã không hề gây ra những cảnh chém giết, vì nhân danh tôn giáo... Trái lại, những tôn giáo khác đã dùng những biểu tượng như: khí giới, xác chết, máu me... để khích động tin đồ của họ. Những người cuồng tín nhất trong họ đã đi truyền giáo bằng đủ các phương tiện, ngay cả những phương cách sất, máu nhất... Họ đã gây ra biết bao cảnh chiến tranh vì tôn giáo!!! Để nhớ về lời dạy của Đấng Vạn Thế Sư THÍCH CA, để giữ lòng thanh tịnh, sống đời tỉnh thức. Từ xưa nhiều người vẫn dùng thêm những hình ảnh khác: Như dùng hình ảnh của "Bánh xe PHÁP LUÂN", hoặc dùng chữ "Vạn" của nhà Phật... Đạo hữu có thể dùng những biểu tượng đó, để nhắc nhở mình nhớ về đạo giáo, nhất là trong những hoàn cảnh khó nghĩ, sắp làm điều xấu, điều ác... bị tham, sân, si... chi phối..."

Từ năm 1889 với sự sáng chế ra cờ Phật Giáo của Phật tử OLCOTT. Từ trên xuống dưới, từ trái sang phải của lá cờ ngũ sắc có năm màu:

Màu xanh, tượng trưng cho sự Thiền định.

Màu vàng, tượng trưng cho Trí tuệ (Intelligence).

Màu đỏ, tượng trưng cho sự Tinh tấn (Energetic).

Màu trắng, tượng trưng cho sự Thanh tịnh (Chastity).

Màu da cam, tượng trưng cho sự Tử Bi, hỷ xả (Compassion)

Nhìn lá cờ Phật Giáo đó, dù cỡ nhỏ hay lớn; ở chùa, trong nhà, hoặc treo trong xe hơi... Đạo hữu có thể hình dung được lời nhắc: "Muốn sống đời an lạc, cần biết "Thiền định" một cách "thông minh", để có đủ "năng lực" giữ lòng "thanh tịnh" và "tử bi"...".

(Trích trong truyện dài Người Mỹ gốc Việt: Những Mảnh Đời Và Cố Vấn Tâm-Lý...)



Địa ngục có thật

• Nguyễn Hữu Nhật

Tiếng chim kêu đôn lè, lúc nửa đêm về sáng, đánh thức tôi dậy. Nghe bồn chồn, mất ngủ, tôi lên Thiền đường ngồi trầm tư trước đĩa bột hương trầm vàng và bình hoa sen trắng thơm, quán tưởng "một người thành hai", theo phép hóa thân. Tôi nhớ lại câu chuyện đau thương vừa mới xảy ra hôm trước, tự hỏi lấy mình: "Sao nổi cảm phần lại dấy lên trong lòng tôi, mạnh mẽ, tôi độ chỉ muốn diệt cho bằng hết cái giống người-giết-người?" Thầy tôi đặt tên trong đạo cho tôi là Quán Chi, có nghĩa là Soi Suốt và Ngưng Động, tựa hồ samādhi, cốt mong cho tôi sớm "biết và ngừng" đúng lúc hết thảy mọi loạn động trong tâm hồn tôi. Năm mười ba tuổi, tôi vẫn còn là một đứa trẻ ngộ nghịch mặc áo nhà tu, hết lên phá tổ chim lại trộm bắt cá kiếng. Suốt năm mười bốn, ngoài việc học chữ, thầy thường rên cặp tội về phép Sát Hối, ksamayati, xứng tội và ăn năn chữa tội. Lúc đầu, tôi hay cố cãi, chạy tội lấy được, cả những việc bị người trong chùa bắt gặp quả tang, như: "Tôi nghĩ là phải có bày cá dầy màu sắc, nơi hòn non bộ ngoài sân chùa, thì nom mới đẹp!", dù tôi đã được dạy bảo thế nào là "sát sinh" và "phương hại sinh". Lâu dần quen đi, tôi vui vẻ tự nhận hết mọi tội không một ai hay biết, như ban ngày mà vẫn sợ ma ở nhà Vong. Gần đây, mỗi cuối tuần tôi đều tụng kinh *Tứ Bi Thủy Sát Pháp*, cốt suy nghĩ sâu xa về sự "dị thể" mà "đồng tính" của Nước. Từ nước mắt đau khổ hay vui sướng tới nước mắt Từ Bi đều như nhau, trừ bệnh và rửa sạch oan trái. Nhẹ nhàng thay lối "lý sát", hề thấy lòng chẳng yên, lên Thiền đường ngồi một mình lặng lẽ, tưởng đến bông Hoa Sen trong trắng đang nở ra tươi tốt, không gợn chút bùn nhỏ. Những cách "thí nhãn độ", cố giúp mình hiểu lấy mình, thật nặng nề. Trước hết tôi phải nghĩ đến bùn và thấy mình là bùn, đối chiếu hai hạnh Bồ Thái và Nhân Nhục, nhìn thẳng vào tội lỗi của mình. Cho tới khi nào tôi nghe trời đổ một cơn "mưa không tiếng mưa rơi" và sau cơn mưa tạnh,

mặt nước đầm sen êm à, trong veo trở lại. Nắng lên, nước lại bốc hơi. Mùa xuống. Dòng sông dâng đầy, cùng lúc nuôi sự sống và gieo bao thủy ách. Ai một lần tình cờ nhận thấy nước, trong khung cảnh nào đó, đẹp như ngọc Lưu Ly, hẳn một lần đã tới cõi Tịnh Độ, xứ Yên Ổn? Còn tôi, tôi đã thấy nước giết người, đúng hơn, quý đã mượn nước để giết người, nên lòng tôi cũng trở thành địa ngục, cõi Nhục Nhân, nghe tiếng oán than mà sinh lòng căm hận: Chớ sát sinh bằng cách sát sinh? Không, "oán nên cời ra, đừng buộc vào", nhưng phải chấm dứt trước đó mọi cảnh Hắc Thắng, địa ngục Dây Đen, nguồn gốc của tội ác, sợi dây trói buộc, mất tự do sinh ra oán thù. Bởi đời thoi thóp thì đạo cũng tàn tạ... Có lẽ nào nhà tu hành Đại Tử Bi, lại không cần tới Đại Hùng và Đại Lực, mà kêu gọi được lòng tha thứ, thôi oán thù của người dân khỉ hợ đang bị kẻ cầm quyền hãm hại?

Ngày trước, mỗi lần có lỗi, tôi cũng không phải "sự sám", quý một mình trước tượng Phật để bày tỏ lòng hối hận, mà thầy cùng với tôi ngồi Thiền tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* rồi thầy giảng cho tôi nghe hạnh Nhân Nhục Độ, ksanti-Paramita, dứt bỏ lòng giận hờn người nào chê trách mình, kể cả lòng oán ghét chính mình. Con người cần sự thao thức, ăn năn để tự sửa mình, nhưng không để cho sự ăn năn ấy dầy vò "làm khổ" mình, khiến cho đầu óc thêm mù đi. *Vô Lượng Thọ Kinh* nhắc nhở tôi: "Con người sinh ra một mình, chết đi một mình, lần lộn một mình trong vòng cực khổ thật, vui sướng tạm, cũng một mình, mọi việc tự mình đường đầu lấy, chẳng trông chờ vào ai được!" Trong cảnh đời khổ khổ, nguồn "sinh nhân", bao khổ nhục gây ra bởi chúng sinh, người hay vật khác đâu phải một chiều theo cái nhìn Tây Phương thời này: "L'enfer c'est les autres", địa ngục là tha nhân. Bởi đối với người khác, chính mình lại là tha nhân? Hãy cầu xin cũng như oán trách chính mình! Thế nên, thầy bảo tôi phải dùng "Pháp Nhân", tập chịu đựng được mọi nghịch cảnh, không có nghịch cảnh nào lớn lao cho mình bằng nghịch cảnh do chính mình gây ra. Tạm gọi đây là khuyển hướng tự hủy, biết là sai lầm mà vẫn làm. Sám hối giúp tôi "ngưng" lại mọi "sai lầm khoảnh khắc", nếu không sẽ đưa đến một tâm cảnh "ngàn năm phiền muộn":

Hôm qua, một chiếc thuyền chở nhiều người từ Sài Gòn, chạy trốn ra nước ngoài, bị đắm nơi khúc sông giữa bên này chùa và bên kia xóm Đầm Sen. Mãi sau, tôi mới rõ chuyện, từ phía cuối xóm Bàu Nai khuất nẻo, con tàu Bình Sa tính quá nhà chùa sẽ thoát ra được ngoài khơi, nhưng chẳng hiểu sao tới lúc mặt trời mọc mà vẫn còn ở đây để rồi gặp

nạn. Tôi không thể quên được buổi sáng ấy, sau khi vực đôi thùng gỗ xuống nước, tôi thấy nhiều lượn sóng là lạ, từ ngoài sông dạt vào bờ. Những vòng sóng nhỏ từ đôi thùng gỗ lan ra, chạm phải các lượn sóng lớn, làm xoáy tròn đám lá tre và hoa muồng ven sông rụng đêm trước trời mưa, vừa dạt tới chỗ tôi. Gió trên mặt nước thổi lạnh hai ống chân, tôi đứng khom người, chiếc đòn gánh ngang vai, hai tay vẫn không rời đôi thùng gỗ, người nhìn ra giữa sông. Cùng lúc, tiếng nhiều người thất thanh kêu cứu, gọi trời, tôi vội giốc hết nước ra, quăng mạnh đôi thùng xuống bờ cát, chạy ngược lên mấy bậc thêm đá để nghe và trông cho rõ. Nắng lên, chiếu sáng mặt sông những mảnh gương loang loáng vò, hiện rõ nhiều cánh tay người đập chới vờ trong khoảng không, quanh vực nước xoáy. Tôi kêu lên "Cụ Nậm ơi! Đám tàu! Cụ Nậm ơi!", nhưng tôi ở trong sâu dưới bến sông, nên lạc giọng kêu, cũng chẳng nghe thấy tiếng ai trả lời. Tôi lại chạy lên thêm mấy bậc thêm nữa, đứng kêu, nhìn ra sông thấy một chiếc thuyền lớn đang ghéch mũi lên, đuôi chim dần xuống nước. Đám đông người trong xóm ven sông bên kia lao tủa ra bờ, tôi mừng lắm. Chợt nghe tiếng chân chạy vội và tiếng mái chèo gỗ lóc cóc trên các bậc thêm, tôi quay lưng lại, ông Cụ Nậm quát to: "Bè chuối! Bè chuối! Bên tay mặt... Trong bụi rậm!". Tôi chạy bay xuống trước. Khi hai người kéo ra được chiếc bè làm bằng thân các cây chuối kết lại, vừa lúc Tâm Đối cũng xuống tới nơi, thờ giốc, nói không ra lời: "Buông ra! Tôi bơi quen! Để tôi! Quán Chi chạy nhanh lên vườn chuối! Mấy người đang hái lá. Trên cao và xa quá! Chẳng nghe được gì! Nhanh lên! Mang cuộn dây thừng ở nhà bếp xuống!" Liền đó, ông Nậm lại quát tôi: "Lên lâu! Đánh chuông! Nhanh lên!".

Khi tôi lên tới bậc thêm cuối cùng, chạm phải sân chùa, nghe nhiều tiếng súng từ ngoài sông nổ ròn, chất chứa. Nhờ chỗ đứng cao không vướng tầm mắt, tôi thấy ông cụ Nậm và Tâm Đối đang mài miết chèo, chiếc bè đã ra gần tới giữa sông. Bỗng, hai chiếc ca-nô từ xóm Bàu Nai vút tới, lượn vòng quanh chiếc tàu chìm, làm dập mạnh các làn sóng lớn vào chiếc bè chuối, ông cụ Nậm ngừng chúi xuống sông. May mắn bám vào được chiếc bờ chèo của Tâm Đối. Nhìn nhanh sang bên kia sông, tôi thấy nhiều chiếc xuống, cả con đò của Lượm, bị hai chiếc ca-nô cùng nhiều họng súng dồn ngược vào bờ. Tôi củ đứng chết trân ra một chỗ. Đạn bắn chặn chiếc bè, xoáy xuống nước, nghe như sôi ùng ục, ngăn không cho ai lại gần chỗ tàu chìm. Tâm Đối và ông cụ Nậm đang quay về bờ bên này. Sóng tung ngọn lên, từng lớp hoa bọt trắng nát ra tả tơi,

tan dần vào từng miếng gương nắng vỡ vụn. Mỗi chiếc ca-nô tấp vào một bên bờ, tắt máy, các họng súng trên đó hướng vào chùa và xóm Đầm Sen. Thầy chúng tôi bảo: "Hãy ngưng hết mọi việc. Tất cả lên Thiên đường tụng kinh Cửu Khổ. Cụ Nậm mang rau xuống bến sông, rửa rửa rửa xem tình hình! Nếu muốn, Quán Chi lên lầu chuông... Đem theo thùng nước và cái bàn chải. Làm như đang lau bụi nước. Hề thấy gì, xuống ngay đây... cho biết!".

Tôi bữa ăn đúng Ngọ, thầy trò chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn lớn trong nhà bếp, cơm canh như vữa ra, nguội lạnh. Tôi không còn đủ sức để buồn, đối mỗi khổ khốc và miệng đắng ngắt, thấy người kêu cứu mà không được cứu người. Phật pháp như chiếc thuyền lớn, đại thuyền, chở được nhiều người từ bờ bên này sang bờ bên kia, đưa Chúng Sinh từ chốn Đau Thương qua biển khổ Luân Hồi tới cõi Yên Vui, Niết Bàn, sao không cứu được bao người bị kẹt trong con tàu muốn vượt biển đi tìm tự do? Trong cơn mê lầm, tôi đã thật lòng ngờ vực như thế, tự hỏi vì sao "người ta" lại không cho phép "người cứu người"? Lừa vội chén canh rau mồng tơi nấu với muối cho đỡ đói, xong tôi lại lên lầu Chuông xem xét. Chưa bao giờ cái chuông đồng được lau sạch bóng như lần này vì tôi lau mà không nghĩ là mình lau. Buổi trưa trên sông vắng, chiếc phao khoang trắng xen màu đỏ chói, đánh dấu nơi tàu chìm, đập dần theo sóng. Ngoài tiếng nước đập nhẹ vào bờ đá rì rào lẫn tiếng chim cu, thỉnh thoảng gù nhau ngoài vườn mít, tất cả đều yên ắng. Cảnh tĩnh lặng trong tôi, phồng lên như quả bong bóng bay, căng hơi quá độ, nổ bùng ra. Tôi muốn đánh chuông, thỉnh hàng hồi báo tử, loan nhanh cho khắp vùng nghe tin hàng trăm hay mấy trăm người vừa mới chết đuối dưới đáy sông mà nhà cầm quyền không xuống cứu, cũng không cho ai lại cứu! Dân xóm Đầm Sen bên kia và người nhà chùa bên này lao ra, đều bị lừa thốc trở lại. Nếu không, cũng có thể vớt được một số người. Chiếc tàu chìm, khá lớn, hẳn phải là loại ra đi "bán chánh thức", đóng mỗi người mấy lượng vàng cho Nhà Nước. Nhưng mặt nước đã lạnh lùng khép lại bao tiếng kêu thất thanh cùng những bàn tay quờ quạng trong khoảng không. Dễ thường mặt nước còn ấm áp hơn mặt người? Trong vườn buổi vắng, nắng vẫn ủ chín dần chùm trái, da tử xanh tái ngả sang màu rậm vàng. *Kinh Cửu Khổ* vẫn rộn ràng trên Thiên đường và xa xa, phía sau xóm Bàu Nai, thành phố Biên Hòa, những người đi trên đường có ai biết ở khúc sông kia, vữa mỡ toang cáng của xuống địa ngục. Hoạn nạn, dưới mọi hình thức, xảy ra hàng ngày trên thế giới, khắp mọi nơi. Nhưng nơi nào cũng có người cứu nạn, sao lại trừ một nơi này? Bao tội ác có thật, ở đất nước này nhiều năm qua, đã sớm trở thành vô danh, thế giới không ai biết đến. Báo chí và các phương tiện truyền thông khác, cũng như nhà in, đều nằm trong tay bọn lộng quyền. Đây là một Nhà Nước coi Nước Nhà như của riêng. Nơi đây tiếng kêu than, lại

vắng bóng việc cứu giúp, là nơi nào? Nhà Phật có nói tới một thứ địa ngục, Cô Độc Địa Ngục, địa ngục riêng biệt một mình, trong đó mỗi cô hồn bị biệt giam, kiên giam, mãi mãi. Kêu không ai nghe, nghe không ai cứu. Con tàu, dòng sông và tiếng súng AK bồng chốc "giả hợp" mà thành "có thật", ra địa ngục Hào Khiếu, roruva, kêu la thảm thiết và địa ngục Đại Khiếu, mahāroruva, lớn tiếng, lời thảm thiết kêu la to hơn... Một nhà sư như tôi, quả là vô tích sự, trong việc chống lại phiến não. Theo kinh *Quán Vô Lượng Thọ*: Ba điều quan trọng, mà hàng đầu vẫn là "hiếu dưỡng cha mẹ, kế đến phụng dưỡng bậc thầy", cuối cùng mới là "uy nghi lúc đứng ngồi, và tụng kinh, khuyên người học đạo". Tôi không được sống gần cha mẹ để hầu hạ, thầy lo liệu cho tôi nhiều hơn thì săn sóc thầy, tôi thích sự tự nhiên hơn sự uy nghi và sau cùng tôi cũng chưa khuyên được ai học đạo... Nhưng theo thói quen, trước giờ thỉnh chuông trên Tâm Chung Các, tôi tụng kinh cho lòng mình thanh thản, để tiếng chuông đi đến với những ai ở bên kia bờ được lắng đọng, nhẹ nhàng mỗi buổi sớm Thiên và mỗi buổi chiều Tịnh Độ. Khi lời kinh thấm vào tiếng chuông đầy ý nghĩa hiền lành, theo tôi, có giá trị ngang tiếng nhắc nhở về mọi điều tốt đẹp đã có sẵn trong lòng người. Đành rằng trong đám đồng chạy túa ra bờ sông, lao như tên, hẳn cũng có kẻ tham lam, muốn xuống hôi của, kiểu "nước đục thả câu". Nhưng tôi tin phần lớn, hề ai nghe thấy tiếng người kêu khóc, cũng liền vội chạy ra hỏi han, cứu giúp. Còn tôi, đã không bơi ngay ra ngoài sông, còn chạy lên bờ gọi ông cụ Nậm làm gì? Thời gian trước lúc hai chiếc ca-nô nhào tới, dù cho tôi có thể cứu được ít nhất một người. Lẽ nào lại không một ai sống sót như thế này? Phải chăng đây là thứ địa ngục Chúng Hiệp, sangáta, nhiều người tử các nơi khác nhau, tụ lại một chỗ, mà chết chìm, bực tử trong vòng "cộng nghiệp"? Không, nói gì thì nói, tâm cảnh của tôi đang hứng hực lửa Viêm Nhiệt địa ngục, tapana, đốt phỏng cả trong lẫn ngoài đầu óc. Trên lầu Chuông nắng nóng bỏng, thịt da tôi như cháy rất. Người ta gió tay lên vẫy vẫy, ngoài sự sự phản xạ tự nhiên, còn là lời cầu xin, không xin ăn, không xin uống, chỉ xin cứu nạn. Ngay khi đó, nếu tôi có bơi ra, bất quá vẫn nằm trong hạnh Bố Thí thường, dāna, chưa phải dānaparamita, Bố Thí Ba La Mật, người ta chưa kịp ngó lời hay chia tay ra xin, mình đã phải mở lòng, lao vào cứu giúp. Tôi không nhớ rõ trong tám địa ngục lạnh, Bát Hàn Địa Ngục, có thứ lòng sông, đáy biển không? Chắc là có. Nhưng rất chính xác, trong tám địa ngục nóng, Bát Nhiệt Địa Ngục, có Đại Nhiệt địa ngục, pratāpana, lửa trong lửa, sắt trong sắt, nóng bỏng... Nóng trong nóng. Ngọn lửa oán giận, chính mình, như đốt cháy buồng gan tôi trong lúc tôi vô cùng nóng ruột, muốn biết sự thế bây giờ ra sao. Tôi vội vã xuống lầu, đi tới bến sông. Chiếc ca-nô hồi sáng đậu bên bờ, chỗ gần cây bạch mai, giờ đang tấp vào nơi tôi thường xuống gánh nước. Một trong mấy người Công an trẻ, cỡ tuổi tôi, lăm

lăm khẩu súng trong tay, hất hàm, hỏi: "Anh kia! Lên! Đi đâu?" Tôi không nhớ đã nói gì nhưng họ đều hiểu ý tôi muốn biết bao giờ thì họ vớt xác các nạn nhân. Họ có cần nhà chùa giúp đỡ gì không? Một người khác, chắc là cấp chỉ huy, nói: "Này, không việc gì đến các anh! Chuyện chúng tôi, chúng tôi lo! Lát, sẽ có nhiều người tới! Làm lễ Cầu Siêu à, lễ Cầu Siêu là lễ gì?... Để xác ở bờ bên nào à? Chúng tôi chưa cho anh biết trước được... Phải xin phép Công an xã, chúng tôi ở trên xuống, không có quyền cho các anh làm lễ". Tôi cảm ơn họ về tin chiều nay người ta sẽ cho vớt xác. Khi tôi vừa quay bước, tỉnh trở lên chùa, lại nghe thêm lời cảnh dạn: "Chờ kiểm tra xong, các anh mới được làm gì thì làm. Nhờ xin phép. Từ nay tới tối, không ai được ra khỏi chùa. Xuống đây cũng không được! Rõ chưa?". Tôi gạt đầu và quay đi.

Vừa thấy mặt tôi ở Thiên đường, Thường Chuyển đã hỏi ngay:

- Sao?

- Họ sẽ vớt! Xuống bếp nhờ cụ Nậm, lên lầu Chuông... Xem họ sẽ vớt ra sao, mang xác lên bờ bên nào?...

Thường Chuyển đi như chạy xuống bếp. Thoáng cái đã trở lại ngay, thầy bảo tôi: "Thờ đi đã, rồi hãy nói!". Lát sau, tôi kể hết chuyện cho mọi người cùng nghe. Ông cụ Nậm cử cảnh nhân: "Chờ đến đêm mới xin giấy phép, còn ma nào nó làm việc nữa? May mà hồi sáng thầy Quán Chi không giống chuông báo tin người "quá vắng". Rắc rối thêm...". Thầy chúng tôi bảo:

- Lo nhang đèn trước đi...

Mặt Thế thưa với thầy:

- Con nghĩ là lập biên bản xong, họ sẽ giao cho xã. Chiều mai, hay sáng mốt là cùng, người nhà các nạn nhân sẽ đến đây. Chắc phải làm lễ Cầu Siêu tập thể... Nhang đèn con đã lo xong rồi. Chuyện ăn uống tính sau. Chỗ ngủ thì cất rạp ở ngoài sân gạch... Mùa này không mưa, cũng đỡ... Con sẽ đi đào hai cái hố lớn, làm nhà cầu, trong vườn chuối.

Thầy chúng tôi gạt đầu:

- Phải đấy! À này, ai mệt thì cử đi ngả lưng. Chợp mắt được chút nào hay chút nấy! Đêm nay, có thể phải thức suốt sáng! Ba cái đèn bão và một cái đèn măng-xông không đủ đâu. Cụ Nậm đừng khóc nữa... Nấu cơm để cúng chùa? Khi họ vừa đi khỏi thì cụ đánh trống ra hiệu cho Lữm đem đồ sang đây! Thầy sẽ vượt bè chuối sang trước, nếu người ta vớt xác lên bờ bên kia. Hy vọng sự có mặt của thầy ở đó, không ai nở... Còn ở bên này, chẳng có gì đáng lo. Này, Tâm Đối và Thường Chuyển nhờ làm thêm chũng một chục bó đuốc bằng nhựa thông...

Đêm rộn người trong bầu không khí cuối tuần trắng, ánh sáng nhờ đục soi yếu ớt xuống dòng sông, càng về khuya càng chày xiết, bên này và bên kia bờ như bị những đám mây sương, màu khói ám, ẩn vào cái lồng kính mờ thắm của trời đất. Gió thổi, đám lá rung cành, nên ngọn đèn măng-xông treo trên đó cũng run rẩy từng vòng ánh sáng

trắng lạnh. Đền bao vàng đục và đèn chai trên các chiếc xuồng, từ bên xóm Đầm Sen đổ qua, in bóng xuống đáy sông, lúc này nom như cánh đồng nước, bập bùng lửa ma trôi. Bày mười hai cái xác người lớn, nhỏ, nom xa giống như nằm thiếp ngủ, dọc bờ cao trên đám cỏ đuôi chồn, ngọn nào chưa bị dè ngà rạp củ lay lắt trong ánh đuốc. Cối âm, đêm bên ngoài chùa Hoa, tôi đi đắp từng miếng giấy bàn khổ rộng lên từng khuôn mặt. Cậu bé Lượm xé bẹ chuối ra làm dây, cột lại, cho gió khô lật hoặc thổi bay giấy đi. Hương hoa và ngọn đèn bao đặt trên một tầng đá xanh núi Bửu Long. Đêm như bay lên tiếng kinh cầu. Nhang cắm xuống đất, cháy đỏ từng nắm, phía đầu mỗi người xấu số, thỉnh thoảng gặp gió to, bùng mạnh ngọn lửa, như rít lên trước tiếng khóc thường tâm của một số người tử bên kia sông mỗi sáng. Không một lời phủ dụ, uy đức của thầy chúng tôi toát ra trang nghiêm và trầm tĩnh, lan sang cả mấy người mà ông cụ Nậm trước đó có ý canh chừng. Tất cả, một lòng, theo thầy niệm hồng danh "Nam Mô A Di Đà Phật". Anh Tư Chơi và Lượm chạy tới, chạy lui, giúp chùa được nhiều việc nặng, kê lại từng xác người một, nằm cho ngay ngắn. Ông Năm Cao và cô Nụ, nửa đêm gõ cửa nhà Bí thư Chi bộ xã, một người anh bà con xa của cô Nụ, nhờ xin giùm giấy phép làm lễ Cầu Siêu cho nhanh. Anh ta còn nói: "Trên đã báo tin cho gia đình các nạn nhân rồi! Ai biết là bao nhiêu? Vết được nhiều hay nhiều! Vụ này... Trên biết! Vì sao tàu đắm? Thôi, về há!..." Một góc trời dựng sáng ánh đèn lửa, động tiếng người, chim chóc xáo xác trong vườn buổi khuya, đập cánh bay tán loạn, gọi nhau chửi chửi. Ông cụ Nậm rót cho tôi một ly nước trà nóng, bảo tôi uống xong, hỏi nhỏ:

- Thầy thấy gì không?
Tôi lắc đầu:
- Thấy gì?
- Ác quá, chúng nhớ hết cả răng vàng của người ta!
- Nghe nói người chết đuối hay bị hộc máu...
- Cũng có... Nhưng mà thầy trông...! Đây nữa này!
- Đúng! Vậy thì không kiểm tra gì cả...
- Có chứ! Tiền bạc, nữ trang... lột sạch!
Ấn không ấn hồng của người ta, rồi cũng kéo nhau xuống địa ngục cả lũ...
Ông cụ Nậm vỗ tai, bắt tóc, bực bội ra mặt:

- Thầy ngồi đây trông chừng nhé! Tôi về luộc mổ khoai và đun thêm nước mời bà con... Khổ quá! Thật là địa ngục...
Nhìn theo dáng ông cụ chìm dần vào bóng sẫm cây vườn, tôi muốn kêu lên thật to: "Lạy Phật! Cụ không biết sao? Địa ngục, niraya, nơi chẳng thể vui, chẳng thể vui được. Nơi mà giống quỷ bạo ác La Sát, rakchasas, quen sống dưới nước, thích nhất ăn thịt người. Cụ tính coi, của cải có phải là mồ hôi nước mắt, là xương thịt của người lương thiện không? Địa ngục, còn gọi là nakara, nơi tâm tối, chúng sinh từ vật lên tới người, phần lớn quen sống theo thói con này

giết hại con kia. Cá lớn nuốt cá bé, mạnh được, yếu thua. Khôn sống, mỏng chết. Địa ngục ở ngay trên mặt đất này, ngoài đồng ruộng, trong rừng núi, dưới lòng sông và đáy biển".

Những chiều nay, một buổi chiều mà tôi thấy các lượn sóng sông liếm ven bờ đá cũng tựa hồ như nước mắt chạy quanh và gió sông cũng biết thở dài. Tâm Đối đã khóc. Đây là lần đầu tiên tôi thấy một nhà sư vừa khóc, vừa nói: "Lũ đầu trộm đuôi cướp, liều thân phải lấy việc giết người làm kế mưu sinh, song tâm của chúng vẫn chưa ác bằng cái lũ "người-giết-người" để vết của cải, lại nhân danh là chính quyền của nhân dân. Chúng ta như người làm vườn, không ngăn được sâu rầy, thì trồng bao nhiêu mùa cải cũng chẳng có nổi một lá nào nguyên vẹn xanh tươi".

Khóc được sẽ nhẹ người. Tôi mừng cho Tâm Đối. Thủ hồi cái coi Ta Bà này là gì? Saha, có nghĩa là thế giới hay gầm trời nhân nhện, cõi "Nhân Thổ", vùng đất nhện nhục! Bồi coi "Ta Bà" này có đủ thủ ác độc, tàn hại, giả dối... Đủ thủ cảnh khổ, nhất là khổ não. Ta Bà Thế Giới còn gọi là Tạp Ác Thế Giới, chúng sinh xử ác, đánh giết, hành hạ nhau. Trong cõi để độ tranh tối tranh sáng, năm "giống" hay "ngũ tính" cùng góp mặt, sống chung: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, con người và thánh thần. Con người ở giữa hai đầu tốt và xấu. Đầu này là Địa Ngục, đầu kia là Niết Bàn. Sa đọa thì con người là Ngã Quỷ, hưởng thượng mà nên Thánh Thần. Có đúng thế không? Thánh Thần chính là tinh Thượng Yêu và đức Hiếu Sinh. Ngã Quỷ là lòng Thủ Oán và sự Hủy Diệt... Vai trò của chúng quỷ hoàn toàn không phải là "hành pháp" hay "hộ pháp" gì cả! Nếu không thấy ra và hiểu đúng, chúng ta sẽ gặp nhiều nghi tình, rồi đâm ra tự hỏi ngỡ ngàng: Thiếu bọn quỷ sứ, trời đất lấy gì để trừng phạt kẻ có tội? Những Phật ở trong ta thì Thánh Thần và Quỷ cũng ở trong ta. Nhà Phật dạy rằng loài nào trong chúng sinh thích ăn thịt người, uống máu người là Ngã Quỷ. Âm binh hay kẻ dửng dưng có ác tâm cũng là Ngã Quỷ. Những Ngã Quỷ, quỷ đói, pretas, có hai hạng: Thủ nhất, chúng bắn thiêu và đói khát, lang thang đầu đường vô chợ, kiếm không ra một miếng ăn, thức uống. Thủ hai, có nhà cửa, đền đài, kẻ hầu người hạ. Loại nào cũng "đục xương, hút máu người ta", ít hay nhiều thôi. Nhưng càng nhiều thì càng có "đền đài, kẻ hầu người hạ". Loại nào cũng có "quỷ nhân tinh", giới nghề rình mò, nhòm ngó, theo dõi người ta. Thủ càng lớn càng có "quỷ kiến", tri thức của quỷ, khá cao, điêu luyện trong khoa quỷ biến, lừa người. Đói quá mà phải cướp giết để ăn, hạng "pretas" nhỏ thôi! Hạng lớn, thường "no dạ, đói mắt", vớ vét bao nhiêu cũng không đầy lòng tham. Chúng vớ vét mồ hôi, nước mắt của bao nhiêu người mà thành ra kim cương, vàng bạc. Song, chúng lại bị bọn quỷ khác cướp đoạt lại... Bên cạnh đó, thật sự có nhiều người tốt, làm ăn chất chiu, để dành để dùm, mới có được chút vốn liếng, của cải để thân, sống tạm

yên qua ngày sao cho lành lặn, no đủ. Nhưng họ bị "cộng nghiệp" bởi trước kia cứ loay hoay lo "độ" cho mình mà không nghĩ đến "độ" cho người.

Về chuyện "cho mình, cho người", chỗ vào xác một em bé gái chừng sáu tuổi, hai tay đang ôm chặt con búp-bê, Tâm Đối nói, dần từng tiếng một: "Nội việc nhỏ này thôi cũng đủ thấy: Chính tôi trước đây, mai miết tu thân, xa lánh và dùng dùng với những gì gọi là "chính trị, xã hội". Tôi khinh bạc, bằng cách tỏ vẻ thờ ơ, người lính miền Nam khi họ chống lại Bắc quân. Tôi cho lính nào cũng là "bọn sát nhân", như nhau cả. Đây, chính trị sai lầm thì chiều nay, tạm gọi là tu thân xong, tôi muốn cứu người khác mà có được đâu? Tội ác tày trời này, ở đây, nào chỉ xúc phạm tới ý thích riêng tư của cá nhân tôi về một lý tưởng nhân bản. Nó còn thách thức cả với tấm lòng "Bi, Trí, Dũng" của nhà Phật và phi báng vào nền văn hóa của dân tộc Việt... Tôi biết, chiến tranh lúc nào, bất cứ nơi đâu, cũng tồ tộ. Nhưng cả thế giới đều được báo tin đầy đủ về vụ Mỹ Lai, được tự do đi thăm Chuồng Cọp ở miền Nam. Vấn đề là ai gây chiến trước, người thoát nạn có thể quên, song chúng ta và thân nhân những người nằm xuống phải nhớ. Đúng ra là nhớ đến cái hại của điều ác để hiểu và làm được cái điều lợi của điều thiện...". Tâm Đối còn nói với tôi: "Quán Chi có biết người ta giết bao nhiêu trẻ con ở Làng Cổ Nhi Long Thành sau năm Bảy Lăm không? "Ngụy" có thể ác. Cho là thế đi! Nhưng trẻ con đầu phải là "Ngụy"? Vụ đắm tàu vượt biển tại cầu Chũ Y, chết gần hai trăm người giữa lòng Thành Phố... Trên bốn trăm người ở Thủ Đức, gần kho đạn Thành Tuy Hạ cũ... Nơi nào cũng vậy, không cứu và không cho ai cứu. Guồng máy Giết Người Cướp Của được bung bít bằng sự căm nín, đôi khi cũng nghe tiếng dân kêu tức tưởi, lại át giọng ồn ào - "Bỏ nước ra đi toàn là quân phản quốc, cón đờ, đờ điếm!" - Hai mươi mốt đứa trẻ con chết oan sáng nay, đang nằm đây, là ai? Nhưng rồi chuyện này như bao nhiêu chuyện khác sẽ chìm dần vào quên lãng... Người chúng kiến thì quên đi để sống. Kẻ không biết chuyện thì lấy gì để mà nghi nhớ? Lòng Tử Bi không thôi, chùa phải là đạo Phật. Cái Trí Tuệ của nhà tu hành, con người Dũng Cảm đi tìm chân lý Tử Bi, đâu? ở đâu? Bi, Trí, Dũng!...". Ngay khi ấy, Thầy đã dùng ánh mắt ra hiệu cho tôi dẫn Tâm Đối rời khỏi "cảnh ý vọng động", bằng cách vào sâu trong khu vườn, ngã lưng nơi gốc cây buổi, ngó đám lá xanh non một màu mát mắt. Lát sau trở ra, ngồi tụng kinh bên tảng đá, thỉnh thoảng Tâm Đối lại nhìn ra sông vắng.

Trời chạng vạng tối, ráng chiều co lại, ùn lên một vũng máu me, quanh vết thương mừng mù vàng sừng tấy các vết bầm tím lịm. Đám mây lớn xanh tái màu mỡ non, trôi dờ dẩn về phương Tây, tẽ ra hai nhánh con, như đôi cánh rộng nflu lấy hai áng mây nhỏ, cùng xuôi một hướng. Nom chẳng khác gì xác một bà mẹ đang nằm ôm chặt lấy hai con, gờ ra không nở, trên búi cỏ trước mặt chúng tôi.

Thầy bảo Thường Chuyển về chùa làm lễ Tác Nguyện Môn, khởi một lòng nguyện cho các vong hồn sớm siêu sanh qua miền Cực Lạc. Tôi xin phép ở lại chờ ông cụ Nậm ra ngoài này, xuống sông gánh nước, lau bùn đất dính đầy mặt và chân tay những người xấu số. Anh Tú Chối bảo tôi nhấp chút rượu để cho bớt gai và gây người khi gần mùi tử khí. Lạnh và tanh. Tôi lắc đầu, chỏ vào mỏ nhang trầm, ra dấu đốt thật nhiều. Ông cụ Nậm gánh khoai ra, lúc gần nửa đêm, nhiều người đã xuống xuống, chèo về bên kia sông, nói sáng mai sẽ trở sang nữa. Còn đám ba người ở lại bên này, trong đó có anh Tú Chối, người mà buổi sáng suýt bị trúng đạn vì bỏ ra gần chiếc tàu chìm. Họ đều bảo:

- Quý thầy vô chùa nghỉ đi. Mai còn làm lễ sớm... Chúng con ở đây được rồi! Cảm ơn cụ Nậm. Nhờ trà đặc, đỡ buồn ngủ! Cụ cũng vô đi!

Ông cụ Nậm giục tôi và Tâm Đối:
- Hai thầy mời Sư Cụ cùng vào nghỉ...
Thầy Mặt Thế đuổi sức rồi, ép mãi mới chịu đi ngủ, không khéo quy mất... Mời Sư Cụ...

Thầy chúng tôi từ chối:
- Cảm ơn cụ, củ để mặc tôi... Đã lâu, tôi chưa ngồi Thiền ngoài trời...

Men theo lối đi vào chùa, sau nhà Vong, ngọn đèn bão gần hết dầu chẳng đủ sáng, dùng lại gấp ghènh đổ đốc, rất dễ vấp ngã, ông cụ Nậm phải vịn vào vai tôi vậy mà còn vữa đi vữa hỏi:

- Thầy có tin chuyện nếu để mèo nhày qua xác người, lập tức bật ngay dậy, biến thành quỷ nhập tràng không?

- Người ta nói thế để cho việc canh gác, giữ gìn thì hài được chu đáo, bồi mèo, chó có thể đến ăn thịt người. Cũng như dọa trẻ con nên gặm chân gà, khi viết sẽ run tay, chữ xấu lắm, chẳng qua chân gà nhiều xương hiểm, dễ hóc. Vậy thôi!

- Thầy có tin chính cái đời này là địa ngục không? Qua khỏi mấy đát đá lởm chởm, rú các chùm dây gai sắc bén, tôi mới trả lời:

- Tâm ở đầu thì cảnh ở đó, cụ ạ. Khi ở trong tù, theo chính lối cụ kể, có người cho đây là chốn để rèn cái ý chí chống lại mọi sự bất công quá đáng, hơn là chỗ dọa dè. Còn câu cụ hỏi, trong kinh nhà Phật đã trả lời rồi. Nhưng ai cũng có thói quen cũ nghĩ là địa ngục phải ở dưới đất. Trong khi hàng trăm ngàn thủ địa ngục có thật, ở ngay trong lòng chúng ta và ở ngay trên mặt đất này, quanh chúng ta. Tôi kể thôi, tin hay không xin tùy cụ. Đọc kinh *Địa Tạng*, thấy có nói đến núi Thiết Vi, Ca-Kravada, Núi Sắt bao quanh một biển nước mặn, nơi chứa đủ mọi loại địa ngục. Núi ấy tối om, không một tia ánh sáng nhật nguyệt rơi vào. Ngoài địa ngục Vô Gián, Avichi, tức A Tỷ, kèm chặt số phận tội nhân chịu mãi "cảnh dày dọa không ngừng", nghĩa là "cảnh, thụ, thời, mạng, hình" đều chẳng gián đoạn, cứ triển miên chết đi, sống lại. Nặng hơn, còn có Đại Địa Ngục Cực Vô Gián... Nhưng thôi, nói dài dòng cũng là một thủ địa ngục. Tên nhiều loại địa ngục xưa, rất lạ, ngày nay mới hiểu nổi, như địa ngục Tên

Lửa là (Hỏa Tiễn), Xe Sắt (Thiết Xa), Lửa Táp (Lửa Hỏa, Chém Đầu (Tỏa Thủ), Viên Sắt (Thiết Hoàn)... Hay Giận Dữ (Đa Sân). Lại còn có thủ địa ngục tên là Ó Lửa (Hỏa Ung)... Kêu Gào (Khiêu Hoán). Nhiều không kể xiết! Bao xà-lim trong tù và những khu nhà ở chuốt ngày nay cũng mang hình thức ảnh của Địa Ngục Phần Niệm, phân và nước tiểu. Tranh Luận Địa Ngục, cãi lầy mà đánh giết nhau... Cụ có thấy tựa tựa như nguồn gốc chiến tranh Việt Nam không?

Về tôi chùa, Tâm Đối đi ngủ, ông cụ Nậm rử tôi vào bếp uống chén trà. Nhưng tôi còn cào trong bụng, thêm một chút gì đó ăn đó lòng. Tôi hỏi:

- Cụ mệt không ạ?
- Bà cà người ra, mà lạ, đầu óc lại tỉnh táo lắm. Thầy Quán Chỉ này, cái Núi Sắt bao quanh một Biển Mặn... Đúng là Việt Nam mình rồi. Bom đạn, tàu bay, tàu bò, tên lửa, mìn bẫy... Thôi thì đủ thức bằng sắt bao vây một biển nước... mắt. Nước mắt chẳng mặn là gì?

- Có lẽ cụ nói đúng. Không một chút ánh sáng của tình thường yêu và sự hiểu biết nào lọt vào được vùng núi Thiết Vi ấy... Lại có thủ địa ngục Tội Báo, nơi kẻ đã bị hành hình lại còn lấy trái tim cho quỷ Dạ Xoa ăn. Cụ có thể hiểu vì sao các lãnh tụ, như Mao, sống dai và rất khỏe. Họ ra lệnh, cho thầy thuốc riêng, cắt bỏ các bộ phận nào của họ đã già cỗi hoặc hư hỏng rồi thay vào đó các bộ phận còn tốt của đám tội nhân vừa mới bị xử bắn. Họ còn ăn nhau người dè, uống cả các loại thuốc cho là bổ béo chế tử thai nhi... Đây không phải là chuyện đồn nhảm đâu. Trung Quốc, qua ngã Hồng Kông, đang xuất cảng từng phần thân thể con người đông lạnh, bán cho giới nhà giàu ở Tây Phương. Họ còn biết bán cả niềm... hy vọng cho mọi người, nào có xá gì thân thể người khác, trước sau như một món hàng giá hời?

- Chết nổi! Hề Tàu làm sao, ta làm vậy!
- Thì chết, chủ sao?

Ông cụ Nậm vẫn chưa hết ngỡ vực chuyện lấy quả thận của người này mang ghép cho người kia:

- Hèn chi Sư Cụ cụ dặn tôi: "Xem kỹ từng cái xác một!". Tôi cứ tưởng họ mổ xác vì nghĩ người tỵ nạn nuốt kim cương vào bụng. Ra thế... Sao lại có cái giống mặt người mà lòng quỷ Dạ Xoa?

- Có lẽ vậy! Nhưng theo trong kinh thì quỷ Dạ Xoa có loại hiền hơn. Nếu như quỷ Dạ Xoa, yakchas, là giống quỷ có tính ghét mọi tội ác và biết quý con người, "khinh tặc, quý nhân", thường được gọi là Quỷ Thần. Mặc dù chúng là bọn cai ngục chuyên nghề hành hạ người, nhưng chỉ được phép dọa dè người nào đã hãm hại người khác. Do đó, trên đời này mới có mặt loại cai ngục, mà ông Nguyễn Tuấn đã kể, tám gọi xong, trang trọng búng lễ vật vào buồng giam xin nét chữ của người tù tù, cũng như có tên cai ngục xin thơ ông Cao Bá Quát tại lao Thừa Phủ ở Huế, bài "Vịnh Cái Gông Dài". Kinh nhà Phật cũng có nói tới cảnh tù trong là ngục nhân, tù ngoài là cai ngục, chẳng sung sướng gì...

Ông cụ Nậm thở dài ngao ngán:
- Thế thì lao, khám, nhà tù, trại giam... cũng là địa ngục cả thôi!

Tôi muốn đùa giỡn với chính mình một chút cho ông cụ bớt phiền muộn:

- Coi chừng tôi đang dẫn cụ vào địa ngục "ý Ngữ", thích nói và viết toàn chuyện tối tăm, vô nghĩa...

- Vô nghĩa làm sao được! Trong cái ngục lớn là đời này, không ngờ lại có bao nhiêu cái ngục nhỏ nữa!

- Thế đấy, cụ ạ! Ngoài hai loại địa ngục Lửa Nóng và Băng Lạnh, còn có Cận Biên Địa Ngục, naraka, ở giữa hai thủ kia nhưng cũng chẳng ám chút nào. Lửa, giời bọ, dao sắc, chó dữ, gai nhọn, đói khát... Đủ cả! Loại này mới ghê chứ: Thập Lục Du Tăng Địa Ngục, một ngục lớn có bốn cửa, mỗi cửa có bốn ngục nhỏ, tổng cộng mười sáu ngục mỗi tầng. Ngục nhân phải đi cho hết bấy nhiêu tầng. Tầng thủ nhất, Hắc Sa, địa ngục Cát Đen. Cuối cùng mới đến Hàn Băng, địa ngục Giá Lạnh...

- Gớm! Sao giống Chí Hòa quá vậy? Khám lớn ghê hơn, tôi tám cửa lớn, vòng vo, cũng nhiều tầng. Kinh thật, tôi đã ở đó ba năm, phòng 6 khu ED, tường sơn đen. Trước khi được thả, bị đẩy sang khu EF, tầng trệt, nền xi-măng, đêm nằm lạnh thấu xương! Chẳng là Hắc, Hàn địa ngục thì là gì. Cát ử? Có ăn ở khu ED trệt lẫn sạn, nhai sao sạo, ghê cả răng! Trời đất ơi! Thì ra... Nhưng tôi chống ông Diệm độc tài, sao lại bị sa vào "địa ngục"?

Thật tình, tôi chưa biết phải giải thích sao cho ổn, đành ngồi cười trừ, rồi đùa:

- Có người bảo tội của cụ, nếu có, là tội đã không chống lại một nhà độc tài khác, ông Hồ, lớn hơn nhiều!

Ai ngờ cụ Nậm lại gạt đầu, vui vẻ:

- Ủ nhỉ! Hồi trẻ, hăng lắm... À, mà thầy cho tôi hỏi, tội nào thì phải xuống địa ngục A Tỷ, thầy vừa nói là "vì xi" gì đó?

- Avichi hay Vô Gián Địa Ngục, tức ngục A Tỷ, ở đấy tội nhân thấy mình bị hành hạ mãi mãi không ngừng, chết đi sống lại, trăm ngàn muôn kiếp. Không cách nào thoát được. Tội vào Vô Gián Địa Ngục: Bất hiếu, giết hại cha mẹ, báng Phật, bẻ kinh, hại chùa, vô tu và đem thân dâm dục làm ô uế người chân tu. Nhưng ai sao, rồi thiên hạ biết cả, không đánh lộn xòn mãi được. Tội nặng nhất vẫn là bọn thầy tu giả, lường gạt người tại gia, ăn cắp ăn trộm đồ dùng của nà nhà chùa do thập phương gửi cúng. Ngủ nghịch tội, cũng xuống luôn ngục A Tỷ, như giết cha, hại mẹ, chống La Hán, đấu loạn chúng tăng, khởi ác ý với việc Phật. Nói xấu cha mẹ, làm cho cha mẹ nhục nhã, đau buồn vì mình cũng là giết hại cha mẹ! Không chế, khiến cha mẹ sợ hãi mình, cũng nặng tội...

- Gớm nhỉ! Cái tóc, cái tội... Nghĩ mà sợ, dễ thường ngục A Tỷ cũng chẳng ở đâu xa, thầy ạ. Bên xóm Bàu Nai có một bà, tôi không tiện nói tên, hay chữ máng mẹ mình. Thoáng cái, ít năm sau, bà ta lại bị thằng con cứng nhất nó quát tháo, đối đãi tệ bạc, không tiếc lời.

- Nhiều nhà rơi vào tình cảnh địa ngục Đãng Hoạt, sanjūva, người thân sống chung với nhau, củi tưởng yên vui, đùm bọc trong tình máu mủ, nhưng hóa ra họ bị hình phạt. Cấu xé lẫn nhau cho tới rách da, nát thịt, chết đi sống lại. Cấu xé không ngừng mà vẫn là bà con, họ hàng, ruột thịt xa gần. Nước mình, giả dụ, củi chia rẽ mãi Trung, Nam, Bắc, chia rẽ đạo này đạo kia, cũng thế thôi!

Lúc này chỗ xôi vừa chín tới, mùi nếp hạt dài se mình thơm lừng. Tôi đói cồn cào ruột gan, run rẩy từng ngón tay xương xẩu mỗi một, đồ lấy đĩa xôi đầy mà ông cụ Nậm vừa xôi cho. Nhưng cách nào tôi cũng không ăn được. Thói quen là thói quen. Chỗ đầu vì câu nói mà tôi đã thuộc nằm lòng: "Con người ăn lúc ban ngày ban mặt, giống quỷ mỗi khuya khoắt mò ăn đêm. Bữa sớm mai cho Chủ Thiên. Phật Thánh dùng bữa lúc chính Ngọ. Loài vật ăn buổi xế chiều...". Ông cụ Nậm pha cho tôi ly nước đường, bảo uống cho đỡ lòng rồi đi nghỉ. Tôi biết ông cụ, tuổi già thường khó ngủ, ăn ít, nhưng quen lấy chuyện nấu nướng làm vui.

Đêm nghe tiếng vịt nhà ai, lạc bầy kêu quàng quạc như bị rần nước ngoài bến sông rượt đuổi, tôi củi nằm trần trọc mãi.

Khi tôi mở mắt, chòng tỉnh dậy thật sự, không phải trong cơn mơ thấy mình tỉnh dậy, trời bên ngoài chiếu cửa sổ nhỏ, hình tròn, còn sẫm tối. Tôi không ngủ, nằm thiếp đi, rồi rá khí nhỏ lại mình vừa trải qua một giấc mơ dữ: "Tôi như bị ai chước rượu say, không còn nói được, nhưng trong đầu óc vẫn biết người ta khiêng mình đi xa, đặt êm ái trên bờ cỏ thơm, giữa một bầy con nít kháu khỉnh, da ngậy mũi sữa hơi. Lúc tỉnh dậy, tỉnh trong giấc mơ, chân tay tôi dựng phải toàn xác chết...".

Người mệt nhoài, mồ hôi đầm lưng áo, hơi nước đang lạnh lạnh khô se, cơn khát nước ráo cổ nóng hừng hực. Ra ngoài sân múc gáo nước mưa trong mát, tôi như uống luôn cả vì sao Mai in bóng trong lu. Ngay giây phút tỉnh cờ đây "niệm chia biệt" hình với bóng ấy, tôi chợt bàng hoàng nhận ra, lòng mình đây thù hận, ngấm chừa trong câu chuyện, kể với ông cụ Nậm, về địa ngục trần gian. Địa ngục, cõi Nhẫn Nhục, hạnh thử ba trong Lục Độ, "Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ", lẽ ra tôi phải thành tâm hứng chịu lấy sự đau khổ, không được đem lòng nghĩ đến trả thù. Đây mới là Nhẫn Nhục Ba La Mật, kshāntiparamita. Nhưng trong ngõ ngách sâu kín của tâm hồn tôi, giờ đây càng rõ rệt, thay vì như Tâm Đối nói, phải ngăn chặn quả ác ngay từ chúng tử, "hrich", cái mầm ác nằm trong lòng hạt dẻ, không cho chúng nảy nở cả trong tâm thức lẫn ngoài cuộc đời, thì... Tiếc thay, tôi ưa "vạch lá, tìm sâu", trong khi trứng sâu bám đầy trên lá. Thay vì tìm cách chấm dứt cái ý tưởng lộng hành của con người, thích bắt bớ, giam cầm và hãm hại ai cũng được, tôi lại mong muốn đưa hết bọn lộng quyền, tàn bạo vào tù hoặc xuống địa ngục. Thật ra, diệt ngay trong trứng nước cái chúng tử "muốn bỏ

tù người", chứ không phải là giết hết đám ngục tốt, mới là phá ngục! Nhưng phá ngục cũng không chỉ là phá chấp, phá tà kiến mà còn có nghĩa là làm cho rạch ròi, rõ rệt, một điều này thôi, cũng đủ: "Hễ người mà lòng lành sợ hãi quá, ắt việc quý thêm ác, ra sức lộng hành!". Tôi không muốn hại một con kiến mà lại phải nhìn thấy tận mắt cảnh bày mưu hại hai người bị giết. Thế giới lên án họ "xuất cảng thuyền nhân" trong chương trình ra đi "bán chính thức". Họ chặn lại bằng cách vẫn nhận vàng và cho người xuống tàu, nhưng lại tìm mọi cách khiến cho tàu chìm, ngay trong sông rạch, để vớt vét kim cương, đồ-la và vàng bạc lẫn chót. Phải giờ bóng sen lên trước thì rồi sau đó mới có nụ cười. Nhưng bóng sen nào, còn tuổi tốt hay đã tàn úa? Hoa sen già, lấy đầu hương thơm của "vô úy tâm", lòng không sợ gì, hỏi củi được ai? Nếu như có ngọn lửa bất bình nung nấu trong tôi, một nhà sư, ý muốn diệt giống người-quỷ, hẳn khó ai biết được. Nhưng tôi biết... Từ đám lính tốt cho tôi bọn chúa ngục! Thành ra sáng nay tôi phải sám hối. Kê "bất Trì, vô Dũng" quá lắm có thể gọi là nhà Tu, một người đang học cách sửa mình. Vậy mà trong khi đó, bao người "đánh lễ", cúi đầu vái lạy, ngỡ tôi là nhà Sư, người Thầy của lòng Tử Bi. Tôi phải sám hối. Sám hối trước hết việc tôi đã sợ hãi tiếng súng, không lên Tâm Chung Các giống hồi chuông báo tử. Chúng sinh tham sống, sợ chết là lẽ thường tình. Còn tôi, một "nhà sư"? Đành rằng thân tôi, cầm bằng như cái hạt nhỏ ly ty, chưa sánh với một hạt bụi nhỏ nhất, vì trần, trong cõi Ta Bà này, song niệm "ác" ẩn hẳn vết trong thâm tâm, lại lớn ngang núi Tu Di, Souméro, biểu trưng cho sự vô cùng lớn lao: Tôi muốn diệt họ cũng không ác bằng tôi đã vô tình lừa người. Đành rằng ngay cả cõi Ta Bà tức thế giới này, đứng thủ mười ba trong hai mươi tầng trời, vòn vẹn chỉ là một thế giới nhỏ nhoi nơi "Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới". Một Đại Thiên Thế Giới có một tỷ thế giới, mỗi thế giới này có một mặt trời. Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, cõi vô cùng tận, bao gồm ba ngàn tỷ thế giới. Trời đất ơi! Rộng lớn quá! Bao la quá! Ngày nay, nhiều người thừa biết, mỗi giây ánh sáng đi ba trăm ngàn cây số, có những hành tinh cách xa chúng ta hàng tỷ năm ánh sáng và Vũ Trụ có nhiều Thái Dương Hệ. Nhưng cách đây trên hai ngàn năm, con người còn chưa biết rõ cả cái thế giới mà mình đang sống hình vuông hay tròn, mà kinh nhà Phật, lạ lùng thay, đã nói về Đại Ngã, nói về Ánh Sáng của Vũ Trụ, Vô Lượng Quang Phật và Ánh Sáng của Lòng Người, Tử Bi. Ba ngàn tỷ mặt trời, bao nhiêu hành tinh vây quanh đó? Phật, Boudha, còn gọi là Bụt, Người Sáng Suốt, tự giác và giác tha, giác hạnh viên mãn, Tinh Sáng Tròn Đầy. Đức Phật Như Lai? Ngài là Ánh Sáng, tự giác, đến thế giới Ta Bà này, để Chiếu Sáng, giác tha! Chính là Thích Ca Mâu Ni, Sakya Muni, bậc Tịch Tĩnh hay người Nhân Tử dòng họ Thích Ca, là vị Phật thủ tứ trong các Kiếp Hiền, bhadrakalpa, mà vị thủ ba là Phật Ca Diếp,

Kácya Bohdi, "Bao giờ Phật cũng thường trụ ở cõi thế. Chỗ nói Phật nhập Niết Bàn là hết độ chúng sinh". Phật Ca Diếp, Kácya Bohdi, là đức Phật Như Lai thời quá khứ, (không phải Bồ Tát Ca Diếp, Kácya Bohdisattva, người từng mỉm cười khi đức Phật Như Lai gió cành hoa sen lên), còn phán: "Chớ có làm ác! Hãy làm các điều lành. Hãy giữ cái ý trong sạch. Bao nhiêu đó tóm tắt giáo lý của chú Phật". Có điều bóng sen mùa này không phải là bóng sen mùa trước, nhưng vẫn là hoa sen. Phật thường thể hiện trong mỗi Sát Na, một chớp mắt, qua các người con Phật, làm điều lành như hoa sen tỏa ngát hương thơm, nơi cõi thế. Làm lành, trước hết, cho mình trong cõi "Nhẫn Độ" không khổ, "một sự nhịn, chín sự lành". Nhưng một số nhà tu không thể cứ cung làm lành cho riêng mình. Chẳng ai vái lạy một bộ áo vàng hay nâu treo trên vách chùa. Bát cơm thập phương nặng lắm! Các "đồ chúng" chùa Hoàng Mai xưa, không nhắc nổi "y bát" của Lục tổ Huệ Năng, đặt trên tảng đá, là thế chẳng?

Vị Phật thủ năm, vị lai, sẽ là A Di Đà, Amitabha, Vô Lượng Quang Phật, đức Trong Sáng Vô Cùng, chiếu tới đâu thì giải thoát cho chúng sinh tới đó, tẩm gội trong thủ ánh sáng yên vui, thanh thản. Mặt trời, mặt trăng không soi tới Địa Ngục, không chiếu vào Lòng Người để xóa đi bao bóng tối. Nhưng nguồn Ánh Sáng Vô Cùng, A Di Đà Phật, rọi vào khắp nơi, không gì ngăn nổi. Khắp nơi cũng đang quay về Chí Tâm Huống, Nam Mô, Namah, quy y hay quy mạng, nương thân, lòng thành, cung kính hưởng theo. "Cung kính nương nhờ đức Phật Vô Lượng Thọ Quang", Người Hiền Sáng Suốt Tột Cùng, Nam Mô A Di Đà Phật!

"Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!..." Tôi vội chạy ra lan can trước Thiền đường, đứng dựa vào bức tường xây lừng hình rồng cuốn nước, nhìn ra sông. Tiếng gõ mõ, tụng kinh vang lên từ những chiếc thuyền tam bản, xuống ba lá, đang nối nhau từ bờ bên kia sang bờ bên này, mỗi lúc một lớn. Thuyền bằng ngang khúc sông rộng, chảy xuôi dòng ra biển, lời kinh, tiếng mõ như đập vào gương nước, dội lên, rồi rơi xuống mạnh, trải ra một vùng nắng ấm sớm vùn vụt. Ánh bạc rọi nghiêng từng ngọn cỏ trên bờ sông tĩnh lặng, rõ từng đường viền sừng tụ quanh mép ngời xanh. Nhịp cầu, kết toàn bằng thanh âm "Nam Mô A Di Đà Phật!", vừa bắt liền xong hai bờ mà đầu cầu bên này, nơi bảy mươi hai người đang nằm chết, cất lên cùng lúc nhiều giọng, rõ hơn cả vẫn là giọng trầm già nua của thầy tôi và giọng trẻ trung như tiếng chuông thanh của cậu bé Lượm: "Nam Mô A Di Đà Phật!" "Nam Mô A Di Đà Phật!" "Nam Mô A Di Đà Phật!..."

*Oslo Na Uy (trích Bờ Bên Kia, sắp in)
(Trích báo Phật Giáo Hải Ngoại số 9
Vu Lan Tháng Hội 2540)*

TRONG ĐẦM GÌ ĐẸP BẰNG SEN

Tặng nhà văn Huỳnh Hữu Cửu

• Nguyễn Văn Ba

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*
Ca dao

Gia Nã Đại có mùi tình và hai thuộc hạt, mỗi tình hoặc thuộc hạt có một loài hoa tượng trưng (Floral Emblem): Alberta là wild rose (hồng hoang dã), Saskatchewan là red lily (huệ tây đỏ), Ontario là white trillium, B. C. là Pacific Dogwood (dường đào Thái Bình Dương), Yukon là Fireweed (hỏa thảo) ...

Nếu mỗi tỉnh của Việt Nam có một loài hoa biểu tượng như Gia Nã Đại, Đồng Tháp chắc sẽ là tình của hoa sen, bởi sen mọc bạt ngàn ở đó. Đồng thời chúng ta còn được nghe những câu "Sen Đồng Tháp" hay "Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Việt Nam hay nhất phải khen truyền Kiều".

Tôi sinh trưởng ở Sa Đéc, một địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp, vì lẽ ấy, tôi có nhiều cơ hội làm quen và tìm hiểu về cây sen.

Còn nhớ những năm giữa thập niên 1960, khi cường độ chiến tranh ở các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long lên đến cao điểm khốc liệt, nhiều gia đình từ các vùng xa xôi hẻo lánh phải tạm thời rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn, tản cư ra những khu thị tứ hay vùng an toàn hơn để tránh họa đạn bom. Củ lao Tân Hiệp với vị trí địa lý đặc biệt, bao quanh bởi sông rạch, đã là nơi tạm dung cho hàng trăm gia đình đến lánh nạn chiến tranh từ các vùng lân cận. Trên khu vườn rộng hơn hai mẫu tây của ba má tôi, có khoảng mười gia đình cất chòi lá để tạm trú. Cô Tú Huệ là chủ một trong những gia đình này. Chồng mất sớm, cô Tú ở với con gái tên Hai Lành và đứa cháu trai tên Chối. Hồi còn trẻ chị Hai Lành không được bình thường, lại khi tình hình nên có người hàng xóm lợi dụng thân xác chị, đến khi chị mang thai thì người ấy quát ngựa truy phong, tử chối trách nhiệm với cái bào thai, đứa bé sinh ra được chị đặt tên Chối.

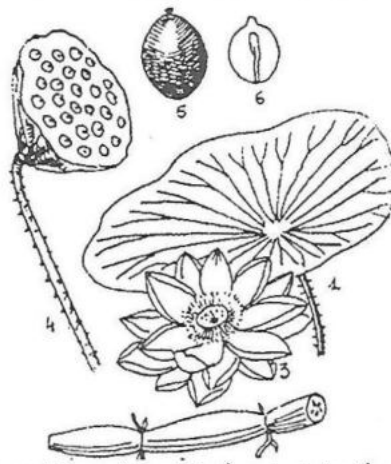
Như những gia đình lánh nạn chiến tranh khác, gia đình cô Tú Huệ làm bất cứ chuyện gì khi có người muốn để sinh nhai, chờ ngày thanh bình trở lại. Nhưng lắm khi không có việc làm, nhất là vào mùa nước nổi, chị Hai Lành phải thỉnh thoảng một mình bơi xuống

trở về quê cũ, xã Hòa Tân, trong ngọn rạch Nha Môn, hái lá sen đem ra chợ bán. Cô Tú Huệ đã già không kham nổi chuyện đầm sũng dài nắng, thẳng Chối thì đang ở lớp tuổi sắp thành niên, về Hòa Tân sợ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bắt đi dân công hay làm du kích xã. Chối gọi tôi bằng cậu, dù tôi với nó gần bằng tuổi và chối chung như bạn bè.

Rạch Nha Môn dài và hẹp, là thủy đạo nối liền hai dòng Tiền, Hậu của sông Cửu Long, chảy ngang qua các quận Châu Thành và Đức Tôn của tỉnh Sa Đéc và quận Bình Minh (Ba Càng, Cái Vồn) của tỉnh Vĩnh Long.

Chị Hai Lành đem nốp theo để ngủ ngay trên chiếc xuồng của chị. Sau mỗi lần về quê lâu chừng hai, ba hôm, chị mang ra nhiều thủ lĩnh kinh khác nhau, ngoài sen còn có bông súng, cá đồng... do chị giăng câu, đặt lờ. Tại chợ Nha Môn, hàng hóa của chị Hai Lành được tiêu thụ nhanh chóng. Chị bày hàng ngay trên con lộ trái đá gần bờ sông, trước cửa tiệm tạp hóa Tân Ích Nguyên. Lá sen là món hàng tiêu thụ nhanh nhất, mạnh nhất, mấy bà bạn hàng trong chợ đặt mua từ trước để gói mắm cá sặc, mắm cá lóc, đường chày... những thủ mà giấy nhứt trình không gói được tốt đẹp.

Bà Tú Lê là một trong những người đặt



mua lá sen, đem phơi nắng cho héo để gói xôi bắp, một thủ xôi nếp trộn bắp non, nhờ lá sen giữ ẩm nên mềm và dẻo nhẹ. Thủng xôi ủ bằng mấy lớp lá sen, bên trên lại dầy một miếng ví bàng (đệm) dày, nên xôi lúc nào cũng nóng hổi. Một gói xôi được bày ra, bà Tú Lê cho phủ lên mấy muổng đậu xanh, thêm một muổng mỡ hành, mấy lát dưa khô nạo ra và một muổng đường cát mỡ gà hay đường thề già nhuyễn. Nhờ sức nóng, mỡ, đường chảy ra, thấm dần vào nếp, vào đậu. Món ăn sáng này, ngày còn tuôi học trò tôi thích lắm, ngon và chắc bụng.

Hoa sen được các ông, các bà mua về để cúng Phật. Có người mua hoa sen để ướp trà. Giường sen thường không ai mua, hay bán được cũng không có bao nhiêu tiền, chị Hai Lành cho đám con nít trong chợ. Đám con nít lấy hạt sen ăn tươi, còn mấy cái giường sen lớn chỗ những khoảng trống như ổ ong và về thì chúng tôi làm đồ chơi, đồ trang sức tạm thời, sau đó liệng bỏ khắp nơi.

Chị Hai Lành còn có một số khách hàng đặc biệt. Như bà Tám Chi mua lá sen và cả giường sen về phơi khô rồi sắc cách thủy, như sắc thuốc bắc, để uống trường phục. Bà Tám Chi bị bệnh lạc huyết, thỉnh thoảng ho ra máu nhưng không phải bệnh lao. Nhờ lá sen và hoa sen khắc phục cơn bệnh, bà Tám được trường thọ, mấy tháng trước tôi được thủ bà tử Việt Nam, năm nay bà đã tám mươi. Theo bước bà Tám Chi, nhiều người trong làng dùng hoa và lá sen trị các bệnh tương tự như ói ra máu, tiểu tiện ra máu, chảy máu cam, băng huyết sau khi sanh nở... cũng được hiệu quả. Chú Ba Công dùng hạt sen và lá mầm trong hạt làm thuốc bổ, chữa bệnh mất ngủ, di tinh, mộng tinh, suy nhược thần kinh...

Bông súng, một thực vật thủy sinh rất gần gũi với sen, là những cọng dài được chị Hai Lành khoanh thành lọn lọn nhỏ, như những khoanh dây lược. Trái với sen có nhiều công dụng, bông súng thường chỉ được các bà nội trợ mua về làm món ăn. Bông súng luộc vỏ, cắt ra thành những đoạn ngắn để ăn với mắm kho thì ngon tuyệt, không thủ rau nào có thể thay thế bông súng khi ăn mắm kho, ngoài ra bông súng còn dùng bóp giấm hay nấu canh chua. Mùa khô, thỉnh thoảng chị Hai Lành cũng về Hòa Tân. Chị tát ruộng bắt cá, gài rập bắt chuột, và dầm mình ở những chỗ trũng gọi là bầu sen, lung sen, láng sen, dầm sen... để đào ngó sen - thân rễ hình trụ của cây sen nằm trong bùn, màu trắng, xốp, bên trong có những ống nhỏ - đem ra chợ bán đổi gạo. Ngó sen thời đó được dùng làm dưa chua, giống như dưa bòn bòn, dân nhậu ưa món tôm càng nướng trộn gói dưa ngó sen với rau răm.

Khoảng năm 1970, khi tôi làm việc ở Cần Thơ, những buổi tối cuối tuần, thường cùng bè bạn đi nhậu ở một cái quán nhỏ tọa lạc trên đại lộ Nguyễn Viết Thanh (đại lộ hoàng hôn), giữa đoạn đường đi Cái Răng, quán này có món tôm càng nướng trộn ngó sen rất được thực khách ưa chuộng. Tôi còn nhớ ông chủ quán nói với chúng tôi rằng ngó sen chứa những dược chất quý giá như asparagin, acginin. Có lần ông còn cho biết ngó sen sống và ngó sen chín tác dụng khác nhau. Ngó sen chín giúp nhuận trường, bổ tỳ vị, bổ tim và máu, giải độc do ăn phải của độc. Ngó sen sống có tác dụng an thần, làm nhẹ bao tử và giải độc rượu nên uống mãi không say. Một người bạn nhậu trong bàn nghe ông chủ quán nói ăn ngó sen sống uống rượu không say thì mừng quá, bèn thủ một phen, vì uống quá nhiều rượu, hôm ấy anh ta say tui lụy càn khôn, chẳng còn biết trời đất gì cả.

Ngoài ngó sen, chị Hai Lành còn đào một thủ khác trong bùn, củ co, màu vàng nghệ, hơi đáng nhưng là món tôi rất thích. Nhưng phần của cây sen mà chị Hai Lành đem bán tại chợ Nha Môn ở dạng tươi sống đều có bán tại tiệm thuốc bắc Nhơn Đức Đường, của một người Tàu còn trẻ trong chợ, dưỡi dạng đã phơi khô, dĩ nhiên là giá cả mắc hơn nhiều, tính bằng chỉ, bằng phân và với những tên Hán-Việt khá cầu kỳ: liên phòng (giường sen), liên ngẫu (ngó sen), thạch liên tử (trái

sen), liên nhục (hạt sen), liên tử (mầm sen), hà điệp (lá sen), liên tu (nhụy đực hoa sen)... Tiệm Nhòn Đốc Đường cũng có bán bông súng sấy khô dưới tên kiểem thực, nhưng chủ tiệm nói rằng đó là loại bông súng trồng bên Trung Quốc, không thấy có ở Việt Nam, tuy nhiên theo ông, nhiều người Việt Nam vẫn dùng củ bông súng địa phương thay cho kiểem thực nhập cảng để trị các bệnh suy nhược thần kinh, di tinh, mộng tinh, kiết lỵ, viêm đường ruột, lên sỏi, nổi mề đay.

Một người khách trú Quảng Đông khác trong chợ Nha Môn, chú Lầu, bán hai món chè Tàu thông dụng: chí mà phủ và lục tào xá. Chú Lầu nói với bọn tôi, chí mà phủ làm bằng mè đen xay nhuyễn, còn lục tào xá nấu với bạch quả và hạt sen.

Đồng Tháp có nhiều hoa sen nhưng tựu trung chỉ có hai loại: trắng (bạch liên, quỳ trắng) và hồng (hồng liên). Còn bông súng thường gặp màu trắng và đỏ, màu tím ít gặp hơn. Nơi tôi thấy có nhiều loại hoa sen, hoa súng khác là Thảo Cầm Viên Sài Gòn.

Trong Thảo Cầm Viên có một khu vực hồ nhân tạo rộng, xây bằng gạch men nhiều màu, giữa hồ có cồn đất, trên hồ cất nhà thủy tạ dùng làm nơi nghỉ chân cho du khách. Quanh nhà thủy tạ và quanh hồ trồng nhiều loại hoa cỏ, mỗi thứ cho một màu sắc đặc thù. Mấy chú cò trắng, vạc đen... rải rác, nhàn hạ rảo bước ở chân cồn, trong các khóm hoa xanh, đỏ. Nước hồ màu bích ngọc, lững lờ từng đàn cá vàng, cá chép nhón nhỏ bơi lội. Trên mặt hồ là hàng trăm khóm cây súng, cây sen.

Muốn ngắm hoa sen, hoa súng, người xem phải rảo bước qua cầu để tới nhà thủy tạ. Đứng trên cầu hay dưới hiên nhà thủy tạ, ngắm hoa sen trong ánh nắng ban mai thanh khiết, ngửi hương sen bát ngát, mỗi thấy được toàn vẹn vẻ đẹp của hoa cùng với sự thiêng liêng của loài kỳ hoa, dị thảo này.

Giữa hồ, có một giống sen lá khổng lồ đáng chú ý, đó là sen hoàng hậu, tên khoa học là *Victoria Amazonica*. Có người gọi là Sen Ba Tây (Brasil) do xuất xứ từ sông Amazone, Nam Mỹ Châu. Lá sen hoàng hậu lớn như những cái nia, rộng cỡ hai mét đường kính, có thành cao viền quanh nên trông giống những chiếc thuyền thúng đáy bằng. Bên Ba Tây lá sen hoàng hậu này to và dày hơn, người ta thủ đặt một em nhỏ bốn tuổi trên lá, em ngồi vững như ngồi thuyền gỗ. Hoa sen hoàng hậu màu trắng và hồng, lớn gấp mười lần hoa sen ở Đồng Tháp. Góc gác sen hoàng hậu như sau: Năm 1820, nhà thám hiểm Bonpland, khi dùng thuyền ngược dòng sông Berbicia ở xứ Guyane thuộc địa của Anh, đã tìm thấy nó, ông lấy củ và hạt đem về trồng và đặt tên là *Victoria* để tặng hoàng hậu Anh. Từ đó, các Thảo Cầm Viên khắp thế giới đều trồng cây sen hoàng hậu (còn có tên *Victoria Regia*) để làm cảnh.

Ở Nam Mỹ Châu còn có loại hoa sen màu vàng rất đẹp. Từ lâu, người Ai Cập đã dùng cây sen để thờ cúng, biết ăn hạt sen gọi là đậu Ai Cập. Người Ai Cập còn dùng

hoa sen làm biểu hiệu của sự trường sinh bất tử và sự phi nhiêu của lưu vực sông Nil.

Thảo Cầm Viên Sài Gòn có khoảng bốn mươi loại bông súng, phần lớn tập trung trong một hồ bán nguyệt gần nhà thủy tạ nói trên: Súng trắng, vàng, tím, xanh... đa số nhập nội từ Hòa Lan. Súng ngoại quốc được trồng chung với các loại súng Việt Nam như *Nymphaea lotus* (hoa dò), *Nymphaea tetragoma* (lá không có răng cưa và cuống vuông), *Nymphaea stellata* (củ ăn được).



Đồng Tháp có nhiều sen nhất Việt Nam do điều kiện địa dư ẩm ướt, nhưng không phải là nơi xuất phát của loại hoa này. Chính ở Đồng Tháp tôi nay vẫn còn truyền tụng trong dân gian một giai thoại, theo đó hoa sen bắt nguồn từ miền Bắc, theo chân tổ tiên ta trong cuộc Nam tiến để rồi phát triển mạnh nhất ở Đồng Tháp, là nơi có môi trường thuận lợi.

Giai thoại rằng: ... Ngày xưa, xưa lắm, có một gia đình hai vợ chồng người nông dân nghèo trẻ tuổi sống ven bờ rừng. Người chồng tên Sen, một hôm vào rừng kiếm trái cây chua cho cô vợ đang mang thai rồi bị lạc mất lối về. Trời tối, bụng đói, chân run, người mỗi mệt, anh Sen tìm nơi nghỉ chân trên một tảng đá. Bỗng từ xa đưa lại một mùi hương thơm ngát, lần theo hương thơm, anh Sen đến một bên dòng suối nước trong thấy đá, có nhiều hoa trắng và đỏ hồng.

Anh Sen lội xuống suối hái hoa và trái hình chóp nón từ loài cây thủy sinh ấy và thủ ăn những hạt màu xanh nằm rải rác bên trong. Thấy ngon miệng anh tiếp tục ăn cho đến khi mê ngủ mà chẳng hay. Sáng hôm sau anh Sen tỉnh giấc, băng rừng mang thủ hoa trái lạ ấy về nhà. Anh Sen và vợ trồng hoa dưới ao bên cạnh nhà, ngày ngày sau giờ làm việc mỗi một vợ chồng anh hạnh phúc ngồi bên nhau ngắm hoa hóng gió. Chị Sen nhờ ăn hạt của thủ trái ấy mà thôi ọ ọ mưa và ngủ ngon nên ngày càng thêm xinh đẹp. Nhưng nhan sắc mặn mà của chị Sen lại là nguyên nhân gây tai họa cho vợ chồng anh. Tên lý trưởng trong làng tham để ý và đợi lúc anh Sen đi vắng hẳn đến nhà cưỡng

hiếp chị, anh Sen vừa về đến, nghe tiếng la cầu cứu của vợ, bèn búa tên lý trưởng một nhát vô đầu, hấn ngã ra chết tốt. Giết xong tên lý trưởng, biết không thể an thân, anh Sen giả tử chị trốn về phương Nam lánh nạn, anh cần dặn chị hãy đi đâu anh sẽ trông loài hoa thủy sinh ấy làm dấu, củ đó mà theo thì sẽ tìm được anh.

Anh Sen đi về phía Nam, xa thật xa, mới dừng lại phá rừng, cày đất, gây dựng cơ nghiệp. Láng giềng của anh Sen ngày một đông thêm, sau hơn mười năm lao tác, họ dựng nên một ngôi làng trù phú. Nhưng trời dường như không thương xót anh, lần trước bị nạn lý trưởng, lần này bị cường hào ác bá. Tên quan lớn trấn thủ địa phương đến bảo mọi người rằng đất này thuộc quyền sở hữu của hắn, bắt mọi người mỗi năm phải nộp thuế. Thôi thì cũng đành! Nhưng chuyện không dừng lại ở đó, tên quan biết loài hoa lạ có hương thơm quyến rũ, hột lại chữa được bệnh mất ngủ của hắn nên hắn bắt dân làng phải nộp tất cả hoa lẫn trái để hắn ướp trà và dâng lên quan trên. Mọi người tức giận nhưng phải bấm bụng vâng lời. Một hôm tên quan đang ngắm hoa trong một cái hồ thì đúng lúc anh Sen gánh củ đi ngang, hắn bắt anh dừng lại, lội xuống hồ hái hoa và trái cho hắn. Phần uất dồn nén đã lâu, anh Sen dùng đòn gánh đập chết hắn.

Anh Sen lại một mình trốn đi, lần này xa hơn nữa về phía Nam, tới vùng Tháp Mười đồng ruộng bao la. Anh lại qui tụ dân nghèo, khai hoang, vỡ đất để canh tác, dựng lên một ngôi làng mới và tiếp tục trồng loài hoa lạ khắp nơi, biến Đồng Tháp Mười thành quê hương muôn thuở của thủ hoa thủy sinh thơm ngát ấy như lời truyền tụng sau này "Tháp Mười đẹp nhất bông sen". Cuối cùng anh Sen qua đời ở đó. Để ghi nhớ công lao khai khẩn đất hoang của anh, dân chúng dùng tên anh đặt cho hoa.

Dân Á Châu nói chung và dân Việt Nam nói riêng, thường dùng hoa sen để cúng Phật. Có nhiều sự tích nói lên những tương quan giữa hoa sen và đạo Phật. Ngày xưa Phật Thích Ca đã dùng hoa sen để phủ dụ diệu pháp trong dân gian, phép huyền diệu ấy trở thành kinh Phật là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Phương thức tụng niệm Liên Hoa, là một trong năm thủ tụng niệm của nhà Phật. Nơi Tĩnh Phố, Phật Di Đà lấy hoa sen làm chỗ ở nên Tĩnh Thổ còn được gọi là hoa sen. Phật Liên Hoa Quan Âm, là một Đức Phật trong ba mươi ba vị Quan Âm. Trong Phật Giáo, tòa sen hay là đài hoa sen (liên đài) còn gọi là Phật tòa. Đức Thích Ca Như Lai ngự trên tòa sen gọi là Liên Hoa Tam Mạt, để thanh tịnh lòng bồ đề và thoát ly bụi trần gian. Những chú Phật khác cũng thường dùng hoa sen để trang trí nơi giường ngồi tức tọa sàng. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và quý chủ Phật đứng, ngồi trên tòa sen là hình ảnh phổ biến trong các chùa Phật Giáo của người Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan...

Ở Thiên Trúc thường được gọi là xứ Phật (Ấn Độ) có bốn loại hoa sen:

- Ưu Bát La Hoa, màu xanh.
- Cầu Vật Đầu Hoa, màu vàng.
- Ba Đầu Ma Hoa, màu đỏ.
- Phân Đà Ly Hoa, màu trắng.

Thời Đệ I Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam, năm 1963, Phật Giáo bị đàn áp nặng nề, có người gọi đó là thời kỳ "pháp nạn", bóng bẩy, văn chương hơn, người khác gọi những biến cố như vậy là "hoa sen trong biển lửa". Chùa Một Cột (Diên Hựu), một trong những ngôi cổ tự nổi tiếng nhất nước ta, được vua Lý Thánh Tông cho xây cất vào năm 1049 dựa theo hình tượng hoa sen nở trên mặt hồ.

Trong văn chương Việt Nam, hoa sen hay được nhắc tới như một loài hoa mang nhiều đặc tính tiêu biểu cho người quân tử: dáng hoa đứng thẳng, mọc từ chốn bùn nhơ nhưng mùi thơm tho... Thế nên hoa sen được mệnh danh là "quân tử chi hoa", cùng với hoa lan là "vương giả chi hương", cúc đồng là "án dật chi si" ...

Văn chương bình dân có những câu đố về hoa sen mang cùng ý nghĩa trên:

*Hoa gì mọc chốn bùn nhơ
Mà sao vẫn chẳng bao giờ hôi tanh?*
hay

Hoa gì quân tử chẳng chế mùi bùn?

Một câu đố khác liên quan tới màu sắc và môi trường sống của hoa sen:

*Thân em khi trắng khi hồng
Đứng trên hồ biếc, soi dòng nước xanh.*

Nói về sự liên hệ mật thiết giữa hoa sen và ao hồ, ca dao có câu:

*Sen xa hồ, sen khô hồ cạn
Lựu xa đào, lựu ngã đào nghiêng*

Danh từ "con sen" dùng chỉ đứa trẻ gái trong gia đình là dụng ngữ trái ngược với sự thanh cao của hoa sen:

*Rõ ràng về quý, màu thanh
Người đời sao lại gán danh tôi đời?*

Truyện Kiều của Nguyễn Du có các câu:

*Gót sen thoãn thoát dạo ngay mé tường
.....
Tiếng sen sẽ động giấc hòe*

*.....
Sen vàng đang lạng như gần như xa
.....*

Các từ "gót sen", "tiếng sen", "sen vàng" có lẽ bắt nguồn từ điển tích "gót sen vàng" dùng để chỉ bước đi của người phụ nữ. Điển tích như sau: Vua Đường Mỗn Hầu bên Trung Hoa rất sùng ái nàng phi tuyệt sắc họ Phan. Vua cho lót toàn gạch bằng vàng có in hình hoa sen trong cung của nàng ái phi họ Phan. Một hôm vua ngắm bước đi uyển chuyển của người đẹp đang dạo bước trên nền gạch vàng lấp lánh những hoa sen ấy và bỗng thốt lên: Dưới mỗi bước chân của nàng đều nở một đóa hoa sen vàng.

Còn bông súng, mỗi khi nói đến làm ta liên tưởng đến súng đạn, đến chiến tranh:

Hoa gì nghe tiếng mà ghé?

Trai gái người Miền trong vùng đồng bằng sông Cửu Long thường đùa nhau đi hái bông súng vào mùa nước nổi, rồi mượn cảnh thiên nhiên, giữa trời nước mênh mông để hát hò,

tình tự. Bài hát sau đây được trích từ kho tàng dân ca của người Việt gốc Miên:

*Tôi đi nhỏ bóng súng
Trên thuyền chỉ có em
Cho em xem đàn chim
Giữa trời xanh bay lượn
Con trích sả xuống ruộng
Chú chàng bè liệng ngang...*

Dưới con mắt của các thực vật gia trên thế giới, sen súng có hai đặc điểm đáng chú ý:

Một là họ sen súng gồm những cây mà rễ thì mọc trong bùn sinh, dưới nước, còn lá và hoa sống trên mặt nước. Lá sen súng được cấu tạo thích hợp với môi trường sống có nước yên tĩnh của hồ, ao. Lá rộng, nổi trên mặt nước và khác hẳn lá cây mọc trên đất khô. Nếu ta quan sát cấu trúc lá cây sen súng bằng kính hiển vi rồi so sánh với lá cây mọc trên đất liền, thì lá nào cũng có nhiều khí khổng (stomates) li ti để trao đổi chất khí với bên ngoài. Tuy nhiên đối với những cây mọc trên cạn, các khí khổng tọa lạc ở mặt dưới lá, trong khi lá sen súng, khí khổng đều ở trên mặt lá. Nếu vì lý do gì mặt lá sen súng không tiếp xúc với nước, chúng cũng có khí khổng như các loài cây cỏ khác, đó là một sự thích ứng với những môi trường sống đầy lý thú.

Hai là họ sen có khả năng sống lâu đặc biệt, có thể lâu nhất trong các loài thảo mộc. Trong rạch Nha Môn có một ngôi chùa rất lâu đời tên Chùa Phật Nổi. Theo lời ông nội tôi, lúc nguyên thủy, chỗ đó có một cái giếng không sâu lắm, nông dân trong vùng đào để trữ nước tưới rẫy. Một hôm tụi mục đồng (những đứa bé chăn trâu) trong vùng tụ tập chơi với nhau, chúng nện đất sét thành hình các vị Phật. Chối xong, trước khi rời địa điểm, chúng liệng các chú Phật bằng đất sét mà chúng đã đặt tên ấy xuống giếng. Ngạc nhiên làm sao, các vị Phật bằng đất sét đó nổi phình trên mặt nước như những vật dụng bằng cao-su. Dân chúng trong vùng biết sự việc, bèn cung thỉnh các vị Phật ấy lên bờ và cất chùa thờ phượng.

Chùa Phật Nổi được xây dựng cách đây khoảng một trăm sáu mươi năm. Như nhiều ngôi chùa khác, sân Chùa Phật Nổi có một hồ sen khá lớn. Rồi chiến tranh lan rộng, chùa bị bom đạn phá nát. Năm 1976, chùa được tái lập. Dân chúng mót từ đáy hồ sen lên những vật sở hữu của chùa. Đồ gốm còn nguyên vẹn, đồ gỗ đã mục nát. Trong khi tìm kiếm vật dụng ở đáy hồ, tình cờ người ta bắt gặp những hạt sen còn nguyên vẹn vỏ bọc (trái sen). Những hạt sen này này mầm cho cây sen mới mạnh khỏe khi được bóc vỏ.

Tôi có được cho biết về sự việc này. Thực tình tôi không ngạc nhiên, bởi bất cứ thứ hạt nào cũng đều có thể này mầm khi nó còn sống. Flemion định nghĩa: Hạt còn sống thì khi ta lột vỏ, để trên giấy chặm (thấm) ướt và ngoài sáng, hạt sẽ phù ra và xanh lên, nếu nó chết thì nó sẽ xám và có mùi thối. Các hạt sen của Chùa Phật Nổi hội đủ các điều kiện sống.

Đời sống của hạt thay đổi theo từng loài thực vật. Có hạt chỉ sống vài ngày như liễu. Hạt cà-phê, cam, rau cần, cây họ Hường... với trữ liệu bằng chất hemiceluloz sẽ chết nếu bị khô. Nhiều hạt khác có thể mọc sau một thời gian rất lâu. Vilmorin xác định tuổi thọ của hạt đậu phộng là 1 năm, bắp và hành 2 năm, cải đường 6 năm, đậu khô 3 năm, dưa leo 10 năm... Nhiều hạt có tuổi thọ lâu hơn nữa. Sen là một trong những hạt đó. Becquerel lấy từ bách thảo tập những hạt sen (*Nelumbium nelumbo*) tuổi 250 năm vẫn này mầm, thế nên hạt sen được ước tính có thể sống đến 500 năm, do sự biến dưỡng trong hạt rất chậm hay đã ngừng hẳn, lại được bảo vệ bởi vỏ dày và gần như không thấm nước. Biến dưỡng càng chậm thì hạt càng ít dùng sinh chất và ít bị chất cận bã đầu độc. Điều ngạc nhiên là hạt sen có thể sống đến hơn một ngàn năm. Mỗi ngày báo Thực Vật Hoa Kỳ (*American Journal of Botany*) đăng bài viết của bà Jane Shen Miller về một công trình khảo cứu của Trường Đại Học California ở Los Angeles (UCLA), Phân Khoa Thực Vật Học, đã làm này mầm 3 trong 4 hạt sen, có hạt già hơn 1.000 năm. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ngành Thực Vật Học, một hạt giống già như vậy có thể này mầm.

Bà Shen Miller viếng thăm Viện Thảo Mộc Bắc Kinh vào năm 1982, đã được Viện này tặng 7 hạt sen mà Viện đã tìm thấy trong một cái hồ khô cạn ở miền đông bắc Trung Quốc. Ngay sau khi trở lại UCLA vào năm sau, bà đã nhúng 4 hạt sen vào nước. Sau bốn ngày, vỏ hạt tách ra để hồ màu xanh lá cây, dấu hiệu của sự này mầm. Bà Shen Miller đã đốt những hạt sen đang này mầm để lấy than (carbon) định tuổi tuyệt đối bằng phương pháp dùng chất phóng xạ (carbon 14). Một hạt sen già 1.288 năm, hạt khác già 684 tuổi. Hạt thứ ba không này mầm nhưng đã sống 755 năm. Hạt thứ tư đã bị nước làm hư hại.

Đối với đạo Phật và phương Đông, hạt sen tượng trưng cho sự tinh khiết và trường thọ. Các nhà khảo cứu tại UCLA tin rằng nếu họ tìm được cái bí mật về sự sống lâu của hạt sen, việc sáng chế ra những loại thuốc chống bệnh già hay làm giảm bớt những vết nhăn trên da của những người có tuổi sẽ có cơ may thực hiện được.

Ở hải ngoại tôi có nhiều cơ hội gặp lại các sản phẩm của cây sen. Như mỗi sáng thứ bảy đi nhà hàng Tàu ăn "tìm xám" với món cón nếp lạp xuống gói lá sen. Như nhấp tách trà sen những sáng mùa đông rồi việc. Như nhà tôi vẫn hay mua hạt sen ở tiệm chạp phở về nấu lấy nước uống để được dễ ngủ. Như ăn mút hạt sen mỗi độ xuân về. Như dùng chén chè hạt sen mỗi lần dự tiệc cưới. Như được ăn món vịt tiềm hạt sen mỗi khi có tiệc tùng... Và nhất là những hôm đi chùa, lễ Phật, chiêm bái các chú Phật ngự trên những tòa sen, để thấy lòng thanh thản sau những bận rộn với đời sống vật chất hàng ngày.

LÁ THƯ BẮC MỸ

Khi tôi đặt bút viết những dòng chữ này để gửi đến bạn đọc thân mến của báo Viên Giác thì bên ngoài, trời Canada đã đi vào mùa đông. Tuyết đã rơi và ban đêm trời giá lạnh.

Xa quê nhà đã 21 năm, mỗi lần xuân về, tuy gọi là xuân mà Canada chẳng có vẻ xuân gì cả, lòng tôi vẫn băng khuỷu nhỏ quê hương và mong ngày gặp lại. Cái lạnh cộng với cái buồn làm cho tôi nhiều lúc thấy muốn ngã bệnh luôn, nhất là những hôm phải lò dò, mang hia, đội mũ, áo quần dày cui... đi làm việc. Chán đi là chán, nên tôi cảm kích biết là bao khi đọc thấy trong một bài viết đăng trên báo Viên Giác của anh Hoài Việt kể chuyện về chùa đầu xuân, mua một quyển Đạo vào Đời (quyển II), đọc và chúc lành cho tôi giữa mùa đông giá lạnh. Tôi chưa được may mắn tiếp xúc với anh như với anh Phú Văn, nhưng qua báo Viên Giác, tôi đọc nhiều thơ của anh, những bài thơ tràn ngập tình người và rất đôn hậu, thật là đáng quý. Cũng qua báo Viên Giác và lời đốc thúc của Thầy, lời nhắc nhở của anh Phú Văn biểu gợi bài về cho dịp số đặc biệt này, số Tết nọ... tôi cũng có cảm giác ấm lòng là được đọc giả nhà chùa và bên Âu Châu không ghét bỏ. Tính lại số đạo số đời, tôi làm quen với Thầy và báo Viên Giác đã được 15 năm... thật là một quãng thời gian không ít.

Thầy về chùa Quan Âm chuyển này được 3 tuần và chương trình tu học cũng bắt đầu túc khắc vào ngày đầu tiên khi Thầy bước xuống máy bay lúc 2 giờ chiều.

Lễ thọ Bát Quan Trai giới cử hành vào lúc 7 giờ và lễ tự nhiên là giống như bất cứ lần nào Thầy về hồng pháp, tôi cũng trẻ tráng, văng mặt.

Năm ngoài cũng vào dịp sau lễ Vu Lan, Thầy về chùa một tháng, mà tôi vì công việc nhiều khê không theo dõi, và Thầy cũng không báo trước như mọi lần, tôi không được biết để thu xếp về tham dự, thật đáng tiếc. Năm nay tôi cố gắng thu xếp nhiều thì giờ hơn để về chùa tu học. Tự như học được Pháp nào hay Pháp đó, tu được chút nào phước chút đó...

Tuy nhiên tôi không phải là một Phật Tử thuần thành, có muốn thuần thành cũng chưa được. Lãng xãng lộn xộn có thừa, học thì nhiều mà quên cũng nhiều, hành thì thì ít, còn đạo tâm thì rời rớt lung tung trên đường đạo đường đời... Chắc Thầy cũng biết rồi và hỉ xả cho, ngón tay có ngón ngắn ngón dài thì học trò cũng có người này kẻ nọ...

Lần giảng Phật Pháp năm nay, Thầy cho học bộ Đại Trí Luận!! Eo ôi, một bộ kinh gồm 9 quyển, mỗi quyển dày bằng quyển kinh

Pháp Hoa, giá 177\$. Chùa chỉ có 2 bộ, nếu tôi gồng mình thỉnh về nhà một bộ để nghiên cứu, học hỏi, nhâm nhi thì chùa chỉ còn một bộ, không thể bỏ vào Thư Viện để cho Phật Tử mượn để đọc và nghiên cứu. Nhưng tôi chắc chắn rằng học xong khóa học Phật Pháp này thì chùa Quan Âm một bộ cũng không còn, chứng tỏ rằng Phật Tử MTL chịu khó học hỏi Phật Pháp lắm.

Tôi về chùa vào chiều thứ sáu ngày 8.11.96 thì Thầy đã đi qua phần mở đầu bộ Đại Trí Luận và đang bước vào phần nhân duyên gia quyến của Phật.

Có học, có nghe giảng mới biết những liên lạc, nợ nần dính mắc từ bao nhiêu đời của Phật và các nhân vật xây quanh cuộc đời của Đức Phật, suy ra từ đó, con người mình giữa cuộc đời này cũng vậy, có nghiệp có duyên mới dính mắc, gặp gỡ, gần gũi nhau cũng là vì đã từ lâu đời kiếp có dính mắc, gần gũi, nợ nần nhau... xa lâu hằng hằng kiếp kiếp cho đến bây giờ... Cha mẹ, vợ chồng, con cái cũng vậy mà thầy tổ, bạn bè, bà con, chị em, anh em... cũng vậy... Vì có chuyện này nên có chuyện kia, vì có cái này nên có cái kia... thuyết nghiệp duyên hiện ra to rõ...

Mỗi hồi thắm thía lời Thầy giảng, tôi và quý vị Phật Tử học viên lại được tin thầy Nhất Chân từ Pháp nhân dịp này cũng về chùa Quan Âm lo Phật sự, thật là vui mừng vì hiếm lúc mà hai Thầy cùng về hộ trì chùa trong cùng một lúc như vậy. Và chúng tôi cũng háo hức được học Pháp với hai Thầy cùng một lúc.

Tôi đã có thiện duyên gặp thầy Nhất Chân từ 5, 6 năm trước và học Phật với thầy mấy lần. Tôi nhớ lần nào đó thầy dạy cho Phật Tử MTL một khóa học rất hay về "Bồ Đề Tâm". Học xong, tôi có được cảm hứng để viết một bài từ truyền rất khôi hài đã được đăng trong báo Viên Giác.

Lần này tôi đoán là thầy sẽ dạy về thuyết Nghiệp Báo Nhân Duyên, nhưng mà tôi đoán trật lất. Thầy tuyên bố:

Tôi về lần này, hưởng dẫn khóa Phật Pháp và thuyết giảng về Bồ Đề Tâm, tôi sẽ giảng trong một tháng, sẽ đi sâu vào chủ đề Phật Bồ Đề Tâm!

Eo ôi, như vậy là chết tôi rồi, gieo dưa được dưa, gieo đậu được đậu, lần trước học về Bồ Đề Tâm với thầy xong, về đến nhà quyết tâm phát tâm bồ đề mà rồi vì giải đãi, vì không biết cách, vì nghiệp chướng nhân duyên gì đó. Hôm nay trước 60 học viên thầy hỏi ai đã có phát bồ đề tâm??? Chỉ có một bác giơ tay lên nói: thưa thầy có con. Người đó không phải là tôi, lẽ tất nhiên là như vậy rồi!

Tưởng trình rõ ràng như vậy để quý vị bạn đọc thân mến của tôi, những người có đọc qua quyển "Đạo và Đời" của tôi biết cho "nói vậy mà không phải vậy", tôi học Phật đã nhiều năm, học với nhiều thầy mà duyên nghiệp chưa thành, cho nên đường đạo đủng đời xem ra còn ngút ngàn, diệu vợi xa xôi...

Tôi độ chừng rằng, chuyển này tu học Phật Pháp với hai thầy xong, một người dạy về Nhân Duyên Nghiệp Chướng, một người

giảng về Bồ Đề Tâm mà tôi không phát được tâm bồ đề thì e rằng tôi hết hy vọng.

Tôi cũng độ chừng rằng, thầy Nhất Chân đang nổi tiếng về tu mật hạnh sẽ lộ bí mật của thầy vì mỗi ngày thầy mãi ban phát bồ đề tâm cho chúng sinh.

Nhưng thôi, chương trình tu học còn dài, bộ Đại Trí Luận tôi chưa thành được về để nghiên cứu, thì thời đi được bước nào hay bước đó. Học đã rồi tính sau, học được gì, hành được gì rồi thì tôi sẽ hoan hỉ chia sẻ tiếp với quý vị trên báo Viên Giác.

Trong một buổi pháp thoại, thầy Nhất Chân nhắc nhở rằng Phật Tử Việt Nam thuộc hệ thống Đại Thừa Phật Giáo vậy, nên chúng ta phải hiểu rõ về giáo lý Đại Thừa cũng như những hình tượng được tôn trí trong chùa để có thể giải thích cho quý vị Phật tử Tây phương hiểu rõ khi họ so sánh Phật Giáo Việt Nam và Phật Giáo Tây Tạng.

Trong 5 năm gần đây, tại MTL cũng như tại các thị phố lớn ở Âu và Mỹ Châu, phong trào tìm hiểu Phật Giáo Tây Tạng lên cao và gây nhiều thích thú cho giới trẻ. Nguyên do là nhờ các cuộc du hành của Đức Đạt Lai Lạt Ma và sau đó là của các Tăng lữ Tây Tạng, họ mang đến cho thế giới Tây phương một giáo lý cô đọng nghiêm rõ về những vấn đề sống, chết cùng với những phương cách giới thiệu Mật Tông bằng những y phục, phong cảnh và những dụng cụ âm thanh đặc biệt

Riêng giới Phật Tử Việt Nam, còn đọc được tiếng Việt, và đặc biệt thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại, rất thích thú với loạt bài dịch và phóng tác của Nguyễn Phong nói về Tây Tạng huyền bí.

Vì đã có chủ đích rõ rệt muốn trình bày Phật Pháp cho đại chúng Tây phương, các vị sư Tây Tạng đã lựa chọn những hình thức giảng pháp ngắn gọn và trực tiếp. Ví dụ nói về vấn đề nhân quả, quý Thầy dùng câu "cho bao nhiêu, nhận bấy nhiêu" để chứng minh về việc Cho và Nhận, quý Thầy là một thí nghiệm "hòn sỏi và ly nước".

Nhu cầu tâm linh là một nhu cầu tự nhiên của tất cả mọi người. Những khả năng truyền đạt và thấu nhận lại tùy thuộc từng cá nhân và từng mỗi thế hệ. Tôi thật lòng mong ước, cầu xin quý Thầy trong gia đình Phật Giáo Việt Nam lưu ý tìm phương cách hướng dẫn được lớp Phật Tử Việt Nam con em của chúng ta tại hải ngoại trong 10 - 20 năm nữa.

Thư đã dài mà khóa học Phật Pháp của tôi thì chưa xong. Thầy Như Điển lại sắp phải lên đường về chùa Viên Giác và Thầy muốn có bài cho báo Viên Giác, cho nên tôi phải dừng tại đây và xin sẽ có thư sau để bàn tiếp chuyện trên trời dưới đất, chuyện đạo, chuyện đời nơi vùng Bắc Mỹ.

Tôi kính chúc Thầy trở lại chùa Viên Giác bình yên. Tôi cũng cầu chúc quý bác quý anh chị và bạn đọc báo Viên Giác khắp nơi được đạo tâm vững bền, Phật sự viên mãn và cùng nguyện cầu một mùa Xuân an vui, hạnh phúc sẽ trở về với chúng ta và đất nước Việt Nam thân yêu.

Kính bút

•Lê Thị Bạch Nga

CHỌN MỘT ĐƯỜNG TU

Trần Thị Nhật Hưng

Lý số, đồng ý là nghề của bố chồng tôi. Không rõ nhờ cụ thực tài hay tại hành nghề miễn phí mà khách của cụ rất đông.

Một ngày, năm đó tôi vừa 23 tuổi; có một vị khách đặc biệt đến nhà giữa lúc bố tôi đi vắng. Vị khách tưởng tá khác phạm, râu tóc bạc phơ, cốt cách như một tiên ông. Cụ mặc chiếc áo dài the, đầu đội khăn đóng, tay cầm gậy trúc và tự xưng là bạn của bố tôi mặc dù xưa nay tôi chưa hề gặp cụ bao giờ. Tôi mời cụ vào nhà. Trong khi chờ đợi bố tôi, cụ tỏ mò hỏi tôi:

- Cháu có lá số tử vi không, đem đây ông chấm thử xem.

Tôi gạt đầu "dạ có" rồi lục hồ sơ tử vi của bố tôi, rút ra lá số của tôi.

Sau khi xem xong, câu nói đầu tiên cụ phán:

- Cháu có số đi tu!

Tôi hỏi ngạc nhiên, chau mày mỉm cười rồi lắc đầu nguầy nguậy:

- Bẩm cụ, xưa nay cháu không thích đi chùa, không thích tụng kinh, làm sao đi tu được?

- Lá số có sao "Thiên Phú thủ mạng". Thiên Phú là sao cực kỳ tốt trong làng tử vi và rất hiền lương. Sao này không tu ở chùa thì cũng tu ở nhà. Hoặc nói cho rõ hơn có đời sống như tu sĩ vậy.

Tôi không tin nhưng không cãi lại, chỉ cười thầm và chả thắc mắc gì thêm. Tuy vậy, tôi vẫn ngồi yên lặng nghe ông cụ phán tiếp:

- Lá số này thật lạ. Ở cung Phu, nếu cháu bỏ chồng (lúc đó chồng tôi đang ở tù) để bước thêm bước nữa thì cháu sẽ có tới 3 chồng lận!

Chao ôi! Tôi lại tròn mắt ngạc nhiên. Một chồng đời tôi đã *điều đùng*. Thêm 2 ông nữa chắc tôi *"điều ngồi"* rồi *"điều nằm"* luôn. Lời ông cụ đoán, tôi chưa nghe bố tôi nói đến bao giờ. Cử nghĩ là *"bói ra ma, quét nhà ra rác"* tôi nghe cho vui tai rồi để bay dần theo gió.

Đ đoán xong, ông cụ cáo biệt ra về, không đợi bố tôi. Từ đó ông không trở lại bao giờ. Còn tôi, với những bận rộn cuộc sống tôi quên mất ông và cả lời đoán của ông. Mãi 6 năm sau, khi tôi vượt biên định cư tại Thụy Sĩ, thời gian đằng đẵng 7 năm sống trong chờ đợi chồng tôi, tôi thui thủi một mình trong căn phòng nhỏ, ra vào chả thấy ai, tôi sức nhờ lời ông cụ, mỗi thấy đời sống tôi giống như một Ni cô trụ trì trong am nhỏ. Thế thăm nhà, am không có tín đồ!

Tôi... "tu" như vậy có tôi 13 năm 2 tháng 10 ngày, mốc thời gian kể từ năm 1975 tôi mới gặp một tín đồ trung thành duy nhất, đó là Lam, chồng tôi.

Như vậy kể như lời đoán của tiên ông về đường cung Phu của tôi: "3 chồng" không còn hữu hiệu. Hồi tôi còn trẻ chỉ 23 tuổi đời, ở tình trạng *"chìm xơ lòng"* chả ai buồn... rước, nay tôi nửa chừng xuân, già rồi, lại thêm có *"kỳ đả"* bên cạnh ai đại *"rinh"* chỉ cho đổ nợ, không chừng còn bị ám đấm, phải không? Thế thì cái chuyện *"đi tu"* của tôi theo lời tiên ông, tôi cần nghiệm lại.

Ngày chàng đoàn tụ cùng tôi tại Thụy Sĩ cũng là lúc phong trào hoạt động Tôn giáo nhất là Phật Giáo bộc phát mạnh. Không riêng gì Thụy Sĩ mà cả Âu Châu hay nói cho rõ hơn khắp hải ngoại. Phải nói cho đúng hơn sinh hoạt Phật Giáo đã mạnh nham tử vài năm về trước, nhưng tôi vốn - như đã nói trước - tôi không thích đi chùa, tụng kinh và càng không thích ngồi thiền. Ai ngồi yên thì tâm tịnh chủ riêng tôi, hề ngồi yên, ngồi thiền là tâm động mạnh nhất, đầu óc tôi sẽ đi hoang, đi lang thang khắp đó đây nhưng không nhắm hướng thiên đàng, niết bàn để trụ mà lại hướng về địa ngục đầy ma quỷ mới chết chử. Nên vì thế, bạn rủ rê đi chùa là tôi lắc đầu nguầy nguậy, và cũng vì thế tôi không để ý nhiều về sinh hoạt Tôn giáo trước đây.

Cuộc sống mới: Một cái *"am"* nhỏ với hai quả tim vàng tôi dung dè với niềm vui mới, bận rộn mới, tôi lại quên mất tiên ông và lời đoán của tiên ông. Tôi càng không để ý đến sinh hoạt chùa chiền.

Đạo Phật quan niệm rằng mọi sự khởi đầu bằng nhân duyên. Từ cái này mới sinh ra cái kia. Hay phải đợi đủ nhân duyên như hạt giống cần đất cát phân bón nắng mưa và thời gian mới nảy mầm sinh cây, lá, hoa rồi quả vậy.

Thử nhìn lại chính tôi, tuy chưa gọi tích cực nhưng là lúc tôi thích mon men đến chùa, tìm hiểu giáo lý Đức Phật và nhất là thích tham dự các khóa tu học Phật Pháp do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức mặc dù phải đợi tôi năm thứ 7 mới có sự hiện diện của tôi. Tại sao? Lẽ dĩ nhiên tất cả đều bắt nguồn từ một nguyên do

Bao năm qua khi đặt chân đến Thụy Sĩ, hai bộ môn tôi rất yêu thích và thường sinh hoạt đó là văn nghệ trình diễn và báo chí. Vì yêu, tôi thường tham gia và theo dõi hai lãnh vực này.

Một ngày, tình cờ đọc báo Viên Giác: Khóa tu học Phật Pháp sẽ tổ chức tại Thụy Sĩ (mỗi năm tổ chức tại mỗi nước luân phiên trên khắp Âu Châu). Năm đó, có lẽ là năm thứ 4 (tôi không rõ lắm) tổ chức tại Thụy Sĩ mà tôi cũng không tham dự. Tuy nhiên, cũng bởi tại đất nhà khiến tôi có một chút (chỉ một chút thôi nhé) quan tâm. Tôi liền điện thoại hỏi Huệ, cô bạn gái có tâm đạo và rất sôi sảng chuyện Phật sự:

- Huệ à, khóa tu học Phật Pháp Âu Châu năm nay tổ chức tại Thụy Sĩ có thì đưa văn nghệ không vậy?

Huệ âm ừ:

- Thường cũng có vào dịp cuối khóa cho sinh hoạt lửa trại của anh em Gia Đình Phật Tử.

- Vậy Gia Đình Phật Tử Thụy Sĩ đã có mục gì để thi chùa?

- Huệ cũng không rõ nữa. Nhưng đường như chùa thì phải.

Tôi tích cực:

- Vậy thì Trình đề nghị, nếu anh em cần, Trình sẽ giúp cho nha. Vì Trình nghĩ *"người tá"* là khách lại nhà, mình là chủ, *"tiên chủ hậu khách"*, mình phải có cái gì bày ra trước chủ.

Thế là độ vài tháng sau đó, anh em GDPT Thụy Sĩ *"thinh"* tôi từ St.Gallen đến Winterthur (khoảng 45 phút xe hơi) tập mãn vũ sạp. Vũ sạp là một điệu vũ sống động nhộn nhịp, nhảy trên những ống cây đập vào nhau. Với điệu vũ này *"chủ nhân"* có thể mời *"khách"* phưởng xa nhập cuộc cùng nhau nhảy và nếu ai đó bị kẹp chân, như thế để tạo thêm tình thân ái và biết đầu đuôi *"kẹp"* có thể *"cột"* chân người... xấu số hay tốt số (?) ở lại Thụy Sĩ luôn. *"Đến đây phải ở lại đây"* một bài hát có câu như vậy mà!

Từ mãn vũ đó, như tạo duyên để lễ Phật Đản năm sau, anh em lại *"thinh"* tôi giúp văn nghệ nữa. Ca múa là *"nghề"* của nàng mà! Tôi không từ chối, lại thêm, thời gian làm việc với anh em, tuy ngắn ngủi nhưng tôi nhìn ra tầm chân tình cũng như tình thân phục vụ rất cao của anh em. Tại sao chị Thông, vợ anh Liên đoàn trưởng, cuối tuần không nằm nhà coi phim tập hay xòe bài, như một số các người vợ khác lại phải bưng từng thố cơm, đĩa rau, bát canh, súp ly, chén đĩa vv... nhọc nhằn lo cơm nước cho mọi người??? Tại sao anh Trọng, một huynh trưởng trong GDPT không dành tiền với đồng lương giới hạn của mình ở tình trạng *"gà trống nuôi một con"* để mua một chiếc xe nhỏ nhỏ không cần phải dắt tiền nhưng xinh xắn để phục vụ bản thân mình mà lại mang về chiếc xe buýt cũ kỹ 11 chỗ ngồi chở anh em đi sinh hoạt hay mọi người đi chùa??? Và còn nhiều sự hy sinh khác nữa của các anh em... kể sao cho hết. Thâm tâm, tôi cảm mến tinh thần xả thân của anh em, tự hỏi, tôi cũng là người đạo Phật sao bấy lâu tôi lại vô tình?! Một tình cảm thân thương vô hình gắn bó ràng buộc tôi với anh em GDPT, tôi bị cuốn theo trong tình đời nghĩa đạo đó.

Rồi tôi tham dự khóa Lộc Uyển, một chương trình đào tạo huynh trưởng; khóa tu học hằng năm của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu và nhất là thích đi chùa Viên Giác. Ở những nơi đó tôi tìm thấy được sự thanh thản của tâm hồn, tìm thấy niềm vui trong tình đồng hương khóa lớp nổi trống trải bao lâu âm thầm trên đất khách cùng học hỏi được nhiều chuyện đời, việc đạo.

Cuối cùng tôi rút ra mẫu số chung: Đạo là kim chỉ nam là con đường hướng dẫn tôi đạt tới chân thiện mỹ của cuộc sống. Tuy nhiên con đường nào, nhất là đường về chân trời thường đầy chông gai thử thách và giáo lý của Đức Phật như những lời nhắc nhở cổ vũ để dẫn dắt ta đi nốt đoạn đường.

Kiến thức về Phật Pháp của tôi còn rất thô sơ, mỗi chỉ lạng quạng bên lề. Tuy nhiên chỉ cần phảng phất một chút hướng và tận tình thường thức chút hướng đó cũng đủ cho tôi ngày ngất. Một trong 10 điều tâm niệm

NĂM ĐÌNH SỬ

1997

T heo âm lịch, mỗi năm mang tên một con vật lần lượt trích ra từ mười hai con Giáp, năm Tý tức năm con Chuột đang sắp qua đi để nhường chỗ cho năm Sửu, gọi là năm Con Trâu. Trâu là con vật có bốn chân và hai sừng, hai chân trước đi trước, hai chân sau đi sau và cái đuôi đi sau chót; Trâu ăn cỏ, tính hiền thực, dễ sai khiến lại có sức khỏe bền bỉ, có thể cày bừa ruộng, giúp ích rất nhiều cho nhà nông trong công việc đồng áng ở thôn quê. Những vần thơ thật đón só và mộc mạc trong quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Đồng Ấu đã mô tả con trâu như sau:

*Trâu đi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta,
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công,
Bao giờ cây lúa trở bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Tỉnh Bắc Ninh thuộc miền Bắc Việt Nam, theo tập tục cổ truyền, mỗi năm chiếu lệ làng tổ chức một ngày hội chợ trâu; dân trong làng từ trai gái già trẻ đều nô nức đi xem hội, dù có ai mắc đi làm ăn nơi phương xa cũng nhờ câu ca dao để kịp về tham dự:

*Dù ai buôn dẫu bán dẫu,
Mùng chín tháng tám chợ trâu thì về,
Dù ai buôn bán trăm nghề,
Mùng chín tháng tám thì về chợ trâu.*

Chợ Hà Đông, mỗi tháng có bốn phiên chợ chính để bán trâu bò, các lái trâu và khách thập phương từ khắp các tỉnh đội đúng vào ngày phiên chợ lũ lượt đem trâu bò về bán hoặc mua, kỹ thuật của họ trong lúc lựa chọn mua trâu được thể hiện như sau:

Khó chân gân mặt đất tiền cũng mua,
hoặc là:
Tam tinh khoáy óc dè sừng
Trong ba tật ấy thì đừng có mua.

Lợi dụng sức mạnh vĩ đại của trâu, có lần Lý Thường Kiệt đã dùng đàn trâu phá tan quân giặc Tống xâm lăng bằng cách buộc vào hai sừng trâu hai con dao nhọn, rồi lấy bụi nhùi tẩm dầu cột vào đuôi trâu, cho trâu đứng hàng ngang hướng về phía giặc, rồi châm lửa đốt; đàn trâu bị lửa cháy nóng quá, chạy thục mạng về phía trước húc véo tan tành địch quân chết không kịp ngáp.

Ngoài ra, cũng còn một số thành ngữ có liên quan ít nhiều đến trâu như sau: Trâu chết để da, người chết để danh - Đàn cầm mà gãy tai trâu - Trâu chậm thì uống nước đục - Trâu chậm thì phải cày trưa - Sáng tai họ điếc tai cây - Lộn cây chạy dẹo - Yếu trâu còn hơn khỏe bò - Trâu đồng ta ăn cỏ đồng ta - Ruộng sâu trâu nái, chó cái lợn sề - Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng - Ai bảo chăn trâu là khổ?, chăn trâu sướng lắm chứ - Con trâu trắng buộc bụi tre trụ ăn no bụng tròn như cái trống treo, v.v...

của Đức Phật có dạy. Lấy khúc mắc làm thú vị để sở học được thấu đáo; lấy khó khăn làm thích thú; lấy người chống đối làm nơi giao du v.v... Rồi Lục Hòa : Thân hòa đồng trú vui về hòa đồng cùng mọi người; Giới hòa đồng tu chấp nhận và gìn giữ những kỷ luật chung; Kiến hòa đồng giải mọi ý kiến được chia sẻ trao đổi để học hỏi nhau v.v... Chỉ bấy nhiêu thôi khiến tôi thường suy gẫm. Và vấn đề chỉ còn là, tôi áp dụng được và đúng hay không?!

Từ sau khi như vừa khám phá một chân trời mới lạ cũng là lúc tôi nhìn ra sự vô vị của cuộc đời. Nhờ lại những nỗi gian truân vất vả đã trải qua, tôi thường tự hỏi bản thân : Sống để làm gì? Tại sao con người hằng ngày cứ phải phấn đấu để sống và sống tức là đang đi dần vào cõi chết vì sự chết là một phần thuộc vào đời sống không ai tránh khỏi. Rồi từ ý nghĩ đó và vào những lúc buồn vu vơ "*tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*", tôi chợt có ý nghĩ ... đi tu rồi lại lẩn thẩn tự hỏi, đi tu có giải thoát không? đi tu có vui không? Nếu đi tu để tìm niềm vui thì ... tu có được không? và nơi đó có phải là nơi để mình ... giải trí?

Giờ thuyết giảng của Sư Cô Thanh Hà tại khóa tu học kỳ 7 ở Đan Mạch, Sư Cô có "*dự*" : "*Đi tu "dzul" lắm! Ở một mình "dzui" lắm!*" Tôi không rõ niềm vui của Sư Cô lúc đi tu như thế nào chứ "*ở một mình*" tự do, thoải mái chắc chắn thì "*dzui lắm!*". Nhưng, "*ở hai mình*" tôi cảm thấy ... "*dzui hời!*".

Tôi đem ý nghĩ "*đi tu*" bàn với Lam, chàng cười :

- Em tu ... hủ! Rồi ló dăng vừa xem Tivi chàng vừa nói tiếp :

- Em có "*tâm hồn ăn uống*" ăn rau một bữa bủn rùn tay chân. Tu gì được?!

Tôi nguyệt một cái có đuôi :

- Hủ, hai khóa tu học vừa rồi em ăn chay 10 ngày liên tiếp có sao đâu.

- Có "*trắng*" thôi, chủ đầu có "*sad!*"

Tôi nghiêm giọng :

- Tử vi của em, tiên ông nói có số đi tu đó.

Lam hỏi :

- Tiên ông nào?

- Tiên ông là ông tiên. Ông già râu tóc bạc phơ.

- Bố cũng râu tóc bạc phơ. Bố đâu có nói.

Tôi cười :

- Có ông bố chồng nào nói con đầu có số đi tu, dù biết rõ, để bỏ con trai ông sống đời hui quạnh?!

Chàng bực.

- Muốn đi tu thì đi đi. Đi sớm sớm để anh còn tính!

Tôi ghé tai chàng hỏi nhỏ :

- Tính lấy vợ khác phải hôn?

Thật ra nhận xét của Lam không xa thực tế. Nếu đi tu tức là từ đây tôi phải dứt bỏ mọi thú. Còn đâu những bữa cơm với các món vịt xào Triều Châu, vịt quay Bắc Kinh, lẩu vịt nấu chao, gà tiềm, cá hấp xì dầu, bò nhúng dấm mắm nêm, chim rôti, tôm bọc thịt gói với tàu hủ ky, cua rang muối, mực nhồi và đặc biệt nhất là hộp vịt lộn v.v... Những món mà ăn chay không nấu giả để thay thế được. Rồi về mặc, còn đâu những bộ váy, bộ đầm tân thời, những chiếc quần tây hấp dẫn, những

chiếc áo dài duyên dáng để chỉ thay vào đó không quá 3 bộ quần áo dành cho người tu hành trong giới hạn màu sắc : lam, nâu, vàng nhạt nhèo. Rồi còn mái tóc? Chao ôi, sẽ phải cạo trụi lủi như chiếc gáo dừa. Đẹp gì nổi nữa. Rồi còn chiếc "*gối ôm*". Chiếc gối ôm đặc biệt biết nói biết cười, thật ấm áp trong những mùa Đông giá lạnh. Tất cả ... tất cả từ bỏ hết. Có nổi không?! Chắc chắn không phải dễ dàng.

Khi nhìn ra cái "*dự*" tầm thường của mình, của người phạm phụ tục tử tôi càng tôn kính sự hy sinh, lòng dũng cảm khác người của các bậc chân tu Phật Giáo. Có vị, ngày ngày chỉ dựa cà tụng chao, sống khổ hạnh, vượt qua mọi cám dỗ thường tình vật chất. Còn tôi, không lẽ tầm thường vậy sao?! Mơ hồ, tôi cảm thấy có sự bất ổn mâu thuẫn trong lòng. Một sự dằn xé, ám ảnh trong lời đoán của tiên ông. Tôi không phi thường, nhưng ít ra cũng đừng tầm thường như vậy chứ. Không, không đâu. Tôi không nhất thiết phải là ni cô, nhưng thực sự trong cuộc sống, để phụng sự một lý tưởng, tôi cũng có thể từ con một thường gia tuy không hẳn sống trên nhung lụa, nhưng muốn gì được nấy, cũng cao lương mỹ vị, chưa biết thiếu thốn là gì để chấp nhận đời sống thanh bạch, không tham những thói nát của Lam, nhất là sau 75, tôi đã từng suốt vài năm trời, ngày nào cũng đọc nhất môn : cơm dọn đậu xanh (đậu xanh có vỏ) ăn với đường, thức ăn chỉ độc đĩa rau muống luộc. Một phần, tôi chịu theo khẩu vị của bố chồng tôi. Cụ luôn đưa thực đơn giải thích theo ý học Đông Phương, đậu ăn vỏ là đủ âm đủ dương quân bình có thể, không hàn, không nhiệt, đầy bổ dưỡng, nhờ vậy tâm bình tôi ăn rất ngon và ngủ rất yên hay tại căn bản có chất "*tu*" do sao "*Thiên Phú*" chiểu?!

Đạo Phật cũng quan niệm cuộc đời vô thường. Có những sự việc biến đổi bất ngờ không ai lường trước được. Biết đâu đó, khi tôi hội đủ nhân duyên, khi tôi giác ngộ "*quán!*" được tính không "*sắc sắc, không không, không không sắc sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc*" của đạo Phật, tôi trở thành ni cô không chừng? Nhưng đợi đến lúc tôi quán, tôi hưởng thụ hết cả cuộc đời mới đi tu cũng què xệ. Thôi thì, việc gì đợi củ phải đợi, việc gì đến nó sẽ đến, khi nào tôi thành ni cô chính hiệu tôi sẽ thông báo để quý vị viếng "*chùa*" tôi nhé!

Còn bây giờ tạm thời trong tám mươi bốn ngàn pháp môn Đức Phật dạy để tu, tôi xin chọn "*tu tại gia*" như theo tục ngữ Việt Nam có câu "*Thủ nhất là tu tại gia, thủ nhì tu chợ, thủ ba tu Chùa*". Tu tại gia "*tử bề thợ dệt*", dụng chạ lưng tung, phấn đấu được để đem an lạc cho mình cho người cũng không phải dễ! Và, ... tu tại gia, đối với tôi, "*ở hai mình*" tôi sẽ thấy ... "*dzul!*" hời!



Theo truyền thuyết trong dân gian thì thằng Cuội nổi tiếng về ham chơi lại hay nói dối, nó có nhiệm vụ đi chặn trâu, nó mài mề đánh đính đánh đáo cột trâu vào gốc cây đa suốt ngày không dứt cho trâu ăn cỏ, đến chiều tối bụng trâu đói lép kẹp, trước khi đem trâu về chuồng Cuội lấy mo cau áp vào bụng trâu, rồi xoa bùn lên, bụng trâu căng tròn như no nề lắm; cho nên trâu đã mách với chủ nhà rằng:

No gì mà no,
 Trong mo ngoài đất,
 Trông thật tưởng đa,
 Bụng gốc cây đa,
 Đánh đính đánh đáo.

Lần khác nữa, cuối cùng Cuội lại bê bối trong việc chặn trâu, đước mô tả bằng những câu về như sau:

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
 Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ờ ời,
 Cha còn cật cò trên trời,
 Mẹ thời cười ngựa đi mời quan viên,
 Ông thì cầm bút, ông thì cầm nghiên,
 Ông thì cầm tiền đi chuộc con trâu.

Sau đây là một câu chuyện có thật cũng dính dáng đến trâu: Vào thập niên 30, tại làng Yên Thọ thuộc tỉnh Hà Sơn Bình có một đại phú ông cây cối trên ba chục mẫu ruộng, phải nuôi một đàn trâu gần hai mươi con, với một tốp thợ cày cũng trên dưới mười người; nhà thì thâm nghiêm kín cổng cao tường, kẻ trộm trong làng đã nhiều lần tìm đủ mọi cách để vào nhà lấy trộm đồ, nhưng không có cách nào vào được với cái cổng cao và hàng tường kín mít trên có cấm mảnh ve chai và thủy tinh nhọn dày đặc bao quanh một cái sân gạch rộng. Tên trộm đợi một hôm vào ngày mưa, lúc đàn trâu và thợ cày sau một ngày bữa ruộng tử sáng tinh mờ đến lúc nhá nhem tối trở về; tên trộm len lỏi vào đám đông người và vật, khéo léo bám tay vào dưới bụng một con trâu, khi đi qua khỏi cổng vào tới sân thì y buồng ra vội lên vô góc sân chỗ để nhiều lu tưởng có dẫy bên trên mỗi lu bằng một cái mũ làm bằng mo cau, tên trộm ngồi xồm sát vào các lu tưởng, đợi đêm tối sẽ ra tay hành động. Nhưng mỗi buổi chiều tối khi trâu và thợ thuyền vào cổng, phú ông đều ngồi trên thềm cao quan sát, nên đã phát giác ngay tên trộm trá hình nơi các lu tưởng, trong lúc gia nhân và thợ thuyền đang quay quần ngồi ăn cơm trên sân gạch gần đó; phú ông đứng đĩnh đi tới nhắc cái mũ mo cau lên, tên trộm bị lộ sợ quá biết không thể thoát thân được, khúm núm run rẩy van lạy xin tha tội, phú ông bèn hỏi nhà người bao nhiêu tuổi, hẳn đáp tuổi Sửu; phú ông phi cười bảo tuổi Sửu là tuổi con trâu phải ăn no vác nặng tại sao nhà người không chịu làm lao động mà lại làm nghề đạo chích, nói xong ông sai gia nhân quất cho tên trộm ba hèo cánh cáo, rồi tha cho về đúng như lễ nghi của Khổng Giáo "Đĩ đức trị gian", chủ không thừa kiện bỏ tù tội gì cả.

•Kỳ Thường
 Lünen



Thơ họa và họa

Phát họa kiều
 Trung hành kiều ý
 Aho mà quôn
 hạo phi nghiêng trờ
 Thơ họa, phát họa tuyết rơi
 Phát họa minh họa
 Aho thơ và Aho
 Họa họa chỉ
 Họa họa và họa

TRANG HOA PHƯỢNG

Các em thân mến,
Mỗi đó mà đông lại về. Cái lạnh tại xứ người cùng ảnh hưởng đến vạn vật, cỏ cây... những giáng Sinh và năm mới đến. Phố phường đã rộn niềm vui, bởi những cây thông (Weihnachtsbaum) cây trạng (Weihnachtsstern) đem bày ra bán. Người ta cũng rộn ràng chuẩn bị đón Xuân sang. Giáng Sinh tại quê người và Tết đặc thù của dân tộc họ.

Các em đang tuổi học trò, là tờ giấy trắng trình nguyên, hẳn các em cũng cảm thấy lòng mình lâng lâng rộn lên niềm vui trong đó.

Ai cũng có quê hương. Dù rằng quê hương đang thời chinh chiến hay nghèo nàn đi chăng nữa cũng là quê hương của mình. Các em hẳn đã nghe hoặc thấy những bà mẹ quê, áo rách tà tơi, suốt ngày tần tảo, góp nhặt từng cọng rau, hạt lúa rơi rớt trên lối mòn cây để nuôi cho đàn con khôn lớn. Hẳn mong đàn con ấy sau này sẽ ra đảm nhận việc non sông.

Con siêng năng học hành thì cha mẹ vui, con đỗ đạt thì cha mẹ mừng. Quan niệm của Đông phương mình là như thế.

Một năm 96 đã trôi qua. Những phát huy về tinh thần Phật Giáo tại xứ Đức này cũng đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Ngôi chùa Viên Giác đó, trung tâm mang Đạo vào Đời và mang Đời vào Đạo. Tình quê hương giữa đồng bào với nhau gần bó, không chia phân kẻ đạo, người không...

Các em đến chùa đốt một nén nhang trong đêm Giao Thừa để tỏ lòng mình thành kính nhớ ơn trên và vui với bạn bè cùng lứa tuổi là các em thể hiện được việc không quên nguồn cội, Tổ quốc và Quê hương của mình.

Hoa Phượng thân ái chúc các em một mùa Xuân Đinh Sửu (Con Trâu) vui tươi, an lành và gặp may mắn.

•Hoa Phượng

Chuyện sưu tầm

Trâu cày trâu cột

Xưa có một nhà làm ruộng có hai con trâu chia việc cho mỗi con cày một buổi. Như con này cày buổi này, thì buổi mai nghỉ để con kia cày. Cái lệ quen như thế đã lâu ngày, người quen, trâu cũng quen.

Phải một hôm, ông chủ ruộng đi vắng, mượn người khác đến cày hộ.

Người ấy không biết lệ xưa nay, lại bắt ngay con trâu đã cày hôm trước ra cày.

Con trâu không chịu đi. Người kia đánh đập, bắt đi cho được mới nghe.

Chiều về, con trâu cày thấy con trâu kia còn đang cột ở chuồng, sinh sự cãi nhau. Nó mắng con kia rằng:

- Tao cày buổi này qua buổi khác. Sao mày được thông dong cả ngày?

Con kia cãi lại:

- Số mày khó nhọc thì mày phải chịu. Mày đừng có cãi với tao.

- Mày được cái nghề gì? Hay chỉ ngồi ăn không, hú của nhà chủ!

- Đó là tại nhà chủ cất việc không cần, chỗ có tại gì tao.

Hai con củ cãi nhau mãi không thôi.

Rồi đến cần nhau, húc nhau, hai con cùng bị thương nặng.

Hôm sau, chủ ruộng về, thấy chuyện vậy, bàu trâu rằng:

- Ấy cái trò thế "Trâu cột ghét trâu ăn, thì trâu cày không ưa trâu cột". Nhưng thôi, nhờ ra phải một hôm nhằm lần thì thôi. Từ mai, tao lại luân thủ cất công, cất việc cho công bằng.

•Hồng Nhiên sưu tầm



Trâu nhà và trâu rừng

Một hôm, có một người cày ruộng thả trâu lên ăn ở trên núi.

Bỗng có một đàn trâu

rừng, bò tót đến đổ dành trâu nhà rằng:

- Chúng tôi xem anh mình cũng to, sức cũng mạnh, đôi sừng vênh ngược lên thế kia, mà sao anh lại chịu để thằng bé con nó xô đẩy vào mũi, nó bắt ách lên vai, nó đem đi cày, đi bừa, mưa nắng cũng phải chịu, đôi khát cũng không dám kêu, vất vả và cả đời không lúc nào được thanh nhàn sung sướng! Sao anh không xem chúng tôi đây ăn ở với nhau từng đàn trên rừng xanh, núi rậm, muốn ăn thì ăn, muốn chơi thì chơi chẳng ai kiềm thúc, mà cũng chẳng sợ ai. Bấy giờ thằng bé nó đã thả anh lên đây, thì anh nên theo về trên núi với chúng tôi cho có bạn. Tội gì mà để cho nó ràng buộc mãi cái thân như thế. Lấy tình đồng loại; chúng tôi mỗi bàu phải chẳng cho anh nghe. Theo chúng tôi thì khôn; không theo chúng tôi thì chết.

Trâu nhà đáp rằng:

- Các anh nói vậy cũng phải. Song mà tôi nghĩ thế này: Tôi ở với người khi ăn, khi uống có một thằng chăn, lúc ngủ, lúc nằm có một nhà rộng. Kể cũng là thanh nhàn phong lưu chỗ. Còn như một ngày một buổi cày, bừa cũng là công báo, nghĩa đền có chi là khó nhọc, có chi là khổ sở! Người nuôi, kẻ chăn, ăn ở với mình thế, mà bây giờ mình bỏ đi, thì chẳng cũng ra tuồng vong ơn bội nghĩa hay sao! Các anh ở trên rừng xanh, núi rậm, tuy không ai cai quản, tuy không bận bịu gì, kể ra thì vui thật. Song các anh phải dầy sương dãi gió, nay đây, mai đó, ăn không chắc bữa, uống chẳng chắc hơi, thật là bấp bênh thất thường lắm. Ấy là tôi không nói, khi gặp con hổ, con beo nó rình, nó muốn ăn thịt, hay chẳng gì ngay thẳng bé con con kia nó bỏ lưỡi thà chó vào nó vậy, thì phỏng lúc ấy các anh đi đường nào cho khỏi, tránh lối nào cho kịp? Thôi thì cảm ơn các anh, tôi mặc tôi, các anh mặc các anh.

Nói đoạn mỗi bên đi về một đường, không chuyện trò với nhau nữa, nhưng bên nào cũng không khỏi có điều nghĩ ngợi.

•Hồng Nhiên sưu tầm

Con Trâu Chàng

Tôi biết con trâu Chàng từ lúc lên năm tuổi. Ba tôi đã đem nó và đoàn thể từ từ ấp Bình Phước (quê của Ba) về ấp Bình Long (quê của Má. Hai ấp này thuộc xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho). Sở dĩ nó mang tên con trâu Chàng vì nó to lớn hơn những con trâu khác, cặp sừng rất đặc biệt, vừa lớn lại vừa rộng. Nó rất khỏe mạnh và siêng năng trong việc cày bừa. Đối với những đàn trâu trong ấp Bình Long, con trâu Chàng rất oai phong và xứng đáng làm anh cả, chẳng có con trâu nào khác dám ăn hiếp đàn trâu nhà.

Ba tôi có rất nhiều ruộng đất mà con trâu Chàng (trâu đực) và một cặp khác (một đực, một cái), hai con này thay phiên cùng với con trâu Chàng kéo cày, bừa vào đầu mùa

múa; chẳng những cho ruộng nhà mà còn cày bừa ruộng của hàng xóm nữa.

Vào mùa lúa chín, sau khi gặt hái xong, con trâu còn phải kéo rơm về nhà. Rơm chất thành đống cao, hình cái tháp, để dành cho trâu ăn vào mùa nắng, vì mùa này rất ít cỏ. Rơm còn cho đàn trâu ăn phụ thêm vào củ chiều sau khi lừa trâu vào chuồng. Phần rơm còn lại, các anh chị tôi chất rơm trải dài ra trên liếp vườn để lấy nấm rơm. Nấm rơm ăn rất ngon và bổ. Nấm rơm bán rất có giá vào những ngày ăn chay.

Tôi là con út trong gia đình, lại còn nhỏ. Các anh chị tôi hầu hết đều ở tuổi vị thành niên. Hai anh và hai chị tôi, người nào cũng có sức khỏe và siêng năng. Ba tôi lúc còn trẻ, ra đời với hai bàn tay trắng nên rất vất vả. Đến gần nửa đời người thì gia đình tôi khá giả nhờ các con, nhờ bầy trâu và những thửa ruộng tốt.

Ở những xứ Âu Mỹ không có trâu, nhưng thỉnh thoảng xem truyền hình thấy có những bầy trâu hoang (ở các vùng Phi Châu) hoặc trâu cày ruộng ở các vùng khác. Các loại trâu này có cặp sừng hơi khác với sừng trâu ở nước ta. Nhưng dù có khác đi chăng nữa, con trâu ở xứ nào cũng có cái bộ dạng nặng nề, chậm chạp trên những luống cày, cái đuôi ngoe nguẩy theo bước đi. Ngăn ấy cũng đủ vùng lên những kỷ niệm về bầy trâu của gia đình tôi.

Mỗi năm, sau vụ gặt lúa, rơm được chất thành đống ở ngoài ruộng để lúc nào rảnh rồi mới cho trâu mang về nhà. Người dân ở thôn quê, nhà nào nuôi trâu cũng có làm một cái cộ rơm.

Không hiểu sao hồi ấy tôi lại ham ngồi theo cộ để theo anh chị tôi. Ngẫm nghĩ ngồi cộ rơm chẳng sướng ích gì giữa những buổi trưa trời nắng, người và trâu đều mệt là thế mà tôi vẫn đòi đi cho bằng được. Có một hôm chị tôi từ ấp Bình Phước xuống thăm ba má tôi, chị thấy tôi khóc đòi đi theo cộ, chị lấy tờ năm các (50 xu) cho tôi và bảo tôi ở nhà đi mua kẹo. Tôi lấy tiền và hứa với chị ở nhà, nhưng thừa lúc không ai để ý tôi chạy ra ngoài đường đón cộ đòi đi theo. Cuối cùng tôi được tiền lần ngồi cộ.

Tôi biết ngồi trên lưng trâu vào năm mười tuổi, lúc mới tập tôi thường ngồi phía sau anh hay chị tôi. Ngồi lưng trâu coi vậy chứ không phải dễ đâu, mỗi bước đi của nó sẽ đưa lần mình ra phía trước nếu không có cái thế ngồi rất dễ té xuống đất. Những người quen cỡi trâu, có kinh nghiệm thường bỏ hai chân về một phía hoặc có khi còn nằm ngửa trên mình trâu để ngắm trời trăng mây gió nữa. Đó cũng là cái thú chăn trâu "Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ. Ngồi mình trâu miệng hát nghe ngao..."

Phải, chăn trâu rất thành thói trong những lúc bầy trâu gập đăm cỏ non, chúng miệt mài ăn cả buổi mà chỉ quanh quẩn trong một đám ruộng. Trâu có bạn trâu, chăn trâu cũng có bạn chăn trâu. Người ta thường nói "chăn trâu không sợ ma quỷ". Quê tôi có nhiều miếu ở dọc theo đường lộ cái, thỉnh thoảng các bà đi chợ về hay đem bánh trái hoặc đèn nhang tới miếu cúng vái. Chúng tôi theo dõi chờ các bà đi khỏi thì chạy tới lấy và chia ra. Bọn

chăn trâu còn bày ra các trò chơi đánh trống, đánh đáo hoặc con vự; đó là nhà nghề của con trai. Còn con gái thì chơi trốn kiếm, nhảy nhà, giấu cây v.v...Cổ hòm cũng vì ham chơi đến trời tối lúc nào không hay, chừng ngó lại thì bầy trâu đi đâu mất. Thế là các bạn giữ trâu họp với chị em tôi đi kiếm cũng chẳng thấy đâu. Các bạn chăn trâu phải lo lừa trâu của họ về nhà, còn lại chị em tôi ngồi khóc vì sợ bị đòn không dám về. May sao ba tôi đi thăm người bạn ở xóm trong về thấy. Chị em tôi vừa khóc vừa kể lể. Ông chẳng la rầy mà còn bảo chị em tôi về nhà. Ông cùng với hai anh tôi đi kiếm bầy trâu ở ấp Bình Phước, lừa trâu về chuồng vào lúc nửa đêm. Sau này ba tôi giải thích: "Con trâu coi vậy mà khôn lắm, nó nhỏ nhà, nhỏ chủ cũ ngày xưa nên thừa lúc các con lơ đễnh chúng nó chạy về thăm xóm cũ".

Còn một kỷ niệm về con trâu Chàng, từ lúc biết cỡi trâu tôi thích lắm, phải một hôm tôi cỡi trâu từ nhà ra đám ruộng vừa mới gặt xong, nó chợt thấy một con trâu đực khác đang ve vãn con trâu cái. Nổi máu anh hùng nó phóng mình từ trên dốc cao nhảy xuống đám ruộng, nó quăng tôi xuống đất như trái mận rụng. Tôi đau đớn suốt cả tuần, từ đó về sau tôi không dám cỡi trâu nữa.

Năm học lớp Ba trường làng, tôi è a học bài thuộc lòng:

Trâu đi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta

Cấy cày vốn nghiệp nông gia

Ta đây trâu đó, không này quản công

Bao giờ cày lúa còn bông

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn

Thật vậy, con trâu là loài gia súc gắn liền với sự nghiệp nhà nông. Ngoài con cái ra, Ba tôi rất thương yêu và chăm sóc bầy trâu rất chu đáo. Chiều tối nào ông cũng đốt lá khô xông muỗi. Ông thường hay nói với chúng tôi: "Con người có trí khôn biết may mừng để ngủ, còn con trâu muỗi cắn, nó cũng biết đau nhưng đành phải chịu, nó chỉ có cái đuôi ngoe nguẩy mà thôi".

Có những đêm trời mưa nhiều muỗi, bầy trâu lao xao, ba tôi phải đốt lồng đèn ra chuồng thăm. Trâu không nằm yên, ba tôi cũng không ngủ được.

Con trâu còn khác với những gia súc khác, mỗi buổi chiều sau khi ăn cỏ ngoài đồng về chuồng, chúng thường ợ cỏ ra rồi nhai lại. Tôi hỏi ba tôi, ông giải thích: "Con trâu chỉ có một hàm răng trên, lúc ngoài đồng ruộng nó ăn vụng không kịp tiêu hóa, khi về đến chuồng thành thói nó ợ lợ cỏ ra nhai lại".

Tôi còn thắc mắc tại sao con trâu chỉ có một hàm răng? Tối hôm đó ba tôi kể sự tích con trâu cho chị em tôi nghe:

"Ngày xưa có một nhà nông rất thương yêu và chăm sóc bầy trâu, ông thường khuyên đứa ở phải cho trâu ăn no mỗi khi trâu về chuồng.

Phải một hôm đứa ở ham chơi, trâu đói nên hai bên hông lóm vào thật sâu. Nó bèn cật hai miếng mo cau đem lót hai bên hông, rồi ngoài lấy đất bùn trát cho lấp cái mo cau đi, trông không thể biết, ai cũng tưởng con trâu vui bùn nên lấm cả mình.

Lúc về nhà, chủ hỏi trâu có ăn no không? Trông ở nói:

- Trâu ăn no lắm.

Không ngờ con trâu cãi rằng:

- No gì mà no. Trong mo ngoài bùn.

Chủ xem đúng như lời trâu nói, giận quá đánh đứa ở thật đau.

Tên ấy ra đồng ngồi khóc, may quá có ông Bụt đi qua. Ông hỏi và biết được chuyện, nên bảo thằng ở rằng:

- Mày về lấy một nắm hương, đốt lửa châm hàm dưới con trâu, là tức khắc nó không nói được và cũng không còn răng nữa.

Thằng ở làm y như vậy, thành thử bấy giờ hàm răng dưới chỉ có một cục như hạt đậu do đó mà trâu không biết nói.

Ba tôi còn hay tán dương những người chăn trâu mỗi khi các anh tôi không sẵn sóc bầy trâu. Ông còn kể chuyện anh hùng Đinh Bộ Lĩnh ngày xưa cũng xuất thân là một đứa chăn trâu.

Đinh Bộ Lĩnh thường làm bạn với trẻ mục đồng (chăn trâu), ông thường bắt những đứa trẻ khoanh tay làm kiểu cho ông ngồi và sai lấy bóng lau làm cờ bầy trận đánh nhau. Có lần thắng trận, ông xé thịt con trâu của ông chú để khao đám quân sĩ tí hon ăn mừng chiến thắng.

Đến lúc lớn lên, dân ở vùng ống (động Hoa Lú, tỉnh Ninh Bình) thấy Đinh Bộ Lĩnh là người ngang tàng, khí phách nên rủ nhau theo phục ông rất nhiều.

Lúc bấy giờ, trong nước dân tình khổ sở vì loạn 12 sứ quân, chiến tranh loạn lạc khắp nơi.

Đinh Bộ Lĩnh sang theo sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu (Thái Bình), được Minh Công tin dùng lắm. Sau khi Trần Minh Công mất, Đinh Bộ Lĩnh đem binh về giữ Hoa Lú, chiêu mộ những người hào kiệt, hùng cứ một phương.

Đến khi nhà Ngô (Hậu Ngô Vương) mất, Bộ Lĩnh chiêu hàng các sứ quân khác. Chỉ trong vòng một năm Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan hết các sứ quân, lập nên nghiệp đế.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, xưng là Đinh Tiên Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lú, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, chấm dứt một giai đoạn nội loạn rối ren, quốc gia trở nên thái bình.

Đinh Tiên Hoàng Đế làm vua được 10 năm và góp phần củng cố nền tự chủ mà Ngô Vương Quyền đã khởi mở. Đến năm 979 ông bị Đỗ Thích ám sát chết (1).

Tôi còn nhớ năm đó trâu bị bệnh dịch, nhà nào cũng có một vài con chết. Ba tôi rất lo lắng nhưng cũng không khỏi. Con trâu nghé (trâu còn nhỏ gọi là trâu nghé) bị bệnh. Ông hàng xóm nghe tin nên tôi hỏi ba tôi xin đem về làm thịt. Ba tôi từ chối, ông nói: "Trâu là loài gia súc rất có công cho loài người, nếu tôi chạy thuốc không khỏi, nó chết tôi chôn chứ không làm thịt, như vậy trái với tổ nghiệp nhà nông". Từ đó ba tôi tách rời con trâu nghé ra riêng và lo chạy thuốc cho nó. Nhưng độ một tuần sau trâu nghé chết. Ba tôi và hai anh đào một cái hố lớn ngoài vườn để chôn nó vào lúc nửa đêm. Ngày sau tôi biết được, sợ quá không dám ra vườn, nhưng

má tôi nói: "Con nghe con thương nó nhất, nay nó chết chôn ngoài vườn nó sẽ phò hộ gia đình mình, tại sao con sợ?" Nghe vậy, từ đó mỗi buổi chiều tôi đều đốt một cây nhang để với má tôi ra vườn cặm trước mộ con nghe.

Nhỏ về bày trâu của gia đình, tôi còn một kỷ niệm. Lúc đó, người anh thủ Tú của tôi cưới vợ, tục lệ ở quê tôi là ba ngày đám cưới, đôi vợ chồng phải về nhà bên vợ để làm lễ "phản bá". Tôi và chị tôi xin đi theo. Chị em tôi mặc đồ mới theo anh và chị dâu. Ra đến lộ cái, chúng tôi đứng tránh một chiếc xe đồ chạy qua, vô tình đứng ngay chỗ bày trâu mỗi ngày đi ngang qua đây đều phải dừng lại để "xổ hết bầu tâm sự". Chị em tôi "lãnh đủ" từ đầu tới chân nên đành phải trở về nhà tắm rửa, còn anh chị tôi "tai nạn" nhẹ hơn nên xuống mé ruộng rửa sơ rồi đi luôn. Từ đó về sau biết khôn, mỗi lần đi qua đây tôi đi nhanh chứ không dám dừng lại.

Anh Tú sau khi cưới vợ xin ra ở riêng, bày trâu giao cho người anh thủ Sáu. Anh lo cày bừa, còn chị cả tôi chỉ phụ chút đình. Ba tôi tuổi già sức yếu nên công việc nhà nông ông buông dần.

Mấy năm sau, anh thủ Sáu của tôi cũng cưới vợ và ra ở riêng. Chẳng còn cách nào khác hơn, Ba tôi đành phải giao bày trâu cho anh, nhưng anh phải cày bừa cho ruộng nhà bốn mùa liên tiếp.

Ngày anh tôi dẫn bày trâu đi, cũng là ngày buồn nhất của gia đình tôi. Ba tôi sờ trên sừng con trâu Chàng rồi nghẹn ngào:

- "Gần 30 năm, chủ tớ có nhau, sự nghiệp nhà của này cũng do chúng mày tạo nên, giờ đây..."

Không có bày trâu thì bắt công việc, nhưng chị em tôi cũng rất buồn vì không còn được tự do cùng với bạn chăn trâu khác rong chơi ngoài đồng ruộng. Cũng từ ngày đó, gia đình tôi không còn được sung túc như xưa nữa.

Đến lúc Ba tôi đã già yếu, ông không nhắc nhở gì bày trâu, nhưng khi ông mất, tôi thấy người chị dâu dẫn con trâu Chàng đến, trên sừng có cột miếng vải tang.

•Hồng Nhiên/Lingen/Ems

(1) Tham khảo trong *Anh Hùng Nước Trời*

VẠN THẮNG VƯƠNG

Đình Tiên Hoàng Đế

(968 - 979)

Sau khi cấm xong những nén nhang lên bàn thờ Phật và Tổ Tiên, bà nội quay bước đến ngồi cạnh bên bé Cẩm với thằng Toàn, vừa nói:

- Câu chuyện về ý nghĩa cài hoa hồng (hoặc hoa hồng trắng lên ngực áo), nội đã kể cho hai cháu nghe rồi sau khi rời Phật điện chùa Viên Giác, tháng Bảy vừa qua. Đó chẳng qua là biểu tượng của tấm lòng con

thào thường kính cha mẹ hiền hã còn tại thế, hay đã khuất hai cháu ạ. Thí dụ như Hàn Bá Du bên nước Tàu hồi xưa hồi xưa... Hồi đó, Hàn Bá Du ăn ở với mẹ rất mực là chí hiếu. Những khi làm lỗi, dù tuổi đã cao Hàn Bá Du vẫn thường nằm dài xuống đất để mẹ đánh đòn. Sau này, có một lần khi bị mẹ phạt đòn. Hàn Bá Du ra góc hè khóc mãi. Bà mẹ bắt gặp như vậy, nên cất tiếng hỏi:

- Ngày trước những khi con bị đòn, con đều nhận lỗi và hứa với mẹ sẽ sửa đổi lại tính nết. Cổ sao lần này con lại khóc mãi như thế? Mẹ đánh đòn oan con phải không?

Hàn Bá Du vội vàng đứng dậy, khoanh tay thưa rằng:

- Thưa mẹ, mọi khi mẹ đánh đòn con; con cảm thấy đau xót thịt da, vì con biết rằng sức mẹ hã còn mạnh khỏe. Nay con lại bị mẹ đánh đòn, con lại không thấy đau đớn gì nhiều. Con chợt nghĩ rằng: Sức mẹ nay đã già yếu lắm; con thường kính mẹ cho nên con khóc dai là vì vậy! (1)

Đấy cũng là một trong những đóa hồng thắm nhưng của con thảo dâng lên người tử mẫu đó hai cháu à. Nhưng theo ý nội, thì còn mẹ mà mất cha, hay còn cha mà mất mẹ cũng đều bất hạnh, khiến cho đứa con buồn khổ như nhau. Cũng tựa như trong cuốn *Luân Lý Giáo Khoa Thủ có viết về chuyện "Trái Cam" tôn vinh tình nghĩa của cha mẹ, con cái trong gia đình. Hay ngày Vu Lan, nhiều chùa đã tổ chức lễ hội Bồng Hồng cài áo - như chùa Viên Giác trên Hannover vừa rồi - Hoa hồng thì tượng trưng cho tình mẹ. Hoặc nhiều sách còn ghi rằng: Để tỏ lòng thường nghĩ đến cha, có những nơi còn buộc thêm dải nở tượng trưng cho cha. Cha còn: nở xanh; cha mất: nở trắng. Lễ đường xếp thành 4 dãy;*

- cha mẹ song toàn: hoa hồng, nở xanh;
- mẹ còn, cha mất: hoa hồng, nở trắng;
- mẹ mất, cha còn: hoa trắng, nở xanh;
- mẹ cha đều mất: hoa trắng, nở trắng.

Người dự lễ đứng theo dãy của hoàn cảnh mình. Có lần, một em nhỏ tuổi, chừng lên tám, đứng trong hàng hoa trắng, nở trắng. Sau khi được cài hoa, thắt nở; em nhìn xung quanh, tủi thân khóc oà và lễ đường cũng khóc òa theo!... Cha cũng như mẹ, rồi sẽ một ngày:

Đình hoa biển từ khởi lòng hạc (2)

nên mỗi người con đều phải vội vàng. Tra hiếu không bao giờ đủ, không được coi là đủ bởi tình cha mẹ thường con là "cho" chứ không phải "cho vay" để có thể trả đủ (3)... Trong Việt sử nước ta cũng có lắm vị Tiên Đế anh hùng thiếu mất cha, hay mẹ mà vẫn làm nên chuyện cửu được muôn dân ra khỏi ách đọa đày, đồ hộ của quân ngoại bang xâm lăng...

Như Vạn Thắng Vương tức Tiên Hoàng Đế Đình Bộ Lĩnh, cha mất sớm từ nhỏ, ở với mẹ mà sau này dựng nên nghiệp lớn hiển hách. Vậy:

Xót người tựa của hôm mai

Quạt nồng ẩm lạnh những ai đó giờ

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm...

(trích trong truyện Kiều)

Thằng Toàn, bé Cẩm như đồng một lượt reo vui lên.

- Nội ơi, vua Đình Bộ Lĩnh tức Vạn Thắng Vương, phải hỏi còn bé thơ là đứa trẻ chăn trâu bò không hò nội? Thằng Toàn lẹ miệng hỏi bà.

Bà nội gật đầu nhìn thằng Toàn, bé Cẩm một thoáng, rồi như cũng để chuyển qua câu chuyện hoa hồng và nở xanh nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu sang Việt sử như câu hỏi khởi đầu của hai đứa cháu, bà nhẹ giọng trả lời:

- Ủa, mà... hai cháu có học bài Việt sử Đình Tiên Hoàng Đế này chưa hở?

- Dạ chưa.

- Dạ, trong lớp học Việt ngữ cô giáo con cũng chưa dạy tới nữa đó nội à. Bé Cẩm đáp theo anh.

- Ủa nay cũng là ngày cùng, tháng hết; Xuân mới lại sắp đến rồi. Vậy để coi, nội... nhỏ được tôi đâu, nội sẽ kể cho hai cháu tôi đó, nghe không Toàn, Cẩm?

- Thích quá. Nội kể đi nội. Con đi rót nước lọc cho nội uống nha.

Bé Cẩm vừa hỏi, vừa đi lại nơi để mấy chai nước lọc Volvic. Bà nội nhìn theo với ánh mắt sáng rực niềm thương yêu. Bà lên tiếng kể:

- "Đình Tiên Hoàng - tức Đình Bộ Lĩnh (cũng có sách chép rằng: Đình Tiên Hoàng, tên là Hoàn; chỗ không phải là Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh là tước quan do Trần Lâm (Sử quân Trần Minh Công) phong cho Đình Hoàn. Nhưng xét trong "Khâm Định Việt Sử" và các sách khác thì thấy chép Đình Bộ Lĩnh, chỗ không thấy Đình Hoàn. Vậy nay cứ theo sách "Khâm Định Việt Sử" mà kể) là người ở Hoa Lư động (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), con ông Đình Công Trứ làm Thủ Sứ ở Hoan Châu về đời Dương Diên Nghệ và đời Ngô Vương Quyền. Đình Công Trứ mất sớm, Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở, thường theo chơi với những đứa trẻ chăn trâu bò, ông hay bắt chúng khoanh tay làm kiệu, và lấy bóng lau làm cờ bày ra những trận đánh nhau. Trẻ xử ông đứa nào cũng sợ và tôn lên làm anh. Thời gian sau Đình Bộ Lĩnh lớn khôn, uy tín của ông cũng theo đó mà tăng trưởng dần, dân làng quanh đấy theo phục ông rất nhiều; nhưng vì tánh nết không hòa thuận được cùng người chú, cho nên Đình Bộ Lĩnh cùng với con trai lớn là Đình Liên sang ở dưới trướng của 1 trong 12 Sứ quân là Sứ quân Trần Minh Công đang chiếm giữ vùng Bồ Hải Khẩu.

- Nội à, sao lại có tới 12 Sứ quân vậy hở nội? Mà Sứ quân có nghĩa như thế nào hở nội?

- Sau khi vua Thiên Sách Vương (Ngô Xướng Ngập) và Nam Tấn Vương (Ngô Xướng Vãn) thời Hậu Ngô Vương (950-965) lần lượt qua đời cho đến vua Ngô Xướng Xí (con của Ngô Tấn Vương) nổi nghiệp đóng đô ở Bình Kiều, nhưng lẽ luật trị dân không còn uy tín nữa cho nên chẳng mấy ai phục tùng. Cả nước loạn lạc thống khổ kinh hoàng! Chừng như ở bất cứ địa phương nào cũng có các thế lực nổi lên; cuối cùng những thế lực nhỏ bị tiêu diệt dần dần.

Đến năm Bình Dân 966 trong nước chỉ còn lại 12 thế lực lớn, Việt sử gọi là loạn "Thập Nhị Sử Quân". Tướng của triều Ngô Xúông Xí là Đỗ Cảnh Thạc cũng thoái quan, kéo quân ra chiếm giữ một phần đất tự xưng là Sử quân. Nội loạn bấy giờ kéo dài hơn 20 năm (945-967).

- Với 12 Sử quân dưới thời Hậu Ngô Vương, bà nội còn nhớ hết những tên các vị Sử quân đó không nội? Bé Cẩm lại hỏi bà.

- Nhớ chứ sao không. Nè nhé:

1. Vua Ngô Xúông Xí đóng tại làng Bình Kiều, phủ Khoái Châu, Hưng Yên.

2. Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công giữ Đỗ Động Giang - huyện Thanh Oai, Hà Đông.

3. Trần Lâm xưng là Trần Minh Công giữ Bồ Hải Khẩu - tỉnh Thái Bình.

4. Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam Chế giữ Phong Châu - huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên.

5. Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình giữ Tam Đái - phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên.

6. Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lâm Công giữ Đường Lâm - Phúc Thọ, Sơn Tây.

7. Lý Khuê xưng là Lý Lang Công giữ Siêu Loại - phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

8. Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lĩnh Công giữ Tiên Du - Bắc Ninh.

9. Lữ Đường xưng là Lữ Tá Công giữ Tế Giang - Văn Giang, Bắc Ninh.

10. Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn Hữu Công giữ Tây Phù Liệt - Thanh Trì, Hà Đông.

11. Kiều Thuận xưng là Kiều Lĩnh Công giữ Hồi Hồ - Cẩm Khê, Sơn Tây.

12. Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át giữ Đằng Châu - Hưng Yên.

Bé Cẩm ngồi yên lặng, chờ bà nội kể hết tên hiệu của 12 Sử quân, và vùng đất chiếm giữ; cô bé mới xoay qua thẳng Toàn hỏi khe:

- Anh Hai à, em nghe chị *Éch-ô!* giải thích lúc trước là vị tướng Đỗ Cảnh Thạc tức Sử quân Đỗ Cảnh Công, sớ dĩ bỏ vua Ngô Xúông Xí (Thiên Sách Vương) ra dựng cờ chiếm giữ vùng đất Đỗ Động Giang, vì thời vua Hậu Ngô Vương lúc bấy giờ suy nhược lắm, cho nên quần thần chẳng còn mấy ai phục tùng nữa. Đúng vậy không hở anh Hai?

- Ủa... Nhưng mà em đừng gọi chị Thủy Dung là *Éch-ô!* nha không! Ba đã rầy em bữa có bác Nhi với các chị Thủy Dung, Hạnh Dung với Phương Dung qua nhà mình chơi rồi đó sao!

- Dạ, em nhớ rồi.

Bà nội nghe anh em thẳng Toàn, gái Cẩm đối đáp với nhau quanh quẩn câu chuyện *Éch-ô!* Thủy Dung, cũng tỏ ra cử chỉ đồng ý, bà nhân nhủ:

- Hồi nào Thủy Dung "mát thịt, mát da" coi số sửa bự bầm, dễ thương... Cô Út bây

cũng chiều, nựng nịu rồi quen miệng cứ gọi là... *Éch-ô!* Bấy giờ tuổi nó đã 13, 14 rồi. Các cháu cũng đứng nên kêu nó là *Éch-ô!* nữa; mà hãy xưng hô với nhau là chị Tú, hoặc chị Thủy Dung dằng hoàng, nghe không Toàn, cảm.

Bé Cẩm nhanh nhẩu trả lời:

- Dạ, cháu nghe lời nội dạy... Nội à, nội kể tiếp chuyện "Thập Nhị Sử Quân", và vua Vạn Thắng Vương Đinh Tiên Hoàng đi nội.

- Xem cuộc đời của 12 Sử quân tranh nhau thì biết nghĩa hợp quần là khó; nhưng cũng rõ cái trí não của dân tộc ta hồi ấy đã lên đến trình độ tiến hóa. Lúc bấy giờ, hai vua Ngô đã mất, Ngô Xúông Xí là dòng dõi Thiên Hoàng, cũng như bên Đông-Chu, quân nhà Chu, Hoài Dương nhà Hán... Nếu binh sĩ 2 Sử quân lớn của ta cùng nhau phục tòng hợp lại với binh sĩ 10 Sử quân nhỏ, làm thành một lực lượng Sử quân lớn, tôn Ngô Xúông Xí làm thiên hạ cộng chủ để nối dõi dòng họ Ngô... Lại không làm thế, mà sớm chuông trống, tối giáo mác, mạnh ăn thịt yếu v.v...

Rốt cuộc rồi bị tiêu ma ở dưới ngọn cờ bông lau của Đinh Bộ Lĩnh, há chẳng phải là

con trai cả là Đinh Liễn qua vùng Bồ Hải Khẩu đầu quân dưới trướng của Sử quân Trần Lâm tức Trần Minh Công rồi, phải không hai cháu?

- Dạ, đúng rồi đó nội. Thằng Toàn trả lời.

- Sử quân Trần Minh Công nhận thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có tướng mạo khôi ngô, chí khí hiên ngang, cử chỉ đĩnh đạc cho nên trong lòng rất lấy làm yêu mến mà giao trọng trách trong việc điều khiển binh đội, và Đinh Bộ Lĩnh còn được sự tin nhiệm là trước khi qua đời Sử quân Trần Minh Công trao lại hết binh quyền cho. Đinh Bộ Lĩnh bèn kéo tất cả quân binh về Hoa Lư Động, nơi mà ông đã đặt nhiều ảnh hưởng từ lúc thiếu thời, để chiêu mộ thêm hào kiệt; vì vậy mà thế lực của ông càng ngày càng mạnh mẽ...

Năm Tân Hợi 951, đời Hậu Ngô Vương, vua Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương đã đem quân vào Hoa Lư Động mà dẹp không được.

Bé Cẩm lại lên tiếng hỏi bà:

- Ô... Hai triều vua Thiên Sách Vương, Nam Tấn Vương có mang quân lính vào Hoa Lư Động đánh cùng ông Đinh Bộ Lĩnh nữa há nội?

- Đúng thế cháu ạ.

Trước khi nghe tin hai vua đời Hậu Ngô Vương đem quân vào Hoa Lư Động, ông Đinh Bộ Lĩnh bèn sai con là Đinh Liễn đến hầu làm tin để xin hoãn binh, nhưng hai vua đời Hậu Ngô Vương bắt giam rồi xuất binh. Ròng rã một tháng trướng quân hai bên đánh nhau mà không phân thắng bại. Sau cùng, hai vua đời Hậu Ngô Vương sai quân sĩ bắt trời Đinh Liễn treo trên cầu, rồi truyền người sang báo với ông Đinh

Bộ Lĩnh rằng: *Nếu không hàng sẽ giết Đinh Liễn.* Ông Đinh Bộ Lĩnh nổi giận hét lên rằng: *Người đại trượng phu cốt ở công danh sự nghiệp, chỗ đầu có bất cứ dẫu đàn bà con trẻ.* Nói rồi sai 10 người cận vệ cầm cung nỏ chĩa vào Đinh Liễn toan bắn. Hai vua đời Hậu Ngô Vương thất kinh mở trời cho Đinh Liễn, và vội vã thu quân về... Đến khi nhà Ngô mất, ông Đinh Bộ Lĩnh đánh bại được các Sử quân Phạm Bạch Hổ tức Phạm Phòng Át giữ vùng Đằng Châu, phá được quân Đỗ Cảnh Thạc ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, rồi dần dần tiêu diệt được các lãnh tụ địa phương khác sau một năm dài nhờ vào những hào kiệt dưới trướng trong Giao Châu thất hùng, như: Đinh Bộ Lĩnh, Đinh Liễn, Lê Hoàn, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp, Phạm Cự Lượng. Sau những chiến công liên tiếp về vang đó ông Đinh Bộ Lĩnh được dân chúng tôn danh là Vạn Thắng Vương.

Đến năm Mậu Thìn 968, Vạn Thắng Vương lên ngôi Hoàng Đế tức Đinh Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Vua Đinh Tiên Hoàng Đế cho xây cất lại cung thành, chỉnh đốn quân



một cái tội không rõ nghĩa hợp quần! Nhưng mà còn có chỗ đáng khen, vì thời trước mỗi khi gặp phen biến loạn thì người dân trong nước phần nhiều dựa vào thế lực của người Tàu... để bắt nạt đồng chủng. Thật đáng khinh bỉ! Lúc bấy giờ, các Sử quân mỗi người xưng hùng, xưng bá một phương... muốn mở rộng đất đai, ở ngay kẻ nách, thế mà chưa hề nghe có (Sử quân) nào phải nhờ cậy thế lực ngoại bang để giết hại người đồng chủng tộc, vì rằng cái trình độ dân trí của ta lúc bấy giờ đã khá cao. Đất nước Nam phải do vua nước Nam tự trị. Tuồng linh hồn 12 vị Sử quân có linh thiêng cũng ngậm cười nơi chín suối.

*Của đời muôn sự của chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi*
(Ca dao)

Bà nội ngừng câu chuyện đang kể lại một lát, với tay ra trước mặt bưng ly nước do bé Cẩm rót tự nãy giờ vẫn còn để trên mặt bàn lên uống 2, 3 hớp nhỏ; bà háng giọng rồi kể tiếp:

- Khi nãy nội đã kể đến đoạn Đinh Bộ Lĩnh vì bất hòa với người chú nên cùng đứa

binh (vì nạn Bắc xâm vẫn còn đe dọa), định phẩm hàm quan văn võ như Nguyễn Bặc là Định Quốc Công, Lê Hoàn là Thập Đạo Sư Quán, Đinh Liễn làm Nam Việt Vương v.v... Đến năm Canh Ngọ 970, vua Đinh Tiên Hoàng Đế đặt niên hiệu Thái Bình Nguyễn Niên - Trong khi vua Đinh Tiên Hoàng Đế vừa khởi dựng nghiệp đế ở nước Nam, thì Triệu Khuông Dã cũng lập nên nhà Tống bên Trung Hoa; cho nên vào năm Nhâm Thân 972, vua Đinh Tiên Hoàng Đế sai con là Đinh Liễn, tức Nam Việt Vương đem đồ phượng vật sang cống nhà Tống. Vua nhà Tống cũng sai sứ giả sang nước Nam ta phong cho vua Đinh Tiên Hoàng Đế làm Giao Chỉ Quận Vương, và Nam Việt Vương Đinh Liễn làm Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ, An Nam Đô Hộ. Từ đó nước Nam ta cứ giữ lệ sang triều cống nước Tàu...

Cho đến năm Thái Bình thứ 9 (978) vì loạn cốt nhục tướng tàn quanh câu chuyện bỏ trống lập ấu của vua Đinh Tiên Hoàng Đế, cho đứa con út là Hạng Lang làm Thái Tử, bỏ quên con trưởng Đinh Liễn đã dày công trận theo vua cha gây dựng nên nghiệp đế; cho nên Nam Việt Vương Đinh Liễn sai người hạ sát Hạng Lang... Cũng chính vì thế, mà cận thần Đỗ Thích thừa cơ hội chỉ một đêm đầu mùa xuân 979 lên vào cung cấm, hành thích vua Đinh Tiên Hoàng Đế trong lúc say rượu, và Nam Việt Vương Đinh Liễn!

Vua Đinh Tiên Hoàng Đế làm vua được 12 năm, thọ 56 tuổi. Trong sách Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, có đoạn chép về thuở thơ ấu của vua Vạn Thắng Vương Đinh Tiên Hoàng Đế như sau:

*Có ông Bộ Lĩnh họ Đinh
Con quan Thủ Sứ ở thành Cổ Loa
Khác thường tử thuở còn thơ
Rủ đoàn mục tử mở cờ bông lau...
và cũng trong Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca ghi tiếp biến chuyển về sau của triều vua nhà Đinh:*

*... Nói sau Thiếu Đế thơ ngây
Lê Hoàn nhiếp chính tử rày đọc ngang
Tiếng (?) xứng là Phó Quốc Vương
Ra vào cùng á họ Dương chung tình...*

Ngay khoảng thời gian đó, cũng còn có thêm câu sấm được dân gian truyền tụng nhau nghe như thế này, thiết tình không ngoa chút nào hết: "Đỗ Thích thí Đinh Đinh - Lê gia xuất thánh minh..." nghĩa là: Cận thần Đỗ Thích giết vua Đinh Tiên Hoàng Đế, với người con trai là Nam Việt Vương Đinh Liễn. Đế dựng lên đời vua kế tiếp là triều nhà Lê (Lê Đại Hành năm 980)... Nước Nam lúc nào mà lại không xuất hiện thêm bậc thánh minh. Phải không hai cháu Toàn, Cẩm ?

• Bé Ngọc

Ghi Chú:

Trích trong:

(1) Cổ Học Tinh Hoa

(2) Cha mẹ mãi phần - Nhị Thập Tứ Hiếu

(3) Một Bông Hồng Cho Cha - Võ Hồng.



BÉ OI ...

*Bé ơi, đông vừa trở
Trên mấy nhánh phong già
Lộc non màu hoa tuyết
Ngàn gió chuyển mùa qua*

*Xùa gói hồng quen lối
Xanh thắm lá tô màu
Hạ, Xuân bông chen nụ
Chim sẻ hót xôn xao*

*Vẫn khung xưa, thềm cũ
Hai buổi học dĩ, về
Cỏ sao giờ băng giá
Mây xám đậu lê thê!*

*Ánh đèn đường ngõ ngắn
Vàng mắt đung thâu đêm
Dưới chân đây lá chết
Con đé hát buồn tênh...*

*Chiếc khăn choàng quanh cổ
Mười ngón tay miên man
Đếm thềm trầm trăn trở
Tìm giọt ấm trôi hoang*

*Cặp ôm nghiêng vào ngực
Tà áo khe lay lay
Cuốn chiều theo hơi gió
Dài tóc nhuộm sương mai*

*Bé ơi, đông vừa trở
Trên mấy nhánh phong già
Quyện quanh quanh chuông gióng
Thanh thản tiếng ngân nga*

*Bé thường yêu không hở
Lần nửa tuyết đông qua ?...*

• Bé Ngọc

(phổ nhỏ, chớm đông '96)

ĐÓN XUÂN tại chùa Viên Giác

Thời gian lặng lẽ trôi qua trong dòng đời một cách nhanh chóng. Đó là quy luật vận hành muôn thuở của đất trời. Hết Hạ sang Thu, hết Đông sang Xuân. Mỗi độ nào Xuân Bính Tý đi, làm cho nhân gian đầy lúu luyến, thế mà nàng Xuân Đinh Sửu lại sắp về với mọi người con dân của nước Việt. Theo truyền thống của Phật Giáo, mùa Xuân còn là ngày vui mừng tưởng nhớ hình ảnh của Đức Phật tướng lai. Đó là mùa Xuân Di Lạc của hiền hòa, tử bi và hoan hỷ, là niềm vui an lạc, hạnh phúc của muôn nơi và muôn thuở. Mùa Xuân là thiêng liêng và đẹp nhất trong một năm. Mùa Xuân là mùa của ước mơ và hy vọng. Vì thế trong lòng chúng ta ai cũng muốn Xuân để ít ra trong đời mình có một cái gì khác cũ. Dù vui hay buồn, dù muốn hay không thì danh tử Xuân về, Tết đến sẽ không bao giờ bị xóa nhòa trong tâm khảm Xuân của đất trời, Xuân miên viễn trong lòng người. Vẫn biết Xuân tha hương không quan trọng và không ý nghĩa bằng Xuân trên quê mẹ. Có người quan niệm rằng xử này làm gì có Xuân với Tết. Đối với người con Phật quanh năm suốt tháng lo bận rộn công việc làm ăn, nhưng vào dịp Xuân về Tết đến cũng nên dành thì giờ đưa gia đình về Chùa. Vì đối với quý vị lớn tuổi ai ai cũng biết ngày Xuân, ngày Tết êm đềm, thái hòa của thời xa xưa tại quê nhà. Còn con em sinh tại xứ người không biết Xuân hay Tết như thế nào cả. Cho chúng nó về Chùa để vui Xuân, hưởng Tết Viên Giác. Hằng năm tại Chùa Viên Giác đều có tổ chức lễ đón Giao Thừa. Về đây chúng ta sẽ được tận hưởng một mùa Xuân an lạc đầy đạo vị, vui tươi và ấm cúng. Ngoài ra còn được thưởng thức rất nhiều loại mứt, loại bánh chay thật thơm ngon. Đặc biệt là bánh tét, bánh chưng thật đậm đà hương vị quê hương. Chúng ta sẽ vui mắt nhìn thấy trái cây năm màu, bông hoa tươi tốt chưng bày tại các bàn thờ Phật. Tối Ba Mươi, sau giờ sám hối thi được xem văn nghệ và có xổ số. Đúng mười hai giờ khuya Thầy trụ trì sẽ cử hành lễ đón Giao Thừa để rước vía Xuân Di Lạc trong bầu không khí trang nghiêm và huyền diệu. Âm thanh của tiếng chuông trống bát nhã liên hồi làm cho lòng tôi lâng lâng và như nhắc nhở mọi người luôn sống trong tinh thức. Sau đó là cảnh múa lân thật vui tươi và nhộn nhịp, nhưng không ồn ào náo nhiệt, dường như mọi người đều ý thức rằng giây phút thiêng liêng đã khởi đầu. Sau đó quý Thầy, quý Cô, quý Chú trang trọng chúc Tết và mừng tuổi Thầy trụ trì.

Phật Tử thập phương về dự lễ đón Giao Thừa đông thật là đông, kể cả người ngoại

quốc và người đồng hương, tính ra đến bốn, năm ngàn người. Mọi năm từ Mồng Một đến ngày Rằm Tháng Giêng có gần bảy, tám ngàn người về Chùa vui Xuân, hái lộc. Trong đêm Giao Thừa ai cũng hân hoan, niềm nở chúc Tết nhau thật vui vẻ và thân mật. Cảm động nhất là Thầy trụ trì luôn nở nụ cười đầy bao dung trong khi đứng phát lì-xì và phát lộc đầu năm cho mọi người đến ba giờ sáng mới xong. Đây là nơi tình tự dân tộc, nơi an lạc, sưởi ấm lòng người sống tha hương.

Những dịp đại lễ khác như Phật Đản, Vu Lan thì khách thập phương vẫn tập về dự lễ đông thật là đông. Thật đúng *Mái Chùa Che Chở Hồn Dân Tộc*. Nếu ai không về Chùa Viên Giác được thì nên đến các Chùa, các Niệm Phật Đường tại địa phương mình ở hoặc các Hội Trường người Việt đều có tổ chức lễ đón Giao Thừa.

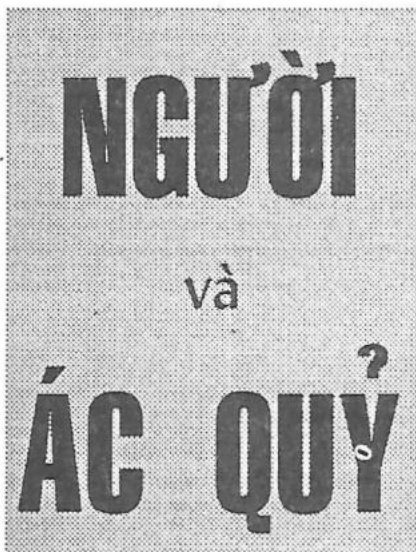
*Mười năm lưu lạc ở quê người
Mừng đón Xuân về giữa tuyết rơi
Mây phủ bốn phương hồn lạc lối
Nẻo về quê mẹ vẫn xa xôi*

Trước thềm năm mới Đinh Sửu, con thành tâm kính chúc:

- Chủ Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni được vạn sự kiết tường như ý.

- Quý Đạo Hữu, Phật Tử, quý đồng hương một năm mới an lành, may mắn và hạnh phúc.

•Diệu Hiền N.T.K.



T huở xưa, loài ác quỷ ngự trị ở thế gian. Bao nhiêu ruộng đất đều thuộc về quỷ dữ và Người phải quy phục nó. Thật là một thời kỳ gian nan, vì con quỷ này rất tàn bạo và lòng tham của nó thật vô bờ.

Để mưu sinh, Người buộc lòng phải mượn đất của quỷ. Phần lớn huê lợi đều vô kho lẫm của quỷ, Người chỉ giữ một phần nhỏ đủ để khỏi chết đói.

Một năm nọ, lúa có triển vọng sẽ trúng mùa. Mưa thuận gió hòa, Người đã tận lực lao động từ sáng đến tối ở ngoài đồng, nước

ngập đến gối, bắt đầu mừng thầm sẽ được ăn no lòng. Nào ngờ quỷ hiện đến nói rằng:

"Từ hôm nay, tất cả những gì mọc trên mặt đất thuộc về ta, người sẽ được hưởng phần còn lại ở dưới đất".

Vậy là đến mùa quý thu hoạch những hạt lúa nặng trĩu, Người chỉ nhận phần các gốc rạ vô dụng.



Ồi! Người đã trải qua một mùa đông khổ. Để khỏi chết đói, Người phải đi hái trái rừng và ăn vỏ cây và khi mùa xuân đến, Người đi hết muốn nổi.

"Ta không thể sống sót được nếu phải trải qua một năm như vậy nữa". Người nhủ thầm: "Chỉ có Đức Phật mới cứu ta được".

Người trèo lên một đỉnh núi cao, thành khẩn vái lạy và cầu xin lớn tiếng như vậy:

"Cúi lạy Đức Phật tử bi, hãy nhủ lòng thương xót cảnh ngộ đau khổ của con. Tại sao con phải chịu sự bất công tàn bạo như vậy? Suốt năm, con phải lao碌 khổ sở để cho quỷ hưởng trọn mùa màng. Con đành chết đói hay sao?"

Khi Người ngước đầu lên, Đức Phật đã đứng trước hần.

"Con không nên quấy rầy ta vì những chuyện nhỏ nhặt này". Đức Phật phán: "Nếu quý muốn lấy những gì ở trên mặt đất, tại sao con không trồng khoai?". Dứt lời, Phật liền biến dạng.

Mùa thu năm đó, quý suýt chết vì giận dữ. Người đào những củ khoai ngon lành, quý chỉ được phần dây với lá héo mà thôi.

"Việc này sẽ không xảy ra lần thứ hai được!" Quý gầm lên: "Kể từ nay, tất cả ngọn và gốc đều thuộc về ta! Người sẽ lấy phần còn lại".

Tiếng cười của ác quỷ còn văng vẳng, những Người lại thất vọng, đầu cúi thấp.

"Ta phải tính sao bây giờ? Dầu ta trồng khoai hoặc cấy lúa, đến khi thu hoạch, ta sẽ không được gì!" Người than thở.

Trước sự khốn khó này, Người quyết định cầu cứu với Đức Phật. Người lên núi, quý xuống và cất cao giọng:

"Cúi lạy Đức Tử Phụ oai dũng, xin Ngài chỉ dạy con. Quý muốn con chết đói. Con phải làm sao đây?"

Phật hiện ra và phán bảo: "Con đừng sợ hãy an tâm đi về. Mùa tới, con hãy trồng bắp".

Người nghe lời Phật dạy và Quý lại một phen tức tối. Khi mùa thu đến, Người hái những trái bắp no tròn và quý chỉ nhận phần

lá và rễ bắp. Quý gầm thét, chửi rủa nhưng không làm gì được Người.

"Bắt đầu hôm nay, ta sẽ lấy đất lại, cấm người không được gieo trồng!" Quý rống lên và đi mất.

"Ta phải làm sao đây?! Người rên rỉ. "Nếu Đức Phật không cứu ta hiệp này, chắc ta phải chết!".

Và Người lại lên núi.

"Hỡi Đức Phật, Ngài có nghe lời Quý nói chăng? Ngài có cho phép quý làm như thế không? Nếu không có đất, chắc chắn con sẽ chết đói!".

Đức Phật hiện ra trên mây, Ngài ngự trên tòa sen, hào quang chói ngời.

"Con hãy trở về và mua của quý một mảnh đất. Con đề nghị trao cho quý tất cả những gì con có để mua một khoảnh đất nhỏ, không lớn hơn bóng một cây tre".

Người cúi đầu cảm tạ và đi tìm quý. Thoạt tiên, quý không muốn nghe gì cả. Sau, vì lòng tham, quý nhận lời tóm thâu tất cả tài sản của Người để đổi cho một mảnh đất nhỏ trong chu vi của bóng tre.

Người liền trồng một cây tre và đợi khi mặt trời lên đến lúc chiều tà, Người vẽ một vòng đúng theo bóng cây. Lúc đó, chỉ là một khoảng đất rộng cỡ một bước chân, nhưng ít nhứt nó thuộc về Người vĩnh viễn!

Năm đầu có phần khó khăn, nhưng từ rày Người đã có niềm tin. Người tận tâm săn sóc mùa màng và thường xuyên tưới tre. Cây ngày càng lớn, và bóng tre không ngừng lan rộng. Chẳng bao lâu, bóng tre đã phủ mát một vùng đất rộng. Và khoảng đất ấy thuộc về Người, lời giao kết đã định vậy.

Khi quý nhận thức rằng mảnh đất của Người ngày một rộng lớn, nó chợt hiểu rằng nó đã bị đánh lừa lần thứ ba. Nó giận dữ phát điên và thề sẽ báo thù khốc liệt.

Quý bèn triệu tập thú rừng và truyền lệnh rằng: Voi giày xéo mảnh vườn của Người, Cọp có bốn phạm săn đuổi người đêm, ngày và Thỏ gặm nhấm tất cả đợt non vừa nhú.

Trong niềm bất hạnh, một lần nữa Người đến cầu cứu với Đức Tử Phụ. Khi Đức Bốn Sĩ hiện ra, Ngài cất tiếng:

"Tại sao con cứ quấy nhiễu ta, trong lúc ta cần sự thanh tịnh để thiền định? Ta đã chẳng từng cho con cây tre rồi sao?"

"Vâng, bạch Ngài, nhưng nay quý lại xua thú dữ đến quấy phá" Người khổ sở ai cầu.

"Vậy rồi sao? Tre đâu phải chỉ cho bóng mát? Sao người không dẫn vài cây để làm rào quanh cuộc đất, như vậy Thỏ sẽ bí lối. Con chọn một cây thật chắc và con làm một cây cung, chuốt tên để diệt Cọp và Voi".

Người cảm tạ Đức Phật và quay gót, những Ngài gọi hần lại và dặn dò:

"Hãy khoan, ta chợt nghĩ quý sẽ đến tìm cách báo thù. Con hãy tìm vôi bột, lấy tòi giã nhỏ hòa với nước. Khi nào quý đến, con hãy rải hỗn hợp này vào người nó!".

Người lại làm theo lời Phật dạy. Người rào miếng đất lại, làm cung, tên, v.v... Khi quý đến, điên cuồng giận dữ, quyết xông đến xé xác người ra từng mảnh, Người liền rải nước vôi trộn tòi vào quý. Quý thét lớn khủng khiếp và biến dạng.

Khi quý tái xuất sau đó ít lâu, không còn ai nhận ra vị chúa tể hùng mạnh và độc ác khi xưa: Quý hiền như một con cừu non, nó tử tốn xin Người chia sẻ với nó đất đai ở đường thế. Nhưng Người rút kinh nghiệm đã qua, cứng quyết buộc quý phải lìa bỏ đất liền và đến cư ngụ dưới biển và nó chỉ có quyền về đường thế ba ngày trong năm, như dịp Tết, để đến nghiêng mình trước mặt tổ tiên nó.

Vi thể, khắp nơi trong các làng mạc, tục lệ của ta là trồng một cây nêu tre trước nhà ngày Tết để quý nhỏ là đất đai thuộc về Người.

• Thanh Bình

Genève ngày 04.9.1996

Mùa Xuân

(Le printemps - Lê Thi)

*Mùa xuân vừa trở lại
Đông giá đã qua rồi
Vạn vật cùng tinh thức
Mừng đón ánh mặt trời*

*Thở hơi dài khí mát
Lặng ngắm hàng cây xanh
Ơi mùa xuân yêu dấu
Nhìn xuân, mộng an lành*

*Xuân không nhiều lạnh, nóng
Thanh thản, ta như vua
Giữa mùa xuân diễm tuyệt
Nhưng... ô!!! Hạ sắp về!!*

• Lê Thị Bạch Nga (1996)

Đây là một bài thơ cháu Quyên Quyên làm lúc 12 tuổi. Nay cháu đã 24 tuổi. Tôi chọn bài thơ này dịch ra Việt ngữ để tặng bạn đọc Viên Giác.

Quý vị sẽ thấy trong bài thơ nhỏ của một cô bé 12 tuổi, đã lẫm lẫm có bóng dáng vô thường. (Lời dịch giả)

LE PRINTEMPS

Le printemps arrive, youpie!
L'hiver est parti
Les animaux se reveillent
Et on peut enfin voir le soleil.

On respire le bon air
En regardant les arbres verts
Le printemps est ma saison préférée
Parce qu'il est beau à regarder

Le printemps n'est ni trop chaud,
ni trop froid
On est juste assez confortable comme un roi
Le printemps s'est bien présenté
Mais... Je me demande
Que fera l'été

• Nguyễn Gia Lê Thi

HAI BÀI TOÁN CỎ TRUYỀN

• Bảo Vân

Cách đây đúng 12 năm, vào năm Ất Sửu (1984) Cụ Đào Trọng Đù, một độc giả định cư ở Paris, đã gửi tặng tôi một cuốn băng Audio Cassette, trong đó Cụ vừa kéo nhị, vừa hát chèo, rất đặc sắc, dù lúc đó Cụ đã ngoài 80 tuổi.

Năm nay là năm Đinh Sửu (1997) nghe lại giọng hát Trống quân của một Giáo sư Toán học lão thành nay đã ra người thiên cổ, lòng tôi xúc động vô cùng... Cụ Đào đã kết hợp hai bài Toán cỏ, một ở miền Bắc như:

*Một trăm (100) con trâu, một trăm (100) bó cỏ
Trâu dùng ăn năm (5) trâu nằm ăn ba (3)
Còn lư trâu già, ba (3) trâu một bó
Vậy trâu dùng, trâu nằm, trâu già, mỗi loại có mấy con?*

Với một bài ở miền Nam là:

*Thỏ gà ăn ở cùng nhau
Đếm chân bằm sáu (36) đếm đầu mười ba (13).
Vậy có mấy con thỏ và gà?*



Cụ liền soạn thành bài hát Trống quân để hai phe Nam và Nữ cùng hát và đố giàng với nhau. Có một điều cần nhớ rõ là Cụ Đào đã thay đổi đôi chút, đem *Trâu dùng* đổi thành

Bò, Trâu nằm vẫn giữ nguyên còn *Trâu già* đổi thành *Nghé* cho dễ hát.

Nhận thấy bài hát này nhắc nhiều đến *con trâu* mà năm nay lại cảm tình con trâu, nên xin chép lại mua vui cùng độc giả trong dịp đầu Xuân Đinh Sửu (1997).

Bài hát Trống Quân "Đố và Giàng"

Nữ:

*Hôm nay, trời mát nên em
Ra đồng hóng gió và xem trâu bò
Thấy trăm (100) bó cỏ dành cho
Trăm (100) con vừa Nghé, vừa Bò vừa Trâu.
Nghé ta mãi chạy ăn sau
Đố Bò ăn dùng, đố Trâu ăn nằm.
Bò dùng, mỗi một con năm (5)
Nghé, ba (3) con một, Trâu nằm ăn ba (3)
Hữu tình ta lại gặp ta
Đố anh giàng đực bài ra giữa đồng ?*

Nam:

*Dẫu rằng buổi mới lạ lòng
Lửng đờ, anh giàng giữa đồng em xem.
Bốn (4) con Bò dùng ăn quen
Trâu nằm mười tám (18) thì em cộng vào
Trăm (100) trừ đi mấy còn bao?
Bảy tám (78) chú Nghé, anh nào gạt em!
Về nhà tính lại mà xem
Còn 2 cách nữa tính thêm, khó gì?
Anh không giấu giếm em chi
Bò thì thêm bốn (4) Nghé thì thêm ba (3)
Giờ đây anh đã giàng ra
Toàn đờ em đố có ba hấp đờ
Đôi ta thấy Toán thì mê
Em đi đố trước, anh về đố sau.
Thỏ, Gà ăn ở cùng nhau
Đếm chân ba sáu (36) đếm đầu mười ba (13)
Toàn đờ em giàng cho ra
Thì anh kết-nghĩa giao hòa cùng em.*

Nữ:

*Được rồi, em tính anh xem
Anh giờ dùng tuổi, còn em trường thành
Hộp đờ em thấy rành rành
Thỏ năm (5) Gà tám (8) cộng thành mười ba (13)
Nghĩa là mười sáu (16) chân gà
Hai mười (20) chân thỏ bài ra dùng rồi!
Anh còn đố nữa hay thôi?
Hay là anh tính thề-bồi chi đây?*

Nam, Nữ cùng hát:

*Từ nay bé ái mong đầy
Gái, Trai ta phải cầm tay giao tình...
Cụ Đào Trọng Đù (hát cả 2 vai)*

(Khi hát Trống Quân có thêm các tiếng đệm THỜI, MÀ v.v...)

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Các em Đoàn Sinh GDPT thân mến,
Các em đọc tin này nhé: "Khóa tu Bát Quan Trai giới do Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Mannheim và Vùng Phụ Cận tổ chức vào ngày 05 - 06.10.96 tại Heidelberg, được sự chủ trì của Thượng Tọa Thích Như Điển (Thầy cố vấn giáo hạnh của chúng ta).

Các em đã thọ giới rồi, có em đã biết, nhưng có em cũng chưa biết hoặc hiểu "Bát Quan Trai" là gì? Anh xin phép thay mặt các anh chị em Huỳnh Trùng (HT) của GDPTVN tại Đức Quốc để giải thích cho các em nghe:

- Khi Đức Phật nói ra lời nào và sáng chế ra việc gì đều có ý nghĩa của nó. Các lời nói và việc làm đó đều đem lại cho chúng ta nhiều thiện lợi. Cũng như các em trước khi làm việc gì cần phải tìm hiểu ý nghĩa và lợi ích của nó. Có vậy, mới mong thu thập được kết quả tốt, khỏi phải thất thất hoặc bị gián đoạn. Pháp môn này do Đức Phật thân chế ra để cho hàng tu tại gia như chúng ta có thể tu tập.

I. Ý NGHĨA THỌ BÁT QUAN TRAI

Người theo học đạo phải "nghiêm trì giới luật" và "tịnh tâm tu niệm", 2 yếu tố đó là mục đích tiến trên con đường giải thoát, cho dù bậc Thượng căn, Thượng trí đi chăng nữa cũng không thể bỏ qua được.

Muốn thành tựu được việc đó, cần phải có một hoàn cảnh thuận tiện, một tâm chí vững chắc. Do đó phải xa gia đình quyến thuộc, dứt bỏ lòng tham danh lợi và mọi bận rộn của thế tình, sống theo đời sống thanh cao, giản dị của hàng xuất gia tu hành.

Những sự xuất gia trọn đời là một việc khó đối với những người còn nặng tình gia đình và xã hội, hoặc chưa đủ nghị lực để sống kham khổ, thoát ly như người xuất gia, hoặc hoàn cảnh chưa thuận tiện, nên Đức Thế Tôn thân chế ra pháp môn này cho hàng tại gia có thể tu tập và thực hành hạnh

của người xuất gia. Dù chỉ trong một ngày một đêm nhưng phước quả rất lớn. Đức Phật có nói: "Người phát tâm tu hạnh xuất gia trong một ngày một đêm, có thể chuyển vô lượng tội, tăng trưởng vô lượng phước". (Kinh giới công đức).

II. ĐỊNH NGHĨA VÀ HÀNH TUỞNG BÁT QUAN TRAI

Bát là tám - Quan Trai là cửa ngõ, là những giới điều và một trai pháp.

Tám Quan: là đóng kín tám điều tội lỗi, mở đón những công đức trí tuệ. Trai: là thanh tịnh, không ăn quá giờ Ngọ (12 giờ trưa). Tám Quan Trai đó là:

1. Không sát sanh
2. Không trộm cắp
3. Không dâm dục.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu
6. Không trang sức các vật quý báu và xoa ướp đồ thơm vào mình.
7. Không tự mình ca múa, xướng hát và cố ý tự mình đến xem, nghe.
8. Không nằm giường cao rộng lớn.

Và một Trai pháp là không ăn quá giờ Ngọ, là vì mười phương Đức Phật không ăn quá giờ đó. Để cho tinh thần được sáng suốt, dễ tịnh niệm, dễ ngồi lâu.

III. CÁCH THỨC THỌ TÁM QUAN TRAI

Khi tổ chức việc thọ Bát Quan Trai, nên tổ chức trong những ngày ăn chay hay trong những ngày nhàn rỗi. Tốt nhất là nên tổ chức tại một ngôi chùa hay một Niệm Phật Đường an tịnh. Thời hạn: Một ngày một đêm.

Có hai cách thọ Tám Quan Trai:

1. Thọ giới có Giới Sư truyền thọ:

Nghĩa là phải có một vị Thầy chứng minh truyền thọ và có chúng Tăng hộ niệm. Do đó muốn tu pháp Tám Quan Trai cần thỉnh một vị Sư chứng minh với đức thanh tịnh để truyền giới và chỉ bày cách thức tu tập.

Trước khi thọ giới, giới tử phải tắm rửa sạch sẽ và làm lễ sám hối những tội lỗi đã phạm để cho thân tâm mình được thanh tịnh. Sau đó các giới tử tự thân hành đến cầu, thỉnh vị chứng minh làm lễ bạch Phật, cầu truyền thọ ba quy y và Tám Quan Trai giới

Trong khi lễ phải trang nghiêm, thành kính, nhứt tâm nghe vị chứng minh truyền giới, trả lời những câu hỏi, đọc những lời phát nguyện do vị chứng minh hay những vị Tăng hộ niệm chỉ bày.

Trong thời gian thọ giới Tám Quan Trai đó, giới tử cần phải giữ gìn thân, khẩu, ý cho thanh tịnh, không được phạm các giới điều và tự xem mình như đã xuất gia hẳn, nhất là không nghĩ đến việc ngoài đời, phải siêng năng tụng kinh lễ Phật, đi, đứng, nằm, ngồi

mỗi tác động và công việc phải tưởng nhớ và hình dung đến Đức Phật, đến các vị Bồ Tát. Hầu mưu cầu chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho mình bồ đề tâm ngày một tăng trưởng.

2. Tự phát nguyện thọ trì.

Nếu không có Tăng chúng hoặc không thể đến chùa, tự mình có thể thọ trì pháp Tám Quan Trai này. Giới tử tự mình đứng trước bàn Phật đọc những câu xin thọ giới pháp như sau đây:

Đệ tử tên., quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin một ngày một đêm thọ Tám phần Trai giới. Như Lai bậc chí chơn, chánh giác, là Thế Tôn của con (3 lần).

Đệ tử quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi. Xin một ngày một đêm thọ Tám phần Trai giới. Như Lai bậc chí chơn, chánh giác là Thế Tôn của con (3 lần)

- "Như các Đức Phật suốt đời không sát sanh. Đệ tử xin thề một ngày một đêm: không sát sanh". Kế đến là "Không trộm cắp" và cử đọc câu trên như thế cho đến giới thứ tám. Còn các cách tu tập trong ngày ấy theo đúng như cách chỉ dẫn ở bên trên.

IV. Công đức thọ Tám Quan Trai

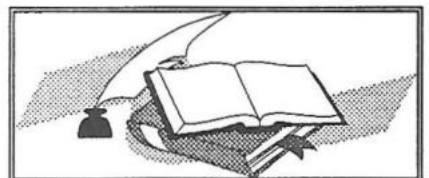
Người thọ Tám Quan Trai giới, nhờ hoàn cảnh thuận tiện tinh tấn tu hành đem lại cho mình được thanh tịnh nên không làm những việc ác, đồng thời các điều thiện do đó được phát triển. Ngoài ra nhờ thọ trì giới luật và chí tâm niệm Phật, lễ Phật nên tâm trí được định tĩnh, không còn vọng tưởng, phân vân, gieo chủng tử vô lậu giải thoát trong tâm thần. Trí huệ được sáng suốt, mê mờ được tiêu trừ và khi trí huệ được sáng suốt thì không hành động bất chánh, các món phiền não như tham, sân, si cũng được tiêu tan và thiện căn được tăng trưởng.

Phật dạy: "Người nào tinh tấn thọ trì Tám Quan Trai trong một ngày một đêm, tức hiện tiền được tăng trưởng phước huệ, sau làm chung khởi bị sa vào trong đường ác, được sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu đem công đức hồi hướng đến tất cả chúng sanh tức được phước quả vô lượng và chủng được quả vô thượng chánh giác."

Tóm lại, sự lợi ích của pháp Tám Quan Trai thật là vô lượng. Người Phật Tử tại gia cần phải thực hành, vì đạo Phật chú trọng đến việc thực hành và có tự mình thực hành pháp Tám Quan Trai mới hiểu ý nghĩa của sự xuất gia, mới nhận rõ sức mạnh giải thoát của giới và mới nhận thức chơn nghĩa của sự tu hành trong đạo Phật.

•Thiện Căn

(Tham khảo Phật Pháp GDPT)



Chuyện kể

Lòng hiếu của chim Oanh Vũ

Thường trong GDPT của chúng ta. Ngoài các Huỳnh Trường thi có: Đoàn Thanh, Đoàn Thiệu, Đoàn Oanh Vũ (nói chung cho cả Nam lẫn Nữ). Tại sao các em nhỏ từ 12 tuổi trở xuống gọi là OANH VŨ và do đâu mà đặt OANH VŨ? Phải chăng GDPT đã coi các em ấy dễ thương như con chim non hiếu thảo này:



Thuở xưa ở núi Tuyết Sơn bên Ấn Độ có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, nó thường đi tìm trái cây thơm chín đem về dâng cho cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ có một vị điền chủ mỗi cây lúa bèn phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng". Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường hay bay xuống lấy lúa đem về cho cha mẹ ăn. Vị điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim, loài trùng phá hoại lúa quá mức. Ông nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ.

Chim Oanh Vũ thưa với vị điền chủ rằng:

- Trước đây ông có lòng tốt bố thí, nên tôi mới dám lấy lúa của ông. Sao bây giờ ông lại đặt lưới bắt tôi?

Vị điền chủ hỏi: Người lấy lúa làm gì?

Chim Oanh Vũ đáp: Tôi có cha mẹ mù, không thể đi kiếm ăn được, nên tôi phải đi lấy lúa đem về dâng cho cha mẹ tôi dùng.

Thấy loài chim mà có lòng hiếu thảo như vậy, nên vị điền chủ đó nói rằng: Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, khỏi cần e ngại gì cả.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, và người điền chủ là tiền thân của ông Xá Lợi Phất.

•Thiện Căn sưu tầm

TỔNG KẾT SINH HOẠT của Ban Hướng Dẫn và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức Quốc năm 1996

•Thiện Căn

1. LỄ ĐÓN GIAO THỪA TẾT BÌNH TÝ TẠI CHÙA VIÊN GIÁC.

Vào đêm 18 rạng 19.02.96 (Chủ nhật và thứ hai nhằm đêm 30 rạng mừng Một Tết Bình Tý). Tại chùa Viên Giác Hannover đã có khoảng trên 3000 Đạo Hữu, Phật Tử và Đồng hương từ các nơi trên nước Đức về chùa tham dự lễ đón Giao Thừa. Gia Đình Phật Tử (GDPT) Tâm Minh (Hannover) đã đảm trách múa lân, trình diễn văn nghệ tại Hội Trường chùa cùng với sự đóng góp của các cá nhân thiện chí khác.

2. THAM DỰ BIỂU TÌNH NGÀY QUỐC HẬN 30.4.96.

Để biểu dương tinh thần quyết tâm tranh đấu cho tự do, dân chủ tại Việt Nam. Và với sự có mặt của Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện. Một số Huỳnh Trường và Đoàn Sinh (ĐS) thuộc các GDPTVN tại Đức đã tháp tùng Bác Hội Trường Hội Phật Tử Việt Nam Ty tại CHLB Đức đến Bonn tham dự cuộc biểu tình chung với các cơ quan, Tổ chức và Hội đoàn khác trước Sứ quán của Việt Nam Cộng Sản.

3. ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN 2540

Đại lễ Phật Đản năm nay tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover từ 31.5. đến 02.6.96. Phần văn nghệ cúng dường không tổ chức tại Niedersachsenhalle mà được tổ chức tại Hội trường của Chùa, do đó các Huỳnh Trường và Đoàn Sinh thuộc các GDPT tại Đức quốc đã qui tụ hết về Chùa để lo vấn đề sân khấu, trình diễn văn nghệ, giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh và cung nghinh quý Chú Tăng, Ni vào Chánh điện hành lễ.

Ngoài phần văn nghệ thuộc các GDPT trình diễn, còn có sự đóng góp của 3 ca sĩ nổi tiếng: Phường Hồng Quế, Trang Thanh Lan và Quang Bình đến từ Hoa Kỳ.

Lồng trong Đại Lễ này có cuộc nói chuyện với đồng bào của Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện và cuộc ra mắt sách Đức ngữ "Schar kleiner Tier" (Bầy Thú Nhỏ) của nhà văn Sơn Tùng được chuyển qua Đức ngữ do ĐH Nguyễn Thị Thu Cúc.

4. PHIÊN HỢP CỦA BHD/ĐQ VÀ HT CÁC GDPT ĐỊA PHƯƠNG

Để chu toàn công việc Phật trong các ngày Đại lễ cũng như hoạch định sinh hoạt cho những ngày kế tiếp. Vào ngày 01.6.96 BHD/ĐQ và các HT thuộc các GDPT địa phương đã có phiên họp nội dung như sau:

a/- Công tác và trách nhiệm trong các ngày Đại lễ. Phân chia nhiệm vụ cho các HT và ĐS đảm trách.

b/- Tham dự Trại Hợp BẠN tại Hòa Lan từ 21 đến 29.7.96. Cát cử HT đảm trách các ngành theo qui chế trại.

c/- Đề cử Đại biểu tham dự khóa họp của BHD/GDPTVN- Âu Châu.

6. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG (HĐ) XÉT CẤP CHO CÁC HT

Vào ngày 02.6.96 các HT trong BHD/GDPTVN/ĐQ đã mở phiên họp tại chùa Viên Giác Hannover, để duyệt xét biên bản phiên họp tại Thụy Sĩ vào ngày 30.7.92 về việc thành lập Hội Đồng Xét Cấp (HĐXC) cho các Huỳnh Trường thuộc GDPTVN tại Đức Quốc.

Một HĐXC đã được thành lập gồm những HT có cấp bậc lâu năm làm Hội Viên chánh thức và HT mới mang cấp được đưa vào thành viên dự thỉnh.

6. TRẠI HỢP BẠN THIỆN MINH GDPTVN/ÁC TẠI HÒA LAN

Trong khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ 8 được tổ chức tại Helvoirt, Hòa Lan, từ ngày 21.7. đến 29.7.96 đã qui tụ trên 450 người từ khắp Âu Châu về tham dự. BHD/GDPTVN/ÁC được quý Chú Tăng, Ni

trong Ban Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cho phép, đã mở Trại Hợp Bạn lấy tên Thiện Minh đi lồng theo với khóa học. Trong đó đã qui tụ một số HT thuộc BHD, HT và ĐS thuộc các GDPT địa phương tại Đức quốc đến tham dự. Đặc biệt GDPT Chánh Dũng tại Đức quốc đã được Ban Quản Trại chăm giải nhất về huy hiệu trại đeo ở ngực áo.

7. Đại lễ Vu Lan 2540 tại Hamburg

Đại lễ Vu Lan 2540 tại chùa Bảo Quang Ni Tự (Hamburg) đã tổ chức vào ngày 24.8.96, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng Chi Bộ GHPGVNTN/ĐQ. Trong phần văn nghệ cúng dường cho Đại lễ tại Hội trường Bildungszentrum (Gesamtschule Steilshoop). Ngoài sự trình diễn của Ca sĩ Hồ Đắc Ban (đến từ München) và Ban nhạc Hạ Trắng (Hamburg). GDPT Pháp Quang (Hamburg), Chánh Dũng (Nürnberg-Fürth-Erlangen), Chánh Giác (Bremen) đã giúp vui bằng những ca vũ nhạc kịch quê hương cùng với các màn đón ca của Phật Tử tại Frankfurt đóng góp, đã làm cho hơn 300 quan khách tham dự tại Hội trường rất hài lòng.

8. Đại lễ Vu Lan 2549 tại Viên Giác Tự Hannover

Từ ngày 30.8. đến 01.9.96 Đại lễ Vu Lan Báo Hiếu đã được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover. Như năm trước đêm văn nghệ cúng dường vào tối thứ bảy và công tác Phật sự trong Đại lễ đã do các GDPT đảm trách. Riêng phần văn nghệ có sự đóng góp của nghệ sĩ Minh Tâm, Tài Lương và Ca sĩ Nhất Thanh đến từ Paris. Đồng thời cũng trong Đại lễ này có phần ra mắt tác phẩm mới nhất nói về chuyện "Tình" của Nữ sĩ Huỳnh Dung và buổi nói chuyện về Phật Giáo bằng tiếng Việt của Đạo Hữu Thiện Xuân Inna, người Nga.

9. Phiên họp Huynh Trường

Vào ngày 31.8.96. Một phiên họp gồm có 17 HT và một số Đại diện các GDPT địa phương tại Đức quốc đã mở phiên họp để nghị trình:

a/- Cắt cử nhân sự đảm trách công tác trong những ngày Đại lễ.

b/- Chuẩn bị cho các khóa họp thường niên của toàn HT tại Đức quốc dự trừ tổ chức tại chùa Viên Giác từ 20 - 22.12.96.

c/- Thảo luận và giải quyết các vấn đề linh tinh thuộc GDPT.

d/- Tính ngân quỹ hiện có của BHD và đề nghị lập Ban Bảo Trợ.

e/- Kiểm thảo công tác Phật sự của một số HT và nêu lên những trở ngại gặp phải.

f/- Tổng kết mọi việc trong Trại Hợp Bạn Thiện Minh tại Hòa Lan vừa qua.

g/- Đề cử Huynh Trường đi tham dự Đại Hội Huynh Trường do BHD/TU/GĐPTVN/AC tổ chức, để bầu lại thành phần BHD mới cho nhiệm kỳ 1996-1999.

h/- Tìm biện pháp giải quyết vấn đề sinh hoạt cho các em nhỏ tại Chi Hội Phật Tử Mannheim.

10. Phiên họp Huynh Trường Ủy viên Báo Chí

Một phiên họp các HT thuộc Ủy viên Báo chí của các GDPT tại Đức Quốc đã khai diễn vào ngày 31.8.96 tại chùa Viên Giác Hannover với các nghị trình sau đây:

- v/v cố gắng giữ liên tục và đều đặn xuất bản tờ "Nội San Liên Gia Đình".

- Đề cử nhân sự nhận bài vở và kiểm bài vở.

- Thảo luận về kỹ thuật chuyển bài vở, sự trình bày và in ấn liên hệ giữa các Ủy viên qua hệ thống máy điện tử (Computer) mà các Ủy viên đang có.

11. Phiên họp của Hội Đồng Xét Cấp (HĐXC)

Vào ngày 01.9.96 các Huynh Trường thuộc HĐXC cho các HT trong các GDPT tại Đức Quốc cũng đã họp tại chùa Viên Giác để nghị trình:

- Thảo luận và đề nghị xét cấp "Tập" cho các HT trong BHD và HT thuộc các GDPT địa phương tại Đức Quốc có đủ điều kiện, khả năng và hiện đang sinh hoạt.

- Kết quả cũng như biên bản đề nghị xét cấp sẽ được Hội Đồng quyết định và ra thông báo.

12. Phiên họp của Ban Thường Vụ (BTV) GĐPTVN tại Đức Quốc

Phiên họp của Ban Thường Vụ mở rộng vào ngày thứ bảy 16.11.96 tại Nürnberg với sự hiện diện của các HT: Thị Lộc, Tâm Cũ, Thị Hiện, Quảng Niệm, Thiện Nguyễn, Tử Đường và Danh Thành để nghị trình:

1.- Duyệt và giải quyết những vấn đề trong thời gian qua.

2.- Chương trình sinh hoạt cho thời gian tới.

3.- Thảo luận và giải quyết các vấn đề linh tinh.

• PHẬT SỰ TRONG THỜI GIAN QUA:

Để ủng hộ tinh thần và thăm viếng các đơn vị GDPT tại Đức Quốc. HT Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc, Trưởng Ban BHD/GĐPTVN/ĐQ đã đến các GDPT như: Minh Hải (Norddeich), Chánh Giác (Bremen), Pháp Quang (Hamburg) và Chánh Dũng (Nürnberg). Các GD đã sinh hoạt đều đặn. Minh Hải đã gây được cảm tình trong những vùng lân cận qua những buổi cầu an, cầu siêu. Đặc biệt là Pháp

Quang và Chánh Dũng đã thành lập được Ban Bảo Trợ (BBT) và hiện tại 2 đơn vị này đang chú trọng tâm về ngành Oanh.

Ngoài ra HT có đến thăm Đoàn Thanh Niên Phật Tử (TNPT) tại München, chuyến đi thứ nhất (vào tháng 10/95) với tính cách giới thiệu sự sinh hoạt của GDPT và tìm hiểu về Đoàn TNPT tại đây. Trong chuyến đi thứ hai này có sự tháp tùng của các HT Thiện Nguyễn, Nguyễn Lương và Tử Đường, lần này tìm phương pháp và đóng góp ý kiến cho sự thành lập GDPT, nếu Đoàn TNPT chịu ở trong hệ thống của GĐPTVN tại Đức Quốc. Giải quyết chung là bước đầu Đón TNPT đến sinh hoạt chung với các đơn vị GDPT và sau đó BHD/ĐQ sẽ cử Đại diện về đó để giúp đỡ và hướng dẫn.

Nhu cầu của BHD/ĐQ là làm sao giúp đỡ cho các đơn vị tại Mannheim, Frankfurt và Rotweil-Reutlingen để đi đến thành lập GDPT.

•Thiện Căn



AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Meister Thich Thien Tam; Copyright der deutschen Übersetzung Tuxing Roland Berthold)

Zweifel und Fragen zum Lauteren Land

(Ching-t'u Huo-wen; T. 47, No.1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

(Fortsetzung)

Frage 8

Sudhana ist ein Bodhisattva mit hohen Fähigkeiten, der die vollkommene, plötzliche Erluchtung in einer einzigen Lebenszeit erlangte. Warum drängte ihn der Bodhisattva Samantabhadra nicht, nach Wiedergeburt in der Blumen-Schatzhaus-Welt (84) statt im Westlichen Lauteren Land zu streben?

Antwort

Diese Frage wurde in der "Avatamsaka-Abhandlung" gestellt, welche die folgende Antwort darauf gibt:

"Samantabhadras Rat ergibt sich aus verschiedenen Gründen, von denen einige nicht sofort einsichtig sind: 1. wegen der Ursachen und Bedingungen; 2. um den Geist und das Denken zu binden; 3. weil (Wiedergeburt im Lauteren Land) nicht bedeutet, die Blumen-Schatzhaus-Welt zu verlassen; 4. weil Amitábha Sudhanas ursprünglicher Lehrer ist."

Die ersten beiden Gründe kann man leicht verstehen. Sie bedürfen keiner Erläuterung. Der dritte Grund besagt, daß die Buddhaländer in der Blumen-Schatzhaus-Welt so zahlreich wie die Staubkörner sind. Das

Westliche Lautere Land, zehn Milliarden Buddhaländer von hier entfernt, ist nur eines dieser zahllosen Länder.

Zum vierten Grund wird in einem Sūtra gelehrt:

"Der Tathāgata Vairocana ist der Lehrer der Blumen-Schatzhaus-Welt. Da Amitábha-Buddha der Verwandlungskörper des Buddha Vairocana ist, ist er von Buddha Vairocana nicht verschieden. - - Deshalb heißt es, daß (Amitábha-Buddha Sudhanas) ursprünglicher Lehrer ist."

Im gleichen Sūtra heißt es auch:

"Der Bodhisattva Samantabhadra ermahnte Sudhana und die ozeanweite Versammlung dann, nach Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land zu streben, denn Sudhana glaubte an die vollkommene Dharma-Pforte und verstand sie, hatte die Weisheit Manjusris durchdrungen und praktizierte die Taten Samantabhadras. Und seine Wohltaten und seine Weisheit wie auch sein Verständnis von Noumenon und Phänomenen stimmten mit dem Dharma-Bereich überein. Obwohl er ein Weiser mit einem großen Geist war, der zur Natur der ursprünglichen Weisheit erwacht war und die Ebene der Heiligen erreicht hatte, waren seine Kräfte und Fähigkeiten noch nicht vollkommen. Deshalb konnte er noch nicht in diese üble Welt eintreten und allen Lebewesen helfen, wie dies die Buddhas vermochten.

Aus diesem Grund ermahnte der Bodhisattva Samantabhadra ihn und die Ozeanweite Versammlung, sich auf das Lautere Land zu verlassen und sich an den Buddha Amitábha zu halten, um auf diese Weise schnell die Buddhaschaft zu erlangen."

Frage 9

Als wir die Sonstigen Praktiken besprachen (Frage 7), sagtet Ihr, daß die Übenden in ihrer Wahrnehmung des Buddha und des Verständnisses des Dharma verschieden sind, da sie in ihren Gelübden und Praktiken verschieden sind, und das Noumenon auch verschiedenen von den Phänomenen ist. Ihre daraus resultierenden physischen Attribute und ihr Umfeld müssen also auch unterschiedlich sein. Da also die Voraussetzungen der beiden anderen Methoden der Übung des Lauteren Landes (Visualisation und Rezitation) verschieden sind, gibt es dann nicht auch Unterschiede bei den zu erreichenden Ergebnissen?

Antwort

Natürlicherweise müssen die zu erreichenden Ergebnisse verschieden sein. Deshalb sagte der Großmeister Yung-Ming:

"Wiedergeburt erfolgt innerhalb von neun Graden, die nicht auf der gleichen Ebene sind. Einige Übende, die sich auf die Verwandlungsbereiche verlassen, schauen den Verwandlungs- (manifestierten) Körper des Buddha. Andere werden im Land der Wahren Vergeltung wiedergeboren und schauen die wahre Natur des Tathāgata (siehe dazu Frage 4). Wieder andere müssen den Dharma während vieler Äonen kultivieren, um die Früchte der beiden Fahrzeuge (Arahats und Pratyakabuddhas) zu erlangen. Andere erlangen schon nach einer Nacht nach der Wiedergeburt die höchsten Bodhisattva-Ebenen."

Da jene, die wiedergeboren werden, nicht in Fähigkeiten und Praktiken gleich sind, einige geringe und andere große Begabungen besitzen, einige Samādhi erlangt haben und andere nicht, werden die Lotusblüten sich zu unterschiedlichen Zeiten öffnen, und die

Ergebnisse werden mit unterschiedlicher Geschwindigkeit mit großen Unterschieden in der Zeitdauer erlangt."

Ein anderer Großmeister hat gesagt:

"Obwohl die Wiedergeburt in neun Grade aufgeteilt ist, ist dies bloß eine Verallgemeinerung. Wenn wir in die Einzelheiten gehen, dann gibt es zahllose Grade und Ebenen."

Frage 10

Das Westliche Lautere Land ist nur ein "Gemeinsames Land der Wesen und Heiligen", jedoch kein "Land der Wahren Vergeltung". Warum wurde in der vorigen Antwort gesagt, daß einige Lebewesen im Land der Wahren Vergeltung geboren werden und die Wahre Natur des Tathāgata schauen?

Antwort

Denke nicht, daß es ein Land der Wahren Vergeltung gibt, das gesondert, außerhalb des Landes des Gemeinsamen Verweilens besteht! (Siehe dazu die Mitte der Frage 4.) Du solltest wissen, daß die drei anderen Länder (Land der Zweckmäßigkeit, der Wahren Vergeltung und des Ewigen Stillen Lichtes) nicht getrennt und neben dem Land des Gemeinsamen Verweilens existieren können. Der Unterschied liegt nur in den physischen Attributen (Körpern), der Umgebung und der "Lebensqualität". Wenn in den Sūtras gesagt wird: "Der Körper Amitábhas ist unermeßlich groß", so haben die Alten dies so kommentiert, daß sich dies auf den Vergeltungskörper bezieht.

Nicht nur das Westliche Lautere Land umfaßt vier ungleiche "Länder"; gleiches gilt auch für die anderen Gefilde. Deshalb haben die alten Meister gesagt: "Diese Sahā-Welt enthält alle vier Länder in ihrer Gesamtheit. So 'verließ' die ozeanweite Avatamsaka-Versammlung zu Buddhas Lebzeiten die Jeta-Grotte in Indien nicht. Dennoch sahen, hörten und wußten die großen Arhats nichts davon."

Frage 11

Wenn die Sahā-Welt alle vier Länder in ihrer Gesamtheit enthält, sollten wir nur hier bleiben und uns in stufenweiser Kultivierung engagieren. Warum besteht dann die Notwendigkeit, nach der Wiedergeburt zu streben?

Antwort

Obwohl diese Welt alle vier Länder in ihrer Gesamtheit umfaßt, gehört sie zu dem **Befleckten** Land des Gemeinsamen Verweilens. Daher haben die Übenden Schwierigkeiten, beflecktes Karma auszulöschen. Um solchem befleckten Karma zu entrinnen, sollte der Übende nach Wiedergeburt im dem Westlichen Lauteren Land des Gemeinsamen Verweilens streben. So hat ein Großmeister gesagt: "Das Umfeld und die Bedingungen der Sahā-Welt sind abgrundtief unrein und übel. Der Übende sollte wenigstens die Ebene der Zehn Glauben erreichen, um dem Umherkreisen im Leiden zu entkommen. Das Umfeld und die Bedingungen des Landes der Höchsten Glückseligkeit sind äußerst wunderbar. Deshalb erlangen alle, die auf den neun Stufen wiedergeboren werden, die Unumkehrbarkeit. Habt ihr nicht im Lotus-Sūtra gelesen, daß einige, die vor zahllosen Äonen - zahlreich wie die Sandkörner in den zahllosen Buddhaländern - Unterweisungen von dem Buddha "Große Durchdringende Allüber treffende Weisheit" erhalten haben, dennoch sich immer noch auf der Stufe der Arhatschaft befinden? Dies des-

Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland
Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519
Hannover

Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber: Ven. Thich Nhu Dien

Redaktion:

Vietnamesische-Buddhistische Sozio-

Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise: alles zwei Monate

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.

Nachdruck nur mit schriftlicher

Genehmigung der Redaktion erlaubt.

halb, weil sie weiterhin dem Rückfall unterliegen.

Deshalb erfuhr selbst der Älteste Sāriputra, der in früheren Leben die Sechste Verweilungsstufe erreicht hatte, einen Rückfall, nicht von denen zu sprechen, deren Übung nachlässig ist! Allgemein gesprochen, gibt es viele hemmende Bedingungen in dieser Welt, so daß übende leicht zurückfallen könne."

Deshalb haben die Alten gesagt :

"Bodhisattvas, die gerade den Bodhi-Geist entfaltet haben, sind zahlreich wie die Blüten an einem Mango-Baum oder wie Fischeier. Aber am Ende sind jene, die durchhalten, nur sehr wenige und weit verstreut."

Jeder, der seinen Geist auf das Westliche Lautere Land richtet und sich den günstigen Bedingungen jenes Landes anvertraut, kann die Stufe der Unumkehrbarkeit unmittelbar nach der Wiedergeburt erlangen. Dies schließt selbst Wesen mit niedriger Befähigung ein. (85) Die Übenden sollten diesen wichtigen Grund für das Streben nach Wiedergeburt sorgsam erwägen.

Frage 12

Es gibt viele Lautere Länder des Gemeinsamen Verweilens in den zehn Richtungen. Warum verwies der Buddha Sākyamuni die Menschen besonders auf das Westliche Lautere Land und pries die wunderbaren Bedingungen und das Umfeld allein jenes Landes ?

Antwort

Das Amitābha-Sūtra stellt fest :

"Man nennt es so, weil die Wesen dort keinerlei Leiden erfahren, sondern sich jeder Glückseligkeit erfreuen. Deshalb wird es 'Höchste Glückseligkeit' genannt."

Das Umfeld und die Bedingungen des Westlichen Lauteren Landes sind äußerst erhaben. Jenes Gefilde bietet den Lebewesen viel mehr vorteilhafte Umstände als andere Lautere Länder, was die gewöhnlichen Menschen in den Drei Welten nicht völlig verstehen können... Selbst auf einer allgemeinen Ebene ist die Kluft zwischen günstigem Umfeld und Bedingungen des Lauteren Landes einerseits und schlechtem Umfeld und Bedingungen der Sāhā-Welt andererseits, weit und abgrundtief. Wenn wir diese im Detail besprechen würden, wären solche Unterschiede so groß, daß sie nicht voll beschrieben werden könnten! Allgemein gesprochen, können diese Unterschiede zu zwei Faktoren zusammengefaßt werden :

1. Das Umfeld des Westlichen Lauteren Landes ist erhaben und vermag, Sehnsucht zu erwecken und als ein Fokus für die Lebewesen zu dienen, um Wiedergeburt zu erlangen.

2. Die Bedingungen des Westlichen Lauteren Landes sind unergründlich und wunderbar und können jenen helfen, die wiedergeboren werden, um leicht und schnell auf dem Pfad der Erleuchtung voranzuschreiten. Aus diesen Gründen besitzt nur das Westliche Lautere Land vollkommen alle günstigen Bedingungen, auch wenn es viele Lautere Länder des Gemeinsamen Verweilens gibt. Deshalb weisen Sūtras und Kommentare auf die Wiedergeburt im Westlichen Land hin.

Frage 13

Es gibt zahllose Buddhas in den zehn Richtungen. Alle Lebewesen mit rechter Geisteshaltung können sich ihnen nähern und bei ihnen lernen. Warum wurde Amitābha-

Buddha unter allen Buddhas hervorgehoben ?

Antwort

Dafür gibt es drei Gründe :

1. Weil Amitābha-Buddha 48 tiefgründige und allumfassende Gelübde abgelegt hat;
2. weil die Lebewesen in dieser Welt große geistige Nähe (Ursachen und Bedingungen) zu ihm besitzen;
3. weil die Lehren des Buddha Sākyamuni in dieser Sāhā-Welt und der Buddha Amitābha im Westen in einer Wechselbeziehung miteinander stehen.

1. Zum ersten Grund : Das Längere Amitābha-Sūtra legt dar, daß Amitābha-Buddha auf der kausalen Stufe (in seinen vorhergehenden Leben) viele erhabene und allumfassende Gelübde abgelegt hat. Der allgemeine Inhalt dieser Gelübde kann am besten durch das 18. und das 11. Gelübde darlegt werden :

(18. Gelübde) : "Möge ich die Höchste Erleuchtung nicht erlangen, wenn nach meinem Erlangen der Buddhaschaft nicht alle Wesen in den zehn Richtungen, die mit Ernsthaftigkeit und Vertrauen in meinem Land geboren werden wollen, und auch nur zehnmal an mich denken,... dort geboren werden!" (zit. nach Joji Okakazi, Pure Land Buddhist Painting, übers. Elizabeth ten Grotenhuis, Tokyo, Kodansha, 1977, p. 15)

(11. Gelübde) : "Möge ich die Höchste Erleuchtung nicht erlangen, wenn irgendein Lebewesen in meinem Land (noch dem Rückfall unterliegen und) nicht gewiß die Höchste Erleuchtung erlangen und das Große Nirvāna verwirklichen sollte!" (zit. nach Garma C.C. Chang, A Treasury of Mahāyāna Sūtras, University Park, Pa., Pennsylvania State University Press, p. 342)

Wie es in der "Avatamsaka-Abhandlung" heißt :

"Buddha Amitābha hat viele tiefgründige und erhabene Gelübde abgelegt - er hat gelobt, die Lebewesen der Sāhā-Welt willkommen-zuheißen und hinüberzuführen."

2. Zum zweiten Grund : Als Sākyamuni-Buddha noch lebte, richteten viele Lebewesen, die seinen mitempfindenden Belehrungen lauschten, ihren Geist auf Amitābha-Buddha. Seitdem Sākyamuni-Buddha ins Nirvāna ergegangen ist, haben viele Menschen, Ordensangehörige und Laienanhänger, Männer und Frauen, Reiche und Arme, Anhörige der Ober- und der Unterschicht, mit dem Dharma vertraut oder auch nicht, den Namen des Buddha Amitābha rezitiert... Im Längeren Amitābha-Sūtra hat Buddha Sākyamuni dargelegt :

"In späteren Tagen werden die Sūtra-Pfade erlöschen. Aus Erbarmen und Mitgefühl werde ich dafür sorgen, daß dieses Sūtra dann weitere hundert Jahre überlebt. Jeder, der diesem Sūtra begegnet, wird entsprechend seinem Wunsch gewiß Erleuchtung erlangen." (zit. in Shozomatsu Wasan: Shōran's Hymns on the Last Age; Kyoto: Ryūkyō University Press, p. xv).

Das Längere Amitābha-Sūtra sagt weiter :

"Wenn auch dieses Sūtra nicht mehr existiert, wird der Buddha-Dharma völlig von dieser Welt verschwunden sein. Nur die Worte 'Amitābha-Buddha' werden bleiben, um die Lebewesen zu erretten. Jene, die daran nicht glauben und die Worte des Buddha schmähen, werden in die Höllenwel-

ten hinabsinken und alle Arten von Leiden erdulden müssen."

Aus diesem Grunde sagte der Patriarch Chih-i, der Gründer der T'ien-T'ai-Schule :

"Wir sollten wissen, daß der Buddha Amitābha eine große geistige Nähe (Ursachen und Bedingungen) zu dieser verdorbenen Welt hat."

3. Zum dritten Grund haben die Alten gesagt : "Sākyamuni-Buddha offenbarte sich in der unreinen Welt und bezwang die Lebewesen durch solche Bedingungen wie Schmutz, Leiden, Unbeständigkeit und Hindernisse und erweckte dadurch in ihnen ein Gefühl des Abscheus, so daß sie dem rechten Pfad folgen. Der Buddha Amitābha dagegen offenbart sich im Lauteren Land und holt die Lebewesen durch solche Bedingungen wie Reinheit, Glückseligkeit, Beständigkeit und Unumkehrbarkeit heim und erweckt in ihnen den Wunsch, zur Quelle der Wahrheit umzukehren. Auf diese Weise wenden die beiden Buddha die zweifache Methode des Bezwingens und des Heimholens an, um den rechten Dharma darzulegen. Ihre Handlungen des Lehrens und der Verwandlung sind auf diese Weise miteinander verbunden. (86) Außerdem fügte der Buddha Sākyamuni, während er die Drei Fahrzeuge darlegte, die Methode des Lauteren Landes hinzu, so daß mit der Hilfe des Buddha Amitābha selbst jene Wesen errettet werden können, die sich bisher nicht angesprochen fühlten. Deshalb empfahl der Buddha Sākyamuni in den Mahāyāna-Sūtras die Wiedergeburt im Lauteren Land und pries diese unablässig."

Aus diesen drei Gründen ist der Buddha Amitābha unter den Buddhas der zehn Richtungen hervorgehoben.

(Fortsetzung folgt)

Anmerkungen :

84. Der Knabe Sudhana und der Bodhisattva Samantabhadra (zusammen mit dem Bodhisattva Manjusri und dem Buddha Vairocana) sind die Handelnden im Avatamsaka-Sūtra. Die Blumen-Schatzhaus-Welt stellt den buddhistische Kosmos dar, in welchem sich das Westliche Lautere Land befindet.

Die Frage ist, warum Samantabhadra seinen Schüler Sudhana drängt, nach Wiedergeburt in einem begrenzten Bereich (dem Westlichen Lauteren Land) statt in dem größeren Bereich der Blumen-Schatzhaus-Welt zu streben. Dies ist natürlich eine typische Frage auf der phänomenalen Ebene. Auf der Ebene des Noumenon gibt es keinen Unterschied zwischen diesen Bereichen, da sie alle leer und geist-geschaffen sind.

85. Dies ist ein wichtiger Punkt. Siehe dazu auch Anmerkung 44.

86. Dies ist eine Manifestation der geschickten Mittel (upāya).

"Sie (die Bodhisattvas) spielen mit illusorischen Manifestationen, um die lebenden Wesen vorzubringen. Sie zeigen sich als alt und krank und manifestieren selbst ihren eigenen Tod.

Sie zeigen das Brennen der Erde in den verzehrenden Flammen des Weltendes, um den Lebewesen mit ihren Vorstellungen von Beständigkeit die Vergänglichkeit aufzuzeigen." (Robert Thurman, The Holy Teaching of Vimalakirti, p. 69)

Weg ohne Grenzen

• Thich Nhu Dien

(Fortsetzung)

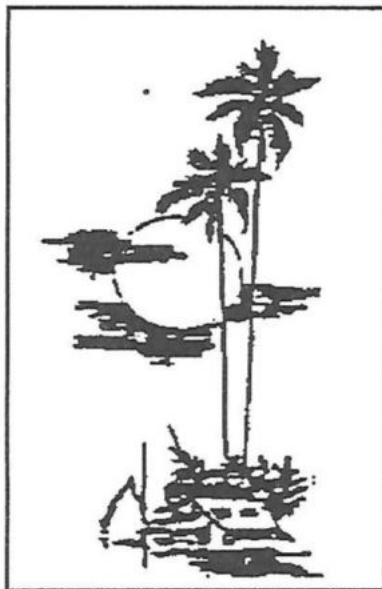
Im September 1983 anlässlich der Teilnahme an der Session Thien Hoa, die von der "Internationalen Gesellschaft für Buddhismus in den USA" organisiert wurde, hatte ich dieses Problem erwähnt, bei der Sitzung in der Pagode "Phat To" in Long Beach unter der Leitung von Ehrw. Thien Thanh. Aber die alte Sache blieb die alte Sache. Wir hatten keine andere Wahl, nur abzuwarten, bis die Gerechtigkeit das Urteil spricht.

Im Jahre 1979 kamen Vens. Minh Than, Minh Phu, Thien Tam, Nonnen Dieu An, Dieu Hanh, Minh Loan nach Deutschland. Durch Telefongespräche erfuhr ich, daß Ven. Minh Than in Bartrup wohnte. Das ist ein kleines Dorf in der Nähe von Hameln, gehört zum Land Nordrhein-Westfalen. Die anderen Mönche und Nonnen wohnten in einem katholischen Kloster, als Flüchtlingslager genutzt, in Münsterstadt in der Nähe von Schweinsfurt/Nordbayern. Bei einem Besuch in Berlin hatten ich und einige Buddhisten sie in Münsterstadt besucht. Das Geschenk am Anfang war nur ein bescheidenes eines Mönches für das Dharma in Zukunft.

Venerable Minh Than konnte ich nicht besuchen, obwohl er nicht weit von Hannover wohnte. Wahrscheinlich weil er in der Nähe von uns wohnte, dachten wir, daß wir auch am leichtesten zu ihm kämen? Genau so als die Eltern noch am Leben waren, liebten die Kinder sie nicht so sehr. Aber als die Eltern nicht mehr da waren, weinten sie herzzereißend. Wirklich hat das Leben so viele normale Dinge, aber man erkennt sie nicht immer. Jetzt lebt Ven. Minh Than in den USA nach 5 Jahren in Deutschland in verschiedenen Orten von Nordrhein-Westfalen. Sein letzter Wohnsitz war Düsseldorf. Er wohnt jetzt in der Pagode Tu Quang in San Francisco unter der Leitung des Ehrw. Thich Tinh Tu. Jeder Geistliche kam nach Deutschland und verließ Deutschland wieder. Ich weiß nicht, ob Deutschland keine schicksalhafte Fügung für die Mönche bedeutete oder die Mönche keine Vorherbestimmung in Deutschland hatten. Solche Dinge brauchen Zeit, um sie besser zu verstehen.

Danach kam Venerable Thich Tri Hoa nach Deutschland, in der Zeit von 81-82. Ungefähr

nach einem Jahr verließ er Deutschland wieder und flog nach Amerika. Jetzt ist Ven. Tri Hoa Abt der Pagode Vien Giac in Oklahoma in den USA. Nun habe ich gehört, daß es unter seiner Pagode ein Ölfeld gäbe. Er hat wirklich großes Glück und genießt es. Alle drei waren Stellvertretender Leiter der Congregation der Vereinigten Vietnamesisch-Buddhistischen Kirche - Abteilung Deutschland. Dann gingen sie alle drei in die USA. Deswegen ist im Moment diese Position immer noch unbesetzt. Keine Mönche und keine Nonnen möchten diese Stellung annehmen, weil sie Angst haben, daß sie Deutschland wieder verlassen. Das Fortgehen von drei Mönchen ist die große unbesetzte Lücke für die Buddhisten in Deutschland. Aber das macht nichts. Der Mönch wird hingehen, wo er gebraucht wird. Er beharrt nicht auf Schwierigkeit und Elend. Es gibt nur ein Ding, das man sagen sollte, daß jede Person eine eigene schicksalhafte Fügung hat. Auch wenn diese Person ein Geistlicher ist, kann er nicht aus der Kausalität (Ursache und Wirkung) des Buddhismus entkommen. "Wenn man geschickt in die Hauslosigkeit geht, wird man auftauchen, und wenn man schlecht in die Hauslosigkeit geht, wird man sinken". Es gibt so viele und nicht mehr.



Das Jahr 1980 war das Jahr, in dem wir am meisten Mönche und Nonnen hatten. Deswegen hatte ich eine Versammlung einberufen, um in der Andachtsstätte VIEN GIAC in der Kestnerstrasse 37, 3000 Hannover 1 die Congregation der Vereinigten Vietnamesisch-Buddhistischen Kirche - Abteilung in Deutschland zu gründen. Und seitdem existiert die Deutsche Sektion der Congregation. Dieses Resultat hatten wir erzielt mit Hilfe und Bemühung aller Mönche und Nonnen. Und das war eine große Freude für alle Buddhisten in Deutschland. Und ich selbst, war noch froher, weil die Gelübde in Erfüllung gingen. Der Aufbau der Organisation war in Ordnung, und jetzt kommt die Entwicklung in Frage. Natürlich ist für unsere Mönche und Nonnen das Medium der Religion sowie der Kultur in diesem Land ziemlich fremd, aber mit der Zeit werden sie sich daran gewöhnen. Und in diesem Moment wissen wir alle, daß der vietnamesische Buddhismus in Deutschland Anlauf nimmt, um sich weiterzuentwickeln und kräftige Fortschritte zu machen.

Wegen des großen Bedarfs an buddhistischen Aktivitäten hatten wir einen Antrag auf die Miete für eine große Lokalität zur Nutzung als Pagode an das Bundesinnenministerium gestellt, sowie für die Mittel für eine kleine Druckerei. Unseren Vorschlägen wurde vom Bundesinnenministerium zugestimmt, d.h. wir konnten eine Räumlichkeit für etwa 3.000.-DM mieten. Die Suche nach einer neuen Pagode übernahmen einige Buddhisten, die regelmäßig die Anzeigen in der Zeitung durchlasen. Ich und die anderen sorgten für die Druckerei.

Eines Tages gegen Ende 1980 zeigte Herr Lam Dang Chau mir eine Annonce in der "Hannoverschen Allgemeinen Zeitung". Es handelte sich um 2 Fabriken zur Vermietung in der Eichelkampstr. 35. Die eine hatte eine Fläche von 450 qm mit Büro, Wohnraum und einer großen Halle von 250 qm und die Miete betrug 3.000.-DM monatlich. Die andere war 250 qm groß und kostete 2.200.-DM monatlich. Ich freute mich sehr darüber und dachte, daß die Kurve der Buddha-Dharma sich drehte. Ich rief die Makler an, um mich nach den Bedingungen des Mietvertrags zu erkundigen, sowie einen Termin zur Besichtigung zu vereinbaren. Bei der Besichtigung waren ich, Ven. Minh Than und der Makler dabei. Die Fabriken waren damals sehr schmutzig. Die Haupthalle der Pagode war früher eine Verkaufsstelle von Wasserrohren. Überall sah man nur Staub an den Wänden und es sah aus wie ein Krieggebiet nach dem 2. Weltkrieg, so verlassen und zerstört. Und jetzt sieht es wieder ganz anders aus, sehr lebhaft. Ven. Minh Than hatte keine Meinung geäußert. Später kamen ich und der Buddhist Thi Minh noch einmal wieder, um sie zu sehen. Und wir mußten auch entscheiden, welche Fabrik wir nehmen sollten. Die Fabrik für 2.200.-DM monatlich war ziemlich neu aber sehr eng und hat außerdem keine Parkplätze. Und die größere Fabrik war viel älter hat aber mehr Komfort. Wir kamen zu dem Entschluß, daß wir die größere Fabrik nehmen sollten. Das war auch mit der Summe des Bundesinnenministeriums zu vereinbaren. 6.000.-DM für die Maklergebühr hatten wir aus der eigenen Kasse der Pagode genommen. Auf einmal waren 6.000.-DM einfach weg. Wir hatten nicht gezögert, obwohl wir auch kein Geld hatten. Außerdem mußten wir auch die 2 Monate-Miete als Mietsicherheit (6.000.-DM) leisten. Insgesamt 12.000.-DM mußten wir ausgeben und diese Summe wurde nicht vom Bundesinnenministerium bewilligt. Der Besitzer der zwei Fabriken ist eine Person, die viel Interesse am Buddhismus hat. Er hatte viel Verständnis und Mitleid mit uns und dadurch verlangte er von uns auch keine Mietsicherheit. Das entlastete uns sehr.

Die Andachtsstätte VIEN GIAC zog offiziell in eine neue Adresse am 8.01.81 um, mit einem neuen Namen "PAGODE VIEN GIAC". Beim Umzug waren nur ich und der Buddhist Vo Xuan Khoi dabei. Ich beklagte mein Schicksal, weil in der Umgebung niemand war. Aber das machte nichts, die schweren Dinge mußte ich selber tragen. Dann werden die großen Aufgaben leicht Erfolg haben. Ich mußte so denken, damit ich meine Kräfte einsetzte, um mit Khoi mehrmals die Möbeln zu transportieren, von der alten Andachtsstätte zur neuen Pagode.

Danach mußten wir uns für den Neujahrsfest vorbereiten. Es war das Jahr Tan Dau (des Hahns). Das war aber wirklich das Jahr des Hahns. Alle, Meister und Schüler hatten

sehr hart gearbeitet. Am 5.02.81 war das Jahreswechsel. Punkt 5 Uhr nachmittags waren drei Buddhisten in die Pagode gekommen. Es waren der Buddhist *Ngo Ngoc Diep, Fr. Yen* und ihre Mutter. Sie führten die buddhistische Zeremonie in der Pagode durch, um das Neujahrfest zu feiern. Die feierliche Handlung war einfach und schlicht aber mit der herzlichen Aufrichtigkeit für eine neue Pagode. Wir mußten viele Kräfte und Mühe gebrauchen, damit die Pagode bis zum Vesak-Fest 2525-1981 in Ordnung war.

Besonders was die Druckerei betraf, hatten wir überhaupt keine Ahnung, deshalb hatten wir nur gebrauchte Maschinen gekauft. Das Bundesinnenministerium sagte, daß wir die neuen Maschinen kaufen sollten. Dann gingen wir, ich und der Buddhist *Thi Minh* überall herum, um sie zu finden. Und zum Schluß hatten wir auch eine kleine Druckerei, die alle Einladungen zum Vesak-Fest und Ullambana-Fest, die Zeitschrift *Vien Giac* und einige Sutren-Bücher, die Sie seit langem regelmäßig bekommen hatten, gedruckt hat. Und alle Unkosten für die Druckerei wurden vom Bundesinnenministerium getragen.

Weil ich die Zustimmung der Deutschen Regierung hatte, sagten viele Mönche und Buddhisten, daß ich viel Glück habe. Das ist sehr richtig. Aber dazu muß ich vielleicht sagen, daß ich mich seit vielen früheren Existenzen mit Wohltätigkeiten beschäftige, ist es heute nur das Resultat. Wir müssen an die Kausalität glauben. Wenn die Gegenwart gut ist, wird die Zukunft auch gut sein. Deshalb sollten wir nur für die Gegenwart leben, und vielleicht reicht es ja auch wie ein Zen-Meister gesagt hatte: "Wenn man heute lebt, sollte man heute auch wissen. Und über die Zeit von 'Herbst und Frühling' braucht man nichts zu wissen". (Herbst und Frühling 722-481 v.Chr. Chun Chin Periode).

Als Buddha Sakya Muni noch am Leben war, wurde das Wort "Ho Phat" = *Buddhapala* (Helfer des Buddha) mehr gebraucht. Damals hatten die Könige, Fürsten und die Angehörigen des Mittelstandes, Bourgeoisie und die Buddhisten usw. Opfer dargebracht z.B. wurde Buddha *Vihava* (Aufenthaltsort der Mönche) damals und heute gleich bedeutend mit Kloster geschenkt, damit Buddha sich aufhielt und seine Lehre verkündigte und auch den Mönche half, damit sie einen tugendhaften Wandel führten. Und nachdem Buddha ins Nirvana ging, wurde das Wort "*Buddhapala*" nicht mehr benutzt, sondern statt dessen das Wort "*Dharmapala*". *Dharmapala* bedeutet die Lehre des Buddha beschützen, damit das Dharma für immer hinterlassen wird. Solche Könige waren z.B. *Asoka* von Indien, *Shoto Ku Taishi* von Japan, *Liang Wu-Ti* von China und *Ly Thai To* von Vietnam. Sie hatten der Nation geleuchtet, mit dem Licht der Barmherzigkeit und Gleichheit des Buddhismus. Und alle Klassen des Volkes waren von dieser Dankbarkeit durchdrungen. Dann hörte man auch das Wort "*Ho Tang*" *Sanghapala*, durch die Spender, die die Mönche und Nonnen unterstützten mit Büchern, Medikamenten oder die vier nötigen Dingen, damit die Mönche und Nonnen genügend Mittel hatten, um die Tugenden zu praktizieren. Buddha, Dharma und Sangha sind die drei *Triratna*. Wenn die Buddhisten Opfer darbringen und damit die drei *Triratna* unterstützen, werden sie sehr viele wertvolle Verdienste erhalten. In dieser Zeit finden wir keine einzelnen Wörter für jeden Zweck wie z.B. *Buddhapala, Dharmapala*. Jetzt benutzt man einfach den Begriff:

"*Ban Ho Tri Tam Bao*" (Gemeindeausschuß), d.h. Beschützen und Unterstützen der drei *Triratna* in dieser Welt. Deshalb gründet man in fast allen Pagoden einen Gemeindeausschuß, um die Lehre des Buddha zu beschützen und zu entwickeln.

In der BRD wurde der Gemeindeausschuß der Andachtsstätte *Vien Giac* 1978 gegründet und er existiert bis heute. Am Anfang war dieser Begriff ein bißchen fremd, weil die Buddhisten sehr jung waren und sie sich recht "alt" dafür fanden. Aber als sie die wirkliche Bedeutung gründlich verstanden, waren sie begeistert und arbeiteten sehr tüchtig, im Sinne der Dharma-Unterstützung sowie der Dharma-Entwicklung.

In den vorherigen Texten erwähnten wir einige Buddhisten, die seit Anfang an schon viel geleistet hatten. Und heute möchten wir hier noch einige Wohltäter sowie die Personen, die mühevollen Aufgaben für das Dharma geleistet hatten, im Jahre 81-82 und in den letzten Jahren erwähnen. Wir beschreiben nur die Personen, die regelmäßig jahrelang für die Pagode eingetreten sind. Außerdem gibt es noch viele Personen, die unregelmäßig während des Vesak-, Ullambana- sowie TET-Fest viel gespendet hatten. Die Liste haben wir in der *Vien Giac* Zeitschrift veröffentlicht. Durch diese Spenden existiert die Pagode *Vien Giac* bis heute und ist auf dem Weg sich weiter zu entwickeln.

Hier ist die Liste der Wohltäter und Spender: *Lam Dang Chau, Ngo Ngoc Diep, Le Huy Cat (Hannover), Nguyen thi Tu, Nguyen thi Dep, Tran thi Soan, Ho Kim Le, Van Cong Tram, Vuong Dac Man (Kiel), Nguyen thi Hanh, Doan thi Thu Hanh (Braunschweig), Pham Cong Hoang, Le Thanh Binh (Bremen), Nguyen Ngoc Tuan (Stade), Nguyen van Cu, Nguyen van Van (Hildesheim), Le van Hong (Lohr am Main), Duong van Phuong (Essen), Nguyen Thanh Tuy, Nguyen thi Phung (Recklinghausen), Mai Vi Phuc (Barntrup), Nguyen Luu, Grimaldi, Le van Hiep, Doan thi Thanh Tu, Than Trong Lac, Ho van Nguyen, Nguyen Danh Dan, Le Dinh Chung, Ly Ngoc Hoa (Frankreich), Nguyen Binh Duong (Lünen), Doan thi Thuan (Suisse), Truong Tan Loc (Hannover), Ly Dieu Anh, Truong Phuoc Hao, Tran Thuc Nghi (Vechta), Nguyen thi Thu My (Berlin), To van Phuoc (München), Tran thi Lang (Paris), Dinh Kim Thanh (Weingarten), Lam Thanh (Lingen/Ems), Dieu Nien (Hannover), Le thi Thu Ba (Weingarten), Dang Trinh (Wallenstatter-München), Nguyen van Xieu (Barntrup), Tran Ngoc Son (Dörentrop), Lam van Hoang (Weetzen), Dang Ngoc Hai (Speyer), Nguyen Trung Truc (Hannover), Tu Sanh, Lai Khanh Van (Aachen), Lam van Tot (Laatzen), Nguyen Ngoc Chau, Nguyen thi Thiep, Phan thi Thin, Tran Lieu thi Dieu Huyen, Dang thi Linh Thay, Pham Dang Anh Tuan (Kassel), Bui thi Thao, Phan Ngoc Binh usw.*

Ende 1978 bis Ende 1980 hatten wir insgesamt 6 Ausgaben der *Vien Giac* Zeitschrift in DIN A5 Format. Weil wir eine kleine Druckerei mit Unterstützung des Bundesinnenministeriums erhielten, hatte *Herr Mai Vi Phuc* Anfang 1981 vorgeschlagen, daß wir die *Vien Giac* Zeitschrift in neuem Format herausgeben sollten. Seitdem haben wir die *Vien Giac* Zeitschrift mit neuem Format. 6 Jahre sind seitdem vergangen, insgesamt 36 Ausgaben, regelmäßig erscheint die Zeitschrift 6 Hefte in einem Jahr. Die ersten Hefte der neuen Ausgabe waren inhaltlich

sehr arm. Trotzdem gab es viele bedeutungsvolle Texte von Professor *Nguyen Khac Kham*, die er für uns exzerpiert hat. Im Bereich des Schreibens gab es sehr wenig. Später hat *Herr Mai Vi Phuc* noch einige Schriftsteller wie *Herr Ho Truong An, Nguyen Hong Ky* in Frankreich um Mitwirkung gebeten. Dadurch hat die Zeitschrift einiges verändert. *Herr Ho Truong An* hat dann noch einige erwähnenswerte Autoren wie *Frau Huyen Chau, Frau Tran Thi Diem Thi* um die Zusammenarbeit gebeten. Deswegen wurde die *Vien Giac* Zeitschrift von vielen Lesern leidenschaftlich geliebt. *Herr Ho Truong An* hat für eine lange Zeit sehr viele Artikel verfaßt. Wegen seines Gesundheitszustands hat er dann später nur sehr wenig geschrieben. Und die *Vien Giac* Zeitschrift verlor seine Mitwirkung, zusammen mit seinen Freunden. Die *Vien Giac* Zeitschrift änderte sich wieder. Eine Zeit hatte *Herr Phong Luu, Luu Nhon Nghia* für die Zeitschrift die Geschichte auf dem Land geschrieben, die genauso gut war wie die von *Son Nam, Binh Nguyen Loc*. In der Zeit der Umwandlung der Zeitschrift gab es noch Artikel über Nachrichten und Seiten für Kinder. Den Nachrichtenteil übernahm *Herr Vu Ngoc Long*. Solche Artikel lesen viele Leute, weil sie bei den Nachrichten im Fernsehen nicht alles mithören können. In der *Vien Giac* Zeitschrift können sie nachlesen und sie sind reichlich vorhanden. *Herr Vu Nam* kann auch so gut schreiben, wie der Schriftsteller *Ngo Nguyen Dung, Herr Nguyen Hoa*, unter dem Pseudonym *Phu Van* schreibt scherzhaft, sodaß niemand so gut wie er schreiben kann, und viele Leser schenken ihm Sympathie. *Frau Le Thi Bach Nga* schrieb "den Brief aus Nordamerika" und brachte den Lesern dadurch, daß sie in sich die Stimmung des Buddhismus im weltlichen Leben sowie im Dharma Leben einfühlen kann. Über "den Weg ohne Grenzen" von uns gibt es keine Beurteilung. Wir überlassen dem Leser die Kritik. Dieser Artikel wird bis Ende 1987 beendet. Später wird dieser Artikel als Buch herausgegeben, nachdem wir den Text nochmals korrigieren. Wir werden es Ihnen zuschicken, als Geschenke zum Anlaß des 10 jährigen vietnamesischen Buddhismus in Deutschland.

Außer den regelmäßigen Artikeln gab es noch einige Texte, die auszugsweise publiziert wurden, oder die unregelmäßigen Artikeln sowie die Gedichte von vielen Flüchtlingen. Dies alles bringt der *Vien Giac* Zeitschrift immer mehr Abwechslung. Eigentlich hat die Zeitschrift nicht allen Bedürfnissen entsprochen, weil die Bedürfnisse der Leser immer sehr schwierig und kompliziert sind (der eine mag dies und der andere etwas anderes). Aber trotz aller Umstände ist die *Vien Giac* Zeitschrift nur eine Zeitung des Dharma, sie bringt das Dharma in das weltliche Leben. Deshalb sind viele Artikel für die Leser manchmal schwierig unverständlich oder unbegreiflich und manche mögen sie nicht lesen. Aber sie dürfen in dieser Zeitschrift nicht fehlen. Denn die Psychologie der Menschen mag nur etwas einfaches und selten schwieriges. Aber auf der Suche nach der Wahrheit bekam niemand unter den Heiligen und Weisen in dieser Welt keine Schwierigkeiten, kein asketisches Leben, bis er das Ziel erreicht hatte. Das ist auch der wichtigste Punkt, den die *Vien Giac* Zeitschrift immer vertritt.

(Fortsetzung folgt)

Mười bốn đời DALAI LAMA

• Vô Thức

Địa vị Dalai Lama có lẽ độc nhất vô nhị trong xã hội loài người trên hành tinh xanh này.

Không lâu, sau khi một vị Dalai Lama lia đời, một phái đoàn đi tìm hậu thân của ngài được chọn ra. Phần đông các vị Dalai Lama đều để lại những lời ẩn ngữ về nơi mình sẽ thác sinh, và chính những lời ấy là đầu mối để mọi người bước chân vào cuộc truy lùng. Ngoài ra người ta còn hỏi những con đồng, những vị tu sĩ đạo cao và những người có khả năng nhìn vào quá khứ tương lai. Trong công cuộc đi tìm này mọi thành phần và tầng lớp xã hội Tây Tạng đều đồng lòng chung sức để đưa vị Dalai Lama tương lai lên ngài. Những phái đoàn được gởi đi khắp mọi nơi để tìm nhân tuyển thích hợp và những nhân tuyển này sẽ phải chịu một cuộc trắc nghiệm gay go. Một trong những trắc nghiệm là phải nhận ra được vật của vị Dalai Lama đời trước, ví dụ như y phục, chuỗi tràng v.v... trong số những món đồ có hình dáng giống nhau.

Vị nhân tuyển trúng cách sẽ được tuyên bố và làm lễ đăng tòa. Dưới sự hướng dẫn của những bậc thầy giỏi, vị Dalai Lama nhỏ này phải học và tu tập từ hai đến ba mươi năm những kinh điển Phật Giáo cũng như các kiến thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Cuối chương trình là kỳ thi tốt nghiệp, trong đó ngài phải tranh luận với mười vị học giả lỗi lạc nhất Tây Tạng dưới sự chứng minh của hơn hai mươi ngàn Tăng sĩ toàn quốc. Chỉ sau khi vượt qua kỳ thi này ngài mới chính thức được công nhận là vị lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng. Vị Dalai Lama đương thời là vị thứ XIV mang trọng trách này.

Danh từ "Dalai" phát xuất từ tiếng Mông Cổ, mặc dầu truyền thống tái sinh của Dalai Lama có trước khi ngài được ban danh hiệu này. Vị đầu tiên được gọi là "Dalai" là ngài Sonam Gyatso, người đã quy y cho vị lãnh tụ Mông Cổ Altan Khan và đem Phật Giáo vào cương thổ này vào năm 1578. Thay vì gọi tên thầy mình bằng tiếng Tây Tạng Khan đã dịch chữ Gyatso, có nghĩa là đại dương, sang tiếng Mông Cổ. Kết quả chính là danh xưng "Dalai Lama" (vị thầy vĩ đại như đại dương). "Dalai" còn bao gồm ý nghĩa to lớn và siêu việt, vì vậy không có gì quá đáng nếu ta dùng danh xưng "vị thầy vĩ đại" để

dịch tước vị ngài. Người Mông Cổ là những người đầu tiên sử dụng danh xưng này. Từ đó nó đã vang đi khắp nơi ở Trung Quốc và viễn đông, cuối cùng sang cả trời Âu đất Mỹ. Tuy vậy, danh xưng Dalai Lama không hề thông dụng trong giới dân Tây Tạng, họ thích gọi vị lãnh đạo tinh thần bằng danh hiệu "Kündün" (Người luôn hiện hữu), "Jeshin Norbu" (Ngọc như ý) hay "Gyalwa Rinpoche" (Vị chiến thắng cao cả). Sonam Gyatso được xem là hậu thân của Gedün Gyatso, Gedün Gyatso lại là hậu thân của Gedün Drub, vì vậy người ta gọi ngài là Dalai Lama thứ III và hai vị kia được truy phong là Dalai Lama thứ I và thứ II.

Mặc dầu những vị Dalai Lama được xem là tái sinh của một nhân vật duy nhất, nhưng mỗi vị đều thể hiện sự đặc thù của mình qua việc làm và cá tánh riêng biệt.

DALAI LAMA THỨ I, Gyalwa Gedün Drub, sanh năm 1391 trong một gia đình du mục thuộc bộ tộc Gurma, Zhabto. Khi lên bảy mẹ ngài đã gởi ngài vào tu tại chùa Narthang, một ngôi chùa thuộc trường phái Kadam. Người ta cho rằng chính tiền thân của ngài đã có công xây dựng nền ngôi chùa này và làm rạng danh trường phái Kadam trên toàn lãnh thổ Tây Tạng. Vào năm 1447 ngài đã khai sáng tu viện Tashi Lungpo tại Shigatse, một tu viện lớn nhất vùng Nam Tạng. Những tác phẩm của ngài đều nhằm vào việc phổ biến các phép tu của dòng Kadampa và nắm lãnh vực đặc biệt của Phật Giáo mà trường phái Sakya đặc biệt lưu truyền: 1. Logic và biện chứng pháp (Pramana), 2. Trung quán luận (Madhyamaka), 3. Bát Nhã Ba La Mật kinh (Prajnaparamita), 4. A Tỳ Đạt Ma (Abhidhamma), và 5. Luật (Vinaya). Gedün Drub nổi tiếng nhờ vào sự phối hợp giữa học hỏi giáo lý và tu tập trong đời sống của ngài. Trong cuộc đời hành trì ngài đã nhập thất tổng cộng trên hai mươi năm. Cuối cùng ngài đã tọa thiền hóa vãng vào năm 1474.

DALAI LAMA THỨ II, Gyalwa Gedün Gyatso sanh năm 1475 tại Jolkar Dordsheden, con trai của một vị hành giả du già nổi tiếng thực hành các phép tu của trường phái Cổ Mật (Nyingma). Khi lên bốn ngài được công nhận là hậu thân của Gedün Drub. Ngài đã học và hành hầu hết các phép tu của Phật Giáo Tây Tạng; trong những tác phẩm của ngài đặc biệt đáng lưu ý là các bài viết về dòng phái Cổ Mật (Nyingma), Shanga Kagyü và Gelug Nyengyü. Ngài đặc biệt lưu tâm đến những truyền thống tu tập Mật tông. Ngài đã phát hiện và làm lễ tại hồ Latso (hồ nước thiêng, hồ ban cho những linh ảnh) cũng như đã xây dựng ngôi chùa Tschokhorgyal trên bờ của hồ nước này. Ngài đã tọa thiền thị tịch vào năm 1542.

DALAI LAMA THỨ III, Gyalwa Sonam Gyatso sanh 1543 tại Khangsar Tolung. Ngài đã được công nhận là hậu thân của Gedün Gyatso lúc còn nhỏ và được đào tạo tại tu viện Drepung. Ngài đã được mọi

người kính phục bởi trí tuệ siêu việt và sự tu chứng nên không lâu sau đó được đưa lên làm trụ trì tu viện. Danh vọng ngài được truyền đi khắp cả đông phương và Altan Khan, lãnh tụ của bộ lạc Tumed, đã quy y với ngài. Ngài đã hướng dẫn toàn bộ lạc Tumed về với đạo Phật và sáng lập chùa Tekschen Tschokhor tại đó. Trong những năm sau cùng, ngài đã vân du khắp vùng Đông Tạng và Tây Trung Hoa, để truyền dạy giáo pháp cũng như xây dựng chùa chiền. Trong số đó, hai ngôi chùa Litang và Kumbum nổi tiếng nhất. Ngài nổi danh về phương pháp hài hòa giữa những phép tu dòng Cổ Mật và dòng Mũ Vàng (Gelug) cũng như về việc hàng phục những thổ dân man rợ vùng Trung Đông. Năm 1588 ngài đã thị tịch khi đang giảng pháp tại vùng Đông Bắc Tạng.

DALAI LAMA THỨ IV, Gyalwa Jonten Gyatso, là vị Dalai Lama duy nhất sanh ra ngoài cương thổ Tây Tạng; năm 1589 ngài đã ra đời tại Mông Cổ. Ngài đã thành toàn lời hứa của vị tiền thân Sonam Gyatso, trở về với dân Mông Cổ, khi ngài tái sinh làm Hoàng tử của dòng Altan Khan. Chính bởi ngài sanh ra ngoài Tây Tạng nên việc tìm kiếm và đăng tòa của ngài chậm trễ hơn bình thường. Mãi đến năm mười hai tuổi ngài mới được đưa về Tây Tạng. Cũng giống như vị tiền nhiệm của mình ngài đã được Hoàng đế Mãn Châu dâng nhiều phẩm vật và mời về Bắc Kinh để thuyết giảng, và cũng giống như vị tiền nhiệm ngài đã từ chối các lời mời này. Vị Dalai Lama thứ IV không để lại tác phẩm nào đáng kể, suốt cuộc đời ngài đã tập trung vào việc tu tập và truyền dạy giáo lý. Tuy nhiên ngài đã mất tương đối sớm, vào năm 1617.

DALAI LAMA THỨ V, Gyalwa Ngawang Gyatso được mệnh danh "ngài thứ V vĩ đại" sanh vào năm 1712 tại Tsonggye, chùa đây một năm sau khi Gyalwa Jonten Gyatso thị tịch. Ngài được xem là người có nhiều nghị lực nhất trong tất cả các vị Dalai Lama thời xưa. Số lượng tác phẩm của ngài ngang bằng tất cả các tác phẩm của những vị tiền nhiệm cộng lại, ngài đã vân du khắp nơi và giảng dạy không mỏi mệt. Ngài cũng góp phần không ít trong việc định hình bộ mặt chính trị tại Trung Đông. Ba tiểu quốc của Tây Tạng đã bị phân chia từ sau cái chết vua Lang Darma đã được thống nhất dưới sanh thời của vị thứ V này và năm 1642 ngài đã lên ngài nắm lấy cả thế quyền tại Tây Tạng. Ngài đã được nhà Thanh mời đến để giảng dạy giáo lý cho vua quan Trung Quốc. Vào năm 1652 ngài đã lên đường đi Bắc Kinh. Đức Dalai Lama thứ V đã sáng tác về nhiều đề mục khác nhau, nổi tiếng nhất chính là những sách lịch sử và thơ văn của Ấn Độ cũng như những tác phẩm về các nhân vật lịch sử trong thời đại của ngài. Việc làm lớn cuối cùng của ngài là đặt móng xây dựng cung điện Potala tại Lhasa. Cung điện này chỉ hoàn tất sau khi ngài viên tịch. Dalai Lama thứ V đã qua đời năm 1682 khi ngài

đang nhập thất ba năm. Để hoàn thành việc xây dựng Potala ngài đã ra lệnh tạm thời không công bố cái chết của mình và cũng giấu nhem nơi mình sẽ tái sinh cho đến khi phần chánh của điện Potala hoàn tất. Ngài Dalai Lama thứ V cũng có công trong việc đưa vào Tây Tạng chương trình bảo đảm y tế và văn hóa công cộng cho người Tây Tạng.

DALAI LAMA THỨ VI, Gyalwa Tsangyang Gyatso là vị Dalai Lama duy nhất đã xả giới để về thế tục. Ngài đã sanh ra trong gia đình Tschima Lingpa tại Nam Tạng, sát biên giới Ấn Độ (ngày nay vùng này thuộc Ấn Độ). Ngài đã được công nhận lúc lên hai và đưa về đào tạo tại Nangkhatse. Tất cả những việc này đều đã được thi hành trong thăm lạng mãi đến khi Potala hoàn tất vào năm 1695 mới được tuyên bố. Vị Dalai Lama trẻ đã được ngài Panchen Lama thứ II xuất gia và dạy dỗ. Ngài đã làm lễ đăng tòa 1697. Tsangyang Gyatso ngược lại thích thể thao và vui chơi hơn đời sống tu tập, khi lên hai mươi ngài đã từ bỏ lớp áo nhà tu và rời cung điện Potala về ở trong một ngôi nhà nhỏ dưới chân ngọn đồi Potala. Ngài đã được người dân Tây Tạng yêu mến bởi những văn thơ trữ tình, cuộc sống yêu đời và sự khinh thường tất cả các quyền lực. Những đời sống của ngài đã làm một số bộ tộc Mông Cổ tức giận, 1705 họ đã đem quân vào Lhasa để bắt ngài. Một năm sau đó ngài đã mất trên đường đến Mông Cổ, nơi mà họ định đưa ngài đến. Tuy vậy người dân Tây Tạng vẫn tin tưởng ngài chính thật là hậu thân của vị thứ V vĩ đại, bằng trí tuệ của mình ngài muốn hướng dẫn người dân Tây Tạng thoát ra khỏi những buộc ràng thường tình của xã hội đã đặt để lên con người.

DALAI LAMA THỨ VII, Gyalwa Kelsang Gyatso được sanh ra 1708 tại Litang thuộc Đông Tạng. Không lâu sau khi ngài ra đời, đoàn đã tìm ra những chúa thể đưa ngài lên tòa vì có sự can thiệp của triều đình Mông Cổ. Năm 1720 ngài được đưa về trung tâm và mãi đến sau khi đuổi quân Dzungaren Mông Cổ ra khỏi Lhasa ngài mới chính thức làm lễ đăng tòa. Tuy nhiên chính phủ Tây Tạng đã nhờ vào quân đội Mãn Châu để đánh đuổi Mông Cổ ra khỏi nước mình, điều đáng tiếc tất yếu đã xảy ra khi Mãn Châu tìm cách củng cố quyền lực của mình tại vùng Trung Đông. Sự hợp tác giữa Tạng-Hoa đã đưa đến những mâu thuẫn về sau. Vị Dalai Lama thứ VII đã chiếm một vai trò quan trọng trong lịch sử tôn giáo Tây Tạng, cuộc sống đơn giản và đạo đức của ngài đã gây ấn tượng mạnh trong lòng dân Tây Tạng. Ngài đã sáng tác nhiều tác phẩm, nhất là về các phép tu Mật như Guhyasamaja, Heruka Cakrasamvara, Vajrabhairava và Kalachakra. Ngài cũng đã nổi danh nhờ vào những bài thơ đạo nhẹ nhàng và những bài sám nguyện. Ngài tịch năm 1757.

DALAI LAMA THỨ VIII, Gyalwa Jampei Gyatso đã được sanh ra một năm

sau đó ở vùng Tobgyal thuộc Tsang. Sau khi được công nhận là tái sinh của Dalai Lama ngài đã được đưa về Lhasa vào năm 1762. Ngài chính là người đã cho xây dựng Norbu Lingka, Vườn Ngọc, ở phía tây ngọn đồi Lhasa vào năm 1762. Dưới sự đào tạo bởi vị Panchen Lama (Ban Thiên Lạt Ma) thứ III, ngài đã trở nên một vị Tăng sĩ có thành tựu tâm linh cao và rất ghét những thủ đoạn chính trị. Chính trong thời đại của ngài chính phủ Anh đã bộc lộ sự thèm khát của mình đối với vùng đồi núi này. Tây Tạng cũng bắt đầu tổ chức tự vệ và ban lệnh bế quan tỏa cảng. Ngài đã tịch vào năm 1804.

Bốn vị Dalai Lama kế tiếp chỉ sống rất ngắn. Rất nhiều giả thuyết đã được dựng nên để giải thích hiện tượng này. Một số cho rằng mạng sống các ngài đã bị hủy bởi những thủ đoạn chính trị. Số khác thì cho rằng đó là hậu quả của mầm vi trùng bệnh do những người ngoại quốc mang vào. Phần còn lại thì đổ cho nghiệp nặng của dân tộc Tây Tạng (dân Tây Tạng tin nếu những người học trò có nghiệp tốt thì thầy mình sẽ sống thọ).

DALAI LAMA THỨ IX, Gyalwa Lungtok Gyatso sanh 1805 và mất 1815. Theo tiên đoán thì vị Dalai Lama này sẽ gặp nhiều trở ngại lớn, nhưng nếu ngài vượt qua được thì ngài sẽ trở thành một trong những vị Dalai Lama nổi tiếng nhất trong lịch sử Tây Tạng. Vì vậy sự ra đi sớm của ngài đã làm toàn dân Tây Tạng thương tiếc vô cùng.

DALAI LAMA THỨ X, Gyalwa Tsültrim Gyatso sanh vào năm 1816 và làm lễ đăng tòa năm 1822, ngài bảm sanh yếu ớt và mất năm 1837, mới 21 tuổi.

DALAI LAMA THỨ XI, Gyalwa Khendrub Gyatso được sanh ra một năm sau đó. Lễ đăng tòa của ngài được tổ chức vào năm 1855. Nhưng ngài chỉ sống thêm mười một tháng mà thôi.

DALAI LAMA THỨ XII, Gyalwa Trinle Gyatso đã ra đời một năm sau đó và là vị Dalai Lama duy nhất được chỉ định bởi Hoàng đế Trung Quốc sau khi vị vua này bốc thăm từ các thẻ vàng. Vị Dalai Lama này cũng mất sớm vào năm 1875.

Chính phủ Tây Tạng sau nhiều năm thiếu vắng sự lãnh đạo của các vị Dalai Lama đã trở nên yếu ớt hẳn.

DALAI LAMA THỨ XIII, Gyalwa Thubten Gyatso đã tái sinh trong một gia đình nông dân vùng đông nam Tây Tạng Takpo Langdun vào năm 1876. Năm 1878 ngài được công nhận là tái sinh của vị Dalai Lama thứ XII và làm lễ đăng tòa trong năm kế đó. Ngài đã đảm nhận vai trò lãnh đạo tinh thần và đưa chính quyền Tây Tạng hùng mạnh trở lại vào thời điểm đầy thủ đoạn chính trị của chủ nghĩa bành trướng thực dân, chủ nghĩa của chống trái và tranh chấp

quyền hành. sau khi chính thức nhiếp chánh vào năm 1895 ngài đã phải đương đầu với các thế lực đối nhau như Liên Xô và Anh ở thế kỷ XIX, và sau đó là những cuộc đổ quân của Anh 1904 và của Trung Quốc 1909. Sau ba năm chiến đấu, 1912 Tây Tạng đã bắt lính Trung Quốc đầu hàng và trả về lại nước họ. Rất tiếc đức Dalai Lama đã không thành công trong công cuộc kêu gọi Liên Hiệp Quốc nhận Tây Tạng vào hiệp hội của họ. Anh đã tỏ ra lo ngại một Tây Tạng độc lập sẽ là miếng mồi để ăn cho Liên Xô nên đã khuyên Tây Tạng trở nên chủ hầu (chỗ không phải sáp nhập) của Trung Quốc. Ngoài ra đức Dalai Lama vẫn có quyền không chấp nhận người Hoa trong lãnh thổ của mình. Trong sanh thời của ngài việc này vẫn được duy trì. Ngài là vị Dalai Lama đầu tiên có mối quan hệ chặt chẽ với phương Tây. Những người Tây phương đã gặp ngài đều cảm mến và kính phục. Cuốn "Portrait of the Dalai Lama" (Chân dung Dalai Lama) của Sir Charles Bell đã nói lên rõ nét sự ngưỡng mộ của người Anh đối với ngài. Đức Dalai Lama XIII đã tốt nghiệp chương trình đào tạo của ngài rất sớm và nhập thất ba năm sau đó. Trong những năm cuối của cuộc đời mình, ngài đã cố gắng cải cách Tây Tạng trở nên một quốc gia tiên tiến. Những nỗ lực của ngài gặp phải nhiều chống đối bởi những thế lực hiện thời. 1932 ngài đã tiên đoán sự xâm lăng của Trung Quốc nên kêu gọi dân mình chuẩn bị. Mặc dầu thời điểm của ngài đòi hỏi nơi ngài nhiều năng lực trong việc xây dựng lại quốc gia và hướng dẫn tâm linh dân Tây Tạng, ngài đã không bỏ lời việc sáng tác. Ngài đã đi vân du nhiều ở Mông Cổ, Trung Quốc và Ấn Độ để tìm cách bảo vệ quốc gia của mình không phải bị xâu xé bởi những thế lực lớn của Anh, Nga và Trung Quốc. Ngài tịch năm 1933.

DALAI LAMA THỨ XIV, Gyalwa Tenzin Gyatso chào đời ngày 06.07.1935 tại Taktser Đông Tạng. Hai năm sau, ngài được tìm thấy, công nhận và làm lễ đăng tòa năm 1939. Ngài chính là vị Dalai Lama mà phần đông mọi người biết đến cũng như là người đã chiếm được con tim rất đông người Tây phương. Cuộc xâm lăng của Trung Quốc đầu thập niên năm mươi và cuộc tỵ nạn của dân Tây Tạng là một thảm kịch trong lịch sử loài người, nhưng nó đã mang lại cho Âu Mỹ và thế giới một vị Dalai Lama đáng kính và nhiều vị Cao Tăng Tây Tạng khả ái. Dalai Lama XIV đã đi nhiều nơi trên thế giới để thuyết pháp, kiến thức và trí tuệ của ngài cũng như khả năng hiểu biết về tâm lý con người đã giúp ngài chinh phục trăm ngàn người bạn khắp nơi trên thế giới. Tánh khôi hài, lòng thương người và năng lượng tử bi của ngài là bằng chứng sống động cho sự mạnh mẽ và hiệu lực của Phật Giáo Tây Tạng cũng như giá trị con người của ngài đối với nhân loại.

Danh từ "Tulku" có nghĩa là vị thầy tái sinh, đã và đang là một phần của văn hóa Tây Tạng. Dalai Lama là một trong khoảng trăm ngàn vị tái sinh đó. Tuy nhiên ngài là

trường hợp vô cùng đặc biệt giữa những vị tái sanh. Ngài cũng giống như vua của những vị tái sanh, người vượt lên trên tất cả mọi ranh giới của trường phái và truyền thống Phật Giáo Tây Tạng. Kế bên địa vị thế quyền trên lãnh thổ Tây Tạng, ngài còn là vị lãnh đạo tinh thần của người dân Tây Tạng, kể cả những vùng mang sắc thái Phật Giáo Tây Tạng của Mông Cổ, Tây Hoa, Bắc Ấn v.v... Những người theo ngài không chỉ giới hạn trong sáu triệu dân Tây Tạng mà có lẽ trên mười triệu tín đồ Phật Giáo. Hiện tại Tây Tạng không phải là một nước độc lập, vì vậy thế quyền của ngài không có giá trị thực tiễn lắm, tuy nhiên ảnh hưởng của ngài trong lãnh vực tâm linh lại lớn mạnh hơn bao giờ hết. Không những thế, mọi người cũng rất tôn trọng Phật Giáo Tây Tạng cũng như tu sĩ Tây Tạng nói chung và những vị cao tăng Tây Tạng nói riêng.

Sự thất bại và hồi phục của Tây Tạng đã được ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava) tiên đoán từ thế kỷ thứ VIII. Chính ngài đã đưa ra lời sấm "Khi những cánh chim sắt bay và những con ngựa chạy trên bánh xe, thì pháp sẽ rơi vào tay quốc gia của những người dõ". Có thể sự khổ đau của Tây Tạng và sự chịu đựng của dân Tây Tạng là một bước ngoặt cần thiết để giới thiệu với thế giới về nền văn hóa phong phú của Tây Tạng.

Khi nói về bài sấm trên, đức Dalai Lama XIV đã tuyên bố: "Tiên đoán hay không có tiên đoán đi chăng nữa, thì Tây phương đã thể hiện một sự thích thú lớn đối với Phật Giáo. Ngày càng nhiều đại học có chương trình giảng dạy Phật Học. Hàng ngàn trung tâm thiền Phật Giáo đã được mở ra trên thế giới. Chính bản thân tôi tin rằng Phật Giáo không thuộc một dân tộc hay một quốc gia nào mà là gia tài của toàn thế giới. Phật Giáo cho chúng ta rất nhiều trong công cuộc xây dựng và phát triển tâm linh. Khi chúng ta có sự hiểu biết tâm linh thì chúng ta cũng hiểu được khả năng sáng tạo của con người để phục vụ cho hòa bình và hạnh phúc nhân loại. Nếu những người Tây Tạng chúng tôi có thể đóng góp được gì chúng tôi luôn sẵn sàng. Trong Phật Giáo có rất nhiều khía cạnh đem lại lợi ích lớn lao cho con người như những phương pháp phát triển lòng thường không vị kỷ, lòng tử vô biên và trí tuệ siêu việt. Mọi người đều có lợi khi thực hành các pháp môn này... Để có thể tu tập đạo Phật người ta không nhất thiết phải trở thành Phật tử. Mục đích của giáo lý chính là phục vụ cho nhân loại... thế giới rất cần hòa bình, yêu thương và cảm thông. Phật Giáo có thể cung ứng các điều đó và người Tây Tạng chúng tôi sẵn sàng góp sức mình vào công cuộc. Chúng ta đều thuộc về hành tinh này, tất cả chúng ta đều như anh chị em, đều có một thân thể vật lý và khả năng tâm linh, đều có những khó khăn và những nhu cầu như nhau. Chúng ta đều phải đem hết sức mình để phát huy tối đa khả năng con người hầu cải thiện chất lượng của cuộc đời... Nhân loại rất cần sự giúp đỡ. Thời đại của chúng ta là một thời đại vô cùng khó khăn. Trong chúng ta ai có khả năng hãy tự mình bước tới. Bây giờ chính là thời điểm thích hợp nhất..."

Một vài nhận xét về Đạo Phật



• Cư sĩ Đông Phương MAI LÝ CANG

Đ i trước mọi biến thiên về lịch sử của tôn giáo trên quả địa cầu và hiện vẫn còn tiếp tục duy trì ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống tinh thần trong cộng đồng xã hội con người hàng ngày. Người ta có thể nói rằng khởi thủy nhân duyên do yếu tố hoàn cảnh địa lý đặc biệt, rơi đúng vào thời điểm không gian mà Đạo Phật như đã bắt đầu báo hiệu mở màn khai sinh ra một hiện tượng chuyển hóa tâm linh vô tiền khoáng hậu trong kỷ nguyên lịch sử loài người bằng sự ra đời của Đức Phật. Hiện tượng đó dần dần đã chính thức được tìm thấy bằng hình ảnh thực tế rõ ràng của một vị Vua uy quyền tuyệt đối. Một vị minh vương chọn lấy quyết định từ bỏ ngai vàng điện ngọc của mình để ẩn dật vào núi thâm sơn cùng cốc nhằm mục đích xả thân cầu đạo để nguyện cầu độ và giải thoát cho hết thảy chúng sinh.

Về sau, với học thuyết Tứ Diệu Đế sau khi đắc đạo và trải qua bốn mươi lăm năm hành đạo, giáo lý Thích Ca đã làm tốt được cả tính con người chúng nghiêm bằng phương pháp tu tập. Hiện tại, người ta có thể nói quả quyết không sai là chính nhờ vào bản tính hiền từ, nhân hậu mà Đạo Phật đã đem đến niềm Vui cho người đời và mọi nhà tìm thấy con đường hạnh phúc. Cũng trên căn bản của một thủ tình thường bao la, tuyệt nhiên không bao giờ có sự hận thù và kỳ thị, cuộc truyền bá tư tưởng của Đạo Phật đã thành công, được đánh giá coi như là có rất nhiều hậu quả thuận lợi. Nó không những không làm đổ giọt máu nào của con người mà còn có thêm cơ vận hội để hễ mỗi khi bành trướng giáo lý đến đâu thì cũng gom thu trọn vẹn được nhân tâm trong cái thế bất chiến tự nhiên thành.

Bản về cuộc cách mạng tâm linh ôn hòa, tinh diệu đó, các sử gia Tây phương thường lấy mô hình thực thể trong triết lý mang sắc

thái độc đáo của tính chất hiếu hòa, bất bạo động của Đạo Phật để viện dẫn cho nền văn minh tinh thần được phát huy mạnh mẽ ở Đông phương. Và nếu đem so với những nhà hiền triết về vật lý, thông thái của Hy Lạp ở phương Tây như Platon, Socrate thì Đức Phật (Sakyamuni) trước đó cả một thế hệ cũng đã là một nhà triết học, thông thái. Chính Ngài là người đầu tiên đã khám phá ra được những nguyên tắc căn bản về ý nghĩa cuộc sống của con người mà ngay đến cả môn khoa học thực nghiệm hiện nay cũng phải chấp nhận, chứng minh cho cái nền tảng của học thuyết cao siêu đó không đi ra ngoài khái niệm và nguyên tắc căn bản của vật lý như trường hợp của lý thuyết "Nhân quả" là một trường hợp điển hình. Cùng với thuyết "Vô thường" Đạo Phật có sức bành trướng rộng rãi và đã được sự đón nhận kỳ diệu của dân gian chào mừng một cuộc cách mạng tâm linh có tác dụng chuyển hóa tinh thần, tư tưởng. Với ý nghĩa sáng đạo tốt đời, Đạo Phật thủy chung có mặt bên cạnh người giàu sang, kẻ khốn cùng luôn nhắc nhở họ là họ đang tham gia hưởng ứng lời kêu gọi đi tìm sinh lộ giải thoát cho chính bản thân họ cũng sẽ làm được mọi điều phúc lợi khác hơn với tinh thần vô ngã vị tha qua biểu tượng của mọi hành động xuất phát từ ở tấm lòng tử bi, hỉ xả. Tuy nhiên, nhìn vào sự phát triển của Đạo Phật cho đến ngày hôm nay (nói chung) sau khi trải bao giai đoạn thăng trầm, hưng phế thì người ta đều nhận thấy rõ ràng bất chấp thời gian, cái cốt lõi trong thực chất của Đạo Phật lúc nào cũng là sự thanh tịnh. Chính sự thanh tịnh là một câu trả lời xác định để giải quyết cho mọi vấn đề. Còn về phần tích cực hơn thì ảnh hưởng tan biến, thấm nhuần vào Đạo Phật thì như một luồng gió mới thổi vào không gian trí tuệ của chúng sinh làm tỉnh thức những cơn ác mộng bàng hoàng của con người để kịp thời nhìn lại chân tướng của vạn vật, biết phân biệt điều hay lẽ phải, biết binh vực và bảo vệ người hiền từ, không may vô phúc. Chính cuộc cách mạng tâm linh, huyền diệu, âm thầm không giới tuyến này từ lâu đã làm phản ảnh được bằng sự sùng kính, thiết tha của con người vốn yêu chuộng tự do, công bằng, nhân ái, không đứng bên lề của trật tự kỷ cương xã hội. Nhờ vậy mà lòng trắc ẩn của ý nghĩa Tử Bi lúc nào cũng là trọng tâm trong hàng quốc sách của các nhà cai trị quốc gia coi như là bài toán của phương thuốc chữa trị về an sinh xã hội hầu làm giảm thiểu được nhiều bất công, đau khổ.

Trong lịch sử hoàng pháp lợi sanh của Đạo Phật cũng có lắm khi gặp phải nhiều trở ngại vì không hiếm người nông cạn hiểu lầm về ý nghĩa của cuộc sống tu hành, phục tùng theo giới luật. Thực ra, hình ảnh của một vị Tu sĩ thoát tục đêm ngày tụng niệm, khẩn cầu, cầu an cho thập phương bá tánh ở trong chùa hay như hình ảnh của một vị Cư sĩ khả kính thuận duyên tu tập, triệt để thi hành theo lời răn dạy thì ngoài mục đích đi tìm chân lý giải thoát cho mình; các vị đó lại còn thể hiện ra được ý nghĩa của tinh thần đại hùng lực khi quyết định dẫn thân bảo vệ

móng nền đạo pháp. Hành động cao quý đó chẳng khác nào nguyện ước ra đi bảo vệ non sông của những con người chiến sĩ hiên ngang, hy sinh lao thẳng vào trận mạc, đắp lũy xây thành để giữ vững quê hương được độc lập, tự do và đồng bào mình được vui sống yên lành, hạnh phúc. Tuy nhiên, chừng ấy những sự kiện đó vẫn chưa làm nổi bật được hình ảnh của những con người ngoan đạo, trung thành theo lời Phật dạy tùy duyên tận tụy hầu hạ đấng sanh thành, một vai công cha, một tay đỡ mẹ, sớm hôm săn sóc tại nhà. Phải hiểu được như vậy mới thấy tác dụng của Đạo Phật là nhằm vào mục đích cố gắng hướng dẫn con người đi lần tới một nền luân lý nhân tính phù hợp với luật tự nhiên trong trời đất. Trong trường hợp khác, ảnh hưởng của Đạo Phật làm chuyển hóa được tính tình của một con người biết phục thiện không phải vì sự căm thù, mua chuộc. Vì nói cho đúng hơn mọi hành động của Tăng đoàn truyền bá chánh pháp đi rắc gieo hạt giống Bồ Đề của Đạo Phật tuyệt nhiên không hề có mang tính chất đấu tranh để đòi hỏi đối phương phải dừng guồng xuống ngựa bao giờ. Nhưng bởi vì cái triết lý cao siêu, hường thượng mà thực tế từ trong bản chất tinh thần của Đạo Phật tự nó có nhiều khả năng lôi cuốn được con số đông người nên họ dễ dàng chấp nhận như là một sự tự nhiên, nhẹ nhàng cảm khái. Chính vì vậy mà người ta chỉ tìm thấy được rõ ràng cái giá trị ưu việt của Đạo Phật trải dài ra dưới hình thức của chiều sâu hơn là chiều rộng. Hơn thế nữa, cũng như qua bao nhiêu kinh điển, giáo lý Thích Ca để lại cho đời sau sâu sắc từ học thuyết cách mạng tinh thần sang đến phương thức dẫn thân hành động, thủy chung Đạo Phật lúc nào cũng chứng minh được ước muốn "Sống Chung Hòa Bình" giữa người và người, giữa quốc gia này và quốc gia nọ trong cộng đồng quốc tế mà trong đó mọi cuộc tranh chấp về bất cứ nguyên nhân nào cũng có thể dừng đến một loại vũ khí căn bản duy nhất để giải quyết đó là Tình Thương.

Trở lại vấn đề Đức Phật sáng suốt đã dứt khoát từ bỏ lập trường chính trị nước nhà để hiến mình vào thiên chức phục vụ văn hóa, nhân sinh trong cộng đồng nhân loại. Ngài đã hành động bằng cái thế và cái lực của một công dân, một Tu sĩ chứ hoàn toàn không phải lợi dụng vào quyền năng của một vị chúa tể ở trong nước để mà thành công sự nghiệp để đời. Hay nói cách khác cho đúng hơn thì Ngài đã thành công chính nhờ vào ở tài năng, đức độ siêu phàm của cá nhân mình. Điều này có nghĩa là chúng ta muốn nói đến cái kho tàng pháp điển bao la vô cùng tận của triết lý Đạo Phật mà Ngài đã để lại cho tất cả con người cùng thừa hưởng. Và một khi đến với Đạo Phật thì ai ai cũng có những phương tiện bình đẳng giống nhau, ai ai cũng có tinh thần tự do hành sử lương tâm trước mọi quyết đoán về chân lý; ai ai cũng có đầy đủ tư cách nhân quyền để chọn lựa đức tin như bao kẻ khác vì tất cả đều cùng là những tế bào của chung vũ trụ bao la. Sau Đức Phật, những nhà làm chính trị và văn hóa khác đều có khuynh hướng dùng đến

bạo lực để mở mang biên cương học thuyết của họ cho nên vô hình trung vấp phải những cái mốc oan nghiệt của thời điểm không gian mà chung cuộc phải đi vào bánh xe của định mệnh.

Trong kỷ nguyên lịch sử của loài người, sau khi biết khám phá ra được giá trị màu nhiệm của lửa thiêng và có ý thức về sự chết thì đến phiên Đức Phật đã sáng suốt thần thông tìm ra chân lý vĩnh cửu để hướng dẫn đời sống của con người đi ra khỏi bóng tối đường hầm ở địa ngục. Học thuyết Tứ Diệu Đế do đó trở thành một kho tàng văn hóa của muôn loài, vừa làm bức thành tri kiến cố của nền tảng phát huy cách mạng đại qui mô về tâm linh, trí tuệ của con người về sau trên mặt đất.

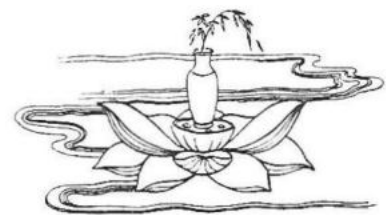
Lại ngược dòng thời gian trong khi các tôn giáo ở phương Tây chưa từng xuất hiện thời bấy giờ thì Đạo Phật đã mở minh hùng cử trên một vùng địa lý lớn lao trong quá khứ song tầm ảnh hưởng phát huy nền văn hóa Thích Ca lúc nào cũng được coi như là khiêm tốn. Tuy nhiên, sự bành trướng chậm chạp đó phải hiểu một phần vì do phương châm căn bản hiểu hòa theo con đường chỉ đạo của lượng hi xả, đức từ bi. Và một phần khác là Đạo Phật đã phải tạm dừng chân để khai sinh ra nền văn hóa Ấn Độ và làm phong phú thêm cho nền văn minh Trung Quốc. Còn nữa, Đạo Phật lại mất thêm khá nhiều thời gian để chờ tiêu hóa tín ngưỡng vào khắp cả Á Châu vào những năm trước Tây lịch. Do vậy, nếu ngày nào mà người ta còn được hiểu quá trình văn minh duy linh và duy tâm ở Ấn Độ và Trung Quốc như là tuyệt hảo thì tức là ngày đó người ta còn phải mặc nhiên công nhận cái giá trị thực tế hiển nhiên của một nền văn hóa về vang phát triển lên theo đường tung độ trong lịch sử mở mang của Đạo Phật. Vì thế mà Đạo Phật đã từng có dịp bén rễ, ăn sâu vào từng các tế bào của chúng sinh trong đời sống xã hội dân gian ở phương Đông. Ngoài trường hợp cực thịnh của Đạo Phật dưới thời kỳ của An Dục Vương ở Ấn Độ và dưới đời Đường ở Trung Quốc. Nói riêng, chính trong lịch sử xã hội của Việt Nam dưới triều đại Lý - Trần thì cuộc chuyển hóa tâm linh của Đạo Phật cũng đã ảnh hưởng đến biết bao nhiêu quan niệm nhân sinh từ thành phần Vua tôi cho tới hàng dân dã và đã cảm hóa, thấm nhuần, thu phục được tuyệt đại đa số tín đồ trong cả nước "Thiên hạ Lý - Trần bán vì Tăng". Cái thế thượng phong của Đạo Phật trong Tam Giáo đồng nguyên (Thích-Nho-Lão) từ đó lưu truyền đến mãi về sau hãy còn được dịp chứng minh hùng hồn qua các tác phẩm văn chương, điêu khắc và kỹ thuật kiến trúc mà điển hình là dấu tích của ngôi Chùa Một Cột tiêu biểu cho nền văn hóa đặc thù của Đạo Phật hiện diện lâu đời trên vòm trời đất Việt.

... Khoảng cách với thời đại của chúng ta trên hai mươi lăm thế kỷ dài, mỗi đại duyên Đức Phật giáng trần báo hiệu điềm lành đổi thay cuộc sống tâm linh nhằm cứu độ con người thoát ra khỏi cảnh trầm luân bể khổ ở trên đời. Do vậy cho nên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn thì các đệ tử của Ngài liền đem cái kho báu tư tưởng, tinh thần từ trong

núi Tuyết ra để mà tiếp tục sự nghiệp đầu tư vào phúc lợi của chúng sinh thể theo tấm lòng ước nguyện thương người của Ngài như non cao biển cả... Trải qua bao lần dâu bể, tang thương, thế sự thăng trầm đã có biết bao nhiêu Phật Tử không phân biệt quốc tịch, màu da lần lượt đứng lên đóng góp, hy sinh bảo vệ và phát huy cho Phật pháp được mãi mãi trường tồn. Giờ đây, thừa hưởng được di sản tinh thần thiêng liêng vô giá đó, người Phật Tử bốn phương không sao quên được công ơn của Đức Thế Tôn trong những ngày lễ Phật khắp nơi nghỉ ngút hường trầm. Tuy nhiên, phút giây hiển linh mong đợi của các tín đồ là sự báo ứng của Đức Phật thị hiện ra ngay tức khắc để đáp lại lời khẩn nguyện kêu đòi cứu rỗi của chúng ta và của riêng mình sẽ không bao giờ có, và mãi mãi tuyệt nhiên không bao giờ có. Bức tượng hình uy vệ trên bàn thờ nhang khói đó chỉ là những chân dung tôn nghiêm, biểu tượng cho tài năng, đức độ của một đấng siêu phàm. Thường người đời tục lụy, Ngài đã ra công xây đắp sẵn một con đường bác ái nối dài để cho tất cả mọi người cùng đi đến cuối nẻo cực lạc trần gian, phần còn lại là phương tiện đi chuyển của mỗi chúng ta tùy duyên hạnh ngộ. Vì thế, cuộc chuyển hóa tâm linh của Đạo Phật lại còn có thêm một ý nghĩa khác là nhằm vào tinh thần tự giác, khuyến bảo con người hãy ráng tu hành, cố gắng đứng dậy tự thắp đuốc mà đi về hướng rạng đông - nơi mặt trời vẫn mọc dù tiếng gà không gáy sáng...

Cùng với niềm hy vọng mới bắt đầu, chúng ta hãy nghĩ đến những hình ảnh ảnh của một sự đổi thay lúc nào cũng được coi như là cần thiết để sám hối, quên mình (diệt ngã) trước ngọn hải đăng dẫn đường trong đêm tăm tối.

Tình Xuân



• Tôn Nữ Hỷ Khương

*Hoa Giáp quay vòng thoát tới nơi
Vẫn cười, vẫn nói, vẫn vui tươi
Nghêu ngao nửa túi thơ hòa nhạc
Ngỡ ngàng đời phen mộng với đời
Quý bạn thường hay tìm gặp bạn
Thường người nên nguyện sống
cho người
Trước thềm năm mới Xuân lơ lửng
Bát ngát tình Xuân, ý tuyệt vời*

SỔ TÁO QUÂN

• Đan Hà

Muôn tâu Ngọc Hoàng
Hạ thần vội vàng
Lên châu Thượng Đế
Để kịp trình tâu
Việc dưới Địa cầu
Trong năm Bính Tý
Người dân chuẩn bị
Ăn Tết con Trâu
Công việc bù đầu
Nên không sắp xếp
Sổ táo dâng hoàng
Nên xin Ngọc Hoàng
Tủ bi hỷ xả

Trước tiên tại hạ
Xin có vài lời
Sở lược khắp nơi
Tin tức Thế giới
Những gì liên đới
Đến việc hòa bình
Hạnh phúc nhân sinh
Theo dòng lịch sử
Năm nay bầu cử
Tổng Thống Quốc gia
Của xứ cờ Hoa
Đến hồi chung kết
Tuy nhiên chưa hết
Những việc luận bàn
Các xi-căng-đan
Của cựu Tổng Thống
Ông Bill Clinton
Nhưng chạy lòng vòng
Rồi Ông vẫn thắng
Vào tòa nhà Trắng
Thêm một nhiệm kỳ
Như thế cuộc thi
Cũng đâu vào đấy

Tin mừng còn thấy
Tại nước Nga Xô
Sau cuộc chạy đua
Jeltsin đứng vững
Nhưng lại gặp chứng
Suy nhược bệnh tim
Nên phải chạy tìm
Đốc-tử thật giỏi
Mỗi mong chữa khỏi
Căn bệnh ngặt nghèo
Tình thế cheo leo
Để củng cố nền
Đã qua giải phẫu
Sức khỏe còn gầy
Một ngày rất gần
Sẽ về Cẩm Điện
Thế là cái chuyện
Lo lắng ở Nga
Cũng đã cho qua

Để bàn việc kế
Cũng nên xin kể
Tại xứ Mông-Gô
Bầu cử tự do

Dân chủ toàn thắng
Ông Enkhsaikhan
Tiến sĩ toán học
Đã lên tuyên đọc
Thông điệp hòa bình
Trong ngày quang vinh
Tháng bảy chín sáu
Hiện tượng quý báu
Như trong giấc mơ

Gây sự bất ngờ
Đàn anh Trung Quốc
Tủ nay đã mất
Một nước đàn em
Nằm ở kế bên
Môi là hốt hoảng
Nên lo sửa soạn
Chiếm đảo Đài Loan
Xúi giục Bắc Hàn
Chạy đua với Nhật
Trong việc cướp giết
Quần đảo Biển Đông
Mà chúng hằng mong
Quy về một mối

Trở về Giáo Hội
Phật Giáo Âu Châu
Thống nhất từ lâu
Cùng chung sinh hoạt
Mở lớp Phật Pháp
Mỗi năm một lần
Phật Tử xa gần
Đều về học Phật
Bàn tin mỗi nhất
Hội đồng Giáo hội
Vừa qua phân phối
Năm tân Trụ trì
Cho năm Chùa mới

Hai Chùa Pháp Quốc
Vạn Hạnh, Phổ Hiền
Phật Quang Thụy Điển
Quảng Hưởng Đan Mạch
Đôn Hậu Na Uy
Năm tân Trụ trì
Về lo Phật sự
Cho hàng Phật tử
Tại các địa phương
Thật là tin mừng
Trước sự phát huy
Đạo Pháp lễ nghi

Đồng bào hải ngoại
Không quên lo ngại
Phật Giáo quê nhà
Bị bọn gian tà
Tìm cách hãm hại
Đạo đức luân bại
Học thuyết vô thần
Nên xem nhân dân
Như người tôi tớ
Chi lo bị bỏ

Đế quốc giàu sang
Củng cố đảng đoàn
Đế vớ đầy túi
Người dân vô tội
Vẫn chịu thiệt thòi
Bằng chứng hằn hoi
Qua Đại hội Tám
Cộng sản vẫn bám
Thế chế độc tài
Chủ thuyết ngoại lai
Cửa phe thủ cựu
Đổi mới kinh doanh
Chia chất quyền hành
Để cùng hưởng lợi
Bề ngoài thì nói
Khúc ruột nổi dài
Những người nước ngoài
Đều đồng bào cả
Như nước với cá
Nhưng trong thâm tâm
Kêu gọi về thăm
Để thấu ngoại tệ
Qua những điều lệ
Thủ tục giấy tờ
Rắc rối như tờ
Để làm khó dễ
Ai chết mặc kệ
Miễn đây túi tham
Của lũ bạo tàn
Bán dân hại nước
Năm nay trong nước
Bão lụt thiên tai
Dân đói dài dài
Thật là thảm hại
Hai miền Bắc Nam
Không gạo để ăn
Vi danh xuất cảng
Kêu cứu Tủ bàn
Cửu trợ thiên tai
Phẩm vật nhận rồi
Cho vào túi đảng
Cơ quan thiện nguyện
Tôn giáo Việt Nam
Đều bị bắt giam
Trên đường cứu trợ
Ai mà giúp đỡ
Cho dân bên nhà
Mà không phải qua
Lãnh đạo kiểm soát
Là sẽ bị phạt
Hiện vật tịch thu
Bắt nhốt vào tù
Cho là phản động
Sẽ bị vu khống
Cấu kết âm mưu
Đế quốc cầm đầu
Lật đổ chế độ
Những việc thua lỗ
Nhưng việc thua lỗ
Đều về phía dân
Gánh chịu trăm phần
Vẫn không đổi khác

Đến đây tạm gác
Tin tức Quê nhà
Để xin tâu qua
Sinh hoạt có khác
Với những năm xưa
Năm nay được mùa
Quan khách thăm viếng
Trước tiên kể đến
Đức Lai Lạt Ma
Thăm Viên Giác tự
Thật là vinh dự
Phật Tử Việt Nam
Khắp các Tiểu bang
Sống trên nước Đức
Vi Ngài là bậc
Bồ Tát hiện thân
Thể hiện tinh thần
Tủ Bi vô lượng
Đến Ông Thủ Tướng
Tiểu bang "Dắc Xăn"
(Niedersachsen)
Là vị Ân nhân
Của Chùa Viên Giác
Cũng đến quan lâm
Chúc mừng Giáo Hội
Nhiều người biết tới
Cơ sở nơi đây
Từ khi dựng xây
Đến ngày Hoàn mãn
Nhưng tính các khoản
Tiền nợ xây Chùa
Đến nay vẫn chưa
Bồi hoàn đầy đủ
Cầu mong Phật tử
Ở khắp bốn phương
Phát tâm cúng dường
Xây Chùa Viên Giác
Dù nay có khác
Với những năm xưa
Phật tử về Chùa
Đông hơn gấp bội
Năm nay họp Hội
Bầu lại Chấp hành
Cho nhiệm kỳ tới
Đại diện Chi Hội
Mười lăm địa phương
Cũng đã hỗ trợ
Hai tân Hội phó
Ngoài ra còn có
Mười hai Ủy viên
Để lo việc thêm
Văn hóa, Báo chí
Thủ quỹ, Thủ ký
Do hai Huỳnh trưởng
Thuộc Ban Hướng Dẫn
Của liên Gia đình
Qua sự chứng minh
Thượng Tọa Chi Bộ
Cũng nhờ Phật độ
Công việc năm qua
Đều được hài hòa
Cũng như đoàn thể

Tôn Giáo Hội Đoàn
Kết hợp đấu tranh
Giải trừ Pháp nạn
Vận động thế giới
Kêu gọi quan tâm
Đến nước Việt Nam
Tôn trọng Nhân quyền
Tự do Tôn Giáo
Từ lâu tranh đấu
Ý chí kiên cường
Qua nhiều năm trường
Không bao giờ nản
Bồi vi Cộng sản
Vẫn giữ độc tài
Còn làm tay sai
Cho quân Cộng phi

Vừa qua Ngọc sĩ
Tác giả Ngọc Ca
Cũng mới được ra
Nước ngoài tỵ nạn
Ông kể nhiều lắm
Sự thật phủ phàng
Những chuyện rõ ràng
Hiện nay trong nước
Người dân chẳng được
Áo ấm cơm no
Khoai sắn bo bo
Cũng không đủ sống
Nhà cao cửa rộng
Cán bộ chia nhau
Cấp cao quản lý
Năm nay Bính Tý
Trần hãm một năm
Dân tộc Việt Nam
Đói rách lầm than
Vẫn còn nguyên thế
Kính mong Thượng Đế
Hoan hỷ quan tâm
Để cho người dân
Ấm no hạnh phúc

Thần xin kính chúc
Thượng Đế Ngọc Hoàng
Năm mới an khang
Thân tâm an lạc
Và xin dịp khác
Hạ thần sẽ lên
Thiên Đình bái kiến.



VƯỜN THƠ VIÊN GIÁC



GỌI THẦM GIỮA MÙA XUÂN LỢI HƯƠNG

■ Phù Vân phụ trách

Đang hồ hững nhìn cảnh sinh hoạt bên ngoài của đại hội Cap Anamur tại Troisdorf, tôi thót giết mình vì bị nhắc bóng lên. Qua vòng tay ôm chặt, tôi chỉ nhìn thấy được mái tóc chớm bạc, thể đứng vững chắc và nghe tiếng cười vui mừng của kẻ đang ôm mình. " Mẹ " Tôn đó chủ chẳng còn ai ! Cái thói quen, từ hai mươi năm không gặp, chẳng có gì đổi thay !

Hai mươi năm kể từ ngày còn là một thú sinh " áo trắng " thực tập tại bệnh viện Đà Nẵng, " mẹ " thường bỏ về nhà tôi giữa đêm khuya, lục cơm nguội ăn với mắm ruốt. Nhà tôi - nhà của chính phủ dành cho một trường có quan, cũng là chỗ nghỉ chân khi " mẹ " chán chê mùi thuốc bệnh viện hay khi cần tìm một chỗ ngủ bình yên. Khi thành ông đốc, " mẹ " biến mất theo thời cuộc, theo nhu cầu chiến tranh. Sau đó " mẹ " đi tu nghiệp và kẹt lại nơi đây vì cuộc đời đời ! " Mẹ " giận đời tiếp tục học thêm vài ngành chuyên khoa và hiện phục vụ trong một bệnh viện Nam Đức.

Tôi hận đời, vượt biên ! Được tàu Cap Anamur vớt. Rồi từ trại tạm cư ở Singapore, tôi được đưa đến trại chuyển tiếp ở Muenchen, Tây Đức. Theo danh sách phân phối, tôi được đưa đi tạm cư ở trại Bayreuth, nhưng tôi có người bạn đồng môn bị bệnh đang chữa trị, nên tôi xin ở lại và cuối cùng được đưa về trại Rothenburg. Trong lúc đó " mẹ " lại đang làm thông dịch thiện nguyện cho trại Bayreuth. Trở trêu thay !

Nếu gặp " mẹ " trong thời gian còn chân ướt chân ráo ở Đức, chắc tôi được " mẹ " hướng dẫn những điều cần thiết để tiến thân. May ra cuộc đời có khá hơn bây giờ chẳng ? Thế nhưng chẳng có gì đáng buồn. Mỗi người có một nhân duyên - lành hay dữ để trả vay. Mỗi người có một phần số - sướng hay cực để thụ nhận ! Trước hay sau, sớm hay muộn đều cũng thế !

Mùa xuân đầu tiên trên xứ người với tuyết lạnh. Cái tâm thức lãng mạn của thời tuổi thơ trong tôi với mở ước ngày nào thấy mình lạc trong biển tuyết. Những cơn mơ đã tan biến

theo những cành ngô tang thương của đất nước, của thân phận làm người. Giở đối diện với thực tại, nghe nỗi buồn mất quê hương xót đắng, nuốt từng tiếng thở dài xa vời nguồn cội vào tận tâm can. Đêm giao thừa đã qua, những lời chúc Tết nghe nghẹn ngào, ngượng ngập.

Mùa xuân, ngồi thu mình bên song cửa, nhìn không gian phủ đầy tuyết lạnh để thấy tưởng lai cũng mịt mùng như sương tuyết mà những kỷ niệm xót xa còn lại trên quê hương không dễ xóa nhòa như những dấu chân in trên tuyết giá. Những ngày xuân trong trại, cô đơn ôn lại cuộc hành trình đã qua của một đời người để chỉ thấy những mất mát không bao giờ tìm lại được, những nỗi buồn tại thế lắng đọng khôn nguôi...

Chung cuộc ai cũng như ai, con người mãi đeo đẳng với nỗi buồn viễn xứ. Những thành tích lẫy lừng, những kỳ công tuyệt thế hay những thất bại triền miên, những khổ đau với với...giờ chỉ còn là bóng đêm hiện hữu trong tâm, trách nhiệm nặng trĩu trên vai hay nỗi chán chường tột độ khi cuộc đời đi vào bóng ngả tà huy trong hoài cảm quá khứ và trong nhạt nhòa hiện tại. Thế sự ngổn ngang, vũ trụ mênh mông, cuộc đời đầy dẫy mù mịt...

Mỗi mùa xuân là mỗi hiện diện, mỗi va chạm với niềm cay đắng tủi nhục tan hàng rã ngũ của hơn hai thập niên cũ. Ta ngỡ như mình đang ở trong cơn mê dài đến mùa xuân mới chợt tỉnh. Sừng sốt lại hoàn toàn sừng sốt, đau thương lại hoàn toàn đau thương. Ta lại phấn đấu dẫn vật với những đối lực cố đim ta xuống hay muốn dẫn ta vào mê lộ với nhiều nhân danh kỳ quái, những chiêu bài mê hoặc...

Củ thế cuộc đời đặt ta vào những cảnh ngộ bất trắc, những hoài nghi vô cớ. Cái đáng đáng than thuộc của thế giới chung quanh ngày càng phình gạt ta bằng những vỗ về ân cần, bằng những khuyến dụ an ủi, bằng những mưu thần chú quỷ để mong đẩy ta đến một cảnh đời xơ xác; để mong vây hãm ta trong những tiếng cười nhạo báng. Người ta sẽ rất hài lòng sung sướng thấy ta tan tác ra từng mảng đời...

Củ thế cuộc đời giảng bày những tình huống éo le để ta mang nặng cái mặc cảm gầy đổ thường đau. Niềm vui và hạnh phúc, ăn sung và sự đãi ngộ chẳng qua là những

bào ảnh hủ vô phản chiếu qua lăng kính tham vọng sân si.

Ngày nào ta còn bị ràng buộc trong cái tưởng già hữu, bị lôi kéo vào vòng thị phi thiện ác thì ta không thể nào thoát ra khỏi vòng mù mịt vô minh. Trong thiện có ác, trong ác có thiện. Khó phân biệt, khó tách rời nên khó diệt. Có thiên thần có ác quỷ, có lợi có hại, có tốt có xấu. Từ sự phân biệt tranh chấp này mà con người luôn hần học, thù hận, chém giết lẫn nhau. Rồi cuộc đời xoay vần mãi mãi không yên. Phải chăng, chỉ vì ta không có lòng tử, gạt bỏ cái tâm phân biệt để không thấy có mình và người để chỉ thấy tất cả là một ?

" Mẹ " Tôn đã vào đời, làm việc hạnh lành mà không hề khoa trương, tưởng như không thấy mình có làm việc hạnh lành ! Đối với một người có tấm lòng " lượng y như tử mẫu ", " mẹ " đã chứng kiến thường xuyên những sự đau đớn của con người, nỗi thống khổ của nhân gian nên " mẹ " để làm những việc vị tha hơn kẻ khác chẳng ?

" Mẹ " đi xin, đi gom những dụng cụ y khoa - từ cây kim cho đến những máy móc do các bệnh viện phế thải, tìm cách chuyển về trang bị cho Bệnh Viện Trung Ương Huế. Tôi đã nghe " mẹ " tâm sự về những khó khăn khi vận động bạn hữu trong y giới Đức qua một cơ quan tử thiện để về giảng dạy một năm vài ba tháng tại Đại Học Huế hay Saigon. Điều không phải dễ dàng nhưng " mẹ " lại thành công ! " Mẹ " thành công, không phải " mẹ " có thể lực gì, nhưng " mẹ " có tấm lòng biết thương người nghèo khổ và biết kiên tâm trì chí liên hệ hết chỗ này đến chỗ khác. Ngoài ra " mẹ " được bạn bè đồng môn đồng nghiệp hưởng ứng vì " mẹ " biết hy sinh không vì danh lợi. Điều mà nhiều người khác có tài, có khả năng hơn " mẹ " lại không làm được !

Tuy thế " mẹ " là người đứng giữa hai làn đạn, chịu tiếng thị phi... Vấn đề thiện ác, lành dữ, tốt xấu đều ở trong tâm và do tâm tạo ra. Cách đây khá lâu, " mẹ " đã tổ chức lễ truy điệu cho những vị Giáo Sư và các y sĩ người Đức bị Việt Cộng sát hại trong biến cố Tết Mậu Thân năm 1968 tại Huế. Hầu hết thân nhân của người quá cố đều đến tham dự và những học trò cũ của Đại Học Y Khoa Huế từ nhiều nơi trên thế giới đến Đức để tham dự buổi lễ này. Điều không phải ai cũng làm được. Thế mà " mẹ " lại làm được ! " Mẹ " không những rất xứng đáng là một người sinh viên đối với các vị giáo sư, mà còn làm rạng rỡ chính nghĩa cho chế độ cộng hòa. Hành động đó có phải là một biểu tượng chính trị có ý nghĩa hay không ?

Với tôi, " mẹ " là người đã đạt đến cảnh giới vô ngã lợi tha. Người ta cho rằng, không có một tư tưởng nào nảy sinh ra rồi lại mất đi, tất cả đều được lưu trữ dưới hình thức những chủng tử và sau đó tùy theo nhân duyên thích hợp nó sẽ phát sinh ra. " Mẹ " đã gieo những chủng tử này trong hiện kiếp. Cảm ơn " mẹ ", ít ra " mẹ " cũng gieo cho tôi trong tàng thức những hạt nhân hạnh lành, những mầm mống vị tha !

Mùa xuân - dịp quay về cội nguồn của bản ngã, hội nhập vào bản thể của chân như, bỏ

tiểu ngã hòa nhập vào đại ngã để đón nhận những đóa hoa vô úu.

Mùa xuân - dịp quay về với con tim, nghe rõ tiếng nói vô thanh- những âm thanh huyền nhiệm khi thân tâm thanh tịnh, khi trí huệ sáng suốt, khi si mê lầm lạc đã tan. Ấu đó là lúc ta nghe được tiếng kêu khổ đau để mang nước cam lồ trở về tuổi trên cuộc đời khổ ải...

Thế thôi chúng ta trở về thế gian, đi vào vườn thơ mùa xuân để nghe " Chạnh Lòng Tiếng Thơ Rời " thi tập của Vinh Hào (Chiêu Hà, Cali, xb. 1996) với thiên thi nhập thế. Mùa xuân đến nơi này thật nhẹ nhàng, những nhà thơ lại mở mùa xuân ở bên trời quê hương. Xuân như mộng những mộng nơi đâu, cả đời bỏ thường nhỏ ? Câu hỏi cũng thật nhẹ, thật khẽ những vẫn có khẳng định, xuân không ở nơi này :

*hoa pháo đỏ thềm này
mở xuân ở bên kia
đôi bờ đều như mộng
xuân thu ở đâu kia ?*

(Vinh Hào - Xuân Cầm)

Pháo đỏ, xuân mộng, người thơ muốn viết đôi dòng đầu năm, nhưng tìm bút chẳng thấy. Thôi đành châm thuốc, chỉ thấy khói tuôn những u sầu. Sầu của nhà thơ, dù là " trăm mạch sầu " sao người đọc nghe cũng lâng lâng, không nặng nề u uẩn, bởi:

*đầu năm muốn khai bút
tìm bút
chẳng thấy đâu
bật lửa châm thuốc
khói tuôn trăm mạch sầu.*

(Vinh Hào - Khai Bút)

Châm thuốc mới thấy sầu. Sầu trong tâm chẳng ? Những nhà thơ muốn khai tâm, mà tìm tâm hoài chẳng thấy. Thôi đành ngâm vài câu thơ thiên. Tự nhiên nỗi u uẩn biến mất. Hay thật:

*lặng ngồi phút khai tâm
tìm tâm
chẳng thấy đâu
thiền ngôn đột hứng ngâm
xóa tan muôn mạch sầu.*

(Vinh Hào - Khai Tâm)

Thế thì nhà thơ vui xuân làm sao? Một mình, một bình trà, mùa, lạnh, hoa run rẩy. Có quạnh mà không buồn hay tiếng buồn lắng trong không gian, hay tiếng buồn lẫn trong tiếng mùa với ngàn hoa run rẩy:

*vui xuân chỉ qua loa
độc ấm
một bình trà
ngoài hiên
mưa đổ xuống
lạnh
run rẩy bóng ngàn hoa.*

(Vinh Hào - Vui Xuân)

Thấy hoa, thấy mùa xuân trong mắt người thương, nhờ nhu hướng của tình yêu, nhờ vòng tay ôm, phải hoa quỳnh nở ở vườn nhà ai ?

*xuân về trong mắt em
lạnh lạnh nhụy hướng tình
trao nhau vòng tay ôm
vườn ai nở đóa quỳnh.*

(Vinh Hào - Quỳnh Hoa)

Chỉ có nhỏ như vậy mà người thơ lại ăn năn, dù biết rằng mình không uống rượu mà lại say đến trời đất đảo điên, nên buông lời làm lộ như những phiếm đàn vụng dại. Nhờ rồi quên như cơn mộng mị nên đã nửa đời mà chân vẫn củ ngạp ngừng quẩn quanh .

Thời nhè, dứt khoát đêm nay người thơ thành khẩn ăn năn quên chuyện cũ như những chiếc lá âm thầm mục nát với thời gian. Bởi:

*rượu không chiuốc mà say đời điên đảo
lời chẳng buông sao làm lộ dây hoai
ta vụng dại rung phiếm đàn hú áo
nhỏ rồi quên
để mộng ấy trôi dài*

*mộng còn chẳng
trên nửa đời quanh quẩn
nào mở cửa
mà chân bước ngập ngừng*

*đêm nay rút trần một tâm thành khẩn
chuyện ngày xưa như lá mục bên rừng.*

(Vinh Hào - Ăn Năn)

Một lần nào đó người thơ thấy mình đi giữa quạnh hiu, đeo đẳng giấc mộng phù sinh với nỗi buồn bóng đổ. Thân thể một mai cũng thành cát bụi tàn phai. Xin cúi mặt nghẹn lời sám hối, bởi " trót sinh làm kẻ phiêu bồng " nên tấm lòng " đâu dễ mặn nồng riêng ai ":

*phù sinh giấc mộng oằn vai
chút thân cát bụi
tàn phai sớm chiều
ta người đi giữa quạnh hiu
thoắt trông bóng đổ:
buồn trêu xóm người*

*một hình hài
nửa cuộc chơi
chữ xin cúi mặt nghẹn lời tình không
trót sinh làm kẻ phiêu bồng
tâm từ đâu dễ mặn nồng riêng ai
phù sinh giấc mộng oằn vai
chút thân cát bụi
tàn phai sớm chiều.*

(Vinh Hào - Sám Hối)

Rời chốn thiền môn ta đi đến vùng Dordogne của Pháp. Nơi của hơn 300 văn thi sĩ từ 54 quốc gia trên thế giới về hội tụ trong lễ " Đệ Lục Hội Thoại Quốc Tế Pháp Ngữ-Việt Colloque International de la Francophonie) từ ngày 29.8.96 đến 1.9.96,

Học giả Thái Văn Kiểm, thi sĩ Hoài Việt và Nữ sĩ Vân Nường được mời tham dự đại hội này.

Nơi đây là thư hương lâu mộng của nữ sĩ Vân Nường Lê Ngọc Chấn. Tôi không giới thiệu Vân Nường với thi phẩm " Con Đường Lý Tưởng " (Nguồn Sống xb. 1991) và rất nhiều thi văn khác đã được dịch ra Pháp Ngữ, vì với một đôi dòng giới hạn không thể nói hết tài hoa của một thi sĩ đã thành danh từ hồi còn ở quốc nội. Tôi chỉ muốn giới thiệu vùng trời thâm nghiêm cổ kính, chút trang trọng đài các trong tiếng thơ của nữ sĩ. Đọc thơ Vân Nường tôi mừng tượng mình trở về chốn hoàng cung mịt mù sương khói hay lãng đãng hơi hướng một thời " Thăng Long Thành Hoài Cổ " của Bà Huyện Thanh Quan. Trong thơ Vân Nường cũng " hai vầng nhật nguyệt, tàn cơn mộng, dậy sắc tàn, bến hải tần ", cũng " đẹp thiên trường ảo, giặc nhòa Trang Sinh, ngút giải trường đình ", cũng " hướng nồng ý gửi, thướt uyển cung nga, hoa viên xuân ảnh, nghiêng tà lụa, gợn sóng mây ", cũng " ngọc chuỗi, vàng uôm ", cũng " mây viễn phố, bút quan hoài..."

Mùa xuân, mốc thời gian đánh dấu những đổi thay của tháng năm, của ngày đêm như hoa, như đời người " chưa tàn cơn mộng, đã dậy sắc tàn ", như trắng tròn rồi lại khuyết, như nỗi buồn canh cánh bên lòng. Tâm trạng của kẻ ly hương phải chăng là:

*Một thoáng thời gian, một thoáng xuân
Hai vầng nhật nguyệt mãi xoay vần
Đào chưa phai thắm, tàn cơn mộng
Cúc vội uôm vàng, dậy sắc tàn
Vừa đột nắng tràn mây gợn sóng
Đã dâng sương phủ tuyết pha ngân
Riêng trắng tròn khuyết luôn lơ lửng
Như khối sầu treo bến hải tần.*

(Vân Nường - Bóng Thời Gian)

Thời gain lặng lẽ trôi, xuân phai đào rụng. Có cảnh đẹp nào miền viễn để khi giũt mình tình giấc mới hay cuộc đời là ảo mộng. Thế những mùa xuân trải dài trên khung trời, trên đời người. Xuân đẹp, nắng đẹp, người ngọc bên cành liễu, má đào duyên thắm. Ta mở thấy mình thành Lưu Nguyễn gặp tiên. Một cơn gió thoảng, ào mộng phai tàn. Ngẩn ngơ tiếc cảnh, nhớ người. Thế mà :

*Nhịp xuân say bút giao thoa
Đẹp thiên trường ảo, giặc nhòa Trang Sinh
Hương xuân ngút giải trường đình
Nghiêng nghiêng dáng ngọc bên cành liễu chen
Nắng xuân dịu dịu khắp miền
Má đào ửng sắc cho duyên thêm nồng
Phải chăng nơi chốn thiên cung
Du xuân nhẹ bước chơi vùng nhân gian
Hài hoa trở gót dặm ngàn
Một cơn gió nổi phai tàn hết thời
Sáng nay khách bồng rưng rời
Ngẩn ngơ tiếc cảnh, nhớ người cung tiên !*

(Vân Nường - Xuân Phai Đào Rụng)

Thế nhưng mùa xuân vẫn là lúc " đào hoa mở hội ", có trai thanh gái lịch, có duyên thắm ý nồng, có rượu quý men say, có:

*Hưởng nồng ý gửi, phấn hương bay
Đào vẫn đào tổ, sắc trái đầy
Thượng Uyển cung ngà duyên thuở trước
Hoa duyên xuân ảnh kiếp này đây
Mầu son gió cuốn nghiêng tà lưa
Giòng biếc trắng với gợn sóng mây
Phải hẹn Đông Quân ngày mở hội ?
Bồ đào rượu quý ứng men say !*

(Vân Nương - Đào Hoa Xuân Hội)

Nói tha hưởng, có " đào hoa xuân hội " nhưng làm sao có cội mai già với những cánh mai vàng muốt khoe sắc dưới nắng xuân. Than ôi, chỉ vì đời đổi mà ta thành người ly xử nghìn trùng cách biệt quê hương. Thế cho nên mỗi lần thấy tuyết rơi là mỗi lần người thơ thường tự hỏi: chắc cội mai già đã nở hoa:

*Trải bấy non trùng, vạn dặm xa
Vườn xưa nhỏ mãi gốc mai già
Bút say ngọc chuốt dòng thơ hiện
Cánh muốt vàng ươm dệt nắng pha
Duyên khởi đất trời vừa hạn hữu
Gió mùa khói lửa bỗng mạnh nha
Mỗi khi sắc tuyết vờng đầu núi
Thăm hỏi: mai chúng đã nở hoa ?*

(Vân Nương - Gốc Mai Già)

Câu hỏi của người thơ thật quan hoài về cổ hương. Xuân sang rồi, mai có nở thắm, hoa có có thắm tươi ? Nơi đây, người thơ dù như mây xa phố cũ mà lòng vẫn khắc khoải khôn khuây. Thơ theo gió núi, hưởng trải nắng chiều. Chao ôi mùa xuân, " vẫn xuân xa xử ", tâm sự cho người " mãi chẳng với " :

*Hoa có thành xưa vẫn thắm tươi ?
Xuân sang mai vẫn thắm duyên cười ?
Đầu mây viễn phố ngàn non cách
Mà bút quan hoài vạn dặm khơi
Khắc khoải vườn hương gieo nắng ấm
Mệnh mang gió núi thả thơ với
Xuân nay thì vẫn xuân xa xử !
Tâm sự đầy trang mãi chẳng với*

(Vân Nương - Vẫn Xuân Xa Xử !)

Tâm sự chẳng với, phải chăng vì " Người xưa ẩn hiện trong niềm nhớ, Một thoáng hưởng xưa vụt trở về ". Cảm ơn nhà thơ nữ ở Chicago gốc Cần Thơ Dú Thị Diễm Buồn đã gợi cho tôi thi tập " Một Thoáng Hương Xưa " (Bào Linh xb.1996) qua sự giới thiệu của nhà văn Nguyễn Văn Ba ở Canada. Thơ của Dú Thị Diễm Buồn là thơ hoài niệm- hoài niệm về quê hương:

*...
Quê hương ơi chưa chan niềm nhớ
Mỗi địa danh là một nỗi yêu thường
ở mỗi nơi có một nỗi vui buồn
Mỗi sắc thái cho tôi nhiều ý sống.*

(Nhường Chặng Đường Tôi Đã Đi Qua)

Tên của chị là Diễm Buồn mà thơ chị không quá bi lụy. Thơ mang sức sống qua nhiều hình ảnh quê hương với nhiều ngôn từ miền Nam làm chất liệu cho tiếng thơ. Thơ dẫn dắt người đọc gần gũi với nông thôn, với miệt vườn. Cảm ơn chị, vì nếu không có những người như chị hưởng về nông thôn thì một ngày nào đó ngôn ngữ nông thôn sẽ biến mất trong văn học Việt Nam.

Chị cũng viết một ít về thân phận mình, chung cho thân phận người ly xử:

*...
Bây giờ nắng xế chiều nghiêng
Hoa râm mái tóc, ưu phiền dung nhan
Tiếc thương một thuở mộng vàng
Soi gương ngắm bóng ngỡ ngàng
dung nhan.*

(Bài Thơ Cho Minh)

hoặc:

*...
Tôi đã khóc suốt quãng đời lưu lạc
Khóc cho người và khóc cả cho tôi
Bao tang tóc, bao lầm than dân tộc
Đoạn trường này còn khóc mãi khôn
người.*

(Tôi Đã Khóc)

hoặc:

*...
Bên này
lạnh lắm mùa đông
Tuyết rơi trắng xóa
cõi lòng xót xa
Buồn đi
trở giấc mở hoa
Cuối đêm vắng bật
tiếng gà quê hương.*

(Nhỏ)

Điểm thơ của chị đã có lời tựa của nhà văn Nguyễn Thị Vinh và bài bạt của nhà văn Hồ Trường An. Riêng trong bài này, tôi chỉ giới thiệu phần xuân cảm trong thi tập. Mùa xuân nơi xa xử, mùa xuân ẩn chứa " tiếng lòng nước nỏ ", " tiếng thơ dài héo hắt ", " tiếng thỏn thức bằng khuâng " trong đêm xuân:

*...
Xuân nơi đây có tiếng lòng nước nỏ
Tiếng thơ dài trong héo hắt nhỏ thúng
Có nỗi lòng của những người xa xử
Đón xuân về hồn thỏn thức bằng khuâng.*

(Xuân Nơi Đây)

hoặc:

*...
Những mùa xuân xa xử buồn chi lạ
Tết năm nay con trở lại thăm quê
Bước chân lên tàu nghe lòng rộn rã
Thời thanh xuân, ngày đẹp cú quay về

Sẽ tâm sự suốt đêm dài với mẹ
Kể cha nghe chuyện lạ xử người ta
Nhưng làng thôn sao đâu hiu quạnh quê
Quê hương mình giờ hoang vắng lạ xa ?*

(Bên Liếp Trần Xanh)

Hoặc nương vào kinh kệ sám hối để mong tìm giải thoát cuộc đời dày dạn gió sương, khây quên những tháng ngày tù ngục, quên nỗi trầm luân để tìm về thuở tình nồng bên nhau khi tuyết đổ xuân về:

*...
Đời em sướng gió dạn dày
Còn ta tù ngục dọ đầy xác thân
Hồi kinh sám hối theo chuông
Tâm tư lắng đọng nỗi buồn trầm luân
Sân chùa tuyết đổ hoa xuân
Nhớ thương về thuở tình nồng bên nhau.*

(Thuở Xuân Nồng)

Ôi bồi những ước mở ngày nào:

*...
Yêu thương như sóng vỗ bờ
Mùa xuân mang giấc ngủ mở êm đêm
Gió đưa liễu rủ cành mềm
Hoa khoe hương sắc đẹp miền cô thôn
Triền mây xoải cánh phiêu bông
Nắng xuân rót nụ xuân hồng vào tim.*

(Nụ Xuân)

Những tình ý dễ thương phù hợp với những hoạt cảnh mùa xuân, chợ hoa ngày Tết:

*Tháng mười một em lấy lá mai
Cành hoa trâm ôi lá lay lay
Lá bay tua tủa như đàn bướm
Vườn động nên đàn bướm bay bay*

*Giữa tháng chạp
cây trở cảnh
Đầu mùa xuân
hoa mai nở
Cá khu vườn thanh thoát màu vàng anh
Gió xuân man mác
Nắng xuân hanh hanh
Hồn xuân phơi phới*

*Chợ hoa em bán ngày cuối đông
Dập dìu người đến thưởng hoa xuân
Em giữa ngàn hoa khoe sắc thắm
Không thắm bằng em thoáng thẹn thùng .*

(Hoa Xuân)

Cũng thi thăm với người em yêu khi vào xuân, nhà thơ Nguyễn Hoàn Nguyên, nguyên chủ bút tờ Việt Nam Nguyệt San (1987 - 1990), trong thi tập " Trao Tặng Đất Trời " (Cái Đình xb. 1995). Anh diễn đạt buổi đầu xuân bằng một thái độ rất khoáng đạt, mở tung cửa ngõ nhìn ra ngoài không gian thấy buổi chiều xua cây đổ bóng, ào mộng chạng còn. Đó, em có hay trời đất đã giao mùa:

*Treo cao áo mộng giữa ngày
Mở tung cửa ngõ cõi ngoài mệnh mộng
Chiều xua cây ngã về không
Em ơi trời đất một lòng hay chưa.*

(Đầu Xuân)

Trời đất đã một lòng rồi, nhưng anh vẫn chưa yên tâm nên lại dặn dò cách thức đón xuân sao cho vuông tròn tử sinh:

Mùa đông em hái cành đào
Đem trời với đất cắm vào hủ không
Giữa phòng ấm một cành bóng
Giữa lòng em ấm một vòng tử sinh.

(Đón Xuân)

Thế là xuân đã đến rồi. Mùa xuân tha hương. Người thợ cũng chuẩn bị một tuần trà đón xuân: ngum trà thanh khiết, bình thu thảo, chén hủ không để muông tượng tiếng pháo rộn ràng, lên chùa hái lộc đầu xuân... Thế nhưng tất cả đều là hủ mộng. Còn chẳng là màu xuân sắc, biết sẽ trao cho ai ngày sau:

Ngum trà thanh khiết đượm hương
Bình chiêu thu thảo chén lũng hủ không
Ngoài kia nổ rộn pháo hồng
Miếu đình mở ngõ cổng thông chùa chiền
...
Ngày xuân thắm sắc hôm qua
Du trường hỷ mộng chắc là hôm nay
Sắc xuân còn dóa hoa này
Môi nào vì tiếu cho ngày hôm sau

(Ngày Xuân)

Rồi mùa xuân đi qua, thời gian lộp lộp cuốn xuôi, trăm năm hủ mộng, một thời thịnh suy và chỉ còn khóm trúc mai đầu ngõ đợi gió vờn mây:

Trăm năm em đẹp nét sầu
Biển dâu lộp lộp xô lầu các xưa
Sử xanh xanh bức rèm thưa
Bút nghiêng nét đọng nắng mưa kinh kỳ
Xuân đông em chẳng lạ gì
Bên sông áo vấn nhu mi nhẹ lay
Dù đông có lá khô bay
Dù xuân hoa nở cười say đất trời
Thịnh suy u ẩn một thời
Trúc mai ngoài ngõ vấy mờ khánh vãn.

(Sử Lịch)

Phần cuối của bài chủ đề, xin trang trọng dành cho những bài thơ xuân của nữ sĩ Vi Khuê trong thi tập "Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi" (Sao xb.1994). Tôi không thể chỉ vài dòng thơ thiếu mà có thể giới thiệu được tài hoa của chị Vi Khuê. Chị đã thành danh từ trong nước trước năm 1975 với thi tập "Giọt Lệ". Ra hải ngoại chị Vi Khuê lại cho ấn hành thêm các thi tập có giá trị văn học khác là Cát Vàng, Tặng Phẩm Tình Yêu và Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi. Thơ của chị là thơ triết luận và cảm quan. Điều đó chẳng có gì lạ, bởi chị vốn là một Giáo sư Cử Nhân Văn Khoa, nguyên Hiệu Trưởng Trường Trung Học Văn Khoa Đà Lạt. Thơ của chị đa dạng, vừa cổ kính vừa tân kỳ, vừa thâm nghiêm vừa lãng mạn phóng khoáng nhưng ngôn từ vẫn được chọn lọc kỹ càng.

Ngửa mặt nhìn trời để đi tới, dù trời cao - không ngại! Chân vẫn bước đều, dù mặt đất đầy đầy chông gai - không sợ! Muốn đi thì đi, muốn đứng thì đứng, muốn về thì về - không ai cấm cản!

Thế nhưng khi lấm lấm, ta cũng chơi trò lấm lấm như đã trang xe cát biển đông. Cho

nên ta chẳng dám ví lòng mình sáng như trắng, tâm mình trong như tuyết. Thấy kệ, ai muốn xè vàng trắng làm đôi cũng được, bởi là đá nên chẳng có chi để ngâm ngùi. Ngửa mặt nhìn trời để đón xuân. Trời cao đất rộng, lòng trống vắng, chẳng còn chi nữa để nằn:

Ngửa mặt nhìn trời - đi thẳng tới
trời cao muôn trượng - trời không gần
chân đi chẳng sợ gì mặt đất
lý nhân hay là dây gai chông

Ta muốn đi thì ta cứ đi
muốn ngồi muốn đứng nói năng gì
như ta chấp nhận khi tử già
của hẹp trần gian mở - lúc về

Ai ngăn ta nghĩ điều ta nghĩ
ai cấm ta cười ta ngu ngớ
lắm lắm tính toán hoài - chẳng gỡ
cho rời mở tóc rối như tơ!

Lắm lắm - ta chơi trò lấm lấm
xe hoài cát giữa biển đông xa
dã tràng đã trắng đôi tay trắng
còn mắt vàng trắng để nhỏ nhà

Ta giờ chẳng có tâm như nguyệt
trắng thề ai cứ xè làm đôi
ta giờ chẳng có lòng như tuyết
- đá cũng trở gan chẳng ngại ngùi!

Ta chẳng làm chi mà phải chịu
cúi đầu đi giữa đám ba quân
nên ta ngửa mặt nhìn xuân tới
kệ lũ côn trùng khóc ni non

Ngửa mặt nhìn xuân - xuân vẫn đứng
bên ngoài cổng nắng gió vô sân
trời cao đất rộng lòng ta vắng
chẳng có tình chi để nợ nần!

(Ngửa Mặt Nhìn Xuân)

Đã "chẳng có tình chi để nợ nần" thì sao không coi nhau là bạn, cau có hoài không vui. Có điều chi không thật củ nói cho nghe, củ nói cho vui, chẳng có gì gian dối. Cuộc đời là cõi tạm chẳng khác gì trò chơi. Mùa xuân đã đến rồi. Tại sao mình lại không làm thơ mới? Tại sao mình phải làm thơ cũ? Xuân đến thì xuân đến, có sao đâu! Chỉ sợ rằng khi chim không hát thì chẳng khác gì cuộc đời đã chôn dưới mộ sâu! Hồi trái tim ngoan, nếu sợ ngoài kia pháo nổ thì hãy nằm im trốn cuộc đời: ...

Tại sao tôi chẳng làm thơ mới
để chào xuân mới mới sang xuân?

...
Tại sao tôi phải làm thơ cũ
ừ thì xuân đến, có sao đâu!
nếu trên cánh biếc chim không hát
thì giữa lòng tôi huýt cú sấu!

Nằm im thôi nhé, nằm thôi thóp
hồi trái tim ngoan vốn dịu dàng
có sợ ngoài kia trời nổ pháo
thì trùm chăn lại, trốn đời tan!

(Ừ thì xuân đến, có sao đâu!)

Xuân đến, có sao đâu! Có sao đâu khi ta ra đi, triệu người ra đi. Vấy tay chào thế giới, ngàn năm sau còn nhỏ con đào diên hồng thủy của thế kỷ này. Ta sẽ không trở lại. Không bao giờ trở lại. Thế giới chẳng còn gì hổ thẹn, xác thuyền nhân không còn ngập biển đông! Từ đây thế giới hãy an lòng. Ta đã đánh mất trái tim để không còn xót thương, không còn khóc khi trời nổi bão đông! Thế là xuân này thiên hạ bình yên! Rượu tiễn ta. Đất nở hoa, bởi vì:

Ta đã đi và không trở lại
Vấy chào thế giới một bàn tay
Ngàn sau hãy nhớ con diên đại
Phủ mặt trần gian thế kỷ này...

Ta sẽ không bao giờ trở lại
Thì xin thế giới hãy yên lòng
Hãy rút bàn tay che mặt lại:
Nhưng xác người thôi ngập biển Đông!

...
Thì thôi thế giới hãy yên lòng
Mừng ta đánh mất trái tim hồng
Từ nay và chẳng bao giờ nữa
Ta khóc cho trời nổi bão đông!

Xuân này thiên hạ bình yên nhé!
Rượu tiễn ta rồi. Đất nở hoa!
Khắp bốn phương về chung cõi biếc
Giã từ em nhé Mạc Tú Khoa!

(Xuân Này Thiên Hạ Bình Yên)

Tuy có dịp gần gũi với nhiều tăng sĩ mà tôi lại không có duyên để tu học hay trau dồi Phật Pháp. Tôi chịu thua thiệt, không tự an ủi, không tự xoa dịu, không lập luận rằng mình không có căn tu, bởi tôi biết bản thân tôi lúc nào cũng nhiều vọng động, nhiều vọng niệm, thiếu thanh tịnh, thiếu tinh tấn, thiếu định huệ để bắt đầu bài học vỡ lòng!

"Tu định phải vô niệm, tu thiền phải vô cầu, tu mật phải vô ngã". Tôi tự biết mình còn mang tính chất vô minh của bản ngã, nên lắm lúc đồng hóa mình với kiếp sống hiện tại và hành động tùy theo điều kiện chung quanh. Từ đó tôi nghĩ mình củ vất vưởng trong nhiều kiếp, hôn trầm trong vòng vô minh sinh tử luân hồi...

"Mẹ" Tôn đáp xe lửa từ miền Nam Đúc lên dự đám cưới của một người quen, bởi "mẹ" muốn có dịp gặp tôi để tỏ bày sự quan tâm lo lắng của mẹ tôi và đại gia đình ở Việt Nam. Tôi phải kể những nghịch cảnh cho "mẹ" nghe - điều mà từ trước đến nay tôi chưa hề kể cho ai. Tôi đã cam chịu, đã ôm nỗi đắng cay và chắt hần là tôi không còn chịu đựng được nữa... "Mẹ" đã chia sẻ với tôi rất nhiều, nhưng có điều bất ngờ là khi chia tay "mẹ" ôm tôi "mẹ" khóc. Tôi ngậm ngùi thương "mẹ" vô vàn!

Trong dĩ vãng tôi đã mất mát quá nhiều. Cái "hạnh phúc" mình tưởng là hiện hữu, thật ra chỉ là bào ảnh của cái hào nhoáng bên ngoài để bao che những nhỏ nhen toan tính bên trong. Còn ao mộng đó có lần tôi đã tỉnh giấc để thấy những chấp chùng gây đổ.

Thế mà tôi đã cố lấy những mảng sương mù của đạo lý xã hội hay lòng thương hại để hàn gắn!

Hiện tại, nơi này tôi cũng mất mát không ít tiềm năng, trí lực và thời gian. Tôi kém cỏi không chế ngự được nỗi muộn phiền về gia đạo, niềm bi thương thân thể để phải mất nhiều thì giờ lang thang ở các công viên, cô đón ở các quán cà phê mà nghe lòng mình trống vắng quạnh hiu đến chán chường vô tận. Tôi cần đối diện với thực tại để giải quyết thực tại!

Mùa xuân - đã là mùa của hy vọng, thì nên buông hết những níu kéo của nghiệp cũ để làm lại cuộc đời mới có yêu thương và hạnh phúc! Người ta có thể sẽ nghĩ rằng mình chạy theo tiếng gọi yêu thương mà ít ai biết được chính mình phải dứt khoát với những nỗi khổ đau vì nợ nần coi như đã trả xong!

Mùa xuân - đã là mùa của an lạc, thì nên tìm cho mình một chốn an nhiên tự tại; một nơi không còn vọng niệm, không còn phiền não; một nơi không còn gặp lại những hình ảnh mà mình đã có ấn tượng không đẹp không vui; một nơi con người sống bằng tình thương yêu chân thành, bằng sự hòa hợp tâm ý!

Mùa xuân - thuở giao mùa hài hoà, tôi muốn sống, muốn thờ, muốn hoà nhập với mùa xuân để tôi biết chắc rằng tôi đang thực sự sống, chiêm ngưỡng sự sống!

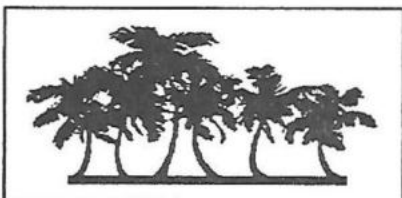
(Vào Xuân Đinh Sửu, 1997)

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài "Huỳnh Dung và tập truyện "TÌNH" đăng trong Viên Giác số 95 tháng 10.1996, chúng tôi có ghi "Bạt của giáo sư Vũ Kỳ".

Nay theo giáo sư cho biết thì giáo sư không viết Bạt cho cuốn "Tình" vì giáo sư chưa hề đọc cuốn sách đó từ khi còn bản thảo cho đến hồi sách được phát hành (9.1996). Bài "Huỳnh Dung và tác phẩm" của giáo sư Vũ Kỳ cho in ở phần cuối cuốn sách - vẫn theo lời giáo sư mình xác - thực sự là một bài phê bình cũ của giáo sư về một cuốn sách cũ của bà Huỳnh Dung, giáo sư viết vào ngày 18.3.1988 và bấy giờ có cái nhan đề "Giới thiệu thiên đường của Thy, tác phẩm mới của nữ sĩ Huỳnh Dung".

Để tôn trọng sự thật đã được giáo sư Vũ Kỳ cho biết về bài viết của giáo sư mà chúng tôi đã ghi nhầm là lời bạt, chúng tôi xin đính chính như trên, đồng thời xin cáo lỗi cùng độc giả và giáo sư Vũ Kỳ.



VÀI Ý NGHĨ TẢN MẠN TRONG NGÀY

Xuân

•Vũ Nam

Mùa xuân đã về trong lòng người, nhưng bên ngoài những bông tuyết đã lất phất bay. Xuân cho người Việt. Và đông, mùa Noel, mùa Silvester cho người Đức bản xứ ở đây. Họ yêu những bông tuyết trắng trong mùa Noel, trong đêm Silvester, y như chúng ta yêu những cành mai vàng và chùm bông Vạn thọ trong mỗi dịp tết.

Ngày... Cho Bình phương. Ngồi nhìn bầu trời đang kéo mây u ám bên ngoài của buổi sáng "mùa xuân", lại nhớ đến mùa hè vừa qua trong năm này. Một mùa hè vui vui, khi ngồi trên thuyền dạo trong một buổi tối mùa hè lồng gió từ dòng sông Seine êm đềm của kinh thành ánh sáng Ba lê. Ánh sáng hai bên bờ sông trong đêm rực rỡ như hoa đăng. Dòng nước sông đã nhận và phản chiếu nổi sinh hoạt miệt mài của con người, cùng một lúc với những hoan ca và hạnh phúc nếu có từ những cuộc vui của trần thế. Ánh sáng từ những chiếc nhà hàng nổi hai bên bờ, những chiếc đèn pha từ những chiếc thuyền bè qua lại, hình ảnh những người đồng tình lướt ái đứng mở ào ở một nơi u tối nào đó ở chân cầu; và dưới chân tháp Eiffel, mỗi người họa sĩ là mỗi tấm bản vẽ và cây viết chỉ đang lẳng lặng cho cuộc đời nghệ thuật, cộng sự hẳn nổi lồ lộ những thành quách, lâu đài, trường đại học danh tiếng, cầu cống bằng lối kiến trúc tối tân cầu kỳ với màu vàng kim óng ả, đã tạo cho đêm Ba lê trên dòng sông Seine một nỗi thu hút kỳ lạ. Trong đêm Ba lê có đón, cộng gió thổi từ vù vù hai bên tai và thấm lên da thịt những làn không khí đến lạnh buốt, mỗi cảm thấy sự lảng lảng u hoài trong tâm hồn đã dâng cao đến độ nào, bởi cái muôn mặt đa dạng của những người xa lạ và của cảnh vật không từng quen thuộc vây quanh. Bốn câu thơ sau đây trích trong tập thơ Chàng của nữ sĩ Bích xuân từ kinh thành ánh sáng này đã gói ghém dùm tôi trọn vẹn những hình ảnh mà tôi vừa dong dài ở trên:

*Một mùa xuân nửa có xanh đầy
Sông Seine ẩn hiện dưới chân mây
Đèn vàng vẫn sáng bên cung điện
Hoa đại đôn hương tỏa mọng bay*
(trích trong bài Mai Nở Bên Tê Sông)

Ngày... Cho S. Ngồi nhìn áng mây xuân vừa bay qua ngang khu nhà đang cư ngụ, anh lại nhớ đến mùa xuân năm nào đó khi còn ở quê nhà, khi còn ở lứa tuổi thanh xuân.

Anh đã không đến dự buổi họp mặt tất niên do lớp tổ chức, chỉ vì mấy ngày trước đó anh biết rằng em đã "phải lòng" cái anh chàng trường lớp mà lúc nào em cũng chê bai là không đẹp vì có khuôn mặt bầu bĩnh như búp bê. Đẹp trai không bằng chai mặt mà, quả là ông bà mình nói đâu có sai! Anh ta không đẹp nhưng có tiền, cha mẹ đang có quyền thế bên ngoài, cùng một lúc cứ theo sẵn đuôi em mỗi ngày thì đến một lúc nào đó em phải phải lòng thôi. Đó cũng là điều dễ hiểu. Nhưng em vẫn buồn khi biết anh từ chối không đến dự buổi liên hoan tất niên năm đó. Vì em biết không có anh "thì không có vui". Em vẫn thường nói như thế với anh. Anh lại vờ cầu chúc cho em có được đầy đủ niềm vui trong buổi chiêu liên hoan ấy. Ngày đó, anh không hiểu tại sao có những người con gái lại quá ư là "đa tình" đến như vậy, như em. Tại sao cùng một lúc vẫn muốn đi chơi riêng với anh ở một nơi nào đó, chụp hình riêng chỉ có hai đứa mà thôi, lại còn có thể đưa mắt trao tình với những chàng trai khác. Điều này, ngày ấy, đã tạo cho anh một ấn tượng về cuộc đời em sau này: Sẽ không êm đềm! Nhưng anh đã lầm, vì từ khi lập gia đình em đã sống hết mình với chồng với con, một lần lộn với cuộc đời vui có, buồn có, khổ có, sướng có với nhà chồng. Nhưng nay khi viết những dòng chữ này anh không biết hiện tại ở quê nhà em đang ra sao và trong những năm tới cuộc đời của em như thế nào? Vẫn là những điều chưa thể nói trước được. Nguyên cầu cho đời em được yên bình mãi mãi. Như một mùa xuân đúng nghĩa.

Ngày... Ngày hôm nay là một ngày cuối tuần, một thứ thái trong tâm hồn, một yên tĩnh sau một tuần làm việc. Vì là ngày xuân nên muốn tìm đọc lại ít dòng thơ Xuân. Muốn tìm những chữ mới, những ý tưởng lạ, những ý tưởng chân thật, những cuộc vui, nỗi buồn từ những cuộc đời, cuộc tình của kẻ làm thơ, yêu thơ, trong mùa xuân. Xin trở lại một đoạn thơ nói về xuân trong tập thơ Chàng của Bích xuân để mở đầu cho phần viết này:

*Suốt mấy đêm qua chị mơ màng
Quê mình đón tết pháo rình rang
Cùng em lên xóm trên xem hội
Kèn trống ầm lảng tế xuân sang*
(trích trong bài Mai Nở Bên Tê Sông)

Nếu mùa xuân là một định luật thật tự nhiên của tạo hóa, một chuyển đổi của dòng đời, thì thi nhân, họa sĩ, nhạc sĩ... cũng dùng những chuyển đổi ấy cho nghệ thuật mà mình theo đuổi. Qua thơ, hình ảnh mùa Xuân chúng ta bắt gặp rất nhiều. Còn trong nhạc, cứ mỗi độ xuân về, quay trở về quê hương vào một ngày xuân nào đó ở quê nhà, ai ai lại không nghe vẳng vẳng bên tai những lời hát từ chiếc Radio quen thuộc: "Ngày xuân nắng chén ta chúc nơi nơi, mừng anh nông dân vui lúa thơm hơi, người thương gia lợi tức, người công nhân ấm no, thoát đi đời gian lao nghèo khó...". Chị Linh phượng, một giáo sư về đàn Piano, tốt nghiệp từ trường Quốc Gia Âm Nhạc ngày trước ở Sài Gòn, hiện định cư ở Florida, Mỹ quốc, trong Tuyển tập thơ phổ

nhạc Mây sóng đã có bài Cung đàn mùa xuân (thơ Trần Quốc Bảo, nhạc Linh Phương) với lời thơ, ý nhạc, hẳn nổi vui xuân đến độ ngậm ngùi...nhũ... trong cuộc đời người Việt tha hương: "...Mùa xuân về đến với hương hoa, ánh mắt u buồn bao phủ hồn ta, tiếp nhận ngất ngây nụ cười nhân hậu. Ta thân ái hôn bàn tay yêu dấu, chợt cung đàn màu nhiệm lướt trong tim...". Dù chuyển đổi nào đó có làm cho ta xót xa trong đời sống xa quê, nhưng lời lẽ trong bản nhạc vẫn là những lời lẽ yêu đời, yêu cuộc sống này hết sức chân thành, tích cực.

Ngày... Tôi ít thường đọc thơ, vẫn, ít nghe nhạc, ít thường xem Hội họa. Chỉ thỉnh thoảng. Tuy nhiên ở một bất chợt nào đó lòng cũng thấy rung động thật bất ngờ bởi một lời trần tình, một lời tâm sự, một hình ảnh, một câu nói, hay lời ca, lời thơ nào đó. Có khi là nhớ hoài. Như củ thường ca thăm câu hát hay của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên: "Sao chưa gặp một lần, mà nghe tình thật gần...". Hoặc trong bài Giọng ca dĩ vãng có câu: "Ngày xưa mỗi lần em buông tiếng hát, thì anh tay phím nấn nót cung đàn..." đã làm tôi thỉnh thoảng cứ nhớ nhớ mong mong về những chuyện dĩ vãng xa vời của thời niên thiếu. Trong Vài nét về Dư thị Diễm Buồn, nữ thi sĩ ở tận một vùng đất xa xôi: Chicago, Mỹ quốc, ở tập thơ Một thoáng hương xưa, người viết đã bắt gặp đôi lời "trần tình" đến nỗi "xót xa": "Xin đến với văn thơ tôi bằng sự chia sẻ chân tình, bằng lòng tha thứ và cảm thông". Nói về xuân trong tập thơ, chị cũng có những bài thơ như Nụ xuân, Thuở xuân nồng, Hoa xuân... để làm tập thơ được trọn vẹn, được đủ đầy hình ảnh: Quê hương, Người tình, Mẹ con v.v... Trong bài Thuở Xuân hồng, ngay ở hai câu thơ đầu tác giả đã gợi cho tôi một nghi vấn:

*Vàng thu mùa lại sang mùa
Tuyết rơi phủ trắng mái chùa cong cong...*

Một gợi ý thấy vui vui. Chắc là ở nơi Chicago cũng có mái chùa cong cong? Chủ ở Miền nam Việt nam thì chắc không có tuyết trên mái chùa rồi! Khi tôi biết rằng chị được sinh ra và lớn lên ở vùng phủ sa nắng ấm. Trong bài này, sự hỗn hợp về cái thanh tịnh và cuộc đời trần thế cứ đuổi bắt nhau. Khi ở trên thơ như vậy, ở dưới lại:

*Là lời ướm nọ tình xuân
Lung linh nắng nhẹ hôn lên má hồng
Lay lay mái tóc em bồng
Tủ xuân lạc bước vào lòng băng khuâng...*

*Ồ những đoạn kết tiếp lại:
Hồi kinh sám hối theo chuông
Tâm tư lắng đọng nỗi buồn trầm luân*

*Để rồi chị kết luận:
Sân chùa tuyết đổ hoa xuân
Nhớ thường về thuở tình nồng bên nhau*

Sự đuổi bắt vừa gợi ở trên, làm người viết nhớ lại những dáng điệu của hai cô ca sĩ Thanh lan và Ái vân khi trình bày bản nhạc

Em đi chùa Hương, lời thơ của Nguyễn Nhược Pháp. Một tình yêu trần tục, một thanh tịnh khi vào những dịp lễ lạc nơi đình, chùa, vẫn là nỗi cảm hứng hòa quyện mãi mãi muốn đời cho các nhà thơ. Cả ngày trước, lẫn hôm nay. Trong bài Hoa xuân, mà người viết không thể viết lại toàn bài ra đây, chỉ xin trích bốn câu đầu, rất trọn vẹn cho hình ảnh của những ngày đầu xuân:

*Tháng mười một em lấy lá mai
Cành hoa trâm ôi gió lấy lấy
Lá bay tua tủa như đàn bướm
Vườn động nên ngàn bướm bướm bay*

*Và hai câu cuối khi đóng tập thơ này lại
vẫn còn để trong tôi nỗi bất ngờ:*

*Em giữa ngày hoa khoe sắc thắm
Không thắm bằng em thoáng thẹn thùng.*

Ngày... Một ngày trong những ngày xuân của đầu tháng Mười hai này là ngày giỗ giáp năm của nhà báo, nhà thơ Vũ Ngọc Long. Mỗi đây mà đã một năm rồi! Anh, dù đã khuất, nhưng tập thơ Quê tôi bây giờ là thế đó vẫn ra đời. Tập thơ in nhỏ, thanh nhã, rất đẹp. Tôi không còn được tác giả của nó gửi tặng, như mỗi khi có sách ra thời anh còn sinh tiền. Chỉ được nhìn ở nơi nhà anh bạn thơ Đan Hà. Và nơi bàn thờ anh, trong ngày giỗ. Chỉ chờ. Nay mai đây khi nó được tung ra cho độc giả tôi cũng sẽ mua một cuốn để làm kỷ niệm. Vậy thôi. Giờ, muốn viết gì cho tập thơ cũng không viết được. Và về đề tài Xuân, không biết trong tập thơ anh có bài nào không? Nhưng với Vũ Ngọc Long tôi hẳn biết dù với đề tài Xuân anh vẫn có giọng thơ tha thiết u hoài, một nỗi nhớ khôn nguôi. Tập thơ này đã cho ta thấy điều đó rồi. Nếu có thơ xuân trong tập thơ anh chăng, tôi nghĩ chắc cũng là:

*Xuân đến rồi ừ tiếng pháo đầu?
Sao tôi chẳng thấy nhánh mai nào?*

Đó là hai câu thơ đầu trong bài thơ Xuân viễn xứ trong tập thơ Người yêu dấu của Lê Mỹ Như Ý. Hoặc là ở hai câu thơ sau đây cũng trong tập thơ Người yêu dấu, dù nằm trong bài thơ có tựa là Xuân này, vẫn đem đến cho độc giả nỗi u hoài:

*Sáo chiều lượn dưới đôi cánh nhạn
Xuân thắm lặng lẽ dưới mái tranh*

Đó là những ý nghĩ về Quê hương khi xuân về mà người thơ vẫn còn xa Quê hương đến vạn dặm. Còn về Tình yêu, khi xuân về có vui hơn chăng? Tôi nghĩ rất khó. Ví dụ như:

*Xuân về réo rắt nguồn thơ
Xuân về héo hắt tình hồ hững hờ*

Hai câu thơ trên là hai câu đầu của bài thơ Xuân cô lẻ, trong tập thơ Nỗi Lòng Cô Phụ của chị Hoàng Xuyên Anh, người mà đã được nhiều nhà báo nhà thơ viết bài ca ngợi, vì cuộc đời chị xảy ra lắm chuyện đau buồn,

nhưng thay vì cứ ừ rú khóc than, chị đã lấy nỗi lòng của người cô phụ để thăng hoa thành những vần thơ tình buồn tuyệt đẹp. Ở chị Hoàng Xuyên Anh là vậy. Nhưng còn ở những thi nhân khác thì sao? Những người mà dù ở đây xa quê, vẫn có người tình bên cạnh, vẫn có người hôn phối bên mình, vẫn có mái gia đình êm ấm và bạn bè thân thuộc chung quanh. không biết thơ xuân họ có vui không?

Đọc những bài thơ nói về xuân trong các tập thơ mà người viết đang có trong tay, người viết cố tìm những dòng thơ xuân vui để gửi đến độc giả nhân dịp xuân về, nhưng tìm rất ít thấy! Nên tự hỏi: Phải chăng ngày nào đó mỗi người Việt khi còn tha hương vẫn chưa có mùa xuân, dù xuân đang đến ngoài khung cửa, trải dài trên lối đi? Nếu có chăng chỉ là bên ngoài, giả tạo, chủ thật sự, từ tận nơi sâu kín của tâm hồn vẫn còn ồm ếp một xuân đích thực khi nào chân đang bước đi trên thềm đất của Quê hương. Thôi lại đành phải tự nghe lại bài ca xuân ngày trước ở quê nhà: "Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi, mừng anh nông phu vui lúa thắm hơi..." cho dzui vậy.



Cảm xúc đầu Xuân

*Nhệ bước dạo quanh chùa Viên Giác
Khi trắng đầy trời tuyết rơi rơi
Lòng nghe ấm lại nơi đất khách
Dù vẫn tha phương, sống xứ người*

*Xuân về đông sẽ lại ra đi
Cảnh xanh hoa lá lại đâm chồi
Cuộc đời bao lo âu hoàng hôn
Tìm đến nơi này chốn tử bi*

*Tỏa sáng nơi đây ánh Đạo Vàng
Sưởi ấm muôn lòng kiếp tha hương
Lắng nghe lời kinh và tiếng mõ
Chia sẻ cùng ta những dặm trường*

*Ta sẽ được đi chính con đường
Tình Đời nghĩa Đạo thấm yêu thương
Tây phương thế giới nơi Phật tử
Dẫn dắt ta ra khỏi vỏ thường*

*Cảm xúc yên vui trong tâm thức
Ta đầu thức tỉnh khỏi cơn mê
Đầu đây đã thấy bờ bến giác
Trời đất cùng xuân đón ta về.*

*Thiện Hậu
Nguyễn Minh Hiền*

Mừng Xuân
Đinh Sửu - 1996

CON
TRÁU
là đầu
cổ
nghịch

• Hưởng Giang
THÁI VĂN KIỂM

Truớc hết, chúng ta nhắc lại hai câu tục ngữ nằm trên môi của người dân Lạc Việt là:

*Miếng trâu là đầu câu chuyện
Con trâu là đầu cơ nghiệp*

Cả hai câu đều nhấn mạnh tính cách quan trọng của miếng trâu và của con trâu. miếng trâu quan trọng nhất trong lãnh vực xã hội, còn con trâu thì quan trọng nhất trong lãnh vực kinh tế. Với thời đại mới thì miếng trâu hầu như không còn nữa, đặc biệt là nơi hải ngoại. Duy còn con trâu vẫn được nuôi dùng trong nước như một máy cày phụ giúp đắc lực nhà nông từ thuở xa xưa.

Chúng ta có thể nhại cụ Nguyễn Du mà nói rằng:

*Trăm năm còn có gì đâu?
Miếng trâu liền với con trâu một vầu.*

Năm nay là năm Đinh Sửu, lấy con Trâu làm biểu tượng, bao hàm ý nghĩa mãnh lực trầm lặng, bền bỉ và kiên nhẫn. Thế kỷ ta chỉ có 60 năm, thay vì 100 năm như ở Tây phương. Thế kỷ này gọi là *Vận niên lục giáp*, tức là một thời gian gồm có 6 giáp, mỗi giáp

là 10 năm, vị chi 60 năm. Thế kỷ này là thế kỷ 78 trong lịch-dại Á-Đông, kể từ năm 2.637 trước Công nguyên, tức là năm 61 đời Hoàng Đế, nhà vua đã minh định và quảng bá lịch-dại cổ truyền. Như thế là kể từ năm đó, lịch-dại Á-Đông đã có: 60 năm x 78 = 4.680 năm, cộng thêm 14 năm, kể từ năm 1984 niên khởi của Vận-niên 78, vị chi 4.694 năm.

Chúng ta xác định rằng mỗi giáp chỉ có 10 năm là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, thuộc về *thập can* (dix troncs célestes); còn thập nhị chi (douze branches terrestres) gồm có: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mỗi năm được minh định bởi hai chữ: *một chữ lấy trong thập can ráp với một chữ lấy trong thập nhị chi*. Như thế cái năm đầu tiên của một thế kỷ cổ điển Á-Đông được gọi là *Giáp Tí*, rồi đến cái năm thứ hai được gọi là *Ất Sửu*, cái năm thứ ba gọi là *Bính Dần*, v.v... Vì lẽ chỉ có 12 con vật trong thập nhị chi, cho nên mỗi con vật cứ 12 năm thì trở lại một lần. Và nếu tính cả vận-niên lục-giáp 60 năm thì mỗi con vật sẽ trở lại 5 lần mà thôi. Còn như danh từ kép để gọi mỗi năm, ví dụ như Giáp Tí, Ất Sửu, v.v... ta phải chờ 60 năm nữa mới lại thấy những danh từ kép như thế.

Sách *Lễ ký* chép: mùa xuân tôi sớm hay muộn thì trong lịch hình người đất *trâu* đứng ở trước hay sau con trâu. Còn ngồi trên trâu thì có khá nhiều nhân vật danh tiếng như: *Lão Tử cỡi trâu xanh đi về... Hàm Cốc, Nịnh Thích gõ sừng trâu để hát mà được công danh nơi nước Vệ*. Thời đó, Nịnh Thích làm muộn cho phú gia, đẩy xe trâu cho trâu ăn cỏ dưới xe, rồi chờ lúc vua Tề Hoàn Công đưa khách qua nước Đê mà hát rằng:

*Nam sơn ngạn Bạch thạch lang,
Trung hữu lý ngư trường xích bán.
Sinh bất phùng Nghiêu dũ Thuấn thiện,
Đoàn kế đờn y tài chí ngạn.
Tùng ngôn phạn nguú chí dạ bán,
Trường dạ mang mang hà thời đán!
Tạm dịch:
Núi nam lập đá trắng,
Trong có cá gáy dài thước rưỡi.
Sanh chẳng gặp đời Nghiêu Thuấn truyền
ngôi,
Áo vài lưng chùng lạnh ống chân.
Tới lễ trâu ăn đến nửa đêm,
Đêm dài mở miệng hỏi não sáng!*
(Duy Việt)

Vua Hoàn Công nghe tiếng hát lấy làm lạ, bảo Quản Trọng rước về cho làm quan Đại tu điền.

Sách *Huyền Trung Ký* chép: Cây nào sống ngàn năm thì sẽ hóa ra con *trâu xanh*. Khi vua Tần Thủy Hoàng chặt cây đại thọ thì có con trâu xanh nhày ra nhào xuống nước. Do đó mà có thành ngữ: *Thụ hóa thanh nguú* (cây hóa trâu xanh).

Thời xưa bên Tàu có ông *Hứa Do* ở trên núi được vua Nghiêu cho người lên tìm để trao gói báu, nhưng ông này không chịu, bèn xuống sông rửa tai cho sạch, vì đã lỡ nghe những lời ô uế. Lúc đó có ông *Sào Phủ*

đứng cho trâu uống nước, thấy *Hứa Do* rửa tai, bèn hỏi tại sao? Ông này trả lời: "Vua Nghiêu nói tôi có tài và có nhân đức, muốn nhường ngôi lại cho tôi. Tôi nghe sợ dơ tai, nên rửa cho sạch". *Sào Phủ* mới nói: "Anh đi đâu đó mà nghe người ta nói. Nghe rồi mà đi rửa tai thì làm sao cho sạch. *Chi bằng ẩn mình thật kỹ, đừng nghe chi cả, có hay hơn không?*". Nói xong, *Sào Phủ* dắt trâu lên phía trên dòng nước cho trâu tiếp tục uống. *Hứa Do* thấy vậy hỏi: "Chớ anh dắt trâu đi đâu vậy?". *Sào Phủ* trả lời: "Ta không muốn trâu ta uống nước dơ".

Bên nước Việt chúng ta cũng không thiếu chi truyện những nhân vật có liên hệ ít nhiều với con trâu trong lịch sử. Trước hết là *Đinh Bộ Lĩnh*, gốc là người Mường, vốn là một sắc dân Lạc, thổ cư lâu đời, trước thời Bắc thuộc và trước cả cuộc Nam tiến di tản của sắc dân Bách Việt miền Hoa Nam. Lúc thiếu thời ở động Hoa Lư, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, nhà nghèo phải đi chăn trâu, thích đánh giặc cỏ lau, rồi giết trâu của chủ để khao quân. Chủ đếm trâu thấy thiếu một con, liền hỏi Bộ Lĩnh, thì Bộ Lĩnh bảo trâu chui vào đất mất rồi, vừa nói vừa chỉ một cái đuôi trâu cắm vào đất. Chủ tức giận rút đuôi trâu đánh Bộ Lĩnh cho một trận nên thân, rồi đuổi đi. *Từ đó Bộ Lĩnh phải tự lập thân, ưa thích đánh giặc, rồi lập nên nghiệp đế vương, lấy vương hiệu Đinh Tiên Hoàng*.

Rời Hoa Lư, chúng ta theo vua nhà Lý về Thăng Long, tới sông *Tô Lịch* bắt nguồn từ sông Thiên Phù ở phía bắc Kinh thành, gần Hồ Tây. Sông *Tô Lịch* chia ra làm nhiều ngành lớn nhỏ, chảy qua Kinh thành. Một ngành của sông *Tô* chảy thẳng từ Yên Thái xuống phía nam, qua Láng, Ngã-tứ-sò, ra khỏi kinh thành, xuống Hạ Liễu rồi chảy vào sông Nhuệ. Ngành này có tách ra một nhánh con chảy ra sông Hồng ở phía nam Kinh thành, sau này gọi là sông *Kim Ngưu* (Trâu vàng).

Sự tích Kim Ngưu có liên hệ tới Thiên sư Nguyễn Chí Thành, pháp danh là *Khổng Minh Không*, còn được tôn thờ nơi chùa Lý Quốc Sư, thành lập thời Đại Định nhà Lý (1140-1162). Tục truyền rằng Thiên sư Minh Không, lúc đi sứ nhà Tống bên Tàu, khoảng năm 1125, đã chữa lành bệnh cho một Hoàng Tử. Vua nhà Tống bèn trao cho Thiên sư một xâu chìa khóa và cho phép mở các kho muốn lấy gì thì lấy. Thiên sư niệm thần chú *Đà-La-Ni*, chọn một chìa khóa để mở đúng kho đồng đen, là kho quí của Vua. Tất cả đồng đen nặng mấy ngàn cân mà Thiên sư làm phép cho vào một túi vải mang lên vai một cách nhẹ nhàng. Thiên sư ra bờ biển Nam Hải, đặt chiếc nón lá kê lên sóng rồi ngồi lên trên, chẳng bao lâu đã về tới Đại Việt.

Thiên sư Minh Không đem đồng đen dâng lên vua Lý Nhân Tông và xin vua cho đúc chuông với số lượng toàn vẹn. Đúc xong, nhà vua bảo Thiên sư, lúc bấy giờ là Quốc Sư, gióng chuông. Tức thì một con nghé bằng vàng đung từ bên Tàu hóa thân chạy sang nước ta tìm tới cái chuông lớn mới đúc. Lộ trình con trâu nghé đã để lại vết tích là sông *Tô Lịch*, quê quán của nhà thơ *Tô*

Giang Tử, đã ở Virginia, Hoa Kỳ. Lúc trâu nghe đến trước một khu rừng phía bắc thành Thăng Long, trâu quây một hồi lâu thành một vũng lớn và củ lớn mãi thành Hồ Tây, đầy nước trong xanh, sen mọc thơm ngát; rồi như một phép lạ, đã thu hút Kim Ngưu biến dạng trong hồ này. Vua bèn hạ lệnh quăng chuông xuống Hồ Tây để cho con nghe dừng quây nữa!

Cũng theo truyền thuyết thì ai sinh được mười con trai sẽ được phép lạ lôi kéo ra khỏi Hồ hai vật báu là *Con nghé vàng* và *Chuông đồng đen*.

Mãi về sau, một nông dân được 9 con trai và một con trai nuôi, đến trước Hồ Tây, cầu xin Thần thánh giúp y được như nguyện. Y bảo 9 người con trai đứng cho Thần biết rằng chúng nó có một em trai nuôi. Một lễ lớn đã được cử hành trên bờ hồ. Tức thì người nông dân thấy con trâu nghe màu vàng và quả chuông đồng đen hiện lên trên mặt nước. Người nông dân bèn lội xuống nước, mang theo một sợi dây thừng kết bằng sợi sơn-tra (cây vông) rất vững chắc, định cột chặt hai báu vật kéo lên bờ. Bất ngờ đúng lúc đó, mười người con đồng hát câu:

*Anh em: chín đẻ, một nuôi,
Cùng chung đầu sục, cổ lôi lên bờ...*

Tức thì, sợi dây thừng bị đứt và hai báu vật cùng biến mất trong hồ sâu. Và từ đó không bao giờ xuất hiện nữa...

Ngoài Đình Tiên Hoàng ra, còn có một danh nhân nữa trong lịch sử nước ta cũng đã từng chăn trâu trước khi làm nên sự nghiệp lẫy lừng. Đó là *Đào Duy Từ*, con của Đào Tá Hán làm nghề hát tuồng và bà Kim Chi con một phú gia tỉnh Thanh Hóa. Từ sinh trưởng trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh Bắc Nam, nhiều hưởng và rối loạn. Lại thêm luật lệ thời đó cấm con nhà phường hát đi thi, cho nên gia đình họ Đào phải lo lót tiền bạc mà đổi tên ra Vũ Duy Từ, để được ghi danh mà thi cử. Vũ Duy Từ thi đỗ Á-nguyên năm 21 tuổi, năm Quý Tị 1593 đời Lê Thế Tông. Nhưng chẳng may, liền sau đó, có người tố cáo việc mạo danh, cho nên Đào Duy Từ bị xóa tên, mất bằng Á-nguyên và đoạt lại áo mũ.

Nghe tin này, Đào Duy Từ buồn rầu lâm bệnh nặng, nằm yên ở nhà trọ. Lúc ấy Trấn thủ Thuận Hóa là Nguyễn Hoàng vâng lệnh chúa Trịnh Tùng ra Thanh Hóa bàn việc nước. Nguyễn Hoàng đến thăm quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liêu và được cho xem bài văn của Duy Từ bộc lộ chí khí anh hùng, tài kinh luân tế thế. Chúa Nguyễn Hoàng bèn đến nhà trọ giúp đỡ tiền bạc cho Đào Duy Từ và mời vào Nam giúp Chúa.

Một hôm Nguyễn Hoàng đến chơi thì gặp Duy Từ đã khỏi bệnh. Hai người cùng cảm tác bài thơ vịnh bức tranh tam kiệt Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi đội tuyết vào Long Trung tìm Gia Cát Lượng.

Nguyễn Hoàng xuống:

*Vớ ngựa sườn non đá chập chùng,
Cầu hiền lặn lội biết bao công!*

Duy Từ tiếp:

*Đem câu phò Hán ra dò ý,
Lấy nghĩa tôn Lưu để ướm lòng.
Nguyễn Hoàng tục:
Lãnh thổ đoán chia ba xứ sở,
Biên thủy vạch sẵn một dòng sông.
Duy Từ kết:*

*Ví chẳng không có lời Nguyễn Trục
Thì biết đâu mà đón Ngọa Long?*

Câu chốt cho ta thấy rõ chí lớn của Đào Duy Từ, tự ví mình với Khổng Minh Gia Cát Lượng. *Chí tại cao sơn, chí bất tại ôn bảo*, như lời nói ngày xưa của Vương Tăng, Tế Tửu đời nhà Tống. Chí họ Đào sẽ vượt núi Đâu Mâu và sẽ tỏa khắp dãy Trường Sơn, vốn là cái xương sống của dân Việt trên đường Nam tiến.

Tuy nhiên chúa Tiên chưa dám rước họ Đào vào ngay, vì còn e ngại họ Trịnh. Chúa ân cần dặn họ Đào: *"Lão phu về trước, đắp sẵn đàn bái tướng, chờ đợi tiên sinh. Nay lão phu đã 70, nếu chẳng may thất lộc, thì cũng phải kịp thời dặn dò con cháu đón tiên sinh về để nghe lời dạy bảo"*.

Mấy năm sau, Duy Từ bỏ quê hương Bắc Hà vào Đàng Trong, nhưng chẳng may không gặp được Nguyễn Hoàng vì Chúa bận kinh lý nơi xa. Duy Từ bèn đi thẳng vào Bình Định, dừng chân nơi làng Tùng-Châu và dành làm nghề *chăn trâu* cho phú hộ Chúc Trinh Long.

Việc rời bỏ Đàng Ngoài của Đào Duy Từ còn được ghi lại trong câu ca dao:

*Trong làng chẳng có ai vì,
Vậy nên ta phải ra đi nước ngoài.*

Ít lâu, con trai của nhà phú hộ tên là Chúc Hữu Minh lập thi-xã Tùng-Châu và dùng Duy Từ làm thủ-đồng hầu hạ khách văn chương. Duy Từ thường làm hộ cho hội viên thi xã nhiều bài thơ rất hay. Tiếng đồn đến tai Khám lý Trần Đức Hòa. Khám lý bèn đến chơi nhà họ Chúc, nhằm mục đích thủ tài họ Đào. Quả nhiên, ông ta nhận xét họ Đào là một bậc thiên tài. Ông bèn rước về nhà dạy học rồi gả con gái cho. Quả thật người thời xưa biết chọn nhân tài, phân biệt chân giả và tri nhân thiện dụng. Tổ tiên chúng ta chắc chắn là thông minh hơn chúng ta bây giờ. Buồn thay cho chúng ta thời nay chỉ biết khôn vật mà thôi!

Theo học sĩ Tạ Quang Phát thì ngoài giờ dạy học, lúc rảnh rang Duy Từ thường ra sau vườn cuốc đất trồng rau tiêu khiến, rồi làm bài *Ngọa Long Cường Ngâm* (bài ngâm Con Rồng Nằm Trên Đồi) chờ thời như Ngọa Long Gia Cát thuở xưa.

Chúa Tiên mất năm Quý Sửu, nhằm niên hiệu Hoàng Định 14 đời vua Lê Kính Tông, lúc lâm chung có dặn con Phúc Nguyên rằng:

- Ngày trước ta ra Thanh Hóa có gặp Đào Duy Từ, một bậc kỳ tài. Người có hẹn ước với ta sẽ vào Nam giúp ta. Vậy hãy con nghe tin người ấy đến thì phải rước về trọng dụng ngay.

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên nối nghiệp cha, dời đô phủ từ Cát Dinh (Quảng Bình) vào làng Ái Tử (Quảng Trị), vì không muốn ở gần biên giới là Sông Gianh.

Ở Quảng Trị ngày nay còn có cái chợ Sãi lưu danh Chúa Sãi, gần làng Ái Tử, một làng còn được dân gian truyền tụng trong ca dao:

*Mẹ bồng con ngồi cầu Ái Tử,
Vợ trông chồng đứng núi Vọng Phu,
Trông chồng bóng xế trăng lu,
Quyết tâm đầu Phạt đi tu cho rồi.*

Chúa Sãi muốn xây dựng ở Đàng Trong một nước phồn thịnh, bèn bố cáo tuyển chọn nhân tài và do đó mà quan Khám Lý Trần Đức Hòa từ Bình Định đi ra Quảng Trị, với Đào Duy Từ, để tiến cử họ Đào và dâng bài *Ngọa Long Cường Văn*. Chúa đọc xong bài này thì lấy làm phấn khởi và khám phục tài trí và học vấn uyên thâm của Đào Duy Từ. Chúa lại nhớ lời di chúc của Cha, mà vui mừng lộ ra nét mặt. Chúa muốn đến ngay quán trọ để thân đón Duy Từ. Nhưng Trần Đức Hòa xin sẽ đưa Duy Từ vào Phủ Chúa, cho được tốt đẹp theo nghi lễ tôn ti, chớ không dám để Chúa phải nhục sức.

Đúng ngày hẹn, Khám lý Trần Đức Hòa đưa con rể đến Phủ. Từ trong Phủ thấy Chúa Sãi mặc áo trắng, đi giày xanh ra đón. Đào Duy Từ nhìn thấy Chúa ăn mặc sơ sài bèn nói với nhạc gia lui về, vì cho thế là khinh suất hiền tài. Chúa Sãi hiểu ý, bèn nhận lỗi và lui vào trong, mặc triều phục nghiêm chỉnh rồi sai người mở cửa chính ra nghênh tiếp, rước vào đại điện. Sau cuộc đàm luận lâu dài về quốc sách an bang tế thế do Đào Duy Từ đề ra, Chúa hợp quần thần để hoan hỉ nghênh tiếp một bậc tài đức vô song, rồi *phong Đào Duy Từ làm Nha Úy Nội Tán, tước Lộc Khê Hầu, Quan quản nội ngoại quán cơ, Tham lý quốc chánh*. Nói một cách khác, miền Nam từ đó đã có một Tế Tửu văn võ toàn tài.

Khi đã được phong chức lớn, danh chánh ngôn thuận rồi thì Đào Duy Từ bắt tay vào việc. Việc đầu tiên là *đắp xây lũy Trường Dục* ở huyện Phong Lộc và *Lũy Định Bắc Trường Thành*, dọc theo sông Nhật Lệ, tục gọi là *Lũy Thầy Đồng Hới*. Trong công tác xây đắp hai lũy lớn này, ngoài sự đóng góp của tướng sĩ và nhân dân mọi tầng lớp, còn phải ghi nhớ sức lực và công lao của rất nhiều *trấu bó* đã nhọc nhằn kéo những cây gỗ, những tấm ván, những xe đá, bao nhiêu vật liệu của núi rừng Trường Sơn để xây đắp những trường thành kiên cố, mà di tích còn tồn tại tới ngày nay.

Trong bốn năm trường, từ tháng 8 năm 1941 cho tới tháng 8 năm 1945, tôi đã đi khắp tỉnh Quảng Bình để quan sát dân tình, học hỏi về phong tục tập quán, ngôn ngữ và văn chương bình dân, cùng lịch sử và di tích thành trì, từ Lũy Thầy cho tới động Phong Nha, khiến cho tôi từ đó rất là khảng khái với đất nước và nhân dân đồng quê nước mặn, mang nặng và thấm nhuần thực chất của dân tộc Việt Nam

Sau cuộc Cách Mạng Tháng Tám thì tôi bị thái hồi và trên đường về quê bao la rộng

lớn, bên bờ sông Bồ là nơi xưa kia, vào năm Giáp Thân 1044, vua Lý Thái Tông đã thân chinh đánh tan quân Chiêm, bắt được 5.000 binh sĩ và 30 thớt voi, tôi đã suy gẫm rất nhiều về những cuộc hưng vong dâu bể trong thiên hạ. Những tôi vẫn không quên giọng nói mộc mạc quê mùa và những cổ ngữ của dân Quảng Bình như: *nguồn nậy (lớn), ké Nại* (làng Diêm Điền gần Quảng Bình Quan), *ké Lái* (làng Lý Hòa chuyên làm nghề biển và lái ghe), *thao thua lẳng thẳng* (sao súa trắng sáng), *bụi tle, con trâu* (bụi tre, con trâu), *lời, bời* (trời), *cá cây* (gà gáy)... hầu hết những từ ngữ này chúng ta tìm thấy trong quyển Tự Vị Việt-Bồ-La (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum) của giáo sĩ A-Lich-Sơn Đắc-Lộ (Alexandre de Rhodes), ấn hành tại Roma năm 1651.

Trở về với con trâu là người bạn đường trung thành của dân Lạc Việt, đã cùng nhau chung sức tưới mỡ hồi nước mắt trên những luống cây sâu đậm, góp công lớn trong việc dinh điền lập ấp, mở mang bờ cõi cho tới Đồng Nai Bến Nghé, Rạch Giá Dương Đông. Tầm mức quan trọng của con trâu và con bò (hoàng ngưu) được nhắc lại trong ca dao:

*Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà
Trong ba việc ấy lạ là khó thay!*

Con trâu, về lãnh vực ngôn ngữ, cũng có liên hệ với các bậc thánh hiền, như Khổng Tử và Mạnh Tử. Trong khi nghiên cứu về văn chương bình dân, chúng tôi có ghi câu này:

Nước tử lổ trâu chảy ra khổng mạnh
Câu này có nghĩa là: Dòng nước từ cái lỗ chân trâu mà chảy ra thì khổng được mạnh lắm. Câu này còn ngụ ý Đức Khổng quê quán nước Lỗ, còn Thầy Mạnh quê quán nước Trâu.

Ngoài ra, dân quê vùng Bình-Trị-Thiên còn truyền tụng câu đối rất khó khăn sau đây mà vẫn liên quan Đức Khổng Thầy Mạnh và một vài triều đại xa xưa của Trung Hoa:

Câu ra:
*Cả bày trâu ăn giữa vạc lúa lổ,
Mọi người đều chộ, đã nguy chưa tề!*

Câu đối:
*Một lổ cùi sấn chẻ ra vẫn (g) vỏ,
Bỏ vỏ lúa đỏ, than (g) lại thành than (g).*

Xin lưu ý độc giả câu trên có bốn chữ đặc biệt là: *Trâu Lổ Nguy Tề*, còn câu dưới thì cũng đặc biệt có bốn chữ: *Vấn Võ Thành Thang*.

Trâu Lổ Nguy Tề là bốn nước thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Vấn Võ Thành Thang là tên bốn vị vua lớn của Trung Quốc thời xưa.

Trâu cũng chiếm một địa vị lớn trong thi ca và văn chương Việt Nam. Trong vở tuồng cổ "*Lục Súc Tranh Công*" của Vô Danh Thị, tác giả đã khéo đưa các súc vật lên diễn

đàn, tranh nhau kể công và luận tội. Riêng về chú trâu đã chẻ con chó như sau:

*Chùa rét đã phỏ rắng rét,
Xe xe đuôi quít vào tròn!
Vẩy bẹp người, tro trâu chẳng còn,
Ba ông Táo lộn đầu lộn óc!*

Rồi chú trâu vừa kể công lao của mình, vừa than thân trách phận:

*Trâu mỗi mệt, trâu liền nản nì:
Một mình trâu ghé nổi gian nan,
Lóng canh gà mới gáy tan,
Chú đã gọi thẳng chăn vội vã.
Dạy rằng:
Đuổi trâu ra thảo dã,
Cho nó ăn ba miếng đồ lòng.
Chùa bao lâu thoát đã rạng đông,
Vừa đến bữa cây bùa bua việc.
Trước cổ đã mang hai cái mệt,
Sau đuôi còn kéo một cái cây.
Miệng đã dầm, mũi lại vòng dây,
Trên lưng ruồi bâu, dưới chân đĩa cần.
Trâu mệt đã thờ dài thờ vắn,
Người còn hăm hét, mắng ngược mắng xuôi.
Liệu vừa dùng bóng mới thôi.*

.....
*Tám mùa trải gió chi nài,
Đạp tuyết giày sừng bao sá.*

May thay cũng có nhà thơ là cụ Minh-Nông-Tử hiểu thấu tâm tình của con trâu lúc về già:

*Vịnh Trâu Già
Trời đã sang thu bóng đã tà,
Trâu già nằm tựa gốc đa già.
Mặt vêu cổ ngẳng gân cùng gấu,
Bụng lép mình gầy xương vôi da.
Vai mỏi chưa quên nung đất dấn,
Chân trơn vẫn nhớ cánh đồng xa.
Trúc mai món ấy đều xong chũa?
Móm mém nhai trâu mãi đấy a!*
(Duy Việt ghi chép)

Sấm Trạng Trình cũng có nói tới *Trâu* vào năm Sửu sẽ đem lại "*Thái bình tòa khắp non sông*", nhưng nghĩ lại thì từ đời Cụ Trạng nhà ta đến nay đã ba bốn trăm năm rồi, mà cứ 12 năm lại có một năm Trâu, thì làm sao biết được năm Trâu là năm nào? Ta hãy nghe sấm Cụ Trạng:

*Kê mình ngọc thụ, thiên khuynh Bắc,
Ngưu xuất lam điền, nhật chính Đông.
Nhược đãi ứng lai sứ tử hưởng,
Tủ phương thiên hạ thái bình phong.*

Tạm dịch nôm:

*Gà kêu cây ngọc trời nghiêng Bắc,
Trâu tới lam điền bóng rạng Đông.
Tối lúc ứng về, sứ tử dấy,
Thái bình mới tòa khắp non sông.*
(Thái Bạch dịch)

Nói tới trâu không thể quên nói tới người chăn trâu, tên chữ là *mục đồng, mục tử*, như

ta thấy trong bài thơ của bà Huyện Thanh Quan:

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống dồn,
Gác nài ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.*

.....
Cũng có những người chăn trâu vì sa cơ lỡ vận, mà lịch sử còn lưu danh như *Bá Lý Hề* khi lang thang tới Uyên Thành, nước Sở, thì bị bọn thợ săn bắt về cho chăn trâu. Nuôi trâu là nghề mọn của họ Bá, cho nên chẳng bao lâu mà trâu của bọn chúng đã trở nên mập mạp khác thường. Lý Hề thông hiểu tất cả loại cò tốt xấu, cách thức cho trâu ăn, thời tiết thích hợp trồng các loại cỏ, sự chăm sóc loài trâu, nghĩa là tất cả nghệ thuật và kỹ thuật nuôi trâu và chăn trâu. Tài nghệ của Bá Lý Hề được đồn đến tai Sở Vương. Nhà vua bèn cho gọi Bá Lý Hề đến và trao cho việc nuôi ngựa nơi đất Nam Hải. Sau đó, Tần Mục Công biết Lý Hề là nhân tài quán chúng, bèn sai người sang Sở dâng 5 bộ da dê cho Sở Vương để xin đổi Bá Lý Hề đem về trị tội không đưa đầu ngày trước. Thực ra, khi được rước về Tần, thì Mục Công trọng dụng Lý Hề và trao cho chức Thừa Tướng. Bá Lý Hề giúp Tần củng cố sự nghiệp an bang tế thế. Và sau đó Bá Lý Hề gặp lại bà vợ là Đỗ Thị, xa cách nhau mấy chục năm trời, vợ con đoàn tụ, cùng chung hưởng ơn vua lộc nước về vang một thời.



1. Lão Tử (Lão Đam, Lý Nhi) cỡi trâu xanh (thanh ngưu) đi về cửa Hàm Cốc, phía Tây Trung Quốc. (Musée Guimet - Paris)



2. Trâu đi, ta bảo trâu rày:
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cây với ta.
Cây cây là việc nông gia,
Ta đầu trâu đấy ai mà quản công.
(Ca dao)

PARIS (Chiêu Anh Các), Tân niên
Đinh Sửu 1997

Đôi lời phiếm luận ngày Xuân về Trâu

• Phan Hùng Nhón

Năm Bính Tý trôi qua, năm Đinh Sửu lại đến. Sửu đứng hàng thứ hai trong vòng con giáp. Đây là năm con TRÂU.

Nói đến Trâu, người lữ thú tự nhiên mừng rỡ lại biết bao hình ảnh tình tứ của quê hương xa cách. Hình ảnh con Trâu gợi nhớ cảnh thái bình thịnh vượng nơi thôn dã ngày xưa. Còn gì rung cảm hơn hình ảnh chú mục đồng ngồi trên lưng trâu, miệng thổi sáo, thong thả đi trâu theo bờ ruộng lần về thôn xóm lúc chiều tà giữa lúc đôi cò trắng còn sóng đôi lượn trên đồng lúa vàng.

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên
Bán võ bán hữu tịch đường biên
Mục đồng địch lý ngưu vô tận
Bạch lộ song song phi hạ điền*

(Trần Nhân Tôn)

Quang cảnh con trâu cùng chú bé mục đồng thổi sáo đã là mối cảm hứng của biết bao thi nhân:

*Gió vi vu tiếng sáo chiều
Ru hồn mục tử chiều chiều trên đê.*

(Bàng Bá Lân)

hoặc:

*Gác mái ngủ ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

những gợi cảm nhất đối với người có lẽ là bài học thuộc lòng mà ngày nay tuy tuổi đời đã lớn nhưng lắm kẻ vẫn chưa quên:

*Ái bảo chăn trâu là khổ?
Không! Chăn trâu sướng lắm chứ!
Đầu đội nón mê như lọng che,
Tay cầm cành tre như roi ngựa.
Ngất ngầu ngồi trên mình trâu,
Tai nghe chim hót trong chòm cây*

...

Từ ngàn xưa Việt Nam đã có sớm một nền văn hóa nông nghiệp. Tổ tiên người Việt Nam đã được lân bang gọi là Lạc dân vì đã có biệt tài làm ruộng lúa nước. Do đó trâu là một trong những con thú được thuần hóa trước nhất để giúp người cấy bừa nơi bùn lầy. Vì vậy Trâu đã gắn liền đời Trâu cùng giới nông dân để từ một con vật cần thiết trở nên một kẻ thân thiết:

*Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cây với ta.
Cấy cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa trở bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Tuy hằng ngày chân lấm tay bùn, vợ chồng người nông dân vẫn thấy sung sướng với sự hiện diện của Trâu:

Trên đồng cày dưới đồng sâu,

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Vì trâu rất quý và cần thiết cho nông dân như thế nên ở thôn quê việc kiếm, tậu trâu tốt cũng khó khăn, vất vả không kém gì đi kiếm vợ. Phải lận lộn nhiều nơi để dựa theo tiêu chuẩn chọn cho được một con trâu tốt:

*Sừng cánh ná, da bình vôi, mắt ốc nhồi,
Mồm gầu dai, tai lá mít, đít lồng bàn.*

hoặc gặp những con *đầu thanh, cao tiền, thấp hậu* thì tậu liền tay. Không bao giờ mua những con trâu trắng vì *trâu trắng đến đâu, mất mùa đến đấy*. Loại bò những con trâu mắt nhỏ, chân to, lười đốm hoa cà, có đốm nơi đuôi hoặc có xoáy tam tinh vì là biểu hiệu của trâu xấu, hay trâu dữ. *Mua trâu xem vợ, lấy vợ xem nói*, nói như vậy để hiểu tầm quan trọng mà giới nông dân đặt để trong việc chọn trâu. Đối với nông dân những con trâu liền thấp hậu cao, chân to, bàn nặng, dù được bán rẻ mặt họ cũng không mua:

Thú nhất vợ đại trong nhà, thú hai trâu chậm, thú ba rựa cùn.

Vì Trâu thường tiếp xúc hàng ngày nhiều với người, nên ngoài công việc chính *trâu cày, ngựa cỡi* trong các câu chuyện giữa người với người, người cũng nhắc đến trâu:

Khi khuyên nhau không nên phí công với những kẻ lì lợm không xứng đáng thì người thường nói *"hơi dẫu đem đàn mà gây tai trâu"*. Những chàng trai năm thê bảy thiếp thường bị chế giễu *"trai nhiều vợ nhiều hàu, đêm nằm chuồng trâu, gối đầu lên chó"*. Công việc hằng ngày phải lạnh lẽ vì *"Trâu chậm uống nước đục"*. Thấy người ta thành công mà mình ganh ghét mồm nói hành thì nào khác gì *"trâu buộc ghét trâu ăn"*. Vô tình lọt giữa hai thế lực đối nghịch thì không khỏi cảnh *"Trâu bó húc nhau, ruồi muỗi chết"*. Con gái vừa đến tuổi cập kê thì cha mẹ đã vội dặn *"Nên để trâu tìm cọc chớ cọc đứng tìm trâu"*, vì nếu khôn ba năm đại một giờ lỡ mang bầu mà làng biết được *"làng sẽ phạt vạ bắt mất trâu"*. Những chàng trai nào có tính hào ngọt hay thích ve vãn mấy cô gái vị thành niên thường được thân thuộc cảnh giác coi chừng *"con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu"*. Con cái mới lao đầu vào việc kinh doanh đều được cha mẹ dặn mọi việc nên suy nghĩ kỹ trước khi thực hiện kẻo *"sai con toán bán con trâu"*. Vì thân thiết với trâu như vậy nên suy luận theo thuyết luân hồi, trâu có thể là hậu kiếp của con người. Do đó Nguyễn Khắc Nợ tình với Kim Trọng đành khuyên hùa kiếp sau:

Lắm thân trâu ngựa, đề nghị trúc mai.

Tận tụy hết lòng với người như vậy nhưng Trâu vẫn không hiểu tại sao người lại dùng những danh xưng *đầu trâu mặt ngựa* hay là *loài trâu chó* để gọi những kẻ bất lương sống vô luân thường đạo lý?

Như đã nói trên, trâu là một trong những con thú được loài người thuần hóa trước tiên và từ đời này qua đời nọ dòng họ trâu luôn luôn sát cánh bên người, nên cũng như người, huyền thoại hay chuyện tích về trâu cũng được truyền tụng khá nhiều: Từ câu chuyện Bá Lý Hề từng lậm Thừa Tướng đất Ngụ những quan trường lận đận đã hai lần đi giữ trâu đến chuyện Tử Đội con thú vua Châu Trang Vương ưa mê trâu đến nỗi nuôi cả một bầy trâu 200 con trong nhà, cho bận áo gấm, có người hầu hạ, sau gặp thời biến vì trâu mà bị giết. Hoặc chuyện Yết Kiêu và

Dã Tượng hai tướng của Hùng Đạo Vương nhờ đuổi bắt trâu thần mà dứt được nạm lông nuốt vào bụng nên sau có được tài lặn lâu dưới nước. Trong truyện Tây Du Ký cũng có kể về Đường Tam Tạng cùng Tôn Hành Giả và Trư Bát Giới trên đường đi Tây Trúc thỉnh kinh dọc đường gặp hỏa diệm sơn phun lửa lấp mắt lối đi phải nhờ đến cây quạt Ba Tiêu của Ngưu Ma Vương mới dập tắt nổi. Nhưng tình tứ và cảm động nhất đối với người Việt Nam vẫn câu chuyện tình áo nâu của hai kẻ tha thiết yêu nhau là chú chăn trâu Ngưu Lang và nàng thiếu nữ con trời chuyên dệt vải là Chức Nữ. Những khi được thành vợ chồng thì vì quá đam mê nhau nên chàng bỏ chăn trâu, nàng lơ dật củi. Ngọc Hoàng tức giận mỗi phạt mỗi người ở một bên bờ sông Ngân Hà, mỗi năm một lần vào tháng Bày sẽ có chim quạ, chim thuốc bắc cầu Ô Thuộc cho hai kẻ si tình gặp nhau. Mỗi lần Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau mừng xen lẫn tủi, nên cùng khóc đến nỗi nước mắt đầm đìa rồi xuống thành mưa dầm suốt tháng bầy mà người Việt mình thường gọi là mưa ngâu:

*Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiền...*

(Tân Đà)

Trâu là loài thú vật đặc biệt thuộc loại nhai lại chỉ có một hàm răng. Về sự tích trâu chỉ có một hàm răng, huyền thoại có kể lại rằng: Ngày xưa loài thú còn biết nói, trâu và ngựa về hằng ngày sống gần người tốt phục vụ nên rất thân nhau. Ngựa hằng ngày ăn rất khó khăn vì hủ mất một hàm răng. Một hôm ngựa được mời đi ăn cỏ, Ngựa bèn mở lời mượn tạm trâu một hàm để đi ăn cho thoải mái. Nể tình trâu cho mượn. Nhưng đến khi đi dự cỏ ngựa thấy có đủ hai hàm răng tốt nên ăn uống rất thích thú nên sau khi dự tiệc trở về ngựa làm ngơ không trả hàm lại cho trâu. Trâu đòi hoài không được và lại mỗi lần thấy trâu là ngựa bỏ chạy và trâu vì chạy rất chậm nên chẳng bao giờ bắt được ngựa để đòi lại hàm răng của mình. Từ đó trâu đành cam phận chỉ có một hàm răng.

Về chuyện trâu chỉ ăn cỏ, huyền thoại có kể lại rằng:

Xưa kia trâu nguyên là thần Kim Quan ở trên trời. Thần Kim Quan thường có tính ham chơi mà lại hay lảng trí. Một hôm Ngọc Hoàng Thượng Đế đưa cho thần Kim Quan một nhúm hạt lúa và một nhúm hạt cỏ và dặn thần đem xuống trần gian mà gieo. Ngọc Hoàng dặn thần Kim Quan phải gieo lúa trước và chỉ gieo cỏ sau ở những nơi đất còn dư lại sau khi gieo lúa. Nhận lúa và cỏ xong thì thần Kim Quan lại gặp bạn bè rủ đi chơi. Chơi một chặp thì nhỏ lại công việc Thượng Đế giao phó nên hoảng hốt chạy một mạch xuống trần gian nhưng vì lảng trí nên thần Kim Quan lại lấy gói hạt cỏ ra gieo trước nên sau đó thì cỏ mọc tràn lan khắp nơi còn lúa thì rất ít. Loài người thiếu ăn tức quá dậy lên Thượng Đế. Thượng Đế tức quá dạy thần Kim Quan biến thành con trâu sống ở trần gian chỉ được ăn cỏ cùng phán rằng khi nào ăn hết cỏ mới được về trời. Nhưng trâu ăn hoài vẫn chẳng bao giờ hết cỏ. Ăn đám này vừa hết qua ăn đám khác thì cỏ ở đám cũ đã mọc lại xanh tươi. Trâu ăn hoài cũng chẳng bao giờ hết cỏ nên qua bao đời kiếp trâu vẫn là trâu.

CÁI NGU THỦ NĂM

(Để tưởng niệm các võ sư, các lò võ danh
trừng ngày trước và nhớ anh Nguyễn Đức
Hiền của làng báo Sài Gòn trong thập niên
70)

Anh Bảy đứng dựa lưng vào dây
căng làm vòng rào trên võ đài, hai
tay giăng ra hai bên khê nhún
nhún, thoải mái nhìn vào góc đài, nơi võ sĩ
đang ngồi trên ghế nhỏ cho sẵn sóc viên xoa
bóp.

Tiếng chuông báo hiệu hết hiệp Một, hai
võ sĩ còn khỏe nhưng vẫn ngồi xuống ghế,
chăm chăm nhìn về phía đối thủ ngồi góc đối
diện. Mỗi xong một hiệp hai phút, hai võ sĩ
chỉ trao đổi vài cú đấm để dọ dẫm tài nghệ
nhau nên anh Bảy làm trọng tài chưa mệt.
Mặt mày anh còn tươi rói.

Ánh sáng từ nhiều chùm đèn 8 bóng 200
watt trên tầng cao soi sáng võ đài hình
vuông khoảng 64 thước vuông, sàn lót ván
dày, dẹt cao hơn mặt đất 1m2, có vòng rào
chắc chắn căng bằng 3 hàng dây luộc lớn cỡ
cổ tay có quấn vài màu đỏ cho êm. Võ đài
nằm vào giữa căn nhà to lớn. Đó là sân bóng
rổ của Câu Lạc Bộ Tinh Võ, một hội thể thao
người Hoa ở Chợ Lớn. Căn phòng to lớn có
tường bao quanh, lợp mái trần bằng xi-măng,
nằm giữa dãy phố đường Nguyễn Trãi, ngăn
vách chắc chắn. Hai bên sân bóng rổ có
khán đài 5 tầng làm bằng cây dành cho khán
giả ngồi xem môn thể thao hâm mộ của
người Hoa lúc đó. Khi cần tổ chức võ đài,
Ban Tổ Chức mượn sân bóng rổ này, chỉ cần
dựng sàn võ vào giữa và sắp thêm nhiều
hàng ghế bao quanh để bán vé thu tiền.

Ngược với sự hâm mộ bóng rổ của người
Hoa, người Việt say mê môn võ nên sân này
được cho mượn dài dài, Ban Tổ Chức võ đài
tha hồ đếm bạc. Khán giả ít tiền thì cứ mua
vé hạng "cá kèo" ngồi trên mấy tầng băng
cây, có khi mua không kịp, hết chỗ ở các
băng thấp, phải ngồi trên băng cao chót vót
gần dụng nóc nhà, nhìn xuống võ đài thấy
hai võ sĩ nhỏ xíu, những số khán giả này vẫn
vui lòng vì được là ở thoải mái... Những hàng
ghế có lưng tựa sắp bao quanh võ đài đều
được các nhà giàu đặt mua trước, và các loại

giấy mời Mạnh Thường Quân, báo chí, các lò
võ, là nơi được mọi người chú ý, không phải
vì chỗ đó có võ sĩ, mà vì nơi đó có nhiều tà
áo màu tha thướt của các bà, các cô theo
bạn, theo chồng đi xem.

Từ trên cao nhìn xuống, khán giả đồng
nguyệt chen chúc, nhưng những hàng ghế
đầu vẫn thấy thoáng nhờ nhiều quạt máy
trên trần quay vù vù. Giờ này, đường xe
chạy bên ngoài đã tối hẳn vậy mà ở đây ánh
sáng chan hòa rọi xuống sân gỗ võ đài, nơi
tranh tài của võ sĩ, lại nổi bật bộ đồ trắng,
quần tuýt-so, áo lụa lèo của anh chàng trọng
tài đang có bộ mặt tươi rói này.

Anh Bảy thấy tự đắc lắm. Anh liếc nhìn
một lượt khắp bốn phía. Chắc chắn trong
đám khán giả đang sôi nổi bàn tán, bình
phẩm tài nghệ võ sĩ có rất nhiều bạn quen
của anh. Anh nhúc nhích hai hàng ria mép
vừa tia công phu hồi sáng, neoh mắt mím
cười về phía hàng ghế có nhiều áo màu.
Không cần biết khán giả quanh võ đài có
người hâm mộ hay thì hận mình, anh Bảy cứ
cười mím chỉ "làm duyên"...

Anh lấy tay mặt sửa cái nơ đen trên cổ
áo, trịnh trọng nhìn đồng hồ bên cổ tay trái.
Sắp hết một phút nghỉ giữa hiệp rồi.

Trong khi anh "lấy le" với người bạn gái
tường tượng trong đám khán giả thì tại hai
góc đài, hai võ sĩ ngồi guồm guồm nhìn
nhau, mặc kệ anh sẵn sóc viên lau mặt, lau
tóc mình bằng cái bông đá thấm nước và
ông võ sư (có lẽ là sư phụ dạy võ) đang la
hét vào tai:

- Nè, mày nghe tao nói không? Thằng đó
chỉ có cú đấm tay trái là mạnh, còn tay mặt
coi bộ yếu xiu... mày sử dụng "cú ruột của
mày" là tránh né cái đầu để nó đánh hụt, mà
đánh hụt hoài thì nó mau mất sức... Nhớ
hông? Rồi chờ dịp mày "dù" nó cái một.

Góc đài bên kia, võ sĩ mặc quần sa-teng
đỏ cũng bị nói vào tai. Nhưng ông võ sư này
thâm trầm, chỉ nói lờ mờ như sợ đối phương
nghe được lời chỉ vẽ của mình. Không ai
nghe tiếng những nhìn bộ tịch múa may của
ổng, họ biết là ổng đang "dạy nghề tại chỗ"
cho đệ tử. Không biết hai võ sĩ có nghe lọt
vào tai, nhờ vào óc không, nhưng khán giả
nhìn hai lão khua môi, múa may đều đủ biết
hai ông đang tỏ ra mình giỏi hơn...

Sân Tinh Võ hôm nay nghệt cũng người
mê võ thuật nhờ được quảng cáo trên báo
chí và bích chương. Tuần nào sân Tinh Võ
cũng có khán giả đến xem nên các nhóm giữ
xe, các cô bán mía ghim, đậu phộng, thuốc
lá tha hồ hốt bạc các. Chỉ khổ cho dân
chúng ở các dãy phố quanh đó, nhứt là
đường Nguyễn Trãi chịu nạn kẹt xe và sự ồn
ào đến hai, ba giờ sáng. Chương trình hôm
nay hấp dẫn hơn không phải vì có 5 độ đánh
bốc Ấng Lê (boxe) của các võ sĩ danh tiếng
là Minh Cảnh với lò Huỳnh Tiền và 2 đội võ
tự do của lò Mã Thành Long đụng với nhóm
võ sinh Giồng Ông Tố, mà khán giả mong
đến xem cho mãn nhãn trận đấu thách thức
của nữ võ sĩ Doanh Doanh với nữ võ sĩ Bạch
Nhạn của lò Tây Sơn Nhạn.

Trận thách thức này được đồn đãi từ mấy
tháng trước sau khi nữ võ sĩ Doanh Doanh
hạ nữ võ sĩ khác bằng cú đá hoành thân.
Doanh Doanh được nổi danh từ đó. Giới mê
võ đài bàn tán với nhau nào là cô này người

Việt lai Chàm, nhà ở xóm Chùa Chà, đường
Pellerin (khu Chợ Cũ) nên có dòng máu...
Châu Giang. Mà dân Châu Giang có bừa
ngài. Cô lấy biệt hiệu Doanh Doanh là tên nữ
nhân vật nổi tiếng trong chuyên chương Tiếu
Ngạo Giang Hồ để làm tên của mình vì lúc
bấy giờ đi đến đâu cũng nghe thiên hạ nhắc
đến Lệnh Hồ Xung với người đẹp khá ái tên
Doanh Doanh.

Nói đúng ra, nữ võ sĩ này mang tên
Doanh Doanh cũng được, vì cô gái lai mang
hai dòng máu có gương mặt xinh đẹp với mái
tóc đen uốn lượn tự nhiên, với hàng lông mi
cong, lông mày rậm, đôi mắt sáng, mũi cao
thanh tú cộng thêm thân hình này nở cân đối
căng đầy sức sống của thiếu nữ luyện tập võ
nghệ.

Đêm lên đài đầu tiên, Doanh Doanh thấy
khớp lăm những chỉ qua hai hiệp đầu, khi
được những lời cổ vũ, khuyến khích của
khán giả, cô bình tĩnh bước đi uyển chuyển,
tránh né nhẹ nhàng, đôi lúc cũng hung hãn
nhảy xổ vào đối phương để xía tay vào ngực
hay thúc gối vào hông... Khán giả trầm trồ vì
thấy cô sử dụng cướp pháp thật nhanh gọn
hơn là dùng đôi tay để ra quyền.

Buổi ra trận đầu tiên, chưa đầy 3 hiệp,
Doanh Doanh đã thắng nữ võ sĩ khác bằng
ngọn cước *Hoành thân* thật độc đáo. Ngày
hôm sau, báo chuyên về thể thao như *Thao
Trường*, *Nguồn Sống* cũng như các nhật báo
có trang *Thể Thao* đều tưởng thuật, khen
không tiếc lời kèm theo hình ảnh nữ võ sĩ
xinh đẹp này. Tiếp theo sự say men chiến
thắng, Doanh Doanh nghe lời sư phụ cũng
như bạn bè, cô tung tin thách đấu với các nữ
võ sĩ khác làm cho đủ luận xôn xao.

Đến dần cũng nghe giới trẻ hâm mộ võ
đài bàn tán theo dẹt, không biết vì tài nghệ
hay vì nét xinh đẹp của cô? Chắc cả hai. Lại
còn khẳng định nữ võ sĩ Doanh Doanh sẽ
không có đối thủ. Đâu đâu cũng bàn tán,
trong xí nghiệp hay giữa tiệm cà-phê, vì đây
là lần đầu tiên tại Sài Gòn có nữ võ sĩ thách
thức lên đài, làm cho vài cụ già phải lên
tiếng:

- Ối, nhằm nhò gì cái tài võ đó. Tại chưa
đụng độ với gái Bình Định, mấy chú em quên
câu hát: *Ai về Bình Định mà coi. Đàn bà con
gái đánh roi đi quyền à?* Mà cũng khỏi cần đi
xa, cứ lên Bà Điểm coi con gái sử dụng cước
pháp, hay là giới boxing miệt Hậu Giang để
thấy con cháu của bà Phần Lê Huê...

Một cậu thanh niên cướp lời ông già, hỏi
chặt:

- Bà Phần Lê Huê nào có con cháu?

- Xí. Vậy mà cũng nói rành. Thì đám nữ
binh của bà Năm Lửa ở Cần Thơ hồi trước
đó. Cách đây vài chục năm, mấy cô thôn nữ
múa côn bằng cây tầm vông vạc nhọn hay
múa song đao nhấp nháy, tập luyện mỗi đêm
khắp làng này, xóm nọ. Bấy giờ các cô đó
già rồi hồng lè không có truyền nghề lại con
cháu? Những các cô thôn nữ này không ra
mặt, lên đài tranh tài đâu...

Các nữ võ sĩ Bình Định và Hậu Giang
không lên võ đài nhưng các cô vùng Bà
Điểm, Hóc Môn không chịu nổi lời phê bình
của báo chí và dư luận của thanh niên ở thủ
đô đã xin phép sử dụng ký lên đài, chấp
nhận sự thách thức của Doanh Doanh nên
mới có đêm nay để anh Bảy ăn diện le lối và

suốt buổi chiều anh đi vô đi ra nhìn đồng hồ chờ thời gian qua mau...

Chị Bảy vừa ủi bộ đồ tuyết-so trắng của anh, vừa hỏi:

- Hôm nay có buổi họp của Phân bộ Ký giả Thể thao hay đi ăn tiệc ở đâu mà ông chọn lựa bộ đồ này?

Anh Bảy cười chum chim trả lời:

- Hồng có hội họp gì đâu. Đêm nay tui đi làm trọng tài:

- Ủa? Đội banh nào đá đèn hôm nay vậy?

- Đâu phải. Bà nghe rồi tui trọng tài, cử từng tôi đi thổi tu hít cho mấy đội banh hoài sao. Tui làm trọng tài cho... vô dài mà.

Chị Bảy ngừng bàn ủi, nhìn anh ngạc nhiên. Chị là người vợ hiền, chỉ lúc thúc trong nhà ít chịu đi bướng chài đến các nơi chông mình có mặt. Chị biết anh quen nhiều, xã giao rộng, là ký giả thể thao cho nhiều tờ báo, lại biết chút đỉnh luật lệ nên "được" mời làm trọng tài các trận đấu giao hữu giữa các đội banh Quận, làng. Chị nhớ trong lần đầu đội Ký Giả được mời đi Đà Lạt tham dự cuộc tranh tài tam giác với hai đội Lâm Đồng và Phan Thiết, chị có đi theo. Mấy ngày tranh tài, chị được thấy ông chồng của mình biết "giữ gôn" và là thủ môn chính của đội Ký Giả. Chị theo dõi trận banh với sự hồi hộp khi thấy anh Bảy ốm yếu phải lăn vô chún hàng tiền đạo của đội Phan Thiết, nhứt là anh chàng trung phong có lối đá như "*chém dính chặt sắt*". Mỗi lần anh được banh do cầu thủ bạn đá đến chún, anh thoát đi, lòn qua lách lại như một tay làm xiếc. Hàng phòng ngự của đội Ký Giả kèm anh không nổi, thành ra anh Bảy, chồng của chị, là người phải chịu vô chún địch thủ để cứu nguy nhiều phen cho đội nhà. Mỗi phen như vậy anh Bảy được vô tay hoan hô và khán giả cổ vũ nồng nhiệt. Giây phút đó chị thấy lòng lâng lâng cũng như chiều hôm sau chị yên lòng khi thấy anh Bảy đứng giữ trụ gôn mà lâu lâu lấy tay vuốt vuốt cái áo len mặc chông bên ngoài áo mai-dô thủ môn. Trời Đà Lạt lạnh nên khi thấy anh Bảy mặc thêm áo len trước khi ra sân, anh Nguyễn Ang Ca ngạc nhiên hỏi:

- Ủa, anh Bảy mặc áo len bên ngoài thì làm sao thấy số 1 trên lưng áo?

Anh Bảy cười trả lời:

- Yên chí chú mày ơi. Chú mày thấy nhiều đội banh, đồng phục đội nào cũng có con số cho trọng tài để ghi vào sổ tay phạt, vì trọng tài xa lạ đâu biết hết các tên cầu thủ. Chú mày nhớ không: bộ đồng phục của cầu thủ phải giống màu nhau, chỉ có riêng cái áo thủ môn là màu mè hơn cả. Đâu cần con số, anh trọng tài cũng như khán giả bao quanh sân đều biết là thủ môn rồi... Trời Đà Lạt quá lạnh, tui mặc thêm cái áo len này thì cũng như thêm màu rằn ri trên áo thủ môn thôi, phải không anh hai Nguyễn Kiên Giang?

Anh Hai nhìn anh Bảy rồi gục gặt đầu:

- Ủ, cha nội này nói cũng phải. Ai mà không biết anh Bảy là thủ môn của đội mình chớ. Nội nhìn cái bộ râu mép của anh, trọng tài lạ cũng biết mà.

Thế là buổi đầu hôm đó thủ môn của đội Ký Giả mặc thêm áo len bên ngoài áo cầu thủ. Và cũng may cho đội Ký Giả là không biết ăn nhằm cái gì mà hôm nay hai hậu vệ của đội Ký Giả đá thật xuất sắc nên anh Bảy

khỏe ru để lâu lâu mới chụp được trái banh nhẹ hều. Mỗi lần như vậy, sau khi đá trái banh lên xong, anh Bảy lấy hai ngón tay búng phui bụi và cò vừa bám vào áo len, để đám con nít ngồi sau gôn chỉ trỏ rồi nói bô bô:

- Mèn dết ơi. Tui bây coi thẳng cha giũ gôn "điệu" quá kia. Thủ môn ôm banh mà sợ đó áo... hi... hi...



Anh Bảy nghe vậy, day lại liếc tui nhỏ, nháy nháy, nhúc nhích bộ râu mép rồi cười làm đám khán giả tí hon này càng say mê ủng hộ.

Rồi cũng trong dịp đá tam giác giao hữu đó, chị Bảy ngạc nhiên thêm khi đến ngày thủ ba, trong trận giữa Lâm Đồng và Phan Thiết, anh Bảy được "làm trọng tài". Thì ra vì tranh giải tam giác, mỗi đội đá ra một trọng tài để thổi điều khiển cho hai đội kia, bên Ký Giả không chuẩn bị, lúc lên đây mới biết. Đêm đó, đoàn Ký Giả hội ý với nhau. Đoàn có anh Dũng Minh và Việt Thành là hai người biết luật trọng tài nhưng là hai vai ruộng cọt của đội nên sau cùng anh Đức Hiền được chọn làm trọng tài, đi điện cho đội Ký Giả.

Lúc đầu anh Bảy phản đối:

- Trời đất! Tui mà làm trọng tài thì cũng được đi vì tui có "một bụng luật lệ bóng tròn" đây nè, những tui chưa có tên trong Ban Trọng Tài mà.

Anh Dũng Minh nói:

- Anh Bảy đừng lo. Việc này hai đội kia cũng biết nhưng họ tin ở uy tín Ký Giả mà họ cũng biết anh... giỏi, nên xí xòa và đồng ý chấp nhận việc xử phạt của anh trong buổi đầu đó.

Thế là anh Bảy cố gắng làm tròn bốn phận trọng tài hôm đó để thấy thích thú làm "*ông vua sân cỏ*" mặc áo đen, trên ngực có huy hiệu trọng tài, mỗi tiếng còi, mỗi cái đưa tay, chún quay về phía phạm lỗi là cầu thủ nghe theo rần rắc. Trở về Sài Gòn, anh đọc lại sách luật lệ cầm còi và đăng tên vào Liên Đoàn Trọng Tài Bóng Tròn.

Từ đó anh Bảy được mời làm trọng tài... tại các địa phương giữa các đội quận, vì anh chưa được ở đẳng cấp quốc tế. Nào có hề hấn gì đâu. Nhưng vì phải đi đến địa phương được chỉ định để làm trọng tài, anh Bảy bỏ nhiều dịp tham dự các trận banh khác, bài viết tường thuật của anh càng ngày càng ít trên các trang báo thể thao.

Một hôm chị Bảy hỏi anh:

- Lúc này bài tường thuật của anh viết ít quá hả?

Anh trả lời ậm ừ: - Cũng có bài viết chớ, những tuần nào tui có mặt tại Sài Gòn, hoặc vào buổi đá đèn ban đêm, còn nếu có trận banh giữa hai đội hay mà tu lại kẹt làm trọng tài nơi khác, khi về được các bạn cho biết kết quả trận đấu chớ mình không được xem tận mắt thì làm sao viết... Kẹt thiệt!

Anh thở dài. Chị Bảy thông cảm cái thờ dài của anh. Chị Bảy biết anh thích viết cũng như làm trọng tài.

Lúc bấy giờ, độc giả các báo đam mê đá banh, thích mua vé vào sân xem tận mắt các cầu thủ tranh đua, sống trong không khí ồn ào để la hét cổ vũ, rồi ngày hôm sau đón mua báo coi lại bài tường thuật trận đó. Tuần báo chuyên về thể thao như *Thao Trường*, *Nguồn Sống* cũng như các báo hàng ngày có trang đặc biệt thể thao tường thuật cuộc tranh tài giữa các đội banh được độc giả hoan nghênh, các ông bà chủ báo tha hồ vui cười vì báo cũ tăng số bán. Ký giả Thể thao được chủ báo trọng đãi lại càng cố gắng viết làm sao cho sống động thêm nên được nhiều người biết tiếng hơn ký giả Kịch Trường. Ngoài anh Huyền Vũ nổi danh nhờ tường thuật trực tiếp tại sân banh rất dễ nghe và hấp dẫn, độc giả còn say mê các bài của anh Thiệu Võ, Phan Như Mỹ, Huyền Vũ.

Các anh được giới cầm bút thể thao phong tặng là "*Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ*". Bài của anh Nguyễn Đức Hiền cũng được độc giả đón xem. Mỗi anh có lối viết riêng với lối tường thuật bằng những danh từ, hình dung từ độc đáo khiến độc giả "chịu" lắm.

Nói đến cầu thủ tài giỏi, các anh gọi *Cầu vượng* vì cầu thủ quá hay không ai bằng, *Thuật sĩ* vì anh này khi được banh, lửa qua lửa lại, qua mặt nhiều đối thủ, không ai kèm anh được, *Mũi tên vàng*, vì anh này lướt qua hàng phòng thủ nghịch để chạy và mau lẹ, *Con thần mã* là cầu thủ chạy thật mau để đón banh, *Lũng thủ vạn năng* được tặng cho anh thủ môn tài ba, tất cả đường banh đều không qua khỏi tay anh, *Con cá trạch* vì cầu thủ búng người phá banh nơi chỗ chật hẹp rất giỏi (quá nhiều cầu thủ bao quanh), Cái đầu bằng kim cương vì anh chàng này đứng trước khuôn thành địch, nhảy lên dùng đầu đội banh vào lưới đối phương, *Cầu thủ thủ 12* là anh trọng tài thiên vị riêng một đội, làm ngơ không bắt phạt, trong khi tìm cách phạt đội kia, khán giả la chộ anh trọng tài này với 11 cầu thủ hội kia là 12 người, *Trọng tài Xáy cái nại* là tiếng chọc quẻ anh trọng tài bị nghi ngờ đã uống cà-phê với đội kia (giống nghĩa như ăn dút lốt), rồi nào là *chỉ mảnh treo chuông* khi thủ môn bị các cầu thủ nghịch *làm mùa làm gió* trước khuôn thành, trong lúc hai hậu vệ và hàng phòng ngự không cách nào chống đỡ, *dành chịu bó tay*. Các anh khen đội banh chưa bị trái banh nào lọt lưới suốt trận đấu, đã giữ nguyên *màn lưới trinh bạch*. Khi trái banh được hậu vệ mớm banh lên cho hàng tiền đạo tấn công được gọi là *đường banh mở nẻo*. Các anh thích xài động từ *lội nước ngược* để tả đội banh bị thua trước hai trái, giờ đây phải cố gắng *thu ngắn cách biệt*, hoặc nếu tăng luôn hai trái thì coi như *san bằng tỉ số*. Gần tan trận, hội đang thua đành chịu *cười đau khúc hận* bóng anh trung phong nhận được trái banh của đồng

đội đua tời, anh làm bộ dụ khị là gạt dối thù, làm như sắp tạt banh qua trái cho bạn nhưng anh lại kéo banh qua phía mặt rồi dẫn banh xuống khuôn thành đối phương *sút như búa bổ vào lưỡi*, đem lại cho hội nhà *một bản danh dự*.

Về chiến thuật, độc giả được các anh kỹ giả thể thao vạch cho thấy đội banh nào sắp cầu thủ đúng theo *hình vương huyền bí*, hay *M W*, đó là đội hình sắp theo chiến thuật xưa, có lúc đội banh có nhiều cầu thủ thể lực khỏe và xông xáo thì sắp theo *1, 9, 1* để khi lên công, về thủ một lượt. Hội nào chủ trọng về thể thủ được gọi là *bê-tông cốt sắt, chiến lữ Maginot* (một chiến lữ chắc chắn của Pháp để chống Đức trong trận thế chiến vừa qua). Độc giả lúc đó không ngỡ ngàng khi đọc dòng chữ *kéo giãn đội hình, mở ra đôi cánh, đầu lũng ra về* (hai đội hòa nhau), đội A cầm chân đội B khi hai đội cùng chung tỉ số.

Cũng nhờ kỹ giả thể thao sửa lại hợp thời như: *trọng tài biên tay* vì anh cầm cờ chạy (touche). Banh theo không còn kêu là *banh nu* (à nous, theo tiếng Pháp là của chúng tôi) nghĩa là trái banh ra biên do cầu thủ đội kia đá, vậy trái banh phải do chúng tôi ném vào. Ngày trước, khán giả thấy một cầu thủ chạm banh vào tay liền la rùm lên: *me, me...* (tiếng Pháp main là bàn tay) hoặc la: *é é ope r* (hors jeu) là việt vị, cầu thủ phòng ngự là hậu vệ, không gọi là *a-de* (arrière) v.v...

Những danh từ đao to, búa lớn, những hình dung từ ngộ nghĩnh đó giờ đây anh Bày ít được dịp viết lên giấy trắng nên lòng thấy buồn buồn, anh nói với chị:

- Bà biết không, làm trọng tài có cái vui, cái hạnh diện của *người cầm cờ* nhưng bạc bèo lắm bà ơi...

- Sao vậy?

- Bà coi đó. Cầu thủ đá hay, đội banh giỏi được khán giả cổ vũ hoan nghinh, được báo chí nhắc tên luôn, lại có hình ảnh... Đâu có ai hoan hô anh trọng tài khi điều khiển giới trận đấu? Đã không có tiếng khen, họ chỉ chờ trọng tài sơ xuất là la chộ. Nhiều đội banh được các thưởng gia làm Mạnh Thường Quân giúp đỡ, tặng thưởng... còn bà có thấy trọng tài nào được lãnh tiền thưởng? Trọng tài chỉ được mời tham dự với các đội banh trong buổi tiệc thân hữu thôi, nhưng nếu trọng tài đi ăn cơm riêng với vị Mạnh Thường Quân hay huấn luyện viên đội banh thì bị nghi ngờ là *trọng tài cá-phiê*. Cũng may, ngày nay người dân thủ đô hay thị xã tỉnh... biết lịch sự, hiểu rõ tinh thần thể thao, chỗ ngày trước trọng tài khi bị khán giả (nhứt là khán giả ở quận làng xa xôi) nghi ngờ *xây cái nại* là họ đón đường cho *ăn mía gò cát*, hoặc cho *đo đất*...

Chị Bày cười, hỏi chặn:

- Đo đất, mía gò cát là cái gì?

- Cho ăn mía gò cát là họ đón đường đập lên trọng tài bằng khúc cây tầm vông, còn đo đất là anh trọng tài bị đập té chúi nhủi nằm dài trên đất...

Chị Bày cười thường hại anh chổng ham làm chuyện giúp thiên hạ:

- Vì vậy nên hôm nay anh đổi nghề trọng tài sân cỏ để làm trọng tài vô đài hả?

- Không phải vậy. Tui được mời làm trọng tài cho vô đài đêm nay cũng nhờ vào sự quen biết nhiều và uy tín của tui.

Anh Bày nói đến đây, hít một hơi điều thuốc thơm Bastos, đứng dậy vườn vai rồi uốn ngực, neho mắt nói với vợ:

- Bà quên tui đã từng làm huấn luyện viên cho vô sĩ Kít Sô Cô La sao?

- Nhỏ chớ. Nhưng dính líu gì với chuyện anh làm trọng tài đêm nay?

- Dính líu chớ. Buổi vô đài hôm nay qui tụ các lò danh tiếng và quen biết nhau. Trong buổi họp để cấp độ, họ đồng ý với nhau nên mời một vị trọng tài cho trận then chốt giữa hai lò Mã Thành Long, Giồng Ông Tố để tránh tiếng thiên vị, và độ thách thức của nữ vô sĩ Doanh Doanh không ai đứng ra làm trọng tài nên Ban Tổ Chức mời tui đảm nhiệm luôn.

Chị Bày nghe đến đây phát cười lớn, nói:

- Hèn chi mà ông lựa bộ đồ tuyết-so lụa lèo này để mặc đêm nay. Chà, chà, làm trọng tài cho hai nữ vô sĩ xinh đẹp nên ông diện như... đi chợ Tết!

Anh Bày nghe vợ cười, hình hình lỗ mũi, cãi lại:

- Bà mầy nghĩ quấy rồi đa. Thì cũng phải ăn mặc cho... đàng hoàng, chớ trọng tài vô đài có đồng phục. Làm trọng tài cho hai vô sĩ đấu nhau, đầu có để. Cái sân khấu vô đài nhỏ xíu so với sân banh, không cần chạy những đôi mắt, đôi tay phải lẹ làng, phản ứng kịp thời để can hai vô sĩ nhập nội đeo nhau, hoặc đánh đấm sai qui luật. Khó lắm bà ơi! Không biết hai vô sĩ đêm nay đánh đá ra sao, chớ trận của vô sĩ là Mã Thành Long đấu với vô sĩ Giồng Ông Tố gay cấn lắm đây. Họ là thanh niên đầy sức lực, chỉ múa may với nhau trong vài hiệp là mồ hôi, mồ kẹ túm đầy mình. Khi mình chen vào giữa để xô vệt hai vô sĩ đeo từng cục thì... cái áo lụa lèo của tui làm sao khỏi bị mồ hôi của họ làm... bèo nhèo.

Đúng như anh Bày nói, trận đấu của hai nữ vô sĩ xinh đẹp được sắp xếp ở trận thứ 5, và anh Bày phải điều khiển trận so găng thứ 2 giữa hai thanh niên vạm vỡ có tài sức ngang nhau.

Qua đến hiệp 3, anh Bày thấy vô sĩ Giồng Ông Tố có vẻ thắm mệt, những quả đấm *đĩa rọc* (direct: đấm thẳng) của anh ta không mạnh như hiệp đầu, lâu lâu lại đánh hụt khiến cho anh mau mất sức, trong khi vô sĩ là Mã Thành Long né đầu thật giỏi và dò đấm đánh cú nào chắc cú nấy. Và chuyện gì đến phải đến: gần cuối hiệp, anh vô sĩ này đánh nhủ bằng tay trái, chớ vô sĩ Giồng Ông Tố hụp đầu tránh liền tặng thêm cú móc bằng tay mặt vào cằm làm đối thủ tá hỏa, té ngựa. Anh Bày bước mau đến trước mặt vô sĩ té, vừa để chặn anh vô sĩ là Mã Thành Long, vừa đếm. Đếm đến 7, anh kia đứng dậy và gạt đầu tỏ ra mình còn đủ sức đánh nữa. Anh Bày dùng hai tay nắm lấy hai tay mang găng của vô sĩ té, chúi găng vào áo lụa lèo của mình. Lượng tâm chức nghiệp và là bốn phận của trọng tài bắt buộc phải chúi găng vô sĩ vừa nằm dài, sợ e đôi găng dính đất cát sẽ làm trầy mặt đối thủ. Nhưng đến gần cuối hiệp, thấy vô sĩ này không còn sức đánh trả, chỉ lo ôm mặt chịu trận, anh Bày chen vào giữa đưa tay ngưng trận đấu.

Anh Bày đến bàn trọng tài cho điểm để lấy kết quả, sau đó anh huồng dẫn hai vô sĩ ra đứng giữa đài chờ nghe loa phóng thanh tuyên bố thắng bại. Nắm tay vô sĩ thắng đưa lên, anh cười mỉm chi, nhúc nhích râu mép như hải lòng mình đã làm tròn nhiệm vụ trọng tài. Khán giả vỗ tay hoan hô, vô sĩ thắng cười vui đón nhận, anh Bày cũng cười theo...

Về ghế ngồi dành riêng cho mình, anh Bày mời thẩm thía khi nhìn cái áo lụa lèo màu trắng giờ đây đã bèo nhèo vì mồ hôi của hai vô sĩ thắm vào những thân chen vô ngăn chặn. Anh nhìn xuống, hai vết đỏ màu xám là hai chỗ lau găng... Anh chột nhỏ đến độ thứ 5 do anh điều khiển. Anh sẽ bước theo hai nữ vô sĩ. Anh sẽ được chụp hình, quay phim giữa hai người đẹp với cái áo bèo nhèo này đây! Trong hiệp đấu, tinh thần anh căng thẳng như vô sĩ, giờ đây ngồi nhìn cái áo... Đâu còn đủ thời giờ để chạy về nhà thay cái khác. Đành chịu vậy!

Khán giả ồn ào, vỗ tay, huyết sáo như muốn làm nổ tung sân Tinh Võ khi cánh của cuối phòng vừa mở ra để xuất hiện hai nữ vô sĩ.

Cô Doanh Doanh bước ra trước. Gương mặt khả ái dưới ánh đèn rọi và nhiều đèn chớp của phóng viên nhiếp ảnh. Huấn luyện viên, sân sóc viên cũng như hai anh hộ vệ khó nhọc lắm mới chặn được các khán giả hâm mộ đang xô đẩy nhau để cố bước tới gần cô. Hôm nay Doanh Doanh mặc quần áo bằng sa-teng đen bó sát thân hình nở nang cân đối. Chiếc áo choàng màu tím than phủ bên ngoài, che bớt những đường cong hấp dẫn, chỉ thấy đôi giò thon của cô bước thoăn thoắt... Cô mỉm cười đưa tay chào khán giả, lòng tự tin.

Nhóm sân sóc viên và nữ vô sĩ Bạch Nhạn đi sau. Khán giả đang hoan hô Doanh Doanh bỗng như ngừng lại ngạc nhiên. Họ chỉ được thấy hình nữ vô sĩ Bạch Nhạn trên các bích chương nên không ngờ cô có một thân hình cân đối vừa phải nếu không nói là nhỏ nhắn với gương mặt hiền hòa, đôi mắt to như mắt nai làm khán giả ngỡ đây là một nữ sinh trường Gia Long. Bạch Nhạn có nghĩa là chim nhạn trắng, đáng lý cô mặc bộ đồ màu trắng nhưng hôm nay lên đài lần đầu, Bạch Nhạn mặc nguyên bộ áo vô bằng loại sa-teng bóng láng, màu tím hoa cà, áo choàng bên ngoài bằng sa-teng màu bạc. Theo bước đi, chiếc áo lay động như hình ảnh con chim nhạn trắng bay thấp thoáng... Sau phút ngạc nhiên, khán giả hoan hô nồng nhiệt cô gái xinh đẹp này. Tiếng vỗ tay, tiếng huyết sáo ồn ào những vẫn nghe loáng thoáng:

- Trời đất! Sao mà nhỏ nhắn như vậy, biết chịu nổi cú đá của cô Doanh Doanh không?

Nữ vô sĩ Bạch Nhạn lần đầu tiên xuất hiện trước công chúng và đại diện cho môn phái mình nên có vẻ lo lắng, nhưng khi nghe tiếng cổ vũ, cô lấy lại bình tĩnh, ngừng đầu nhìn hai bên khán giả, mỉm cười.

Anh Bày đã sẵn sàng trên đài. Anh đứng dựa lưng vào dây nhìn hai nữ vô sĩ đang cùng các sân sóc viên bao quanh tại hai góc đài, chờ đợi Ban Tổ Chức giới thiệu với khán giả tên tuổi, tài năng, môn phái của hai vô sĩ và thành phần Ban Trọng Tài độ vô. Lại những tràng pháo tay, những tiếng hoan hô

vang dội sân Tinh Võ khi hai nữ võ sĩ vẫn còn mặc áo choàng ra trình diện. Anh Bảy đứng giữa hai người đẹp, bộ râu mép anh nhúc nhích lia lịa như lông anh đang rộn ràng hồi hộp. Ánh đèn của nhiếp ảnh viên và khán giả thì nhau lóa chớp. Sau phần giới thiệu, Ban Tổ Chức mời sáu sóc viên ra ngoài. Doanh Doanh và Bạch Nhạn tử tốn cổ áo choàng trao cho sóc viên để khán giả được thêm một phen hoan hô trầm trồ hai thân hình tròn trịa căng đầy nhựa sống. Tới phiên anh Bảy bước đến bên võ sĩ Doanh Doanh. Như thủ tục thường lệ bắt buộc, võ sĩ đưa hai bàn tay cho trọng tài xét qua. Vì là võ sĩ tự do nên võ sĩ không mang găng da để có thể sử dụng những ngón tay trong các thế *cầm nã*, *trảo* hoặc *chưởng*, nhưng có võ sĩ quán bằng tun vào cổ tay hay hồ khâu nên trọng tài phải xét kỹ, kèo có võ sĩ đã tâm giấu vật cứng có thể gây thương tích cho đối phương. Hai bàn chân cũng vậy, võ sĩ sử dụng *cước* nên không mang giày, nhưng trọng tài phải xem xét như đôi tay.

Anh Bảy xem đôi tay và cúi xuống xem đôi chân. Và trong tư thế ngước lên, anh dùng hai ngón tay trở vào giữa búng ngực vào hạ bộ nữ võ sĩ. Khán giả cười ồ lên. Nhiều tiếng la ó... Giật mình, anh Bảy bỗng thấy sượng sùng vì anh vừa làm một động tác gây cho khán giả hiểu lầm nên có trận cười la chộ.

Theo lệ thường, nam võ sĩ lên đài bắt buộc phải mang cái *cô-ki* (coquille: một miếng nhôm hình vỏ con sò, dùng để bảo vệ hạ bộ, đề phòng bị đá trúng cũng không bị thương). Nhưng đây là nữ võ sĩ nên không có *cô-ki*. Anh Bảy làm đủ động tác như mọi khi nào có ẩn ý gì, nhưng khán giả thấy vậy cứ la òa thoải mái làm anh cười mỉm chỉ xén lên. Đến phiên Bạch Nhạn, anh chỉ xét qua loa. Tiếng cười râm ran mãi đến khi tiếng chuông khởi đầu trận đấu.

Sau thế *bái Tổ*, hai nữ võ sĩ đứng thủ thế, bốn mắt nhìn nhau lom lom. Biết Doanh Doanh có thân hình cao hơn mình và chuyên dùng cước pháp nên Bạch Nhạn bình tĩnh đứng theo *Hạc tấn*, bàn tay trái xòe trước ngực, ngón tay chia lên, tay mặt nắm thành quả đấm thủ nổi hồng. Có bước qua, bước lại, chún trái rồi chún mặt nhưng vẫn theo *Hạc tấn*. Thấy đối phương thủ kín phần đầu và ngực. Doanh Doanh hai bên chống nhẹ hai bên hông, chún mặt đang đứng *Châu Mã tấn* bỗng tiến tới, vừa chạm chân xuống sàn đài, chún trái cô đá thẳng vào mặt Bạch Nhạn theo thế *Bàng Long cước*. Nhìn thấy chún mặt của Doanh Doanh bước tới, Bạch Nhạn biết đối thủ sẽ đá tiếp bằng chún trái, cô bình tĩnh bước qua phía mặt, rún bộ thành *Trung Bình tấn*, tay trái đang thủ trước ngực đưa lên đánh bật ra theo thế *Kim Báo đảo quyền*. Bộ pháp của nữ võ sĩ Bạch Nhạn thật đẹp và kiến hiệu, vừa né vừa phản công làm cho ngọn cước của Doanh Doanh đã hụt lại bị cạnh bàn tay trái Bạch Nhạn chặt trúng nên ẽ ảm. Doanh Doanh hùng hổ tấn công những nàng sử dụng đôi tay rất ít, chỉ dùng để thủ hạ bộ mỗi khi tung ngọn cước. Đôi chún của cô ta quả lợi hại nhưng qua vài thế trao đổi, Bạch Nhạn thấy tự tin hơn. Cô võ sĩ xinh xắn này bước theo thủ pháp để né cước những mỗi lần tránh đòn cô lại nương theo

thế của đối thủ để phản công làm Doanh Doanh phải e dè.

Khán giả nín thở theo dõi trận đấu. Trên võ đài sáng choang chỉ thấy hai bóng người uốn lượn, anh Bảy cũng bị thu hút vào trận đấu hay đẹp, anh bước theo xa xa như để tránh những ngọn cước vùn vụt của Doanh Doanh.

Đến hiệp ba, Doanh Doanh vừa nghe tiếng chuông báo hiệu, cô phóng tới đá như chún trái để tiếp theo sử dụng ngọn cước *Hoành Thân* bằng chún mặt, quay người tròn một vòng, gót chún sẽ tung vào mặt Bạch Nhạn. Cô này đoán biết đối thủ sẽ dùng hai ngọn cước liên tiếp nên nhảy ngược ra phía sau, hai tay để treo trên đầu, chún trái treo sau chún phải, rún bộ xuống theo thế *Thối Tọa Bình Đầu*, chún ngọn cước Doanh Doanh vừa vụt qua, Bạch Nhạn đứng dậy, xoay lưng vào đối thủ, tay trái đang lật ngửa phía trên liền xoay thành *cầm nã* để chụp lấy ống quần bó tùm của đối phương, tay mặt cô đưa thẳng tới. Vậy là chún của Doanh Doanh bị bắt lấy, không để xuống được, đôi tay của nàng cũng không cách nào hóa giải hay tấn công vì cô đang bị loạn choạng mất thăng bằng. Bạch Nhạn chỉ cần hất cao lên là đối thủ té bật ngửa, nhưng với tinh thần thượng võ, Bạch Nhạn khề xỏ nhẹ cho chún Doanh Doanh chạm xuống đài, cô mỉm cười bước lùi ra sau. Doanh Doanh như biết ý, vừa đứng được thăng người, cô đưa hai bàn tay lên ngực, một tay xòe, một tay nắm chạm nhau, chào Bạch Nhạn.

Khán giả hoan hô muốn nổ tung Cầu Lạc Bộ Tinh Võ. Thắng bại đã rõ ràng nhưng mọi người đều có cảm tình với cả hai nữ võ sĩ khả ái trong một trận đấu kè công người thù ngoạn mục. Tiếng khen như còn vang mãi đến những độ sau...

Anh Bảy về đến nhà, chị Bảy đã đi ngủ. Sáng hôm sau anh thức dậy thấy chị đang lo bữa ăn sáng. Chị cười cười hỏi anh:

- Hồi sáng tôi ra đài ngộ, nghe tụi thanh niên đi coi võ đài kể chuyện đêm qua... Hi... hi... Cái vụ gì mà anh bị khán giả cười quá vậy? Hi... hi...

Anh Bảy nhò lại, bật cười. Anh cũng thấy nhột nhạt... Anh rờ bộ râu mép, ậm ừ nói với vợ:

- Có gì đâu bà ơi. Như lệ thường, tui xét găng tay, võ chún và *cô-ki* của đấu thủ... Hi... hi... nghề nữ võ sĩ mà tui cũng búng thủ... coi có *cô-ki* không... Hi... Hi...

- Vậy thiên hạ tưởng anh ba mười lăm. Chờ nữ võ sĩ đâu cần mang *cô-ki*...

Anh nói làng qua chuyện khác

- Bà mầy đem bộ đồ đồ tui mặc đêm qua giặt giùm tui. Hai thằng võ sĩ mồ hôi quá nhiều, báo hại cái áo lụa lèo bị bèo nhèo...

Anh Bảy bước vào phòng tắm hát nhỏ nhỏ:

Trên đời có bốn cái ngu

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu...

Chị Bảy nói với vợ:

- Còn cái ngu thủ năm là *làm trọng tài*, anh ơi!

(Anh Thiệu Võ và phu nhân là nữ văn sĩ Tú Hoa đoàn tụ với con tại Calgary. Sau vài năm anh đã qua đời... và mới đây, tháng 10.1996, nữ sĩ Tú Hoa về Cục Lạc với anh Thiệu Võ tại Calgary. (PT)

Tân Liêu Trai



U YÊN NHỊ

• Giang Phúc Đông Sơn

Hòa Sinh, người ở Cặp, một thành phố ven biển nước Nam, mồ côi cha từ thuở nhỏ. Năm Ất Mẹo, khi rợ Đò tử phương Bắc tràn xuống thôn tính nước Nam thì Hòa Sinh mới 11 tuổi đã phải theo mẹ và gia đình lên một chiếc ghe nhỏ vượt biển ra khơi trốn loài quỷ dữ. Sau hơn 3 ngày, 3 đêm lênh đênh trên biển Đông dưới những cơn mưa bão chập chùng, chiếc ghe nhỏ cạn lương thực, hết nước uống sau khi bị hải tặc tấn công 3 lần tưởng như không còn hy vọng đến được bờ bến an lành thì được một chiếc tàu buôn nước Đông Phố cứu vớt. Gia đình Hòa Sinh sau đó về lập nghiệp, sinh sống luôn tại Đông Phố.

Người dân Đông Phố tính tình hiền hậu, thẳng thắn, không sâu sắc thâm hiểm, hi, nộ, ái, ố... thường tỏ lộ ra ngoài chứ không kềm chế che đậy như người nước Nam. Hòa Sinh lớn lên, theo học chung trường với trẻ em ở đó không ít thì nhiều cũng bị ảnh hưởng tính tình nên khi gặp đồng hương, sự cư xử của Hòa Sinh dưới mắt họ trở thành ngỡ ngàng, nhẹ dạ, ngây thơ dễ bị lợi dụng hay đôi lúc biến thành trò cười cho họ.

Năm Mậu Thìn, Hòa Sinh đỗ Tú Tài trong một kỳ thi Hương, gia đình dời về Quang

Phúc là một thành phố sầm uất, náo nhiệt, trung tâm nước Đông Phố.

Tại Quang Phúc có trường Quốc Tử Giám nhưng không giống như ở nước Nam, ở đây mọi người không phân biệt tuổi tác, nam nữ, giàu nghèo, không nhất thiết phải là con cái các quan lại trong triều đình... miễn là đã đỗ Tú Tài trong bất cứ một kỳ thi Hương nào đó đều được ghi danh theo học. Vì vậy Hòa Sinh cũng hăm hở vào trường dù mài kính sử.

Tháng ba vào tiết lập Xuân, Hòa Sinh thuê xe song mã ra khỏi thành phố đến một khu rừng lân cận tìm phút thanh thản sau hơn một năm miệt mài với sách vở. Ở bìa rừng có một phạn điểm nổi tiếng khắp vùng với các món thịt rừng và những loại rượu ngon. Những người thợ săn, cũng như quan khách khắp nơi mỗi khi đi ngang qua đây đều ghé lại ăn uống, phạn điểm vì thế lúc nào cũng tấp nập người ra kẻ vào. Hòa Sinh nghe tiếng đã lâu nên hôm đó trên đường về cũng dừng lại vào quán nhâm nhi một vài chung, nhắm miếng thịt rừng. Tủi lòng Hòa Sinh không cao nên chưa hết một vò chàng đã ngà ngà. Thấy trời đã tối Hòa Sinh không dám uống nhiều đứng lên trả tiền, định nói với ông lão đánh xe chuẩn bị ra về thì chợt nghe bàn bên cạnh có tiếng lè nhè:

- Tiểu bằng hữu! Sao vội thế? Xin nán vài phút uống thêm vôi già này chung nữa.

Hòa Sinh ngạc nhiên quay lại, một người đàn ông cao lớn trạc độ ngũ tuần, đang ngồi với ba người nữa, tay cầm chung rượu hưởng vẻ phía chàng mỗi giọng say khướt:

- Tiểu bằng hữu! Xin thử lồi cho già này! già đang vui! Xin cùng được bằng hữu cạn chén rượu này.

Hòa Sinh tỉnh tỉnh hòa nhã, ít khi làm mất lòng ai ở chốn thị tử, nhưng không muốn uống thêm, chưa biết tìm cách nào từ chối thì một người trong bàn đã lên tiếng:

- Trần huynh! huynh say rồi! sao lại làm phiền vị tiểu đệ này như vậy?

Vừa nói người đó vừa giữ người được kêu là Trần huynh ngồi lại, đồng thời quay sang lịch sự xin lỗi Hòa Sinh:

- Xin tiểu huynh đệ miễn chấp! Trần huynh đây uống đã nhiều nên có phần khiếm nhã, tiểu huynh đệ là người chưa hề quen biết.

Hòa Sinh vội vàng đáp lễ:

- Không! Không sao cả! Dám hỏi tôn ông đây chắc có gì vui lắm nên mời mời rượu tiểu sinh như thế?

Người vừa xin lỗi chàng gật đầu chỉ tay giới thiệu:

- Xin mạn phép! Đây là Trần huynh, Phương huynh và Hà huynh, còn tiện hạ Khương Thông. Trần huynh đây hôm nay quá vui vì vừa được nhận vào làm tại Kim Thủ ấn quán nên tổ chức ăn mừng. Nếu tiểu huynh đệ không phiền thì ngồi xuống đây chung vui với chúng tôi một chén.

Hòa Sinh hơi thắc mắc về việc Trần ông được vào làm tại Kim Thủ ấn quán thì có gì là vinh dự mà lại tổ chức tiệc mừng, nhưng thấy không tiện hỏi thêm nên đành đưa tay đón lấy chén rượu của Trần ông nhấp một ngụm đặt xuống bàn rồi vòng tay vái chào:

- Hân hạnh! Xin đa tạ hào ý quý tôn ông! Tiểu sinh họ Hòa tên Hạ hiện ở Quang Phúc.

Hai người họ Phương và Hà cùng đứng dậy chào Hòa Sinh, người họ Phương hỏi:

- Đường như tiểu đệ đang có ý định ra về, và cỗ xe song mã trắng bên kia là của tiểu đệ?

Hòa Sinh gật đầu, Khương Thông thấy vậy đưa mắt nhìn họ Phương và Hà rồi nói:

- Thật là đường đột, nhưng xin Hòa đệ thứ lỗi! nếu có thể được phiền Hòa đệ cho Trần huynh tiện thể về luôn được không? Trần huynh đây cũng ở gần đó, này giờ uống đã quá chén nên ở lại lâu không tiện, nơi đây gần rừng nên dễ bị cầm hàn.

Hòa Sinh thấy chẳng có gì bất tiện nên đứng dậy đưa tay:

- Vâng! Xin mời!

Trần ông từ lúc đưa chén rượu cho Hòa Sinh thì đã say bí tí, gục đầu xuống bàn không nói thêm tiếng nào. Hòa Sinh cung kính kiếu từ sau khi nghe họ Khương chỉ đường đến nhà Trần ông, trong khi đó họ Phương và Hà mỗi người một bên, xốc nách Trần ông đi ra cỗ xe của chàng.

Trên đường về Trần ông nôn mửa mấy lần ra đầy sàn cỗ xe song mã nhưng cũng may chỉ là chiếc xe thuê nên Hòa Sinh không bận tâm lắm. Sau hai ba lượt hỏi thăm đường chàng tìm thấy đúng căn nhà như lời diễn tả của họ Khương. Hòa Sinh xuống xe thấy trong nhà đèn sáng chàng mạnh dạn gõ cửa. Một khuôn mặt thiếu nữ lộ ra sau cánh cửa mở hé, Hòa Sinh vội lên tiếng:

- Xin hỏi phải chăng đây là tư thất của Trần ông?

Cô gái gật đầu chăm chú nhìn chàng, Hòa Sinh liền chỉ tay ra xe:

- Trần lão hiện đang nằm trong xe, người say rượu nên tiện hạ đưa về dùm.

Thiếu nữ vội mở rộng cửa rồi quay vào trong kêu lớn:

- Má má! Gia gia say rượu! có người đưa về kia.

Hòa Sinh liền trở ra cùng ông lão đánh xe điu Trần ông vào nhà. Một thiếu phụ trạc độ ngoài tứ tuần, dung mạo xinh đẹp, cử chỉ phóng khoáng, nhanh nhẹn bước ra cúi chào Hòa Sinh chỉ chỗ cho chàng đưa Trần ông vào nằm nghỉ. Thấy đã xong việc Hòa Sinh định kiếu từ thì thiếu phụ đã tươi cười:

- Xin đa tạ! Thật phiền cậu quá! Cậu chắc người ở gần đây? Tôi là Trần phu nhân. Mời cậu thử thả dùm một chén trà tao ngộ, cậu hãy ngồi xuống đây. Vừa nói Trần phu nhân vừa chỉ vào chiếc bàn có kê mấy cái ghế ở gần đó.

Chàng chưa kịp đáp lời thì thiếu nữ ban này từ nhà bếp bước lên tay bưng khay trà, trên có một đĩa bánh đậu xanh Thiên Hương. Bấy giờ Hòa Sinh mới có dịp nhìn rõ cô gái để rồi thấy tim mình đập mạnh. Dưới mắt chàng đây thật là một thiếu nữ thật quyến rũ với khuôn mặt trắng hồng hơi xướng, cặp mắt to đen như hai hạt nhãn, mũi dọc dừa, đôi môi đỏ đầy đặn hấp dẫn, thân hình mảnh mai những không kém phần quyến rũ. Thấy Hòa Sinh ngây người nhìn, Trần phu nhân mỉm cười:

- Uyên Nhi! Con bóc bánh mời tiểu huynh ăn đi!

Thiếu nữ tên Uyên Nhi liếc mắt nhìn Hòa Sinh cười nhẹ, cặp mắt nửa như mời mọc, nửa như hứa hẹn khiến chàng càng thêm

choáng váng. Uyên Nhi bóc hai chiếc bánh đậu xanh để lên đĩa đem lại gần Hòa Sinh, một mùi hương tử cô gái toát ra khiến chàng ngây ngất như lạc thiên thai. Hòa Sinh như mê đi nếu Trần phu nhân không lên tiếng:

- Nào! mời cậu dùng tạm miếng bánh và chén trà của tệt gia.

Hòa Sinh lưỡng lưỡng ngồi xuống ghế cầm lấy chén trà đưa lên miệng nhấp một ngụm, mùi trà sen thơm ngát xông lên giúp chàng bình tĩnh lại. Trần phu nhân ân cần cầm một miếng bánh trao cho chàng:

- Dám hỏi cậu tên họ là chi, người ở đâu?

Hòa Sinh kể sơ qua thân thế mình, thuật lại vì sao gặp Trần ông. Trần phu nhân im lặng ngồi nghe có vẻ suy nghĩ trong lúc Uyên Nhi mấy lần liếc nhìn Hòa Sinh cười e thẹn. Hòa Sinh chưa dứt lời Trần phu nhân đã chỉ Uyên Nhi nói:

- Tệt gia vô phúc chỉ có mỗi một diệt nữ đây, năm nay 16 tuổi rồi, cũng đang muốn vào học ở Quốc Tử Giám đấy. Ngặt một điều là tư chất thông minh nhưng không có người hướng dẫn nên sợ thi Hương khó đậu. Chúng tôi đang tìm một người phụ giáo cho nó mà chưa được. Nếu cậu không chê và có thời gian rảnh thì qua giúp cho nó học hành, chúng tôi vô cùng cảm kích.

Hòa Sinh nghe như thế lòng mừng vô hạn, này giờ thấy sự yêu kiều, nhí nhảnh của Uyên Nhi chàng chưa biết tìm cách nào để kết thân với Trần gia hầu có cơ hội đến gần người đẹp thì Trần phu nhân đã mở lời cầu cạnh trước, nên sung sướng đứng dậy vòng tay khiêm nhường:

- Tiểu sinh xin vâng mệnh! nhưng không hiểu có đủ sở học để làm tròn nhiệm vụ hay không?

Trần phu nhân cười thân mật kéo tay Hòa Sinh ngồi xuống:

- Cậu ngồi xuống đi! Không sao hết! chỉ mong cậu hết lòng là được. Đừng khách sáo nữa.

T hế rồi từ đó, ngày ngày Hòa Sinh ngoài giờ học đều bỏ ra ít thì giờ ghé qua Trần gia chỉ dạy cho Uyên Nhi học hành. Thấy Hòa Sinh không có phương tiện đi chuyển, mỗi lần đi lại phải nhờ vả khách thuê, hoặc thuê xe, thuê ngựa... Trần ông tặng cho chàng một con ngựa già làm phương tiện đi lại.

Một hôm Trần ông và phu nhân có việc phải vắng nhà lâu, trong thư phòng của Uyên Nhi chỉ có hai người Hòa Sinh đang giảng bài cho nàng thì Uyên Nhi nũng nịu, tỏ ý không muốn học tiếp mà bước sang ngồi cạnh chàng. Hòa Sinh không dằn lòng được trước thân hình gợi cảm và mùi nước hoa quyến rũ của Uyên Nhi nên buông sách xuống ôm lấy nàng. Uyên Nhi chẳng những không chống cự mà lại còn có vẻ chủ động hơn, nàng oằn oại ghì lấy Hòa Sinh trong hơi thở dồn dập. Hai người vầy cuộc mây mưa long trời lở đất.

Tuy nhiên tình cảm giữa Hòa Sinh đối với Trần gia ngày càng thấm thiết theo thời gian bao nhiêu thì chàng sao lãng việc học hành bấy nhiêu, suốt ngày chỉ quẩn quít bên Uyên Nhi, tìm cách làm vữa lòng giai nhân vì sau một thời gian gần gũi Hòa Sinh thấy Uyên Nhi không thủy mị, dễ thương như chàng mong đợi mà đôi lúc vô cùng khó hiểu, lúc

thì thật dễ dãi, sẵn sàng thỏa mãn, chiều chuộng Hòa Sinh, khi thì cau có, khó chịu mỗi lần chàng đến sát người nàng. Đối với Trần phu nhân cũng thế, thông thường bà tỏ ra quý mến, thường yêu chàng rõ rệt nhưng hề có người lạ là lập tức bà trở nên lạnh nhạt coi chàng như không hề quen biết hay tệ hơn nữa gắt gỏng với chàng mỗi khi Hòa Sinh kề cận Uyển Nhi trước mặt người khác

Năm Quý Dậu, Hòa Sinh hồng kỳ thi Hội, thân mẫu chàng buồn phiền sinh bệnh, nhưng Hòa Sinh chẳng hề ân hận vì đã quá say đắm Uyển Nhi. Gác bỏ ngoài tai những lời khuyên ngăn của các huynh trưởng, thúc bá... Hòa Sinh hầu như không còn để mắt đến sách vở mà suốt ngày chỉ tìm cơ hội lẩn quẩn bên cạnh Uyển Nhi. Con ngựa già, phởn tiện đi chuyển của chàng sau một thời gian ngắn rong ruổi cũng mắc bệnh mà chết. Hòa Sinh như cuồng trí khi Trần phu nhân có vẻ hất hủi, khinh khi chàng vì hồng kỳ thi Hội, Uyển Nhi đối với chàng cũng chẳng khác gì hôn, nàng rất ít khi chịu đi đâu chung với Hòa Sinh. Có hội hò đình đám, Uyển Nhi thường tìm cách cho Hòa Sinh ở nhà để tự do vui đùa với chúng bạn, chàng vô cùng đau đớn và thất vọng chẳng thiết làm gì. Cùng lúc đó có người cho Hòa Sinh biết là Uyển Nhi sống rất thác loạn, thường hay rượu chè, ca hát, hút sách... không từ thủ gì trong cuộc vui chơi những chàng không tin. Tình yêu đối với Uyển Nhi quá sâu đậm khiến Hòa Sinh trở nên mù quáng không còn muốn tin ai hay bất cứ điều gì trái với sự suy nghĩ của chàng. Cho đến một ngày kia, tình cờ Hòa Sinh gặp lại Khương Thông trong một thưởng điểm, thấy chàng họ Khương sừng sốt:

- Phải Hòa đệ đây không? sao thất sắc quá vậy? Qua đây uống với huynh đài một chén!

Vừa nói họ Khương vừa kéo chàng sang một tữu lâu đối diện với thưởng điểm. Sau khi kêu tữu bảo hâm nóng một bình Thiên Niên Kịện và một đĩa đồ nhắm, Khương Thông hỏi:

- Nghe nói hiện tiểu đệ làm phụ giáo cho Uyển Nhi con gái Trần huynh phải không?

Hòa Sinh gật đầu vắn tắt kể cho họ Khương câu chuyện, nghe qua Khương Thông nắm tay chàng bốp nhe:

- Thật ra mọi chuyện của đệ huynh đây đã từng tận, kể cả những việc mà tiểu đệ còn giấu huynh chưa nói ra. Nhưng thời đó là việc riêng giữa đệ và Trần gia, huynh không tiện góp ý. Duy có một điều huynh muốn khuyên đệ là Trần phu nhân không phải là một người dễ giao thiệp, chính vì vậy mà lần trước khi Trần huynh say rượu bọn huynh không muốn đưa họ Trần về đó. Ngay chính Trần huynh cũng than phiền rằng không hiểu nổi vợ con mình muốn gì nữa?

Tiểu bảo đem rượu đến, Khương Thông ân cần rót ra hai chén:

- Nào! Hãy gác bỏ mọi việc! cùng huynh đây uống cạn vài chung!

Cảm khái trước sự thân mật, phóng khoáng và đầy vẻ chân tình của Khương Thông dù chỉ qua hai lần gặp gỡ, Hòa Sinh cầm lấy chén rượu uống cạn. Khương Thông cười ha hả rót thêm rượu vào chén cho chàng:

- Được lắm! Uống nữa đi tiểu đệ! rượu cạn thì sàu cũng cạn.

Hai người đối ẩm chẳng mấy chốc đã hết một bình Thiên Niên Kịện, Hòa Sinh say túy lúy càn khôn gục xuống bàn thiếp đi không còn biết trời đất gì nữa. Khương Thông nhìn chàng thờ dài, lắc đầu than thầm:

- Vuông chi một mối oan tình!

Đoạn kêu tiểu bảo tính tiền rồi cúi xuống xốc nách Hòa Sinh đưa ra xe chở chàng về tú thất. Khương phu nhân thấy chồng về cùng với một thứ sinh say rượu thì có vẻ ngạc nhiên lắm, vì xưa nay chồng bà ít khi chịu sinh hoạt với giới tử sĩ. Sau khi để cho Hòa Sinh nằm nghỉ trong phòng Khương Thông trở ra kể cho vợ nghe tự sự. Là những người có tâm tử bi, không muốn thấy chàng trẻ tuổi khổ lụy vì tình hai người bàn tính với nhau phải hỏi ý kiến Lục đạo sĩ để giúp cho Hòa Sinh dứt bỏ tình cảm với Uyển Nhi.

Sau khi tỉnh rượu Hòa Sinh nhận thấy sự thất lễ của mình thì thấy hai vợ chồng Khương gia đang ngồi dùng điểm tâm ở phòng khách. Hòa Sinh liền bước đến vòng tay thi lễ:

- Tiểu đệ tiện chiều qua quá chén làm phiền Khương thúc, xin Khương thúc miễn chấp cho.

Khương Thông cười sảng khoái, đứng dậy nắm tay chàng kéo xuống ngồi bên cạnh:

- Chà! hôm nay huynh thật có phúc! Tiểu đệ tôn huynh lên hàng thúc bá rồi! Ngồi xuống đây dùng điểm tâm luôn.

Vừa nói họ Khương vừa lấy chén dưa đưa cho chàng, trong lúc Khương phu nhân đẩy sang phía chàng một đĩa xú mại và một đĩa há cào hơi nóng còn bốc nghi ngút:

- Ăn đi cháu!

Hòa Sinh cảm động trước sự ân cần của hai vợ chồng họ Khương, chàng không khách sáo ăn một hơi hết 2 cái bánh bao cùng chỗ há cào và xú mại Khương phu nhân đưa qua. Khương Thông nhìn chàng ăn mím cười:

- Hòa đệ đây chắc cũng chỉ hơn trường nam của ta độ 3, 4 niên kỳ thôi từ nay gọi ta bằng thúc thúc cũng được. Vừa nói ông vừa rót trà ra chén cho Hòa Sinh, chàng cầm lấy uống một hớp rồi nói:

- Đa tạ Khương thúc thúc!

Chờ cho Hòa Sinh uống xong chén trà, Khương phu nhân mới nhìn chàng nhỏ nhẹ nói:

- Hòa đệ! Hôm nay tuy chỉ mới gặp cháu lần đầu nhưng cô cô đã có nhiều hảo cảm với cháu, lại nữa nghe phu quân nói cháu đang làm phụ giáo cho Uyển Nhi và có liên hệ tình cảm thân thiết với Trần gia nên ta muốn có đôi lời khuyên nhủ. Đáng lý ra ta không nên xen vào chuyện tình cảm của cháu, nhưng nếu không nói sau này có việc gì xảy ra không tốt đẹp cho cháu thì ta lại ân hận. Ta không khuyên cháu dứt bỏ tình cảm với Uyển Nhi nhưng nếu cháu biết rõ hơn về Trần gia thì đó là điều tốt phải không?

Hòa Sinh hơi ngạc nhiên, nhưng trước thái độ và lời nói chân tình của Khương phu nhân chàng gật đầu:

- Dạ! Khương cô nói đúng!

Khương phu nhân nhìn chồng vài giây như hỏi ý, thấy ông gật đầu bà quay sang Hòa Sinh:

- Khương thúc của cháu đây có quen thân với Lục đạo sĩ, ngài là người tu tập lâu năm, có thể thấy rõ được quá khứ, vị lai nên muốn đưa cháu đến thăm đạo sĩ nhờ người xem tử số cho cháu. Cháu tính thế nào?

Hòa Sinh suy nghĩ, do dự một lúc rồi đồng ý. Khương Thông liền kêu mã phu chuẩn bị xe, ngựa và các thủ cần dùng.

Ba người lên đường sau khi uống xong tuần trà. Lục đạo sĩ ở cách đó cũng khá xa, cỗ xe song mã chở ba người đi gần tới xế ngo thi đến một khu rừng nằm dưới chân núi, Khương Thông ra lệnh cho mã phu đánh xe vào một con đường mòn nhỏ dẫn sâu vào trong. Đến một dòng suối mã phu cho xe ngừng lại, Khương Thông cùng vợ xuống xe, Hòa Sinh cũng vội theo sau, họ đi dọc theo suối chùng tàn nửa nén nhang thì đến một chiếc thảo am nằm ngay bờ suối chênh vênh trên sườn dốc đá, có những bậc thang bằng huyền thạch đen bóng dẫn tới cửa am. Khương Thông đi trước, chưa kịp bước lên bậc đá đầu tiên đã nghe tiếng cười sang sáng vang lên:

- Thiện duyên! thiện duyên!

Một ông lão tuổi khoảng thất tuần, râu tóc bạc phơ những mặt mũi khương kiện, hồng hào, cử chỉ khoan thai từ trong am bước ra, Khương Thông và vợ vội vã cung kính vái chào:

- Tiểu đệ túc cung kính bái và vạn lần vấn an quý thể Lục thúc thúc!

Hòa Sinh thấy vậy cũng chấp tay vái chào, Lục đạo sĩ khoát tay cười:

- Thôi! thôi miễn lễ! Lâu lắm mới gặp lại Khương đệ! Hôm nay tới thăm già đây chắc phải có việc gì quan trọng?

Vừa nói đạo sĩ vừa đưa tay ra dấu mời ba người vào trong am. Khi mấy người vừa an tọa trên một chiếc bồ đoàn thì một tiểu đồng đã nhanh nhẹn bưng ra một bình trà hoa ngẫu với 4 cái chén hướng thơm thoang thoang khiến Hòa Sinh lấy làm lạ nhưng không dám mở miệng hỏi. Nhìn mặt chàng, biết Hòa Sinh đang thắc mắc, họ Khương liền giới thiệu:

- Thưa thúc thúc! Đây là Hòa tiểu đệ đệ người ở Cặp! Hôm nay cháu đến thăm thúc thúc cũng chính vì chàng trẻ tuổi này đây. Quay sang chàng ông nói tiếp:

- Còn Lục đạo sĩ đây là thúc thúc của ta, người thông hiểu lý số, kinh dịch, biết được quá khứ vị lai nên hôm nay chúng ta vừa khởi hành là người đã biết chúng ta sẽ đến đây.

Lục đạo sĩ rót trà ra chén vừa lắc đầu cười:

- Khương đệ đi bán cao đón hoàn tán chắc đặt khách lắm đó! cháu nói làm cho ta ngưng với cái số học và sự tu tập thấp kém, ít ỏi của mình.

Trong lúc đó Khương phu nhân lấy từ trong giỏ mây ra một đĩa bánh bao Phúc Xướng lớn nhân đậu xanh bưng đến mời Lục đạo sĩ, ông chẳng khách sáo gì cầm ngay một cái xong đẩy về phía họ Khương và Hòa Sinh. Họ ăn bánh, uống trà đàm đạo đủ mọi vấn đề, Hòa Sinh chỉ yên lặng lắng nghe không hề dám chen vào hay đóng góp ý kiến. Mãi một lúc sau Khương Thông mới vắn tắt kể chuyện Hòa Sinh cho đạo sĩ nghe rồi nhờ ông coi vận mệnh cho chàng. Lục

đạo sĩ chăm chú nhìn chàng chẳng nói gì, ông lặng lẽ đứng lên đi lấy một quả cầu bằng pha lê trong suốt gắn liền trên một cái giá bằng đồng đặt xuống trước mặt mọi người rồi ra hiệu cho Hòa Sinh ngồi vào giữa bồ đoàn đối diện với ông. Khưởng phu nhân liền nhanh nhẹn dọn dẹp mọi thứ cho trống chỗ rồi quay trở lại ngồi cạnh chồng. Lúc đó đạo sĩ đã nắm lấy hai tay Hòa Sinh đặt lên quả địa cầu rồi nhìn thẳng vào mắt Hòa Sinh như thôi miên chàng, cặp mắt sáng quắc của ông từ màu đen dần dần đổi sang màu hổ phách như soi suốt những ý nghĩ của Hòa Sinh, đồng thời chàng thấy như có một luồng hơi nóng từ trái cầu toát ra hai tay khiến Hòa Sinh không thể không nhìn xuống. Trái cầu pha lê không còn trong suốt nữa mà đang xoay tít dưới hai bàn tay chàng tỏa ra một thứ ánh sáng xanh biếc, rồi một loạt hình ảnh chạy dài như đèn kéo quân hiện ra dưới mắt Hòa Sinh.

Chàng trông thấy một người thợ săn trên lưng ngựa đang đuổi theo một con chồn thật lớn trong một khu rừng, trên tay cầm một mũi lao nhỏ sẵn sàng phóng đi. Con ngựa đang phi nước đại chợt hí lên một tiếng dài sợ hãi dừng hẳn lại, hai vó trước nhấc cao lên như muốn hất người thợ săn xuống đất. Người thợ săn kẹp chặt hai chân vào mình ngựa ghi cương cho khỏi té rồi nhìn quanh, thì ra một con trăn lớn dài hơn trượng cũng đang rượt theo con chồn trước đầu ngựa. Không do dự người thợ săn vọt ngay mũi lao vào con trăn, cái phóng vũ bão chính xác đâm mũi lao ghim ngay vào cổ trăn, khiến con vật rít lên một tiếng đau đớn, quẫy mạnh một cái rồi lúi vào bụi mất dạng, con chồn cũng thừa dịp đó chạy biến.

Cảnh vật biến mất, quả cầu xoay từ từ chậm lại rồi trong suốt như cũ, Hòa Sinh ngỡ ngàng nhìn Lục đạo sĩ thắc mắc, ông nhìn chàng nhẹ thò dài:

- Tiểu diệt đây tiền kiếp chính là người thợ săn đó, con trăn lúc đó đang sắp đẻ trứng chính là Trần phu nhân và Uyển Nhi, còn con chồn là ai ta chưa biết, nhân vật này chưa xuất hiện nên không thể giải đoán được. Mũi lao không giết được con trăn đã gây nên oán thù giữa cháu và Trần gia nên kiếp này cháu còn phải chịu nhiều đau khổ vì sự báo hận đó

Hòa Sinh nghe tới đâu lòng tan nát tới đó, tình yêu của chàng dành cho Uyển Nhi gần như là một thứ tình si nên nhiều khi biết tình tình Uyển Nhi cũng như Trần phu nhân có nhiều điểm không tốt chàng vẫn nhắm mắt bỏ qua, hy vọng với tình yêu chân thật của mình một ngày nào đó sẽ cảm hóa được hai người. Nhưng hôm nay nhờ Khưởng Thông và Lục đạo sĩ, Hòa Sinh đã biết được nguồn căn sự việc nên bắt đầu tình ngộ nhưng dù sao chàng cũng không thể tránh được niềm đau đớn tột cùng.

Khưởng Thông nhìn Hòa Sinh, đoán biết được tâm trạng của chàng nên quay sang Lục đạo sĩ khấn khoản:

- Thúc thúc có cách nào giúp cho tiểu diệt đây mau thoát khỏi hận thù đó không? Thật ra Hòa diệt đây có thể đã tránh được sự báo oán đó nếu ngày hôm đó cháu không mở miệng nhờ Hòa diệt đưa Trần huynh về

nhà dùm. Vì vậy cháu sẽ rất ân hận nếu có chuyện gì xảy ra Hòa diệt này.

Lục đạo sĩ nhìn họ Khưởng lắc đầu:

- Không phải như Khưởng diệt nghĩ đâu. Cháu hoàn toàn không có lỗi gì cả vì cơ trời đã sắp xếp, già sử ngày đó cháu không nhờ Hòa diệt đưa Trần gia về thì bằng cách này hay cách khác Uyển Nhi và Trần phu nhân cũng sẽ tìm đến Hòa diệt thôi, không thể tránh khỏi. Tuy nhiên sự việc đã thế thì ta phải tìm cách ngăn bớt sự tác hại của nó.

Hòa Sinh chợt nhớ đến một chi tiết là đạo sĩ sau này thỉnh thoảng Uyển Nhi có nhắc đến một người trẻ tuổi nàng mỗi quen tên Lã Giám Sinh nên vội lên tiếng:

- Thưa Lục ông! Ngoài cháu ra dường như Uyển nương còn giao thiệp với một chàng trai khác nữa là Lã Giám Sinh.

Khưởng Thông quay sang chàng:

- Hòa diệt nói thúc thúc mới nhỏ, cách đây ít ngày tình cờ gặp Trần phu nhân, bà ta có khoe với thúc thúc là Uyển Nhi đang được một công tử họ Lã theo đuổi, có lẽ đó chính là Lã Giám Sinh, nhưng không biết Lã Giám Sinh là giám sinh họ Lã học ở Quốc Tử Giám hay chỉ là họ Lã và tên là Giám Sinh.

Lục đạo sĩ nhìn hai người gật đầu:

- Nếu vậy thì theo sự hiểu biết của ta đây chính là con chồn đầu thai thành và chàng trẻ tuổi này chỉ có thể là họ Lã và tên là Giám Sinh chứ không phải giám sinh họ Lã học Quốc Tử Giám. Trần phu nhân và Uyển Nhi sẽ bị họ Lã trả thù vì cũng đã làm cho chàng ta kiếp trước sợ hãi khôn cùng.

Nói xong ông đứng dậy lấy giấy mực ra vẽ một đạo bùa trao cho Hòa Sinh dặn chàng đem về đốt lấy tro hòa với nước uống, và một cái giường nhỏ treo ở đầu giường ngủ. Hòa Sinh vòng tay cảm tạ rồi cùng vợ chồng Khưởng Thông từ biệt ra về.

Về đến nhà Hòa Sinh vội vã làm theo lời dặn của Lục đạo sĩ, đốt ngay lá bùa hòa nước uống liền, chỉ ít phút sau chàng thấy lỗ tai lúng búng, người nóng như lửa đốt, tim đập mạnh, Hòa Sinh kêu lên một tiếng ngã vật xuống giường không biết gì nữa. Sáng ngày sau Hòa Sinh tỉnh dậy thấy đầu óc tỉnh táo, tình thần thoải mái không còn vướng vấn hình bóng Uyển Nhi nữa. Hòa Sinh mừng rỡ dọn dẹp thứ phòng đã bỏ phế bấy lâu nay, đem sách vở ra đọc lại, chuẩn bị cho kỳ thi Hội sắp tới.

Hôm một tháng trời qua, Hòa Sinh không còn liên lạc với Trần gia nữa, mọi chuyện tưởng chừng đã yên, thì bất ngờ một hôm Trần phu nhân sai Uyển Nhi đem qua tặng chàng một hộp bánh Trung Thu. Gặp nhau Uyển Nhi có vẻ ngượng ngùng, bẽn lẽn, còn Hòa Sinh thì ngập ngừng, do dự. Tình cảm của chàng đối với Uyển Nhi tưởng chừng như đã quên lãng nay chợt bùng lên như lửa gặp rơm, những hình ảnh trong quả cầu thủy tinh và lời nói của Lục đạo sĩ vẫn văng vẳng bên tai làm chàng ngần ngại, bối rối. Tuy nhiên chỉ thoáng chốc, thân hình khêu gợi của Uyển Nhi ẩn hiện dưới chiếc áo lụa mỏng với khuôn mặt kiều diễm, ánh mắt đa tình, ửng ửng làm Hòa Sinh quên hết mọi việc. Chàng nắm tay Uyển Nhi kéo vào thứ phòng, hai người ôm xiết lấy nhau vầy cuộc ái ân. Một lúc lâu sau Uyển Nhi mới buông chàng ra, ngồi dậy sửa lại y trang, thấy tấm

giường nhỏ treo ở đầu giường, nàng cầm lấy soi mặt, định chải lại mái tóc chột kêu lên một tiếng vừa sợ hãi vừa giận dữ, quăng ngay cái giường xuống đất bỏ chạy ra ngoài đường. Hòa Sinh ngạc nhiên, hấp tấp đuổi theo những ra tới cửa, nhìn quanh chẳng thấy bóng Uyển Nhi đâu, chàng lại quay vào, nhặt tấm giường lên treo vô chỗ cũ, đầu óc hoang mang, chẳng hiểu chuyện gì xảy ra cho nàng.

Mấy ngày sau nhân lúc rảnh rỗi, Hòa Sinh cỡi ngựa qua nhà họ Trần, tìm gặp Uyển Nhi với ý định tìm hiểu xem tại sao hôm trước nàng lại bỏ chạy khi soi tấm giường nhỏ mà Lục đạo sĩ trao cho chàng những không có Uyển Nhi ở nhà, Trần phu nhân cũng vắng mặt. Trần ông tiếp chàng có vẻ miễn cưỡng, lệt lệt, Hòa Sinh thấy không tiện hỏi về Uyển Nhi nên sau tuần trà nhạt như nước ốc chàng đứng dậy cáo từ ra về.

Sau đó thỉnh thoảng hai người vẫn gặp nhau nhưng Hòa Sinh thấy rõ tình cảm giữa chàng và Uyển Nhi đã bắt đầu rạn nứt. Uyển Nhi đối xử với chàng rất thờ ơ, xa cách, mấy lần Hòa Sinh gạn hỏi lý do nhưng Uyển Nhi nhất định không chịu nói.

Mùa Xuân trôi qua, Hạ tới, năm đó Uyển Nhi đỗ thi Hương xong thì tình cảm của nàng đối với Hòa Sinh càng lạnh nhạt. Nàng xô đuổi, hất hủi Hòa Sinh ra mặt, nhất là ở những chốn thị tứ đông người. Thái độ của Trần phu nhân cũng không khá gì hơn, cả hai lúc nào cũng muốn tỏ cho mọi người biết rằng giữa họ với Hòa Sinh không có một liên hệ mật thiết nào, nhưng ngược lại đối với Lã Giám Sinh thì họ cứ xử hoàn toàn khác hẳn, lúc nào cũng đầy vẻ chăm sóc ân cần, âu yếm như muốn mọi người biết rằng Lã Giám Sinh sẽ là hôn phu của Uyển Nhi nay mới khiến Hòa Sinh vô cùng chua xót. Cũng may là chàng đã biết được chân tướng của Trần phu nhân và Uyển Nhi cùng căn nguyên của sự việc nên không vì thế mà quẩn trí nhưng sự đau buồn cũng dần vệt tình thần chẳng không ít.

Ít lâu sau Hòa Sinh đỗ kỳ thi Hội, được bổ nhiệm Tri Huyện ở một tỉnh phía bắc nước Đông Phố vào lúc nghe tin Lã Giám Sinh kết nghĩa phu thê với Uyển Nhi nên chẳng còn gì vướng vẩn, chàng vui vẻ rời khỏi Giang Phúc lên đường nhậm chức sau khi đến cảm ơn và từ giả Khưởng gia với Lục đạo sĩ.

Lâu lắm thoáng gặp khách thường từ Quang Phúc lên, hỏi thăm về Trần gia và Uyển Nhi chàng mới hay Lã Giám Sinh và Uyển Nhi đã bỏ nhau sau khi có được một đứa con trai. Họ Lã giờ đây suốt ngày rượu chè, cờ bạc rồi quay ra đánh đập Uyển Nhi khiến nàng không chịu đựng nổi phải ôm con bỏ trốn lên chùa.



Xuân

về nhớ hội

chùa hương

• Phật Tử Lê Thị Thu
Pháp danh Diệu Xuân

Hương Sơn là một nơi "Hương trời sắc núi, cảnh Bụt bầu Tiên". Với một dãy nước non cẩm tú, được thiên nhiên ưu đãi, hàng năm cứ mỗi độ Xuân về, hoa mơ nở trắng, là bà con Phật Tử muốn phưởng lại tấp nập hành hương về đất Phật Hương Tích để chiêm bái và tham quan. Hội Chùa Hương hàng năm được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng giêng cho đến hết tháng 3 âm lịch. Những ai dù chỉ một lần đến với Hương Sơn chắc chắn sẽ không quên được bức tranh "sơn thủy hữu tình" rất đẹp, rất nên thơ, là một di tích và danh lam thắng cảnh nổi tiếng bao gồm nhiều hang động, đền chùa xen lẫn trong rừng núi, hoa lá, cỏ cây, nằm ở địa phận huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây. Trải qua nhiều thế kỷ bức tranh Hương Sơn vẫn xuân xanh trường cửu. Đến với Hương Sơn ta cảm nhận được cái đẹp thanh cao, đậm đà hương sắc của non sông đất Việt.

Theo truyền thuyết thì đây là nơi lưu dấu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tu hành và hóa thân. Ngài có sức uy thần công đức và lòng từ bi rất lớn. Ngài vốn không phải là nữ tướng, nhưng vì Ngài thường cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh (mà phụ nữ thường nhiều khổ nạn hơn nam giới) cho nên giới phụ nữ thường đặc biệt tín ngưỡng Ngài vì thế mới kêu cầu Ngài luôn luôn, và lại chúng sinh ở cõi Ta Bà này được nhờ ơn Ngài cứu độ che chở nên thầy đều coi Ngài như Mẹ hiền. Vì vậy mới tưởng tượng ra Ngài có nữ tướng (là tượng trưng cho lòng thương) nên gọi Ngài là Phật Bà. Chuyện Quán Âm Quốc Văn có câu:

*Rằng trong cõi nước Nam ta
Chùa Hương có Đức Phật Bà Quan Âm*

Khi sự tích được truyền bá ra, các Thiên Sư cổ đức đã chống gậy tích trời đây. Kết quả ba vị Hòa Thượng trong đời vua Lê Thánh Tông (1442-1497) đã tìm thấy động Hương Tích và dựng lên Thảo Am Thiên Trà. Và từ đó động Hương Tích gọi là Chùa Trong, Thiên Trà gọi là Chùa Ngoài. Rồi người ta lấy tên chung cho hai nơi là Chùa Hương hay "Hương Thiên Bào Sái". Do đó khi nói đi thấy

hội Chùa Hương nghĩa là đi chiêm bái cả khu vực Hương Thiên ở vùng núi Hương Sơn. Nếu ai đã đi lễ hội Chùa Hương thì có thể tự hào rằng mình đã được đến đất Phật và biết thế nào là cảnh đại kỳ quan của đất nước. Còn ai chưa đi lễ hội Chùa Hương xin mời các quý vị hãy cùng chúng tôi hành hương trong nỗi nhớ niềm thương dẫn dắt chúng ta hướng về đất Phật:

Khi chúng ta ngồi trên chiếc thuyền "ngư phủ" để rẽ nước tới "Đào Nguyên" ta sẽ nhìn thấy trước mặt một lâu đài tráng lệ, nằm dưới chân một quả núi nằm ngọn soi bóng nước Yên Giang đó là nền "Ngũ Nhạc". Theo thông lệ bà con ghé vào đây để trình lễ với Sơn Thần - Người gác cửa động trời Nam của Đức Phật Quán Thế Âm. Việc trình lễ này trở thành quy luật khi đi lễ hội Chùa Hương. Bởi vậy đền này còn gọi là Đền Trình. Thuyền sẽ tiếp tục đưa quý vị tiến sâu vào lòng dãy núi qua bao nhiêu "kỳ sơn tú thủy" để rồi "khoan mái chèo nan ghé bến Tiên". Bền Trờ (Thiên Trù) có nghĩa là bếp trời, cái bếp khổng lồ của động trời Nam. Theo truyền cổ xưa khi vua Lê Thánh Tông đi tuần thú qua đây, đã đóng quân nghỉ lại ở thung lũng này và cho lính thổi cơm ăn. Vua xem thiên văn thấy vùng này thuộc địa phận của sao "Thiên Trù" một sao chủ về sự ăn uống, nên nhân đó mà đặt tên.



Sau thời kỳ ba vị Hòa Thượng khai sáng, Chùa Hương gián đoạn Trụ trì mãi tới thời Lê Trung Hưng (1686). Hòa Thượng Trần Đạo Viên Quang Trần Nhân (tưởng truyền cũng là một quan chức trong triều đình đã treo ấn từ quan để đi tu) mới lại tiếp tục công việc "Nội tu Hương Tích bảo động, Ngoại khai Phật cảnh Thiên Trù". Rồi kể từ đó "Tổ ấn trùng quang, đèn thiên truyền nối" cho tới đầu thế kỷ thứ 20 thì Thiên Trù trở thành: lâu đài tráng lệ "Biệt Chiếm Nhất Nam Thiên" chùa có trên năm trăm nóc với những công trình kiến trúc quy mô tinh xảo. Nhưng đáng tiếc thay chùa bị ba lần chiến tranh bom đạn tàn phá năm 1947, 1948, 1950, khiến cho "Cao chắt ngất mấy tòa cổ sái" của Thiên Trù không còn nữa, dấu vết xưa nay chỉ còn lại một vườn tháp trong đó có cây Viên Công - Một công trình nghệ thuật đất nung của thế kỷ 17 và Thiên Thủy Tháp.

Từ Thiên Trù quý vị sẽ rẽ sang bên phải, lên động Tiên Sơn ở núi Tiên Sơn, đây là một tòa động đẹp, cảnh đẹp thanh tịnh, trong động có bài thơ của Trịnh Sâm và năm pho tượng Bạch Thạch, động có những nhũ đá rủ

xuống thành hình Tràng Phan, Bào Cái, khi gõ vào phát ra những âm thanh như tiếng mõ, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng khánh, tiếng cồng.

Đi khỏi Chùa Tiên quý vị sẽ gặp chùa Giải Oan và suối Giải Oan bên tay trái. Trong chùa có Am Phật Tích, có động Tuyết Quỳnh, có giếng Thanh Trì thiên nhiên trong suốt. Tương truyền Phật Bà Quan Âm đã tắm ở giếng này để tẩy bụi trần trước khi vào cõi Phật. Tiến sâu vào phía trong quý vị sẽ gặp đền Cửa Vồng, đền này thờ Bà Chúa Thượng Ngàn. Tương truyền là Người cai quản núi rừng ở khu vực Hương Sơn. Qua khỏi đây ta tiến thêm một đoạn nữa thì của động chính đã hé mở:

"Thăm thăm một hang lồng bóng nguyệt.

Gặp ghềnh máy lối uốn thang mây..."

Chẳng thế mà trước kia chuyến tuần du của Chúa Tĩnh Tô Vương Trịnh Sâm vào năm Canh Dần (1770). Ông đã khắc lại năm chữ "Nam Thiên Đệ Nhất Động", nghĩa là "động đẹp nhất trời Nam". Động Hương Tích là điểm chính của thắng cảnh, hình thể động như một con rồng lớn đang há miệng, biết bao nhiêu ngũ đá hình thù kỳ dị thể hiện những ước mơ bình dị của dân gian như: đụn gạo, cây tiền, cây vàng, cây bạc, núi cật, núi cô, nong tằm, ao bèo, con lợn, rồi bầu sữa mẹ... những giá trị nhất trong động là pho tượng Phật Bà Quan Âm, bằng đá xanh tạc thời Tây Sơn đã tạo nên một hình ảnh bà Chúa Ba da diết nỗi thương đời.

Quý vị đã đến Hương Sơn còn có những khu chùa động khác ở phía Nam Hương Tích như Thanh Sơn, Hương Đài, Long Vân, Tuyết Sơn. Mỗi nơi có một vẻ độc đáo riêng biệt. Muốn chiêm bái được đầy đủ ta phải đi trọn bốn ngày mới hết. Ai chưa đi sẽ mong mỗi được đi, ai đi rồi vẫn còn muốn đi nữa, vì say mê "Hương trời sắc núi cảnh Bụt bầu Tiên". Nhưng:

Nạn can qua nào dấu tránh khỏi

Lẽ vô thường ai nhẽ tỏ hay.

Chốn tha hương, nơi xử người củ hàng năm mỗi độ Xuân về lại nhỏ, nhỏ lắm Hội Chùa Hương, nơi quê hương trăm mền ngàn thương, như nhẩn nhừ người đi xa luôn nhớ tới quê nhà, mặc dù nơi ấy ta sinh ra trong xã hội hiện hữu đầy dẫy những cảnh bất công, xuống cấp về đạo lý, tất cả chỉ quay cuồng trong vòng tranh danh, đoạt lợi, không từ bất cứ một hành động xấu xa tàn bạo nào, dưới chế độ Cộng Sản "Vô Tôn Giáo" có bao giờ biết lễ bái, thờ phụng ai đâu, chúng gây ra biết bao tội lỗi ở cả ba nghiệp: Thân, Khẩu, Ý, tự gây cho mình, cho đời tội chướng nặng nề. Bởi vậy mà hình tượng Phật Bà Quan Âm da diết nỗi thương đời, thương cho mọi loài thoát khỏi đau khổ do tội lỗi và nghiệp chướng gây ra, tạo đặt trong cõi tâm linh chúng sinh một niềm tin luôn hướng về với thiện là niềm tin sức mạnh tinh thần, mong giải thoát sớm nạn can qua, cho tử bi, hỷ xả đến với muôn loài và muôn nơi đều trở thành đất Phật, với giá trị thiêng liêng của ánh sáng tôn giáo trong mọi kiếp người.

"Nam Mô Đại Từ, Đại Bi, Cửu Khố, Cửu Nạn, Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát"

Rực rỡ đêm Xuân

• NGUYỄN TẤN HÙNG

Ở một góc vườn vòng đai quanh nhà, chéch bóng phía trời tây, ánh mặt trời có hồ đong đưa, khuất lấp sau rặng cây xum xuê cành lá, vượt hẳn lên cao. Những tia nắng cuối ngày đã không còn chói chang, gay gắt nữa mà đã trở nên vàng vọt, nhẹ nhàng. Như bao cơn gió thoảng chiều hôm, đều luôn luôn mang đến cái mát man, dịu dịu cho mọi thứ trên cõi đời này, kể cả lòng người và cảnh vật. Chiều xuống dần. Với chim muông tìm đường về tổ ấm. Cùng không thiếu những bầy le le, vịt nước thường thấy thả trôi từng đàn trên dòng Cửu Long Giang, đang oang oác giữa trời, xoải cánh tung bay về nơi chốn cũ. Và chiều lại xuống dần. Với tắm rửa, cơm nước xong xuôi dẫu vào đây. Cùng chẳng hề thiếu bóng dáng các cô gái đảm đang, quán xuyến mọi việc trong nhà, lặng lẽ mang mở quần áo cần giặt giũ ra ao, thò chân khuấy động mấy cụm bèo xanh...

Dưới tàn me râm mát bên cạnh sà n nước bắc xa ra ngoài, Hồ Diệp thông thả đưa tay vò nhẹ từng chiếc áo dài học trò trắng bóc, ngâm trong thau nước có pha *eau de javel* bay mùi ngay ngáy. Đôi bàn tay ngòai viết lá tre, mềm mại, thon dài. Đôi bàn tay đẹp, nàng tự biết như vậy, vì chính Hiếu đã từng có lời khen khi nâng lấy tay nàng. Tình yêu, riêng với Hồ Diệp, nàng cảm thấy hình như không phải chỉ qua ánh mắt, nụ cười mà còn thực sự thể hiện qua đụng chạm. Tay trong tay, chẳng hạn. Cái cảm giác bắt chợt đó nàng đã vụt nhận ra trong lần "đi vườn" về nhà chị em Hiếu, cùng nhau thưởng thức món xoài tượng chấm nước mắm đường. Để rồi nhớ mãi không quên.

Có lẽ hầu hết mọi người đàn bà đều có và sống ít nhiều với linh tính. Chỉ cần một phút giây tao phùng hội ngộ đúng thời đúng lúc nào đó, hai chữ "định mệnh" dường như cầm chắc, sẽ xảy ra. Trường hợp Hồ Diệp cũng vậy, trong lần gặp gỡ đầu tiên với Hiếu và Kim Yến nhân ngày tựu trường đạo ấy, thuở nàng còn thơ lúc mới vào học lớp đệ thất trường công, những nàng đã tự nhiên cảm thấy như có điểm gì khác lạ. Và rồi tiếp theo đó, mặc dù do tình thế đẩy đưa, qua sự sắp

đặt thăm lén của Kim Yến, tình cảm giữa Hiếu và nàng đã vô tình nảy nở, khấn khít hồi nào không hay.

Cũng với những ngón tay thon dài này, từ e ấp rụt rè đi dần đến ấm áp thân quen, nàng đã cùng Hiếu tay nắm tay dung dăng dung dè trong đêm Hội Chợ ngày nào. Thì cũng do tình thế đẩy đưa, qua sự níu kéo của chàng để rồi trong im lìm, lẳng lặng hai đứa đã cùng rủ nhau "đi lạc" trong cảnh rừng người, chỗ nàng nào đã có chủ động điều gì. Vậy mà, ngay sau đó trên đường về, nàng bị anh Hòa la cho một trận nên thân:

- Tại sao mày không đi chung với cả đám mà lại bày đặt tách bầy đi riêng với thằng Hiếu? Bộ mày với nó đã có tình ý gì rồi hả? Mày có thấy con Yến với bọn thằng Chiêu thằng Thuận không? Sao con người ta khôn quá!



Bộ mày với nó đã có tình ý gì rồi hả? Trời đất, cái anh này kỳ, hỏi chi cái câu hỏi sao mà khó trả lời quá vậy cà! Thì cũng là chuyện trắng đen, rõ ràng giữa thanh thiên bạch nhật chỗ nàng có che đậy, giấu giếm hay làm điều gì mờ ám, lén lút đâu. Chỉ tại anh nàng, con người e dè khó khăn đến độ xấp xỉ hai mươi tuổi đầu mà chưa hề có một người bạn gái đúng nghĩa, đã không có con mắt đó thôi. Mà có lẽ anh chỉ muốn nhắc chừng cho mình đừng đi quá trớn chỗ không có ý cấm đoán gì đâu, nàng nghĩ. Tuy nhiên, ngay lúc ấy, nàng cũng đang viện cớ để tự bào chữa cho mình:

- Thì cũng tại anh với mấy anh kia đi lẹ quá chớ bộ...

Dưới mắt Hồ Diệp, cái vẻ điển trai hào phóng bên ngoài của người con trai đối diện lấm lét khi không mấy cần thiết! Nàng có thể bằng lòng với dáng dấp nho nhã thứ sinh của cậu học trò trung học có mái tóc bồng bênh,

mềm mại như khói như mây. Thêm một chút bụng thon, ngực nở khi ở trần trụi lại được rồi. Và ở Hiếu, chàng đã đáp lại những gì nàng không chê, không phiền. Nhưng, đối tượng của nàng bắt buộc trước hết phải thông minh, lanh lẹ. Làm thân con trai mà vụng phải cái tính cù lèn, ừ ù cạc cạc, chậm lụt rụt rè thì kể như uống dãi, không một đứa con gái nào thêm để tâm tới, có phải? Và ở Hiếu, chàng cũng đã đáp ứng với nàng điều đó. Bằng những câu nói rất tình ý, tế nhị thêm một chút pha trò rất nhẹ nhàng, dí dỏm đã luôn làm nàng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Qua ánh mắt rực sáng như ánh sao băng dưới đôi hàng lông mày dài và rậm kia, tâm hồn nàng như được ăn cần chiếu rọi, bao che. Lại còn cái cánh mũi thẳng và cao, cân xứng với khuôn mặt hơi hơi chữ điền hay điểm một nụ cười tươi mát trên môi..., ngàn ấy đã gây cho nàng một... ấn tượng.

Vậy mà đã có một thời "người" bỗng đi xa, khắp bốn phương trời, biệt tăm hơi. Không một lời nhắn, không một tờ thư... đã làm nàng xao xuyến, phân vân không ít! Chẳng biết sau đêm Hội Chợ tung bùng ấy, anh Hòa đã nói riêng gì với Hiếu? Có làm điều gì để chàng phật lòng hoặc nghi kỵ hay không? Sao bỗng dưng từ sum họp đi đến cách chia? Sao bỗng dưng từ vui vầy đi đến buồn thương? Âm thầm như con nước triều lên đến giờ phải xuống! Như trăng tròn lại khuyết, như tuyết đóng rồi tan, như hoa nở lại tàn, như bèo gom rồi rã! Ôi, chuyện đời nghe sao mà luân hồi, lẩn quẩn quá? Biết bao giờ mới thoát khỏi cái vòng nhân quả, oan nghiệp, tai ương đây?

Nàng chợt thở dài theo cơn gió sắp Tết hiu hiu thổi nhẹ bên hè. Mùi hoa sứ, hoa "mộc lan" trắng ngần từng cánh búp, như thoang thoảng quanh đây...

- Hừ, chị Diệp...

- Á..., quý nà! Chiêu làm chị giết mình, mất hồn, thiếu điều muốn đứng tim luôn thôi hà! Ác thật!

- Nói chị nghe, Chiêu mới nhày qua vườn kế bên hái trộm cho chị cái bông sứ cùi này để dành ép vô tạp nê, thơm lắm...

Chiêu đùa đùa hoa nỏ nà vào gần mũi cho Hồ Diệp ngửi mùi, trong giây lát lại rút tay về, lè lên mũi mình hít một hơi dài cho đã rồi nói tiếp:

- Thơm quá hà chị Diệp? Mà hỏi thiệt chị nghen, bộ chị đang tỏ tưởng anh chàng nào hay sao mà ra tuồng thần thờ, mộng mơ quá vậy? Thấy chị giặt mấy cái áo mà làm như... tay vò cũng chẳng muốn vò?

Hồ Diệp phản ứng liền:

- Trời đất quý thần ơi, thôi đi nghen Chiêu, đừng có nói bậy! Chị có quen với ai đâu mà ở đó tỏ với tuồng? Chớ bộ Chiêu không thấy hằng ngày chị sống ra sao hay sao mà còn làm bộ hỏi chặn đầu?

À, hóa ra này giờ thằng lỏi Chiêu này đang ngó lén mình đây, Hồ Diệp nghĩ. Rồi còn giá bộ "hừ" mình nữa chớ. Cái thằng, thiệt tình, củ hay để ý chuyện của người khác. Nhưng kể ra tánh tình nó cũng hiền. Con người chỉ thích bài buổi, cột dưa và như lúc nào cũng tìm cách làm cho người đối

diện vui lây. Đối với nàng, còn một điểm đáng nói hơn nữa là có người cùng làng cùng xóm, cùng ở trọ chung một nhà kể ra cũng... đỡ buồn. Mà cũng lạ, kể từ ngày quen với Kim Yến nhân dịp nàng rủ bạn về Phú An Hòa chơi, dường như Chiêu đã ra vẻ không thiết tha gì với bạn con gái xứ dừa nữa. Cái thằng coi vậy mà vun trồng và bón phân cây "si" rất lẹ. Để rồi sau đó không lâu, viện cỏ làm biếng đạp xe đạp đến trường, đi và về mỗi ngày, anh chàng đã nhờ Hồ Điệp hỏi giúp cô Tâm Sướng, xin phép ở nhờ. Hết Chiêu đến Thuận, rồi hết Thuận đến Hiến, nguyên bộ ba Trúc Giang-An Phú Hòa lục tục kéo nhau về ở chung một chỗ với Hồ Điệp. Nhứt là từ khi anh Hòa của nàng tình nguyện đăng đi Thủ Đức sau khi thì rớt phần hai, có thêm chỗ trống. Đối với cô Tâm Sướng thì lại cũng dễ dàng thôi, vì không ngoài cái ý nghĩ "ăn thì nhiều chỗ ở bao nhiêu". Kệ, mặc cho đám con cháu tụi bây sắp xếp phòng ốc, chung đụng với nhau sao cho ổn thỏa là xong. Miễn hằng tháng đóng góp cho cô một mớ "tiền còm" đủ chi dụng, trang trải vặt trong nhà thì mọi thứ cô sẽ sẵn sàng bằng lòng ngay...

Chiêu không đồng ý với Hồ Điệp:

- Chị nói vậy thì hay vậy chỗ ai mà biết được trong lòng chị đang nghĩ những gì? Hằng ngày tuy chị có về cấm cung ở nhà, nhưng mấy lúc đi học hay mọi khi bước chân ra đường thì bọn con trai đã không theo tán tỉnh chị hàng hàng lớp lớp à? Và lại, còn anh Hiếu dạo trước nữa chi, giao tình giữa anh với chị hiện giờ đã đi đến đâu rồi nào?

Hồ Điệp chợt nghe nhói trong tim mình khi Chiêu nhắc đến Hiếu, vì cả năm hơn, hình như không ai màng để ý chàng. Tuy nhiên, nàng lại giả bộ tảng lờ, đánh trống lảng:

- Ôi, xa mặt dễ cách lòng mà Chiêu! Với lại đã lâu lắm rồi chị đâu có liên lạc, tin tức gì về anh ấy nên chẳng biết... "chàng" vẫn ở vậy hay đã vui vầy duyên mới? Ý, mà nói đùa với Chiêu cho vui vậy thôi chỗ giữa chị với anh Hiếu cũng đâu có gì xa hơn là tình bạn...

Thực ra, những gì Hồ Điệp vừa nói đều rất đúng với tâm sự của nàng cách đây không lâu. Chính nàng là người trong cuộc mà cũng không biết vì lý do gì, Hiếu bỗng nhiên đứng đứng đi ra khỏi cuộc đời nàng. Không một lời giả biệt! Không một tiếng trở trăn! Để từ lâu nàng vẫn âm thầm chờ đợi và cố tìm... một câu trả lời. Tại sao? Rồi sau ngần ấy thời gian trôi qua với biết bao nhiêu đổi thay nơi tình lệ nhỏ nhoi này, thì gần đây, nàng vừa hồi hộp vừa vui mừng vì rất có thể nàng sẽ tìm được... một câu trả lời khá xác đáng! Rồi mặc dầu chỉ mới... rất có thể thôi, nhưng nàng cũng lấy làm mãn nguyện phần nào cho sự hy sinh, ủa, phải gọi đó là hy sinh chỗ, của nàng. Chính vì vậy, nàng càng để tâm giấu kín niềm vui của mình với đám em út Chiêu, Thuận và Hiến...

Nhưng, Chiêu nào có để nàng yên:

- Chị nói giỡn hoài! Vậy chỗ hôm đó có anh bạn nào của anh đã đem đến cho chị một "món quà" gì gì đó từ Sài Gòn gửi về rồi

sao? Chẳng liên hệ với nhau thì ai lại đi tặng quà?

Úi chà, làm sao thằng lỏi Chiêu biết được chuyện này cà? Chẳng lẽ cô Tâm lại đem chuyện bí mật đó đi nói với nó? Điều đó chắc chắn không thể xảy ra, nàng quả quyết! Hay là nó có mặt ở trong nhà lúc anh bạn của Hiếu, anh Phát, trao "món quà" cho cô Tâm? Ôi, mặc kệ, đầu sao đi nữa nó cũng không biết "món quà" đó là gì, quý giá ra làm sao! Nàng bèn nói giả là:

- Thôi đi Chiêu ơi, sá gì món quà nhỏ mọn đó! Còn thua một lời thăm hỏi hay một câu đón chào, chẳng có gì quan trọng hết. Chẳng qua anh muốn chị giữ gìn một ít kỷ niệm của anh ấy mà thôi!

Trời đất, sao lại "giữ gìn một ít kỷ niệm" của người ta? Nàng cảm thấy như mình đã lỡ lời, tiết lộ ít nhiều cái bí mật về "món quà" mà Chiêu đang đề cập tới! Ô..., hay là mình đã có ý đem khoe? Nàng bỗng thấy nhột nhạt, mắc cỡ cho chính mình với ý nghĩ riêng tư thầm kín đó. Vì "món quà" kia gần như là quyển nhật ký của Hiếu, đã ghi lại bằng thơ, xen kẽ trong những bài ghi của ở lớp học. Nàng đã đọc đi đọc lại và suy nghĩ rất nhiều về "món quà" tinh thần đến độ đã thuộc lòng nhiều bài thơ "không tên, không tựa, không đề" nhưng có nhiều ẩn ý, ngầm nhắn nhủ với riêng nàng. Chẳng hạn như bài đầu tiên:

*Thường em biển rộng sông dài
Cánh lan cánh bướm đậu ngoài giậu thưa
Nhỏ em biết nói sao vừa
Ngán ngở sớm tối chiều trưa một mình
Hỏi người em nhỏ xinh xinh
Biết anh ngày ấy khối tình nặng mang?
Đêm khuya gác vắng trăng vàng
Cớ sao lỗi nhịp cung đàn năm xưa!*

Làm sao mà nàng không nhận ra được rằng "người em nhỏ xinh xinh" kia chính là nàng chứ? Tín hiệu riêng biệt đã nằm gọn trong ba chữ "lan cánh bướm" hồ hững, vô tình kia! Vì tên của anh em nàng đúng ra là tên ba chữ đi liền. Ai gọi nàng là Hồ Điệp hay Điệp không là sai, phải gọi nàng là Lan Hồ Điệp, Lê... Lan Hồ Điệp! Cũng như anh nàng Lê... Phú An Hòa! Không thể gọi An Hòa hay Hòa không thôi mà nghe được vì Phú An Hòa là nơi chôn nhau cắt rốn, làng xã của gia đình nàng. Và trong những người thân quen với nàng, duy chỉ có Hiếu mới bận tâm để ý đến những ý nghĩ thầm kín đó của ba mà nàng lúc đặt tên cho con! Có lần, chàng còn nói thêm rằng loài "Lan Hồ Điệp" là một loài lan rất hiếm, rất quý, có sắc tím pha hồng điểm lấm tấm những nốt tròn đen chung quanh nhụy. Dưới ánh nắng ban mai và trong cơn gió nhẹ thoảng qua, những cánh "lan" kia sẽ lấp lánh, lung linh như muôn ngàn "cánh bướm" đùa bay! Ôi, không "lỗi nhịp cung đàn" đâu anh Trung Hiếu, Văn... Trung Hiếu của em! Chẳng qua vì tình thế bất buộc mà mình phải sống trong cảnh xa cách vậy thôi!

Rồi còn có bốn câu nhắc lại một thời đã qua nữa chớ:

Ngay nao đi học cùng đường

Nhìn đâu cũng thấy người thường bên mình

Đóa lan, giấc điệp, chữ tình

Quần quanh, ôi, bóng vời hình, đôi ta

Tuy là bị những dấu phẩy ngắt đoạn, chia cắt nhưng nàng cũng thấy ra ba chữ "lan giấc điệp", nào khác gì với "lan cánh bướm" hay Lan Hồ Điệp. Và lại, phải chăng ba thủ "đóa lan", "giấc điệp", và "chữ tình" đối với chàng chỉ là một? Ôi, anh đúng là "thi sĩ của lòng em"! Và rồi đặc biệt hơn nữa, người thi sĩ kia tuy có đa sầu đa cảm nhưng lại rất chung tình với cảnh cũ người xưa, biểu hiện qua mấy vần thơ:

*Ở đây xe cộ dập diu
Càng trông càng thấy diu hiu phận mình
Ở đây chẳng có bạn tình
Đất nhau hái mạn bên đình một phen
Ở đây lấm kê bon chen
Bảo sao không kiếm ma men giải sầu
Ở đây dài lấm canh thao
Hưởng về quê cũ nhạt màu thời gian
Ở đây ngày bạc đêm vàng
Tìm đâu thuở ấy bên nàng tôi yêu*

Nhỏ hồi đọc tới bài này Hồ Điệp bỗng ghen thầm với "con mén" nào đó đã từng "đất nhau hái mạn bên đình" với chàng! Vì nàng tự biết quá rõ là Hiếu chưa từng làm chuyện gì bên đình, bên miếu với nàng hết. Đã vậy còn bày đặt đi "kiếm ma men giải sầu" nữa chớ! Anh thiệt là quá lấm rồi, Hiếu ơi! Nhưng "thuở ấy bên nàng tôi yêu" thì chắc chắn là phải dành riêng cho nàng thôi, vì "con mén" kia còn nhỏ lắm, làm gì biết chuyện yêu đương? Em tạm tha tội cho anh, cái tội bằng trời đã dám san sẽ tình yêu đó, hỏi người "thi sĩ của lòng em"! Thi sĩ thật chớ không phải "thi sĩ con cóc" đâu ghen! Ừ, mà chính tác giả bài "con cóc nháy ra, con cóc ngồi đó, con cóc nháy đi" cũng không hẳn là "thi sĩ con cóc", theo ý nàng! Tại vì người đọc không chịu khó tìm hiểu cái tâm trạng và hoàn cảnh sáng tác của tác giả đó thôi. Nếu như "bài thơ con cóc" kia được viết ra để kỷ niệm với người tình của mình trong một buổi chiều về êm đềm như buổi chiều hôm nay, tay trong tay bên một bờ ao nào đó, há không phải là "tuyệt tác" hay sao? Sở dĩ đọc giả chê là tại vì đọc giả không tìm ra tâm tình gửi gắm, ẩn ý sâu đậm của tác giả ấy mà...

Dòng suy tư, thơ thẩn với mấy vần thơ của nàng bỗng bị cắt ngang bởi lời phân bày của Chiêu:

- Kể ra chị cũng là kẻ chung tình! Cái anh Hiếu tẻ bạc kia từ bấy lâu nay đã hững hờ với chị, vậy mà chị vẫn không hề đổi thay, tiếp tục xem nhẹ những mối móc, tán tỉnh của hàng tá các anh chàng đốc tâm theo đuổi, cố tìm mọi cách để xin chị ban phát cho một nụ cười, một ánh mắt, một lời nói, một câu chào...

Hồ Điệp vội vã xen vào:

- Ồ, Chiêu đừng có nói vậy! Giữa anh Hiếu với chị đâu là gì của nhau! Anh có nếp sống riêng tư của anh và chị có cuộc đời của chị. Đâu phải tại vì anh mà chị không ngó

ngàng tới các người khác. Vội lại, như Chiêu đã biết, tánh chị không thích làm cao, chẳng qua là mọi chuyện đều xảy ra không đúng thời điểm của nó mà thôi!

Mà thật vậy, Hồ Diệp không hề có tánh làm cao, mặc dầu nàng tự biết mình có chút nhan sắc. Làm con gái đẹp thì bắt buộc phải để cho "người ta" trên gheo, theo quan niệm của nàng, nhưng còn đáp ứng lại hay không là quyền của mình. Rồi không phải những chàng trai đang dòm ngó, theo đuôi nàng là những kẻ sinh ra và lớn lên trong những gia đình nghèo khó, kém hèn. Nhiều đứa bánh bao ra phết ở cái mã chúng diện bề ngoài và nhiều đứa thật sự trông khôi ngô tuấn tú, hào hoa phong nhã một cách bẩm sinh. Nhưng chẳng hiểu sao, tất cả dưới mắt nàng đều bỗng trở nên vô duyên tẻ! Nhứt là lúc phát ra những lời nói ngô nghê, ngớ ngẩn chẳng ăn nhập vào đâu! Tội nghiệp! Đúng, tội nghiệp, nàng chỉ biết ban phát cho họ sự thương hại vì đã bỏ công gieo cầu không đúng chỗ. Tình yêu không thể đến bằng con đường một chiều, phải có qua có lại, có đi có về. Và lắm lúc còn cần phải chiến đấu với chính mình để vượt qua biết bao chướng ngại vật đầy dẫy trên đường hầu tiến nhanh đến đích.

Như ngay trong trường hợp của Hồ Diệp cũng vậy, nếu nàng vì tự ái, không thêm đếm xỉa gì đến cái địa chỉ mà Hiếu, chẳng hiểu vô tình hay cố ý, ghi ở trang cuối của "món quà" đặc biệt và không thêm viết thư thăm hỏi chàng thì chưa chắc hai đứa đã nổi lại nhíp cầu, lấp đầy được hố sâu ngăn cách trong khoảng thời gian im lặng giữa đôi bên. Mãi cho đến bây giờ nàng vẫn không tin rằng, qua lời Hiếu giải thích trong thư, chàng mặc nhiên xa nàng chỉ vì muốn xóa bỏ cái "mặc cảm tội lỗi" với bạn, với anh Hòa, khi đã âm thầm đi "dê" hoặc "dụ dỗ" em gái bạn. Ô hay, trong chuyện yêu đương, tình ái thì biết có mèo nào cắn mỉu nào? Ai dụ dỗ ai? Tại sao lại có chuyện vô lý, trở trêu như vậy được chứ? Điều này đã làm nàng thấy rằng tình yêu quả là một cái gì rất đẹp đẽ, trân quý nhưng quá mong manh! Nó có thể vỡ tan từng mảnh vụn trong phút chốc chỉ vì một lời nói vô tình, một sự hiểu lầm còn con chưa hẳn đã dính dáng gì với những người trong cuộc. Nàng vẫn đinh ninh rằng anh Hòa của nàng đã "phát ngôn bừa bãi" hay "hành động thô lỗ" gì gì đó ghê gớm lắm, đến nỗi làm Hiếu lặng tiếng, im hơi lâu đến như vậy! Riêng với phận nàng là gái, cột chằng tìm trâu, thì nàng đâu có thể làm điều gì khác hơn được. Cũng may, "hợp phố châu vè", sau cơn mưa trời lại nắng...

Rồi chẳng biết có hiểu lầm ý nghĩa câu nói của Hồ Diệp hay không, đột nhiên, Chiêu đưa ra đề nghị mới:

- À, hay là để Chiêu giới thiệu với chị một anh bạn mới quen, Sĩ quan Không quân mới ra trường. Bảo đảm cao ráo sạch sẽ và ăn nói nhẹ nhàng dịu dàng như gió như mây!

Hồ Diệp liền giẫy nảy:

- Nữa, thôi đi Chiêu à! Chị sợ mấy ông lính lắm, nhiều ông nói dai như đĩa xôi, giẻ rách... Chà, bữa nay Chiêu định lên lớp, đòi làm người "gỗ rớt tổ lông" cho chị đó hả? Còn chuyện của "hai cô cậu" Yến và Chiêu thì đã

đi đến đâu rồi nè? Coi chừng "chuyện người ta thì sáng mà chuyện của mình thì quáng" đó nghe!

Hồ Diệp đứng dậy, bưng thau nước dờ dem đi đổ trên vạt đất trống. Chiêu tươi cười, vui vẻ nói với thêu:

- Lúc nào cũng xuôi chèo mát mái, thuận gió xuôi buồm chị ơi! Ồi, mà nếu có lẽ có điều chi trục trặc, Chiêu chỉ cần cầu cầu đến chị thì mọi chuyện sẽ đâu vào đấy ngay chỗ gì phải sợ!

- Ý, đừng có ý y nghe! Con Yến nó cũng hay hơn giận, lấy đường lăm à! Đừng làm quá mà có ngày nó cho đi tàu suốt đó!

Nói thì nói vậy chỗ Hồ Diệp cũng thừa biết chuyện "cơm vẫn lành, canh vẫn ngọt" giữa Kim Yến và Chiêu vì con nhỏ có tật hay khoe. Đại để, những gì Chiêu đã làm để lấy lòng người bạn gái của mình, con nhỏ đều kể vanh vách cho nàng nghe. Ngay cả những lần tặng quà. Những món quà tuy không mấy gì quý giá, đắt tiền nhưng rất ý nghĩa đối với người con gái, như một chiếc áo dài, một cái nón lá, hay một vòng đeo tay bằng đồi mồi. Ồ, mà đúng rồi, phải chăng tình yêu sẽ dễ dàng tìm đến hơn khi có sự bù đắp, chia sẻ những dư thừa, thiếu hụt của nhau? So với Chiêu, vẫn hay rộng rãi và xài sang vì gia đình tuy không giàu nhưng cũng thuộc thành phần khá giả, xem ra Kim Yến có phần nào chật vật hơn trong cuộc sống hằng ngày! Về với Chiêu, có thể nói Kim Yến bước một bước... đi lên. Và ngược lại, phần nàng với Hiếu, rõ ràng là nàng đi xuống! "Môn đăng hộ đối" vẫn mãi mãi tồn tại từ đời này qua đời khác và có phải vì nhận ra sự cách biệt đó mà, từ lâu, Hiếu muốn xa nàng? Có thể lắm vì nàng biết tánh Hiếu không chịu lớn cú, bộ đồ, hoặc nhỏ và ai! Chàng có tình thần tự lập và ý chí phấn đấu, luôn tìm cách vươn lên trong nghịch cảnh, khó khăn...

Chiêu lại quay về chuyện cũ:

- Kể ra chị đặt tin tưởng và hưởng nhiều về anh Hiếu cũng đúng, Chiêu nghĩ. Thời buổi này lính tráng, cho dù Võ Bị, Thủ Đức hay Không Quân, Hải Quân, làm sao có thể so sánh với Giáo sư Đại Học Sư Phạm được chứ! Một đảng thì sống nay chết mai trong cảnh rày đây mai đó, còn một đảng thì an cư lạc nghiệp, yên ổn mọi bề, vững như bàn thạch. Đúng là một cách chọn lựa hết sức hợp lý, hợp tình đó chị!

Hồ Diệp đặt thau đổ xuống đất, mức nước lóng phèn chứa đầy trong vại nhỏ đặt cạnh gốc me già đổ ra thau dặng xà xà bóng. Nàng giải bày tâm sự:

- Chị không nghĩ như Chiêu nghĩ! Với chị, tình yêu không đến bằng một sự so sánh và chọn lựa. Nó đến vì con tim và theo lý lẽ của con tim. Mà nói đến lý lẽ của con tim thì, ôi thôi,... khó nói lắm! Chỉ khi nào, bỗng nhiên, ngàn dặm xa cách người mình yêu thì Chiêu mới cảm nhận và chiêm nghiệm ra. Mỗi thực sự thấy mình thiếu những gì rất cần cho cuộc sống, như hơi thở, như máu hồng... ày, mà chị không có ý trù ẻo gì đâu nghe Chiêu...

Bóng tà dương đã khuất dạng từ lâu và trời đang nhá nhem tối. Mọi vật chung quanh bắt đầu nhạt nhòa, hòa lẫn trong nhau. Qua

song cửa ngôi nhà bên kia vườn, ánh đèn đêm le lói, thoi thóp như từ một hải đăng xa tít mù khơi. Tiếng côn trùng lúc tắt, lúc hiện phát ra từng đợt ngắn từ những bụi rậm quanh bờ ao như từng cơn uất lức nghẹn ngào, ní non ai oán. Gió hiu hiu Tết vẫn còn mơn man cành lá nhưng đã dần dần trở nên hơi se da, thấm lạnh làm Hồ Diệp bắt rùng mình. "Tôm", một con cá trời lên ăn mống, động đậy mấy cụm bèo không chân, nổi trôi trên mặt nước...

Chợt có tiếng nói giòn tan, rộn rã sau lưng:

- Mèn ơi, chị Diệp ở ngoài này mà này giờ Thuận đi kiếm quá trời! Thêm thằng Chiêu nữa, ở đây giữ ma cho chị Diệp hả?

Hồ Diệp quay lại, từ tốn:

- Vừa vừa thôi, Thuận. Có chuyện gì mà phải đi kiếm chị... quá trời?

- Để báo cáo cho chị một tin mừng!

- Nữa, lại muốn đùa chị lên chín từng mây rồi lẳng lẳng rút thang như Chiêu phải không?

- Thiệt mà! Có anh Hiếu tới nhà thăm chị!

- Cái gì?

Hồ Diệp kêu lên trong rất đỗi ngạc nhiên, thiếu điều đánh rơi thau đồ xuống đất! Chiêu cười giả là, chêm vào:

- Thằng Thuận nó nói có anh Hiếu đến thăm chị! Chị đã run tay và nổi da gà chưa?

Chưa thực sự hoàn hồn, Hồ Diệp còn hỏi lại cho chắc:

- Thiệt hôn đó, quý?

Thuận giải thích thêm:

- Ảnh cho biết ảnh mới về từ Sài Gòn! Đang nói ba điều bốn chuyện gì đó với cô Tám ở nhà trên!

Hồ Diệp nồn nồn:

- Thiệt vậy hả? Thời thì hai đứa đi tiếp ảnh giùm chị một chút đi, chị bận đi lấy bướm bướm dặng máng mấy cái áo này trong buồng rồi chị sẽ lên sau...

Nhìn bóng Chiêu và Thuận quay bước đi vào nhà, Hồ Diệp bỗng e ấp, cười nhẹ một mình. Nàng đã không còn che đậy được nữa. Nổi vui mừng như đã rõ ràng thể hiện trên khuôn mặt, trên lời ăn tiếng nói, trên cử chỉ hốt hoảng, lúng túng của nàng trước mặt Chiêu và Thuận, nhất là với Chiêu. Nàng thực sự đang rơi xuống tử cung trắng. Vì từ lúc nàng nhận được "món quà" đặc biệt của Hiếu cho đến nay vốn vẹn đã chứa tròn... một tháng.

Rồi nàng cảm thấy băng khuẩng, thường hại cho cả hai, Chiêu lẫn Kim Yến. Với một mối tình quá vuông tròn đầy đặn, tình cảm dành cho nhau như chứa bao giờ với cạn hay qua một lần hụt hẫng, thì làm sao hai đứa nó có thể có được những đêm xuân rục rỏ như nàng và Hiếu đang trên đường tìm gặp trong đêm nay...



TRÂU ƠI LÀ TRÂU !

• PHÙ VÂN

Hơn hai thập niên xa quê hương, sống lưu lạc trên các quốc gia tân tiến của Âu Mỹ, chúng ta đã hội nhập vào cuộc sống xô bồ, tranh thủ thời gian với công việc đến lè lưỡi kiệt sức, chủ còn tình thần trí óc đầu nũa để nhìn lại hình ảnh nông thôn Việt Nam. Con trâu, cái cây, đồng ruộng, làng mạc, lũy tre, khói lam chiều bên bếp lửa mẹ... chỉ còn là hình ảnh kỷ niệm trong tiềm thức của những người có lòng hoài hương. Còn thành phần trẻ tuổi trưởng thành hay được sinh trưởng tại hải ngoại chắc không có một khái niệm gì trong đầu óc về sinh hoạt nông thôn Việt Nam.

Có khi - nói cho cùng, cũng có một số người trước đây đã sống ở các đô thị hay ở các thành phố ở quê hương chưa có dịp về nông thôn, miệt vườn, họ cũng chỉ biết nông thôn qua báo chí, sách báo mà thôi.

Từ đó dần dần những tác phẩm viết về nông thôn cũng đi đi và có thể bị biến mất trong hưởng sáng tác của các nhà văn, nhà thơ - mặc dù nước ta vẫn là một nước phát triển về nông nghiệp. Buồn thay!

Con trâu củ 12 năm lại được nhắc nhở đến một lần- trên báo chí, theo chu kỳ của 12 con giáp vào dịp Tết. Theo trâu đã trở nên xa lạ trên cuộc sống và chỉ gần gũi với chúng ta trong văn chương, nhưng mức độ gần bó thiết thân cũng không còn mấy nồng nàn như trước đây giữa trâu với người nông dân:

*Nằm đây chờ phải ngủ đầu
Thức mà giữ lấy con trâu con bò
Nằm đây chờ phải ngủ cho
Thức mà giữ lấy con bò con trâu!*

Con bò, con trâu là gia bảo cần phải canh giữ. Vì vậy trong dân gian người ta thường quan niệm rằng "con trâu là đầu sự nghiệp". Nên người ta quý trâu, nâng niu, vỗ về, dỗ dành trâu:

*Trâu đi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Cái hình ảnh hạnh phúc bình yên "thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn" của

những gia đình nông dân mà người ta thường thấy ở nông thôn qua những sinh hoạt cày, cấy trong ca dao tục ngữ :

*Rủ nhau đi cấy, đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.*

Muốn "có ngày phong lưu" trong tương lai, chúng ta không những phải chịu đựng "khó nhọc" mà còn phải biết thức khuya dậy sớm cày bừa theo từng vụ mùa:

*Lao xao gà gáy rạng đông
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu
Bước chân xuống cánh đồng sâu
Mắt nhắm, mắt mở đuổi trâu ra cày.*

Con trâu, một gia súc - một người bạn thân thiết tham dự với sinh hoạt hằng ngày để tạo nên ấm no "sự nghiệp" cho con người và góp phần phát triển nông nghiệp vô tận nước. Vì vậy những bộ phận của trâu cũng thường được nhắc nhở ví von trong ngôn ngữ dân gian: từ đầu trâu cho đến đuôi trâu, từ sừng trâu cho đến chân trâu, từ mũi trâu cho đến nước dãi trâu, tai trâu, lưỡi trâu, da trâu, thịt trâu đều được nhắc nhở đến:

Để biểu tượng một đám tay chân bộ hạ ngu xuẩn chỉ biết nhắm mắt tuân theo lệnh của chủ nhân, người ta thường nói là lũ "đầu trâu, mặt ngựa" hoặc suốt đời làm nô bộc, "làm thân trâu ngựa" để đền ơn đáp nghĩa đã nợ nần từ kiếp trước. Trong Truyện Kiều có câu:

*Tái sinh chưa dứt hương thơm
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.
Nợ tình chưa trả cho ai
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan!*

Mùi hương thơm kiếp này, còn tàn mạn đến kiếp sau. Lời thề kiếp này, kiếp sau phải trả. Câu này lấy từ điển tích trong sách Vận Phủ: "Một vị quan tỉnh đến văn cảnh chùa Kim Quốc nằm ngủ mơ thấy tối động Phật, đứng trước một lão Tăng. Khói hương thoang thoảng. Lão tăng nói: "Vị đàn việt (người đáng lễ) này dâng hương lễ nguyện, hương còn đang cháy mà đàn việt đã qua ba kiếp ba sinh rồi: kiếp thủ nhất đàn việt làm Tuần Vũ Kiến Nam đời Đường Huyền Tông, kiếp thủ hai làm thủ ký Tây Thục đời Hiến Tông, kiếp thủ ba tức kiếp này làm quan tỉnh lang. Vị quan nghe đến đó thì sực tỉnh ..."

Thế cho nên người ta tin rằng, hễ ai kiếp này không trả được nợ thì kiếp sau phải hóa làm thân trâu ngựa ở nhà chủ nợ cũ để trả cho xong nợ của kiếp trước.

Mai ở đây không phải là cây mai nở hoa trắng vào mùa xuân mà chính là cây bướng. Bướng là một giống tre ở trong rừng, lá to có thể dùng để gói bánh, thân to dùng làm cột nhà. Bướng già có hoa, gần giống bông lau, nhưng dài hơn, người ta gọi bông mai, thường bó lại làm chổi, gọi chổi bông mai. Măng bướng to và mập, người ta gọi là măng mai. Trong bài hát lính thú ta thường nghe:

*...Miếng ăn măng trúc, măng mai
Những giàng cùng nũa lấy ai bạn cùng!*

Người ta thường dùng trúc mai để ám chỉ người bạn tình, vì trúc mai là giống cây có đốt thẳng, dóng ngay (tiết thẳng) và suốt đời không thay lòng đổi dạ.

Ngoài ra để hình dung sức mạnh của người con gái xấp xỉ đến tuổi thành niên so với sự rắn chắc của cặp sừng trâu, người ta hết mình ca tụng "gái mười bảy, bé gãy sừng trâu". Trong năm tuổi mà gặp phải hạng gái này thì bạn nên làm một màn tránh đi chỗ khác chơi còn sướng hơn; chứ ở đó loạng quạng dò mò tán tỉnh bất lường chắc có ngày cũng bị gãy cổ mềm xương ở mình ở đấy! Cho dù bạn có đến mấy cái đai đen... võ sĩ, đám bạn cũng bị hạng gái này đập cho mấy cái vò... chuối Chiquita đơ vẹo dài dài!

Ngày nay quý bà quý cô cũng nhào vô tham gia thể dục thể thao thẩm mỹ, Body-Building vai u thịt bắp trông cũng kinh hồn khiếp đảm lắm. Vì vậy ta cũng không hẹp hòi gì để mở lòng từ bi làm ơn làm phúc một phát mà báo tin cho mấy chàng "diếc không sợ súng" nếu củ a thần phù nhào đại vô thà để trắng trợn thì sẽ bị mấy bà đực cho một tăng te tua ôm đầu máu chạy dạn dài dài! Chắc cũng vì thế cho nên người ta mới đổi lời ca dao để ví von nhạo báng về "súc ẩt" của hạng nữ lưu này, từ "nam thực như hổ, nữ thực như miu" thành "nam thực như hổ, nữ thực như ... ngừu!". Lắm lúc vì ghét nhau nên người ta cũng có thể nguyện rủa một cách tàn nhẫn vô nhân đạo là "nữ xực như... quạ quạ bê bắp" hay là "đớp như cá xà cá mập"! Ôi đời là vậy, có ai bị mồm bịt miệng thiên hạ được đâu!

May ra chỉ còn có mấy cô người mẩu thời trang chuyên lo trau chuốt cho tấm thân ngà ngọc "minh hạc, xương mai" mới làm cho ta hình dung được nét liễu yếu đào tơ của những khuê nữ đài các, kiều sa con nhà lành. Lắm lúc các cô này treo cao giá ngọc một cách đáng ghét đến độ... ế chồng! Lúc đó mới nghe những tên trước đây đã trồng ... cây si đầu ngõ mà không được các nàng ngọc nữ ban cho một ánh mắt quan hoài hay một nụ cười dù là nụ cười... giả nhân giả nghĩa; hay những ông kỹ sư... đào mỏ gặp phải những vùng đất cứng như đá hoa cương. Tội nghiệp thay!

Từ đó mới phát tiết ra những câu ca chế nhạo trả mỗi hận lòng:

*Đi đầu mà chẳng lấy chồng
Người ta lấy hết chồng mông mà gào!*

Lắm cô quẩn quá mới lấy đại một đấng "tu mi nam tử nửa người nửa ngừm" làm chồng. Đến nước này mấy nàng cũng không tránh được búa rìu dư luận, chế bai rằng:

*Con gái khôn mà lấy thằng chồng đại
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu!*

Hoặc có nàng lại vô phải một anh chồng trẻ tuổi, cũng bị gièm pha đến mức tối đa là lấy một thằng con nít "hi mũi chưa sạch", "miệng còn hơi sữa" hay bị mạt sát thậm tệ hơn nữa là thằng con nít "chưa ráo cứt trâu trên đầu". Phân trâu làm sao mà dính trên đầu được? Phải chăng do cái tục khi con còn trẻ, chỉ có tóc măng, da đầu còn mông bố mẹ sợ con bị nhiễm mưa gió "lạnh mớ ác" nên thường lấy phân trâu thoa trên đầu?

Trâu đi vào văn học sử không hẳn chỉ là những từ gây những hình tượng hay âm thanh không đẹp như trên mà trâu còn là những hình ảnh thân quen trong nỗi nhớ nhà dằm thắm qua tiếng còi mục đồng gọi trắng

hay tiếng gõ sừng của trẻ chăn trâu ở miền thôn dã trong thơ văn của Bà Huyện Thanh Quan.

Vốn là một nữ lưu tài sắc, Bà Huyện Thanh Quan cũng như hầu hết thi nhân kim cổ, có một nguồn tình cảm rạt rào, một tấm lòng tha thiết với gia đình. Trên con đường từ đất Bắc vào kinh đô Huế để nhậm chức "Cung Trung Giáo Tập", trải qua bao gian lao hiểm trở, một mình phải vượt suối qua đèo, bà đã có dịp để lòng mình sống với quạnh hiu cô đơn. Nghĩ lại những ngày sống đoàn tụ với gia đình trong ấm ngoài êm, bà hồi tưởng lại những kỷ niệm nơi cố hương điệu vợi:

*Vàng tủa non tây, bóng ác tà
Đầm đầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa
Ngân mai lác đác chim về tổ
Đậm liễu băng khuâng khách nhớ nhà
Còi mục thét trắng miền khoáng dã
Chài ngư tung gió bãi bình sa
Lòng quê một bước thêm ngao ngán
Mấy kẻ tình chung cố thấu là.*

(Nhỏ Nhà)

*Chiều trời băng lãng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa vắng tiếng đồn
Gác núi, ngư ông về viễn phố
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn
Ngân mai, gió cuốn chim bay mỏi
Đậm liễu, sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn chuông dài, người lữ thú
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

(Chiều Hôm Nhỏ Nhà)

Trâu cũng đi vào thế giới của văn thơ chằm biếm của Học Lạc Nguyễn Văn Lạc. Học Lạc thông minh, nhà nghèo nhưng thi mãi không đậu. Buồn vì thân phận, vì vận nước bấp bênh, nên khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Phần, triều đình Huế phải ký Hòa Ước năm 1862 nhường đứt ba tỉnh này cho Pháp và phải trả 4 triệu về tiền quân phí, Học Lạc không còn trông mong gì đến việc thi cử nữa. Ông liền rời bỏ làng Mỹ Chánh (Mỹ Tho) lấy nghề dạy học và bốc thuốc để độ thân. Vốn có tính ngông ngạo của một nhà nho lớn vận, Học Lạc thường dùng văn thơ để châm thối đời và trò đạo đức giả bằng những vần thơ tả cảnh gợi tình rất linh động:

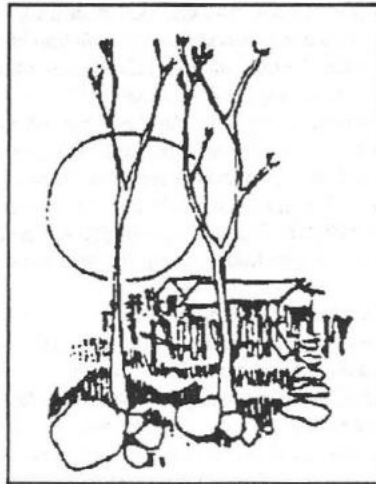
*Mài sừng cho lấm cũng là trâu
Ngắm lại mà coi thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cầm lém đém một chòm râu
Mắc mưu dốt dít tới bờ chạy
Làm lễ bôi chuồng nhón nhác sầu
Nghé ngọ già đời quen ghé ngọ
Năm đây đàn gày biết chi đầu.*

(Con Trâu)

Nhỏ hồi còn bị giam cầm trong các trại tù cải tạo ở chốn khi ho cò gáy ma thiêng nước độc của thiên đàng cộng sản, khi chưa đào được giếng nước, trại sinh cải tạo được cán bộ của đỉnh cao trí tuệ của loài người trong thế kỷ 20 "cho phép" sử dụng nước ở những "vũng trâu dầm" còn nặng mùi "nước đái trâu" để nấu ăn và rửa ráy! Nhà nước cộng sản đã tập cho con người làm quen với xú

uế, vi trùng. Chuyển này tưởng bệnh hoạn te tua, nào ngờ lại khỏe như trâu, mạnh như vạm môi kỳ quái chứ!

Trước đây ta đã từng bỏ mửa những thức ăn, nay trong những bữa cơm tù với nước muối, thêm được ăn những miếng thịt dù "nhám như lưỡi trâu" hay "dại nhách như thịt trâu" cũng đã ghiền! Ôi những miếng thịt của Bác và Đảng chia cho tù nhân trong mấy kỳ "đại lễ" hàng năm tính ra không bằng một lần chúng ta đã bỏ thừa bỏ mửa trong các tiệm ăn dưới thời "đế quốc Mỹ Ngụy phồn vinh giả tạo"! Đúng là vay trả! Ôi những kỳ "đại lễ" với hy vọng được xét là "học tập tốt, lao động tốt" để cho về "đoàn tụ gia đình". Thế nhưng những kỳ "đại lễ" vẫn qua nhanh và tù nhân vẫn âm thầm bị giam cầm, nên tù nhân thường hay nói lái là những kỳ "đế lại" tiếp tục học tập cải tạo. Mía mai thay!



Lao động tay chân với những dụng cụ tự chế tại chỗ bằng cọc hàng rào kẽm gai, nhíp xe hơi... Dù "làm việc như trâu" hay đem hết "sức trâu" ra để cuốc, để đào một cặm canh cũng không bao giờ đạt được chỉ tiêu, nên buổi chiều tập họp điểm danh trước khi tan hàng cố gắng, tù nhân thường được nghe cán bộ quản giáo "lên lớp" bằng những lời rao giảng mang bản chất bề hội đồng chủ nghĩa, hay phải làm những bài "kiểm điểm" trong các buổi học tập chính trị một chiều, phịa hết chỗ nói, bịa đặt can hết nói! Công sức lao động kể như trời quớt. Mất tiêu!

Cộng sản đúng là một loại "ma trâu, thần rắt" thấy mà òn! Một loại bản cổ nông có môn bài tử ba đời cao tầng cổ tổ nghe mà khiếp! Nên ngay từ hồi mới "giải phóng miền Nam" các xe máy cày và nông cụ cơ giới đều được chở về miền Bắc hay bị trưng thu biệt vô âm tín. Từ đó mới xảy ra cảnh "sức người" thay "sức trâu", người cày thay trâu. Chẳng phải con người thường xót gì thú vật, nhưng vì nông dân không có máy cày, không có trâu nên đành làm kiếp "người trâu" để kéo cày! Thảm thương chưa! Đáng hận chưa!

Ôi còn đâu cảnh binh dị ở nông thôn mà người ta thường ví von:

*Trâu đen ăn cỏ
Trâu đỏ ăn gà!*

Trâu đỏ là xe máy cày sơn màu đỏ, thường cây thuê và được nông dân trả công bằng tiền hay gà vịt.

Loại trâu đỏ này khi cày, người ta không còn nghe tiếng "tắc tắc, hó, rí" như khi điều khiển trâu đen qua trái, phải, hay dừng lại. Tiếng máy nổ có khi nghe còn đĩnh tai nhức óc là đằng khác. Vậy thì câu tục ngữ "đàn gày tai trâu" trong trường hợp này đúng y chang là không đồng điệu, không cùng tầng số, không cùng chí hướng, không phải là đồng chí đồng... rận thì đừng có nói đến chuyện đấu tranh với... đánh trâu! Người lái máy cày còn không nghe nổi hướng hồ là "trâu máy" thì ăn nhằm con mẹ gì! Làm gì có chuyện tri âm tri kỷ như Bá Nha - Tử Kỳ! Cũng nên biết qua câu chuyện một tý cho đỡ ần ứ:

"Bá Nha là người đời Tống, làm quan đến chức Thượng Đại Phu, có tài chơi đàn rất giỏi. Ông thường phàn nàn rằng trong thiên hạ chưa có ai có thể thưởng thức được tiếng đàn của mình. Một đêm trăng sáng, nhân đi sứ ở nước Sở về, lại có gió mát, cảnh vật nên thơ gọi hứng, Bá Nha bèn cho quân ghé thuyền vào bờ sông Hàm Dương lấy đàn ra gảy. Trên bờ sông, Tử Kỳ vừa đi đốn củi về, nghe tiếng đàn liền dừng lại trộm nghe. Cung đàn đang trầm bổng, đàn lại đứt dây. Bá Nha biết rằng có người rình nghe. Nhưng nơi này vắng vẻ, núi non chập chùng, chắc chỉ có bọn trộm đạo mà thôi, liền cho quân sĩ lên bờ lưng bắt. Tử Kỳ vội lên tiếng đáp: "Tôi nhân là người đốn củi, chợt đi ngang qua đây nghe đại nhân gảy khúc đàn hay nên trộm lắng tai nghe chỗ không phải là người bắt lưng". Bá Nha không tin một gã tiểu phu trẻ tuổi lại biết thưởng thức tiếng đàn tuyệt diệu của mình, liền hỏi: "Ta đàn bản gì ban này đó?". Tử Kỳ không chột ngữ ngay đáp: "Ngài đàn bản Đức Khổng Tử thưởng tiếc thầy Nhan Hồi". Bá Nha có ý trọng người am hiểu tiếng đàn của mình, liền mời xuống thuyền và lên dây gảy một bản đàn khác, nghĩ mình đang ở chốn non cao. Tử Kỳ khen: "Tiếng đàn cao vút, chí của Ngài vợi vợi ở chốn non cao!" (Nga nga hồ chí tại cao sơn). Bá Nha lại đàn một bản khác nghĩ mình đang ở nơi dòng nước chảy. Tử Kỳ lại khen hay: "Chí của Ngài cuộn cuộn như dòng nước chảy!" (Dương dương hồ chí tại lưu thủy). Bá Nha nhìn nhận Tử Kỳ là người tri âm, biết thưởng thức tiếng đàn của mình, nên rất quý mến. Cả hai cùng đàm đạo rất thân mật, rất tương đắc. Bá Nha mời Tử Kỳ cùng về kinh đô nước Tống để chung hưởng giàu sang. Tử Kỳ từ chối vì còn cha mẹ già cần phải phụng dưỡng, không thể trái đạo làm con. Cả hai hẹn đến sang năm cùng hội ngộ ở nơi này. Y hẹn, năm sau Bá Nha vào triều xin nhà vua về thăm nhà, đến chỗ cũ đem đàn ra gảy không thấy Tử Kỳ đâu, tiếng đàn lại nghe như oán như than. Bá Nha sinh nghi, liền tìm đến nhà, hỏi ra mới biết Tử Kỳ đã chết. Bá Nha thương tiếc khôn nguôi, xin đến mộ để thăm người bạn tri âm tri kỷ lần cuối cùng. Đến phần mộ bày đồ tế lễ, Bá Nha than khóc thảm thiết, rồi đem đàn ra gảy một bản điệu ai nghe bi thảm vô cùng. Đàn xong liền đập

vở đàn, thề trọn đời không đàn nữa, vì thiếu bạn tri âm..."

Đập vỡ đàn vì trong đời chẳng còn người tri kỷ tri âm để hiểu được tiếng đàn của mình, chẳng khác gì đem "đàn gãy tai trâu", bởi vì người ta thường cho rằng "ngu như trâu"! Nhưng có điều thật lạ lùng, người ta đã thí nghiệm thành công là bò sữa được nghe tiếng đàn - đàn phong cầm, thì số lượng sữa bò tăng thêm hai lít mỗi ngày. Chứng trình truyền hình của Đức quốc, đài RTL trong mục Explosiv đã trình chiếu kết quả của cuộc thí nghiệm vô tiền khoáng hậu này cho bà con coi. Ngoài ra có đám nhóc tí cũng vắc những chiếc đàn phong cầm cỡ nhỏ để đàn cho lũ heo con nghe, mong cho heo chóng lớn! Chẳng biết kết quả ra sao. Vậy thì nói nhạo báng "đàn gãy tai trâu" hay tai bò... cũng náo nhác phải làm một màn xét lại quã. Nếu cứ im hơi lặng tiếng thì cũng chẳng khác gì đám vô lại chuyên "bôi trâu trát chó" ... bôi tro trát trấu lên mặt nhau!

Xin các bạn tuổi trâu đại xá cho cái tội ham nói láo mà thành thói quen hay quen thói làm lúc gây hiểu lầm tai hại... nghe dễ xa nhau quá trời!

Liên quan với chuyện tai trâu cũng cần nhắc đến chuyện "sợ bắn miệng trâu" của Sào Phủ - Hứa Do. Hứa Do là một bậc cao hiền thời thượng cổ, cùng thời với Sào Phủ, một bậc ẩn sĩ tài đức. Vua Nghiêu nghe Hứa Do là người hiền, muốn nhường ngôi cho ông, nhưng Hứa Do cương quyết từ chối, đi ở ẩn tại núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dịch Thủy. Vua Nghiêu thấy vậy rất kính phục. Một lần nữa vua Nghiêu mời Hứa Do ra cai quản chín châu. Hứa Do bực mình vì nghe mãi chuyện quyền tước, liền ra bờ sông Dịch Thủy để rửa tai. Bấy giờ Sào Phủ cũng đang dắt trâu xuống sông, định cho trâu uống nước. Thấy Hứa Do rửa tai. Sào Phủ hỏi lý do. Hứa Do thuật lại chuyện vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho mình, rồi lại đề nghị cho mình cai quản chín châu, cho nên phải đi rửa tai vì sợ bắn tai. Sào Phủ nói: "Ông đi đâu mà lại nghe người ta nói. Nghe mà đi rửa tai, thì đừng nghe có hơn không!" Nói xong liền dắt trâu lên phía trên dòng nước chảy. Hứa Do thấy vậy liền hỏi: "Sao ông lại dắt trâu lên đó?" Sào Phủ đáp: "Vi tôi không muốn cho trâu uống nước dơ, sợ bắn miệng trâu!"

Ngoài ra trong các cuộc chiến giữa các nước hay giữa các chư hầu của thời Xuân Thu, Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, Hán Sở Tranh Hùng mà nôm na gọi là... truyện Tàu, thì anh trâu cũng xài được nhiều việc. Thí dụ như trước khi ra quân, người ta giết trâu hay giết dê để làm lễ tế cờ. Khi bị địch vây hãm tử bề nhằm lấy thịt dè người như lối chơi bài xì phé; bên ta có thể nên chỉ còn áp dụng phương sách cuối cùng là xua trâu đi càn, cũng xem xem như chiến thuật biến người của thời Vi Xi đánh nhau với Cộng Hòa. Người ta đốt đuốc cột vào đuôi trâu. Nóng đít trâu chạy có cờ vát giò lên cổ, nhắm mắt chạy bừa - dĩ nhiên là cho chạy về hướng địch chủ chẳng ai ngu dại gì lại xua trâu chạy về phía quân ta theo cái lối "đám sau lưng chiến sĩ"! Thế là quân địch hoảng

hốt, hàng ngũ tán loạn, thế trận tiêu tan; phe ta thừa cơ phản công tới tấp để tìm sinh lộ hay rút lui có trật tự "an toàn trên xa lộ... Biên Hòa!". Sau khi kiểm điểm nhón mã, chiến lợi phẩm; phe chiến thắng lại làm một màn "giết trâu để khao quân"!

Bắt chước chiến thuật sử dụng trâu đập chết địch quân trong các cuộc chiến thời thượng cổ, mấy anh chàng chân bò thuộc loại cao bồi miền Viễn Tây Hoa Kỳ đem ra áp dụng trong chiến thuật dùng bò càn tán loạn băng đảng kẻ thù. Thay vì lấy lửa đốt đuôi trâu, mấy ông cao bồi cưỡi ngựa dùng súng bắn tán loạn lên trời làm cho đàn bò hoảng sợ chạy bừa như... bò điên!

Thực ra đến mức liều, đến đường cùng người ta mới dùng đến hạ sách như vậy, chứ trong 36 chước mà ta lại áp dụng "đào vi thượng sách" - chạy trốn là ăn chắc như... bấp thì coi bộ hèn quá! Vì vậy để hình dung những kẻ chơi ngông, chơi trò liều mạng, theo nàng Kiều "một liều ba bảy cũng liều, thử xem con tạo xoay chiều đến đâu", vì chẳng còn gì để sợ mất, chẳng còn vốn liếng gì để sợ "mất cả chì lẫn chài"; thối thì chơi xa láng luôn, vì:

*Trâu đập cũng chết
Bò đập cũng chết!*

Giết trâu để tế cờ, giết trâu để khao quân... số trâu trông vất vả quá sá! Chỉ suồng cho mấy anh dấm dỏ hội tề mặt dày mày dạn, da mặt có khi "dày như da trâu", chuyên ăn trên ngồi trốc có dịp vật trâu làm thịt! Ôi "trâu chết để da, người ta chết để tiếng" - chẳng hiểu sao sau này người ta lại thường nói là "cọp chết để da, người ta chết để tiếng". Da trâu được các hãng thuộc da làm mặt trống, vì da trâu dai và bền. Tiếng trống khua vang trong các ngày quốc lễ, trong các đình, chùa, miếu, v.v... nhắc nhở người ta nhớ đến công ơn của trâu đối với nhà nông, với quân đội. Trâu chết để da là vậy! Chủ còn da cọp, chẳng làm được cái tích sự gì ngoài chuyện nhằm khoe khoang cái tài đi săn cọp của chủ nhân! Kê bắt tài bất tưởng có khi cũng dám đi mua một bộ da cọp về chưng bày trong phòng khách để... dọa thiên hạ chơi!

Cái đuôi trâu trông dị hợm như thế, ngoài cái công dụng trong chiến dịch càn người, còn là một vị cảnh sát viên công lộ tận tâm và chính xác chuyên hướng dẫn "đường đi nẻo về" cho các cụ già nua tuổi tác tai mắt đã kèm nhèm, hay cho các vị thường để tâm trí đi chỗ khác chơi cho đầu óc được thành thời, hay nói khác đi là các vị đã lảm cẩm thuộc loại "thông minh mà chậm hiểu, học giỏi mà mau quên". Vì thế mỗi có câu tục ngữ:

*Lạc đường nắm đuôi chó
Lạc ngõ nắm đuôi trâu*

Trâu cục mịch đến thế mà cũng còn nhỏ rõ đường để về chuồng - chuồng trâu. Vậy đề nghị từ đây chúng ta nên gồm, nên xóa câu "ngu như trâu" dùng để thóa mạ, sỉ nhục kẻ khác. Nói như vậy ẽ làm xúc phạm tàn nhẫn đến loài trâu chăng!

Coi chừng chơi ép nhau quá thì có ngày "trâu lằm bùn thì vấy", dĩ nhiên là vấy dưới trâu rồi. Trâu hay trầm mình dưới vũng bùn cho mát, nhưng khi lên khô thường dùng đuôi vấy vấy và lắc lư thân hình cho bùn khô rơi xuống. Bùn đeo trên mình làm cho trâu khó chịu. Cũng như khi có chuyện bực mình người ta thường hay gắt gòng cau có với kẻ khác để trút nỗi bực dọc. "Giận cá chém thớt" là vậy!

Trong các truyện võ hiệp của Tàu, để thanh toán những ân oán giang hồ, các tên hung thần ác sát đầu trộm đuôi cướp thường hỏi các vị đạo sĩ trước khi đấu chưởng hay đánh kiếm: "- Này lão mũi trâu kia...?" hay là: "- Này lão đạo sĩ mũi trâu kia...?". Chắc chắn không phải các vị đạo sĩ tiên phong đạo cốt đó có cái mũi lầy nhầy to tổ bố như mũi trâu, nhưng có lẽ vì các vị đạo sĩ có mục đích "thế thiên hành đạo", "giữa đường gặp chuyện bất bình chẳng tha" nên đã ngăn chặn những hành vi bất chính của chúng. Vì vậy các tên đạo tặc thường cho rằng các vị đó lúc nào cũng đánh hơi hay để mũi vào chuyện của người khác chăng?

Lão đạo "mũi trâu" thì dẫn thân hành hiệp giang hồ, còn danh sĩ như Nguyễn Du, hồi còn thanh niên lại sống cuộc đời gần gũi mật thiết với nông dân, vui những thú vui của nông dân, thông thuộc lời ăn tiếng nói của nông dân. Ông đã đan dứu với một cô lái đò và đòi cưới cô làm vợ, một lần khác lại nặng tình với những cô thợ dệt.

Một đêm ông đi hát dặm hát với vài đám trai làng. Khi ông tán được gái thì "anh em" lại xúm nhau để phá đám, xem chút nữa đã xảy ra đánh nhau vì dành gái: "Hú vía nhà tôi, một chút nữa đã ra điều ấu dâm". Nếu cần "thượng cẳng chân, hạ cẳng tay" ông vẫn chấp nhận ăn thua đủ với "anh em". Nhưng cuối cùng những người "tinh địch" đã thắng ông lại là:

Một đứa thì dắt mũi trâu từ năm trẻ, tấc tấc hò ri

Một thằng thì cắt cỏ ngựa đến già đời, tưng tưng dạ á!

Nhưng không dễ ai cũng có thể hòa đồng với giới dân dã hay dẫn thân hành hiệp giang hồ. Nhân nhắc đến chuyện kiếm hiệp thì đại đa số tử bằng dân hạ tiện cho đến các vị khoa bảng trí thức, ít ra ai cũng một lần đọc qua các bộ kiếm hiệp của Kim Dung (lẽ ai chưa đọc thì bây giờ cũng còn có hội mượn đọc ở các thư viện). Người nào đang ghiền coi phim tập về tình cảm xã hội, xã hội đen, trinh thám hay võ hiệp thì người đó sẽ thấy được mức độ của cơn ghiền của những người trước đây xem truyện của Kim Dung như thế nào. Hồi mờ ma cộng sản đang còn hoành hành ở miền Bắc thì dân miền Nam hàng ngày đọc Kim Dung ở trang trong (feuilleton) của các tờ báo ở Saigon. Truyện của Kim Dung hấp dẫn người đọc không chỉ vì nhiều tình tiết éo le pha trộn giữa xã hội, tình cảm, trinh thám, võ hiệp mà còn là một pho nghiên cứu về nhiều đề tài vừa bình dân vừa uyên bác. Chuyện của Kim Dung cũng là một liều thuốc an thần để khuấy quên những tháng ngày dài tù tội cải tạo, khi anh em hàng đêm

ngồi nghe một vị có trí nhỏ dai kể lại từng hồi...

Một vài dòng không thể quảng cáo cho truyện võ hiệp của Kim Dung, nhưng ở đây chỉ muốn nhắc đến chuyện con "Trâu Nước" từ bộ Anh Hùng Xạ Điêu đến bộ Thần Điêu Đại Hiệp. Vai chánh là Quách Tĩnh. Cái biệt danh trâu nước do chính Hồng Thất Công, Bang Chủ Cái Bang, tức là vua của đám bị gây ản mây- một trong năm vị Vô Lâm Ngũ Bá đứng thời là Đông Tà, Bắc Cái, Tây Độc, Nam Đế và Vương Trùng Dương- vị ân sư của Quách Tĩnh đặt cho. Dĩ nhiên Quách Tĩnh không đến nỗi có "tuồng trâu", trông "quê mùa trâu tía cục mịch", nhưng bản chất thật thà ngay thẳng và tuồng tá chắc nịch như "trâu cù" nên mới cười được Hoàng Dung là cô con gái rượu của Đông Tà Hoàng Dược Sư, đào chủ Đào Đào Hoa.

Như thế thì thật đặt cho câu "châu tầm châu, mã tầm mã". Đây là châu ngọc và mã nã dùng để làm đồ trang sức. Của quý thì đi tìm của quý, người tài giỏi tìm người thanh lịch. Trai tài gặp gái sắc. Anh hùng gặp thuyền quyên! Chẳng hiểu từ đâu lại sinh ra câu "Trâu tầm trâu...", có lẽ do cách phát âm khác nhau giữa hai miền Nam Bắc, chữ "ch" đọc thành chữ "tr" nên châu thành trâu chẳng? Để rồi thành một câu tục ngữ khác là "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã". Mã ở đây có nghĩa là ngựa. Cả hai câu trên đều cùng một ý nhưng lại đối nhau về bản chất tốt xấu. Câu sau để ám chỉ lũ "đầu trâu, mặt ngựa" thường tìm đến với nhau để làm chuyện bất chính, bất lương!

Cùng một ý nghĩa đó, trong bài "Chính Khí Cđ" của Văn Thiên Tường cũng có câu :

Ngưu ký đồng nhất tạo

Kê thế phụng hoàng thực.

(Trâu với ngựa ở cùng một tào

Phụng với gà đậu chung một chỗ)

Người quân tử và kẻ tiểu nhân lẫn lộn với nhau khó phân biệt. Chính vì có những lẫn lộn giữa người thiện và kẻ ác, người tốt và kẻ xấu nên mới xảy ra những cuộc đụng độ, gây nhiều cảnh "tai bay vạ gió" lằng nhách, "trâu bò húc nhau, rưỡi muối chết!" một cách lằng xẹt! Ngoài ra còn nhiều ca bị ngộ nhận trắng trợn, bị hiểu lầm một cách xà bậy có thể đi đến chỗ đánh đấm nhau hà rằm cũng chỉ vì ganh tị về quyền lợi hay miếng dính chung "trâu cật ghét trâu ăn".

Cuối cùng chắc phải gây áp lực làm "diễn tiến hòa bình" trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy" như chuyện "nước giếng không xâm phạm nước sông" cho tiện việc sổ sách, để mai kia mốt nọ khỏi phải thấp thòm ra tòa kiện tụng nhau, trông mặt mặt bầu cua cá cộp quá cỡ thợ mộc!

Muốn hưởng được cảnh thái bình thịnh trị đó, thì xã hội không còn những kẻ ản không ngồi rồi, chuyên ngồi lê đôi mách, đem chuyện nọ xọ chuyện kia làm vui câu chuyện trong các buổi trà dư tửu hậu. Nếu ai cũng biết rằng có làm mới có ăn, làm "hùng hục như trâu cày", không thể trông nhờ mãi vào kẻ khác thì chẳng hề xảy ra lời ong tiếng ve như cảnh của hai chị em nhà nọ phần nà:

Chồng em đâu phải trâu cày

Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm!

Cũng vừa vừa phải phải thôi! Bà chị chắc là chưa chồng hay là quyết tâm ở giá cho mẹ nuôi ăn một nghỉ, nên nhờ "dưỡng nớ" qua làm tiếp việc nhà. Mà ở nhà quê thì chẳng có việc gì hơn là việc đồng áng. Ông dưỡng tốt bụng, mỗi "cày ngày chưa đủ tranh thủ cày đêm" bên nhà bà chị vợ! Bà em chỉ hứa cho bà chị mượn tạm ông chồng ban ngày mà thôi, chủ để ống quần quật cả ngày cả đêm bên nhà bà chị, thì bà em làm sao chịu đời cho thấu!

Nhưng bà chị có số "trâu chết không khỏi rơm" luôn luôn nhờ vả kẻ khác hay được kẻ khác giúp đỡ, muốn tránh cũng không được! Thiên tạo đã định như vậy thì phải cam chịu vậy, như trâu khi sống cần rơm để ăn, khi chết cũng cần rơm để người ta thui cho cháy sạch lông. Tránh trời không khỏi nắng là vậy !

Bà em lo là lo cái danh giá chung của gia đình; lo cho mình loạng quạng mất đức ông chồng; lo cho ông chồng làm việc quá độ đến sức tàn lực kiệt; lo cho bà chị "lúa gần rơm lâu ngày cũng bén", "khôn ba năm lờ đại một giờ" để phận liễu này nét ngang mà người ta nghe ban AVT hát hồng một cách tàn nhẫn "...cái bầu ba tháng thì trông thấy liền!" để phải mang tiếng với bång dân thiên hạ là không chồng mà chửa! Hễ mỗi lần mang bầu... tâm sự đi ra khỏi nhà, gặp đám "cò hồn cát dâng trời đánh thánh vật không chết" củi đời lời ca của Phạm Thế Mỹ mà hát móc lờ rằng "...Bây giờ mấy tháng rồi hỏi em?". Lời ca của ông nhạc sĩ là "bây giờ tháng mấy" nghe rất ư là tình tử hoa mỹ như rửa, thế mà "đám du thủ du thực" dành đoạn chơi khăm đám đối lại là "mấy tháng" nghe tục cộc cịch được! Mà theo tục lệ ngày xưa thì làng nước bắt nàng chịu... quả phạt đền mấy con trâu! "Con trâu là đầu sự nghiệp", là cả một gia sản, làm sao đem đến cho làng nổi! Thế cho nên người con gái lờ vận đành xin mẹ cha bỏ nhà trốn đi, đợi ngày sinh nở mẹ tròn con vuông mới dám trở về:

Phên phênh lớn giữa lớn ra

Mẹ đi con chẳng ở nhà được đâu

ở nhà làng bắt mất trâu

Cho nên con phải dầm đầu ra đi!

Câu ca dao nghe cũng náo nề thảm thường làm sao!

Cái giai cấp nhất sĩ, nhì nông dưới thời phong kiến chỉ trọng vọng người có học, có khoa bảng cho nên cỡ như Trần Tế Xương tức Tú Xương, dù có thi đỗ Tú Tài vào năm Giáp Ngọ 1894 cũng chẳng ăn nên làm ra được gì. Nghèo mặt rệp những tính tình hào phóng, thích chúng diện se sua, cũng ngựa xe chơi bởi "cò dậu, thỏ dừ" như bực giàu sang.

Ông may mắn có được bà vợ hiền giỏi đản, đảm đang, quán xuyến tất cả công việc của chồng. Nhờ đó ông mới nhàn nhả ăn chơi, sáng tác lu bù mặc dù sống trong cảnh nghèo túng. Nếu câu "nước loạn mới biết tôi trung, nhà nghèo mới hay con thà" thì chính trong cảnh nghèo kiết xác đó bà Tú Xương mới đem hết tài nết vợ ra giúp chồng, buồn

bán tào tần quanh năm để nuôi nấng dạy dỗ đàn con, để cho chồng được rảnh trí trau dồi kinh sử, phục vụ sự nghiệp văn chương:

...
Quanh năm buồn bán ở ven sông
Nuôi nổi đàn con với một chồng
Lặn lội thân cò không quãng vắng
Eo sèo mặt nước lúc dờ đông!

Tính ông lại ngồng nghênh bồng bình, không chịu gò bó vào một khuôn mẫu nào cả. Vì vậy dù thông minh nhưng bao lần đi thi ông đều bị đánh hỏng vì lỗi "phạm trường quy". Thôi đã chẳng muốn thi đỗ để ra làm quan đuổi thời nho học suy tàn, giai cấp nho sĩ đã bị xuống dốc một cách kinh khủng, ông làm thơ trào lộng để châm chích mình, châm chích đời, châm chích xã hội, châm chích người... Không làm quan thì về quê... làm ruộng, vui với con trâu cái cày, bởi:

Hán tự, chẳng biết Hán
Tây tự, chẳng biết Tây
Quốc ngữ cũng mù tịt
Thôi thôi về đi cày!

Trồng ngô và trồng đậu
Cấy chiêm lại cấy mùa
Ăn không hết thì bán
Bán, đã có Tây mua.

Được tiền thì mua rượu
Rượu say rồi cười trâu
Cười trâu thế mà vùng
Có gã cũng không đau!

Ăn lương hàm chính thất
Thôi thôi thế cũng xong
Ví bằng nhà nước dụng
Phải bỏ tòa Canh Nông.

Xưa tổ tiên ta đâu phải là những chuyên gia xuất thân từ ngành Canh Nông, nhưng đã dày kinh nghiệm, rành sâu câu để chọn trâu, mua trâu, bởi con trâu là cơ nghiệp của nông gia, nên việc chọn trâu cũng là một trong ba việc khó khăn cho một đời người:

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà
Trong ba việc ấy thật là khó thay!

Tùy theo nhu cầu, chúng ta mua trâu để ăn thịt hay mua trâu để cày cấy thì nên chọn:

Trâu thịt thì gầy
Trâu cày thì béo

Mua trâu về làm thịt, thì nên mua trâu gầy ốm, giá rẻ hơn. Về nhà tiếp tục nuôi cho béo cho mập, rồi đem bán lại thì sẽ có lời. Còn mua trâu về để cày thì phải mua trâu béo mập, có sức mạnh đem về nhà để cày ngay. Mua trâu gầy nhom về nhà chờ cho trâu béo mập để đi cày thì kể như toi công. Gầy thì chẳng cày bữa làm ăn gì nữa mà mong!

Nhưng không phải thấy con trâu nào béo mập thủ lù cũng mua ngay, hay thấy con trâu gầy nhom ốm yếu thì lại chê bai cho là ế độ. Chọn mua trâu bò, người ta còn phải coi "trâu hoa tai, bò gai sừng". Tai trâu có vân hay sừng bò xu xi là thuộc giống tốt.

Ngoài ra những bậc phú nông, những ông điền chủ giàu tiền lắm bạc lại nuôi trâu để làm giàu, bởi:

*Muốn giàu thì nuôi trâu nái
Muốn lụn bại thì nuôi bò cày*

Nuôi trâu nái thì mỗi lứa trâu đẻ vài ba con- con nghé. Nuôi nghé vài năm lại đem bán. Chỉ có nhà giàu mới đủ điều kiện để nuôi trâu nái, vì phải thuê người canh giữ, chăm sóc- gọi là trẻ mục đồng hay trẻ chăn trâu. Còn nuôi bò cày chỉ để ăn thịt, như bò cày hằm, bò cày quay, để ăn trứng hay bán bò cày con- bò cày ra ràng chủ chẳng được cái tích sự gì. Hàng ngày còn nghe tiếng bò cày gặm cỏ buồn như chấu nghiền. Rồi bỗng một mai buồn vui sự đời, bò cày âm thầm dọn nhà đi mất tiêu, chỉ để lại cho chủ vô số phân tha hồ mà quét dọn!

Thời chuyện nuôi bò cày nên dành cho những vị phú nông ăn no rủng mủ, nghèo mà học làm sang hay mới phát giàu như chuyện ngờ nghếch "Thằng Bờm và cái quạt mo":

*Thằng Bờm có cái quạt mo
Phụ ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng:- Bờm chẳng lấy trâu!
Phụ ông xin đổi một xâu cá mè
Bờm rằng:- Bờm chẳng lấy mè!
Phụ ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng:- Bờm chẳng lấy lim!
Phụ ông xin đổi con chim dơi mồi
Bờm rằng:- Bờm chẳng lấy mồi!
Phụ ông xin đổi nắm xôi, Bờm cười!*

Thế nhưng trâu nái, của cải ruộng nương dù có quý nhưng làm sao bằng con mình- nhất là con gái đầu lòng:

*Ruộng sâu, trâu nái
Khổng bằng con gái đầu lòng.*

Con gái đầu lòng khi lớn khôn có thể giúp cha mẹ trông coi nhà cửa, chăm sóc em út hay có thể phụ làm mùa màng, gặt hái. Khi trưởng thành có nhiều nơi dòm ngó, dạm hỏi, cha mẹ có dịp đòi neo cưới, bắt chú rể tương lai ở rể nhà mình vài ba năm khởi khởi để làm việc không công! Những cái mối nguy canh cánh bên lòng là nhà có con gái, chẳng khác chi nhà chứa bom nguyên tử không biết sẽ bùng nổ vào lúc nào! Một lần tình cờ nào đó chợt thấy cô con gái cùng của mình đầu hót lia chia với cậu con trai ngoài ngõ, thì bậc làm cha mẹ thấy lòng thấp thòm lo sợ; bởi tuổi trẻ thường bằng bột "hữu duyên thiên lý năng... thương ấu" nên đôi khi làm khổ cha mẹ vô cùng! Thực ra thì tình trạng cũng không đến nỗi dễ dàng hư đốn như ở xã hội Âu Tây vì người con gái thường được thừa hưởng nết na đoan trang của mẹ, được sự giáo huấn thâm nghiêm của cha. Tuy nhiên khi các cô thấy trong người có nhiều đổi khác, ngực lớn (*hoa cải to*), thân hình này nở, tình cảm biến đổi, biết mơ mộng buồn vui thì đã đến tuổi trưởng thành, lo lắng đến chuyện lập gia đình; trẻ lắm thì mất duyên, hết thời xuân sắc chẳng còn trai tở nào đoái hoài tới! Cũng chẳng khác gì trâu bò một ngày nào đó chợt thấy trong nhà chủ có đám tang, mua nhà bằng hàng mã (*nhà táng giấy*) chuẩn bị đốt cho người chết. Thế là nhà chủ

có đại tang, hẳn là sẽ có nhiều bà con chòm xóm đến dự. Thay vì giết heo hay gà vịt như thường lệ, lần này trâu bò biết chắc là chủ sẽ thịt mình, nên dăm ra lo sợ:

*Con gái thấy hoa cải to
Như trâu bò thấy nhà táng giấy*

Chỉ mong các cô đừng đặt cho cha mẹ cái chuyện đã rồi, "*đặt con trâu trước cái cày*" để phải lo chuyện hôn nhân đại sự cho mình.

Trong khi cha mẹ âm thầm đau lòng xót dạ, thì kẻ bàng quang đang chờ đợi cảnh "*máu dẫu, trâu dờ*" để tìm đến hay được mời để chèn đong rượu mua vui. Ngày xưa làm gì có các lò thịt giết trâu bò cỡ lò heo Chánh Hưng hay công ty Vissan ở Bình Triệu, nên khi giết trâu thì máu dấy ra lai láng, người khác rất dễ biết. Thực tình hạnh người đến chung vui này chỉ mong tìm đến những nơi có đặc quyền đặc lợi, dù phải khom lưng cúi gối họ cũng làm để mong hưởng chút danh lợi, chẳng khác gì lũ kiến lũ rười- mà thuộc loại "*rười trâu*" đánh hơi:

*Thốt có tanh tao, rười mời dậu
Mâm không mật mỡ, kiến bò chui!*

Hạng người này thường thấy "*hơi đồng thì mề*", nên họ rất nhanh chân trong các cuộc đua giành giật tội danh "*ăn cổ đi trước, lội nước đi sau*". Đùng để tâm trách hạng người này không có nhân tính, đập trên thân xác đồng đội để tiến thân. Họ có tình dẫu mà trách cho một tâm mật trí mình. Họ chỉ biết "*trâu chậm uống nước đục*"! Phải nhanh tay, nhanh chân hơn nữa để chiếm hết hưởng trọn và khuấy cho nước bẩn để kẻ đến sau chỉ còn thừa hưởng của dờ! Chán ngán thay!

Rồi việc gì cũng theo thời gian trôi qua. Chuyện cười hồi cũng xong. Cha mẹ đôi bên chờ tin mừng mới, có con cháu nối nghiệp ông cha. Nhưng xin ráng mà tránh:

*Trâu đẻ tháng sáu
Cháu đẻ tháng mười.*

Trâu đẻ là mừng, nhưng lại đẻ nhằm vào tháng sáu là tháng cần cày bừa thì gây trở ngại vô cùng cho vụ mùa! Có cháu là quý, nhưng sinh cháu vào tháng mười là tháng nhằm mùa gặt thì lấy ai ở nhà để trông nom cháu đây. Kẹt quá!

Cháu đẻ phải có người chăm sóc, trâu đẻ cũng phải có người chăn nuôi. Chăn trâu (giữ trâu) và nuôi trâu là hai việc khác nhau.

Chăn trâu là một cái thú, như nhạc sĩ Phạm Duy trong bài "*Em Bé Quê*" đã ca rằng: "*Ái bảo chăn trâu là khổ? Không, chăn trâu sướng lắm chứ!...*"

Nhưng với thằng Cuội, thì chăn trâu là một hình phạt bị dày lên mặt trắng vì tội nói dối:

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Thấy trâu ăn lúa gọi cha ối ối
Cha còn cắt cỏ trên trời
Mẹ còn cười ngựa đi chơi ngoài đồng!*

Xưa kia trên trời, chăn trâu cũng là một chức vụ giao phó cho chàng Ngưu Lang (chàng chăn trâu). Tục truyền rằng cháu gái của trời là nàng Chức Nữ (cô gái dệt lụa) được ông trời thưởng gả cho chàng Ngưu Lang. Nhưng từ khi lấy chồng, Chức Nữ lười biếng việc canh cửi, khiến trời giận mới chia

rẽ mỗi luồng duyên mỗi người một nơi, lấy sông Ngân Hà ngăn cách và một năm chỉ cho gặp nhau một lần vào đêm thất tịch (mùng bảy tháng bảy). Trời bắt lũ quạ đội đá bắc cầu gọi là cầu Ô Thước cho hai người gặp nhau. Hai người gặp nhau khóc lóc thảm thiết, nước mắt đổ xuống như mưa, nên ta thường gọi là mưa Ngâu- do chữ Ngưu đọc trại ra! Thực ra trong tháng bảy trời thường hay mưa và mùa quạ thay lông, nên ta cho là quạ vì đội đá làm cầu Ô Thước mà sói đầu!

Tuy nhiên không phải ai chăn trâu lam lũ cũng là thành phần ít học không cần trọng vọng. Đời nhà Đường có Lý Mật là một gã thú sinh nghèo nhưng tính lại ham học. Mật phải đem thân chăn trâu thuê, vừa cưỡi trâu vừa treo sách ở sừng trâu mà đọc. Gọi là "*ngưu giác quai thư*" hay được gọi tắt là "*quai giác*". Gừng giác học như ông này thì hầu như đã tuyệt tích giang hồ từ khuya rồi! Vậy ta cũng cần suy nghiệm lại về câu tiên tri tuông số của lão thầy bói quẻ quạng sờ mu rùa nào đó:

*Tưởng người trán ngắn đầu to
Quanh năm chỉ biết chăn bò chăn trâu!*

Trong lịch sử nước ta cũng có vị *vua chăn trâu*. Đinh Tiên Hoàng (968 - 980) tức Đinh Bộ Lĩnh, ra đời vừa đúng giữa khi lịch sử Việt Nam đang trải qua một giai đoạn hắc ám trên 30 năm, kể từ Dương Tam Kha thoán nghịch đến loạn 12 sứ quân, dân chúng lầm than không kể xiết. Đinh Bộ Lĩnh là con của Ông Đinh Công Trữ, giữ chức Thủ sứ Hoan Châu về đời Dương Đình Nghệ và Ngô Vương Quyền. Cha mất sớm, ông cùng với mẹ về quê sống cuộc đời hoàn toàn thảo dã gần như mất hết dấu vết quý tộc trước. Nhưng ngay từ khi còn thơ ấu, ông đã có những cử chỉ và khí phách khác người. Ngày thường chơi với các bạn là những trẻ chăn trâu ngoài đồng, ông bắt chúng phải khoanh tay làm kiểu rước ông đi chơi. Ông lại sai chúng lấy bông lau làm cờ và bày thế trận đánh nhau. Các trẻ đều tôn ông làm đàn anh. Tới tuổi trưởng thành uy tín của Đinh Bộ Lĩnh ngày càng vang dội, dân trong vùng theo ông rất nhiều. Sau đó ông và con trai là Đinh Liễn sang Bồ Hải Khẩu thuộc phủ Kiến Xương tỉnh Thái Bình theo sứ quân Trần Minh Công. Từ đó Bộ Lĩnh tiến dần trên đường sự nghiệp. Sau khi nhà Ngô mất, ông lần lượt dẹp được loạn 12 sứ quân và được dân chúng tôn là Vạn Thắng Vương, lập nên nhà Đinh.

Cuối cùng là việc *nuôi trâu*. Nuôi trâu là một *kỹ thuật, một nghệ thuật ấn nhân chờ đợi thời cơ*. Có hai điển tích về việc nuôi trâu chờ thời trong lịch của Tàu và của ta cũng cần biết đến:

Bá Lý Hề chăn trâu. Bá Lý Hề, tự là Tỉnh Bá người nước Ngưu, trên ba mươi tuổi mới cưới vợ và sinh được một trai. Vì ở nước Ngưu không có người tiến cử, Bá Lý Hề không thể tiến thân được, nên muốn tìm sang xứ khác để đem tài trí ra xây dựng sự nghiệp. Ngặt nỗi nhà nghèo, vợ con không nổi nương tựa. Đố thị biết ý chồng, khuyên nên ra đi đừng bận bịu gia đình làm cản trở chí tiến thân của người nam nhi. Để tiễn chồng lên đường, nhà nghèo không có gì, chỉ có một con gà, nhà

lại thiếu củi, Đồ thị liền lấy tám phen của làm củi để làm một bữa tiệc mọn tiễn chồng ra đi lập thân danh.

Qua nước Tề, Bá Lý Hề cũng không có ai tiến dẫn, trong túi lại không có tiền, nên phải đi ăn xin ở đất Chết. Trong thời gian này Bá Lý Hề đã hơn bốn mươi tuổi và gặp được một người tên là Kiến Thúc kết làm bạn. Nhà Kiến Thúc cũng nghèo nên Bá Lý Hề phải đi ở vườn giữ trâu để kiếm thêm tiền. Một thời gian sau, hai anh em nghe bên nước Châu có Vương Tử Đối là người ưa thích trâu. Những người nuôi trâu đều được trọng dụng. Bá Lý Hề qua Châu được Vương Tử Đối hậu đãi. Nhưng Vương Tử Đối tuy có chí lớn nhưng kém tài và ưa tin dùng những kẻ gian nịnh, nên Bá Lý Hề muốn trở lại nước Ngụ để lập nghiệp và sum họp lại gia đình. Nhưng khi trở về, thì nước Ngụ cũng mất về tay nước Tấn, vợ con cũng bị thất tán. Vì có ân oán với Bá Lý Hề, nên khi Tấn gả con về Tần, vua Tấn muốn có người theo dũa dậu, Chung Chi Kiều mới tiến cử Bá Lý Hề tháp tùng cốt để trả thù. Bá Lý Hề biết rõ âm mưu của Chung Chi Kiều muốn làm nhục mình, nên trốn qua nước Sở và bị bọn thợ săn bắt về đem về bắt nuôi trâu. Nhờ có biệt tài nên Bá Lý Hề nuôi trâu ngày càng béo tốt và sinh sản nhiều. Sở Vương hay tin liền cho đòi Lý Hề đến truyền cho giữ ngựa của nước Sở ở Nam Hải.

Vua Tần là Tần Mục Công khi nhận văn thư của vua Tấn, thấy thiếu Bá Lý Hề trong đám người đưa dậu liền hỏi Công Tử Chấp. Công Tử Chấp thưa: - Bá Lý Hề là người hiền tài. Biết việc can ngăn vua Ngụ không được nên không khuyên can, đó là trí. Theo về Tấn mà không tham quyền tước, trọn nghĩa với vua Ngụ, đó là trung. Vốn Bá Lý Hề là người có tài kinh bang tế thế, nay vợ con thất lạc nghe đầu qua nước Sở. Chắc Lý Hề đã sang đất Sở rồi.

Tần Mục Công liền cho người sang nước Sở dò xem tin tức, mới hay Lý Hề hiện đang nuôi ngựa cho vua Sở ở Nam Hải. Tần Mục Công định cho Công Tôn Chi đem hậu lễ sang nước Sở rước Lý Hề về Tần. Công Tôn Chi cho rằng Sở không biết Lý Hề là người hiền nên bắt chẵn ngựa, nay nếu Tần mang trọng lễ để rước về, chắc chắn Sở biết Lý Hề là người tài thì đời nào cho Lý Hề đi. Nay ta mượn cớ Lý Hề dũa dậu mà bỏ trốn, tìm cách dũa lễ vật, năm bộ da dê, sang Sở đòi bắt Lý Hề về rấn trị là xong. Vua Tần y tấu, quả nhiên rước được Lý Hề về Tần cho giữ chức Thượng Khanh nắm giữ quyền binh trong nước. Sau đó vợ Lý Hề nghe tin cũng tìm đến và gia đình lại được đoàn viên.

Đào Duy Tử chán trâu. Đào Duy Tử sinh năm 1572 tại làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Ông có tư chất thông minh, biết rành binh thư đồ trận, lại giỏi cả về khoa lý số, nhưng thuộc con nhà xướng ca nên dù học giỏi đến đâu cũng không được đi thi vì thân sinh của ông là Đào Tá Hán làm Quản Giáp trong nghề ca xướng, rồi lại được thăng chức Linh Quan trông nom đội nữ nhạc trong Đại Nội, triều vua Lê Anh Tông. Vì vậy, ông quyết chí vào Nam, đến phủ Hoài Nhơn tức là phủ Bồng

Sơn, tỉnh Bình Định ngày nay. Ông vào thôn Tùng Châu ở vườn cho một nhà giàu nơi đây để giữ trâu. Ông được quan Khâm Lý Trần Đức Hòa mến tài gả con gái cho, rồi tiến cử với Chúa Sãi, tức là Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635). Chúa Nguyễn dùng ông làm chức Nội Tán. Gặp được thời cơ, ông liền đem hết tài sức ra giúp Chúa Nguyễn để lo sửa sang việc binh bị và bày mưu cho Chúa Nguyễn chống lại Chúa Trịnh. Ông có công lớn trong việc đắp lũy Trường Dục ở huyện Phong Lộc trên sông Nhật Lệ ở Đồng Hới (Quảng Bình), tục gọi là Lũy Thầy (Dưới triều vua Thiệu Trị gọi là Định Bắc Trường Thành, tức là Lũy Nhật Lệ).

Ngay từ thuở còn hàn vi, Đào Duy Tử đã tỏ rõ chí khí của mình qua văn thơ và tự ví mình như Gia Cát Lượng lúc còn ở ẩn nơi núi Ngọa Long, nên ông đã làm bài "*Ngọa Long Củng Vãi*", viết thể lục bát. Ông còn lưu lại sau này bài "*Tứ Dung Vãi*" viết theo thể lục bát trường thiên và một bộ binh thư nhan đề "*Hổ Trường Khu Cư*". Đào Duy Tử mất ngày 17 tháng 10 năm Giáp Tuất, được phong tước hàm là Tân Trị Dục Văn, Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Đại Lý Tự Khanh, tước Lộc Khê Hầu. Ông được xem như là một vị khai quốc công thần triều Nguyễn Sơ.

Viết về trâu, nói về trâu, liên quan méo mó xiên xỏ về trâu cũng không nói hết được công trạng của trâu. Không gì tốt hơn là hãy trở về câu chuyện "*Lục Cảnh Tranh Công*" để nghe sáu con gia súc kể công trạng của mình: trâu, ngựa, chó, gà, dê, lợn. Trâu thì rằng làm ăn vất vả, có công sinh ra thóc, gạo, bắp, đậu. Chó thì rằng có công coi nhà, giữ trộm. Ngựa thì rằng có công đưa chủ đi quán về quê, đánh đống dẹp bãi. Dê thì rằng có công trong việc tế lễ. Gà thì rằng có công gáy sáng, xem giờ. Lợn thì rằng có công trong việc quan-hôn-tang-tế.

Riêng về trâu, xin lắng *nghe trâu kể chuyện mình:

*Trâu mới mệt, trâu liền năn nỉ
Một mình trâu kể nỗi gian nan:
Lóng canh gà vừa mới gáy tan
Chủ đã gọi thẳng chân vội vã
Đạy rằng: Đuổi trâu ra thảo dã
Cho nó ăn ba miếng đồ lòng
Chúa bao lâu thoát đã rạng đông
Vừa đến buổi cây bừa bua việc
Trước cổ đã mang hai cái niết
Sau đuôi thêm kéo một cái cây
Miếng đã dằm, mũi lại giòng dầy
Trên lưng ruid bầu, dưới chân đĩa cần
Trâu mệt đã thờ dài thờ vắn
Người còn hầm hét mắng ngược mắng
xuôi*

*Liệu vừa dửng bóng mới thôi
Đói hòa mệt, bước khôn dời bước
Ai thông thả, trâu nào biết được
Trâu nhọc nhằn ai để thế cho
Cây ruộng sâu, ruộng cạn cho no
Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở
Làm không kịp thờ,
Ăn chẳng kịp nhai
Tám mùa chài gió chi nài
Đạp tuyết, giày sương chi sá
Cổ trâu, sấn tầm, tổ, lúa, má
Không trâu, không hoa quả, đậu, mè*

*Lúa gặt cất lên, đã có trâu xe
Lúa chất trữ lại, để dành trâu đập
Tủi tháng giêng cho đến tháng chạp
Kể xuân, hè nhẩn đến thu, đông
Việc cây bừa công vụ vừa xong
Lại xe gỗ dầm công liên khời
Bất luận xe rào, xe cũi
Nhẩn đến loài phân, bồi, tranh, tre
Hết bao nhiêu nhất thiết của chi
Thì đã phủ mặc trâu chuyên chở
Bao quán núi non hiểm trở
Chi nài khe suối dầm dề.*



Các bạn tuổi Trâu thân mến,

Nghe trâu kể công trạng mình chắc các bạn cũng hài lòng hả dạ, cũng đỡ tủi cho thân phận mình đã nai lưng ra làm chuyện nhà, đem "*sức trâu*" ra gánh vác chuyện đời, tham gia chuyện tranh đấu... trâu đánh; lắm lúc còn bị kẻ khác phang cho một câu không chút tiếc thương: "*đồ ngu như trâu*".

Tuy nhiên các bạn cũng nên hành diện là con giáp của mình đã đi vào văn học gần gũi thiết thân với giới nông dân. Đó cũng là một an ủi to lớn, bởi cuộc sống nông nghiệp vẫn còn, nông dân vẫn còn, mặc dù mối quan tâm mà xã hội dành cho thôn quê và dân quê đã giảm sút rất nhiều.

Ngoài ra, phải tròn một chu kỳ 12 năm, con trâu của bạn mới được ngự trị cuộc đời ở trực một lần. Một lần để chúng ta có dịp nhắc lại, nhớ lại những câu ca dao tục ngữ liên quan đến cái cây và con trâu, để tự nhận thức rằng trí óc của những tên đàn ông con trai theo thời gian đã lụn bại vì chẳng còn nhớ được bao lâu hay cũng chỉ nhớ lờ mờ quên đầu quên đuôi. Thậm chí đến quý bà quý cô cũng với dần cái kho ngôn ngữ truyền thống của dân tộc đã được truyền thừa do các bà mẹ, bà nội, bà ngoại qua các câu hò, câu đố hay câu hát ru em...

Các bạn tuổi Trâu cũng chẳng lấy đó làm buồn cho "*gầy mòn tằm thân trâu*", bởi xã hội ngày càng công nghiệp, kỹ nghệ hóa nên khung cảnh sinh hoạt cũng thưa dần bóng người dân quê. Vì thế trong kho ngôn ngữ tiếng nói của họ cũng hao hụt dần. Mà ngôn ngữ là chất liệu của văn chương, nên chúng ta e rằng sẽ đi đến chỗ mất dần nền văn học nông thôn và chỉ còn lại nền văn học thành thị trong giao tế hàng ngày!

Thế thì có lúc nào các bạn ước mong sẽ có một ngày trở về nông thôn để được thi thắm: - *Trâu ơi ta bảo trâu này...!*

(Hamburg, 20.11.96)

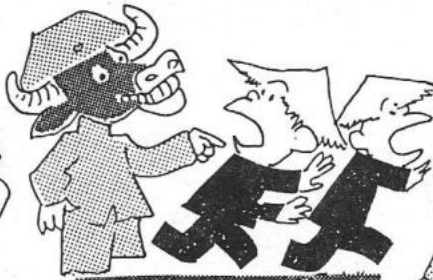
Tài liệu tham khảo:

- Dương Quảng Hàm: Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển
- Lê Gia: Tâm Hồn Mẹ Việt Nam - Tục Ngữ, Ca Dao
- Phạm Văn Sơn: Việt Sử Toàn Thư
- Trịnh Văn Thanh: Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tử Điển
- Văn Hạc: Truyện Kiều Chú Giải
- Võ Phiến: Tạp Luận.

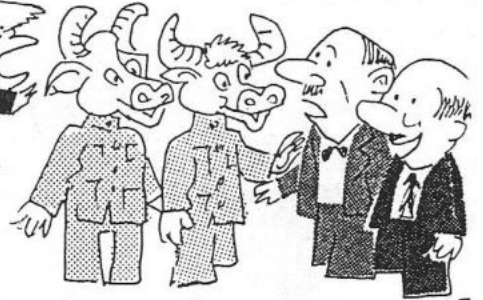
KHOẢNG KIẾN NÀO CŨNG VƯỢT QUA, KẾT THỦ NÀO CŨNG ĐÁNH THẮNG. ĐỂ QUỐC PHÁP ĐỂ QUỐC MỸ THUA TO NAY CẤP ĐỘ QUỐC DOANH THÌ TA TỶ SỐ PHẢI LẤY NÓ LÊN.



YÊU NƯỚC LÀ YÊU X.H.C.N, YÊU X.H.C.N LÀ YÊU LỰC CÁN BỘ ĐÁU TRẤU MẶT NGỰA NÀY.

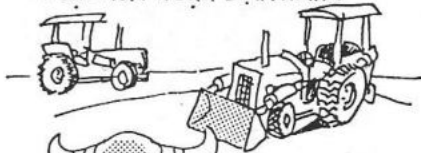


QUÍ VỊ ĐỐI HỒI LUẬT KINH TẾ LUẬT ĐẦU TƯ CŨNG ĐỂ THÔI. XIN CHỜ ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI CHÍNH QUYỀN VÀ ĐỔI ĐỔI THA HỒ MÀ MẮN ẮN Ở VIỆT NAM. CHUYỆN ĐÓ SẮP ĐẾN RỒI, ĐỪNG LO

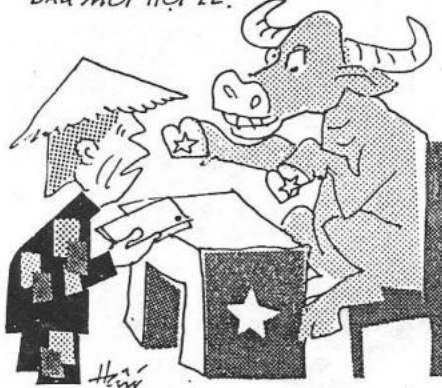


Chợ Trâu năm ĐÌNH SỬ

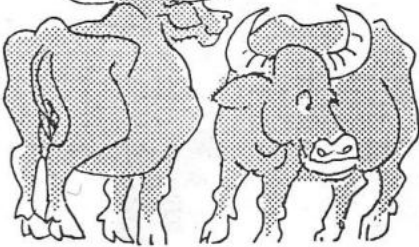
CHÚNG TA PHẢI ĐẤU TRANH GIẢI CẤP ĐÁNH ĐỘ TUI MÂY CÂY MÂY LÌ ĐỪNG ĐỂ NƠ ĐÀO THẢI TUI TRẤU NGỰA BỌN MINH.



HỆ THỐNG HÀNH CHÁNH ĐÃ ĐỔI MỚI ĐUỔI KỊP VỚI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG NÊN MỖI THỦ GIẤP TỶ NAY PHẢI ĐỒNG 4 CÓN ĐẤU MỖI HỘP LÊ.



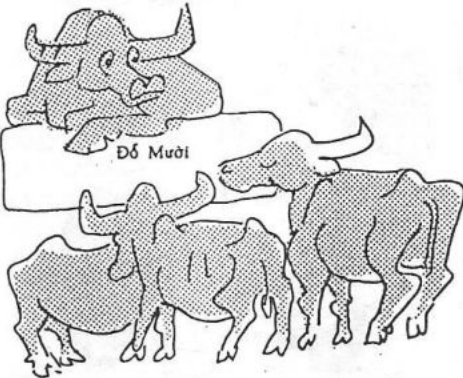
ĐOÀN THANH HIỀN C.S. HỒ CHÍ MINH BÂY GIỜ LÀ GẢI ĐIỂM NGHIÊN HUÍT KHÔNG HỀ, CHỈ CÒN CỎ LƯ TRẤU BỎ TUI MINH MỖI LÀ ANH HUÍT LẠO ĐỒNG THỜI.



ĐỂ BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN 21 ĐẢNG C.S.VN TIẾN LÊN CÔNG NGHỆP HOÀ HIỆN ĐẠI HOÀ VĂN MINH HOÀ BẢNG LẬP TRƯỞNG CÓN TRẤU BỊ TRƯỚC CÁC CÂY ĐI SAU...

CHO MÂY RA NƯỚC NGUỘI ĐỂ CÂY NÀT HĂNG NGUỘI ĐAM VIỆT KIỂU BỜ KHÔNG PHẢI ĐỂ TIỂU TIẾN DO LA CỦA ĐẢNG ĐÁU NHÀ!

QUẦN ĐẤU TRẤU MẶT NGỰA NÀY CỎI VẬY CŨNG ĐỂ ĐAI BẢO CHỈ CẦN LÌ XÌ CHO NƠ LÀ MỌI VIỆC ĐỀU ẸM ĐẸP NGAY.



TRÍ THỨC VÀ VĂN NGHỆ SĨ MUỐN SỐNG YÊN THÂN ĐƯỢC CHẾ ĐỘ X.H.C.N. NÀY THÌ PHẢI NƠI GIƯỜNG MÂY CÓN TRẤU ĐÓ LA QUỐC SÁCH

ĐỂ TRỞ THÀNH CÓN RỒNG ĐỒNG NAM Á THÌ TA PHẢI LẤM CÓN TRẤU CHO ĐẢNG & NHÀ NƯỚC MẠI SẠO ĐÁI ĐƯỢC TỰ MINH CỎ SÙNG ĐẠI MÀ

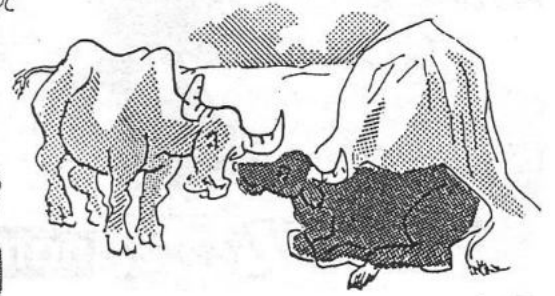
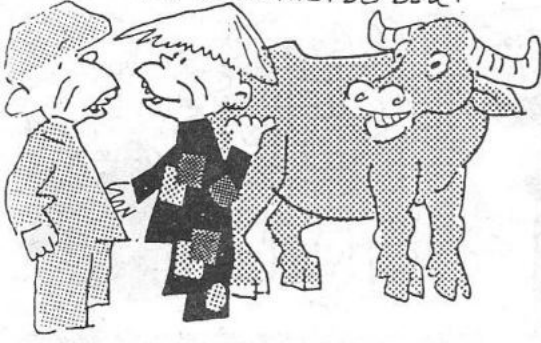
MUỐN VỀ NƯỚC PHỤC VỤ X.H.C.H CÁC BẠN CHUYÊN GIA PHẢI HỌC TẬP KÈO CÂY NHƯ ĐAM TRẤU, MỖI ĐƯỢC CHỌN LỰA LÃ ĐƯỢC Ừ Ừ ĐAI



ĐỒNG CHÍ THỜI SỬU NÀY LÀ CHUYÊN GIA NÔNG NGHIỆP TỰ THỜI ĐỒ ĐÁ ĐẾN ĐỒ ĐỒNG VÀ BÂY GIỜ LÀ THỜI ĐỒ ĐỀU.

VĂN NGHỆ SĨ VÀ TRÍ THỨC ĐỐI VỚI ĐẢNG CŨNG GIỐNG NHƯ CON TRÁU MUỐN CỜ TRỞI HAY MUỐN CỘT LẠI LÚC NÀO CŨNG ĐUỒI.

TA CHẴNG CẦN PHÂN ĐÀU ĐỂ TRỞ THÀNH CON RỒNG NĂM 2000 TA KIỂM BẠI CON RỒNG NÀO ĐÓ CỜ LÊN CUNG SƯỜNG VẬY!



TỔ MÃ CÓ NHAN SẮC NHƯ MÂY CÔ TỔ VỀ THANH PHỐ LÀM GÁI MẠI DÂM SƯỜNG HƠN LÀM NGHỀ NÔNG KHỜ LẮM. MỘT CỜ HAI BA TRỒNG

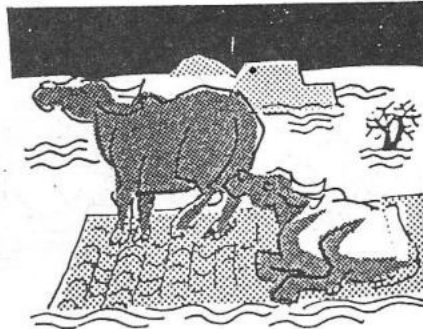
ĐỒ THẤY CHƯA VIẾT KIỂU BẾN MỸ HÒ KÉO CÂY DỪ LẮM
(TÔI NGHIỆP HỒNG! BỜ BẾN ĐỒ KHÔNG CÓ TRÁU BỜ SAO MÃ.)



ĐỌC THƠ BÊN V.N NÓI CHUYÊN GIẢ MÃ ANH SỢ HẾT HỒN VẬY?
— NGUY RỒI! HỒ XIN IT NGĂN ĐỂ ĂN TẾT BÂY GIỜ BIẾT TÌNH SAO?
VẬY LÀ CHẾT ANH RỒI.

NHỜ TRẦN LUT MIỄN TÂY TỤI MINH ĐƯỢC Ở TRÊN MÃI NHÀ ĐÀ CHÙ VẬY LÀ CÁCH MANG VẬY LÀ ĐẤU TRANH GIẢI CẤP VẬY LÀ ĐỐI ĐỐI

THÔI CỜ CỠ! ĐỪNG NGHE LỜI MẬP THẮNG V.C. Ở BẾN ĐỒ HỌ LÀM OVER TIME VÃ LÃNH LƯƠNG ĐÚP BỜ NHIỀU TIỀN QUÁ CỜ ĐỒ



HÀNG LÀ CHÔNG SẬP CƯỜI CỦA CON. ARE YOU OK THỜI THÌ CON ĐẶC ĐÀU MẸ CHÀNGỒI ĐỒ VẬY

NƯỚC MINH SẢN XUẤT LÚA GAO ĐÚNG VÀO HÀNG THỨ BA THẾ GIỚI MÃ NÔNG DÂN KÊU ĐỐI. CHẮC RỒI ĐÂY ĐẾN NĂM 2000 HỌ TIẾN TỚI AN CỜ NHƯ TỤI MINH THỜI

BỜ ĐĂNG, KHI ĐỀ ĐÀM TRÁU, NẬY KÉO CÂY KHÔNG NÓI SAO LẠI ĐI THỈNH ĐÀM CHUYÊN GIA V.N. Ở NGOÀI QUỐC VỆ PHẢ MINH SAO CHỮ



Cô bạn năm xưa

• Hồ Trường An

Tôi rời bỏ Việt Nam, sang Pháp định cư vào năm 1977. Với số tuổi 38, tôi có thể hưởng về tương lai để làm lại cuộc đời. Nhưng cuộc đời trên đất khách của tôi hết thất bại này sang thất bại khác. Cho nên khi đối diện với cái tương lai khép kín cánh cửa sơn đen, tôi đành quay về quá khứ. Nhưng than ôi quá khứ của tôi chỉ có một quãng đời sáng sủa rất ngắn, còn thì là những quãng dài tối tăm có nhiều tiếng thở dài, có nhiều cơn khóc thầm cúi gượng.

Quãng đời thanh xuân của tôi ở tỉnh Vĩnh Long, sau năm 1954 là quãng đời sáng sủa và thơ mộng nhất. Cho nên tôi trân quý, cất giữ nó vào kho tàng cảm hứng bao la để đêm đêm tôi trải lên trang giấy bàn thảo của từng quyển tiểu thuyết kế tiếp nhau.

Thấm thoắt mà đã 15 năm tôi sống ở tỉnh Troyes, trong vùng Champagne. Vì không rành làm cá nên từ đó tới nay tôi không hề ăn món cá nào dù là cá lóc, cá trê, cá bống lau đông lạnh từ Việt Nam hay từ Thái Lan chở qua. Và có lần đi đến siêu thị Tang Frères của người Tàu tại quận 13 Paris, tôi xây xẩm choáng váng vì mùi sầu riêng. Hồi còn ở quê nhà tôi mê vừa ăn sầu riêng vừa nhấm nháp cà-phê đá. Vậy mà giờ đây tôi không thể ăn bánh kẹp sầu riêng, kẹo sầu riêng, kem sầu riêng thì nói chi ăn từng múi sầu riêng vừa tách ra khỏi vỏ. Chín năm xa quê hương, thói quen, sở thích của thời sống nơi cố hương của tôi đã đánh mất tự bao giờ... May mà tôi

còn thích ăn xoài, ăn nhãn, ăn măng cụt, lôm chôm...

Và cái sở thích gặp những người bạn cùng trang lứa đã từng chào đời tại lãnh thổ đất Vĩnh Long đối với tôi là cái gì nguyên vẹn và đậm đà nhất.

Tôi có khá nhiều bạn cùng quê Vĩnh Long ở hải ngoại. Hầu hết đó là những người không thích văn chương hoặc đó là những người không có kiến thức văn chương sâu rộng và chín chắn. Nhưng ai cấm họ khen chê tác phẩm viết về cuộc đất Vĩnh Long vào các thập niên 30 hoặc vào đầu mùa nền Đệ nhất Cộng Hòa của tôi? Họ thường viết thư hoặc gọi điện thoại để nhắc nhở biết bao kỳ niệm thuở đất nước thanh bình mà Vĩnh Long lại lọt vào vùng trù phú nhất.

Một hôm, một tháng bạn đã từng học cùng tôi bốn năm dưới mái trường Cao Tiểu Vĩnh Long đề nghị:

- Lóng rày ở các siêu thị Á Châu ở quận 13 có bán cá cơm đựng trong bịch ni-lông từ Việt Nam chở qua. Mấy lên chơi nhà tao đi. Bà xã tao mà làm món cá cơm tẩm bột chiên giòn, hoặc món cá cơm kho tương hột thì tuyệt cú mèo.



Lên Paris chơi nhà tên bạn này thì vui thiệt, tha hồ mà nhắc chuyện cố hương. Ngặt vì vợ chồng nó cùng tôi củ chuyện văn thâu đêm suốt sáng nên cả ba đều mệt dữ, giấc ngủ mấy đêm kế tiếp của tôi bị xáo trộn, lấy lại nhịp điệu bình thường một cách khó khăn.

Một chị bạn tuổi ngoài lục tuần, quê tuy ở Vĩnh Long, nhưng lấy chồng Bắc Kỳ. Chị tập cho chồng ăn nước cốt dừa, ăn rau giấp cá nên riết rồi anh ta đâm ra ghiền hai thứ này.

Anh chàng rể đất Vĩnh Long kia hề gặp tôi là nhắc cái món thời trần ở Vĩnh Long như xoài, ốc gạo, hến, cá cơm. Chị bạn của tôi có thể mua xoài gọt vỏ, ướp lạnh cho chồng tráng miệng. Chị cũng có thể mua cá cơm để tẩm bột chiên giòn hoặc kho tương. Nhưng chị không thể làm nem cá cơm và mắm cá cơm. Muốn làm nem và mắm phải có thứ cá cơm tươi để cho thịt nem và con mắm hồng hào và ngọt béo. Chị không thể tìm được hến để nấu canh mướp và rau tập tàng. Chị không thể tìm ốc gạo để luộc với lá ổi, lá bùi, lá sả để chấm thịt ốc vào nước mắm chanh. Cho nên họ cần gặp tôi để nhắc nhở các món thời trần nơi cố quán khó thể tìm lại

đó. Và sau những món ăn đó là từng dây, từng giọt, từng xâu kỷ niệm xỏ khoen, kết chùm với nhau, hiện rõ trên tấm màn hồi ức của chủ lẫn khách.

Đối với người xa quê hướng vào lửa tuổi 18, 20, họ có say mê đeo đuổi tương lai và thời bím riết quá khứ. Nhưng đối với những kẻ xa đất nước vào tuổi gần 40 như chúng tôi, lại gặp nhiều thất bại trên bước mưu sinh thì quá khứ trên quê cha đất tổ là một mối ám ảnh khác nghiệt, tàn nhẫn và khó thể người ngoại.

Cố hương, quá khứ, đó là những hành trang quá nặng nề đè nặng lên vai, lên lưng, lên tâm não của tôi. Tôi bịt mắt bưng tai với hiện tại, và cố xua đuổi cái viễn ảnh dọa dẫm và sẫm buồn của tương lai.

Một buổi chiều nhàn rỗi, tôi pha trà uống chơi. Đây là thứ trà Biao do một cô bạn thăm Việt Nam về tặng. Màu nước trà tuy hơi xanh xanh, nhưng không thuộc loại trà "Thái Đức", uống vào dễ ngủ.

Bỗng chuông điện thoại reo. Bên kia đầu dây, một giọng eo éo cất lên:

- Ông H.T.A biết tôi là ai không?

Một giọng khá quen. Một giọng của dĩ vãng xa xăm. Nhưng tôi không dám xác quyết là giọng của ai. Cho nên tôi ngáp ngừng:

- Nghe giọng hơi quen quen, nhưng tôi chưa nhận ra giọng ai.

Người đồn bà bên kia đầu dây cười hềnh hếch:

- Ông dò quá! Đoán thêm nữa đi. Hãy kiên nhẫn một chút mới được.

- Tôi chịu thua. Đành mang tiếng dở vậy. Nhưng bà là ai mới được?

Người đồn bà đổi giọng cười chế giễu thiệt đồn dã, thiệt khoái chí:

- Chưa chi mà ông đầu hàng sớm. Lê Thanh đây! Người bạn đồng hương tỉnh Vĩnh Long của ông đây. Coi bộ giờ đây ông lẩn lộn rồi đa.

Tôi sửng sốt một thoáng ngắn. Thì ra đây là con Lê Thanh ba trốn bốn tròn, con Lê Thanh Việt Cộng. Thành tích của nó đã được một số dân Vĩnh Long đồng trang lứa với tôi phổ biến trong quãng thời gian 1958 - 1960 mãi tới lúc nó lên Sài Gòn để tránh búa rìu dư luận. Số là Lê Thanh đang học lớp Đệ Tử A2, trường Tổng Phước Hiệp vụt ốm cái hoang thai 3 tháng, phải bỏ thi bằng Trung Học Phổ Thông và phải lên Sài Gòn tìm nơi khuất lánh để phá thai.

Vận sự Lê Thanh ốm hoang thai chẳng ai lấy làm lạ. Đó là thứ gái thềm trai như voi lồng ngựa vía. Có lạ chăng là với tấm nhan sắc lu mờ bệnh hoạn, vậy mà nó vẫn kiếm được một tên đực rựa nào đó để được đường sự bóm cho nó một cái bầu.

Lê Thanh xấu gái từ thuở nhỏ. Nó không có cơ hội nào để đẹp. Ngay từ thuở mới dậy thì, nó có nước da xanh xao, sắc mặt bệnh hoạn, bàn tay như mằm gùng khô; trông nó như bị mang chứng huyết trắng kinh niên. Về tiểu sử của cái con Trời di đất hồi đó, không phải chỉ có vậy mà thôi đâu! Ngoài cái hoang thai kia, nó và con Trần Thị Lựu ở trường Long Hồ có mối nối với bọn Việt Cộng nằm vùng. Vào năm 1958, con Lựu bị công an

truy nã. Nhờ không nằm trong cùng một tổ chức, nên con Lưu không khai con Lê Thanh cùng nó "chiến đấu trong lòng địch" (sic) do chủ trương của bọn Việt Cộng. Mãi tới năm 1960, con Lê Thanh mới bị phát giác. Nó lẹ chớn trốn lên Sài Gòn. Chính tại đây nó làm giấy tờ giả, đổi tên họ, đổi ngày sanh tháng đẻ, đổi luôn sanh quán.

Ít lâu, Lê Thanh xin vào làm thợ kỹ cho nhà in Thâm Lũ, chài được ông chủ lớn hơn nó 16 tuổi. Ông này là rể của một nhà thơ lớn ở đất Hà Tiên. Vợ ông Thâm Lũ ghen muốn phát điên. Sau hết, bà đành giao chồng cho con Lê Thanh, qua định cư luôn bên Pháp, cốt để săn sóc thằng trưởng nam ăn học.

Năm 1977, khi qua Pháp định cư, tôi gặp lại con Lê Thanh. Nó qua Paris trước tôi một năm. Nó véo von như chim chào bèo:

- Tui qua Pháp bằng đường chánh thức. Vợ ông Thâm Lũ làm giấy bảo lãnh cho tui và hai đứa con trai của tui. Kế ra bà cũng có lòng đó chứ.

Tôi ngỡ ngỡ lời tiết lộ của con nha đầu này có cái gì không ổn. Đời này mà có một bà vợ lớn bảo lãnh cho tình địch mình qua Pháp sum hiệp với mình kể cũng là siêu lắm. Khi tôi hỏi thăm ông Thâm Lũ thì Lê Thanh bảo:

- Ông kẹt một vài công việc, sẽ qua sau, lâu lắm là hai năm.

Ít lâu, những chỗ quen biết của tôi trong vòng Cộng đồng Kiều bào ở Paris có vài tiếng thì thăm rằng con Lê Thanh mọc nổi được với nhóm Việt Kiều Yêu Nước ở Paris để mở chiến dịch kiều vận. Nhưng khi nó mon men đến Trại tạm cư Centre Ricci (*) ở vùng Clichy (phía Bắc Paris) thì nó phải đội ngược. Kiều bào ở trại này mới vừa rời khỏi các trại tỵ nạn ở Thái Lan, ở đảo Bidong, ở Hồng Kông không nhiều thời ít vẫn còn cảm hận bèn nhon lủ Cộng Sản. Đến Centre Ricci, Lê Thanh chỉ nghe toàn những lời tố khổ, những lời nguyền rủa chia về cái chủ nghĩa mà nó hằng đeo đuổi; cho nên nó chột dạ, không dám hó hé một lời dụ khị kiều bào hưởng về chủ nghĩa và ngọn cờ mà nó hằng chiêm ngưỡng. Nhưng tại Centre Ricci, Lê Thanh quyến rũ được một tên Tây lai, cháu chổng của chị bếp. Tên này nhỏ hơn nó 17 tuổi. Thuở đó, dân tỵ nạn gồm đồn ông nhiều hơn đồn bà. Đồn bà ở hải ngoại trong giai đoạn đó quý như vàng. Tên Léon dúi gái kia được con Lê Thanh chiếu cố thì nó đại gì mà chẳng xơi tái xơi chín mụ nạ dòng đa tình đa dâm kia? Nhưng rồi cơn đói gái khát tình kia chóng qua. Léon được một vài cô gái trẻ đẹp chiếu cố nên hẳn đá đít Lê Thanh của chúng ta; khi cả hai gặp mặt nhau, hẳn không thêm chào hỏi người đồn bà đã từng ăn nằm với hắn.

Vì bận công kia việc nọ, tôi ít khi gặp Lê Thanh. Năm 1982, tôi có cộng tác với một nhóm thanh niên ở quận 11, dám trách một tờ báo biểu không cho kiều bào quay bằng ronéo. Lúc đó, Lê Thanh có một tiệm thực phẩm Việt Nam ở đường Crozatier cũng thuộc quận 11. Á ta thường lân la đến tòa soạn của tờ báo ấy, tình nguyện giúp đỡ cắt xén và đóng bìa. Nó tiếp xúc với nhiều thanh niên, vừa trở chiến dịch kiều vận, vừa ve vãn

từng đứa. Nhưng nghiệt thay, đây là những thanh niên chuộng lý tưởng chứ không phải là hạng dê non, chẳng hề thấy lỗ ở đâu là xâu ở đó. Thêm một lần thất bại nữa, Lê Thanh nhè lại say mê thằng Đặng Đức Hải, một tên "gay" tuy ngoài 40 tuổi mà vẫn còn trẻ trung tuổi mát. Hần ăn nói điệu đà, củ chi phàng phất nét nữ tính. Hải là bạn thơ ấu của tôi, lớn hơn tôi một tuổi.

Rồi đó, từ năm 1986, Lê Thanh vắng mặt trong các hội đoàn kiều bào ở Âu Châu. Hỏi ra, nó hốt hai đứa con trai của nó qua Texas, rồi từ Texas nó lên Washington D.C. Sau cùng, nó tuột xuống California để hoạt động suốt bốn năm.

Tôi hỏi:

- Hiện giờ bà ở đâu mà gọi tôi vậy?

Lê Thanh vẫn giữ giọng sôi nổi và láu táu như thuở nào:

- Tui về Paris cũng đã trót năm rồi. Tui về Pháp với thằng lớn, để thằng út ở lại bên Texas cho nó tiếp tục học việc. Thằng con lớn của tui đã tìm được việc làm tại Paris rồi, ông à. Còn tui, hề rành rang là tui đi chùa. Hôm nào có dịp đi Paris chơi, xin mời ông ghé thăm tui. Tui bây giờ mộ đạo lắm, ông ơi! Hề rành rang được chút ít là đi chùa Khánh Anh hoặc chùa Quan Âm để làm công quả. Ông mà thấy bàn thờ Phật ở nhà tui là ông hiểu cái mộ đạo của tui ra sao rồi. Chùa có nhà nào dọn được một cái bàn thờ Phật trang nghiêm như nhà tui.

Tôi bỗng giựt mình dờm dộp. Có một tên bạn đồng hướng, quê quán ở Vĩnh Long cũng như Lê Thanh và tôi, hiện ở Texas. Cách đây vài năm, có lần hắn viết thư cho tôi biết rằng khi ở Texas, Lê Thanh "quậy" dữ lắm. Texas có Hội Ái Hữu Kiều Bào Vĩnh Long & Sa Đéc & Trà Vinh. Phần nhiều dân gốc ba tỉnh này một khi được định cư trên đất nước Huê Kỳ thường tìm về tiểu bang đó.

Vận sự Lê Thanh rời nước Pháp qua Huê Kỳ để "quậy", tôi tạm cho rằng à ta đổi hưởng công tác kiều vận theo chỉ thị của "lệnh trên". Nhưng nguyên nhân phụ của chuyến đi của Lê Thanh cũng không kém giựt gân. Từ năm 1986, qua sự trung gian của tôi, Lê Thanh tìm gặp lại cô bạn cũ tên Nguyệt Yếng của nó. Chồng của mụ này là một nhà văn khủng, hề gặp đồn bà là đòi hun. Nhưng hẳn là thủ khủng khôn, chỉ thích hun những người đồn bà đẹp và không thích "mì" những loại đồn bà kém nhan sắc hay mẩy mụ nái xề như vợ nó. Lúc đầu, văn giới đình ninh hẳn khủng, đã 5 lần vào Dưỡng Trí Viện để chạy điện nên không ai thêm chấp nhứt hẳn. Nhưng hẳn đi đêm rồi cũng có ngày gặp ma. Có lần hẳn đòi "mì" một nữ sĩ tướng đối để coi. Và chưa đợi phản ứng của nữ sĩ, hẳn nhào tới y thị. Bất tình linh, nữ sĩ giáng cho hẳn một cái tát tai nẩy lửa. Từ đó, hẳn chữa luôn chuyện đòi hun đồn bà đẹp.

Không hiểu nhà văn khủng kia gieo chiểu cảm gì cho Lê Thanh mà à ta dám ra si mê hẳn. Tuy nhiên nhan sắc của nó chưa đủ ma lực để tên nhà văn khủng đòi hun. Nhưng à ta cứ mượn cớ đi thăm Nguyệt Yếng để ve

vãn chổng của bạn. Riết rồi Nguyệt Yếng ngửa mắt, xài xề Lê Thanh trước mặt số đông bạn bè quen thân. Lê Thanh chửi mụ Hoạn Thở kia là "con đi lậu". Nguyệt Yếng chửi con dâm phụ nọ là "con ngựa trường đua Phú Thọ!" Thiệt ra, từ khi qua định cư bên Pháp, Nguyệt Yếng sống bằng nghề may lậu, tức là lãnh đồ may của nhà thầu về may ở nhà, không khai báo về vụ thuế má. Mụ ta vốn yêu thằng chổng khủng của mình, sức mẩy mà làm nghề đi lậu. Lại nữa, với vóc mình heo nái, với khuôn mặt chữ bị nụ khuôn mặt nữ danh hề Túy Hoa, thì mụ đâu có muốn trác nét lẳng loàn cũng không được.

Sau trận đánh giặc miệng với Lê Thanh, Nguyệt Yếng bắt đầu đem quăng đời thiếu nữ hư thân mất tiết của Lê Thanh ra bêu xấu, báo hại à ta không dám chổng mặt ở mọi cuộc hội họp của kiều bào tại Paris.

Bên kia đầu dây, tiếng Lê Thanh theo thọt và eo éo:

- Bây giờ tui ở gần Gare du Nord. Đây nè, địa chỉ của tui đây. Ông hãy lấy viết ra ghi đi. Ông mà ghé nhà tui, tui sẽ nấu canh chua cá bông lau, kho cá hướng với tướng hột cho ông ăn là ông mê liền.

Tôi rấm rập làm theo lời con dâm phụ có cái miệng không lành da non kia. Và tôi mừng tượng lại con Ngô Lê Thanh ở xóm Đất Thánh Tây, trong thành phố tỉnh Vĩnh Long năm xưa năm xưa. Xóm này ở gần sân vận động. Từ con đường tráng nhựa bằng qua nghĩa trang dành cho người Pháp hoặc dành cho những kẻ giúp việc cho người Pháp đưa vào nhà Lê Thanh phải men theo lối đi đắp đất. Xóm của Lê Thanh gồm những nhà của bọn dân nghèo từ thôn quê lên tỉnh định cư vào thời chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh. Toàn là nhà lá xen lẫn nhà tôn. Nhà của Lê Thanh gồm một căn hai chái, mái lợp lá, vách ván bồ kho, căn lẩn chái đều rộng. Ba má của nó có bốn mặt con. Chị lớn của nó tên Nhân học trường Cao Tiểu Vĩnh Long, trên tôi hai lớp. Khi tôi ngồi năm thủ hai ban Thành Chung thì chị Nhân đã đệ tập bằng Thành Chung, xin gì chần giám thị trường tôi. Kế chị Nhân là anh Diễn, chần trên tôi một lớp. Dưới Lê Thanh có cậu em trai út tên Long.

Bàn ghế nhà ba má của Lê Thanh bằng gỗ trắc, gỗ thao lao. Lư hương bằng đồng trên bàn thờ được thay thế bằng cái bát cắm nhang bằng sành trắng vẽ bông chàm. Cặp chân đèn bằng đồng cũng được thay thế bằng cặp chân đèn đeo bông cây và bào lạng. Đồi liễn kiếng treo ở hai bên tấm ảnh truyền thần của ông bà nội Lê Thanh trên vách được tô điểm bằng rỗng, phụng, dơi, tiên ông, tiên nữ, bằng nhiều màu sắc lòe loẹt. Nhà khá giả trong các thập niên 40, 50, 60 thì chúng lư hương, chân đèn bằng đồng và chúng liễn mun nổi chữ thép vàng hoặc liễn sơn nổi chữ thép vàng.

Khuôn viên của Lê Thanh hơi nhỏ, chỉ có vài công đất, kể luôn chiếc sân trước. Bên hông nhà là cây chùm ruột. Sau nhà là cây khế chua. Trong sân, ba của nó không bày một chậu cây kiếng hay chậu bông nào. Ông bày những chậu trồng cây lá cấm, những chậu trồng hành, những chậu trồng gừng,

những chậu trồng riêng, những chậu trồng khóm rau tần dầy lá. Sát hàng rào bằng cây, ống trồng những bụi lá dứa, những bụi sả, những khóm cây bồ ngót.

Chị Nhân nấu xôi lá cẩm thiệt đẹp và ngon dễ sợ! Lá cẩm chỉ lớn cỡ cái vỏ hến, khi giã nát thì nước cốt có màu tím, nhuộm xôi hoặc nhuộm lớp dưới của bánh da lợn thì xôi có màu tím hoa sim, còn lớp dưới bánh có màu tím đẹp như ngọc. Chị Nhân cũng ưa nhuộm xôi và lớp trên của bánh da lợn bằng nước cốt lá dứa. Xôi trở nên đẹp như cẩm thạch, còn lớp trên của bánh da lợn có màu bích ngọc lộng lẫy; đã vậy hột nếp của xôi lẫn bột của bánh đều thơm ngan ngát.

Nhắc tới Lệ Thanh, tôi hình dung ngay xóm của nó ở, cá Đất Thánh Tây, tức là khu nghĩa trang mà tôi vừa kể. Tôi tưởng tượng ngay được những nắm mộ bằng xi-măng cốt sắt, mộ bằng granito hướng lẫn mộ bằng lam thạch, bằng đá hoa cương. Phần nhiều những ngôi mộ đó có cắm cây thánh giá ở đầu mộ. Tôi cũng có thể hình dung những cây sao cao vút trong nghĩa trang, những dây mười giờ đơm đầy hoa đỏ thắm trong chung quanh mộ và ở hai bên lối đi từ cổng vào cuối nghĩa trang.

Xóm Đất Thánh Tây! Trong cuộc đất làng vàng bóng âm hồn đó có cô nàng Ngô Lệ Thanh có một bộ mặt tâm lý kỳ kỳ, có một cuộc sống tình dục suồng sã và trớ trêu. Lệ Thanh từ khi mới lớn ưa rình xem anh con trai của ông chủ xe đồ Vinh An vạch quần đi tiểu. Anh ta bảo vợ đến méc má của Lệ Thanh để bà ta dùng roi mây bổ xuống đít teo ngắt của à ta, giáo huấn à ta về khuôn nếp và lễ thói của gái nhà lành.

Lật bật mà đã trên 40 năm rồi. Tôi đã gần tới tuổi 60, còn Lệ Thanh chắc cũng cỡ ngũ tuần rồi. Nhưng à ta vẫn còn giữ giọng dào lẳng chót chết xí xon.

Lệ Thanh nhắc lại:

- Nhỏ đến thăm tui nghen. Tụi mình cùng nhắc lại chuyện Vinh Long, nhắc tới trường Tống Phước Hiệp, thối thân trường Nguyễn Thông, thối thân luôn trường Cao Tiểu Vinh Long. Có vậy chuyện thế sự mới mặn mòi hơn, cuộc đời mới nên thơ hơn.

- Nghe nói ông Thâm Lữ sang Pháp cách đây 10 năm. Ông và bà được tái hiệp với nhau. Vậy mà cỡ sao bà lộn nài bẻ ống đi qua Huế Kỳ vậy?

Lệ Thanh rên rì:

- Ông An ơi, từ khi qua bên Tây tui có nhiều cỡ hội cặp bắp non. Sau đó, bắt tui xuống mía già thì tui chịu làm sao thấu, hà ông?

À ta lại hỏi:

- Còn ông? Tình cảm ông độ này ra sao?

Tôi chán nản:

- Thì vẫn như hồi bên nhà. Thì vẫn như hồi 10 năm trước, từ khi đặt chơn lên nước Pháp. Người ta mua bán *cao đơn hườn tán*. Còn tui, tui chỉ mua cái thú *cô đơn hoài chán*, chứ không làm sao bán cái thú ấy được.

Lệ Thanh cười hề hề:

- Tội nghiệp quá vậy sao? Riêng tui, về cuộc sống tình ái, tui làm những cuộc phiêu lưu kỳ thú. Cái thú nhứt nhất như ông, đờn bà chề là phải.

Và rồi những ngày sau đó, vào các tối cỡ 9 giờ, Lệ Thanh điện thoại cho tôi để nói chuyện tào lao. Cuộc điện đàm thường kéo dài 5 hoặc 10 phút thôi. Thành thạo, tôi nhận được thú của nó, đôi khi kèm tấm bưu ảnh chụp những kỳ quan thắng tích miền Nam nước Việt. Và cũng đôi khi có tấm ảnh chụp phong cảnh tỉnh Vinh Long của chúng tôi: cảnh bến chợ cá của tỉnh, cảnh dòng sông Long Hồ, cảnh bến đò trảy qua cù lao An Thành, cảnh chiếc cầu Thiêng Đứơc với sườn sắt lốt ván.

Tôi bỗng dâm ra ghềnh giọng của Lệ Thanh. Giọng đó không trong như nước suối Vinh Hào, không ngọt như nước mía, nước cam pha mật ong. Nó theo thọt, eo éo, lên cao thì vừa chát vừa chua, còn xuống trầm thì nghệt hơi, hụt hơi. Nhưng những câu chuyện dĩ vãng trên đất tổ ông cha vẫn làm cho giọng đó thân mật biết bao, nồng nàn biết mấy!

Rồi bỗng bặt đi hai tuần, Lệ Thanh không gọi điện thoại cho tôi. Tôi phải điện thoại cho nó. Bên kia đầu dây, chuông vẫn reo lừng đọt lạnh lạnh, những không ai trả lời. Chén trà buổi tối hôm đó bỗng nhạt nhẽo hẳn đi và vàng trắng rằm ngoài bao lơn không còn thi vị nữa.

Nhưng sau đó hai hôm, cũng vào buổi tối, Lệ Thanh điện thoại cho tôi. Tôi mừng quính hỏi:

- Hai tuần nay, bà đi đâu mà bặt tăm bặt tích vậy?

Lệ Thanh cất giọng véo von nồng nhiệt:

- Tui đi qua Texas thăm thằng con út tui.

Chén đi, tui không ngờ gặp nhiều con bạn cũ cùng lớp với tui và với con Nguyệt Yếng.

Tôi không lấy lạ. Tiểu bang Texas là nơi qui tụ rất nhiều kiều bào gốc gác ở ba tỉnh Vinh Long, Trà Vinh, Sa Đéc. Cho nên mỗi dịp Tết ban chấp hành Hội Ái Hữu Kiều Bào Texas gồm những người sinh quán ở ba tỉnh đó có tổ chức hội chợ Tết, nơi đó có bán bánh tét, bánh ú Trường An, nem Vũng Liêm, nem Nha Môn, dưa kiệu Đồng Hính. Trường An là tên cái chợ gần bến bắc Mỹ Thuận, Vũng Liêm là quận thuộc tỉnh Trà Vinh, Nha Môn là quận thuộc tỉnh Sa Đéc, còn Đồng Hính là tiệm nước khách trú tại chợ Vinh Long nổi tiếng mì, hủ tếu, hoành thánh, xiu mại, bánh bao...

Lệ Thanh có vẻ hững hờ chưa từng có:

- Đi Texas, tối đầu tui cũng gặp dân Vinh Long, dân Trà Vinh, dân Sa Đéc để nhắc lại chuyện xưa. Ai ai cũng bàn tán tới cái Tết sắp tới. Một con bạn gốc Trà Vinh hăm he sẽ bán món bún nước lèo. Còn tui, tui muốn làm món bánh phồng khoai, nhưng tìm mua được khoai mì thì chắc không dễ đâu ông. Chắc Tết này tui sẽ qua bên Texas bán món nem cá cốm, ông nghĩ coi có hợp thời không? Tìm không được cá cốm thì tui thế cá anchois. Mèn ơi, ông chưa biết tài của tui đâu. Món nem cá cốm của tui mà ăn với bún, thịt luộc xắt mỏng, rau ghém, nước mắm chanh ớt thì những ai trường trai cũng phải bỏ cuộc ráo troi.

Tôi tấm tắc:

- Bà mà tình việc gì thì cũng xuôi rớt.

Lệ Thanh đắc chí:

- Thiệt tình, tía má tui sanh ra tui; nhưng ông bà chưa chắc hiểu tui bằng ông. Vậy để đáp lại tấm tình tri kỷ, tui nhứt định sẽ làm mai một con bạn gốc tỉnh Sa Đéc cho ông. Năm nay nó mới 50 nhưng còn tút, còn muốt, răng chưa hư cái nào; tuy tóc có vài sợi bạc. Nhưng nó nhuộm tóc khéo lắm ông à. Mỗi nhìn qua, đồ ai biết đó là tóc nhuộm. Con bạn này thích văn chương của ông lắm đó. Hề tác phẩm nào của ông vừa mới ra là nó mua cho bằng được. Nó bảo tui rằng hề gặp nữ nhơn vật đẹp nào trong còn tút, còn của ông nó cũng thấy dường sự giống nó ở một vài điểm. Coi bộ nó cảm ông lắm rồi đó, không thuốc thang nào chữa khỏi. Nó bảo tui rằng dù ông xấu như thằng gù ở nhà thờ Đức Bà, nó cũng ưng ông làm chồng. Ông mà ứng nó rồi, nó không cho ông đi làm việc. Ông chỉ ở nhà viết văn cho nó đọc mà thôi.

Tôi buột miệng:

- Cô nào mà khủng dữ vậy?

Lệ Thanh cười hăng hắc:

- Đồi mà ông. Có người vậy thì phải có người khác mới tạo nên cuộc đời đa dạng chỗ bộ. Vậy ông nên ứng nó đi. Bây giờ ông sắp tới lục tuần, những cũng còn có thể lấy vợ được. Nếu ông để qua tới tuổi 65 thì già cúp bình thiếc còn gì!

Rồi à hỏi tôi:

- Lúc này ông ra sao? Huệ dung nguyệt mạo thế nào?

Tôi cất giọng ni non trầm thống:

- Bà ơi, tui già lắm rồi. Tóc tui trắng như muối bột. Năm ngoài, ba cái răng của tui lung lay, phải đến nha sĩ nhổ để trồng thêm răng giả.

Lệ Thanh đổi qua giọng bùi ngùi cảm khái:

- Tội nghiệp quá vậy sao? Ông già, không lẽ tui còn trẻ được sao? Tui tính đi qua Texas tìm bà Hạnh Phước để căng da mặt, hút mỡ nọng, mỡ bụng, sửa lại cặp đùi, o bé cặp mông, cặp ngực để đo duyên tranh sắc với bà Bích Thuận.

Sau chuỗi cười gion khảm khủ, Lệ Thanh làm bộ thẹn thùng, e ấp:

- Nè ông An, tui định viết văn, màn thơ, ông nghĩ sao?

- Tui đâu dám nghĩ gì. Hề ai có tài, có cảm hứng thì có quyền đay đũa bút ngọc, tung hoành bút hoa. Minh ở trên đất nước tự do mà.

Lệ Thanh cười hăng hắc ra vẻ đắc chí lắm:

- Tôi định viết một truyện tình. Ông làm ơn chọn cho tui một cặp câu ca dao để nói lên mối tình chung thủy, dẫu cho có cảnh tử biệt sanh ly thì cặp trai gái yêu nhau vẫn không hề sợ sệt và nao núng.

Tôi khỏi cần suy nghĩ vòng vo Tam Quốc, đọc ngay:

Bao năm xứng thịt thành bún

Em đâu thai chim quạ đậu nhánh tùng đợi anh.

Bên kia đầu dây, Lệ Thanh giẫy đành đạch rồi tru tréo:

- Ông An, ông có nói lộn thì nói lại cho tui nhỏ. Tui tuy không trắng như dưa nạo, như ngô sen ngon cần, nhưng da thịt tui mơn mớn. Lẽ nào ông so sánh tui với con quạ cho

dành? Cõi bộ cặp mắt của ông bắt đầu đảo điên rồi đó.

Tôi gãi đầu rồi đề nghị con bạn ó dâm kia:

- Hay là mình sửa lại là: "Em đầu thai hạc trắng đậu nhánh tùng đời anh". Bà nghĩ sao? Muốn đổi màu cho lông chim cũng đâu khó, phải không?

Lệ Thanh trầm ngâm:

- Chim hạc trắng trong mấy bức tranh sơn mài đầu đậu nhánh tùng. Câu thơ sửa này coi vậy mà có tinh thần mấy bức cổ họa hồi trào Đương trào Tống đó chớ.

Tôi tưởng vậy là xong, dè đâu, Lệ Thanh vẫn còn cà khịa:

- Ông An, tui khen ông mà cũng chê ông. Hai chữ "hạc trắng" tuy có hay, nhưng bị sao được với hai tiếng "bạch hạc" vừa văn huê bóng bẩy vừa du dương khi đọc lên. Đây, ông hãy lắng tai mà nghe:

Bao năm xứng thịt thành bần

Em đầu thai bạch hạc đậu nhánh tùng đời anh.

Tôi đây, Lệ Thanh thích chí cười thêm một tràng hăng hắc:

- Đó, ông nghe thơ như vậy có ngọt hay không? Nếu ông mà không chịu sửa hai tiếng "chim quạ" thì cặp ca dao này nghe thuốc chuột lắm!

Vậy là Lệ Thanh đã có một cặp ca dao để làm tiền đề cho câu truyện tình để khởi nghiệp văn chương cho mình. Cho nên cơn hứng chí của nó ùn ùn bốc lên cao, ngày ngất. Nó trầm giọng tiết lộ:

- Ông An, ông còn nhớ anh Huỳnh Thăng Long học dưới anh Diễm tui một lớp hay không? Anh Long có vóc mình roi roi, da ngăm đen, nhưng đẹp trai đó đó...

Tôi reo "À!" một cách kinh ngạc và mừng rỡ, rồi bảo:

- Ảnh là bạn học cùng lớp với tui. Nhưng khi lên năm thứ ba ban Thành Chung, không hiểu vì cớ nào mà ảnh bỏ học ngang xướng.

Giọng Lệ Thanh bỗng đổi ra ngậm ngùi khó tả:

- Người tình đầu của tui đó đa ông. Ảnh đã cắt băng khánh thành cuộc đời hoan lạc và say đắm của tui. Ai sao không biết, chỗ riêng tui, tui vẫn thường tưởng thiết tha kẻ đã phá trinh tui. Dù ảnh có bơm cho tui một cái bầu, nhưng ảnh có phụ rầy tui đâu. Ảnh vì hờn giận gia đình, bỏ học ngang xướng để làm việc trong tòa bố tỉnh mình rồi đi lính hải quân. Ảnh đi ra Nha Trang chừng nửa tháng sau thì tui mới biết mình mang thai được ba tháng. Tui đành phá thai là tại má tui làm dữ quá, không để cho tui giữ lại giọt máu của ảnh trong bụng. Ảnh cử thủ tử cho tui luôn luôn. Tui không dám tiết lộ cho ảnh rõ thâm cảnh của mình. Ra trường chừng hai năm sau, ảnh bị tử nạn trong một chuyến hải vụ.

Tôi không dám tin những gì con dâm phụ Lệ Thanh tiết lộ. Con này vốn có cái óc hoang tưởng tuyệt vời, dám dệt những huyền thoại, những kỳ tình dị sử cho nó lảm. Nhưng tôi không ghét nó. Nó không hề đem chủ nghĩa và chuyện chính trị ra bàn với tôi. Cả hai khi gặp nhau là nhắc nhở

chuyện Vinh Long và quãng đời hoa niên tui đi thăm dưới mái trường Nguyễn Thông. Chủ nghĩa, khuynh hướng chính trị thường làm cho con người xa nhau. Con người chỉ có thể gần gũi nhau, thường mến nhau nếu biết chọn thú vị những cái vô quái ác kia để tìm về mảnh đất quê hương, về tình đồng hương. Lệ Thanh dâm dăng, Lệ Thanh có óc hoang tưởng, Lệ Thanh thích rình xem đồn ông con trai vạch quần đi tiểu, Lệ Thanh cướp sống chồng thiên hạ làm cho bà vợ muốn phát điên, đối với tôi đều thuộc vào cuộc sống riêng tư của nó. Tuy tôi không ủa gì chủ nghĩa của nó, tuy tôi biết từ khi ra hải ngoại nó vẫn đeo đuổi công tác kiều vận không hề nhàm mỏi, nhưng tôi nhìn nó qua một cô bạn đồng hương chân thành chất chiu biết bao kỷ niệm trên đất Văng.

Sau hôm điện đàm với Lệ Thanh hai tuần lễ, tôi đi Paris lo một vài công việc, và sau đó, ghé quận 10 Paris để thăm nó. Căn appartement của nó thuộc loại F2, tức là gồm cái living room, một phòng ngủ, một căn bếp, một phòng tắm và cái cầu tiêu cùng hai cái placard (phòng kho).

Thằng trưởng nam của Lệ Thanh có vóc vạc cao lớn như người đồn ông Âu Mỹ. Nó giống ông Thâm Lú như đúc, mặt mày khôi vĩ, sống mũi cao, cặp môi lúc nào cũng như sẵn sàng nở một nụ cười.

Khi thằng con xây lưng đi vào buồng sau khi chào hỏi tôi xong, Lệ Thanh bảo nhỏ:

- Ông coi đó, tuy nó là con của ông Thâm Lú, nhưng nó giống anh Huỳnh Thăng Long như đúc. Ảnh chết đi, mãi tới năm năm sau, thằng này mới chào đời.

Tôi nói pha lửng để chọc cho Lệ Thanh cười:

- Biết đâu anh Long đầu thai làm con trai của bà.

Lệ Thanh rửa tôi đồ qui đồ yêu, rồi như chợt nhỏ ra:

- Để tui gọi điện thoại cho anh Hải tui đây chơi. Có lẽ lâu lắm rồi, ông và ảnh không có dịp gặp nhau để đầu lâu. Tối hôm nay, tui mình làm một đêm không ngủ cho vui. Hồi còn ở Texas, tui cùng mấy bạn đồng hương của mình thường có những buổi tối họp bạn như vậy. Chuyện Vinh Long mà lại, nói sao cho hết!

Hải tui để cùng tôi và gia chủ quây quần bên mâm cơm chiều. Lúc đó, cô bạn ở chung nhà với Lệ Thanh đi chơi với bồ cũng vừa về tới. Đó là người đồn bà tác cỡ 40, có một khuôn mặt vô thường vô phạt, nhưng khi có ta cười thì nụ cười đậm đà hẳn lên.

Mâm cơm có canh chua cá bống lau nấu với măng chua, cá hướng tẩm bột chiên giòn để ăn cặp với kim chi, cá cơm kho tương hột và sả ớt để ăn cặp với dưa leo và rau sống. Thức ăn tươm tất như vậy, nhưng Lệ Thanh còn bung lên đĩa thịt gà xào sả ớt thơm ngào ngạt.

Đêm đó, Lệ Thanh, Tuyết Nhung (tên cô bạn), Hải và tôi quây quần bên bình trà Blao ướp sen kể đủ mọi chuyện xưa nay xảy ra trong cộng đồng kiều bào ở Paris. Sau đó, là chuyện Vinh Long. Tôi nhận thấy Lệ Thanh lần Tuyết Nhung nói rất nhiều về những ngôi chùa ở vùng Paris, những ngôi chùa trên đất

Pháp, những ngôi chùa trên khắp Âu Châu. Cả hai rành tên những thầy trụ trì, những sư sãi, những sư cô, ni trưởng, những hội đoàn Phật tử, những kẻ làm Phật sự nổi tiếng. Tôi nghĩ thầm chắc con nha đầu dâm phụ này đang mở chiến dịch chiêu vận trong các chùa chiền. Có lẽ ở nơi chốn già lam, kiêu bào Phật tử khá đông, dễ tạo cho họ một môi trường thuận lợi cho công việc của họ.

Sau đó, Lệ Thanh vén chiếc rèm bằng vải nâu che bàn thờ Phật của à đặt tại living room cho tôi chiêm ngưỡng. Tại đây à bày tượng sành, tượng kim khí lù khù. Tranh thờ treo trên vách tô màu lòe loẹt. Hoa cắm trong bình toàn là hoa giả, màu sắc diêm đúa. Bát cắm nhang bằng sành nâu thay thế lư hương được đặt trên cái đĩa sành trắng men lam và về đồng đỏ chen bông nâu.

Khi câu chuyện xoay qua những lớp sóng phệ hủng trên đất Vinh Long thì Tuyết Nhung thoái thác rằng mình mệt, cần ngủ sớm để sáng hôm sau đi chùa Khánh Anh. Cô ta ngủ trên giường đặt bên cửa sổ ngay tại living room. Còn Hải sẽ ngủ trên chiếc trường kỷ, Lệ Thanh và tôi thì ngủ trên sàn nhà, cũng tại căn living room hẹp thế này. Nhưng cả ba cử kể chuyện này sang chuyện khác trong cái thế giới trẻ của bọn trang lứa với chúng tôi trong thành phố Vinh Long vào các thập niên 40, 50, 60. Tôi chỉ chớp mắt vào lúc 5 giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy thì Tuyết Nhung đã đi rồi. Lệ Thanh đề nghị:

- Để tui hấp bánh úot và xíu mại cho các ông ăn chơi. Sau đó, tui đọc một vài đoạn văn của tui và nhờ các ông cho biết ý kiến. Tui viết chuyện tình của tui có lồng cảnh thành phố tỉnh mình và mái trường xưa của tui mình. Nếu vẫn có ngọt, xin các ông khuyến khích cho tui lên tinh thần. Còn nếu vẫn có lạt nhạt như bã mía, xin các ông thêm thất ý kiến để tui nếm nếm cho vẫn được mặn mòi chút nào chẳng?

Bánh úot của Thanh là loại bánh úot Triều Châu mà tỉnh tôi thường bày bán ở các ngôi chợ chòm hóm. Bánh mỏng, nhún tằm khô xào với hành lá; chấm đồ (tôm khô) lộn chấm xanh (hành lá) in lộng lẩy trên nền bột bánh mịn mỏng như lụa the. Bánh này ăn với giá trứng và chan nước tương. Còn xíu mại do Lệ Thanh làm có đủ bộ vận gồm thịt băm với nắm mèo, củ hành, đem một miếng gan, một miếng sườn non, một vài lát lạp xướng, một nhúm đậu petits pois. Nhưng nó không có mùi xíu mại do mấy anh Ba Tàu làm ra. Lệ Thanh bảo rằng hôm nay nó hết đầu hào; vì hương vị đầu hào mới có thể làm cho xíu mại ngon được.

Điểm tâm xong, Lệ Thanh lấy xấp bàn thảo ra khoe:

- Tui không cho mấy ông đọc hết xấp bàn thảo này đâu; tôi chừng nào nó được đăng báo, mấy ông xem nguyên vẹn cái đoàn thiên này thú hơn. Đây, tui xin đọc:

"Long đến thăm tôi vào một sáng Chúa nhật. Lúc đó, ba má tôi đi ăn giỗ? Chị Nhân đi lên Tân Ngải thăm bạn. Còn anh Diễm đi duợt banh tại sân vận động. Chàng khen ngôi nhà tôi khang trang, hàng rào bằng cây trà xanh mát mắt, chiếc sân bày đầy những

chậu cần thẳng, kim quít, mai chiếu thủy cùng hòn non bộ ngoạn mục. Chúng tôi ngồi bên thềm, dưới bóng mát cây hoàng lan, lắng nghe tiếng gió thì thầm trong vòm lá, tiếng chim bông lau, tiếng chim bạch trên cành. Mọi tiếng động ngoài đường lách, bên kia nghĩa trang sao mà mơ hồ, dường như không có thật..."

Hài cười dài, rồi lắc đầu bảo:

- Hình như khung cảnh ngôi nhà trong văn chương của Thanh là khung cảnh ngôi nhà của ai đâu. Tôi còn nhớ sân của Thanh bày toàn những chậu đất trồng rau.

Lệ Thanh cong cớn:

- Ông đừng có nhiều chuyện! Một khi tui làm văn chương, tui có quyền mượn đầu heo nấu cháo chớ bộ. Tôi mượn đồ ngôi nhà của ông chủ xe đồ Vinh An để cho bối cảnh tình yêu trong truyện được thờ mộng. Tuy nhiên, tui có phụ rầy rề rúng cái sân trước của ngôi nhà tía má tui đâu.

À ta lật thêm vài tờ giấy, rồi nguyệt Hài một cái bèn ngót như lưỡi lam, như dao cạo rồi cười chúm chím:

- Mấy người hãy ngoài cái lỗ tai mà nghe đoạn này:

"Đêm đến, tôi không sao vô giấc nổi. Tôi khoát rèm, mở cửa sổ nhìn ra sân. Trên vương đất có bọ rào bằng cây, ánh trăng trắng men bóng loáng trên lá cấm, giát thủy tinh trên những lá gừng, lá riềng trong những chậu đất. Gần bia rào, những khóm lá dứa, những bụi sả, những cụm bồ ngót to những chùm, những khối bóng đen như mực tàu. Một cơn gió thoảng qua, thoảng ngát mùi hoa bưởi từ bên khu vườn hàng xóm. Hơn lúc nào hết, tôi nhớ đến Long và nghĩ về chàng rất nhiều. Cái hôn của chàng hồi sáng dù đã phai dấu trên đôi môi tôi, nhưng nó vẫn còn nồng nàn trong ký ức tôi, trên dòng hồi tưởng của tôi. Tôi có cảm tưởng bàn tay của chàng còn để lại một dấu ấn khó quên trên ngực tôi".

Lúc đó bên ngoài nắng đã lên cao. Thời tiết trở nên oi bức. Lệ Thanh như chợt nhớ ra, mặt mày bàng hoàng thần thất. Nó hét thảng thảng nam:

- Chèn đi, nắng hôm nay coi bộ gắt rồi đa. Bằng con, con mau ra bao lớn đem chậu ớt và chậu tần dầy lá vào đây. Nắng này là nắng cực nắng khổ, hai thứ cây do tui hoạn đường làm sao đường đầu với sức nắng?

Cây ớt đó và cây tần dầy lá đó, Lệ Thanh gieo trồng từ đầu mùa hè năm ngoái, nhưng tới mùa thu phải đem chúng vào nhà để tránh thời tiết lạnh lẽo. Từ thứ cây ở ngoài trời, nó biến thành thứ cây trong nhà nên chúng có vẻ kiêu nhược lắm, dù Lệ Thanh có bón phân và chăm sóc chu đáo. Giờ đây là đầu xuân, tuy chúng được đem ra ngoài bao lớn để hưởng ánh nắng và khí trời khoáng đạt, nhưng với nhánh mềm lá mỏng như vậy thì làm sao chúng có thể chịu nổi với cơn nắng hơi gắt một chút? Cây ớt lẫn cây tần đều dài cỡ nửa sải tay, nhưng thân cây và nhánh lá đều gầy ốm; lá ớt không xanh lắm, còn lá tần nhiều lông mao hơn, trắng bệch bạc hơn. Lệ Thanh cho biết ớt này trở bông nhưng kết trái chỉ bằng mũi kim đan rồi rụng đi. Còn lá tần khi vò trong tay hay khi xác

nhuyễn thì không thơm, không thể thay thế ngò gai và rau om để rắc thêm cho nồi canh chua hay nồi canh khoai. Trông hai cây đó mà tôi tội nghiệp vô cùng. Chúng như loài vịt nuôi trong ống, dài ngoằng ra và bịnh hoạn một cách thảm thương! Lệ Thanh đã phải dùng hai cây chống, buộc thân ớt và thân tần vào để cho chúng nường tựa. Từ loại cây và rau dùng làm gia vị, nhưng cô à dùng làm cây cảnh. Lệ Thanh chắc lưỡi hít hà:

- Mấy ông thấy hai cây này nó dễ thương không? Tui trồng chúng để nhỡ lại khung cảnh cái sân trước của tía má tui. Tui cũng chúng như trồng mồng. Bởi tui đặt chúng trong nhà từ đầu thu cho tới tàn đông nên chúng có vẻ bịnh hoạn dường ấy. Nhưng mà chúng nó đẹp dễ sợ, giống như Trà Hoa Nữ mắc bệnh lao. Ai tới đây chơi cũng đều trầm trồ ráo rọi. Mai một túi kiếm lá cấm, củ gừng và củ riềng trồng trong chậu đất. Ai mê bông kiếng thì thấy kệ họ. Con Lệ Thanh thờ mộng và nặng tình hoài hương này vẫn yêu rau củ quê nhà.

Tôi về Troyes thì chừng một tuần lễ sau, có cô con gái của một bà bạn đồng hương từ Paris xuống chơi. Cô ta muốn thu thập một vài tài liệu về các nhà văn nữ để làm luận án tiến sĩ. Căn phòng chứa sách của tôi cũng có thể giúp cô ta ít nhiều những gì cô cần đến. Quả tặng của cô là ba chậu phân thật quay, một mớ xôi lá cấm nhuộm đậu xanh và một chục bánh đa lợn gồm một lớp xanh lục và một lớp tím ôm lớp nhून đậu xanh màu ngà. Má cô ta, tức là bà bạn đồng hương của tôi có trồng ba chậu lá cấm và ba chậu lá dứa. Hễ từ giữa xuân cho tới cuối hè, chị ta đem mấy chậu ấy từ trong nhà kiếng đặt vào vạt đất trồng rau của chị. Nhưng lá cấm của chị không xanh thắm, màu xanh bệch bạc như màu xanh lá trúc, lá liễu. Cho nên nước cốt lá cấm không tím rậm như nước cốt lá cấm ở quê nhà. Còn lá dứa thì hơi ửng vàng nên nước cốt của nó không xanh như cấm thạch mà lại xanh tái ngắt tái ngợt. Tuy vậy, cô con gái của chị cũng cấp nắp cho tôi một mớ để tôi trồng lấy giống. Và tôi nghĩ đến chuyện chia sớt cho Lệ Thanh một ít để nó trồng trong chậu đất, biến cái bao lớn của nó thành vương sân trồng rau của tía má nó hồi năm xưa năm xưa, cách đây gần nửa thế kỷ.

Tôi chờ đợi hoài mà vẫn không thấy cái tên Ngô Lệ Thanh xuất hiện trên văn đàn nữ giới ở hải ngoại. Tuy nhiên, tôi vẫn tin nó còn yêu đương say đắm anh Huỳnh Thăng Long trước sau son sắt một niềm. Tôi vẫn tin rằng tình quê hương của nó bao giờ cũng thiết tha gần bó. Dù nó có tánh láo thiêng láo địa, láo tử Bà Rịa láo vào, láo tử Cà Mau láo tới, nhưng nó chưa hề gạt gẫm gì tôi cả, chẳng hề ca tụng chủ nghĩa của nó trước mặt tôi cũng như không hề đá động gì tôi chủ nghĩa của tôi.

Bảng đi một thời gian, vào kỳ lễ Phật Đản năm sau, tôi tình cờ gặp Tuyết Nhung tại chùa Viên Giác bên Hannover (Đức). Cô ta mừng rỡ, rủ tôi đi uống cà-phê. Cô ta nhìn tôi lom lom, rồi cười nụ:

- Chị Lệ Thanh có bảo em rằng hồi thuở mới lớn, anh củ theo ve vãn chị ấy. Nhưng em biết cuộc sống tình cảm và khuynh hướng tình dục của anh, nên đời nào em tin chị ta? Từ hồi nửa năm nay, em không ở chung và cũng không tiếp xúc với chị ta. Ở chung với chị ta, em bị người quen biết tưởng đâu em là Việt Cộng, cùng trong một tổ chức kiểu vận với chị ta.

Khi được tôi hỏi thăm về thằng trưởng nam của Lệ Thanh thì Tuyết Nhung cho biết:

- Thằng Bằng đã tách ra sống riêng. Chị Thanh củ ngăn cấm con mình giao du với bạn gái của nó. Chị ta còn lấy thứ tử của bạn gái nó gởi tôi, hơ và hơi khói của ấm nước đang sôi để mở thư ra đọc. Chị ta ghen tuông kinh khủng với bất cứ cô gái nào xum xoe quanh quẩn theo thằng Bằng. Riết rồi tức nước vỡ bờ, thằng nọ dọn riêng để sống chung với một cô gái hiện đang theo học trường Dược Khoa.

Mắt Tuyết Nhung long lanh ngời về thích thú khi có dịp tiết lộ những chuyện trặc trẹo của người bạn gái có một thuở chung sống với mình. Rất có thể, tại vì gần gũi nhau nên cả hai mới biết rõ tánh nết nên do đó cô ta có nhiều giai thoại lố bịch về Lệ Thanh:

- Việc kiều vận trong các chùa chiền trên Âu Châu của chị ta coi bộ không mấy khá, nên cấp trên cho chị ta trở qua Texas làm công tác khác. Chị ta sống chung với thằng Yên, đứa con trai út của chị ta. Chị ta vẫn chưa tồn, củ giò thối ghen tuông quá gở đối với mấy cô bạn gái của thằng Yên. Ai nhè chị ta gặp một đứa con gái cứng cỏi già lửa. Chị ta chửi nó một, nó chửi chị ta mười. Rồi cả hai ẩu đá nhau. Nó đánh chị ta tét mặt, bầm mình, phải nằm nhà thương. Thằng con trai út bình con bõ, hăm he chị ta nếu chị ta đứa nội vụ ra tòa thì nó sẽ khai cái tâm lý loạn luân ngấm ngấm của chị ta. Cho nên chị ta đành nín lặng.

Tôi biết nói sao cho phải, đành cười cười với Tuyết Nhung. Trước khi chia tay, Tuyết Nhung còn tiết lộ thêm:

- Giờ đây, chị Lệ Thanh đã trở về Paris. Chẳng hiểu chị ta có thêm công tác gì khác hơn không. Nhưng có điều chị ta sống chung với một nhà báo trẻ hơn chị ta bảy tám tuổi gì đó. Tên này muốn trở thành nhà văn, cho nên hẳn nghe chị Thanh kể lại các thiên tình sử của chị ta rồi thêm nhून theo nhủ để viết thành truyện tình uớt át theo kiểu Quỳnh Dao. Nhưng văn chương hẳn ta còn non quá nên không mấy nổi tiếng. Chớ thiệt ra, con mẹ ấy mà viết lách cái gì ra trò, ra hồn?

Chú thích:

(") Centre Ricci từ năm 1975 do Linh mục Larre trông coi. Linh mục đã có một thời dạy Hán văn ở trường Đại Học Văn Khoa ở Sài Gòn. Centre Ricci này đã có một thời tuần tự tiếp đón các văn nghệ sĩ như nữ sĩ Huyền Châu, nữ sĩ Thanh Phương, ký giả Lê Đình Diểu, ký giả Từ Ngọc Lê, nhạc sĩ Xuân Lôi, nữ ca sĩ Giáng Thu...

"TÀU TÂY KIA LIỆT MÁI"

• Phong Hưng LNN

Cách đây 9 năm, lúc tôi làm trong hãng của gỗ làm bàn tủ ở Wildbad, máy bị hư bất ngờ, tiếng ken két ngừng làm người quen với tiếng động thấy chơi với. Tôi đứng thẩn thờ một nhũ trước những miếng gỗ nặng khiêng gầy lúng, trong đầu trống rỗng, đón nhận câu hát ru em đội về, xa vắng man mác, dù lúc đó gần hai giờ sáng của ca làm đêm, cuối năm tuyết đổ, lạnh rất mặt. Câu ru em vền vện bốn chữ buồn xa vắng "tàu Tây liệt mái..." kéo dài than thở, dậm dò, khuyển nhũ.

Tôi nhớ mái mại đầu khoảng năm 1956, buổi trưa hè, đi ngang qua nhà bếp bà ngoại, tôi nghe thoảng tiếng ru em của một người đàn bà giúp việc kéo kẹt theo tiếng vông đũa, tiếc là không ngừng lại để nghe cho trọn lời ru, nên giờ đây tôi chỉ nhớ bốn chữ không đầu không đuôi - của người đàn bà mà mộ tôi đặt tên là "Bà Đậu Đò" vì bà quần khăn đỏ, không phải trang điểm mà để buộc chặt đầu tóc bởi.

Thời buổi đó, người ta lấy giá trị văn hóa Pháp làm tiêu chuẩn ly tưởng, radio, máy hát đẩy dẫn những câu ca dao vào quên lãng, trong số những người đó có tôi, nên tôi cũng không thêm nhớ câu ru em của Bà Đậu Đò nhà quê nghèo đi làm mướn đó.

Những khi đi làm công, chột thối thối, nhờ máy của gỗ cốt im lìm như tàu Tây liệt máy, tôi tìm được duyên tri kỷ với câu ru em này. Đầu óc ám ảnh, trí sao "tàu Tây liệt máy?" Câu trước, câu sau tìm không ra, hỏi ai cũng không nhớ. Câu hát ru em làm nao lòng người mà thất truyền thì uổng phí và thiệt thời biết chừng nào. Tôi cất giữ bốn chữ đó trong tận đáy lòng, giống như giữ một phần tám bản đồ tìm kho tàng, chờ tìm những mảnh còn lại để ráp cho đủ.

Câu ru em đã tìm tôi, cũng như tôi đi tìm nó, gặp duyên may bất ngờ. Tháng 6 rồi, tình cờ bạn tôi nhắc, thêm mấy câu đủ ráp thành trọn vẹn:

(Cái) quả năm ngăn trong lòng (anh) sơn đỏ,

*Mấy lời to nhỏ, (anh) bỏ (bạn) sao đành
Khi nào xán nổ tan lành*

Tàu Tây (kia) liệt máy, mới đành phụ em.

Đó là thể thơ song thất lục bát, thêm những chữ trong dấu ngoặc cho rõ nghĩa và điệu ru ngân dài ra, vừa thở vừa vắn xuôi, một loại thơ có vần điệu dùng kể chuyện

Đọc nghe sướng thỏa, tôi nghe tiếng xán nổ tan lành, xác quân xâm lăng tan lành như xác pháo đầu Xuân. Tôi chép vội bốn câu thơ vào nhật ký ngày ngày ngâm nga, hay thì hay thật, mà hình như chưa ổn, như đang ăn bánh tằm mà nhai nhầm óc trâu, cái ngon không trọn vẹn. Cái gút mắc là "xán nổ tan lành". Xán (chaland) hút đất thổi lên, có loại cần trục múc làm sao nổ tan lành?; "nổ tan

lành" (động từ + trạng từ) đối với "tàu liệt máy" (động từ + danh từ túc từ) chưa được cân xứng.

Sau đó vài tuần, biết đâu hướng hồn "Bà Đậu Đò" ở đâu đó (nếu còn sống cũng gần cả trăm tuổi) cảm nhận được sự say sưa câu hát của bà, đưa đẩy cho tôi có duyên gặp đúng người duy nhất đủ khả năng hóa giải cái thắc mắc cuối cùng đã gặm mòn tâm não tôi bấy lâu. Người đó là anh Phan Lương Quới, hôm gặp anh, dù chưa quen, tôi quên phép xã giao, hỏi quê quán anh Quới (anh gốc Cần Thơ) rồi hỏi phăng ra bốn câu trên.

Anh xoa tay và đọc lại nguyên văn anh còn nhớ:

Khi nào xán nổ bung "đành" (vành)

Tàu Tây kia liệt "mái" (máy) mới đành phụ em.

Tôi run tay, reo lên, phải rồi

"Xán nổ" đối với "tàu kia" - "nọ, kia" đưa đẩy, miêng hứa hẹn, tay chỉ xán, tàu.

"bung đành" đối với "liệt mái", mạnh mẽ, dứt khoát, hay quá, mà phải ru theo giọng Nam nhà quê mới thấm, "đành, mái" chỗ không phải "vành, máy", không cần chánh tả, nói sao viết vậy âm thanh vì thế kéo dài thêm ra, truyền cảm hơn, mặt lưỡi dính với khẩu cái (palatal stop voiced), hạ xuống nhẹ nhàng, vửa thở ra, môi bè ra xí xọn, thành âm /l/ "đành", dễ quá, hơn là sát âm răng môi (labiodental-fricative) /v/ "vành", cũng như âm /ai/ và /ei/ "mái" và "máy", quý vị phát âm thử sẽ thấy.

Tôi quên tất cả chung quanh, như nhệt được miếng hình của cái puzzle rắc rối, ráp đúng khít khao.

"Chùng nào, khi nào, ngày nào" bắt đầu các câu ca dao quen thuộc, than thở, thề thốt, hứa hẹn như câu:

"Chùng nào trả hết nợ Cao Hoàng

Đào sông Cầu Nhí, bòn vàng Bồng Miêu

Lòng hẹn lòng, ai đổ đùng xiêu

Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có nhau"

(Câu ca dao than thở thời Trương Phúc Loan chuyên quyền)

Từ cuối thế kỷ 19, quân Pháp dùng xán để đào kinh, không phải có ý tốt, mà cần vận chuyển quân đội bằng đường thủy trong việc bình định. Chỉ có miền Tây sông rạch chằng chịt mới có xán, miền Đông trở ra Trung, Bắc chưa nghe nói.

Những chiếc xán đào kinh, xây cầu thời cách đây chừng tám chín mươi năm là hình ảnh hãi hùng đối với dân quê chưa có kinh nghiệm về kỹ thuật - thời thuộc địa - (thời mà chiếc xe đạp còn là món xa hoa bí hiểm). Các địa danh như kinh xán Xà No, kinh Xán Cụt, kinh xán Vịnh Tre, kinh xán Ba Thê còn đó.

Liên hệ tới xán - Chính bà ngoại tôi kể "Nó bắt con nít liệng xuống để xán ăn, máu đỏ quặng lên" cái tin đồn như thật -

Xán đào kinh xong cho tàu binh chở lính Commando đi bố trận nơi xa xôi, để bình định. Ai sống thời đó, ở vùng quê xa xôi mới cảm được cái lo âu hãi hùng. Khi Tây đi bố, khi thấy chiếc xà-lan sắt xuất hiện, tiếng nổ binh binh, lù lù di chuyển như khối thép khổng lồ so với ghe xuồng mong manh.

Chiếc xán hư nằm trên kinh Xán Cụt quê tôi, tôi được thấy vài lần khi ngồi ghe trên kinh ra tỉnh vào mùa nước, vì đường xe bị ngập.

Vào mùa mưa, nước sông Hậu Giang tràn lên vùng Láng Linh và Ba Thê, Núi Sập như biển cả. Ngồi trong ghe, với đầu óc non nớt, ghe trôi dần dần tôi xán, cấu trúc giống Tháp Eiffel, củng cáp, đen sậm, cao vợi vợi vì nhìn từ dưới xuồng. Ngồi trên xuồng mà cử tưởng xán di chuyển về phía mình, đe dọa chực nuốt sống mình. Tôi không đủ khả năng diễn tả cái cảm giác sợ sệt nôm nớp lúc đó. Chiếc xán và tàu binh tiêu biểu cho nền văn minh kỹ thuật dùng để khai hóa dân tộc "bán khai"?, văn minh đầu chưa thấy, chỉ thấy máu đỏ cả trăm năm, hậu quả gián tiếp cuối cùng là tôi ngồi đây mệt mỏi, chán chường, không thấy có đất sống.

Sau năm 1954, xán nổ đã bung vành, đứng trở trở giữa cánh đồng Láng Linh, trên bờ kinh Xán Cụt. Xán ngóng trông tàu Tây trở lại, tàu Tây đã liệt máy, kinh Cùn đã cạn nước. Khi *muời giờ ông Chánh địa Tây, có Ba (đành) ở lại lấy thầy thông ngôn*, thì xán đành sống chung với dân dọc theo bờ kinh, sóng nước bạc mệnh mỏng cánh đồng Láng Linh không nở nhận chìm xán, hạ kẻ thế cổ đầu hàng đầu phải là thái độ cao thượng của người kiến nghĩa bất vì vô đồng giá.

Cả gần trăm năm qua, máu đỏ, hận thù sôi sục đã nguội dần thành màu đất bón phân cho lúa. Xán đã quên mất mẫu quốc mình, hòa mình với đất phồn sông Bạc Láng Linh, đứng an phận bên bờ kinh, tên xán (xà-lan, Chaland) được đặt tên mới là "Cái còng tôm nó đứng giữa đồng", (như máy bay chuồn chuồn, đầm già, cồng cọc v.v...). Làm chùng nhân giữa trại ruộng Láng Linh do Đức Thầy Tây An khai phá và cuộc chiến đấu một sống một còn của đoàn quân Bạc Cổ Quán Nguyễn Văn Thành, dù thất bại, dù chim bay về núi tối rồi, vẫn quyết liệt, thà thua ta xuống lảng xuống búng, kéo ra đầu giặc lỏi chúng quân thần.

Sau năm 1975, xán bị kéo đi mất. Tôi cũng đánh mất ước mơ được một lần về hội ngộ tâm sự với xán bên bờ kinh Xán Cụt khi chiều xuống, thâm sâu giao cảm hơn đứng dưới chân Tour Eiffel đô hội già trạ.

Tôi đã trả nợ ơn nghĩa cho đi "Bà Đậu Đò", cảm ơn đi đã hát cho tôi nghe lời ru em man mác dù có bốn chữ và đưa đẩy tôi đi tìm trọn vẹn được trọn vẹn bài hát ru em.

Lời thề thốt, xán nổ bung vành, nguyện cho tàu Tây kia liệt máy để tròn câu nhưn ngài của chàng thanh niên kia đã trọn vẹn, chắc chắn chàng sẽ không phụ em đâu!

Này người ơi, cho tôi xin ru lại lần cuối, cho em thơ êm ái đi vào giấc ngủ trưa:

"Á đi! Cái quả năm ngăn trong lòng anh sơn đỏ

Mấy lời to nhỏ, anh bỏ bạn sao đành

Khi nào xán nổ bung "đành"

Tàu Tây kia liệt "mái" mới đành phụ em"

Và này người ơi, tôi muốn nói, dù cho xán nổ bung vành, dù tàu Tây kia liệt máy, dù cho đá nổi rong chìm, dù muối có chua chanh có mặn cũng xin nguyện nhờ nhau nghe ai đó.

MỘT CHUYỆN MA TRÊN ĐẤT MỸ

•Nguyễn Đoàn

Tôi là một người tin theo đạo Phật, tuy không phải là một Phật tử thuần thành hay ăn chay, niệm Phật, hoặc đi chùa đều đặn... Giáo lý Phật Giáo dù không nghiên cứu nhưng tôi đã học được những nguyên lý căn bản, chính vì vậy tôi là một người ít tin vào những chuyện ma quỷ nhảm nhí. Những câu chuyện tôi sắp kể sau đây đã xảy ra trong một gia đình thân tộc của chúng tôi đã khiến cho chúng tôi suy nghĩ rất nhiều về hiện tượng hồn ma bóng quế.

Anh Vũ, sinh viên Việt Nam du học tại Đức từ năm 68 về ngành Điện, rời bỏ nước Đức qua Mỹ lập nghiệp năm 84. Sau một thời gian đi làm thuê, năm 86 anh về San José tiểu bang California mở một hãng lắp ráp điện tử. Công việc làm ăn tiến triển tốt đẹp, dù với số nhân công chưa bao giờ quá 40 người, hãng anh đã ký được nhiều hợp đồng lớn với nhiều hãng ở ngoài Hoa Kỳ như Nhật, Đức, Hòa Lan...

Năm 1988 anh lấy vợ là chị Lý -chị họ của vợ tôi, vốn là một nhân viên của hãng anh. Đến năm 90 nhân dịp qua Đức ký hợp đồng, hai vợ chồng anh có đến thăm chúng tôi, anh có kể chuyện đang làm hồ sơ bảo lãnh bố mẹ sang Mỹ. Sau đó thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp nhau vào những dịp tôi qua Mỹ chơi. Anh có cho tôi hay là đã đón được bố mẹ sang đoàn tụ vào năm 92 nhưng sau mấy tháng ở chung, anh đã phải mua nhà khác cho bố mẹ ở riêng vì ông bà cụ khó tính, quen thói gia trưởng trong gia đình, có nhiều cái vô lý mà con cháu không thể nào chịu nổi.

Bẵng đi mấy năm không gặp anh, vừa rồi qua Mỹ chơi, nghe tin mẹ anh mất chúng tôi định đến và chia buồn cùng vợ chồng anh. Nhưng vừa mới nghe tôi nghĩ ý định đó, mẹ vợ tôi đã gạt ngay:

- Các con định đến thăm chúng nó thì được, nhưng nhớ đừng đá động gì chuyện mẹ nó mất nghe chưa. Bà ấy mất mà không để cho chúng nó yên cả mấy tháng trời đấy, phải cầu siêu hơn một tháng bà ấy mới chịu ra đi. Hai vợ chồng vừa sợ vừa lo, sực hơn cả chực kí-lô.

Nghe đến đó óc tò mò tôi nổi lên, nhưng tôi im lặng không nói gì cho mẹ vợ tôi yên

lòng. Sau đó tôi gọi điện thoại ngay cho anh, nghe tin chúng tôi qua, muốn đến thăm anh chị rất vui.

Chúng tôi gặp nhau vào một chiều thứ bảy. Lúc chúng tôi đến anh chị đã chuẩn bị sẵn một bữa Barbecue (nướng thịt ngoài trời). Bắt tay tôi, anh cười vui vẻ:

- Lâu quá không qua Đức, gặp anh tôi lại nhớ đến nước Đức với những mùa đông lạnh tái tê cả người, đi đâu cũng chỉ thấy tuyết là tuyết.

Anh lấy ra một lon bia hộp ướp lạnh hiệu Becks của Đức, thấy tôi ngạc nhiên anh cười:

- Loại bia này ở Mỹ hầu như không có, tuần rồi có thằng Mỹ trong hãng đi Âu Châu về, nó là thằng ghiền bia nên đóng mấy thùng đem về. Biết tôi gốc ở Đức nên cho được mấy hộp.

Chúng tôi uống bia, ăn thịt nướng, trong khi mấy đứa con anh và con tôi chơi đùa với nhau. Trong suốt bữa ăn, chúng tôi chỉ hỏi thăm nhau về bạn bè thân thuộc họ hàng, nói chuyện vớ vẩn về chính trị, văn hóa... tuyệt nhiên không đá động gì đến chuyện mẹ anh mất. Mãi đến lúc chị Lý vợ anh và vợ tôi dọn dẹp bàn, đem trà ra uống, tôi mới hỏi anh:

- Nghe nói bác gái mất hơn tám tháng rồi, phải không anh? Hôm nay chúng tôi đến chơi cũng là để chia buồn cùng anh chị và các cháu.

Anh Vũ cầm tách trà lên hộp nhẹ một ngụm, trầm ngâm không trả lời tôi ngay, ánh mắt anh thoáng một chút gì đó u buồn rồi hỏi ngược lại tôi:

- Cảm ơn anh! nhưng xin hỏi anh có tin là có ma không? Nếu không tin thì anh sẽ đối phó như thế nào khi gặp và người đó lại chính là một trong những người thân thuộc nhất của anh?

Nhờ đã chuẩn bị trước, biết thế nào anh cũng sẽ hỏi tôi câu này nên tôi thông thả:

- Tôi không tin là có ma trên đời này, thế nhưng có những sự việc mà hiện nay khoa học cũng không thể giải thích được. Theo Phật Giáo thì ma là những linh hồn chưa siêu thoát để đi đầu thai kiếp khác. Họ còn quán quít thân xác cũ, còn luyến tiếc những người thân hay còn vướng mắc điều gì đó... mà không dứt bỏ được thân xác cũ để đi đầu thai. Những linh hồn này tất nhiên không có một quyền lực hay một sức mạnh nào khả dĩ có thể đe dọa hoặc hãm hại ai. Vì vậy sẽ không có việc đối phó như thế nào, mà chỉ có chuyện chấp nhận hay không mà thôi.

Vừa lúc đó chị Lý cùng vợ tôi đến ngồi vào bàn, nghe được câu trả lời của tôi, chị lắc đầu:

- Anh nói không đúng! Nếu anh gặp trường hợp của tôi chắc chắn anh sẽ suy nghĩ khác.

- Khác như thế nào? Chị có thể kể rõ hơn cho tôi nghe được không?

Chị Lý không trả lời ngay mà đưa mắt nhìn chồng như để hỏi ý kiến, anh Vũ gạt đầu nói:

- Em cứ kể hết đi!

Chị Lý rót cho mình một tách trà, uống một ngụm nhỏ rồi chậm rãi kể:

- "... Như anh biết, anh Vũ bảo lãnh bố mẹ sang từ năm 88, trước khi chúng tôi lấy nhau mấy tháng, nhưng mãi đến năm 92 ông bà cụ mới được sang. Lúc mới đoàn tụ, ở chung với chúng tôi, nhưng sau vì quá khó tính, lại thêm sự xung khắc giữa bà cụ và tôi do đời sống ở Mỹ này không giống bên nhà. Đi làm đến tối mới về thì giờ đâu mà nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc cho ông bà cụ. Vì vậy ông bà cứ la mắng, gắt gỏng với con cháu suốt ngày, dù ông bà cụ rất thương anh Vũ và 2 cháu nội, nên anh Vũ quyết định cho 2 ông bà ra ở riêng. Vì chỉ có hai người nên anh Vũ chỉ mua cho ông bà cụ một căn nhà 3 phòng để đỡ muốn người dọn dẹp, làm vệ sinh. Nhưng hai ông bà lại lấy đó làm chuyện không bằng lòng cho rằng con cái thì ở nhà cho rõ lớn, còn bố mẹ thì mua cho cái nhà chật như hũ nút. Anh Vũ buồn lắm nhưng cũng chẳng nói gì. Thế rồi năm ngoài, sau khi dọn về nhà mới được mấy tháng thì bà cụ mất sau một cơn đau tim. Lúc hay tin bà lên cơn đau tim, đã chở vào bệnh viện thì cả hai đứa chúng tôi đang ở trong hãng, vào đến nơi thì bà đã tắt thở không còn làm gì để cứu vãn được nữa.

Đám tang cử hành hai ngày sau thật đơn giản hoàn toàn không theo một nghi thức tôn giáo nào. Anh Vũ ban đầu định mời một Thầy trên chùa Kim Sơn về làm lễ, nhưng bố anh gạt đi nói rằng:

- Vẽ chuyện! Tao với mẹ mày suốt đời ăn ở lương thiện, không trộm cắp, lường gạt, điều ngoa, xáo trá với ai... chẳng việc gì phải lễ lạy, cúng kiến ai cả.

Đối với Vũ thì có một ông Thầy hay Cha làm lễ có tính cách nặng phần nghi thức nhiều hơn là niềm tin, nên nghe nói vậy anh cũng thôi. Thế là đám tang bà cụ trôi qua không có Thầy mà cũng chẳng có Cha làm lễ cầu siêu. Anh Vũ trong tuần đầu sau khi mẹ mất cũng buồn rầu xao lãng việc trong hãng, nhưng vì chúng tôi lúc đó mới ký được một hợp đồng mới ở bên Hòa Lan nên anh phải cố quên để làm việc trở lại. Nhưng sang đến tuần thứ hai thì bắt đầu xảy ra chuyện kỳ lạ.

Buổi chiều hôm đó thứ hai đầu tuần, ở hãng ra tôi đi đón 2 cháu, về đến nhà vào khoảng 6 giờ chiều. Xe vừa chạy vào tới sân nhà thì cháu Tí, thằng anh, kêu lên thất thanh:

- Mẹ! Bà nội của mẹ!

Tiếng kêu của cháu Tí làm tôi giật bắn người. Lúc đó cháu đã được 8 tuổi, còn thằng Tèo, em nó, 3 tuổi, cháu Tí đã biết thế nào là

sự chết, ma, quỷ... Bình thường tôi không phải là người yếu bóng vía, nghe nói đến ma quỷ là dựng tóc gáy hay bủn rủn tay chân, nhưng không hiểu tại sao hôm đó tôi như có một luồng điện chạy qua sống lưng, lúc đó là tháng mười, 6 giờ chiều trời cũng đã chập choạng tối, phố xá chưa lên đèn, những cảnh vật cũng còn khá rõ ràng. Tôi hỏi giọng hơi run:

- Tí! Con nói... nói gì vậy? Bà nội... nội chết rồi mà!

Vừa nói, tôi vừa đặt thẳng xe và quay lại nhìn cháu. Khuôn mặt thẳng bé tái xanh chùng tở cháu hiểu chuyện sống chết là gì. Nó có vẻ hết hãi:

- Con! con vừa mới thấy... bà nội!

Câu trả lời của cháu làm tôi rùng mình nổi da gà, nhưng cố trấn tĩnh hỏi thêm:

- Con thấy ở đâu? Bà nội đang làm gì?

Tí chỉ tay vào hướng của chính vào nhà:

- Bà nội đứng ở cửa đưa tay vẫy và cười với con!

Tôi cảm thấy lưng mình lạnh buốt, bàn tay còn để trên tay lái như bị liệt đi. Tôi quờ quạng đưa tay tắt máy xe, mắt hết nhìn cháu, lại quay nhìn về phía cửa nhưng chẳng thấy gì. Phải mấy phút sau tôi mới lấy lại bình tĩnh, bước xuống xe và trấn an cháu:

- Mẹ có thấy gì đâu? Chắc tại con nhỏ bà nội nên con hoa mắt thấy vậy!

Thằng bé lắc đầu cả quyết:

- Không! Con thấy rõ ràng mà! Bà nội mặc chiếc áo nhung xanh, đội khăn đóng.

Lúc đó tôi cảm thấy hai chân như muốn khụy xuống, nhưng cố gắng mở cửa xe cho cháu, nói:

- Thôi con với em vào nhà đi!

Trẻ con rất dễ mau quên, chỉ thoáng cái nó đã quên ngay chuyện vừa xảy ra nên nghe tôi nói, cháu tháo dây an toàn, nhay xuống, trong lúc tôi vống qua cửa kia để bế cháu Tèo vào nhà. Rửa mặt bằng nước lạnh xong tôi bình tĩnh lại, lo cho hai cháu ăn cơm chiều xong thì anh Vũ về. Khi chúng tôi ăn cơm tối, tôi định kể câu chuyện ban chiều cho anh Vũ nghe nhưng lại thôi vì thấy anh có vẻ mệt và lo lắng.

Loay hoay dọn dẹp, lo cho hai đứa con đi ngủ, rồi tôi cũng quên đi cho đến lúc bước chân vào phòng ngủ một mình vì anh Vũ còn phải tiếp tục làm việc. Những suy nghĩ pha lẫn cảm giác sợ hãi khiến tôi trằn trọc mãi không ngủ được. Thế rồi tôi thiếp đi lúc nào không biết, trong trạng thái nửa tỉnh, nửa mê tôi thấy như có ai đó nắm chân mình giật mạnh khiến tôi mở bừng mắt ra, tôi nhìn quanh nhưng không thấy gì cả ngoại trừ cái cửa sổ phòng ngủ đã bị mở toang hoác, hôm đó trời sáng trắng, ánh sáng từ bên ngoài hắt vào cho tôi thấy chiếc màn cửa đang bị lay động nhẹ nhàng vì gió. Tôi không nhớ rõ lúc vào phòng, tôi có đóng chặt cái cửa này hay không nên định ngồi dậy để đóng lại nhưng không được, dường như có ai đó đang đè mạnh trên người tôi. Tôi quay sang nhìn bên cạnh. Anh Vũ chưa vào ngủ, mền và gối vẫn còn ngay ngắn, tôi chợt nhớ đến câu chuyện buổi chiều, thế là cái sợ ào đến phủ chụp lấy người tôi. Tôi há miệng định kêu anh Vũ nhưng ứ ở không thành tiếng. Nhưng tôi biết

dù có kêu chắc chắn anh cũng không thể nghe được vì cửa phòng ngủ đóng chặt và phòng làm việc cách phòng ngủ hơi xa. Tôi giãy giụa, mồ hôi toát ra ướt đầm cả lưng, tôi nhìn quanh quất tìm cách thoát khỏi tình trạng hiện tại, cảm giác đang bị người nào đó đè vẫn còn những tay chân và đầu tôi vẫn cử động được, do đó tôi luồn tay sang chỗ nằm của anh Vũ, chạm phải cái mền tôi nắm luôn lấy quờ mạnh vào khoảng không trên người đồng thời tìm cách trườn sang chỗ nằm của anh. Vừa lúc đó đèn bật sáng, Vũ bước vào hấp tấp:

- Em làm gì mà kêu ứ ở dữ vậy?

Thế là tôi chòang dậy được, tôi đưa tay chặn lên ngực, cố dẫn lại hơi thở dồn dập trả lời anh:

- Dường như em bị bóng đè!

Vũ chăm chú nhìn tôi, chắc có lẽ thấy khuôn mặt thất thần đầy mồ hôi của tôi nên Vũ ngạc nhiên, anh chạy ra ngoài lấy một cái khăn nhúng nước lạnh đưa tôi, hỏi:

- Em có sao không? Anh nghe tiếng kêu ứ ở trong phòng, như đang có ai đang bị chẹt cổ nên chạy vội vào, không ngờ em bị bóng đè.

Tôi lắc đầu cầm lấy khăn của anh đưa lau mặt cho tỉnh táo rồi ngồi dậy đi thay cái áo ướt mồ hôi và trở lại giường ngủ nhìn chiếc đồng hồ Digital trên tường nói với Vũ:

- Không có gì đâu! anh ngủ đi! mai còn đi làm! hơn 11 giờ rồi!

Vũ thấy tôi có vẻ bình thường trở lại nên không hỏi gì thêm, anh đi ra đóng lại cái cửa sổ, tắt đèn:

- Lần sau trước khi ngủ em nhỏ đóng cửa sổ phòng lại! Trời vào thu rồi, coi chừng gió lạnh bị cảm.

Tôi chỉ vâng một tiếng, rồi nằm xuống, kéo mền quay lưng lại phía anh, nhắm mắt suy nghĩ những chuyện vừa xảy ra. Vũ lên giường và chỉ vài phút sau tôi đã nghe tiếng anh thở đều. Tôi cố gắng không suy nghĩ để tìm lại giấc ngủ nhưng vẫn cứ trằn trọc hết lần qua lại xoay lại không biết bao lâu thì chợt nghe tiếng ẹ Tít! Tít! ẹ vang lên, tôi nhìn lên đầu giường thấy chiếc đèn dò của hệ thống báo động nối liền với phòng ngủ của hai cháu Tí, Tèo đang nhấp nháy. Tôi biết là có đứa đang khóc nên đưa tay tắt để khỏi đánh thức anh Vũ, rồi ngồi dậy chạy qua phòng cháu. Tôi bật đèn lên thấy cháu Tí đang trùm mền kín đầu khóc thút thít khiến tôi rất ngạc nhiên vì cháu rất ngoan, mới 8 tuổi nhưng đã tự làm lấy nhiều việc, rất thương em và không bao giờ quấy rầy bố mẹ. Tôi kêu nhỏ:

- Tí! Sao khóc vậy con?

Nghe tiếng tôi, cháu kéo mền xuống khỏi đầu, trong khi Tèo vẫn ngủ say, thấy tôi nó kêu lên:

- Mẹ ơi! Con sợ!

Nghe cháu kêu tôi chợt nổi da gà, nhưng lòng thương con khiến tôi trấn áp được sự sợ hãi. Tôi bước lại gần cháu ôm nó vào lòng hỏi:

- Mẹ đây! nói cho mẹ biết con sợ chuyện gì?

Tí ôm lấy tôi khóc òa lên:

- Mẹ! con lại thấy bà nội nữa!

Tôi thấy lạnh người vì câu nói của cháu, nhưng vẫn phải trở đi:

- Chắc con vừa nằm mơ thấy bà nội hả? Bà chết rồi làm sao con còn thấy được?

Tí vẫn ôm chặt lấy tôi, nó nức nở lắc đầu:

- Không! Con đang ngủ thì bà nội nắm chân con lắc lắc! Con mở mắt ra thấy bà đứng ở cạnh giường, bà vẫn mặc cái áo hồi chiều. Bà cười hỏi con có thích đi theo bà không? Con nói không, thì bà nói là ở với bố mẹ này buồn lắm theo bà vui hơn. Con sợ quá nên bất chước.

Tôi ôm chặt Tí vào lòng hơn rồi nói với cháu và cũng để tự trấn an mình:

- Thôi! có mẹ đây không sợ! Bà thương con, bà không làm gì con đâu! để mẹ ngủ đây với con.

Nói xong, tôi đặt nó xuống giường và nằm cạnh nó dỗ cho nó ngủ lại. Thằng bé khóc rầm rức một lúc rồi cũng ngủ thiếp đi. Tôi vừa sợ, vừa hoang mang không dám tắt đèn nằm lăn qua trở lại mãi và rồi cũng thiếp đi lúc nào không hay. Đến lúc tôi giật mình thức giấc thì trời cũng đã tờ mờ sáng, tôi thấy nhức đầu và uể oải vô cùng. Định ngủ tiếp nhưng đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ trên tường thấy đã 6 giờ rưỡi hơn nên tôi ngồi dậy luôn. Thấy hai cháu vẫn ngủ ngon, tôi tắt đèn và đi tắm cho đầu óc tỉnh táo. Sau đó tôi vào nhà bếp chuẩn bị ăn sáng cho anh Vũ và Tí, Tèo.

Đến khoảng 7 giờ rưỡi thì anh Vũ và hai đứa nhỏ thức dậy. Tôi làm vệ sinh cá nhân cho hai cháu xong, bước vào phòng ăn thấy anh Vũ đã ngồi uống cà-phê, đọc báo. Thấy khuôn mặt dù đã được tắm gội nhưng vẫn đọng vẻ mệt mỏi của tôi, Vũ ngạc nhiên:

- Em bị sao vậy? Tối qua mất ngủ hả?

Tôi chưa kịp trả lời thì cháu Tí đã láu táu:

- Tối qua mẹ ngủ với con! Tại con thấy bà nội hai lần, con sợ quá, con khóc nên mẹ phải qua ngủ với con.

Vũ đưa mắt nhìn tôi như dò hỏi, tôi gật đầu ngồi xuống bên cạnh anh kể lại hết những việc xảy ra từ chiều ngày qua. Vũ chẳng nói gì chỉ trầm ngâm suy nghĩ. Là một người có học, được đào tạo tạo sự nghiệp nước mà vẫn minh, khoa học, kỹ thuật... tiến triển vượt bậc, anh hoàn toàn không tin vào những chuyện ma quỷ, dị đoan, hay bùa chú, vở vẩn. Lát sau anh mới hỏi Tí:

- Bà nội thương con lắm! Con có hay nhớ bà không?

Tí lắc đầu:

- Từ ngày bà ra ở riêng con ít nhớ bà lắm!

- Vậy à! Thôi ăn sáng rồi còn đi học con.

Thế rồi anh chẳng nói gì thêm mà chỉ tiếp tục uống cà-phê, ăn sáng rồi ra xe đi làm, tôi cũng lo dọn dẹp qua loa xong đưa cháu Tí đến trường, Tèo đi nhà trẻ, sau đó đến sở làm. Từ ngày lấy anh Vũ tôi lo nhiệm vụ liên lạc thủ tục, kế toán sổ sách và lương bổng cho nhân viên do đó công việc của tôi không còn nhất thiết phải đúng giờ giấc nữa.

Đến trưa vào giờ nghỉ của nhân viên, tôi xuống phòng ăn gặp chị bạn thân tên Mỹ cũng là nhân viên trong hãng, kể cho chị nghe câu chuyện vừa xảy ra. Chị chẳng nói gì chỉ khuyên tôi là nếu còn bị bóng đè nữa

thì nên lấy một con dao lớn để ở đầu giường là hết ngay.

Chiều hôm đó trong lúc đang lo cho hai thằng bé ăn cơm thì Vũ gọi điện thoại về cho biết là dùng chờ cơm vì anh sẽ về rất trễ, hãng Philips ở Hòa Lan vừa gọi Fax qua cho hay hai giàn máy vừa mua của chúng tôi không hoạt động được nên ngày mai anh phải qua Hòa Lan ngay, do đó anh phải ở lại trong hãng chuẩn bị tất cả những gì cần thiết cho chuyến đi.

Đến khoảng gần 10 giờ, sau khi đã cho Tí và Tèo đi ngủ, tôi xuống bếp lấy giấy báo quấn vào con dao chặt thịt đem vô phòng dứt xuống dưới gối. Dù không tin tưởng gì mấy vào việc làm này nhưng thấy có con dao tôi vẫn an tâm một phần nào. Đêm đó có lẽ do sự mệt mỏi của một ngày làm việc cộng với sự mất ngủ đêm trước tôi nhanh chóng đi vào giấc ngủ cho đến lúc giật mình tỉnh giấc vì những tiếng thò khò khè cùng với sự xô đẩy của tấm nệm. Tôi choàng dậy với tay lên đầu giường bật chiếc đèn ngủ nhỏ thì thấy Vũ đang chõ hai tay lên trên như đang xô đẩy giường co với một người nào, trong khi hai chân lại đạp vào khoảng không như cố gắng trì kéo cái gì đó, miệng anh đôi lúc lại ừ ừ kêu lên:

- Không! Không được đâu mẹ!

Lấy nhau đã được hơn 7 năm trời, đây là lần đầu tiên tôi thấy anh ngủ mở nói thành tiếng nên tôi hoảng quá chạy ra của bật đèn lên. Ánh sáng làm cho anh Vũ bình tĩnh, anh ngồi dậy lấy tay giụi mắt nhìn quanh, rồi lại bóp trán như ngạc nhiên không hiểu chuyện gì xảy ra. Mãi một lúc sau anh mới bần thần đưa mắt nhìn tôi:

- Hình như vừa rồi anh nằm mơ thấy mẹ!

Câu nói của Vũ khiến tôi rợn người vì chỉ trong hai ngày liên tiếp hai bố con Vũ nằm ngủ mơ thấy người chết hiện về, ngoài ra tôi còn bị bóng đè. Không hiểu những sự việc này liên hệ gì với nhau không? Thấy tôi im lặng Vũ ngằn ngủ một lúc rồi nói:

- Thôi tắt đèn ngủ đi em! Mai anh còn nhiều việc phải làm!

Anh có vẻ không bận tâm gì lắm trong sự việc vừa xảy ra, nên tôi chỉ nhìn đồng hồ rồi lặng lẽ làm theo lời anh. Đã hơn 3 giờ sáng, tôi đã ngủ được một giấc khá dài không mộng mị hay có mà không nhớ? Tôi trở về giường nằm trần trụi với những ý nghĩ mà không thể tiếp tục ngủ lại được cho đến sáng.

Trưa hôm đó sau khi đưa Vũ ra phi trường San Francisco đi Hòa Lan, tôi trở lại hãng gặp chị Mỹ kể cho chị nghe việc Vũ ngủ mơ. Chị dẫn đi một lúc rồi đưa tôi địa chỉ của một bà thầy coi. Tử Vi, tướng số, khuyên rằng:

- Nếu còn tiếp tục xảy ra những việc như vậy nữa thì Lý nên đến đây nhờ bà này coi bói thử xem sao. Bà này coi rất hay nhưng hơi đắt, mỗi lần coi 50 Dollar và cho biết không nhiều.

Tôi cầm lấy địa chỉ của Mỹ đưa ngạc nhiên định hỏi, thì chị nói:

- Tôi chưa đến đó bao giờ nhưng có mấy người bạn coi rồi cho biết là bà này khi coi còn cho biết cả sự liên hệ với những thân nhân đã chết nữa.

Đến chiều tôi gọi điện thoại cho cô Thủy, em ruột của Vũ cho hay anh Vũ đã đi Hòa Lan và nói Thủy đến ngủ chung với tôi vì ở nhà một mình với hai đứa nhỏ tôi cũng sợ, tuy nhiên tôi không kể cho Thủy nghe về những việc đã xảy ra hai ngày qua.

Khoảng 7 giờ trong lúc tôi vừa tắm rửa cho Tí và Tèo xong thì nghe tiếng chuông cửa, tôi đưa cho Tí bộ quần áo của nó:

- Con mặc vào đi! Chắc cô Thủy đến.

Tôi ra đến cửa chưa kịp nhìn xem ai đã nghe tiếng gõ gọi:

- Chị Lý ơi! Thủy đây!

Tôi mở cửa cho Thủy vào, thấy Thủy mang một va-li nhỏ tôi cười:

- Cô ăn cơm chưa? Đến đây ngủ mấy hôm mà mang nhiều thế! Đưa đây chị xách cho.

Thủy liến thoắng:

- Quen rồi chị ạ! đi đâu vài ngày em đều mang như thế hết! Không như ở Việt Nam đến nhà ai ngủ chỉ mang mỗi cái thân trần.

Tôi cầm lấy chiếc va-li đưa Thủy vào nhà, hai chị em vừa đi đến trước cửa phòng ngủ thì chợt nghe cháu Tí kêu thất thanh:

- Mẹ ơi!

Tôi hốt hoảng buông vội va-li xuống đất, chạy vào phòng tắm thấy cháu mắt tái xanh tôi hỏi:

- Chuyện gì vậy con?

Thấy tôi cháu òa lên khóc nức nở:

- Bà nội! Con vừa thấy bà nội nữa.

Tôi điếng cả người ôm vội lấy cháu dỗ dành:

- Nín đi con! Mẹ có thấy ai đâu?

Vừa lúc đó Thủy cũng bước vào:

- Tí làm gì đó? Cô Thủy đây!

Vừa nói Thủy vừa ôm lấy cháu Tèo đang đứng ngơ ngác bên cạnh. Tôi cố gắng lờ đi như không có gì xảy ra:

- Không có gì đâu Thủy! Hôm qua nó nằm mơ thấy bà nội, đến hôm nay còn sợ.

Nói xong tôi nắm tay cháu Tí kéo ra ngoài:

- Thôi đừng khóc nữa! Xuống bếp mẹ lấy cơm cho ăn.

Có mẹ và cô, Tí hết sợ nên cháu nín khóc và chỉ mấy phút sau nó đã vui vẻ đùa giỡn với cô. Đến gần 10 giờ tối sau khi hai đứa nhỏ đã đi ngủ, chúng tôi vào phòng nằm nói chuyện vô vấn một lúc đã nghe tiếng Thủy thò đều.

Sáng dậy trong lúc điếm tâm Thủy nói với tôi:

- Kỳ ghê chị ạ! Hôm qua em ngủ ngon nhưng dường như bị ai kéo chân hai ba lần chẳng hiểu là mơ hay thực nhưng cảm giác thì rất rõ ràng. Em tỉnh giấc lúc đó nhưng buồn ngủ quá lại ngủ tiếp ngay.

Đến lúc này thì ý nghĩ linh hồn mẹ Vũ còn lẫn quẩn trong nhà đối với tôi là một sự kiện rõ rệt không thể chối bỏ được. Những ngày sau đó vẫn tiếp tục xảy ra các sự kiện tương tự, lúc thì cháu Tí kêu lên thấy bà nội, hôm thì cô Thủy ngủ bị kéo chân, riêng tôi tử đêm lột con dao dưới gối thì không có chuyện gì xảy ra nữa, nhưng tôi chẳng thể nào ngủ yên giấc được.

Thủy cũng bắt đầu sợ từ lúc tôi kể hết cho cô biết những việc tử đầu những cô

không nỡ để tôi ngủ một mình khi anh Vũ đi vắng nên cô vẫn tiếp tục ở lại với tôi. Chúng tôi quyết định để đèn sáng trong lúc ngủ nhưng chính vì vậy chúng tôi lại bị mất ngủ. Liên tiếp như thế suốt cả tuần lễ tôi và Thủy gầy rộc hẳn đi, phần vì lo lắng không ăn uống được lại thêm mất ngủ, vào hãng làm ai cũng ngạc nhiên. Anh Vũ ở Hòa Lan cũng hay gọi điện thoại về hỏi thăm tình hình trong hãng, ở nhà... nhưng tôi giấu anh mọi chuyện vì sợ anh lo.

Cho đến hôm tôi đi đón anh ở phi trường, vừa thấy tôi anh đã kêu lên:

- Trời ơi! Em làm sao mà hốc hác dữ vậy?

Trên đường về tôi kể hết cho anh nghe mọi chuyện. Anh chỉ lắng nghe không nói gì nhưng nét mặt đăm chiêu, sau đó cho tôi hay là hai dàn máy bán cho hãng Philips đã chạy được những họ quyết định hủy bỏ hợp đồng vì sự khiến dụng quá phức tạp. Tôi nghe mà đầu óc rối bời vì hợp đồng này trị giá 4 triệu Đô-la trong 2 năm và là hợp đồng chính của chúng tôi hiện nay. Mất hợp đồng này chúng tôi sẽ phải sa thải ít nhất là một nửa số công nhân trong hãng và tương lai của hãng chưa biết ra sao.

Cô Thủy mừng rỡ khi thấy Vũ về, cô hỏi thăm anh về chuyến đi một lúc rồi vội vã thu xếp đồ đạc ra về. Tối hôm đó chúng tôi thức đến khuya để bàn tính công việc cho đến lúc Vũ quá mệt phải đi ngủ. Tôi cũng mệt mỏi thiếp đi trong giấc ngủ chợt chồn đầy lo âu không biết độ bao lâu thì chợt thấy như có ai nắm tóc mình kéo mạnh khiến tôi đau điếng cả đầu. Tôi quay đầu nhìn lên, thấy mẹ Vũ đang đứng ở đầu giường, hai tay xoắn lấy tóc tôi miệng quát:

- Con hủ thối này! Sao mà chưa ra khỏi nhà tao? Tao phải dần cho mày một trận mới được!

Vừa nói bà ghi đầu tôi xuống giường. Tôi vùng vẫy, giãy giụa, hai tay tôi nắm lấy hai cổ tay bà cố gỡ tóc ra nhưng không được. Đau quá tôi phát khóc thành tiếng:

- Mẹ! Con có làm gì đâu sao mẹ nắm tóc con? Bà cười gằn ghi mạnh thêm:

- Không có mày con tao không bao giờ cho tao đi ở nhà khác!

Chợt nhớ đến con dao, tôi cố xoay người lại buông một tay ra luồn xuống gối chụp lấy nó chặt mạnh luôn vào tay bà không suy nghĩ. Mẹ Vũ hét lên một tiếng đau đớn đầy ai oán buông tôi ra rồi biến mất, một bàn tay của bà bị chặt đứt, rất xuống cạnh giường máu tuôn xối xả.

Bất chợt một vùng sáng lóe lên chói chang khiến tôi phải đưa tay che mắt lại rồi tôi nghe tiếng Vũ kêu lớn khiến tôi choàng dậy. Tôi thấy trên tay mình vẫn còn cầm con dao bên ngoài bọc lớp giấy báo, trên mặt tôi còn đọng nước mắt và ở đầu còn cảm giác đau nhức. Tôi ra Vũ nghe tiếng tôi giãy giụa, khóc lóc nên tỉnh ngủ, bật đèn coi chuyện gì xảy ra. Thấy con dao trên tay tôi anh tròn mắt ngạc nhiên, bước lại ngồi xuống bên tôi:

- Ô đầu mà em có con dao vậy? Kể cho anh nghe mơ thấy gì?

Tôi thuật cho anh nghe giấc mơ nhưng giấu đoạn chặt đứt tay bà cụ, nghe xong Vũ có vẻ úc úc, rồi anh đề nghị:

- Mai em gọi điện thoại cho thím Hiệp hỏi ý kiến xem sao! Nhờ kể hết mọi chuyện!

Nói xong anh trở về chỗ nằm ngủ tiếp. Sáng ra vừa thấy tôi anh hỏi một câu khiến tôi chết sững cả người:

- Hôm qua trong giấc mơ có giảng cơ với nhau, em chặt đứt tay mẹ phải không?

Tôi ngượng ngùng gật đầu:

- Em kể tiếp cho anh biết đoạn đó! Sở anh cho là em bất kính với mẹ. Nhưng sao anh biết?

Vũ thở dài buồn bã, nhưng anh không có vẻ gì trách móc tôi:

- Lúc ngủ lại đêm qua anh thấy mẹ hiện ra gọi anh đi theo. Anh cự tuyệt, mẹ mới nói là ở làm gì với con đàn bà ác độc chặt đứt tay của mẹ. Anh biết không phải lỗi của em, hơn nữa lại chỉ là chuyện trong mơ. Chán thật! Việc làm ăn chẳng ra thế nào lại thêm chuyện này.

Tôi nói cho anh biết thêm về lời khuyên của chị Mỹ. Anh nhìn tôi mấy giây rồi gật đầu đồng ý:

- Vậy em lấy hẹn đi rồi mình tôi!

Sáng ngày đó, sau khi thông báo cho tất cả mọi người trong hãng biết quyết định của chúng tôi là do tình trạng hợp đồng đặt hàng suy giảm, từ tuần tôi sẽ giảm số giờ làm việc trong ngày xuống còn 4 tiếng đồng hồ cho tất cả mọi người trong khi chờ đợi có thêm hợp đồng mới thay vì phải sa thải một số người, tôi và Vũ, đi coi bói vì lúc gọi lấy hẹn bà này cho biết có thể đến ngay sáng nay.

Chúng tôi đến nơi phải ngồi chờ độ 20 phút vì bà thầy bói, mọi người gọi là bà N. đang tiếp một người khách khác. Lát sau bà N. mời chúng tôi vào trong phòng làm việc. Đó là một phòng rộng khoảng 16 mét vuông, có một tủ lớn thờ Phật đối diện với cửa vào đang thấp hướng nghi ngút, tạo một không khí trang nghiêm, giữa là một chiếc bàn trải khăn nhưng đồ kê 3 cái ghế.

Theo lời chị Mỹ dặn, chúng tôi chỉ đưa ngày và giờ sinh của mẹ Vũ cho bà N. rồi nhờ bà lấy và giải đoán lá số Tử vi cho mẹ Vũ. Bà N. mời chúng tôi ngồi vào bàn và cầm mảnh giấy ghi ngày giờ sinh của mẹ Vũ đi sang phòng bên cạnh, chừng 10 phút sau trở ra với một tờ giấy in đầy những đường kẻ ngang dọc và tên các ngôi sao. Tôi liếc nhìn qua, thì ra đó là lá số Tử vi của mẹ Vũ được in bằng Computer. Bà N. đặt lá số lên bàn, ngồi vào chiếc ghế đối diện với chúng tôi, chăm chú quan sát anh Vũ, rồi quay sang tôi, đoạn nhìn vào lá số, mấy phút sau bà mới tử tốn nói:

- Nếu tôi không lầm thì cụ thân sinh ra anh hay chị đây đã mất rồi. Có phải không?

Tôi và Vũ giật mình nhìn nhau, Vũ gật đầu đồng thời bấm nhẹ tay tôi ra hiệu dừng nói gì hết. Bà N. tiếp tục nhìn vào lá số lầm nhảm tính toán rồi lắc đầu:

- Khó nói thật! Anh chị có thể ra ngoài chờ tôi ít phút được không?

Tôi và Vũ ngạc nhiên nhưng đành phải đứng lên đi ra ngoài phòng chờ. Hơn 20 phút sau bà N. mở cửa mời chúng tôi vào lại, bà nghiêm nghị nhìn hai đứa chúng tôi chậm rãi nói:

- Tôi nói anh chị tin hay không thì tùy! Coi cho người chết thì không có gì nhiều để nói. Bà cụ này sinh thời là một người khó tính, rất thương con cháu, nhưng lại rất ít khi vừa lòng họ, lúc chết mặc một chiếc áo nhung đen hoặc xanh đậm, đầu quấn khăn, vì đám tang không có lễ cầu siêu nên linh hồn không siêu thoát, còn vướng vấn những người thân nên hiện vẫn lẩn quẩn trong nhà. Anh chị nên về tổ chức cầu siêu cho bà cụ. Nếu không hồn cụ sẽ khổ siêu thoát, quấy phá con cháu không làm ăn gì được đâu.

Tôi và anh Vũ xanh mặt ngồi cứng người không nói được tiếng nào. Phải mấy phút sau hai đứa tôi mới dũng dấy trả lời, cảm ơn và ra về. Ra đến ngoài xe chúng tôi hầu như vẫn chưa tin được là bà N. có thể biết được những sự việc không hề mắt thấy, tai nghe như thế. Tuy nhiên hai chúng tôi đều đồng ý là phải tổ chức lễ cầu siêu cho mẹ Vũ càng sớm càng tốt.

Ngày trong ngày đó, tôi liên lạc với thím Hiệp nhờ thím liên lạc với chùa Kim Sơn tổ chức một lễ cầu siêu cho mẹ Vũ vào cuối tuần. Trong lúc làm lễ có sự hiện diện của mọi người trong gia đình và họ hàng, trừ ông bố Vũ, ông nhất định không chịu đến tham dự dù Vũ đã nói hết lời. Buổi lễ do một Đại Đức trên chùa Kim Sơn chủ trì. Lúc ra về Đại Đức còn căn dặn thêm rằng mỗi tối trước khi đi ngủ, gia đình nên đọc thêm kinh cầu siêu.

Từ sau hôm cầu siêu cho bà cụ, mỗi tối theo lời dặn của vị Đại Đức tôi và Vũ đều tụng kinh A Di Đà một lần trước khi đi ngủ. Hơn một tuần trôi qua chẳng có chuyện gì xảy ra, cháu Tí cũng không còn thấy bà nội nữa, chúng tôi đã hồi yên tâm cho đến một ngày bố Vũ nhờ hai đứa cháu nội quá mời đến chơi, thăm cháu, ngủ lại đêm. Ông cụ ngủ ở căn phòng trước đây hai ông bà đã ở. Đầu khoảng hai ba giờ khuya chúng tôi đang ngon giấc thì nghe tiếng quát tháo om sòm bên phòng bố Vũ. Tưởng ông cụ không bằng lòng điều gì nên bực mình la hét giữa đêm, chúng tôi chạy qua bật đèn coi chuyện gì thì cụ vẫn nằm trên giường, mắt vẫn nhắm, một tay chỉ lên trần quát:

- Bà đi ngay cho tôi nhờ! Bà chết rồi còn về đây làm gì nữa? Cái gì thè xanh? Ầ! Cái thè thường trú! Được rồi tôi sẽ báo chúng nó!

Tôi và Vũ điếng người chạy lại nắm lấy tay chân ông cụ lay mạnh, kêu lớn:

- Bó! Bó! tỉnh dậy!

Lay vài cái thì bố Vũ mở choàng mắt ngơ ngác ngồi dậy:

- Cái gì thế? Cái gì mà các con đánh thừ bố thế?

Vũ nhanh chóng lấy lại bình tĩnh nhỏ nhẹ trả lời:

- Chúng con thấy bố ngủ mở la lộn tiếng quá nên chạy qua thôi chủ không có chuyện gì cả. Bố thấy gì mà la dữ vậy?

Ông cụ nhíu mày nhìn chúng tôi, lắc lắc đầu mấy cái như để nhớ lại giấc mơ rồi gật gù:

- Ầ! bố nhớ ra rồi! Bố mơ thấy mẹ các con! Bà ấy nói chưa đi được vì còn thiếu cái thè xanh thường trú (*Thè xanh: Greencard: Thẻ cư trú trên nước Mỹ, giống như*

Aufenthaltberechtigung). Phải đốt đi thì mẹ các con mới siêu độ được.

Cái chi tiết này thật không ai ngờ, nó vừa có vẻ khôi hài mà vừa có lý, Vũ gật đầu nói với bố:

- Chủ nhật tới chúng con sẽ lên chùa làm lễ đốt thè xanh cho mẹ! Thôi bố ngủ đi!

Thế rồi sau đó chúng tôi lại lên chùa Kim Sơn lần nữa làm lễ đốt thè xanh cho mẹ Vũ. Suốt trong thời gian đó, Vũ và tôi vừa lo vừa buồn chuyện làm ăn, chuyện nhà nên ăn uống không điều độ, rồi lại bị mất ngủ nên cả hai chúng tôi sụt cân, gầy rộc cả người. Bạn bè gặp ai cũng ngạc nhiên không ngờ chúng tôi xuống sắc như vậy.

Chừng độ hai tuần lễ sau, vào ngày thứ bảy cuối tuần, Vũ nằm mơ thấy mẹ hiện về cho biết là đến lúc phải ra đi, không được chần chờ nín kéo gì nữa. Từ đó đến nay đã hơn 8 tháng không còn chuyện gì xảy ra nữa. Một điểm đặc biệt là chỉ 3 ngày sau khi bà cụ tử biệt Vũ trong mơ chúng tôi ký được một hợp đồng khác với hãng Siemens thế vào chỗ hợp đồng cũ bị hủy bỏ khiến mọi người ai cũng vui mừng".

Chúng tôi ngồi yên lặng nghe chị Lý kể từ đầu đến cuối, không hề chen vào một câu hỏi giữa chừng. Cho đến lúc chị Lý chấm dứt câu chuyện, Vũ mới quay sang hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao về chuyện đó?

Tôi im lặng nhìn anh chị vài giây rồi mới lên tiếng:

- Thì như tôi đã nói ban nãy. Ma chỉ là những linh hồn chưa siêu thoát, còn vướng vấn trần thế, không thể làm hại được ai. Người ta sợ ma phần lớn là do cái tâm nhiều hơn. Câu chuyện của anh chị tôi có thể hiểu được. Linh hồn bác gái khi chết chưa siêu thoát nên lẩn quẩn trong nhà, vì thường con trai, thường cháu nội, nên hay hiện ra níu kéo anh hoặc cháu Tí. Đối với chị thì giữa mẹ chồng và con dâu không thể tránh được những xung khắc nên ngay cả trong lúc nằm mơ chị chỉ thấy những sự kiện không được đẹp cho lắm. Còn việc tại sao cháu Tí thấy bà nội ban ngày, vào những lúc chạng vạng tối, anh chị và bác trai thì chỉ gặp trong mơ tôi có thể giải thích được. Nếu tôi nhớ không lầm thì theo triết lý Phật Giáo, có nhiều cõi giới trong đời sống của chúng ta. Các cõi giới được cấu tạo bởi những nguyên tử có tỉ trọng khác nhau nằm trong các vùng ánh sáng có tần số giao thoa riêng biệt, mắt thường không thể trông thấy được. Cõi giới mà chúng ta đang sống là cõi thấp nhất, vật chất được tạo thành bởi các nguyên tử có trọng lượng riêng nặng nhất, ánh sáng mà chúng ta thấy cũng là ánh sáng có tần số rung thấp nhất. Đối với trẻ con, giác quan của chúng chưa bị nhiễm nhiều -tôi tạm gọi là bụi trần- nên thỉnh thoảng chúng có thể thấy được một vài hình ảnh của cõi giới khác nếu có được một sự giao cảm tương ứng. Còn anh chị và bác trai thì khi ngủ những sóng điện trong người thay đổi nên mới thấy bác hiện ra. Riêng chuyện hủy bỏ hợp đồng với hãng Philips rồi sau đó lại ký được hợp đồng khác

với hãng Siemens trong thời gian đó có thể là một sự ngẫu nhiên thôi.

- Thế còn bà thầy bói N. và những lời giải đoán về lá Tử vi?

Vũ hỏi, anh có vẻ không hoàn toàn đồng ý với sự giải thích của tôi.

Tôi mỉm cười nhìn anh:

- Anh nghĩ sao nếu có giả thuyết cho rằng bà Mỹ nào đó, bạn của chị đây đã cung cấp mọi chi tiết về gia đình anh chị cho bà N.?

Chị Lý lắc đầu xen vào:

- Tôi không tin! Đối với người khác thì có thể có việc đó. Nhưng giữa Mỹ và tôi thì tôi xin bảo đảm là không thể có chuyện đó được. Hơn nữa lúc chết bệnh viện họ không cho đem xác về nên đâu có nhập quan ở nhà mà phải làm trong bệnh viện. Khi thay mặc cho mẹ Vũ cái áo nhung xanh đậm thì chỉ có mặt tôi, Vũ, bố Vũ và mấy người lo việc chung sự của bệnh viện.

Tôi khoát nhẹ tay đính chính:

- Không! Tôi chẳng có ý gì nghi ngờ bà Mỹ bạn chị hết. Tôi chỉ đưa ra giả thuyết để thử tìm một lời giải có tính khoa học chút thôi. Biết đâu bà N. thật sự có khả năng giao cảm với cõi giới khác như những Thiền sư đã đại ngộ có được thiên lý nhãn hay những khả năng phi thường khác.

Vũ dung hòa:

- Anh Nguyễn nói thì cũng không hoàn toàn vô lý! Tuy nhiên có những việc mà khoa học không thể nào lý giải được!

Tôi gạt đầu và tìm cách kết thúc câu chuyện để cáo tử vi thấy trời cũng đã khá tối:

- Chính vì vậy mà Tôn giáo mới có chỗ đứng trong đời sống tâm linh con người! Nếu sự phát triển của khoa học giúp cho đời sống vật chất con người văn minh, tiến bộ hơn Tôn giáo chính là chỗ dựa tinh thần cho con người mỗi khi hoài nghi, tuyệt vọng. Do đó theo ý tôi phải tìm hiểu và tin theo Tôn giáo trong tinh thần khoa học, nếu không chúng ta dễ trở nên mê tín, dị đoan rồi từ đó đi đến sự cuồng tín cho rằng chỉ có Tôn giáo mình theo là nhất. Các Tôn giáo khác là nhằm nhí hay thất kém không đáng để ý hoặc tin theo. Thôi! giờ cũng đã tối rồi, chúng tôi phải về, hẹn gặp lại anh chị vào dịp khác.

Nói xong tôi nháy mắt cho vợ tôi đứng lên từ ghế anh chị Vũ ra về. Anh chị Vũ đứng lên theo, Vũ đưa tay bắt chạt tay tôi:

- Tôi rất đồng ý những điều anh vừa nói. Chính vì thế mà lúc đầu tôi cho là Lý mở hoàng dù không nói ra. Mãi sau khi chính mình bị mở như vậy tôi mới tin.

Trên đường về vừa lái xe đôi lúc tôi lại ngước mắt nhìn lên bầu trời mùa hè trong vắt với những vì sao rồi nhớ đến mấy câu thơ của Tiến sĩ Trần Kim Thạch dạy môn địa chất ở Đại Học Khoa Học để thấy con người sao quá nhỏ nhoi so với vũ trụ vô bờ:

*Thuyền nan này quá Địa cầu,
Buồm dương trời khách lần vào hư vô.
Mênh mông vũ trụ không bờ,
Phong ba đâu dám mong chờ bến an.*

(Frankfurt, tháng 9/96)

Có một lần như thế

* Nhất Thanh

Có một lần như thế, tôi được tháp tùng cùng một đoàn Phật tử ở Đức về, cùng với quý Ni sư, Sư cô chùa Bảo Vân đi ủy lạo tại trại Dưỡng Lão và người tàn tật Chánh Phủ Hòa tỉnh Sông Bé. Điều tôi muốn nói là có một lần như thế, tôi được dịp nhìn lại mình, nhìn lại cuộc đời trong ý niệm thật là dễ thương, thật là khả ái.

Xe ra khỏi thành phố khi nắng mai vừa đủ làm lóng lánh giọt sương trên đầu ngọn cỏ, băng qua mấy rừng cao su, mấy vườn điều chạy dài theo đại lộ, chúng tôi đến trại Dưỡng Lão và người tàn tật ở xã Chánh Phủ Hòa. Không gian thật yên tĩnh, đẹp và nên thơ. Thoạt đầu, tôi có cảm tưởng đây là một khu điều dưỡng hơn là một trại tàn tật. Ủy lạo là gì nhỉ? Ở đây có cái gì cần được an ủi, giúp đỡ? Ờ không! Cái bên ngoài bao giờ cũng vậy. Người ta thường đánh giá sự vật qua cái bên ngoài. Cuộc đời này cũng thế, người ta thường tỏ son trát phấn cho những mụn mằm đau khổ, với biết bao danh từ, với biết bao nhãn hiệu.

Khu trại rộn hân lên khi chúng tôi đến. Một chiếc xe chở hàng đã đến trước chúng tôi, chất sẵn đồ đạc và ra về rồi. Đoàn chúng tôi đặc biệt có các Y Bác sĩ đến để khám bệnh và cho thuốc, có một nhóm lại chuyên việc nấu nướng đãi buổi cơm trưa cho toàn trại. Cả đoàn bắt tay vào việc, ai lo chuyện nấy. Quý Sư cô cùng Phật tử thì lo chia quà, nào mì gói, xà phòng, dầu gió, bánh kẹo, quần áo... Tôi theo một Sư cô trưởng đoàn cùng bác Quý và cô Mỹ Liên - những Phật tử tử Đức mới về mang theo tiền và quà của các Phật tử Việt Nam ủng hộ - sang từng trại thăm các trại viên. Toàn trại có đến 1030 người, được chia ra nhiều thành phần, nam riêng, nữ riêng, già trẻ lớn bé ai cũng có phần riêng - cái phần thân thể mà cuộc đời bất hạnh đã mang lại cho họ: Điếc, câm, mù, liệt v.v... Có người đã gần trăm tuổi, có kẻ còn bé trên tay, ai cũng nhếch nhác, què quặt, thương tật và tội nghiệp. Bất giác trong tôi trào lên một niềm cảm xúc vô biên. Dĩ nhiên tôi không muốn nói đến lòng thương hại. Vâng! Tôi nhớ đến câu kệ trong Kinh Phổ Môn: "Từ nhân thị chúng sanh". Đem con mắt Tử bi để nhìn chúng sanh, mà chúng sanh trong đó có tôi, có anh, có tất cả mọi người chúng ta. Lòng thương hại không có chỗ đứng trong ý nghĩa đích thực của Tử thiện. Chẳng phải trong Kinh Hoa Nghiêm đã từng nói "Bất cứ một sinh vật nào chúng ta

đã gặp trong cuộc đời này đều đã từng là cha ta, mẹ ta, anh em bạn bè, họ hàng cô bác của ta trong vô lượng kiếp luân hồi đó sao? Thế thì giữa thực tại đau khổ này không có lòng thương hại, bởi vì như thế thì sẽ có nhân ngã bi thủ, sẽ có kẻ thân người số. Hạnh phúc và đau khổ, cái xấu và cái đẹp giống như hai cánh tay của một thân thể, nếu chặt bỏ một cánh tay nào cũng chỉ làm cho thân này đau thêm mà thôi. Hãy nhìn sự đau khổ của họ như chính nỗi đau của mình, và như thế trong ta chỉ có yêu thương, chỉ có lòng tử bi vô hạn với đúng ý nghĩa của danh từ, và chỉ một lần như thế, ta cũng đủ thấy an lạc trong nền trời cảm thạch của giáo pháp Như Lai.

Chúng tôi đến thăm từng trại một, phát quà và tiền cho từng người. Họ thật dễ thương, thật tội nghiệp. Thượng đế đã quên họ? Hay chính họ chúng mình sự bất toàn của Thượng đế? Không! Chính con người đã thay mặt Thượng đế nhớ đến họ, không phân biệt màu da, sắc tộc hay địa phương, không phân biệt người đang ở Việt Nam hay hải ngoại. Tôi đã thấy một Sư cô đến ngồi bên vuốt tóc họ, tôi đã thấy bác Quý đến vỗ vai hỏi han về số phận của từng người, tôi đã thấy cô Mỹ Liên hai tay cung kính tặng tiền và quà cho từng cụ già, hai má cô ửng lợt. Cô đã thấy hình ảnh cuộc đời, hay thấy chính nỗi đau của mình? Có đang đau khổ hay hạnh phúc? hay chính đau khổ và hạnh phúc đang trộn lẫn? Có lẽ đến Chùa, Phật cũng phải đắn đo trước giờ lên ngôi Phật, Chúa (!).

Bất giác tôi thầm ghen tị với họ: Trưa nay họ có một bữa bánh canh ngon lành do đoàn chiêu đãi, có chè đậu thơm ngon, có quần áo mới, có thuốc giảm đau, có tiền ra quán. Hôm nay họ có một chỗ nghỉ ngơi, đầu chỉ là một nền xi-măng với một manh chiếu rách. Còn chúng tôi, mồ hôi nhễ nhại, bụng đói cồn cào vì phần chia quà cáp. Quý vị Bác sĩ thì khám bệnh không kịp cho cả ngàn người, nước không có thì giờ để uống. Họ nhờ chúng tôi hay chúng tôi đã nhờ họ? Nhờ họ mà ngày hôm nay chúng tôi không làm một việc ác nào khác, không nghĩ một chuyện làm hại ai. Nhờ họ mà tôi mới hiểu ra một lời vàng ngọc trong Thánh điển: "Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật".

.....
Đoàn chúng tôi ra về trong niềm an lạc. Tiếng chuông chùa của trại cũ trầm tĩnh vang dứa lẳng dần trong mưa bụi. Ngoài kia, dòng đời vẫn trôi chảy miên man.

Những cái xấu dễ thương những niềm yêu dễ ghét.

Cúng tử ta, tất cả ở trong ta.

Ta biết vậy nên phở chiều bỗng đẹp.

Khê hé môi cười cho muôn sự đi qua.

Sài Gòn, Mùa An Cú Bình Tỵ



VĂN, THƠ... người !?

•Diệp Trung Phùng

Tháng 5 năm 1992, Nhà xuất bản Văn Học Hà Nội cho ấn hành một quyển sách của nhà thơ Xuân Sách, có tựa đề: *Chân Dung Nhà Văn*. Tác phẩm chỉ dày hơn một trăm trang, nhưng tiếng vang của nó lan rộng trong cả nước... Giới lãnh đạo chớp bu của Đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) giật mình... chỉ thị cho các quan hữu trách thu hồi ngay cuốn sách vừa in xong, chưa kịp phát hành rộng rãi. Tuy bị thu hồi, nhưng cuốn sách đã vượt rào, đến tận tay độc giả ở trong và ngoài nước, bằng những bản chép tay, Photocopie.

Cuốn *Chân Dung Nhà Văn* có nội dung ra sao mà các nhà tư tưởng của Đảng CSVN lên cơn "sốc" như vậy?

Xin thưa! Đó chỉ là một tập văn, viết dưới dạng những câu thơ - như dạng thơ vịnh - nói về đặc điểm thân thế, cá tính, tư tưởng, kết cục... của hơn 100 nhà Văn, nhà Thơ đã, đang sống dưới chế độ Đảng CSVN trị vì trong hơn 50 năm qua. Xuân Sách đã viết cuốn sách này ròng rã hơn 30 năm. Ngay ở giữa những năm 60, tác giả bài viết này đã được bạn bè rỉ tai những dòng Xuân Sách viết về các nhà văn tiền chiến... rồi thích thú cùng bạn bè bình phẩm, tán thưởng.

Chỗ đặc biệt của tác phẩm viết bằng văn vần này là: Xuân Sách lấy ngay tên những bài viết, những tác phẩm của chính tác giả đó, sắp xếp, khâu chuỗi lại thành thơ... Đọc xong, người đọc biết ngay đó là Ai, những thăng trầm của tác giả... và điều quan trọng, cảm nhận về con người được Xuân Sách "vẽ chân dung"... Tuy không có một lời bình luận, những người đọc hoàn toàn thấu hiểu được những gì Xuân Sách muốn nói, nói hộ...

Xin đón cử một số bài thơ "Vịnh" về một trong hơn 100 nhà văn, nhà thơ được "vẽ" trong *Chân Dung Nhà Văn*.

Trước hết, xin điểm qua vài khuôn mặt "Quan văn nghệ".

Người đầu tiên phải kể là Lê Đức Thọ.

Lúc sinh thời (nay đã chết) ông ta Ủy viên Bộ Chính Trị, Trưởng Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng CSVN (quyền thế chỉ sau Lê Duẩn). Ông thực sự là Hung Thần đối với các vụ án "Xét lại chống Đảng" với những người không đồng nhất quan điểm...

Khi đi hoạt động Cách Mạng cũng có làm thơ...

Chiến tranh Nam-Bắc đi tới giai đoạn cuối (1968), được Lê Duẩn cử sang trực tiếp thay mặt ĐCSVN nói chuyện, yêu sách với Hoa Kỳ... (đại diện Hoa Kỳ lúc đó là Kissinger)

Cuộc chiến chấm dứt. Có tin lan truyền... Trong lúc đàm phán ở Paris... khi vào tiếp quản miền Nam và mở rộng chiến tranh sang Campuchia... Lê Đức Thọ đã vớ vét được nhiều chiến lợi phẩm (vàng, USD Mỹ), đem gửi ở ngân hàng ngoại quốc... (1)

Chuyện ông ta có bồ nhí là một cô hát Chèo tên là H., tất cả được Xuân Sách chấm phá mấy nét nhưng nói lên đầy đủ bản chất của ông:

*Xoắn mãi dây tình, thơ bật ra
Paris thì thích hơn ở nhà
Đông y ắt hẳn hơn Tây dược
Xe tài không bằng xe Volga (2)*

*Trên đời, kim cương là quý nhất,
Thủ đến tình thường dân nghèo ta.
Em chờ chờ anh già, lấm cấm
Còn hơn thẳng trẻ lượn Honda.*

Với Tố Hữu, người có vị trí, chức vụ cao nhất trong công tác lãnh đạo tư tưởng của ĐCSVN, Xuân Sách vẽ dưới khía cạnh khác. Người lãnh đạo giới Văn Học Nghệ Thuật miền Bắc này cũng có một số thành công trong Thi đàn... những tài năng đó chỉ nhằm mục đích phục vụ cho chính sách mà Đảng CSVN đã du nhập của Nga Sô, Tàu... gây nên cuộc chiến tranh huynh đệ tưởng tàn, nổi da xáo thịt, làm cho hàng triệu dân Việt Nam chết uống...

Ông ta là người duy nhất, mà trong thi ca của mình, luôn vang lên những câu "giết", "cầm thù", "trà thù" Máu...

Tố Hữu được chấm phá mấy nét ký họa mực Tàu:

*Ta đứng đây đỉnh cao muôn trượng
Mắt trông về tám hướng phía trời xa
Chân đạp lớp bay vào vũ trụ
Lúc trở về, ta lại là ta!*

*Từ Ấy (3) trong lời bình tiếng hát
Trông về Việt Bắc từ mù mây
Nhà càng Lộng Gió, thơ càng nhạt
Máu ở chiến trường, Hoa (3) ở đây! ...*

Nguyễn Đình Thi là Tổng Thư Ký Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật nhiều năm. Là người có tài, tinh thông nhiều lãnh vực: Thơ, Nhạc, Phê Bình, Kịch... luôn luôn muốn ngoi lên cao hơn, trở thành chính khách như Tố Hữu... Nhưng tiếc thay, ĐCSVN vẫn đổ kỵ, khinh thường, thù nghịch Trí thức Văn nghệ sĩ. Nguyễn Đình Thi không được trọng dụng!

Không vừa lòng với cách đối xử của ĐCSVN, ông Thi quay ra sáng tác, gửi gắm nỗi lòng của mình trong trang sách... trong những sáng tác đó, phải kể đến hai vở kịch nổi tiếng là "cố vấn đề": Con Nai Đen, và Nguyễn Trãi ở Đông Quan đã bị các nhà lãnh đạo tư tưởng của đảng phê bình kịch liệt... Đặc biệt về Nguyễn Trãi ở Đông Quan, phải do đích thân Trường Chinh (lúc đó là Ủy viên Bộ Chính Trị, Chủ tịch Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội) xem và quyết định cấm diễn...

Xuân Sách viết về Nguyễn Đình Thi trong *Chân Dung Nhà Văn* thế này:

*Xung Kích tràn lên, nước Võ Bờ
Đã vào lửa đạn hãy còn mơ
Bay chi Mặt Trận Trên Cao áy
Quên chú Nai Đen, vẫn đứng chờ!*

Với những "cây đại thụ" của dòng văn chương tiền chiến (1930-1945), Xuân Sách đã vẽ họ dưới những nét sinh động:

Hoài Thanh là nhà phê bình văn học nổi tiếng. Trước khi đi theo những người CS ông đã có nhiều tác phẩm Phê Bình, Tiểu Luận, Biên Khảo hay, có giá trị... Năm 1939 ông đã khởi xướng, đứng đầu phe Nghệ Thuật vị Nghệ Thuật. Còn phe Nghệ Thuật vị Nhân Sinh do những người CS chủ trì, đứng đầu là Hải Triều (bí danh của Nguyễn Khoa Văn, bố đẻ của Nguyễn Khoa Điềm hiện nay)... Hai bên nổ ra cuộc tranh luận Nghệ Thuật vị Nghệ Thuật hay Nghệ Thuật vị Nhân Sinh, kéo dài nhiều năm...

Khi Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 nổ ra, Hoài Thanh đi theo. Cũng từ đây, ông từ bỏ quan điểm cũ của mình, hòa đồng với quan điểm của bàn Đệ Cường Văn Hóa (đường lối văn hóa của đảng CS Đông Dương thời bấy giờ), do Trường Chinh đề xuất... Hoài Thanh trở thành "tên lính gác cổng" trung thành, mẫn cán của ĐCSVN. Bất cứ nhà văn, các tác phẩm nào có hơi hướng trái với quan điểm của đảng, ông dùng tài năng của mình phê phán gay gắt... nhiều khi trở thành đao to búa lớn, khô cứng... Cuối đời, Hoài Thanh đã nhận ra... ông được miêu tả thật ý nhị:

*Vị Nghệ Thuật nửa cuộc đời,
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên.
Thì Nhân còn một chút duyên
Lại vô cho nát, lại nên cho đau.
Bình thơ đến thuở bạc đầu
Vẫn chưa thể tắt nổi câu nhân tình.
Giật mình, mình lại thưởng mình
Tàn canh, tình rượu, bóng hình cũng tan!*

Huy Cận vốn là Kỹ sư Canh nông, thời Pháp thuộc. Trong Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời năm 1946, ông được bổ nhiệm làm Bộ Trưởng Bộ Canh Nông. Nhiều năm sau này giữ chức Thủ Trưởng Bộ Văn Hóa. Hiện là Chủ tịch Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam (tướng đương hàm Bộ Trưởng).

Huy Cận nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam nhiều năm ở dòng văn học 1930-1945 với các tập *Lửa Thiêng*, bài thơ *Tràng Giang*, *Trời Mỗi Ngày Lại Sáng*...

Đặc biệt hồi đầu những năm 60, ông đã viết bài thơ: *Các Vị La Hán Chùa Tây Phương* rất hay. Được nhiều người đánh giá là một trong vài bài thơ hay nhất của "Thi đàn Cộng Sản".

Huy Cận đáng người to béo, bệ vệ. Ông thường tranh giành những quyền lợi nhỏ nhoi, những xuất đi nước ngoài để kiếm lợi... khiến anh em bạn bè, thuộc cấp khó chịu, ghen tị... Ông cũng thuộc hạng người như nhiều quan chức của ĐCSVN, nói một đường, làm một nẻo, cốt thu lợi. Sống chết mặc bay...

Chỉ được một bài thơ kể trên, tài năng của Huy Cận cũng tàn lụi, thui chột. Ông được miêu tả, "Vẽ" bằng nét bút hài hước:

Các Vị La Hán Chứa Tây Phương.

Các vị gầy quá, tôi thì béo! (4)

Năm xưa tôi hát Vũ Trụ Ca,

Bây giờ tôi hát Đất Nở Hoa.

Tôi hát chiến tranh như thấy hội,

Đừng nên xấu hổ, khi nói dối!

Việc gì úm mặt với mây chau, (5)

Trời Mỗi Ngày Lại Sáng - có sao đâu!

Xuân Diệu (đã mất) là bạn thân của Huy Cận. Là anh em rể (vì Xuân Diệu lấy em gái Huy Cận). Xuân Diệu cũng như Huy Cận nổi tiếng thời tiền chiến. Thơ của ông - giai đoạn 1930-1945 - được nhiều người, nhất là giới trẻ yêu thích. Đó là những bài thơ tình yêu đôi lứa... cho đến nay trên thi đàn Việt Nam vẫn chưa có ai vượt qua nổi Xuân Diệu, lĩnh vực thơ thể loại tình yêu này.

Khi đi theo những người CS, tài năng của ông mất hẳn, không còn ai muốn đọc ông nữa. Thơ ông xuất bản những chỉ là một đồng xáo ngũ, những ngôn từ rỗng tuếch, lúng cụng... khác hẳn với những bài thơ được viết trước năm 1945.

Cuộc đời ông còn là một bi kịch. Bị bệnh đồng tính luyến ái... đến nỗi vợ ông, một nữ đạo diễn, phải chia tay ông. Riêng Chung là tên gọi một tập thơ của ông được xuất bản hồi đầu những năm 60. Nội dung chủ yếu ca ngợi chế độ tập thể (cái chung), nhưng trở trêu thay, hạnh phúc riêng tư của ông không có. Đi ca ngợi, cổ vũ cho cái chung, chỉ là hành động bệnh hoạn...

Nhưng, đọc những vần thơ nói về Xuân Diệu, người ta liền tưởng tới học thuyết quái gở của ĐCSVN về thuyết "Chủ Nghĩa Anh Hùng Tập Thể" do Lê Duẩn và tay chân hô hào, khời xướng... đã thất bại thảm hại, bị lịch sử vứt vào sọt rác! Đó cũng là kết cục của học thuyết Mác-Lênin. Xuân Diệu được lấy làm ẩn dụ cho một lời kết luận. Chân dung của ông được "Vẽ" thật sống động đầy mỉa mai:

Hai đợt sóng dâng, Một Khối Hồng,

Không làm trôi được chút Phấn Thống...

Chao ơi! Ngồi Mỏi, Nhà không mỏi

Riêng còn chẳng có, có chi Chung!

Trong số những nhà Văn, nhà Thơ tiền chiến, ai cũng biết, cũng yêu quý Thế Lữ. Tài năng của ông đa dạng. Ông là người đi tiên phong, cổ vũ cho dòng Thơ Mới (Thơ tự do) mà thời đó trên thi đàn (đầu những năm 1930), chỉ thịnh hành thơ Đường, thơ Lục Bát, và các thể thơ có quy tắc...

Ông tả xung, hữu đột với phái thủ cựu khu vực giữ lấy thể thơ cũ... và cuối cùng quan điểm của ông, được đồng đạo người làm thơ, yêu thơ đương thời tán thưởng. Nhờ vậy, nền Thi Ca Việt Nam hôm nay đã có một bước tiến dài. Công lao đó có một phần do Thế Lữ đóng góp! Tác phẩm nổi tiếng của ông rất nhiều, nhưng phải nói đến bài thơ Nhỏ Rừng.

Theo nhiều sách báo, và những người lớn tuổi đã sống qua thời kỳ đó nói lại: Bài thơ đăng tải trên báo, ngay lập tức được giới trẻ đón nhận nồng nhiệt... đến nỗi, ai đã đọc qua

một lần, đều tán đồng quan điểm, tuyên ngôn của tác giả phản ánh trong bài thơ... Đọc xong, ghi nhớ ngay nội dung, hoặc thuộc lòng nhiều câu, thậm chí cả bài (dài gần một trăm câu). Bài thơ được viết ở thể Thơ Mới!

Cũng như nhiều người khác, khi đi theo những người CS, tài năng của Thế Lữ bị thui chột, ông không còn sáng tác được gì nữa, chuyển sang hoạt động ở lĩnh vực sân khấu, nghiên cứu... rồi chết già trong niềm luyến tiếc khắc khoải...

Bài thơ Nhỏ Rừng là "Lời Của Một Con Hổ Trong Vườn Bách Thú" - như lời đề tựa ở đầu bài thơ của ông: Con Hổ, lúc còn tự do, tung hoành ở rừng sâu, nó anh hùng biết chừng nào. Khi bị bắt nhốt trong cũi sắt ở vườn Bách Thú để làm cảnh, nó buồn... chết dần chết mòn. Trước khi liạ đời, nó còn thốt lên thê thảm: "... Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu!". Lời Tuyên Ngôn về Tự Do, được hình tượng hóa bằng con Hổ, trình bày trong bài thơ Nhỏ Rừng thật hay! Phải chăng, Bài thơ là một di ngôn của Thế Lữ, đã vận ngay vào chính cuộc đời ông.

Với Tiếng Sáo Thiên Thai diu dặt

Mở ra dòng thơ mới cho đời

Bỏ rừng già về Vườn Bách Thú!

Con Hổ buồn lặng lẽ trút tàn hơi!

Nguyễn Tuấn là nhà Văn lớn của Văn Đàn Việt Nam. Ông nổi tiếng ở thể Kỳ và Truyện Ngắn. Ông có một cá tính mạnh mẽ... đã có lần giữ chức Chủ Tịch Hội Văn Nghệ Kháng Chiến, nhưng với cá tính "mạnh", các quan trên CS không chịu nổi... người ta phải cho ông nghỉ.

Ông rất ghét thói xu nịnh trong văn chương của một số "Văn Nô". Điển hình cho cá tính mạnh của ông là một câu chuyện được nhân dân, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ ở miền Bắc XHCN truyền tụng, cuối một mẻ đã đời:

Một lần ông gửi bài đến cho một tờ Tuần Báo. Biên Tập viên, muốn lấy lòng quan trên (lại vừa dốt nát nữa), đã tùy tiện cắt bỏ, thay thế một số đoạn văn ông Nguyễn đã lao tâm khổ tứ viết ra mà không hỏi ý kiến, không được ông đồng ý...

Khi báo đăng, đọc thấy. Ông Nguyễn nổi trận lôi đình, vác Ba-toong (ông Nguyễn thường dùng nó làm cây gậy chống), đến tận tòa báo kia, tìm nhà Biên tập để... phang!

Ông không chịu viết theo gợi ý của "các Quan". Thích gì, cảm hứng gì... ông viết lấy. Một lần, được triệu tập đến trụ sở Hội Nhà Văn, nghe Bí thư Đảng Đoàn phổ biến phương án Công tác những tháng tới, yêu cầu những nhà văn tập trung sáng tác có nội dung phục vụ cho đợt công tác này. (Thời kỳ đó chiến tranh ở hai miền Nam-Bắc đang ác liệt).

Nguyễn Tuấn không hề viết một dòng nào theo chỉ thị!

Ông viết một bài Tùy Bút nói về... Phò!

Viết xong, gửi đăng ở một tờ báo có tên tuổi ở Thủ đô. Các quan trên tức đờy ruột, những độc giả đón nhận bài viết nồng nhiệt. Chỉ vì cái cá tính mạnh, rất cần cho một nhà Văn tài năng này, mà Nguyễn Tuấn không được lòn ra khỏi lãnh đạo tư tưởng của Đảng.

Cả cuộc đời ông nghèo túng, mặc dù sách của ông xuất bản, tái bản tràn lan, nhưng ông không được đền bù... Ông chết trong nghèo khổ, chua chát... Xuân Sách đã viết về Nguyễn Tuấn với niềm kính trọng:

Vang Bóng Một Thời, đầu để quên

Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên,

Chén rượu Tinh Rừng cay đắng lắm,

Tờ Hoa lại trút lệ ưu phiền.

Nguyễn Công Hoan là nhà văn lớn, nổi tiếng ngay thời còn trẻ, với tác phẩm đầu tay, từ năm 1920. Ông cũng có những nét gần giống Nguyễn Tuấn: Phóng khoáng ngòi bút, không chịu gò bó theo khuôn mẫu của cơ quan lãnh đạo tư tưởng của ĐCSVN.

Thời tiền chiến, các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan nổi tiếng... Đến nỗi, tập truyện ngắn Kép Tú Bền xuất bản hồi đầu những năm 1930, được Hải Triều, đứng đầu nhóm Nghệ Thuật vị Nhân Sinh lấy làm minh chứng cho luận thuyết của nhóm mình... Cũng như những bạn văn cùng lứa tuổi, hoặc đàn em, sau 1945 đi theo Kháng Chiến, ông không viết được tác phẩm nào có tiếng vang nữa.

Khi cuộc chiến tranh chống Pháp kết thúc, trở về Hà Nội, ông viết hai tập trường thiên tiểu thuyết nhan đề: Tranh Tối Tranh Sáng (1957) và Đống Rác Cũ (1962). Sách vừa được phát hành ít lâu, liền bị phê bình gay gắt và bị thu hồi...

Cũng may, ông có người em trai là Lê Văn Lương, Ủy viên Bộ Chính Trị, bạn thân của Phạm Hùng (Nhân vật số 5 trong Bộ Chính Trị), và con trai là Cục Trưởng Cục Phản Giám, bạn thân của Cục Trưởng Cục Bảo Vệ Văn Hóa Văn Nghệ, trong Bộ Công An (cơ quan chủ yếu có quyền phán quyết về các tác phẩm Văn Nghệ...). Hai người đã đỡ đòn cho ông. Nguyễn Công Hoan thoát nạn, chỉ bị phê bình nhẹ. Trong khi những đồng nghiệp cùng thời, có những tác phẩm "có vấn đề" như Hà Minh Tuấn (Vào Đời); Phù Thăng (Phá Vây); Nguyễn Dậu (Mở Hàm)... thì bị đánh chỉ từ! Ông thối chí, gác bút, chấm dứt cuộc đời văn nghiệp đã một thời tiếng nổi như cồn về các tác phẩm mang nặng tính "Hiện thực phê phán" - câu chữ của những nhà lý luận CS gán cho - Sự kiện "thoát nạn" này của Nguyễn Công Hoan được nói "sơ sơ" trong Chân Dung Nhà Văn:

Bác Kép Tú Bền, rõ đến vui

Bởi chúng Tranh Tối, Bác nhàn thôi!

Bởi tung Đống Rác nên trời phạt

Trời phạt chưa xong, Bác đã cười!

Tú Mỏ là nhà thơ trào phúng nổi tiếng thời tiền chiến. Ông dùng tiếng cười để phê phán thói hư tật xấu của người đời để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Có một điều kỳ lạ, thói xấu của con người thì ở đâu, xã hội, chính thể nào cũng có. Ấy thế nhưng khi đi theo "Kháng chiến", ông không thể viết được những vần thơ như trong *Dòng Nước Ngục*, xuất bản trước năm 1945. Nhất là những năm sau 1954, trở về thủ đô Hà Nội, Tú Mỏ treo bút cho đến lúc qua đời.

Xuân Sách mượn ngay cái từ Dòng Nước Ngục... đời, để "Vẽ" về nhà thơ tiền chiến,

vốn kính trọng thi hào trào phúng vĩ đại của dân tộc Tú Xương, nên lấy bút hiệu "Tú Mỡ", mặc dầu thể trạng ông gầy gò... nhưng đi theo "Nụ Cười Kháng Chiến" trở gió, đã phải trở cõ. Không làm nên công trạng, không kế nghiệp được so với Thầy Tú Xương, như lúc chưa đi kháng chiến, còn bởi trong Dòng Nước Ngục...

*Một nắm Xương khô, cũng gọi Mỡ
Quanh năm mùa bút để mua cười
Tuồng Bác vẫn bởi Dòng Nước Ngục
Ai ngờ trở gió, lại trôi xuôi!*

Lưu Trọng Lữ cũng là nhà thơ nổi tiếng trong dòng Văn Thơ tiền chiến. Ông có bài thơ *Tiếng Thu*, hiện đang có nhiều tranh cãi, có người cho rằng, ông lấy từ thơ của một bài của tác giả người Pháp, rồi xào xáo thành bài *Tiếng Thu* của mình. Tuy nhiên, chuyện vẫn không ngã ngũ. Có điều, trong quan hệ công việc, ông có những hành động không "kẻ sĩ":

*Em không nghe mùa Thu
Mùa Thu chỉ có lá!
Em không nghe rừng Thu,
Rừng mưa to gió cá.
Em thích nghe mùa Xuân,
Con Nai "Vờ" ngỡ gác
Nó ca bài *Cải Lương!**

Phạm Huy Thông là nhà thơ nổi tiếng với hai tập thơ duy nhất: *Tiếng Địch Sông Ô* và *Anh Nga* xuất bản những năm 30. Sau năm 1945, ông từ Pháp trở về, đi theo ĐCSVN. Từ đó hoàn toàn không viết được bài thơ nào nữa, chuyển sang dạy học và nghiên cứu khảo cổ. Cuối đời, ông bị bọn Cuồng vào Trấn lột, giết chết tại tư gia. Thế thảm thay! Đáng tiếc cho một tài năng:

*Nếu Trương Lương không thổi Địch Sông Ô,
Liệu Hạng Vũ có lên ngôi Hoàng đế?
Nhưng buồn thay đã đánh mất Ngu Cơ.
Đời chẳng còn gì và thơ cũng thế!*

Thanh Tịnh quê ở Huế. Nổi tiếng với tập truyện *Ngậm Ngại Tim Trầm* xuất bản trước năm 1945. Tháng 8 năm 1945 ông bỏ lại gia đình, vợ con đi theo kháng chiến. Cho đến khi đất nước thống nhất. Ông trở về tìm thân nhân, nhưng không tìm thấy. Ông sống cô độc, với một chiếc giường cá nhân trong khu ở và làm việc của Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội (đuông Lý Nam Đế), cho tới khi qua đời, quân hàm Đại Tá (6)

*Bao năm Ngậm Ngại Tim Trầm
Giã từ Quê Mẹ, xa dòng Hương Giang
Bạc đầu mới biết lạc đường,
Tay không nay lại vẫn hoàn tay không.
Mộng làm giọt nước Ôm sông,
Ôm sông chẳng được, tư lòng gió bay.*

Yến Lan có tập thơ *Bến Mỹ Lăng*, xuất bản trước 1945. Cũng như nhiều văn nghệ sĩ phía Nam, đi kháng chiến, 1954 tập kết ra Bắc... Gần đây, trên báo chí trong nước đăng tải một bài báo của ông, nói về xuất xứ của tập kịch thơ *Kiều Loan*... mà từ trước đến nay ai cũng biết là của Hoàng Cầm.

Đột nhiên, bây giờ, Yến Lan lên tiếng, khẳng định rằng, đó là tác phẩm của mình... cũng như chuyện của một cán bộ Kháng chiến lên tiếng nói rằng, *Tiến Quân Ca* là do ông ta sáng tác, đưa cho Văn Cao xem, rồi Văn Cao đề tên mình... Chuyện chẳng ngã ngũ. Có điều, ý kiến của Yến Lan về vở kịch thơ *Kiều Loan*, làm cho độc giả phải đặt câu hỏi:

- Tại sao bao nhiêu năm, nhất là lúc Hoàng Cầm bị bộ máy "chuyên chính vô sản" dày dọ sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm... không thấy Yến Lan lên tiếng gánh một phần... cho Hoàng Cầm? hay là nhận đó là Tác Phẩm của mình?

*Ra đi từ Bến Mỹ Lăng
Bao năm giấu kín ánh Trăng trong lòng
Tuổi già về lại ven sông
Trăng xưa đã lặn, phải chong đèn dầu.*

Cụ Đầu Xù Tố (Ngô Tất Tố) đã nổi tiếng với các tác phẩm *Tắt Đèn*, *Việc Làng*... xuất bản hồi những năm 30. Trong đó có nhân vật Thằng Mỡ, mỗi khi Làng có việc, Mỡ ta đã nâng nghề chia Xôi, chặt Thịt Gà lên tới mức Nghệ Thuật!... Xuân Sách liên hệ với hiện tại về những Thằng Mỡ thời "Mở Cửa"... về khung cảnh, thời thế... "Vẽ" bọn họ bằng nét vẽ sống động:

*Tài ba Thằng Mỡ cỡ Chuyên Viên
Chia Xôi, chia Thịt, lại chia quyền...
Việc Làng, việc Nước là như thế!
Lộn xộn cho nên phải Tắt Đèn!*

Có một viên chức rất mẫn cán của Văn phòng Hội Nhà Văn Việt Nam là Bùi Hiến. Trước 1945 ông viết được một truyện ngắn tựa đề *Nắm Vạ*. Tác phẩm có đôi chút "hiện thực phê phán" rất vừa khẩu vị của các nhà tư tưởng ĐCSVN. Sau năm 1954, Bùi Hiến được đưa về Hội Nhà Văn "gác cửa" -(làm công tác Đảng)- Thật tài tình, Xuân Sách đã "vẽ" Bùi Hiến vừa trào lộng, vừa tả thực những rất chính xác:

*Sinh ra trong gió cát
Đất Nghệ An khô cằn
Bao nhiêu năm Nắm Vạ
Trước cửa Hội Nhà Văn (!?)*

Đối với những Văn Nghệ Sĩ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bị chính quyền trừ dập... Xuân Sách dành cho họ sự trân trọng, thưởng yêu:

"Cụ Tiên Chi "Văn Cao", tác giả Tiến Quân Ca (Quốc ca của chính thể Cộng Sản Việt Nam) có rất nhiều tài năng. Cụ học vẽ ở trường Mỹ Thuật Đông Dương cùng thời với những Họa sĩ bậc thầy của Việt Nam... nhưng lại nổi tiếng ở lĩnh vực Nhạc. Cụ là ngạ sĩ duy nhất, tác giả Quốc Ca duy nhất trên thế giới còn sống với tác phẩm của mình 51 năm (7)... ngoài ra cụ còn làm thơ, viết phê bình... Trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, cụ bị xếp vào thành phần đầu não, chống đảng. Biệt danh "Cụ Tiên Chi" là do giới Văn Nghệ đặt cho Văn Cao để chỉ tài năng đa dạng của ông, trở thành lời kết tội, kẻ chủ mưu của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Ông bị

vô hiệu hóa, treo bút, sống ngoắc ngoài gần 30 năm.

Lúc bị trừ dập, cụ mượn chén rượu giải sầu: Tàì uống "rượu suông" (uống không có thức nhắm) của cụ thật kinh người. Cụ có thể uống hàng lít một lúc mà sắc diện vẫn như thường, vẫn tỉnh táo.

Múa riu qua mắt thợ, nhà thơ Xuân Sách vẽ Họa sĩ bằng mấy nét chân phưởng, kính trọng, có cá tính:

*Thiên Thai tử giả về đường thế
Nhắc chi ngày ấy Buồn Tàn Thu
Sân đình ngất ngấu ngôi Tiên Chi
Uống rượu say rồi hát Quốc Ca!*

Phùng Quán (mới mất đầu năm 1995) là nhà Văn Trẻ (so với Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt...), quê ở Huế. Đi kháng chiến, ông đã viết tác phẩm *Vượt Côn Đảo*, giải thưởng Văn chương Kháng chiến chống Pháp. Cuộc lên tiếng của Văn nghệ sĩ đòi tự do sáng tác, đòi đảng CSVN không được can thiệp thô bạo vào đời sống văn nghệ (chủ trương của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm)... Phùng Quán tham gia nhiệt tình. Ông viết bài thơ nổi tiếng. Lời Mẹ Dặn... bị trừ dập nặng. Không còn có nguồn sống, Phùng Quán phải đi cầu cá trộm ở Hồ Tây, cố sống để sáng tác! Sau này ông còn viết bài thơ nổi tiếng khác trường ca về Cây Cà. Chân dung của Phùng Quán được phác họa:

*Hồn đã Vượt Côn Đảo,
Thân vẫn còn trong Lao.
Bồi nghe Lời Mẹ Dặn
Nên suốt đời lao đao*

Nguyễn Bình là nhà thơ của sự chia ly, của tình yêu dang dở... Trước năm 1945 ông có tập thơ *Lữ Bức Sang Ngang, Nước Giếng Thối*... Vào Nam, đi kháng chiến, tập kết ra Bắc.

Ông ủng hộ nhiệt tình quan điểm của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm.. bị trừ dập, đuổi khỏi chức vụ Chủ nhiệm Tạp chí Trầm Hoa, khỏi cơ quan Trung ương ở Hà Nội, đưa về Ty Văn Hóa Thông Tin Nam Hà quản thúc... Nghèo, đói, bị o ép về tư tưởng.. Nguyễn phát bệnh chết đúng vào ngày Mồng Một Tết năm 1964 (Bình Ngộ). Tại nhà của một độc giả, người yêu thơ của ông. Xuân Sách viết về Nguyễn với một tấm lòng thương tiếc:

*Hai lần Lữ Bức Sang Ngang
Thương con Buồm đậu trên Giàn Mồng Tơi*

*Trầm Hoa thân cánh rã rời
Thôi đành lấy dấy Giếng Thối làm mờ.*

Hữu Loan là tác giả bài thơ *Màu Tim Hoa Sim* nổi tiếng. Ông tán đồng quan điểm của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, đồng thời phản đối quan điểm hẹp hòi, thiên cận của một số cán bộ trong đơn vị. Ông không chịu được thói hống hách của những người trên... tự ái, bỏ đơn vị, bỏ đảng, về sống tại quê nhà (tỉnh Thanh Hóa).

Ông sống vô cùng cực khổ, phải đi kéo xe bò, đập đá, đập xích-lô... kiếm sống qua ngày để tiếp tục viết. Tập thơ *Thiên Đường*

Máu được ông sáng tác trong những ngày bị nhen chuyên chính vô sản đầy dọ.

Ôi! Màu Tím Hoa Sim

Nhuộm tím cuộc đời dài thế!

Cho đến khi tóc bạc da mồi,

Chưa làm được nhà, còn bạn làm người

Ngoảnh lại Ba mươi năm

Tím mấy nghìn chiều hoang biển biệt!

Hoàng Cầm là nhà thơ nổi tiếng cả hai thời kỳ Tiền chiến và Kháng chiến. Khi đang làm Trưởng đoàn Văn Công Tổng Cục Chính Trị, ông đã dẫn thân đi theo, bảo vệ chân lý, ủng hộ các bạn, thể hiện ở phong trào đòi tự do sáng tác và các quyền cơ bản của người Nghệ Sĩ chân chính... trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Hoàng Cầm bị trừng phạt nặng nề, bị đuổi khỏi chức vụ, bị o ép, tù đầy... Tuy vậy ông vẫn lặng lẽ chịu đựng và sáng tác. Tập thơ Lá Diêu Bông ra đời trong thời kỳ này.

Em đi buồn làm chi?

Em không buồn sao được!

Quan họ đã vào Hợp tác

Đồng Hồ Gà, Lợn nuôi chung

Bên Kia Sông Đuống em trông

Tìm đâu thấy Lá Diêu Bông hỏi chàng!

Đối với một số nhà Văn, nhà Thơ được giao trách nhiệm ở một số cương vị lãnh đạo Văn Nghệ, mỗi người có một vẻ... Xuân Sách "vẽ" họ ở các vẻ khác nhau:

Trần Bạch Đằng, lý luận gia gạo cội của Đảng CSVN. Lầm le muốn nhảy lên vũ đài chính trị, tranh giành ảnh hưởng với một vài "chiến hữu" mà ông không phục...

Cùng phe, bạn hữu của Nguyễn Văn Linh. Khi Linh thất thế, cộng với một vài quan điểm, lệch pha với Đào Duy Tùng (khi còn thịnh)... Ông bị thất sủng, quay về viết lách, trường kỳ mai phục. Ông được ký họa rất tả thực qua bốn câu lục bát:

Ván Bài Lật Ngửa tênh hênh

Con đường Thiên Lý gặp gheền mài thời!

Thay tên, đổi họ mấy hồi

Vấn chưa đến được chân trời mộng mở...

Nguyễn Quang Sáng, Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn thành phố Sài Gòn thì:

Ông Năm Hạng trở về đất lùa

Với Chiếc Lược Ngà vượt Trường Sơn

Bồng Mưa Gió Chướng vừa nổi dậy

Ông biến thành Thăng Nộn hình Róm.

Hồ Phương, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, chỉ có hai tác phẩm viết từ hồi Kháng chiến chống Pháp, có chút tiếng vang là: *Có Non* và *Thú Nhà*, sau đó... hết! Chân dung của ông thật sò sài:

Có Non nay chắc đã già

Buồn tênh lại giờ Thú Nhà ra xem.

Nguyễn Ngọc, Nguyên Tổng biên tập Tuần báo Văn Nghệ, tờ báo của Hội Nhà Văn Việt Nam. Tờ báo luôn có những "vấn đề" -nói theo cách của những quan Văn

nghệ cực đoan, của những nhà quản lý tư tưởng của Đảng CSVN.

Quả thật, dưới mỗi thời Tổng Biên Tập, cứ thỉnh thoảng, tờ báo lại tòi ra một vài bài viết, bày tỏ những quan điểm thực, chính thống của người nghệ sĩ chân chính... đã kích cái cơ chế của Đảng CSVN. Lúc đó, các xếp sống lại hoảng lên...

Những dưới thời Nguyễn Ngọc làm Tổng Biên Tập, các quan "Quản lý tư tưởng" của Đảng CSVN thực sự đau đầu! Vì, không phải là thỉnh thoảng nữa, mà liên tục Nguyễn Ngọc cho đăng những bài viết đánh vào Đảng như các bài của: Phùng Gia Lộc, Hoàng Hữu Các, Huy Quang v.v... Ông thật dũng cảm đến độ liều lĩnh. Xuân sách dành cho Nguyễn Ngọc lòng ái mộ:

Mấy lần Đất Nước Đứng Lên!

Đứng lâu cũng mỏi, cho nên phải nằm.

Hại thay một Mạch Nước Ngâm

Cuốn trôi Đất Quảng, lẩn Rừng Xà Nu (8)

Đối với những nhà Văn trẻ, tài năng, mới nổi lên. Xuân Sách đã "vẽ" họ thật sinh động:

Phạm Thị Hoài là nhà Văn nữ. Tác phẩm của cô xuất hiện lần đầu đã chiếm được cảm tình của độc giả. Nhiều bài viết của cô không được báo chí trong nước đăng tải vì có nhiều quan điểm mới lạ... các xếp Văn nghệ chưa "tiêu hóa" kịp. Cô phải đăng tải ở Báo chí, Xuất bản của người Việt ở nước ngoài. Cô được ký họa với những đường nét phóng khoáng

Đầu chín bỏ làm mười, hay mười hai cũng mặc

Chẳng ai dung Thiên Sứ đất này

Dụ đồng đội vào trong Mê Lộ,

Rời bỏ đi du hí suốt Năm Ngày.

Dương Thu Hương là một Nữ tướng trong số những nhà văn, nhà thơ của Văn Đàn Việt Nam, dưới chế độ CS. Chị dám đứng đầu "Nền chuyên chính vô sản"... Trong những cuộc họp quan trọng, trên bục diễn đàn của Đại Hội Nhà Văn Việt Nam... chị bày tỏ quan điểm của mình, của đồng đội một cách thẳng thắn. Chị chống lại đường lối của Đảng CSVN dưới hình thức khái quát hóa, điển hình hóa các nhân vật trong tác phẩm của mình...

Bị vu cáo và bắt tù một cách vô cớ. Chị đã đấu tranh không khoan nhượng và đã chiến thắng. Người ta đã phải xin lỗi, và thả chị. Những nét Vẽ về Dương Thu Hương của Xuân Sách thật đẹp:

Tay em cầm Bông Bần Ly

Bờ cây đỏ thắm làm chi nào lòng

Chuyện Tình Kể Trước Rạng Đông

Hoàng hôn, Áo Vọng vẫn không tới Bờ.

Thiên Đường thì quá Mù mờ

Vĩ Nhân Tinh Lẻ vật vờ bóng Ma

Hành trình thơ ấu đã qua

Hỏi người Hàng xóm còn ta với mình.

Cuối cùng, để kết thúc phần một của bài viết này, tôi xin nói về Lưu Quang Vũ. Đó là

một tài năng tuyệt vời, nhưng tiếc rằng anh đã ra đi quá sớm. Tài hoa, bạc mệnh! Anh đã để lại cho kho tàng kịch nghệ Việt Nam một di sản quí báu (9). Cả nhà Lưu Quang Vũ (vợ, con) đã bị sát hại. Cái giá trả cho sự đấu tranh giành Tự Do, Dân Chủ của người nghệ sĩ ở dưới chế độ do Đảng CSVN trị vì, quá đắt! Đối với gia đình Lưu Quang Vũ, lại càng đắt hơn!

Xuân Sách đã chất vấn hộ chúng ta về cái chết của người nghệ sĩ tài ba:

Cũng muốn tin vào Hoa Hồng.

Tin vào điều không thể mất.

Cả Tôi và cả chúng ta,

Đừng trong đêm lay mà hát!

Ông Không Phải là BỐ Tôi!

Con Chim Sấm Cầm đã chết!

Ông Không Phải là BỐ Tôi!

Con Chim Sấm Cầm Ai Giết?!

Tập Chấn Dung Nhà Văn nói về một trăm nhà Văn, nhà Thơ... Bài viết này chỉ giới thiệu với bạn đọc 114 các khuôn mặt quen thuộc trong số đó. Hiện nay, có người đã mất, có người còn sống... nhưng tất cả họ đều chịu một sự thiệt thòi, khi đi theo, phục vụ cho chế độ do Đảng CSVN trị vì.

Người đã có tài, - Tài năng lụn bại, thui chột đi.

Người tài năng mới trở dậy, muốn vươn lên tới đỉnh cao - Bị tru dập, đàn áp, thậm chí bị sát hại!...

Chủ nghĩa Cộng Sản được du nhập vào Việt Nam thực sự là một tai họa!

Thu Đông 1996

Ghi Chú:

(1) Đến nay, điều nghi vấn đó không còn lạ nữa. Báo chí hải ngoại đã viết về một nguồn tin, do một quan chức Ngân Hàng Mỹ tiết lộ: Việt Nam hiện nay, có hơn 2000 người có tài sản từ 50 triệu USD đến 400 triệu USD đang gửi ở các Ngân Hàng nước ngoài.

(2) Xe du lịch do Liên Xô chế tạo, chỉ dành cho hàng ngũ tử Bộ Trường trở lên sử dụng.

(3) Tập thơ của Tố Hữu nhan đề: Việt Nam Máu và Hoa! Tất cả những chữ in nghiêng đều là tên tác phẩm, của tác giả được Xuân Sách nói đến.

(4) Chùa Tây Phương, thuộc tỉnh Hà Tây (gần Thị xã Sơn Tây). Có rất nhiều bức tượng La Hán, được các nghệ nhân tạc rất sống động.

(5) Hình hài các bức tượng La Hán như người thực: Ông nhìn ăn mà mặc (gầy); nhìn mặc mà ăn (béo); ông nhìn nhỏ, ông cười cợt...

(6) Sau khi ông chết ít lâu, người con trai lim đến, đưa hài cốt Thanh Tịnh về quê hương (Huế) an táng.

(7) Văn Cao viết tác phẩm Tiến Quân Ca của mình từ 1944 đến 1995 mới mất, lính ra được 51 năm.

(8) Đất Quảng và Rừng Xà Nu là hai tác phẩm được Nguyễn Ngọc viết hồi chiến tranh chống Mỹ. Được Giải thưởng Văn Chương Nguyễn Đình Chiểu (ký bút danh Nguyễn Trung Thành).

(9) Lưu Quang Vũ để lại hơn 40 vở kịch phần lớn là hay. Trong đó có vở Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt - Rất hay!



TRO VỀ TỪ CỎI CHẾT

• Tô Vũ

Hôm đó vào ngày chủ nhật 15 tháng 11.1981, tôi lên chùa Khánh Anh dự lễ cầu siêu một người bạn, giáo sư Nguyễn, mất gần hai tháng trước ở Sài Gòn và hôm đó là ngày cúng thất tuần. Sau khi làm lễ trên chính điện, chúng tôi được mời xuống nhà khách để dùng bữa cơm chay. Cơm chay chùa Khánh Anh làm vẫn nổi tiếng là khéo, ngon và hậu hỉ, nên tôi vẫn thích ăn cơm chay ở chùa này. Tôi ngồi cùng bàn với mấy người bạn khác của gia đình ông giáo sư Nguyễn. Đối diện tôi là một cặp vợ chồng trẻ, khoảng 30 tuổi, có chút khăn tang, tự giới thiệu chồng tên là Minh và vợ tên là Liên, ở Toulouse lên dự lễ, Minh là cháu ruột của giáo sư Nguyễn. Minh và Liên rất lịch sự, lễ phép và dễ thương. Minh nhận được ra tôi vì hồi trước ở Sài Gòn tôi đến nhà ông giáo sư Nguyễn chơi luôn và thường gặp Minh ở đó để ông Nguyễn kèm thi tú tài. Minh giới thiệu vợ với tôi và cho biết Liên là con ông Trung tá Bình ở Không Quân.

Hồi ở Sài Gòn tôi có quen ông Thiếu tá Bình, làm Pi-lót Không Quân. Từ năm 1973 tôi ở ngoại quốc, không liên lạc với ông ta nên không biết ông ta bây giờ ra sao. Tôi liền nói:

- Tôi có quen một ông Thiếu tá Không Quân, tên là Bình. Hồi 1972 ông lái máy bay chiến đấu ở Tân Sơn Nhất. Nhà ông ta ở đường Trương Minh Giảng nổi dài. Tôi có đến chơi nhà khoảng năm 71, 72. Không biết có phải ông Bình là ba của cô Liên không?

Liên nhìn tôi suy nghĩ và tôi cũng nhìn kỹ Liên, thấy có nét hao hao quen thuộc. Bỗng Liên nói:

- Bố cháu là Trần Trọng Bình, nhà cháu trước ở Trương Minh Giảng nổi dài. Không biết bố cháu có phải là bạn của bác không?

- Đúng rồi! ông Trần Trọng Bình là bạn cũ của tôi. Thế ra cô là con ông Bình. Thảo nào tôi nhìn cô có những nét quen quen mà không nhớ ra. Ông bà bây giờ ở đâu, có ở Pháp không?

- À, bây giờ cháu nhớ ra rồi, Liên nói. Bác là bác Vũ. Hồi 71, 72 bác có đến chơi với bố cháu nhiều lần, cháu có chào bác. Hồi đó cháu đang học Văn Khoa. Bố cháu mất rồi, bác ạ, mất hồi 74, bị tai nạn xe hơi. Mẹ cháu bây giờ cũng ở Toulouse gần chỗ cháu ở.

- Trời! Ông Bình chết vì tai nạn xe hơi, lạ quá nhỉ! Lái máy bay chiến đấu, vào sinh ra tử nguy hiểm thế mà không chết lại bị chết vì tai nạn xe hơi! Đầu đuôi ra sao hở cô?

- Đầu năm 73 bố cháu bị thương vì trúng mìn đạn phòng không của Việt Cộng, nên không còn bay nữa. Bố cháu được thăng chức Trung tá và được chuyển về Bộ Tổng Tham Mưu làm việc bàn giấy, ngày đi về hai buổi như công chức. Một hôm vào tháng 7 năm 74, bố cháu lái xe đưa mẹ cháu và em cháu lên Đà Lạt thì bị tai nạn tử thương ở Lâm Đồng. Mẹ cháu và em cháu bị thương nhưng không nguy hiểm đến tính mạng.

- Tội nghiệp quá! Hồi đó tôi ở ngoại quốc nên không biết để chia buồn. Thế rồi sao đó, hồi tháng Tư 75 gia đình cô có bị kẹt không? Hình như ông Bình có mấy người em, có ông làm Bác sĩ Quân y phải không?



- Dạ thưa phải. Chú Yên cháu là bác sĩ quân y, chú Hòa cháu làm giáo sư trung học. Còn cậu Bích là em mẹ cháu làm công chức ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Khi Việt Cộng vào Sài Gòn thì mẹ cháu và em cháu đi được, cả chú Hòa nữa. Còn chú Yên, cậu mợ Bích và cháu bị kẹt lại. Rồi sau vượt biên đi được cả. Cháu và chồng cháu vượt biển tới Pulo Bidong rồi tới Pháp được bốn năm nay. Cái chết của bố cháu nó kỳ dị và lạ lùng lắm.

- Kỳ dị lạ lùng ra sao, tôi hỏi.

- Chuyện khó tin lắm. Cháu chẳng kể cho ai nghe bao giờ vì sợ họ không tin bảo là

chuyện bịa đặt. Nhưng toàn thể gia đình cháu đều được biết và chứng kiến.

- Thế thì cô kể cho tôi nghe vì tôi là bạn của ba cô.

- Bác nói vậy thì cháu xin vâng. Và chẳng sự việc đã xảy ra lâu rồi, bây giờ cũng chẳng cần phải giữ kín nữa. Cháu sẽ gặp bác để kể cho bác nghe.

- Cô vừa nói là ngày mất Sài Gòn, má cô và em cô đi được, sao cô không đi cùng mà lại bị kẹt để phải vượt biên?

- Thưa bác tại số xui nên. Đúng ngày 25.4.75, cháu đi xe đạp bị xe hơi đụng té xuống bất tỉnh. Xe cấp cứu chở vào Bệnh viện Đô Thành, cháu bị gãy xương chân. May mà đầu cháu không việc gì. Mẹ cháu lo quá, nhưng lại càng lo hơn vì mẹ cháu đã chạy chọt cho ba mẹ con cháu đi máy bay qua Mỹ tỵ nạn. Thế mà cháu bị tai nạn! Hai hôm sau thì mẹ cháu được người môi giới gọi để lên Tân Sơn Nhất đáp máy bay đi Guam. Mẹ cháu dửng dăng không muốn đi vì sợ phải bỏ cháu ở lại một mình. Cháu vừa mổ xong, chân bó bột không đi được, cháu phải hết sức năn nỉ mẹ cháu đi trước rồi cháu sẽ tìm cách đi sau. Và chẳng có cậu mợ Bích cháu ở lại không đi, cậu mợ Bích sẵn lòng cho cháu nên mẹ cháu mới an lòng đi cùng với em Nam cháu và gia đình chú Hòa. Còn chú Yên đang công tác ở ngoài Trung nên về không kịp, cũng bị kẹt lại. Bác thấy có phải tại số xui không?

Hôm sau tôi mới vợ chồng Minh và Liên lại nhà tôi dùng cơm, và Liên đã kể cho tôi nghe câu chuyện ly kỳ lạ lùng như sau:

Ông Bình mang mấy cái va-li đặt vào thùng sau xe, chiếc xe Peugeot 404 màu đen, hai hàng ghế bọc vải trắng. Ông nhanh nhẹn trở vào nhà mang nốt ra cái giỏ mây đựng những thức ăn mà bà Bình đã làm sẵn để đi đường ăn. Ông Bình bồi bồi trong giỏ tìm tôi và hỏi bà Bình:

- Em mang những cái gì đi thế này?

- Bánh mì, ba-tê, dăm-bong. Anh muốn gì thêm không?

- Bỏ thêm cho anh hai chai huých-ky Black and White.

- Trên Đà Lạt thiếu gì mà phải mang đi hả anh?

- Để đi đường uống, em à.

- Thôi anh đi, anh lái xe mà. Uống rượu lái xe nguy hiểm lắm.

- Không sao đâu em. Mạng anh lớn lắm. Đại liên phòng không cộng sản bắn lên như mưa mà anh chẳng sao. Lấy cái chai dờ trong tủ lạnh bỏ vào cho anh.

- Anh kỳ quá à, lái xe đường trường mà cũng nghĩ đến rượu chè be bét -bà Bình cự nự-, thôi uống la-de đi anh.. Để em bỏ vào giỏ cho anh mấy chai 33 anh nhé?

- Thôi em à, ông Bình dịu giọng có vẻ nài nỉ. Uống la-de thì củ mấy cây số lại phải xuống xe vào bụi cây phiền lắm.

Liên mỉm cười. Bố nàng thì lúc nào cũng "tếu", dửng dạc phong một ông pi-lót già. Cao lớn, khỏe mạnh, khuôn mặt hao hao giống tài tử điện ảnh Gregoruy Peck, 42 tuổi, ông Bình đã là một trong những pi-lót đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa. Xuất thân trường

quân sự Nam Định, gia nhập Không Quân, ông Bình được cử đi học Marrakech và trở về nước lái những chiếc máy bay đầu tiên của Việt Nam. Mười mấy năm chiến đấu, mấy lần máy bay trúng đạn phòng không địch, lần nào ông cũng may mắn thoát nạn. Cuối cùng vì một mảnh đạn ở ngực làm ông không bay được nữa, ông được chuyển về Bộ Tổng Tham Mưu trông coi phòng vật liệu, "ngồi chơi xơi nước".

Đại bàng gãy cánh, nhưng cũng không làm cho ông buồn. Ngày ngày hai buổi đi làm, "sáng vác ô đi tối vác về" như một công tử chầu, ông đã dành những thì giờ còn lại để sống cuộc sống gia đình, chăm lo săn sóc vợ con, lấy rượu làm thú giải phiền, cái phiền mà ông vẫn gọi là "vạn cổ sầu". Liên chẳng hiểu "vạn cổ sầu" là cái sầu gì mà nó bèn vưng cả vạn năm, bằng cả 100 đời người nếu tính mỗi đời người là 100 tuổi. Liên nghĩ rằng mấy ông "bộm" nhậu, ông nào cũng phải lấy một cái cổ để biện hộ cho cái bệnh ghiền của mình.

Thế rồi đầu cũng vào đấy. Chai huých-ky cũng được xếp vào giỏ và Chúa ô! lại còn thêm gói thịt bò khô, lọ củ kiệu, để đưa cay nữa! Liên lại mỉm cười. Nàng biết tính mẹ nàng lắm. Lúc nào cũng thường yêu chồng con đứt mực, chăm nom chồng con từng ly từng tí, hiền hậu dịu dàng, không bao giờ cáu gắt, mỗi khi không vừa ý điều gì thì tử tốn khuyên bảo con, nài nỉ chồng. Liên vừa kính phục vừa yêu mến mẹ nàng vô cùng, nhất là từ lúc biết rằng mẹ nàng đã từng là nữ sinh hoa khôi trường Trưng Vương Hà Nội những năm trước ngày gia đình di cư vào Sài Gòn. Với một nền giáo dục mới mà bà vẫn giữ được nền nếp và đức tính cổ truyền, quả thực là hiếm có.

- Thôi, bố mẹ đi, con! ông Bình nói. Bây giờ 8 giờ, chắc khoảng 4 giờ chiều tới nơi, nếu cái xe nó không gặp chuyện gì. Thử bày này bố đón con ở phi trường Liên Khàng. Trước khi ra Air Viet Nam, con "phôn" lên trên bác Đính cho bố mẹ biết. Tối nay ngủ sớm, mai vào thi cho bình tĩnh.

- Vâng. Bố mẹ đi mạnh giỏi. Con thi xong thử bày này con sẽ lên, Liên trả lời.

- "Bái, bai" chị Liên. Nam, em Liên vẫy tay chào.

- "Bái, bai" em, lên trên đó gặp bồ chạy nhảy vừa chủ kéo ngã gãy chân tay, nghe em.

Ba Liên cho chạy máy. Liên định quay trở vào, mẹ Liên gọi giật lại:

- À này con. Những thức ăn trong tủ lạnh, tối thử sáu con cho bà Tám hết, rồi con tắt điện xả cho hết đá. Mẹ đã đưa tiền chợ cho bà Tám rồi con khỏi phải đưa nữa.

- Vâng, mẹ yên trí.

- "Bai bai" Liên, ông Bình nói.

- Bố mẹ đi mạnh giỏi, thử bày con lên.

Liên giơ tay vẫy cho đến lúc chiếc xe chạy khuất con đường rồi mới trở vào.

Liên không cùng đi với bố mẹ vì ngày mai phải thi nốt mấy môn trong chứng chỉ văn chương cử nhân văn khoa. Sở dĩ ba mẹ nàng không chờ Liên là vì ngày hôm sau là ngày giỗ ông ngoại, bác Đính là anh trưởng của mẹ nàng ở Đà Lạt làm giỗ. Ông Bình xin nghỉ

một tuần lễ đưa mẹ nàng và Nam lên nghỉ hè luôn thể. Liên thi xong thì lên bằng máy bay rồi ở lại nghỉ với mẹ và em một tháng.

Liên thần thờ như người mất hồn khi đặt điện thoại xuống. Tiếng nói trong máy đã làm tim nàng ngưng lại, chân tay rụng rời có hồ không còn đứng vững và giữ nổi máy nói:

- A-lô! Có phải nhà ông bà Trung tá Bình đấy không?

- Dạ thưa phải nhưng ba má tôi không có nhà. Xin ông cho biết quý danh.

- Cô là con gái ông Trung tá Bình à? Ông Trần Trọng Bình ở Bộ Tổng Tham Mưu phải không?

- Dạ thưa phải.

- Tôi là Đại úy Tiến, Trưởng Ty Cảnh Sát Lâm Đồng. Tôi có tin rất buồn cho cô. Ba má cô bị tử nạn xe hơi trên đường Sài Gòn Đà Lạt. Người em cô bị thương nhẹ hiện nằm ở nhà thương Lâm Đồng. Cô lên ngay lãnh tử thi ba má cô về chôn cất.

Một luồng giá lạnh băng chạy dài khắp xương sống Liên. Đầu Liên lao đảo, Liên phải nắm chặt lấy thành bàn để khỏi ngã. Liên muốn nói mà óc như tê liệt, môi rùng rợn lập cập, nàng lắp bắp thều thào không nên lời.

Trong máy nói ông Đại úy Tiến lo ngại, dồn dập gọi "A-lô! A-lô!" và cả phút đồng hồ sau Liên mới yếu ớt lí nhí những gì không mạch lạc mà chắc ông Đại úy Tiến không hiểu gì. Rồi Liên thần thờ đặt ống nói xuống giá máy, ngã vật xuống chiếc đi-văng cạnh đó. Lúc bấy giờ nước mắt nàng mỗi giàn giọt và nàng đau đớn nức nở nghẹn ngào, kêu liên tiếp "Bố ơi! Mẹ ơi! bố ơi! mẹ ơi!". Một cái gì nhẹ hẫng trong tâm hồn nàng có thể nàng như bay bổng không còn trọng lượng, khối óc nàng như tan vụn thành những mảnh nhỏ li ti, mọi cử chỉ, mọi suy nghĩ, mọi ý tưởng đều tê liệt. Như những dòng suối nhỏ, nước mắt nàng tuôn rơi không ngừng, ướt đầm chiếc nệm và miếng nệm không dứt kêu trời, kêu ba, kêu má. Rồi nàng thiếp đi.

Tiếng chuông điện thoại làm cho Liên giật bản người và ngồi nhòm đây. Liên đã thiếp đi không biết bao nhiêu lâu và trong giây lát nàng đã tưởng rằng những điều gì xảy ra cho cha mẹ nàng chỉ là cơn ác mộng.

Liên mệt mỏi nhắc ống nói. Chú ruột nàng ở đầu dây, ông Yên, một Bác sĩ Quân y ở gần nhà nàng:

- Liên đấy à? Chú đây. Bố mẹ cháu tới Đà Lạt chưa? "phôn" về chưa?

Liên òa lên khóc nghẹn ngào kể lại cho ông Yên những lời mà ông Trưởng Ty Cảnh Sát Lâm Đồng nói với nàng hồi này.

Ông Yên hoảng hốt kêu lên: "Trời ơi! không thể thế được! Để chú điện thoại lên Lâm Đồng hỏi lại cho rõ. Cháu cứ ở nhà, có gì chú báo tin cho biết. Cháu báo tin cho chú

Hòa, cậu Bích và bác Đính". Rồi ông cúp máy không đợi Liên trả lời.

Liên gọi cho chú Hòa là em thứ hai của cha nàng, cậu Bích là em mẹ nàng và cho bác Đính ở Đà Lạt là anh lớn của mẹ nàng để mọi người biết hung tin.

Nửa giờ sau, ông bà Hòa và ông Bích đã đến, người nào mặt cũng lo buồn hoảng hốt và chờ đợi dây nói của ông Yên.

Tiếng chuông điện thoại vừa nhồm kêu, ông Hòa đã nhảy xổ đến nhắc ống nghe và giục già đồn dập:

- Alô! Alô! anh Yên đấy hả? Làm sao? làm sao?

Đầu dây kia, ông Yên xúc động, ngập ngừng nói:

- Chú Hòa đấy à! Đúng thật rồi, anh Bình và chị Bình tử nạn rồi, thằng Nam thì bị thương nhẹ thôi và hiện tất cả đang ở nhà thương Lâm Đồng. Trời ơi, đau đớn quá! Chú chờ anh xin phép Đại tá nghỉ việc mấy ngày, chừng một giờ nữa anh tới, rồi cùng lên Lâm Đồng. Chú nói cho cháu Liên biết. Chú cũng thu xếp với sở xin nghỉ vài ngày rồi cùng lên Lâm Đồng với anh. À, chú nói với thím Hòa liên lạc với Bắc Việt nghĩa trang mua chỗ chôn cất chứ ở Nghĩa trang Quân đội thì hơi xa không tiện thăm viếng.

Ông Hòa đáp "Vâng ạ!" rồi gác máy, nói lại cho Liên, bà Hòa và vợ chồng ông Bích biết.

Khi Liên và ông Yên, ông Hòa tới nhà thương Lâm Đồng thì được biết bà Bình không chết. Lúc tai nạn xảy ra đầu bà Bình bị đập vào thành cửa xe nên bà bất tỉnh. Thêm vào đó mặt mày bà dính đầy máu của ông Bình bắn sang làm Cảnh sát viên tưởng bà chết nên báo cáo về Ty như vậy. Lúc Liên tới nơi thì bà đã khỏe sau khi nhân viên bệnh viện Lâm Đồng đưa vào phòng hồi sinh nuôi dưỡng khí và chích thuốc trợ tim. Nam bị xây sát xoàng ở mặt và tay chân. Còn ông Bình thì ngực đập mạnh vào tay lái, đầu hất mạnh về phía trước đập vỡ tan kính chắn gió, máu bắn tung tóe khắp chung quanh, ông đã chết ngay tức khắc trên tay lái.

Tai nạn xảy ra trái với sự dẫn vật nội tâm của Liên. Liên đã tưởng ông Bình gây nên tai nạn vì đã say rượu trong khi lái xe, sự dẫn vật đã làm Liên khổ sở từ lúc nghe tin có tai nạn, Liên hối hận đã không ngăn cản bà Bình để chai rượu huých-ky vào trong giỏ. Nguyên nhân tai nạn hoàn toàn do kẻ khác gây nên. Chiếc xe be chở cây tử Di Linh xuống đã lấn sang phía trái quyết mạnh vào phía sau xe ông Bình làm ông mất thăng bằng, loạng choạng đâm mạnh vào cây lớn bên đường.

Được biết bà Bình còn sống, một nỗi vui mừng mãnh liệt xâm chiếm tâm hồn Liên, làm giảm bớt nỗi đau khổ của nàng, mà suốt quãng đường từ Sài Gòn tới Lâm Đồng, bao nhiêu tử tưởng đen tối đã dồn dập trong trí óc. Sự trống rỗng hiện tại trong tâm hồn và sự trống rỗng trong đời sống hàng ngày vì cha mẹ nàng không còn ở trên trái đất nữa làm cho Liên có những ý tưởng tuyệt vọng,

muốn tự hủy hoại thân thể để theo cha mẹ. Sự thương yêu của cha mẹ nàng cũng như sự thương yêu của nàng đối với cha mẹ bao la bất ngát vô cùng tận, nên sự mất mát hai người thương yêu nhất đời làm nàng không thể chịu đựng được. Những ý tưởng bất mãn đối với những đấng thiêng liêng đã bất công bắt cha mẹ nàng chết; cha mẹ nàng là những người không đáng chết tức tưởi đau đớn, trong khi chung quanh nàng, trong xã hội mà nàng đang sống, biết bao nhiêu kẻ ác đức bất nhân vẫn phây phây sống trên nhung lụa, hưởng những sự giàu sang sung sướng.

Liên chỉ nói được tiếng "Mẹ" rồi nghẹn ngào không nói nên lời gì nữa, cổ nàng như có một cục lớn làm nàng mắc nghẹn. Liên ôm lấy mẹ nước mắt ràn rụa. Bà Bình cũng yên lặng ôm con, nước mắt chảy ròng ròng. Hồi lâu Liên mới rời mẹ để sang khu bên cạnh thăm em nàng. Nam đang ngủ trên giường, chân tay mặt mũi xây xát, chỗ thì bôi thuốc đỏ sát trùng, chỗ thì dán băng keo, chỗ thì băng bó. Nam mới lên mười, người nhỏ nhắn mảnh khảnh, tuy nằm ngủ mà nét sợ hãi vẫn hiện lên trên mặt. Liên tiến lại gần giường, nhìn em thương hại, nước mắt chảy ròng. Tiếng động nhẹ do Liên chạm vào thành giường làm Nam giật mình mở mắt. Nhìn thấy Liên, Nam òa lên khóc, dồn dập hỏi: "Bố mẹ đâu hả chị Liên? Trời ơi, sợ quá chị Liên ơi".

Liên chưa kịp trả lời Nam đã hỏi tiếp: "Mẹ đâu rồi? Bao giờ về hả chị Liên? Sợ quá, em sợ quá chị Liên ơi".

Liên ngồi xuống cạnh giường, ôm lấy đầu Nam vỗ về: "Hết sợ rồi, em. Mẹ nằm ở khu cấp cứu bên kia, còn bố thì... nàng nghẹn ngào nức nở... bố thì chết rồi, em ơi!". Thế rồi nước mắt nàng lại chảy ra đầm đìa mặc dầu nàng cố gắng bình tĩnh để em nàng đỡ sợ. "Chú Hòa và chú Yên cùng lên với chị để đón mẹ và em về. Sáng mai thì có thể về được. Em cứ nằm yên ở đây".

Ông Hòa tới tìm Liên để xuống nhà xác khám liệm cho ông Bình, ông Yên cũng đã đưa bà Bình xuống. Hai ông bà Đình đáp xe ở Minh Trung ở Đà Lạt cũng đã tới. Nhờ Bác sĩ Giám đốc Bệnh viện Lâm Đồng là bạn học của ông Yên giúp nên ông Hòa đã mua được cỗ áo quan tốt và mượn được chiếc xe Hồng Thập Tự để chở xác ông Bình về Sài Gòn.

Mặt ông Bình đã được lau chùi sạch sẽ không còn dấu vết máu. Một vết thương lớn ở trán, máu đã khô, dài chừng 5 phân. Bộ com-lê màu sẫm, áo sơ-mi trắng tinh, chiếc cà-vạt có sọc đỏ, đôi giày đen, mà ông Hòa mang từ Sài Gòn lên đã được thay cho bộ quần áo đầm máu mà ông Bình mặc lúc xảy ra tai nạn.

Liên nhìn thấy da mặt cha nàng tái bệch những nét mặt bình thần lạ lùng, nàng tưởng như bố nàng đang ngủ. Qua màn nước mắt, nàng còn tưởng hình như cha nàng nhếch mép mỉm cười. Liên đau đớn đến gần giường, hôn lên trán bố nàng rồi lặng yên đứng cạnh, nước mắt ràn rụa.

Bà Bình cầm tay ông, phía tay có đeo nhẫn, bà đứng yên lặng như bức tượng gỗ,

nước mắt chảy đầm đìa, thỉnh thoảng đau đớn kêu se se "Anh! Anh!". Nam đứng bên mẹ khóc thổn thổn. Ông Yên, ông Hòa cũng không cầm được giọt lệ.

Quá trưa hôm sau, chiếc xe Hồng Thập Tự chở xác ông Bình ngừng lại trước cửa nhà ông ở đường Trường Minh Giảng nối dài mấy phút rồi đi thẳng đến Nghĩa Trang Bắc Việt ở An Nhơn. Ngoại trừ họ hàng bà con, chỉ có một số bạn cùng sở với ông Bình đến tiễn đưa ông. Đám tang thật đơn giản, có tính cách gia đình, đúng với ý muốn của bà Bình và Liên.

Suốt cả ngày một thế mà Liên vẫn không sao ngủ được. Từ Lâm Đồng về đến nghĩa trang, chôn cất xong lại làm lễ cầu siêu ở trên chùa, rồi rước linh về nhà cúng, mãi đến 10 giờ đêm mới xong. Liên ngồi vào bàn ăn mà bụng cứ thót lại, không cảm thấy đói, cổ nghẹn ngào như no đầy, ăn cơm vào mà không muốn nuốt. Liên bỏ dở chén cơm, uống một ly sữa nóng rồi lên phòng nằm ngủ. Phòng nàng ở trên lầu. Lên đầu cầu thang, phía bên trái là phòng của ông bà Bình, một phòng lớn trông ra cổng nhà, phía bên phải chia ra làm hai phòng, một của Liên và một của Nam, ở giữa là buồng tắm và nhà cầu. Cửa sổ phòng của Liên và của Nam trông ra vườn sau. Dưới nhà là phòng khách, phòng ăn và bếp. Chung quanh có vườn, chỗ thì trồng hoa, chỗ thì trồng rau. Một cây xoài khá lớn, cành lá xum xuê che lấp cả ánh sáng vào cửa sổ phòng Liên.

Liên thiếp đi một chút, khoảng chừng một giờ đồng hồ, rồi chợt tỉnh dậy. Liên nằm yên bất động, nghĩ đến cha nàng, nước mắt lại chảy ròng. Liên đau đớn, nức nở khóc, se se kêu "Bố! Bố!".

Bỗng Liên có một cảm giác như một luồng gió mát thật nhẹ chạm vào chán rồi một giọng trong trẻo gọi tên nàng, giọng nói thật nhỏ, thật xa xăm chủ không phải là một giọng nói nhỏ thì thầm bên tai của người ở gần cạnh. Liên cho rằng mình mơ ngủ hay đang ở trạng thái chấp chờ nửa tỉnh nửa mê.

Nhưng mấy phút sau, cảm giác nhẹ nhàng mát dịu lại chạm phốt vào tay và tiếng gọi "Liên! Liên!" trong trẻo, thật nhỏ, thật xa xăm như rót vào tai nàng. Lần này Liên nghe thấy thật rõ, không còn nghi ngờ gì nữa, và Liên tỉnh hẳn dậy. Tiếng gọi lại tiếp "Liên! Liên! bố đây!". Liên giật thót mình vươn tay tìm núm bấm ở đầu giường để định bật đèn. Tiếng nói nhỏ bé lại nói lên "Đừng bật đèn! đừng con!". Lần này thì Liên đã hiểu, tiếng nói nhỏ bé đó là tiếng của ba nàng mà Liên đã nhận ra giọng. Liên mở mắt ngồi nhòm dậy. Khuôn mặt của ông Bình hiện ra mờ mờ ở phía chân giường.

Liên sợ hãi, bụng thót quặn lại, rưng rưng chạm lập cập vào nhau. Nghĩ đến chuyện ma quỷ, Liên chỉ muốn bật đèn sáng nhưng Liên đã nhanh chóng lấy lại được bình tĩnh. Liên càng nhìn rõ mặt cha nàng. Khuôn mặt ông đứng như là buổi sáng hôm ông Bình đi Đà Lạt, không có vết tích gì về tai nạn. Ông Bình đi về phía đầu giường, ông vẫn mặc bộ

quần áo hôm đó, áo sơ-mi cụt tay, quần dài màu nâu và đi đôi dép da.

Khó mà tả được rõ rệt hình dáng của ông Bình lúc bấy giờ như thế nào. Có thể ví như một người bằng thủy tinh trong suốt, đầu và tay nổi lên trong đêm tối do một ánh sáng lơ mơ như ánh sáng lân tinh, trông thấy mặt mũi mờ mờ tai, nhưng không sắc nét, như một tấm ảnh chụp bị mờ.

Với một giọng cố hết sức tự nhiên, Liên nói:

- Bố, bố đây à?

- Ủ bố đây, con đừng sợ, ông Bình đáp.

Bây giờ thì Liên không còn nghi ngờ gì nữa, đúng cái "hồn ma" đứng ở cạnh giường là ông Bình, cha của nàng. Liên quên cả sợ hãi, vui mừng hỏi:

- Bố về từ hồi nào?

- Bố về từ lâu. Bố luôn luôn ở cạnh mẹ và gia đình.

- Sao mà không có ai thấy bố?

- Vì một chút ánh sáng cũng làm át mất hình ảnh của bố. Vì thế bố mới nói con đừng bật đèn lên.

- Tai nạn xảy ra như thế nào? bố có đau đớn không?

- Tai nạn xảy ra nhanh quá. Khi chiếc xe be chở cây chạy ngược chiều quyết vào phía sau xe thì xe mất thăng bằng, chiếc xe chạy loạng choạng bố không điều khiển nổi và cũng không thắng được, nên xe đâm thẳng vào cây lớn bên vệ đường. Đầu bố bị hất mạnh về phía trước làm vỡ tan kính chắn gió, ngực bị đập mạnh vào tay lái. Bố không thấy đau đớn gì, chỉ thấy tối sầm một lúc khoảng hai ba phút, đến lúc bố ngó sang phía mẹ ngồi thấy mẹ bị bất tỉnh không động đậy gì được, mặt mày đầy máu. Nhìn về phía sau thấy Nam chân tay cũng đầy máu, kêu bố mẹ om sòm. Bố muốn mở cửa xe nhưng nặng trĩu không sao mở được. Phải khoảng mười phút sau khi Cảnh sát Công lộ tới, khiêng bố và mẹ xuống, lúc bấy giờ bố mới biết rằng bố với cái xác nằm gục trên tay lái đầu đâm vào kính gió không còn là một nữa. Bố nghe rõ hai người Cảnh sát nói với nhau: "Hai vợ chồng người này chết rồi, thăng nhò chắc không sao, bị thương nhẹ thôi". Một người Cảnh sát đọc giấy tờ của bố và nói: "Ông này là Trung tá Trần Trọng Bình ở Bộ Tổng Tham Mưu" rồi gọi ra-đi-ô về Ty Cảnh Sát Lâm Đồng".

- A lô! Báo cáo ông Trưởng Ty tai nạn lưu thông. Xe Bờ-rô số NB 784 chạy hướng Sài Gòn Đà Lạt, đụng vào cây tại cây số 245. Người lái xe là Trung tá Trần Trọng Bình làm tại Bộ Tổng Tham Mưu Sài Gòn, nhà ở số 112/481 Trường Minh Giảng nối dài, Gia Định, điện thoại số 24.356. Hai ông bà đều chết, con trai khoảng 10 tuổi bị thương nhẹ. Báo cáo ông Trưởng Ty, em chở đứa nhỏ và xác hai người về nhà thương Lâm Đồng.

Ồ nhà thương khi em con tỉnh dậy, bố đứng bên cạnh mà mẹ không biết, bố nói với mẹ mà mẹ không nghe thấy. Lúc cả nhà lên bố cũng đứng cạnh chú Yên.

- Bố nói vậy là bố hiện ngay hình lên được à?

- Đúng đấy, con à.

- Bây giờ bố thấy trong người làm sao?

- Bây giờ thì bố thấy nhẹ nhàng, dễ chịu hơn trước, không còn bị cái xác phàm nặng nề ràng buộc nữa.

- Bố ơi! bố chết đi làm cả nhà đau đớn, mẹ con và chúng con thương bố vô cùng. Trên đường từ Sài Gòn đi Lâm Đồng con chẳng còn thiết sống nữa, và bây giờ bố hiện về càng làm tăng thêm nỗi đau đớn của con.

- Bố biết mẹ con và con thương bố lắm. Ngược lại bố cũng thường yêu mẹ con và các con lắm, nhưng số mệnh bất như vậy, biết làm sao thoát được!

- Bố đã nói chuyện với mẹ con và em Nam chưa?

- Chưa. Mẹ con và Nam ngủ say quá, bố gọi mãi mà không được. Thôi bây giờ con đi ngủ đi, tối mai khoảng 11 giờ đêm bố sẽ về gặp lại.

Liên phải tự dẫn mình làm mới không sang đánh thức mẹ dậy để kể cho mẹ nàng biết việc ba nàng mới hiện hình về. Liên nghĩ nên để cho mẹ ngủ lấy sức đừng để mẹ thường cảm nhiều quá sinh bệnh thì phiền lắm, sáng mai kể cho mẹ cũng không muộn gì. Trần trọc mãi, Liên phải uống một viên thuốc ngủ mới chìm vào trong giấc ngủ nặng nề được.

Khi nàng tỉnh dậy thì đã 9 giờ sáng. Sang phòng mẹ, không thấy mẹ đâu, Liên xuống dưới nhà. Trước cái bàn viết trái khăn trắng biến thành bàn thờ kê sát một phía tường trong phòng khách, bà Bình bận đồ tang đang sụt sịt khóc trước ảnh chồng. Đó là một tấm hình khổ 9x12 phân, hình ông Bình lúc còn trẻ ngoài 20 tuổi. Liên đoán rằng tấm hình này có nhiều kỷ niệm với mẹ nàng, có thể là tấm hình ba nàng tặng mẹ nàng lúc hai người mới yêu nhau chủ ba nàng thiếu gì những hình màu, đẹp, mới chụp gần đây. Liên lặng lẽ lại gần bàn thờ, đốt ba nén hương cắm vào bình, ngồi xuống chiếu trải dưới đất, lạy mấy lạy rồi thút thít khóc.

Tiếng chim sẻ non chiêm chiếp gọi mẹ ở ngoài vườn. Tiếng mấy con gà mái cọt cọt gọi đàn con, làm tăng thêm sự yên tĩnh của căn nhà ở xa nơi xe cộ đi lại mà cái chết của chủ nhân càng làm thêm vắng vẻ và tâm hồn hai mẹ con bà Bình càng thêm trống trải.

Nam đã tỉnh dậy xuống nhà kêu đói àm ỉ. Bà Tám bày thức ăn điểm tâm lên bàn và mời bà Bình cùng Liên lại ăn.

Liên vừa uống sữa vừa kín đáo đưa mắt ngắm mẹ. Mỗi có ba ngày trời mà bà Bình trông khác hẳn. Khuôn mặt hốc hác, cặp mắt lơ đãng, mí mắt sưng húp, mọi cử động bỏ phờ phạc. Liên thương hại quá chừng.

Chẳng thể so sánh giữa cha và mẹ, Liên thương ai hơn, nhưng gần gũi thì Liên gần mẹ hơn. Những lần mẹ con ngồi lâu thủ thủ với nhau, những sự chỉ báo của mẹ về đời người con gái, bốn phận người đàn bà với chồng, với con, với gia đình nhà chồng, những buổi tối mẹ giảng bài lúc còn ở trung và tiểu học, những vui buồn ở trường Liên kể cho mẹ, những lo âu của mẹ mỗi khi ông

Bình đi bay, tất cả những cái đó làm Liên quyến luyến mẹ hơn bố.

Liên ngập ngừng nói với mẹ:

- Đem qua con thấy bố, mẹ ạ.

- Ủ, mẹ cũng vậy, bà Bình đáp.

- Mẹ thấy bố làm sao?

- Mẹ thấy bố mình mẩy đầy máu, nhìn mẹ mà không nói gì. Mẹ hỏi bố có đau đớn không thì bố chỉ gạt đầu ủa nước mắt. Mẹ hỏi có cần gì không thì bố bảo lạnh lắm gửi cho bố quần áo. Bố nói bố thương mẹ và các con lắm.

- Mẹ ơi, không phải con nằm mơ đâu, mà con thấy bố thật. Bố chẳng khác gì lúc sống, bố nói bố không đau đớn gì mà còn nhẹ nhàng dễ chịu lắm. Mẹ đừng lo cho bố.

Bà Bình nhìn con hồi lâu nghi ngờ rồi bà cất tiếng hỏi:

- Con không ăn không ngủ được phải không? Trông con hốc hác phờ phạc quá. Để mẹ điện thoại cho chú Yên hỏi thuốc cho con nhé?

Liên nghĩ rằng mẹ nàng đã hiểu lầm cho rằng nàng bị xúc động thương cảm quá về cái chết của cha rồi mất ăn mất ngủ, sinh bệnh, tưởng tượng nói xàm nói bậy. Liên đáp:

- Mẹ ơi! con nói thiệt đấy mẹ ạ.

Rồi Liên vắn tắt kể lại những sự việc xảy ra tối qua, nhấn mạnh vào lời hẹn của cha nàng để cho mẹ tin.

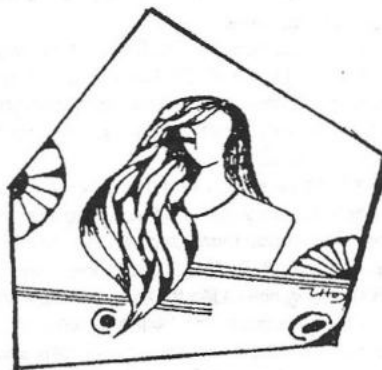
Bà Bình yên lặng ngồi nghe, thoáng lộ một nét vui mừng trên khuôn mặt buồn bã mệt mỏi, bà nói:

- Thiệt hả Liên? Con không nói dối mẹ đấy chứ?

- Thiệt mà mẹ, con không bịa đặt ra đâu. Và chẳng tối nay mẹ có thể thấy bố mà. Con nghĩ nên mời các chú thím và cậu mợ lại, mẹ có đồng ý không?

- Ủ con nghĩ phải. Lát nữa con điện thoại cho chú Yên, chú Hòa và cậu Bích.

- Thưa mẹ vâng.



Suốt ngày chuông điện thoại réo tới tấp, bạn của Liên thì hỏi sao Liên không đi thi, họ hàng xa gần thì trách móc bà Bình sao không cho biết để đưa đám, bạn hữu thì ngỏ lời chia buồn...

Tối đến, cơm nước xong thì ông Yên đến đầu tiên, rồi vợ chồng ông Hòa, ông bà Bích. Liên phải kể đi kể lại câu chuyện ông Bình

hiện hình về và những lời ông nói. Mọi người đều chăm chú nghe, ai cũng tin là Liên nói thực, nhưng không cất hết nỗi hoài nghi vì sự lạ lùng khó có thể xảy ra được, hoài nghi vì cho rằng trong khi thường cảm quá độ, óc tưởng tượng của Liên có thể không phân biệt được đâu là thực đâu là mộng. Tuy chẳng ai nói ra nhưng Liên cũng cảm thấy, qua những cái nhìn đồng lõa, qua những cái lắc đầu kín đáo, rằng mọi người không tin hoàn toàn.

Nam sợ lắm. Tội nghiệp thằng bé mới mười tuổi đầu, rồi sau này suốt đời nó sẽ bị ám ảnh về cái chết thương tâm của bố nó. Hình ảnh ghê rợn của bố nó nằm gục trên tay lái, đầu đâm vỡ kính chắn gió thành những mảnh vụn, mẹ nó nằm bất tỉnh, máu me đầy mặt mũi, còn nó thì bị thương tích máu chảy đỏ lôm khấp nơi trên đầu, trên mặt, trên quần áo, trên nệm ghế trắng tinh. Những hình ảnh đó in sâu vào óc rồi sẽ ảnh hưởng nặng nề tới tính tình và tương lai của nó. Nam nghe Liên kể chuyện ba nó hiện hình về, nó rờn rợn sợ. Ba nó thì nó thương yêu thật, nhưng bây giờ ba nó chết không còn là ba mọi ngày nữa mà là "con ma" hiện về, nó sợ lắm. Những chuyện ma quỷ mà nó nghe bà Tám kể vẫn làm nó ghê rợn. Đêm đêm nhìn ra vườn tối om là nó không dám bước chân ra. Trong nhà phòng nào không bật đèn sáng là nó cũng không dám vào.

Tội nghiệp thằng bé, nó nhỏ ba nó lắm, nó ngồi nghe mà khóc thút thít. Ba nó cũng nó lắm nên lúc nào nó cũng quấn quýt lấy ba nó. Nó gần ba nó nhiều hơn gần má. Ba nó kể những chuyện máy bay, những chuyện chiến tranh, làm nó mê say và coi ba nó như một thần tượng, một Superman, một Zorro. Ba nó chết đi nó cảm thấy đau đớn, buồn bã, thiếu thốn, nhưng nó chưa hiểu được những sự thiệt thòi mất mát cho tương lai nó, cho đời nó.

Buổi tối đi qua rất nhanh. Chuông đồng hồ thông thả điểm 11 tiếng. Nam buồn ngủ ngáp lên ngáp xuống. Bà Bình giục nó đi ngủ, nhưng nó không chịu, muốn thức để chờ gặp ba nó. Và lại nó cũng sợ, lên lầu tới thui một mình, nó chẳng dám. Tối nay thế nào nó cũng phải chui vào phòng má hay phòng chị Liên chủ ngủ một mình nó chẳng có can đảm.

Mọi người đều kích thích, đừng ngồi không yên, nhất là giờ hẹn đã tới. Bà Bình là người trầm tĩnh cũng thấp thòm nhìn ra phía cửa. Bà Hòa, bà Bích ngồi trước bàn thờ tụng kinh Cầu Siêu và kinh Bát Nhã. Mùi hương Vĩnh Thịnh thơm ngát tỏa khắp nhà, hai ngọn nến trắng thỉnh thoảng lung linh có lúc như muốn tắt. Tiếng tụng kinh lúc to lúc nhỏ, có lúc lại cao lên: "Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hình, thức, diệp phục như thị..." nhắc nhở đến đến sự vô nghĩa lý của những sự vật trên cõi đời. Bà Bình và Liên không cảm được nước mắt.

Ông Yên đi đi lại lại trong phòng. Trong đời sinh viên y khoa của ông và từ lúc ra trường đến giờ, ông đã đụng chạm với bao nhiêu xác chết. Óc khoa học của ông chỉ chấp nhận một sự thực khi chính mắt ông trông thấy và chỉ công nhận khi giải thích và

chứng minh được. Ông không nghi ngờ những lời Liên kể và ông cũng không kết luận là sự đó có thể xảy ra hay không xảy ra. Xác chết đối với ông chỉ là một vật vô tri vô giác. Khi còn đi học ông đã mở xẻ cửa cất kim kẹp bao nhiêu lần những cái xác vô thừa nhận. Khi ra trường tòng sự, lập dàn thuê thầy ông đã nhiều phen chứng kiến bệnh nhân chết, chết trên giường bệnh, chết trên giường mổ, chết trong khi chiến đấu ở chiến trường, ông không may bao giờ nghĩ đến ma quỷ. Những chuyện ma hiện hình quái phá, làm người này ốm đau, người kia bệnh tật, phải cầu cúng van vái, lập đàn thuê thầy pháp, thầy phù thủy về trừ tà bắt ma, những chuyện mà thời thơ ấu ông được nghe kể, những chuyện đó đã lâu rồi không thấy xảy ra nữa hoặc không nghe ai kể đến nữa. Có lẽ chỉ là bịa đặt. Có lẽ từ khi văn minh khoa học phổ biến rộng rãi, từ ngày mà điện khí được quảng bá tại các thị thành thì những chuyện mê tín dị đoan không còn đất sống nữa, hoặc những ma quỷ, -nếu ma quỷ có thực-, đã bị điện lực và cơ khí đuổi khỏi nhiều nơi, nhất là ở các thị thành. Ông cũng nghi ngờ rằng Liên bị cảm xúc nhiều quá nên đã lấy mộng làm thực; ông nghĩ sẽ bắt Liên phải dùng thuốc và hỏi một ông bạn đồng sự chuyên khoa tâm lý xem có đúng không.

Mãi mê trong suy tưởng, ông ngồi xuống trầm ngâm nghĩ ngợi. Từ lúc gia đình rời khỏi Bắc Việt năm 1954 di cư vào Nam, ba anh em đùm bọc lấy nhau. Lúc đi học, lúc đi làm, bao giờ ông cũng thường yêu quý trọng ông Bình và ông Hòa. Ông quan niệm rằng ngoài cha mẹ ra thì anh em ruột là những liên hệ thiêng liêng nhất. Ông quan niệm rằng một người đã lập gia đình có thể ly dị với người phối hợp hoặc thay đổi người phối hợp, thí dụ như một cặp vợ chồng mà một người bị chết người còn lại có thể làm hôn thú với người khác, thí dụ như một người cha hay một người mẹ có thể có nhiều con với người phối hợp này hay với người phối hợp khác, nhưng anh chị em ruột chỉ có thể do cha mẹ sinh ra không thể thay thế bằng ai khác được, đó là một sự thực hiển nhiên, bất di bất dịch, không thể chối cãi được. Vì lý luận như vậy mà ông Yên quan niệm rằng tình anh em là tình thiêng liêng, đậm thắm nhất, hơn cả tình vợ chồng, hơn cả tình cha mẹ đối với con, chỉ thua tình con đối với cha mẹ thôi.

Bà Hòa và bà Bích đã tụng xong kinh Đại Bi. Mấy tiếng chuông dồn dập báo hiệu chấm dứt. Sự im lặng trở lại căn nhà dè dặt lên ừ ừ và tang tóc của mọi người. Mùi nhang thơm nồng càng làm ngọt ngào thêm không khí nóng bức của đêm hè trong căn nhà mà cửa ngõ đã đóng chặt. Tiếng côn trùng rí rả ngoài vườn, tiếng chổ sũa xa xa làm tăng thêm cảnh tịch mịch của khu nhà mà tuy ở gần thành thị những tiếng động của phố phường cũng không có dội tới, nhất là vào giờ khuya khoắt này.

Chợt Liên giật mình, nàng vừa nghe rõ tiếng ba nàng. Liên hỏi mẹ:

- Mẹ có nghe thấy không? các chú có nghe thấy không?

Bà Bình: Không, mẹ không nghe thấy, con thấy gì?

Liên: Con nghe thấy tiếng bố gọi. Đấy bố lại đang gọi mẹ và chú. Mẹ và các chú không nghe thấy gì à?

Mọi người đều lắng tai nghe. Một hồi lâu ai nấy đều lắc đầu nhìn Liên ngẫm hỏi.

Liên vẫn nghe tiếng ông Bình gọi rõ ràng, mồn một như rót vào tai. Liên không hiểu tại sao mà mọi người không ai nghe thấy.

Trong một thoáng qua. Liên chợt nghi ngờ hay nàng mộng du, hay nàng đang mơ, hay nàng đang điên? Nếu không thì sao mọi người không ai nghe thấy tiếng gọi của cha nàng mà chỉ riêng nàng nghe thấy?

Tiếng nói của ông Bình tiếp tục: "Liên! Liên! con có nghe thấy tiếng bố không?" và chẳng còn ngần ngại nữa. Liên trả lời: "Có, con có nghe thấy tiếng của bố".

Câu trả lời của Liên, trả lời vào khoảng trống im lặng, trả lời với người đối thoại vô hình, làm mọi người vừa rùng mình ghê rợn, bán tín bán nghi, vừa tò mò muốn biết, vừa nôn nóng muốn hỏi.

Liên tiếp tục nói: "Mẹ và các chú thím, cậu mợ Bích, không ai nghe thấy tiếng bố. Ngược lại, bố có nghe thấy tiếng của ai không?"

(Im lặng một lúc)

Liên: Bố có nghe thấy tiếng tất cả mọi người à?

(Im lặng một lúc)

Liên: Như vậy cũng được. Ai hỏi bố thì cứ hỏi, con sẽ nhắc lại những lời bố trả lời.

(Im lặng một lúc)

Liên: À, con quên không nghĩ tới.

Rồi Liên đứng dậy, qua chỗ bàn thờ thối tât hai ngọn nến và đi tất tât cả những ngọn đèn trong phòng khách và phòng bên cạnh. Trong nhà tối thui.

Mọi người đều ò lên một tiếng. Hình ông Bình từ từ hiện rõ, đứng sau bà Bình, tay để lên vai bà. Bà Bình không nhìn thấy ngay, chỉ những người ngồi đối diện mới thấy rõ. Mặc dầu ông Bình đặt tay lên vai bà, bà Bình không cảm thấy một sức nặng nào, nên bà không biết. Có lẽ ông Bình đứng như thế đã lâu, từ lúc ông trở về.

Vẫn như lúc còn sống buổi sáng hôm ông ở nhà bước lên xe đi Đà Lạt, cái áo sơ-mi trắng cụt tay, cái quần màu nâu sẫm, chân đi đôi dép, nét mặt ông bình thản không tỏ vẻ gì đau đớn âu sầu.

Bà Bình quay đầu lại nhìn thấy ông, òa lên khóc. Nam sợ quá, nép vào lòng mẹ và cũng nức nở khóc theo. Ông bà Hòa, ông bà Bích niệm Phật Di Đà. Chỉ có ông Yên là bình tĩnh lặng nhìn. Liên thì không bị bất ngờ nên không có phản ứng gì mà lại còn cảm thấy một chút thoải mái về sự xuất hiện của ông Bình đánh tan những ngờ vực mà mấy phút trước nàng còn thắc mắc.

Bà Bình nghẹn ngào cất tiếng: Anh Bình đi, anh có đau đớn không? Tội nghiệp anh quá!

Ông Bình (qua lời nói của Liên): Không em à, anh không bị đau đớn gì cả. Khi xe dừng vào cây, đầu anh đập mạnh vào kính chắn gió, anh không có một cảm giác gì, thấy tối sẫm một lúc chừng một hai phút, rồi anh lại nhìn thấy em và Nam ngay. Chỉ lúc hai người lính Cảnh sát tới, họ nói chuyện với

nhau và khiêng anh và em xuống, anh mới biết là hôn đã lìa khỏi xác. Như vậy cái chết không làm anh đau đớn gì, và bây giờ thì anh không bị thể xác ràng buộc nên anh nhẹ nhàng và dễ chịu lắm.

Bà Bình: Anh chết đột ngột như vậy để thường để nhỏ cho em và cho con cái, cho người thân ruột thịt, tội nghiệp cho em quá anh đi. Em không còn thiết sống nữa đâu, thiếu anh chắc em không thể sống được.

Ông Bình: Em ơi! Em nói thế không được. Anh hiểu biết sự đau đớn của em lắm, nhưng cái chết là do số mạng, có ai muốn chết đâu. Còn cái sống là một ơn huệ Trời ban cho, mạng sống là điều quý báu nhất trên đời không có lý do gì mà hủy bỏ. Và chẳng còn một điều quan trọng nữa, đó là bốn phận, bốn phận đối với gia đình, với xã hội. Cuộc đời của anh đang hạnh phúc sống bên em và các con những tưởng mãi mãi bền vững, ai ngờ đột nhiên bị chấm dứt, sao anh không thương tiếc, không bất mãn. Nhưng số mệnh đã an bài như vậy, chẳng ai thoát khỏi, dù có muốn đến đâu cũng không cưỡng lại được. Bây giờ anh đã chết, em cần phải can đảm sống thay anh trông coi các con, bốn phận đó nặng nề lắm, em thấy không?

Bà Bình: Vâng, anh nói thế thì em cũng biết vậy, nhưng em không thể chịu đựng nổi.

Nói rồi bà Bình lại thốn thức khóc, và hồi lâu bà hỏi tiếp:

- Anh có gặp thầy mẹ anh và thầy mẹ em không?

- Không em à. Anh cố tìm mà không sao gặp được.

- Hay tại ở ngoài Bắc xa quá?

- Không, không phải thế! không có chỗ nào là xa đối với anh. Anh chỉ cần muốn tới chỗ nào là trong khoảng khắc anh có thể tới nơi đó.

Ông Hòa: Anh có gặp những bạn đồng ngũ tử trận không?

Ông Bình: Không, không gặp ai cả. Có thấy một số quân nhân nhưng anh không quen biết. À, anh có gặp ông Văn.

- Ông Văn ở Bộ Kinh Tế chết tuần trước ấy à?

- Đúng đấy

- Ông có nhận ra anh không?

- Có

- Ông có về nhà ông ta không?

- Có, ông có về. Ông kể chuyện cho anh biết là lần đầu bà vợ thấy ông, bà sợ quá, cho là ma, bà van lạy, hứa cúng bái, đốt vàng đốt mã v.v... Sau đó ông xuất hiện một vài lần nữa, nhưng khi ông nói cả nhà không ai nghe được, nên ông thất vọng không về thăm nhà được nữa. May nhà ta có cháu Liên nghe được nếu không thì chắc anh cũng chẳng về mãi làm gì.

Ông Hòa: Bây giờ anh "sống" như thế nào?

Ông Bình: Bây giờ anh lìa khỏi thể xác nên anh thấy nhẹ nhàng hơn trước. Anh có thể muốn tới đâu cũng được chỉ cần tập trung ý vào nơi đó là tới, không phải khó nhọc gì. Anh không cần phải ăn uống như người sống vì không có nhu cầu và cũng không có cảm giác nóng lạnh gì cả. Chỉ những nơi nào nhiệt, những nơi có ánh sáng

và sức nóng là anh không chịu được vì vậy anh cần phải xuất hiện về đêm khuya, ở những nơi yên tĩnh. Anh có thể hiện hình như bây giờ để người ta thấy hay là giữ vô hình.

Bà Bích và bà Hòa từ lúc thấy ông Bình hiện lên đều sợ hãi, miệng lầm rầm niệm Phật. Đến khi thấy ông Bình không có vẻ gì là "ma ác" hai bà bạo dạn tới gần, chấp tay xá ông Bình và cầu xin ông phù hộ cho toàn thể gia đình được bình yên, khỏe mạnh, trẻ con học hành tấn tới, hai bà buồn may bán đất, "nhất bán vạn lợi".

Ông Bình nở một nụ cười tinh nghịch rồi ông nói: Được rồi, anh sẽ cố gắng giúp thím và mẹ làm ăn phát tài, nhưng anh không hứa chắc.

Ông Yên: Bây giờ anh ở nơi nào và chỗ ở như thế nào?

Ông Bình: Anh không có nơi ở nhất định và không cần thiết phải có nhà cửa như trên dương trần. Nơi anh thường tới khác hẳn với dương thế, nó man mác tựa như một cánh đồng rộng bao la bát ngát, cỏ cây hoa lá thơm ngát, mọi người gặp nhau trong cảnh hoan lạc, không ai bị những tình cảm hay đam mê chi phối, không có những nhu cầu như lúc sống, thể xác không bị bệnh tật, đau yếu hành hạ, khí hậu hiền hòa, ánh sáng dịu dàng, màu sắc thật cân đối, phong cảnh đẹp đẽ như trong một bức tranh, như trong một giấc mơ.

Ông Yên: Có đồng người không và người giống nào?

Ông Bình: Không đồng lắm và toàn người Việt, dù các hạng tuổi.

Ông Yên: Anh có gặp ai quen không?

Ông Bình: Ngoài ông Văn ở Bộ Kinh Tế thì không gặp ai quen.

Ông Yên: Như vậy chắc còn nhiều nơi khác nữa?

Ông Bình: Anh không biết. Có lẽ chỗ anh ở là một cái trạm nhỏ, một cái làng nhỏ chẳng. Anh cũng chưa hiểu hết về cách tổ chức như thế nào, có lẽ phải đợi ít lâu mới biết hơn nữa. Nhưng thôi, để lần khác lại nói chuyện tiếp. Anh không đủ sức để xuất hiện lâu và nói nhiều được. Và chẳng mấy giờ đã một hai giờ sáng rồi, mọi người nên đi ngủ, tối mai vào khoảng 11 giờ đêm anh lại về.

Nói xong ông đặt tay lên vai bà Bình và Liên, Nam rời ông giơ tay vẫy mọi người, hình ông từ từ mờ dần, mờ dần cho đến lúc biến hẳn.

Liên đứng dậy bật đèn. Nam đang ngủ gà ngủ gật, thấy ánh sáng vội choàng dậy mắt nhắm mắt mở. Bà Bình thần thờ, các ông Hòa, Yên, Bích thì đăm chiêu. Rồi mọi người cáo tử bà Bình, hẹn tối sau trở lại.

Căn nhà trở nên trống trải lạnh ngắt. Bà Bình sụt sùi khóc, chậm chạp bước lên cầu thang. Nam chạy theo mẹ. Liên đăm chiêu suy nghĩ. Những lời giải thích của cha nàng chẳng làm giảm được nỗi đau buồn của sự chia ly đột ngột, sự bình tĩnh của cha nàng chẳng mang lại cho mẹ con nàng sự bình thản tương tự. Giữa một người sống và một người chết, giữa mẹ nàng và cha nàng, dù có chấp nhận thuyết định mệnh, hoặc thuyết sinh ký tử quy, thì chỉ mẹ con nàng đau đớn khổ sở thôi.

Suốt ngày bà Bình bận tiếp đãi họ hàng, bạn bè đến thăm hỏi chia buồn, cũng có người thật tình thương tiếc, cũng có người vì xã giao, vì tò mò. Bà Bình chẳng hỏi cho ai biết việc ông Bình hiện về, bà cũng dặn Liên và Nam phải giữ kín không nói với ai, ngay cả với bà Tám là người giúp việc nhà. Cũng may bà Tám củ độ 9 giờ tối là về ngủ nhà con bà ấy thành ra nếu không ai nói thì không thể nào bà Tám biết được. Bà Bình điện thoại ngay từ sáng sớm cho ông Yên, ông bà Hòa, ông bà Bích dặn phải giữ kín vì rằng bà sợ họ chuyện ra thì những người hiếu kỳ hay những người mê tín đến cầu cúng van vái có thể biến nhà bà thành một cái đền, ồn ào nhộn nhịp như một cái chợ, thì rất phiền toái, có thể làm cho ông Bình không trở về được nữa. Dầu sao thì bà cũng chỉ muốn việc ông Bình hiện về chỉ là một việc riêng của gia đình bà mà thôi. Và lại bà cần phải hỏi ông về nhiều vấn đề gia đình, tương lai con cái, cần phải yên tĩnh và lâu dần mới có thể hỏi hết được.

Liên thì nghĩ hiện tượng ông Bình trở về từ cõi chết là một hiện tượng lạ lùng mà các nhà bác học trên thế giới sẽ sung sướng nếu được chứng kiến để nghiên cứu và học hỏi về nhiều vấn đề siêu hình từ xưa tới nay chưa giải thích được. Nếu giới truyền thanh, truyền hình, báo chí biết được, chắc chắn họ sẽ khai thác triệt để, không bỏ cơ hội đến đâu, phóng sự, phỏng vấn, thí nghiệm, làm rùm rọng mang hậu quả phiền phức đến gia đình nàng không ít. Chẳng kể đến công an, cảnh sát nghi ngờ điều tra vì sợ có điều gì ám muội. Nhất là các cơ quan gián điệp các nước sẽ tìm cách bắt hợp tác để tìm tòi những bí mật quân sự, các cơ quan công lý nhờ điều tra những vụ án để tìm thủ phạm, v.v... làm khổ đến mẹ con nàng và ông Bình không ít.

Liên định bụng sẽ bàn với ông Yên về những hậu quả này và nêu vấn đề đó với cả nhà để yêu cầu phải hết sức giữ kín, nhất là bà Hòa và bà Bích hay trống miêng.

Liên nhớ có đọc trong một tờ báo ngoại quốc việc Hải Quân một cường quốc thí nghiệm viễn cảm truyền ý. Họ tổ chức hai toán người, một toán vào trong một chiếc tàu ngầm rồi tàu đó lặn sâu xuống biển. Toán thứ hai ở trên bờ. Đứng đến giờ đã hẹn trước hai toán sẽ viễn cảm truyền ý đầu tiên về một vấn đề đã được định trước và về một vấn đề mà hai bên không định trước, một bên truyền đi, một bên nhận. Bên truyền đi ghi vào giấy những ý kiến phát ra, phát từ trong trí người phụ trách, bên nhận cũng ghi trên giấy những gì người phụ trách nhận thấy ở trong trí óc vào giờ phút đó. Sau đó hai bên sẽ gửi kết quả về trung ương, ở đó người ta so sánh lời ghi của hai bên xem có phù hợp không, nếu phù hợp thì việc thí nghiệm coi là thành công, trái lại thì coi là thất bại. Nếu Liên không nhớ nhầm thì kết quả những cuộc thí nghiệm đó không có gì đáng khích lệ.

Bây giờ thì Liên đã hiểu tại sao các cuộc thí nghiệm đó thất bại vì phải có khả năng bẩm sinh về viễn cảm truyền ý thì mới có thể làm được chứ không phải bất cứ người nào

cũng làm được. Nếu họ biết Liên có khả năng đó, chắc chắn họ chẳng bỏ cơ hội mới này.

Bà Bích và bà Hòa tới cùng với một vị sư chùa Bắc Việt để tụng kinh cầu siêu cho ông Bình. Bà Tám đặt cơm cúng lên bàn thờ. Ông Yên, ông Hòa và ông Bích tan sở ra cũng kéo đến. Mọi người đều ngồi trước bàn thờ tụng niệm.

Cúng kiến xong, vị sư chùa Bắc Việt ra về. Bà Tám giúp việc sau khi dọn xong bếp nước rồi cũng về nhà con bà ấy. Trong nhà chẳng con ai ngoài những người trong gia đình. Liên khóa chặt cửa ngõ.

Trận mưa lớn lúc ban chiều đã làm dịu sức nóng bức và giảm bớt không khí ngột ngạt của mùi hương nến trong căn phòng. Buối tối xuống dần dần. Từng đàn dơi bay đi kiếm ăn, loạng choạng bay cao trên các nóc nhà tiếng kêu chít chít. Mấy con chim én bay nhanh như lao mình vào không trung, lũ chim sẻ ríu rít gọi nhau tìm chỗ ngủ trong các tầng cây rập rập.

Liên mang nước trà mời mọi người uống.

Bà Bình nhắc lại lời bà điện thoại lúc sáng và yêu cầu giữ kín việc hiện hình của ông Bình. Liên nhấn mạnh vào những sự phiền toái mà gia đình có thể bị các giới khoa học, truyền thông hay chính quyền các nơi gây ra nếu họ biết tin mà xen lẫn vào.

Bà Bích và bà Hòa thì lại nghĩ khác. Theo hai bà thì chẳng việc gì mà phải giấu kín. Nếu ông Bình thiêng liêng có thể chữa bệnh giúp người ta, thì cứ nên làm vì vừa là một việc phúc đức vừa kiếm được tiền nuôi sống gia đình, sao lại bỏ lỡ cơ hội. Nếu chính phủ hay các cơ quan, các tổ chức khoa học cần dùng đến thì cứ hợp tác rồi đòi công lao xứng đáng, chẳng nên bỏ lỡ dịp may.

Ông Hòa và ông Bích thì "ba phải". Hai ông đều là công chức, hiền lành "chân chỉ hạt bột". Công việc hàng ngày đúng giờ và đều đều như một cái máy, đời sống thanh thản không lo nghĩ, đã biến hai ông thành người vô tư lự, không có ý chí tranh đấu tiến thủ. Lương tháng "ba cọc ba đồng", trong thời buổi gạo châu củi quế, sự chi tiêu trong gia đình phải nhờ đến các bà vợ buôn bán thêm mới đủ chi dùng. Trong lúc mà các tay tham nhũng, những tay chợ đen, những bọn ăn cắp lớn nhỏ, những bọn xói thịt làm giàu như hái ra tiền như in ra bạc, trong lúc mà sức mạnh của đồng đô-la như vũ như bão mua để dành nhân tâm nhân phẩm, đảo lộn nền luân lý cổ truyền thì có những người sống ngoài những cái nhộn nhịp lố lăng đó, khu khu với nếp sống thanh bạch để giữ những cái hay cái đẹp của nền văn hóa dân tộc, để khỏi phải bị vấy bùn nhơ, những người đó phải nhờ vào bàn tay tần tảo của các bà vợ. -các bà "Tứ Xương" muôn thuở của Việt Nam-, để giữ trọn tiết tháo của kẻ sĩ.

Bà Bích, bà Hòa thuộc vào hạng các bà "Tứ Xương" của Việt Nam, nhưng sự hám lợi của các bà không quá giới hạn kiếm thêm tiền chi dùng phụ vào số lương ít ỏi hàng tháng của các ông chồng, cho nên những

mọi lợi nào không bất chính thì các bà tán thành ngay, không suy nghĩ xa xôi, không cân nhắc giữa những cái lợi gần và cái hại xa, có thể cũng vì vượt qua tầm hiểu biết của hai bà.

Trái lại ông Yên hoàn toàn đồng ý ngay với bà Bình và Liên. Những lý lẽ nêu ra, ông đều tán thành ngay tức khắc vì hợp với quan điểm của ông.

Ông Yên là một người khoáng đạt. Bốn mươi tuổi đầu mà vẫn chưa chịu lập gia đình, chẳng phải ông muốn sống độc thân để được tự do mà vì ông muốn dành thì giờ và cuộc đời cho những sự nghiên cứu tìm tòi về khoa học. Sau khi ra trường Quân y, ông được cử vào binh chủng Nhảy Dù. Ông đã tham dự nhiều cuộc hành quân của đơn vị ông, trên mười năm trời lăn lóc khắp đó đây, cuối cùng trong trận An Lộc, với nửa tá mảnh đạn ghim trong người, ông được thăng cấp Trung Tá và được chuyển về Tổng Y Viện Cộng Hòa trông coi phòng hồi sinh. Ngoài giờ làm việc ở bệnh viện, ông khám bệnh ở phòng mạch riêng của ông để kiếm tiền thêm vào số lương không đủ sống. Ông dự định sẽ xin đi học ngoại quốc học về môn đánh thuốc mê và môn hồi sinh lấy cấp bằng Thạc sĩ để về giảng dạy ở trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn.

Hình như lúc trước khi ra trường một hai năm ông có yêu một cô sinh viên trường Dược. Hai người hẹn biển thề non thắm thiết lắm, nhưng đến khi ra trường ông phải đi hành quân liên miên, gia đình cô nọ cho rằng lấy chồng nhà binh thời chiến thì "phiền" lắm, "xưa nay những người đi đánh giặc có mấy người trở về", nên đã phản đối cuộc hôn nhân duyên và cô Dược sĩ nọ cũng kiếm ngay được một ông Bác sĩ đàn y trẻ tuổi, đẹp trai, nên cô vui vẻ bỏ rơi ông Yên "cái rụp". Ông Yên đau lắm vì mối tình của ông là mối tình đầu, mối tình chân thật, một mối tình "lớn", cho nên vết thương lòng của ông chẳng bao giờ hàn gắn được. Có lẽ cũng vì vậy mà ông không muốn lập gia đình nữa. Ông chẳng bao giờ nói chuyện với ai về mối tình dang dở đó cả, kể cả ông bà Bình.

Liên phong thanh biết chuyện đó do mấy cô bạn sinh viên kể lại, thỉnh thoảng vẫn hát mấy câu trong bài hát "*Màu Tím Hoa Sím*" để trêu ông:

"Lấy chồng thời chiến chinh mấy người đi trở lại,

"Lỡ mình không về thì thương người vợ bé bỏng chiều quê.

"Những không chết chàng trai khỏi lửa

"Mà "mất" người em gái nhỏ hậu phương..."

Bà Bình đưa mắt nhìn Liên có ý mắng con. Còn ông Yên chỉ mỉm cười, nhìn Liên giơ tay lên xoa xoa vào gáy mình, ý muốn nói "thủ sờ lên gáy xem xa hay gần", ám chỉ anh chàng Trung úy phi công đàn em của ông Bình vẫn thường đến nhà theo đuổi Liên. Anh chàng trạc 27, 28 tuổi, du học Mỹ về, lái máy bay phân lực, hào hoa phong nhã và bẻm mép như phần lớn các anh phi công trẻ chưa vợ. Liên không có tình ý gì với anh cả; Liên chỉ coi anh như một người đồng sự đàn em của cha nàng đến chơi thăm cha nàng

mà thôi. Và chẳng bản chất nàng không ưa thích đùa cợt lém lỉnh, không thích những thái độ tỏ ra ăn chơi sành sỏi lịch duyệt, mà anh chàng pi-lốt trẻ này lại có đủ các tật đó dưới mắt Liên. Cho nên, chẳng cần suy nghĩ, Liên đã gạt anh chàng đó ra khỏi trí óc nàng rồi, đừng nói đến trái tim, không phải vì lý do "lấy chồng thời chiến chinh mấy người đi trở lại".

Đêm đã khuya. Trong nhà nhìn ra vườn tối thui chẳng còn thấy rõ gì. Ánh đèn đường lờ mờ ngoài đầu hẻm không thể soi tỏ quá 10 thước. Các biệt thự hàng xóm đã tắt đèn đi ngủ. Liên đứng dậy đóng các cửa, tắt hết đèn, còn lại ánh sáng bập bùng của hai ngọn nến trắng trên bàn thờ.

Mọi người đều chờ đợi trong yên lặng. Nam ngồi bên cạnh ông Yên thấp thỏm hồi hộp. Tối hôm qua nó muốn hỏi ba nó một vài câu nhưng nó vẫn còn sợ, chưa đủ can đảm. Từ hôm đi Đà Lạt hụt về nó buồn lắm. Một mối buồn man mác vì nhớ bố mà lúc sống hai cha con tưởng đắc với nhau, những ngày nghỉ học lúc nào nó cũng quẩn lấy bố không rời ra. Nỗi buồn vì cuộc đi chơi hụt Đà Lạt mà nó đã đặt bao nhiêu hy vọng từ mấy tháng nay, lên chơi với con ông bà Đình, nay suốt ngày thờ thần ngoài vườn một mình, lúc nào buồn quá vào bếp một chút là bị bà Tám đuổi ra, ngồi bên cạnh mẹ thì bà ôm vào lòng một chút rồi bà khóc, tìm chị Liên thì chị cũng ôm vào lòng rầu rĩ chẳng nói năng gì. Cả ngày chẳng có gì vui, nó thấy ngày dài quá, ba tháng hè liền như thế này thì chán chết! Giá nó lớn thì thế nào nó cũng đi lính biệt kích tìm thằng cha tài xế gây tai nạn làm bố nó chết để trả thù, nhưng bây giờ nó còn nhỏ quá, nó tức lắm không biết phải làm cách nào, thế nào cũng phải hỏi bố nó mới được.

Liên bỗng nghe tiếng ông Bình gọi "Liên! Liên! bố đã về đây!"

Liên trả lời bằng viễn cảm truyền ý trong trí óc, không nói ra lời: Con đây! Bố có nghe rõ con không?

Ông Bình: Bố nghe rõ lắm.

Liên mãn nguyện vì lần đầu tiên thủ viễn cảm truyền ý có hiệu quả, Liên tiếp tục hỏi ông Bình:

- Bố mới về đây à? Cả nhà chờ bố đấy.

- Ừ bố biết

- Con nói cho mẹ và cả nhà biết bố đã về nhà.

- Ừ con nói đi.

- Nhưng mà khoan đã, con muốn hỏi bố điều này. Bố có được tư tưởng của mọi người không, nghĩa là bố có biết trước được một người nghĩ cái gì, định làm cái gì và chưa những gì trong ký ức không?

- Không con à. Cũng như người sống, linh hồn chỉ hiểu được tư tưởng của người khác khi được phát biểu ra hoặc bằng lời nói, hoặc bằng viễn cảm truyền ý chứ không thể biết trong trí não một người nghĩ gì, định gì và chưa những gì. Có thể một bậc siêu việt như Phật, Thánh biết được, chứ bố thì không.

- Ngoài những lúc bố về con muốn gọi bố có được không?

- Bố không biết sức mạnh viễn cảm truyền ý của con mạnh đến đâu, và cũng không biết khả năng tiếp nhận của bố tới đâu, mai con thử làm xem có được không. Đầu sao thì mỗi tối củ khoảng 11 giờ khuya là có mặt bố ở nhà.

- Để mai con thử. Bây giờ con nói cho mẹ biết bố đã về.

Mọi người hồi hộp quay đầu về phía Liên. Ông Bình chẳng để cho mọi người phải chờ đợi lâu, hiện lên mờ mờ, đến lúc bà Bích thổi tắt hai ngọn nến, trong nhà tối om thì thấy hình ông rõ tỏ.

Ông Bình nói qua giọng của Liên: Chào cả nhà.

Mọi người đều đáp lời chào.

Bà Bình: Anh có bị trở ngại gì không mà về chậm thế?

Ông Bình: Không em à. Anh về đã lâu mà anh nói chuyện với Liên.

Bà Bình: Sao không ai thấy. Thế thì anh muốn hiện hình lên hay không cũng được à?

Ông Bình: Đúng thế. Anh có thể hiện hình lên cho người ta thấy hay không hiện lên. Còn nói thì bằng viễn cảm truyền ý chứ không nói ra lời được. Nhưng anh có thể nghe thấy tiếng nói và trông thấy hình ảnh của mọi người.

Ông Yên: Anh đi chuyển ra sao?

Ông Bình: Muốn đến nơi nào là anh có thể tới đó tức khắc. Thí dụ anh muốn về Hà Nội tìm cha mẹ, anh chỉ cần tập trung vào ý định đó một chút là tức khắc anh tới. Không phải bay, chạy, nhảy, mà tự nhiên ngấm thấu vào cái bầu khí quyển nơi đó, thấy mình ở cái nơi mà mình muốn tới, thành ra không gian xa cách không phải là một cản trở đối với anh. Thời gian cũng vậy. Không có phân chia ngày, đêm, năm, tháng như người sống. Đối với anh đêm ngày như nhau, không có khác biệt.

Chú thủ nghĩ xem, một người ra khỏi thời gian, ra khỏi không gian, vượt khỏi sức hút của trái đất, một người không bị một ràng buộc vật chất kể cả thân xác, không phải lo ăn, lo mặc, lo bệnh tật, thoát vòng sinh lão bệnh tử, không một thèm muốn, đam mê, lo âu, không bị thất tình chi phối, chú thủ nghĩ xem người đó có sung sướng không? Hiên nhiên rồi còn gì nữa!

Bà Bình: Đã đành là sung sướng rồi. Nhưng còn những người sống, còn bốn phận làm chồng, làm cha, anh nghĩ sao?

Ông Bình: Em nói đúng. Người chết đã lỗi đạo vợ chồng, thiếu bốn phận cha con, nhưng em phải nghĩ rằng người chết có muốn chết đâu? Anh chỉ nói về cái sự biến chuyển sau khi chết để em và mọi người biết mà thôi, chứ anh cũng như mọi người tham sống sợ chết, bất cứ ở trong trường hợp nào hay ở trong tình trạng nào. Những người nghèo khổ cực, những người bệnh hoạn đau đớn cũng vẫn bám lấy sự sống, trừ một thiểu số nhỏ bé tự hủy hoại trong lúc quá tuyệt vọng mà thôi. Ngay cả những vị quan niệm rằng đời là bể khổ, mọi sự trên đời là vô nghĩa, thế mà chẳng có vị nào muốn từ bỏ cái sống khổ ải của kiếp này mà còn cố sống lành mạnh để gieo cái nhân lành cho kiếp sau.

Ông Yên: Anh ở trong tình trạng này bao nhiêu lâu?

Ông Bình: Anh cũng không biết. Anh không biết sẽ tồn tại như thế này mãi hay sẽ bị biến thể, hay là theo thuyết nhà Phật thì sẽ đầu thai vào kiếp khác. Nhưng ngay từ bây giờ anh đã có một nhận xét là mấy hôm nay anh không gặp được linh hồn nào chết từ lâu, như thầy mẹ chúng ta, các chú bác họ hàng, hay những thân hữu. Anh cho rằng họ không còn ở cõi vô hình này nữa, họ tới một cõi khác, thiên đường hay địa ngục hoặc họ đã tái sinh hay bị tiêu diệt vĩnh viễn.

Ông Yên: Sao anh không tới những cõi đó mà tìm?

Ông Bình: Đã hai lần cố tập trung hết ý nghĩ vào thiên đường hay địa ngục nhưng anh vẫn ở nguyên chỗ không nhúc nhích. Có thể rằng những nơi đó không ai được tự do ra vào, hoặc chỉ được vào sau khi được phân loại chẳng? Cũng có thể là không có hai nơi đó, mà chỉ do óc tưởng tượng của người ta truyền ra cốt để răn đời làm điều thiện mà thôi.

Ông Bích: Hay là họ đã đầu sinh vào kiếp khác?

Ông Bình: Có thể lắm. Anh chưa biết chắc. Nếu việc đó xảy ra với anh thì anh cũng không thể nói ra được vì khi tái sinh vào một kiếp khác rồi thì làm sao có thể trở lại để nói cho chú biết được. Vì vậy, ngoại trừ một số truyện cổ tích như truyện Tử Đạo Hạnh, thì chưa ai chứng minh được, chúng ta chỉ có thể căn cứ vào lời Phật dạy là có thuyết luân hồi tái sinh mà thôi.

Ông Hòa: Em rất tán thành triết lý của đạo Phật mà em cho là một nhân sinh quan tuyệt hảo ráng phải theo trong lúc sống. Nhưng em không tin là có thiên đường hay địa ngục, em nghĩ rằng thiên đường và địa ngục chỉ là cái gây và củ cà-rốt mà thôi.

Ông Bình: Dù chứng minh được hay không thì từ mấy ngàn năm nay các tín đồ vẫn tin tưởng như vậy, các thầy vẫn theo kinh điển giảng như vậy ở trên chùa, chúng ta không nên bàn cãi vào vấn đề đó.

Ông Hòa: Em nghĩ rằng với đà tiến hóa của nhân loại, mọi giáo lý cần phải thích hợp với trình độ văn hóa của tín đồ. Ở cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, thanh thiếu niên hấp thụ văn hóa Âu Mỹ và có nếp sống Âu Mỹ càng ngày càng nhiều, làm sao để cho họ tin tưởng nếu các thầy không nghĩ tới sự truyền giáo hợp thời, hợp lý. Số tín đồ tin vào thần quyền, thần lực sẽ giảm bớt đi, thế hệ mới không có những đức tin giống như thế hệ cũ. Cần phải cải tiến, phải có cái gì khác hơn, nếu không thì sẽ gặp những sự nghi hoặc, hồ hững nhất là của những ấu niên khi chúng lớn lên.

Ông Bích: Anh nói đúng đấy. Ngay bây giờ em đã thấy đông người lên chùa chỉ vào những dịp lễ lạc như lễ Giao Thừa, Phật Đản, hay là dịp vào lễ cầu siêu của thân bằng cố hữu, còn thì ít người lên chùa để tu đạo. Dần dần bọn trẻ lớn lên không thấy những dịp lễ bái đó hấp dẫn, hoặc không tin vào các giáo lý, hoạt động của các chùa chắc sẽ bị thuyên giảm.

Bà Hòa và bà Bích: Mấy ông báng bô như vậy không được. Nam Mô A Di Đà Phật, lay Phật vạn lay, xin Ngài xá âm xá dương cho.

Nam tử lâu nhấp nhòm định chen một câu hỏi bố nó mà chẳng có lúc nào thuận tiện, thì dịp may bà Hòa và bà Bích ngắt câu chuyện, nó liền vội vàng gọi: "Bố! bố!"

Ông Bình hưởng đầu về phía nó. Nam đang ngồi trong lòng mẹ, nó lấy hết can đảm để nói điều mà nó suy nghĩ, nhưng nhìn ông Bình nó vẫn sợ nên chỉ gọi được !Bố! bố!" rồi ngập ngừng không dám nói tiếp.

Ông Bình tưởng nó nhỏ ông nên nó gọi. Ông đi về hưởng nó và giờ tay định làm một cử chỉ âu yếm, vuốt má nó. Nam sợ quá, trước khi tay ông Bình chạm vào người nó đã bật mạnh ra được: "Bố! con muốn đi lính Biệt kích!" làm ông Bình đứng sững ngay lại và làm mọi người vừa ngạc nhiên vừa buồn cười vì câu nói của nó lạc lõng chẳng hợp tình hợp cảnh chút nào, nhất là lại do miệng một đứa trẻ lên mười tuổi.

Ông Bình: Sao? Con muốn đi lính à? Mà con còn nhỏ tuổi quá không được đâu. Chờ bao giờ lớn hãy hay.

Nam: Con không chờ đâu, con muốn đi lính ngay.

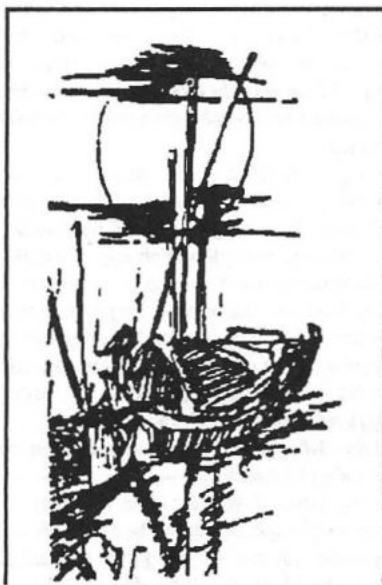
Ông Bình: Làm gì mà con gấp thế?

Bà Bình từ hồi lâu đến giờ vẫn ngồi yên, thấy Nam nói vậy tưởng nó bị cảm nóng nói nhảm nhí, giờ tay sờ trán nó, thấy đầu nó vẫn mát, bà hỏi:

- Ai bắt nạt con mà con tức vậy? Thăng Bê hay thăng Tèo nó lấy đồ chơi của con phải không? Để mai mẹ nhờ bà Tám sang đòi cho.

Nam: Không, không phải thế đâu. Mà con muốn đi lính Biệt kích để trả thù cho bố.

Ông Bình: Úa có ai làm gì bố đâu mà con phải trả thù?



Nam: Con đi lính, con có súng, con bắn chết thằng cha tài xế xe be nó làm bố chết mà!

Ông Bình: À ra thế! Thiệt con giỏi quá! Nhưng mà con đi lính rồi mẹ ở nhà một mình mẹ buồn; thôi con rắng ở nhà với mẹ cho mẹ vui, bao giờ ngoài hai mươi tuổi mới đi lính.

Còn anh tài xế xe be thì anh ấy sẽ phải ra tòa án để tòa xét xử, con không phải trả thù cho bố. Nếu tòa xét thấy anh ấy có lỗi thì anh ấy phải tội theo pháp luật, chứ con cầm súng bắn anh ta đâu có được. Thời bây giờ con đi ngủ đi kéo thóc khuya quá mai không dậy sớm được.

Nam: Con nghĩ hè mà bố. Mai con dậy trưa được mà. Bố cho con lên Đà Lạt nghỉ hè nhà bác Đính nghe bố, ở nhà chán quá.

Ông Bình: Ủ con hỏi mẹ, nếu mẹ cho con đi thì con được đi. Từ giờ trở đi, việc gì con cũng phải hỏi mẹ, nếu mẹ cho phép là bố cũng đồng ý.

Bà Bình: Thôi bây giờ Nam ngồi yên, để bố nói chuyện. Mai bác Đính xuống, hôm nào bác về mẹ cho con theo bác lên Đà Lạt chơi.

Ông Bích: Anh nói rằng anh không gặp thầy mẹ và bà con quyến thuộc cũng như bạn hữu của gia đình, có thể rằng các vị đó đã đầu thai, hoặc sống ở một cõi khác hay bị tiêu diệt. Như vậy thì những ngày giỗ tết chúng ta cúng bái có phải là vô ích không?

Ông Bình: Không phải như thế. Đạo Phật cho rằng người chết sẽ phải tái sinh vào một kiếp khác, cần cầu siêu để linh hồn được siêu sinh tịnh độ, thoát vòng luân hồi, chóng tới cõi Niết Bàn. Phong tục cổ truyền của chúng ta bắt nguồn từ quan niệm hữu thần và quan niệm về chủ hiểu tin tưởng linh hồn bất diệt, tồn tại vĩnh viễn.

Mỗi quan niệm tín ngưỡng có một sắc thái riêng biệt mà từ xưa đến nay vẫn hòa đồng trong dân chúng. Việc cúng bái tổ tiên hay tế lễ những vị thần linh anh hùng của đất nước là một việc tốt đẹp trong ý nghĩa, người sống nghĩ đến người chết để tỏ lòng thương nhớ, thành kính, biết ơn. Tục lệ này thể hiện bằng những nghi lễ cúng tế, bần thờ, cỗ bàn, lễ nhạc, v.v... và nhất là cầu xin van vái để được phù hộ, che chở, bao bọc, ban ơn, giải quyết cho những việc khó khăn, không may, hoặc chữa cho khỏi đau ốm qua cơn bệnh hiểm nghèo. Những cỗ bàn, lễ vật chỉ là hình thức, người được cầu xin có hiện diện hay không nghĩa là có về chứng giám hay không là tùy óc tin tưởng của người cúng bái.

Bà Hòa: Xin lỗi anh, chúng em chỉ cầu sao cho buôn bán có lời kiếm đủ nuôi các cháu ăn học. Đời sống leo thang mà đồng lương thì không đủ chi dụng trong gia đình, anh có thể giúp cho chúng em cách nào được không?

Bà Bích: Phải đấy. Chị Hòa nói đúng. Tối hôm qua anh đã hứa, anh có thể giúp chúng em được không? Tưởng lai chúng em thấy mờ mịt quá chẳng thấy có một tia hy vọng nào.

Ông Bình: Có thể mà cũng không có thể được. Trước hết anh chỉ là một linh hồn yếu đuối như mọi linh hồn khác, không thể làm được một việc gì dùng đến sức lực, thí dụ anh không thể cầm được một cái bút, không thể di chuyển được một vật gì dù trọng lượng của nó nhỏ bé đến đâu như một mảnh giấy chẳng hạn. Anh chỉ có thể làm "con ma" hiện hình lên mà thôi. Như ngày xưa ma hiện lên chỗ cây đa đầu làng để những người nhát gan đi chợ bán hàng sớm sợ sệt phải van vái

cầu xin giúp đỡ để buồn may bán đất trong ngày phiên chợ huyện, chợ phủ, mà kết quả chỉ có thể ở trong trí tưởng tượng của họ mà thôi. Còn anh thì không thể làm ơn cho ai một việc gì hoặc trừng phạt ai một cái gì. Thí dụ không thể làm cho ai bị đau ốm, bị chết như ngày xưa thường nói ma làm, ma ép, ma hại, ma vật, v.v... Anh không thể mang may mắn hoặc tiền bạc đến cho ai, thí dụ không thể làm cho ai trúng số độc đắc số được. Nhưng mà cái mà anh có thể làm được là nhìn thấy tương lai từng người, nhìn thấy những nét đại cương thời chủ không thấy chi tiết.

Ông Hòa: Thế cũng đủ quá rồi còn mong gì hơn nữa. Biết được tương lai mình tới đâu và kết cuộc đời mình đã là một việc phi thường rồi.

Ông Bích: Theo thuyết thiên mệnh thì mọi việc ở trên đời đều do số mệnh an bài. Đã có người xưa nói "nhất ẩm nhất thực giai do tiền định" nghĩa là ngay cả một cái ăn một cái uống cũng đã được định trước. Như vậy thì mỗi người phải có một "thiên thư", một hồ sơ đầy ghi đời sống người đó từ lúc sanh tới lúc chết không?

Ông Bình: Không, không phải thế. Anh chẳng được xem "thiên thư" gì ráo trọi mà anh có khả năng khi nhìn kỹ và tập trung vào gáy một người anh thì nhìn thấy những hình ảnh về tương lai của người đó hiện lên.

Đời người giống như một mũi tên do một cái cung bắn ra để bay tới một mục tiêu nào đó. Nếu vẽ đồ biểu thì khởi điểm là O và X là mục tiêu. Lấy một điểm D nào trên đường OX, thí dụ gọi điểm D là hiện tại, nếu nhìn từ D về hướng O thì biết ngay trên quãng đường DO đã diễn tiến ra thế nào, có những cản trở, có những thuận lợi gì. Cũng vậy, nếu từ điểm D nhìn về điểm X thì thấy mũi tên đó sẽ tới đích như thế nào, trên quãng đường DX sẽ gặp những gì thuận, những gì nghịch, hoặc không tới đích vì bị cản trở, vì sức đẩy yếu quá, hoặc tới đích mau lẹ nhanh chóng vì có sức đẩy mạnh, không gặp cản trở và thuận gió v.v... Lê tất nhiên đường đời không như mũi tên bay thẳng, mà có những khúc quanh, những vận tốc, những cản trở hay những thuận tiện khác nhau trước khi tới đích.

Một người dù sống tới trăm tuổi, so với vũ trụ, so với "cái gì" không bị thời gian hay không gian chi phối, thì cũng chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi, trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày có là bao. Vì thời gian một đời người với thời gian bay của một mũi tên do một cái cung bắn ra, thì e rằng tỷ lệ còn quá lớn so với tỷ lệ vũ trụ.

Chương đồng hồ hàng xóm thông thả điểm hai tiếng. Tuy cách xa một quãng vườn hàng chục thước mà trong nhà bà Bình cũng nghe rõ mồn một. Vào giờ này thế nào con tắc-kè ở cây đa đầu đường cũng kêu lên mấy tiếng mà khi còn sống ông Bình vẫn nhại là "Bác Kỳ! Bác Kỳ!". Có hôm ông kể chuyện tếu là mấy người Bắc bị đưa vào Nam làm đồn điền cao-su, không trở về làng được, chết uất ức tức tưởi nên hóa kiếp làm con tắc-kè để tới tới củ mỗi giờ hưởng về phía

làng mạc xa xôi ở phường Bắc mà kêu mấy tiếng "Bác Kỳ! Bác Kỳ!" thảm thiết.

Tiếng chó sủa xa xa về hướng đường Trương Minh Giảng càng làm tăng vẻ tịch mịch. Trong nhà tối om, chẳng ai nhìn rõ mặt ai. Từ lúc ông Bình về đến giờ, mãi mê nghe ông nên không ai để ý đến thời giờ, bây giờ ngồi lâu bỗng nhiên thấy thiếu thốn ánh sáng. Nam đang ngủ gà ngủ gật trong lòng mẹ, mở mắt thấy tối om vội kêu "Mẹ ơi! tối quá, mẹ bật đèn lên!".

Bà Bích ngồi lâu quá muốn đứng dậy cũng vội tán thành ý kiến của Nam, nhưng Liên đã can ngay:

- Mẹ mà bật đèn lên thì chẳng nhìn thấy bố cháu đâu.

Ông Hòa: Hãy nghỉ một chút để uống nước, anh Bình có đồng ý không?

Ông Bình: Phải đấy. Mẹ Bích cứ bật đèn lên. Bây giờ cũng khuya lắm rồi, mọi người đã buồn ngủ, thôi để tối mai tôi về sẽ nói chuyện tiếp. Chào cả nhà.

Nói rồi ông đưa tay một vòng chào mọi người. Hình ông mở dần cho đến khi tắt hẳn.

Cũng như tối hôm trước, đông đủ cả nhà chờ đợi ông Bình từ chập tối. Đúng 11 giờ, Liên nghe thấy tiếng ông Bình gọi. Liên thầm viên cảm truyền ý với bố:

- Tối hôm qua bố nói bố nhìn thấy tương lai của một người, tương lai này đã được vạch ra sẵn, con thấy có một cái gì không ổn lắm. Con nghĩ rằng tương lai của mình là do mình tạo nên và tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Bố có nhớ cuốn sách của Dale Carnegie mà bố đưa cho con đọc hồi hè năm ngoái không?

Ông Bình: Nhỏ. Hình như tựa đề là "Triomphez de vos soucis", bản dịch chữ Anh sang chữ Pháp.

Liên: Đúng đấy. Trong đó ông Dale Carnegie có viết một câu mà con cho là đúng: "Đời ta là do tự tưởng ta tạo nên". Như vậy không phải là thiên định mà là do nhân định chứ?

Ông Bình: Đồng ý. Cụ Nguyễn Du cũng viết trong Truyện Kiều câu: "Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều". Bố thích những quan niệm và hành động tích cực của những người tạo nên thời thế hơn là những người do thời thế tạo nên, hoặc những người cúi mình theo thời thế. Cái quan niệm "gặp thời thế thời phải thế" chỉ là một quan niệm tiêu cực, biện hộ cho một thái độ hường thụ, không phải là một thái độ đấu tranh, cầu tiến.

Liên: Nếu vậy thì sao lại có chuyện coi thấy tương lai được?

Ông Bình: Thấy được là vì thế này. Cái tương lai của mỗi người đã thực hiện rồi mới thấy được, còn như lúc đang thực hiện thì có nhiều yếu tố có thể thay đổi đảo lộn cái tương lai ấy. Theo ông Dale Carnegie thì tự tưởng mình tạo nên tương lai mình, theo cụ Nguyễn Du thì nhân định có thể thắng thiên, theo quan niệm của nhà tu hành thì làm điều lành, làm điều thiện, tu thân tích đức, gieo cái nhân lành để mang lại cái quả tốt, ảnh hưởng đến cái tương lai của mình.

Liên: Bố nói con không hiểu. Cái gì mà tương lai mỗi người đã thực hiện xong rồi mới thấy được?

Ông Bình: Nghĩa là thế này. Bố có thể nhìn thấy trước đời một người trong khoảng thời gian ngắn. Vì bố có khả năng sống trở lại trong quá khứ và sống vượt thời gian, nên có thể biết được quá khứ hay tương lai gần của một người. Nói rõ hơn nếu một người có khả năng vượt thời gian, thí dụ năm nay là 1974, nếu vượt đến thời gian đến năm 1980, thì biết được những gì xảy ra trong khoảng thời gian 6 năm từ 1974 đến 80. Khả năng của bố còn non lắm, chỉ biết gần, một hai năm trước sau thôi. Các bậc siêu phàm thì thấy xa lắm.

Suốt ruột không thấy ông Bình về, bà Bích nhìn đồng hồ và nói với bà Hòa:

- Hơn 11 giờ rồi mà anh Bình chưa về nhà?

Liên đã nói xong chuyện với ông Bình rồi nên trả lời:

- Thưa mẹ, bố cháu về rồi đó, để cháu đi tắt đèn.

Căn phòng trở nên tối om. Hình dáng ông Bình lại dần dần thấy rõ. Ông Bình vui vẻ chào cả nhà.

Bà Bích: Chào anh. Hôm nay anh coi được tương lai chúng em ra sao?

Ông Bình: Được rồi. Để tôi xem cho cả nhà.

Mọi người kể cả Liên đứng dậy, yên lặng hồi hộp chờ đợi. Nam đứng cạnh bà Bình. Bà Bích và bà Hòa trông ngực đánh mạnh đến nỗi hai bà có cảm tưởng những người đứng bên cạnh cũng nghe thấy.

Ông Bình đứng sau mỗi người chừng mấy phút. Sau khi đi một lượt ông lăm lăm "quái lạ! quái lạ!" và như sợ xét đoán lầm ông lại đi một lượt nữa và đứng đằng sau mỗi người một chút lâu hơn. Và lần này chắc chắn không lầm, ông lên tiếng:

- Có một sự lạ lùng khó hiểu. Anh thấy cả nhà biến đổi chỗ ở trong khoảng một hai năm nữa. Anh đã xem kỹ thì thấy chú thím Hòa ở tại một thành phố bên Hoa Kỳ, mẹ con thằng Nam thì ở trong một căn nhà kiểu "ô-ten", tại một thành phố bên Pháp, chú Yên thì ở giữa rừng với mấy trăm người trong một cái trại như trại tù, trại giam, còn cháu Liên thì ở một cái hòn đảo nhỏ chen chúc rất nhiều người. Lạ thực! Lạ thực!

Mọi người đều nghi ngờ lời nói của ông Bình và bà Hòa đã mau miệng nói:

- Em thì chẳng thể nào đi khỏi cái đất Sài Gòn này, tiền đâu mà đi, và đi để làm gì. Chuyện đó chắc không thể có được.

Bà Bích: Thế còn chúng em thì sao?

Ông Bình: À anh quên, cậu mẹ Bích ở cùng với cháu Liên trên cái đảo nhỏ xíu đồng đúc đó.

Ông Yên trầm ngâm nghĩ ngợi. Ông không cho rằng ông Bình nói láo. Ông tin rằng ông Bình đã nói những gì mà ông thấy mặc dầu nó có vẻ hoang đường, khó có thể tin được. Bây giờ là tháng 7 năm 1974, theo ông Bình thì sự việc này xảy ra trong khoảng một hai năm nữa. Nếu ông Bình nói đúng thì phải có một sự kiện gì to lớn xảy ra làm đảo lộn trật tự lớn như thế. Hay là thím Hòa trúng

số độc đắc rồi đi du lịch Mỹ. Còn mình sao lại ở trong một cái trại giữa rừng? Đi hành quân với mấy trăm binh sĩ cắm trại ở giữa rừng là thường, sao lại gọi là trại giam? Cháu Liên và hai vợ chồng cậu Bích sao lại ở một cái đảo giữa biển. Chị Bình và cháu Nam nữa? Thật là khó hiểu, phải suy nghĩ cân nhắc, chưa hoàn toàn tin vội mà phải nói với anh Bình phối kiểm lại đã.

Liên cũng lấy làm lạ chẳng hiểu sao tương lai cả gia đình lại kỳ như vậy, nhưng Liên hoàn toàn không chút nghi ngờ tin ở bố nàng nói sự thật. Liên cũng như ông Yên ráng tìm một lý do để giải thích lời tiên đoán đó. Bà Bình hỏi ngạc nhiên về lời nói của ông Bình tuy rằng bà chẳng chú ý đến điều gì cả, nhất là những lời tiên đoán về tương lai. Từ hôm ở nhà thương Lâm Đồng về, bà chán nản và buồn rầu hết sức nên ngay cả với hiện tại, những điều xảy ra trước mắt bà cũng không chú ý, nhiều lúc như không nhìn thấy ai ở chung quanh mình và không nghe thấy lời những người nói nữa. Tội nghiệp bà Bình! Bà thường yêu chồng quá nên mất ông Bình bà cho là mất tất cả. Bà chán nản đến độ không còn thiết sống nữa. Nếu không vì Liên và Nam thì bà cũng chết theo ông Bình rồi. Mấy ngày nay vì ông Bình hiện về bà tham dự với mọi người chủ thực sự thì nhìn thấy ông Bình bà đau đớn chết từng khúc ruột, nát từng cõi lòng. Bà thảm oán Trời Phật sao không để bà chết cùng với ông để hai linh hồn cùng bay bổng với nhau mãi mãi.

Ông Yên: Anh Bình à. Em không nghi ngờ lời anh nói, nhưng em khó chấp nhận vì vô lý quá. Tương lai là một vấn đề phức tạp do nhiều yếu tố tạo nên mà yếu tố chính là hậu quả tất yếu của hiện tại và quá khứ. Em thắc mắc về cái khía cạnh hợp lý và bất hợp lý của lời tiên đoán của anh. Anh có cách gì phối kiểm được không?

Liên: Phải đấy, bố à. Con cũng đồng ý với chú Yên. Bố có cách gì phối kiểm được không?

Ông Bình: Có chứ, nhưng bây giờ thì không thể làm được, phải đợi đến mai. Tối mai bố sẽ cho biết. Thôi bây giờ khuya rồi, mọi người đi ngủ kéo mền.

Nói rồi, ông giơ tay chào mọi người. Hình ông mờ dần, mờ dần rồi biến hẳn.

Đồng hồ đầu giường chỉ 4 giờ sáng mà Liên vẫn thao thức không ngủ được. Bao nhiêu ý nghĩ đảo lộn trong óc nàng, nhất là lời tiên đoán của ba nàng. Liên loay hoay suy nghĩ mà không làm sao tìm được một lời giải thích hợp lý thỏa mãn. Làm sao mà nàng lại ở một cái đảo nhỏ xíu đồng đúc những chục ngàn người. Thật là mâu thuẫn chỉ có thể xảy ra trong một ác mộng. Đã đảo nhỏ lại còn đông người. Thường thì những hòn đảo nhỏ là những nơi hoang vắng, có khi không có người nào ở, như những đảo san hô ở Thái Bình Dương. Thôi chết rồi! đảo nhỏ mà đông người thì chỉ có Côn Đảo. Như vậy là một năm nữa mình bị tù giam ở Côn Đảo rồi! Mà làm sao lại bị tù giam ở Côn Đảo được? Nếu không bị tù thì chẳng bao giờ lại đặt chân lên một hòn đảo được. Từ nhỏ đến

lớn nhìn thấy sóng biển là đã sợ chết đuối rồi, làm sao có gan dạ để đi biển, dù là đi tàu lớn. Mà bây giờ có đi đâu xa là đi bằng máy bay chứ đâu còn có tàu biển nữa! Thật là khó hiểu!

Lại còn chú Yên nữa, chú có bao giờ làm gì bậy bạ mà có thể bị giam giữ được. Cả nhà ai chẳng biết tính tình của chú. Con người thẳng thắn, đạo đức như chú không thể nào làm điều gì bậy để đến nỗi bị giam giữ cả. Hay là chú chữa bệnh cho người ta rồi bệnh nhân chết, gia đình họ thừa kiện, chú bị phạt tù chẳng? Không, không thể thế được, không có luật lệ nào bỏ tù một bác sĩ chữa bệnh mà bệnh nhân chết cả, trừ phi bác sĩ đó vô ý, sơ suất hay cố ý. Thật vô lý!

Lại còn mẹ nàng và Nam nữa. Bỗng đâu mà lại tới Pháp ở trong một cái "ô-ten" nhỏ. Rồi chú thím Hòa, cậu vợ Bích nữa. Thật điên cái đầu!

Thế rồi chừng đến 5 giờ sáng Liên thiếp ngủ lúc nào không biết.

Những tiếng nô đùa của trẻ con dưới sân nhà đánh thức Liên dậy. Rõ ràng tiếng thằng Nam, Liên lắng tai nghe. Nam đang chơi đá banh với đứa nào hình như con bác Đính. Liên vùng dậy, nhìn ra vườn. Đúng rồi, bác Đính ở Đà Lạt đã xuống từ hồi nào. Liên nhìn đồng hồ. Chết chửa đã gần 12 giờ trưa.

Liên rửa mặt mũi rồi xuống dưới nhà chào ông bà Đính, ra đường tìm Cường và Thịnh là hai con bác Đính, xong vào bếp phụ với bà Tám. Mùi bếp thơm phức. Bà Tám đã thịt con gà mái tổ nhà nuôi bò rô-ti. Nhà có đàn gà nuôi trong vườn nên lúc nào cũng đủ trứng tươi ăn và khi có khách là có sẵn gà thịt không phải đi mua. Từ lúc gà bán chợ nuôi bằng hóa chất, thịt bò và nhạt, thì bà Tám đã gây nuôi một đàn gà. Lúc đầu có ba con mái và một con trống mà chỉ dăm tháng sau đã thành một bầy mấy chục con, bà Tám phải đem bán bớt chỉ để chừng mười con thôi. Liên rửa giò mận và rau tươi mà bà Đính mang xuống. Nhà ông bà Đính có cái vườn nhỏ, có mấy cây mận và một khoảng đất trồng rau, nên không năm nào bà không gửi xuống cho. Mận đỏ, mận vàng, quả nào cũng mọng to, ăn ngọt lịu không biết chán. Còn những cây sà-lát, súp-lô, su-su, su-hào mới hái ở vườn buổi sáng vẫn còn xanh tươi chứa một chút héo. Bà Tám có lần đã trồng thủ rau trên một khoảng đất nhỏ trong vườn, nhưng nó mọc ẻo ợt, không biết tại khí hậu hay tại đất, với lại mấy con gà bới quá thành hư cả, nên bà Tám thôi không trồng nữa.

Liên vào phòng khách. Ông bà Đính đang nói chuyện với mẹ nàng, hai ông bà nét mặt đăm chiêu. Mọi khi gặp Liên là không bao giờ hai ông bà không đơn đả thăm hỏi, lần này thì hai ông bà chỉ gật đầu đáp lại lời chào của Liên rồi tiếp tục nói chuyện. Có lẽ mẹ nàng đã kể cho hai ông bà biết chuyện ba nàng hiện hình về tiên đoán tương lai cho cả nhà nên hai ông bà lo nghĩ.

Cơm nước xong, ông bà Đính xuống Sài Gòn đến nhà ông bà Bích. Liên cùng đi để xuống chợ Bến Thành mua đồ. Nam mới đùa nghịch với hai con ông bà Đính nên chẳng nghĩ đến đi theo chị.

Nam và Cường, Thịnh lên lầu chơi. Nam khoái lắm vì có bạn nên không sợ nữa. Và chẳng nó cũng không thích ngồi dưới nhà nghe bố nó nói trong căn phòng tối om, đêm nào nó cũng ngủ gà ngủ gật, nó chẳng hiểu gì cả. Đùa nghịch suốt ngày nên giờ này cả ba đều ngủ, nhất là Cường và Thịnh quen ngủ sớm.

Cả nhà quây quần chờ ông Bình từ 10 giờ mà đến 11 giờ hơn vẫn chưa thấy ông xuất hiện. Chờ mãi đến 12 giờ, cũng không thấy. Bà Bích thấp nhang khấn vái, Liên dùng viên cảm truyền ý để gọi ông, nhưng đều không có hiệu quả. Mọi người đều thất vọng, nhất là ông bà Đính từ Đà Lạt xuống cốt để gặp ông Bình. Thúc đến một giờ sáng, mọi người đành phải chấp nhận là ông không về, cho rằng ông bị trở ngại, nên cả nhà đi ngủ hy vọng tối hôm sau ông sẽ về.

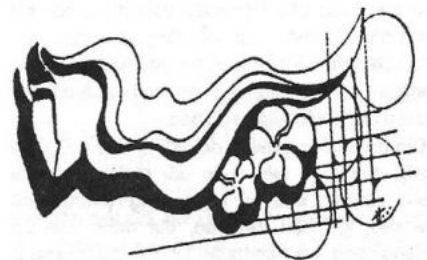
Nhưng chẳng bao giờ ông về nữa. Chỉ có một lần, sau đó mấy tuần, Liên nghe vắng vắng từ xa, với giọng thật yếu ớt, tiếng nói của ông Bình: "Liên! Bố đây! Vĩnh biệt con!" thế rồi thôi. Liên truyền ý gọi lại hồi lâu mà không được. Liên chẳng hiểu tại sao ông không về nữa, có lẽ tại ông tiết lộ "thiên cơ" nên bị trừng phạt hay là ông đã đi đầu thai vào kiếp khác.

Liên nhớ mãi cái buổi tối cuối cùng ông hiện về để đoán tương lai cho cả gia đình, tối hôm đó là tối hôm 17 tháng 7 năm 1974. Mọi việc xảy ra đúng như ông Bình nói đêm hôm đó. Liên hiện đang sống gần bà Bình ở Toulouse, một thành phố miền Nam nước Pháp. Liên đã lấy chồng, người chồng học cùng lớp ở Văn Khoa và cùng vượt biển với nàng tới đảo Poulo Bidong. Nam đang học tú tài và hy vọng trở thành một chuyên viên điện toán. Bà Bình làm thư ký cho một hãng buôn. Trong nhà bà, trên nóc cái tủ sách bày thành bàn thờ, bức ảnh của ông Bình chụp lúc ngoài 20 tuổi, bức ảnh kỷ niệm hai người trao đổi khi mới yêu nhau.

Ông Yên sau ba năm học tập cải tạo được thả về, ông đã vượt biển cùng ông bà Đính và ông bà Bích, hiện ở thành phố Anaheim tiểu bang Cali bên Mỹ. Chỉ có gia đình ông bà Hòa và bà Bình, Nam là đi tản bằng máy bay ngày 28 tháng 4.75. Bà Bình sang được đất Mỹ rồi xin sang Pháp ở.

Thình thoảng Liên mới thấy ông Bình nhưng chẳng bao giờ ông xuất hiện.

Viết theo lời kể của Liên
tại Ba Lê mùa thu năm 1981.



KINH NGHIỆM GIỮ NƯỚC

• Nguyễn Đình Hùng

Không một quốc gia nào là không có lịch sử riêng của mình. Những quốc gia mới lập hoặc đã có ý thức viết sử từ trước thì thường có niên lịch rõ ràng, biến cố và tên danh nhân chính xác. Những quốc gia không có những điều kiện ấy, lịch sử ở giai đoạn khởi thủy thường rất thiếu sót hoặc còn nhiều nghi vấn, mù mờ. Hy Lạp, La Mã, Trung Hoa, Việt Nam... đã có quá trình lịch sử trên 4000 năm nên không tránh khỏi thiếu sót ấy. Vì thế, trong giai đoạn đầu của lịch sử thường có nhiều truyền thuyết, truyện thần thoại. Những hình ảnh ấy tuy không được tin cậy bằng tính xác thực của nó, song phản ánh được tính chất, phong tục, tập quán của một dân tộc. Nó cũng là niềm tự hào về nguồn gốc của dân tộc đó.

Sự ghi chép sử đối với người xưa, trước nhất kể lại công lao của tiền nhân để tỏ lòng biết ơn tạo dựng, giữ gìn đất nước; Sau là để rút tía những kinh nghiệm bảo vệ đất nước, cũng là bảo vệ dòng giống, gia đình, sự yên vui cho người dân. Ngày nay, trong thời đại của thông tin (information), các chi tiết, số liệu (về lịch sử chẳng hạn) lại càng cần thiết và càng có giá trị hơn.

20 năm xa xứ đã trôi qua, một thế hệ mới đã trưởng thành ở hải ngoại. Họ đã ra đi khỏi Tổ quốc khi còn ở độ tuổi quá nhỏ. Học lịch sử nước lạ trú, có lúc họ ngần ngại không biết trả lời sao trước những câu hỏi về Tổ quốc mình. Họ có những ưu tú mơ hồ của những người hình như thiếu "gốc". Tình cảm đối với quê hương kém dần đậm đà, tha thiết. Lỗi đó không phải tại họ mà là tại các bậc cha, anh của họ đã không vận dụng mọi cách bồi đắp kiến thức Lịch sử, Địa dư nước nhà; Mà, ở hải ngoại họ không có cơ hội tiếp xúc, và lại, trong nhà trường nói chung, môn Lịch sử, Địa dư thường không được coi là quan trọng trong các kỳ thi.

Chúng tôi cảm thấy thật có lỗi với thế hệ trẻ nên chẳng ngại tài số, trí thiếu, đúc kết ngắn gọn để các bạn trẻ, thường không rành thi giở, có thể bước đầu hội nhập vào dòng lịch sử của dân tộc một cách dễ dàng. Sau này, khi các bạn đã cảm thấy mến yêu lịch sử nước nhà, muốn tìm hiểu sâu, xin các bạn đọc thêm nhiều cuốn sách lịch sử khác.

Địa dư thường phải đi đôi với Lịch sử, Địa dư giúp chúng ta biết được đất nước mình nơi nào, có sông sâu, núi hiểm, rừng rậm, dân cư ra sao, khí hậu thế nào, địa danh nào có thắng cảnh, nơi nào thuận lợi cho thế trận nào,

nơi nào có những tài nguyên gì. Phần Địa dư trình bày ở đây chỉ nhằm phục vụ cho đề tài Lịch sử mà thôi.

I. Vài dòng địa dư:

Nước Việt Nam:

Việt Nam nằm ở Đông Nam Á Châu, phía Bắc giáp nước Tàu (Trung Hoa), Tây giáp Lào, Cam Bốt (Chân Lạp), phía Đông giáp Biển Nam trông ra Thái Bình Dương, có:

- Hình dạng hẹp, dài từ vĩ tuyến 8,30 độ Bắc đến 23,30 độ Bắc (ngang tầm Bắc Chí tuyến: Kreeftskeerkring).

- Diện tích 329.566 Km², gấp 10 lần Hòa Lan và gần bằng nước Đức. Dân số: 72 triệu người.

- Bờ biển hình chữ S dài 2500 Km chứa 2 quần đảo quan trọng là Hoàng Sa và Trường Sa.

- Hai con sông lớn là Hồng Hà dài 500 Km và sông Cửu Long là hạ lưu của sông Mêkong. Còn rất nhiều sông nhỏ trong đó có sông lịch sử là sông Bạch Đằng (Thái Bình).

- Dãy núi Trường Sơn kéo dài từ Bắc tới Nam, ngọn núi cao nhất là Hoàng Liên Sơn ở miền Bắc cao 3142 m.

- Hàng chục triệu Hecta rừng, gỗ quý.

- Hai đồng bằng rộng với ruộng lúa gạo mênh mông là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Nước Tàu (Trung Hoa)

Nước Tàu nằm ở phía Đông Châu Á, Bắc giáp Mông Cổ (ngoại Mông), Liên Xô cũ, Nam giáp Việt Nam, Lào, Miến Điện, Tây giáp Ấn Độ, Pakistan, Đông giáp biển Đông, trông ra Thái Bình Dương, có diện tích lớn gấp 30 lần Việt Nam; Trước kia không có các tỉnh Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh thuộc nước

nơi tỉnh Sơn Đông và sông Dương Tử có hồ Động Đình, sông Tương, hồ Bồ Giang và chảy ra biển Đông nơi tỉnh Giang Tô. (Hình 1)

II. Vài dòng về Nguồn gốc Việt:

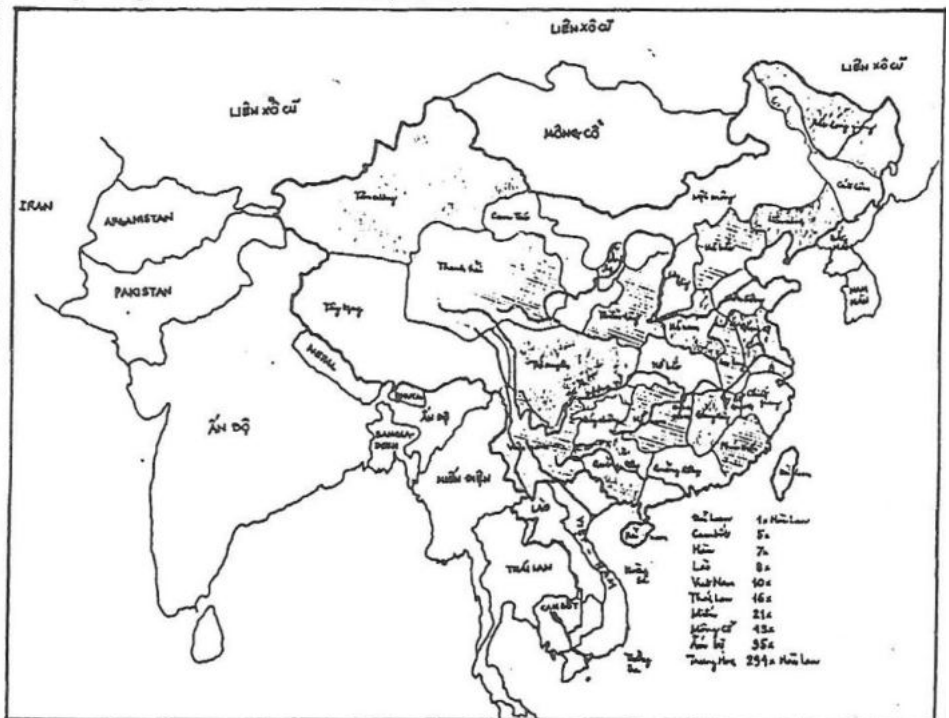
1. Dân tộc:

Có nhiều giả thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt. Chẳng hạn:

- Theo thuyết Nhân chủng thì dân tộc Việt là sự pha trộn giữa 3 sắc dân: Mông Cổ (từ quần đảo Nam Dương), Indonésian (từ Mã Lai), Mônggôloit (từ Mông Cổ); Họ ở trên mảnh đất gần như hiện nay. Ta còn thấy dấu tích đó ở người Mường (Môlanésian), người Chăm, Rhadé (Indôsian) (3-9)*. Họ không bị Hán hóa (biến chất trở nên giống người Hán).

- Theo truyền thuyết thì: Vua Đế Minh, cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông, đi tuần thú phương nam gặp một nàng Tiên, lấy nhau đẻ ra Lộc Tục. Sau, Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương nam, xưng là Kinh Dương Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ. Nước Xích Quỷ được tô đậm trong Hình 2. Vùng này phía bắc giáp sông Dương Tử. (Hình 2)

Rồi Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân là Long nữ, đẻ ra Sùng Lãm tức Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con gái vua Đế Lai sinh được 100 con trai. Lạc Long Quân (thuộc giống Rồng) dẫn 50 con trai đi về sống ở miền biển (phía đông), trong số đó, người con cả là vua Hùng Vương thứ 1; Các vua Hùng truyền ngôi cho nhau, trải 18 đời. 50 con trai theo mẹ (giống Tiên) lên miền núi (phía tây). Trăm trai ấy là tổ của Bách Việt (trăm Việt) vậy (1-11)*. Sử sách



Hình 1

Kim (Mãn Châu), không có Nội Mông (phần nước Mông Cổ ngay phía trên dãy Vạn Lý Trường Thành), không có Tân Cương, Tây Tạng, sau do lấn chiếm mà có. Hai con sông lớn quan trọng là sông Hoàng Hà chảy ra biển

sau này truy cữu chỉ còn thấy các Việt là Đông Việt, Mãn Việt, Nam Việt, Tây Việt, Bộc Việt (Lão Việt), Lạc Việt.

Còn phía tây bắc (vùng không tô đậm ở hình 2) có giống Hán (người Tàu bây giờ) đánh

đuôi các giống người khác, chiếm giữ vùng sông Hoàng Hà lập ra nước Tàu. Trải qua bao nhiêu đợt chinh chiến, giống dân nào mạnh, giành được nhiều đất, đồng hóa (assimilieren) các dân tộc yếu, tạo nên nước lớn. Những dân tộc nào không bị đồng hóa, giữ gìn được mảnh đất mình đã chiếm, tạo nên những nước nhỏ. Đến nay, vùng Lục địa Châu Á ta còn thấy những nước: Liên Xô cũ, Mông Cổ, Tàu, Cao Ly (Hàn Quốc), Việt Nam, Cam Bốt, Lào Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ. Nước Mông Cổ bị phân hai, nước Tây Tạng vẫn còn bị Tàu chiếm giữ, Mãn Châu quốc không còn là nước riêng.

Định luật "Mạnh còn, yếu mất" đã áp dụng ở tất cả các Châu trên địa cầu. Ngay ở Châu Mỹ, Hoa Kỳ lập nước "Hợp Chúng", đẩy lùi thổ dân da đỏ co về những vùng nhỏ hẹp; Nếu như Đồng Minh không thắng trong trận đệ nhị thế chiến, liệu Pháp, Hòa Lan... có thoát khỏi không lệ thuộc hoặc mất nước vì Đức Quốc Xã? Từ cổ xưa, do những "Lãnh Chúa" tranh giành nhau đất đai, ai chiếm được thì gọi là "của mình", không chiếm nổi thì vẫn của người ta. Mảnh đất trên địa cầu hình thành tự nhiên, không phải để dành riêng hẳn cho một giống dân nào. Không thể nói: Nước Mỹ là nước của Anh, nước Hòa Lan là nước của Đức, nước Việt Nam là của Tàu được; Mặc dù các nước ấy ở cạnh nhau hay có những quan hệ chặt chẽ với nhau.

2. Ngữ văn:
Ngữ (tiếng nói), Văn (chữ nghĩa). Ngữ, văn là phương tiện thông tin, liên lạc bằng miệng, bằng ghi chép giữa những người cùng dân tộc, cùng nước với nhau. Khác nhau về dân tộc thường khác nhau về ngữ văn.

Về tiếng nói Việt, cổ sử Tàu chép: Năm Tân Mão, đời vua Thành Vương nhà Chu (1109 TTL, trước Tây Lịch), có nước Việt Thường ở phía nam Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn (3 lần) mới hiểu được tiếng (1-13)*. Người Tàu (sử Tàu Trần Cương Trung) nhận xét rằng: Người Việt nói gấp mà nói, giọng sáng như chim (3-13)*. Còn người Việt (truyện Trạng Trình) nhận xét rằng: Người Tàu nói như cóc kêu.

Tiếng mà người Việt nói đó chính là tiếng Nôm. Nói thì như vậy nhưng viết ra sao thì không còn dấu tích rõ ràng, các Học giả cho rằng chữ Việt cổ giống như chữ của dân tộc Mường và H'Mông (ở nước ta người H'Mông hiện nay còn khoảng 470.000 người). Hình 3 là bảng mẫu tự của dân tộc H'Mông (3-14)* (Hình 3)

Song, dưới ách đô hộ hơn 1000 năm, vừa do ảnh hưởng, vừa bị ép buộc, vừa được khuyến khích học và dùng chữ Hán (Tàu) trong lúc ta chưa có cách ghi chép đầy đủ, riêng, nên chữ Hán đã sớm "xóa" mất chữ Việt cổ. Tuy nhiên, học được chữ Hán không phải là dễ dàng, số người học được không nhiều, đa số vẫn mù chữ. Người biết chữ Hán làm thơ, phú, viết

sách, viết sử... Còn tục ngữ, ca dao... vẫn phải truyền miệng; Văn chương bác học phổ biến hơn văn chương bình dân là vì thế. Các nhà nho Việt đã mượn nét và âm của chữ Hán để ghi chép lại tiếng nói, thế là chữ Nôm thành hình, vì vậy, chữ Nôm trông giống như chữ Hán mà lại không phải là chữ Hán. Ta có thể nói tương tự: Chữ Anh, Pháp cũng mượn mẫu tự Latin để tạo thành, nhưng chữ Anh, Pháp lại



Hình 2

không phải là chữ Latin. Việc xuất hiện chữ Nôm, dù sao cũng biểu thị một niềm khao khát độc lập của dân tộc Việt.

Tuy nhiên, học được chữ Nôm cũng vẫn không dễ. May sao, Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã dùng mẫu chữ Latin để ghi chép tiếng nói của ta, dạng chữ này lại rất đơn giản, dễ học và dễ đọc. Nhờ thế, sau ba thế kỷ 17, 18, 19 làm quen và chuyển biến, sang thế kỷ 20 chữ viết đó được chọn làm Quốc Ngữ, Quốc Văn và được hoàn thiện nhanh chóng, hiện nay chúng ta đang dùng chữ này.



Hình 3

Xem như vậy, dù xưa hay nay, Ngữ, Văn của người Việt vẫn khác của người Tàu, dù có lúc phải "vay mượn" nhưng rồi cũng thoát khỏi ảnh hưởng của Tàu.

Hơn nữa, người Việt còn khác người Tàu về cả phong tục, chẳng hạn: Từ cổ xưa, dân tộc ta theo chế độ Mẫu hệ, thờ Thần Rùa, cắt tóc ngắn, đầu đội khăn, xăm mình, ăn trầu, nhuộm răng, đàn bà mặc váy... (3-11)*, khác hẳn với phong tục của người Tàu. Người Tàu đã muốn đồng hóa phong tục dân tộc ta từ bao đời rồi, nhưng họ vẫn không thực hiện được tham vọng ấy.

III. Giải thích Bảng Tóm Lược Lịch Sử

Bảng được chia làm 5 cột:

Cột 1 ghi tên Nước, thay đổi do người cầm quyền (Vua) lúc đó đặt.

Cột 2 ghi Triều Đại, gồm các vị Vua hay người cầm quyền cao nhất của dòng Họ. Vì quan niệm phong kiến cho rằng đất nước lúc ấy của riêng dòng Họ (còn gọi là Nhà, thí dụ Nhà Trần tức dòng họ Trần) nên các vị vua kế tiếp nhau theo cha truyền, con nối. Vị nào có đánh dấu (*) ở sau tên là người gốc Tàu, hoặc đã lai ít đời.

Cột 3 ghi Năm, năm bắt đầu và năm chấm dứt của vị Vua đó. Những năm ở phía trên bảng là thời điểm trước khi Chúa Jesus ra đời, nên gọi là TTL tức trước Tây Lịch, số năm đếm ngược về 0000; Sau khi Chúa giáng sinh gọi là STL tức sau Tây Lịch, số năm đếm từ số 0000 tăng lên.

Cột 4 ghi những Biến Cố (Sự việc xảy ra) hay những Danh nhân (tên những người nổi tiếng) mà ta nên nhớ trong thời gian đó. Dấu (*) chỉ những tình ở Nam Việt bị Pháp chiếm.

Cột 5 ghi những vị Vua hay Triều đại ở nước Tàu hay nước Pháp cùng thời để thấy sự liên quan giữa 2 triều đại lúc xảy ra biến cố.

Các Sử gia thường nhận xét rằng: "Lịch sử là những cái vòng luẩn quẩn". Vì các vị thường thấy các sự kiện thường lặp lại. Có nghĩa là nhiều nhà lãnh đạo không rút được kinh nghiệm của tiền nhân, không bắt chước được cái gì hay, không tránh được cái gì dở của những người đi trước nên lại đi vào vết xe cũ. Những người gạt hái được thành công thường biết khai thác kinh nghiệm của người khác, và, hiểu rằng: Kinh nghiệm là cái người ta cho mình, mình thường không nhận nhưng có lúc đã phải mua nó bằng một giá rất đắt.

Chúng ta nên cùng nhau dựa vào Lịch sử, rút ra những kinh nghiệm của tiền nhân, để dùng cho chính chúng ta trong nhiệm vụ giữ nước.

Vì cần tính khách quan, những sự việc và lời nhận xét, đánh giá phần lớn được trích từ sách báo và chủ yếu là hai tập Việt Nam Sử Lược của Lê Thần Trần Trọng Kim.

IV. Giải thích - Sự kiện - Nhận xét

A. Thượng Cổ Thời Đại: Từ năm 2879 TTL đến 111 TTL

1. Giải thích:

- Trải suốt 2671 năm từ Kinh Dương Vương cho đến hết đời An Dương Vương, có 18 đời Vua Hùng, vì sự chép sử thiếu sót từ đầu nên

so tổng số năm với tổng số các vị Vua thì chưa có cách giải thích hợp lý. Trong giai đoạn dài này tích truyện cũng nhiều: Bánh chưng, bánh dày; Trầu cau, Chủ Đổng Tử, Tiên Dung; truyện ít hoang đường có: Mỵ Châu, Trọng Thủy với Nô Thần; Truyện hoang đường mang ngụ ý có: Phù Đổng Thiên Vương tức Thánh Gióng, truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh. Lúc đó, bên Tàu cũng trải qua nhiều đời Vua thuộc nhiều họ, mà người ta thường gọi dòng họ là "Nhà" tựu trung cũng là các đời Vua nước Tàu. Nhà Đông Chu (còn gọi là Đông Châu) hay Tây Chu, nhà Tần, nhà Hán hay nhà Đông Hán cũng vẫn là nước Tàu, việc phân biệt chỉ để dễ xác định thời gian (trước, sau) của sự việc. Chẳng hạn nói Hai Bà Trưng đánh quân Đông Hán, ông Ngô Quyền đánh quân Nam Hán, thực ra cả hai vị đều đánh quân... Tàu cả.

- Tên nước lúc đầu là Xích Quỷ, rồi Văn Lang, Âu Lạc, Nam Việt là tên nước do Triệu Đà đặt, việc đặt tên nước hàm ý vùng đất riêng, không phải là một quận hay huyện thuộc nước Tàu.

2. Biến Cố:

1- "Chẳng bao lâu thì nhà Tần suy nhược, nước Tàu có nhiều giặc giã, ở quận Nam Hải (Tàu) có quan úy là Nhâm Ngao (Tàu) thấy có cơ hội, muốn mưu đánh lấy Âu Lạc để lập một nước tự chủ ở phương nam. Nhưng công việc chưa thành, thì Nhâm Ngao mất. Khi sắp mất, Nhâm Ngao giao binh quyền lại cho Triệu Đà (Tàu) để thay mình làm quan úy quận Nam Hải.

Năm Quý Tỵ (208 TTL) là năm thứ 50 đời vua An Dương Vương, Triệu Đà đem quân sang đánh lấy nước Âu Lạc, lập ra nước Nam Việt" (1-18)*.

2- "Khi Cù Thị và (Triệu) Ai Vương đã định về Hán triều, thì có quan Tế Tướng là Lữ Gia biết rõ tình ý, đã can ngăn mãi không được, mới truyền hịch đi mọi nơi nói rằng Vua và Cù Thái Hậu sắp đem nước dâng cho nhà Hán; rồi Lữ Gia cùng với mấy người đại thần đem quân cấm binh vào giết sứ nhà Hán, Cù Thị và Ai Vương. Đoạn rồi tôn Kiến Đức lên làm vua. Kiến Đức là con trưởng của Minh Vương, mẹ là người Nam Việt, làm vua tức là Triệu Dương Vương" (1-33)*.

3. Nhận xét:

- Người Tàu hãnh diện về dân tộc, đất nước họ, với tên gọi "Trung Hoà", họ ngụ ý rằng nước họ hay dân tộc họ là văn minh nhất, là tinh hoa trên thế giới, họ ở giữa (Trung) của bông hoa (Hoa). Người Nhật tự hào rằng đất nước họ là chỗ gốc (Bản) của sự sống (mặt trời: Nhật), dân tộc họ là con cháu của Thần mặt trời. Ta cũng tự hào là con của giống Rồng, cháu của giống Tiên. Dù có thực hay thần thoại, niềm tự hào đó vẫn được mọi người yêu nước, yêu tổ quốc chấp nhận.

- Họ Triệu làm vua cả thảy 197 năm được 8 đời. Những vua trước tuy là gốc người Tàu (có dấu * cạnh tên Triệu Đà), nhưng đã coi như là nước riêng, coi dân Âu Lạc như ruột thịt nên được yên, khi Ai Vương lộ ra ý muốn dâng nước cho Tàu là bị đào thải ngay, người kế vị có dòng máu Âu Lạc được tôn lên, hy vọng rằng mưu đồ bán nước hiểm xảy ra hơn.

B. Bắc Thuộc Thời Đại:

1. Giải thích:

- Giai đoạn này không liên tục vì có cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng, Bà Triệu (Triệu Thị Trinh), Lý Bôn (Lý Nam Đế), Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương), Lý Phật Tử, Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế), Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương), chỉ có một khoảng thời gian giành lại được lâu nhất là 58 năm, chẳng được bao lâu so với 990 năm gồm: Lần thứ nhất 151 năm, lần thứ hai 502 năm, lần thứ ba 337 năm.

- Lý Bôn (*) cũng là người Tàu, và cũng muốn độc lập với Tàu, ông lại đổi tên nước là Vạn Xuân.

- Những quan tướng Tàu đối xử với nhân dân ta rất tàn bạo như Tô Định, Mã Viện, Lữ Đại, Lục Dận, Lưu Phương, Dương Tư Húc; nhưng cũng có một số quan có công với dân ta như

Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp, Cao Biền.
- Các Triều đại bên Tàu bấy giờ cũng thay đổi do loạn Vương Mãng, loạn Tam Quốc, loạn Ngũ Hồ: Từ Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường rồi lại đến Hán thay nhau cai trị nước ta.

- Đến khi Ngô Quyền nổi lên đánh đuổi quân Tàu (Nam Hán) về nước, nước ta mới dứt một giai đoạn dài gần 1000 năm bị đô hộ.

2. Biến cố:

1- "... Hoàng Tháo bị Ngô Quyền bắt được, đem về giết đi. Hán chủ được tin ấy, khóc oà lên, rồi đem quân về Phiên Ngung, không dám sang quấy nhiễu nữa" (1-68)*.

(Còn tiếp)

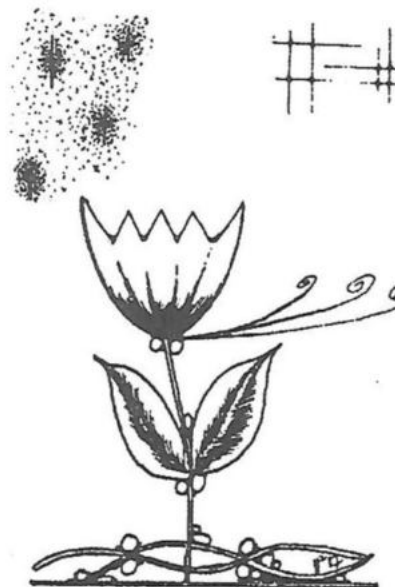
Thơ

• Nguyễn Thương Quê

NGŨ

Gánh Trăng

*Ao thu im bóng mái chùa
Hương lam quện tỏa bao mùa
lịnh lăm
Trăng soi đáy nước đêm rằm
Thoảng mùi sen trở, Quán Âm,
ngộ thiền*



*Gánh trăng qua bến sông làng
Chợt nghe cái Vạc kêu than giữa
trời
Tiếng rơi xuống làn nước trôi
Lẳng trong trăng vắng những lời
thở than
Rằng Cò làm chủ ruộng làng
Đêm nào lệ Vạc cũng tràn thâu
canh
Nước vào đồng lúa lên xanh
Ăn đêm Vạc đã trở thành - kẻ
gian!*

*Gánh trăng qua bến sông làng
Xúa ai gánh nước, nạy nằng
gánh trăng
Nghe từng tiếng Vạc ăn năn
Lẳng trong tiếng quốc mỗi lần
đau xưa.*

THỜI GIAN

• Nguyễn Đại Quý
(München)

Nhân dịp lễ Chúa hiện xuống, các con tôi nghỉ học 2 tuần. Chúng tôi dành thi giờ đi Hannover, viếng thăm Chùa Việt Nam lớn nhất Âu Châu, kinh phí xây tốn 9 triệu Đức Mã do sự đóng góp của các con Phật thập phương (*Mái Chùa Che Chở Hồn Dân Tộc*). Đã 20 năm Phật Giáo Việt Nam được nở hoa trên đất Đức. Thượng Tọa Thích Như Điển, người đã đem Phật Giáo Việt Nam truyền bá nơi đây. Ngôi Chùa kiến trúc với đường nét mỹ thuật tuyệt đẹp. Nếu ở Đức chưa một lần đến thăm Chùa thật là một thiếu sót lớn. Gia đình chúng tôi không phải Phật tử, nhưng chúng tôi muốn các con trai biết được Chùa Viên Giác và là Trung Tâm Văn Hóa của người Việt Nam, làm quen với sinh hoạt của Cộng đồng người Việt, "*Chùa Viên Giác chẳng những là quê hương tinh thần của người Việt sống tại Đức và ở Âu Châu mà còn là Trung Tâm trao đổi tâm linh của mọi người thuộc mọi chủng tộc và Tôn giáo*". Đến Chùa nghe tiếng chuông, tiếng mõ, lời kinh cảm thấy lòng thanh tịnh, nhưng chúng tôi không có duyên với Đạo Phật "*vô Chùa thấy Phật muốn tu...*".

Mỗi năm số người về tham dự Tết, các Đại lễ khác của Phật Giáo rất đông, trong dịp lễ này số người về tham dự trên 5 ngàn "*đập đầu tãi tử giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nệm*", có đủ các gian hàng Văn hóa phẩm: sách báo, băng nhạc, CD, Vodeo, tranh sơn mài... Các gian hàng cơm chay được chiếu cố tấp nập, người phục vụ không kịp tay. Các loại bánh cũng lắm người mua, mấy năm qua chúng tôi đọc báo thấy Thầy than phiền có nhiều từ nhân đến bán thực phẩm, thức ăn mặn... Nếu chúng ta mọi người ý thức một ít, đi Chùa không uống bia, ăn mặn một ngày cũng có thể chịu đựng được, nếu mọi người đều ý thức cùng làm việc nhỏ này, dù người ta có bán món ăn mặn hấp dẫn... không có người mua, rồi họ nản lòng rút lui. Những lần khác họ không dám bán nữa. Trong lần này tôi không thấy bán thức ăn mặn, tuy nhiên tôi thấy có một

nhóm trẻ, có mang những két bia lon ngồi uống ngoài công viên Chùa. Với bản tính tò mò tôi ghé mắt nhìn xem được nghe biết, họ đàm đạo với nhau về việc: được ở lại Đức hay phải hồi hương theo Hợp Đồng giữa hai chính phủ Đức-Việt... Đó là số phận những người tử các nước Đông Âu đến Đức xin tỵ nạn... Trong các kỳ Đại Hội Công Giáo hàng năm cũng đã xảy ra nhiều việc phức tạp. Người ta mang bia rượu đến uống xảy ra nhiều việc không đẹp, mọi việc đều ngoài ý muốn của Ban Tổ Chức. Nếu chúng ta ngại mịch lòng, thì có thể mời một người Cảnh sát Đức làm việc, mọi việc sẽ tốt đẹp, trật tự hơn.

Chúng tôi dạo quanh Chùa để xem các khóm Trúc, vào Bảo Tháp đi từng tầng đều có một tượng Phật lớn, quanh tường có những tượng Phật nhỏ, không có thờ hài cốt đốt như mọi người đã nói. Đứng trên nhìn xuống công viên Chùa đủ màu sắc, thấy được mái cong của Chùa. Vào nhà bếp, tôi vô cùng ngạc nhiên thấy có nhiều thanh niên tuấn tú người Đức đã làm việc công quả, phụ lo việc nhà bếp... Tôi đã gặp một Sinh viên người Đức đang tu học tại đây, nói tiếng Việt rất rành mạch, văn chương, mặc bộ áo quần màu nâu sồng, nhưng chưa xuống tóc, được biết anh ta ở tại-Chùa đã vài năm qua, muốn xuất gia tu hành, nhưng cần một thời gian tu học, thuộc giáo luật, thử thách để được xuất gia.

Bên quê nhà hoa sen chỉ nở vào mùa hạ, nhưng nơi đây, ngôi Chùa Viên Giác sen nở mãi, với mùi hương thơm ngát tỏa xuống lòng trần. Sự trưởng thành 20 năm qua đã gây được rất nhiều ảnh hưởng Văn Hóa, Tôn Giáo, Chính Trị đối với người bản xứ. Có quan ngôn luận tờ báo Viên Giác rất phong phú, nhiều thi văn sĩ nhiệt tâm cộng tác như: *Phù Văn, Vũ Nam, Phạm Hồng Sáu, Nguyễn Tấn Hưng, Hồ Trường An, Lê Thị Bạch Nga, Phạm Thắng...* Thầy Thượng Tọa không những có tài lãnh đạo chỉ huy mà Thầy còn là một nhà văn, viết về Đạo và Đời rất hay và hấp dẫn. Các tác phẩm của Thầy tôi đều mua đọc rất đam mê, đọc để học Đạo và Đời: tác phẩm *Vụ Án Một Người Tu* không những tựa đề hấp dẫn tim đọc thấy cái hay của nó. *Giữa Chốn Cung Vàng*, Thầy viết về Tích Lan có đoạn viết về quê hương xứ Quảng, Thầy đã đưa tôi sống trở lại với quê hương yêu dấu của tôi đã xa cách hơn 20 năm qua chưa một lần trở lại. Cây bút phê bình văn chương nhà văn Vũ Kỳ đã vô cùng ca tụng các tác phẩm của Thầy: "*... Thượng Tọa là nhà lãng mạn Tôn giáo. Đúng vậy trong tiềm thức và tâm linh Ngài, luôn luôn hiện diện cái say đắm tột với của tính nghệ sĩ hưởng thưởng của nhà đạo sĩ. Tràn đầy một óc tưởng tượng, về ra những vùng trời siêu thoát của nền Đạo học cao minh của Phật Pháp huyền linh, Người ao ước sống và đạt đến tột cùng Chân, Thiện, Mỹ, thỏa mãn tính chất ước mơ siêu phàm thiêng liêng của mình và ở một vị Thiền sư như Ngài, đó là lãng mạn Tôn giáo, nếu xét theo tâm lý kết hợp với văn học...*" Đối với tôi các tác phẩm của Thầy đọc nhiều lần và cất vào tủ sách gia đình như những tác phẩm nổi tiếng

khác... Gần đây có thêm hai cây bút Đệ Tử theo Thầy trong chuyến đi Nhật về viết lại các bài đến thăm nước Nhật, vô cùng hấp dẫn giúp cho người đọc có một cái nhìn thực tế về nước Nhật. Cũng như tôi dự định trong tương lai sẽ một lần đến thăm biết tận gốc cái văn minh xứ Nhật. Xem Film chiếu qua hội hoa Anh Đào đẹp tuyệt... Đời sống kỹ nghệ thăng tiến của nước Nhật, nhưng vấn đề tâm linh đạo đức đã bị lãng quên. Được nhắc lại quang đời Sinh viên tu học của Thượng Tọa tại Nhật đã trải qua nhiều gian nan...

Tu và học Đạo của người Nhật và người Việt Nam khác nhau, thầy tu ở Nhật lấy vợ sinh con, Chùa như một sự thừa hưởng từ các đời cha ông. Theo tôi, như vậy đời sống tu học của người Việt minh có truyền thống, lý tưởng hơn. Người tu theo Đạo Phật đã xuất gia, thoát vòng tục lụy có nhiều thì giờ để phục vụ chúng sanh... Các thầy đến tu học tại Nhật vào lứa tuổi còn trai trẻ nhưng đã giữ vững được nếp sống Đạo Việt Nam

Ngày xưa ở bên quê nhà, tôi cũng thường viếng thăm các Chùa nhưng sợ người về tham dự không đông như nơi đây, người ta chỉ viếng chùa rồi ra về, nhưng bên này vì mọi người ở xa từ các miền của nước Đức hay các quốc gia lân cận: Hòa Lan, Áo, Đan Mạch, Thụy Sĩ... về viếng Chùa, ở lại, nên nhu cầu phục vụ cần đáp ứng vừa lòng người đến và vui lòng người đi. Đây cũng là một nỗ lực và lẽ lối làm việc rất hoàn chỉnh của nhà Chùa. Số người quá đông, chỗ ngồi cũng phải giới hạn, muốn thoải mái hơn các Hotel gần Chùa cũng không đắt (một phòng 2 giường đầy đủ tiện nghi, ăn sáng cả gia đình 4 người 150 DM; nếu hai người trả 120 DM). Bên cạnh là Jasmin Restaurant (nếu ai không ăn chay được có thể đến đây ăn mặn; bên cạnh có Super Markt bán đủ bia rượu. Sau khi đi Chùa về có thể ngồi trong phòng uống bia xem Tivi, không làm phiền người khác), Hotel cách Chùa khoảng 400 thước, không phải tôi quảng cáo, nhưng tôi là người "*ngoại đạo Phật*" viết để có vị nào muốn viếng Chùa nhưng ngại về "nơi ăn chốn ở" ...

Trong thời gian chúng tôi lưu lại thăm viếng 2 ngày 1 đêm thì gian thật ngắn. Tôi không đủ cái nhìn xa hơn, nhưng đối với chúng tôi thời gian này thật đẹp. Các con tôi đều ăn chay, buổi trưa đói bụng, chúng tôi vào quầy bán thức ăn, gặp người thanh niên trẻ, tôi bảo:

- Anh vui lòng bán cho tôi một phiếu ăn...

Người này trả lời:

- Không bán phiếu ăn, nhưng đây là ủng hộ mỗi phần chỉ có 5 DM thôi...

Vào phòng bán sách, tôi mua sách, nhưng "nhà tôi" trả tiền, còn lại tiền thối lui, tôi ở bên cạnh đưa tay lấy tiền. Bị Bác gái người giữ két tiền "phán" cho tôi một câu: "Đề cho đàn bà giữ tiền", Bác ấy đưa lại tận tay cho "nhà tôi". Cảm ơn Bác đã bênh vực cho phái yếu của Bác, nhưng đối với riêng tôi, đi làm việc để lo cho gia đình, tiền lương hàng tháng vào một số Konto chung, sau khi trừ tiền nhà, nợ bảo hiểm "nhà tôi" lo đầy đủ, tôi không bao giờ tính toán còn hết hao nhiều, người đàn bà Việt Nam đảm đang lo

cho gia đình, còn cái tôi cần tiền để làm gì? Mỗi lần nhắc lại các câu chuyện qua, tôi mỉm cười một mình sau 25 năm trôi qua tôi mới có dịp thăm Chùa, nhưng đã 2 lần bị "sửa lưng" nhưng đó là một kỷ niệm vui.

Trước năm 1975 tôi làm việc tại Sài Gòn lúc bấy giờ các phong trào đấu tranh của Phật Giáo đối lập chính quyền. Ni sư Huỳnh Liên, Thượng Tọa Trí Quang, xuống đường... Tôi không thù ghét gì việc làm của họ, nhưng tôi không thích viếng thăm Chùa... Trong những năm Trung Học tại Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, tôi cũng có hai người bạn đi tu, học chung một lớp, sau này học Đại Học Vạn Hạnh, sống với xã hội cộng sản thiếu tự do, Tôn giáo bị đàn áp... Nếu các Chú còn tiếp tục đường tu đến hôm nay cũng đã lên chức Đại Đức, Thượng Tọa (hy vọng chú Thành, chú Chương bạn của tôi làm tròn ước nguyện của một nhà Tu).

Đêm văn nghệ có các Ca sĩ Phường Hồng Quế, Trang Thanh Lan, Quang Bình và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đến từ Hoa Kỳ. Hội trường không rộng nhưng số người quá đông không đủ chỗ chừa, về vấn đề tham dự đôi khi cũng không được yên lặng, có lẽ mọi người lâu ngày gặp nhau nên hay có tâm sự riêng... Có nhiều người đến ngồi trước để dành chỗ trước giờ khai mạc. Trong dịp này tôi có gặp cô Doãn, cô phụ trách tiết mục hoạt cảnh *Duyên Quê*. Gia đình chúng tôi quen biết cô tại Sài Gòn, cô rất ngạc nhiên chúng tôi là Con Chiên của Chúa Kito, nhưng có mặt cả gia đình để viếng thăm Chùa Viên Giác. Chúng tôi đã đến và đi, những hình ảnh ngôi Chùa không phai mờ qua trí nhớ "nhập gia tùy tục" chúng tôi không phải đến Chùa để chơi. Đến Chùa để học hỏi, tìm hiểu... những lần này vì Chùa quá đông người, các Thầy bận rộn cho ngày lễ, chúng tôi không học hỏi được nhiều. Chúng tôi nguyện sẽ trở lại thăm Chùa trong một ngày bình thường để được ngủ lại đêm tại Chùa, có thì giờ để chúng tôi có thể học hỏi nhiều hơn. Chánh điện rộng, các bàn thờ đẹp lộng lẫy, các đường nét điêu khắc công phu bằng gỗ được thếp vàng, nhiều bàn thờ, từ chính giữa đến 2 bên. Tôi không đủ hiểu biết để giải thích rõ ràng các câu hỏi của con tôi, quá đông người lễ bái, khói hương nghi ngút không kém phần khó thở, nên tôi không đủ kiên nhẫn để tìm các vị lớn tuổi để hỏi. Các con tôi hỏi tại sao Chùa có cái cổng Tam Quan mà Nhà Thờ không có... chúng tôi đã cố gắng học hỏi để trả lời như một sự giải thích. Về đời sống Tôn giáo, nếu theo đạo Thiên Chúa có giờ giáo lý rất sâu rộng về đời sống của Chúa. Về đạo Phật nơi đây là một thiếu sót lớn trong chương trình giáo dục tại học đường. Bởi vậy tôi cũng mong rằng trong tờ báo Viên Giác có mục Học Đạo không phải dành cho trẻ con (vì trẻ con không đọc được hết tiếng Việt, người lớn đọc và giải thích cho con cháu biết, có nhiều gia đình theo Đạo Phật rất sùng kính, nhưng hỏi về giáo lý nhà Phật có khi cũng mù mờ...)

Theo tôi, quan niệm về Đạo không phân biệt Chúa hay Phật, vì Đạo là con đường đưa con người làm điều thiện. Tôi không đủ khả năng để giải thích tại sao Đức Phật sinh ra

buộc đi có bông sen nở ở dưới chân. Đối với đời sống khoa học xã hội hôm nay làm sao giải thích cho con mình hiểu một cách chính xác để đưa đến một niềm tin. Trong các lần thuyết pháp của quý Thầy cũng nên ghi, đăng trên Viên Giác để mọi người có thì giờ học hiểu biết thêm.

Trước sân Chùa có tượng Phật Quan Âm đứng trên hòn non bộ, bên ngoài có thể nhìn thấy rất rõ, dưới chân tượng hòn non bộ đẹp, nhưng rất tiếc nước trong hồ không được trong sạch (nếu tôi ở gần Chùa tôi sẽ xin làm việc thay nước cho trong; dưới đáy hồ bỏ đá sỏi màu trắng có lẽ đẹp hơn). Nhìn hòn non bộ, tôi nhớ lại ngày xưa còn bé, đã nhiều lần đến chơi tại Chùa Long Tuyền, Hội An, có hòn non bộ trước Chùa tuyệt đẹp với rêu phong, nước trong veo có vài ba con cá vàng bơi lội, đứng nhìn hòn non bộ này chúng ta có cảm tưởng sống trong một thế giới thần tiên bé nhỏ. Chùa do thầy Đại Đức Thích Chơn Phát làm trụ trì. Trước cổng Tam Quan có hai hàng hoa sứ nở thơm ngát mùi hương...



Chùa Viên Giác, Hội An, hai bên đường vào Chùa có hai dãy dừa xanh lá, bước vào cửa Tam Quan nhìn góc sân Chùa có cây si, cổ thụ to lớn, rễ cây ngoằn ngoèo như những đàn rắn. Mái Chùa xưa thấp, trang nghiêm không kém phần thanh tịnh... Hội An nhiều chùa đẹp: Chùa Phước Lâm, Chùa Tinh Giáo Hội, Chùa Sư Nữ, Chùa Ông, Chùa Cầu... Chúng ta ở bên này bờ Đại dương xa cách, quê hương hình ảnh xa xưa chỉ gợi qua ký ức. Tôi đến thăm Chùa Viên Giác, Hannover, cố tìm lại hình ảnh ngày xưa ấy. Những thời gian trôi qua mãi chúng ta chỉ nhìn lại mái tóc mình đã ngả sang màu trắng, hình ảnh kỷ niệm đẹp chỉ còn lại như một thoáng hương xưa... Quê hương Việt Nam yêu quý bao giờ chúng ta trở lại...

Người Việt sinh sống các nơi đều có Niệm Phật Đường được thuê mượn hay góp tiền mua. Về phía Cộng đồng Thiên Chúa được hỗ trợ của Giáo Hội địa phương nên thuê mượn hay tổ chức các dịp đại lễ Giáng

Sinh, Phục Sinh không khó khăn vì đây là xứ của Thiên Chúa Giáo. Thành phố München nằm miền Nam nước Đức có từ năm 1158, vào thời ấy chỉ rộng 91 mẫu. Thời gian thay đổi qua các đời vua được tu sửa phát triển. Qua đệ nhị thế chiến đã bị đồng minh ném bom huỷ hại 50% nhưng đã được tu sửa không làm mất nét cổ kính. Hiện tại thành phố được mở rộng 310 Km vuông, dân số khoảng 1 triệu rưỡi. Có nhiều trường Đại Học các ngành, số Sinh viên theo học vào khoảng 71.000. Thư viện lớn chứa hơn 4 triệu sách, tài liệu khoa học, mỹ thuật Film. Viện Bảo Tàng Deutsches Museum (1903 do Oskar von Mueller sáng lập, rộng 55 ngàn thước vuông). Sở Thú lớn của thành phố Hellabrun Zoo (1910-1911) nằm cạnh dòng sông Isar. Thế Vận Hội 1972 tại thắp Olympia cao 290 thước, lên trên ấy sẽ nhìn thấy được thành phố rất đẹp. Có các hãng lớn như xe BMW, Siemens. Hằng năm vào cuối tháng 9 đầu tháng 10 vào khoảng 16 ngày, có lễ Oktoberfest có vài ba triệu người đến uống bia và chơi các trò chơi hấp dẫn ngoạn mục, nhưng cũng không kém phần nguy hiểm. Cộng đồng người Việt trước đây không đông lắm vào khoảng 2 ngàn, đa số có công ăn việc làm, đời sống ổn định, các thế hệ thủ hai chăm học nên số Sinh viên người Việt theo học các Đại Học rất đông.

Sau khi bức tường ngăn cách Đông-Tây Đức đã đổ bỏ, số người Việt trước đây đi lao động tại DDR (Đông Đức cũ) hay các nước Đông Âu chạy đến đây xin tỵ nạn hay tìm việc làm rất đông, khó thể biết chính xác được số người đến và đi. Từ năm 1979-1980 có nhiều người Việt được Cap Anamur cứu vớt sang đây tỵ nạn, được gửi đi học Đức ngữ ở các trại cách xa München, từ từ trở về tìm việc, vào thời ấy có hội BaVi cũng đã giúp đỡ người Việt lúc đầu hội nhập, có công ăn việc làm và nhà ở.

Tại Kirchweg có thầy Thích Trí Hòa, nhưng sinh hoạt về Đạo giới hạn. Đôi khi mượn được Chùa (Niệm Phật Đường) của người Tây Tạng, tôi cũng có đến thăm chơi và được nghe thầy Trí Hòa giảng cho nghe lễ Vô Thường trong đời sống, tôi đã gặp người Phật tử mộ đạo lúc bấy giờ là Cô Trinh đã qui xuống lạy thầy... Cô đã từ bỏ trần tục xuất gia.

Mấy năm qua tôi gặp lại Cô, người ta gọi là Vô Thượng Sư Thanh Hải, không còn mặc áo tu màu nâu, như những năm xưa. "Cuộc đời vô thường" biến đổi... Thầy Thích Trí Hòa đã từ già München đến vùng nắng ấm Hoa Kỳ. Dù không có thầy hướng dẫn, nhưng Cộng đồng đã thành lập Chi Hội Phật Giáo. Bác Lê Đình Tân lúc ấy còn khỏe đã là người vận động bước đầu hăng say và nhiệt tình. Thời gian trôi qua đã có nhiều lần thay đổi Ban Chấp Hành, Chi Hội đã thuê được căn nhà làm Niệm Phật Đường, thay đổi chỗ vài ba lần (lúc bức tường Berlin đổ, rất nhiều anh chị em lao động từ bên DDR chạy sang từng đợt đồng người và đã đến Niệm Phật Đường ở tạm, trước khi làm thủ tục xin định cư. Nhưng sau khi đã ổn định không biết còn bao nhiêu người trở lại để viếng Phật, đót nén nhang tỏ lòng biết ơn.

Trong các dịp lễ, các Thầy, Thượng Tọa đến chủ lễ hay thuyết giảng. Qua một sự cố gắng lớn và thành công, Chi Hội nơi đây quyền góp và đã mua được một căn nhà (260 ngàn DM) làm Niệm Phật Đường Tâm Giác. Sinh hoạt về Đạo được đầu đặn; và Đồi hàng năm Chùa cũng đã tổ chức Tết Trung Thu, phát phần thưởng cho các em học giỏi và nói tiếng Việt, tổ chức nhiều đêm Văn nghệ đặc sắc, thuê mượn ca sĩ cũng như cây nhà lá vườn vũ múa. Chi Hội không vắng mặt trong bất cứ cuộc biểu tình đòi Nhân Quyền cho Việt Nam. Đã tham gia mạnh tấy chạy văn nghệ tuyên truyền của bạn tay sai Cộng Sản vừa qua tại München. Sự lớn mạnh được của Chi Hội nhờ có nhiều người nhiệt tình làm việc, cũng như các Ban Chấp Hành làm việc có tổ chức tốt, khoa học.

Trong thời gian sống tại Singapor, chờ đợi đi định cư, tôi cũng đã dành những thì giờ rảnh rỗi ghé thăm các Chùa. Tại đây đất hẹp nhưng có nhiều Chùa rất to lớn đồ sộ trang nghiêm. Tôi đã được nhà chùa mời ăn cơm trưa, tuy ăn chay nhưng có đầy đủ các món làm rất khéo tay và ngon miệng. Sau này tôi đọc báo biết nơi ấy có một vị Tu người Việt Nam. Rất tiếc tôi không biết Ngài trong giai đoạn đó để học hỏi. Trên xứ Đức đi đâu chúng ta cũng thấy Nhà Thờ tháp chuông cao, chúng tôi thường tham dự các thánh lễ xin Chúa ban bình yên cho Dân Tộc Việt Nam. Chúng tôi gặp Ngài Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận, được nghe những lời giảng chúa dạy tình yêu bao la, không thù hận... Ngài cũng như chúng ta luôn hướng về quê hương Việt Nam yêu quý. Hy vọng chế độ bên quê nhà sớm ý thức, thay đổi đường lối cai trị đưa đến con đường xây dựng đất nước với tinh thần dân chủ đa nguyên bất hạn thù, có được mọi tự do căn bản của một con người, không còn đàn áp Tôn giáo, bắt bỏ tù các Linh Mục, các Thầy và các người yêu nước đối lập, tất cả đều muốn xây dựng quê hương thật sự Tự Do Dân Chủ, phát triển kinh tế để theo kịp các nước tiến bộ tại Á Châu, nâng đời sống dân Việt Nam tiến bộ, phú cường.

Đến thăm Chùa tôi có cảm tưởng về nguồn vì Chùa nơi đây quá ít và Chùa chùa dựng được nhiều đặc thù của con người Việt Nam... Nơi đâu có người Việt Nam nơi ấy có sinh hoạt cộng đồng (Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài) đều hướng về Việt Nam mong ước một ngày quang phục quê hương để chúng ta về thăm lại mái nhà xưa, con đường làng bé nhỏ...

"Nhớ nước đau lòng con Quốc Quốc
Thường nhà mới miệng cái Gia Gia
Dừng chân đứng lại trời Non Nước
Một mảnh tình riêng ta với ta"

(Bà Huyện Thanh Quan)

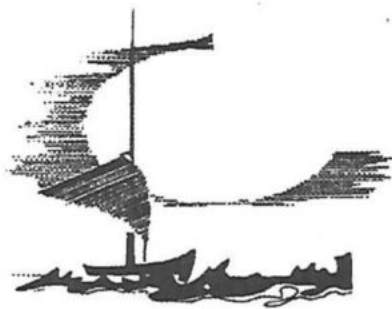


LỜI TÒA SOẠN

Trong những ngày vui đại lễ, trong những ngày cuối cùng tiếp chuyển đầu năm, dành cho chúng ta những phút nghỉ ngơi nhìn lại, viết lên những tấm thiệp gửi đi với đôi dòng quen thuộc vẫn tắt: cầu chúc và biết ơn.

Trong ý nghĩa tượng trưng, trong sự trùng điệp hòa hợp ấy, Sư huynh Hà Đạu Đồng, tác giả bài thơ gửi đến Viên Giác, nhắc nhở đến một vị ân nhân của anh chị em thuyền nhân đã cho nhân loại bài học tình người, bác ái. Vị ân nhân đã hoàn thành sứ mạng, tạ nguyện với nếp sống mới của bà con ta, và muốn dặn thêm như lời cầu chúc: *Hãy yêu thương, tiến bộ. Lời cầu chúc dặn dò ấy đồng nghĩa, phù hợp với lời thơ của đại thi hào Phật Giáo Vũ Hoàng Chương: "... Thuyền đi thuyền, theo sóng hãy cho ngoan".*

Tên đường HUEPERT NEUDECK



Tôi không phải là thuyền nhân
Nhưng đã từng nghe sóng gầm gió biển

Tôi đã đọc tên Người trên truyền hình,
báo chí
Trên đại dương sóng bể chở thuyền nhân
Trong đêm đen gào nước kiệt cạn hết
dần
Trong ánh mắt vượt tầm đảo khơi biển
rộng.

Tên của Người viết trên lưng thuyền
nhân, củi sống
Viết vào lòng người mẹ bằng bế ôm
con
Vào thanh niên tuổi trẻ chạy trốn, một
mắt một con
Vào phận già còm cõi hắt hủi, dặt
nhau đi.

Tên của Người, thuyền nhân thuộc
lòng, luôn nhớ kỷ
Tên của Người nằm tận đáy ký ức anh
em tôi
Tên quen quen giữa nhóm trí thức loài
người
Tên có tuổi nặng tình đời, giàu lòng
nhân đạo.

Tên của Người còn đây, trên hoang vu
quần đảo
Giữa trùng dương bão gió, giữa lãnh
thổ bất công!
Tên đảm đang san phẳng mọi giai
cấp, đại đồng
Không phân biệt màu sắc, âm thanh
ngôn ngữ.

Tên của người viết trong tôi, ghi vào
lich sử
Vào tấm bia tường nhớ hai chữ biết ơn
Vào tuổi thơ tiếp nối sự sống trường
tồn
Vào cảnh đẹp hoàng hôn kéo dài thế
kỷ.

Tên của Người tôi đọc trên truyền
hình, báo chí
Tên con Tàu (Cap Anamur) tôi thích vì
Tàu Noah (*)
Không chim câu trống mái, không thỏ,
không gà
Nhưng tất cả đều là nạn nhân cộng
sản.

Tên của Người treo trên cột buồm,
thanh ván
Tên chạm vào đường may vá, mũi kim
thêu
Tên đòn sơ ngắn gọn, ký kết thật
nhiều
Tên can đảm kêu mời: hãy thương
nhau, tiến bộ

Tôi muốn đọc tên Người trên những
phố phường đại
lộ
Trên dòng sông uốn khúc tìm bến Tự
Do
Cap Anamur - Thuyền trường lái một
con đò
Cùng "thủy thủ tài công" hoàn thành
giấc mơ "vớt người thoát nạn"

• Hà Đạu Đồng
(Münster)

(*) Tàu Noah: Thánh Kinh Cựu Ước
Quyển 1 Sáng thế kỷ
Vào Tàu Lụt đại hồng thủy 7, 1 → 13.

TÌM HIỂU NIÊN LỊCH VÀ ĐỐI CHIẾU GIỮA ĐÔNG - TÂY

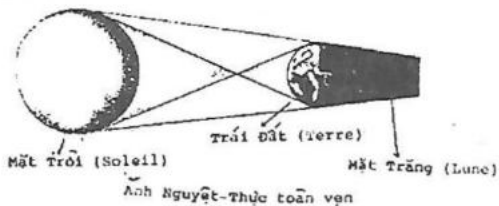
•Nguyễn Phú Thứ

Như chúng ta đã biết một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển, cho nên dù niên lịch Đông hay Tây hoặc nói khác đi là Âm Lịch hay Dương Lịch cũng không tránh khỏi sự luân chuyển đó, để tính cho trọn một năm. Đối với Âm Lịch thì căn cứ vào Mặt Trăng để tính, còn Dương Lịch thì trái lại căn cứ vào Mặt Trời để tính (Mặt Trăng thì xuất hiện vào ban đêm, còn Mặt Trời thì xuất hiện ban ngày), cho nên cả hai đều có tính đặc biệt của nó, ví như năm Âm Lịch thì mỗi năm đều được thay đổi bởi một con vật cầm tinh cho năm đó, năm 1996 là năm Bính Tý (năm con Trâu cầm tinh), trong khi đó năm Dương Lịch thì mỗi năm đều được thay đổi là cộng thêm một, tức là năm 1996 sắp hết, bước sang năm mới là 1997, thật đơn giản.

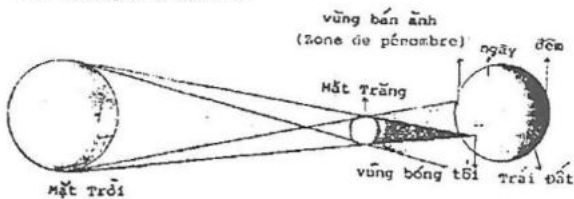
Mặc dù, chúng ta đã thấy năm Âm Lịch tính theo Mặt Trăng và năm Dương Lịch tính theo Mặt Trời, thế mà cũng có một số trường hợp gặp nhau và tương đồng nhau.

1)- **Trường hợp gặp nhau:** là chúng ta đã thấy Mặt Trăng và Mặt Trời cùng nằm trên một trục, với Trái Đất.

- Nếu chúng ta thấy ban đêm, thì được gọi là Nguyệt Thực (Éclipse de Lune)



- Nếu chúng ta thấy ban ngày, thì được gọi là Nhật Thực (Éclipse de Soleil).



- Nếu chúng ta thấy ban ngày, thì được gọi là Nhật Thực (Éclipse de Soleil)

2)- **Trường hợp tương đồng nhau:**

Mặc dù, năm Âm Lịch tính theo vận hành của vận mặt trăng tròn hồi quy đúng vào ngày rằm của 12 tháng trong năm và năm Dương Lịch tính theo mặt trời, được gọi Thái dương niên lịch, thì chúng ta có được 365 ngày, 5 giờ, 48 phút và 48 giây đồng hồ (nếu tính theo Thiên thể niên lịch thì có 365 ngày, 6 giờ, 9 phút và 9.54 giây dài hơn cách tính Thái dương niên lịch).

Để cho ngắn gọn, chúng ta thường chấp nhận một năm có: 365 ngày; 12 tháng; 12 vận trăng tròn; 52 tuần lễ... dù có tính theo năm Âm Lịch hay Dương Lịch. Ngoài ra, còn có một số trường hợp đặc biệt để phân chia các tháng cho tròn một năm.

- Đối với năm Âm Lịch, thì hầu như tính theo mùa tiết, cho nên có trường hợp, năm nhuận, tháng thiếu.

- Đối với năm Dương Lịch, thông thường các tháng Giêng (Janvier), tháng Ba (Mars), tháng Năm (Mai), tháng Bảy (Juillet), tháng Tám (Aout), tháng Mười (Octobre), tháng Mười Hai



(Décembre) là những tháng có 31 ngày. Còn các tháng Tư (April), tháng Sáu (Jun), tháng Chín (Septembre) và tháng Mười Một (Novembre) là những tháng có 30 ngày. Đặc biệt, tháng Hai (Février) chỉ có 28 ngày và cứ 4 năm, thì tháng Hai thêm một ngày (gọi là tháng hai nhuận, giống như các tháng nhuận của năm Âm Lịch vậy, cho nên tháng hai nhuận thì có 29 ngày, thay vì thông thường chỉ có 28 ngày. Để trang trải số thời gian của năm Dương Lịch, hằng năm cứ mỗi 365 ngày, lại có thừa dư ra 1/4 ngày tức là 6 giờ, cho nên cứ 4 năm, thì thừa dư một ngày tức là 24 giờ, để cho tháng hai nhuận là thế đó.

Ngoài ra, chúng ta đều biết cứ mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ... tính theo năm Âm Lịch đều có một con vật cầm tinh, và được ghép bởi Thập Thiện Can và Thập Nhị Địa Chi mà có được.

Đối với Thập Nhị Địa Chi tức 12 con giáp như: Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mão hay Mèo (Mèo), Thìn (Rồng), Tỵ (Rắn), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó) và Hợi (Heo) tính theo Âm Lịch lại giống nhau khi tính theo Dương Lịch, hiện nay cũng có Thập Nhị Địa Chi

tức Mười hai con giáp mà người Tây phương như là người Pháp rất sùng ái, để xem vận mạng của họ. Để biết thêm, xin trích dẫn và so sánh theo cách tính Âm Lịch.

Sau đây 12 con giáp mà người Tây phương, thường dùng để tính vận mạng, được phân chia làm bốn mùa: Xuân (printemps), Hạ (Été), Thu (Automne) và Đông (Hiver), mỗi mùa có 3 con giáp, xin trích dẫn.

HOROSCOPE

Poissons (20 février - 20 mars)
Bélier (21 mars - 21 avril)
Taureau (21 avril - 21 mai)
Gémeaux (22 mai - 21 juin)
Cancer (22 juin - 22 juillet)
Lion (23 juillet - 22 août)
Vierge (23 août - 22 septembre)
Balance (23 septembre - 22 octobre)
Sagittaire (23 octobre - 21 décembre)
Capricorne (22 décembre - 20 janvier)
Verseau (21 janvier - 19 février)

Chúng ta thấy bản tử vi trên đây, tính căn cứ vào ngày, tháng để định con vật cầm tinh cũng giống như tử vi Việt Nam tính theo Âm Lịch và kể cả tử vi nước Ai Cập (Astrologie Égyptienne), xin trích dẫn.

ASTROLOGIE ÉGYPTIENNE

1. Nếu sanh từ ngày 01 đến 07 tháng 1 ■ hoặc là sanh từ 19 đến 28 tháng 06 ■ hoặc là sanh từ 01 đến 07 tháng 09 ■ hoặc là sanh từ 18 đến 26 tháng 11, thì mang dấu tử vi là HAPI.
2. Nếu sanh từ ngày 11 đến 31 tháng 3 ■ hoặc là sanh từ 18 đến 29 tháng 10 và 19 đến 31 tháng 12 thì mang dấu tử vi là ISIS.
- 3.- Nếu sanh từ ngày 01 đến 19 tháng 4 và từ 8 đến 17 tháng 11 thì mang dấu tử vi là THOT.
- 4.- Nếu sanh từ ngày 09 đến 27 tháng 5 ■ hoặc là sanh từ 29.06 đến 13.07 thì mang dấu tử vi là ANUBIS.
- 5.- Nếu sanh từ ngày 28.05 đến 18.06 ■ hoặc là sanh từ ngày 28.09 đến 02.10 thì mang dấu tử vi là SETH.
- 6.- Nếu sanh từ ngày 20.4 đến 08.5 ■ hoặc là sanh từ 12 đến 19.08 thì mang dấu tử vi là HORUS.
- 7.- Nếu sanh từ ngày 29.07 đến 11.08 ■ hoặc là sanh từ 30.10 đến 07.11 thì mang dấu tử vi là SEKHMET.
- 8.- Nếu sanh từ ngày 14 đến 28 tháng 7 ■ hoặc là sanh từ 23 đến 27 tháng 9 ■ hoặc là sanh từ 3 đến 17 tháng 10 thì mang dấu tử vi là BASTET.
- 9.- Nếu sanh từ ngày 12 đến 28 tháng 2 ■ hoặc là sanh từ 20 đến 31 tháng 08 thì mang dấu tử vi là GEB.
10. Nếu sanh từ ngày 1 đến 10 tháng 3 ■ hoặc là sanh từ 27.11 đến 18.12 thì mang dấu tử vi là OSIRIS.
11. Nếu sanh từ ngày 22 đến 31 tháng 1 ■ hoặc là sanh từ 08 đến 22 tháng 09 thì mang dấu tử vi là NOUT.
12. Nếu sanh từ ngày 08 đến 21 tháng 1 ■ hoặc là sanh từ 01 đến 11 tháng 02 thì mang dấu tử vi là AMONRA.

Bước qua lãnh vực xem tử vi, xem chỉ tay, xem chữ ký, bói bài v.v..., để biết vận mạng, thì dù Đông hay Tây hoặc là tính năm theo Âm Lịch (Mặt Trăng) hay Dương Lịch (Mặt Trời), thì cũng gặp nhau rất tương đắc, bởi vì người Việt Nam hay người Pháp nói riêng cũng có cùng ý niệm giống nhau.

Đặc biệt, trong khoảng thập niên gần đây, khoa tử vi lại tính bằng con số rất khoa học, đã được Đông hay Tây chấp nhận, xin trích dẫn báo Quê Mẹ do Huyền Nhân Cử Sĩ viết tại Honolulu, 25.12.1989 như sau:

TỬ VI BẰNG SỐ. SỐ CỦA CÁC BẠN TRONG NĂM 1990

Trong đời ai cũng có SỐ, do trời đất hấp thụ qua các vì tinh tú vào lúc sinh ra. Ảnh hưởng này rất lớn, nhưng không hoàn toàn cố định. Vì bên cạnh đó, còn có ý lực hưởng thượng của con người, mà cổ nhân gọi là ĐỨC. ĐỨC của mình tạo tác ra, cộng với ĐỨC của ông bà, cha mẹ, tức những người thân gom góp vào. Người xưa từng nói *Nhân Mệnh Thặng Thiên* là lẽ ấy.

Nói con người có SỐ, trong nghĩa bóng là Số Phận. Nhưng trong khoa Tử Vi Số, nghĩa đen là số toán học. Đi lính có số hiệu, vào tù mang số tù, thì ở trong đời cũng có danh số. Thế giới đông hàng tỉ người, quy về chỉ trong 9 số, làm sao biết bạn ở số nào trong 9 số ấy? Đầu năm Canh Ngọ, Lão nhân xin bày cách tìm số này. Để ợt thôi, chỉ cần biết làm tính cộng. Sở dĩ Lão nhân không tính số tử vi theo Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn v.v.... Là vì bây giờ mình thành ông Tây, bà Đằm gần hết rồi, ít ai nhớ năm sinh và ngày tháng Âm Lịch. Tuy khi ra Sở Cảnh Sát, lên Bộ Nội Vụ xin đổi quốc tịch, tới sở xin

việc đầu đầu cũng phải nhớ và điền tên họ, rồi ngày sinh tháng đẻ. Quên nước, quên non, quên gốc gác, bà con... Nhưng không ai quên ngày sinh tháng đẻ Dương Lịch của mình. Lão nhân nhận thấy báo chí Việt cuối năm đăng Tử vi theo lối Chuột, Gà, Heo, Rắn... hoặc theo lối Nhân Mã, Dương Cúu, Song Ngư... Nay muốn cống hiến Quê Mẹ một lối tính khác. Đó là lối tính theo Con Số. Còn các bạn bất tay làm toán cộng chớ. Đầu năm làm một bài toán cộng, coi suốt năm tha hồ cộng hoài: Cộng tiền, cộng lợi, cộng danh, cộng thành công, cộng hạnh phúc, cộng vui tươi...

Mỗi năm con Số lại đổi, vì Số năm mỗi tăng. Năm 1990 tính như sau:

Bạn hãy cộng Ngày Sinh, Tháng Sinh với Năm 1990, ví dụ bạn sinh ngày 16 tháng 11 thì kết quả là: $(1+6) + (1+1) + 1+9+9+0 = 28$

Khi có số thành là 28 rồi, bạn cộng hai số ấy lại với nhau, số thành cuối phải là con số từ 1 tới 9, ví dụ con số thành trên kia là 28, tất nhiên phải là: $2 + 8 = 10$

Số thành kỳ này là 10 đã lớn hơn 9, cho nên phải cộng thêm hai số ấy với nhau một lần nữa, để cho số thành cuối cùng phải là con số nằm từ 1 tới 9 mới thôi. $1 + 0 = 1$

Như thế, số của bạn trong năm 1990 ứng vào số phận của con số 1. Tùy theo số nào, từ 1 đến 9, bạn đọc biết tử vi số ghi dưới đây là biết vận mệnh, tài lộc, tình yêu, hoạt động của bạn trong năm. Chúc bạn mọi sự thành công và hạnh phúc.

Và báo MAXI tại Pháp, đều có cách tính Tử Vi bằng số giống nhau, xin trích dẫn. LES CHIFFRES DE VOTRE CHANCE

COMMENT PROCÉDER

En numérologie, chaque chiffre a une importance particulière, et surtout ceux de votre date de naissance. En premier lieu, il convient de calculer le chiffre de l'Année Universelle.

Pour l'année 1994, le chiffre de l'Année Universelle est le 5.

Pour obtenir ce chiffre, le procédé est simple :

1994 donne $1 + 9 + 9 + 4 = 23$.

En numérologie, seuls comptent les chiffres de 1 à 9 (le 0 étant exclu), ainsi le chiffre se réduit en :

$2 + 3 = 5$

Maintenant, pour connaître votre

chiffre d'Année Personnelle, la technique est la même.

Premier exemple. Vous êtes née le 14 septembre (votre année de naissance n'a pas d'importance) : $14 (\text{jour}) + 9 (\text{mois}) + 5 (\text{Année Universelle})$ donnent $1 + 4 + 9 + 5 = 19$
 $19 = 1 + 9 = 10$
 $10 = 1 + 0 = 1$

Ainsi, votre chiffre d'Année Personnelle est le : 1. Ce chiffre sera valable toute l'année 1994.

Deuxième exemple. Vous êtes née le 25 octobre :

$2 + 5 + 1 + 0 + 5 = 13$
 $1 + 3 = 4$.

Votre chiffre d'Année Personnelle est le : 4.

Découvrez maintenant ce que cette semaine vous réserve !

L'ANNÉE 5

Une année mouvementée !

Cette année est placée sous le signe de la joie, de l'aventure et du dynamisme. C'est aussi l'année des changements, des voyages et de l'amour ! Revers de la médaille : le 5 signifie

aussi utopies, bouleversements violents, instabilité, agressivité.

1994 se montrera donc à double tranchant. Mais la roue tourne, et les bons aspects du 5

seront là pour nous redonner l'élan et la joie de vivre qui

vont se concrétiser en 1995.

54 *Maxi*

Trên đây, tuần báo MAXI, tính Tử Vi bằng số của bạn trong năm 1994, sanh vào ngày 14, tháng 9, thì được số phận của con số 1 và nếu bạn nào sanh 25 tháng 10, thì được số phận của con số 4.

Đó là phương pháp tính Tử Vi bằng số, nhưng không biết mỗi lần bước sang năm mới, các ông bà xem tử vi làm thế nào để cho biết số phận của mọi người từ số 1 đến 9 bằng cách nào? Cách tính ra sao? để có đáp số từng con số một, để mọi người xem năm mới đó biết được vận mệnh, tài lộc, tình yêu... trong năm?

Nếu quý vị nào biết được, xin phổ biến để mọi người biết, thì hay vô cùng, bởi vì chúng ta vì mọi người mà làm việc hữu ích đó. Mong lắm thay!

Ngoài ra, muốn tìm hiểu phương cách đổi Giờ, Ngày, Tháng từ Dương Lịch sang Âm Lịch phải làm thế nào? Trước hết, chúng ta thử tìm hiểu về niên lịch cổ truyền Á Đông với các điểm chính sau đây:

1. ĐÊM NĂM CANH, NGÀY SÁU KHẮC LÀ NHƯ THẾ NÀO ?

Thuở xưa, những bậc tiền nhân của chúng ta thường dùng Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) để gọi Năm Tháng Giờ. Số 12 con Giáp (tức 12 con vật tượng trưng đó được sắp theo thứ tự: *Tý (con Chuột), Sửu (con Trâu), Dần (con Cọp), Mão (con Mèo), Thìn (con Rồng), Tỵ (con Rắn), Ngọ (con Ngựa), Mùi (con Dê), Thân (con Khỉ), Dậu (con Gà), Tuất (con Chó), Hợi (con Heo).*

Đối với cách tính tháng theo con Giáp như sau:

Tháng Giêng (Dần), Tháng Hai (Mẹo), Tháng Ba (Thìn), Tháng Tư (Tý), Tháng Năm (Ngọ), Tháng Sáu (Mùi), Tháng Bảy (Thân), Tháng Tám (Dậu), Tháng Chín (Tuất), Tháng Mười (Hợi), Tháng Mười Một (Tý), Tháng Mười Hai (Sửu).

Niên lịch cổ truyền Á Đông này đã xuất hiện từ đời Hoàng Đế bên Tàu (2637 trước Thiên Chúa) năm thứ 61.

Còn đối với Đêm thì tính Canh, Ngày thì tính Khắc. Nên chúng ta thường nghe câu:...

Canh một dọn cửa dọn nhà

Canh hai dệt củi, canh ba đi nằm.

...

Hoặc là: *Nửa đêm giờ Tý canh ba*

...

Hoặc là: *Đêm năm canh, ngày sáu khắc.*

Theo thiên ý, chúng ta thấy câu: "Nửa đêm giờ Tý canh ba" thì chúng ta có thể đoán được chủ nửa đêm (tức là khoảng 12 giờ hoặc 0 giờ), còn giờ Tý canh ba tức khoảng 23 đến 1 giờ sáng. Bởi vì các bậc tiền nhân dùng 12 con vật tượng trưng, để phân chia trong một ngày là 24 giờ như sau:

Giờ	Giờ
TÝ	23 giờ đến 1 giờ sáng
SỬU	1 giờ đến 3 giờ sáng
DẦN	3 giờ đến 5 giờ sáng
MEO	5 giờ đến 7 giờ sáng
THÌN	7 giờ đến 9 giờ sáng
TÝ	9 giờ đến 11 giờ trưa
NGO	11 giờ đến 13 giờ trưa
MÙI	13 giờ đến 15 giờ xế trưa
THÂN	15 giờ đến 17 giờ chiều
DẬU	17 giờ đến 19 giờ tối
TUẤT	từ 19 giờ đến 21 giờ tối
HỢI	21 giờ đến 23 giờ khuya

a) Mỗi đêm dài 10 giờ, được chia làm 5 Canh, như sau:

Canh 1	19 giờ đến 21 giờ tối, tức giờ Tuất	Canh 2	21 giờ đến 23 giờ khuya tức giờ Hợi
Canh 3	23 giờ đến 1 giờ sáng, tức giờ Tý	Canh 4	1 giờ đến 3 giờ sáng tức giờ Sửu
Canh 5	3 giờ đến 5 giờ sáng tức giờ Dần		

Nếu chúng ta đem so sánh với giờ, thì hai Giờ bằng một Canh

b) Mỗi ngày dài 14 giờ, được chia cho 6 Khắc, như sau:

Khắc 1	từ 5 giờ đến 7 giờ 20 sáng.	Khắc 2	7 giờ 20 đến 9 giờ 40 sáng
Khắc 3	9 giờ 40 đến 12 giờ trưa	Khắc 4	12 giờ trưa đến 14 giờ 20 xế trưa
Khắc 5	14 giờ 20 đến 16 giờ 40 chiều.	Khắc 6	16 giờ 40 đến 19 giờ tối.

Nếu chúng ta đem so sánh với giờ thì Hai Giờ Hai Mười Phút bằng Một Khắc, bởi vì ngày dài 14 giờ đem chia đều cho 6 Khắc, thì được 140 phút tức là 2 giờ 20 phút. Thế nên, chúng ta thường thấy câu: "Đêm năm canh, ngày sáu khắc" là đúng vậy.

2. Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) để tính năm như thế nào?

Trong chúng ta cũng có rất nhiều người thắc mắc không biết vì sao năm 1995 là năm Ất Hợi, thay vì Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi, Quý Hợi v.v... chẳng hạn?

Bởi vì, những bậc tiền nhân của chúng ta thường căn cứ trên Thiên Can và Địa Chi mà gọi Năm Tháng. Ví như, năm 1996 là năm Bính Tý và năm 1997 là năm Đinh Sửu... Nếu chúng ta ghép lại hai bảng Thiên Can và Địa Chi từng cặp có Dương có Âm giống nhau, thì chúng ta sẽ thấy kết quả chắc chắn một chu kỳ 60 năm. Vì mỗi Thiên Can đi với sáu Địa Chi khác nhau, ví như năm Ất Hợi, Ất Dậu, Ất Tỵ, Ất Mão và Ất Sửu là hết một chu kỳ 60 năm. Theo Bao La Cửu Sĩ thì mỗi chu kỳ 60 năm gọi là "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" như sau:

01 Giáp Tý	21 Giáp Thân	41 Giáp Thìn
02 Ất Sửu	22 Ất Dậu	42 Ất Tỵ
03 Bính Dần	23 Bính Tuất	43 Bính Ngọ
04 Đinh Mão	24 Đinh Hợi	44 Đinh Mùi
05 Mậu Thìn	25 Mậu Tý	45 Mậu Thân
06 Kỷ Tỵ	26 Kỷ Sửu	46 Kỷ Dậu
07 Canh Ngọ	27 Canh Dần	47 Canh Tuất
08 Tân Mùi	28 Tân Mão	48 Tân Hợi
09 Nhâm Thân	29 Nhâm Thìn	49 Nhâm Tý
10 Quý Dậu	30 Quý Tỵ	50 Quý Sửu
11 Giáp Tuất	31 Giáp Ngọ	51 Giáp Dần
12 Ất Hợi	32 Ất Mùi	52 Ất Mão
13 Bính Tý	33 Bính Thân	53 Bính Thìn
14 Đinh Sửu	34 Đinh Dậu	54 Đinh Tỵ
15 Mậu Dần	35 Mậu Tuất	55 Mậu Ngọ
16 Kỷ Mão	36 Kỷ Hợi	56 Kỷ Mùi
17 Canh Thìn	37 Canh Tý	57 Canh Thân
18 Tân Tỵ	38 Tân Sửu	58 Tân Dậu
19 Nhâm Ngọ	39 Nhâm Dần	59 Nhâm Tuất
20 Quý Mùi	40 Quý Mão	60 Quý Hợi

Muốn tính Thiên Can thuộc năm nào? Chúng ta để ý số chót (tận cùng) của năm đó, để nhỏ và tính Thiên Can như sau:

1. Thiên Can là Canh	số tận cùng của năm là số 0.
2. Thiên Can là Tân	số tận cùng của năm là số 1.
3. Thiên Can là Nhâm	số tận cùng của năm là số 2.
4. Thiên Can là Quý	số tận cùng của năm là số 3.
5. Thiên Can là Giáp	số tận cùng của năm là số 4.
6. Thiên Can là Ất	số tận cùng của năm là số 5.
7. Thiên Can là Đinh	số tận cùng của năm là số 6.
8. Thiên Can là Mậu	số tận cùng của năm là số 7.
9. Thiên Can là Bính	số tận cùng của năm là số 8.
10. Thiên Can là Kỷ	số tận cùng của năm là số 9.

Đó là Thập Thiên Can như: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý.

Còn Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) là: Tý, Sửu, Dần, Mão (Mẹo), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi.

Căn cứ bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" ở trên, chúng ta có thể tính đến năm 2000 Dương Lịch, nhằm năm Canh Thìn, bắt đầu từ ngày 05 tháng 2 năm 2000. Thiên Can xem như là thân Cây Trời và Địa Chi xem như là Nhánh Đất. Thế nên, chúng ta đã thấy có Thiên Can và Địa Chi tức ta có Trời và Đất ghép lại mỗi sinh ra vạn vật, Thiên Địa Nhân tức là tam tài.

Đối với bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" ở trên, đó là hai bảng Thiên Can và Địa Chi được ghép lại từng cặp Dương với Dương và Âm với Âm, chứ không thể ghép chung Dương với Âm để kết thành một năm được.

Sau đây là bảng phân chia Dương và Âm của Thập Thiên Can:

1. Giáp là Dương	6. Kỷ là Âm
2. Ất là Âm	7. Canh là Dương
3. Bính là Dương	8. Tân là Âm
4. Đinh là Âm	9. Nhâm là Dương
5. Mậu là Dương	10. Quý là Âm

Và bảng phân chia Dương Âm của Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp):

1. Tý là Dương	7. Ngọ là Dương
2. Sửu là Âm	8. Mùi là Âm
3. Dần là Dương	9. Thân là Dương
4. Mão là Âm	10. Dậu là Âm
5. Thìn là Dương	11. Tuất là Dương
6. Tỵ là Âm	12. Hợi là Âm

Thật sự mà nói, thì trong Thập Thiên Can mới có Giáp thuộc về Trời, còn trong Thập Nhị Địa Chi mới có 12 con vật thuộc về Đất. Nên chúng ta mới có gọi Thập Thiên Can (vi chữ Thiên tức là Trời) và Thập Nhị Địa Chi (vi chữ Địa tức là Đất).

Nếu chúng ta đã tính được năm rồi, thì chúng ta cũng có thể tính tháng, ngày, giờ bằng hai bảng Thiên Can và Địa Chi ghép lại.

Ví như bài thơ dưới đây, để chúng ta thử tính tháng như sau:

*Giáp, Kỳ chi niên Bính tác thủ
 Ất, Canh chi tuế Mậu dĩ đầu
 Bính, Tân tiên khởi Canh Dần thủ
 Đinh, Nhâm đích thị Nhâm Dần lưu
 Mậu, Quý tuế quân Giáp Dần cầu*

(Tham khảo Tử Vi Đầu Số của cụ Hí Di Trần Đoàn)

Xin để ý: Bài thơ trên chúng ta biết là các năm nào có chữ đầu là:

*Giáp, Kỳ thì tháng Giêng là tháng Bính Dần
 Ất, Canh thì tháng Giêng là tháng Mậu Dần
 Bính, Tân thì tháng Giêng là tháng Canh Dần
 Đinh, Nhâm thì tháng Giêng là tháng Nhâm Dần
 Mậu, Quý thì tháng Giêng là tháng Giáp Dần*

3. Những tuổi hạp và những tuổi kỵ nhau:

Thông thường ông bà chúng ta thường nói như sau:

a) *Có 3 tuổi hạp nhau là:* Thân, Tý, Thìn ● Tỵ, Dậu, Sửu ● Tuất, Ngọ, Dần ● Hợi, Mão, Mùi.

b) *Có 4 tuổi kỵ nhau là:* Dần, Thân, Tỵ, Hợi ■ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi ■ Tý, Ngọ, Mão, Dậu.

Thành ra ông bà chúng ta thường dựng vợ gả chồng rất chọn tuổi cho hạp, để sau này thành vợ chồng được hạnh phúc và làm ăn phát đạt.

4) CÁCH BIẾN ĐỔI NĂM DƯƠNG LỊCH SANG NĂM ÂM LỊCH:

Căn cứ theo nhiều sách báo, xin trích dẫn một số cách biến đổi như sau:

a) Cách thủ nhất:

Chúng ta lấy năm Dương Lịch, rồi Trừ cho 3. Sau đó lấy số năm Dương Lịch còn lại đem Chia cho 60 (bởi vì theo bảng "Vạn Niên Lục Giáp" có 60 năm), khi đó chúng ta có số dư thừa. Số dư thừa này, nếu chúng ta so lại với số thứ tự trong bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Giáp Hoa", thì chúng ta sẽ có được năm Âm Lịch đã được biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch.

* Ví như năm 1975 là năm Âm Lịch gì?
 1975 - 3 = 1972

1972 : 60 = số dư thừa là 52

số dư thừa 52 này, nếu đem so số thứ tự trong bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Giáp Hoa", thì chúng ta thấy năm Âm Lịch là năm Ất Mão.

* Hoặc là năm 1945 là năm Âm Lịch gì?

1945 - 3 = 1942

1942 : 60 = số dư thừa 22, tức là năm Âm Lịch là năm Ất Dậu (Kỷ niệm đau thương nạn đói ở miền Bắc Việt Nam).

Căn cứ theo phương cách biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch vừa thực thi hai thí dụ ở trên, mà chúng ta có thể áp dụng vào cho tất cả năm Dương Lịch và còn có phương cách biến đổi thủ hai và thủ ba nữa, xin trích dẫn như sau:

b) Cách thủ hai:

Chúng ta lấy năm Dương Lịch, rồi Chia cho 60 (khỏi trừ cho 3 trước khi Chia cho 60 như cách thủ nhất), rồi lấy số dư thừa, chúng ta Chia cho 12 (số 12 này tức là 12 con Giáp tức Thập Nhị Địa Chi), thì chúng ta có kết quả được con số từ 0, 1, 2, 3, đến 4 và số dư thừa từ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 đến 11.

* Ví như năm 1975 là năm Âm Lịch gì?

Chúng ta áp dụng phương pháp trên như sau:

1975 : 60 = 32 và số dư thừa là 55

55 : 12 = 4 và số dư thừa là 7

* Hoặc là năm 1945 là năm Âm Lịch gì?

1945 : 60 = 32 và số dư thừa là 25

25 : 12 = 2 và số dư thừa là 1.

Sau đó, chúng ta dùng bảng tính số dư thừa, để xem năm Dương Lịch của năm 1975 và 1945 là năm Âm Lịch gì?

BẢNG TÍNH SỐ DƯ					
Số dư	0	1	2	3	4
0	Canh Thân	Nhâm Thân	Giáp Thân	Đinh Thân	Mậu Thân
1	Tân Dậu	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu
2	Nhâm Tuất	Giáp Tuất	Bính Tuất	Mậu Tuất	Canh Tuất
3	Quý Hợi	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi
4	Giáp Tý	Bính Tý	Mậu Tý	Canh Tý	Nhâm Tý
5	Ất Sửu	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu
6	Bính Dần	Mậu Dần	Canh Dần	Nhâm Dần	Giáp Dần
7	Đinh Mão	Kỷ Mão	Tân Mão	Quý Mão	Ất Mão
8	Mậu Thìn	Canh Thìn	Nhâm Thìn	Giáp Thìn	Bính Thìn
9	Kỷ Tỵ	Tân Tỵ	Quý Tỵ	Ất Tỵ	Đinh Tỵ
10	Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Giáp Ngọ	Bính Ngọ	Mậu Ngọ
11	Tân Mùi	Quý Mùi	Ất Mùi	Đinh Mùi	Kỷ Mùi

Chúng ta thấy năm 1975 là năm Ất Mão (đúng như cách thủ nhất chúng ta đã thấy). Bởi vì, chúng ta có được số 4 và số dư thừa là 7, nên chúng ta chỉ nhìn cột 4 và hàng dư thừa 7, thì thấy năm Âm Lịch là năm Ất Mão, và

năm 1945, có được số 2, và số dư thừa là 1, nên chúng ta chỉ nhìn cột 2 và hàng dư thừa 1, thì thấy năm Âm Lịch là năm Ất Dậu (đúng như cách thủ nhất đã thấy).

Khi chúng ta nhìn qua Bảng Tính Số Dư ở trên, chúng ta sẽ thắc mắc, tại sao lại để Canh Thân ở cột 1, mà không thể một Thập Thiên Can và một Thập Nhị Địa Chi nào khác? Ví như Giáp Tý hay Quý Hợi hoặc là Nhâm Thân...? để rồi, từ đó đếm tới và tiếp nối theo CAN, CHI cho những năm Âm Lịch.

Như chúng ta đã thấy ở trước, đã định thủ tự của Thiên Can trong Thập Thiên Can, xin ghi lại như sau:

1. Thiên Can là CANH	số tận cùng của năm là số 0
2. Thiên Can là TÂN	số tận cùng của năm là số 1
3. Thiên Can là NHÂM	số tận cùng của năm là số 2
4. Thiên Can là QUÍ	số tận cùng của năm là số 3
5. Thiên Can là GIÁP	số tận cùng của năm là số 4
6. Thiên Can là ẤT	số tận cùng của năm là số 5
7. Thiên Can là BÌNH	số tận cùng của năm là số 6
8. Thiên Can là ĐINH	số tận cùng của năm là số 7
9. Thiên Can là MẬU	số tận cùng của năm là số 8
10. Thiên Can là KỶ	số tận cùng của năm là số 9

Do vậy, chúng ta muốn lập Bảng Tính Số Dư, phải lấy Thiên Can là CANH để vào cột số 0 là hợp lý nhất, bởi vì Thiên Can là CANH chỉ số tận cùng của năm là số 0 (có nghĩa là khi chúng ta chia có số thành là số 0 chẵn của năm, thì ở cột số dư thừa sẽ mang số 0, từ đó chúng ta tiếp tục ghi những số dư thừa từ 1 cho đến 11). Ngoài ra, chúng ta lấy trong bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" ở Thập Thiên Can chót có Thiên Can là CANH để bắt đầu lập Bảng Tính Số Dư Thừa như ở trên, cho nên chúng ta mỗi thấy ở cột số 0 có Canh Thân, ở cột số 1 có Nhâm Thân, ở cột số 2 có Giáp Thân, ở Cột số 3 có Bình Thân và ở cột số 4 có Mậu Thân là thế đó. (Không biết cách dẫn giải này đúng hay sai? rất mong quý bậc cao niên kiến thức chỉ giáo để học hỏi thêm).

c) Cách thứ ba:

Phương pháp này, chúng ta trở lại lấy năm Dương Lịch rồi Trừ cho 3, số còn lại chúng ta đem chia cho 10 (số này tức là Thập Thiên Can), cho nên số dư thừa sẽ là CAN (số thứ tự trong Thập Thiên Can chính là số CAN của năm Âm Lịch chúng ta muốn biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch).

Nếu số năm Dương Lịch sau khi Trừ 3 còn lại, chúng ta đem chia cho 12 (số 12 này tức là Thập Nhị Địa Chi), cho nên sau khi chia rồi, có số dư thừa sẽ là CHI (số thứ tự trong Thập Nhị Địa Chi, chính là số CHI của năm Âm Lịch chúng ta muốn đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch).

Nên Nhớ:

Trong Thập Thiên Can có:	Trong Thập Nhị Địa Chi có
1. Giáp	1. Tý
2. Ất	2. Sửu
3. Bình	3. Dần
4. Đinh	4. Mão (Mẹo)
5. Mậu	5. Thìn
6. Kỷ	6. Tỵ
7. Canh	7. Ngọ
8. Tân	8. Mùi
9. Nhâm	9. Thân
10. Quý.	10. Dậu
	11. Tuất
	12. Hợi.

Cho nên, nếu Số Dư Thừa ở CAN là 00 tức là Quý (tức là số Thiên Can số 10).

Và Số Dư Thừa ở CHI là 00 tức là Hợi (tức là số Địa Chi số 12).

Cho nên, nếu chúng ta muốn biến đổi năm 1975 sang năm Âm Lịch là năm gì? Chúng ta áp dụng phương pháp trên như sau:

a)- Tính về Thiên Can:

$$1975 - 3 = 1972$$

$$1972 : 10 = 197 \text{ và số Dư Thừa } 2$$

Nếu chúng ta đối chiếu vào số thứ tự trong Thập Thiên Can, thì chúng ta thấy số Dư Thừa 2, tức là Ất.

b)- Tính về Địa Chi:

$$1975 - 3 = 1972$$

$$1972 : 12 = 164 \text{ và số Dư Thừa } 4$$

Nếu chúng ta đối chiếu vào số thứ tự trong Thập Nhị Địa Chi, thì chúng ta thấy số Dư Thừa 4, tức là Mão (Mèo).

Do vậy, năm 1975 tức là năm Âm Lịch là Ất Mão.

Hoặc là năm 1945 là năm Âm Lịch gì?

Chúng ta dùng phương pháp biến đổi trên, chúng ta có:

$$1945 - 3 = 1942$$

$$1942 : 10 = 194 \text{ và số Dư Thừa } 2 \text{ tức là can } \text{ẤT}.$$

$$1945 - 3 = 1942$$

$$1942 : 12 = 161 \text{ và số Dư Thừa } 10 \text{ tức là Chi } \text{Đậu}.$$

Do vậy, năm 1945 tức là năm Âm Lịch là Ất Dậu.

Sau khi chúng ta thử tìm 3 phương pháp biến đổi ở trên từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch, thì có kết quả đều giống nhau như chúng ta đã thấy.

Trên đây là những sưu tầm về niên lịch, để góp phần vào việc tài bồi về Niên Lịch Cổ Truyền Việt Nam, vào dịp bước sang năm mới ĐINH SỬU 1977, ước mong rằng quý bà con đồng hưởng được hưởng một năm mới an khang và thành đạt như ý.

Và nhân đây, xin kính tặng quý bà con đồng hưởng món quà mọn vào dịp Tết đến. Đó là Bảng ngày tháng năm sinh Dương Lịch để có thể biết được sinh năm nào Âm Lịch trong Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) như sau đây:

Tý	Thìn	Thân
31.01.1900 au 19.02.1901	16.02.1904 au 04.02.1905	02.02.1908 au 22.01.1909
18.02.1912 au 06.02.1913	03.02.1916 au 23.01.1917	20.02.1920 au 08.02.1921
05.02.1924 au 25.01.1925	23.01.1928 au 10.02.1929	06.02.1932 au 26.01.1933
24.01.1936 au 11.02.1937	08.02.1940 au 27.01.1941	25.01.1944 au 13.02.1945
10.02.1948 au 29.01.1949	27.01.1952 au 14.02.1953	12.02.1956 au 31.01.1957
28.01.1960 au 15.02.1961	13.02.1964 au 02.02.1965	29.01.1968 au 16.02.1969
15.02.1972 au 02.02.1973	31.01.1976 au 17.02.1977	16.02.1980 au 04.02.1981
02.02.1984 au 19.02.1985	17.02.1988 au 05.02.1989	04.02.1992 au 22.01.1993
Sửu	Tỵ	Đậu
19.02.1901 au 08.02.1902	04.02.1905 au 25.01.1906	22.01.1909 au 10.02.1910
06.02.1913 au 26.01.1914	23.01.1917 au 11.02.1918	08.02.1921 au 28.01.1922
25.01.1925 au 13.02.1926	10.02.1929 au 30.01.1930	26.01.1933 au 14.02.1934
11.02.1937 au 31.01.1938	27.01.1941 au 15.02.1942	13.02.1945 au 02.02.1946
29.01.1949 au 17.02.1950	14.02.1953 au 03.02.1954	31.01.1957 au 16.02.1958
15.02.1961 au 05.02.1962	21.02.1965 au 21.01.1966	17.02.1969 au 05.02.1970
03.02.1973 au 22.01.1974	18.02.1977 au 06.02.1978	05.02.1981 au 24.01.1982
20.02.1985 au 08.02.1986	06.02.1989 au 26.01.1990	23.01.1993 au 09.02.1994
Dần	Ngọ	Tuất
08.02.1902 au 29.01.1903	25.01.1906 au 13.02.1907	10.02.1910 au 30.01.1911
26.01.1914 au 14.02.1915	11.02.1918 au 01.02.1919	28.01.1922 au 16.02.1923
13.02.1926 au 02.02.1927	30.01.1930 au 17.02.1931	14.02.1934 au 04.02.1935
31.01.1938 au 19.02.1939	15.02.1942 au 05.02.1943	02.02.1946 au 22.01.1947
17.02.1950 au 06.02.1951	03.02.1954 au 24.01.1955	16.02.1958 au 08.02.1959
05.02.1962 au 25.01.1963	21.01.1966 au 09.02.1967	06.02.1970 au 26.01.1971
23.01.1974 au 10.02.1975	07.02.1978 au 21.01.1979	25.01.1982 au 12.02.1983
09.02.1986 au 28.01.1987	27.01.1990 au 14.02.1991	10.02.1994 au 30.01.1995
Mẹo	Mùi	Hợi
29.01.1903 au 16.02.1904	13.02.1907 au 02.02.1908	30.01.1911 au 18.02.1912
14.02.1915 au 03.02.1916	01.02.1919 au 20.02.1920	16.02.1923 au 05.02.1924
02.02.1927 au 23.01.1928	17.02.1931 au 06.02.1932	04.02.1935 au 24.01.1936
19.02.1939 au 08.02.1940	05.02.1943 au 25.01.1944	22.01.1947 au 10.02.1948
06.02.1951 au 27.01.1952	24.01.1955 au 12.02.1956	08.02.1959 au 28.01.1960
25.01.1963 au 13.02.1964	09.02.1967 au 29.01.1968	27.01.1971 au 14.02.1972
11.02.1975 au 30.01.1976	28.01.1978 au 15.02.1980	13.02.1983 au 01.02.1984
29.01.1987 au 16.02.1988	15.02.1991 au 03.02.1992	31.01.1995 au 18.02.1996

LONG PHỤNG

CHUYÊN NHẬN NẤU CÁC MÓN ĂN TRUNG HOA CHO TIỆC CƯỚI VÀ SINH NHẬT CHÚNG TÔI CÓ ĐẦY ĐỦ TIỆN NGHI CHO TIỆC. KHAY TRẦU VÀ MẦM QUẢ CHO MƯỢN MIỄN PHÍ.

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC : HUỖNH HOÀNG BỐN

GROßHERZOG - FRIEDRICH STR.111
TEL. & FAX : 0681 - 635669
FUNK : 0172 / 6831072

TRANG KHOA HỌC

Vũ Trụ

Đại vũ trụ: Thái dương hệ của chúng ta gồm mặt trời ở trung tâm và chín hành tinh quay chung quanh. Trái đất là hành tinh ở vòng thứ ba tính từ mặt trời và Pluto ở vòng ngoài cùng có khoảng cách đến mặt trời là $5950 \times 10^9 m$. Ban đêm nếu nhìn lên bầu trời ta sẽ thấy vô số những vì sao, ở những vì sao đó có những thái dương hệ khác. Vận tốc của ánh sáng là $300.000 km/giây$. Bề dài của đường xích đạo khoảng $40.000 km$, vậy ánh sáng cần $0,13$ giây để "đi" vòng quanh trái đất. Để truyền từ trái đất đến ngôi sao gần nhất, Procyon, ánh sáng mất $11,3$ năm. Đường kính của dãy Ngân hà là 100.000 năm ánh sáng!

Trong cái không gian vô tận đó thái dương hệ của chúng ta ví như hạt cát trong sa mạc, do vậy không có ai có thể phủ hay xác nhận rằng ở nơi nào đó hiện hữu người thông minh, thánh thiện... hơn người ở thế gian này!!

Tiểu vũ trụ: Robert Boyle (1627-1691) là nhà Bác học người Anh, có tài về hóa học và vật lý. Trong cuốn "The Sceptical Chymist" ông chống lại thuyết "Tứ hành" của triết gia Hy Lạp Aristoteles - theo triết gia này thì vạn vật được tạo thành bởi bốn nguyên tố: Địa, thủy, không, hỏa - theo Boyle thì phải theo thuyết "phân tử" của ông mới đúng!

Không ai biết một cách chính xác có bao nhiêu giọt nước tạo thành tất cả các Đại dương; Nhưng trong mỗi giọt nước có chứa khoảng 10^{23} phân tử! Điều chắc chắn là số phân tử trong một giọt nước nhiều hơn số giọt nước trong tất cả các Đại dương.



Kể đến phân tử được thành hình do các nguyên tử và sau cùng nguyên tử được cấu tạo như một thái dương hệ:



- * Nhân ở trung tâm có hai loại hạt: Proton mang điện dương và Neutron không mang điện.
- * Âm điện tử, có điện tích âm, di chuyển trên những vòng bao chung quanh.

Gần đây người ta có khả năng "cửa" nhân của nguyên tử ra và khám phá ra rằng nhân được tạo ra bởi những lượng tử gọi là quark, có sáu loại quark tạo thành nhân có tên: Trên, xuống, lạ, phép, đáy và đỉnh. Không ai có thể xác hay phủ nhận về sự khả phân của quark!

Trước cái vũ trụ vô cùng lớn lao cũng như cái vũ trụ vô cùng nhỏ bé khả năng của con người rất có hạn. Điều đáng ngạc nhiên là: Một âm điện tử trong nguyên tử không giống như một âm điện tử tự do, tương tự một "cơ thể" không phải là tổng số của những cơ quan rời rạc mà là một cấu trúc tinh vi, khắp nơi có an bài những luật, được diễn tả bằng công thức toán! Chính Einstein đã phải thốt "Khắp nơi có bàn tay của Thượng Đế".

Đố Vui Để Học

Ngày xưa có một thời dân Việt bị đại họa, làm ngày không đủ phải tranh thủ làm đêm mà cơm không đủ no, áo quần không đủ che thân bởi vì cách cai trị của nhà vua thời đó rất là khắc nghiệt!

Có nhà toán học vì sinh chẳng nhằm thời nên phải sống qua ngày bằng nghề vẽ họa họa. Có nhiều lúc người ta thấy ông vẽ hình ông vua trông rất là độc ác. Chẳng bao lâu việc đó tới tai vua... Trước mặt vua nhà toán học thân nhiên nói: Vì thiên hạ ngu muội nên không hiểu ý lão chủ lão nào dám coi thường cái tội "khinh quân", xin bệ hạ cho lão một thời gian để dạy họ. Nhà vua giật mình: Không được, không được... nếu người có yêu sách điều gì thì trăm sẽ ban cho người ngoài cái "giáo dân" bởi vì cái đó đi ngược lại với chánh sách "ngu dân để trị" của trăm! Nhà toán học bèn vẽ cái bàn cờ và nói: Ở ô thứ nhất xin hai hạt gạo, ô thứ nhì xin bốn hạt, ô thứ ba xin tám hạt... Nhà vua phì cười trước cái ngông của nhà toán học và bảo: Ta hứa, ta hứa ban cho người cái đó. Cho biết bàn cờ có 64 ô và mỗi kg gạo có 10.000 hạt, giả thiết rằng dân số của Việt Nam là 100 triệu và mỗi người dùng 300 kg một năm. Hỏi với số gạo đó nhà toán học cầu đòi được dân Việt trong bao lâu? Nhà vua tuy bất nhân nhưng không bất tín do vậy dân ta có một thời được no cơm ấm áo. Ở vào thời mà nhà vua: Nhất bất nhân, nhì bất tín, tam bất tài thì nhà toán học chỉ còn có cách "vĩ đạo vi thượng".



Quyển "Đố vui để học" tập hợp 36 bài "đố", có lời giải và giáo khoa tóm tắt. Với dụng ý gọi cho người đọc sự hiểu kỳ "vui để học".
Nếu Quý vị / các bạn trẻ muốn nhận xin liên lạc với Lê Văn Quới, Lorentzweg 1, Department of Physics, University Delft, Holland



TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

Cách đây 48 năm, Liên Hiệp Quốc đã chính thức minh định những quyền căn bản của con người trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ), công bố ngày 10.12.1948.

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ký kết TNQTNQ, nhưng trên thực tế chính quyền Cộng Sản Việt Nam chẳng những hoàn toàn không thi hành những điều đã qui định mà chính họ đã ký kết, lại còn giấu nệm và thẳng tay khủng bố những ai đề cập đến nội dung bản Tuyên Ngôn này.

Ngày 10.12.1996 là ngày sinh nhật lần thứ 48 của bản TNQTNQ, nhân dịp này báo Xuân Viên Giác cho đăng lại nguyên văn bản TNQTNQ để giúp cho đồng bào kể cả những đảng viên Đảng Cộng Sản thấy rõ những quyền căn bản và quyền công dân đã được thế giới tôn trọng. Nhưng hiện nay những quyền này đã và đang bị chế độ độc tài CSVN chà đạp, để từ đó kết hợp đấu tranh đòi tự do dân chủ tức là đòi lại những quyền căn bản của con người đã được ghi trong bản TNQTNQ.

Để đồng bào trong nước có được bản Tuyên Ngôn này, kính xin quý độc giả bằng mọi phương tiện như dùng FAX - hay gửi bằng thư thường - bản TN về cho những người ở Việt Nam.

Việc chuyển tài liệu này có tính cách dài hạn, quý vị nào cần bản TN xin liên lạc về Chùa Viên Giác để được cung cấp, hay quý vị tự đánh máy lại để gửi đi càng tốt.



Xét rằng: Nền tảng của tự do, công lý, và hòa bình trên thế giới phải được đặt trên sự nhìn nhận rằng - Mọi thành viên của đại gia đình nhân loại lúc sinh ra đều có nhân phẩm, và các quyền lợi bình đẳng bất khả nhượng.

Xét rằng: Hành vi xem thường và chà đạp nhân quyền đã dẫn đến những hành

động man rợ, xúc phạm đến lương tâm nhân loại. Sự kêu gọi thiết lập một thế giới trong đó tất cả mọi người phải được hưởng quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền được giải thoát khỏi sự sợ hãi và nghèo khổ, phải được tuyên cáo như là ước vọng cao nhất của tất cả mọi người.

Xét rằng: Ngoại trừ trường hợp bị bắt buộc sử dụng phương thức bạo loạn như một lối thoát cuối cùng, để chống lại sự độc tài và áp bức, nhân quyền phải được triệt để bảo vệ bởi luật pháp.

Xét rằng: Như Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đã đề cập, tất cả mọi công dân trong cộng đồng Liên Hiệp Quốc đã tái xác nhận niềm tin vào tất cả mọi nhân quyền căn bản, nhân phẩm và giá trị nhân vị, quyền nam nữ bình quyền - và cũng đã quyết định cố xúy cho các tiến bộ xã hội, và cải tiến mức nhân sinh trong bối cảnh ngày càng tự do hơn.

Xét rằng: Các quốc gia hội viên đã tuyên thệ hợp tác với Liên Hiệp Quốc, nhằm cố xúy việc tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản.

Xét rằng: Để thực hiện đầy đủ cam kết này, việc quảng bá cho mọi người thông hiểu về các quyền con người, và các quyền tự do này phải được xem là có tầm vóc quan trọng nhất.

Vì những lẽ đó, nay Hội Đồng LHQ tuyên cáo Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền này, như là mẫu mực chung, cho tất cả mọi dân tộc. Và tất cả mọi quốc gia phải hoàn thành, nhằm mục đích giúp cho tất cả mọi cá nhân, và mọi cơ quan tổ chức của xã hội, luôn luôn theo sát tinh thần Bản Tuyên Ngôn, nỗ lực hướng dẫn, giáo dục, cố xúy tôn trọng các quyền tự do này. Ngoài ra, với những phương thức tiến bộ, trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, phải bảo đảm được mọi người thừa nhận và tuân hành Bản Tuyên Ngôn một cách có hiệu lực, không những giữa các dân tộc của các nước hội viên với nhau, nhưng còn giữa những dân tộc sống trên các phần đất thuộc thẩm quyền cai quản.

Điều 1: Mọi người sinh ra đều được tự do, và bình đẳng về nhân phẩm, cũng như quyền lợi. Mọi người đều được phú bẩm về lý trí và lương tâm. Những hành vi giao dịch

giữa người này và người khác, phải được đặt trên tinh thần huynh đệ.

Điều 2: Mọi người đều thụ đắc tất cả quyền, và các quyền tự do đặt định trong bản Tuyên Ngôn này. Không có sự phân biệt về bất cứ lý do gì, như chủng tộc, màu da, phái tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, hay tư tưởng, quốc tịch, hay nguồn gốc xã hội, tài sản, tình trạng sinh nở, hay trạng huống gì khác. Đẳng khác, cũng không được có sự phân biệt nào, căn cứ trên quy chế chính trị, tài phán, hay quốc tế, của xứ sở hay lãnh thổ mà một người thống thuộc. Cho dù lãnh thổ này là một lãnh thổ độc lập, bảo hộ, không tự cai trị được, hay ở trong tình trạng hạn chế về chủ quyền.

Điều 3: Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do, và an ninh thân thể.

Điều 4: Không ai bị cưỡng bức làm nô lệ hay tối đòi. Chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm tuyệt.

Điều 5: Không một người nào phải chịu cực hình, tra tấn, hay bất kỳ hình thức đối xử, hoặc trừng phạt bất nhân, hay có tính cách lăng nhục.

Điều 6: Ở bất cứ nơi nào, mỗi người đều có quyền được công nhận như một thể nhân trước pháp luật.

Điều 7: Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và phải được bảo vệ một cách bình đẳng, không kỳ thị phân biệt. Tất cả đều được quyền bảo vệ ngang nhau, chống lại mọi kỳ thị vi phạm Bản Tuyên Ngôn này, cũng như chống lại mọi khiêu khích dẫn đến kỳ thị như vậy.

Điều 8: Mọi người đều có quyền được bồi thường thỏa đáng trước các tòa án quốc gia đầy đủ thẩm quyền về các hành vi vi phạm các quyền căn bản, do Hiến Pháp và Luật Pháp quy định.

Điều 9: Không một ai bị bắt bớ, lưu đày một cách độc đoán.

Điều 10: Mọi người đều có ngang nhau quyền được phân xử công khai và công bằng, trước một tòa án độc lập không thiên vị, để được phán quyết về các quyền lợi và nhiệm vụ của mình, hay về những tội phạm mà mình cáo buộc.

Điều 11: (1) Mỗi khi bị cáo giác về hình tội, mọi người được xem là vô tội, cho đến khi pháp luật chứng minh là có tội, trong một phiên tòa công khai. Và tòa này phải cung ứng tất cả mọi bảo đảm cần thiết cho quyền biện hộ của đường sự. (2) Không ai có thể bị quy cho bất cứ một hình tội nào dựa trên một hành vi, hay một việc bỏ sót không làm, mà tạo nên một hình tội trong phạm vi luật pháp quốc nội hay luật pháp quốc tế, vào thời điểm hành vi đó được thực hiện. Cũng thế, không được áp đặt một hình phạt nào nặng hơn hình phạt đang được áp dụng, vào thời điểm hành vi hình phạt xảy ra.

Điều 12: Không một ai bị xâm phạm một cách độc đoán về đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, hay thú tìn, cũng như bị công kích danh dự hay tiếng tăm của mình. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ, trước những vi phạm và công kích loại này.

Điều 13: (1) Mọi người có quyền tự do di chuyển và cư trú, trong phạm vi biên giới của quốc gia. (2) Mọi người đều có quyền rời bỏ lãnh thổ bất kỳ nước nào, kể cả nước của mình, và trở về lại.

Điều 14: (1) Bất cứ ai, vì lý do bách hại, đều có quyền được tỵ nạn và hưởng sự trú ẩn tại các quốc gia khác. (2) Quyền này không được viện đến, trong trường hợp bị săn đuổi thật sự, do các hình phạm ngoài lý do chính trị, hay do những hành vi trái với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 15: (1) Mọi người đều có quyền có quốc tịch. (2) Không một ai bị tước bỏ quốc tịch, hay bị từ chối quyền thay đổi quốc tịch, một cách độc đoán.

Điều 16: (1) Nam và nữ thuộc tuổi trưởng thành không bị hạn chế vì lý do chủng tộc, quốc tịch, hay tôn giáo, có quyền kết hôn và lập gia đình. Nam nữ đều có quyền bình đẳng lúc kết ước hôn nhân, trong đời sống vợ chồng và lúc giải ước hôn nhân. (2) Hôn nhân phải do ý chí tự do và sự ưng thuận hoàn toàn của cả đôi bên phối ngẫu. (3) Gia đình phải được xem là một đơn vị nhóm tự nhiên và căn bản của xã hội, và có quyền được xã hội bảo vệ.

Điều 17: (1) Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản cho riêng mình, cũng như kết hợp với những người khác. (2) Không ai có thể bị tước đoạt tài sản của mình một cách độc đoán.

Điều 18: Mọi người đều có quyền về tự do tư tưởng, ý thức, và tôn giáo. Quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, cũng như quyền tự do một mình hay liên hợp với những người khác, ở nơi công cộng hay trong chỗ tư nhân, biểu dương tôn giáo hay tín ngưỡng của mình bằng cách dạy dỗ, hành lễ, thờ phượng, và tuân giữ giáo pháp.

Điều 19: Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ và phát biểu tư tưởng. Quyền này bao gồm quyền tự do khu giữ ý kiến của mình, mà không sợ bị can thiệp; quyền tìm kiếm, thu nhận, và phân phát tin tức và ý kiến qua mọi phương tiện truyền thông, bất kể các biên giới quốc gia.

Điều 20: (1) Mọi người đều có quyền tự do hội họp, và lập hội, một cách hòa bình. (2) Không một ai có thể bị cưỡng bách thống thuộc vào một hội đoàn nào.

Điều 21: (1) Mọi người đều có quyền tham gia vào việc điều hành xứ sở mình, một cách trực tiếp hay qua các đại biểu được tuyển chọn một cách hoàn toàn tự do. (2)

Mọi người đều có ngang nhau quyền được các cơ sở dịch vụ công ích của xứ sở mình phục vụ. 3) Ý chí của nhân dân phải là cơ sở quyền lực chính quyền, ý chí này phải được thể hiện qua các cuộc bầu cử định kỳ và nghiêm chỉnh, qua thủ tục phổ thông và bình đẳng đầu phiếu, với hình thức phiếu kín hay các hình thức tự do đầu phiếu tương đương.

Điều 22: Vì là thành viên của xã hội, mỗi người đều có quyền an ninh xã hội, qua các cố gắng của quốc gia và hợp tác quốc tế. Và phù hợp với tổ chức và tài nguyên của mỗi nước, mọi người đều phải được hưởng sự thực hiện các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa không thể thiếu đối với nhân phẩm và sự phát triển tự do của nhân vị.

Điều 23: (1) Mọi người đều có quyền có công ăn việc làm, quyền tự do chọn việc làm, quyền được hưởng các điều kiện làm việc chính đáng và thuận lợi đối với công việc, và quyền được bảo vệ đối phó với thất nghiệp. (2) Mọi người, không vì lý do kỳ thị nào, đều có quyền được hưởng công xá bình đẳng như nhau, nếu cùng làm một công việc như nhau. (3) Mọi người có làm việc đều có quyền được hưởng thưởng công bằng và thích hợp, khả dĩ bảo đảm cho bản thân và gia đình mình một cuộc sống xứng đáng với nhân phẩm, cũng như được trợ giúp nếu cần, qua các phương thức bảo vệ xã hội khác nữa. (4) Mọi người đều có quyền thành lập và tham gia vào các nghiệp đoàn, để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 24: Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và tiêu khiển, kể cả giới định số giờ làm việc một cách hợp lý, và các ngày nghỉ lễ định kỳ có trả lương.

Điều 25: (1) Mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống phù hợp với sức khỏe, và sự no ấm cho bản thân và gia đình bao gồm: thực phẩm, quần áo, nhà ở, y tế, và các dịch vụ xã hội cần thiết, quyền an sinh trong lúc thất nghiệp, đau ốm, tình trạng bất khả năng dụng, góa bụa, tuổi già hay các tình huống thiếu thốn khác do các hoàn cảnh ngoài khả năng kiểm soát của mình. (2) Phụ sản và trẻ con có quyền được chăm sóc và trợ giúp đặc biệt. Tất cả mọi trẻ con, sinh có hồn thú hay không, đều được xã hội bảo vệ một cách bình đẳng như nhau.

Điều 26: (1) Mọi người đều có quyền được giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí ít nhất là ở các bậc tiểu học và căn bản. Giáo dục tiểu học phải là một nền giáo dục cưỡng bách. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp phải tổ chức thường xuyên, và giáo dục cao cấp phải được mở rộng bình đẳng cho mọi người, trên căn bản tài năng xứng đáng. (2) Giáo dục phải được điều hướng để phát triển đầy đủ nhân cách, và củng cố sự tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản. Giáo dục phải nhằm cổ xúy sự cảm thông, lòng khoan dung, và tình hữu nghị giữa mọi quốc gia, mọi nhóm chủng tộc hoặc tôn giáo, và hỗ trợ việc phát triển các sinh

hoạt của Liên Hiệp Quốc nhằm duy trì hòa bình. (3) Cha mẹ có quyền ưu tiên chọn lựa thể loại giáo dục dành cho con cái mình.

Điều 27: (1) Mọi người đều có quyền tự do tham gia sinh hoạt văn hóa cộng đồng, thưởng lãm các bộ môn nghệ thuật, và cùng chia xé các tiến bộ khoa học cũng như các lợi ích của khoa học. (2) Mọi người đều có quyền được bảo vệ về tác quyền, trên bình diện tinh thần cũng như quyền lợi vật chất, đối với các tác phẩm khoa học, văn chương, hay nghệ thuật.

Điều 28: Mọi người đều có quyền đòi hỏi được sống trong một trật tự xã hội và trật tự quốc tế, trong đó các quyền và tự do được đề cập trong Bản Tuyên Ngôn này có thể được thể hiện đầy đủ.

Điều 29: (1) Mọi người đều có nhiệm vụ đối với Cộng đồng nào mà chỉ trong đó mới thực hiện được việc phát triển toàn vẹn và tự do nhân cách của mình. (2) Trong việc hành xử nhân quyền và các quyền tự do, mọi người chỉ phải chịu những hạn chế do luật định - và những hạn chế này chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền, và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự cộng đồng, và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ. (3) Trong bất cứ trường hợp nào, nhân quyền và những quyền tự do này cũng không được hành xử trái với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 30: Không một điều gì trong Bản Tuyên Ngôn này được diễn giải như là hàm ý cho phép một quốc gia, một nhóm, hay một cá nhân nào được quyền dẫn thân vào bất kỳ một sinh hoạt, hay thực hiện bất kỳ một hành động nào, nhằm hủy diệt một trong các nhân quyền và quyền tự do đã được chuẩn định nơi đây.



*Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
đã ký Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền cùng với các văn kiện dưới đây.*

- "*Ước Chương Quốc Tế chấm dứt các hình thức kỳ thị chủng tộc*" (Quyết Nghị 1904 của Đại Hội Đồng LHQ ngày 20.11.1963)

- "*Ước Chương Quốc Tế về các quyền tự do Kinh tế, Xã hội, Văn hóa*" (Quyết Nghị 2200A của Đại Hội Đồng LHQ ngày 16.12.1966)

- "*Ước Chương Quốc Tế Dân Quyền và Tự Do Chính Trị*" (Quyết Nghị 2200A của Đại Hội Đồng LHQ ngày 16.12.1966, hiệu lực ngày 23.3.1976)

Những nhà cầm quyền nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã hoàn toàn không thi hành



Tham Luận

• của NGUYỄN THÙY

Độc cương về văn hóa Việt Nam" của VŨ KÝ: "Hành trình của Văn hóa dân tộc" qua hành trang trước tác của tác giả.

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam tại Bruxelles vừa ấn hành tác phẩm "Luận cương về văn hóa Việt Nam" của Giáo sư Vũ Kỳ, gồm hai tập trên 650 trang (Tập 1 tháng 1/95, Tập 2 tháng 1/96). Đây là một công trình biên khảo quy mô và đặc sắc gồm cả phần "Tĩnh" (tác giả gọi là Nền Văn Hóa Sử) và "Động" (tác giả gọi là Dòng Văn Hóa Sử) của Văn Hóa Việt Nam. Khó lòng nhận định, phê phán tác phẩm này trong một bài ngắn. Ở đây, chỉ xin nêu ra cái "nhìn" của người viết về tác phẩm theo như nhan đề trên của bài này nhưng xin đảo lộn thứ tự.

I. HÀNH TRANG TRƯỚC TÁC CỦA TÁC GIẢ:

Giới học sinh, sinh viên, văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam - kể cả người cộng sản - không nhiều thì ít cũng đã từng biết, từng quen Vũ Kỳ và tác phẩm của Ông ở trong nước cũng như hải ngoại. Một số trí thức ngoại quốc (nhất là ở Pháp, ở Bỉ, Anh, Mỹ,...) cũng không xa lạ với bút hiệu và với chính Vũ Kỳ qua những lần trao đổi, nói chuyện,

thuyết trình và những bài báo đăng trong các tạp chí song ngữ.

Vũ Kỳ vừa là Giáo sư, nhà văn, nhà báo, vừa là một chiến sĩ Cách Mạng đã từng vào tù ra khám qua bao chế độ. Ngoài hoạt động Cách Mạng ra, suốt cuộc sống của Ông hầu như chỉ dành cho suy tư và viết lách. Ngoài cuộc sống gia đình ra, suốt cuộc đời tình cảm của Ông hoàn toàn dành cho Văn Hóa Dân Tộc. Đến nay, tạm dung nơi xử người, thể xác hao mòn theo số tuổi, theo bệnh tật, theo cuộc sống truân chuyên, chìm nổi qua bao năm bầm giập nơi các nhà tù, nhất là nhà tù Cộng Sản, Vũ Kỳ vẫn không ngừng viết, viết cho đất nước, cho dân tộc, cho bây giờ, cho mai sau, cho những thế hệ trẻ sau này. Con người đó mang chứa nơi mình tấm lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dân tộc cao độ, cái hào hùng khí tiết của kẻ sĩ trượng phu, cái nhiệt tình keo sơn với văn hóa và cái hoài bão thiết tha góp phần xây dựng những gì "Chân, Thiện, Mỹ" cho đất nước, cho con người, cho cuộc sống, cuộc đời nói chung. Hành trình trước tác của Ông khởi đi từ những điều đó, bắt nguồn từ những điều đó. Tất cả kết tụ thành động cơ, thành lực đẩy và thành "luồng thực" tinh thần cho Ông. Hành trang trước tác của Ông bao gồm cả con người, cuộc sống của Ông cùng thực trạng xã hội Việt Nam qua bao chế độ và cái chí hướng bảo vệ, phát huy nền văn hóa hầu phục vụ dân tộc không chỉ cho bây giờ mà còn cho cả tương lai. Hành trang đó đã theo Ông qua bao nhiêu tác phẩm (văn nghệ, văn học có đến 20 tác phẩm) và hai tập trong Bộ "Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam" thể hiện một cách rõ ràng.

Độc tác phẩm, dù chỉ thoáng qua, cũng đủ thấy đây là một công trình biên khảo công phu và tri chí. Bao nhiêu tư liệu: văn liệu, sử liệu xưa nay được tập trung, sắp xếp, kết tập qua sùu tầm, suy tư và rung động của thần trí "để nhìn thấy, để luận giải, chứng minh" về "nền Văn Hóa Sử" cùng "dòng Văn Hóa Sử" của nền Văn Hóa Việt Nam, từ đó, dự phóng hướng tiến của "Nền và Dòng Văn Hóa Sử Việt Nam".

Tác giả đã hoàn vĩ mình và chính điều mình viết để không đưa đến tình trạng "phân ly chủ-khách" (*scission sujet-objet*) nghĩa là không xem điều mình viết là đối tượng ngoài mình. Tác phẩm, dù là biên khảo, dù nói đến những sự việc xưa cũ, vẫn mang chứa con người tác giả. Tác giả đã "sống" với xã hội, với dân tộc vừa với tư cách một "chủ thể cá thể" (*sujet individuel*) vừa với tư cách một phần tử xã hội, vừa là một đại diện cho thời đại (*Il est engagé à la fois comme individu comme membre d'une société, comme représentant d'une époque* - Joseph Emile Muller: *L'Art moderne, Le Livre de poche, Paris 1963, trang 2...* Vũ Kỳ đã "sống" dù ba "tư cách" đó trong khi viết sách này. Hơn thế, tác giả, qua tác phẩm mình, góp phần hướng dẫn thời đại theo cảm nhận và sở nguyện của mình và của tập thể vì tác giả, lúc miêu tả, phản ánh thực tại (bây giờ hay đã qua) đã mặc nhiên phổ vào cho thực tại một ý nghĩa nào cao rộng hơn (xấu hoặc tốt, chứa nói) để hướng đến thiết lập cho thực tại

từ con người mà không mang chờ ít nhiều cái chủ quan của người tạo ra nó. Cái hoàn toàn khách quan chỉ là một thứ "định mệnh" cay nghiệt. Chính cái chủ quan giúp cho cái khách quan trở nên sinh động. Cái khách quan đi vào con người, mặc lấy tính cách chủ quan rồi cái chủ quan đó lại trở thành một cái "khách quan mới" ít hay nhiều có khác với cái khách quan trước. Mọi công trình của con người - dù là khoa học thuần túy - đều qua trình tự: Khách quan -> chủ quan -> khách quan". Vũ Kỳ đã không viết tác phẩm này theo lối "học giả thuần túy giáo khoa", chỉ trình bày rồi nhận xét, phê phán hoặc "tổng bình" đôi câu, đôi đoạn. Lối viết này không cho phép tác giả ... bộc trực ý tình, ngại sẽ bị đánh giá là chủ quan. Cuộc đời là trường tượng tác bất tận giữa vạn pháp; do tưởng tác qua lại, giữa mọi thứ mà cái khách quan không thể nào không mặc lấy cái chủ quan của nhau "Cuộc đời tạo nên một bức họa chủ không làm một bài tính cộng" (*La vie peint un tableau, elle ne fait pas une addition* - Holmes - trích dẫn bởi H.S. Commanger trong *"L'Historien et l'Histoire"*, Coll. *Nouveaux Horizons, Paris 1967*). Biên khảo một vấn đề gì không là chấp nối, trình bày các sự kiện mà là do sự sắp xếp sự kiện nhìn ra diễn tiến chung sẽ thể hiện thế nào, đưa về đâu, dẫn đến kết quả nào, tốt xấu ra sao. Nhìn, ngắm, nghĩ một công trình văn hóa không chỉ riêng để ý đến hình thức, chất liệu cùng cái tác dụng nhất thời của nó đập vào cảm quan ta mà còn tìm hiểu cái phần ẩn mật, tiềm tàng, điều hướng diễn biến sinh hóa tất yếu của nó trong môi trường tác động qua lại giữa tha nhân và vạn hữu nghĩa là giữa vạn pháp trong quá khứ, hiện tại và tương lai. "Người Việt Nam viết về Văn Hóa Việt Nam" là phần nào đã viết về mình, viết về cái "con người tổng thể Việt Nam" nơi "con người Việt Nam cá thể của mình", ngoại trừ những gì viết ra không nhằm phản ánh tâm thức chung của tập thể dân tộc. Vũ Kỳ đã viết tác phẩm này vừa với tư cách nhà biên khảo vừa với tư cách một nhà văn cách mạng cùng một lúc.

Tác giả đã hoàn vĩ mình và chính điều mình viết để không đưa đến tình trạng "phân ly chủ-khách" (*scission sujet-objet*) nghĩa là không xem điều mình viết là đối tượng ngoài mình. Tác phẩm, dù là biên khảo, dù nói đến những sự việc xưa cũ, vẫn mang chứa con người tác giả. Tác giả đã "sống" với xã hội, với dân tộc vừa với tư cách một "chủ thể cá thể" (*sujet individuel*) vừa với tư cách một phần tử xã hội, vừa là một đại diện cho thời đại (*Il est engagé à la fois comme individu comme membre d'une société, comme représentant d'une époque* - Joseph Emile Muller: *L'Art moderne, Le Livre de poche, Paris 1963, trang 2...* Vũ Kỳ đã "sống" dù ba "tư cách" đó trong khi viết sách này. Hơn thế, tác giả, qua tác phẩm mình, góp phần hướng dẫn thời đại theo cảm nhận và sở nguyện của mình và của tập thể vì tác giả, lúc miêu tả, phản ánh thực tại (bây giờ hay đã qua) đã mặc nhiên phổ vào cho thực tại một ý nghĩa nào cao rộng hơn (xấu hoặc tốt, chứa nói) để hướng đến thiết lập cho thực tại

một củ cánh nào khác với cái mà thực tại đang có. Phần ảnh thực tại là phương tiện TÍNH (nền Văn Học Sử), nói lên diễn biến và hưởng đến một thực tại mỗi khác là phương diện Động (dòng Văn Hóa Sử). Cả hai phương diện này cùng có nơi "Luận Cương Về Văn Hóa Việt Nam". Tác phẩm vì thế vừa là sách biên khảo vừa là sách "văn triết", kết hợp được cả "Lý trí luân lý" với "Rung động của tâm tư" hay nói theo Pascal là dung hợp được cả cái "Esprit de Géométrie" và cái "Esprit de finesse". Tất cả những điều vừa nói, theo người viết tôi, là "hành trang và hành trình của Vũ Kỳ để viết nên hai quyển "Luận Cương" này.

Điều quan trọng và vô cùng "đẹp" nơi tác phẩm là đã "khuấy động" tâm thức người đọc để "nhìn", để "thấy" và để "tin". Tác phẩm đi sâu vào ý thức lẫn tiềm thức người đọc, đánh thức và xây dựng niềm tin vững chắc vào "sức mạnh tất yếu" của nền Văn Hóa Việt Nam để "hồi sinh" dân tộc, mở ra trang sử huy hoàng, điu tất cả mọi người - dù đang biến chất, vong bản đến đâu - cũng sẽ về lại với "Mẹ Việt Nam" trong niềm sung sướng, hào hùng đồng hành cùng thế giới, xây dựng cho mình và cho nhau nền Văn hóa Nhân bản do tử phát huy di sản tiền nhân dung hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại. Sức mạnh nào đã giúp tác giả chuyển hiện niềm tin sắt đá vào mọi người nếu không là tinh thần yêu nước cao độ và nhận thức sâu sắc về những giá trị ưu việt ẩn tàng nơi truyền thống văn hóa dân tộc xuyên suốt dọc dải lịch sử.

II HÀNH TRÌNH VĂN HÓA VIỆT NAM:

Với hành trang trước tác đó, Vũ Kỳ đã "ôn" và phác họa lại cả Hành trình Văn hóa Dân tộc, xác định lại phần "Tinh" và "Động" từ đó hưởng đến xây dựng "Tướng Lai Văn Hóa Việt" trên những cơ sở vững chắc.

A. Nền Văn Hóa Sử:

Kết tập và luận giải thật dồi dào, phong phú tất cả mọi tư liệu xưa nay (sự kiện lịch sử, di chỉ khảo cổ, văn chương bác học và bình dân, nếp sống người Việt, công trình nghiên cứu của bao người Việt Nam, Trung Hoa, Pháp, Anh, v.v...), Vũ Kỳ nêu bật lại những yếu tố chính đã "sinh thành" ra nền Văn Hóa Việt Nam tập trung vào 5 sự kiện:

1. Nguồn gốc chủng tộc: Không để bị đồng hóa bởi Hán tộc, một trong những nhóm Bách Việt tiến về phương Nam, hòa hợp với các sắc tộc tại đây, tự lập thành Quốc Gia.

2. Văn Minh thời lập quốc: Quá trình lập quốc gian nan vì luôn luôn đấu tranh khắc phục mọi trở ngại thiên nhiên, dân tộc Việt Nam đã thành lập nên những Vương quốc Văn Lang, Âu Lạc, tự tạo cho mình nếp sống Văn minh không thua kém (có thể trội vượt hơn) bao chủng tộc cùng thời cả về mặt

chính trị, lao động, học thuật và tinh cảm. Nền nếp văn minh, văn hóa này in đậm vào tâm thức người Việt mãi mãi về sau.

3. Địa lý Việt Nam: Từ vùng châu thổ sông Hồng, tiến về phương Nam, mở rộng đất sống để đến cuối thế kỷ 18 tạo nên địa bàn cư ngụ 329.000 cây số vuông với một bờ biển dài 2.700 cây số thuận tiện cho sự giao tiếp với thế giới 5 Châu.

4. Ngôn ngữ dân tộc: Mặc dù bị bất buộc phải học, nói và viết tiếng nước ngoài trong suốt thời gian bị đô hộ bởi Trung Hoa rồi Pháp, người Việt Nam vẫn luôn luôn bảo tồn "Tiếng Mẹ đẻ" (*langue maternelle*) tức "Tiếng Việt, Giọng Việt". Đến khi có chữ viết (chữ Nôm rồi chữ Quốc ngữ), ngôn ngữ Việt Nam càng trở nên phong phú chẳng kém thua bất kỳ ngôn ngữ dân tộc tiền tiến nào.

5. Nếp sống hiền hòa, nặng tình nghĩa, tôn trọng trật tự và lễ nghi: Từ các Vương quốc Văn Lang, Âu Lạc đến các triều đại sau này và mãi đến nay, cái trật tự và tình nghĩa trong gia đình, làng xã, quốc gia cùng cách đối xử giữa người và người luôn luôn nằm trong sự tôn kính, nể trọng, nhường nhịn và thương yêu, dùm bọc không hẳn do tử khuôn khổ pháp chế mà do tử tập quán, phong tục lâu đời.

Đây là 5 cơ sở cấu tạo nên "Nền Văn Hóa Sử" Việt Nam mà công trình biên khảo nào cũng đề cập đến. Điểm đặc biệt là Vũ Kỳ đã căn cứ vào các cơ sở này để thiết dựng hành trình Văn hóa Dân tộc trong tương lai. Những cơ sở này đến nay đã có tính cách cố định, không thể nào mai một, biến đổi được. Lãnh thổ Việt Nam không thể nào thu hẹp hay mở rộng (ngoại trừ Địa cầu này bước vào một giai đoạn địa chất nào mới). Không thể có một thời "lập quốc mới" mà chỉ có sự việc "phục quốc" trong trường hợp bị xâm lăng đô hộ (những thời đại ngày nay hầu như ngăn ngừa mọi sự kiện xâm lăng, thôn tính). Ngôn ngữ Việt Nam không thể bị xóa mà chỉ phong phú thêm lên do tử tính cách khai phóng và đại chúng của nó. Chủng tộc Việt Nam đã thành hình và phát triển không thể bị mai một, tiêu diệt, thay đổi huyết hệ dù có pha trộn nhiễm thể do giao tiếp với các chủng tộc khác. Nếp sống Việt Nam mang sẵn nhiều tính chất nhân bản nên chỉ có thể dung hợp với một số nếp sống bên ngoài theo tiến trình tiến hóa chứ không thể mai một. Những cơ sở cố định này là nền tảng để mọi người Việt Nam tin tưởng vào diễn tiến lịch sử dân tộc trong những ngày tới hầu đồng hành nhịp nhàng với thế giới năm châu. Đọc hai tập "Luận Cương" ta được ôn lại cận kề lịch sử, không khô khan như một sách sử thuần túy mà tươi mát như một sách bao gồm cả "Sử, Văn, Triết" nghĩa là vừa phản ảnh lịch sử vừa mang chứa những "suy tư triết" cùng nguồn cảm xúc sâu xa về nền Văn học dân tộc.

B. DÒNG VĂN HÓA SỬ:

"Dòng Văn Hóa Sử" là phần "Động" của "Nền Văn Hóa Sử" tác động vào lịch sử. Nơi

đây không thể trích dẫn (vì quá nhiều và sẽ rất dài dòng) mà chỉ xin nêu những trọng tâm của tác phẩm cùng chủ đích của tác giả mà phần "Lời Bạt" nơi quyển 2 được xem như là "Khai trường ngữ" (*Prélude*) cho một tác phẩm qui mô hơn là "Xây dựng Văn hóa Việt tương lai" hay "Đạo sống người Việt" (sở dĩ được phác họa nơi trang 228-229 quyển 2).

Dòng Văn Hóa Sử được chỉ đạo bởi "Tinh Thần Dân Tộc" thể hiện qua nhiều mặt, rõ rệt nhất là:

1. Ý thức quốc gia vững mạnh và trường tồn: Không có ý thức quốc gia vững mạnh thì không giữ được nước và không phát triển được đất nước cùng sự tồn tại của dân tộc. Những biểu hiện của Ý thức quốc gia, không người Việt Nam nào không rõ.

- Trước tiên là niềm tự hào về nguồn gốc dân tộc. Không người Việt Nam nào không tự hào về nòi giống "Con Rồng cháu Tiên" của dân tộc mình. Niềm tự hào đó đã trở thành niềm tin chung của tập thể dân tộc (còn mỗi người Việt Nam có là "Rồng" hay "Tiên" không thì là trường hợp cá thể đối chiếu với một số dân tộc khác như Nhật Bản tự hào là con cháu Thái Dương Thần Nữ, Do Thái tự hào là dân tộc được Thượng Đế chọn, Trung Hoa tự hào (hay tự phong) là "Con Trời". Nếu vị Thái Dương Thần Nữ, vị Thượng Đế hay vị Trời của các dân tộc đó hoàn toàn có tính cách huyền linh thì truyện Rồng-Tiên (hay Lạc Long Quân-Âu Cơ) của ta vừa mang tính cách siêu hình, huyền nhiệm (Tiên) vừa thực tế và thực tiễn (Rồng).

- Niềm tự hào về quá trình dựng nước và giữ nước. Công trình lập quốc gian nan của Tổ Tiên từ thời Văn Lang, Âu Lạc đến những trang sử vàng son chống xâm lăng, giành độc lập qua bao triều đại với những chiến thắng huy hoàng, với bao gương anh hùng, liệt nữ, không người Việt Nam nào không nhớ, không hãnh diện và người ngoại quốc, ngay cả kẻ thù của ta, cũng phải khâm phục, tán dương.

- Ý chí xác định chủ quyền Quốc Gia, Dân Tộc: Không một thời nào, dân tộc Việt Nam không xác định tính cách độc lập, tự chủ của dân tộc trên phần lãnh thổ sinh sống của mình. Bao nhiêu tài liệu: sách, thơ văn bác học cũng như bình dân đã nêu rõ sức mạnh giữ nước cùng chủ quyền quốc gia để kẻ thù cũng như các dân tộc khác ý thức được "Tinh Thần Dân Tộc" vững mạnh của ta mà dè dặt mọi ý đồ xâm lăng, thôn tính.

2. Tinh thần bất khuất: "Bất khuất" là thể hiện cao độ của Ý thức quốc gia về mặt hành động. Vũ Kỳ đã "ôn" lại tất cả những trang sử anh hùng cùng những hành động bất khuất của dân tộc ta qua những cuộc khởi nghĩa, đấu tranh chống xâm lăng và thống trị của ngoại bang. Vũ Kỳ cũng không quên những gương bất khuất âm thầm lặng lẽ, tiêu cực hoặc tích cực của bao anh hùng, bao gương phụ nữ, bao trí thức, sĩ phu, bao thành phần thiểu nhi đa quên mình để bảo vệ lý tưởng quốc gia, dân tộc và chủ quyền dân tộc. Không thể nào kể hết những gương

bất khuất đó. Đến nay, dù dưới ách cai trị bạo tàn và thâm độc của Cộng Sản, tinh thần bất khuất đó vẫn sôi động nơi tâm thức và hành động của người Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Nào Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Mạnh Tường, nào vụ "Nhân Văn Giai Phẩm", vụ khởi nghĩa Quỳnh Lâu, nào bao chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã tự sát, bao người Việt Nam ở hải ngoại về nước mưu đồ phục quốc, nào những phong trào đòi hỏi Nhân Quyền, Dân Quyền ở trong nước từ giới Phật Tử, giáo dân, Hòa Hào, Cao Đài đến bao nhiêu thành phần khác, nào những "thức tỉnh" của một số thành phần Cộng Sản quay lại chống Đảng, chống Nhà nước Cộng Sản, nào những phong trào đấu tranh chống Cộng Sản nơi hải ngoại, ... tất cả mỗi ngày một mạnh mẽ để kết hợp thành khối thống nhất quang phục lại quê hương, xóa sạch chế độ Cộng Sản phi dân và phi nhân. Vũ Kỳ đã dành phần lớn quyển 1 và hầu như gần hết quyển 2 để nói lên tinh thần bất khuất đó khi phân tích thực chất nền "Văn hóa mao hóa Việt Nam" của Cộng Sản.

3. Tinh thần khai phóng và giao lưu Văn Hóa Việt Nam: "Nền Văn hóa Việt Nam có tinh thần dân tộc đồng thời có tính chất khai phóng... Chính nhờ tính khai phóng này cộng với dân tộc tính mà Văn hóa Việt Nam - một đất nước ở ngã ba đường của Á Đông, là một bao lớn nhìn ra Thái Bình Đông- trở nên phong phú lạ thường" (trang 102 quyển 1). Trong "Luận Cưỡng 1", Vũ Kỳ trình bày rất đầy đủ sự giao lưu của Văn Hóa Việt Nam với các nền Văn hóa Đông Tây du nhập vào Việt Nam hoặc do các thể lực thống trị truyền bá hoặc do người Việt Nam tiếp thu từ bên ngoài theo từng trào lưu tiến hóa của nhân loại. Vũ Kỳ đã ôn lại tất cả những chủ đề chính yếu của các Đạo giáo phương Đông (Nho, Lão, Phật), của các nguồn tư tưởng phương Tây (Thiên Chúa giáo, tư tưởng tự do dân chủ, các phong trào lãng mạn, nhân vị, hiện sinh, trào lưu khoa học kỹ thuật, ...). Do tính cách này, Việt Nam đã tiếp nhận bao tinh hoa văn hóa bên ngoài dung hợp với tinh thần truyền thống để trở nên phong phú và đa dạng. Cái trật tự trong đời sống xã hội, các lễ nghi, tập tục cùng nền văn chương và học thuật của Việt Nam vẫn được gìn giữ, bảo tồn và các thủ du nhập dần dần được "Việt hóa" dù cuộc đấu tranh để dung hòa đó lắm gian nan và đã nhiều khi những thủ du nhập từ bên ngoài đã gây bao phen xô bồ hỗn tạp cho xã hội Việt Nam. Do dung hợp được mọi trào lưu tư tưởng Đông Tây qua tính cách khai phóng của Văn Hóa Việt Nam nên có thể nói cuộc đấu tranh chống nền "Văn hóa Mác-xít", một thủ "Văn hóa mao hóa Việt Nam" do Cộng Sản áp đặt từ 1975 đến nay là cuộc đấu tranh của "Văn hóa nhân loại" (tập trung nơi Việt Nam) chống lại nền văn hóa phi dân, phi nhân của Cộng Sản.

4. Tính cách đại chúng của Văn Hóa Việt Nam: Từ nghìn xưa, tại Việt Nam, Văn hóa không là thủ "của cải" riêng của giới trí thức hay quan quyền mà đã mang sẵn tính

cách đại chúng của nó. Nền Văn chương bình dân đã có trước nền Văn chương bác học qua những truyện cổ, những tục ngữ, ca dao đơn giản. Với sự giao lưu văn hóa, những chủ đề chính yếu của các Đạo giáo và tư tưởng ngoại nhập đã được "giản dị hóa", "phổ thông hóa" dù người bình dân không hiểu tận tường, thấu đáo nội dung sâu sắc. Nền Văn chương bác học và nền Văn chương bình dân luôn luôn đi đôi, bổ sung nhau, ảnh hưởng qua lại nhau và nhiều khi chính nền Văn chương bình dân, đại chúng đã ảnh hưởng sâu đậm đến nền Văn chương bác học rất rõ nét (tác phẩm "Đoạn Trường Tân Thanh" của Nguyễn Du là một điển hình). Điều đó cho thấy tinh thần bất khuất của dân tộc ta trong văn hóa. Ngày nay, do sự áp đặt tàn bạo của Cộng Sản, nền văn học đại chúng, bình dân càng phát triển mạnh mẽ kết hợp với nền văn chương bác học ở trong nước cũng như ở hải ngoại đã trở thành một thủ "vũ khí" mà Cộng Sản lo sợ và tìm đủ mọi thủ đoạn để "Vô hiệu hóa" những chúng đã không thể nào tiêu diệt mà càng khiến cái "vũ khí" đó thêm sắc bén hơn lên. Vũ Kỳ đã nêu rõ tinh thần bất khuất về Văn Hóa đó trong quyển 2.

Diễn tiến của "Dòng Văn Hóa Sừ" đem đến những gì cho dân tộc ta? Qua tác phẩm của Vũ Kỳ, ta thấy rõ:

a) Đất nước được bảo vệ, dân tộc được bảo tồn. Mặc dù lịch sử có trải qua những giai đoạn bị thảm nhúng do tinh thần bất khuất của tập thể dân tộc, chủ quyền Quốc Gia, chủ quyền Dân Tộc luôn luôn được giữ vững và Văn hóa cũng như lịch sử Việt Nam đã nhiều phen sáng chói trên thế giới, đến nay, không một ai, dù là kẻ thù, cũng không thể nào phủ nhận hay xem thường.

b) Đất nước được mở rộng, càng dễ dàng tiếp xúc với năm châu. Do sự mở rộng địa bàn cư ngụ này, dân tộc ta đã tạo nên "Nền Văn Minh Sông Cửu" mà từ năm 1975 đến nay hoàn toàn đối lập với "Nền Văn Minh Sông Hồng" đã có những bị khống chế bởi Cộng Sản. Xét về mặt địa lý, nhân loại trước nay đã qua ba nền văn minh: trước tiên là "Văn minh lục địa" (*Civilisation continentale*), từ nguyên thủy đến thời "Đồ đá giữa" (*Mésolithique*) rồi dần dần tiến ra mặt biển tạo nên "Nền Văn minh hải đảo" (*Civilisation maritime*, có thể từ 3000 năm trước Công nguyên đến nay) và từ sau Đế nhị thế chiến, với những phát minh mới (vệ tinh, phi thuyền không gian, ...), loài người đang phối thai "Nền Văn minh không gian" (*Civilisation spatiale*). Thuận theo tiến trình Văn minh về mặt Địa lý đó, dân tộc ta từ nền "Văn minh lục địa sông Hồng" tạo nên nền "Văn minh Hải đảo sông Cửu". Văn minh lục địa có tính cách cưỡng chế, nghiêm ngặt, khuôn khổ cứng rắn thì Văn minh Hải đảo có tính cách phóng túng, tan loảng, tự do nghĩa là một bên có tính cách tĩnh vị và tịnh trí, một bên có tính cách động chuyển, luân lưu. Hai nền Văn minh sông Hồng và sông Cửu không mấy kinh chống mà hòa hợp nhau để phong

phủ hóa nền Văn hóa dân tộc do sự giao lưu và dung hợp tư tưởng thuần Việt Nam với tư tưởng Đông Tây. Chỉ sau ngày Cộng Sản thống trị cả đất nước, hai nền Văn minh này mới "kinh chống" rõ rệt.

c) Nếp sống Việt Nam thay đổi ít nhiều để dung hòa hai nền Văn minh trên, dung hòa truyền thống với những du nhập mới: y phục, lối viết, công cuộc kỹ nghệ, doanh thương, lao động, học thuật, phong tục, tập quán thoát bớt tính cách gò bó, câu thúc. Những quan niệm về vũ trụ, nhân sinh, thế giới dung hợp với những quan điểm truyền thống, tạo cho dân ta "cái biết, cái nhìn, cái nghĩ, cái cảm, cái làm" rộng hơn trước. Có thể nói, do cả hai nền Văn minh Sông Cửu và Sông Hồng mà Việt Nam đã tiếp xúc, giao lưu và thâm nhập hầu hết mọi kiến trúc tinh thần của tri thức nhân loại cả Đông cả Tây, cả Cổ cả Kim, tốt cũng như xấu đó vậy.

II. NHỮNG CHIẾN TUYẾN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN VIỆT NAM :

Điểm đặc biệt của tác phẩm "Luận Cưỡng Về Văn Hóa Việt Nam" mặc dù không nêu ra thành một mục riêng biệt, nhưng qua tác phẩm ta nhận ra từng thời kỳ tranh chấp giữa chiến tuyến Văn hóa Việt Nam với các chiến tuyến Văn hóa ngoại nhập.

1. Thời lập quốc đến trước thời bị người Tàu đô hộ: Thời kỳ này không có đối nghịch, kinh chống Văn hóa vì chỉ có nền Văn hóa thuần Việt Nam dù còn mức độ sơ khai, không bị uy hiếp cưỡng chế bởi một nền Văn hóa ngoại lai nào.

2. Thời Bắc thuộc: Từ khi người Trung Hoa xâm lăng và thống trị ta, trên địa bàn Việt Nam diễn ra hai chiến tuyến Văn hóa Việt-Hán. Hai nền Văn minh lục địa của ta và Trung Hoa không mấy gì khác nhau về mặt tổ chức xã hội. Sự kinh chống mạnh mẽ về mặt chính trị và quân sự do sự thống trị hà khắc của người Tàu, còn trên mặt Văn hóa, sự tranh chấp giữa hai chiến tuyến chỉ tiềm tàng, âm ỉ để dần dần dung hợp nhau vì tự thân những Đạo giáo từ Trung Hoa xâm nhập vào Việt Nam (Khổng, Lão, Phật Giáo Đại Thừa) không trái với tinh thần nhân bản và Văn hóa của ta. Người Tàu cố tình đồng hóa ta nhưng thất bại, không thể xóa được truyền thống văn hóa của dân tộc trong lúc đó tinh túy của Văn hóa Trung Hoa được nhân dân ta dung hòa nên thời kỳ độc lập, các triều đại sau này đã ứng dụng phần nào Văn hóa Trung Quốc trong việc tổ chức xã hội. Cũng do ảnh hưởng này mà phát sinh hai nền Văn chương - Văn chương bác học và Văn chương bình dân- phát triển song hành, ảnh hưởng qua lại, tiếp diễn mãi về sau.

3. Thời Pháp thuộc: Vào cuối thế kỷ 18, dân tộc ta hoàn thành cuộc Nam tiến cùng lúc Tây Phương chuyển mình từ chế độ phong kiến sang Dân Chủ tư sản và nền kinh tế từ nông nghiệp, thủ công sang kỹ nghệ, thương mại trên qui mô lớn, mở đường

cho chủ nghĩa thực dân. Cuối thế kỷ 19, theo chân và hỗ trợ cho việc truyền bá Đạo Thiên Chúa (một Tôn giáo động trên căn bản triết lý tịnh), Thực dân Pháp đánh chiếm Việt Nam và truyền bá nền Văn hóa của họ. Địa bàn Việt Nam lại diễn ra hai chiến tuyến Văn hóa rõ rệt: Việt-Pháp hay rộng hơn Đông Phương - Tây Phương, Việt Nam điều đứng vì ngoại xâm và bị trị và Văn hóa Việt Nam đón nhận một thử thách lớn lao. Sự tranh chấp giữa hai chiến tuyến Văn hóa diễn ra qua những cuộc bút chiến sôi nổi giữa cái "Học cũ" (cựu học) với cái "Học mới" (Tân học), giữa "Thơ mới" - "Thơ cũ", giữa những phong trào "Cách mạng -Thỏa hiệp", "Bảo thủ Cải lương", "Nghệ thuật vị nhân sinh - Nghệ thuật vị nghệ thuật", ... Nhưng dù khác biệt nhau, hai chiến tuyến Văn hóa này không kinh chống nhau kịch liệt mà ngược lại, dần dần dung hợp nhau để tạo nên nền Văn hóa sông Cửu, cội mở dần những gò bó, câu thúc của nền Văn hóa sông Hồng.

4. Thời Nhật thuộc (1944-1945): Giai đoạn quá ngắn ngủi, Văn hóa Nhật chẳng ảnh hưởng gì đến Văn hóa Việt Nam ngoài cái chủ trương "Đại Đông Á", khẩu hiệu của Phát-xít Nhật để thôn tính Á Châu. Chính phủ Trần Trọng Kim vừa hình thành ít nhiều chủ trương canh tân xứ sở thì Nhật bại trận, trong nước nhiều phong trào Cách Mạng nổi lên rồi Việt Minh cướp chính quyền. Cũng may mắn, sự thắng trận của Đồng Minh đã giải thoát dân ta khỏi ách thống trị của Nhật Bản vì thực ra Nhật Bản cũng chỉ là một thử "Thực dân da vàng" và Văn hóa của họ cũng không có gì mới mẻ ngoài việc phát triển kỹ thuật theo phương Tây.

5. Thời Hoa Kỳ ảnh hưởng vào Việt Nam: Kể từ 1954, ảnh hưởng của Hoa Kỳ vào Việt Nam càng lúc càng mạnh tại Miền Nam Việt Nam. Từ thời điểm đó, địa bàn Việt Nam lại diễn ra hai chiến tuyến Văn hóa: Việt-Mỹ. Chiến tuyến Văn hóa Việt Nam bao gồm cả di sản Văn hóa Đông phương và Pháp. Chiến tuyến Văn hóa Mỹ bao gồm Văn hóa Tây phương. Căn bản của Văn hóa Mỹ là thực dụng và phát triển qua chủ trương "cạnh tranh-Tiến bộ" mà phương tiện được dùng là "sức mạnh của kỹ thuật, của doanh nghiệp và sức mạnh của tiền tệ". Cạnh tranh doanh nghiệp và sức mạnh của đồng Đô-la dần dần gây đổ vỡ cho nề nếp Văn hóa Việt Nam, đặc biệt tại các thành phố lớn. Cuộc chiến tranh dai dẳng và ác liệt càng xô đẩy nhân dân lo tìm cái sống thường nhật và bảo vệ đất sống nhiều hơn là bảo vệ Văn hóa. Nếp sống gia đình mất dần truyền thống "tôn ti trật tự", phụ nữ Việt Nam xa dần truyền thống "Tam cương ngũ thường", phong trào đua nhau học tiếng Mỹ, làm việc cho Mỹ, sống theo "mốt" Mỹ và hưởng thụ tiện nghi thời trang. Hoa Kỳ không thống trị nhưng hầu như muốn về lâu về dài quản trị Việt Nam về tất cả mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, giáo dục. Chiến tranh đã tiêu hao hầu hết sinh lực Việt Nam nên về mặt Văn hóa chưa có những phong trào chống đối Văn hóa Mỹ một cách rõ rệt ngoại trừ tại Miền Bắc, tập

đoàn cán bộ Cộng Sản (chủ không phải nhân dân Miền Bắc) do Chủ nghĩa Mác-Lênin và thuần phục Liên Xô-Trung Cộng nên bài trừ ảnh hưởng chính trị, quân sự v.v... của Mỹ ở miền Nam và do đó đã phá cả Văn hóa Mỹ cùng Văn hóa dân tộc mà chúng ghép chung là "Văn hóa Mỹ-Ngụy". Tại Miền Nam, sự tranh chấp giữa hai chiến tuyến Văn hóa "Việt-Mỹ" chỉ âm ỉ chứ chưa bộc lộ rõ ràng. Nhìn chung, suốt thời gian Hoa Kỳ ảnh hưởng vào Việt Nam, người Việt Nam chỉ tiếp thu nền Văn minh của Mỹ (Kinh tế, thường mại, Khoa học kỹ thuật) nhiều hơn là về mặt Văn hóa vì Tôn giáo, Triết lý, học thuật, nề nếp sinh hoạt vẫn được gìn giữ bởi đại đa số nhân dân.

6. Thời Cộng Sản thống trị Việt Nam: Có thể chia 4 giai đoạn:

a) Từ 1945 đến 1954: Thời kỳ này, Cộng Sản chưa ra mặt là Cộng Sản nên còn dựa vào Tinh thần Dân tộc và Ý thức Quốc Gia để lợi dụng và khai thác trong cuộc đấu tranh giành độc lập của toàn dân. Sự truyền bá lý thuyết Mác-xít chưa công khai và cường chế nên hai chiến tuyến Văn hóa: "Việt Nam-Mác-xít" chưa lộ liễu rõ ràng, ngoại trừ nơi một số trí thức với nhau và giữa các Đảng phái Quốc Gia với Đảng Cộng Sản. Sự tranh chấp giữa hai chiến tuyến Văn hóa này đã có từ lâu (thời Pháp thuộc, có thể từ 1939) nhưng thường là những tranh luận, bút chiến giữa "Duy Tâm-Duy Vật" nặng về mặt lý thuyết từ tưởng thuần túy chứ chưa mấy ảnh hưởng đến thực trạng Văn hóa và nếp sống Việt Nam.

b) Từ 1954 đến 1975 tại miền Bắc: Sau Hiệp Định Genève (20.7.54), Cộng Sản nắm quyền ở miền Bắc, sinh mệnh dân tộc tại phần đất này hoàn toàn nằm trong tay Cộng Sản. Tuy vẫn chủ trương "kế thừa và phát triển nền Văn hóa dân tộc" nhưng trên tất cả mọi lãnh vực, Cộng Sản đem tất cả truyền thống dân tộc khuôn ghép vào lý thuyết Mác-Lênin. Cường tín theo chủ nghĩa, bị chỉ phối phải khuôn rập theo Liên Xô và Trung Cộng. Cộng Sản Việt Nam đã xem những gì không được giải thích, biện minh ăn khớp với giáo điều của Đảng đều là "Ngụy", đều là "phản động", "lạc hậu". Cộng Sản cường ép tất cả mọi sinh hoạt xã hội và của người dân không những về Chính trị, Quân sự, Kinh tế, Văn hóa mà đến cả ý nghĩ, tình cảm, cái ăn, cái làm, cái ở, cái đi lại, cái nói năng, nhất nhất phải nằm trong khuôn khổ của Đảng qui định. Những truyền thống tốt đẹp của Dân tộc (tôn ti trật tự gia đình, xã hội, nề nếp phong tục tập quán, nếp sống nặng tình nặng nghĩa), những từ tưởng hay đẹp của Đông-Tây đều kịch liệt bị bác bỏ, theo vào đây là chủ trương (chuyên chính vô sản đấu tranh giai cấp, suy tôn Đảng) ngự cai lãnh tụ, khoe khoang thành tích Đảng, nói chung, tất cả mọi hoạt động của người dân phải có "tính Đảng, tính giai cấp", phải đúng theo những gì Đảng đã ấn định. Độc Đảng, độc tôn, độc tài, độc quyền, độc chiếm, độc đạo, ..., chủ nghĩa Cộng Sản biến thành một thử

tà giáo độc hại, xã hội Cộng Sản biến thành một thử xã hội phong kiến gồm ghiếc, chế độ Cộng Sản hoàn toàn phủ nhận nhân bản, hoàn toàn phản bội truyền thống Văn hóa Việt Nam (xin xem tác phẩm của Vũ Kỳ vì không thể trích dẫn được hết). Văn hóa truyền thống phản kháng lại những khó lòng bộc lộ rõ ràng vì màn lưới Công an Cộng Sản bủa vây khắp mọi mặt, khắp cả toàn thể nhân dân và khắp cả lãnh địa miền Bắc. Tuy nhiên, có được "kê hờ" nào là Văn hóa Dân tộc lại vùng lên phản kháng mãnh liệt, điển hình là vụ "Nhân Văn Giai Phẩm". Bao nhà trí thức, Văn nghệ sĩ cũng như trong dân gian, mào chống đối Văn hóa Cộng Sản được nuôi dưỡng âm thầm dù Cộng Sản tìm đủ mọi cách sát hại, dày ai, giam cầm, thủ tiêu, hành hạ để "vô hiệu hóa" làn sóng chống đối ồ ạt lặng lẽ, âm thầm. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, nhà giáo Nguyễn Mạnh Tuồng, ... là những tiêu biểu. Mào chống đối đó được nuôi dưỡng âm thầm trong nhân dân và được tiếp tục để trở thành những phong trào chống đối mạnh mẽ với Cộng Sản, sau này.

c) Từ 1975 đến 1989 trên toàn quốc: (thời điểm 1989 là thời điểm mà khối Cộng Sản Đông Âu đang trên đường tan rã để đến 1991 thì sụp đổ hoàn toàn).

Chiếm trọn được Miền Nam vào 30.4.75, Cộng Sản áp dụng đúng cách thức trước đây của chúng tại Miền Bắc nhưng với nhiều thủ đoạn càng tàn ác hơn. Ngoài những hành động tra thủ tàn nhẫn và bi đỗi về mặt Chính trị và Kinh tế, về Văn hóa, Cộng Sản bắt trí thức, văn nghệ sĩ phải học tập chủ nghĩa Mác-Lê, truy lùng, tịch thu và đốt sách báo, cấm trước tác, cấm in ấn, xuất bản, cấm hội họp thảo luận bất cứ gì, khai báo các phương tiện dùng cho Văn hóa; máy chụp hình, giấy báo, giáo dục, thi cử căn cứ vào lý lịch, sách giáo khoa chỉ nói hoàn toàn về công ơn lãnh tụ và thành tích Đảng. Cộng Sản đem bạo lực và cấm thủ thay cho truyền thống "nghĩa tình, đạo đức" của dân tộc. Văn hóa Việt Nam không thể chống lại bằng bút chiến, đối thoại, phê bình, chỉ trích thì lại dùng phương pháp đã có từ lâu: Văn chương bình dân, truyền khẩu, ở đây được xem là khí giới của đa số kẻ yếu chống kẻ mạnh là CSVN. Ca dao, truyện cười, truyện tiếu lâm, ... lan tràn trong dân chúng vừa giễu cợt, vừa chống đối cái "Văn hoá Mác-xít mạo hóa Việt Nam" của Cộng Sản (xin xem tác phẩm của Vũ Kỳ).

Cũng trong thời kỳ này, hình thành chiến Văn hóa Việt Nam chống Cộng Sản nơi hải ngoại do tử số người Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản trốn ra nước ngoài từ 1975 (bắt đầu tại các trại tỵ nạn rồi đến tại các nước khác lúc được định cư).

Từ sau 1986, do sự việc phong trào Pérestroika và Glasnot tại Liên Xô, Cộng sản không còn bám víu vào các thần tượng Marx, Lênine, Staline, đành phải hướng ứng "phong trào mới" bằng cách nói lòng ít nhiều về mặt Kinh tế để rồi sau đó, chạy theo lối "Kinh tế thị trường" của Tư Bản, nhưng vẫn trong "Định chế Xã hội chủ nghĩa". Mất cơ sở

lý thuyết Mác-Lê, chúng cố dựng lên gượng ép cái gọi là "Tư tưởng Hồ Chí Minh" để làm bình phong biện minh cho mọi chủ trương của chúng. Nhưng về mặt Chính trị và Văn hóa, Cộng Sản vẫn không từ bỏ, không rời rớt chút nào ngoài việc làm ngơ cho báo chí nhà nước được chỉ trích đôi tệ nạn xã hội vào một số cán bộ chủ không được chỉ trích Đảng. Từ sau 1989, do sự tan rã dần của khối Cộng Sản Đông Âu và sau đó là sự sụp đổ toàn diện của Khối này, với sự "nổi lòng" phần nào việc "phong tỏa" của Hoa Kỳ, Cộng Sản Việt Nam rất bối rối, mất địa bàn chủ thuyết Mác-Lê cũ, lỗi thời, không tìm ra lý thuyết mới bắt đầu thà nổi kinh tế theo lối Kinh tế thị trường, chấp nhận phần nào "sinh hoạt kinh tế cá thể" nhưng vẫn chủ trương "hợp doanh, quốc doanh" là chủ yếu. Về Văn hóa, do ảnh hưởng mạnh mẽ của "Chiến tuyến Văn hóa Việt Nam" tại hải ngoại và phong trào đòi hỏi Nhân quyền của một số quốc gia đối với Việt Nam. Cộng Sản chơi trò "mạo hóa": đưa ra một số cán bộ Văn nghệ Cộng Sản giả bộ viết sách, báo tố cáo về thực trạng xã hội và chỉ trích thành tích xấu cùng đường lối sai lầm của Đảng nhưng sau đó lại mua chuộc hoặc trừng trị để "cảnh cáo" mọi tư tưởng chống đối Đảng. Nhưng "chối dao có ngày đứt tay", các sáng tác của các nhà văn, nhà thơ "cò mồi" của Đảng đã mặc nhiên tạo nên một phong trào mà người Việt hải ngoại gọi là "Văn nghệ phản kháng". Tuy bị dập tắt nhưng phong trào gọi là "Văn nghệ phản kháng" này đã trở thành ngọn lửa âm ỉ lan tràn sang mặt Chính trị đưa đến tình trạng chống đối, tình trạng xé thê Đảng, ra khỏi Đảng, từ bỏ Đảng tịch của một số Đảng viên Cộng Sản kỳ cựu hoặc những hình thức chống đối mạnh mẽ hơn của những người như Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Văn Trấn ...

d) Từ 1989 đến nay:

- Tại Quốc nội: Do đầu tư của ngoại quốc và sau khi được Hoa Kỳ nhận chịu quyền hành để làm giàu và độc chiếm hưởng thụ bất kể liêm sỉ, bất kể tình dân cảnh nước lầm than. Những "thành quả" gọi là xây dựng mà chúng rêu rao chỉ là biểu kiến, mặt ngoài (dối cổ sở kỹ nghệ, khách sạn, nhà lầu, xe hơi, đôi đoạn đường được sửa sang, mở rộng, những khu vực giải trí, du hí) hoàn toàn là của cái của ngoại quốc, của cán bộ Đảng và của số-tư sản mại bản cấu kết với cán bộ Đảng, thực chất đất nước càng thêm nghèo nàn, xã hội càng lúc càng sa đọa và đại đa số nhân dân vẫn ngày hai bữa quần quật không đủ sống. Cấu kết với tài phiệt ngoại quốc và với gian thương, Đảng và Cán bộ Đảng trở thành một giai cấp "tư sản mại bản", giai cấp "trường giả thời thượng". Tất cả mọi thứ từ "Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xã hội chủ nghĩa, Độc lập, tự do, hạnh phúc, đất nước, nhân dân" đến "đầu tư, viện trợ, ..., tất cả chỉ là chiêu bài, chỉ là "giá trị lợi dụng" để chúng khuyếch trương đất nước, củng cố quyền lực và quyền lợi. Văn hóa truyền thống phản ứng lại mạnh mẽ tuy chưa gạt hái được kết

quả nào qui mô. Không dùng bạo lực như những cuộc đấu tranh trước đây (vụ Trần Văn Bá, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, vụ Chùa Già Lam, vụ Giáo xứ Đồng Công), những phong trào đấu tranh cho "Nhân quyền, Dân quyền" trở dậy, đấu tranh không bạo lực. Các phong trào đấu tranh của Phật Giáo, của Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, ... cùng sự phản tỉnh của một số Đảng viên Cộng Sản được hỗ trợ mạnh mẽ bởi chiến tuyến Văn Hóa Việt Nam hải ngoại và dư luận quốc tế đã khiến Cộng Sản lo sợ và tăng gia những biện pháp khắt khe để "vô hiệu hóa" hoặc "dập tắt". Đại Hội Đảng Cộng Sản kỳ VIII vẫn chủ trương độc Đảng, độc tài, độc quyền, độc đạo về mọi mặt. Tuy chưa đạt được thành công nhưng những phong trào đấu tranh đó càng lúc càng thâm nhập vào quần chúng, vào chính nội bộ Cộng Sản, ảnh hưởng đến dư luận quốc tế, sẽ là ngọn lửa bùng lên nay mai để thiêu



cháy bọn "ngạ quỷ Cộng Sản" đang cầm quyền. Đạo lý, văn hóa truyền thống bị phá sản, các giá trị linh thần, văn hóa, đạo đức của nền văn hóa dân tộc qui hàng trước chủ nghĩa "đô-la vạn năng". Các nhà tôn giáo, luân lý Việt Nam cùng những báo giới, truyền thông ngoại quốc liên tiếp lên tiếng báo động về sự suy đồi ấy ở Việt Nam hiện tại (Xin xem bài: *Nền văn hóa truyền thống ở Việt Nam sa đọa trong chế độ đổi mới của Việt Cộng - VŨ KỶ*). Tất cả những sự kiện trên, Vũ Kỳ đã nêu rõ ràng, vạch rõ tội ác, thủ đoạn Cộng Sản và cái "tiềm lực đấu tranh" của cái "hồn Văn hóa truyền thống" âm ỉ nơi tất cả mọi tầng lớp nhân dân.

- Tại Hải ngoại: "Dòng Văn Hóa Sử Việt Nam" được hình thành và phát triển tại hải ngoại từ sau 1975 với làn sóng vượt biên của hai triệu người (không kể số bị chết) tỵ nạn Cộng Sản đến các trại tỵ nạn và số lớn được định cư tại nhiều quốc gia. Mặt cái "khung Văn hóa" (từ của Vũ Kỳ để chỉ về quê hương,

đất nước), người Việt nơi hải ngoại chỉ mang theo mình cái "Hồn Văn Hóa", cái "Ốc Văn Hóa". Phải sống rải rác ở quá nhiều nơi, phải gian nan tìm cách hòa nhập vào sinh hoạt xã hội nơi định cư để mưu sinh cho mình và gia đình, phần nữa bị cuốn hút theo nếp văn minh quá thiên về vật dục, cái "Ốc", cái "Hồn Văn Hóa" Việt Nam nơi hải ngoại chưa được kết tập thành một hướng đi chung hầu tạo nên một lực lượng mạnh mẽ đấu tranh cho ngày về phục hưng xứ sở. Hoạt động văn hóa của người Việt hải ngoại chỉ là công trình cá thể hoặc của từng tập thể, từng đơn vị nhỏ. Các Cộng Đồng Người Việt Tự Do được thành lập khắp nơi cũng mỗi hoạt động theo từng địa phương, chưa tiến đến kết tập thành một Cộng Đồng thống nhất và bền vững của toàn thể người Việt lưu vong. Vũ Kỳ đã nêu rõ thực trạng Văn hóa Việt Nam lưu vong với những xót xa, ngậm ngùi, cay đắng. Tuy nhiên, dù hoạt động riêng rẽ, chiến tuyến Văn hóa Việt Nam hải ngoại cũng đã đạt được nhiều kết quả trong đấu tranh chống chiến tuyến Văn hóa Cộng Sản như hỗ trợ các phong trào Nhân quyền trong nước, đấu tranh chống việc hồi hướng người tỵ nạn, đấu tranh hủy bỏ việc "tôn vinh Hồ Chí Minh của Liên Hiệp Quốc", chuyển lửa về quốc nội, phát triển nền Văn nghệ chống Cộng Sản, gìn giữ phong tục, tập quán, lễ nghi Việt Nam, xây dựng những kỳ đài với Quốc kỳ Việt Nam, đấu tranh gỡ bỏ cờ Cộng Sản, trực diện với các phái đoàn Cộng Sản công du ngoại quốc, vận động các tổ chức quốc tế và nhân vật ngoại quốc lên án Cộng Sản, yểm trợ cuộc tranh đấu của các phong trào trong nước, ...

Chiến tuyến Văn Hóa Việt Nam tại Hải ngoại phải đối đầu gay gắt với hai chiến tuyến văn hóa khác: một là chiến tuyến Văn hóa mạo hóa Việt Nam của Cộng Sản, hai là chiến tuyến Văn hóa nơi quốc gia định cư, nói chung là nền Văn hóa Văn minh Tây Phương mà người Việt ly hương du nhập xô bồ, hỗn tạp.

+ "Văn hóa mạo hóa Việt Nam" của Cộng Sản luôn tìm đủ mọi thủ đoạn để phá hủy cái "Hồn Văn Hóa" nơi người Việt hải ngoại. Chúng tung ra những luận điệu lừa bịp, ru ngủ người Việt nhẹ dạ như "hòa hợp, hòa giải dân tộc", chống cộng là lỗi thời, là quá khích, chúng đưa luận điệu, phổ biến bởi những Việt kiều về nước thăm nhà là: bây giờ chính quyền CS đã cởi mở, không còn CS nữa, nhân dân ai ai cũng nhận nhện, từng bưng làm ăn, giàu có, ai ai cũng không muốn có sự xáo trộn nào nữa... lớp Việt kiều ấy ăn phải cái bả của VC hay một số người nhẹ dạ, chỉ nhìn bề ngoài mà không thấy bề dưới, mấu chốt của hiện trạng, của vấn đề, đề cao những thành quả "xây dựng" (!) của chúng, phá hoại sự kết đoàn của khối người Việt ly hương - tổ chức những tổ chức đấu tranh giả hiệu... dụ dỗ, mua chuộc trước tác những gì nhằm tố cáo, chỉ trích, bôi nhọ cá nhân cùng những hoạt động nào bất lợi cho Cộng Sản hoặc chỉ trước tác những gì có tác dụng lôi cuốn người Việt vào những thủ "Văn nghệ tình dục" và "Văn nghệ thời trang" rẻ tiền để

mong phân hóa, tiêu hủy cái "hồn Văn Hóa" truyền thống nơi người Việt hải ngoại.

+ Văn hóa, Văn minh Tây Phương cũng làm tan loãng cái "Hồn Văn Hóa" nơi người Việt lưu vong khá nhiều. nếp sống quá phóng túng theo thói quen "tự do" quá lỏng, nếp sống vụ vào "thực dụng" trước mắt, nếp sống hối hả ví xuôi bởi thời gian có giới, bởi kỹ thuật, bởi tiện nghi và thời trang, ... đã cuốn hút số đông người Việt vào việc chỉ lo làm giàu và hưởng thụ không còn nghĩ gì đến tình dân cảnh nước điều linh nơi quê nhà, hồ hững với ngôn ngữ dân tộc, quên (hay không còn cần biết) đến nguồn gốc, lịch sử cùng tinh hoa Văn hóa Việt Nam. Số đông đã và muốn về Việt Nam để được sống cái "không khí Việt Nam" nhưng cũng chỉ trong cái tâm lý hưởng thụ chứ không nhằm ý hưởng xây dựng gì cho đất nước. "Về Việt Nam" chỉ để thăm gia đình, chỉ để du lịch, chỉ để "hưởng lạc" hoặc để tìm cách kinh doanh (phần lớn là để buôn lậu). Dĩ nhiên cũng có số người "về Việt Nam" để được "chết" nơi quê cha đất tổ (người già) và để quan sát thực trạng xã hội để nói lên rõ ràng, cụ thể hơn những tội ác của Cộng Sản và hình thành những phương thức xây dựng đất nước sau này, nhưng số này lại quá ít.

Nhìn chung, "chiến tuyến Văn Hóa Việt Nam" từ ngày Cộng Sản thống trị đất nước, luôn luôn đối kháng, kinh chống với "chiến tuyến mao hóa Việt Nam" của Cộng Sản ở quốc nội cũng như ở hải ngoại. Hai nền Văn minh sông Hồng và sông Cửu hoàn toàn bị phá hủy, băng hoại bởi Cộng Sản nên dù Việt Nam có lãnh thổ không còn bị chia cắt, có cùng một chế độ Cộng Sản nhưng chưa thể gọi là hoàn toàn thống nhất trên bình diện Văn hóa. Sự thống nhất thật sự và hoàn hảo -cũng như độc lập, tự do, dân chủ, dân quyền, nhân quyền thực sự- chỉ có khi "chiến tuyến Văn hóa mao hóa Việt Nam" của Cộng Sản hoàn toàn bị sụp đổ lỗi theo sự ra đi của tập đoàn Cộng Sản cầm quyền. Điều này có thể không lâu và tất nhiên sẽ đến.

Đối với "chiến tuyến Văn hóa Tây Phương" (nói chung), chiến tuyến Văn hóa Việt Nam không kinh chống, không đối kháng mà tìm cách tiếp thu, đãi lọc để dung hợp với truyền thống Văn hóa dân tộc hầu có thể đưa đến tạo lập một "chủ nghĩa nhân văn" Việt Nam. (humanisme vietnamien - Vũ Kỳ, phần Lời Bạt, quyển 2 trang 275). Điều này, một số người Việt ở hải ngoại có thể làm để nay mai trở về nước sẽ là cơ sở hướng dẫn việc xây dựng Tổ Quốc. Đây là điều Vũ Kỳ mong mỏi và cố gắng trình bày trong một tác phẩm qui mô khác những những khái niệm đã được trình bày sơ lược nơi phần Lời Bạt và trong bản sơ đồ xây dựng văn hóa Việt tương lai ở phần Mục tiêu trong quyển "Luận Cường" tập 2.



Đọc "Luận Cường về Văn Hóa Việt Nam" của Vũ Kỳ là ta đọc "một sách Sử, một sách Triết, một sách Văn", nói cách khác, qua tác phẩm của Vũ Kỳ, ta được "sống" cả "Sử, Lý

và Tinh" của Lịch sử, của Văn hóa Việt Nam cùng một lúc. Cái "chủ quan" -nếu có- không còn là chủ quan riêng của tác giả nữa mà biến thành "khách quan", không phải cái khách quan tĩnh trí và tĩnh vi (chỉ phân ảnh, phối bày) mà là cái khách quan chuyển động, luân lưu hưởng tới trước, hưởng về tương lai. Qua "Luận Cường về Văn Hóa Việt Nam", ta sống cái hồn Việt nơi ta để tự hào quá khứ, xót xa hiện tại và để mừng vui, tin tưởng tương lai. Truyền thống Việt Nam qua hai phần "Nền Văn Hóa Sử" và "Dòng Văn Hóa Sử" sẽ được phục hưng vô cùng phong phú, mạnh hùng và tươi mát đúng theo tiến trình "nhân bản hóa" con người và vũ trụ một ngày một hơn lên và đúng theo diễn tiến lịch sử Việt Nam và đúng theo đòi hỏi của tâm thức Việt Nam nơi mỗi con người Việt Nam dù có cố tình phủ nhận (như người Cộng Sản) hay tìm cách quên đi (như một số người Việt hải ngoại) vẫn luôn luôn vang vọng chất sống truyền thống của dân tộc tự nghìn xưa:

*Bài ca truyền thống thiên niên kỷ
Sóng nhịp theo ta mỗi bước đời.*

Vũ Kỳ đã phản ảnh điều đó qua tác phẩm mình.

"**LUẬN CƯỜNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM**" quả là "Một công trình biên khảo công phu, rất nhiều tài liệu, sử liệu, văn liệu. Tác giả đã viết với tất cả rung động của tâm tư, sức mạnh của ý chí, nhiệt huyết của dòng máu con người sĩ khí, tâm thành của người chiến sĩ yêu nước của một nhà Cách Mạng. Ông theo Đường Cách Mạng từ buổi đầu (1946) ở quê nhà. Xin xem Tiểu sử tác giả ở trang đầu sách Văn Hóa. Một biên khảo nghiêm chỉnh, súc tích, không khô khan, trái lại nồng đượm ý tình tích cực; phần nghệ thuật giúp ý tình đi thẳng vào lòng người, khuấy động tâm thức người đọc để nhìn, để thấy và để tin. Điểm quan trọng đặc biệt và vô cùng "Đẹp" nơi tác phẩm là đi sâu vào cả "ý thức lẫn tiềm thức" người đọc, đánh thức và xây dựng niềm tin vững chắc vào "sức mạnh tất yếu" của nền Văn Hóa Việt Nam. Để "hồi sinh" dân tộc, mở ra trang sử huy hoàng, điu tất cả mọi người -dù đang biến chất, vong bản đến đâu- cũng sẽ lại về trong lòng Mẹ Việt Nam trong niềm sung sướng và hào hùng đồng hành cùng thế giới, xây dựng cho mình và cho nhau nền Văn hóa Nhân bản do tử phát huy đi sản tiền nhân dung hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại. Sức mạnh nào đã giúp tác giả chuyển hiện niềm tin sắt đá vào mọi người nếu không là tinh thần yêu nước cao độ và nhận thức sâu sắc về những giá trị ưu việt ẩn tàng nơi truyền thống văn hóa dân tộc xuyên suốt dọc dài lịch sử. Tất cả cái đẹp của tác phẩm là ở tâm hồn tác giả, cái hồn nước của tác giả chất ngất trong tác phẩm" đó vậy.

Paris (France) 16 tháng 8 năm 1996
Nguyễn Thủy - Nhà văn - Học giả.



Thơ

■ Dỵ Sĩ



CÔ
TIÊN
BÉ
NHỎ,

BÂY GIỜ... Ở Đâu ???

*Cao-ốc đó gần nhà tôi,
Sáng, chiều qua lại, có hơi thấy em,
Thơ ngây, má phính, môi xinh,
Tóc mây óng à, tung tăng nọt cười,
Đồ ăn một gói trên tay,
Em hôn môi mẹ, vẫy tay chó xù,
Hôm nào chó cũng đón, đùa,
Trong xe nhảy nhót, như đùa với em,
Mỗi ngày theo mẹ đi làm,
Vào nhà giữ trẻ, em ngoan chờ đùa,
Trông em nhi nhảnh, ngây thơ,
Trái tim cắn cỏi, cũng mở về nguồn...
Tối ngày bận rộn luôn luôn,
Chẳng còn nhớ đến bé con năm nào,
Bảng đi một dạo khá lâu,
Dọn đi tình khác, bù đầu làm ăn,
Chợt nghe khủng bố, nổ bom,
Tòa nhà Công-thụ bị bom tan tành...
Chợt nhỏ cô bé hiền lành,
Thầm mong mọi chuyện yên bình cho em...
Hôm nay, tôi trở về xem:
Lối xưa, chốn cũ, cảnh thêm hoang tàn,
Trời chiều thêm xạm màu tang
Hàng rào dây kẽm, giăng toàn đồ chơi,
Lối phân ưu gần khắp nơi,
Những vòng hoa tím, như khơi hận, sầu...
Thiếu phụ đứng đó từ lâu,
Tay cầm con gấu, âu sầu nhìn quanh,
Hai hàng nước mắt, long lanh,
Nàng như tìm kiếm bóng hình ngày xưa...
Con yêu, ở đâu bây giờ?
Mẹ luôn nhớ mãi, con thơ năm nào,
Bóng con vui về ra vào,
Tiếng cười rộn rã, xiết bao ân tình...
Hỡi người độc ác, vô minh,!!
Hãy mau trả lại con xinh thuở nào,
Ta chỉ có một ước ao:
Nghe lại giọng nói ngọt ngào năm xưa,
Được vuốt vuốt tóc như mẹ,
Được nhìn đôi mắt ngây thơ ngày nào...
Con của mẹ, Con ở đâu?
Thấu chẳng được nỗi đau đường này?...
Ánh trăng chiếu rọi lùm cây,
Có người thiếu phụ, đêm, ngày khóc con...*

(Để nhớ lại những em bé bị bỏ mình trong vụ đặt bom tại một công-thụ của liên-bang ở Oklahoma City, USA/95. Vụ nổ này đã giết 168 người).

NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM ĐỐI KHÁNG CỘNG SẢN

• Vũ Kỳ

(Trích Luận Củng cố về Văn Hóa Việt Nam Tập II của Vũ Kỳ)

Từ hơn 45 năm nay, trên quê hương ta và trong cộng đồng hải ngoại, song song với nền mao hóa Mác-xít và chế độ cộng sản đang tác họa trên hai phần đất miền Bắc và miền Nam nước Việt, lại xuất hiện thêm một nền văn hóa mới, mạnh mẽ cả chiều sâu lẫn chiều rộng: *Nền Văn Hóa Việt Nam Đối Kháng Cộng Sản*. Nền văn hóa này phát sinh, trưởng thành và cùng với thời gian càng thêm phong phú và đa dạng, rồi tác động lại mọi tầng lớp dân chúng, từ kẻ bình dân đến người có học, hần sâu chứng tích trong nền văn hóa sử Việt Nam. Với thông minh, khôn ngoan, đầy lòng trung hậu đối với nhà, với nước, với truyền thống văn hóa, dân tộc Việt Nam cương quyết chối từ, cực lực phản kháng và triệt để bài trừ nền mao hóa Mác-Lê du nhập từ ngoại lai ngự trị trên đất nước ta. Nền văn hóa đối kháng cộng sản này biểu dương hai thái độ của dân tộc là tiêu cực và tích cực, vừa để đối phó tự vệ sinh tồn, vừa tiến công hủy diệt tạo sinh. Hơn thế nữa, nó thể hiện sự phản ứng quyết liệt và triết lý phủ nhận triệt để và liên tục của toàn dân Việt dưới nhiều hình thái đối với nền mao hóa mác-xít do ông Hồ Chí Minh và tập đoàn cộng sản Hà Nội áp đặt vào thời hiện đại trên toàn nước Việt Nam.

Cái loại văn hóa mác-xít lê-nin-nít ngoại lai, nguyên thủy, ỉ ạch, lỗi thời mà cộng sản Việt Nam nô lệ Liên Xô đem nhồi sọ người Việt hiện nay mà đó cũng là chủ thuyết chỉ đạo mọi chính sách chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục của họ dẫn dân tộc đi trên bờ vực thẳm là một mao hóa, một quái hóa được nhập nội, không hợp lý và không hợp tình, hợp cảnh. Cái mao hóa ấy xây dựng trên một triết thuyết duy vật biện chứng và duy vật sử quan xa lạ - bây giờ thì thực là chết hần rồi - mà cộng sản đã cưỡng bức nhân dân Việt Nam tiêu thụ hồ đồ, độc đoán. Mà đã nói văn hóa thì phải đẹp, tốt (văn = vẻ đẹp) và phải được dân tộc chấp nhận, chấp thuận với tất cả sự

tinh táo và thoải mái của tâm hồn để biến thành một nếp sống tinh thần, tình cảm, vật chất lâu đời, làm nên một nhân sinh quan trường cửu. Và vì trái với các giá trị truyền thống nên nhân dân Việt Nam nhất quyết chối từ và phản kháng triệt để quái hóa ấy. Ý thức chối từ, phản kháng tập thể này gây nên một hình thái văn hóa độc đáo rất phong phú trong lịch sử văn hóa hiện kim Việt Nam: đó là Văn Hóa Đối Kháng Cộng Sản, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Nền văn hóa mới này của dân Việt đang phát triển và trưởng thành. Nhờ vào đâu? Nhờ vào một chất liệu tinh thần, một đặc trưng trường tồn, bất biến, truyền thống trong nhân sinh quan, và tư duy của người Việt muôn đời: đó là tính bất khuất, tính hào hùng của nhân dân ta, được thuyết minh ở các phần đầu của soạn phẩm. Càng bị độc tài, vô lực, bạo tàn đàn áp, càng vô trang bằng bất khuất hòng dấy nghĩa để khước từ sự tiêu thụ cái quái hóa và mao hóa ấy.

Với giai đoạn văn hóa này của CSVN ở cả hai miền, chúng tôi xin sớm sửa đưa ra một lời kết, kết án mà cũng là kết luận: Ở đây, cái trọng tội đối với dân tộc, lịch sử và văn hóa là Cộng sản Việt Nam nguy tạo lịch sử, xuyên tạc văn hóa, du nhập mao hóa cổ tình gieo rắc lầm lạc, nguy hiểm trong tử tưởng giới, học thuật giới và học giới sau này nếu chế độ ấy không mau chóng bị tiêu diệt bởi chính nghĩa tất thắng của lý tưởng tự do, dân tộc độc lập thực sự cho đất nước. Điều này quả thực để chứng minh, xuyên qua hiện tình nước Việt Nam dưới chế độ CS. Trọng tội ấy đối với quốc sử càng lớn hơn khi CS quốc tế hoàn toàn bị hủy diệt trên thế giới từ lâu mà tập đoàn CS Hà Nội không phục thiện, quyết bám sát vào đặc quyền, đặc lợi họ đã chinh phục được chính bằng xương máu của nhân dân mà họ đã phình gạc. Để duy trì chủ nghĩa Mác-Lê một cách ỉ ạch, ngoan cố, mù quáng hòng đàn áp thống trị nhân dân Việt Nam nghiệt ngã cố phục vụ dài lâu cho quyền lợi đảng viên CS và tập đoàn CS cục bộ của mình.

SƠ LƯỢC VỀ CÁC PHONG TRÀO, CÁC TỔ CHỨC, CÁC CHIẾN SĨ ĐỐI KHÁNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM

Để góp phần làm công cuộc phá hoại tập thể đối với chế độ Cộng Sản, vì tự do, vì nhân quyền, vì chính nghĩa cho dân tộc, từ cuộc lừa bịp nhân dân Việt Nam của cộng sản Việt Nam để cướp chính quyền vào tháng 8 năm 1945 đến nay, đã có xương máu, huyết lệ của những vị liệt sĩ trong nhiều vụ nổi loạn, chống đối CS vụ án mà CS mệnh danh là vụ gián điệp Bình Định như các ông Bùi Đăng Hà Phan, Đoàn Thế Khuyến, Nguyễn Hữu Lộc, Võ Minh Vinh v.v... tất cả đều bị tử hình vào năm 1952, vụ án mà CS gọi là vụ gián điệp Liên khu 5

như các ông Hồ Đệ (1), Nguyễn Long, Cao Hữu Chí, Bùi Ân vào năm 1953 ở Quảng Nam (tất cả đều bị tử hình như ở vụ án Bình Định), của Đoàn Triệu Hải Âu, gồm nhiều học sinh thanh niên Việt Quốc từ 18 đến 22 tuổi là tổ chức khởi nghĩa sớm nhất chống bạo quyền cộng sản ở Thăng Bình, Quảng Nam, vào năm 1975, lúc cộng sản mới cưỡng chiếm miền Nam, của Mặt Trận Giải Phóng Sài Gòn do ông Trần Văn Lợi tổ chức vào năm 1976; của một Nguyễn Trộ và các đồng chí của ông ở Phan Rang vào năm 1977 đã đồng dạc tuyên bố trước đám người vô đạo đang xử tội ông: "*Tôi lập đảng để tiêu diệt các ông đang đàn áp và làm đau khổ đồng bào. Chúng tôi sống thì các ông chết. Các ông sống thì chúng tôi chết. Chí có thế!*"

... Của một nhóm giáo sư và trí thức ở Huế và Đà Nẵng vào năm 1977 lập đảng Phục Quốc chống cộng sản Việt Nam, trong số ấy có các ông Trịnh Lệ, Trịnh Quang Huy, hai người anh em của nhà cách mạng và giáo sư Trịnh Thế ở Quảng Nam (đã chết vì bị cộng sản giam cầm từ năm 1975 đến 1988 ở Tiên Lành)

"Còn có thiên anh hùng ca của 7 người lính nhảy dù vào trưa 30.4.75, nổi vòng tay nhau ca hát rồi mỗi chiến hữu cùng nhau chia xé chút rượu cuối cùng trong chiếc bi-đông. Viên Thiếu úy trẻ măng, bắt tay từng thuộc cấp, họ cùng nhau vỗ tay ca hát vang vang. Thế rồi, mỗi người một trái lựu đạn, cùng hô một tiếng phá tan uất hờn, lựu đạn đồng loạt nổ, 7 người lính nhảy dù an nhiên đi về thế giới bên kia như ngàn đời thanh thoát mây bay. Truyền thống và văn hiến Việt Nam đã tạo nên những con người như thế, chết mà vẫn an nhiên, chết như một nghi lễ lia trần. Sống và chết đều bất khuất". (Xem Cao Thế Dung, Tự Hào Là Người Việt Nam).

Ông Hồ Đệ! Năm mờ ông, 40 năm qua, đã xanh um hoa đồng cỏ nội ở rừng còi Khánh Thọ, Tam Kỳ, quê hương ông ngày nay đối với chúng tôi, những đồng chí còn sống sót của ông, xa cách ngàn vạn trùng dương nhưng lời thề và trăng trời của ông còn đó, không bao giờ ai quên được. Những dòng sử máu đã gấn chặt đời ông với lịch sử Việt Nam Quốc Dân Đảng Liên Khu 5 vì ông là linh hồn của vụ án, là phiến cẩm thạch kết tinh can cường, dũng khí còn sót lại của Đảng ở Liên Khu 5, sau khi tất cả đã rã rời vì bị chìm trong bể máu với vụ Ôn Như Hầu, Việt Minh bị đặt ra ở Hà Nội (1946), với vụ Cầu Nhiêm Sơn Việt Minh nguy tạo ở Quảng Nam (1946) và còn bao nhiêu chiến sĩ Việt Quốc đã ngã gục trong bóng tối bởi thanh mã tấu của bọn người mang danh Việt Minh nói là cướp chính quyền để làm cách mạng tháng 8 và chủ trương cuộc kháng chiến mệnh danh là chống Pháp nhưng thực ra lợi dụng lòng ái quốc của toàn dân để

phụng sự cho nguy nghĩa cộng sản độc tài, tàn bạo của chúng. Viết làm sao, nói làm sao để diễn tả cho đủ cái khí phách anh hùng trong con người cách mạng đích thực của ông, ông Hồ Đệ! Khi bình tĩnh ra pháp trường ở rừng Khánh Thọ; lời cuối cùng của ông là lời nhắn gởi đồng bào của kẻ vĩnh biệt vì tự do chân chính cho dân tộc, vì chính nghĩa của giống nòi.:

"Tôi nhất quyết tin rằng vì tự do và chính nghĩa đích thực của đồng bào mà tôi phải chết, và tôi không có gì để nói thêm. Xin vĩnh biệt đồng bào!"

Ồi! Bức thông điệp chỉ có thể và đó là của một nền văn hóa đối kháng cộng sản thăng hoa nói tâm trí của 1 trong 4 vị anh hùng đất Quảng Nam đã xả thân trước họng súng của kẻ thù dân tộc là cộng sản. Càng tưởng nhớ đến 4 vị anh hùng đã bị Việt Minh hạ sát ấy trong vụ mà Việt Minh CS mệnh danh là vụ gián điệp LK5, dân chúng Quảng Nam càng căm thù CS đến tận xương tủy.

Còn nhiều nữa... Thiên anh hùng ca của những vị Tướng anh hùng như Nguyễn Khoa Nam, một Lê Văn Hưng bắt tù trên dòng văn hóa sử Việt, bản viên đạn chót vào đầu để tránh cảnh bàn giao nhục nhã với địch quân vào các ngày 30.4.75... Của một Trần Văn Bá, oai hùng tử chiến cuộc sống thanh bình êm ấm ở ngoại quốc để trở về cùng với các liệt sĩ khác là Mai Văn Hạnh, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch, Huỳnh Vinh Sanh, dẫn thân đấu tranh vì đại nghĩa, vì tự do cho đất nước... Và Trần Văn Bá than ôi! đã chết trước họng súng của bọn phi nghĩa độc tài tàn bạo như bao kẻ anh hùng! Của một Võ Đại Tôn oai hùng về nước chiến đấu chống cộng sản bị cộng sản bắt, tra tấn và giam cầm suốt 10 năm, nay mới được trả tự do (1991), của một Lê Công Minh bị án tử hình giã xương chung thân khổ sai, hiện bị giam giữ ở Long Khánh... và còn nhiều người nữa...

* Còn muôn vàn chiến sĩ quốc gia kiêu hùng, tuy nằm trong ngục tù cộng sản vẫn dang si và chế độ để đến nỗi ngã gục trước họng súng kẻ thống trị áp bức. Và còn hàng hàng lớp lớp anh hùng vô danh khác khắp núi rừng âm u nước Việt đang bình tĩnh và âm thầm mai phục chống kẻ thù vạn đại là cộng sản Việt Nam để tiêu diệt chế độ mà một trong các chứng tích đau lòng của lịch sử là lăng Hồ Chí Minh nằm chễm chệ ở Ba Đình, Hà Nội, Họ phản kháng bằng thái độ, ngôn ngữ, hành động sự dằn áp, bạo tàn của cộng sản, rất tự nhiên, thanh thoát, không chối từ, không sợ sệt như họ ăn cơm và hít khí trời. Vì đó là truyền thống văn hóa bất khuất Việt Nam mà họ đã được đào luyện và nuôi dưỡng từ lâu đời.

* Cộng sản Việt Nam gian manh, tráo trở thì nhân dân khôn khéo, mua chuộc,

hủ hóa, quyến rũ cán bộ cộng sản vốn đã tham ô, bất lương, bất chính để làm cho chúng biến chất, trở thành tòi tệ, xấu xa hơn hồng nhân dân lòng lách; sử dụng chúng mà mưu đồ của mình là tránh né bóc lột, áp bức, tù tội... Còn nữa... kể ra không hết được các thủ thuật mánh lỏi của dân chúng chống âm mưu gian manh của CS. Đấy tất cả đều là văn hóa kháng cộng ở cấp thấp nhất của giới bình dân đại chúng... Tất cả nằm trong cái thế tự vệ tiêu cực của nền văn hóa kháng cộng hiện tại. Cao hơn là thế tiến công tích cực của nền văn hóa chống cộng - về ý thức hệ như báo chí, hồi ký tù, hồi ký vượt biển, tác phẩm văn học, văn hóa tố cáo những sai lầm trong chủ thuyết mác-xít lỗi thời - về võ trang tranh đấu như các tổ chức kháng chiến, các phong trào phục quốc, các cuộc nổi dậy ở các địa phương v.v... Nền văn hóa đối kháng cộng sản này rất thịnh hành ở trong nước, ở hải ngoại bởi đồng bào, kiều bào ta và còn được nổi dài mạnh mẽ bởi sự hỗ trợ vị tha biểu đồng tình của nhân loại tiến bộ nhân đạo trên khắp thế giới, ở Âu Châu, Úc Châu, Mỹ Châu... Chúng tôi nghĩ đến các Hội, các Tổ chức v.v... do các nhân vật nước ngoài thành lập giải cứu người Việt tự do là nạn nhân cộng sản, nào các Hội Thiện nguyện quốc tế, Hội Ân Xá quốc tế, Hội Nhân Quyền cho Việt Nam, Hội tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do v.v...

Cần nói thêm rằng hiện tại ở quốc nội, nếu nền văn học đối kháng hợp pháp không phát triển nổi thì một nền văn học dân gian ẩn tàng khẩu truyền, vô bút tích lưu hành đời đời rầm rộ hơn bao giờ hết trong quần chúng. Các mẫu chuyện tiếu lâm, vè, dân ca, câu đối, nói lái v.v... có tinh nghệ thuật rất cao, lại thành công về tu từ học Việt Nam có hiệu lực, bởi bác chế độ và các nhân vật cộng sản một cách rất tài tình. Bao nhiêu tài liệu là chứng nhân và chứng tích lịch sử, là hình tượng, là cảm xúc thăng hoa của đại chúng trước thời sự, trước thế cuộc, trước quốc vận tối tăm. Nó lưu tồn bất diệt trong nền văn học kháng cộng, nói rộng ra đó là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam kháng cộng hiện nay.

Chưa bao giờ bằng hiện giờ có hai nền văn hóa song song - đối đầu quyết liệt ở trong một đất nước như Việt Nam ta: nền văn hóa tàn bạo áp bức của thiếu số cường quyền thống trị áp đặt đối nghịch với nền văn hóa tạo sinh tự vệ của toàn thể nhân dân để sống còn. Nền văn hóa này là đối tượng của nền văn hóa kia và ngược lại. Đúng hơn là văn hóa truyền thống Việt Nam đối nghịch với mao hóa vong bản ngoại lai cộng sản.

Dân tộc Việt Nam giữ vững truyền thống văn hóa là anh dũng và bất khuất cho nên làm li hành động kiên quyết

chống độc tài, áp bức mà không cần thuyết minh, lý sự dài dòng, thông thái, như một nhà triết gia Tây phương đã nói: *"Các con đường dẫn đến tự do đều nhất thiết phải bước qua sự từ chối khuất phục, qui thuận; chẳng những không nền trật tự đã được thiết lập và phải chỉ trích phê phán quyền lực hiện hành nữa"*. (Les chemins de la liberté passent nécessairement par le refus de la soumission, la remise en cause de l'ordre établi et la critique du pouvoir" - Vincent de Gaulejac).

Trong tương lai, nhất định sẽ có một Học Viện trân quý ở đó diễn ra một cuộc triển lãm đồ sộ thường trực trình bày các chứng liệu phong phú từ A đến Z đích thực về mọi mặt, từ Người đến Việc của nền Văn Hóa Việt Nam kháng cộng này. Sẽ khác xa với cuộc trưng bày ở Sài Gòn hiện nay về mệnh danh tội ác Mỹ Ngụy với bao nhiêu tài liệu, tang chứng nguy tạo một cách vụng về, lộ bịch, ngu xuẩn do Cộng Sản Việt Nam chế biến, vào lúc chúng mới cướp chiếm miền Nam.

Ở cuộc triển lãm lịch sử tổng hợp vô cùng mong đợi này, hẳn các tang vật về sự dốt nát, gian manh, áp bức dã man, bóc lột, tàn bạo chà đạp nhân quyền của chế độ Cộng Sản được trưng bày bên cạnh các chứng tích, văn khố, chứng liệu của nền văn hóa đối kháng cộng sản hùng hồn và phong phú vô cùng! Trước lịch sử và công luận, toàn dân Việt từ Bắc chí Nam, từ trong ra ngoài nước, ngay từ bây giờ, tự nguyện tích trữ để trong tương lai đóng góp thiết lập nên "Viện Bảo Tàng Văn Hóa Kháng Cộng Việt Nam" ấy vậy.

Và một khi thời cuộc lắng chìm, mọi biến cuộc trôi qua, áp lực của cường quyền bị xóa bỏ, thành kiến về thời sự, nguy lý do thói quen áp đặt tan biến và trạng thái tâm lý xã hội nhất thời của quần chúng không còn nữa thì mọi suy xét bình nghị của con người trước sự vật sẽ đúng đắn, khách quan, trung thực. Đó mới đích thực là chân lý của lịch sử. Rồi theo các phán lệ trên dòng lịch sử, văn hóa sử dân tộc không thể không đưa ra phán quyết cuối cùng về các giai đoạn, về các thời đại văn hóa sử để luận công định tội và qui trách nhiệm một cách công bằng. Càng về lâu về dài, CSVN dù ngu xuẩn, mê muội đến đâu đi nữa nhất định phải run sợ cho những cáo lệnh và cáo trạng quang thép của lịch sử dân tộc trong tương lai về chế độ và hành động của họ áp đặt trên dân chúng suốt gần nửa thế kỷ nay trên đất Việt.

Dưới đây, chúng tôi chỉ trình bày sơ lược về nền văn hóa kháng cộng ở trong và ngoài nước Việt, dưới nhiều hình thức, từ 30.4.75 đến nay mà thôi.

Từ ngày 19.8.1945, ngày mà Việt Minh (tiền thân Cộng Sản Việt Nam) cướp chính quyền ở Việt Nam đến 1975 đã có bao nhiêu phong trào, tổ chức,

nhân vật (cả Kinh lẫn Thượng) chống đối được nhắc nhở đến ở các phần trước.

* Nội dung phong phú của nền Văn Hóa Việt Nam kháng cộng hiện nay ở trong lẫn ngoài nước, ngoài số soạn phẩm và bài viết rất nhiều trên các báo, tạp chí lưu hành khắp nơi trên thế giới đặc biệt là tờ Văn Nghệ Tiền Phong ở Huế Kỳ, một tạp chí kỳ cục nhất từ hồi còn trong nước ra đến hải ngoại mà soạn giả có trích nhiều đoạn văn, nhiều bài viết để sử dụng trong soạn phẩm này, kết tội phần dân hại nước của CSVN gây mọi đau khổ cho quê hương ta, còn phải kể đến vô số hồi ký, bút ký diễn tả cảnh vượt biên, vượt biển, cảnh tù ngục, cảnh địa ngục trần gian v.v... dưới thể loại trường thiên, đoản thiên, hoặc các kháng thư, các hịch, văn tế, thi văn bằng Việt ngữ và có khi bằng ngoại ngữ (như cuốn "Đại Học Máu" của Hà Thúc Sinh; "Hồi Ký Từ" của Tạ Tỵ... và nhiều sách khác... Giá Tự Do Hay Lệ Trần Biển Đông" của cố Ký giả Nguyễn Ang Ca và còn nhiều ấn phẩm khác) v.v... Có khi còn do các soạn giả ngoại quốc trong niềm niềm cảm cao quý tốt vời động lòng cho số phận nước non Việt, công dân đất Việt nên viết ra để quảng bá dùm nỗi đau lớn của đồng bào chúng ta. Nội dung diễn tả đầy hiện thực khách quan sự dã man đày đọa, sự sát hại độc ác tinh vi, có khi rất là âm thầm của CSVN đối với các chiến sĩ kiên cường của Việt Nam tự do qua bao thảm cảnh trong các trại cải tạo, các khu kinh tế mới, các nhà giam của công an tỉnh, huyện, phường, xã. Hoặc các áp bức khắc nghiệt về xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa của CS đối với người dân lành vô tội hàng ngày. Một trong muôn ngàn ví dụ điển hình. Chúng tôi nghĩ đến các vụ Cộng Sản xử bắn hoặc cưỡng bức tiêm thuốc độc vào người để âm thầm ám hại các nhà cách mạng, các chiến sĩ bất khuất gan dạ như nhiều trường hợp đã xảy ra ở các trại cải tạo Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Suối Máu, Tiên Lãng (Quảng Nam, Đà Nẵng) v.v... và ngay trong các trại Thanh Niên Xung Phong nữa mà nào có ai là bạn đồng trại nào hay biết, giữa rừng sâu vắng lặng và ban đêm tầm tối v.v...

Chúng tôi bồi ngùi tưởng niệm với vô cùng đau xót bao nhiêu chiến sĩ anh hùng, liệt sĩ, tử sĩ... hữu danh và vô danh khắp nơi trên đất nước đã ngã gục âm thầm hay công khai dưới nhiều hình thức bởi sự bạo tàn của cộng phi tử 1945 đến nay. Họ là những viên cẩm thạch xây nên tấm bia Văn Hóa Việt Nam đối kháng Cộng Sản đứng sừng sững trong tâm linh người dân Việt yêu nước muôn đời. Xin kể lại một vài điển hình mà soạn giả khó quên:

Ông Nguyễn Đức Xích cố Tỉnh trưởng Gia Định, bào huynh của nhà văn và nhà báo Nguyễn Đức Đón, chủ bút tạp chí Vi Nước ở Úc... bị Việt Cộng bắn

chết trong trại cải tạo. Ông là tấm gương bất khuất tượng trưng cho tinh thần người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa xứng đáng dám chửi giặc địch đáng bằng một bài văn hùng hồn, khi được yêu cầu thuyết trình ở trong trại giam vào năm 1976 về nền kinh tế vô sản. Cái gương của Nguyễn Đức Xích, của một Nguyễn Khoa Nam tự sát trước những giờ cuối cùng của ngày tháng năm 1975 đi vào lịch sử đối kháng Cộng Sản với nghìn thu.

... "Tôi không đến đây để học lối lý luận một chiều của các anh. Tôi có khả năng dạy các anh về bản chất thật của học thuyết Marx Lenin... Các anh là những con lừa người ta buộc trước miệng một bó cỏ và dù có chạy cong đuôi suốt đời cũng chẳng bao giờ ăn được bó cỏ đó". Đó là lời phát biểu của anh Nguyễn Ngọc Trụ tại trại cải huấn L4M, Trảng Lớn, trước đồng bào cải tạo viên và cán bộ giảng huấn cộng sản. Và sau đó không lâu, ở cái nhà đá trước kia Mỹ đã dùng uớp xác các tử thường đã dựng nên một pháp đình tạm gọi là Tòa Án Nhân Dân, bị can dĩ nhiên là anh Nguyễn Ngọc Trụ, giảng huấn viên trưởng Võ Bị, trưởng Chính Trị Kinh Doanh trước kia của Sài Gòn. Những ai đã học tập tại trại cải tạo An Dưỡng Biên Hòa hẳn nhiên không thể quên được cái gọi là "Công lý của cách mạng" đã xử tử hình chiến sĩ Nguyễn Ngọc Trụ mà tinh thần "uy vũ bất năng khuất chiếu sáng đến nghìn thu" (Trích bài "Nhân ngày giỗ Nguyễn Ngọc Trụ". Thế Nhân W.A. Tạp chí Vi Nước (Úc) số 59 ngày 1.4.87 trang 92).

Chủ nghĩa chuyên chính vô sản, dù có gọi bằng cái tên nhẹ nhàng rất uyển tú là chế độ xã hội chủ nghĩa, bất kỳ ở đâu cũng thế muốn tồn tại bao giờ cũng phải thiết lập một chế độ cảnh sát trị, công an trị đàn áp nhân quyền. Mất vũ khí đàn áp lợi hại ấy, chính quyền cộng sản nhất định bị chính nhân dân vật ngã và Đảng Cộng Sản bị nhân dân tiêu diệt. Không cần nhắc lại khá xa trước kia đã có nhiều vụ bắt bớ giam cầm, đàn áp, khủng bố đối với nhiều thành phần xã hội, ở mỗi tôn giáo mà Cộng Sản Việt Nam đã chủ trương cũng rất để loại trừ các phong trào, các phần tử chống đối, nổi dậy hùng dũng và bảo vệ chế độ Cộng Sản.

Gần đây, cùng với nhiều người khác, các nhà tu hành Thích Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Thích Nữ Trí Hải bị kết tội và chịu các bản án nặng nề. Rồi đến Luật sư Đoàn Thanh Liêm bị 12 năm tù, nhà thơ Nguyễn Trí 8 năm tù. Các chiến sĩ hoạt động trong các vụ Diễn Đàn Tự Do do ông Đoàn Viết Hoạt lãnh đạo trong đó có vị cố nhân sĩ Nguyễn Mậu đã bị bắt giam 13 năm ở trại tù vừa ra lại bị bắt lại tháng 11 năm 1990 rồi bị bệnh mà chết (1991). Lại một tổ chức gọi là Liên Minh Hoàng Gia Đại Việt gọi tắt là Mặt Trận Liên Việt mà các thành viên như Trịnh Văn

Thuông, Nguyễn Thanh Vân và các đồng chí khác cũng bị bắt ngày 16.6.1991. Mặt trận kháng cộng này có Cường Lĩnh, có kế hoạch, có tiến trình hành động rất khoa học nếu không bị phá vỡ, nhất định sẽ làm bọn Cộng Sản Việt Nam điên đầu trong thời điểm chúng hấp hối và sắp cáo chung.

Theo những tin tức được các cơ quan truyền thông quốc tế loan đi, trước thời gian Đại Hội Đảng kỳ 7 được khai mạc (vào cuối tháng 6.1991), để sửa soạn cho Đại Hội, CSVN nhất loạt mở một cuộc tổng bố ráp bắt các thành phần trí thức, văn nghệ sĩ và những người mà CS cho là nguy hại cho một chế độ vốn đã lung lay nhiều rồi. Chiến dịch bắt bớ này được xem là mạnh mẽ không khác gì vào thời gian sau 30.4.1975.

Ngày 25.4.1992 công an đã bắt giữ 17 người là thành phần cốt cán của một đảng mang tên Hành Động của Nhân Dân. Đảng này hô hào dân chúng nổi lên lật đổ chính quyền cộng sản. Trong số những người bị bắt có ông Nguyễn Sĩ Bình, một sĩ quan cấp Tá về hưu từ Mỹ trở về nước.

Theo tin của hãng Thông Tấn Xã Pháp AFP và Anh Reuter thì vào cuối tháng 5.92, ông Nguyễn Ngọc Đại từng bị Việt Cộng giam giữ từ năm 1975 đến 1987 đã bị kết án 20 năm tù về tội chống phá cách mạng bị liệt vào hạng "phản động nguy hiểm". Còn có ông Lê Văn Tinh, Trần Hữu Duyên, Nguyễn Văn Hoang, Huỳnh Văn Cai bị kết án từ 4 đến 12 năm tù nữa. Gần đây nhất là trường hợp người anh hùng không quân Lý Tống bay về nước, rải truyền đơn hô hào dân chúng nổi dậy lật đổ Cộng Sản. Ông vừa bị Cộng Sản kết án 20 năm tù (1993). Và có thuyết cho rằng Lý Tống mà Việt Cộng cho ra trước tòa để xử là Lý Tống giả (?).

Một vụ xử án xảy ra như 100, 1000 vụ án khác chớp nhoáng hồ đồ trong mấy tiếng đồng hồ, biểu lộ tính chất trò hề, độc đoán, xếp đặt trước của cơ quan Tư pháp Cộng sản.

Các người có hành động chống đối nói trên không phải chỉ là những phần tử, những cá nhân trong những tổ chức chính đảng chống cộng, chẳng những đôn thuần họ kháng cộng, diệt cộng về mặt chính trị mà thôi. Nói đúng ra, về căn bản, về nguyên lý chính họ đang góp phần xây dựng tích cực vào nền Văn Hóa Việt Nam đối kháng Cộng Sản trên đất nước ta vậy.

* Một bản tuyên ngôn nhân quyền lịch sử long trọng được ghi vào nền văn hóa Việt Nam đối kháng cộng sản sớm nhất đã được luật sư Trần Thanh Sơn tuyên đọc trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn ngày 23.4.1977.

Sau đây là bài viết của LS Nguyễn Hữu Thống đăng trên tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong, Huế Kỳ, số 390 tháng 5.1992, trang 9-10 và 91, nói về việc ấy:

"Cách đây hơn 15 năm, ngày 23.4.1977, trước Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, Luật sư Trần Thanh San nhân danh Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam đã tuyên đọc bản Tuyên ngôn Nhân Quyền dưới đây mệnh danh là "Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền Của Những Người Việt Nam Khốn Cùng".

"Mười bảy người ký tên trên bản tuyên ngôn này đã bị bắt giam vào các trại cải tạo. Luật sư Trần Thanh San bị giam hơn 10 năm, tới ngày 13.10.1987 mới được trả tự do. Những người chủ xướng là Luật sư Trần Thanh San, Luật sư Triệu Bá Thiệp, Luật sư Nguyễn Hữu Giao, Luật sư kiêm Đại sứ Nguyễn Quý Anh, Thủ lĩnh Vũ Đăng Dung, Bác sĩ Phạm Biểu Tâm (Phó Chủ tịch Hội Trí Thúc Yêu Nước), Ký giả Huỳnh Thành Vĩ, Kiến Trúc Sư Nguyễn Văn Điệp (tuần tiết tại Long Khánh), Giáo sư Hà Quốc Trung (tuần tiết tại trại Xuân Phước, cùng các Luật sư Nguyễn Hữu Doãn, Trần Nhật Tân, Vũ Hùng Cường, và một số sinh viên chưa tiện tiết lộ danh tính vì còn đang hoạt động tại quốc nội.

Trước khí thế hung hãn của Việt Cộng hồi đó, một số Luật sư mượn danh nghĩa họp bàn về vấn đề tái hành nghề tại Tòa án để đứng ra thành lập Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam để cảnh giác dư luận thế giới về những vi phạm nhân quyền của chính phủ Hà Nội. Họ soạn thảo Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền này một phần chiếu theo các cương lĩnh của Hiến Chương Nhân Quyền Tiếp Khắc 77, nhưng chủ yếu vẫn căn cứ trên các điều kiện đặc thù của Việt Nam

Đồng thời với bản tuyên ngôn, Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam đã phổ biến tài liệu "Vi Sao Chúng Tôi Tranh Đấu".

Còn nữa và còn nữa... Hễ còn có chế độ Cộng sản trên đất nước thì còn có các chiến sĩ Việt Nam tự do bị bắt bớ, tra tấn, giam cầm, tù đầy, chết chóc.

Chúng ta cần soạn thảo một cuốn sổ vàng vinh danh những gương anh dũng sáng ngời nghĩa khí của bao nhiêu chiến sĩ hữu danh và vô danh bất khuất đã tranh đấu võ trang hoặc hòa bình tranh đấu cho chính kiến, lập trường, của mình cho nhân quyền Việt Nam tự do, độc lập mà đành chịu bỏ mạng bởi sắt máu tội của chủ nghĩa vô sản chuyên chính và nền Văn Hóa Việt Nam đối kháng Cộng Sản ngày càng thêm phong phú và đặc sắc.

Chúng tôi nhớ đến cơ sở Quê Mẹ do ông Võ Văn Ái khởi xướng ở Paris, là tổ chức sớm nhất tranh đấu cho nhân quyền ở Việt Nam, trước mọi tổ chức kháng cộng khác, trực diện tranh đấu với Cộng Sản Việt Nam, dưới nhiều hình thức như trước Tòa Án Liên Hiệp Quốc và trong các hội nghị quốc tế và Tổ chức này được ca ngợi khắp nơi trong cộng đồng người Việt tỵ nạn trên thế giới. Ông hằng say và hùng dũng hoạt động tố cáo Việt Cộng vi phạm nhân quyền là chủ

yếu trong sách lược chống cộng của ông. Tổ chức và cơ sở Quê Mẹ gây được tiếng vang rộng lớn, ảnh hưởng rất thuận lợi cho công cuộc giành tự do, dân chủ và nhân quyền cho quê hương và Dân Tộc Việt Nam và cũng gây cho Việt Cộng nhiều khó khăn, mất ảnh hưởng trên trường quốc tế và ngay trong nội địa với "Chiến dịch chuyển lửa về quê nhà".

Chúng tôi cũng dành một chương sau để tôn vinh nhà thơ anh hùng Nguyễn Chí Thiệp vừa ra khỏi nước ngày đầu tháng 11.1995. Tập thơ của ông gồm hơn 4 ngàn câu trong 376 bài dài ngắn hoàn thành xong năm 1979 là năm ông đưa tập thơ qua hàng rào Tòa Đại Sứ Anh ở Hà Nội để xin được chuyển ra ngoại quốc. Tác phẩm này là một Thông điệp văn hóa cốt gởi ra nước ngoài để thức tỉnh quốc tế về đại họa Cộng Sản bạo hành ở Việt Nam. Có chủ đích đập nát chủ thuyết Mác-Lê với chế độ Cộng Sản và cảnh địa ngục trần gian khủng khiếp mà Cộng Sản áp đặt hơn 40 năm trên đất nước Việt Nam. Ông khẳng định cùng nhân loại về một niềm tin tất yếu: địa ngục đỏ sẽ đến ngày tận số - bình minh tươi, đẹp sẽ lóe sáng trên kiếp người vạn lần đau khổ này. Có người cho rằng thơ của ông là tiếng hét căm hờn, là sấm sét của phần nọ. Nói như thế, hãy còn là một uyển tử bất xứng. Mà đúng ra những vần thơ ấy, bất kỳ bài nào cũng là một hỏa diệm sơn cuồng đại sung sức không ngừng đốt cháy sự bạo tàn dã man của chế độ CSVN. Quả tim của ông là trung tâm nhiệt lực cao thế vụt ra ngọn lửa thần hỏa tán chủ thuyết Mác-Lê cùng những tên tay sai tôn thờ nó. Phát xuất từ cái dũng của một trí nhân thời đại. Cũng để luận bàn về một Phong Trào Văn Học kháng Cộng - đúng ra là một trào lưu văn hóa dù là ngắn ngủi - biểu đường tính bất khuất, chính khí và triết lý hành động của những kẻ sĩ Việt Nam tranh đấu bằng ngòi bút cho tự do, chính nghĩa, công lý giữa thời hoàng kim của Cộng sản trên miền Bắc Việt Nam. Đó là nhóm Nhân Văn Giai Phẩm.

May mắn thay, chỉ có một thời gian ngắn, cùng với chủ thuyết duy vật, vô thần bị sụp đổ, chế độ xã hội chủ nghĩa khắp nơi tàn lụi, nền văn hóa phi dân tộc, phi nhân tính ấy là nền văn hóa mác-xít quý gối đầu hàng và từ nay bị loại trừ khỏi tư tưởng giới quốc tế. Sự kiện văn hóa toàn cầu này tác động mạnh và tốt đẹp tiêu trừ nền văn hóa mác-xít địa phương Việt Nam đang dần dà hấp hối. Nhưng nền Văn Hóa đối kháng Cộng Sản vẫn còn tiếp diễn và luôn luôn ghi đậm nét dưới nhiều dạng thức khác nhau trong tâm hồn lịch sử và văn hóa sử dân tộc.

(Trích "Luận Cường về Văn Hóa Việt Nam" Trong và Ngoài nước. Bruxelles Belgique 1995)

Đầu Xuân Hợp Bận

• Trình Chung

*Tham dự chung vui với hội làng
Đông tàn hợp bận đón Xuân sang
Trăm hoa rộ nở trên đồi bạc
Muôn vẻ xinh tươi dưới nắng vàng
Bút ngọc thơ đề trao mấy vạn
Câu thần xướng họa gởi vài trang
Tâm tình cởi mở khơi nguồn hứng
Hạnh kết tri giao, Tử sắc sảng*



Giấc Mơ Đầu Xuân

• Tâm Huyền

(Họa bài Đầu Xuân Hợp Bận)

*Tết đến càng thêm nhớ xóm làng
Én đầu mà cũng gọi mùa sang
Mở theo gió nhẹ trời mây bạc
Tuồng những cảnh khô nở đóa vàng
Tiếng pháo Giao Thừa sao rộn rã
Thủy Tiên Nguyễn Đán rất dài trang
Triệu người tỵ nạn như nhau cả
Giấc mộng chung mang dấu di sảng*



HOA TUYẾT

• Bùi thị Rau Dzènh

*Lập đông xám quện mây trời
Rời sầu thêm lá rụng ngời nỗi đau
Cỏ đón nhánh vôi lên cao
Đón ngàn hoa tuyết mới nhủ bàn tay
Chao đi sợi gió ngắt ngày
Chân em bước nhẹ hồn say men tim
Thần thờ cô bóng đèn đêm
Sao nghe nước nở lời thì thầm
"... Tóc dài nhưng nhớ xa xăm
Về từng cánh phượng thường nằm đong đưa
Thủy tinh màu nắng ban trưa
Chao xiên lên cỏ lúa thua hạ hồng
Tiếng ve hòa nhạc thỏm nồng
Dù âm vắng vắng cho lòng chơi với ..."*

*

*Lập đông xám quện mây trời
Rời sầu thêm lá rụng ngời vết đau!*

(phổ nhỏ, ngày lập Đông '96)

AI LÀ ? THỦ PHẠM "CẤM VẬN TỬ THIỆN" ?

● Nguyễn Việt Nữ

Do những sự thật mắt thấy tai nghe tử trong nước, và vì tham những hiện là quốc nạn, nên Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện quả quyết rằng việc cứu trợ nhân đạo tử hải ngoại chỉ làm hại cho người nghèo hơn là làm lợi, vì CSVN dùng hình ảnh cứu trợ đó để làm công cụ tuyên truyền bịp bợm hầu kéo dài sự thống trị độc tài của họ. (Bảng chứng đầy đủ trong bài trước).

Vì đại cuộc chống Cộng, Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện mong muốn những tấm lòng vàng nên nghĩ lại.

Nhà văn Nhật Tiến hỏi thi sĩ Nguyễn Chí Thiện: "Điều gì sẽ xảy ra nếu như những lời kêu gọi ngừng công tác tử thiện của thi sĩ có tầm mức ảnh hưởng lan qua lãnh vực trợ giúp quốc tế? Một số bệnh viện sẽ phải đóng cửa, các chương trình trợ cấp nhân đạo của Liên Hiệp Quốc sẽ phải ngưng lại... Khi đưa ra những lời phát biểu như trên, không hiểu thi sĩ có lường trước được những hậu quả của một tinh thần cấm vận công tác tử thiện như thế không?"

Một lần nữa nhà văn Nhật Tiến vì nhân đạo, vì cả tin, không hiểu tâm địa ác độc của CS nên lại gán cho thi sĩ Nguyễn Chí Thiện thêm tội "cấm vận tử thiện"!

Hiện nay vì kinh tế kiệt quệ, CSVN luôn đem hình ảnh thăm thương bệnh tật của người già cùi hủi, của các em trong trại mồ côi để làm xúc động người tử tâm hải ngoại.

Chủ chính CSVN tàn sát những trẻ mồ côi và người bệnh tật không chút nương tay để giết lấy phần ăn của họ, hay để gây tiếng vang chính trị. (Pháo kích vào trường học, bệnh viện gây chết chóc khiến thế giới chán ghét chiến tranh, xách động phản chiến. Năm 1967, một đoàn quân y Hoa Kỳ đến khám bệnh cho một cô nhi viện tỉnh Tuy Hòa. Tôi nói chỉ thấy một đồng tử thể tan nát, tử chí, đầu mình văng tung tóe... VC pháo kích vào đây để vu vạ cho người Mỹ, gây cấm thủ và xách động bài ngoại...). Riêng những cơ quan hay nhân vật tử thiện quốc tế bị coi là thủ nghịch và bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần hay bị trục xuất về nước

nếu may mắn còn sống sót dưới bàn tay độc ác của chúng.

Sau đây là bằng chứng trung thực để làm sáng tỏ vấn đề. (Chi tiết nội vụ được Đức Giáo Hoàng ghi nhận và lưu trữ tại Tòa Thánh La Mã. Những nhân vật trong truyện vẫn còn sống và sinh hoạt trong tổ chức tôn giáo hay tử thiện của họ tại hải ngoại này):

Thần phận cô nhi và những nhà tử thiện dưới ách cộng sản

Trong thời chiến, làng Konhoring thuộc quận Dakto, tỉnh Kontum, là cửa ngõ để CS Bắc Việt tấn công vào miền Cao Nguyên Trung Phần của Việt Nam Cộng Hòa; vì làng này cách tỉnh lỵ Kontum đến 60 cây số trong khi cách biên giới nước Lào chỉ có 27 cây số. Cho nên CS Bắc Việt từ Lào thường pháo kích vào dân làng này (gồm người Việt lẫn người Thượng Sedan) thường chạy về quận lỵ hay tỉnh lỵ Kontum để lánh nạn, dưới sự yểm trợ an ninh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa đồn trú tại các căn cứ lân cận như: Tân Cảnh, Dường Bình v.v... Ngược lại, khi vùng lân cận này bị CS lấn chiếm thì dân lại chạy tới Konhoring để tỵ nạn. Có thể nói đây là một làng "lưu động", thấy đó rồi biến mất đó vì đạn pháo của CS. Cho nên chỉ có những quả tìm tử nguyện hiến dâng đời mình cho người cùng khổ thì mới có gan "bám trụ" dưới mưa đạn pháo kích mà ở lại giữ làng, tiếp tục nuôi dạy trẻ mồ côi hay săn sóc người bệnh tật.

Đó là tấm lòng vàng của 8 vị Soeurs (Sister, Chị, Di Phước) thuộc dòng Nữ Tu Bác Ái (Daughter of Charity = D.O.C), cai quản Bệnh xá và Nhà bảo sanh Domaine Immaculée (Clos Immacule) của làng; khởi đầu bằng mái lá với 45 giường bằng cây, mà vào năm 1968, đã có thêm một khu nhà gạch đủ đặt 15 giường sắt. Tất cả các giường bệnh lúc ấy đều lót ván, trải chiếu.

Thuốc men dùng cho BXHS này là do các Hội Tử Thiện Quốc Tế và Cơ Quan Bảo Trợ Nhi Đồng (UNICEF) cung cấp. Vật liệu xây cất cũng như các phương tiện và các dụng cụ khác do các vị Nữ Tu xin của Viện Trợ Mỹ, hoặc xoay sở từ chính quyền địa phương.

Tuy ở vùng hòa tuyến, những ngoài y được theo đúng tiêu chuẩn quốc tế, 7.000 người dân làng Konhoring của VNCH vẫn được săn sóc bởi những nhân viên y khoa hội đủ tiêu chuẩn quốc tế hẳn hoi. (Không như nước VN Xã Nghĩa, dù CS làm chủ đất nước, trong thời bình, mà hai mươi năm nay Bác sĩ vẫn còn nợ bằng Trung Học!).

Trong 8 vị Nữ Tu dòng DOC, có Sister Mary Hélène Vankerbergan người Bỉ, tốt nghiệp Điều Dưỡng hẳn hoi, phụ trách bệnh xá. Còn Bảo Sanh thì do Sister Rosemary (người Việt), là Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, tốt nghiệp tại Tử Dũ (Sàigòn) đảm nhận.

Lại có cả Bác sĩ người Pháp, thuộc tổ chức tử thiện Công Giáo, tử tinh đến khám bệnh mỗi tuần hai lần. Đó là Nữ Bác sĩ Granger, tình nguyện điều trị cho bệnh nhân cùi tại bệnh viện Daltia, cách Kontum 7 cây số. Con đường tử trại cùi Daktia đến làng Konhoring dài trên 50 cây số nhưng nhiều khi đi cả ngày không đến, hay đến mà không bao giờ về, vì CS thường gài mìn phá đường

gây trở ngại giao thông. Đã nhiều lần dân bị bệnh nặng hay thai phụ sinh khó, phải mượn xe Lam chuyển bệnh về tỉnh, nhưng đi chỉ chừng một giờ sau là bà bầu được trở về, thân hình nát bét để lộ hài nhi trong bụng cháy đen như than, còn thân nhân và hành khách đi theo cả 8 người đều gãy tay chân hoặc ruột đổ lòng thông...; vì bị mìn của Việt Cộng.

Cho nên con đường này được lưu thông sau mười giờ sáng, vì phải chờ xe tăng đi mở đường trước rồi các xe khác mới tháp tùng theo thành đoàn "convoi"; (hình thức cưỡng bức người dân địa phương đi đào đường phá hoại các trục giao thông của toàn lãnh thổ VNCH, gây xáo trộn cho cuộc sống của người dân miền Nam kiểu này là "thành tích lấy lũng" của CSVN trong suốt cuộc chiến). Bác sĩ Granger, vào năm 1971, nghe tin có cuộc đột nhập Bệnh Xá Hộ Sinh DOMAINE IMMACULÉE, bà nóng ruột vì nơi đây có trường học trên 300 em bé, có nội trú cho trẻ mồ côi vì chiến tranh. Khi bị VC tấn công, các em này thường bị thương nhiều vì không ai lo di tản kịp. Nên Bác sĩ không chờ tài xế tử Konhoring đến rước, mà bà tự động lái xe Hồng Thập Tự của BV Daktia tháp tùng đoàn convoi, hy vọng sẽ tới với các bệnh nhân sớm chừng nào tốt chừng ấy. Nhưng CS đã thực súng cối vào đoàn convoi, và dù là xe Hồng Thập Tự có treo cờ trắng và thập tự đỏ, CS cũng không tử nan, không kiêng nể điều khoản Quốc Tế...

BS Granger đã bị tử thương. Xác của bà được để dâng nhận điện chung quanh hàng chục tử thi cháy nám đen khác mà những bộ phận như tử chi ruột của họ văng lên treo lủng lẳng trên nóc xe. Lạ kỳ là chỉ có BS Granger là thân thể còn nguyên vẹn, chỉ bị gãy một xương sườn và không hề bị cháy nám.

Tội ác của CSVN đối với nhân viên tử thiện Quốc Tế không chỉ thể hiện trong lúc xô bồ như thế, mà còn rõ rệt hơn trong thời gian họ làm chủ vùng này.

Đó là năm 1972, sau khi CS Bắc Việt tràn ngập căn cứ Tân Cảnh trong Mùa Hè Đỏ Lửa. Lúc ấy chẳng những vùng Tân Cảnh này, mà dân chúng tử Dakto, Daktia, Dường Bình, Thị Đạo v.v... đều xuống Konhoring tỵ nạn. Trong ấy có 4 Sisters thuộc dòng Saint Paul de Charles tử Dường Bình đến. Như vậy là tất cả 12 "Di Phước" này phải lo nuôi ăn một khối dân tỵ nạn trên 15 ngàn người và bệnh nhân, thường nhân đầy ngập bệnh xá. Một lò xi-măng được xây thêm để nấu chín cùng một lúc 6 nồi cơm, mỗi nồi đường kính một thước tây, chiều cao 60 phân tây. Lò này hoạt động suốt 24 tiếng trong ngày không ngừng nghỉ. Vì từ 5 giờ sáng là đã phải nấu 6 nồi sũa bột UNICEF cho trên 300 ký nhĩ hầu hết là người Thượng tử 2 tuổi trở lên, có dạy học tử lớp 1 tới lớp 6 (lúc ba má chúng bận đi làm rẫy nên gửi lại trường, do 3 "Di Phước" dòng DOC phụ trách với sự trợ giúp của 10 cô giáo người Thượng). Ký Nhi Viện này có Nội Trú cho 40 em, phần đồng mồ côi cha mẹ, hoặc nhà ở xa. Cha mẹ mỗi em chỉ phải đóng mỗi tháng một gửi củi.

Để phục vụ BXHS và Ký Nhi Viện như thế, 8 Sisters này đã trở tài ngoại giao, xin xỏ đủ các nhà hảo tâm tử nhân cùng chính phủ

VNCH yếm trợ tích cực, trong 5 năm kể từ khi thành lập, cơ sở này đã có thêm 10 nhà tiền chế (có công vận động của BS Granger), mỗi nhà 50 giường; và một nhà kho chứa gạo, khô cá, rau cải, thịt đồ hộp, trứng gà, đầu ần v.v... Làng cũng có khu nông trại nuôi gà, vịt, ngỗng, thỏ, heo v.v... đủ để nuôi số nhân khẩu thỉnh thoảng tăng hơn gấp 2 như trên trong cả tháng VC cai trị làng này. Lo ăn đã khó mà lo uống cũng không phải dễ. Tuồng cần nhấn mạnh rằng đây là vùng Cao Nguyên, lúc ấy nước phải lấy từ một cái giếng thật to đào dưới chân núi. Chỉ cần đi bộ đến giếng để quay tay cho máy nổ (bơm nước lên hồ chứa nước trên cao) cũng mất hết hơn nửa tiếng đường dốc núi.

Vậy mà các Di Phước này đã tổ chức dẫn nước, phát quang rừng rậm, trồng được hàng công đất rau muống, khoai lang, cải ngọt v.v... Dù nhiều khi máy bơm hư thì phải đi lên xuống núi nhiều lần để lấy nước bằng ống tre. Có thể nói đây là kho thực phẩm cho du kích CS trong thời chiến.

Họ thường tấn công làng, cướp kho lương thực, bắt gia súc rồi rút đi. Khi trại tụt trở lại được, thì họ lại tới cướp giết nữa. Có khi VC tấn công làng, các ống tre cũng không còn nguyên vẹn để lấy nước! Vậy mà các tấm lòng vị tha này vẫn kiên gan liều chết ở lại phục vụ nạn nhân chiến cuộc một cách khá đầy đủ như thời bình.

Cho tới tháng 3 năm 1972, Việt Cộng "giải phóng" Konhoring. Nhiều quân nhân VNCH đưa súng vào màn tang tự sát. Dĩ nhiên Bệnh Xá Hộ Sinh đổi chủ và đổi cả lề lối sinh hoạt.

Thay vì trọng tâm mỗi ngày là săn sóc kỹ nhi, khám bệnh cho thuốc, dạy học và cầu Kinh Kính Chúa mến Cha... Thì nay, mỗi ngày từ 2 giờ trưa là chủ mới tổ chức học tập để tìm gián điệp cho đế quốc. VC bảo nếu ai thú nhận thì sẽ được tha tội, vì nhà nước Cách Mạng bắt gián điệp chứ không bắt Tu sĩ. Rằng các Anh, Chị đã bị Mỹ gạt, vậy giờ này phải theo dõi kỹ hành động của người đồng tu để phát hiện "địch". Dù có tội hay không cũng sẽ được khoan hồng, cho về bản xứ. Nhưng để tỏ thiện chí, nhà nước Cách Mạng khuyến các Anh, Chị nên cởi bỏ áo nhà Dòng.

Tất cả đều đồng thanh thà chết chứ không chịu nghe theo VC rồi bỏ áo Tu sĩ.

Thấy khó bề gây ý chí của nhóm này nếu để chung họ với nhau. VC bèn dùng kế ly gián họ. Chỉ 2 tuần sau là các Linh Mục vùng Dakto, Daksut... tất cả 8 Cha (người Pháp) "được" bắt đưa đi bảo là vào khu... an toàn để bảo vệ sinh mạng cho "các Anh" trước. Còn "các Chị" thì, trong một buổi họp, VC báo cho biết là họ bắt được tài liệu biết chắc một Di Phước là CIA của Mỹ gài vào chứ không phải là nữ tu thật sự. Các Di Phước thật thà nhìn nhau lo sợ. VC không nói tên ai, nhưng được ngầm cho biết rằng người đáng nghi nhất là chị Thụ (Sister Rosemary), chỉ vì đã hưởng học bổng của "Ngụy quyền" để đi học Nữ Hộ Sinh Quốc Gia! VC kiểm soát đồ đạc của Chị, bắt Chị đi "cài tạo" và bắt buộc Chị phải cởi áo nhà Dòng...

Trong thời gian VC chiếm đóng làng Konhoring, Ký Nhi Viện bị giải tán, chỉ còn 8 em mồ côi ở lại sống không có cả cháo mà

ăn, mặc dù trước đó nơi đây là vựa gạo đủ nuôi trên 15 ngàn miệng ăn gần cả tháng trời. Vì bộ đội bác Hồ tịch thu cả kho vựa. Còn Bệnh Xá thì có cả 2 xe cam-nhông thuốc yểm trợ, nhưng VC đã "giải phóng" đi đầu hết, mà bệnh nhân chiến cuộc tràn ngập không có thuốc men, chỉ băng bó tạm, rồi vết thương làm mủ hôi thối, nhức nhối, phải nắn nỉ BS Cách Mạng "giải phóng" giùm một chân cho đỡ đau, mà chính các Chị thấy, việc của cát không hề có thuốc tề, và khi khúc chân đứt ra, giòi bò lúc nhúc...

Còn Chị Mary Helène, từng là thủ kho bông băng của Bệnh Xá, mà chỉ hai tuần sau khi đổi chủ, chị bị thương ở màng tang, phải dùng băng vệ sinh mà cứu thương! (Bốn tháng sau vì sức khỏe nguy kịch, Chị mới được thả về Bỉ Quốc. Khi hồi phục xong là chỉ 6 tháng sau Chị lại trở qua VN phục vụ tại tỉnh Ban Mê Thuột của VNCH).

Kế ly gián của VC là bắt các Di Phước nằm ngủ phải còng chân. Cứ mỗi 2 Nữ Tu thì có một ông quan cấp Ủy nằm giữa. Dù muỗi đốt đau đớn, bắt chập ba lên vẫn phòng "làm việc". Hai Chị thì bị bắt buộc phải bỏ áo Dòng, rồi phải khai tên CIA... ai không khai thì lại tiếp tục ngủ còng. Nhưng lạ là ông "Quan" nằm giữa sao không bị bắt bỏ quần phục VNCH? Và khi bị còng lại thì ai nấy càng kiệt quệ thêm vì bị bỏ đói... Riêng ông Quan này, sau khi "làm việc" với các Quan Cách Mạng thì hình như được bồi dưỡng riêng, nên khi càng bị còng trở lại, các Quan càng nhu... sung sức. Sung sức quá nên vùng vẫy mạnh đến đổi... cái chân vuột ra khỏi còng, khiến ông quan được tự do... nằm giữa hai Chị... Hai Chị Nữ Tu nhanh chóng biết đây chỉ là khổ nhục kế, lính Giải Phóng mà mặc quần phục "Ngụy Quân", để mang tiếng nhớ cho VNCH, "quít làm cam chịu" vậy mà!!

Đến khi có Chị nhục nhã trở thành nữ "chó dại" ngoạm cắn bắt củ phần da thịt nào kề gần miệng, rồi xúm nhau la hét ầm ĩ lên thì mới làm tên VC già làm quan nằm giữa hoảng hốt kêu cấp cứu các Chị mới thoát.

Sau đó VC tung hỏa mù đủ trò dớ bần. Nào là Chị A. đã "yêu" anh bộ đội C. Chị B. đã chịu thất thân với Cán Bộ D. (Mười cô giáo người Thượng cũng bị làm nhục tương tự). Nhưng CS chỉ muốn làm nhục để khai thác chủ đầu muốn các Chị chết. Chúng đứ biết số Nữ Tu này là mối lợi lớn cho chúng, ít nhất cũng là con số để trao trả tù binh về sau. Cho nên họ đối xử bằng pháp, hành hạ các Chị bằng cách khác: bắt đi cài tạo y như sĩ quan VNCH sau năm 1975.

Các Chị cũng phải phá rừng trồng lúa. Suốt lúa bằng tay không, không có liềm. Hai tay chày máu không làm được nữa. Có người đang xúc lúa bị xiú. Những người đợ không có gì để ăn vì không lúa thì không gạo thể thôi. Nhưng hai cán bộ VC theo canh giữ các Chị dù bị bệnh thì vẫn phải có ần, vì họ là Đảng. Cách Mạng giải phóng như thế!

Làm sao mà các Nữ Tu, nhất là người ngoại quốc lại sống sót trong hơn hai năm dài lao động khổ sai y như tù cải tạo để chờ trao trả tù binh? Đó là nhờ sức chịu đựng phi thường của các Chị người Việt, nhất là chị Francesca Hào, người Việt gốc Hoa.

Chị Hào mỗi ngày từ 5 giờ sáng đến 3 giờ chiều bưng rưng tới rẫy, dùng tay không tuốt lúa. Được thưởng công một gùi lúa. Công về trại đổi được 2 lon gạo nấu cháo cho 5 Chị bệnh cầm hơi. Lúc không có lúa thì trồng khoai, bắp, đậu v.v...

Thiên nhiên như làm tăng thêm tội ác của VC lúc ấy: mưa rầm rã suốt năm 1972. Đường dốc núi cao gấp 28 lần từ "Mỹ Ngụy" đi cài tạo ở miền Nam. Đường rừng trơn trượt mà gặp gió to, núi lồi. Cây rừng cao 30-40 mét cũng ngã nghiêng, nhiều khi chui ra khỏi khu rừng nguy hiểm đó lại gặp mưa to, không biết chạy đâu; đành chui theo dòng suối băng qua núi khác... Có khi đi lạc suốt ngày không biết lối ra, nếu không gặp đồng bào Thượng (mà Chị đã săn sóc học lực làm ở Bệnh Xá) thì giúp đỡ, cho chuổi, khoai và chỉ đường... thì Chị đã không còn dịp sống sót để kể lại chuyện này. Chị kể rằng nghị lực giúp Chị đi chuyển được trong điều kiện đó là: xâu chuổi Mãn Côi. Mỗi ngày 2 chuyến đi về. Mỗi chuyến Chị lần được 5 lượt chuổi (thường 20 phút mỗi chuổi). Lăn chuổi và khăn Chúa. Nhiều lúc các Chị chỉ ngắm Minh Thánh Chúa mà sống lại từ cái chết vì đói là. Sự nhiệm mầu của Thiên Chúa hiện rõ trong giai đoạn cực kỳ thống khổ này.

Một điều mà sau này Chị Hào mới biết VC còn bóc lột tận xương tủy sức lao động của những người tử thiện chân yếu tay mềm như Chị; là hễ mỗi lần lúa tốt tươi, hay khoai đậu sắp có quả thì lại có lệnh dời trại. Lý do là vì chỗ cũ không an ninh! Mỗi lần dời trại là phải mang Ba-lô đi bộ đường rừng có khi đến 28 ngày mới tới chỗ định cư mới.

Rồi phải nai lưng ra phát quang, trồng trọt lại từ đầu... Để rồi lại chuyển trại trước mùa thu hoạch.

Mỗi lần "di cư" là Chị bị tách ra khỏi một số bạn cũ, nhưng lại sống chung với một số bạn mới thuộc Dòng Tu khác cũng chuyển từ nơi khác tới.

Khi trao đổi về đoạn đường rừng đi bộ, Chị Hào tình cờ khám phá ra mình có đi qua "nông trại" của Chị bạn vừa bị dời đi; có thấy mười "bà" VC treo võng trên cây nằm ngủ ngon lành chủ có mắt an ninh gì đâu? Trong khi các "ông" bộ đội nón cối dép râu đang háng hái thu hoạch hoa màu, kết quả của những ngày lao động chày mồ hôi pha lẫn máu của các Chị.

Thì ra viện cỏ mắt an ninh để dời trại chỉ là kế hoạch tinh vi của Đảng: không làm mà cướp cái ần của người khác! Và tự phong cho mình là có quyền ấy.

Từ đó Chị Hào không còn kiên nhẫn nghe lời hứa hẹn "sẽ tha về khi chấp hành lao động tốt" của VC nữa. Phải hy sinh may ra mới cứu được tất cả. Một ngày "xương núi", tức đi làm rẫy, Chị vò đi lạc xa về phía đồng bằng, nơi mà Chị đoán đi độ chừng một tháng là đến được đồn lính VNCH. Chị Hào tin chắc mình sẽ được yên thân khi tới được các xóm người Thượng vì Chị nói được tiếng

của hầu hết các sắc tộc vùng này qua nhiều năm phục vụ thí công cho họ.

Trên đường đi Chị đập nhằm những bộ xương người, có cả những bộ óc và ruột gan bày nhầy, kết quả của những trận đánh nhau hãn vừa xảy ra vài ngày trước đây. Một điều Chị thấy lạ là khu nào càng có nhiều xác chết thì ở đó cây cà-phê càng to lớn sum xuê và nhất là củ mì. Có thể nói là trên đường vượt trốn CS, chị sống sót là nhờ... những xác chết này! Cây khoai mì mọc chẳng chịt; vùng nào càng nhiều thầy người, vùng đó biến thành rừng cây mì. Nhiều củ mì nặng cả chục kí-lô! Khi đói thì ăn bất cứ cây gì đồ dạ cũng giúp sức được; nhưng khoai mì sống thì khác, ngày đầu vì quen bụng trong thời gian lao động với VC, ăn vài củ thấy no bụng, nhưng khi đi bộ mệt rã rời mà tâm hồn đầy lo âu, Chị Hào cảm thấy cháng váng, rừng mì như quay cuồng trước mắt, Chị ngã quỵ trên đồng lá rừng ẩm lạnh với bầu vắt bám sát hút máu không rời...

Tỉnh dậy thấy mình được ở trong nhà cao cảng của người Thượng. Họ đi làm rẫy, nên phát giác ra "GIÁ" Hào (Tiếng Sedan, Giá: Soeur, Sister, Chị), nên khiêng Chị bằng võng về nhà họ săn sóc, cho ăn uống và sau đó dẫn đường cho Chị đi tới đồn lính VNCH gần nhất.

Nhưng nếu đời người có số thì quả thật số mạng Chị Hào phải làm tử thiện và phải khổ suốt chết vì tử thiện. "Sanh nghề tử nghiệp" thật đúng, dù đó là nghiệp thiện!

Số là trên đường đi tìm tự do, Chị lại gặp xác chết nghiêng ngữa, trong đó có xác một bà mẹ bụng bẻ lòi ruột gan nhưng hai tay ôm 6 đứa con trước ngực, nằm chồng lên nhau, có một bé độ 2 tuổi còn thở thoi thóp. Đi tới nữa lại gặp một bé còn đeo bú xác bà mẹ đã chết. Và còn nữa....

Nhưng mỗi người chỉ đủ sức lượm một bé, nên Chị Hào cùng hai người Thượng dẫn đường ôm 3 cô nhi mà một đứa đang bị tiêu chảy nặng, ứt cả mình mấy Chị. Vậy là đành phải hướng về Bệnh Xá làng Konhoring là nơi gần nhất để lo cấp cứu 3 em trước; dù biết rằng về đó là nộp mạng cho VC, và sẽ bị hình phạt tử hình vì đã trốn trại "Cài Tạo". Chị định về giao 3 bé cho 2 người Thượng mang vào bệnh xá, còn mình tiếp tục lên đường trốn chạy. Nhưng lòng còn ngập ngừng lo âu không hiểu số phận các em ra sao thì một người Thượng chạy theo cho biết trong bệnh xá VC có lượm sẵn 30 em mồ côi mà không có gì ăn, cả quần áo cũng không có để mặc...

Nghĩ tới 3 đứa bé vừa trao cho VC cũng lạnh run rẩy vì quần áo bị rách nát và ứt át vì máu người chết và vì sương rừng...; Chị Hào quyết tâm quay lại để hy vọng cứu sống 33 trẻ thơ vô tội đang bị đói lạnh, còn sau đó có bị xử bắn cũng được.

Vì Chị biết Bệnh Xá này có nhiều kho lớn đầy áp gạo, sữa bột, thịt hộp v.v... dù cho 300 em Ký Nhi Viện và trên 15 ngàn người dân tỵ nạn trước kia. Nay dù không còn, nhưng chắc chắn kho chứa hàng trăm cây vài phải còn, và sẵn một nhà may với 29 cái máy may Singer trước đây do Chị quản lý, ít nhất phải còn một cái. Chỉ cần một máy may và vài cây vải là Chị có thể làm ấm 33 em cô nhi... Việc khuấy sữa bột viện trợ quốc tế cho

dùng quên cục, vừa độ cho các em mau tiêu, dùng bị đi chày (tặng người Á Châu không hợp với sữa Tây Phương, nên khuấy sữa cho loãng vừa đủ bổ cho trẻ em VN, đòi hỏi một kiến thức kỹ thuật cao, mà đó là nghề của Chị Hào (sáu chảo đựng mỗi buổi sáng cho 300 ký nhi trước đây là do một tay Chị nấu).

Nhìn lại Ký Nhi Viện thân yêu, Chị đau xót thấy công lao 7 năm của 8 Chị Nữ Tu đã bị VC tàn phá trong phút chốc. Có thể nói những gì bằng vải là không còn. Tờ màn cửa, khăn lau v.v... cũng biến mất. Bé nào may mắn lắm là được vạt một mảnh tã rách bươm, nhuộm màu đất đỏ Cao Nguyên, nằm chòi chòi la khóc trên chiếc chiếu cũng rách nát. Cử nhìn hai gót chân và hai bà vai lở lói làm mù sưng tấy lên của mỗi em đủ biết các em bị đói, nên đập chòi đòi bú, đòi ăn lâu ngày đến rách da ruộm máu cả tử chi, cả khoe miệng, khoe mắt...!

Hỏi thử gì Cách Mạng cũng bảo không còn. Nhưng Chị Hào được biết vài, gạo, sữa v.v... trong kho được dùng bồi dưỡng cho cán bộ Cách Mạng. Mỗi tháng chỉ có Cán Bộ nhà nước được phát 200 gram sữa bột, một năm 2 hay 3 thược vài gi đó. Nhưng trước khi phát, các Cán Bộ phải dự buổi học tập, rằng "nhờ ơn Bác, ơn Đảng nên hôm nay ta mới được hưởng những phần thưởng này. Vậy muốn tiếp tục giữ quyền lợi, phải trung thành với đảng v.v." (Năm 1975, sau khi cưỡng chiếm cơ sở Y Tế Xã Hội cùng các kho vựa miền Nam, CS cũng bắt người thụ hưởng cảm ơn Đảng và Bác đá cho họ những món mà trước đây họ cho là sản phẩm tội lỗi của bọn đế quốc).

Thấy mỗi ngày ít nhất có một cô nhi bị chết đói vì kiệt sức, Chị Hào không kể hiểm nguy, phát giác với Ban Lãnh Đạo rằng Chị biết trong kho còn rất nhiều nhu yếu phẩm; Chị xin xuất chừng vài kí gạo, đủ nấu cháo cho 33 em cô nhi cầm sức, chờ Chị về Tỉnh đích thân đi xin viện trợ... Rằng, còn một kho cả trăm cái mền mỗi tỉnh mà lúc trước các Chị không dám xài riêng... nay chắc phải còn một ít, nên đem ra đắp cho các em đủ lạnh, vì không còn vải vụn để may tã. Rằng, thực phẩm còn hiểu được là không còn, chủ chiếc mền to như vậy nhưng chứa đầy một năm mà mấy ông thủ kho đã "ngón" hết thủ to lớn đó, không sợ nghẹt cổ sao?

Chị Hào chỉ nguyên rủa thủ kho, nên Lãnh Đạo tạm để yên và (vờ) tỏ ra quý mến tình thương người bao la của Chị; nhưng giải thích rằng vì hoàn cảnh đất nước còn nghèo, Cán Bộ Đảng có công với đất nước còn chưa đủ ăn, con cái họ cũng đói, hướng hồ gì... hướng gì mấy trẻ này là con của "Ngụy", nếu không thì cũng là dân của phe "địch").

Chị Hào không ngờ họ dám phân biệt bất nhân như vậy! Họ thật ác độc hơn thú dữ.

Nhưng Chị rất tin Bác sĩ Cách Mạng tên Mai. Vì ông chịu "hy sinh" một lon gạo để nấu cháo cho trẻ sơ sinh. Máy ông Giải Phóng thật tài tình, Chị sắm gần 500 chén nhựa cho ký nhi và bệnh nhân, vậy mà chỉ một năm sau là chúng được "giải phóng" tất cả, trẻ phải ăn cháo trong gáo dừa (miếng dừa). Cháo thật lỏng như nước, đường thật hiếm quý (vì một lon muối bột lúc ấy đã đổi được một chỉ vàng). Vậy mà BS Mai nhân hậu mở bao đường cát trắng bỏ cả kí-lô vào

cháo và ăn cần mời Chị Hào ăn trước một chén... gáo dừa.

Dù cả tháng trời chưa nếm mùi gạo, nhưng "Di Phước" không bao giờ ăn phần của trẻ đang đói, Chị Hào bèn đưa cháo cho em lớn người Thượng ăn trước vì thấy cháo nó nhay dựng lên đòi ăn, khó từ chối (còn trẻ sơ sinh chưa biết gì nên vẫn nằm im). Bất ngờ thấy bé nhắm mắt nói; "không ngọt mà nóng quá Giá ơi!". Chị Hào liền nếm thử; trời ơi, chất gì mà vừa đựng tôi là cháy lưỡi? Bèn đưa BS Mai thử. BS không nếm nhưng suýt xoa trách móc là ai bỏ nhầm chất độc vào gói đường... BS đích thân búng đổ cả nồi cháo và mưng rở cám ơn Chị rồi rít; vì nếu không có Chị cho bé lớn ăn trước để em nhắm mắt mà khám phá ra kịp thời thì nếu cứ cho trẻ sơ sinh ăn trước, đổ vào miệng các em củ nướ... đến khi thấy các em giãy giụa thì bột Acid đã đốt cháy hết ruột gan các em, vô phương cứu chữa...!

Kể lại chuyện này, cho tới nay, Soeur Hào không chút nghi ngờ CS âm mưu đầu độc Chị trước để trừng phạt Soeur về nhiều tội: trốn trại lao động, đồng thời bịt đi cái "loa" tố cáo tội ác tham nhũng của chúng; rồi sau đó luôn tiện thủ tiêu các em cô nhi dưới hình thức một cuộc ngộ độc, vừa để tổn hao nuôi, vừa không mang tiếng cướp lương thực, bỏ cô nhi chết đói.

Do lòng bác ái vô biên, muốn nhường từng giọt nước cháo cho trẻ mồ côi, Chị không ăn, nên thoát chết. Chị thấy nếu không có biện pháp mạnh, chỉ trong một tuần như vậy là các cô nhi chết hết. Chị Hào tuyệt thực để đòi Ban Lãnh Đạo phải cung cấp gạo nấu cháo cho trẻ.

Không chút nghi ngờ "lòng tốt" của BS Mai, Chị bảo nhờ người Cách Mạng này tận tình can thiệp mà yêu cầu của Chị được thỏa mãn và lần. Nhưng liền sau đó Chị Hào được đưa đi trại khác sống đời tù lỏng cùng các Nữ Tu Dòng khác. Chính BS Mai tiễn Chị rời Bệnh Xá mà cách đây 6 năm, các người tử thiện Dòng Nữ Tu Bác Ái như Chị đã dày công xây dựng.

Chẳng những ăn cần tặng Chị nài chuỗi xiêm (rất quý lúc ấy) khi lên đường; BS Mai còn tha thiết năn nỉ Chị yên tâm và cố động những người khác an tâm lao động tốt... Chắc chắn mọi người đều sẽ được thả về khi Hiệp Định Hòa Bình ký kết.

Khi biết được Hiệp Định Paris đã ký năm 1973 mà các Chị vẫn còn tiếp tục tuốt lúa chày cả máu tay để ca bài "lao động là vinh quang", Chị lại "trốn tù" lần nữa. Bị bắt lại, Chị yêu cầu được gặp cấp chỉ huy địa phương bằng cách là hét như người điên cho tới khi được gặp thì Chị mới chịu nín. Chị bảo Hòa Bình rồi mà nhà nước Cách Mạng không tôn trọng lời hứa với những người chỉ biết làm việc tử thiện như Chị. Rằng nếu không thả về thì hãy điều động các con Chiên của Chúa về lo việc thờ phượng Chúa, và làm việc tại các cơ quan tỵ nạn như trước; còn nếu không được nữa thì vì cha Chị là người Hoa, vậy hãy cho Chị về quê nội, bằng không Chị sẽ trốn nữa hoặc sẽ tuyệt thực mà la hét hoài.

Biết Chị Hào có "thành tích" không khuất phục trước nhục hình khổ sai, và dám liều mạng không sợ chết; và lúc ấy chính quyền

Giải Phóng thân với Trung Cộng, nên VC phải nhường bộ, ngọt ngào hứa sẽ cứu xét làm theo ý Chi.

Một đêm nọ Chị đang ngủ nơi trại "cải tạo" trong rừng, nghe có gì động chạm có thể... Đó là nhà Sư hổ mang mặc áo vàng hần hoi, xưng là Thượng Tọa Thích Thanh Minh, rất đẹp trai và mập mạp, bảo Chị đừng sợ, ông ta cũng người gốc Hoa, có trách nhiệm giải quyết cho Chị đi về Trung Quốc. Rằng người Hoa phần đông theo đạo Phật là đạo nhà... như ông ta; sao Chị lại theo Chúa có vẻ ngoại lai để quốc... Hấn ngẫm cho biết, việc về Tàu sớm hay muộn là tùy Chị có "dễ thương" với hấn hay không? Chị Hào bảo vệ được thân ngà là vì Chị rất liều mạng, việc gì cũng "nổi loạn", vừa trốn chạy vừa la... cho tới khi gặp được cấp chỉ huy...

Chị Hào cho biết là trại lao động cuối cùng mà 15 vị Nữ Tu các Dòng cùng với nhiều người khác chia nhau làm ruộng hơn 6 tháng từ cuối năm 1973 là vùng Đường Bình.

Sau đó các Chị không phải làm ruộng nữa gì cả mà còn được cho ăn thịt gà, vịt... đầy đủ. Sung sướng nhất là Chị được ngồi lại trước máy may Singer và được cấp vải xanh may áo Dòng... và chừng 3 tháng như vậy thì được đưa đến một nơi tập trung mà các Soeurs được lệnh thay phiên nhau cử người đi đầu cầm cờ to có thêu chim bồ câu trắng.

Họ phải đi bộ trong rừng độ hai ngày một đêm, giữa tiếng dội bom vang vọng, để tới đồn Thi Đạo (nằm giữa tỉnh lỵ Kontum và làng Konhoring). Từ đó được đưa lên xe đưa tới bãi Trục Thăng bay về tư dinh Tỉnh Trưởng Kontum. Cuộc trao trả tù binh diễn ra ở đó ngày 8 tháng 8 năm 1974.

Riêng Nữ Tu các Dòng có tới 40 người.

Sự thật này được Đức Giáo Hoàng ghi nhận từng công lao của các vị Nữ Tu, nhất là công lao của Soeur Francesca Huỳnh Chuyển Hào.

Chi tiết đầy đủ về tội ác như trên của CS đối với cô nhi, bệnh nhân và các nhà tử thiện được lưu trữ trong kho sử liệu của Tòa Thánh La Mã.

Còn nói về người Cùi: VNCH ngày xưa, chứng trình Bài Cùi được tổ chức qui mô với sự cộng tác của những tổ chức tử thiện quốc tế. Trụ sở Trung ương đặt tại Bệnh Viện Chợ Quán, thủ đô Sài Gòn. Ngoài thuốc men điều trị thật dồi dào, Chương Trình Bài Cùi miền Nam còn có nhiều Bác sĩ Việt Nam và Quốc Tế đặt trách khoa giải phẫu Thẩm Mỹ và Chính Hình giúp những người cùi bị teo bắp thịt, co gân tay, sứt môi, mất mũi hoặc sụp mí mắt v.v... được thắp gân, ghép da thịt, giúp cho người cùi bớt độ tàn phế

Tại địa phương, người Cùi trên toàn lãnh thổ VNCH được săn sóc và huấn luyện nghề nghiệp tại 3 trung tâm lớn: Trại Daktia, có khoảng 600 người Thượng do BS Granger phụ trách (tử thường vi đạn pháo của VC năm 1971 trên đường đi khám bệnh cho dân nghèo); Trại Di Linh gần 600; và Trại Cùi Bến Sắn cho bệnh nhân người Việt và Hoa cũng có khoảng 600 người.

Soeur Francesca Hào đã từng phục vụ Trại Cùi Bến Sắn trước khi tới Konhoring. Khởi đầu, chính Chị phải dùng tay giặt quần áo đầy mủ máu cho người cùi, trước khi xin

được máy giặt, máy xấy, và các máy móc khác. Rồi song song với sự tiến bộ của ngành Y học, và chương trình hồi phục, dùng những bộ phận nhân tạo giúp người Cùi sử dụng được chân tay; thì các Soeur Dòng Nữ Tu Bác Ái này mới có thì giờ và điều kiện huấn luyện và tổ chức cho người Cùi sinh hoạt tự túc tùy mức độ tàn phế của họ, như: chăn nuôi, làm rẫy, nuôi cá, đan tre, thêu may, v.v... Cho tới khi nhà kho đầy ắp lương thực do công lao của toàn thể trại viên làm ra y như Bệnh Xá Hộ Sinh Domaine Immaculée của làng Konhoring, thì VC tới cướp bóc.

Trong thời chiến chắc nhiều người không hiểu tại sao Trại Cùi Bến Sắn luôn luôn bị VC tấn công nhiều lần, nhất là những năm từ 1965 đến 1968? Chẳng lẽ họ thù cả người "cùi phun lờ lỏi" chỉ vì những người này sống trên phần đất VNCH? Chủ có gì đâu mà sao VC chiếu cố làm gì?

Là vì lúc ấy, ngoài cơ quan tử thiện quốc tế, các cơ sở Y Tế Xã Hội trên toàn lãnh thổ VNCH được nhận thêm y dược liệu (thuốc bổ, bông băng, drap trải giường, mền, áo gối, quần áo, vải cây v.v...) và thực phẩm như gạo, đường, sữa bột, thịt hộp v.v... rất dồi dào của Viện Trợ Mỹ.

Có thể nói hàng Viện Trợ Mỹ cho nhân dân VN lại là lương thực nuôi quân du kích VC trong thời chiến! Vì vậy mà Trại Cùi Bến Sắn bị VC tấn công hàng năm, khi kết quả lao động của người Cùi được chất đầy kho. Đến nỗi có lần một Di Phước người Pháp bị bắn chết, chỉ vì người này cố thủ cho người Cùi Việt Nam, không chịu giao chia khóa cho bọn VC cướp giết.

Giết Nữ Tu đoạt chia khóa xong, VC còn cho lừa các nhà tử thiện đi quản thúc để họ yên ổn vợ vệt. Nữ Tu Rose Gaillard phản đối quyết liệt nên bị bắt đi mất tích 27 ngày. Soeur Hào cho biết, lúc bị giam lỏng, VC cũng sàm sỡ hỗn láo với các Nữ Tu y như ở Kontum vậy.

Đó là chiến lược trường kỳ của CSVN. Chẳng những trong thời chiến như trên đây; mà cả khi làm chủ trọn vẹn đất nước sau năm 1975, trong thời bình. Việc đầu tiên khi miền Nam được "giải phóng" là tất cả các cô nhi, các bệnh nhân đều bị đuổi ra khỏi các Cô Nhi Viện và Bệnh Viện. Các cơ sở tôn giáo bị tịch thu, các Chủng Viện, Phật Học Viện bị đóng cửa. Nhân viên của các cơ quan tử thiện quốc tế bị trục xuất ra khỏi nước (như Hội Hoàn Cầu Khải Tượng (Lion Club) mới được VC cho vào làm việc lại, nhưng dĩ nhiên là phải theo sự chỉ định của nhà nước.

*
* *

C húng tôi ghi lại sự thật trên đây để mong các nhà hảo tâm khi đặt tình thương cần sáng suốt xem hành vi của CS đối với bệnh nhân, cô nhi, người nghèo khổ, các tổ chức tôn giáo và các nhà tử thiện quốc tế như trên đây... là họ thường dân hay thường Đảng của họ?

Chính ác tâm và hành động tham nhũng cướp giết của CS cùng việc bắt giam những

tử nhân hay tổ chức nhân đạo về Việt Nam làm công tác tử thiện như Chủ tịch Nguyễn Công Bằng và Thủ quỹ Lê Huy Hùng của Hội Green Cross và còn nhiều trường hợp khác nữa... đã làm nản lòng những người tử tâm hải ngoại. Vậy nếu họ tự động hay khuyến cáo nhau không thêm giúp VN vì họ thấy không nên để CS lợi dụng tiền của của họ để nuôi mập Đảng viên tham nhũng...

... Thì hiển nhiên Thủ Phạm "cấm Vận Tử thiện" phải chính là Cộng Sản Việt Nam.

Thế mà Nhà văn Nhật Tiến lại cho là phát biểu của Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện có tác dụng đó! Nhật Tiến cho rằng bài nói chuyện của Nguyễn Chí Thiện gây "cấm vận" cho các công tác truyền giáo như trùng tu nhà thờ, chùa chiền, bảo trợ các tu sinh, in ấn hay tái bản các kinh kệ.

Viết như thế là Nhà văn Nhật Tiến chắc quên rằng từ sau năm 1975 tới nay, CS tịch thu các cơ sở tôn giáo, thiết lập hàng giáo sĩ và sứ sai Quốc Doanh? Còn CS vốn vô thần thì tha thiết gì, biết gì đến chuyện in ấn kinh kệ? Giúp vào chẳng khác gì giúp trùng tu cơ sở Đảng?

Cho nên đề nghị sau đây của Nguyễn Chí Thiện là thiết thực nhất để giúp cho công tác truyền giáo của VN hiện tại: *"Hãy yêu cầu Đảng trả lại các nhà thờ, chùa chiền Đảng chiếm đoạt! Không cần ai bảo trợ các tu sinh. Đảng hãy để Giáo Hội được tự do tuyển chọn tu sinh, Giáo sư giảng dạy, mở các Chủng viện! Việc in ấn kinh kệ (để tự do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất lo liệu) đều được đem bán cho các Phật tử có lãi, không cần quốc tế giúp. Giúp chỉ nuôi béo các ông Sư công an đi xe Dream 3.000 dollars, đi Toyota!"*

Thật vậy, CSVN ngay trong thời chiến đã đào tạo sẵn Sứ Quốc Doanh, như ông Sư đẹp trai đã hỗn láo và làm công tác chiến tranh chính trị với Nữ Tu Francesca Hào trong khi đi lao động chở trao đổi tù binh như đã kể trên đây.

Nhà văn Nhật Tiến và những Người Đồng Hành không biết được những gian manh ghê tởm của CS, mà vì tình người, rồi dùng hình ảnh các em Cô Nhi, các người Cùi để chứng minh hậu quả "cấm vận tử thiện" đau thương đó là do "khẩu nghiệp" của Nguyễn Chí Thiện?

Nhật Tiến viết: *"Nhìn tấm hình bà cụ già trên 100 tuổi, cùi lờ mà bàn chân không có đôi dép, hàng ngày đi lại phải cạo sát vào đá dăm, tình cảnh hết sức thương tâm... Những lời nhận xét của thi sĩ về công tác tử thiện ở VN đã phần nào làm giảm thiểu đi cơ may của đồng bào nghèo khổ trong nước để nhận lãnh sự trợ giúp hiếm hoi từ lòng tử tâm hiếm hoi của đồng bào hải ngoại hay những tổ chức quốc tế..."*

Về trẻ em mồ côi, trong bức thư trả lời đề ngày 30.11.1995, Nguyễn Chí Thiện hỏi lại Nhật Tiến: *"Ai bảo đảm là các em bị đời và các em trong trại mồ côi được no ấm hơn nhờ sự giúp đỡ của người Việt hải ngoại? Ngay chợ Nguyễn Công Trứ cạnh nhà tôi có rất nhiều các em bị đời đã trốn chạy khỏi các trại tử thiện vì cuộc sống ở đó cực quá,*

lao động ở đó vất vả quá... Viện trợ quốc tế thì thực ra dân nghèo khổ mà được hưởng. Nằm bệnh viện phải có tiền, tiền đứt lốt, tiền chi phí... Bệnh nhân phải lao động vất vả, có cả xà-lim kỷ luật! Cùi cũng có cùi có tiền, cùi không tiền. Cùi có tiền được đối xử khác với cùi không tiền!..."

Thật vậy, Việt Nam Cộng Sản làm công tác xã hội với thái độ ban phát của một chủ nhân ông tàn bạo; trong khi bệnh nhân các loại, kể cả Lao, Cùi... và Cô Nhi Việt Nam Cộng Hòa điển hình như ở làng Konhoring được các Nữ Tu săn sóc bằng quà tim Bác Ái chân chính. Bệnh nhân và Cô Nhi được hoàn toàn miễn phí; ngay cả trẻ có cha mẹ, một tháng gia đình chỉ đóng góp một gửi cùi.

Vậy mà nhà văn Nhật Tiến vẫn trách Nguyễn Chí Thiện: "*nhận xét như vậy*) là thi sĩ đã để cho những Cô Nhi, những bệnh nhân cùi lở, vốn là nạn nhân của cuộc chiến súng đạn trong 30 năm, nay lại vẫn còn là nạn nhân của lòng thù hận trên 20 năm nữa... Nỗ lòng nào mà ta không mở tấm lòng mà gửi cho bà cụ đôi dép để cùi đỡ được những cơn đau xé thịt..."

Qua các thành tích cướp bóc các trại cùi trên đây, ta thấy cụ già cùi lở trên 100 tuổi này, 30 năm trước phải là bệnh nhân trong các trại cùi được các nhà từ thiện quốc tế chăm sóc dưới chế độ VNCH mà khi chiến thắng, chính CSVN đã cướp cái ăn cái mặc và đã man xua đuổi họ đi.

Cho nên Nguyễn Chí Thiện lại hỏi Nhật Tiến: "Ai thù hận bà cụ? Thực tế bà cụ chỉ là nạn nhân của một chế độ phi nhân. Cả nước VN chỉ có vài trăm cụ thọ trên 100 tuổi là cùng. Một cái sân Tennis của ông Võ Văn Kiệt cũng đủ mua áo quần giày dép cho tất cả các cụ. Sao anh không lên án chính quyền cộng sản? Và còn bao nhiêu tù nhân đấu tranh chống lại nền độc tài chó má để mang lại tự do dân chủ, nhân phẩm cho dân tộc, họ đang đói rét, ốm đau, chết mòn trong các trại tù, sao không thương xót cứu vớt họ?"

Hiện nay bao nhiêu hình ảnh nghèo đói, đau thương của một nước tan nát sau chiến tranh, được CSVN khai thác triệt để; nhờ đó lung lạc được lòng từ thiện quốc tế. Thương giúp người nghèo khổ là việc phải làm, nhất là đối với đồng bào ruột thịt của mình, đó còn là một bổn phận.

Những người đói do thiên tai như hỏa hoạn, bão lụt v.v... thì việc cứu trợ nhân đạo là cần thiết để giúp nạn nhân qua khỏi tai nạn nhất thời ấy; còn đói nghèo của VN có tính kinh niên vì nó do bàn tay phá hoại của Đảng CS làm ra, thì ta nhân đạo đến kiếp nào mới cứu dân hết đói được? Phải chăng chỉ còn cách biến mọi lòng nhân thành sức mạnh "chặt đứt" bàn tay dè bẹp Dân Chủ của CS đi? Như thơ của Nguyễn Chí Thiện:

"Đàng như hòn đá tảng
Đè lên vận mạng quê hương
Muốn sống trong hòa hợp yêu thương
Việc trước hết phải tìm phương hất xuống!"

(Miền Bắc Cali, mùa Quốc Hận 1996)



• Hồ Trọng Khôi



Ngẫm chuyện ngày

Xuân

Ngẫm chuyện ngày Xuân khóc dở cười,
Nghẹn ngào chung rượu, nghĩ mà coi.
Bao nhiêu danh phận đánh xuống... khuyến.
Khí bầy qui Cộng vẫn lên...voi!

Cường quốc, than ôi, cùi mặt rồi!
Uống công liều chết vượt trùng khơi.
Cưỡng bách hồi hương! Ai bức tử?
Đồng bào ơi! Kinh khiếp, rụng rời!

Ngán tay, lắm kẻ vẫn hôn mê,
"Tỵ nạn", nhưng... áo gấm trở về!
Thế nghĩa là sao? - Là tỵ nạn!
Sao còn vênh váo, ngựa cùng xe?

Là giết đồng hương, bị đuổi về!
Biết chẳng, hỏi kẻ ngựa cùng xe?
"Cưỡng bức"! Bao người đành tự sát!
Thấu chẳng, người "tỵ nạn" hôn mê?

Đất mẹ ngày thêm nổi long đong,
Tệ đoan xã hội mọi giai tầng.
Mục nát! Khắp nơi nơi mục nát!
Đuối lổp sơn màu, ruột rỗng không!

Rã tan, băng hoại cả luân thường,
Quê cũ đầy đầy lũ vô lương.
Cướp giật, gạt lừa, tử trên xuống,
Tráo trở. Lừa manh, đủ mọi đường!

Toàn dân đòi dân chủ, tự do,
Cộng quyết đề đầu, quyết chẳng cho.
Chủ nghĩa ngu si thờ lạy mãi,
Mặc dù Tổ quốc có thành tro!

Căn nhà Việt Cộng đã rung rinh,
Thối nát tử trong, khắp cùng minh.
Rời đây địa chấn, phong ba dậy:
Nhân dân cuồng nộ, đập tan tàn!

Cộng lo toan tẩu thoát, bôn đảo,
Cho nên quyết nich chặt hầu-bao.
Moi móc tận cùng, vớ vét sạch,
Xác xơ đất mẹ, vẫn quơ quào!

Nổi cảm thù chất ngất lòng dân,
Cộng khó bề toàn mạng, thoát thân.
Nên đàn áp, hải hùng, sát máu!
Chờ ngày đền tội trước quốc dân!

Có người mở đất mẹ thành... rồng!
Hào huyền, ào mộng, chuyện viễn vông.
Con giun Cộng Việt chứa tan xác,
Thì chỗ mòng chờ Việt hoá... long

Đâu đây vẫn có kẻ "khôn ngoan",
Bày đủ trò hề, đấu hót vang:
Móc nối, giao lưu, hòa với giải!

Bám theo gót Cộng, quyết ăn... tàn!

Lềm bềm ca múa, Cộng ... thi thùng,
Nước ngoài chúng gửi tử lung tung.
Phe ta lấm bở mê trống bỏi,
Xúm vào, ôm cẳng lũ "văn công" !

Cộng dùng "văn nghệ", kiểu cò mồi,
Tung ra hải ngoại, định kéo lôi;
Những kẻ "bất tri vong quốc hận",
Hùa theo, nịnh bợ, điếc cả tai!

Phe ta đảng phái đấm đá nhau.
Hội hè đình đám, loạn xà ngầu,
Nhưng mãi vẫn xấu xa, ti tiện,
Chia năm rẽ bảy, biết về đâu?

Cho nên, Xuân đến, ngẫm trò đời,
Tết nhứt càng thêm nặng lòng ai.
Hải ngoại, quê nhà, là thế đó,
Thế tình tệ mặt thế thì thôi!

Paris, Xuân Đinh Sửu (1997)



Vũ Ngọc Long

Kính viếng nhân ngày kỷ
niệm giỗ đầy năm 11.12.96

• Lê Thị Bạch Nga - 1996

Tôi tiếc quá, khi anh vừa rời bỏ
Cõi trần này, tuy đau khổ điều linh
Vẫn còn yêu thương, vẫn có chân tình
Vẫn cần đến những người như anh đó.

Viên Giác mất đi một người cộng sự
Đã bao năm cùng chung một con đường
Để lại bạn bè buồn bã tiếc thương
Để lại gia đình giờ đây ly tán.

"Buồn Viễn Xứ", chúng ta cùng tâm sự
Lặn dạn bên trời kiếm "Nẻo Đường Về"
Quê hương Việt Nam, ôi quê hương thống
khổ
Bây giờ đây, là thế đó: làm mê.

Nhưng sẽ có một ngày về quê mẹ
Xin hồn anh theo đôi bóng Cờ Vàng
Hồn anh linh, xin phụ góp hào quang
Để thấp sáng đêm dài buồn viễn xứ.

Tâm nguyện của anh người người ghi nhớ
"Vũ Ngọc Long tìm mãi nẻo quê mình"
Trên đất Việt rồi một ngày nào đó
Ta đốt hương trầm tưởng nhớ anh-linh.

1) Nỗi Buồn Viễn Xứ

2) VN Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó

3) Tìm Nẻo Đường Về

là những tác phẩm của Vũ Ngọc Long để lại cho đời.

Thể Thao

• Người Giám Biên

BÓNG TRÒN

Giải vô địch bóng tròn thế giới sẽ tranh tại Pháp vào tháng 7.1998. Tất cả các đội tuyển quốc gia đã được phân chia theo từng Châu để đá vòng loại như sau:

CHÂU ÂU

- **Toán 1:** Griechenland - Daenemark - Kroatien - Bosnien - Herzegovina - Slowenien.
- **Toán 2:** England - Italien - Polen - Georgien - Moldavien.
- **Toán 3:** Norwegen - Ungarn - Schweiz - Aserbaidshjan - Finnland.
- **Toán 4:** Schottland - Oesterreich - Schweden - Weißrussland - Estland - Lettland.
- **Toán 5:** Russland - Israel - Bulgarien - Zypern - Luxemburg.
- **Toán 6:** Jugoslawien - Slowakei - Spanien - Tschechien - Faeröer Inseln - Malta.
- **Toán 7:** Holland - Belgien - Wales - Türkei - San Marino.
- **Toán 8:** Mazedonien - Irland - Rumanien - Litauen - Island - Liechtenstein.
- **Toán 9:** Portugal - Ukraine - Germany - Armenien - Nord Irland - Albanien.

NAM MỸ (Chỉ có 1 Toán)

Kolumbien - Paraguay - Ekuador - Argentinien - Chile - Peru - Uruguay - Bolivien - Venezuela.

Đội Brasilien đứng kim vô địch và đội Pháp, quốc gia tổ chức, được miễn đá vòng loại.

BẮC - TRUNG MỸ VÀ VÙNG KARIBIK

- **Toán 1:** USA - Costa Rica - Guatemala - Trinidad/Tobago.
- **Toán 2:** Kanada - El Salvador - Kuba - Panama.

Á CHÂU

- **Toán 1:** Saudi - Arabien - Malaysia - Bangladesch.
- **Toán 2:** Kirgisien - Iran - Malediven - Syrien.
- **Toán 3:** Vereinigte Arabische Emirate - Bahrein - Jordanien.

- **Toán 4:** Japan - Nepal - Oman - Macao.
- **Toán 5:** Usbekistan - Indonesien - Jemen - Kambodscha.
- **Toán 6:** Süd Korea - Thailand - Hong Kong.
- **Toán 7:** Kuwait - Libanon - Singapur.
- **Toán 8:** China - Turkmenistan - Vietnam - Tadschikistan.
- **Toán 9:** Irak - Kasachstan - Pakistan.
- **Toán 10:** Katar - Sri-Lanka - Indien - Philippinen.

CHÂU ĐẠI DƯƠNG

- **Vòng Đầu được miễn:** Australien - Fidschi-Inseln - Neuseeland - Tahiti.
- **Toán Melanesien:** Papua Neuguinea - Salomon Inseln - Vanuatu.
- **Toán Polynesian:** Tonga - Westsamoa - Cook-Inseln.

- Vòng Hai

- **Toán 1:** Australien - Tahiti - Tonga/Salomon-Inseln (đội nào thắng sẽ vào vòng này)
- **Toán 2:** Fidschi-Inseln - Neuseeland - Papua Neuguinea.

Tất cả các đội đã bắt đầu tranh vòng loại, trễ lắm là đến tháng 4.1998 phải xong.

QUẦN VỢT



NAM

GIẢI VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI

(từ 19 - 24.11.96)

Trước kia giải này được tổ chức ở New York gọi là Giải Master. Nhưng từ năm 1993 được dời về Frankfurt (Đức), và bắt đầu từ năm 1996 được tổ chức lần đầu tiên ngay trong khu Hội Chợ Hannover, thủ phủ của Tiểu bang Niedersachsen. Vì Hannover được chọn làm nơi tổ chức Hội Chợ Thế Giới năm 2000 (Expo 2000 - Hannover) nên Tổng Cuộc Quần Vợt Đức và ông bầu Ion Tiriac lợi dụng cơ hội này để lôi cuốn khán giả hầu kiếm thêm bạc.

Một sân quần vợt ở trong nhà (Tennishalle) với 14.000 thước vuông, khán đài cao 12 thước bao bọc chung quanh sân, có sức chứa 15.600 khán giả. Giá vé từ 180 đến 300 Đức Mã cho mỗi ngày. Khán đài danh dự (VIP) có 618 chỗ, mỗi chỗ giá 1.200 Đức Mã kể cả bao ăn thả dàn, gồm có tôm hùm, bít-tết v.v... và rượu Champagne - phục vụ từ 12 giờ đến 24 giờ. Ngoài ra còn có một nơi đặc biệt gồm 202 chỗ ngồi huy hoàng lộng lẫy hơn khán đài danh dự mà Ban Tổ Chức chỉ dành để mời những ông chủ hãng như Simens, Mercedes, TUI v.v... Tuy nhiên với giá vé ủng hộ cũng đặc biệt là 43.125 Đức Mã cho cả tuần lễ.

Giải này chỉ có 8 tay vợt đứng đầu thế giới mới được tham dự. Tiền thưởng chung lên đến 3,3 triệu Mỹ kim. Riêng người đoạt giải được 1,44 triệu Mỹ kim.

1. Peter Sampras
 2. Michael Chang
 3. Jewgenie Kafelnikov
 4. Goran Ivanisevic
 5. Thomas Muster
 6. Boris Becker
 7. André Agassi
 8. Richard Krajicek
- Dự bị Thomas Enqvist (Thụy Điển - hạng 9)

Đứng kim vô địch là anh Boris Becker. Năm 95, anh hạ Michael Chang với tỷ số 7:6, 6:0 và 7:6.

SƠ LƯỢC THÀNH TÍCH TỪNG TAY VỢT



1. Peter Sampras (25 tuổi, Mỹ) cầm vợt tay phải. Anh đã tham dự giải này trong 4 lần liên tiếp. Không có một tay vợt nào có lối đánh đẹp cả trái lẫn phải và bình tĩnh như anh. Trong đời cầm vợt anh đã đoạt 43 giải, trong đó có 8 lần Grand Slam, lãnh được 38 triệu Đức Mã tiền thưởng.

Đời tư: Cha mẹ người Mỹ gốc Hy Lạp, anh sanh ra và lớn lên tại Mỹ. Anh ghét chó và khói thuốc, thích chơi Golf.



2. Michael Chang (24 tuổi, Mỹ) cầm vợt tay phải, có một thể lực rất tốt, không biết mệt mỏi. Anh chỉ đoạt có một lần giải Grand Slam French Open khi còn 17 tuổi, phá kỷ lục. Anh ít khi nào thua ở vòng đầu và vòng nhì, trận nào cũng vào đến Bán hoặc Chung kết. Anh ruột của Chang là Carl làm huấn luyện viên, còn ba và mẹ làm quản lý (manager) luôn luôn có mặt bên cạnh anh trong mỗi trận đấu. Trong đời cầm vợt anh đoạt 26 giải, lãnh được 20 triệu Đức Mã.

Đời tư: Dân Mỹ gốc Đài Loan, thường đọc Thánh kinh, ưa nuôi cá kiểng.



3. Jeugenie Kafelnikow (22 tuổi, Nga) sanh tại Sotchi vùng Hắc Hải cùng nơi với Tổng Thống Boris Jeltsin. Lớn lên tại Moskau. Năm 1993 anh còn hạng 104 thế giới, nhưng chỉ 3 năm sau anh leo lên đến hạng 3! Anh vừa mới đoạt được giải Grand Slam French Open. Trong mấy năm cầm vợt

anh đã thắng 11 giải, lãnh được 9 triệu Đức Mã.

Đời tư: Anh đang theo học vật lý và thể thao tại Moskau, thích lái xe Ferrari và đá banh.



4. Goran Ivanisevic (25 tuổi, Kroatien) cầm vợt tay trái. Được mệnh danh là vua Asse. Riêng trong năm nay đến tháng 10.96 anh đã đánh 1.305 cái Asse trong 87 ván. Tánh tình nóng nảy, hay liệng vợt, là lối với trọng tài. Nội trong năm nay anh đã bị phạt gần 41.000 Đức Mã. Anh chưa một lần nào đoạt giải Grand Slam. Anh nói: "Mộng ước của tôi là cố gắng đoạt được giải Grand Slam Wimbledon thì tôi sẽ trở thành anh hùng bất diệt ở quê hương tôi". Nếu anh chịu khó tập dượt, và cố kìm hãm tánh nóng nảy thì chắc chắn anh sẽ đạt được mộng ước của anh. Trong đời cầm vợt anh đã thắng 17 giải, lãnh được 22 triệu Đức Mã.

Đời tư: Thích làm những chuyện gì khác hơn thiên hạ. Như anh cột một cái chóp tóc ngay trước trán không giống ai cả.



5. Thomas Muster (29 tuổi, Áo) cầm vợt tay trái. Được mệnh danh là vua trên sân cát. Không có một tay vợt nào tập mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ như anh. Do đó thể lực đã góp một phần quan trọng cho sự nghiệp cầm vợt của anh. Anh đã đoạt 42 giải, trong đó chỉ có một lần không phải là sân cát. Lãnh được 13 triệu Đức Mã.

Đời tư: Thích uống bia, lái xe Porsche - Ferrari. Có một nông trại ở Úc.



6. Boris Becker (28 tuổi, Đức) cầm vợt tay phải, 12 năm nhà nghề (Profi). Được mệnh danh là vua trên sân trong nhà (Halle). Đã 48 lần đoạt giải trong số này có 29 lần trong Halle, 6 lần Grand Slam, được 35 triệu Đức Mã.

Đời tư: Có vợ người da màu và một con trai 3 tuổi. Thích con số 7 vì đó là số may mắn của anh. Anh đã đổ đầu và bảo trợ một Làng Cô Nhi ở Rumani.



7. André Agassi (26 tuổi, Mỹ) cầm vợt tay phải. Được mệnh danh là vua hề trên sân, thích làm trò cười cho khán giả, ăn mặc không giống ai, lỗ tai đeo bông, để râu v.v... Anh đã đoạt được 34 giải trong đó có 3 Grand Slam, lãnh được 21 triệu Đức Mã.

Đời tư: Di chuyển bằng phản lực cổ riêng có mang huy hiệu trái banh nỉ. Có 6 xe hơi: 1 Ferrari, 1 Lamborghini, 1 Corvette, 2 Porsche, 1 Jeep. Điều đáng ca ngợi là mỗi năm anh tặng trên 1 triệu Mỹ kim cho những Cô Nhi Viện và những trẻ em tàn tật ở quê hương anh là Las Vegas.

8. Richard Krajicek (24 tuổi, Hòa Lan) cầm vợt tay phải. Được mệnh danh là vua giao banh. Cứ service của anh banh bay nhanh đến 220 c/s giờ, phá kỷ lục. Nhưng tiếc thay ít chính xác. Anh vừa đoạt giải

Grand Slam Wimbledon. Trong đời cầm vợt anh đã thắng 10 giải, lãnh được 8 triệu Đức Mã.



Đời tư: Cha mẹ dân Hòa Lan gốc Tiệp. Anh sanh tại Rotterdam. Thích đọc sách của triết gia Platon. Mộ đạo Phật.

8 TAY VỢT ĐƯỢC CHIA LÀM 2 TOÁN

• Toán Đò:

Sampras
Kafelnikow
Becker
Agassi

• Toán Trắng:

Chang
Ivanisevic
Muster
Krajicek

• Số điểm để tính hạng

Mỗi trận thắng ở trong Toán 70 điểm. Bán kết thắng 180 điểm. Chung kết thua 260 điểm. Vô địch 650 điểm.

• Thể thức tranh

Từ vòng loại đến Bán kết mỗi trận chỉ đánh 3 ván. Chung kết phải đánh 5 ván. Mỗi Toán có 4 người, tranh vòng tròn, mỗi người phải đánh 3 trận. Kết quả lấy 2 người nhất, nhì mỗi Toán để tranh Bán kết. Người thứ nhì Toán Đò gặp người thứ hai Toán Trắng. Người thứ nhì Toán Đò gặp người thứ hai Toán Trắng.

• Kết quả

Toán Đò:

- Becker - Kafelnikow 6:4, 7:5.
- Sampras - Agassi 6:2, 6:1.
- Becker - Sampras 7:6, 7:6.
- Kafelnikow - Enqvist 6:3, 7:6.
- Enqvist - Becker 6:3, 7:6.
- Sampras - Kafelnikow 6:4, 6:4.

Anh Agassi chỉ đánh có một trận rồi bị bệnh nên bỏ cuộc, do đó lấy anh Enqvist dự bị lên thay.

Xếp hạng:

1. Becker - 2. Sampras - 3. Kafelnikow - 4. Enqvist.

Toán Trắng:

- Chang - Krajicek 4:6, 4:6.
- Ivanisevic - Muster 6:4, 6:4.
- Muster - Chang 6:4, 6:3.
- Ivanisevic - Krajicek 6:4, 6:7, 7:6.
- Krajicek - Muster 7:6, 6:7, 6:3.

• Xếp hạng: ▾

1. Ivanisevic - 2. Krajicek - 3. Muster - 4. Chang.

• Bán Kết

1. Ivanisevic đụng Sampras. Ivanisevic thua với tỷ số 7:6, 6:7, 5:7.

2. Becker gặp Krajicek. Becker thắng với tỷ số 6:7, 7:6, 6:3.

CHUNG KẾT : Sampras - Becker

Trận này thật hào hứng đường kim vô địch thế giới gặp cây vợt số 1 thế giới. Đùng là 9 chống 9. Becker có nhiều lợi thế hơn vì đánh trên sân nhà có trên 15 ngàn đồng hướng ủng hộ. Hơn nữa ở vòng loại đầu Becker đã hạ Sampras hai lần Tiebreak 7:6, 7:6. Do đó Becker ra sân lần này với nhiều tự tin là sẽ giữ vững được ngôi vị. Còn anh Sampras thì bằng mọi giá phải phục thù để lấy lại danh dự.

Ván 1: Khởi đầu trận đánh là có sôi nổi, Becker giao banh trước anh đánh liền 4 cái Asse! làm Sampras mất tinh thần để rồi kết thúc Becker thắng với tỷ số 6:3.

Ván 2 và Ván 3: Hai bên huề nhau 6:6. Đánh Tiebreak, Sampras thắng 7:5 và 7:4.

Ván 4: Thua 1:2, nên Becker bằng mọi giá phải thắng để gỡ huề hầu đánh ván thủ 5. Hai bên cũng huề nhau 6:6, đánh Tiebreak, Becker hạ Sampras với tỷ số 13:11.

Ván 5: Hai bên huề nhau 4:4. - Becker cầm giao banh, có lẽ vì mệt, mất tập trung nên để thua. Sampras dẫn 5:4 - cầm giao banh, thừa thắng xông lên anh hạ Becker 6:4 trước sự ngỡ ngàng của trên 15 ngàn khán giả Đức.

Kết quả Sampras hạ Becker 3:6, 7:6, 7:6, 6:7, 6:4.

GIẢI MASTER NỮ Ở NEW YORK

(từ 19 - 24.11.96)

Đường kim vô địch là cô Graf Steffi. Năm nay vào chung kết cô gặp cô Martina Hingis (Thụy Sĩ) 16 tuổi. Báo chí Đức gọi cô là Thần Đồng. Cô Steffi phải đánh đến ván thủ 5 mới hạ nổi Hingis. Đặc biệt trong trận này đến ván thủ 3 thì cô Hingis bị vộp bê nằm ngửa ngoài sân. Còn Steffi thì ôm đầu gối, đắp nước đá v.v... Có lẽ trong đời cầm vợt cô chưa đụng phải một đối thủ nào như cô

Hingis. Mặc dù cô Hingis thua với tỷ số 3:6, 6:4, 0:6, 6:4 và 0:6, nhưng theo báo chí thể thao Tây phương cho rằng trong tương lai gần cô sẽ lần lượt thay thế các cây vợt kỳ cựu kể cả Steffi để bước lên ngôi vương của môn quần vợt. Hãy chờ xem.



Cô Steffi tươi cười với chiếc Cúp.



Cô Martina Hingis (16 tuổi)

DAVIS CUP

(từ 29, 30/11 - 1/12/96)

Giải chung kết Davis Cup năm 96 - được tổ chức tại Malmö (Thụy Điển) giữa hai đội Thụy Điển và Pháp.

Kết quả như sau:

Edberg (TD) - Pioline = 3:6, 4:6, 3:6.

Enqvist (TD) - Boetsch = 6:4, 6:3, 7:6 (7:2)

Cặp đôi Kulti/Björkman (TD) - Forget/Raoux = 3:6, 6:1, 3:6, 3:6.

Enqvist - Pioline 6:4, 6:3, 6:4

Kulti - Boetsch 6:7, 6:2, 6:4, 6:7, 8:10.

Theo thể lệ giải Davis Cup thì ván thủ 5 không có đánh Tiebreak mà phải đánh hoà khi nào thắng đối thủ 2 bàn mới kể thắng.

Pháp hạ Thụy Điển 3:2 đoạt giải quan trọng này lần thứ hai. Lần thủ nhất hạ Mỹ tại sân nhà với tỷ số 3:2.

Compaq Grand Slam Cúp

(từ 3 - 8.12.96 tại München)

• Tiền thưởng: Tổng cộng 6 triệu Mỹ kim

- Người vô địch 1,5 triệu
- Hạng nhì 750 ngàn
- Bán kết: 425 ngàn
- Tứ kết: 250 ngàn



- Vòng đầu: 100 ngàn.
Chưa có giải nào mà tiền thưởng nhiều như vậy.

• Các cựu vô địch:

- 1990 Peter Sampras (Mỹ)
- 1991 David Wheaton (Mỹ)
- 1992 Michael Stich (Đức)
- 1993 Petr. Korda (Tiệp)
- 1994 Magnus Larsson (Thụy Điển)
- 1995 Goran Ivanisevic (Kroatien)

Muội tay vợt đứng đầu thế giới
(Có giá trị đến 9.12.1996)

NỮ

1. Graf Steffi (Đức)
2. M. Seles (Mỹ)
3. A. Sanchez (Tây Ban Nha)
4. J. Novotna (Tiệp)
5. M. Hingis (Thụy Sĩ)
6. C. Martinez (Tây Ban Nha)
7. I. Majoli (Kroatien)
8. K. Date (Nhật)
9. L. Davenport (Mỹ)
10. B. Paulus (Áo)

NAM

1. P. Sampras (Mỹ)
2. M. Chang (Mỹ)
3. J. Kafelnikov (Nga)
4. G. Ivanisevic (Kroatien)
5. T. Muster (Áo)
6. Boris Becker (Đức)
7. R. Krajicek (Hòa Lan)
8. A. Agassi (Mỹ)
9. T. Enqvist (Thụy Điển)
10. W. Ferreira (Nam Phi)



Thơ : NGUYỄN THÙY

Nhớ Xuân Lập Quốc

Từ **BỐ CÁI** hợp hoan sử lịch (1)
Nòi Rồng Tiên chuyển dịch âm dùng
Nguyên sơ dựng lập cương thường
Trừng trăm con nỏ một phùng địa đảng
Lễ huyền nhiệm Gậy thần chín khúc (2)
Mây huyền vi Sách Ước dăm trang
Cha Trời, Mẹ Đất cứu mang
Lễ vui sáng hóa Hội mừng lập nguyên
Trắng khuyết sử vầy duyên biển mộng
Gió khinh thanh xóa lộng rừng thiêng
Một cung Đẩu Xuất bình yên
Động đĩnh, Ngũ linh đời miền giao thoa
Vùng Đông Hải một tòa non nước
Phùng Nam đồ nhíp bước trăm con
Nghĩa Cha tình Mẹ vương tròn
Biển vàng núi biếc sắt son lời thề
Đỉnh núi Tân lối về chim Lạc
Nhíp sóng Hồng tiếng Hạc vang ngân
Thấp cao, sau trước, xa gần
Thủy chung nghĩa nặng ân cần tình sâu
Tình với Nghĩa sơ đầu sơ thủy
Hữu cùng Vô nguyên ủy đầu hai
Tâm như nhất thể hòa hài
Tình ca bất nhị xóa bài bề dẫu.

Chưa sum họp đã sầu ly biệt
Sử mệnh hay oan nghiệp trả vay
Mẹ Tiên lên núi mù mây
Cha Rồng xuống biển nước xây trường thành
Trăm con đã tuồng hình giống Việt
Ngoại hình hải tẩu kiệt hiên ngang
Trong tinh hoa ẩn dụ dàng
Mắt xanh ý mắt môi hồng duyên môi
Muôn nẻo vẫn vọng trời quê cũ
Nguồn nước xưa bầu vú mẹ yêu
Ra đi là thử cuộc liều (4)
"Con đường điền dã" sớm chiều vấn vương
(5)
Nhớ Văn Lang quê hương rực rỡ
Nhớ Cổ Loa nhờ nỏ Long Châu
Trống đồng gõ nhịp khoan mau
Lạc Hồng ruổi gió bay vào sử xanh
Nhớ Bà Triệu xử tình hai Chi
Nhớ Bạch Đằng thủy điện đệ thủy công
Chi Lăng hè, nhờ mệnh mộng
Nhớ người áo vải tấm lòng kiên trung
Nhớ Nguyễn Huệ hào hùng khí tiết
Nhớ La Sơn cánh thiệp tình hoa...
Nhớ gần thời lại nhớ xa
Khúc vui thời lại nhớ ra điệu buồn!
Cung bạc mệnh sầu tuôn đứt nối
Khóc Nguyễn Du xin dãi nghìn sau
Nhớ dòng sử mệnh xanh xao
Nhớ miền cổ quận thuở nào nguyên sơ
Nhớ "đỏ võ" đời bờ "Khổng-Cổ" (6)

Nhỏ nẻo về của ngõ xa xưa
Nhỏ bao nhiêu nhỏ cho vừa
Nhỏ bao nhiêu nhỏ mất mùa lệ hồng!

Trường kiếm vẫn ngang lưng rạng tỏ (7)
Hồn thu phong quyết độ gian truân (8)
Bao phen gió giục mây vần
Bao phen lửa đã thử vàng tình chung
Đã bao thuở lao lung khổ
Đã bao thời rạn vỡ vàng son
Ra đi là để thử lòng
Mai đây về lại mặn nồng tình duyên
Dù bao cảnh truân chuyên trắc trở
Dù bao lần tan vỡ đau thương
Nghĩa Cha Tình Mẹ cương thường
Vẫn xanh sắc ý vẫn hường màu tằm
Giờ thăm sử đang dần trang cuối
Sử lịch đang vào buổi hóa thân (9)
Bày con đất Mẹ làm than
Bày con xa xử vạn phần xót xa
Tình với nghĩa Mẹ Cha bền chặt
Nghĩa với Tình cháu chất đầu quên
Một ngày Lễ Hội bình yên
Một mùa Xuân mới lại miền nhân gian
Quê hương sạch bạo tàn thống khổ
Nước non tình lại mở lời vui
Nguyễn xuân bùng nổ đất trời
Bài ca Nhất Thế reo vui hài hòa.

Ôn ngày lập quốc xa xưa
Để trang phục Việt đậm đà duyên Xuân.

Chú Thích:

- (1) **BỐ CÁI:** Cha Mẹ (xin dùng làm lần với danh hiệu **Bố Cái Đại Vương** thời dân tộc ta chống quân xâm lăng nhà Đường bên Tàu)
- (2) **Gậy Thần chín khúc:** Theo truyền xưa, Thần núi Tân Viên lúc nhỏ, gặp một Bà Tiên cho một chiếc gậy gồm chín khúc, hai đầu thì một đầu chỉ Sinh, một đầu chỉ Tử. Thần dùng gậy đó cứu sống một con rắn bị trẻ nhỏ đập chết. Hôm sau, có một công tử tự xưng Tiểu Long hầu đến ta ơn và mời Thần xuống Thủy Cung để du ngoạn.
- (3) **Sách Ước dăm trang:** Thần Tân Viên đến Thủy Cung, được Lạc Long Quân cho một quyển Sách Ước có bốn trang "Kim, Mộc, Hỏa, Thổ", nặng trang "Thủy" thì bị xé đi, không trao cho Thần. (Về ý nghĩa "Gậy Thần, Sách Ước", xin xem: "Việt Nam: Cơn Khó Nạn Sinh Thành" (tức "Tình Thần Việt Nam") của Trần Minh Xuân và Nguyễn Thủy, nxb Mekong Tự Nạn, San José, California, 1991).
- (4) **Cuộc Liều:** Cuộc sống, cuộc đời (Theo nhiều triết gia phương Tây). Người viết hiểu "cuộc Liều" đó do từ sự "tự sắc tướng hóa" của Thế Chân như hay của Thượng Đế hoặc của cái Vô đi vào Hữu để tạo nên vũ trụ hiện tượng, từ đó có cuộc đời, cuộc sống.
- (5) Con đường điền dã: Tên một cáo luận ngắn của Martin Heidegger được dịch sang tiếng Pháp là "Le Chemin de Campagne", có nghĩa là "đường đi của tư tưởng" ("Le Chemin de la Pensée) tức dòng vận hành của Lê Đạo hay dòng Sử lịch.
- (6) **Đỏ võ Khổng-Cổ:** Cùng ý với chú thích số 4. Cái "Võ" thoát tằng thành cái "Hữu" để tạo nên vũ trụ hiện tượng, dựa theo lời Lão Tử: "Hữu sinh ú Vô" (Đạo Đức Kinh)
- (7-8) **Trường kiếm ngang lưng, Hồn thu phong:** Lấy ý trong câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du: - Yêu gian trường kiếm quai thu phong (Thanh trường kiếm mang nơi lưng chỏ cả gió thu)
Trường kiếm ám chỉ cái ý chí, ý hướng của kẻ anh hùng, hiệp sĩ, của bậc đại trượng phu. Trong bài thơ, ý nói cái "hào hùng khí tiết" của người Việt Nam. "Hồn thu phong" lấy ý Nho giáo "Đức kế quân tử như gió, đức kế tiểu nhân như cỏ", tức đạo đức người quân tử luôn luôn bền vững dù bao trắc trở, truân chuyên.
- (9) **Sử lịch:** Dòng vận hành của Lê Đạo từ thấp lên cao luôn luôn hướng tới trước, Đông phương gọi là Đạo, Tây phương gọi là "Le Chemin de l'Être, Le Chemin de la Pensée", thời gian của Sử Lịch là thử "Thời Thế" (temps de l'Être) luôn luôn là một Hiện tại miên viễn (un présent éternel) phớt vào cho Thời sử (Thời gian lịch sử - temps de l'histoire) tức thời gian của dòng biến chuyển sinh hóa của vạn hữu trong Vũ Trụ hiện tượng, có quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nghệ thuật gợi cảm bằng hình ảnh

của nhiếp ảnh gia
Lê Quang Xuân

•Xuân Vũ

Khi xem hết tập ảnh thì tôi có cảm tưởng là tôi đã đọc một tập bút ký rất hay về quê hương đất nước Việt Nam. Trên ba mươi nhà văn, nhà thơ đã cảm đề cho những bức ảnh. Tôi chưa bao giờ được xem ảnh đẹp nhiều cùng một lúc như thế. Đây là một công trình nghệ thuật đáng kể trong sinh hoạt văn học nghệ thuật ở hải ngoại từ 18 năm qua. Và sự tham gia của các nhà văn nhà thơ đã ghi. Đời không chỉ cần cá thịt, tiền bạc, xe hơi, nhà lầu. Đời còn cần nghệ thuật. Không có nghệ thuật, đời sẽ ra thế nào? Tôi không tưởng tượng được nó ra thế nào, nhưng cảm thấy là đời không thể thiếu nghệ thuật. Do đó, đời cần nghệ sĩ. Và ý nghĩa đó Lê Quang Xuân là một nghệ sĩ. Và sau đây là những cảm xúc và suy nghĩ của tôi sau khi xem tập ảnh của nghệ sĩ Lê Quang Xuân và cảm đề của các nhà văn nhà thơ hải ngoại.

Xem ảnh Lê Quang Xuân, tôi giống như một người ngao du sơn thủy. Thú là chỉ ngồi ở nhà mà sống được với biết bao là trời đất, những nơi mình đã sống, lẫn những nơi mình chưa từng biết. Kỳ diệu hơn là ở tập ảnh này có những nơi tôi đã biết mà bây giờ xem ảnh tưởng là ở đâu.

Tôi xin đưa ra một thí dụ: *Chiều trên Cửu Long Giang* hùng vĩ vô cùng! Đây là một tuyệt tác phẩm. Tôi phải sững sờ khi chạm mắt bức ảnh này. Ra mình là dân miền Cửu Long mà chưa hề biết cái giường mặt chiều nguy nga này

của Cửu Long Giang. Trời cao và những tầng mây mù thật nặng đè xuống mấy thân cây óm tong teo và chiếc xuồng mong manh, một sự tưởng phản lạ lùng. Và tất cả là một màu ráng pha đủ dội như ở đây đang diễn ra trận ác chiến. Thiên nhiên thì quá lớn, mà con người thì quá bé.

Xem ảnh này có thể viết một bài tùy bút hay làm một bài thơ:

Vũ trụ mênh mông con người hạt bụi

Ai trong chúng ta mà không biết tre trúc, cau, dừa, xoài, mận, lúa chín, rẫy mía, cây rơm, mái rạ? Nhưng xem ảnh của Lê Quang Xuân ta vẫn cảm thấy những cảnh, những nét đó đẹp hẳn lên và đôi lúc ta có cảm giác như ta đang được thấy lần đầu.

Mận Hồng Đào và Xoài Cát Hòa Lộc. Ai mà không từng ăn mận, và máy ai mà không biết Mận Hồng Đào Trung Lương, khi xe chạy từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho?

Hai bức ảnh này, gợi nhớ gợi thương vô cùng cho những người quê vùng Tiền Giang, Hậu Giang. Không phải đề thơ hoặc chú thích. Những chùm mận mẫm mẫm, ngon ngọt như môi người yêu và những trái xoài làm ta nghĩ tới những ly rượu để nhậu với những lát xoài vừa ửng dạ chấm mắm ruốc.

Nghệ thuật không phải là một quy định nào cả. Nó chỉ là một ước lệ thôi. Cùng xem một vở tuồng, hoặc cùng đọc một quyển sách, nhưng mỗi khán giả, mỗi độc giả đều cảm

xúc hoặc suy nghĩ khác nhau.

Nếu có người bảo rằng, xem Mận Hồng Đào tôi nhớ chuyện thuê thuyền leo mạn nhà với một cô bạn hàng xóm, rồi lớn lên cô đi lấy chồng xa, hoặc thấy những cái lá xoài thì nhớ tới những khúc cá kho trong nồi đất có lót lá xoài ăn vừa thơm vừa bùi hoặc những tổ cá kho lạt bằm xoài bỏ vô chan cơm ăn quên thôi.

Khi xem những vườn cau, những cảnh gặt lúa, những cây rơm, bầy vịt, con trâu thì tôi nhớ nhà vô cùng. Vì đó là hình ảnh thân thuộc của tuổi thơ tôi. Mùa gặt đối với tôi là phong cảnh của những trò chơi bất tận. Thấy mái rạ vàng, tôi như nghe tiếng đẽ gáy vang vang suốt những ngày bái trường Tết.

Ngược lại, khi tôi xem bờ lá dừa nước thì tôi lại nghĩ đó là đám lá tối trời ở Gò Công và những đầu bập lá nhỏ lên làm cho tôi tưởng đó là cọc gỗ lim ở sông Bạch Đằng.

Nghệ thuật quả là lấp cảnh cho tâm hồn bay vô tận, cũng như khi xem bức *Biển Chiều* thì tôi cho đó là Cồn Chim, Cồn Ốc quê tôi.

Thuở bé, tôi có hân hạnh được làm quen với một họa sĩ trữ danh. Bữa sáng nào đi học tôi cũng thấy anh đứng ở góc đường với chiếc giá vẽ. Về sau khi lớn lên, tôi tò mò hỏi thăm thì được anh cho biết, anh phải đến vào giờ đó để vẽ một thứ ánh sáng mặt trời. Nếu đến trễ hoặc sớm, nắng sẽ màu khác. Có nghĩa là anh phải *rinh rập* kỹ lưỡng để *bắt chộp*.

Xem ảnh Lê Quang Xuân, tôi thấy có hai trường hợp:

- Rinh rập: Nghĩa là nhà nghệ sĩ phải đi tới đi lui tìm ánh sáng, góc độ, chờ đợi nhân vật xuất hiện như ý rồi mới bấm máy. Có lẽ trường hợp này đã xảy ra với *Bến Bờ Sông Dinh*, *Về Thăm Quê Ngoại*, *Đò Chiều*, *Vườn Cau Quê Ngoại*, *Thành Thới*, *Đón Bình Minh*, *Tuổi Mộng*.

Các bức này, có bố cục rất vững chắc, như bố cục của những bức tranh. Tôi nghĩ ở *Vườn Cau Quê Ngoại* và *Bến Bờ Sông Dinh*, Lê Quang Xuân phải đi tới đi lui chờ mặt trời nhiều lần lắm mới *chộp* được cái giây phút nghìn năm một thuở, tức là cái phút giây mà tim tác giả và thiên nhiên hòa thành một nhịp khi ngón tay trò bấm nút. Nhưng ở *Vườn Cau Quê Ngoại* thì nhà nghệ sĩ chỉ chờ có một người yêu tức là mặt trời. Đã ứng bụng cảnh vườn cau rồi, chỉ chờ mặt *nàng* xuất hiện là *hôn* liền hai ba cái rồi đem về xem cái nào *đã* nhất thì lấy. Còn ở *Bến Bờ Sông Dinh* thì nhà nghệ sĩ phải chờ đến hai: *nàng* thủ nhất là mặt trời, *nàng* thủ hai là thuyền



Bóng thời gian ảnh của Lê Quang Xuân

nhân, có khi *nàng* này tôi sớm, *nàng* kia tôi muộn. Thành thử phải kiên nhẫn o bế đủ lắm mới chụp được những điều như ý. Một hôm nữa lại phải chụp "contre soleil", xem bức này, tôi nhớ câu thơ của Victor Hugo tôi học, khi học trường quận:

Lão già nhìn mặt trời dần lặn
(*Le Vieillard regardait le soleil qui se couche*)

Mặt trời nhìn lão già dần chết
(*Le soleil regardait le vieillard qui se mort*)

Ảnh Lê Quang Xuân rất hồn nhiên. Cái đẹp của đồng quê, sông núi, bãi biển, rừng suối đều in như thật, người xem có cảm tưởng người thấy không khí hoặc sờ mó được vật tả trong ảnh. Lê Quang Xuân tả chất của đối tượng.

Ngoài Mạn Hồng Đào và Xoài Cát Hòa Lộc, ta còn thấy Lê Quang Xuân mô tả sự mát mẻ của thác Cam Ly, sự thóm tho của những cọng rơm, sự mập mập của những chú vịt cổ lùn, màn sương mong manh của đồng quê, các vòm lá trúc xanh và nắng trên chiếc nón lá, những lá cao-su dòn dười buốc chân đi, cái bóng rung rinh của những thiếu nữ dưới nước, v.v... những ống kính của nhà nghệ sĩ không dừng lại ở đó. Nó còn tỏa rộng man mác bằng làng như nắng chiều trên sông ở *Soi Bông*, ở *Trên Dòng Sông Quê Hương*, sự cô đơn của người và thuyền trên sông Hậu mệnh mông, niềm vui ấm lòng của những ghe thướng hồ dưới bóng ô môi.

Bên cạnh đó Lê Quang Xuân còn đi vào chiều sâu trong những cặp mắt ngây thơ của *Hỏi Trúc*, trong mắt mở hoa của *Tuổi Mộng*, trong núi đá muôn màu *Ngũ Hành Sơn*, trong phong cảnh hoang hôn, trong *Cây Róm Ao Cá Nhà Em*, trong *Hạnh Phúc Tuổi Già* v.v...

Tôi đặc biệt thích thú các bức: *Nhà Bè Nước Chảy Chia Hai*, *Chiều Sông Tiền*, *Cây Róm Ao Cá Nhà Em*, *Trên Đường Về*, *Đò Chiều*, *Bên Bờ Sông Dinh*, *Vườn Cau Quê Ngoại*, *Trên Dòng Sông Quê Hương*, *Soi Bông*, *Mái Chèo Sông Hậu*, *Sông Cửu Long*, *Biển Chiều*.

Kiểm điểm lại thì trừ hai bức *Trên Đường Về* và *Vườn Cau Quê Ngoại* là không có sông nước, còn các bức khác thì vừa có trời vừa có nước.

Phải chăng trời nước là hai yếu tố làm rung động lòng người nghệ sĩ, thi sĩ nhất. Nếu vậy, thì ta cảm ơn Lê Quang Xuân về những bức ảnh này.

Nơi nào có trời, thì có nước. Mặt trời đan trong nước, mặt trời rung đáy sông, mặt trời rắc bụi vàng trên mặt sông, mặt trời làm hồng lên vườn cây và thân cau thường mển. Nước nhờ trời mà long lanh mà ấm áp, mà có vị ngọt như pha đường. Tôi xem đi xem lại những bức ảnh này, thấy Nhà Bè có chiếc ghe mui lá hai bố con chèo, nhớ cả Hậu Giang phì nhiêu với giong hò ngân vang trên đường, thấy *Chiều Sông Tiền* có mặt trời

phản chiếu thành vệt dài cắt đôi mặt sông, thấy *Biển Chiều* xanh ngắt với mặt trời lấp lánh như một dãy bạc.

Lê Quang Xuân tả mặt trời rất đẹp và độc đáo vô cùng. Có lẽ cái màu sếpia là màu sở trường của nhiếp ảnh gia chăng?

Nhưng, thích thú nhất là bức *Kéo Vó*. Bức này thật là vững chắc về mặt bố cục tranh và về mặt nội dung. Nhiếp ảnh gia lừng danh đã làm cho tôi ngạc nhiên với bức *Độc Hành* với một người quảy gánh đi bộ bên cạnh là một

của tác giả. Yêu một cặp mắt nai, một đôi môi phượng, một mái tóc liễu, một dấu nhạc xanh là phải run: Cái run của tim.

Vậy là khi nắng mây lên ắt mắt của Lê Quang Xuân phải run đủ lắm, cái run tận đáy con tim chứ không phải run tay (run tay là bouger vốn rất kỵ trong khi chụp hình) Lê Quang Xuân phải nín thở và phải kèm trái tim, nhưng vẫn run: sự rung động của tâm hồn. Điều này không thể thiếu ở một nghệ sĩ.

Hãy xem lại cảnh gặt lúa ngày mùa. Ba phần tư bức ảnh là bó lúa, đám lúa vàng, chỉ một phần tư là vườn cây xanh đậm. Bên góc trái là mái nhà núp dưới hàng dừa chen lẫn những tàu chuối. Một làn xanh nhạt có thể là mía hoặc bắp, tôi nghe như có điệu giầy bay lên trời. Cận cảnh là hai tấm lũng nông dân, trong đó có một mảng áo rách. Đó là ngày mùa nơi đồng ruộng. Còn cảnh trí bình thường ở nông thôn ta vẫn thường thấy là nơi *bức Nhà Tôi*. Vườn cau như hàng trăm chiếc lọng xanh che trùm mái lá, vườn cam quýt sầm uất, những giồng khoai. Đặc biệt nhất là cây róm vàng tươi. Cây róm là một nét thân thuộc của cuộc sống Nam Kỳ. Trẻ con chơi đùa quanh gốc róm, gà vịt mổ lúa rơi quanh gốc róm, róm là môn ăn thường xuyên của trâu bò... Ở trong sâu lại thấy cây gòn sai trái. Những tấm ảnh này giúp cho tôi rất nhiều trong sự mô tả cuộc sống nông thôn trong các truyện đồng quê của tôi.

Một cách tự nhiên khi tôi xem các bức ảnh biển của Lê Quang Xuân thì tôi cứ nghĩ đó là biển Bến Tre tôi. Đó cũng là một thói quen của tôi trong lúc viết. Bất cứ nhân vật của chuyện nào, khi cần đặt vào một khung cảnh cụ thể thì tôi cứ lôi họ về cái khung cảnh đồng quê, chợ, làng, bến đò của xứ tôi, những nơi tôi quen thuộc từ thuở nhỏ.

Đêm qua tôi ngồi một mình giờ từng trang xem ảnh tối khuya. Sánh hôm sau khi ngồi lại bàn, tôi gặp cô em Tuổi Mộng. Cô em vẫn còn đứng tựa gốc cau.

Thở mộng vẫn còn nguyên trong đôi mắt. Có lẽ em đang buồn chăng? Em tên gì? Mười tám năm lưu lạc anh vẫn giữ mãi hình ảnh của em trong tim. Anh sẽ về gặp em và xóa sạch ưu phiền của em, gây dựng lại quê hương trên đổ nát.

Hãy chờ anh! Tất cả chủ nghĩa đã trở thành màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi, xanh như tóc và tuổi như môi em.

Cuối cùng xin cảm ơn Lê Quang Xuân đã cho tôi du lịch Việt Nam thần kỳ, chỉ trong vòng hơn một tiếng đồng hồ tôi đã đi suốt từ đồng ruộng sông biển núi non suối thác của miền Nam và dừng chân lại ở núi Ngũ Hành uy nghi hoặc mơ mộng ở Hồ Than Thở lặng lẽ hoặc ngồi trên bờ sông Cửu Long rực rỡ mà nghĩ tới một Việt Nam hậu cộng sản ấm no hạnh phúc.



Trầu Cau ảnh của Lê Quang Xuân

cội cây khô trở trọi. Xem xong củ bằng hoang.

Bức *Kéo Vó* của Lê Quang Xuân cũng vậy. Người kéo vó đang giở lưới lên và thò vọt với cái mặt trời trong chiếc vó.

Đây có thể gọi là bức tranh hiện thực mà cũng là một bức tranh siêu thực.

Khi ở Hà Nội tôi làm việc chung với Quang Dũng trong vòng 3 năm, anh là thi sĩ, văn sĩ và họa sĩ cùng một lúc. Một hôm không hiểu sao anh bảo: Xuân Vũ chắc thích tranh, có đúng không?... Vậy về nhà mình xem chơi... Mình vẽ nhưng không trưng bày bao giờ... Anh cho tôi xem nhiều tranh của anh vẽ. Do đó, tôi hiểu thêm về hội họa. Anh cất nghĩa cho tôi nghe về một số bức tranh của anh. Mượn cảnh vật để vẽ lên cái tình của tác giả đối với cảnh vật đó chứ không phải chỉ vẽ cái cảnh vật đó mà thôi.

Ở đây cũng vậy, xem ảnh Lê Quang Xuân, chẳng những ta hiểu được thêm quê hương đất nước mà ta còn thấy tình yêu quê hương



1946

- 1996 ?

• Người Quan sát

Trong 50 năm qua (1946 - 1996) hay nói một cách khác là trong nửa thế kỷ qua đã xảy ra biết bao nhiêu sự việc làm thay đổi tình hình thế giới, thay đổi cả đời sống của con người. Từ chiến tranh đến hòa bình, từ xây dựng đến phá hoại, từ Cộng Sản độc tài đảng trị trở thành Tư bản tự do dân chủ v.v... và v.v...

Báo Xuân Đỉnh Sửu kỳ này đánh dấu thời điểm 50 năm, do đó Người Quan Sát xin liệt kê tóm lược những việc trọng đại để quý độc giả xem trong 3 ngày Tết xa quê hưởng hầu nhỏ lại một đoạn đường lịch sử của nhân loại đã trải qua, có lúc vinh quang có khi tủi nhục.

1.946

06.03. Hồ Chí Minh ký Hiệp định sơ bộ với Pháp - chịu điều kiện Việt Nam nằm trong Liên Hiệp Pháp, để quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa ở Bắc Kỳ để rảnh tay tiêu diệt phe Quốc Gia.

08.05. Hội Chợ mang tên "Hòa Bình" lần đầu tiên được tổ chức tại Leipzig sau Đệ II thế chiến.

05.06. Ông Louis Réard (Pháp) người vẽ kiểu thời trang cho trình diễn lần đầu tiên kiểu áo tắm 2 mảnh (Bikini) cho phụ nữ.

08/46. Mỹ cho thành lập cơ quan cứu trợ tên là "CARE". Với những gói quà do dân chúng Mỹ tặng đã cứu sống hàng triệu người Đức trước nạn đói sau thế chiến II.

01.10. Tòa án quốc tế tại Nürnberg xử tử hình 12 tội phạm chiến tranh Đức Quốc Xã, 7 tù chung thân, 3 tha bổng.

20.11. Đụng độ giữa Việt Minh và Pháp ở Hải Phòng. Cuộc chiến tranh Việt Minh - Pháp chính thức bắt đầu từ 19.12.46 đến 20.7.54 với Hiệp định Genève đình chiến chia đôi đất nước.



1947

15.08. Ông Mahatma Gandhi người chủ trường đấu tranh bất bạo động đã giành được độc lập cho Ấn Độ từ đế quốc Anh. Nhưng đau đớn thay, ngày 30.01.48 ông bị một tên cuồng tín bắn chết!

14.10. Phi cơ phản lực hiệu Bell X-1 của Mỹ do phi công Charles Yeager lần đầu tiên bay vượt bực tưởng âm thanh.



1948

03.04. Kế hoạch Marshall nhằm tái thiết Âu Châu (không có Liên Xô) có hiệu lực.

20.06. Cải cách tiền tệ. Mỗi người Đức trong 3 khu vực phía Tây Berlin do Anh - Mỹ - Pháp chiếm đóng đổi 40 đồng Mã cũ (Reichsmark) lấy 40 D Mark.

26.06. Liên Xô phong tỏa Tây Bá Linh. Ngày 26.6.48 Mỹ - Anh - Pháp cho thành lập cầu không vận để tiếp tế cho dân chúng. Đã thực hiện 277.728 chuyến bay, chuyên chở trên 2 triệu tấn hàng đủ loại kể cả một nhà máy điện. Có 22 máy bay bị rơi, 76 nhân viên phi hành đoàn bị chết cho người còn sống được tự do! Vào tháng 5.1949 Liên Xô ngưng phong tỏa. Hai nước Đức được thành lập.

29.07. Thế Vận Hội Mùa Hè được tổ chức tại London. Đức và Nhật bị cấm không được tham dự.



1949

18.03. Liên Minh Phòng Thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO) được thành lập để bảo vệ Âu Châu ngăn chặn làn sóng đỏ Cộng Sản.

14.08. Ông Konrad Adenauer được bầu làm Thủ Tướng đầu tiên nước Đức (Tây Đức).

23.09. Thủ Tướng K. Adenauer ký luật căn bản thành lập nước Cộng Hòa Liên Bang Đức.

07.10. Nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức (DDR) được thành lập. Ông Otto Grotewohl làm Thủ Tướng đầu tiên.

1950

25.06. Chiến tranh Triều Tiên bắt đầu.

1952

04.11. Tướng Dwight D. Eisenhower đảng Cộng Hòa được bầu làm Tổng Thống Mỹ.

1953

05.04. Phàn lức cơ hành khách đầu tiên bay một mạch từ London đến Tokio mất 28,5 tiếng đồng hồ. Trước đó phải mất 34,5 tiếng.

17.06. Công nhân ở Đông Đức nổi lên chống chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị, bị hồng quân Liên Xô đàn áp dã man.

1954

07.05. Pháp thất trận ở thung lũng Điện Biên Phủ.

17.05. Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ hủy bỏ kỳ thị chủng tộc ở học đường. Đen Trắng đều học chung dưới một mái trường.

04.06. Đội banh Tây Đức hạ đội Hungari 3-2, đoạt chức Vô địch Thế giới lần thứ nhất.

20.07. Chia đôi đất nước Việt Nam. Lấy sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) làm ranh phân chia Quốc - Cộng.



1955

31.03. Hãng Hàng không Lufthansa thiết lập đường bay nội địa bằng chuyến bay đầu tiên từ Hamburg đi München.

30.04. Quốc Trường Bảo Đại bị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trất phế.

1956

20.04. Quân đội Pháp từ miền Nam Việt Nam rút hết về nước.

11.10. Tại Flensburg, Trung tâm ghi nhận những người lái xe vi phạm luật được thành lập.

23.10. Cuộc nổi dậy của nhân dân Tiệp Khắc chống lại Liên Xô, bị đàn áp dã man.

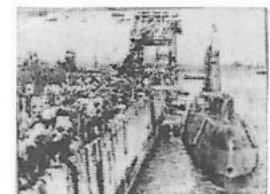


1957

04.10. Liên Xô phóng vệ tinh Sputnik lần đầu tiên lên không gian.

1958

04.08. Tàu ngầm nguyên tử "Nautilus" của Mỹ lần đầu tiên đã lặn xuyên qua Bắc Cực dưới đá



bằng.

10.09. Vòng Hula Hoop, trò chơi tiêu khiển bắt đầu xuất hiện ở Mỹ và lần lần lan tràn khắp thế giới.



1959

01.01. Fidel Castro nắm quyền lực ở Kuba và thiết lập chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị.

1960

01.05. Phi cơ gián điệp U.2 của Mỹ, bị Liên Xô bắn hạ khi bay ngang qua nước này.

18.08. Thuốc chống ngừa thai hiệu "Enovid" lần đầu tiên được bán ra thị trường tiêu thụ.

13.10. Chủ tịch Đảng Cộng Sản Liên Xô Ông Nikita Chruschtchow lột giày đập lên bục thuyết trình khi ông ta nói chuyện tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc. Đây là lúc Cộng Sản đang lên voi.



09.11. Ông John F. Kennedy đảng Dân Chủ được bầu làm Tổng Thống Mỹ.

11.11. Đào chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm bắt thành.

20.12. Cộng Sản miền Bắc cho ra đời đứa con nuôi lấy tên là "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam".

1961

12.04. Phi hành gia Juri Gagarin (Liên Xô) ngồi trong đầu phi thuyền "Wostok 1" bay vòng quanh trái đất mất 108 phút



17.04. Đoàn dân quân chống chế độ Castro từ Mỹ đổ bộ lên vịnh Con Heo bị thất bại.

13.08. Cộng Sản Đông Đức bắt đầu cho xây dựng bức tường ở nhục Bá Linh vì phạm Hiệp ước Tử cuồng.

1962

22.10. Tổng Thống Kennedy ra lệnh phong tỏa hải phận bao quanh Kuba và bắt buộc Liên Xô phải tháo gỡ các căn cứ hỏa tiễn được xây dựng trên đất Kuba.



1963

03.06. Đức Giáo Hoàng Johannes XXIII viên tịch, Đức Giáo Hoàng Paul VI kế nhiệm.

26.06. Tổng Thống Kennedy thăm viếng Berlin. Nhân dịp này, trong buổi nói chuyện ông đã nói một câu được dân chúng Đức cổ vũ, hoan nghênh nhiệt liệt, được đi vào lịch sử Đức và ghi sâu vào trái tim mọi người dân Đức. Ông nói: "Tôi là một công dân Berlin" (Ich bin ein Berliner).



03.10. Ông Ludwig Erhard (CDU) thay thế Ông Adenauer làm Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức.

01.11. Các Tướng Lãnh làm đảo chánh giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu.

22.11. Tổng Thống Kennedy trong cuộc viếng thăm Dallas thủ phủ Tiểu bang Texas bị bắn chết khi vợ chồng ông đang ngồi trên xe không mui chạy từ từ qua thành phố.



1964 - Quân đội Mỹ bắt đầu tham chiến ở Việt Nam.

1.7. Cô Mary Quant trình diễn lần đầu tiên váy ngắn (Mini Rock) và bắt đầu từ ngày này khai sinh ra loại váy khó coi mà ưa nhìn này.

01.10. Lần đầu tiên chiếc xe lửa tốc hành chạy từ Tokio đến Osaka với vận tốc 220 c/s giờ. Phá kỷ lục.

10.10. Lần đầu tiên hai đoàn lực sĩ Đông và Tây Đức hợp thành một, khi tham dự Thế Vận Hội Mùa Hè ở Tokio.

14.10. Chủ tịch đảng Cộng Sản Liên Xô Ông Chruschtchow vì phạm nhiều tội lỗi, như hối mại quyền thế, đi sai đường lối của Đảng nên bị cách chức. Tên Trùm Cộng Sản khác là Ông Breschnjew lên thay thế.



1965

18.05. Lần đầu tiên sau Đệ II thế chiến, Nữ hoàng Anh và Hoàng tể Philip chánh thức thăm viếng Bonn.

1966

10.03. Công chúa Hòa Lan Béatrix sánh duyên với nhà ngoại giao Đức, Ông Claus von Amsberg. Đám cưới được tổ chức tại Amsterdam.



1967

09.05. Võ sĩ da đen quyền Anh Vô địch thế giới bị thâu hồi tước vị và 5 năm tù ở vì từ chối không thi hành quân dịch.

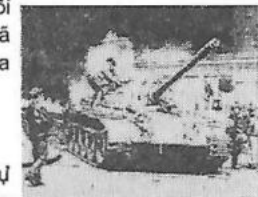
10.06. Do Thái đánh thắng Ai Cập trong vòng 6 ngày, do đó mới có cụm từ "Chiến tranh 6 ngày".

03.12. Bác sĩ Christian Barnard lần đầu tiên thành công trong việc ghép tim tại Kapstadt.



1968

20.08. Lực lượng Cảnh sát của Khối Warsaw tràn vào Tiệp Khắc để đàn áp dã man phong trào nổi dậy mùa Xuân của nhân dân Tiệp "Prager Frühlinge".



1969

16.01. Anh Sinh viên Jan Palach tự thiêu tại Công trường Prager Wenzelsplatz để phản đối chính quyền Cộng Sản. Ngọn lửa thiêng của anh đã soi sáng và dẫn đường nhân dân Tiệp hàng hàng lớp lớp nối nhau tiến lên để 30 năm sau quật nhào chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị.



28.04. Tổng Thống Charles De Gaulle từ chức vì chương trình cải cách của ông bị từ chối. Ông Georges Pompidou lên thay thế.

21.07. Phi hành gia Neil Armstrong (Mỹ) người đầu tiên đổ bộ lên mặt trăng.

22.07. Vua Juan Carlos (Tây Ban Nha) cách chức tên lãnh tụ độc tài Tướng Franco.

01.09. Đại Tá Muammar-al-Ghaddafi làm cuộc đảo chánh và nắm quyền tại Libya.

21.10. Sau 20 năm, Ông Willy Brandt (SPD)



được bầu làm Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức.

23.10. Quân đội viễn chinh Mỹ bắt đầu rút quân với chiêu bài "Việt Nam Hóa Chiến Tranh".

1970

21.06. Sau 10 năm xây dựng, đập thủy điện Assuan ở Ai Cập được hoàn tất.

13.11. Trận bão lụt ở Đông Hồi (Ostpakistan) làm trên 300 ngàn người thiệt mạng!

14.12. Cảnh sát và quân đội Ba Lan đàn áp đẫm máu những công nhân nổi dậy chống chế độ Cộng Sản tại Danzig.



1971

20.10. Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức, Ông Willy Brandt (SPD) nhận Giải thưởng Hòa Bình (Nobelpreis).

1972

20.02. Tổng Thống Richard Nixon (Mỹ) chánh thủ thăm viếng Mao Trạch Đông (Trung Cộng).



08.06. Trong cuộc dội bom tiêu diệt Cộng quân tại Trảng Bàng, cô Kim Phúc (lúc đó 9 tuổi) chẳng may bị cháy, cô vừa chạy vừa lột hết quần áo. Tấm hình này do một phóng viên ngoại quốc chụp được gửi đi khắp thế giới. Lợi dụng cơ hội này, chính quyền Cộng Sản không ngừng đem cô Kim Phúc ra làm cái bia để tuyên truyền về sự tàn bạo của đế quốc Tư bản. Không chịu được trò hề lợi dụng bi đỗi này, tháng 10.92 cô đã trốn được khỏi thiên đường lửa đổi sang tỵ nạn tại Toronto - Canada. Cô đã lập gia đình và có một con trai.



1973

27.01. Hiệp Ước Đình Chiến Paris giữa Quốc - Cộng Việt Nam ra đời.

08/73. Cộng quân ào ạt chuyển thêm quân vào Nam mở các cuộc tấn công đại qui mô.

25.11. Do cuộc khủng hoảng dầu hỏa, Cộng Hòa Liên Bang Đức cấm xe hơi chạy trên xa lộ ngày Chủ nhật.

1974

30.04. Hoa Kỳ từ chối gia tăng viện trợ cho miền Nam Việt Nam - chỉ chi 700 triệu cho năm 75 - trong khi năm 1974 đã chi viện 1 tỷ 126 triệu Mỹ kim.

06.05. Thủ Tướng Liên Bang Đức ông Willy Brandt từ chức. Ông Helmut Schmidt (SPD) lên thay.

07.07. Đội cầu Tây Đức hạ đội Hòa Lan 2 : 1 đoạt chức Vô địch Thế giới lần thứ hai.

08.08. Tổng Thống Mỹ Nixon từ chức sau khi vụ Watergate bùng nổ. Lần đầu tiên trong lịch sử Mỹ một Tổng Thống từ chức.

1975

30.04. Bộ đội Bắc Việt xua quân cường chiếm miền Nam thực hiện được giấc mộng xâm lăng của tập đoàn Cộng Sản, hầu đặt ách thống



trị trên toàn đất nước. Để phản đối chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị, hàng triệu người Nam-Bắc bỏ nước ra đi tìm tự do dân chủ bằng những chiếc thuyền nan bất chấp mọi hiểm nguy. Cụm từ "Thuyền Nhân" hay "Boat People" đã được ghi thêm vào trang sử tỵ nạn của Liên Hiệp Quốc.

11/75. Đồi tiền đợt I, đánh Tư sản mại bản, cướp tài sản của nhân dân được gọi là "Chiến lợi phẩm" đem về Bắc làm của tư.

1976

18.08. Mục sư Oskar Brüsewitz tỵ thiêu để phản đối chính quyền Cộng Sản Đông Đức tại Công viên Drossdorfer Marktplatz. 13 năm sau ngọn lửa thiêu trở thành trận cuồng phong quét ngã bức tường ở nhục Bá Linh chôn vùi chế độ Cộng Sản phi nhân.



1977

18.10. Chủ tịch Công đoàn Lao động Ông Hanns Martin Scheyer (Đức) bị bọn khủng bố (RAF) bắn chết.

1978

19.01. Hãng xe hơi VW tại Emden sản xuất chiếc xe cuối cùng Volkswagen còn được gọi là Kaefer.



1979

03.05. Lần đầu tiên trong lịch sử Anh quốc, một người đàn bà được bầu làm Thủ Tướng, Bà Margaret Thatcher.

26.12. Quân đội Sô Viết xâm lăng A Phú Hãn và bị thiệt hại nặng nề.

1980

22.01. Ông Andrej Sacharow người đấu tranh cho nhân quyền và chỉ trích chế độ, bị chính quyền Cộng Sản Sô Viết đày đi Tây Bá Lợi Á.

05.05. Mỹ và vài quốc gia ở Châu Âu tẩy chay Thế Vận Hội Mùa Hè ở Moskau (Liên Sô).

04.11. Ông Ronald Reagan (Cộng Hòa) được bầu làm Tổng Thống Mỹ thay thế ông Jimmy Carter (Dân Chủ)



1981

29.07. Hoàng tử Charles cưới cô Diana. Cặp vợ chồng vương giả này gây ra bao nhiêu tai tiếng (Skandal) cho Hoàng gia Anh, để cuối cùng chấm dứt bằng "Anh đi đường anh, Tui đi đường tui" (Ly dị).

06.10. Tổng Thống Ai Cập, ông Anwar el Sadat bị một tên Hồi Giáo cuồng tín bắn chết ngay tại khán đài trong cuộc duyệt binh.

1982

02.04. Á Căn Đình bắt thần chiếm hòn đảo Falkland và một tháng sau đó, Anh quốc tiến chiếm lại. Dân chúng bị máu đổ thịt rơi vì hành động ngu xuẩn của cấp lãnh đạo.

01.10. Ông Helmut Kohl (CDU) được bầu làm Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức.



1983

06/83. Lần đầu tiên tại CHLB Đức, có 23 trường hợp về bệnh AIDS được ghi nhận.

01.09. Chiến đấu cơ của Liên Xô bắn hạ chiếc máy bay hành khách Jumbo Jet

của Nam Hàn trên vùng Sachalin làm 269 người chết.



1984

31.10. Bà Thủ Tướng Indira Gandhi (Ấn Độ) bị hai tên cận vệ bắn chết.

1985

11.03. Ông Michail Gorbatschow được bầu làm Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô, Trùm điện Kremli.



- Ở Việt Nam, chính quyền Cộng Sản tiếp tục cải tạo Tư sản và hợp tác hóa nông nghiệp đưa đến khủng hoảng kinh tế toàn diện. Trường Chinh thú nhận sự sai lầm như trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất 30 năm trước. Sửa sai rồi lại sửa sai; Sửa thì cũ sửa, sai thì vẫn sai!

07.07. Anh Boris Becker (Đức) 17 tuổi, cây vợt trẻ nhất từ trước tới nay đoạt giải quần vợt Wimbledon (Anh).



21.11. Chủ tịch Đảng CS Liên Xô ông Gorbatschow và Tổng Thống Mỹ ông Reagan gặp nhau tại Genfer (Thụy Sĩ) để thảo luận về việc tháo gỡ vũ khí nguyên tử, sống chung hòa bình.

1986

Nơi giường quan thầy Gorbatschow, Nguyễn Văn Linh theo con đường Đổi Mới với kinh tế thị trường nhưng theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Có nghĩa là râu ông này đem cắm vào cằm bà kia.



28.1. Phi thuyền Challenger (Mỹ) vừa phóng ra khỏi dàn 73 giây thì bị nổ, 7 phi hành gia thiệt mạng.

26.04. Nhà máy điện nguyên tử ở Tschernobyl tại Tiểu bang Ukrain bị nổ gây đại họa cho dân chúng quanh vùng và ô nhiễm môi sinh.

1987

28.05. Anh Mathias Rust (Đức), một phi công tài tử ở Hamburg dùng chiếc máy bay hiệu Cessna bay đến Moskau đậu ngay tại Công trường Đỏ. Anh đã bay vượt qua màn lưới radar phòng thủ của Liên Xô mà không một ai hay biết. Việc này làm điên đầu những tên trùm lãnh đạo ở Kremli.



1988

21.12. Máy bay hành khách Jumbo của Mỹ bị nổ trên không phận Lockerbie làm 270 người chết. Mỹ cho là bọn khủng bố Hồi Giáo do TT. Ghaddafi nuôi dưỡng.



1989

04.06. Lần đầu tiên Ba Lan bầu cử tự do chức Tổng Thống. Ông Leech Walesa, người lãnh đạo công nhân Ban Lan ở Danzig thắng cử.

04.06. Tại Quảng trường Thiên An Môn (Bắc Kinh) quân đội Cộng Sản Trung Quốc dùng súng bắn và xe tăng cán chết trên 4 ngàn sinh viên và thường dân biểu tình bất bạo động đòi tự do dân chủ. Một lần nữa cho thấy sự tàn bạo dã man của chính quyền Cộng Sản.



09.11. Bức tường ô nhục Bá Linh được mở cửa và bị đập bỏ.

25.12. Tên Lãnh tụ Cộng Sản độc tài ở Rumani ông Ceausescu và

vợ bị xử tử hình. Số mạng của những tên cầm quyền độc tài đang trị trước sau rồi cũng cùng chịu chung một số phận không bị tù, bị lưu vong thì cũng bị tử hình!



1990

08.07. Đội cầu ĐứC hạ đội Á Căn Đình 1 : 0, đoạt chức Vô địch Thế giới lần thứ 3.

03.10. Tây và Đông ĐứC thống nhất trong vinh quang và hòa bình.

1991

Liên quân đồng minh giải phóng xứ Kuwait khỏi ách thống trị của Irak.

27.06. Nội chiến ở Nam Tư bùng nổ.

31.07. Ông Gorbatschow (Liên Xô) và ông Bush (Mỹ) ký Hiệp ước START về việc tháo gỡ vũ khí nguyên tử chiến lược.

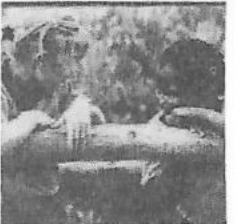
21.12. Mười một Tiểu bang trong Liên bang Xô Viết ký Hiệp định thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập dưới sự Chủ tọa của ông Boris Jelsin.



1992

18.03. Nam Phi chấm dứt kỳ thị chủng tộc.

03.11. Ông Bill Clinton (Dân Chủ) Thống đốc Tiểu bang Kansas được bầu làm Tổng Thống Mỹ thay ông Bush.



1993

10.09. Hai người không đội trời chung là Thủ Tướng Rabin (Do Thái) và Lãnh tụ Palestin ông Arafat bắt tay nhau để bàn thảo về việc sống chung hòa bình.



1994

06.05. Tổng Thống Pháp ông Mitterrand và Nữ hoàng Anh Bà Elisabeth đồng cắt băng khánh thành đường hầm xuyên qua biển Manche nối liền Anh-Pháp (Eurotunnel).

29.05. Cựu Chủ tịch Đảng Cộng Sản Đông ĐứC, ông Honecker đang sống lưu vong ở Chilie chết.



31.08. Hồng quân Liên Xô rút khỏi Đông Bá Linh và trên toàn Đông ĐứC cũ. Chấm dứt hoàn toàn chế độ độc tài đảng trị Honecker.

1995

04.11. Thủ Tướng Do Thái, ông Rabin bị một tên cuồng tín Do Thái bắn chết.

1996

03.07. Tổng Thống Nga, ông Boris Jelzin đắc cử lần thứ hai. Ông đã đánh bại ứng cử viên Cộng Sản ông Sjuganow.

08.11. Đường kim Tổng Thống ông Clinton, được tái đắc cử nhiệm kỳ lần thứ hai. Ông đã đánh bại ứng cử viên Bobe Dole (Cộng Hòa).

Trong 50 năm qua, việc quan trọng nổi bật nhất làm cho cả nhân loại trên quả địa cầu này vui mừng, thổ phào nhẹ nhõm là sự sụp đổ của đế quốc Đỏ.

Tháng 10.1917, Lénin đã khai sinh ra Chủ Nghĩa Xã Hội, lấy chủ thuyết nửa vời không tưởng của Mác làm nền tảng căn bản cho chế độ; lấy lá cờ màu đỏ tượng trưng cho máu, búa liềm tượng trưng cho

sự đập đầu cát cổ (không phải tượng trưng cho Công Nông). Thật vậy, khi lá cờ đỏ phát tới đâu là đầu rơi máu đổ tới đó.

Những theo định luật vô thường của tạo hóa, hễ có sanh thì có diệt. Năm 1991, ông Gorbatschow đại diện thần công lý giường hai lá



bùa Glasnot và Perestroika khai tử chế độ Cộng Sản đã man tàn bạo, đưa nhân loại bước sang thế kỷ 21 đến bờ hy vọng của Tự do Dân chủ, Sống Chung Hòa Bình.

(Hình 1) Lenin, người khai sinh ra Chủ nghĩa Xã hội đang vẫy tay chào lần cuối cùng các đồng chí của mình trước khi bị dân chúng cột dây hạ bệ đưa cho nằm vĩnh viễn vào một góc xó của một bảo tàng viện không tên để bị quên lãng với thời gian.

(Hình 2) Gorbatschow, người khai tử CNXH đang lau nước mắt, có lẽ ông đang mở tưởng lại thời vàng son, lên voi chông!



Hiện giờ chỉ còn 4 nước theo Cộng Sản là Bắc Hàn, Kuba, Trung Quốc và Việt Nam. Nếu các cấp lãnh đạo quốc gia nào biết thủ thời tử bỏ tham vọng thì sẽ có cuộc cách mạng nhưng như ở Tiệp Khắc. Còn ngược lại thì chắc chắn sẽ xảy ra hời tàn bạo như ở Rumani.

Riêng đối với đất nước Việt Nam, không một ai mong muốn sự việc sẽ xảy ra như ở Rumani mà chỉ muốn các cấp lãnh đạo Bắc Bộ Phủ hãy tỉnh dậy mà đi cho kịp với xu thế thời đại, đừng để nước đến chân e chạy không kịp.

Trước khi chấm dứt bài này, Người Quan Sát xin kính chúc quý độc giả xa gần năm Đinh Sửu dồi dào sức khỏe, gặp nhiều may mắn trong cuộc sống tha hưởng và đầy đủ nghị lực để tiếp tục dẫn thân trên con đường đấu tranh nhiều khó khăn trở ngại để thực hiện Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

THÔNG BÁO

Bản tin của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ

GIÁP: MỘT CHUYẾN ĐI TAI TIẾNG VÀ Ô NHỤC.

Người có liêm sỉ và biết tự trọng, không ai muốn bắt tay *Võ Nguyên Giáp* khi biết được bàn tay *Giáp* đẫm máu nhân dân Việt Nam, nạn nhân của Hồ, *Giáp* và đảng Việt Cộng.

Tổng Thống Jean-Pascal Delamuraz và Bộ Trưởng Adalf Ogi đã ra lệnh bãi bỏ tất cả nghi thức dự trừ có chụp ảnh lúc họ phải miễn cưỡng bắt tay *Giáp* vì *Giáp* xin được đến chào theo phép lịch sự.

Giáp đặt chân xuống phi trường Genève ngày 17.9.1996. Ngay hôm đó, *Giáp* được Việt Cộng đưa đến chào xã giao chính quyền địa phương. Buổi trưa, để đảm bảo an ninh, cảnh sát Genève phải hộ tống *Giáp* đi dạo một vòng trên hồ Leman. Chiều tối, TVT cựu đại diện Ủy hội Cộng đồng Âu Châu ở Genève đã mở một đại yến thết đãi *Giáp*, thay vì Đại sứ Việt Cộng tổ chức. TVT là một người từng ở trong hàng ngũ Việt Minh, năm 1948 bị Pháp bắt, nhờ sự can thiệp của một Giáo sĩ Tin Lành, được thả ra cho đi học bên Pháp. Việt Cộng tin rằng, sau khi đi thăm viếng một vài thắng cảnh và tiếp xúc với một số doanh thương, thế nào *Giáp* cũng sẽ được chính phủ Liên bang Thụy Sĩ chính thức tiếp đón long trọng ở Berne...

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ tự thấy có bốn phận phải lên tiếng trong lúc đồng bào trong nước bị Việt Cộng kềm kẹp, đàn áp và giam cầm phải câm nín. Lên tiếng vì tưởng nhờ đến những chiến sĩ quốc gia đã nằm xuống trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Cộng Sản xâm lược. Lên tiếng để nhân dân Thụy Sĩ và thế giới dân chủ nhận diện *Giáp* và đồng bọn, những tên lính đánh thuê cuồng tín nhất của chủ nghĩa quốc tế Cộng Sản. Lên tiếng để thuyết phục và yêu cầu chính phủ Thụy Sĩ áp dụng những phương thức giao tiếp thích nghi đối với những tên đầu đảng Việt Cộng, trách nhiệm về cái chết bi thảm của hàng triệu người dân vô tội ở Việt Nam, Lào và Cao Miên.

Với nhan đề "Việt Nam, Sự Thật và Liêm Sỉ", bức Kháng Thư bằng Pháp văn của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam đề ngày 18 tháng 9 năm 1996 đã đến tay Chính Phủ, Quốc Hội và các giới truyền thông mấy ngày trước buổi *Giáp* được phép yết kiến Tổng Thống và Tổng Trưởng Quốc Phòng Thụy Sĩ (24.9.1996). Sáu mươi lăm nhân vật đã nhận bức Kháng Thư, ngoài Tổng Thống và các Tổng Trưởng, còn có Chủ tịch và Phó Chủ tịch Quốc Hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Ủy Ban Ngoại Giao Thượng và Hạ Viện, Chủ tịch các Nhóm Dân Biểu và Nghị Sĩ thuộc đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo PDC, đảng Xã Hội PSS, đảng Cấp Tiến PRD, đảng Liên Hiệp Dân Chủ UDC (4 đảng cầm quyền) và đảng Tự Do PLS, cùng một số Dân Biểu và Nghị Sĩ từng lên tiếng ủng hộ công cuộc tranh đấu cho Nhân Quyền Việt Nam của Liên Hội. Về phía giới truyền thông đã nhận được bức Kháng Thư, có Giám đốc hai hãng thông tấn Pháp AFP và Thụy Sĩ ATS, đài Vô tuyến truyền hình và, truyền thanh, Chủ nhiệm và Chủ bút 15 Nhật báo và Tuần báo Thụy Sĩ.

Ngày 23.9.1996, trích dẫn những đoạn chính yếu của bức Kháng Thư, Thông tấn xã Thụy Sĩ ATS từ trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Genève đã cho phổ biến một bản điện tín với nhan đề "Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ phản đối cuộc viếng thăm của *Giáp* ở thủ đô Berne". Báo Le Courier ở Genève đã cho đăng ngay bản tin của hãng ATS nhưng đổi nhan đề ra "Tướng *Giáp* là một tên đao phủ". Sau đó, báo Le Courier đã cho đăng toàn văn bức Kháng Thư và lấy một câu hỏi của Liên Hội làm nhan đề "Chữ nào thì tướng *Giáp* sẽ bị Thụy Sĩ từ chối nhập cảnh vì thành tích bất hảo của hắn?".

Người dân Thụy Sĩ cũng có dịp đọc bức Kháng Thư của Liên Hội trên các báo 24 Heures (Việt Nam và Sự Thật), Le Nouveau Quotidien (Đáng lẽ không nên tiếp *Giáp*). Một nhà hí họa của báo Le Nouveau Quotidien còn vẽ hình *Giáp* như là một tên côn đồ lưu manh. Riêng tờ Genève Home Informations (GHI) đã dành nửa trang báo cho bức Kháng Thư với nguyên nhan đề Việt Nam, Sự Thật và Liêm Sỉ và nửa trang còn lại cho bài viết của Ký giả François Baertschi. Nhà báo này cực lực lên án những chính khách có hội chủ nghĩa, mù quáng vì tư lợi và đánh mất nhân cách. Ông không ngần ngại gọi đích danh Claude Haegi và Olivier Vodoz, hai đại diện chính quyền địa phương đã chịu tiếp *Giáp*. Ông còn viết châm biếm về chuyện *Giáp* và vợ con hắn được Claude Haegi mời dùng cơm tại nhà riêng có nhiếp ảnh viên chụp hình đăng báo. Mức phần nộ của tác giả được biểu lộ qua cái nhan đề lớn "Khi mà Genève (ý nói chính quyền) Liếm gót giày của *Giáp*". Ông François Baertschi *hỏi nếu đã tiếp *Giáp* như thế thì bao giờ chính quyền Genève sẽ ra đón Hitler,*

Staline hoặc Pon Pot (có thể quá muộn rồi), hay là Mladic và Karadzic, hai tên lãnh tụ Serbe Bosniaque đã bị Tòa án Quốc tế ra lệnh truy nã vì phạm tội ác đối với nhân loại. Ông khẳng định rằng chế độ Hà Nội là thủ chủ nghĩa cộng sản đẫm máu nhất và độc đoán nhất... Ông viết tiếp: Sao không thấy chính quyền Genève mời đón những nạn nhân của địa ngục Việt Cộng (họ rất là đông), những người từng phải chịu thống khổ đau thương vì chế độ Việt Cộng và bởi những bạo hành của Giáp... Đó là những đàn trẻ thơ bị tàn sát, những tù binh bị giam giữ trong những điều kiện khắc nghiệt quá sức chịu đựng đối với con người, tất cả những kẻ vô danh, những thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản... Những vết thương còn quá nóng hổi và những nạn nhân của thảm trạng Đông Dương đáng được chúng ta kính trọng. Sau hết, ở phần trên trang nhứt của tờ báo GHI, dưới một tấm hình nhỏ của Giáp có 1ghi chú "Giáp: Một cuộc tiếp đón tai tiếng và ô nhục ... Có thể nào chấp nhận được khi chúng ta biết vai trò của Giáp trong những cuộc chiến tranh và những thảm kịch ở đất nước của hắn?"

Thật vậy, ở Việt Nam, dám cầm đầu Việt Cộng có toàn quyền sinh sát. Chúng đã bắt giữ, tra tấn, bỏ đói, lưu đày khổ sai biệt xứ Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận, Đoàn Thanh Liên, Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ, ngược đãi, đàn áp, nhốt tù biệt lập những Tu sĩ Công Giáo, Phật Giáo, như Linh mục Nguyễn Văn Độ, Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ v.v... Hàng trăm ngàn, hàng triệu người dân vô danh, cả một dân tộc bị áp bức bóc lột, bị tước đoạt hết tiếng nói - thực trạng đó được trình bày trong bức Kháng Thư của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam.

Ồ Thụy Sĩ, Hà Nội đã dùng mọi thủ đoạn gian xảo và huy động mọi phương tiện mua chuộc, dụ dỗ nhằm biến chuyến đi du hí của Giáp và vợ con hắn thành một cuộc công du. Chúng mở tường sê hăm nóng lại cái huyền thoại giả tạo được khuếch đại "Điện Biên Phủ", đưa tên Tướng già còn nói được tiếng Pháp ra giữa buổi chợ chiều để mong quyến rũ, lôi kéo một vài nhà kinh doanh nhẹ dạ bỏ tiền cho chúng làm ăn. Ngoài ra, Việt Cộng còn trông cậy vào sự hỗ trợ của một số bồi bút Thụy Sĩ thiếu lương tâm chức nghiệp và vô liêm sỉ.

Những đạo quân tuyên truyền của Hà Nội, bọn thân Cộng nằm vùng ven biên những tổ chức nhân đạo, bộ máy kinh tài ẩn núp dưới những địa đạo trong tòa đại diện ở Genève, những tên chính khách hoạt đầu luôn cúi để ăn bần, tất cả đã không dám lên tiếng tranh luận trên báo Thụy Sĩ với Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản. Trong thời gian Giáp có mặt tại đây, Giáp, Hồ và đám lãnh đạo đảng Việt Cộng đã bị đưa ra trước công luận Thụy Sĩ và quốc tế như những tên tội phạm chiến tranh, một tập đoàn đao phủ và cai ngục có bàn tay đẫm máu hàng triệu nạn nhân của chúng.

Và Hà Nội đã thất bại nhục nhã.

Chính quyền Thụy Sĩ cảm ơn Liên Hội, qua bức Kháng Thư, đã trình bày để họ hiểu rõ hơn vai trò của Giáp trong lịch sử cuộc chiến, trách nhiệm của đảng Việt Cộng, và đặc biệt là Giáp cùng một số lãnh tụ khác trong những sự vi phạm nhân quyền ở Việt Nam, Lào và Cao Miên. Những điều Liên Hội nêu ra, như câu hỏi "Biết thế, tại sao Chính quyền Liên bang lại còn có thể nhận tiếp một kẻ như Giáp?", chính quyền Thụy Sĩ cũng thẳng thắn công nhận những thắc mắc đó là chính đáng. Chính quyền Thụy Sĩ đảm bảo với Liên Hội rằng chuyện họ chấp thuận cho Giáp được yết kiến theo lời xin của Giáp không có nghĩa là Giáp được tiếp đón chính thức, mà chỉ thuần túy tư riêng. Và họ quyết định hạn chế tác dụng truyền thông vô tuyến và báo chí. Ngoài ra, vài ngày sau khi gửi bức Kháng Thư, Liên Hội đã nhận được văn thư phúc nhận của Chánh Văn phòng Bộ Trưởng Tư Pháp và Cảnh sát Arnold Koller, của một số Nghị Sĩ và Dân Biểu Thụy Sĩ.

Tin cuối ngày 24.9.1996: tại Berne, Giáp đã đến chào theo phép lịch sự Tổng Thống và Tổng Trưởng Quốc Phòng Thụy Sĩ. Qua ngày 25.9.1996, tin vừa kể chỉ được đăng kín đáo bên trang trong tờ Le Nouveau Quotidien (Lausanne), tờ La Liberté (Fribourg) và tờ Le Courier (Genève). Một thực tế phũ phàng bất ngờ đã chụp lên đầu Giáp: hắn đã không được tiếp tại sảnh đường chính thức của Phủ Liên Bang (trụ sở Quốc Hội và Chính Phủ). Tệ hơn nữa, Tổng Thống và Tổng Trưởng Quốc Phòng Thụy Sĩ đã ra lệnh bãi bỏ tất cả nghi thức dự lễ có chụp ảnh lúc họ phải miễn cưỡng bắt tay Giáp. Ký giả duy nhất nổi tiếng nhờ những lời lẽ tán tụng Giáp một cách trớ trêu,

Georges Plomb, phái viên báo La Liberté, đã phải than vãn với phát ngôn viên của Tổng Thống J.P. Delamuraz: "Tại sao lại có những cử chỉ bên lề ngại ngùng như thế?". Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản không có gì để ngạc nhiên. Hãng Thông tấn Thụy Sĩ ATS và báo Le Nouveau Quotidien viết: "Delamuraz tiếp tướng Giáp. Xin đừng chụp hình!". Báo La Liberté và Le Courier: "Không có nhiếp ảnh viên!". Tên Georges Plomb còn trách móc không biết ngưng: "Cả hai ông Delamuraz và ông Ogi, không vị nào muốn chụp ảnh lúc bắt tay nhà đại chiến lược (tức là Giáp của hắn). Té ra chính ông Delamuraz đã lấy sáng kiến đó và ông Ogi cũng đồng ý với quyết định của Tổng Thống". Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản miễn phê bình. Nếu chưa biết bức Kháng Thư của Liên Hội đã nằm ở tòa soạn báo La Liberté từ hôm 19 hoặc 20 tháng 9 năm 1996 thì Georges Plomb sẽ được đọc trên báo Le Courier mấy hôm sau. Đó là câu trả lời cho bài báo hắn viết để ca tụng tài ba siêu việt của Giáp.

Trong công cuộc vận động chung để giải độc dư luận và để chính phủ Thụy Sĩ hiểu rõ hơn thái độ của Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản đối với Giáp và chế độ của hắn, Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ghi nhận sự hoạt động tích cực của các tổ chức hội đoàn cũng như các cá nhân trong Cộng đồng. Ông Trần Hữu Kinh, Chủ tịch Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa đã gửi thư ngày 23.9.1996 đến Tổng Thống Thụy Sĩ và được vị này phúc đáp. Ông Nguyễn Tăng Lữ, Tổng thư ký Ủy ban Thụy Sĩ - Việt Nam đã gửi thư đến một số yếu nhân có chân trong chính quyền Genève lúc Giáp có mặt ở thành phố này. Hội Người Việt Quốc Gia Lausanne, Hội Người Việt Tự Do, Ủy ban Giải Trừ Pháp Nạn và Hội Cựu Quân Nhân VNCH ở Thụy Sĩ cũng cho phổ biến đến đồng bào một bản Nhận Định Chung với nhan đề "Vô Nguyên Giáp đến Thụy Sĩ làm gì?". Sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nhắc đến Bs. Nguyễn Gia Tiến tác giả của những bài tham luận đặc sắc về cuộc chiến Việt Nam, về bộ mặt thật của Hồ, Giáp và tập đoàn lãnh đạo Việt Cộng vốn được che giấu nguy trang bằng những thủ đoạn dối trá, xảo quyệt và bạo lực đàn áp thô bạo. Với một ngòi bút sắc bén và tinh luyện, người trí thức tỵ nạn Cộng Sản này đã không cho phép mấy tên ký giả Thụy Sĩ thân Việt Cộng được tự do tô son trét phấn tên kếp giả từng bị đuổi ra khỏi gánh hát vì tội tranh ăn ở Bộ Chính Trị đảng. Nhiều người bạn Thụy Sĩ rất thích thú đọc bài của Bs. Nguyễn Gia Tiến trên các báo Le Matin (Một tên anh hùng quái gở), 24 Heures (Một cuộc chiến thắng bị tịch thu), Tribune de Genève (Giáp và trí sáng tạo bịp bợm của hắn), v.v... Bài của BS. Nguyễn Gia Tiến cũng được gửi đến Tổng Thống Thụy Sĩ.

Genève tháng 10 năm 1996

Lê Nhân Quyền

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ
(Ký tên)

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam
Ligue Vietnamienne des Droits de l'Homme
Vietnamese League for Human Rights
Case Postale 333 1211 Genève 4
Suisse (Switzerland)

**ĐÂY LÀ BẢN TƯỜNG TRÌNH CỦA ĐẶC PHẢI
VIÊN NGUYỄN HỒNG QUANG TỪ CHLB ĐỨC**

Kính thưa quý thính giả

Như quý vị và các bạn đã biết về Đại Hội Cap Anamur lần thứ 5 được khai mạc vào ngày 07.9.1996 tại Troisdorf, Đức Quốc, để kỷ niệm 17 năm thành lập Ủy Ban Cấp Anamur. UB Cấp Anamur là tổ chức của Hiệp Hội Bác Sĩ Cấp Cứu Đức đã cứu vớt những người vượt biển Việt Nam từ sau ngày 30.04.1975. Và cũng trong dịp Đại Hội này, Cộng Đồng Người Việt đi tham dự Đại Hội đã quyết góp được hơn 6.400DM, để góp phần trong công tác nhân đạo của UB Cap Anamur, nhằm cứu trợ Bệnh viện Nhi Đồng tại Grosny. Việc làm cao đẹp này không những nói lên truyền thống của dân tộc Việt Nam là

những con người biết nhận sự giúp đỡ, và đồng thời cũng biết giúp đỡ tha nhân mà còn xác định được bản chất và vị trí tập thể Người Việt Nam tỵ nạn hiện nay đang sinh sống tại CHLB Đức. Nói về Đại Hội Cap Anamur rất nhiều chính trị gia cũng như giới truyền thông trên toàn nước Đức đã dành cho tập thể người Việt hiện đang tỵ nạn tại Đức những thiện cảm rõ rệt nhất.

Chính vì những thiện cảm đặc biệt này mà lần đầu tiên vị lãnh tụ của chính quyền đương thời - Thủ Tướng Helmut Kohl đã đích thân bày tỏ thiện cảm của mình dành cho Người Việt qua lá thư gửi đến UB Cap Anamur ngày 28.10.1996 vừa qua. Đây là một vinh dự rất hiếm có không những chỉ đối với một tập thể ngoại quốc đang sinh sống trên nước Đức, mà còn đối với cả những tổ chức nhân đạo hoặc bất cứ một tổ chức tư nhân nào khác của chính người dân Đức.

Trong thư Thủ Tướng Helmut Kohl đã viết: "*Nghĩa cử lớn lao từ những người bạn Việt Nam của UB Cap Anamur nhằm cứu trợ Bệnh viện Nhi Đồng tại Grosny đã làm tôi xúc động. Rất nhiều người Việt Nam đã sống trải qua cuộc chiến trên quê hương họ và họ cũng đã là người tỵ nạn. Những hồi tưởng liên quan đến cuộc chiến đến nay vẫn còn hiển hiện trong rất nhiều người. Họ cũng đã thấu hiểu thế nào là sự tiếp nhận và thế nào là nhận lấy một quê hương mới. Và qua những kinh nghiệm ấy, họ đã nhận biết rõ tầm mức quan trọng của sự cứu giúp lẫn nhau giữa con người với con người.*

Những người Việt Nam đã thể hiện sự cứu giúp này qua việc quyên góp cho những trẻ em trong vùng Grosny đang sống lạc loài trong chiến tranh tại Tschelchenie. Tôi xin gởi tới họ lời cảm ơn chân thành xuất phát từ tận đáy lòng tôi.

Và để thay cho lời kết thúc, Thủ Tướng Helmut Kohl viết tiếp: "*Chính quyền Liên Bang Đức cũng sẽ can thiệp tích cực để đi đến việc chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tàn khốc tại Grosny đồng thời ủng hộ những nỗ lực và bước tiến mới đây trên con đường đi đến một giải quyết ôn hòa.*"

Qua bức thư của Thủ Tướng Helmut Kohl đã cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của những vị lãnh đạo đất nước, cũng như lòng nhân đạo của người dân Đức đối với các dân tộc hiện đang bị khổ đau.

Chúng ta đều là những người con của đất mẹ Việt Nam, khi thấy những vị lãnh đạo nhà nước Việt Nam không đủ tài năng lãnh đạo đất nước. Hiện đang đưa đất nước chìm đắm trong nghèo đói và lạc hậu, người dân bị bỏ bê, đói rét bệnh tật hành hạ, bị thiên tai bão lụt mà không cứu. Dân chết đói mà đem gạo đi xuất khẩu chỉ để lấy ngoại tệ mua về những đồ dùng xa xỉ phẩm phục vụ cho quyền lợi của những kẻ cầm quyền.

Những người dân có tấm lòng yêu nước đã tổ chức nên những Hội - Tủ Thiện, mục đích chính là đi cứu đói, phân phát thuốc men, quần áo, chăn, màn cho bà con bị thiên tai, bão lụt. Những công việc cứu trợ đó đã bị nhà cầm quyền CSVN cấm đoán và bắt giam. Điển hình vào tháng 11.1994 sau khi cứu trợ cho bà con tại đồng bằng sông Cửu Long; các thầy Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Lực đã bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt và kết án từ 2 đến 4 năm tù vì tội cầm đầu đoàn cứu trợ đi cứu giúp đồng bào. Hoặc tổ chức Green Cross của người Việt hải ngoại sau khi về Việt Nam để nghiên cứu tình hình nhằm xúc tiến công tác cứu trợ nhân đạo cũng đã bị nhà cầm quyền Việt Nam cản trở.

Tất cả những điều đó nói lên rằng chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam là một chế độ vô nhân đạo và hoàn toàn không có nhân bản.

- Nguyễn Hồng Quang - Uelzen.

ĐẠI HỘI QUỐC TẾ Y-NHA-DƯỢC VIỆT NAM TỰ DO KỲ II

Ban Tổ chức Đại Hội Quốc Tế Y-Nha-Dược Sĩ Việt Nam Tự Do "Covention Canada 97" sẽ tổ chức kỳ II vào các ngày 01, 02 và 03 tháng 8 năm 1997 tại Montréal và ngày 08.8.97 tại Vancouver, gồm đủ mọi khóa của ba ngành Y-Nha-Dược với chủ đề "Tre Già Măng Mộc".

Chương trình Đại Hội ngoài phần hội thảo về chuyên môn Nha-Y-Dược với tin chỉ chính thức, còn các bộ môn rất hào hứng như Văn học nghệ thuật, Giải trẻ, Xã hội Cộng đồng sẽ do nhiều diễn giả uy tín thuyết trình.

Ngoài ra còn có chương trình Du lịch và Giải trí. Đặc biệt với "Đêm Hội Ngộ và Tao Phùng" vào tối thứ bảy 02.8.97 và kết thúc Đại Hội với "Đêm Gala" vô cùng hấp dẫn và mục Xổ Số với nhiều giải thưởng có giá trị.

Phiếu ghi danh tham dự và Chi phiếu với lệ phí như lần trước, xin gởi về cho Ban Tổ Chức (Bác sĩ Thân Trọng An, Trưởng Ban Điều Hành):

Convention Canada 97
33, Succ Rosemont
Montréal, Qc, H1X - 3B6
Canada



Một thoáng hương Quỳnh

*Cửa sổ thời gian thoáng bóng Cầu
Bận chí lý cách, bận chí sầu,
Xanh xanh dặng liễu giong tơ biếc
Cuồn cuộn sông dài đợt sóng sâu
Lung giậu Cúc ươm vàng kén mới
Chót cảnh Mai chiếm nụ xuân đầu
Xuân thu treo sáng trăng mười sáu
Một thoáng hương Quỳnh gửi tạ nhau*

Mộng Tuyết Tháng Giêng Bính Tý
Đông Hồ, Hà Tiên - 1996

Bài họa

*Cho dẫu song ngoài chuyển vó Cầu
Xuân thu phó mặc chẳng vương sầu
Buông xuôi cơn lũ trôi dòng lụy
Vui giữa tình thơ nổi nghĩa sâu
Gom góp hoa mùa bao độ nở
Chất chịu hương động thuở ban đầu
Trăng Quỳnh bất ngát soi muôn dặm
Vẫn một trời Chung vẫn Có nhau*

• Vân Nường
Mùa Xuân Bính Tý - 1996

NGÀY QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

Nhân ngày kỷ niệm lần thứ 48 (1948-1996) Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn cùng với Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn (UBGTPN) và Liên Minh Việt Nam Tự Do (LMVNTD) tại Đức Quốc, dưới sự bảo trợ của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức Quốc, tổ chức tại Chùa Viên Giác từ 12 giờ ngày 9.12. đến 12 giờ ngày 10.12.96 một cuộc Tuyệt Thực - Hội Thảo và Họp Báo để gây tiếng vang lớn trong chánh quyền và nhân dân Đức cũng như trong giới báo chí Đức về việc nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục vi phạm có hệ thống và trầm trọng nhân quyền. Mặc dù nhà cầm quyền Hà Nội đã ký và cam kết với quốc tế là long trọng thi hành.

Đã có 200 người từ các nơi về tham dự, trong đó có 73 người tình nguyện tuyệt thực 24 tiếng đồng hồ. Một cái cũi bằng gỗ được dựng lên tượng trưng cho nhà tù ở Việt Nam trong có một người mặc áo vàng tượng trưng cho một vị Tăng sĩ Phật Giáo, và một người mặc áo nhà Dòng đen tượng trưng cho một vị Linh Mục Thiên Chúa Giáo.

Trong buổi hội thảo có những bài tham luận của Hội Phật Tử, LMVNTN và UBGTPN cùng các Hội đoàn và cá nhân như Hồ Văn Thông, Nguyễn Hồng Quang, Cao Minh Đức, Nguyễn Tuấn Quốc, Dr. Bùi v.v... Nội dung được tóm lược như sau:

I. VI PHẠM NHÂN QUYỀN

Hôm nay chúng ta mừng ngày sinh nhật lần thứ 48 Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, trong đó có ghi 30 điều ấn định về quyền sống và quyền làm người của mỗi con người. Nhưng đau đớn thay, nước Việt Nam chúng ta dưới sự cầm quyền của một đảng Cộng Sản độc tài đảng trị, nhân dân ta chưa bao giờ hưởng được một điều nào trong bản Tuyên Ngôn này. Mặc dù nhà cầm quyền Cộng sản Hà Nội (NCQ/CSHN) đã ký và cam kết long trọng thi hành.

Từ cuộc Cải Cách Ruộng Đất; Nhân Văn Giai Phẩm; Xét Lại Chống Đảng; Đàn Áp Tôn Giáo; Tập Trung Quân Cán Chính Miền Nam trong các trại tù khổ sai mà CS gọi là Trại Học Tập Cải Tạo; Đánh Tư Sản Mại Bán để cướp vàng cướp của; Đào mồ cuốc mả những Chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa; và còn biết bao nhiêu vụ việc khác đã và đang xảy ra trên quê hương ta, chúng tỏ rằng NCQ/CSHN đã và đang vi phạm có hệ thống và trầm trọng nhân quyền.

Theo như Hiệp Ước Việt-Đức về việc hồi hương 40 ngàn người Việt đang xin tỵ nạn tại Đức, NCQ/CSHN đã hứa là sẽ không trừng phạt những người trở về. Nhưng ai tin được điều này, ngoại trừ những người chưa bao giờ sống dưới chế độ CS. Vì ngay đến Hiến

Pháp là một văn kiện pháp lý làm nền tảng căn bản cho chế độ mà NCQ/CSHN còn trắng trợn vi phạm xem như một tập giấy nháp, thì thử hỏi những người đang ngồi tại đây tuyệt thực, những người đã, đang và sẽ biểu tình đòi đa nguyên đa đảng, đòi Tự Do Dân Chủ, đòi tỵ do Tôn Giáo, đòi công bằng xã hội v.v... có nghĩa là chống lại chế độ độc tài đảng trị, thì ai dám bảo đảm với họ là khi bị đuổi về nước họ sẽ không bị trừng phạt và bị vứt bỏ qua bên lề xã hội. Vì NCQ/CSHN là một chế độ vi phạm nhân quyền. Hơn nữa theo điều 82 và điều 85 của Bộ Luật Hình Sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện vẫn còn giá trị, như sau:

Điều 82: Tội tuyên truyền chống chế độ XHCN

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chánh quyền nhân dân thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm

a/- Tuyên truyền xuyên tạc chế độ XHCN

b/- Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân.

c/- Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống chế độ XHCN.

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

Điều 85. Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài

nhằm chống chánh quyền nhân dân.

1. Người nào trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chánh quyền nhân dân thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm.

2. Người tổ chức, người cưỡng ép, người xúi giục thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm.

3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 12 năm đến 25 năm hoặc tù chung thân.

Do đó Ban Tổ Chức thỉnh cầu chánh quyền Đức vi nhân đạo chấp nhận cho những người có hành động chống đối NCQ/CSHN được ở lại cho đến ngày nào mà chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị ở Việt Nam bị loại bỏ, ngày đó họ sẽ tự nguyện trở về xây dựng lại quê hương.

2. ĐÀN ÁP TÔN GIÁO

NCQ/CSHN hiện nay đang cai trị dân với chánh sách vô thần, đang đi trên con đường vô đạo. Sau khi cưỡng chiếm miền Nam, họ liền nghĩ ngay đến việc áp đặt các Tôn Giáo dưới sự chỉ đạo của đảng để chỉ phục vụ cho đảng.

Nhưng, mục đích của Đạo là cứu đời khỏi khổ, khỏi loạn v.v... là phục vụ tha nhân để làm cho cuộc sống được thăng hoa chỗ đâu phải để phục vụ cho đảng, để cứu đảng. Do đó các vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo nhất là các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, với hình thức bất bạo động chống đối quyết liệt việc làm sai trái này của đảng. NCQ/CSHN liền chụp cho các vị này một cái mũ "Phản Động", rồi dùng biện pháp chuyên chính vô sản đàn áp, bắt

giam và bỏ tù như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Linh Mục Trần Đình Thủ v.v...

3. PHƯƠNG THỨC ĐẤU TRANH

Mục đích tối hậu của chúng ta trong cuộc đấu tranh hôm nay là loại bỏ chế độ Cộng Sản phi nhân, độc tài đảng trị để thiết lập một chế độ nhân bản tự do dân chủ, hợp tình người, hợp tình dân tộc và cũng hợp với xu thế thời đại hiện nay. Để đạt được mục đích này, chúng ta mỗi Đảng phái, Hội đoàn, Tổ chức hay cá nhân có thể sử dụng mọi phương cách kể cả việc tiếp tay hỗ trợ những đảng viên CS kỳ cựu tiến bộ, phản tình. Nhưng tuyệt đối không được độc tôn cho rằng chỉ có đảng đoàn mình là đúng còn tất cả là sai và tuyệt đối không được ra tuyên ngôn, tuyên cáo hay viết báo a dua bộ để CS tiếp tay nối giáo cho bạo quyền.

Con đường đấu tranh để loại bỏ chế độ CS còn nhiều trở ngại chông gai, nhưng chúng ta vững tin và chắc chắn lẽ tất thắng sẽ về phía chúng ta. Nếu chúng ta biết đoàn kết quên đi cái ta nhỏ bé của mình đi, tức là cái Tiểu Ngã, để nhập vào cái chung tức là Đại Ngã để trở thành một khối, một Liên Minh hùng mạnh có tầm vóc quốc tế thì mới mong bắt buộc NCQ/CSHN phải chấp nhận đa nguyên đa đảng, tự do dân chủ cho đất nước.

Trước mặt ta chỉ có một mục tiêu duy nhất cần loại bỏ là chế độ CS phi nhân độc tài đảng trị, một chế độ đang đi trên tiến trình đào thải, một tiến trình không thể đảo ngược được. Chúng tôi khẳng định với NCQ/CSHN là chúng tôi đấu tranh không phải để giết hại người CS, mà đấu tranh chỉ để thực hiện Tự Do Dân Chủ, Tự Do Tín Ngưỡng và Công Bằng Xã Hội cho quê hương và dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc họp báo có 3 đại diện của ba tờ báo Đức tại Hannover như tờ Neue Presse - Hannoversche Allgemeine Zeitung - Stadt Blatt, 8 tờ báo Việt ngữ và Đại diện Đài Phát Thanh Diễn Đàn Dân Chủ.

Bài tường thuật của báo Neue Presse Báo NEUE PRESSE (Tin Mới) trang 8 mục sinh hoạt vùng Hannover số ra ngày thứ từ 11.12.1996 (bài của Nữ ký giả tje)

NHÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM - 200 NGƯỜI ĐÃ ĐẾN CHÙA.

Hannover. Ông Ngô Văn Phát rất yêu quê hương của Ông. Ông rất muốn trở về quê hương xứ sở. "Nhưng điều này không thể được", cựu Đại tá của quân đội Nam Việt Nam trước đây cho biết như vậy và nói thêm "vì ở đó nhân quyền con người bị chà đạp". Cho nên Ông Ngô Văn Phát đã tổ chức ngay tại thành phố Hannover một cuộc tuyệt thực 24 giờ, cuộc tuyệt thực này đã có 73 người Việt tỵ nạn từ khắp nơi trên nước Đức đến tham dự.

REGION HANNOVER

Menschenrechte für Vietnam – 200 Leute kamen zur Pagode

HANNOVER. Van Phat Ngo liebte seine Heimat Vietnam. Gerne würde er zurückkehren. „Doch das geht nicht“, so der ehemalige Oberst der südvietnamesischen Armee, „denn dort werden Menschenrechte mit Füßen getreten.“ Deshalb organisierte Van Phat Ngo jetzt in Hannover einen 24stündigen Hungerstreik, an dem 73 vietnamesische Flüchtlinge aus ganz Deutschland teilnahmen.

Die Vereinigung buddhistischer Vietnamflüchtlinge, die Ngo leitet, und die „Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche“ wollten zum Tag der Menschenrechte auf die Situation aufmerksam machen. 200 Flüchtlinge kamen gestern in die buddhistische Pagode Viendiand in der Karlsruher Straße, um die Hungernden zu unterstützen.

„In meiner Heimat werden die Menschen von dem kommunistischen Regime unterdrückt. Religionen werden verboten, geistliche Führer verhaftet“, sagt Van Phat Ngo. Jeder, der sich für die Demokratie einsetze, laufe Gefahr, diskriminiert, verhaftet oder gefoltert zu werden.

Zustände, gegen die auch amnesty international (ai) und die Internationale Gesellschaft für Menschenrechte (IGFM) protestieren: „Wir fordern die vietnamesische Regierung auf, die Religionsfreiheit zu respektieren und die inhaftierten Mönche sofort freizulassen.“ Zahlreiche Gesetze seien so formuliert, daß „es möglich ist, Personen allein aufgrund ihrer friedlichen Meinungsäußerung und gewaltfreier Aktivitäten in Haft zu nehmen“.

1000 Menschen seien in Vietnam in Umerziehungslagern eingesperrt, so Van Phat Ngo. Er weiß, was das bedeutet. Sechs Jahre war er in einem solchen Lager. Daß er diese Zeit überlebte, erscheint ihm heute wie ein Wunder: „80 Prozent von uns starben: Den ganzen Tag mußten wir schuften, Essen bekamen wir kaum. Wir aßen Mäuse und Kakerlaken, um zu überleben.“ tje

Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn do Ông Ngô làm chủ tịch và "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất" muốn làm cho mọi người lưu tâm đến tình trạng nhân quyền tại Việt Nam nhân ngày kỷ niệm 48 năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền. 200 người Việt ty nạn đã đến Chùa Viên Giác tại đường Karlsruher trong ngày hôm qua để yểm trợ cho những người tuyệt thực.

"Con người trong nước tôi đã bị chế độ Cộng Sản đàn áp. Tự do tôn giáo bị cấm đoán, những vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo bị giam cầm" Ông Ngô cho biết như thế. Những ai tranh đấu cho Dân Chủ thì không tránh khỏi bị kỳ thị, bị bắt bớ hoặc bị tra tấn.

Tổ chức Ân Xá Quốc Tế (AI) và tổ chức Nhân Quyền Quốc Tế (IGFM) cũng phản đối chống lại những tình trạng này: họ lên tiếng "chúng tôi đòi nhà cầm quyền Việt Nam phải kính trọng Tôn Giáo và lập tức trả tự do cho các vị tu sĩ đã bị giam cầm". Rất nhiều đạo luật ghi rằng "tất cả những ai chỉ vì sự phát biểu tư tưởng hòa bình của họ và hoạt động bất bạo động cũng có thể bị bắt bớ tù".

Hàng ngàn người còn bị nhốt trong các trại cải tạo ở Việt Nam, Ông Ngô Văn Phát cho biết như vậy. Ông biết rõ việc này như thế nào. Vì sáu năm trời Ông đã sống trong một những trại cải tạo như thế. Việc ông còn sống được qua thời gian này đối với Ông ngày hôm nay như là một phép lạ, vì: "80 phần trăm các tù cải tạo



Biểu tình đòi Tự Do và Nhân Quyền trước Sở Quán CSVN tại Bonn ngày 7.12.96.

đều bị chết. Chúng tôi đã phải lao động mỗi ngày, trong khi đó không có gì để ăn. Chúng tôi đã ăn những con chuột và những con gián để sống qua ngày".

(Ủy viên BC/SHCD Hội Phật Tử chuyển ngữ)



Quang cảnh tuyệt thực tại Hội trường chùa Viên Giác



Những người tuyệt thực đi trong khuôn viên chùa

Ngoài ra, Ban Tổ Chức cũng có kêu gọi tất cả tham dự viên, mỗi người gửi một bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền này cho một người ở Việt Nam, để họ biết rõ những quyền căn bản và quyền công dân, để từ đó đấu tranh đòi nhà cầm quyền Cộng Sản phải tôn trọng nhân quyền.

ĐÍNH CHÁNH:

Trong bài tường thuật bằng Đức ngữ, dòng thứ 4. Ông Ngô Văn Phát đã nói với phóng viên báo Neue Press là cựu Trung Tá, nhưng Cô ghi nhầm là Đại Tá. Dòng thứ 43 - Khi Cô phóng viên hỏi Ông Phát trong tù ăn uống như thế nào? Ông trả lời là không bao giờ ăn no, bị đói triền miên. Do đó có nhiều tù nhân ăn cả chuột, nhái, ếch, cóc sống sít dớ bản nên có nhiều người chết, trong số này có trên 80% là bị bệnh kiết lỵ, chớ không phải 80% những người ở tù bị chết như phóng viên đã ghi nhầm.

Lời Hay

Ý Đẹp

Ph. Hà Dụ Đồng

Yêu thương quê hương chính là con đường cách mạng sáng tỏ, cao cả và tốt đẹp nhất

Bàn về Điểm 3 của Tuyên Ngôn và Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại kỳ I Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại: **"VẬN ĐỘNG GIẢI GIỚI THẾ QUYỀN VÀ ẢNH HƯỞNG CHÍNH TRỊ BÈ PHÁI MẠNH ĐỘNG ĐANG LÀM UNG THỐI NỘI TÂM NỀN PHẬT GIÁO DÂN TỘC"**.

BÌNH LUẬN ĐẶC BIỆT CỦA DIỄN ĐÀN CHUNG PHE DÂN CHỦ VN QUỐC NỘI - HẢI NGOẠI

(Trích Báo ĐỔI LỊCH số 13 tháng 11.1996)

Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo vào các ngày 10-13/10/1996 tại North Hills, California, quy tụ đại biểu của Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trên khắp thế giới, đã ra Tuyên Ngôn và Quyết Nghị trong đó có Điểm 3 là điểm quan trọng nhất, trích dẫn lại như sau (Khai Thác Thị Trường số 24, trang 49) :

"Mở cuộc vận động giải giới thế quyền và ảnh hưởng chính trị bè phái mạnh động đang làm ung thối nội tâm nền Phật Giáo dân tộc, để trang nghiêm đất nước và pháp giới. Kêu gọi chư tôn đức, tăng ni trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hãy lánh xa bất cứ thế lực chính trị nào xây dựng trên các chủ thuyết duy ngã, duy lợi, duy kỷ đi ngược với nỗ lực ban đầu của Đức Phật sau khi thành đạo. Đó là nỗ lực thuyết phục nếu không là phủ quyết 95 tà thuyết và lục sự dị đạo. Nhờ đây giáo lý vô thượng của Đức Phật mới được lan truyền để cứu khổ tử ma".

Trước khi đi sâu phân tích về Điểm thứ ba của Tuyên Ngôn và Quyết Nghị trọng đại này của Phật Giáo, thiết tưởng cần nhắc lại mấy điểm quan trọng suốt trong quá trình của Khoáng Đại Hội Nghị :

- Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất trong suốt quá trình Khoáng Đại Hội Nghị đã quyết tâm bác bỏ con đường "hòa hợp hòa giải" kiểu CS mà một vài thành viên nào đó, đã nêu ra; từ đó, vấn đề "giải giới thế quyền và ảnh hưởng chính trị bè phái mạnh động" đã được đề ra như một xương sườn của toàn bộ sách lược lớn của Giáo Hội chuẩn bị cho thế kỷ 21.

- Lần đầu tiên, chức vụ **PHÓ CHỦ TỊCH ĐẶC TRÁCH GIẢI TRỪ PHÁP NẠN** được thành lập, và một vị tăng có lập trường quyết liệt với chuyên chính, đã được công cử vào chức vụ này : **THƯỢNG TỌA THÍCH GIÁC LƯỢNG**, thuộc Bắc Cali!

- Lần đầu tiên, các nỗ lực trên toàn thế giới của Phật Giáo đã được tập trung để tiến hành Đại Hội : Không những Tăng Ni và chức sắc Giáo Hội mà các cư sĩ Phật Tử tên tuổi trên khắp thế giới cũng đã tụ họp về : Võ văn Ái, Phạm Công Thiện, Bùi Ngọc Đường, Nguyễn Trọng Nho, Nguyễn Trung vv... Đại Hội đã làm việc cật lực trong ba ngày và ra một tuyên ngôn "nổi sóng" làm buồn lòng không ít CS nằm vùng xâm nhập vào Phật Giáo.

Để thấy các nỗ lực của Phật Giáo kỳ này quyết liệt với chuyên chính CS như thế nào, thiết tưởng cần phải tạm ngưng bàn về điểm 3 Tuyên Ngôn Đại Hội Khoáng Đại Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Hải Ngoại để nói về việc thành lập bộ phận đặc trách chống lại kế hoạch tôn giáo vận của CS mà vị Tăng trách nhiệm là **THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ LĂNG** - hiện ngụ tại Bắc Cali, mà một thông cáo do Thượng Tọa ký về vấn đề tôn giáo vận của Việt Cộng đã được công bố trong tháng 9 vừa qua (xin xem Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại, số 9, tháng 9/1996, về phần "Tin tức sinh hoạt của Giáo Hội trong ngoài nước"). Để đáp ứng thông cáo của Giáo Hội về vấn đề tôn giáo vận của CS, các ban Hộ Trì Chánh Pháp đã bắt đầu được thành lập tại nhiều nơi, sẵn sàng ủng hộ quyết liệt với mọi hoạt động tôn giáo vận hiện nay đang được CSVN phát động.

Sau đây là một đoạn thư tiêu biểu của **Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp** của Cộng Đồng Phật Giáo VN Colorado gửi cho **Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp** tại Chicago, Illinois, nói lên quyết tâm đập tan chiến dịch tôn giáo vận của CS :

*Giáo Hội Phật Giáo VNTN Hải Ngoại - Hoa Kỳ
Cộng Đồng Phật Giáo VN Colorado
Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp*

Ngày 11/11/1996

Kính gửi : Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp tại Chicago, Illinois.

Qua nhiều nguồn tin, kể cả các báo chí từng thuật về những hoạt động của Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp tại Chicago, Illinois, chúng tôi được biết quý lực lượng đã thực hiện được những hoạt động tích cực trong việc chặn đứng và đập tan chiến dịch "Tôn giáo vận" vô cùng tinh vi và sâu độc của Tập đoàn Mafia Việt Cộng, và bọn Việt Cộng nằm vùng, bọn đốn gió trở cờ, lừa thầy phản bạn, cùng một số sư sãi mù quáng, vô liêm sỉ, chỉ biết quyền lợi vật chất, đánh mất lương tâm, coi thường Đạo Pháp và phản bội Dân Tộc.

"Mặc dù mỗi thành lập, quý lực lượng đã được những Phật Tử chân chính cũng như hầu hết các tổ chức, hội đoàn Quốc Gia tại Chicago, Illinois hưởng ứng nồng nhiệt trong cuộc xuống đường đấu tranh chống âm mưu quỷ quyết "Tôn giáo vận" của tập đoàn Mafia Việt Cộng và lễ cầu siêu, cúng thi thày cô hồn tại bãi đậu xe Hội Người Việt ngày 25.8.1996.

"Cộng Động Phật Giáo thuộc Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ trên các tiểu bang có đồng người Việt tỵ nạn cộng sản đều nức lòng và vô cùng phấn khởi, cũng như hoan hỷ biểu dương và thần phục tinh thần đấu tranh quyết liệt bảo vệ Chánh Pháp và Dân Tộc của đồng bào Phật Tử nói chung và của "Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp" thuộc Chicago, Illinois nói riêng. Quý Lực Lượng đã đánh chính xác vào các tú huyệt của kế hoạch "Tôn giáo vận" do đảng cướp Mafia Việt Cộng tung ra Hải Ngoại.

"Chúng tôi tin rằng trước tinh thần đấu tranh quyết liệt của đồng bào tỵ nạn CS và Phật Tử khắp nơi, âm mưu "Tôn giáo vận" của Việt Cộng sẽ bị triệt tiêu toàn diện..."

T/M Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp Colorado

Nguyễn Đường Trần Đức Đệ.

Bản sao kít : Lực Lượng HTCP Trung Ương để thẩm tưởng.

Trước khi thế các lực lượng hộ trì chánh pháp được thành lập khắp nơi và do các chiến sĩ quyết tử với chuyên chính trong hàng Phật Tử đảm nhiệm, tương lai của Việt Cộng nằm vùng và đám tay sai thực hiện kế hoạch "Tôn giáo vận" của CS tại Hải Ngoại rất đen tối. Trận chiến "Tôn giáo vận" giữa CS và Phật Tử Hải Ngoại là trận chiến một mất một còn, vì nếu kế hoạch tôn giáo vận của CS thành công, thì Phật Giáo Hải Ngoại trước sau sẽ biến thành Phật Giáo Quốc Doanh của CS, tương tự các chùa hiện bị xâm nhập bởi sư công an trong nước. Hiện đã có một vài cơ sở PG Quốc Doanh của CS đã bắt đầu bám trụ ở Hải Ngoại, mà đồng bào đều biết, ở Paris, ở Toronto vv... Vậy phải hết sức quyết liệt và đánh trực diện vào mọi hoạt động Tôn giáo vận nhằm đưa Phật Giáo Quốc Doanh CS ra Hải Ngoại.

Trở lại điểm 3 Tuyên Ngôn và Nghị Quyết của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I Phật Giáo VNTN Hải Ngoại, điểm này bao gồm hai phần chính sau đây :

I- MỞ CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI GIỚI THỂ QUYỀN VÀ ẢNH HƯỞNG CHÍNH TRỊ BỀ PHẢI MẠNH ĐỘNG ĐANG LÀM UNG THỐI NỘI TÂM NỀN PHẬT GIÁO DÂN TỘC, ĐỂ TRANG NGHIỆM ĐẤT NƯỚC VÀ PHÁP GIỚI

Tại sao Phật Giáo lại phải mở cuộc vận động giải giới thể quyền khi tôn giáo không làm chính trị? Đồng bào VN cần đọc tiếp đoạn sau của mệnh đề: "*Mở cuộc vận động giải giới thể quyền và ảnh hưởng chính trị bề phải mạnh động đang làm ung thối nội tâm nền Phật Giáo Dân Tộc, để trang nghiêm đất nước và pháp giới*". Hóa ra phải vận động giải giới thể quyền vì thể quyền này "*đang làm ung thối nội tâm nền Phật Giáo Dân Tộc*", bằng sự tiến hành các kế hoạch thâm độc: (1) Can thiệp và phá hoại nội bộ Phật Giáo, (2) tước đoạt tài sản Giáo Hội, và (3) tiêu diệt nhân sự lãnh đạo Giáo Hội, khai tử Giáo Hội truyền thống. Vì "thể quyền" này lập ra Giáo Hội Quốc Doanh dưới chiếc dù che của Đảng CS và Mặt Trận Tổ Quốc để biến Phật Giáo thành tay sai của Đảng, Phật Giáo Đờ và Giáo Hội truyền thống đã chống lại. Mục đích giải giới thể quyền là để "trang nghiêm đất nước và pháp giới".

Bằng cách nào Phật Giáo "*mở cuộc vận động giải giới thể quyền và ảnh hưởng chính trị bề phải mạnh động*?"

Hưởng đi và hoạt động của Giáo Hội do Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I vạch ra có đề cập đến một số biện pháp để giải quyết vấn nạn này.

Có ba phương hướng chính :

- *Chuẩn bị nhân sự* : trong đó có việc huấn luyện cán bộ, tăng ni, Phật tử cho các công tác đấu tranh nhân quyền, truyền thông báo chí và vận động quần chúng; huấn luyện cán bộ cũ sĩ; kết hợp thành phần cũ sĩ làm lực lượng hộ pháp nòng cốt (để tranh đấu với CS, chẳng hạn các Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp đã đề cập ở trên).

- *Phối hợp hoặc kết hợp* : như là liên hệ hữu cơ với mọi tổ chức Phật Giáo hay các Giáo Hội Phật Giáo chưa gia nhập vào hệ thống GHPGVNTN; phá đổ sự ngăn cách vì thiếu hiểu biết hay kỳ thị vv...

- *Vận động giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn* : bằng thái độ tích cực và bằng phương cách bất bạo động. (1) Mở các cuộc vận động quốc tế nhằm vào các trung tâm quyền lực Mỹ, Âu, Á, Úc, tổ chức LHQ, các cơ quan nhân quyền, công đoàn quốc tế, các tổ chức nhân bản và tôn giáo bạn; mục tiêu gây áp lực buộc nhà cầm quyền Hà Nội tôn trọng tự do tôn giáo, nhân quyền, dân chủ, cũng như các yêu sách chính đảng của GHPGVNTN; (2) Thiết lập cơ cấu giải trừ Pháp nạn từ trung ương đến địa phương do vụ đặc trách giải trừ Pháp nạn điều khiển; (3) Tổ chức từ trung ương đến địa phương, lập văn phòng tại Hoa Thịnh Đốn và kiện toàn phương tiện cho Phòng Thông Tin PG Quốc Tế.

Một điều mà văn kiện Đại Hội Khoáng Đại chưa nói lên là kết hợp giữa Phật Giáo với các lực lượng đấu tranh và các phong trào quần chúng trong việc giải giới thể quyền, vì không phải chỉ Phật Giáo mưu tìm việc giải giới thể quyền tại VN hiện nay; mà các lực lượng khác cũng đang làm như thế. Thế thì vấn đề liên hệ và cộng tác, phối hợp tất sẽ được đặt ra. Kế hoạch giải giới thể quyền cũng không phải luôn luôn giữ được bất bạo động, vì khi phong trào quần chúng tự phát, nó có khả năng biến thành như bão táp, và lúc đó cũng khó thể nào nói trước là có thể giữ được bất bạo động hay không. Đành rằng giáo lý Phật Đà dạy Phật Tử bất bạo động, nhưng lực quần chúng đụng với bạo lực của CS, thì có thể nào lực đó giữ được bất bạo động khi đụng độ với lực lượng bạo động của CS? Vấn đề là phải tự vệ. Bởi vậy về điểm này phải nói rằng Phật Giáo chủ trương bất bạo động, nhưng khi đụng độ với lực lượng bạo động (cường lực CS) tất phải có quyền tự vệ. Nếu không sẽ bị tiêu diệt. Đây chỉ là vấn đề tự vệ để sống còn mà thôi, không có gì trái với giáo lý Phật Đà chủ trương bất bạo động, nhưng không nói rằng không được tự vệ, tức là chịu chết nếu kẻ bạo động đâm mình (lúc ấy ít nhất cũng phải đẩy cây giáo ra chứ không lẽ uõn ngực cho kẻ bạo động đâm giáo vào tim mình?). Trong lúc tự vệ tất nhiên có thể có xô xát, và đó là điều ngoài ý muốn của người Phật Tử.

Để giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn, khó thể nào quan niệm đó chỉ là cuộc vận động Quốc Tế thuần túy mà không có cuộc biểu dương ở VN, vì hiệu quả của áp lực Quốc Tế tùy thuộc vào thiện chí của nhà cầm quyền Hà Nội, không có gì bó buộc Hà Nội phải tuân hành. Nó khác với phong trào quần chúng dâng lên như sóng-trần thác lũ và thể quyền mạnh động dường nhiên bị giải giới do lực nhân dân. Bởi vậy, để giải giới thể quyền thì phong trào quần chúng (yếu tố chủ quan của Dân Tộc) là chính, chủ không phải vận động Quốc Tế (yếu tố khách quan). Già sử rằng có cường quốc nào ủng hộ chúng ta như thế, đến mức tạo phương tiện cho chúng ta giải giới thể quyền, thì sau đó chúng ta cũng lại lệ thuộc vào cường quốc đó mà thôi. Bởi vậy giải giới thể quyền phải lấy phong trào quần chúng làm chính, không thể vận động Quốc Tế giải giới thể quyền được (vì nếu thế thì Quốc Tế lại can thiệp vào nội bộ của một nước). Vậy Phật Giáo phải sẵn sàng chấp nhận và chuẩn bị phát động phong trào quần chúng trong nước để "giải giới thể quyền", còn không Tuyên Ngôn và Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của PGVNTNHN cũng chỉ là khẩu hiệu nói suông mà thôi.

II- KÊU GỌI CHỦ TÔN ĐỨC, TĂNG NI TRONG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM (TỨC GIÁO HỘI NHÀ NƯỚC) HÃY LÁNH XA BẤT CỬ THỂ LỰC CHÍNH TRỊ NÀO XÂY DỰNG TRÊN CÁC CHỦ THUYẾT DUY NGÃ,

DUY LỢI, DUY KỶ ĐI NGƯỢC VỚI NỖ LỰC BAN ĐẦU CỦA ĐỨC PHẬT SAU KHI THÀNH ĐẠO

Nói tóm lại là Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của PG kêu gọi Tăng Ni trong Giáo Hội Nhà Nước hãy chỗi bỏ và lánh xa Giáo Hội này (nếu không muốn xuống địa ngục, tức là nếu không phủ quyết 95 tà thuyết và lục sử dị đạo). Không có gì khó hiểu trong việc xuống địa ngục của những kẻ khi sư diệt tổ, lừa thầy phản bạn, hoặc những kẻ bán cả đức bốn sư vì miếng đỉnh chung; trừ những vị có những sứ mạng đặc biệt phải trá hình vào Giáo Hội Nhà Nước thì không kể. Tăng Ni trong Giáo Hội Nhà Nước - nếu nghe theo lời kêu gọi của Giáo Hội truyền thống, muốn trang nghiêm đất nước và pháp giới, thì phải có những nỗ lực xa lánh chế độ, nếu không muốn nói là cần tham dự vào tiến trình giải giới thể quyền, mà như đã nói rất khó tránh khỏi phải phát động phong trào quần chúng. Một khi phong trào quần chúng đã nổi lên thì Tăng Ni trong Giáo Hội Nhà Nước cần quay ngược lại tiếp sức giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn. Nếu làm khác, tức hòa với bạo lực để tiêu diệt người dân hoặc đồng đạo, triệt hạ thầy tổ, thì con đường xuống địa ngục của những vị đó đã quá rõ.

Trong cơn thập phần nguy cấp của chế độ CSVN trong những ngày sắp đến, với Trung Quốc hỗn loạn trong cơn lốc tranh giành quyền lực nhân cái chết của Đặng Tiểu Bình; Việt Nam cũng khó tránh khỏi trận chiến một mất một còn giữa Dân Chủ và Giáo Điều như Nguyễn Huệ tiên liệt. Sĩ phu Nguyễn Cao Hách đã "Hô hào nổi dậy" để làm đà cho các giới cùng đứng lên "Hô hào". Phong trào quần chúng tất sẽ phát động trong nay mai. Những ngày tháng còn lại của CSVN trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba rất ngắn. Tuyên Ngôn và Nghị Quyết của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của Phật Giáo nêu bật quyết tâm "giải giới thể quyền" tại VN không phải là lời nói vô căn. Nó được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố thời gian tồn tại của CS. Chủ Tôn Đức Tăng Ni trong Giáo Hội Quốc Doanh ắt hẳn cũng phải nhận ra được là những ngày tháng còn lại của chế độ phi nhân phi đạo tại VN không bao lâu. Nếu không thì Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã không tức sự bài thơ sau đây từ nơi giam giữ Ngài ở Nghĩa Hành, Quảng Ngãi, được luân lưu ra Hải Ngoại :

Nghĩa Hành Túc Sự

*Từ đây mấy kiếp độ chim hồng
Lồng rách mà chim vẫn đứng trong
Tù Mỹ hết đường về đất Thục
Bá Nhân không lối xuống sông Đông
Lên rừng hổ thẹn thua chim núi
Xuống nước than thân hổ cá sông
Chim đứng chờ trời đất chuyển
Chờ ngày vỗ cánh khắp trùng không*

THÍCH HUYỀN QUANG
Phật lịch 2540

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

■ Đại hội Đại biểu Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia hải ngoại khu vực Âu Châu, với chủ đề vai trò người Việt hải ngoại đối với công cuộc chuyển vận lịch sử hiện tại và xây dựng đất nước trong tương lai, được tổ chức tại Đại Học Mainz, Đức Quốc, ngày 20.10.96.

Trên 300 người tham dự, nhiều phái đoàn



Chủ Tọa Đoàn Đại Hội Đại Biểu CĐNVQG / KV / ÁC tại Đại Học Mainz, Đức, ngày 20.10.96 từ trái sang phải: Phó tiến sĩ Lê Thành Trai (Hội Đồng Cổ Vấn), giáo sư Lai Thế Hùng (Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành), ngụy sĩ Nguyễn Chí Thiện và cựu thẩm phán Trần Đức Lai (Hội Đồng Giám Sát).



Biểu tình đòi bạo quyền CS Hà Nội trả tự do cho các tù nhân lương tâm và tranh đấu nhân quyền cho VN tại Paris ngày 26.10.1996. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, ông Lai Thế Hùng, ông Nguyễn Ngọc Đức (LMDCTD), bác sĩ Nguyễn Quốc Nam (LMDC), tiến sĩ Trần Bình Tịnh và quan khách Âu Châu cùng nhân sĩ chống Cộng tại Paris.

từ xa đến như: Anh Quốc, Đan Mạch, Tiệp Khắc, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Bỉ, Pháp và đông đảo nhất là các phái đoàn ở Đức Quốc.

Đặc biệt có sự hiện diện của Ngụy sĩ Nguyễn Chí Thiện, ông được sự hưởng ứng nồng nhiệt của tất cả những người tham dự,

khí ông công bố hai công tác mà ông sẽ thực hiện trong những ngày tháng tới là thành lập một Đài Phát Thanh để phát tin về Việt Nam, nhằm phổ biến cuộc đấu tranh đòi Tự Do - Dân Chủ của Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại, và xuất bản một tờ báo Hải Ngoại.

■ Ngày 27.10.96 cũng do Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại khu vực Âu Châu tổ chức tại nhà hàng Majesty, quận 13 Paris, Pháp, cũng có sự hiện diện của Ngụy sĩ Nguyễn Chí Thiện và gần 100 Đại diện các Đoàn thể, Tổ chức, Cộng đồng và nhân sĩ chống cộng. Nhân dịp này ông Nguyễn Chí Thiện cũng kêu gọi Người Việt Hải Ngoại hãy đoàn kết đấu tranh hơn nữa để sớm chấm dứt chế độ Cộng Sản, thâu ngắn ngày về xây dựng quê hương.

■ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI THAM DỰ HAI HỘI NGHỊ VĂN HÓA QUỐC TẾ TẠI PHÁP VÀ BỈ ĐẦU THÁNG 9.96

Mùa hè năm nay, Việt Nam tại hải ngoại đã tham dự hai Hội nghị Quốc tế khai diễn tại Pháp và Bỉ. Đó là hội nghị Pháp Thoại diễn ra tại miền Nam nước Pháp và Đại hội lần thứ 20 lưỡng niên thi ca quốc tế tại Liège. Học giả Thái Văn Kiểm, Thi sĩ Hoài Việt, hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, hội viên Văn Bút Pháp cùng với hai vị khách đã tham gia hai cuộc họp quốc tế này.

Ngày 14.9.96, Phóng viên Trúc Lâm giới cho Tin Văn bài tường thuật như sau:

Nước Liban và Pháp Thoại

Đệ Lục Hội Thoại Quốc Tế Pháp ngữ (*Vie Colloque International de la Francophonie*) đã diễn ra từ ngày 29.8.96 tới ngày 1.9.96 tại Payrac-Quercy, vùng Lot et Dordogne là nơi có nhiều hang động và di tích thời tiền sử của Âu Châu, như Động Lascaux, Động Padirac, Động Rocamadour, v.v...

Hội thoại đã quy tụ hơn 300 văn, thi sĩ thuộc 54 quốc gia và hội đoàn khắp năm châu về đây thảo luận và trao đổi ý kiến chung quanh đề tài chính là: *Le Liban et la Francophonie*, do Văn sĩ Charles Helou, cựu Tổng Thống Liban chủ tọa, với sự hợp lực của Giáo sư Edmond Jouve, Hội trưởng Hội Nhà Văn Pháp Ngữ (*Association des Ecrivains de Langue Française, ADELFF*).

Cuộc gặp gỡ này đã diễn ra trong một bầu không khí rất hào hứng, đồng thời giúp cho sự hiểu biết rộng rãi về những ảnh hưởng sâu đậm và xa xưa của các nước Phénicie (Liban cũ), Hy Lạp và La Mã, Thổ Nhĩ Kỳ trước và sau Công Nguyên, vào các nền Văn hóa Trung Đông, Tây Phương và Phi Châu chung quanh Địa Trung Hải mà người xưa gọi là Mare Nostrum.

Phái đoàn Việt Nam Quốc Gia Hải Ngoại đã được Ban Tổ Chức mời tham dự gồm có:

- Nữ sĩ Văn Nường Lê Ngọc Chấn, tác giả Thi phẩm "*Con Đường Đạo Lý*" và nhiều thơ văn đã được phiên dịch ra Pháp ngữ, hiện cư ngụ tại Sarlat-La-Canéda, kế cận nơi hội họp.

- Văn sĩ Hoàng Giang Thái Văn Kiểm, Phó Chủ Tịch Hội Nhà Văn Pháp Ngữ, Đại diện Trung Tâm Quốc Tế Việt Học (Paris) đã thuyết trình đề tài "*De Beyrouth à Cathage via la Francophonie*",

- và Thi sĩ Hoài Việt (Tiến sĩ Khoa Học Nguyễn Văn Hưởng), Đại diện Văn Bút Âu Châu, tác giả thi phẩm *Amour et Liberté* mà ông có trích ngâm hai bài rất được tán thưởng: *J'ai un Rêve* (dựa trên bài *I Have a Dream* của Martin Luther King) và bài *L'Amour Sans Frontières*.

Phái đoàn Việt Nam Hải Ngoại đã tích cực tham gia hoạt động của hội nghị nhằm trao đổi văn hóa, đồng thời đề cao uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

■ ĐẠI HỘI THI CA QUỐC TẾ TẠI LIÈGE: THI CA VÀ MƠ MỘNG

Sau khi tham dự hội nghị về Liban và Pháp Thoại, Phái đoàn Việt Nam đã lên xe lửa về Paris nghỉ ngơi đêm hôm, rồi lên đường tham dự Đại Hội lần thứ 20 Lưỡng Niên Thi Ca Quốc Tế diễn ra tại Palais des Congrès ở Liège, nước Bỉ, từ ngày 5 đến 10.9.96 để hội thảo về đề tài: Thi Ca và Mơ Mộng, hay là Mạnh Lực của Tưởng Tượng (*La Poésie et le Rêve ou la Puissance de l'Imaginaire*)

Hội nghị này đặt dưới quyền chủ tọa danh dự của Hoàng Hậu Fabiola và được sự trợ giúp của Bộ Văn Hóa và Viện Hàn Lâm Thi Ca Bỉ Quốc, với sự tài trợ của UNESCO Paris, và được giao phó cho Thi gia Bỉ Arthur Haulot đứng ra tổ chức từ năm 1952 tới nay.

Đại hội quy tụ trong một lâu đài rộng lớn và tân kỳ, trang bị đầy đủ các phướng tiện kỹ thuật tân tiến, hơn 500 Thi sĩ và Văn sĩ chuyên khảo về thi ca.

Lần này, Phái đoàn Việt Nam Quốc Gia Hải Ngoại gồm có:

- Cựu Đại sứ Bửu Kính, văn sĩ chuyên khảo thi ca Việt Nam và quốc tế, hậu duệ của Tùng Thiện Vương, đã từng biên khảo về đề tài: *Le Général De Gaulle et le Roi Duy Tân*.

- Học giả Thái Văn Kiểm, đã đệ trình một tiểu luận về *Le Songe de Thúy Kiều à Đạm Tiên et le Rêve de Kim Trọng à Thúy Kiều*.

- Thi sĩ Hoài Việt đã phát biểu ý kiến về Giác mở và Thi ca về Thân Phận Con Người (*Le Rêve et la Poésie de la Condition Humaine*) bằng cách ngâm bài thơ *C'est*

Révoltant, nhằm bênh vực Trẻ em bị dọa dằn trong xã hội ngày nay.

■ PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI DIỆN HỘI THANH NIÊN TỰ NẠN VIỆT NAM VÙNG PEINE VÀ PHỤ CẬN TRONG CUỘC BIỂU TÌNH NGÀY 29.10.96 TẠI BONN.

Kính thưa Đại diện các Hội đoàn, thưa toàn thể quý vị!

Tự do là phước trời mở rộng... Dân chủ, nhân quyền, quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc... là tất cả những gì luôn thôi thúc những người Việt Nam tha hương cũng như tất cả người Việt Nam khác có lương tri đoàn kết tranh đấu cho một quê hương Việt Nam thực sự dân chủ và phồn thịnh.

Thưa quý vị! Cho phép tôi được gửi tới quý vị lời chào thân ái và đoàn kết của Hội Thanh Niên Tự Nạn Việt Nam vùng Peine và Phụ cận (HTNTN - Việt Nam).

HTNTN Việt Nam là một tổ chức chính trị tập hợp thanh niên trẻ chủ yếu là những người đã từng lao động, học tập và công tác tại Đông Âu và nay đang tự nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Hội luôn sát cánh trong các phong trào tranh đấu vì mục tiêu Tự Do Dân Chủ ở quê nhà. Tham gia các cuộc hội thảo, tổ chức các quầy thông tin, tổ chức tuyệt thực, biểu tình nhằm tố cáo sự vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Hà Nội. Huởng mũi nhọn chủ yếu vào việc vận động trả lại tự do cho các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, thông qua các hoạt động của Hội cũng như các hoạt động liên kết với các Hội đoàn khác mà trực tiếp là có quan ngôn luận của Hội là báo Tuổi Trẻ.

Thưa quý vị! Tôi xin phép vừa nhắc đến một số hoạt động của Hội cũng là để bày tỏ lập trường trước sau như một của HTNTN Việt Nam.

Như chúng ta đã biết, ngày 22.8.96 Cộng Sản Việt Nam đã mở phiên Tòa bắt công và kết án với một bản án vô nhân đạo đối với các ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang. Ông Hà Sĩ Phu bị kết án 1 năm tù, bằng việc ghép tội một cách mờ hồ mà thực chất là một hành động đàn áp chính trị bĩ ô. Nói đến Hà Sĩ Phu (tức Nguyễn Xuân Tự, Phó Tiến sĩ Sinh học tốt nghiệp tại Tiệp Khắc), chúng ta nghĩ ngay đến 3 tác phẩm có giá trị của ông. Đó là "*Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ*", viết năm 1988, "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân*", viết năm 1993, và "*Chia tay ý thức hệ*", viết năm 1995. Ở "*Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ*" và "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân*" là những chấm phá, bộc bạch đầy thuyết phục, thì ở "*Chia tay ý thức hệ*", ông đã phân tích một cách sâu sắc những sai lầm căn bản của chủ nghĩa Mác đã đưa đất nước đến thảm trạng đói nghèo, lạc hậu và chia rẽ. Đây là lời cảnh tỉnh nghiêm khắc mà bài viết đã được toát lên qua năm chữ trong đề tựa "*Chia tay ý thức hệ*". Cộng Sản Việt Nam không dám khởi sâu các tác phẩm của ông mà đã xử ông với tội danh "Chiếm đoạt tài liệu nhà nước" như

một hành động khủng bố tinh thần ông cũng như những người Việt Nam phản kháng khác ở trong nước. Tuồng cũng cần phải nhắc lại Đại Hội 8 Đảng CSVN đã đánh dấu sự phân rã nội bộ, phe cánh thanh trừng nhau và kết thúc là việc chia chát quyền hành. Thật là nhục cười cho một thủ chủ nghĩa lỗi thời được tô vẽ thêm Tư Tuồng Hồ Chí Minh vẫn được CSVN mù quáng tôn thờ. Từ nhiều năm qua chính quyền Hà Nội đã bắt giam hàng loạt những người yêu nước với con số ngày càng gia tăng như: các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang... Đã đến lúc chúng ta không thể làm ngó trước hành động thách đố lương tâm của nhà cầm quyền Hà Nội. Người Việt hải ngoại nói riêng và người Việt Nam nói chung vì tương lai đất nước, vì một Việt Nam thực sự dân chủ và phồn thịnh hãy đoàn kết lại cùng nhau bàn bạc tìm phương thức tranh đấu và trong công cuộc đấu tranh chung này luôn luôn có sự sát cánh của Hội Thanh Niên Tự Nạn chúng tôi.

Thưa quý vị! Ông Hà Sĩ Phu và những người yêu nước khác đang hàng ngày hàng giờ đấu tranh trực diện với CSVN về cả trí và lực. Sự hậu thuẫn của chúng ta sẽ là niềm tin, là sự động viên rất lớn lao đối với họ. Người Việt Nam hải ngoại hãy tập hợp lực lượng truyền truyền sâu rộng làm áp lực quốc tế với Hà Nội. Chúng ta làm rộng khắp, đồng loạt tạo sự chú ý càng lớn càng tốt.

Thưa quý vị! Hà Sĩ Phu là một biểu tượng của trí tuệ và lòng quả cảm. Lịch sử sẽ ghi nhận ông - nhà yêu nước Nguyễn Xuân Tự - như một "Kẻ sĩ Bắc Hà" đã thách thức đối đầu với CSVN.

Xin gửi đến quý vị lời chào thân ái và đoàn kết. Xin cảm ơn quý vị đã chú ý lắng nghe.

NGUYỄN VIỆT HẢI

Am Bauhof 13 -
31224 Peine.

■ **HỘI THANH NIÊN TỰ NẠN VIỆT NAM**
Verein der Jungen Vietnamesischen
Flüchtlinge e.V

KIỆNG NGHỊ THỬ
của báo Tuổi Trẻ
Hội Thanh Niên Tự Nạn

Kính gửi:

- Ông Đỗ Mười cùng Ban lãnh Đạo Cộng Sản Việt Nam

- Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

(Thông qua Sở Quán nước CHXHCN/VN tại Bonn)

Thưa các ông!

Hội Thanh Niên Tự Nạn Việt Nam là một Tổ chức chính trị, hoạt động với mục đích vì tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Hiện thời địa bàn hoạt động của Hội tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, mà chúng tôi - những công dân Việt Nam - là hội viên của Hội.

Là những người làm việc tại Tòa soạn báo Tuổi Trẻ - tiếng nói chính thức của Hội - chúng tôi luôn quan tâm và lo lắng đến tình hình chính trị cũng như kinh tế tại Việt Nam, đặc biệt trong thời gian hiện nay, nên thảo Kiến Nghị Thử này gửi tới các ông.

Thưa các ông!

Đất nước Việt Nam tôi nay, với hơn 50 năm ở miền Bắc và hơn 20 năm tại miền Nam dưới sự lãnh đạo độc tài của Đảng Cộng Sản Việt Nam, vẫn là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới. Mức sống của người dân, đại đa số vẫn nằm trong cảnh khốn cùng nghèo khó, nền xã hội bị băng hoại, luân thường đạo lý bị suy đồi... Về chính trị, biết bao người đã bị đàn áp, trù dập, bắt bỏ tù đầy chỉ vì họ đã dám bày tỏ những quan điểm khác với đảng Cộng Sản và chính quyền CSVN, dù những quan điểm này được bày tỏ một cách ôn hòa nhất như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ông Nguyễn Đình Huy... Các ông đã dùng những Tòa án xét xử bất công để kết án và tù đầy những người yêu nước, điển hình là vào ngày 22.8.1996, tại Hà Nội, một phiên Tòa đã được dựng lên để xử ông Hà Sĩ Phu, 1 năm tù về tội "chiếm dụng tài liệu bí mật nhà nước" và ông Lê Hồng Hà, 2 năm tù về tội "phát tán tài liệu bí mật nhà nước". Đó là lá thư gửi Bộ Chính Trị đảng CSVN của ông Võ Văn Kiệt mà trong thời điểm trước đó đã được phát tán trong và ngoài nước.

Sau Đại Hội Đảng CSVN lần thứ 8 vào tháng 7.1996, các ông lại thành lập ra một Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị nhằm tăng cường, xiết chặt hơn nữa về mặt độc quyền lãnh đạo Việt Nam của đảng CS, đi ngược lại những ước nguyện về tự do và dân chủ của người dân. Mặc dù các ông đã và đang triển khai kinh tế thị trường để vực nền kinh tế vốn đã bị kiệt quệ, nhưng như vậy vẫn chưa đủ vì kinh tế và chính trị luôn gắn liền với nhau. Nếu muốn kinh tế phát triển thì trước hết phải ổn định về mặt chính trị, tức là phải chính trị với một nền dân chủ, tự do, pháp trị và tôn trọng tối đa những quyền tự do cơ bản của người dân.

Vì tương lai của đất nước, nên chúng tôi có một số kiến nghị sau đòi Đảng Cộng Sản và chính quyền CSVN phải thực thi ngay:

- Chấm dứt việc đàn áp các phong trào Tôn Giáo và các phong trào Dân Chủ trong nước.

- Trả lại tự do vô điều kiện các tù nhân chính trị, lương tâm hiện còn bị nhà cầm quyền Việt Nam giam giữ.

Đất nước Việt Nam chỉ có thể phát triển và hòa nhập vào cộng đồng thế giới, nhân dân Việt Nam được ấm no, hạnh phúc khi những điều yêu cầu trên thực hiện.

Peine 24.10.1996

Tòa soạn Báo Tuổi Trẻ - Ilsestr. 10 -
31226 Peine - BRD - Tel. 05171 - 59 00 50

Tổng Biên Tập - Quản Hữu Chí

(Kiến Nghị Thử này được gửi cho Sở quán Việt Nam Cộng Sản tại Bonn, nhân cuộc Biểu tình ngày 25 - 26.10.1996)

Ở MỘT VÙNG CAO NGUYÊN

• TN. Như Giác

Hàng năm, được sự hỗ trợ của các Chùa và quý Phật tử tại Đức, chúng tôi thực hiện nhiều chuyến ủy lạo ở các trại phong, người già, tàn tật, cô nhi, tâm thần, người mù v.v... khắp các miền Nam, Trung, Bắc. Lòng nhân ái vốn không giới hạn, không phân biệt tôn giáo, chúng tộc đã vượt hàng ngàn cây số đến với những người bất hạnh. Trong chương trình từ thiện tháng 6/96, chúng tôi có tổ chức đến với các dân tộc thiểu số ở Ban Mê Thuột, mà lâu nay bị lãng quên vì nhiều điều kiện phức tạp.

Vùng cao nguyên Daklak đón chúng tôi vào một ngày nắng nhạt, trời dịu mát, không gian thênh thang. Đây là một tỉnh miền núi ở giữa Tây nguyên gồm thị xã Ban Mê Thuột và 16 huyện, có rất nhiều đồng bào dân tộc cư trú tại đây, đa số còn trong tình trạng nghèo khổ, lạc hậu và một số mắc phải bệnh phong.

Những năm gần đây, đời sống của các dân tộc thiểu số cũng được ít nhiều sự quan tâm của các nhà từ thiện, các Mạnh Thường Quân. Nhưng đến được nơi này cũng phải vượt qua vài trở ngại vì thủ tục hành chính, tài vật phải tương đối đầy đủ, cộng thêm tinh thần bác ái, không ngại khó khăn vượt đèo, lội suối, cho nên số đoàn ủy lạo đến đây hàng năm chỉ đếm được trên đầu ngón tay.

Từ Sài Gòn lên đến Ban Mê Thuột hết 650 Km, tất cả những gì chuẩn bị được như mì gói, xà phòng, đường, bánh, dầu, ca nhựa, quần áo cũ, chúng tôi đều xếp gọn trên một chiếc xe tải. Bác Quý cựu Chi hội trưởng Chùa Bảo Quang, Đức, mặc dù chân ướt chân ráo mới về Việt Nam được vài ngày cũng đã cố gắng tìm mua cho đoàn 650 chiếc áo thun dày. Theo kinh nghiệm của các Đoàn trước, chúng tôi cũng đã mua thêm gạo, muối, cá khô tại địa phương. Ngoài ra, chúng tôi rất được sự giúp đỡ tận tình của Chùa Khải Đoan và quý Phật tử tại Ban Mê Thuột, bởi vì ngoài trại Cô nhi, Tâm thần và người già cô đơn ở đây thì đồng bào dân tộc cũng là một trong những đối tượng được sự quan tâm của mọi người.

Ngày đầu tiên, khởi hành từ Chùa Khải Đoan, chúng tôi đến xã Krong-No. Qua khỏi rừng cà-phê của thị xã, thi quang cảnh thiên nhiên hiện bày trước mắt, chập chùng núi nối liền núi, gập ghềnh đèo nối liền đèo. Trên lộ trình gần 120 Km, xe phải vượt qua 4 ngọn đèo Giang Sơn, Lak, Daknue, Krong-No. Ở hai ngọn đèo sau, đường đang được sửa chữa, đất chưa tại vị có những nơi đang bắc cầu nên hai chiếc Hino của đoàn cũng phải từ từ lội xuống suối mà qua. Đường vắng tanh, vách núi thẳng đứng, tiếng cây rừng rào rạc, thỉnh thoảng có vài người Thượng vác cuốc làm lúi đi trên đường dài. Thấy xe lạ, họ dừng lại, ngó ngác. Vài em bé đi rừng đen đũi, nhếch nhác trong bộ đồ vá vúi, tròn

trong gia đình. Với vẻ bất mãn, một bác Phật tử kể lại câu chuyện đau lòng về trường hợp một ông già dân tộc, khi vợ chết ông phải ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng. Ông trở về làng thì người thân không còn, ông phải sống trở lại, nghèo khổ cô độc trong tuổi già. Hiện nay những Buôn làng gần thị xã có ít nhiều thay đổi sinh hoạt cưới hỏi gần giống như người Kinh, xóa dần chế độ mẫu hệ. Tuy nhiên ở những Buôn làng xa tít vẫn còn tình trạng nguyên sơ và đàn ông thì vẫn đóng khổ, đàn bà thì ở trần.

Khi chúng tôi đến xã, từ các căn nhà lợp lá xiêu vẹo mọi người lần lượt đến trụ sở. Họ thật khắc khổ, đen đũi, lạc lõng giữa đoàn người Kinh. Trong danh sách phát quà, gia đình nào cũng đông trẻ con, có khi đến 13, 14 đứa!! Thấy người lạ đám trẻ con vây quanh, đầu tóc khét nắng, chân trần, rách rưới, bụng thì trướng lên vì sán lải, chúng tôi không tránh khỏi ái ngại. Nơi biên địa xa lạ hẳn này, các em sinh ra để tiếp nối cuộc đời nghèo khổ của cha mẹ trên cái nường cái rẫy. Tuổi thơ của em không biết đến trường học, vừa khỏi tuổi ẩm bồng, các em đã biết "địu" đứa em còn nhỏ hơn



Đi thăm Trại Cùi tại Nha Trang

xoe đôi mắt, lạ lùng nhìn theo.

Thấy thống kê, có khoảng 105.925 đồng bào dân tộc ở tỉnh Daklak như người Gia Lai, Êđê, Xê Đăng, Mênông, v.v... Họ sống bằng nghề nông, làm rẫy, nhưng kỹ thuật canh tác còn kém, thu hoạch không được bao nhiêu, nên thực phẩm vẫn là thú rừng, củ, măng tre, lá cây hoặc bất cứ thực vật gì có thể ăn được. Họ phân chia thành từng Buôn (theo cách gọi người Êđê) Bon (người Mông), Plây (người Bana) tương tự như làng ở miền xuôi, Bản ở miền núi phía Bắc. Giữa các

sau lưng, hoặc đeo gói theo cha mẹ lên rừng, xuống núi!!

Ở xã này, chúng tôi phát quà cho hai Buôn khó khăn nhất gồm 300 hộ. Mỗi hộ được phân chia các phẩm vật kể trên theo qui định và 5.000 đồng, gia đình nào đông con được thêm một phần gạo. Người dân tộc rất chất phác thật thà. Không ít lần chúng tôi phải ngạc nhiên đến độ buồn cười. Khi chúng tôi chất thêm một phần gạo cho một bà có 13 con, bà ta ngạc nhiên bước vội, rồi khoác tay:

- Có rồi, có rồi.

Chúng tôi phải vội vã nói:

- Cho thêm, cho thêm đó.

Bà mỉm nhận. Lại một lần khác, một ông già ngần ngừ trước phần quà của mình rồi cất giọng lơ lơ hỏi:

- Có trà tiền không?

- Không, biểu ông.

Ông ta mừng rỡ, tuổi cười ôm chặt cái gói đầy những món quà bước đi. Những chiếc gói trên vai nặng trĩu, chiếc áo rách bạc màu chưa kịp vá đã muốn toạc ra, đôi chân đen trở xuống gầy guộc, bàn chân chai sạm nứt nẻ chệnh choạng ra về. Tinh thương yêu

của đồng loại gói trên chiếc gói cũ kỹ. Trong niềm vui đón giân họ có hiểu gì không nhỉ? Nước mắt chúng tôi gần rơi.

Phát quà xong, chúng tôi quay về thị xã, qua khỏi hai ngọn đèo chính thì trời đổ mưa, kể ra đoàn cũng gặp nhiều may mắn. Hôm sau, chúng tôi dự định đến xã Exieng, xã này có đến 1/3 số người mắc bệnh phong, nhưng cơn mưa đêm qua đã làm nước suối xã này



Đi thăm Trại Mù tại Nha Trang

Buôn được xác định bằng những mốc tự nhiên như sông, suối, rừng núi v.v...

Theo truyền thống của nền văn hóa cổ, họ vẫn còn theo chế độ mẫu hệ. Đến tuổi dựng vợ gả chồng, nhà gái sắm sửa lễ vật đến nhà trai để... cưới chồng. Sau đó, chàng trai sẽ chuẩn bị khăn gói để... bỏ làng theo vợ. Người đàn bà sẽ gánh vác tất cả mọi công việc nặng nhọc từ ruộng vườn cho đến

dáng cao, đường lầy đất đỏ, xe không vào được. Chúng tôi phải đổi chương trình đến trại phong Eana huyện Cù-jút đường vào trại cũng đất đỏ mềm nhão khó đi, xe chở hàng của Chùa cho mượn hôm nay bị lún lầy, cả đoàn phải xuống đẩy, chạy được một đoạn, xe lại "ăn vạ" lần này thì cả "nam phụ lão ấu" đều xúm lại đẩy. Xe bèn xẹp lốp! Sau nhờ một xe đổ đá đi ngang phát tâm chở giúp, chúng tôi liền chuyển hàng sang xe. Tuy giữa trưa nắng gắt, mồ hôi đổ từng giọt, những đoàn thanh niên Phật tử vẫn hăng hái khiêng vác từng bao hàng. Phật tử Mỹ Liên, cô bé Việt kiều chắc chưa bao giờ gặp phải tình huống này, những cô cũng vui vẻ góp tay tham gia công việc.

Eana là một trại phong duy nhất ở Daklak, có khoảng 460 bệnh nhân, phần đông là người dân tộc, chỉ có vài người Kinh ở lẫn lộn. Ngày xưa ở các Buôn làng, người mắc bệnh phong hình dạng biến đổi, bị xem là ma bắt, sẽ bị dân làng hắt hủi đuổi ra khỏi Buôn, phải vào rừng tự sống. Ngày nay tiếp xúc nhiều với người Kinh, họ hiểu rõ căn bệnh và được đưa về Eana để điều trị, một số đã sống thành gia đình, có khoảng độ 180 hộ, con cái họ cũng sinh ra ở đây. Những căn nhà sàn được cất lên rải rác quanh khuôn viên trại là mái ấm của những người bất hạnh. Như các trại xã hội, họ được cung cấp phần gạo hàng tháng, còn mọi nhu cầu khác đều trông chờ vào các đoàn từ thiện. Những người còn sức khỏe thì trồng bắp, rau cải, để có thêm thức ăn. Chúng tôi đã tiếp tục phát quà cho các hộ và các bệnh nhân.

Nhìn những khuôn mặt bất động, chai lì vì bệnh tật, hình hài không còn nguyên vẹn, yếu ớt run rẩy ốm không nổi một phần quà nặng ký, các em Phật tử đã đưa bệnh nhân về tận nhà sàn của họ, quanh đó có đám trẻ em hồn hờ lú lo... Trên mảnh đất khô cằn bệnh hoạn, từng chiếc lá già, sâu đang từ từ rơi rụng, những những chồi non lại tiếp tục nảy mầm, sự sống ở thế gian vẫn tồn sinh, để rồi hạnh phúc lại đan lẫn khổ đau và bất hạnh.

Đường về thị xã khá xa, mùa mưa nên không có bụi đỏ tung bay, chỉ có bông cỏ may bám đầy quần áo. Truyền thuyết bà Âu Cơ và 100 cái trứng bồng hiện về trong chúng tôi và những người dân tộc đen đũi, trần trụi, thật thà, ngô nghê, đau khổ chột dặng hình đối diện, buồn vui, xen lẫn.

Sau 3 ngày úy lạo, chúng tôi quay về thành phố, tháng này hoa cà-phê chưa nở, những hoa tình thường đã nở lâu rồi, nơi đèo heo hút gió, những giờ phút đớn đau vì bệnh tật hành hạ các bác, những nghịch cảnh đổ xuống đời anh chị, đói khát làm quặn ruột con em, những mọi người sẽ không chịu đựng trong cô đơn, bởi vì tình thường không hạn hẹp ở tình nhỏ bé này, hoặc ở nước Việt Nam hình cong chữ S mà còn lan rộng đến cộng đồng hải ngoại, nơi có nhiều trái tim hướng về đồng bào bất hạnh, để chia sẻ và cầu nguyện cho những người khốn khổ đi hết kiếp luân hồi. Trời vẫn mưa và cây cỏ vẫn còn xanh màu, màu xanh của tình người bất tận.

MƯỜI ĐIỀU KINH

• Trần Ngọc Sơn - Goslar

ghi chép lại



Nam Mô A Di Đà Phật

Điều thủ nhất Thầy khuyên nên nhớ
Lòng trung kiên muốn thờ còn nêu
Dù ai nặng nề trăm điều
Quyết không bỏ ý cao siêu của Thầy
Nhiều thủ thích đang vậy con đó
Chớ bỏ lòng công khó tiêu tan
Việc chi còn ở trần gian
Là điều huyền hoặc chớ mang vào lòng

Điều thủ hai Thầy mong đệ tử
Tình bạn bè phải giữ thủy chung
Luôn luôn tha thứ khoan dung
Như khuyên nhỏ nhẹ chớ dùng lời thô
Dù đất nhau điểm tô công quả
Phải thật thà với cả chung quanh
Thiệt thòi cam chịu đã đành
Vô vi phẩm vị Thầy dành cho con

Điều thủ ba vẹn toàn hạnh phúc
Tuy bán buôn cơ cực tảo tần
Đổi công nuôi lấy tấm thân
Đừng ham muốn chuyện phi nhân gạt lưỡng
Dù tiền bạc đầy rường trần tu
Cuộc trần này chưa đủ nghe con
Ác gian cũng chỉ một đời
Thà nghèo trong sạch thành thời linh hồn

Điều thủ tứ pháp môn quy Phật
Dùng tương rau cố sức trau dồi
Thịt thà xương máu tanh hôi
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn
Đức tử bi lòng hăng thể hiện
Không sát sanh lòng thiện ta còn
Lạc chay tuy chẳng ngọt ngon
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng

Điều thủ năm quyết không hờn giận
Ghét ganh chi cho bận lòng mình
Con xem vạn quyển thiên kinh
Hiện nhưn quân tử vẹn tình vô cầu
Muôn việc xây bắt đầu sân nô
Là nguyên nhân thống khổ ly tan
Chớ truyền pháp chánh đạo vàng
Tập xong chữ "nhẫn" niết bàn không xa

Điều thủ sáu thiết tha Thầy dạy
Ngày hai thời lắng lặng công phu
Việc chi dầu quá cần cù
Cũng nhưn vài phút tập tu nguyện cầu
Khi lãnh việc đồng sâu chộ bữa
Đem sám kinh tụng của Thầy ban
Học cho thông thuộc đôi hàng
Ngâm nga trong lúc thanh nhàn bản khoản

Điều thủ bảy quyết tắng công qua
An ủi người già cả ốm đau
Tùy duyên có thể giúp vào
Lâm cơn hoạn nạn khi nào cần con
Phước đức đó để dành muôn thuở
Tuy vô hình đừng ngỡ rằng không
Con ở trên cõi trần hồng
Mấy ai nghĩ đến cõi lòng thanh cao

Điều thủ tám lời nào Thầy dạy
Dầu khổ lao chớ ngại công trình
Biết rằng con đã hy sinh
Phật Tiên đâu nỡ quên tình hay sao
Đừng chấp việc núi cao rừng thẳm
Hay là đường muốn dặm xa xăm
Nếu con thệ quyết một lòng
Đường nhiên đắc đạo thoát vòng tử sanh

Điều thủ chín đạo lành cơ bản
Giữ làm sao có bạn không thù
Từ đây con nhớ rằng tu
Hạ mình nhận lỗi mặc dù là không
Lời nói ra hòa trong hiệp ngoài
Đừng hờn người nên phải ép lòng
Đừng ham những chuyện mệnh mỏng
Vừa no đủ ấm đèo bồng mà chi

Điều chót hết mười ghi trăm nhớ
Phật Pháp Tạng con chớ quên ơn
Gia đình nghĩa trọng nhiều hơn
Tình thường xã hội giúp con thiết cần
Ở ở trên dành phần con cháu
Nhớ mấy lời dạy bảo Thầy mong
Con ở hãy gắng ghi lòng
Bao nhiêu tâm huyết mấy dòng thi văn.

Nam Mô A Di Đà Phật

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

ngày 23.11.1996

36 TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ THUỘC 18 QUỐC GIA HỌP "NGHỊ HỘI CÁC DÂN TỘC" Ở THỦ ĐÔ MANILA GỬI KIẾN NGHỊ ĐẾN CÁC CHÍNH PHỦ 18 NƯỚC THUỘC KHỐI APEC TỔ CÁO CHÍNH QUYỀN HÀ NỘI VI PHẠM NHÂN QUYỀN.

Nghị Hội các Dân Tộc nhân kỷ hội APEC 1996 tại thủ đô Manila (Phi Luật Tân) từ ngày 21 đến 23.11.1996 quy tụ đông đảo các tổ chức Phi chính phủ Á Châu và toàn thế giới đã lấy quyết nghị yêu sách quyền dân tộc đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền, môi sinh... chống lại sự khép kín độc tài của giới tài phiệt trong khối APEC. Nghị hội đòi hỏi sự tham khảo, đối thoại giữa các tổ chức Phi chính phủ và khối APEC trong các quyết định liên quan đến quyền lợi và sự sống của đại khối các dân tộc. Nghị hội cũng đòi hỏi nhân quyền và dân chủ phải là điều kiện tiên quyết đặt ra cho mọi quốc gia xin gia nhập khối APEC.

Ngoài ra, Nghị hội vạch chiến lược toàn cầu nhằm ảnh hưởng vào đầu não các cơ quan tài chính, các giới đầu tư để nhân quyền hóa những chính sách làm ăn bất nhân, vị kỷ đang nô lệ hóa giới nông dân, thợ thuyền, bại tục hóa phụ nữ và trẻ em trong các dân tộc ở Á Châu và Nam Mỹ, v.v...

Khoảng đại khai mạc Nghị hội vào đêm 21.11.96 mang chủ đề "Đấu tranh cho Quyền Dân chủ trong vùng Á Châu Thái Bình Dương", cùng với các thuyết trình viên: bà Maria Bernardino (đại diện cho ông Jose Ramos-Horta, giải Nobel Hòa Bình năm nay, thuộc Hội đồng Quốc gia Kháng chiến Maubere (Đông Timor), bị cấm đến Manila), ông George Aditjondro (Giáo sư Đại học), bà Aurora Javate de Dios (Chủ tịch Liên hiệp chống buôn dâm phụ nữ vùng Á Châu Thái Bình Dương), ông Pharis Harvey (Giám đốc điều hành Quỹ Quốc tế bảo trợ Quyền người lao động), ông Chomsai Homlaor (Tổng thư ký Nghị hội Á Châu cho Nhân quyền và Phát triển), ông Mike Jendrzeczyk (Giám đốc điều hành văn phòng Washington Tổ chức Nhân quyền Hoa Kỳ Watch Asia), ông Paul Lim (Quốc hội Âu Châu), ông Sulak Sivaraksa (Chủ tịch Phong trào Tâm linh trong Giáo dục ở Thái Lan, người được đề cử vào giải Nobel Hòa Bình), ông U Tin Maung Win (Phó chủ tịch Liên minh Dân chủ Miến Điện kiêm Ủy viên Chủ tịch đoàn Hội đồng Quốc gia Miến), ông Võ Văn Ái (Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam) đã trình bày hiện trạng đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam.

Bài thuyết trình gây cực kỳ xúc động các Đại biểu đã thúc đẩy 36 Tổ chức Phi chính phủ thuộc 18 quốc gia ký Kiến Nghị gửi các Chính Phủ 18 nước thuộc khối APEC tố cáo những vi phạm nhân quyền thô bạo tại Việt Nam và chống việc gia nhập của nhà cầm quyền Hà Nội. Sau đây là nguyên văn bản Kiến Nghị ấy:

"Chúng tôi ký tên dưới đây, đại diện các tổ chức Phi chính phủ về họp "Nghị Hội các Dân Tộc nhân kỷ hội APEC 1996 tại thủ đô Manila" từ ngày 21 - 23.11.1996, liên kết với Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, biểu tỏ sự quan tâm trầm trọng của chúng tôi về hiện trạng kinh tế, xã hội, chính trị và dân quyền tại CHXHCN Việt Nam.

"Dưới chính sách đổi mới, Việt Nam đang mở cửa thị trường cho tự do kinh doanh và đầu tư, trong khi vẫn kèm hãm quyền chúng dưới sự kiểm soát chính trị hà khắc. Chính sách này có thể đã trợ thủ cho hoạt động kinh tế, nhưng hậu quả của tự do kinh doanh bạt mạng trong một xã hội đóng kín chỉ mang lại thảm trạng cho người dân và phụ nữ bình thường tại Việt Nam.

"Hố chênh lệch giàu nghèo đào sâu tới độ báo động. Tham nhũng và hối lộ, bóc lột thị trường lao động, buôn bán phụ nữ và trẻ em cho nạn mại dâm trong những đường dây bán dâm lan tràn, đàn áp chính trị với bất cứ ai lên tiếng phê bình, bắt bỏ trái phép những tù nhân chính trị và tôn giáo đem giam cầm trong các trại cải tạo ngày càng phổ biến. Không có công đoàn tự do, không có tự do báo chí, không có độc lập Tư pháp, nên đã có biết bao nạn nhân không được bảo vệ trước mọi áp bức tại Việt Nam.

"Năm nay, nhà nước CS Việt Nam xin gia nhập khối APEC. Trước hiện trạng vi phạm nhân quyền trầm trọng như thế, chúng tôi chống lại sự gia nhập này bao lâu nhà nước CS Việt Nam chưa có những tiến bộ cụ thể về tôn trọng nhân quyền. Nhà nước CS Việt Nam phải đặt những nền móng cho sự phát triển dài lâu trong chính quốc gia họ, trước khi có thể đóng vai trò chính đáng trong vùng Á Châu Thái Bình Dương và trong cộng đồng thế giới nói chung.

"Do đó, chúng tôi kêu gọi các Chính phủ hội viên khối APEC hãy:

- áp lực nhà nước Cộng Sản Việt Nam thực hiện những tiến bộ cụ thể trong việc tôn trọng các nhân quyền căn bản và các quyền của người công dân, đồng lúc khởi sự tiến trình cải cách dân chủ. Đặc biệt, nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải cấp thời:

- thực hiện đa nguyên chính trị bằng cách hủy bỏ điều 4 trên Hiến Pháp về tính cách độc quyền và độc tôn của đảng Cộng Sản Việt Nam;
- bảo đảm các nhân quyền căn bản, như tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do lập hội;
- trả tự do cho tất cả những tù nhân bị bắt giam vì lý do biểu tỏ ôn hòa chính kiến hay tôn giáo họ, như trưởng hợp các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng Tọa Thích Tuệ

Sỹ, Lê Mạnh Thát, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, các ông Nguyễn Đình Huy, Lê Hồng Hà, v.v..."

Ký tên:

Australia (Úc): Cairns & Far North Environment Centre. Bangladesh: LIFE. Belgium (Bi): Belgian League for Human Rights. Burma (Miến Điện): National Council of the Union of Burma. Democratic Alliance of Burma. Alternative Asean Network on Burma. National League for Democracy (Liberated Area) Burma. Myanmar Council of Churches. Canada (Gia Nã Đại): Institute on Governance. Tibet Committee. Germany (Đức): Philippinen Buro. Hong Kong: Christian Conference in Asia. Indonesia (Nam Dương): Urban Rural Mission. India (Ấn Độ): Christian Organisation for Rural Development. Christian Conference in Asia-Urban Rural Mission. Japan (Nhật Bản): Foreigners Labor Union in Tokyo. APEC Monitor NGO Network. Shinjokisha Movement. South Korea (Nam Hàn): Korea Farmers League. Malaysia (Mã Lai): Voice of the Malaysian People. Mexico: Mexocan Action Network on Free Trade. National Indigenous Congress. Mongolai (Mông Cổ): Mongolian Women's Federation. Nepal: Rural Reconstruction. Philippines (Phi Luật Tân): Philippine Alliance of Human Rights Advocates (PAHRA). Asian Forum for Human Rights and Development. Labor Service Center. Institute for Popular Democracy. Foundation for the Development of Alternatives. Process Inc. Lanao Partnership for Human Development. Thailand (Thái Lan): Spirit in Education Movement (Sulak Sivaraksa). International Network of Engaged Buddhists. People's Organisation for Participation. Forum of the Poor. USA (Hoa Kỳ): Nautilus Institute.

Làm tại Manila, ngày 23.11.1996
Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

Cần hỏi thêm chi tiết xin liên lạc qua điện thoại về Manila (632) 521 7001, hời Room 1535. Fax: (632) 522 2629, Room 1535 (trong hai ngày 23 và 24.11.1996)

ngày 29.11.1996

• 200 CÔNG AN VÂY CHÙA LINH MỤ BẮT HAI ĐẠI ĐỨC THÍCH HẢI TỊNH, THÍCH HẢI CHÁNH

• PHÁ CHÙA LONG THỌ Ở ĐÀ LẠT.

• HÒA THƯỢNG PHÓ VIỆN TRƯỜNG VIỆN HÓA ĐẠO, THÍCH PHÁP TRI, VIÊN TỊCH TẠI SÀI GÒN.

Theo tin của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp ở Huế cho biết, thì ngày 22.11.1996, hai trăm công an cùng lính chữa lửa kéo còi hụ tiến về bao vây chùa Linh Mụ tại Huế. Bằng đường bộ từ Quốc lộ 1 kéo lên Kim Long và bằng thuyền máy đổ vào bến chùa

Linh Mục trên sông Hương. Công an đã ập vào chùa bắt hai Đại Đức Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh giải đi.

Nguyên do là sau khi nhà nước cộng sản ra nghị quyết hồi tháng 10.96 công nhận chùa Linh Mục là "di tích lịch sử", thì Ủy Ban Nhân Dân Thừa Thiên-Huế chuẩn bị nhiều biện pháp thu hồi chùa. Một mặt biến tự-viện có lịch sử 395 năm của Phật Giáo Miền Trung này thành một trung tâm du lịch móc tiền du khách (chùa Linh Mục được dựng xây năm 1601 dưới triều Nguyễn); một mặt đũa người của Giáo hội Nhà nước đến quản lý để dập tắt củ địa đấu tranh cho tự do tôn giáo và nhân quyền của Phật Giáo Miền Trung.

Trước sự kiện phi lý ấy, các Tăng sĩ chùa Linh Mục đã quyết liệt phản đối âm mưu tước hóa và hủ hóa ngôi chùa lịch sử của cố đô Huế. Vì vậy, ngày 22.11 vừa qua, bạo lực của công an thành phố lại một lần nữa tấn công vào cử địa của Phật Giáo Việt Nam.

Hai Đại Đức Hải Chánh và Hải Thịnh từng tham gia cuộc biểu tình của 40.000 Phật tử Huế ngày 24.5.1993 đòi hỏi tự do tôn giáo và nhân quyền, bị bắt ngày 5.6.93 và bị kết án 3 năm tù cùng với hai Đại Đức Trí Tịnh và Hải Tạng qua phiên Tòa giả trá ở trại binh Huế ngày 15.11.93. Vào giữa năm 1995, hai Đại Đức được trả tự do, trở về lại chùa Linh Mục. Và đây là lần thứ hai bị công an bắt trở lại.

• Tại Đà Lạt, sau khi bắt giam Đại Đức Thích Minh Đạo ngày 30.10.96, ngôi Thiền Viện Long Thọ tọa lạc trên hai héc-ta rừng ở đường Khe Sanh, phường 10, Đà Lạt, nơi có 34 Tăng Ni tu học đã bị phá hủy, san bằng. Đại Đức Minh Đạo, tục danh Trưởng Thành Tâm, sinh ngày 13.4.1941 tại An Giang, xuất gia năm 18 tuổi (1959). Hai lần bị chính quyền cộng sản bắt giam vào tháng 6.75 và tháng 8.80 vì tội "truyền đạo trái phép".

Sau khi nhà nước cộng sản cho thành lập Giáo hội Phật giáo Nhà nước tại Hà Nội năm 1981, Ban Trị Sự Giáo hội Phật giáo Nhà nước tỉnh Lâm Đồng nhiều lần áp lực Đại Đức Minh Đạo gia nhập vào Giáo hội Nhà nước, nhưng Đại Đức, từ chối và bào rằng: "Tôi chỉ biết một Giáo Hội duy nhất của Phật Giáo Việt Nam truyền thống là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất". Áp lực không nổi, các báo chí của nhà nước liền phát động một chiến dịch viết bài công kích Đại Đức Minh Đạo, bôi nhọ cá nhân. Vào trung tuần tháng 10, Đại Đức Minh Đạo viết đơn gửi các cơ quan trung ương và địa phương kiện các báo, trong có tờ Lao Động, vu khống mạ lỵ không bằng cớ.

Sự trả lời của nhà cầm quyền là thúc đẩy Ban Trị Sự Tỉnh hội Phật giáo Nhà nước tỉnh Lâm Đồng ra văn thư số 59/BC-BTS ngày 24.10.96 phủ nhận tư cách Tăng Sĩ của Đại Đức Minh Đạo, tố cáo Đại Đức và Long Thọ Thiền Viện "từ trước đến nay chưa bao giờ tham gia bất cứ một sinh hoạt nào của Giáo hội (nhà nước) địa phương", và yêu cầu "Nhà nước xử lý theo pháp luật".

Pháp luật Nhà nước đã đáp ứng lời xin của Giáo hội Phật giáo Nhà nước bằng hai biện pháp: Bắt giam Đại Đức Minh Đạo và san bằng chùa Long Thọ!

• Hòa Thượng Thích Pháp Tri, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), đã viên tịch tại Sài Gòn vào lúc 8 giờ 30 ngày Rằm Tháng Mười ân lịch (25.11.96) tại chùa Xá Lợi Phật đài, thọ 82 tuổi. Lý do chưa biết vì sao. Chỉ biết rằng Hòa Thượng đã bị công an kiểm soát chặt chẽ, từ ngày được Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống GHPGVNTN, ra Chúc Thư trao cho Hòa Thượng Pháp Tri hiệp lực với nhị vị Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ lãnh đạo GHPGVNTN "trước mọi hoàn cảnh" khó khăn nào.

Trong bản Chúc Thư ký ngày 15.11.1991, có đoạn Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu viết như sau:

"... Mong Quý vị đặc biệt lưu tâm những vấn đề quan trọng của Giáo Hội như dưới đây sau khi tôi xa báo thân này:

"1. Hội Đồng Luồng Viện vẫn tiếp tục sứ mệnh của mình: Lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các Phật sự của Giáo Hội trong mọi hoàn cảnh;

"2. Tiếp tục thực thi đúng Hiến Chương GHPGVNTN (bản tu chính ngày 12.2.1973 bởi Đại Hội GHPGVNTN kỳ 5);

"3. Hòa Thượng Thích Huyền Quang - Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Pháp Tri - Phó Viện Trưởng; Hòa Thượng Thích Quảng Độ - Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo; theo quyết nghị của Đại Hội GHPGVNTN kỳ 7, có trách nhiệm cùng quý vị còn lại trong Hội Đồng Luồng Viện, tiếp tục điều hành các Phật sự của Giáo Hội cho đến khi tổ chức được Đại Hội kỳ 8" (...)

Làm tại Paris, ngày 29.11.1996
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

ngày 4.12.1996

BẮT BỎ TRÁI PHÉP ĐƯỢC GỌI LÀ "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH" TẠI VIỆT NAM: VỤ BẮT BỎ HAI ĐẠI ĐỨC THÍCH HẢI THỊNH, THÍCH HẢI CHÁNH TẠI CHÙA LINH MỤC VÀ VỤ PHÁ CHÙA LONG THỌ Ở ĐÀ LẠT

Ngày hôm qua, thứ ba 3.12.1996, Phát ngôn nhân Bộ Ngoại Giao Hà Nội đã trả lời chất vấn của các cơ quan truyền thông, báo chí quốc tế và các chính phủ trong thế giới về vụ bắt hai Đại Đức Thích Hải Thịnh, Thích Hải Chánh tại chùa Linh Mục ngày 22.11.96, và vụ phá chùa Long Thọ ở Đà Lạt hôm 11.11.96. Tuy Bộ này xác nhận việc chính quyền đang có tranh chấp với Phật Giáo,

nhưng lại bác bỏ nguồn tin của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế về việc 200 công an bao vây, tấn công chùa Linh Mục.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, cơ quan phát ngôn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, vô cùng ngạc nhiên trước lời phản bác của Bộ Ngoại Giao Hà Nội được thông báo qua các cơ quan truyền thông quốc tế về vụ bắt bỏ trái phép hai Đại Đức chùa Linh Mục, Thích Hải Thịnh (tục danh Lê Phú Thịnh) và Thích Hải Chánh (tục danh Nguyễn Chơn Tâm). Phát ngôn nhân Bộ nói rằng hai Đại Đức đã được "lễ phép mời" trở về nơi nguyên quán, và phản bác vụ bắt bỏ như "một thủ tục hành chính".

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế minh xác rằng, chiếu theo "Giấy Ra Trại" cấp cho hai Đại Đức Hải Thịnh và Hải Chánh khi trả tự do năm 1995 ghi rõ địa chỉ thường trú của hai Đại Đức là Chùa Linh Mục. Xin đón cử chứng tử của Đại Đức Thích Hải Chánh, "Giấy Ra Trại" do Bộ Nội Vụ, Trại Nam Hà cấp, mang số 113/GRT và Đại tá Giám thị Nguyễn Tiến Lấn ký ngày 30.4.1995, ghi rõ rằng "Nơi đăng ký Nhân khẩu Thường trú" của Đại Đức Hải Chánh là "Chùa Linh Mục, xã Hương Long, TP Huế".

Hơn nữa, theo Giới luật Tăng Già có từ thời Đức Phật còn tại thế (25 thế kỷ trước), và tại Việt Nam từ thế kỷ thứ II sau Tây lịch, muốn làm Tăng sĩ phải "cắt ái tử thân", nghĩa là khi thệ nguyện xuất gia phải cắt đứt mọi liên hệ với gia đình và thế tục. Địa chỉ cư trú của Tăng sĩ là chùa viện, chủ không là nơi ở với gia đình cha mẹ trước kia. Điều 70 trên Hiến Pháp CHXHCNVN bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Vậy nhà cầm quyền Hà Nội phải tôn trọng Giới luật của Nhà Phật và Hiến Pháp để cho hai Đại Đức Hải Thịnh và Hải Chánh trở về sinh hoạt tôn giáo tại nơi thường trú của hai vị ở Chùa Linh Mục.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế nhận định rằng việc cưỡng bức hai Đại Đức Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh đưa về quản thúc nơi nguyên quán họ ở ngoài thành phố Huế và Quảng Trị, là thủ tục hành chính trái phép tặc, vi phạm điều 68 trên Hiến Pháp bảo đảm quyền tự do đi lại quyền tự do cư trú.

Về việc phá Chùa Long Thọ ở Đà Lạt, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế công nhận lời khẳng định của Bộ Ngoại Giao Hà Nội là chính xác, khi phát ngôn nhân Bộ nói rằng "sự thực, không có cái gì gọi là chùa Long Thọ cả". Quả thật vậy, như tin Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế loan tải trước đây, và được nhà cầm quyền tỉnh Lâm Đồng xác nhận, chùa Long Thọ đã được lực lượng công an trang bị súng ống, roi điện đưa xe ủi đất đến phá chùa ngày 11.11.96. Đúng là hiện nay không còn gì được gọi là chùa Long Thọ nữa.

Làm tại Paris, ngày 4.12.1996
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

KHÔNG CÒN XA NỮA

•LÊ THANH TÙNG
Bad Harzburg

Nhìn qua Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, qua Đại Hội VIII, chúng ta đã nhìn thấy những gì đổi mới của bộ mặt xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Qua mỗi lần Đại Hội họ chỉ núp dưới chiêu bài mỵ dân, tuyên truyền và đưa ra những luận đề mới, nhưng chỉ là trong Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam mà thôi. Họ đã thay ra những người không cùng đứng chung lập trường, đồng thời tạo thêm vây cánh. Đã qua mấy lần Đại Hội, những bộ mặt cũ của đảng CSVN vẫn tồn tại như Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, còn Lê Đức Anh được bổ nhiệm tử quân đội sang. Ngoài ra có hai nhân vật mới xuất hiện đó là Lê Khả Phiêu, 47 tuổi, Trung tướng Tổng Cục Chính Trị Quân đội và Nguyễn Tấn Dũng, 46 tuổi, Trung tướng Công an, chỉ qua vài cuộc lũng bắt nhóm Kháng chiến Trần Văn Bá, y được bổ nhiệm làm Thủ tướng Bộ Nội Vụ. Qua Đại Hội VIII, chúng ta thấy rằng vây cánh của đảng CSVN vẫn tiếp tục duy trì sự độc tài, độc đảng và thiên càn.

Thực sự đến bây giờ mọi người đều chán ngán cái chế độ "nhai đi nhai lại" về sự đổi mới của đảng CSVN. Đảng Cộng Sản Việt Nam có thấy chăng cái thâm kịch đau thương của dân tộc. Việt Nam là một trong những nước nghèo nàn lạc hậu nhất thế giới. Như vậy đảng CSVN đã đi ngược lại dòng lịch sử của nhân loại, như xây cất trại giam nhà tù nhiều hơn nhà trường và trường học. Thảm hại đau thương mà chủ nghĩa Mác-Lênin lỗi thời ở các nước Đông Âu mang lại cho nhân dân đã bị sụp đổ.

Trên hai mươi năm qua núp dưới chiêu bài "chống Mỹ, cứu nước", Cộng Sản đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam thống trị hoàn toàn đất nước. Chính quyền cộng sản cho thi hành chính sách tiêu diệt Tôn giáo, cưỡng đoạt Chùa chiền, Nhà thờ và Thánh thất để làm nhà kho, trụ sở v.v... cưỡng bức những Tu sĩ hoàn tục, bắt giam những vị lãnh đạo tinh thần hoặc đẩy thanh niên làm bộ đội xâm chiếm Campuchia và chống Trung Quốc chống mang lại lợi ích nào cho dân tộc.

Qua đó, chúng ta khẳng định rằng chế độ Đảng Cộng Sản Việt Nam là một chế độ tôn thờ chủ nghĩa vô thần tàn bạo, độc tài và lỗi thời, một chế độ mà ngày nay không thể tồn tại ở Việt Nam. Từ xưa đến nay hệ chế độ nào dùng bạo lực, công an, cảnh sát trị thì chế độ ấy trước sau sẽ tự hủy diệt và tự đào mồ chôn mình. Chế độ Cộng Sản cũng vậy mà thôi, nó sẽ sụp đổ trong một ngày gần đây, nhất là trong những năm cuối của thế kỷ XX không thể kéo dài sự đau khổ cho dân tộc, cho đạo pháp được nữa. (16.12.1996)

TỔ CHỨC TUYỆT THỰC CHO TỰ DO TÔN GIÁO VÀ NHÂN QUYỀN Ở VIỆT NAM TẠI CHÙA VIÊN GIÁC, HANNOVER.

Vào hai ngày 9 và 10 tháng 12.1996, được sự trợ giúp của Thượng Tọa trụ trì Chùa Viên Giác; Ban Tổ Chức bao gồm Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức Quốc, Tổ Chức Liên Minh Việt Nam Tự Do tại Đức và Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn đã tiến hành cuộc tuyệt thực, hội thảo đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo và Nhân Quyền ở Việt Nam.

Với diện tích trang nghiêm và rộng lớn, Chùa đã là nơi quy tụ tạo điều kiện tốt nhất để Ban Tổ Chức và các tham dự viên về tuyệt thực, hội thảo. Cũng trong thời gian này Ban Tổ Chức đã đón tiếp 3 nhà báo Đức đại diện cho các tờ báo tại địa phương vùng Hannover như: Neue Presse, Hannoversche Allgemeine Zeitung và báo Stadt Blatt.

Thượng Tọa Thích Như Điển đã dành một số thời gian để tiến hành khai mạc, làm lễ cầu an và chăm lo hưởng dẫn Ban Tổ Chức cùng các tham dự viên thực hiện trọn vẹn nội dung mà Ban Tổ Chức đã thông báo tới các Hội Đoàn và mọi người tham dự. Theo số liệu của Ban Tổ Chức, số tham dự viên gồm 200 người cùng một số Hội Đoàn đã về tham dự như: Hội Người Việt Tỵ Nạn Đông Âu (Báo Thời Mới); Ủy Ban Yểm Trợ Đài Phát Thanh Diễn Đàn Dân Chủ vùng Bắc Đức; Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản vùng Hamburg (Báo Dân Việt); Tổ Chức Thông Tin Nhân Bản Việt Nam và Báo "Hy Vọng"; Tổ Chức Dân Chủ Tự Do cho Việt Nam và báo "Huông Việt"; Báo "Nhiệt Huyết" thuộc Cộng đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại khu vực Âu Châu - vùng Bắc Đức; Báo "Cội Nguồn" thuộc Tổ Chức Dân Chủ Việt Nam; Hội Người Việt Dân Chủ Tỵ Nạn tiểu bang Thüringen và Vùng Phụ Cận; Đảng Tự Do Dân Chủ Việt Nam và báo "Tự Do Việt Nam"; Đoàn Thanh Niên Dân Chủ Việt Nam Speyer báo "Việt Nam Mới" và Tạp Chí "Thanh Niên"; Hội Thanh Niên Tỵ Nạn Việt Nam vùng Peine và Phụ Cận báo "Tuổi Trẻ"; báo "Người Dân" (Vechta); báo "Đất Nước" của Đảng "Nhân Dân Hành Động" tại Đức.

Quang cảnh nơi điều hành, hội thảo và tuyệt thực thật trang nghiêm với những băng cờ, khẩu hiệu, những hình ảnh của Ban Tổ Chức và các Hội đoàn về tham dự. Như của Tổ chức Liên Minh Việt Nam Tự Do với những hình tượng thu nhỏ sự giam cầm của chế độ Cộng Sản Việt Nam đối với Tôn giáo; của Hội Thanh Niên Tỵ Nạn vùng Peine với những hình ảnh nói lên sự đàn áp nhân dân; những biểu ngữ lớn của Hội Phật Tử Việt Nam Chùa Viên Giác v.v... Bên cạnh đó là sự giúp đỡ rất chu đáo của Ban Trai Soạn chùa Viên Giác và Gia Đình Phật Tử Hannover, phục vụ cho việc sinh hoạt ăn uống của mọi người và các tham dự viên không tuyệt thực cũng như sau khi tuyệt thực.

Trong hai ngày, cuộc tuyệt thực đấu tranh đã tiến hành nghiêm túc, các tham dự viên tham gia giữ đúng kỷ luật và sự chỉ đạo hướng dẫn của Ban Tổ Chức. Với số lượng 73 người

tuyệt thực (chiếm hơn 1/3 số người tham gia) đã nói lên kết quả của cuộc đấu tranh này.

Phần hội thảo cũng tiến hành có chất lượng và sôi nổi. Nội dung bám sát được tình hình cụ thể ở Việt Nam hiện nay, tình hình tỵ nạn của anh em đến Đức từ các nước Đông Âu và Hiệp Ước trục xuất của hai chính phủ Đức-Việt.

Sau những trao đổi và cùng nhau bàn luận, đã đúc kết được những vấn đề chính trong cuộc đấu tranh cho tự do Tôn Giáo và Nhân quyền ở Việt Nam. Vạch rõ được mục đích, đối tượng và những phương hướng hành động. Với tình hình tỵ nạn hiện nay, để giúp đỡ và giải quyết những khúc mắc của mọi người, Đạo Hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đã tận tình phổ biến và hướng dẫn về vấn đề luật pháp.

Hai ngày tuyệt thực và hội thảo đã diễn ra rất thành công và tiến hành trong không khí đầm ấm, vui vẻ. Trước khi bế mạc các tham dự viên đã cùng Thượng Tọa trụ trì và Ban Tổ Chức ghi lại nhiều hình ảnh lưu niệm.

Chia tay trong không khí phấn khởi, mọi người đều tin tưởng vào mục tiêu cao đẹp và cuộc đấu tranh lâu dài, bền bỉ cho một nước Việt Nam Tự Do Dân Chủ.

•Thư ký Ban Tổ Chức
Thiện Hậu NGUYỄN MINH HIỀN

NGÀY QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN 10.12.1996

*Ngày Quốc Tế Nhân Quyền ta tranh đấu
Đời Việt Nam Cộng Sản phải thi hành
Quyết định chung, đã ký kết rành rành
Nay phản bội, và đã tâm đàn áp*

*Vì tự do, bao nhiêu người oan thác
Cha xa con, vợ phải cách lìa chồng
Oán than này, bao giấy mực kể xong
Lòng uất hận chất cao hơn núi Tản
(Tân Viên)*

*Ai nói mặc chúng là không xét tới
Chúng cầm tù Hòa Thượng
Thích Huyền Quang
Và cả Thầy Quảng Độ chúng giam luôn
Họ cấm cổ, như những người phạm pháp*

*Bọn Cộng Sản gây biết bao tội ác
Vi lợi quyền, chúng sát hại lẫn nhau
Ngày Nhân Quyền, Phật Tử khắp năm
Châu
Ngồi tuyệt thực, Kiến Nghị chung phản đối*

*Thinh Nguyễn chung, mong Nhân Quyền
Thế Giới
Hãy tiếp tay, để giải thoát quý Thầy
Tuổi đã cao và cực khổ nhiều ngày
Được thanh thản trong lời kinh tiếng kệ*

*Ngày Nhân Quyền chúng con cầu
xin Phật*

*Hãy ra tay tế độ nước Việt Nam
Độ quý Thầy, thoát khỏi cảnh cầm giam
Toàn dân Việt được cơm no áo ấm.
Hannover, Mùa Quốc Nạn 1996
10.12.1996*

•Quang Kính

trang Y HỌC thường thức

CÁCH DINH DƯỠNG ĐỂ LÀM GIẢM NGUY CƠ MẮC BỆNH UNG THƯ

■ Quỳnh Hoa sưu tầm

Bệnh Ung Thư đối với nhân loại ngày nay vẫn còn là căn bệnh hiểm nghèo. Khối U ác tính có thể phát sinh do nhiều tác nhân khác nhau nhất là môi trường xung quanh, tuổi tác ...

Sau một cuộc khảo cứu mới đây, các nhà khoa học gia đã xác định cách ăn uống dinh dưỡng góp phần vào việc phát sinh bệnh ung thư. Điều nguy hại là chúng ta ăn quá nhiều thịt, chất béo, thực phẩm hong khói, thực phẩm ướp muối và lại ăn ít rau, trái cây, uống nhiều rượu.

Để làm giảm nguy cơ mắc bệnh ung thư, cần thay đổi cách ăn uống dinh dưỡng, sau đây là lời khuyên của các Bác Sĩ.

Hạn chế dùng chất béo, ăn nhiều chất béo, nhất là mỡ tạo điều kiện phát sinh ung thư ruột già, ung thư tuyến tiền liệt, ung thư lá lách, ung thư vú.

Vì vậy, mỗi ngày chỉ nên dùng từ 60 đến 70 gram chất béo là đủ. Cần giảm bớt tiêu thụ các loại thực phẩm giàu chất béo.

Chỉ nên dùng ít thịt, dồi, xúc xích và các loại thực phẩm ướp muối. Các nhà khoa học chuyên về dinh dưỡng suy đoán sự gia tăng lượng thịt tiêu dùng liên quan đến sự gia tăng bệnh ung thư ruột già. Họ khuyên để giữ gìn sức khỏe mỗi tuần chỉ nên dùng từ 2 đến 3 lần thịt, mỗi khẩu phần 150 gram và 2 đến 3 lần dồi hay xúc xích, mỗi khẩu phần 50 gram.

Nên hạn chế dùng các loại thực phẩm hong khói, ướp muối như thịt cá hong khói, ướp muối diêm (Nitrit-Pökelsalz) vì các loại thực phẩm này trong quá trình biến dưỡng của cơ thể sẽ tạo ra chất thải, chất thải này góp phần tạo ra ung thư.

Nên ăn nhiều rau, trái cây. Rau tươi và trái cây cung cấp nhiều chất cho cơ thể chống ung thư như các Vitamin, chất khoáng, chất nhầy, chất xơ. Trên hết là Vitamin C, Vitamin E và tiền Vitamin A Beta-Carotin, đây là những chất chống oxy hóa, nhiều nhà khoa học coi các Vitamin này như là "Vũ khí" thiên nhiên chống ung thư.



Ngoài ra chất Polyphenol trong củ hành, cải xanh và chất Sulfurophan trong bông cải xanh là những chất rất tốt bảo vệ cơ thể, chống lại ung thư.

Cần gia tăng lượng rau, trái cây dùng hàng ngày. Mỗi ngày nên dùng tối thiểu 200 gram rau, 100 gram xà lách tươi, 200 gram trái cây.

Bên cạnh rau trái cây, các sản phẩm từ ngũ cốc nguyên hạt như bánh mì, gạo lức, thực phẩm từ lúa mạch, thức ăn khô hòa với sữa (gồm có lúa mạch khô, nho khô, hạt hồ đào, đường) rất bổ dưỡng và giàu Vitamin. Nên dùng các sản phẩm làm bằng ngũ cốc nguyên hạt thay vì dùng sản phẩm từ ngũ cốc đã được chế biến làm cho trắng ví dụ như bột mì trắng.

Giảm lượng rượu tiêu dùng, chỉ nên uống rượu với lượng vừa phải, hợp lý. Chất Alkohol trong rượu là tác nhân trợ giúp phát sinh ung thư vú, ung thư cổ họng, ung thư hốc miệng, ung thư thực quản.

TÌM NGƯỜI MAY

Cần người may nữ có
chỗ ăn và ở

Xin liên lạc

Tel. 02162 - 13619



GIÀ CHÁNH CHAY

Dồi Sả

Vật liệu :

- 4 miếng tàu hủ trắng
- 2 miếng tàu hủ ky lá
- 1 cây poirée
- 2 muỗng soupe sả băm
- 100 gram xà lách
- 2 trái cà chua
- 2 trái ớt
- ngò thơm
- 300 gram dầu ăn
- 2 muỗng cà phê dầu mè
- 1 muỗng soupe bột năng
- Tiêu, muối, đường, bột ngọt, nước tương.

Cách làm :

I.- Giai đoạn một : chuẩn bị

- 1) Tàu hủ trắng (chứa chiên) : quét nhuyễn, vắt ráo nước.
- 2) Tàu hủ ky (1 miếng) : ngâm nước, bỏ bì cứng bên ngoài, sau đó đem luộc mềm, để ráo, xắt nhuyễn băm thật nhỏ.
- 3) Poirée : băm nhỏ lấy 1 muỗng soupe
- 4) Cà chua : xắt lát mỏng
- 5) Ớt : tia hoa 1 trái, 1 trái băm nhỏ
- 6) Trộn chung : tàu hủ trắng + tàu hủ ky băm nhỏ + sả ớt băm + poirée băm + dầu mè. Nêm tiêu + muối + đường + bột ngọt + nước tương cho vừa ăn. Cho thêm 1 muỗng soupe bột năng, trộn đều.

II.- Giai đoạn hai : chiên dồi

Tàu hủ ky còn lại nhúng vào nước cho mềm, trải lên mâm, cho hỗn hợp nhân vào, sửa cho đều và dài, cuốn chặt tay, lấy dây buộc lại, đem hấp chín độ 20 phút, đem ra để ráo, cho vào chảo dầu đã khử poirée, chiên vàng.

III.- Giai đoạn ba : trình bày

Dồi xắt ra từng khoanh để chính giữa đĩa, chung quanh xếp xà lách, trên xà lách để lát cà, ớt tia hoa để chính giữa, ngò cắt quanh ớt, dùng chung với nước tương.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 6 người ăn.

■ Bình luận



■ PHAN NGỌC

THỜI SỰ THẾ GIỚI

Lúc bỏ nước ra đi, mọi người đều nghĩ rằng định mệnh đã đùa giỡn với mơ ước, với số phận của mình. Vì thế chúng ta không bao giờ thoải mái bất cứ ở đâu ngoài quê hương thân yêu. Đối với người tỵ nạn, mỗi năm là một triển hạn kéo dài cho đến ngày cuối cùng. Thời gian trôi qua, mối lo âu vĩnh cửu của con người. Có muốn níu kéo thời gian cũng vô ích. Chỉ bằng chúng ta lợi dụng những ngày cuối năm là những ngày thần diệu nhất, cùng nhau đem lòng hứng thú nhìn lại ngày hôm nay để tìm hiểu ngày mai hoặc để giết thời giờ nhàn rỗi tùy theo tâm cảnh của mỗi người. Thế thì thời cuộc năm 96 ra sao?

Nhìn chung, hình như con người dần dà mất lẽ sống, đánh rơi ý niệm nhân sinh. Thế giới có lẽ đang đi đến một trong những giai đoạn bi thảm mà sau này những nhà viết sử sẽ thở than tại sao không ai làm gì để cứu vãn kịp thời đúng lúc. Nói rõ hơn, chúng ta đang sống trong một "Thế giới vô mộng" thể hiện qua thù oán chủng tộc vô tận, tham vọng vô bờ bến, thất nghiệp lan tràn, độc tài càng độc tài hơn, khủng bố càng khủng bố hơn, cuồng tín vì tôn giáo càng cuồng tín hơn, nghèo đói bất công càng nghèo đói bất công hơn. Chúng ta đang ở vào một thời đại đổ nát, phân hóa, đảo lộn vì con người yếu đuối, vì hèn nhát và vụ lợi thịnh hành.

Đi vào cụ thể và để theo kịp đà tiến hóa, chúng ta dùng xa lộ INTERNET lằng du khắp đó đây, ghi lại một vài sự cố quan trọng xảy ra từ Mỹ sang Âu, Phi đến tận Cận Đông, Viễn Đông. Và như đứng trước một phong cảnh mở rộng, chúng ta không khỏi không ngỡ ngàng, không khỏi không mất định hướng. Như đứng trước một tấm gương vỡ, chúng ta có thể nhìn ra nỗi niềm bi quan tuyệt vọng lan rộng bao quanh.

MỸ CHÂU

• Hoa Kỳ

Trước hết chúng ta đề cập đến Mỹ, bởi năm 96 là năm của Mỹ, năm bầu cử Tổng Thống. Kết quả quá rõ trước khi kiểm phiếu chính là tuổi tác và khả năng của Bob Dole không mở đường cho ông đặt một "nhịp cầu sang thế kỷ 21" như Bill Clinton hứa hẹn. Một Bob Dole đến quá trễ với một thế kỷ quá già. Vậy thì nên ghi lại những gì cuộc bầu cử cho thấy: Một sự kiểm soát bằng tia X có công dụng cho thế giới tình trạng nước Mỹ, xã hội Mỹ.

Trên phương diện đối nội, nhiều tin mừng tập trung trên mặt trận kinh tế. Từ đầu năm đến tháng 9, nền kinh tế Mỹ tạo 1.900.000 việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp 5,1%, lạm phát dưới 3%, tỷ suất lợi tức dưới 7%. Đồng Mỹ kim luôn luôn hạ giá tạo thuận lợi cho ngành xuất cảng

(tăng 3% từ 92 đến 96). Lạm chi ngân sách dưới 2%, một thành công vượt bậc (3% theo tiêu chuẩn thống nhất tiền tệ Âu Châu). Những cảnh vật nào cũng có mặt trái của nó. Bốn chục triệu năm trăm ngàn (40.500.000) dân Mỹ (15% dân số) thiếu bảo hiểm sức khỏe, có việc làm bấp bênh, lương thấp (trên dưới 5 Mỹ kim mỗi giờ); Tổng Giám Đốc Walt Disney lãnh 80.000 Mỹ kim mỗi giờ). Lúc lúc công nhân phải làm 2 hoặc 3 việc để có sức mua sắm ngang với sức mua sắm vào thập niên 80. Lương tiền giảm đến mức tối thiểu, việc làm mất hết giá trị kinh tế xã hội tạo điều kiện cho những hoạt động phi pháp và tội ác gia tăng thấy rõ (1.000.000 người bị giam, 500.000 trẻ con mãi dâm).

Kỳ thị xuất hiện tại đô thị. Dân nghèo sống trong những khu nhà ổ chuột. Khoảng 4.000.000 dân giã ra ngoài ổ sống trong những khu sang trọng có tường xây quanh, có cảnh sát tư bảo vệ như ở Seattle Los Angeles, Dallas, Phoenix, Miami, Hoa Thịnh Đốn, Minnesota. Đường sá, hệ thống cống, trường học thứ gì cũng tử. Gần đây nhất, Disney khánh thành tạo Florida khu Celebration gồm 8.000 căn nhà chứa tất cả 20.000 dân. Mặc khác, một nhóm cực hữu thuộc vòng ảnh hưởng của tổ chức kỳ thị Ku-Klux-Klan đốt nhà thờ dân da đen, có những "hành vi thù địch chủng tộc dẫn đưa đất nước trở về với trang sử đen tối nhất". Nền giáo dục kém đồng đều. Dân nghèo học ở những trường học tầm thường, những trường nổi tiếng dành riêng cho dân làm tiền (học phí 100.000 Mỹ kim cho 4 năm học ở Đại học Harvard). Ngoài vấn đề màu da, Mỹ còn va chạm với vấn đề giai cấp.

Về mặt đối ngoại, dĩ nhiên Mỹ gặt hái nhiều thành công đáng kể, như giải quyết êm đẹp vụ khủng hoảng Đài Loan, thắng cuộc đánh cá bầu cử Tổng Thống Nga. Nhưng cơn sốt Irak và một số thất bại khác làm lu mờ không ít bản tổng kết khá tốt đẹp.

Trong năm nay, nét điểm đặc biệt của nền ngoại giao Mỹ là sự cô lập. Từ việc tăng cường phong tỏa Cuba (luật Helms-Burton) đến việc phong tỏa toàn diện Iran, Lybie (luật Amato-Kennedy) qua vụ dùng quyền phủ quyết chống Boutros Ghali tái ứng cử vào chức Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Mỹ gặp phải sự chống đối quyết liệt của đồng minh như Cộng đồng Âu Châu, Mễ Tây Cơ, Gia Nã Đại. Sở dĩ Mỹ gặp rắc rối là vì với tư thế siêu cường duy nhất kể từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Mỹ chưa thành công thuần hóa hoặc khéo léo sử dụng sức mạnh của mình. Lần đầu tiên trong lịch sử Mỹ, Mỹ không có trước mặt một đối thủ nào xứng đáng. Do đó Mỹ đang dò dẫm tìm một sự mạng tương xứng và quan trọng hóa quá đáng một vài kẻ độc tài.

Do dự giữa khuynh hướng tự nhiên mang quân làm "cảnh sát quốc tế" và rấp rem quay về giải quyết việc nhà, Mỹ thường phân ứng kém tế nhị hoặc đôi lúc sai lầm. Người ta có cảm tưởng như Mỹ vừa muốn ấn định quy tắc, luật lệ chung cho toàn thế giới vừa lo sợ phải đảm nhận các hậu quả của thế lựa chọn này. Chính vì vậy Mỹ tỏ ra ngập ngừng giữa ý hướng phô trương sức mạnh và thái độ thận trọng quá mức.



Cho dù xã hội Mỹ chưa hòa hợp đúng mức theo truyền thống lập quốc, cho dù Mỹ cô lập trên chính trường, Mỹ vẫn độc chiếm ngôi vị siêu cường. Tất nhiên không có vấn đề bá chủ nếu không có ý thức hệ. Là một quốc gia của những người di dân, một quê hương được chọn lựa hơn là được thừa hưởng, Mỹ không phải là một trường hợp ngoại lệ. Dân Mỹ tin chắc rằng nếu mọi người rập theo tín điều đạo lý của họ, áp dụng dân chủ và kinh tế thị trường, mọi người đều có thể khắc phục nghịch cảnh, chiến thắng lịch sử.

Từ mấy năm gần đây, người ta bảo Mỹ xuống dốc, đang đứng trên bờ tan vỡ văn hóa, chủng tộc. Rốt cuộc Mỹ tiếp tục thống trị thế giới. Sức mạnh của Mỹ là kiểu mẫu Mỹ. Mọi người đều có thể phủ nhận kiểu mẫu này. Nhưng hiện nay, chưa có ai đề nghị một kiểu mẫu khác đúng hơn, kiến hiệu hơn. Trong lúc chờ đợi, Mỹ có sức thu hút mãnh liệt, gọi lên không biết bao nhiêu mơ ước cho nhiều người.

•Cuba

Chúa thoát khỏi vòng lẩn quẩn. Một lãnh tụ già nua, hẹp hòi trở lại trên ngai vàng bị một. Để đánh lạc hướng lòng dân sôi sục bất mãn đang hướng về chân trời tự do dân chủ, Fidel Castro thực hiện vài cuộc vận động ngoại giao và ông đạt khá nhiều kết quả mong muốn. Ví dụ như ông làm cho mọi người tưởng rằng phong tỏa là duyên cớ duy nhất gây nên tình trạng tởm tộ ở Cuba. Người ta chú ý đặc biệt đến cuộc viếng thăm Vatican nhân dịp Castro tham dự cuộc họp Tổ Chức Chống Nghèo Đói Thế Giới tại La Mã, bởi cuộc viếng thăm này "mở đầu một tiến trình lịch sử" na ná như quá trình Đông Âu Liên Xô?

Nhưng dù lãnh tụ có mưu toan gì chẳng nữa, những thành công ngoại giao không có đủ bề thế để che đậy hiện tình đất nước. Sau 4 năm khán tận, nền kinh tế Cuba có dấu hiệu hồi phục (phát triển 5%), tuy nhiên vẫn còn què quặt. Sản xuất Nickel, thuốc lá gia tăng, sản xuất đường đạt mức cao nhất đến 4.450.000 tấn. Những giới sản xuất phải đón cả những cơn mưa cuối cùng gây tai hại cho mùa màng tồi. Cuba đang thử thi đạo luật Helms-Burton chặn ngay yết hầu, ngăn cản chế độ Castro vay tiền quốc tế và thu hút vốn đầu tư ngoại quốc. Do đó Cuba chỉ dựa vào ngành xuất cảng, du lịch và vào số tiền trợ giúp gia đình do dân tỵ nạn gửi về (500 triệu Mỹ kim mỗi năm).

Ngành du lịch phát triển rầm rộ lời theo cuộc chạy đua sản đồ-la. Hồ sâu cách biệt giàu nghèo càng sâu hơn. Công chức hồi hưu hàng tháng chỉ lãnh 5 Mỹ kim, bắt buộc phải buôn thuốc lá lẻ trên lề đường. Trong khi một số chủ khách sạn thu lợi lức hàng ngàn Mỹ kim. Sinh viên mất chỉ hưởng không biết học để làm gì. Lương Kỹ sư 100 - 200 Mỹ kim bằng 1/2 lương huấn luyện viên bồi lợi cho du khách. Mãi dăm phát triển song song với du lịch. Khoảng 7.000 phụ nữ hành nghề ở những khu phố sang trọng, trên bãi biển, trong những khách sạn 3 sao, 4 sao. Bán mình để gượng sống qua ngày hoặc hy vọng tìm được một tấm chồng ngoại quốc, như thế thoát khỏi cảnh nghèo hèn, giấp mặt lại với tự do.

Trên mặt trận chính trị, yếu điểm của chế độ là thông tin, tranh luận quan điểm, tự tưởng. Cho nên Castro quyết không dung tha các tổ chức đối lập Hernanos Al Rescate và Concilio Cubano, cả ra chủ trương tôn trọng nhân quyền hòa giải dân tộc dọn đường cho sự tiếp chuyển đến chế độ dân chủ. Chế độ còn kiểm soát "khối khao" cơ quan thông tin độc lập coi như "những công cụ phá hoại thành quả chính trị xã hội Cuba", tố cáo, hăm dọa các nhà trí thức "không nên vượt quá giới hạn" đồng thời khẳng định "cởi mở kinh tế không có nghĩa là tự do chỉ trích chính quyền" bởi chỉ đảng mới có khả năng đạt "chân lý".

Phúc lợi vừa chớm nở, chế độ vội vàng đóng khung trong biện pháp sùu cao thuế nặng. Cử mỗi lần có một giai đoạn cởi mở đôi chút thì có một giai đoạn củng cố đối chiếu đúng theo kế hoạch của đảng. Dân Cuba chỉ còn có nước hoặc câm lặng, hoặc bỏ quê hương ra đi.

ÂU CHÂU

•Tây Âu

Khác với xã hội Mỹ âm thầm chịu đựng "niềm u uất trầm lặng", xã hội Tây Âu bất bình nổi giận. Cơn giận thoát thai từ căn bệnh thất nghiệp. Thống kê cho biết, số thất nghiệp trên toàn thế Cộng đồng Âu Châu đạt đến 18.000.000, đa số là thanh niên 20 tuổi, 50.000.000 dân sống bần cùng. Nhân danh quyền tự do cạnh tranh "chí thánh", thu đạt tối đa lợi nhuận, các công ty sa thải hàng loạt công nhân. Tại Pháp trung bình mỗi tháng người ta loại bỏ 35.000 công nhân. Tại Ý, Tây Ban Nha, Bỉ, Anh, Đức, các xí nghiệp cũng làm một loại công việc tương tự: Deutsche Telekom thực hiện kế hoạch giảm 70.000 nhân viên; Daimler Benz 15.000; Volkswagen 30.000; Natinal Wesminter 15.000, Glaxo 7.500; Telefonica 7.000; Iberia 5.200; Olivetti 5.000.

Lương bổng hạ thấp, ngân sách thiếu hụt, quỹ bảo trợ xã hội bị cắt xén đến mức khấp khểnh. Khắp nơi hàng triệu, hàng trăm ngàn công nhân, công chức rầm rộ biểu tình phản đối chính phủ, Đến đổi một lãnh tụ nghiệp đoàn đã nhận định: "công nhân và gia đình công nhân,

các người bệnh tật, các công chức về hưu đang bị chọc tiết, trong lúc các giám đốc, các kẻ đóng góp cổ phần an toàn ngồi trên số tiền lời kếp xù của họ".

Trước xã hội rách nát, trước sự va chạm giữa xã hội dân sự và quyền lực chính trị, con đường đi tìm một vật tế thần không xa lắm. Kẻ ấy là người nước ngoài mang đủ thủ tội như gây tội ác, cướp việc làm của dân bản xứ v.v... Vận dụng mọi thủ tục tống xuất họ là thượng sách. Điển hình như vụ 300 dân Mali cổ thủ trong nhà thờ Saint-Bernard, Ba Lê. Nguy hiểm hơn hết là bày tỏ quan điểm "không có sự ngang bằng giữa các chủng tộc", có kẻ làm người, có kẻ là ngòm (lãnh tụ Mặt Trận Dân Tộc Jean-Marie Le Pen), một quan điểm hoàn toàn trái ngược với khoa học. Xã hội bất mãn không biết lúc nào sẽ bùng nổ. Chính giới mất tín nhiệm cuộn quây trong vòng tai tiếng kinh tài, tham nhũng, thuần phong mỹ tục. Như ở Pháp một số Tổng giám đốc Công ty kỹ nghệ, kẻ đang ngồi tù, kẻ đang bị điều tra. Ở Bỉ một Phó Thủ Tướng, một Tổng Trưởng bị nghi ngờ có quan hệ tình dục với trẻ con. Nhờ địa vị mà có đặc quyền, các lãnh tụ chính trị sống trong tháp ngà, xa cách thực tại xã hội, đứng đưng trước hoàn cảnh có đôn tuyệt vọng của công dân. Có lẽ rồi đây rồi ren xã hội sẽ đặt họ trước thực tế phũ phàng, hé lộ cho họ biết rằng những điều họ mưu tính đều là giả tạo. Và cuộc cách mạng xảy ra "khi điều giả tạo trở thành hiện thực".

•Đông Âu

Gần 7 năm sau "cuộc cách mạng phương Đông", một hố sâu phân chia Đông Âu làm hai hạng: hạng tốt và hạng xấu trong bài toán chuyển tiếp. Một bên Ba Lan, Tiệp, Hung Gia Lợi, Slovaqui đã tỏ bằng chứng trở về với dân chủ tự do. Một bên Lỗ Ma Ni, Bào Gia Lợi đậm chân tại chỗ.

Năm nay tại Lỗ Ma Ni lạm phát gia tăng 45%; tại Bào Gia Lợi nợ quốc tế tăng vọt đến mức báo động. Dân chúng lo dự trữ đồ hộp, thực phẩm nhằm chuẩn bị qua một mùa đông khó khăn. Tiền Bào, đồng Lev giảm 230% so với đồng đô-la. Có thể đưa ra một vài lý do giải thích tình trạng trì trệ nêu trên. Các học sinh tốt từng lệ thuộc đế quốc Áo-Hung, cởi mở với khối Tây Âu; các học sinh xấu đã chịu tai ách đế



quốc Thổ Nhĩ Kỳ, sống một đời sống trung cổ trong một thời gian dài đằng đằng. Trong thời giá băng xã hội chủ nghĩa, chế độ Lỗ, Bào tôn thờ cá nhân quá độ. Khi thế giới cộng sản tan rã, đảng cộng sản Lỗ chớp thời cơ tuốt đoạt cuộc cách mạng giả - thật năm 1989 liên tục cầm quyền cho đến ngày hôm nay. Cán hữu Bào cầm quyền chia rẽ trầm trọng dọn đường cho đảng cộng sản trở lại chấp chánh. Lý do cuối cùng là các lãnh tụ cộng sản cho dù chạy theo kinh tế thị trường nhưng vẫn còn cai trị theo truyền thống quan liêu, tham nhũng.

Quần chúng đang nóng lòng chờ đợi một xã hội mới, nên ngày 3 và 17.11.96 vừa qua bỏ phiếu tín nhiệm khối dân chủ Lỗ - Bào.

•Bosnie

Cuộc bầu cử sau chiến tranh đã mang lại chiến thắng cho các lãnh tụ quốc gia quá khích. Trước nhất là vì chiến tranh đã tạo nên một bầu không khí bất ổn, sợ hãi, oán thù thường trực. Sau nữa là vì trong một vùng đất chưa bao giờ biết đến dân chủ, điều tự nhiên tất phải dồn phiếu cho đảng cầm quyền. Sau cùng là vì cộng đồng quốc tế muốn theo đúng lịch trình do Hiệp ước Dayton ấn định không mở một con đường bầu cử khác có thể dẫn đến một sự chuyển đổi khác tốt đẹp hơn.

Kẻ mạnh bao giờ cũng lôi cuốn dân vào vòng xung đột. Giờ đây họ quy định những thể thức hòa bình theo mưu tính của họ. Như thế Bosnia đã trở lại khởi điểm 1990 sau cuộc bầu cử thừa nhận quyền lực của những kẻ cực đoan. Những thể chế mới như tam đầu chế cầm quyền, quốc hội, hết sức lũng lèo không thể bảo đảm thống nhất

quốc gia, hòa hợp hòa giải dân tộc trong khi mỗi đối thủ đều giữ trong tay áo những mục tiêu hoàn toàn tưởng phàn, làm le "về biên giới bằng máu, phân ranh quốc gia bằng những nắm mồ".

Muốn có hòa bình thật sự lâu dài, Bosnie phải hội đủ ba điều kiện: giao tội phạm chiến tranh cho tòa đại hình quốc tế xét xử, kiến thiết lại hạ tầng cơ sở, mang trở về quê hương 70% dân số chạy loạn. Lúc ấy và chỉ lúc ấy thôi, tất cả chúng tộc Bosnie mới có thể sống chung hòa bình. Bằng không một Bosnie đa văn hóa, đa chủng tộc chỉ là một sản phẩm tưởng tượng. Toàn vùng Balkan sẽ lao vào lò lửa chiến tranh với sự can thiệp trực tiếp của Albanie, Bào Gia Lợi, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ. Lúc ấy Bosnie sẽ trở thành một Somalie thứ hai làm cho bầu không khí cựu lục địa nghẹt thở thể theo ý muốn điên cuồng của một Milosevic, một Tudjman và một ngày nào đó của một nhà độc tài Hồi Giáo khác không hề đặt nhún nhường như Izetbegovic.

•Nga

Một xã hội thoái hóa, một Tổng Thống bệnh hoạn, một sự tranh chấp quyền hành đã tô vẽ tình hình nước Nga năm nay.

Sống với cộng sản thì khốn khổ, với tư bản thì khắc khổ. Từ khốn khổ cộng sản, xã hội Nga chuyển sang khắc khổ tư bản. Một sự kiện có thể tóm tắt khó khăn hiện tại: trung bình dân Nga chết 2 năm trước khi hồi hưu (chính thức 60 tuổi). Tuổi thọ giảm từ 65 xuống 58. Dân nghèo gia tăng 12%, một phần ba dân số (48 triệu) sống dưới mức nghèo đói (<100 Đức Mã), xã hội bất bình đẳng, kẻ giàu sang tung tiền qua cửa sổ, công chức hưu trí hàng tháng chỉ lãnh được 40 Mỹ kim. Một xã hội mất tinh người nở nhần tâm mang 70.000 trẻ con mang tật bẩm sinh gọi là "trẻ vô tích sự" nhốt trong những "phòng chờ chết" dơ bẩn như những thùng rác. Một nhóm đầu sỏ gồm 150 - 200 cựu đảng viên cộng sản, triệu phú mới, nắm vận mệnh cả nước, 7 Giám đốc Ngân hàng kiểm soát 50% nền kinh tế. Sự bòn rút tài sản quốc gia xảy ra dưới hình thức bom nổ, bắn giết giữa đường phố Mạc Tú Khoa và các thành phố lớn.



Hình ảnh buổi lễ nhậm chức kỳ II của Boris Jeltsin giống như một biếm họa thời Breinev, một lãnh tụ già tại ngai trên quyền hành trong lúc các kẻ rắp tâm kế vị rút rìa một xác chưa chết. Trong cuộc giải phẫu thành công (5.11.96) nhưng không ai đoán chắc được sức khỏe của Tổng Thống ra sao? Ông có thể sống thêm 10 - 15 năm nữa không? Thời gian hồi phục kéo

dài bao lâu, 4 tháng, 6 tháng, hoặc lâu hơn nữa? Ông có thể giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ? Cho nên sự tranh chấp ngấm ngấm tiếp tục giữa Thủ Tướng, Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống và một số quyền lực núp trong bóng tối với sự tham dự của các đại úy Jeltsin còn gọi là "Công chúa điện Cẩm Linh". (Lebad đã rời dài).

Tuy là con bệnh khó chữa, nhưng không vì thế mà Nga không phở trưởng một nền ngoại giao của một cường quốc nguyên tử. Một phần cũng vì các nhà lãnh đạo Tây phương thực thi đường lối "tất cả cho Jeltsin", dựa trên ưu tiên trợ giúp nhằm ảnh hưởng đến sự thay đổi nội bộ Nga hơn là đến việc làm của Nga trên chính trường thế giới. Nói cách khác, người ta "lấn lộn cái tổ với ngoại giao chiều lòng" bởi người ta nghĩ dân chủ thị trường sẽ nấn tạc lại bộ mặt thế giới sau chiến tranh lạnh.

Sự thật hoàn toàn trái ngược. Qua giai đoạn theo đuổi, Nga trở về với lối ngoại giao không gián đoạn đặt nền tảng trên quyền lợi quốc gia từ thời quân chủ đến thời Liên Xô và nền ngoại giao này sống sót đến ngày hôm nay. Để nắm một chủ bài mặc cả, Nga đã khai triển các mối giao hảo với một số nước mà các chính phủ Tây phương hết sức nghi kỵ, bán vũ khí, kỹ thuật hạt nhân cho những chế độ không đáng tin cậy, ve vãn Trung Quốc trong lúc Hoa Thịnh Đốn phân vân không biết nên chọn đường nào, dân quyền hay thương mại. Ngoại trưởng Evgueni Primakov là người điều khiển nền ngoại giao này. Ông là sản phẩm Liên Xô, một sự pha trộn giữa một nhà ngoại giao, một nhà báo, một nhân viên tình báo. Ông có thể phục vụ bất cứ một chính phủ nào bởi ông thể hiện một đường lối liên tục không ăn nhằm

gi đến cá nhân hoặc đạo đức. Dưới khía cạnh này, ngoại giao Nga không khác gì ngoại giao của các cường quốc.

Nga không thể tồn tại nếu không đeo đuổi một hình ảnh đế quốc. Đế quốc không thể tồn tại nếu không có hình ảnh sức mạnh.

PHI CHÂU

Không có lục địa nào chứng bày cảnh điêu tàn hoang phế như lục địa Phi Châu vì 3 lý do: dân chủ vắng mặt, xung đột phe cánh, chủng tộc và tôn giáo bảo thủ lộng hành lồng trong bối cảnh nghèo đói cực độ sau thời gian dài tai ách thực dân, sau hơn 30 năm độc lập không có hòa bình. Nhiều quốc gia tan rã như Liberia, phong trào du kích gieo rắc kinh hoàng tại Mali, Senegal, tranh chấp tước đoạt tài sản quốc gia khốc liệt tại Sierra Leone. Đáng kể nhất là "ung thư chủng tộc" di căn sang Burundi, Zaire và nội chiến Algerie.

•Rwanda - Burundi - Zaire

Vì trùng diệt chủng Rwanda đang ăn mòn cơ thể Burundi, Zaire. Tại Burundi, diệt chủng nhỏ giọt từ 94 đến 96 đạt cao điểm qua vụ quân đội gồm đa số Tutsi đảo chánh lật đổ chính phủ hợp pháp Hutu. Sự kiện này đẩy lui Burundi trở về 30 năm về trước. Thiếu số Tutsi hoàn toàn kiểm soát quyền hành.

Thảm kịch Kivu, miền đông Zaire là triệu chứng rõ nhất của căn bệnh lây lan 2 năm 6 tháng sau vụ diệt chủng Rwanda. Những kẻ sát nhân đang trà trộn với hơn một triệu dân Hutu lánh nạn ở Kivu chỉ nghĩ đến trà thù bằng sát máu. Chế độ Tutsi Kigali cưỡng quyết không kém muốn giải quyết tận gốc mối đe dọa Hutu. Tại Zaire, chính quyền bạc đãi thiếu số gốc Tutsi đồng thời hỗ trợ nhóm sát nhân Hutu nhằm khuynh đảo Rwanda Burundi. Thửa lúc quyền hành vắng mặt ở Kinshasa (Tổng Thống Mobutu sang Thụy Sĩ chữa bệnh), Rwanda Burundi liên kết với phe nổi loạn Tutsi thực hiện kế hoạch bề ngoài để phòng ngừa, bề trong để giải quyết dứt khoát chiến tranh kéo dài từ 4 thế kỷ.



Như thường lệ, giữa hai quyền lực, các dân tộc bị lạm dụng, bị giữ làm con tin. Chiến tranh và lo sợ chiến tranh thúc đẩy dân tỵ nạn rời bỏ các trại tạm trú đi vào rừng sâu Zaire (700.000 - 800.000), một số trở về quê hương (400.000 - 500.000). Tình trạng thiếu nước, thiếu thực phẩm, đe dọa trả thù như báo trước một tai họa. Nghĩ đến một vụ diệt chủng quy mô mới là điều quá đáng. Nhưng về mặt chính trị, vụ Kivu có vẻ trầm trọng hơn vụ Rwanda 94. Trước nhất là vì xung đột liên chủng

tộc đang chông chéo lên nhau (kế hoạch thực hiện một Tutsiland, đất Tutsi cho người Tutsi gồm Rwanda, Burundi, Uganda cộng thêm vùng Kivu xem như vựa lúa và nhiều dầu hơi đốt). Kế đến là vụ xung đột chủng tộc dẫn đến xung đột giữa một quốc gia và một quốc gia, giữa Zaire và Rwanda. Sau cùng là sự toàn vẹn lãnh thổ Zaire. Tóm lại tương lai Zaire và vùng Trung Phi Châu đều lệ thuộc vào mối tương khắc dai dẳng Hutu - Tutsi.



cửu trợ. Nhưng vì hạp bàn liên miên, vì kẻ này tổ cáo kẻ kia có ẩn ý gây ảnh hưởng tại địa phương (Zaire giàu tài nguyên như kim cương, vàng, dầu hỏa, v.v... vừa nhượng 83.000 cây số vuông lớn bằng 3 Rwanda ở phía Đông Bắc cho một Công ty Mỹ mà hội đồng quản lý

Cũng như lần trước vào năm 1994, lần này cộng đồng quốc tế lên tiếng nghiêm khắc cảnh cáo. Sau đó để gọi là khỏi bị lưỡng tâm cần rút, quốc tế dự định mang quân can thiệp, bảo vệ hành lang cho các tổ chức nhân đạo

gồm một cựu Tổng Thống Mỹ, một cựu Giám đốc CIA và một Thủ Tướng Gia Nã Đại), đến lúc hành động thì mọi việc đều an bài. Người sống sót không còn bao nhiêu.

Xưa kia Phi Châu là một cơn chốt trên ván cờ tranh chấp Đông Tây. Ngày nay Phi Châu không còn gây chi mấy hứng thú cho ai nữa. Có người ví Phi Châu như "một chậu hoa quý giá, dùng đựng đến nó vì nó đã vỡ". Điều này diễn tả quan điểm giao Phi Châu cho Phi Châu tự lo liệu. Một thái độ bề ngoài nghiêm chỉnh vì theo đúng quy tắc không xen vào nội bộ quốc gia, nhưng bề trong là một thái độ phũ phàng, nhất là trong thời buổi gạo châu củi quế này

•Algerie

Tháng 11.95, dân Algerie dồn phiếu cho Tuồng Liamine Zeroual đắc cử vào chức vụ Tổng Thống đồng thời giao cho ông nhiệm vụ chấm dứt bạo lực, mang lại thanh bình cho đất nước. Người dân bỏ phiếu cho hòa bình vì máu đã đổ quá nhiều. Từ đó đến nay, quân đội và Tổ chức Hồi Giáo vũ trang (GIA) tiếp tục sát phạt lẫn nhau. Nợ máu phải trả bằng máu. Không có ngày nào không có bắn giết, ám sát, mưu sát, thủ tiêu (trong 5 năm ít nhất 50.000 nạn nhân). Dân Algerie lâm vào thế kẹt giữa đàn áp và khủng bố, càng ngày càng chán nản hơn, bất hạnh hơn, già nua hơn.

Gây công phẫn nhất là vụ ám sát các nhà tu hành ví như "những cây cổ thụ hiện hữu giữa đêm tối. Nhờ những cây cổ thụ này, bầu không khí trở nên trong lành hơn, đời sống đáng sống hơn". Một không khí mới mà Algerie đang cần đến, mà các tay khủng bố đã làm cho ô nhiễm. Họ đã bẻ gãy một điều cấm kỵ, chặt đứt mối dây liên lạc cuối cùng của họ với nhân loại. Ra tay sát hại các nhà tu hành, các người Hồi Giáo cực đoan đã đập tan một trong những biểu tượng thiêng liêng của xã hội, cho dù xã hội nào, bảo thủ hay hiện đại, sùng đạo hay không tin đạo. Vì nhà tu hành là một gương mặt mang cùng một lúc nhiều nét đẹp mà kẻ thường tình không thể có được. Nhà tu hành tượng trưng nơi nương tựa, sự ưu kính trầm tư mặc tưởng hài hòa với vũ trụ huyền bí, với Thượng đế, sở thích học hỏi nghiên cứu và cầu nguyện, quan niệm sống chung hòa bình giữa người và người.

Oán thù chiến thắng chăng? Nếu như thế thì đây là một mất mát lớn lao cho một nước đang gặp lắm thử thách, một thất bại cho các tôn giáo đang gặp nhau trong tinh thần hữu hảo mang lại cân bằng cho nhân loại.

CẬN ĐÔNG

Do Thái đặt vấn đề xét lại Hiệp Ước OLSO và Irak điều động quân kiểm soát vùng Kurdistan là hai biến cố chứng tỏ vùng Cận Đông là vùng đất hết sức phức tạp.

•Do Thái

Hai chữ hòa bình an ninh (Shalom, Bitaron) đã chi phối đời sống chính trị, sâu xa hơn nữa, tất cả đời sống quốc gia Do Thái. An ninh như đòi hỏi tuyệt đối trước kẻ thù, một lời thề sau "còn tận thế diệt chúng", một bảo đảm cho chủ nghĩa phục quốc, thực hiện sứ mạng mang đến cho dân tộc một mảnh đất nơi đó họ sinh sống một cách an toàn. Hòa bình như một giai đoạn ngắn dài tùy lúc giữa hai chiến tranh, như một giấc mộng khó thành mà cuối cùng người ta phải tin tưởng. Hòa bình như một lời hứa mà người ta thường phản bội.

Nhân danh một nền an ninh trên hết, Do Thái đã động binh 5 lần, sống như một quốc gia liên tục chuẩn bị chiến tranh. Và muốn có hòa bình, Do Thái bắt buộc phải chấp nhận điều kiện "giao đất đổi lấy hòa bình" với Palestine.

An ninh sinh ra lo lắng, hòa bình mở cửa hy vọng. Sự căng thẳng hầu như thường trực giữa lo lắng và hy vọng đã cấu tạo đời sống vật chất lẫn tinh thần Do Thái. Trong một vùng đất mà các dân tộc luôn luôn thổi bùng điều phi lý, Do Thái cũng như Palestine lúc nào cũng giao động giữa lẽ phải và thiên kiến, giữa hy vọng và thất vọng, giữa mù quáng và sáng suốt.

Trong bầu không khí mâu thuẫn như thế, Tổ chức khủng bố Hồi Giáo Hamas tung ra một loạt hành động khủng bố gián tiếp giúp đảng

bảo thủ Likoud thắng cử. Thủ Tướng Benyamin Netanyahu liền ra tay xé nát Hiệp ước Oslo cản trở hòa bình. Theo bản năng phòng vệ tự nhiên, Do Thái triệt để tăng cường an ninh bất kể hòa bình vừa lo lắng, chớm nở.



Tuy nhiên người ta tin tưởng lịch sử không phải lúc nào cũng bi thảm, hy vọng Do Thái tự mình thoát khỏi 2 bẫy sập: co rúm lại trong tâm lý của kẻ bị bao vây, như thế có thể quên đi quyền lợi lâu dài, và mang hủi ào đi tìm một nền an ninh tuyệt đối. Bởi "một nền an ninh tuyệt đối cho kẻ này là một bất ổn

tuyệt đối cho kẻ kia".

Hiện nay Do Thái, Palestine đang đi trên đỉnh núi chật hẹp. Nếu Do Thái cứ chủ trương "phủ nhận Palestine" như một trong những huyền thoại lập quốc, nếu như Palestine và khối Ả Rập cứ xem Do Thái là một điều gì giả tạo, bất cứ lúc nào Do Thái, Palestine cũng có thể sa xuống vực sâu. Tất nhiên cả hai nước phải mua hòa bình với giá rất đắt. Ở đây cũng như ở nơi khác, niềm tin không phải tự nhiên mà có. Khi hai dân tộc không thể một sớm một chiều thành thật tin yêu lẫn nhau. Và lại không ai đòi hỏi nơi họ điều này. Sự hòa giải không đến ngay được, mà phải chờ đợi thêm một vài thế hệ. Nhưng nếu Do Thái, Palestine và khối Ả Rập không bắt tay vào việc ngay từ bây giờ, vùng Cận Đông sẽ trở thành một thung lũng đầy máu và nước mắt.

•Irak

Từ xưa đến nay, không giữ lời hứa, phản bội, chia rẽ, luôn luôn bám sát dân tộc Kurde. Thảm kịch cuối cùng đang diễn ra tại vùng Kurdistan Irak cũng nằm ở trong một chuỗi dài lỗi hẹn với lịch sử.

Sống luân lạc nơi bốn nước khác nhau từ năm 1923, hai mươi triệu dân Kurde có một số phận đáng buồn, một cộng đồng dân tộc duy nhất chưa bao giờ sống một đời sống quốc gia thật sự. Sau khi đế quốc Thổ tan rã, Hiệp ước Sevres (1920) dự định giao cho họ quyền tự trị. Nhưng Hiệp ước Lausanne (1923) quy định phân chia nước Kurdistan cho Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Irak, Syrie. Bắt đầu từ đấy, bốn nước trên đối xử dân Kurde theo phương pháp riêng biệt của từng nước, nhưng không quên chia rẽ để trị.

Thiếu một nhà lãnh đạo đầy đủ uy tín, vùng Kurdistan trở nên một sân khấu tạp nham với những trận đánh xảy ra thường ngày và chững ấy âm mưu. Kể từ 1994 đến nay. Bị dồn vào chân tường dân Kurde chỉ còn có cách thắt chặt các liên minh nguy hiểm để sinh tồn, thường đi ngược lại với quyền lợi của họ. Thảm kịch của họ chưa bao giờ chấm dứt, vì các nước chủ nhà đều lo ngại trước viễn ảnh về lại biên giới, nhất là vì dân Kurde mất đoàn kết, vì nhóm lãnh tụ tham lam trước quyền lợi vật chất do dầu lửa, buôn lậu biên giới (chủ yếu là nha phiến) mang đến. Điều này tạo một dịp quý báu cho Saddam Hussein lấy lại uy tín, tăng cường uy thế cùng lúc gây đau đầu cho Mỹ và đồng minh.

Vụ khủng hoảng mới này nêu lên một bài toán mà Mỹ và đồng minh chưa tìm ra một giải đáp thỏa đáng. Làm thế nào để sống chung với Hussein? 5 năm 6 tháng sau chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ còn đứng trước thế phải chọn giữa hai đường: Làm sao để vô hiệu hóa nhà độc tài Irak vì chưa thể loại trừ kẻ ấy? Làm suy yếu kẻ ấy mà không gây chiến tranh mới? Trói buộc chế độ mà không làm tan rã quốc gia Irak?, mà không bạc đãi dân tộc Irak? Đánh Irak mà không lung lạc đồng minh Ả Rập cũng như ngăn ngừa Iran ngồi yên trực lợi? Trước một đối thủ mà Mỹ rất ưa thích, phạm vi hoạt động của Mỹ thật giới hạn, chiến lược thay đổi thất thường.

Sống sót sau hai chiến tranh, sau hai lần trừng phạt, sau cả ngàn máu loạn, Hussein vẫn là Hussein, không bắt hung hăng, không ăn năn hối cải. Ông biết rõ quy tắc bất di bất dịch "chiến tranh không gây tổn thất" nhân mạng (Zero Killed) luôn ám ảnh Mỹ. Ông thừa biết Mỹ bắt buộc phải trả đũa nửa chừng không gây thiệt hại bao nhiêu cho cá nhân ông.

Trong giai đoạn đối đầu mỗi mang dáng dấp một cuộc đấu tay đôi giữa Clinton - Hussein, Hussein là kẻ thắng điểm. Uy tín, quyền lực của ông vững chắc hơn. Ông kiểm soát một vùng giàu tài nguyên. Những mạng lưới do CIA giăng ra để hỗ trợ phong trào đối lập đã rách toác. Mỹ bắt buộc phải điều chỉnh lại chiến lược, bỏ rơi miền núi Kurde rút về phía Nam bảo vệ biên giới các nước đồng minh vùng Vịnh nhằm bảo đảm con đường tiếp tế dầu hỏa. Trong tương lai gần, chắc Mỹ sẽ tự hỏi chiến lược bao vây có mang lại kết quả mong muốn chưa? Mỹ càng bao vây, Irak càng gây thiệt hại cho các chế độ Ả Rập thân Tây phương. Từ trước đến giờ, các chế độ này vẫn xem



Iran là mối đe dọa nguy hiểm nhất. Người ta nghĩ rồi đây Mỹ sẽ dùng kẻ này (Iran) chống lại kẻ kia (Irak), hoặc ngược lại tùy theo từng quan lực lưỡng và nguy hiểm từng lúc. Trong hiện tại, Mỹ chưa có một đường lối nào khác hơn là cưỡng ép Irak phải theo một Pax Americana ít nhất trong thời gian Hussein còn là chủ nhân thành Bagdad.

Riêng Âu Châu không cùng chung quan điểm với Hoa Thịnh Đốn, chủ trương một cuộc "đối thoại phê bình xây dựng". Tuy nhiên Âu Châu chưa tìm ra một biện pháp khác hữu hiệu hơn. Khi Pháp phản đối Mỹ và ủng hộ Irak gia nhập trở lại cộng đồng thế giới, Pháp viện lý do "trừng phạt không làm gì được Hussein, trái lại còn làm cho dân Irak khốn đốn hơn". Phải chăng Pháp hy vọng mang lợi lộc về cho các nhà đầu tư Pháp đang chờ cơ hội thuận tiện?

Chiến tranh vùng Vịnh đã lui vào lịch sử. Mỹ - Âu Châu bắt buộc phải sống chung với Hussein, mỗi bên với mỗi cách riêng biệt. Rốt cuộc, dân tộc Irak chắc đã nhận thức rằng không ai thưởng mình bằng mình thương mình, dân tộc Kurde chắc đã hiểu đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.

Á CHÂU

Một nghìn năm sắp đến là thời kỳ của Á Châu, cũng như một nghìn năm đầu là thời kỳ của Âu Châu. Ngay từ bây giờ, phân nửa dân số thế giới đang sống trên một tam giác trải dài từ Nhật, Úc ở phía Đông, đến Afghanistan ở phía Tây Nam. Những Á Châu là một lục địa bất ổn dai dẳng, phôi bày nhiều tương phản. Phát triển không đồng đều, một số nước rất giàu, một số nước rất nghèo. Tương quan lực lượng không được xác định rõ ràng vì thiếu một nhân số dung hòa, do đó nuôi dưỡng nhiều căng thẳng nhân danh chủ nghĩa quốc gia mang màu sắc bành trướng. Vậy chúng ta dừng lại ở đây lâu hơn tìm hiểu tình hình một số nước, nhận định xem Việt Nam có đủ khả năng theo dòng trào lưu biến động trong tương lai sẽ làm bộ mặt thế giới hoàn toàn thay đổi. Trước hết đề cập đến nội chiến Afghanistan một thời bị bỏ quên nay là thời sự nóng bỏng.

•Afghanistan

Động cơ nào thúc đẩy nhóm dân quân sinh viên Hồi Giáo Taliban, một Tổ chức quân sự chính trị bí mật tấn công chiếm thủ đô Kabul. Sau khi chiếm 2/3 lãnh thổ? Duyên cớ nào gây ra chiến tranh liên tục từ 1979 với sự chiếm đóng của Hồng quân trong thời gian 9 năm liền và 7 năm sau khi Hồng quân rút lui, chiến tranh xâm lăng trở thành nội chiến?

Dĩ nhiên những nhà lãnh đạo Afghanistan luôn luôn phủ nhận chiến tranh chủng tộc. Nhưng yếu tố chủng tộc giải thích được một phần nào tại sao chiến tranh chưa chấm dứt. Chủng tộc đa số Pachtoun (nhóm Taliban) không thể ứng thuận cho chủng tộc thiểu số Tadjik đón phương cầm quyền. Tuy nhiên chiến tranh không chỉ giới hạn trong khuôn khổ chủng tộc, chiến tranh được lái theo chiều hướng chiến lược của các cường quốc.

Afghanistan là món đồ chơi trong tay Iran, Nga, Pakistan, Arabie Saoudite, khối Tây phương nhất là Mỹ. Từ khi Liên Xô tan rã, vùng Trung Á Châu đã lấy lại tầm quan trọng chiến lược kinh tế. Một thị trường to lớn, một tài nguyên phong phú: mỏ vàng lớn nhất ở Ouzbekistan giáp Đông Bắc Afghanistan, mỏ bạc lớn nhất, mỏ Uranium ở Tadjikistan, 1/4 dự trữ dầu thô thế giới ở Kazakhstan giáp cực Bắc Afghanistan. Từ 1990 đến nay Nga và Tây phương tranh chấp quyết liệt ở vùng này.

Pakistan (sau lưng có Mỹ, Arabie Saoudite) với tham vọng trở thành con rồng vùng Tây Nam Á Châu không thể không giăng mắc ảnh hưởng đến các nước Cộng Hòa Trung Á cựu chủ hầu Liên Xô, như thế phải bắt một đầu cầu từ Kabul. Mỏ con đường chiến lược thường mại xuyên Trung Á đến Nga sang Âu Châu dưới nhãn quan Islamabad là nhiệm vụ của đoàn Taliban. Mặc khác Pakistan còn muốn đi vào chiều sâu chiến lược để đối đầu với Ấn Độ và loại ảnh hưởng của Iran, đồng thời đặt đế tại Afghanistan những người lãnh đạo trung thành hầu tháo gỡ ngòi nổ phong trào thiểu số ly khai tại gia cùng một nhóm chủng tộc với Taliban. Quả thật Pakistan chơi một ván cờ cao.



Riêng Nga trước sau vẫn xem vùng Trung Á là sân sau nhà. Taliban cầm quyền thành lập một chế độ Hồi Giáo sẽ là một gương sáng cho phong trào ly khai các dân tộc theo đạo Hồi ở vùng "láng giềng gần". Ngoài ra, Nga còn muốn ngăn cản các Cộng Hòa Trung Á tìm một

thị trường cho tài nguyên năng lượng mà khỏi ngang qua lãnh thổ Nga (kinh Salang ở phía Bắc Kabul trở ra Ấn Độ Dương, kế hoạch ông dẫn hơi đốt và ống dẫn dầu nối liền Turkmenistan với Pakistan xuyên ngang miền Tây Afghanistan).

Bình định xử sở cho các chiến lược thương mại an toàn đầu tư buôn bán, Taliban bắt buộc phải chu toàn nhiệm vụ. Con đường họ đang đi đã phủ đầy mìn và xác chết, trong khi quân chính phủ nhận vũ khí Nga đang phản công. Các kẻ thua lớn như Ấn, Iran, Nga đầu chịu khoan tay ngồi yên. Chiến cuộc tiếp diễn chưa biết ngã ngũ ra sao. Điều hiển nhiên là tin tưởng chiến đấu cho thanh danh Allah, nhóm Taliban không ngờ đã sa vào bẫy của những kẻ mà họ không ngờ tới trong các buổi giảng đạo.

•Ấn Độ - Pakistan

Chưa hẳn là con rồng nhưng là con voi đang tiến bước đều đều, Ấn Độ nghèo đói, lạc hậu theo kiểu mẫu Liên Xô nay đang thay đổi. Phát triển 6,2%, xuất cảng tăng 20%, vốn đầu tư ngoại quốc đạt 1,3 tỉ lời theo 7,2 triệu việc làm. Nhưng Ấn còn gặp nhiều khó khăn, số chuyên viên khoa học mũi nhọn tuy khá cao nhưng không cân bằng số thất học (48%). 600 triệu dân nghèo, 200 triệu rất nghèo. Chính phủ chưa chắc thực hiện được lời hứa hẹn dẫn đất Ấn tiến vào khu rừng cọp ít nhất trong tương lai gần.

Gây chú ý nhiều nhất là phong trào phát huy "bản sắc Ấn" và kế hoạch nguyên tử. Sở dĩ phong trào quốc gia phát triển mạnh trong một nước đa văn hóa, đa chủng tộc là vì phong trào diễn đạt đúng lúc lòng mong muốn đến bù 10 thế kỷ sống dưới áp bức Hồi Giáo, xóa bỏ dư chấn thuộc địa Anh kéo dài hơn 150 năm.

Kế hoạch nguyên tử gây nhiều lo ngại cho Pakistan. Cả hai nước đang trải qua một giai đoạn căng thẳng mối liên quan đến Cachemire. Đôi bên ráo riết chạy đua vũ trang nhất là từ khi Mỹ tu chính luật Brown trở lại hợp tác quân sự với Pakistan. Trong trạng huống vô mộng vì Mỹ bắt ve vãn cũng như ngấm ngầm lo sợ Trung Quốc bành trướng thế lực đến sát biên giới, "chủ nghĩa quốc gia nguyên tử" có cơ hội này nở mau lẹ, bắt buộc Pakistan phải lộ rõ bộ mặt hạt nhân. Mọi người đều run sợ trước bất cứ một rắc rối biên giới nào dù nhỏ nhoi đến đâu. Tuy nhiên viễn ảnh chiến tranh tương tàn còn xa vời, vì hai anh em thù địch đều có sẵn trong tay vũ khí tàn phá tuyệt đỉnh.

•Miền Điện



Gia Độc Lập.

Giữa lúc ấy một luồng đầu tư (công ty Pháp Total vừa khởi công xây cất ống dẫn hơi đốt dài 645 Km nối liền giếng hơi đốt Yanada đến nhà máy điện trên vịnh Thái Lan) kết hợp với thời cơ chạy theo lợi nhuận, sản xuất ma túy (Tổng Thống Mỹ tố cáo Miến là nhà sản xuất ma túy lớn nhất) không giúp ích được gì cho cánh đối lập. Vừa mới gần đây, khối Asean xét lại vấn đề Miến gia nhập dự trữ vào năm 1997, Cộng đồng Âu Châu, Mỹ đe dọa trừng phạt sau vụ đàn áp Sinh viên, hành hung Bà Kyi. Tuy thế, nhóm quân phiệt không hề nao núng và toan tính chọn con đường Nam Dương có nghĩa là dựa vào quân lực để duy trì quyền hành.

Bà Kyi "tiếng nói trên chấn song" như Nguyễn Chí Thiện "tiếng nói sau song sắt" không thể lùi bước nếu muốn bảo toàn uy tín. Nhóm quân nhân đảo chánh không thể nhân nhượng mà không hy sinh quyền lợi, quyền hành. Sự va chạm có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nền ngoại giao xây dựng chẳng những không mang lại một kết quả còn con nào mà còn chấm dứt bằng thất bại.

•Cao Miên

Bộ mặt Cao Miên năm nay không có gì thay đổi. Liên minh thành lập chính phủ luôn luôn tương khắc. Người nắm quyền thật sự là đồng Thủ Tướng Hun Sen, đảng viên đảng cộng sản, thân Việt Nam. Đảng cộng sản kiểm soát phần lớn quân đội, cơ quan an ninh, hệ thống hành chính cơ sở.



Trong bối cảnh chính trị bất ổn mang đến tham nhũng, đô-la, ma túy như thế, Quốc vương Norodom Sihanouk ký Sắc lệnh ân xá leng Sary, nhân vật số 2 Khmer Đỏ vừa ly khai Pon Pot. Ân xá leng Sary từng cặp kê với Pon Pot như "sói lang và cá sấu", tất nhiên là làm suy yếu Pon Pot, như thế hy vọng kết thúc mau lẹ nội chiến cũng như gạt hái thêm lợi lộc phụ như chiếm lại vùng Pailin có nhiều gỗ quý, đá quý trị giá mỗi tháng 10 - 20 triệu Mỹ kim.

Việc làm của Quốc Trưởng gọi lên bao nỗi thắc mắc dù với lý do quốc gia đại sự. Người dân tự hỏi có nên quên những tội ác đã qua nhân danh

hàng ngàn mạng sống? Cho phép quên để cho phép ân xá? Và lại Quốc Trưởng không làm gì khác hơn được bởi người hùng Nam Vang Hun Sen và 11 Tổng Bộ Trưởng đều là cựu Khmer Đỏ. Riêng đối với dân Cao Miên, dù có hay không có Chỉ Dụ vua ban, sự tha thứ không phải tự nhiên mà có. Kỳ ức của họ rất bén nhọn. Tha thứ diệt chủng là mang đến phần thưởng cho kẻ phạm tội. Không thường phạt công minh, không thể hàn gắn kỷ ức. Bởi muốn lật qua trang sử, trước nhất phải đọc hết trang sử. Theo các nhà nghiên cứu Đại học Yale Mỹ, Cao Miên chứa khoảng 20.000 mồ chôn tập thể. Xóa các dấu tích ấy sẽ gây tổn hại cho công lý. Dù thế nào đi nữa, linh hồn những người chết oan vẫn tiếp tục nguyên rủa leng Sary và đồng bọn.

•Việt Nam

Ai hàng gần bó với quê hương không thể thờ ở trước tình hình đất nước. Mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm ai ai cũng hưởng về quê nhà, chăm chú theo dõi Việt Nam tiến triển ra sao. Cũng như năm qua, năm nay lập lại câu hỏi tương tự mà không khỏi băng khuẩng ngậm ngùi. Việt Nam có gì mới lạ?

Điều không thể chối cãi được là phát triển kinh tế duy trì xung quanh tỷ lệ 9,5%, một con số làm cho các nước tư bản thêm thường đố kỵ. Riêng tại Sài Gòn, phát triển vượt lên đến 15%, lợi tức thường niên mỗi đầu người đạt từ 800 đến 900 Mỹ kim (Hà Nội 11 - 14%, 650 Mỹ kim). Vốn đầu tư ngoại quốc trải dài trong 3 năm 93 - 96 vượt qua lần mức 20 tỉ cộng thêm với 2 tỉ viện trợ góp phần không nhỏ vào sự tái thiết. Sản xuất nông nghiệp đạt 36% sản lượng quốc gia. Kỹ nghệ, xây dựng tăng 26%, dịch vụ tăng 38%, dầu thô chiếm 27% số lời xuất cảng. Kỹ nghệ nặng (xi-măng, chế biến dầu thô, luyện kim) trên đà tăng vọt. Ngoài ra Việt Nam xuất cảng số lượng cà-phê, hải sản, làm sản đáng kể, đứng hạng 3 thế giới về xuất cảng gạo. Tỷ lệ thất học xuống thấp còn 6,3% (?), một điều đáng mừng. Điện về đến thôn qua, điện thoại công cộng xuất hiện ở các đường phố lớn. Ngoài đường, quần áo bành bao lượt là, Honda Cup bóng láng, xe hơi lộng lẫy lũ lượt. Khách sạn sang trọng, cao ốc mọc lên như nấm. Chẳng như đất nước phồn vinh quá, ai cũng tưởng chắc dân tộc ấm no hạnh phúc lắm. Thật là những thành quả đáng ca ngợi.

Những trong chiều sâu, những con số nêu trên quả thật không diễn tả chính xác được điều gì, hướng chỉ là hiện tình đất nước. Vậy hiện tình đất nước ra sao?

Hưởng về thôn quê hẻo lánh hay lên miền núi xa xôi mỗi thấy bộ mặt Việt Nam thật u sầu rủ rụi. Sản lượng quốc gia chỉ bằng 1/10 sản lượng Thái Lan, 1/5 Mã Lai Á, 1/4 Phi Luật Tân. Lợi tức mỗi đầu người bằng 1/3 lợi tức dân Nam Dương và Phi Luật Tân, xem như hai con bệnh nặng của khối Asean. Vì nền kinh tế Việt Nam sinh sau đẻ muộn, vì những bất lợi tích lũy từ 10 năm trước, khoảng chênh lệch nêu trên càng rõ nét hơn. Ví dụ như tại Thái Lan, với tỷ lệ phát triển >8%, lợi tức mỗi đầu người tăng từ 2300 đến 2500 Mỹ kim. Tại Việt Nam với tỷ lệ phát triển 9,5%, lợi tức tăng từ 250 đến 275 Mỹ kim, khoảng cách chênh lệch là 175 Mỹ kim. Ngân sách quốc gia bằng 1/5 ngân sách Mã Lai Á với dân số 20 triệu. Lỗ hổng cán cân thương mại từ 2,3 tỉ tăng đến 3,57 tỉ. Xuất nhập mất quân bình: nhập 4,17 tỉ gấp 2 lần xuất.

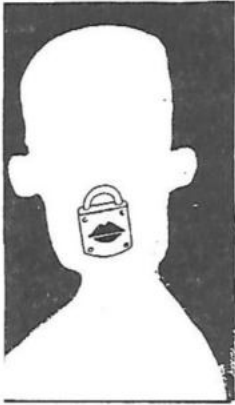
Người dân hưởng được gì do nền kinh tế thị trường mang đến? Số phận đa số vẫn hẩm hiu, 51% thuộc hạng nghèo, 25% sống dưới mức nghèo đói (70% là nông dân). Nhu cầu thực phẩm không cung ứng đủ số lượng tối thiểu 2.100 calories thường ngày. Tuy cảnh ăn đói, dùng bao cát may quần đùi bấy giờ thật hiếm, nhưng dân nghèo còn sống trong chòi tranh nền đất, thiếu nước dùng tinh khiết, không có một nền giáo dục thích đáng, không biết một viên thuốc "Tây" là gì. Trong lúc tại Sài Gòn, Hà Nội người ta thảo không biết bao nhiêu kế hoạch xây cất nhà chọc trời, khu giải trí dành cho kẻ lắm tiền, cho du khách. Việt Nam còn giữ một chân trong thế giới thứ 4.

Nền giáo dục sa sút thấy rõ (trả lời một nhà báo Tây phương, một em học sinh lớp 6 bảo Chủ Tịch nước là ông Ngô Đình Diệm). So với các nước tiên tiến, học phí rất thấp nhưng là gánh nặng cho gia đình. Tỷ lệ Sinh viên Đại Học giảm từ 2,3% còn 1,6%. Nguồn tài nguyên chủ yếu là nhân lực kém khả năng, vì thiếu đào tạo.

Nhìn sang địa hạt Y Tế, thấy ngay hiện tượng phân biệt đối xử. Có tiền nằm phòng có máy điều hòa không khí, chọn thầy hay, dùng thuốc ngoại. Không tiền giao mạng sống cho một số Bác sĩ "hờ" nhờ thế cha anh đoạt được mảnh bằng đáng treo trên giàn bếp. Hơn nữa, trước khi nhập viện điều trị, phải đóng viện phí sòng phẳng. Dân nghèo mặc kệ dân nghèo. Còn đâu câu "lương y như tử mẫu", còn đâu câu "giáo viên như mẹ hiền, lương sư như quốc mẫu".

Với dân số 75 triệu, Việt Nam là một quốc gia đông dân số nhất vùng Đông Nam Á sau Nam Dương (190 triệu). Tỷ lệ sinh đẻ, mật độ dân số gấp đôi so với Nam Dương. Ngược lại, Việt Nam có một diện tích canh tác giới hạn. Theo dự đoán của Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế (FAO), củ đà này Việt Nam phải nhập cảng ngũ cốc để trang trải nhu cầu cần thiết. Mặt khác 40% dân hiện nay dưới 15 tuổi chẳng hề biết chiến tranh "cánh mạng" (!) ra sao, chủ nghĩa Mac-Lê thế nào. Nay đang thụ hưởng chút ít thành quả kinh tế, họ chỉ biết vườn mình

đến 3 điều mở ước (TV, tủ lạnh, Honda) trong lúc chờ đợi 3 điều mở ước khác (điện thoại, xe hơi, nhà ở khang trang). Làm gì họ chịu ép mình trong khuôn khổ cứng nhắc gò bó ngột ngạt.



Dĩ nhiên quốc gia nào trên đường phát triển cũng phải trải qua giai đoạn đầu rối loạn. Nhưng thử hỏi chế độ đã làm được những gì có thể gây lại niềm tin cho dân chúng? Lợi ích chung đâu chẳng thấy, chỉ thấy toàn là tham nhũng, giành quyền, củng cố địa vị, chà đạp tự do.

Quyền hành cặp kè với tham nhũng như hình với bóng. Quyền hành vừa là con đẻ của thời kỳ tham nhũng vừa là nhân tố gây ra tham nhũng. Tham nhũng là căn bệnh trầm kha ("quốc nạn" nếu nói theo Thủ Tướng Võ Văn Kiệt) của lãnh tụ vô sản từ mấy mươi năm, nay chóa mắt vì bạc vàng óng ánh. Tham nhũng dù hình thức, dù cỡ lớn có nhỏ có. Đến "cửa quyền" xin giấy tờ, môn bài, ký giao kèo, về thăm nhà, nhất nhất đều phải qua cửa ải "tiền trà nước". Tệ hại hơn hết là các Tỉnh ủy miền đồng bằng Cửu Long trù phú nguy tạo báo cáo sản xuất lúa gạo vượt chỉ tiêu mang gạo đem bán cho nước ngoài (Trung Quốc chẳng hạn) sung vào công quỹ thì ít, bỏ vào túi riêng thì nhiều. Củng cố địa vị là tặt di truyền. Qua Đại Hội Đảng lần VIII, chế độ đánh cá còn đủ khả năng bảo đảm an ninh trật tự cùng lúc doan chắc thành công kiểm soát mở mang phát triển để không ai mạnh nha xét lại quyền hành quyền lực.

Tham vọng không biên giới chắc gì được thỏa mãn đầy đủ bởi đảng đang ò vào thế thủ. Khối dân ty nạn tại Mỹ, Pháp, Đức tiếp tục chống đối không sờn lòng, dùng hệ thống thông tin đại chúng (Multimedia) khuynh đảo chế độ như nhật báo Quân đội vừa báo động. Trong nước, dù gánh nặng đàn áp dã man, phong trào dân chủ không chịu bó tay. Ngoài ra đảng đã mất hết sức lôi cuốn! Số đảng viên (2 triệu) không thêm hơn, trái lại già hơn. Đảng viên trẻ dưới 30 tuổi chỉ đạt 11,6%, đảng viên về hưu tăng 27%. Một ngôi nhà sơn son thếp vàng, bên trong mục nát, một cơn gió thổi nhẹ cũng đủ làm sụp đổ tan tành.

Tình hình đất nước bị đất chũng tỏ mờ mang kinh tế không phải là tất cả. Nếu dựa vào sản lượng quốc gia, tỷ lệ phát triển để nêu cao thành tích là vội quên hay không cần biết những tai họa do nền kinh tế hỗn độn gây nên. Đưa ra chiêu bài "đổi mới", chạy theo kinh tế thị trường là để kín đáo quay về lối cũ. Thế thì phải chăng cai trị là một xảo thuật gây cho dân lầm tưởng rằng tất cả đều thay đổi để không có gì thay đổi? Cho nên cầm quyền là một nghệ thuật thiên về bá đạo ngồi trên quyền hành, thực thi, củng cố, duy trì quyền lực, nếu cần phải tham những bất công, hà khắc, đẩy mạnh đàn áp để tránh sụp đổ.

Nêu lên ưu nhược điểm của chế độ để đi đến vấn đề then chốt: phân tách xem đảng có đủ sức đi ngược dòng lịch sử không? Mục tiêu của đảng là quyền hành với hệ quả là tiền bạc. Sách lược là dùng thị trường để đạt mục tiêu. Liệu đảng thành công chăng? Hỏi cách khác, chủ nghĩa xã hội thị trường còn gọi là chủ nghĩa Lê nít thị trường có tương lai không?

Cho đến năm 1986, chế độ Việt Nam là một chế độ cộng sản cổ điển. Điều gì định nghĩa hệ thống cộng sản cổ điển? Trước nhất là độc quyền lãnh đạo. Thủ đến là ý thức hệ "cửa thế" hay "giải phóng" nhân loại bằng cách nhuộm đỏ thế giới, còn gọi là ý đồ Mác-Lê. Bởi tự cho mình "ưu việt" quyết định đúng những gì tốt cho dân nên đảng khư khư ôm chặt quyền hành. Hệ thống cộng sản tuy bạo tàn và không kiến hiệu những là một hệ thống gắn bó chặt chẽ: độc đảng, kỷ luật, đàn áp, khủng bố, trung ương tập quyền, củng cố phát triển theo chỉ thị độc đoán từ trên đưa xuống.

Kể từ năm 1986, vì tình thế bắt buộc, đảng phải cải tổ kinh tế, chỉ kinh tế thời. Xét cho cùng đảng ứng dụng chiến thuật ứng biến đặc thù Lê nít giống như Lênine đưa ra đường lối kinh tế mới (NEP) 1921-1922 để thoát khỏi khảnh tận, những bước tiến ăn khớp nhịp nhàng với những bước lùi. Thế nhưng cải tổ kinh tế đã gieo vào lòng hệ thống cộng sản những nhân tố xa lạ tưởng khắc với nguyên tắc và

nền tảng cộng sản. Chính những nhân tố "khách quan" này như con sâu nằm trong quả sẽ phá vỡ hệ thống, làm cho guồng máy xã hội chủ nghĩa ì ạch, cuối cùng ngưng hoạt động.

Chung quy chế độ Việt Nam hiện giờ là chế độ cộng sản cổ điển dù mang mặt nạ kinh tế tư bản. Trong ngắn hạn, thị trường có thể sống chung với độc tài. Nhưng trong dài hạn, chính quyền cộng sản với âm mưu loại trừ tư bản không thể tương hợp với kinh tế thị trường. Giống như tôn giáo chủ trương thành lập chế độ duy vật vô thần vậy. Cho nên có thể nghiệm đoán rằng đảng cộng sản Việt Nam sẽ giữ lại tên đặt, dần dà xóa bỏ những những dấu hiệu Bôn-Sô-Vit cuối cùng, vượt qua "chân trời bi thảm nhất của thế kỷ", sau đó trở thành một đảng tiêu tư sản ít nhiều thân tư bản (nếu không kể một số đại tư sản nằm trong phần lãnh đạo nòng cốt). Trong tương lai Việt Nam sẽ không còn là "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa" Việt Nam nữa.

•Bán đảo Triều Tiên

Hai anh em một nhà trở thành 'hủ nghịch, vì đeo đuổi hai chí hướng khác nhau.

Nam Hàn theo chế độ tự do, say mê tiền bạc, vừa gia nhập Tổ chức hợp tác mở mang kinh tế như thế đoạt huy chương quốc gia kỹ nghệ tiên tiến. Dân giàu nước mạnh, lợi tức mỗi đầu người vượt qua 10.000 Mỹ kim. Lạm phát giảm, phát triển duy trì ở mức 7%.

Tuy nhiên tai tiếng tham nhũng hối lộ làm xáo trộn đời sống chính trị. Giới lãnh đạo nhận tiền giới kinh tài, giới kinh tài dựa thế giới lãnh đạo trục lợi nhiều hơn. Theo Hiến Pháp, đường kim Tổng Thống không được phép tái ứng cử. Do đó ông đang tìm một người kế vị tin cẩn hầu tránh rơi vào số phận hai vị tiền nhiệm vừa lãnh án nặng: Chun Doo-Whan tử hình, Roh Tae-Wo 20 năm 6 tháng tù. Tổng là cánh tay mặt của Roh, Tổng Thống không thể không biết đến việc làm của chủ mình.

Vì đoàn kết nội bộ đảng và để chuẩn bị cuộc bầu cử Tổng Thống sắp đến, Tổng Thống sẽ khoan hồng với hai tội phạm. Nhưng khoan hồng không đến với khối sinh viên biểu tình bạo động chống chính phủ, một số thân cộng đòi thống nhất đất nước theo kế sách Bắc Hàn nhằm phá rối trật tự Nam Hàn. Toàn dân tự hỏi một chế độ dân chủ có thể nào thờ ơ trước nguyện vọng của những nhà lãnh đạo tương lai không cho dù họ bày tỏ nguyện vọng một cách không thể dung thủ được.

Bắc Hàn theo chế độ cộng sản, chạy theo một ảo ảnh. Tự cô lập, chế độ Staline cuối cùng đang gánh chịu những hậu quả của kế hoạch tập sản: thiếu nhiên liệu, thiếu phân bón, thiếu thuốc trừ sâu, sản xuất nông nghiệp chỉ cung ứng 60% nhu cầu tối thiểu. Theo Chương trình Thực phẩm Thế giới, Bắc Hàn cần gấp 6,5 triệu tấn ngũ cốc.

Như chiếc xe không thắng đồ dốc, Bắc Hàn còn đi nước đôi vừa kêu gọi quốc tế giúp đỡ (vùng kinh tế đặc biệt Rajin-Son Bong), vừa gây chuyện (vụ tàu ngầm gián điệp). Điều này cho thấy bán đảo Triều Tiên tiềm tàng căng thẳng gây lo ngại không những cho Viễn Đông mà còn cho cả thế giới.

•Nhật



Cường quốc kinh tế số 2 vừa thoát khỏi sa sút xảy ra lần đầu tiên từ khi chiến tranh Thái Bình Dương chấm dứt và đang trên đường hồi phục. Nhưng Nhật hôm nay khác hẳn Nhật hôm qua. Nhật bước sang giai đoạn chuyển tiếp về mặt chính trị xã hội.

Hệ thống sản xuất thay đổi sâu rộng. "Tam giác sắt" (giới kinh tài, giới chính trị,

công chức) từng là cột trụ sự phát triển tốt bụng nay đang chao đảo. Ví dụ như những cơ sở kinh tài bề thế (Daiwa, Sumitomo Corp) dính líu đến tai tiếng tham ô hàng tỉ Mỹ kim. Các ngân hàng tín dụng nông

ngiệp, bất động sản thua lỗ hàng 100 tỉ Mỹ kim vì ký giao kèo cho vay đáng nghi ngờ. Giới kinh tài cấu kết với bọn đạo tặc, dùng các tổ chức tiền chuyên nghiệp hăm dọa các cổ phần viên. Công chức ham tiền không chu toàn trách nhiệm (vụ máu nhiễm bệnh SIDA). Chính giới bất lực làm trọng tài cho những vụ tranh chấp giữa các nhóm thế lực.

Vì những lý do nêu trên, xã hội dân sự bắt đầu thức tỉnh. Trong lúc các đảng phái thi thố mách lới tiến đến quyền hành, các hội đoàn phát triển mạnh. Hơn 100.000 phong trào công dân hoạt động khắp nơi, trên mọi lãnh vực như năng lượng nguyên tử, giáo dục, thực phẩm, cứu trợ người già, trật tự an ninh xã hội. Nếu chính phủ (20% cử tri tín nhiệm) không đáp ứng đúng mức nguyện vọng của quần chúng, người ta e ngại những phản ứng do cảm xúc, vì kỳ địa phương có thể biến Nhật thành một quốc gia càng ngày càng khó điều hành.



Về mặt ngoại giao, Nhật phát họa một cử chỉ chính trị mà từ lâu người ta chờ đợi. Kỳ Hiệp Jốc cho thế kỷ 21 với Mỹ, xin gia nhập Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, Nhật xác định cho mọi người biết vai vế của mình trên chính trường quốc tế đồng thời bày tỏ ý hướng đóng giữ vai trò quan trọng trên lãnh vực an ninh Viễn Đông (ngân sách quốc phòng Nhật dừng hạng 3 thế giới, quân đội quy ước Nhật mạnh hơn quân đội Trung Quốc nếu không kể vũ khí hạt nhân). Việc này gây hoang mang, nghi kỵ không ít cho các nước từng bị Nhật chiếm đóng. Gây ngờ vực hơn nữa là phong trào xét lại lịch sử chiến tranh, khuyến khích quân phiệt đang sống dậy. Vụ tranh chấp hòn đảo Senkaku với Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông là một bằng chứng. Nhật chẳng những không muốn giải quyết dứt khoát quá khứ tai hại mà còn muốn quay lại với quá khứ ấy. Dân Nhật giống như những kẻ xa lạ với địa phương nhà dù có một ảnh hưởng văn hóa kinh tế to lớn. Họ chẳng bao giờ có mặt trong bức ảnh đại gia đình.

•Trung Quốc

"Các cường quốc giống như các nữ danh ca khi xa rời hoặc trở lại sân khấu không khỏi không gây ra một vài cảnh ồn ào náo nhiệt". Có thể áp dụng nhận xét này cho Trung Quốc, một nước đông dân nhất thế giới đang vươn mình tìm vị thế cường quốc trên vũ đài chính trị thế giới. Sau hơn một thế kỷ ẩn dật, nữ danh ca Bắc Kinh trở lại hí trường không êm thấm như mọi người mong muốn, trái lại lỗi theo nhiều căng thẳng tột độ.

Từ khi cuộc cách mạng kỹ nghệ xảy ra, chưa có một quốc gia nào như Trung Quốc trải qua một thời kỳ phát triển lâu dài liên tục (16 năm) và mạnh như thế (trung bình 10% mỗi năm). Tuy nhiên Trung Quốc vẫn còn là một quốc gia đang mở mang. Lợi tức mỗi đầu người chỉ đạt 500 Mỹ kim, hàng chục triệu dân sinh sống khó khăn, lợi tức chung cho cả gia đình chỉ bằng 60 Mỹ kim. Vì thế nhiều mối nguy hiểm đang rình rập chế độ. Hố sâu giữa thôn quê và thành thị, giữa dân giàu dân nghèo, giữa miền duyên hải sung túc và miền Trung, miền Bắc lạc hậu, giữa công nhân nhà nước và công nhân tư nhân càng sâu thẳm hơn. Hơn 60 triệu nông dân sống dưới mức nghèo đói, 40 triệu công nhân thất nghiệp, 100 triệu công nhân dư thừa. Bất công lan rộng trong một xã hội chạy theo vật chất tạo nên một mối nguy khác. Phát triển sinh ra một giai cấp đại tư sản mới, phần đông là đảng viên (nhà tỷ phú Hồng Kông David Tang vừa khánh thành China Club Beijing dành riêng cho giới này, vé vô của 20.000 đô-la, niêm liếm 1.500). Những phát triển bỏ rơi 100 triệu công nhân lưu động sống lang thang như bụi đời. Phát triển còn tạo điều kiện tốt cho tham nhũng, hối lộ, tội ác nhiều hàng. Kinh tế mang đến giàu sang phú quý cùng lúc khơi dậy khát vọng dân chủ tự do thịnh hành trong

giới trung lưu, nhất là giới sinh viên (vụ Wei Jing Sheng, Wang Dan, Chen Ziming v.v...). Điều mà đảng cộng sản sợ nhất.

Rầm rộ hơn hết là nữ danh ca Bắc Kinh gây náo động ngoài biên giới như bóp nghẹt quyền dân tộc tự quyết ở Tây Tạng, nhất là vụ Đài Loan. Tại sao phải là Đài Loan?

Con đường Trung Quốc đang đi là con đường mang tên cộng sản, quanh co xuyên qua ngõ ngách độc tài chuyên chế dẫn đến ngưỡng cửa cuối cùng Cộng đồng quốc tế hiện đại. Sau mấy thập niên Mác-Lê nghèo nàn cơ cực, cải tổ kinh tế khai thông đại lộ thị trường cùng lúc gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho đến đổi nhiều dân tộc thiểu số yêu sách tự trị (Tân Cương), nhiều quyền lực ra mặt chống đối. Tất nhiên con đường cộng sản chỉ chấm dứt bằng nhận xét lại quyền hành mà từ 1949 đến nay chế độ tỏ vẻ với độc quyền thống trị trên mọi lãnh vực chính trị, văn hóa văn nghệ, xã hội cũng như địa lý đế quốc. Thế là Đài Loan không phải là mối đe dọa chủ quyền quốc gia như Bắc Kinh chính thức khẳng định. Trước tiên và trước hết, Bắc Kinh tạo nên khủng hoảng vì lý do duy nhất màu sắc nhận lại quyền hành trên đất nước mà Bắc Kinh đã mất quyền kiểm soát. Không phải ngẫu nhiên mà vụ Đài Loan bùng nổ trùng hợp với khóa họp thường niên Quốc hội Nhân dân Trung quốc, qua đó đảng cộng sản bóng gió cưỡng ép các vùng các địa phương phải từ bỏ đầu óc cục bộ và phải trở về dưới trường trung ương.

Vụ "ngoại giao hòa tiền" đang đóng một vai trò tương tự như vụ căng thẳng biên giới Hoa-Liên Xô vào năm 1969 xung quanh hòn đảo Zhen Bao - Damansky chẳng có chút gì quan trọng chiến lược. Lúc ấy chính quyền trung ương suy thoái vì rối ren nội bộ nên lao vào cuộc "phiêu lưu ái quốc". Nhưng sự khác biệt giữa 1969 và 1996 rất lớn bởi Đài Loan là nền kinh tế hàng thủ 14 thế giới. Nếu Đài Loan sụp đổ dưới một đe dọa quân sự - giả thuyết mà nhiều lần Bắc Kinh công khai nêu lên - thì sự sụp đổ này sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khó lường cho vùng Á Châu Thái Bình Dương.

Ngoài vấn đề nội bộ, Trung Quốc còn dùng mũi tên Đài Loan bắn Mỹ, Nhật, luôn cả khối tự do như cựu Thủ Tướng Lý Quang Diệu đã nhận định. Từ một năm qua, quốc tế tin chắc rằng Trung Quốc không đại gì gây sự ngoài biên giới nhất là chinh phạt Đài Loan, vì Đài Loan đã đầu tư một số tiền to lớn (30 tỉ Mỹ kim) ở lục địa giúp Trung Quốc trở thành cường quốc kinh tế. Quan điểm của quốc tế hết sức rõ ràng. Sự nổi nghiệp Đặng Tiểu Bình đại thể xem như giải quyết xong. Không có điều gì khác thường cản trở con đường chuyển tiếp từ thị trường đến dân chủ. Thế nhưng sự thật hoàn toàn khác hẳn. Sau gần 1/4 thế kỷ từ lúc cựu Tổng Thống Richard Nixon viếng thăm Hoa Lục (1972) và sau chiến tranh Việt Nam, tình thế có thể gay go hơn không? Trở về với lịch sử cận đại Trung Quốc cho phép nêu lên câu hỏi như thế.

Năm 1949, chính quyền Mao Trạch Đông chân ướt chân ráo tìm thế đứng giữa Mỹ-Liên Xô bằng cách tham dự chiến tranh Triều Tiên với hậu quả một triệu quân hy sinh, nhất là Mỹ khóa chặt vùng Viễn Đông qua Hiệp ước hỗ tương Mỹ-Nhật. Tiếp theo sai lầm nội bộ (bước tiến nhảy vọt, hàng chục triệu dân chết đói) Mao mất quyền. Lưu Thiếu Kỳ lên thay. Năm 1962, Trung Quốc tấn công Ấn Độ nhằm thống trị vùng Hy Mã Lạp Sơn. Mao chết, Đặng Tiểu Bình cầm quyền năm 1978. Một trong những hành động ra oai của Đặng là gây chiến tranh biên giới Hoa-Việt.

Ba sự chuyển tiếp quyền hành, 3 chiến tranh cục bộ. Vậy thì sự nổi nghiệp Đặng Tiểu Bình với nhiều tình tiết "thâm cung bí sử" có thể tạo nên một trạng huống kém thuận lợi cho Trung Quốc nếu Trung Quốc có ý đồ gây trục trặc ở Viễn Đông? Chưa chắc lắm bởi ngoài mặt tiền kinh tế rực rỡ, Viễn Đông là một vùng bất ổn thường trực, một phần vì thiếu một cơ chế quy định trật tự an ninh, một phần vì Bắc Kinh núp dưới tình thần quốc gia hòa lẫn với tham vọng đế quốc tạo cơ hội tốt cho khủng hoảng đột ngột nảy sinh. Điển hình là vụ tàu ngầm Bắc Hàn và vụ tranh chấp đảo Senkaku - Diaoyu.

Câu hỏi nêu lên tức khắc là thái độ Bắc Kinh ra sao trong trường hợp Nam-Bắc Hàn lao vào cuộc thử lửa? Đúng lý và muốn an nhàn thủ lợi, Trung Quốc sẽ không làm gì. Hay hơn nữa, là Trung Quốc khuyến khích Bắc Hàn nên tìm cách thỏa hiệp với Nam Hàn trong những điều kiện thuận lợi nhất để tự cứu. Liệu Bắc Kinh có đủ sáng suốt để kèm chế ý đồ nòng cạ can thiệp nếu Bắc Hàn sẵn có hỏa tiễn tối tân lâm vào cảnh suy vong? Thật khó mà tìm giải đáp ổn thỏa.

Căng thẳng ngoại giao Hoa-Nhật xung quanh hòn đảo xem như có nhiều đầu hơi đốt, chúng tỏ lịch sử vẫn ảnh hưởng mạnh đến đời sống hiện đại của dân tộc Trung Quốc cũng như dân tộc Nhật. Quá khứ vẫn ám ảnh Bắc Kinh - Đông Kinh. Cả hai nước từng đánh nhau hai lần trong một thế kỷ có thể thời sự hóa các mối bất hòa khác trong lúc Trung Quốc nuôi tham vọng trở thành một đối thủ tương xứng với Nhật trong vai trò kinh tế hàng đầu do Nhật đảm nhận từ thập niên 60 đến nay trên toàn cõi Viễn Đông.

Vụ Đài Loan là mặt nổi của âm mưu Trung Quốc. Về mặt chìm, nữ danh ca Bắc Kinh còn khuấy động khá nhiều trên phương diện kinh tế. Điển hình như Đài Loan hiện nay nhận thấy quá lệ thuộc vào Trung Quốc vì Đài Loan đầu tư cao nhất ở lục địa. Ngược lại tiền lời dư thừa chỉ giúp Đài Loan giải quyết cán cân thương mại mất quân bình với Nhật. Mặc nhiên Đài Loan trở nên quân bài chủ cho Trung Quốc mặc tình sử dụng như Tổng Thống Lý Đăng Huy vừa báo động. Các nước Đông Nam Á cũng phụ thuộc vào nguồn đầu tư vùng Đông Bắc (Nhật, Đài Loan, Nam Hàn) và cộng đồng Hoa kiều hải ngoại. Do đó tất cả đều run sợ trước viễn ảnh rối rắm chính trị kinh tế mà Trung Quốc là đầu mối.



Nền kinh tế Trung Quốc đang lên còn gây nhiều vấn đề gay go cho khối tư bản. Ngành xuất cảng Trung Quốc đứng vào hàng thứ 4 thế giới, trừ kim Trung Quốc vượt qua con số 88 tỉ đô-la. Sau Mỹ, Trung Quốc là đá nam châm thu hút nguồn đầu tư quốc tế và hầu hết các công ty kỹ nghệ tư bản. Cả thế giới đều mang mặc cảm lo ngại

trước bất cứ một cử chỉ khiêu khích nào của Trung Quốc.

Từ thế võ biên Trung Quốc nêu lên ít nhất hai bài toán. Trước nhất Trung Quốc thay đổi hoàn toàn luật cung cầu trên thị trường. Một ví dụ: nhu cầu ngũ cốc Trung Quốc làm giá cả tăng vọt, về trang thiết bị, Bắc Kinh đường Đông kích Tây gây chia rẽ hàng ngũ tư bản để mua với giá rẻ (vụ phi cơ 100 chỗ ngồi), sản phẩm tiêu dùng Trung Quốc tràn ngập thị trường cũng là một trong những nguyên nhân gây thất nghiệp ở các nước kỹ nghệ. Vấn đề thứ hai là phải chăng Trung Quốc cảm thấy có đủ sức mạnh cho phép Trung Quốc vi phạm quy tắc giao thương quốc tế? Đối với Mỹ, vấn đề thương mại từ đây không phải là Nhật mà là Trung Quốc.

Liên minh Hoa-Mỹ 1972 đường đầu với Liên Xô không còn nữa. Giờ đây một nhóm cực tả có nhiều thế lực hung hăng khuấy rối bắt buộc Giang Trạch Dân vừa là Chủ tịch nhà nước vừa là Tổng Tư Lệnh Quân Lực phải lui vào thế thủ. Do đó họ Giang vội dùng vũ khí lợi hại tinh thần quốc gia cực đoan. Kể từ đầu vụ Đài Loan, Giang lúc chia tay ra bắt, lúc tung ra quả đấm, lúc thân thiện, lúc hiếu chiến. Chế độ không có gì thay đổi, có nghĩa là thế giới có việc cần giải quyết với những chiến thuật gia không ý thức tưởng tận hậu quả tai hại cho chính mình gây ra những vụng chặc chắn là những chiến thuật gia cường quyết và đôi phần ngạo nghễ.

Để kiện toàn vũ khí tinh thần quốc gia nhằm thực hiện ý bá đồ vương, Trung quốc còn dùng yếu tố văn hóa như một công cụ chiến lược trên lãnh vực chính trị. Như cựu Tổng Thống Tưởng Giới Thạch đã từng xác định: "Trung Hoa luôn luôn có sứ mạng lãnh đạo đến ranh giới cuối cùng của nền văn hóa Trung Hoa". Nói cách khác, Trung Quốc luôn luôn có tham vọng thống trị những nơi mà sự có mặt của cộng đồng Hoa kiều đủ bảo đảm một ảnh hưởng lớn nhất dựa vào nguồn tài chánh dồi dào của họ. Là chủ nhân kho vũ khí hạt nhân, sắp bước sang thế kỷ 21, Trung Quốc còn gắn bó với thế kỷ 18, 19, thời mà người ta dùng những mẫu đất chiêm đoạt để đo đạc vương quyền. Thật sự Trung Quốc đã chọn làm thế kỷ.

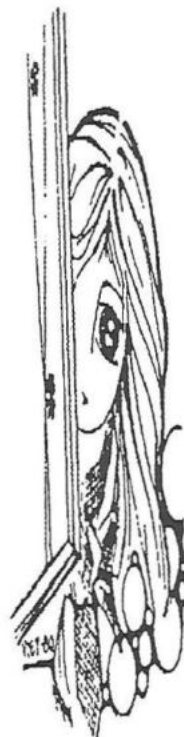
Trong khung cảnh đầy chướng khí hiện tại, sự can thiệp tượng trưng của Mỹ với hai hàng không mẫu hạm và 11.000 quân xem như điều cực chẳng đã nhằm giải quyết tạm thời những thiếu sót, những bất lực do nền hòa bình Pax America lưu lại. Người ta nghĩ các nước

Viễn Đông nhất là khối Asean chắc phải liên kết chặt chẽ hơn, trừ định kiến tạo một đường lối chung hữu hiệu hơn. Bằng không một ngày nào đó, người ta sẽ hâm nóng lại những vụ tranh chấp khác nhau danh những Chiếu chỉ, những Sắc dụ Càn Long lưu trữ trong văn khố. Dù sao một tàu ngầm, một hòn đảo, một vụ bắn hỏa tiễn dĩ nhiên không phải là nguyên nhân gây nên bão tố. Nhưng chặc chắn là một cảnh cáo đáng lo ngại, đáng lưu tâm.

Một chân trời mới đang lộ dạng. Luồng cực Đông Tây lui vào lịch sử, nhường chỗ cho luồng cực Mỹ, Hoa. Phải trang trí phong cảnh như thế nào cho phù hợp với một thế giới kinh tế chiến lược mới? Tuy không nói ra công khai và mặc dù thường ngỡ vực Mỹ, các nước Á Đông và luôn cả thế giới đều mang nguyện vọng thầm kín mong Mỹ đặt chân trở lại trên "vùng kinh tế thịnh vượng", muốn Mỹ toan tính thế nào (khai triển Liên minh Mỹ-Nhật?, hòa hoãn? Mỹ chọn giải pháp thứ hai qua cuộc họp Tổ chức Hợp tác Kinh tế Á Châu Thái Bình Dương APEC 22.11.96) hầu tiết chế một đối thủ cực kỳ lợi hại vừa ý thế đại diện cho 1,2 tỉ người tiêu thụ vừa xem quốc gia mình là rốn của vũ trụ.

Qua chuyến đi vòng quanh thế giới, chúng ta có thể đúc kết lại một vài cảm tưởng như sau: Phải chăng năm 96 là năm dân quyền thì thào, độc tài la hét, khủng bố nhần tâm, bạo lực vô tình, con buôn trở trên? Cũng là năm mang một đặc điểm nổi bật khác. Xã hội loài người trong đó con người, mối giao du giữa người và người, sức khỏe hạnh phúc con người chỉ là những món hàng buôn bán không hơn không kém. Cuối cùng một nền dân chủ trước kia lấy dân làm cột trụ, bây giờ biến thành một nền dân chủ kinh tế thị trường.

Đứng trước những gì tạm thời, bấp bênh phù du, đời sống trở nên đáng khinh nếu đời sống vắng những giấc mộng lớn, nếu đời sống không có hy vọng. Vậy thì chúng ta nên quên hẳn năm 96 này đi, để cùng nhau hy vọng bước sang năm mới. Hy vọng đồng bào tỵ nạn sang năm Đinh Sửu luôn mang nét đẹp niềm vui tô điểm đời sống thường ngày hầu có một đời sống nội tâm thanh thản, tiến đến đỉnh cao tâm hồn. Hy vọng đồng bào trong nước thoát khỏi bóng tối lổm đổm lo âu sợ hãi, rời khỏi căn nhà nhỏ bé để nhìn thấy bầu trời tươi đẹp. Hy vọng quê hương yêu dấu sẽ ca hát không phải những "bài ca của người tù chung thân" mà những bài ca của người tự do bất diệt. Hy vọng để rồi thất vọng. Nhưng cử hy vọng để càng ngày càng ít thất vọng hơn ●



PHU VĂN LẬU

*Thường nhớ quê nhà chạnh nỗi
đau*

*Nhớ xưa sĩ tử dạo quanh lầu
Sông Hương rộn rã tình trời đất
Núi Ngự oai hùng dáng trước sau
Lịch sử nghìn năm đâu để xóa
Thanh bình một thoáng vẫn
mong cầu
Cho dân đất Việt bên đền miếu
Vui khúc xuân ca xóa nỗi sầu*

• Hoàng Ngọc Quỳnh Giao
(Bruxelles, 21.8.96)

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ?

LỜI TÒA SOẠN

Người ta không thể tối lên giường ngủ với một chế độ Chuyên Chính Vô Sản; rồi sáng mai thức dậy để ra được một chế độ Dân Chủ! Do đó, muốn thực hiện được Dân Chủ đòi hỏi một sự đấu tranh lâu dài, bền bỉ, nhiều cố gắng, có đôi khi phải hy sinh cả sinh mạng và tài sản v.v...

Trên cơ sở đó, báo Viên Giác kể từ số 92 mở ra mục Diễn Đàn Dân Chủ để cho những người đã sinh ra và lớn lên trong chế độ Cộng Sản viết lên những tội ác cũng như những sự sai lầm trầm trọng của chế độ đã và đang đưa đất nước đến tận cùng của nghèo đói khổ đau, và hoạch định một hướng đấu tranh cho một nền Dân Chủ thật sự cho đất nước.

Những bài viết trong mục Diễn Đàn Dân Chủ không nhất thiết là lập trường của Tòa Soạn. Bài viết không quá dài, độ 2 - 3 trang đánh máy, hoặc 5 - 6 trang viết tay. Bài nào không được chọn đăng sẽ không hoàn lại bản thảo. Bài viết đã được gửi đăng trên các báo khác trong nước Đức, xin đừng gửi cho báo Viên Giác.

MỘT VÀI SỰ THẬT VỀ CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM

Có những điều mà người ta tưởng sẽ không bao giờ có, không bao giờ xảy ra ở một chế độ mà người ta tự vỗ ngực rêu rao trước thế giới loài người rằng: Chế độ xã hội chủ nghĩa là một chế độ ở đó con người thực sự bình đẳng, thực sự tự do, thực sự tốt đẹp... Vậy mà đã và đang xảy ra hàng ngày trên mảnh đất Việt Nam!

Đâu là sự bình đẳng, tự do dưới chế độ cộng sản, khi mà người dân không dám hé răng phê bình ông Cán bộ, ông Trưởng phòng, ông Giám đốc, ông Bộ trưởng, ông Thủ tướng...? Nếu có ai đó dám mạnh dạn chỉ rõ cái sai, cái thiếu sót của họ, cái chỗ yếu của họ, thì người đó đừng hòng thoát khỏi sự trả thù, sự cách chức, mất việc làm và chỉ còn có cách là tìm đường tự vẫn!

Đâu là sự bình đẳng, tự do khi mà những ông cán bộ có chức, có quyền sống ung dung trên nhung lụa chẳng khác gì những ông vua thuở trước. Còn những người dân lao động vất vả, cực nhọc thì sống trong nghèo nàn, thiếu thốn với đồng lương chết đói không đủ sống trong một tuần. Họ phải chạy

vạy, phải làm thêm đủ nghề, đủ việc mới có thể nuôi nổi bản thân. Còn mấy ông có chức, có quyền chỉ cần tham nhũng và ăn của dút lót của dân thôi cũng đủ để nuôi cả gia đình, cả họ hàng, cả con cháu mấy đời của họ! Thật là nghịch cảnh làm sao! Vậy mà đó là sự thật, một sự thật mà người dân hết sức bất bình nhưng phải nghiên rặng chịu đựng vì sợ bị trả thù, sợ bị trừ ếm!

Đâu là sự bình đẳng, tự do khi mà những nhà tu hành, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà châm biếm không dám viết những điều họ nghĩ, không dám đá phá chế độ cầm quyền, chỉ vì sợ bị bỏ tù và thật là nhục cười biết bao khi mà mấy ông cộng sản tuyên truyền rùm beng: tự do báo chí, tự do ngôn luận... chúng tôi làm cuộc đổi mới! Và một số người vì quá tin tưởng mấy ông cộng sản nên mới được dịp viết, được dịp thổ lộ tâm tư bất đồng với cộng sản và đã bị chính cộng sản bỏ tù vì tu tưởng muốn cải tạo, muốn đổi mới chế độ của họ, mà điển hình là nhà văn nữ Dương Thu Hương!

Đâu là chế độ thực sự tốt đẹp khi mà cuộc sống của con người đã gần ngót 50 năm dưới chế độ cộng sản ngày càng xuống dốc: Tiền lương cả tháng không đủ tiêu trong một tuần? Nước uống thì thật là khủng khiếp: Sau 1954 chúng tôi có vòi tắm sen, nước dùng thoải mái - chỉ vài năm sau dưới chế độ cộng sản thì nước không còn nữa, người ta phải đục máy nước dưới cống, ngoài đường và rồi cuộc thi phải đào hố để lấy nước (ngay giữa thủ đô Hà Nội!) mà nước thì bẩn ối là bẩn, đục ngầu như nước bùn! Tôi chỉ đơn cử một sự việc như vậy cũng đủ chứng minh rằng chế độ cộng sản đâu có tốt đẹp như mấy ông tự khoe khoang. Sự cầm quyền của mấy ông cộng sản chỉ đẩy lùi cuộc sống của người dân Việt Nam, của toàn thể dân tộc càng ngày càng xuống dốc và dân tộc Việt Nam trở nên lạc hậu, chậm tiến hơn các nước khác hàng mấy thế kỷ!

Tôi vẫn thường tự hỏi, vì sao mà mấy ông cộng sản sợ đến thế những nhà văn, những nhà thơ, những nhà báo? Có phải chăng là vì họ sợ bị vạch trần bộ mặt thật của họ trước nhân loại văn minh tiến bộ? Và thế giới loài người có tin không khi mà những người Việt Nam hồi hưởng về nước đều bị cảnh sát hỏi ngay khi về đến sân bay Nội Bài: Có làm chính trị, có viết báo chống cộng sản không?

Và hỏi ối! Nếu có ai đó đã trót làm báo, viết vạch trần bản chất giả dối của chế độ cộng sản thì tên tuổi họ đã nằm trong sổ đen của cộng sản, họ sẽ không có đường trở về thăm quê hương của họ nữa, mặc dù họ yêu quê hương tha thiết! Họ sẽ bị cộng sản bỏ tù vắng mặt và chỗ có đại mà tìm đường về thăm quê hương: ngục tù cộng sản đang chờ đón họ!!

10/1996

•TRẦN THỊ KIM LAN

VỀ LĂNG HỒ CHÍ MINH

Lời Tòa Soạn: Tác giả bài này, nguyên là cựu sĩ quan có nhiều năm làm việc ở Bộ

Tham Mưu Quân Đội Bắc Việt. Hiện, anh cũng gia đình đang tỵ nạn ở Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Y thức hệ lạc hậu, gia trưởng, tri tri; cộng với phương thức hành động độc đoán, cửa quyền, là những nét đặc trưng của thực tế xã hội Việt Nam hiện nay. Nó gọi một chút nhỏ về chủ nghĩa phong kiến, lại có nét hao hao như chủ nghĩa phát xít. Thật ra thì nó tàn bạo và xảo quyệt hơn cả hai. Hết sức nguy hiểm, bởi nó được che đậy bằng cái vỏ giả tạo, mỹ miều: "Chủ nghĩa xã hội khoa học".

Cho tới giờ - những năm tháng cuối cùng của thế kỷ XX - thì tự do ngôn luận, báo chí, tự do hội họp biểu tình, ở Việt Nam vẫn là điều không cho phép. Ở Việt Nam có rất nhiều điều "cấm kỵ". Bàn luận về Hồ Chí Minh và Lăng Hồ Chí Minh càng là điều tuyệt đối cấm.

Hồ Chí Minh là ai?

Sự thật về cuộc đời và tính cách, sự nghiệp? Đó không phải là nội dung chính của bài viết này (hy vọng sẽ có dịp tôi quay lại đề tài này, trong những bài viết sau).

Người ta đã xây dựng quá nhiều huyền thoại về Nguyễn Sinh Cung (tên khai sinh của ông Hồ Chí Minh), và thực tế cuộc đời ông còn giấu kín nhiều bí ẩn. Tuy nhiên người ta biết một điều chắc chắn Hồ Chí Minh không phải là ông thánh.

Lăng Hồ Chí Minh nằm ở địa thế đẹp nhất của thủ đô Hà Nội. Lăng được xây dựng biết bao tốn hao tiền của, dù hồi nước mất và xuống máu của nhân dân. Cái từ trêu của sự đời, ấy là Việt Nam hiện tại là một quốc gia rất nghèo. Rất nhiều ông già, bà cả sống bần cùng, thiếu đồ ăn, mặc và nơi trú ngụ. Rất nhiều trẻ em đói rách, không được học hành. Nhiều trường học ở các địa phương dột nát không có kinh phí tu sửa!

Người Việt Nam (hay người nước ngoài nào quan tâm tới Việt Nam) đều biết được điều đó. Không có lý gì những người lãnh đạo Việt Nam không biết điều này! Chắc chắn là ông Lê Đức Anh, ông Võ Văn Kiệt, ông Đỗ Mười, cùng Bộ Chính Trị của các ông biết tỏ tường, minh bạch!

Chúng ta cùng nhau phân tích, hiểu cho ra cái ẩn ý của chuyện này:

1. Khi còn sống, ông Hồ Chí Minh được các đồng nghiệp và dân em tuyên truyền như một tài năng xuất chúng có đời sống mẫu mực, giản dị khiêm nhường!! Nhưng thực ra ông Hồ cũng có xe riêng, máy bay riêng, đội bảo vệ, hội đồng bác sĩ, y khoa săn sóc. Ông rất béo khỏe, hồng hào... nó đâu có đơn giản là đôi dép râu, cơm tẻ, cá muối v.v... như nhiều người xu nịnh đã viết.

* Thoảng qua thôi, một chút. Từ cuộc Kháng chiến chống Pháp, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ (là cựu sĩ quan của Bộ Tham Mưu Bắc Việt, tôi được nghe bàn luận nhiều của các sĩ quan) Tưởng Giáp (ông Võ Nguyên Giáp) nguyên là giáo viên Sứ học ở trường Trung học Bưởi (Chu Văn An), đầu có quá "tài năng" về quân sự. Hồ Chí Minh có nhiều quyết định trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Kéo pháo "vào" rồi kéo pháo "ra" (từ ý đồ đánh nhanh thắng nhanh, chuyển tới

đánh chệch thẳng chặc!!); thực tế làm một sai lầm chiến thuật. Hàng ngàn người lính đổ máu để trả giá. Sai lầm này không ai chịu cả, nó được "quên" đi.

* Cái cách ruộng đất ở Bắc Việt Nam, là một cuộc thanh trừng đẫm máu. Hàng vạn người bị hành hình dã man; kinh tế xơ xác điêu tàn. Hàng loạt cán bộ cao cấp cộng sản mất chức. Hồ Chí Minh ở đâu? (ví "Cha già dân tộc" như lời tung hô một thời của Tố Hữu!!). Trước sau Hồ Chí Minh vẫn ở nguyên vị trí số một.

* Rồi tới Chiến dịch Mậu Thân 1968. Người sơ học về quân sự cũng hiểu, là thời cơ chưa tới. Bất chấp cả mọi quy luật, Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản vẫn quyết định "phải đánh" chỉ vì "Bác Hồ muốn vào thăm đồng bào miền Nam". Hàng chục ngàn người lính lại bị phơi thây, trả giá cho cái "sai lầm" ghê gớm, độc địa này...

Còn nhiều nữa...

Rồi một ngày, mọi sự thật sẽ được phơi bày. Không có "bí mật" nào giấu kín mãi được. Lịch sử vốn phân minh, rạch ròi. Lịch sử công bằng, chỉ tiếc rằng, lịch sử thường chậm trễ.

2. Ông Hồ Chí Minh đã chết vào năm 1969 (ngày sinh, tháng đẻ, tới ngày chết lia đời - ở ông Hồ Chí Minh nào có rõ ràng!)

Chỉ biết rằng mặc dù ông đã chết, nhưng ông còn "cần" cho các đồng nghiệp của ông nhiều hơn... Quyền lực sẽ phân chia, các nhóm, phe phái sẽ đấu đá tranh giành... Những người cộng sản Việt Nam, phải cần một nơi tụ hội để dung hòa, nói như họ, là "đoàn kết" - nơi ấy là Hồ Chí Minh. Nhưng mà Hồ Chí Minh thì đã chết. Cái huyền hoặc người ta tưởng tượng ra, ấy là "Tứ tượng Hồ Chí Minh". Để ào ào ảnh được biểu hiện như một thực thể và thế là phải có "Lăng" Hồ Chí Minh.

Lăng Hồ Chí Minh, thật ra là bức tượng cuối cùng cho những người cộng sản Việt Nam tựa vào mà "đoàn kết".

Thật phủ phàng, để mua lấy cái hư không vô nghĩa này, mà đất nước Việt Nam phải gánh chịu bao phần tổn kém, trong khi nhân dân trúa sản chiêu khoai, tối ngủ via hè, hoặc bán máu nuôi thân:

- Một nhà máy nhỏ, lọc nước riêng đặc biệt (tất nhiên phải sạch hơn nước cho người Hà Nội dùng) ở phía đường Thụy Khuê.

- Nguồn lưới điện ưu tiên cấp 1, kèm theo hai máy phát 625 KWA dự phòng.

- Duối lãng, thực ra là một xí nghiệp liên hiệp làm việc liên tục.

- Một binh đoàn, với Bộ tư lệnh lãng, chỉ huy là cấp Tướng.

- Hàng ngàn nhân viên phục vụ trực tiếp và phụ trợ.

.....
Quy luật của trời đất, ấy là chết, thì phải về với Đất hòa vào cát bụi. Nhưng hành động phân dân hại nước thì để lại lịch sử muôn đời.

Còn người sống thì biết mình sẽ chết! Biết là sẽ chết, nhưng nếu không biết giữ mình, người ta dễ dàng sống gấp, dễ đòi hưởng thụ quá mức.

Ông Đỗ Mười kẻ cả, coi thường ông Võ Văn Kiệt, ngạo mạn với Lê Đức Anh. Ông Võ Văn Kiệt coi khinh Đỗ Mười và khinh Lê Đức Anh vô biên, ít học. Lê Đức Anh thì coi

thường tất cả... Rồi cả Bộ Chính Trị của các ông nào có "nhất trí" bao giờ.

Ông Hồ Chí Minh, đâu có mãi là bùa "hộ mệnh". Là nhơ nào rồi cũng sẽ khô, che sao kín sự lừa lờ.

Đẹp bỏ Lăng Hồ Chí Minh, và cũng nên quên đi "Tứ tượng Hồ Chí Minh" ấy là những việc thiện mà những người cộng sản Việt Nam nên làm ngay lúc này.

Mọi thứ đời, rồi sẽ là hư không cả
Hư không, hư không của sự hư không!

Germersheim, 10.1996

•VUÔNG ĐÌNH HOÀNG

NGUYỄN CHÍ THIỆN TẤM GIỜNG ĐẤU TRANH CHO TỰ DO - DÂN CHỦ - BẤT DIỆT

Sáng ngày 20.10.1996, kỷ niệm một năm ngày thành lập Cộng đồng Người Việt Quốc gia Hải ngoại khu vực Âu Châu. Tôi hân hạnh được làm quen với người chiến sĩ đấu tranh Tự Do - Dân Chủ cho Việt Nam, đó là nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và cũng là tác giả của tập thơ nổi tiếng "Hoa Địa Ngục". Qua thơ của ông đã nói lên được sự bất công và suy đồi của chế độ độc tài đảng trị của đảng Cộng Sản Việt Nam, ông đã bị cộng sản Hà Nội bắt giam và cầm tù. Tất cả là 3 lần, tổng cộng 27 năm. Được sự giúp đỡ của Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế và tinh thần đấu tranh không mệt mỏi của đồng bào hải ngoại, ông đã được đến với tự do, đến với 2 triệu người Việt ở hải ngoại.

Trong buổi nói chuyện, ông đã mang đến cho Đại Hội những tư tưởng, phương thức đấu tranh mới và với kinh nghiệm đấu tranh tử xướng máu chống bạo quyền cộng sản Việt Nam. Qua bài nói chuyện của ông, tôi có phân tích ra thành những phần sau:

Thứ nhất: Sự phân hóa nội bộ đảng cộng sản Việt Nam

Trong sự chuyển biến về cái gọi là hệ thống trong Bộ Chính Trị của đảng cộng sản Việt Nam, sau Đại Hội 8 vừa qua. Nhìn về bề ngoài thì hình như có vẻ đổi mới, nhưng nhìn kỹ càng từng khía cạnh thì chúng ta thấy đó chỉ là một cuộc thanh trừng nội bộ, tranh chấp quyền lực của đảng cộng sản Việt Nam. "... Đại Hội 8 của cộng sản Hà Nội có nhiều điểm lạ, những cơ quan vô cùng quan trọng thì bị dẹp đi, như Ban Bí Thư, Ban này điều hành công việc của đảng (bao gồm một số trong Bộ Chính Trị và một số trong Trung Ương Đảng), một Ban quan trọng nữa cũng bị loại bỏ, đó là Ban Tổ Chức Đảng; điều khiển nhân sự trong đảng. Hai bộ phận quan trọng, chủ lực của đảng bị xóa bỏ

và được dựng lên Ban mới đó là Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị (không do dân bầu) đứng ngoài pháp luật, do một nhóm người lãnh đạo. Tại sao lại xảy ra hiện tượng như vậy? Đó là trong hàng ngũ đảng bị phân hóa, không còn tin vào nhau nữa... (*)

Thứ hai: Lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của đảng bị giảm sút.

Người dân Việt Nam hiện nay, kể cả những cựu đảng viên cũng đã mất lòng tin vào sự lãnh đạo của đảng, vào học thuyết Mác-Lê và họ đã phê phán thẳng thắn vào sự cố hù của chủ nghĩa xã hội cũng như sự độc quyền, độc đoán của đảng. "... Sự mất lòng tin của quần chúng vào đảng cũng rất tăng nhanh, trước kia bảo vệ Đại Hội Đảng là do Cục Bảo vệ Trung ương Đảng lo liệu. Còn Đại Hội tám thì lấy từ quân đội, công an qua tuyển chọn để bảo vệ Đại Hội. Nhiều đảng viên, kể cả đảng viên cao cấp cũng không tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, lãnh tụ không còn được coi là thần thánh, tất cả người dân ở trong nước cũng đã nhìn rõ bộ mặt thật của cộng sản Việt Nam..." (*)

Thứ ba: Việc vi phạm nhân quyền ở Việt Nam.

Những chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đó là những người dám phê phán sự sai lầm của đảng, cái lỗi thời, sự thối nát trong hàng ngũ đảng cộng sản Việt Nam và đưa ra những yêu sách đòi Dân Chủ, Đa Nguyên cho dân tộc, họ đã bị cộng sản giam cầm, tù đày. "... Rất nhiều các tù nhân chính trị, bị cộng sản bắt bỏ tù mà không đem ra xét xử. Theo sắc lệnh của Hồ Chí Minh năm 1961 "bắt đưa đi thẳng, không xử gì hết". Tự do phải đổi bằng xương máu, tù đày. Bao nhiêu nhà trí thức, văn nghệ sĩ đã vạch bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của bạo quyền Hà Nội đều không thoát khỏi cảnh ngục tù của cộng sản..." (*)

Thứ tư: Phương thức đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên cho Việt Nam.



Dương Văn Mạnh và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện

Nguyễn chí Thiện đã khởi dậy cho Cộng đồng Người Việt hải ngoại một niềm tin, một phương thức đấu tranh mới sắc bén để đánh thẳng vào bạo quyền cộng sản Việt Nam và giúp cho đồng bào ở trong nước, cũng như ở

nước ngoài thấu hiểu thêm về cái gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa. "... Tôi muốn có một đài phát thanh nói về nước, mỗi ngày một tiếng đồng hồ, làm tinh thần đảng viên cộng sản, gây sự phân hóa trong hàng ngũ đảng, cho dân chúng hiểu được bộ mặt thật của cộng sản, cho họ thấy cộng sản là tai họa của dân tộc. Dân tộc muốn được phát triển phải xóa bỏ cộng sản... Ngoài ra, người Việt hải ngoại cần có một tờ báo luận về chính trị, văn hóa phổ biến trên toàn thế giới.

Người Việt hải ngoại phải huấn luyện đội ngũ cán bộ, để khi có tình hình đột biến đưa về trong nước, đây là một việc làm không đơn giản, đòi hỏi các cán bộ hải ngoại phải có trình độ chính trị..." (*)

Thử nếm: Đoạn kết

Qua kể sách và phưởng huyễn của Nguyễn Chí Thiện, với sự nỗ lực bền bỉ đấu tranh của người Việt hải ngoại. Chúng ta có thể tin rằng trong tương lai không xa, chính chúng ta sẽ là những người xây nền móng trên quê hương chúng ta có được tự do, dân chủ và đa nguyên. "... ngày chúng ta quang phục quê hương không còn bao xa, chúng ta có lợi thế là cả phe xã hội chủ nghĩa đã tan rã, thành trì là quê hương cách mạng Liên Xô đã sụp đổ, giờ đây chỉ còn rớt lại một tí tàn dư, vậy thì tấm thảm kịch của nhân loại đã đến màn kết thúc, cho nên chúng ta hãy quyết tâm hơn nữa với những biện pháp cụ thể, bền bỉ, thì ngày chúng ta trở lại quê hương không còn bao xa" (*)

(*) Trích lời phát biểu của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện nói trước Đại Hội hôm 20.10.1996 tại Mainz

Ngày 02.11.1996

Dương Văn Mạnh
Braunschweiger Str. 38
31226 Peine

Người gửi:

TRẦN KIEN GIANG
Adalbertstifterstr. 2. Zi4
67433 Neustadt/ w BRD

Người nhận:

Thủ Tướng VÕ VĂN KIẾT
nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam

KHÁNG THƯ GỬI NGÀI THỦ TƯỚNG

Kính thưa ngài Thủ Tướng,

Quốc gia nào cũng có một ngày sinh, nó chứa đựng nhiều ý nghĩa linh thiêng, long trọng, quý giá. Nghĩ lại 2.9.1945 tới nay 51 năm qua. Thảm họa của người dân Việt Nam như đàn chim mất tổ và bi thảm nhất là những người dân phải bỏ nước ra đi. Bay mãi kiết sức trong thất vọng, nhỏ nhung, trong giá lạnh xa cách, trong sự khác biệt phong tục tập quán. Thực trạng đòi hỏi được trở về

quê hương được tầm mình trong tiếng nói, văn hóa, tập quán của ông cha. Được cầm đũa, ăn trầu, đọc Kiều, binh thơ. Tôi và những chiến sĩ đấu tranh cho Việt Nam dân chủ, công bằng, xã hội, tự do Tôn Giáo, có mặt trước Sứ quán Việt Nam hôm nay với hoài bão, khát vọng cháy bỏng hơn ai hết đòi được trở về góp sức xây dựng tổ ấm dân tộc, đất nước tôi phần vinh thịnh vượng.

Kính thưa Ngài, hiện thực Việt Nam 51 năm qua đã rõ:

- Văn hóa, thông tin ngu dân lừa bịp phục vụ quyền lợi nước lớn, phục vụ đảng.

- Tử tuồng, ngôn luận cấm đoán, vẫn tiếp tục ngoan cố theo đuổi học thuyết cộng sản chủ nghĩa đã lỗi thời không tưởng mà đảng cầm quyền vẫn cố bám giữ để phục vụ quyền lợi cho thiểu số cá nhân ai đó.

- Nạn tham nhũng, tệ nạn xã hội tăng gấp bội không kiểm soát được. Thực tế những cơ quan duy trì luật pháp, an ninh xã hội là những đốn vị tham nhũng, trốn thuế, vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhất.

- Người dân lao động tiếp tục nghèo đói, thất học, mãi mãi vẫn không có một quyền lợi gì bình đẳng trước pháp luật. (Ví dụ: Hàng trăm vụ bắt công xây ra trong các xí nghiệp, công ty hợp doanh với nước ngoài đối với quyền lợi, nhân phẩm công nhân Việt Nam).

- Số lượng người nghèo đói chuyển vùng đi kiếm sống đông vô kể vượt mức báo động, chính quyền bó tay, thà ngồi.

- Môi sinh, môi trường, sông ngòi ô nhiễm, cây cối chặt phá bừa bãi, tỷ lệ đời trẻ ngày một tăng.

Kính thưa ngài Thủ Tướng, cùng chung một ước vọng cho Việt Nam đi tới phần thịnh, chúng tôi bức thiết đòi hỏi:

- Ngài và đảng cầm quyền của Ngài hãy dừng cầm hủ bỏ Điều 4 được ghi trong Hiến Pháp tức là hủ bỏ độc quyền lãnh đạo đất nước, dù biết rằng quyền lợi ít ai chịu từ bỏ. Tuy nhiên nếu Ngài và đảng vẫn ngoan cố bám víu địa vị độc tôn bấp chấp dù luận, chà đạp lên khát vọng tự do dân chủ của cả dân tộc Việt Nam đi ngược lại xu thế thời đại thì bánh xe lịch sử sẽ nghiền nát Ngài và đảng của Ngài.

- Với cương vị của Ngài xin Ngài hãy trả tự do cho tất cả tù nhân Tôn Giáo, chính trị, lương tâm hiện đang bị giam cầm. Chúng tôi khẳng định họ vô tội. Bởi đấu tranh cho nhân quyền, tự do tín ngưỡng, dân chủ, công bằng xã hội là không có tội.

Một lần nữa kính mong Ngài hãy nghĩ đến tương lai dân tộc. Xin chuyển đến Ngài lời chào kính trọng.

Một mong ước!

•TRAN KIEN GIANG

**NGÀY TÀN CỦA
CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ ĐẾN**

Kết quả bầu cử Đại Hội 8 Đảng Cộng Sản Việt Nam vào đầu tháng 7 năm 1996 vừa qua báo hiệu cơn giãy chết của chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Cứ nhìn vào danh sách của Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị người ta nghĩ ngay đến những giầy giụa cuối cùng của những sinh vật sắp đến giờ tận thế. Trong số năm Ông Địa của Ban Thường Vụ này thì đã có ba Ông là công an, quân đội. Đó là Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu và Nguyễn Tấn Dũng. Hai nhân vật còn lại là Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt.

Để che đậy những tranh chấp gay gắt giữa phe bảo thủ cũ và nhóm mới, Đại Hội đã triển hạn cuộc đấu đá phe phái bằng cách lưu giữ ba Ông Bình Vôi cũ: Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và Lê Đức Anh cho đến nửa nhiệm kỳ của Đại Hội - nghĩa là cuối năm 97 đầu năm 98 - thì ba Ông Bình Vôi này sẽ được thay và sẽ được mời tọa ở gốc đa Tân Trào để hồi tưởng lại thời vàng son kháng chiến thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hai nhân vật mới trẻ tuổi là Lê Khả Phiêu, Trung Tướng, Tổng Cục Chính Trị Quân Đội và Nguyễn Tấn Dũng, Trung Tướng, Thủ Trưởng Bộ Nội Vụ.

Lê Khả Phiêu, 47 tuổi, trước kia Thủ Lệnh Phó Quân Khu 9. Người đã tổ chức nhiều cuộc truy lùng bắt bớ những người yêu nước Cam Bốt, những dân lành vô tội mà họ gán cho tội tình báo của Pôn-Pốt. Lê Khả Phiêu đứng hàng thủ năm trong Bộ Chính Trị nhưng được chọn trong khi Nông Đức Mạnh đứng hàng thủ tư thì lại không được chọn.

Nhân vật thủ hai xuất hiện đột ngột là Nguyễn Tấn Dũng, 46 tuổi, Trung Tướng Công An. Từ một tên Công an huyện bình thường của huyện Hà Tiên vào năm 1975, Nguyễn Tấn Dũng hầu như chỉ nhờ vào những công lớn là đàn áp những lực lượng chống đối trong đó có việc gài bẫy bắt được nhóm kháng chiến quân Trần Văn Báu, y được bổ nhiệm làm Thủ Trưởng Bộ Nội Vụ với quân hàm Trung Tướng vào năm 1994. Tuy đứng hàng chót trong Bộ Chính Trị (hàng thủ mười chín) nhưng Dũng có mặt trong Ban Thường Vụ, có quan quyền lực cao nhất, để lo những vấn đề an ninh, đàn áp những phong trào nổi dậy đang mạnh móm trong nước chỉ chờ cơ hội là bùng nổ.

Xem thế ta thấy rõ Đại Hội 8 của Đảng Cộng Sản Việt Nam đang bước vào một chuyển hướng mới: chuyển hướng từ hủ diệt. Bởi vì trong suốt lịch sử nhân loại, hệ chính quyền nào, hệ chế độ nào chỉ biết đàn áp, chỉ biết dùng công an trị, quân đội trị, chế độ ấy, chính quyền ấy đang tự đào mồ chôn mình. Sự chuyển hướng từ những chiêu bài đối mới đang đi đến một khuyến hướng khác: dùng lực lượng công an và guồng máy quân đội để thẳng tay trừng trị những cá nhân, những tổ chức, những lực lượng chống đối, như những vũng vầy cuối cùng của con thú dữ đã bị tử thương.

Sự sụp đổ tan tành của chế độ Cộng Sản Việt Nam là tất yếu và chỉ trong thời gian rất gần sắp đến.

•NGUYỄN TUẤN QUỐC

Björnson Weg 39
22587 - Hamburg

CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐÃ VÀ ĐANG CÓ Ý ĐỒ BÓP CHẾT NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM

Mỗi chúng ta ai cũng đều biết đến hai hàng chữ:

*Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc*

Phải chăng đó là cái rèm để che mắt thế giới và sự lừa gạt nhân dân? Đúng vậy, đó chỉ là một bức bình phong thô thiển để che đậy sự xấu xa, bẩn thỉu của một xã hội "Độc Lập - Tự Do" mà người dân Việt Nam đang bị chôn vùi dưới sự cầm quyền của Cộng Sản. Cái gọi là tự do mà chính quyền Cộng Sản định nghĩa đó là cái tự do trong sự kìm kẹp của Đảng Cộng Sản mà hàng triệu người dân Việt Nam đã và đang bị lừa gạt và bóc lột một cách trắng trợn mà không hề hay biết. Bởi vì ngay từ buổi ban đầu bước vào đời họ đã bị Cộng Sản nhồi vào đầu những giai điệu rề rề: "Nhà nước đem lại cơm no áo ấm cho nhân dân; Đảng là đây tổ trung thành của nhân dân, v.v...". Chính vì vậy mà thấy đau thương cho những người Cha, người anh đã rời xa vợ, xa con đi theo "Đảng" và "Bác" mười mấy năm để tranh đấu giành lại "Tự Do cho Dân Tộc" để rồi vĩnh viễn không bao giờ trở lại với gia đình. Hoặc là được "hạnh phúc" trở về quê hương cầm chiếc cây đi sau con trâu, được "hạnh diện" đeo trên ngực những chiếc "huy chương chiến đấu".

Cộng Sản Việt Nam là những tên độc tài, ngu dốt, tham ô, bóc lột, vô lương tâm và vô đạo. Họ không tôn trọng sự tín ngưỡng của dân. Miệng họ tuôn ra những câu giả tạo "tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng" bao nhiêu thì tâm họ lại đàn áp bấy nhiêu. Họ đang tâm bóp chết đi nền văn hóa trong lành của nhân dân Việt Nam đã có từ mấy ngàn năm nay. Tôi còn hình dung ra ngôi chùa ở một làng quê nhỏ nơi mà tôi được sanh ra và lớn lên đã bị những "Anh hùng diệt Mỹ" biến thành kho chứa thóc và nông cụ. Họ đang tâm đốn đi những cây cổ thụ mà đã mang lại vẻ đẹp và sự tĩnh mịch cho chùa. Đã hơn chục năm nay tôi không được nhìn lại ngôi chùa. Không biết những gì đã và đang xảy ra tiếp.

Chúng ta không phân biệt tầng lớp, thành phần nào hãy tùy theo khả năng góp phần nhỏ bé vào sự đấu tranh đòi chính quyền Cộng Sản Việt Nam trả lại Tự Do - Dân Chủ mà thực sự đúng nghĩa của nó. Và để bảo vệ nền Văn Hóa và Tôn Giáo Việt Nam tuổi

đẹp. Góp phần làm thức tỉnh những người dân đã và đang bị Cộng Sản thôi miên.

NGUYỄN THỊ BIÊN

KỂ CẤP GIÀ MỒM

GÒI ÔNG GIÁM ĐỐC ĐÀI
TIẾNG NÓI VIỆT NAM
58 QUÁN SÚ - HÀ NỘI.

Thưa ông!

Là người sống xa quê hương, ai chả có nỗi nhớ, dù chỉ là một chút tin tức, một tiếng đàn bầu... Nên khi có thời gian, tôi lại mở đài để nghe "Chương trình phát thanh dành cho đồng bào Việt Nam ở xa Tổ Quốc" của đài Tiếng Nói Việt Nam.

Thời gian qua, trong mục "Tâm sự với người xa quê hương", tôi liên tiếp được nghe người có cái gọi là "Tân Huyền", "Tâm Sự" với người có cái tên là "KIM". Tôi cũng thừa hiểu một điều rằng Tân Huyền cũng chỉ là một cái "Vở" để gọi, bởi trong cái vở Tân Huyền đó, rất có thể có nhiều cái tên thật khác núp vào như "Tân bào thủ, Tân cục đoạn, Tân trang, Tân đổi mới" chẳng hạn...

Điều tôi muốn nói ra đây với ông, không phải là cái "vở" Tân Huyền, mà là những lời "Tâm sự" của Tân Huyền với "Kim". Thực ra là với người đang nghe đài.

Trong những lần "Tâm sự" đó tất nhiên phần "khoe tài" của Đảng không bao giờ Tân Huyền quên, nào là đường xá được mở mang, nhà máy, bệnh viện, hotel mọc lên khắp nơi, đời sống nhân dân được nâng cấp nhiều lần sau phần "kể công" của Đảng, Tân Huyền kết luận: "Chỉ có những kẻ sống nhờ bằng đồng Đô-la của kẻ khác, mới ngoan cố không chịu thừa nhận, kết quả đối mỗi sự lãnh đạo tài tình của Đảng..."

Vậy, thử điểm qua một chút "công" và "tài" của Đảng qua chính bản tin hàng ngày của đài Tiếng Nói Việt Nam để xem có cái gì là không có đồng Đô-la của kẻ khác không? Đây nhé:

- Trung tâm Hội nghị quốc tế tại Hà Nội được xây dựng do Pháp viện trợ 7 triệu Đô-la.

- Úc viện trợ 1,8 triệu Đô-la cho chương trình suy dinh dưỡng

- Anh viện trợ 700.000 bảng Anh cho quy hoạch tổng thể giao thông tại Sài Gòn.

- Hòa Lan viện trợ 430.000 Đô-la để đào tạo cho ngành hàng hải.

- Hòa Lan viện trợ 6,3 triệu Đô-la cho việc bảo vệ rừng quốc gia Cát Tiên.

- Hội Chữ Thập Đỏ Hàn Quốc viện trợ 30.000 Đô-la cho Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam.

- Úc viện trợ 30.000 Đô-la cho Quảng Trị dành cho trẻ em tàn tật.

- Nhật viện trợ để nâng cấp đường sắt Hà Nội - Sài Gòn.

- Úc viện trợ 6 triệu Đô-la cho dự án chống lũ ở An Giang.

- Nhật viện trợ 35 triệu Đô-la cho dự án làm 29 cầu từ Ninh Bình trở ra.

- Mỹ dành cho Việt Nam 50 học bổng để đào tạo doanh nghiệp.

- PAM viện trợ 10,5 triệu Đô-la cho chương trình sức khỏe.

- Đức viện trợ 30.000 Đức Mã để tu bổ chùa Bút Tháp.

Ấy là chưa kể đi dự thi Olympic Atlanta 96 cũng bằng tiền của Kodak! để rồi "tu sửa" lăng Hồ Chí Minh cũng bằng Đô-la của một tập đoàn kinh tế nước ngoài. Kể những "kẻ" sống nhờ bằng Đô-la của kẻ khác ra đây có mà cả ngày không hết. Còn nữa những Hotel, hãng xướng mà Tân Huyền kể ra cũng toàn là của các ông chủ nước ngoài.

Vậy kẻ nào sống nhờ bằng đồng Đô-la của kẻ khác kể đã rõ. Thật là "Kể Cấp Già Mồm" Tân Huyền đã "khôn" mà không "ngoan" củ "của người phúc ta", "tát nước theo trời", "bán bún sang ao" để lừa bịp mọi người hòng đưa đất nước này vào con đường "hóa Rồng", "hóa hổ". Chính Tân Huyền đài TNVN nói riêng và Đảng Cộng Sản Việt Nam nói chung đã và đang ngộ nhận về sự lãnh đạo "tài tình" đó. Cái "lừa không lường, lảm đường ngoắt ngoéo" chỉ có thể lừa bịp được một số ít những người nhẹ dạ cả tin, chứ không lừa được ai.

Thưa ông!

Chỉ có những kẻ sống nhờ bằng đồng Đô-la của kẻ khác và sống trên sự đau khổ của cả một dân tộc được xếp vào một trong những nước nghèo nhất thế giới vẫn luôn miệng nói "tài tình". Đó là Đảng Cộng Sản Việt Nam chuyên nghề mị dân, đốn gió trở cờ, mới không chịu thừa nhận một điều duy nhất. Chỉ có Tự Do, Dân Chủ và một thể chế đa nguyên, đa đảng mới đưa được đất nước Việt Nam thoát khỏi cảnh chậm tiến, tụt hậu, mà bắt mình đi lên theo kịp sự tiến bộ của nhân loại.

Những trò lừa bịp đó, chỉ có tác dụng đáng phi nhỏ, ngược lại không còn chỗ nào dung thân.

Thưa ông,

Là một người xa quê hương, tôi muốn được nghe những lời "Tâm Sự" mới mẻ hơn, "Đổi Mới" hơn.

Mà ông a, nếu đài TNVN của ông nói riêng và Đảng Cộng Sản Việt Nam của ông nói chung, không làm được điều gì mới hơn có lợi cho dân, cho nước. Thì "nghe" đi cho dân nhờ "cổ đấm ăn xôi" làm gì. Bởi chúng

tôi tin rằng Đảng CSVN không thể một tay che kín mặt trời mãi được phải không ông?

- ĐINH QUANG HOÀNG
&
• XUÂN CHIẾN



*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao*

Chúng ta hằng phải ngẫu nhiên mà ông cha ta từ ngàn xưa đã nói lên sức mạnh và tầm quan trọng của sự đoàn kết, liên kết như vậy. Thực ra, trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc ta đã dựng nên những trang sử hào hùng trong cuộc đánh đuổi ngoại xâm. Đó là do lòng yêu nước, một điểm hội tụ, đã huy động được sức mạnh về tinh thần và vật chất của mọi thành phần dân tộc, mọi quan điểm khác nhau để đạt được. Bây giờ ta thử xét xem sự đoàn kết, chia khóa của thành công, đang nằm ở đâu giữa hai lực lượng, đó là lực lượng đấu tranh cho tự do dân chủ ở Việt Nam và bộ máy thống trị của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam.

Theo truyền thống của dân tộc Việt Nam, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, thì tinh thần yêu nước kết lại tạo thành làn sóng to lớn nhận chìm quân cướp nước và bán nước. Lợi dụng tinh thần yêu nước này, CSVN đã đẩy hàng hàng lớp lớp người dân đi làm bia đỡ đạn cho một cuộc chiến phi nghĩa; sau ngày 30.4.75, khi thực hiện được giấc mộng diên cống bằng cuộc xâm lăng cưỡng chiếm Miền Nam, CSVN đã để lộ bộ mặt lường gạt xảo trá của chúng ra. Từ đó đại khối dân tộc Việt Nam đã nhận ra là tất cả mọi sự thực hiện đang xảy ra đều không giống với những gì mà họ mơ ước, và tất cả đều có một mối túi nhục chung là bất lực trước hiện tình tự do, dân chủ bị bóp nghẹt, đất nước nghèo nàn, lạc hậu không lối thoát... Do vậy mà mọi người, mọi thành phần dân tộc phải đấu tranh để phát triển sống còn trước một thiếu số thống trị bạo ngược. Thiếu số thống trị ngày càng trở nên nhỏ bé và cô lập trước sự sụp đổ đầy chuyền của Chủ nghĩa Cộng Sản

trên thế giới ngay chỗ dựa vững chắc của nó là thành trì vô sản quốc tế Liên Xô cũng đã băng hoại và sụp đổ. Chính chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, theo như Hà Sĩ Phu thì "ruột gan bên trong đã đánh tráo từ lâu rồi", mà thiếu số thống trị CSVN vẫn cứ bám lấy để làm bình phong cho sự tranh quyền đạt lợi.. Thiếu số thống trị CSVN đứng trước nguy cơ:

Trong nội bộ từng mảng cán bộ, đảng viên phản tỉnh, đứng về phía quần chúng đòi quyền tự quyết dân tộc.

Các Tôn Giáo đã nhận định được những sai lầm tai hại của CS với Đạo Pháp và Dân Tộc đã không chấp nhận được sự thống trị của CS với đất nước.

Các thành phần trí thức và quần chúng qua hiện tượng Đông Âu và Liên Xô, những tin tức được gởi về nước qua những tổ chức đấu tranh, bằng nhiều phương tiện; việc mở cửa kinh tế phần nào được giao lưu với nước ngoài đã giúp họ nhận chân được bản chất của chế độ CS và xu thế của thời đại; từ đó họ đã không ngần ngại phản bác chế độ đương thời và mong được góp phần vào cuộc đấu tranh giành dân chủ cho quê hương.

Hầu hết các nước trên thế giới qua các diễn biến của thời đại gần đây đã minh chứng được tính chất lạc hậu, lỗi thời của chủ nghĩa Cộng Sản, nên không những không chấp nhận chế độ Cộng Sản, mà còn giúp cho các lực lượng dân chủ ở các nước đấu tranh để giải trừ chế độ Cộng Sản.

Chẳng những thế mà chính trong thiếu số thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đang có sự phân rã từng mảng, nổi bật nhất là phe nhà nước quyền và phe đảng quyền mà lời chứng minh hùng hồn nhất là những diễn biến đã xảy ra ngay trước và trong Đại Hội 8 của Đảng vừa qua.

Qua vài nét về tình hình trong nước chúng ta đã thấy khá rõ sự cô lập và phân rã từng mảng của chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam; cao hơn những lần ranh chia cắt đó là những phần uất trong người dân về sự bóp nghẹt tự do, chà đạp nhân quyền của nhà cầm quyền CSVN; đàn áp dã man các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, các Tôn Giáo..., về các vụ đấu tố, vụ án xét lại chống đảng, cải tạo công trường nghiệp... đó là những vết hằn mà dân tộc ta đang tìm phương hóa giải.

Bên cạnh đó lực lượng đấu tranh cho dân chủ tự do ở Việt Nam; các tổ chức hải ngoại trước đây vì chưa ý thức sâu sắc tầm quan trọng của sự liên kết; thời điểm chưa đến hay chưa được trưởng thành, đã là những tổ chức hội đoàn đấu tranh riêng lẻ. Các tổ chức hội đoàn này đã đối chọi nhau trên những quan điểm, phương thức, đường lối đấu tranh và xây dựng đất nước; thậm chí còn có một số hiện tượng bôi xấu, trù dập, chụm mũ nhau là Cộng Sản trá hình...

Thế nhưng qua năm tháng đấu tranh, các tổ chức hội đoàn đã nhận chân ra được vị trí của mình và mục đích mà mình sẽ đạt tới, ý thức được trong thời điểm này nhu cầu cấp thiết nhất là liên kết các lực lượng để tạo ra một tập hợp lớn hơn, đấu tranh có hiệu quả hơn để cứu nguy dân tộc. Điều đó đã giúp họ

vượt qua mọi lần ranh chấp nhận mọi khác biệt, ngồi chung lại với nhau để tìm cách phân tích, nhận định, giải quyết những mâu thuẫn chung.

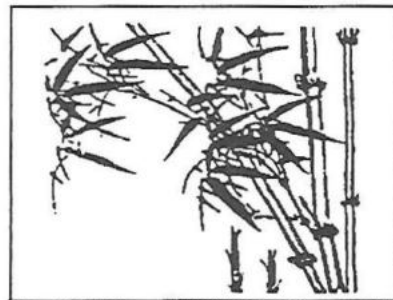
Chính vì nhu cầu đó tháng 4.1995, Đại Hội Liên Kết Người Việt Tự Do lần thứ nhất đã diễn ra tại Hoa Thịnh Đốn (Hoa Kỳ). Sự kiện này đã đánh dấu bước trưởng thành, lớn mạnh của các tổ chức đấu tranh cho tự do dân chủ Việt Nam ở hải ngoại. Qua hội nghị, những công tác chung được triển khai, thực hiện đạt được những thành quả to lớn, đã nâng cao đáng kể hiệu suất của cuộc đấu tranh, làm chế độ Cộng Sản Hà Nội ngày càng khó khăn, có nguy cơ sụp đổ.

Vào trung tuần tháng Tư năm nay (96) Đại Hội Liên Kết Người Việt Tự Do lại được tổ chức ở tại Nam California với chủ đề "Liên Kết Trong Ngoại". Đây là một nhu cầu cấp thiết để phối hợp các tổ chức giữa hải ngoại và các tổ chức đang hoạt động ở trong nước, tăng áp lực lên chế độ, bắt buộc họ phải lùi bước để chấp nhận dân chủ, đa nguyên cho đất nước. Bởi lẽ liên kết là hợp tác trên nhiều kế hoạch khác nhau, nhằm vào mục đích để đạt được nhiều mục tiêu. Như thế sự liên kết của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo... Những người Việt hải ngoại và quốc nội đã tạo thành một sức mạnh cộng hưởng rút ngắn đoạn đường đấu tranh; chúng ta cũng đã nhìn thấy thực tế của cuộc đấu tranh trong vài năm gần đây; những liên hệ đã và đang có giữa các tổ chức. Lực lượng trong và ngoài nước ngày càng phát triển đáng kể về mặt số lượng và chất lượng.

Song song với những nỗ lực đấu tranh của người Việt, rất nhiều nước yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới đã ủng hộ tiến trình dân chủ cho Việt Nam và dùng áp lực ngoại giao để buộc nhà cầm quyền Cộng Sản phải tôn trọng dân chủ nhân quyền... Ngày càng nhiều hơn những Ủy Ban của người nước ngoài được thành lập và hoạt động cho Tự Do Dân Chủ tại Việt Nam.

Qua nhận định trên ta thấy được dân chủ là hướng tiến của nhân loại, thế lực nào đi ngược lại hướng tiến này sớm muộn cũng bị cô lập và bị tiêu diệt. Đấu tranh đem lại Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam là cuộc đấu tranh vì chính nghĩa dân tộc, đó là chất keo dính kết được các lực lượng lại với nhau từ trong nước ra đến hải ngoại. Sức mạnh của sự liên kết này sẽ dễ dàng đập đổ bạo quyền và đem lại dân chủ tự do cho đất nước.

•NGUYỄN VĂN NGỘ
(FÜRTH)



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Chi Bộ Đức Quốc
(gemeinnütziger Verein e.V.)

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLBĐ
(gemeinnütziger Verein e.V.)

Chùa Viên Giác, Karlsruher Str.6,
30519 Hannover-Germany.
Tel. 0511-879630 Fax. 0511-8790963

Phật lịch 2540,
Hannover ngày 25 tháng 10 năm 1996

Tâm Thư

Kính gởi : Quý Đạo Hữu Chi Hội Trưởng và ban Chấp Hành của các Chi Hội địa phương cùng các GDPTVN tại Đức cũng như Quý Đạo Hữu và quý đồng hương Phật Tử.

Trích yếu : v/v hỗ trợ Quỹ học bổng cho Tăng Ni Việt Nam tại Quốc Nội cũng như Hải Ngoại.

Nam Mô Bốn Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý vị,

Vi nhu cầu tu học của chư Tăng Ni Việt Nam trong cũng như ngoài nước mỗi ngày một tăng; nhưng phương tiện học hành lại thiếu thốn, do đó có một số quý Phật Tử muốn hỗ trợ cho chư Tăng Ni trong nhu cầu này.

Sau những đề nghị và cổ động cũng như qua sự đồng ý của Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức và các Chi Hội địa phương trong phiên họp vào ngày 1.9.1996 tại chùa Viên Giác, quỹ học bổng cho chư Tăng Ni do Chi Bộ đứng tên và Chi Hội Phật Tử Việt Nam tại Mannheim và vùng phụ cận lo vấn đề sổ sách. Quỹ này được chia ra làm hai phần. Một phần là sự cúng dường do sự hào tâm của quý vị, phần khác là cho mượn định kỳ trong 5 năm, số tiền không giới hạn. Cả hai số tiền này đều được gởi vào trong Konto tiết kiệm và mỗi năm số tiền lãi sẽ đem cấp học bổng cho chư Tăng Ni. Sau 5 năm số tiền cho vay sẽ được hoàn lại cho quý vị, nếu có sự yêu cầu.

Vi vấn đề giữ gìn và phát triển mạng mạch của Phật Pháp rất quan trọng. Kính mong quý Chi Hội và các Gia Đình Phật Tử tại nước Đức có gắng vận động, hỗ trợ cho vấn đề này được thành quả mỹ mãn. Số tịnh tài có được xin chuyển về số Konto sau đây :

Congr.d.Verein.Vietn.Buddh. Kirche e.V.
Konto-Nr. 034 4630
BLZ 672 700 03
Deutsche Bank Heidelberg

Sự đóng góp của quý vị dưới bất cứ hình thức nào đó, vẫn là một viên gạch lót đường cho tòa nhà vững chãi của Đạo pháp sau này. Kính mong quý vị lưu tâm và hỗ trợ cho.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
Nay kính
Thích Như Điển
Chi Bộ Trưởng
Trụ Trì Chùa Viên Giác

Trích yếu : Nội quy Quỹ học bổng
Tăng Ni VN & HN

1. Hình thức cúng dường / cho quỹ vay

a) Cúng dường tùy hỷ, bao nhiêu cũng được. Chỉ khi nào trên 100.-DM thì mới có biên nhận xin bớt thuế.

b) Hình thức cổ phần cho vay: ít nhất là 100.-DM (là 1 cổ phần). Ngoài ra có thể nhiều cổ phần tùy hỷ và cho vay trong thời hạn 5 năm. Sau 5 năm mỗi hoàn lại số vốn hoặc là cho vay tiếp tùy hỷ. Thời điểm tính số là 1/2 năm, nghĩa là : thu từ 1.1. đến 30.6. sẽ tính kể từ ngày 1.7., thu từ 1.7. đến 31.12. sẽ kể từ ngày 1.1. năm sau.

Ví dụ : 1 người cho vay ngày 1.9.96 hay 1.11.96 hay 31.12.96 thì sẽ lấy lại vốn sớm nhất là vào 1.2002.

Cách a) và b) có thể chuyển thẳng vào trưởng mục của quỹ
(qua Überweisungsauftrag, Dauerauftrag, trưởng mục (Konto)

Congr.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V.
Konto-Nr. 034 4630
BLZ 672 700 03
Deutsche Bank Heidelberg

hoặc qua bưu điện, hoặc qua cuốn sổ vàng của Chi Hội địa phương).

2. Chi tiết

a) Tất cả tịnh tài cúng dường cũng như tịnh tài cho quỹ vay sẽ được gom lại làm vốn để trong ngân hàng lấy lãi. Chỉ số tiền lãi đầu được hàng năm sẽ dùng vào việc cấp học bổng.

b) Những tịnh tài của mỗi sổ vàng, kể cả sổ vàng ở chùa đều chuyển vào trưởng mục của quỹ. Người chuyển đi có nhiệm vụ gởi 1 tờ biên lai (Fotocopie của Ueberweisungsauftrag) và danh sách tên của người cúng dường hoặc cho vay về nơi điều hành quỹ.

c) Quỹ có nhiệm vụ gởi danh sách lên chùa để đăng báo ít nhất là 1 lần trong tam cá nguyệt trừ khi không có sự thay đổi nào. Hàng năm quỹ có bản phúc trình lên trung ương.

d) Người cúng dường trên 100.-DM có thể lấy giấy khai thuế lại bằng cách liên lạc về chùa hay qua quỹ. Trong trường hợp qua quỹ thì quỹ cũng phải gởi danh sách lên chùa; vì chỉ trên chùa mới có thể gởi giấy chứng nhận tịnh tài cúng dường.

e) Những người cho vay có nhiệm vụ liên lạc với quỹ khi cần lại số vốn trở lại là 6 tháng trước khi đến kỳ hạn hoàn vốn lại. Quỹ có nhiệm vụ gởi đăng lên báo Viên Giác danh sách những người cho vay để họ kịp thời liên lạc với quỹ. Trong trường hợp không được tin thì quỹ sẽ gởi giấy thông báo cho những người cho vay từ 5 cổ phần trở lên. Quỹ sẽ thảo một mẫu giấy thông báo cho người cho vay với những chi tiết sau đây :

- hoàn lại cho người cho vay (số trưởng mục của người cho vay vv...)
- hoặc hoàn lại cho người có tên sau đây (số trưởng mục vv...)
- tiếp tục cho vay
- cúng dường luôn

Trong trường hợp không thấy sự trả lời sau 1 tháng thì quỹ coi như là cho vay tiếp tục.

f) Một vài thí dụ về học bổng :

- Một vị tu học ở Việt Nam cần 150.-DM/năm tiền học phí, chưa kể tiền sách vở, bút mực, xe cộ vv...
- Một vị tu học ở Ấn Độ cần khoảng 2.000.-DM/năm tiền học phí.
- Một vị tu học ở Đài Loan cần 3.600.-DM/năm tiền học phí (cộng cả tiền sách vở, xe cộ vv...)
- Một vị tu học ở Mỹ cần từ 12.000.-DM đến 20.000.-DM/năm tiền học phí.

3. Cuốn sổ vàng

Để tiện việc điều hành cho quỹ cuốn sổ vàng nên có những cột sau đây :

- Họ và tên/pháp danh (người cúng dường hoặc cho vay)
- địa chỉ*/ điện thoại
- cúng dường
- cổ phần
- ngày thu nhận
- ghi chú (tên người nhận vv...)

* cột địa chỉ phải ghi rõ ràng vì trước khi đến kỳ hạn 5 năm quỹ có nhiệm vụ liên lạc với người cho vay.

4. Địa chỉ liên lạc

Chi Hội PTVNTN
Mannheim & VPC
Quỹ học bổng Tăng Ni VN & HN
c/o Diệu Đông Trịnh thị Nam
Heckerstr. 59, 69124 Heidelberg



TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VỤ HOÀNG PHÁP TRONG BỐN NĂM QUA (92-96)

• Thúy Trúc

Sau hơn 17 năm mất nước, với bao khắc khoải đợi chờ, với bao nguyện cầu hy vọng của những tâm hồn còn nhỏ nước yêu Đạo, Ngày 25-26-27 tháng 9 năm 1992, một Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo tại Hoa Kỳ tổ chức ở thành phố San Jose, California và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Hoa Kỳ được thành lập từ đó. Trong Đại Hội này, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc đã được cung thỉnh vào chức vụ: Thành Viên Hội Đồng Đại Diện; Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành kiêm Vụ Trưởng Vụ Hoàng Pháp nhiệm kỳ 92-96. Thật ra, cuộc vận động thống nhất Phật Giáo này đã khởi sự từ tháng 9/91. Văn thư đi, điện thoại về, mãi đến tháng 3/92 mới có cuộc họp đầu tiên để thành lập Ban Vận Động thống nhất Phật Giáo tại Phật Học Viện Quốc Tế. Ngày 17-18 tháng 4 năm 1992, Hòa Thượng lại về Phật Học Viện Quốc Tế họp lần thứ hai để thành lập Ban Tổ Chức Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại. Hai lần nữa trong cuối tháng 5/92 và tháng 8/92 Hòa Thượng lại đi Tịnh Thất An Lạc, San Jose, và Chùa Diệu Quang Sacramento để thảo luận về Quy Chế và kiểm điểm toàn bộ nội dung của Đại Hội Thống Nhất. Sự đóng góp của Hòa Thượng trong bước đầu cho Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo được thành hình không phải là ít. Hòa Thượng còn là Giám Đốc Nhà Xuất Bản Phú Lâu Na; Lãnh Đạo Tinh Thần ba cộng đồng: Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Colorado, Chùa Như Lai; Hội Phật Giáo Miền

Nam Florida, Chùa Phước Huệ; Hội Phật Giáo Garden City và vùng phụ cận, Chùa Từ Quang.

Để trả nợ Quốc Gia, đền ơn Giáo Hội, điều cầu mong của Hòa Thượng là làm cho nước Việt Nam và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sớm thoát cảnh tang tóc đau thương. Ngài thường nói:

"Sống đục thà chết trong, tuyệt đối không bao giờ vì mồi danh bà lợi, hư vinh, cảm tình riêng tư mà cam tâm làm con trùng trong thân sư tử. Đời tôi, tôi nguyện sống vì Dân Tộc và Đạo Pháp, chết cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Dân Tộc và Đạo Pháp như thịt với da."

... "Việt Nam Phật Giáo kết duyên Ngàn năm suy thịnh, gần liền thịt da Thăng trầm mấy độ can qua Tinh như sữa nước, đậm đà khó phân" ...

Mặc dù ở trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, thiếu thốn cả hai phương diện nhân lực và tài lực nhưng các việc làm sau đây đã đạt được phần nào hoài bão của Vụ Hoàng Pháp:

I. NHỮNG CHUYẾN ĐI

A.. 1992

1) 21.9.92 tới 28.9.92: Hòa Thượng đến San Jose dự Đại Hội lịch sử thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại - Hoa Kỳ, tháp tùng Hòa Thượng có sáu Đạo Hữu Chùa Như Lai: Phạm Cường, Không Lý Bùi Mai, Võ Tăng Thuởng, Không Thành Mai Văn Chiêm, Nguyễn Xuân, Tâm Phùng Phạm Bồng; ba Đạo Hữu Chùa Phước Huệ: Nguyễn Tịnh Lê Trai, Hội Trưởng Hội PGMNF, Nguyễn Túy Trần Thị Bích Du và Diệu Tánh Trưởng Thị Liễu. Ngoài ra còn có ĐH Tâm Phước Phạm Thị Hạnh đại diện cho Hội PGVN Garden City.



2) 15.10.92 -- 12.11.92: Hòa Thượng về Chùa Phước Huệ mở lớp học Phật Pháp mùa Đông với chủ đề: "Người Tại Gia".

* Ngày 31.10.92 lúc 3 giờ chiều, Hội PGMNF, Chùa Phước Huệ đã long trọng tổ chức lễ kỷ niệm đệ tử chu niên Lãnh Đạo Tinh Thần của Hòa Thượng để tỏ lòng biết ơn Thầy, trước sự hiện diện của đồng bào Phật Tử, đại diện tinh thần tông giáo bạn, đại diện Cộng Đồng. Tiếp theo là phụ diễn của ban nhạc Hoa Sen và giọng ngâm du dương

qua bài "TÁC BẠCH THI" của Nguyễn Tịnh để cúng dường Hòa Thượng:

Tác bạch thi

Kính dâng Hòa Thượng Thích Chánh Lạc nhân dịp kỷ niệm bốn năm Lãnh Đạo Tinh Thần Hội Phật Giáo miền Nam Florida, Chùa Phước Huệ:

*Bốn năm trường hao hơi rất cố
Thầy dốc lòng dạy dỗ chúng con
Chẳng nề Pháp Thế hao mòn
Quy Y Tam Bảo lại còn "TÂM KINH"*

*Bát Trai Giới thập tam thập tứ
Lời ngọc vàng Giới Tử không quên
Nguyễn rằng nhìn dưới nhưỡng trên
Tử Bi Hỷ Xả là nền CHẤN TÂM*

*"Hôm trước đầu đường rong ruổi ngựa
Hôm sau trong quách đã nằm yên"
Ngày đêm tu luyện tinh chuyên
Con ơi, giữ trọn lời nguyện TAM QUY*

*Thì gian đi, bóng câu của số
Chớ hèn rằng tới độ nhàn thanh
Vô thường đâu biết chậm nhanh
Hãy mau nắm lấy duyên lành hôm nay*

*Bao tội ác tử rày lia bỏ
Đem phúc lành cứu độ chúng sanh
Cùng nhau về chốn Lạc thành
Lắng nghe chim Vũ chim OANH hát mừng*

*Chúng con nguyện đồng sanh BẾN GIÁC
Chúng con nguyện giải thoát si mê
Mau mau què cũ hường về
Nhất tâm danh lễ xin thờ TU THẦN*

Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng

THÚY TRÚC
31.10.92

3) 4.12.92 → 6.12.92: Hòa Thượng đến Phật Học Viện Quốc Tế dự phiên họp đầu tiên của GHPGVNTNHN-HK. Cũng trong phiên họp này, bốn vị Thượng Tọa được vinh thăng lên Hòa Thượng: Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Hòa Thượng Thích Hoan, Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Hòa Thượng Thích Đức Niệm.

4) Ngày 11.12.92 Hòa Thượng đi Louisiana theo lời thỉnh cầu của Phật Tử. Nơi đây, qua sự trình bày của Hòa Thượng, Ban Tổ Chức đã thực hiện được cuốn phim nói về: "Hiện tình Phật giáo Việt Nam trong nước và hải ngoại". Trung tâm sinh hoạt Phật Giáo New Orleans hiện đang phát hành.

B. 1993:

1) Ngày 11.4.93 Hòa Thượng chứng minh và Chủ lễ Tiểu Tường Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu do Cộng Đồng Phật Giáo Colorado tổ chức tại Chùa Như Lai.

2) Do lời mời của Hội Phật Giáo Colorado Springs, ngày 24.4.93 Hòa Thượng Lãnh

Đạo Tinh Thần và phái đoàn Chùa Như Lai đã làm lễ cầu an và thuyết pháp cho Phật Tử tại tư gia Đạo Hữu Lưu Yếm.

3) Ngày 8.5.93 Hòa Thượng Thích Chánh Lạc đã đến thuyết pháp cho đồng bào Phật Tử tại Trung Tâm Sinh Hoạt Phật Giáo New Orleans.

4) Ngày 9.5.93 Hòa Thượng rời New Orleans đi Baton Rouge và thuyết giảng tại Chùa Tam Bảo.

5) Ngày 10.5.93 Hòa Thượng thuyết giảng và làm lễ Quy Y cho một số đồng bào Phật Tử tại Chùa Vạn Đức, Mississippi, có hàng trăm Phật Tử tham dự. Đây là lần thứ hai Hòa Thượng đến giáo hóa nơi này.

6) Ngày 12.5.93 → 27.5.93 Hòa Thượng đến Chùa Phước Huệ dạy về: "Nghĩ Thức Tụng Niệm". 23.5.93 Hòa Thượng chủ trì Đại Lễ Phật Đản 2537.

7) Ngày 28.5.93 Hòa Thượng đến Chùa Diệu Pháp, California, để tham dự Đại Lễ Phật Đản 2537 chung cho GHPGVNTNHN-HK tổ chức.

8) Ngày 16.7.93 → 18.7.93 Thầy đi Boston để dự lễ cầu siêu 100 ngày cho Bồ Tát tại gia Viên Lạc Phạm Gia Bình đã vị pháp thiếu thân ngày 6.4.93.

9) Ngày 11.8.93 → 15.8.93 Thầy qua California họp bất thường về Giáo Hội.

10) Ngày 16.8.93 → 26.8.93 Hòa Thượng đến Chùa Phước Huệ giảng dạy: "Kinh 42 Chương". 22.8.93 Hòa Thượng Chủ trì Đại Lễ Vu Lan 2537.

11) Ngày 22.11.93 → 26.11.93 Hòa Thượng tham dự Đại Hội thường niên kỳ I tại Phật Học Viện Quốc Tế California. Cuộc họp này đã nhấn mạnh đến lập trường của Giáo Hội trong những ngày sắp đến và nhất là công tác khẩn cấp đối với cuộc vận động Giải Trữ Pháp Nạn tại quê nhà.

12) Ngày 19.12.93 → 11.1.94 Hòa Thượng dạy tiếp về "Kinh 42 Chương" cũng tại Chùa Phước Huệ.

C. 1994

1) Ngày 14.3.94 → 22.3.94 Hòa Thượng tham dự buổi họp Tăng Ni các Châu tại Phật Học Viện Quốc Tế.

2) Ngày 1.4.94 và 14.5.94 Hòa Thượng đi bằng xe hơi tới Chùa Từ Quang Garden City hai lần để chủ lễ và thuyết giảng cho Phật Tử tại đây.

3) Thầy đến Chùa Phước Huệ ba lần:

- 25.5.94 → 30.6.94 Hòa Thượng dạy: "Phật Pháp Căn Bản". 29.5.94 Chủ lễ Đại Lễ Phật Đản 2538.

- 24.8.94 → 13.9.94 Hòa Thượng dạy về: "Phật Thừa Tông Yếu". 28.8.94 Hòa Thượng chủ lễ Đại Lễ Vu Lan 2538.

- 19.12.94 → 17.1.95 Hòa Thượng tiếp tục dạy về: "Phật Thừa Tông Yếu": Hòa Thượng chủ lễ Lễ Hiệp Kỳ cho tất cả Hưởng Linh đã và chưa thờ tại Chùa Phước Huệ. Ngoài ra Thầy còn dạy Phật Pháp cho Phật Tử người Trung Hoa hai lần, đa số là Sinh viên và Giáo sư Đại học.

4) Ngày 18.10.94 → 25.10.94 Tham dự Đại Hội Thường Niên Kỳ II của GHPGVNTNHN-HK tại Chùa Pháp Luân,

Houston. Nhân dịp này Tăng Ni và Phật Tử đã đóng góp một số tiền khoảng 30.000\$US để cứu trợ đồng bào lũ lụt tại đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam. Và chính vì việc cứu trợ đồng bào bị thiên tai này mà Cộng Sản Việt Nam đã bắt giam và tù đầy các Hòa Thượng: Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng Tọa: Thích Không Tánh, Nhật Ban... Đại Đức Trí Lực, Cử sĩ Nhật Thường... từ đó đến nay.

5) Từ 28.10.94 đến cuối tháng 11.94 Hòa Thượng đã cùng với Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký, Giáo Sư Võ Văn Ái, Giám đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế và cô Ý Lan đi du thuyết 8 nước ở Tây Âu và Bắc Âu như: Anh, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Tây Đức, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển với mục đích trình bày cho chính quyền các nước này rõ về tình trạng đàn áp GHPGVNTN và vi phạm nhân quyền của cộng sản Việt Nam. Đồng thời yêu cầu họ nên đặt vấn đề nhân quyền và tự do tín ngưỡng như một điều kiện tiên quyết khi muốn viện trợ và đầu tư vào Việt Nam. Vì nếu không như vậy, thì các ông chỉ đem tiền nuôi sống một nhóm người độc ác để họ tàn phá đất nước chúng tôi mà thôi; sự thật, người dân không được nhờ gì về sự giúp đỡ đó cả.

6) Ngoài ra Hòa Thượng còn đi giảng dạy Phật Pháp các nơi:

Louisiana; Chùa Tam Bảo ở Baton Rouge hai lần; Chùa Vạn Đức ở Biloxi; Chùa Phật Ân, Minnesota hai lần; Chùa Liên Hoa ở Olympia; Chùa Cổ Lâm ở WA; Chùa Pháp Hoa ở Wichita; Hội Phật Giáo Colo-Springs; Chùa Từ Ân Ottawa, Canada; Hội Trưởng Trợ Phật Giáo tại Utah.

D. 1995:

Đặc biệt năm 1995, Hòa Thượng có rất nhiều hoạt động Phật sự:

1) 2.3.95 → 6.3.95 Hòa Thượng về tham dự Đại Hội bất thường của GHPGVNTNHN-HK tại California.

2) 16.3.95 → 21.3.95: Đến Chùa Quang Minh Chicago (lần đầu tiên) để dạy Phật Pháp. Phật Tử vui mừng được nghe những lời vàng ngọc của Hòa Thượng.

3) 21.4.95 → 24.4.95: Hòa Thượng tham dự Đại Lễ Phật Đản do Giáo Hội tổ chức tại Lile Square Park Fountain Valley, California. (23.4.95) Đại Lễ qui tụ gần 100 chú tôn Giáo Phẩm, hơn 20 nghìn đồng bào Phật Tử, đồng hương và Thị Trưởng thành phố Garden Grove cũng đến tham dự.

4) 10.5.95 → 29.6.95 Hòa Thượng dạy: "Luật Sa Di" và 14.5.95 chủ trì Đại Lễ Phật Đản 2539 do Chùa Phước Huệ tổ chức.

5) 1.7.95 → 2.7.95: Xúc tiến và tham dự chuyến đi trình chiếu hai cuốn phim "một ngày trong trại cải tạo" và "Lửa phục lên từ Huế" tại Garden City và Oklahoma City do Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế thực hiện. Tháp tùng Hòa Thượng có Giáo sư Võ Văn Ái, cô Ý Lan và Bác sĩ Lê Đức Chương, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Garden City.

6) 8.8.95 → 9.9.95 Hòa Thượng dạy Phật Pháp tại Chùa Phước Huệ về các đề tài: Bốn Phận Của Một Phật Tử; Nhân Duyên Sanh;

Tam Bảo; Bi Trí Dũng; Thế Nào là một Phật Tử Chân Chánh (Xem Chân Nguyên số 28 & 29); Tịnh độ Quyết nghị luận; Nghiệp ... Hòa Thượng chủ lễ Đại Lễ Vu Lan 2539 (13.8.95).

7) 9.8.95 → 10.8.95: ĐH Nguyên Tịnh và Nguyên Túy đưa Hòa Thượng đi Orlando theo lời mời của một nhóm Phật Tử để chủ lễ Đại Lễ Vu Lan được tổ chức tại hội trường Knight of Columbus.

8) 27.8.95 → 28.8.95 Ban Quản Trị Hội PGMNF và một số Phật Tử gồm 14 người tháp tùng Hòa Thượng (bằng xe van) lên Chùa Long Vân để thuyết giảng và chủ lễ Đại Lễ Vu Lan 2539 một lần nữa, tại Chùa.

9) 31.8.95 → 4.9.95: Thay mặt GHPGVNTNHN-HK Hòa Thượng chứng minh và ban đạo tử cho trại huấn luyện Huỳnh Trường II và Huyền Trang II tại Chùa Viên Giác, Oklahoma City (Hai bài nói chuyện có đăng trong Giai Phẩm Xuân Bính Tý, trang 18-19).

10) 9.9.95 → 14.9.95 Hòa Thượng trở lại Chùa Long Vân làm truyền giới sư cho buổi thọ Bát Quan Trai, dạy Phật Pháp và chuông mõ...

11) 19.9.95 → 25.9.95 Tham dự Đại Hội Tăng Ni Hải Ngoại tại Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc. Tháp tùng Thượng Tọa có ĐH Nguyên Tịnh và Nguyên Túy. Đây cũng là một Đại Hội lịch sử kể từ ngày mất nước. Gần 100 vị Tăng Ni từ Á, Âu, Mỹ, Úc Châu và Canada, cùng với hàng trăm Phật Tử các nơi về. Đêm văn nghệ bế mạc do các em Gia Đình Phật Tử Na Uy, Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Hòa Lan, Đức... trình diễn. Như gắm thêm hoa, Đạo Hữu Nguyên Tịnh cũng ngâm bài thơ "mừng đại hội" để góp vui. Xem bài tường thuật trong Giai Phẩm Xuân Bính Tý trang 62, 63, 64 của Chùa Như Lai, Chùa Phước Huệ, Chùa Từ Quang thực hiện.

12) 10.10.95 → 31.10.95 Ngoài các lớp học và Thọ Bát Quan Trai ở Chùa Long Vân, Hòa Thượng còn Quy Y cho 22 đệ tử và an vị Phật cho 7 gia đình.

13) 31.10.95 → 11.11.95 Trong chuyến hoằng pháp này, Hội PGMNF, Chùa Phước Huệ lại tổ chức kỷ niệm bảy năm ngày Hòa Thượng Lãnh Đạo Tinh Thần với sự hiện diện rất đông Phật Tử, các Hội Đoàn bạn và gần 50 Đạo Hữu từ Chùa Long Vân Orlando đến. Hòa Thượng xúc động trước cảm tình nồng hậu của Phật Tử Miami. Ngài nói: "*Nhờ ơn, biết ơn chưa đủ, phải biết cách đền ơn bằng cách áp dụng những điều đã học vào trong đời sống hàng ngày để lợi mình lợi người. Về hình thức chùa cần phát triển cơ sở, nội dung tương đối khá, biết chăm lo học hỏi giáo lý... Lớp Thọ Bát Quan Trai rất chuyên cần, cứ mỗi tháng một lần đều đặn dù có Thầy hay không, đó là một điều đáng khích lệ".* Tiếp theo là lời tác bạch của ĐH Hội Trưởng, thư chúc mừng của ĐH Không Đẳng Bùi Sĩ chùa chùa Long Vân. Buổi lễ kết thúc bằng "Tác Bạch Thi" của Thúc Trúc:

Tác Bạch Thi

Kính dâng Hòa Thượng Thích Thượng Chánh Hạ Lạc, kỷ niệm bảy năm Lãnh Đạo

Tỉnh Thần Hội Phật Giáo Miền Nam Florida, chùa Phước Huệ

*Tháng mười một nhằm ngày mồng bảy
Năm Mậu Thìn Thầy dạy chúng con
Từ Bi Hỷ Xả còn non*

*Tam quy ngũ giới chùa tròn đạo nhân
Nghệp quả báo xa gần chẳng biết
Kiếp luân hồi hư thiệt nào hay
Mãi trong đám đuối mê say*

*Người dui cõi ngựa đêm dày thấy chi
Được trí huệ từ khi Thầy đến*

Tựa trăm nghìn ngọn nến thấp lên

Sáng như trăng rọi trước thềm

Hoa khai kiến Phật êm đềm ngát hương

Các con ơi trên đường tu học

Chớ than van khó nhọc dài lâu

Thành tâm nhất dạ nguyện cầu

Ngày nay gieo phước mai sau hưởng đời

Bì-Trí-Dũng con thời có đủ

Tin-Nguyện-Hành giáo thụ đứng sai

Chuyên cần thọ Bát Quan Trai

Ăn chay niệm Phật là hai phúc lành

Rạng bình minh chim oanh cất tiếng

Mừng chúng con thỏa nguyện Từ Ân

Quốc Gia Đạo Pháp dẫn thân

Tự-Do Hùng Thịnh Nhân Dân đón chào

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Thúy Trúc
7.11.1995

14) 23.11.95 → 26.11.95 Hòa Thượng về tham dự Đại Hội thường niên lần 3 của GHPGVNTNHN-HK tại Chùa An Lạc, cũng dịp này Giáo Hội đã tổ chức lễ Hiệp Kỳ chủ anh linh thánh tử đạo và truy niệm lần thứ 17 ngày Hòa Thượng Thiện Minh bị Cộng Sản Việt Nam giết.

Giáo sư Võ Văn Ái có mặt hôm đó, trong bài "Ý thức Thiện Minh" đã có một câu rất chí lý: "Hễ là Chánh Đạo thì củ dướng măng búp tỏi, chỉ sợ búp tỏi không mau. Hễ không phải là Chánh Đạo thì tức khắc đi lui, chỉ sợ đi lui không gấp". Có đến 70 Tăng Ni và rất đông Phật Tử các nơi về dự.

E. 1996

1) 15.1.96 → 29.1.96: Lớp học mùa Đông tại Chùa Phước Huệ. Chủ đề: Một vài phẩm trong Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, Đại Bảo Tích Kinh, và kinh Lương Hoàng Sám... Thọ Bát Quan Trai, Hiệp Kỳ và Quy Y cho năm Phật Tử.

2) 26.1.96: Theo lời thỉnh cầu của gia đình Bác sĩ Phạm Hiệp, ĐH Nguyễn Tịnh và Không Hoàng đưa Thầy lên Orlando để khai thị, cầu nguyện và tiễn đưa hương linh cụ Ngô Kim Dú Pháp danh Diệu Dật thân mẫu của ĐH Hiệp đến nơi an nghỉ cuối cùng.

3) 29.1.96 → 12.2.96: Hòa Thượng đã làm lễ hiệp kỳ và dạy Phật Pháp ở Chùa Long Vân.

4) 21.2.96 → 27.2.96: Lớp học đầu Xuân Bình Tý tại Chùa Long Vân.

5) 7.3.96: Hướng dẫn phái đoàn hoàng pháp lưu động gồm 5 vị:

- Hòa Thượng Thích Chánh Lạc

- Thượng Tọa Thích Trí Lăng

- Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu

- ĐH Tâm Đức Trần Quang Thuận

- ĐH Không Nhất Nguyễn Văn Kỳ

Với phương tiện di chuyển bằng Amtrak rất vất vả: Ba giờ sáng 7.3.96 rời Chùa Như Lai, tới New Orleans ngày 9.3.96, kéo dài 68 giờ trên xe lửa. Nói chuyện một lần ở Thanh Tịnh Đạo Trảng; thăm Thánh Thất Cao Đài; họp hai lần xúc tiến việc lập chùa; thăm chùa Bồ Đề; nói chuyện ở Chùa Tam Bảo; thăm Chùa Từ Bi; Chùa Vạn Đức ở Biloxi; nói chuyện ở Chùa Thiên Tịnh của Thầy Minh Chơn, đệ tử Hòa Thượng Thích Đức Niệm; Nói chuyện ở Chùa Diệu Đế Pensacola hôm 17.3.96. Chiều hôm đó lại về New Orleans để đi xe lửa, 23 giờ đồng hồ, về Chùa Phước Huệ, Miami đúng nửa đêm, ở lại đây một tuần: 23.3.96 nói chuyện tại tú thất ĐH Hoàng Văn Thắng Ft. Lauderdale và 24.3.96 tại Chùa Phước Huệ với đề tài: "hiện tình Phật giáo trong và ngoài nước".

Trong dịp này, Thượng Tọa Thích Trí Lăng, người đã ở lại Việt Nam từ 1975 đến 1990 nên đã trình bày rất rõ tình trạng đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của cộng sản Việt Nam. Ngoài ra, ĐH Nguyễn Túy hướng dẫn phái đoàn đi thăm: Soka Gakkai International USA, Florida Nature Culture Center; The Fall (người viết đôi là "The Rock" vì nước đã khô cạn!); Metro Rail; Bayside và bờ biển cát mịn của xứ Mặt Trời. Hội PGMNF Chùa Phước Huệ và một số Phật Tử cúng dường hiện kim trước khi phái đoàn thuê xe Budget rời Miami lên Orlando, Jacksonville, Chùa Hải Đức và Gainesville. Ngày 29.3.96 phái đoàn dùng Amtrak về Virginia. Riêng Hòa Thượng vì vài Phật sự khẩn nên phải ở lại Long Vân đợi máy bay và ngày 3.4.96 đã trở về Denver.

6) 2.5.96 → 6.5.96: Hòa Thượng về văn phòng Giáo Hội, Chùa Diệu Pháp để dự Đại Lễ Phật Đản 2540 do Hội Cựu Sĩ tổ chức. Ngày 17.5.96 tới 19.5.96 Hòa Thượng và 6 Phật Tử đi xe van qua dạy Phật Pháp và làm lễ Phật Đản 2540 tại Chùa Từ Quang, Kansas City.

7) 30.5.96 → 22.7.96: Hòa Thượng hướng dẫn khóa tu học mùa Hè, dạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chủ lễ Phật Đản 2540 và làm lễ cầu an thành hôn cho Không Mậu Lê Thanh-Quang và Không Hân Nguyễn Hoàng Tố-Nguyên tại Chùa Phước Huệ.

8) 28.8.96 → 12.9.96: Hòa Thượng hướng dẫn khóa học mùa Thu và chủ lễ Đại Lễ Vu Lan 2540 cho Hội PGMNF, Chùa Phước Huệ.

9) Ngày 16.9.96 Hòa Thượng về Cali. Dự các phiên họp liên quan tới Đại Hội Khoáng Đại của Giáo Hội.

10) Từ 21.9.96 → 26.9.96 Hòa Thượng, Thượng Tọa Thích Viên Lý cùng với Giáo sư Võ Văn Ái và cố Ý Lan sang Nhật Bản để gặp chính giới và Tổng Giáo Giới về vấn đề tự do tín ngưỡng và nhân quyền cho Việt Nam.

11) 27.9.96 → 15.10.96: Hòa Thượng sẽ tham dự Đại Hội khoáng đại của GHPGVNTNHN-HK để bầu cử nhân sự vào các hội đồng cho nhiệm kỳ II (1996-2000).

II. Chương trình giảng dạy Phật pháp

Tùy cơ duyên, trình độ của Phật Tử mỗi miền, Hòa Thượng mở các lớp học buổi sáng, buổi chiều, ngày thường, cuối tuần, để hoặc khó...

Có 84.000 Pháp môn tu, ba tạng kinh điển để học, để nghiên cứu, nhưng thực hành thì Hòa Thượng khuyến nên chọn Pháp môn tịnh độ một pháp môn dễ tu, dễ chứng, hợp với chúng ta, nhất là trong thời mạt pháp này. Là một Phật Tử phải sợ tội phước, phải tin nhân quả.

Tu học Phật là đi ngược dòng đời sanh tử, như thuyền chèo ngược nước, phải cố gắng liên tục mỗi mong vượt thoát hiểm nguy, mau về bến giác.

1) Những lớp dạy Phật Pháp trực tiếp:

Ngoài những lớp học kể trên, Hòa Thượng còn nhắc đi nhắc lại:

- Lịch sử Đức Phật Thích Ca, Di Đà, Quán Âm...

- Nguồn gốc Phật Giáo Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ.

- Qui Y Tam Bảo

- Niệm Phật Vô Ngã Sanh

- Ý nghĩa lễ Phật Đản, Vu Lan...

- Bốn phận của một người Phật Tử...

Đôi khi để thay đổi không khí, Ngài nói về Tứ Tướng Phật Giáo trong thơ Đường.

* Ngày 6.7.94 → 10.7.94: Với tấm lòng tìm cầu học đạo. Nam Nữ Huỳnh Trường các đơn vị Gia Đình Phật Tử Miền Tịnh Khiết (Trung Mỹ) vân tập về Chùa Như Lai học Phật Pháp với Hòa Thượng, gồm 67 học viên.

2) Qua 28 tòng thư Phú Lâu Na:

Một gia tài văn hiến tạm lý tưởng trong giai đoạn một, giai đoạn "CHÍNH TRANG". Khi hoàn cảnh và tài chánh cho phép, Hòa Thượng sẽ bước tới giai đoạn hai, ba: "SÁNG TÁC" và "PHIÊN DỊCH" là hai giai đoạn sẽ trường của Hòa Thượng.

3) Báo chí, Video, Cassettes và các tài liệu khác:

- Hòa Thượng nhiệt liệt khuyến khích, ủng hộ "Phật giáo hải ngoại"; "Chánh đạo"; "Chân nguyên"... và nhất là các Giai Phẩm Xuân thực hiện bởi ba nơi do Hòa Thượng làm Lãnh Đạo Tinh Thần đều có những bài Phật Pháp căn bản của Hòa Thượng.

- Trung Tâm Sinh Hoạt Phật Giáo New Orleans và ba địa điểm Hòa Thượng Lãnh Đạo đều có phát hành: Video, Cassettes:

* Kinh Phổ Môn, nghĩa (1 cuốn)

* Kinh Dược Sư, nghĩa (1 cuốn)

* Kinh Di Đà (1 cuốn)

* Diệu Pháp Liên Hoa (6 cuốn)

* Quy Y Tam Bảo (4 cuốn)

* Sám Hối (1 cuốn)

* Kinh 42 Chương, bài giảng (17 cuốn)

* Hiện Tình Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước, Video (1 cuốn)

- Những tài liệu có liên quan đến Phật Giáo; Thông bạch, Thông điệp; Tuyên cáo, Đạo từ... của Văn Phòng I và Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Ngài đều phổ biến một cách rộng rãi cho Phật Tử.

III. Tiếp đón chư Tăng và quan khách:

Để học hỏi thêm Giáo Lý, Hòa Thượng thân đồng việc mời Chư Tăng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại đến giảng dạy trong những lúc Hòa Thượng vắng mặt vì Phật sự khác.

a) Tại Chùa Phước Huệ:

1) 16.6.93: Hội PGMNF mời Hòa Thượng Thích Trí Chơn.

2) 18.7.93: Đại Đức Thích Pháp Tông.

3) 17.9.93: Thượng Tọa Thích Quảng Ba nói về "Tình Hình Phật Giáo Quốc Ngoại và Quốc Nội".

4) 16.4.94: Giáo sư Võ Văn Ái và cô Ý Lan thuyết trình: "Đàn áp tôn giáo và nhân quyền tại Việt Nam".

5) 30.3.95: Thượng Tọa Thích Thiện Huệ từ Pháp đến viếng Chùa và đàm đạo với một số Phật Tử.

6) 9.4.95: Phái Đoàn Phật Tử Trung Hoa, Dr. Wu, Hội Trưởng, hướng dẫn: Dr. Kuang Hsi We, Hung-Yih-Chien, May-Ling-Chang, Yei-Tsen-Lai, thăm và kết tình thân hữu giữa hai hội Hoa-Việt.

7) 15.4.94: Giáo sư Võ Văn Ái và cô Ý Lan, lần thứ hai đến Miami, trình chiếu hai cuốn phim:

- "Một ngày trong trại cải tạo"

- "Lửa phục lên từ Huế"

Hòa Thượng và đồng bào Phật Tử ủng hộ phái đoàn gần 5000\$US.

8) 30.4.95: Master Jinz-Hai và Ni Cô Yuen-Zao đến Chùa Phước Huệ, đặc biệt Ngài dành một phút tưởng niệm 20 năm mất nước trước khi giảng "TAM QUI NGŨ GIỚI" bằng Trung văn, phụ quán ĐH Bình dịch ra Việt văn.

9) 15.5.95: Master Chi-Yu, Dr. Wu, ĐH Theresa. Jsang, Hung-Jih-Chien đến thăm và trà đàm với Hòa Thượng.

b) Tại Chùa Như Lai:

1) 19.2.94: Một số Giáo sư và Sinh viên thuộc chương trình CALEB vào khoảng 70 người đến viếng Chùa và nghe Hòa Thượng nói Pháp.

2) 10.4.94: Giáo sư Võ Văn Ái và cô Ý Lan, tổ chức hai buổi nói chuyện, một cho người lớn và một cho GDPT Nguyễn Thiều. Các em rất thích thú vì cô Ý Lan ngoài tài ăn nói có duyên còn biết hò dân ca ba miền...

3) 26.5.94: Đón Thầy Thích Nguyên Đạt từ trại tỵ nạn Sungei Besi đến. Đại Đức được Hòa Thượng cử giữ chức Trì Sự chùa Như Lai kể từ 1.7.94.

4) 8.2.95: Phu nhân Thống Đốc Romer, Colorado đến thăm Hòa Thượng và tìm hiểu về các sinh hoạt của Hội.

5) 6.5.95: ĐH Hằng Nguyệt, phu nhân Bác sĩ Vinh Đán tới thăm Hòa Thượng và để học hỏi vài thủ về nghi lễ và giáo lý.

- 20.7.95: ĐH Nguyên Tịnh, Hội Trưởng Hội PGMNF chùa Phước Huệ, Nguyên Túy đến thăm Chùa và tháp tùng Hòa Thượng đi dự Đại Hội Tăng Ni Hải Ngoại ở Đức Quốc.

- ĐH Chánh Phúc Phạm Ngọc Cang đi xe buýt từ Orlando tới thăm Chùa Như Lai và vấn an Hòa Thượng.

- ĐH Tâm Đức Trần Quang Thuận kể từ 7.12.95 đã đến Chùa Như Lai để cùng chung lo Phật sự với CĐPGVN Colorado. ĐH lưu lại nơi đây 5 tháng tròn.

- Ngày 13.4.96: Trên 80 Học sinh và Giáo sư người Mỹ của trường Trung Học ở Littleton tới viếng Chùa Như Lai và nghe Hòa Thượng nói về một vài đặc điểm của Phật Giáo. Hòa Thượng cũng đã giải đáp một số câu hỏi của Học sinh và Giáo sư. Buổi gặp gỡ chấm dứt lúc 11:15 AM trong không khí vui vẻ, hào hứng.

c) Tại Chùa Từ Quang:

1) 13.2.94: Thầy Thích Tâm Đạo do CĐPGVN Colorado bảo lãnh từ trại tỵ nạn qua đã đến Chùa Từ Quang trong dịp Tết Nguyên Đán do lời yêu cầu của Ban Trị Sự và sự đồng ý của Hòa Thượng.

2) 14.8.94: Thấy Thích Nguyên Đạt được Hòa Thượng phái về làm Đại Lễ Vu Lan 2538 và sau đó Đại Đức đã lưu lại Chùa Từ Quang thêm mấy tháng.

IV . Các việc làm khác:

1. Giúp đỡ đồng bào nghèo tại trại tỵ nạn Sikiew, Thái Lan, và đồng hướng mời đến Mỹ.

2. Đóng góp tài chánh để thực hiện cuốn: "Kỷ yếu đại hội thống nhất PGVN tại hoa kỳ" và các bản tin của Giáo Hội, và in:

- 1000 cuốn Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên

- 2000 cuốn Phật Giáo Cơ Bản

- 3000 cuốn Cộng Sản Con Đường Vô Đạo

- 1000 Âm Mưu Tiêu Diệt Phật Giáo của CSVN

- Tái bản 2000 cuốn Tịnh độ quyết nghị luận.

- 1000 cuốn THUYẾT SÁM.

- 1000 cuốn Kinh khóa lễ Phật Đản, Vu Lan Bồn, Báo Hiếu Cha Mẹ.

- 1000 cuốn Việt nam Phật giáo sử lược.

- 1000 cuốn Chùa Hải Đức - Phật học viện trung phần nha trang.

- 2000 cuốn Kinh được sử.

- 1000 cuốn Lương hoàng sám v.v... để biếu tặng mọi người.

3. Để chia sẻ nỗi đau khổ chung của dân tộc, góp phần vào công việc vận động cho đất nước sớm được tự do, thịnh vượng. Hòa Thượng hợp tác với Cộng Đồng Người Việt ở Colorado, tổ chức biểu tình tại Dinh Thống Đốc tiểu bang Colorado, yêu cầu họ đặt vấn đề nhân quyền và tự do tín ngưỡng với cộng sản Việt Nam khi giao tiếp.

4. Ngày 27.6.94: Vụ Hoàng Pháp gọi đến tất cả các đơn vị trực thuộc Giáo Hội hai tài liệu:

- Phiếu thống kê nhân sĩ Phật Giáo.

- Chương trình thuyết giảng Phật Học.

Đồng thời Vụ Hoàng Pháp cũng thành công trong chiến dịch đi xin chữ ký để gởi đến chính quyền Hoa Kỳ ... đã nộp cho văn phòng thường trực HĐĐH, 5.820 chữ ký.

5. Hòa Thượng cũng không quên chăm sóc, lo lắng đời sống tâm linh cho Phật Tử, mặc dù suốt trong bốn năm đã đoàn với công việc Giáo Hội và Hoàng Dũng Chánh Pháp, Ngài cũng đã làm hàng trăm lễ Cầu An và Cầu Siêu cho tất cả những ai cần đến.

* Ngày 11.6.95: Thầy đã làm lễ xuống tóc cho ĐH Diệu Tánh rất long trọng tại Chùa Phước Huệ. ĐH Diệu Tánh năm nay 70 tuổi, phát nguyện tu tại gia.

V. Tâm tình và nguyện vọng

Vài nét về hoạt động của Vụ Hoàng Pháp trong bốn năm qua tuy đã chơ chúng ta thấy le lối ít nhiều sự tận tụy và nỗ lực của người trong cuộc, nhưng đối với Hòa Thượng thì phạm vi hoạt động còn quá hạn hẹp, vì:

- HĐĐH không đủ sức phụ cấp tài chánh.

- Bản thân Vụ Hoàng Pháp không có một nguồn lợi tức nào. Các đơn vị Hòa Thượng Lãnh Đạo là chùa hội chủ không phải chùa riêng của mình. Mối trầm tư về tương lai Dân Tộc và Đạo Pháp của Ngài luôn luôn khắc khoải, bao nhiêu năm, niềm đau vẫn canh cánh bên lòng, vì có những điều muốn mà chưa làm được:

1. Thành lập một Viện Đại Học Phật Giáo tại Hoa Kỳ.

2. Thành lập một Giảng sư đoàn đúng mức, hợp thời.

3. Thành lập một Hội Đồng dịch thuật kinh tịch Phật Giáo.

4. Thành lập một Thư Viện Phật Giáo với đầy đủ các kinh sách bằng nhiều loại ngôn ngữ. Băng Cassettes, Video.

5. Thành lập một Hội đồng Kiểm duyệt và phê chuẩn cho tất cả kinh điển Phật Giáo xuất bản với danh nghĩa Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại - Hoa Kỳ.

6. Mở nhiều khóa huấn luyện Như Lai sử giả để đào tạo nhân viên giảng huấn Phật Pháp.

7. Thành lập Gia Đình Phật Tử đi đúng truyền thống trong các đơn vị trực thuộc GHPGVNTNHN.

Biết đến bao giờ các ước nguyện trên đây mới có thể thực hiện? Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo cho Phật sự thuận duyên, cho đất nước và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sớm thoát khỏi Quốc Nạn và Pháp Nạn, để ánh đạo vàng rực rỡ mãi trên quê hương.

(Viết theo tư liệu của Văn phòng Vụ Hoàng Pháp)

CHƯƠNG TRÌNH

Lễ Phật của chùa Viên Giác, các Chùa, các Chi Hội tại Đức năm 1997

Tháng 2 năm 1997

Ngày 06.02.97 (thứ năm) nhằm ngày 29. Tết

- 20:00 Lễ Sám Hối hồng danh tại chùa.
- 22:00 - 24:00 : Văn nghệ mừng Xuân Di Lạc năm Đinh Sửu do Gia Đình Phật Tử Tâm Minh Hannover trình diễn.
- 24:00 : Lễ đón giao thừa, nghinh xuân Di Lạc, lì xì, múa lân, phát lộc đầu xuân.

Ngày 07.02.97 (thứ sáu) nhằm ngày mồng Một Tết

- 06:00 : Trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm và tọa thiền.
- 12:00 : Cúng Tổ và cúng chú Hương Linh thờ tại chùa.
- 17:00 : Công phu chiều.

Suốt ngày mồng Một từ sáng đến tối đều có lễ Phật, xin xăm, hái lộc, lì xì đầu năm.

Ngày 08.02.97 (thứ bảy) và ngày 09.02.97 (chủ nhật) nhằm vào ngày mồng Hai và mồng Ba Tết, chương trình giống như ngày mồng Một Tết.

Ngày 10.02.97 (thứ hai)

Từ 6 giờ sáng đến 16 giờ chiều tri tụng bộ kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa (khoảng 500 trang). Quý Phật Tử có thể tham gia vào việc tụng niệm này.

Ngày 14.02.97 (thứ sáu) nhằm mùng Tám Tết

Vào lúc 20 giờ mỗi tối tại chùa đều có tri tụng kinh Dược Sư, cầu an những tinh giải hạn cho đến ngày 23.02.97. (Xin quý vị gửi phiếu cầu an về chùa sớm để dâng số cầu nguyện vào những ngày trên)

Ngày 15.02.97 (thứ bảy)

Tết Nguyên Đán tại Frankfurt.

Ngày 21.02.97 (thứ sáu)

Ngày rằm tháng Giêng chánh lễ tại chùa có phát lộc, xin xăm, cầu an và thuyết pháp.
Ngày 23.02.97 (chủ nhật) nhằm ngày 17 tháng Giêng

Tại chùa vào lúc 10 giờ sáng có cúng cầu an đầu năm và dâng số phần cuối của việc những tinh giải hạn và cúng Rằm tháng Giêng thường lệ cũng như thuyết pháp.

Tháng 3 năm 1997

Ngày 22 và 23.03.97

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

Ngày 29 và 30.03.97

Thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe

Tháng 4 năm 1997

Ngày 06.04.97 (Chủ nhật)

Lễ Phật tại Trier

Ngày 19 và 20.04.97

Thọ Bát Quan Trai tại Reutlingen

Ngày 26 và 27.04.97

Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

Tháng 5 năm 1997

Ngày 01.05.97

Họp Chỉ Bộ tại chùa Thiện Hòa Mönchengladbach

Ngày 02 và 03.05.97

Thọ Bát Quan Trai tại München

Ngày 04.05.97 (chủ Nhật)

Lễ Phật Đản tại München

Từ ngày 8 đến ngày 11.05.97

Khóa Giáo Lý tại Aschaffenburg do TT. Thích Như Điển, TT. Thích Nhất Chơn và TT. Thích Thiện Huệ hướng dẫn.

Ngày 11.05.97

Lễ Phật tại Aschaffenburg

Ngày 17.05.97

Lễ Phật Đản tại chùa Thiện Hòa Mönchengladbach

Ngày 21.05.97 (thứ tư) nhằm ngày Rằm tháng Tư

Lễ nhập Hạ của chư Tăng

Ngày 23, 24 và 25.05.97

Lễ Phật Đản tại chùa Viên Giác Hannover

Tháng 6 năm 1997

Từ 12 đến 15.06.97

Khóa Giáo Lý tại Sweden (Göteborg) do TT. Thích Như Điển, TT. Thích Nhất Chơn và TT. Thích Thiện Huệ hướng dẫn.

Những cuối tuần trong tháng 06.97 tại chùa Viên Giác đều có lễ Thọ Bát Quan Trai từ 10 giờ sáng thứ bảy đến 10 giờ sáng chủ nhật.

Tháng 7 năm 1997

Chương trình cuối tuần cũng giống như tháng 06.97

Tháng 8 năm 1997

Từ ngày 1 đến ngày 10.08.97

Dự định tổ chức khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 9 tại Đức (địa điểm sẽ được thông báo sau).

Ngày 09.08.97 (thứ bảy)

Lễ Vu Lan tại Berlin

Ngày 15 đến 17.08.97

Đại Lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác Hannover và Tụ Tử ra Hạ vào ngày 15.07. âm lịch đúng vào ngày chủ nhật 17.08.97

Ngày 23.08.97 (thứ bảy)

Lễ Vu Lan tại chùa Thiện Hòa Mönchengladbach

Ngày 30.08.97 (thứ bảy)

Lễ Vu Lan tại chùa Bảo Quang Hamburg

Tháng 9 năm 1997

Từ ngày 10 đến 18.09.97

Phật sự tại Nga

Ngày 20.09.97

Lễ Vu Lan tại München

Ngày 27.09.97 (thứ bảy)

Lễ Phật tại Norddeich

Ngày 28.09.97 (chủ nhật)

Lễ Phật tại Bremen

Tháng 10 năm 1997

Từ 1 đến 21.10.97

Chùa Bảo Quang tại Hamburg tổ chức hành hương Trung Quốc chiêm bái Tú Đại Danh Sơn và Bắc Kinh cũng như Vạn Lý Trường Thành.

Ngày 25 và 26.10.97

Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Tháng 11 năm 1997

Ngày 01 và 02.11.97

Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim

Ngày 08 và 09.11.97

Thọ Bát Quan Trai tại Rottweil

Ngày 15 và 16.11.97

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

Ngày 22 và 23.11.97

Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

Ngày 29 và 30.11.97

Thọ Bát Quan Trai tại Frankfurt

Tháng 12 năm 1997

Ngày 06.12.97 (thứ bảy)

Lễ Phật tại Freiburg

Ngày 07.12.97 (chủ nhật)

Lễ Phật tại Karlsruhe

Ngày 13.12.97 (thứ bảy)

Lễ Phật tại Münster

Ngày 20.12.97 (thứ bảy)

Họp báo Viên Giác

HAI HƯỚNG ĐƯỜNG VỀ

•Thiên Căn Phạm Hồng Sáu

Năm tháng vẫn đi qua, những thay đổi của dòng đời chẳng ai biết trước được. Ngày đó tôi đi vào đất Mỹ với mái tóc hãy còn xanh, mang sức sống của một người thanh niên có Tổ quốc và quê hương. Tôi cảm được trong tim mình liên hệ dòng máu của Tiên nhân nên trí tưởng luôn in hình những chiến công oanh liệt của họ. Dù thời gian đã đi qua những sự xanh vẫn còn ghi chép đó.

Lúc bấy giờ tôi đến xứ người để tham quan học hỏi có lợi cho bản thân, tấn thăng đường binh nghiệp, rồi một ngày về phục vụ cho quê hương đang lâm vào thời kỳ chinh chiến.

Nói quê hương mình, tôi theo tàu chạy trên những dòng sông uốn khúc, có nước đục nước trong, mang phù sa bồi lên cho đất màu tươi tốt hay dọc theo biển xanh muôn thủa, đáy nước in bóng núi rừng.

Quê hương tôi là đó, cho nên nếu ai có hỏi: - Anh là người nước nào và từ đâu đến? Tôi mạnh dạn trả lời:

- Tôi là người Việt Nam và từ Việt Nam đến.

Tôi nghĩ rằng, hẳn trong các anh ở lứa tuổi của tôi vào thời buổi đó cũng trả lời như tôi vậy. Có nhiều anh còn cao cả hơn tôi đã hiên ngang lấy cái chết để tuổi xanh ruộng lúa, núi rừng cho quê hương thân yêu ngàn năm văn vật và hùng vĩ của mình.

Cũng ngày đó tôi thấy có những anh Biệt động quân, Thủy quân Lục chiến hay Dù... rất lắm liệt, oai phong... - ôi đẹp dường nào! Họ là những người trai của tinh hoa đất nước. Họ phải xếp bút nghiên bởi quốc gia và quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang cần đến họ.

Tôi liên tưởng đến dòng sông Hát thuở xưa, đôi quần thoa, nhị Trưng đã tắm máu đào và tiếp theo sau có thêm nhiều nữ nhi anh kiệt khác.

Những con người thời tiền chiến đó, gương soi sáng ngời cho dòng con Lạc Việt đến ngày nay.

Mẹ có bao giờ xua đuổi con, dù con có hủ dốn đi chăng nữa. Mẹ luôn luôn dang rộng vòng tay lớn, âu yếm đón những đứa con thân yêu của mẹ vào lòng. Ấy mà rồi, anh chị, bạn và tôi bây giờ đang mang thân đi xứ người lữ lạc. Một tháng tứ đen để rồi từ đó ai nấy biệt xa quê và riêng tôi chưa có lần trở về để được thấy lại phá Tam Giang, dòng sông Cửu hay bến Ninh Kiều... Tôi cảm thấy buồn phiền chen vào mặc cảm. Bởi sự tiếc thương cho thân thể có hai linh hồn. Bởi một lối đi và một nẻo về khác biệt.

Rồi cũng hôm nay tôi đến Cali (California), phi trường Los (Los Angeles) sau một trưa hè nắng gắt, trên một chuyến bay từ nước Đức bay sang, kéo dài 12 tiếng đồng hồ, trong khi ngoài trời chẳng có ban đêm. Ánh sáng mặt trời cứ thân nhiên rọi tôi từ múi giờ nọ đến múi giờ kia, khiến cho hành khách ngồi trong phi cơ bần thần chẳng ai nhắm mắt được, họ nôn nao mong cho chóng đến nơi.

Ngày đó trước đây tôi cũng đến nơi này cùng với những người bạn trai cùng lứa tuổi và đồng nghiệp. Ngày hôm nay tôi cũng đến đây thì có bầu đàn thê tử đi theo. Tôi chạnh thấy sự đổi thay dòng đời của mình qua thời gian và lứa tuổi. Mỗi đó mà nay cách đây đã trên 30 năm rồi. Những nghiệt ngã, thăng trầm hoán đổi cuộc đời mình diễn biến theo thời gian. Cũng như hiện tại, tôi chẳng có sự tính toán trước mà bất ngờ có sự trùng phùng cùng anh em, họ hàng, bè bạn... Qua bao năm xa cách ngút ngàn.

Thằng em, con cậu tôi đến đón chúng tôi tại phi trường Los.

Thời thơ ấu của tôi sống nơi quê Ngoại rất êm đềm và nhiều kỷ niệm, tuy xóm thôn quanh quanh chỉ có núi rừng hoặc bản làng chỉ là đồng chua, cỏ úa. Đến tuổi đi học tôi phải rời quê Ngoại về quê Cha. Quê Nội và quê Ngoại cách bởi một dòng sông và một nhánh núi của dãy Trường Sơn bố dài. Tôi mang trong lòng những luyến tiếc và nhỏ thương.

Từ thuở ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, cả quê hương tôi đều lâm vào cuộc chiến. Hết chống Nhật, chống Tây (Pháp) đến chống Việt Minh Cộng Sản... chẳng khi nào được sự nghỉ ngơi, do đó thân nhân Nội Ngoại xa gần phải di tản khắp mọi nơi nên không ai biết mặt. Hơn nữa lúc nọ chào đời thì tôi đã rời khỏi quê Ngoại. Và khi lớn lên đi vào đời, tôi, nó ở hai binh chủng khác nhau.

Tưởng thế là xong, nào ngờ đầu khi tàn cuộc chiến, tháng tứ đen 75 nghiệt ngã. Trong số đó lớp chạy trốn, lớp bị tù đày, người gởi thân nơi biển cả thâm sâu hoặc bỏ xác tại núi rừng trùng điệp... Tất cả đã đổi đời nên ai nấy chẳng biết ra sao?

Những năm tháng dài lữ lạc nơi xứ Đục lạnh, tôi cảm thấy mình đơn côi, bởi rằng tôi chẳng có ai ở nước ngoài là họ hàng, thân thích cả, để có thể lui tới viếng thăm hay khi gặp tai ửng còn nương nhờ đôi chút, hoặc cũng hỏi thăm được tình hình bên Ngoại, bên Nội của mình. Nhất là bên Ngoại của tôi. Vì từ ngày rời nơi đó đến nay, theo nổi trôi của dòng đời và cuộc chiến tưởng tàn kéo dài, tôi chưa có cơ may trở lại.

Thời may đâu có trời xuôi khiến, tôi phong phanh nghe được tin rằng cậu vợ tôi có một đứa con đang ở nước ngoài - Sự vô thường nữa có, nửa không đó làm cho tôi nhiều lưỡng lự - chi bằng viết thư về Việt Nam là hơn, bảo người nhà phải cố gắng bằng mọi cách đi lên quê Ngoại của tôi, tìm cho tôi địa chỉ. Nhưng quê Ngoại tôi, người thân chủ Tây, chủ Tàu nguỵch ngoạc, lem nhem, bởi cuộc đời quanh năm, suốt tháng quanh quẩn chỉ có núi rừng, bưng bở và ruộng lúa, còn chuyen đường xa, việc hải ngoại là nẻo bóng

xa vời. Hơn nữa hệ thống bưu điện tại Việt Nam cũng khá phức tạp, không bảo đảm, cho nên thư đi, thư lại mất rất nhiều thời gian. Người trông thư cũng moi mòn con mắt. Sau đó tôi được địa chỉ của một người và lấy địa chỉ của người đó để tìm một người khác. Cuối cùng tôi và nó liên lạc được với nhau qua thư hay điện thoại, chủ đôi bên chưa thấy vóc dáng, hình hài.

Mùa hè năm nay (96). Tôi và vợ tôi bàn với nhau, cả hai lấy bốn tuần nghỉ phép tại hãng làm để mở chuyến đi sang Mỹ. Trước để thăm gia đình nó cho biết rõ mặt mày đồng thời hỏi thăm những người thân yêu bên quê Ngoại sau này biến đổi ra sao? Ai còn, ai mất? Kế đến là thăm bạn bè mà thời ấu thơ cũng như lúc lớn lên nơi quê hương phố Hội An cổ xưa thuộc xứ Quảng mà chúng tôi là tri kỷ. Bởi cuộc đời và kỷ niệm của chúng tôi thời ấu thơ gắn bó rất nhiều tại các phố này. Một cái phố đã có từ 400 năm qua, do sự có mặt đồng đạo của thường nhân, giáo sĩ và tàu bè của nhiều nước phương Tây và phương Đông, tôi lui vào đầu thế kỷ thứ XVII, biến địa danh thành đô thị.

Với ánh nắng chói chang giữa mùa hè nơi phi trường Los và sự rộn ràng, tấp nập của sân bay quốc tế này. Hàng vạn người đổ tùa đến, đi, cùng với các văn phòng của hãng bay này, hãng bay nọ... Máy móc, bàn tin, thông báo, đèn xanh, đèn đỏ báo hiệu, chớp tắt, dập diu. Kê đến đón ôm chầm lấy nhau vui mừng cười tươi như hoa nở, Người tiễn đưa, tay vẫy, lệ rơi đầm đề... Bao nhiêu diễn biến nhộn nhịp xô bồ, ấy thế mà trong thâm tình có cái gì thiêng liêng trong đó, cho nên khi tôi vừa đẩy xe hành lý đi ra là nó đã bật miệng gọi tên tôi, trong khi ấy tôi thấy nó như đã biết mặt nhau hay đã sống gần gũi với nhau từ lâu rồi.

Một tuần lễ sum họp, chung vui cùng với gia đình nó bằng thâm tình Ngoại Nội anh em. Nó cũng lấy phép nghỉ ở nhà để chúng tôi đi đây, đi đó, để tham quan hay mua sắm thêm một ít đồ cần dùng.

Và sau đó, tôi phải để thời gian hưởng đến bạn bè, những thăng bạn của thuở khổ rách, tuổi học trò, nay còn sống đó. Tuy có đứa sau cuộc chiến bị đi cải tạo ngoài miền Bắc xa xôi, 9 năm chưa trở lại. Cha mẹ, vợ con ở nhà tưởng đã chết cho lập bàn thờ và đến chùa xin lễ cầu siêu. Có đứa 5 năm, nhờ vợ con hoặc thân nhân lo lót cho cán bộ, mới được trở về.

Nhở lại những ngày thơ nơi phố Hội. Tôi có 4 thằng bạn học khác lớp nhưng chung trường đã kết nghĩa anh em. Đi đâu cũng có nhau, sinh hoạt nơi nào đều có mặt. Áo quần mặc đồng màu, đồng thứ. Vui vẻ, dễ huề, nên những nữ sinh trong trường đặt cho cái biệt danh là "Ngũ Quỷ". Họ cũng bắt chước chúng tôi làm bằng "Ngũ Long", nhưng chỉ được thời gian, rồi tan rã. Còn chúng tôi thì vẫn cứ dài dài.

Có những đêm hè nơi Cửa Đại Hội An, cả bọn nằm lăn trên cát biển, đưa mắt nhìn trời sao, mặc kệ sương rơi thấm ướt, hoặc nhìn ra xa khỏi thăm thẳm mù sương để đón những cánh bướm của ngư phủ đi đánh cá trở về.

Ngày đó tâm tư không vướng bận, tuổi trẻ sống một cách hồn nhiên, chẳng bao giờ nghĩ đến cao sang, quyền quý hay những truân chuyên gian khổ sẽ gặp trong cuộc đời. Đứa nào nói cái gì ra cũng có thể cười được. Cả bọn cười vang lên khi có thành tựu gì cho mình bằng chức này hay phẩm nọ.

Người ta bảo: "Cố vui sum họp, cố sầu chia ly". Những biến chuyển can qua của dòng đời mấy ai biết trước được, để rồi sau đó mỗi đứa trong chúng tôi tự đối hưởng đi. Trên 30 năm qua tin, thư biên biệt, mỗi đứa mỗi phương, lãng bạc giang hồ.

Bây giờ may mắn đã có 3 ở tại Mỹ. Thành thủ nhất làm ngành Bảo hiểm có công ty riêng. Thành thủ nhì, vợ chồng làm Chủ nhiệm và Chủ bút tờ báo "Saigon Times", xuất bản "Giai Phẩm Quảng Đãi", một giai phẩm có giá trị văn chương và nghệ thuật. Mặt khác, vợ của nó chuyển ngữ các tiểu thuyết của tác giả Quỳnh Dao bằng tiếng Hoa và tiếng Việt; có nhà in riêng và sách bán trên mọi thị trường có người Hoa và người Việt. Thành thủ ba, mới qua Mỹ theo diện H.O. nên chưa được ổn định lắm. Thành thủ tư, còn lại ở phố cũ quê nhà, đời sống tạm yên và những đứa con đã xong Đại Học. Còn tôi thì ở xứ Đức này.

Tất cả đã có vợ, có con và có thành đã có cả cháu nội lẫn cháu ngoại.

Tại Santa Ana, nơi có Tiểu Sài Gòn (little Saigon) của người Việt Nam tại Mỹ, tôi trở lại thăm khu vườn Disneyland, sau 33 năm dài dang dở. Cảnh cũ vẫn còn đó không mấy đổi thay, chỉ bãi đậu xe có mở rộng thêm và phía ngoài xây lên thêm nhiều khách sạn lớn, còn bên trong với những con đường cây xanh rợp bóng, quán, tiệm san sát cạnh nhau, trưng bày hàng hóa, áo quần và bán đầy đồ kỷ niệm. Khách thập phương tham quan lui, tôi đạp đi như ngày tôi đã đến.

Tôi bước lên ngồi trên chiếc xe lửa có nhiều toa, chỉ có trần phủ không che kiếng (kính) dạo quanh khu ấy một vòng, ngắm lại cảnh núi rừng, miền sa mạc, thú vật... hay mùa mưa, bão táp, sấm chớp thuộc vùng Bắc hoặc vùng Nam của cuối quả địa cầu này. Tuy mọi thú diễn ra ở đây đều là giả tạo, nhưng thời đó tôi còn trẻ và ở một nước có chiến tranh, kém văn minh trong kiến thức, cho nên tôi đã coi nó như là một thiên đường ở giữa trần gian, không nơi nào sánh được và cũng là một trung tâm tạo nên những kinh dị, hãi hùng rất hiếm có.

Tôi cũng lại đi trên con tàu cổ xưa của người Hy Lạp, chạy quanh eo trên một dòng sông, ngang qua khu rừng nơi sinh sống tập nập của người dân Da Đỏ. Cảnh chém giết, xẻ thịt, của người hay bêu đầu đưa ra bán cho khách viễn du, máu huyết chảy ròng ròng. Và người Da Trắng dùng chiến thuyền pháo kích tên lửa vào khu dân Da Đỏ, bom đạn nổ vang trời gây cho lều trại của họ bị phát hỏa, lửa bốc cháy ngút ngàn...

Thủy trình cố định đó tàu vẫn chạy, nhưng khách du trên thuyền thấy cảnh mỗi nơi mỗi khác. Hết danh lam thắng cảnh, đến chỗ có cá mập, kinh ngư hay thằn lằn, hạ thủy có khi, vượn, chim cò...

Tôi đứng nhìn cảnh vật của kỳ niệm xa xưa và thả tâm tư về quá khứ. Nhỏ lúc đó tôi đi vào đời còn trai trẻ, bằng cặp mắt sáng ngời. Bằng hân hoan và tràn ngập một niềm vui, bởi đi rồi có về và ngày về lại Tổ Quốc, quê hương không xa mấy.

Tôi cũng đến San José thăm người em gái đang định cư tại đây, con của Thầy tôi, người Thầy đã giúp và nuôi tôi tại quê nhà trong khoảng thời gian tôi vào Trung Học và trở lại thăm thành phố San Francisco. Nơi đó là trạm đầu tiên mà ngày xưa tôi đáp máy bay từ Việt Nam sang đây và ở lại đây 4 ngày để khán thông hành và chờ chuyển xe lửa đi tiếp đến Philadelphia miền đông nước Mỹ. San Francisco vẫn như ngày cũ, vẫn những cao ốc cao ngất trời, phố xá dập diu bởi người và xe cộ. Bởi những tiếng keng kêu leng keng của những chiếc xe điện trên dốc, bảo khách bộ hành tránh ra hoặc mời họ lên xe. Đã trải qua bao thế kỷ rồi, nhưng thành phố vẫn giữ loại xe này làm nét đặc thù cho nó. Nếu ai muốn tham quan thành phố dốc, đồi này thì cứ leo lên đồi trên ấy. Xe sẽ cho khách viễn du đi quanh phố một vòng.

Con phố Tàu (Chinatown) vẫn rộn ràng và dập diu du khách. Hàng, quán bán món ăn Tàu-Việt không thiếu một món nào. Người Châu Á đến đây, ai cũng đều ghé qua thăm Chinatown cả.

Chiếc cầu Golden Gate vẫn trải dài ngang qua vịnh Oakland mà có lần các bạn tôi đã đi bộ suốt đêm thâu. Bởi lúc đi ra phố có xe Bus của Căn cứ Hải quân Mỹ đưa đi. Đến lúc về thì phải tự tìm xe lấy. Rong rêu ở phố đến khuya lác, khuya ló mỗi về. Đến trạm Bus trẻ chuyển xe, cả bọn từng gần nên rủ nhau: nhắm hướng đi bộ. Không ngờ phải lang thang, tôi đi suốt đêm trên cầu và xe của người Mỹ nào chạy ngang qua cũng trở mắt ra dòm, lấy làm quái lạ cho mấy thành lính biển... điên! -

Tôi tiếc không trở lại được Philadelphia vì xa quá, thành phố hiền hòa mà lúc đó tôi lưu lại rất lâu. Nó cũng là thành phố trung tâm giữa hai thành phố Нью York (New York) và thủ đô Hoa Thịnh Đốn (Washington), cho nên vào cuối tuần tôi có thể theo xe Bus đến đó tham quan hoặc để được suốt ngày lang thang, lê lét dạo ngắm trên các vỉa hè.

Lúc bấy giờ đã vào thu, nên Нью York có gió lùa và rất lạnh. Tôi theo thang máy lên đỉnh của cao ốc chọc trời Empire State Building, ngắm nhìn chung quanh thành phố đó, rồi hưởng mát tưởng vọng đến quê nhà, nơi có người thân yêu của tôi đang mong đợi mà lòng lâng lâng bởi ngày về tôi đã có.

Tôi cũng có lần đi Hoa Thịnh Đốn, ghé ngang qua Nghĩa Trang Anh Hùng (Heldenfriedhof) ở Arlington, nơi mà sau này có một môi tình thơ mộng, hầu hết thế giới biết tên. Cuối cuộc đời cũng chôn chung nơi đó.

Nàng Jacqueline Bouvier, 22 tuổi, một nữ kỹ giả trẻ đẹp làm việc cho tờ báo Times Herald, sau trở thành phu nhân của Tổng Thống Mỹ John F. Kennedy, 35 tuổi. Mùa xuân năm 1952 vào khoảng nửa đêm bên hè phố đó, dưới sự dẫn dắt của Jacqueline và Kennedy đã gặp gỡ và quen biết nhau để

rời tình yêu đưa đến. Đến mùa thu năm sau (1953) trong độ lá vàng rơi chất lớp bên vỉa hè thì họ kết hôn và nên vợ nên chồng. Đến mùa đông năm 1960, John F. Kennedy đắc cử Tổng Thống thứ 35 của Mỹ Quốc. Jacqueline trở thành người đàn bà số 1 (First Lady) (Đệ nhất Phu nhân). Thế giới đã xem nàng như một bức tranh đẹp tuyệt vời.

"Hồng nhân bạc mệnh". Hạnh phúc của đời nàng bên cạnh người chồng yêu quý cũng ngắn ngủi. Sau đó những năm tháng truân chuyên, hỷ, nộ, ái, ố... tôi tập đời mình và cuối cùng nàng đã trút hơi thở. Để lại hai đứa con, nhưng may mắn vĩnh viễn được nằm bên cạnh người tình đầu đời. Dưới ngọn đuốc cháy vĩnh cửu dành cho anh hùng, liệt sĩ tại nghĩa trang.

Và thành phố Norfolk (Virginia) nằm sát bờ Đại Tây Dương, có Căn cứ Hải quân Mỹ rất lớn. Nơi những ngày thao dượt nhọc nhằn trên biển với các bạn đồng nghiệp khác màu da nhưng cùng màu áo trắng. Hằng ngày củ sáng sớm ra khơi làm nhiệm vụ, đến chiều tà dưỡng chếch bóng thì về. Còn tối đến hoặc cuối tuần thì bọn tôi có mặt ngoài đường phố. Chẳng làm nên trò trống gì, chỉ đi thôi, đi lui xem người đẹp hoặc vào tiệm ăn uống no nê, ấy mà vui ghê và thoải mái quá!...

Chỉ có vậy thôi, rồi tôi sẽ trở lại quê hương trong tử tốn và hiền hòa để được yên bình thân thể tại đó, không xuôi ngược, lưu linh uống phí cuộc đời.

Những ngày phép được nghỉ trong hè đã với dần, chỉ còn một tuần lễ nữa tôi phải về lại Đức quốc. Chia tay cô em tại San José và chúng tôi trở lại Santa Ana. Bởi tôi còn đi thăm một thành em nữa cũng con của Thầy tôi và là em ruột của cô em này, đang định cư tại San Diego, cũng gia đình của một vài người thân ở tại Westminster, mới vừa được cô em cho địa chỉ.

San Diego vào ngày đó tôi cũng quen thuộc, một số con đường trong phố tôi đã đi qua, những chỗ buôn bán tập nập, dập diu tôi cũng đã đến đó ngắm nhìn. Bởi nó là trạm tạm trú cuối cùng để chờ phương tiện rời nước Mỹ.

Tôi được ngắm lại vịnh quân cảng, mũi San Diego, những dòng sông cùng các Căn cứ Hải quân Mỹ... mà lòng mình cảm thấy dâng lên niềm chua xót. Bởi hưởng đi của tôi nay đã đổi khác phương về.

Những ngày nghỉ đã hết, phút chót chia tay anh em, bằng hữu tại Westminster với bao nỗi luyến thương, những mong hẹn ngày gặp lại. Người đưa tiễn chúng tôi đến phi trường Los để đáp chuyến bay trở về Đức vẫn là thành em con của cậu mẹ tôi. Nó đứng vẫy tay chào chúng tôi và chúc chúng tôi thượng lộ bình an.

Ngồi trong máy bay nhìn bầu trời cao rộng, có mây xanh, tôi liên tưởng đến quãng đời mình trong dĩ vãng. Cũng phi trường này, chuyến bay của ngày xưa đối đường hưởng Đông mang hình hài tôi về quê hương nước Việt, tóc hãy còn xanh. Chuyến bay này đối lại hưởng Tây mang thân tôi đi lạc quốc với mở tóc đã điểm sương trên đầu.

(Emsland - Vào đông 96

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo, Văn thi hữu khắp nơi gửi đến:

• THƯ TÍN

Thúy Trúc (Mỹ), Nguyễn Thùy (Pháp), Lê Thị Thu Pd Diệu Xuân, Huệ Tường; Huy Giang (Đức), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Nguyễn Tuấn Quốc (Đức), Đinh Quang Hùng + Xuân Chiến, Nguyễn Văn Ngô, Nguyễn Thị Biền (Đức), Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ), Nguyễn Văn Ba (Canada), Nguyễn Đoàn (Đức), Giang Phúc Đông Sơn (Đức), Tô Vũ (Pháp), Hồ Trường An (Pháp), Nguyễn Hữu Nhật; Mạnh Bích (Pháp), Dr. Hoàng Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Sư Huynh Hà Đậu Đồng (Đức), Phan Hùng Nhón (Đức), Phạm Thăng (Canada), Phạm Lương (Mỹ), HT. Thích Trí Chơn (Mỹ), Nhất Thanh (Đức), TN. Như Giác (Việt Nam), Ngô Văn Phát (Đức), Trần Thị Kim Lan (Đức), Vương Đình Hoàng (Đức), Dương Văn Mạnh (Đức), Trần Kiên Giang (Đức), Bảo Văn (Canada) Huyền Thanh Lữ (Đức), Pháp Nguyễn (Pháp), Dỵ Sỹ (Mỹ), Nguyễn Song Anh (Đức), Lê Thị Bạch Nga (Canada), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Quỳnh Hoa (Đức), Người Giám Sát (Đức), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Hồng Nhiên (Đức), Lê Nhân Quyền (Thụy Sĩ) Nguyễn Hồng Quang (Đức), Phong Hùng Lưu Nhón Nghĩa (Úc), Diệu Hiền NTK (Đức), Đan Hà (Đức), Hồ Trọng Khôi (Pháp), Văn Nương LNC (Pháp) Diệp Trung Phùng (Đức), Kỳ Thường (Đức), Nguyễn Nhung (Đức), Nguyễn Việt Hải (Đức), Quán Hữu Chí (Đức), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp), Vũ Kỳ (Bỉ), Xuân Vũ (Đức), Lê Kim Ngân (Đức), Trần Thị Nhật Hùng (Thụy Sĩ), Ngân Uyển (Canada), Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp), Phan Ngọc (Đức), Tôn Nữ Hy Khương, Minh Trang; Tôn Thất Xứng (Canada), Trinh Chung, Tâm Huyền; Trần Thị Rau Dzenh (Đức), Yên Sơn (Ý), Phòng Thông Tin Phật Giáo Thế Giới (Pháp), Trần Ngọc Sơn (Đức), Thiện Hậu (Đức), Vô Thức (Ấn Độ), Nguyễn Đại Quý (Đức), Văn Tấn Phước (Pháp), Nguyễn Phú Thủ (Pháp), Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan), Hoàng Gia Khánh; Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền (Đức), Chi Hội Phật Tử VN/TN tại Hamburg (Đức), Nguyen Chi Thanh (Đức).

• KINH SÁCH, BÁO CHÍ

- **Đức:** Việt Nam Dân Chủ số 1, 2; Nhân Quyền Cho Việt Nam; Dân Chủ và Phát Triển; Đi Tới số 17, 18, 19; Bản Tin Đức Quốc số 10/96, 11/96; Tuổi Trẻ số 10, 11; Tự Do số 11; Dân Tộc số 10, 11; 12; Tia Sáng số 30; Weltmission Heute Nr.23; Beitr Nr. 4/96; Cao Đài Giáo Lý số 40; Buddhistisch Monatsblaetter 11/12; Dân Chủ cho Việt Nam số 12; Cảnh Ấn số 60, 61; Diễn Đàn Việt Nam số 60; Hướng Quê số 5; Nhiệt Huyết số 7; Dân Chủ Âu Châu số 169, 170; Điện Hồng 10/96, 11/96; Phụ Nữ Dân Chủ số 9; Đất Nước số 8, 9; Thiện Chí số 45, 46; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 93; Bình Minh tháng 9+10/96; Thông Tin VID số 9+10; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 12; Bản Tin Tâm Giác 11/96; Hy Vọng số 23; Tin Điện số 36; Dân Việt Hamburg; Đoàn Kết số 11/96; Quê Hương số 13; Trời Mới Đất Mới số 22; TID số 13; Tự Do số 12; Südostasiens Flüchlinge; City Zeitung; Vietnam Forum Nr.67; Bản Tin Hướng Việt số

12/96; Hướng Việt số 2/96; Thời Mới số 2. Quê Hương Việt Nam - Nguyễn Mạnh Đan.

- **Pháp:** Khánh Anh 10/96; Nhân Bản số 5, 6; Thời Báo Maeseille số 47, 48; Kháng Chiến số 160; Sự Thật số 21, 22; Bản Tin PT Hướng Việt 11/96; Đặc San Nang Gổ số 2; Bản Tin Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại 11/96.

- **Bỉ:** Việt Nam Dân Chủ số 3.
- **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 152, 153.
- **Hòa Lan:** Việt Nam Nguyễn San số 115, 116.
- **Nga:** Thảo Đường số 25.

- **Hoa Kỳ:** Đẹp số 264, 265, 266, 267; Phật Giáo Hải Ngoại số 9; Chân Trời Mới 10/96, 11/96; Ch'an Magazine; Ch'an Magazine Fall 1996; Pháp Âm số 56; Ch'an Newsletter Nr.119; Phật Giáo Việt Nam số 95, 96, 97, 98; Bản Tin Phật Quang số 37; Giao Điểm số 24; Parallax-Press.

- **Canada:** Áo Vải Cờ Đào Tập 30 Bụi Văn Bào; Khai Thác Thị Trường số 24; Buddha's Light Newsletter + 26; Phật Quang Thế Kỳ số 15; Ca Dao Đố Vui - Học Tiếng Việt; Đối Lược số 13; Đi Tới số 31.

- **Ấn Độ:** Compassion in action in Ladakh Vol.2.

- **Đài Loan:** Hiện Đại Phật Giáo số 185+186; Thiên Phật Sơn số 90, 91; Golden Lotus Theatre Nr.11; Phật Quang Thế Kỳ số 130; Trung Ngoại số 484; Special Edition for Foreign Response the Blessing from Malaysia Nr.12; Ch'ien Fo Shan Magazine; Suma Ching Hai.

TRẢ LỜI THƯ BAN ĐỌC

- **Anh Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan):** Trong cuốn Thành ngữ Điển Tích Danh Nhân Tử Điển của Giáo sư Trịnh Văn Thanh có ghi: "Lỗ Ban là tên của một người thợ mộc có tiếng vào đời Xuân Thu ở nước Lỗ, cũng gọi là Công Du. Về sau Lỗ Ban trở thành ông Tổ của nghề thợ mộc". Bài "Thuộc Lỗ Bang sẽ được đăng trong VG số 97.

Cảm ơn anh đã có thư và bài sưu tầm. Mong những sáng tác mới. Thân (PV)

- **Anh Trần Đăng (Đức):** Bài "Chủ nghĩa Cộng Sản với Nhân Quyền Việt Nam" anh đã tóm lược lại từ bài thuyết trình trong "đêm không ngủ đấu tranh Nhân quyền cho Việt Nam" tháng 12/94 tại Bonn, rất nhiều cộng phu, nhưng vài dữ kiện chứng minh đã từ năm 93 trở về trước, đến nay tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam ngày càng tồi tệ hơn và như anh đã viết: "... còn người dân chỉ được quyền học nghị quyết chính sách, quyền "vạ vạ", quyền "cam tâm chịu đựng" mà thôi. Sự thật tình trạng đói nghèo lạc hậu và đạo đức suy đồi, tệ nạn xấu xa của xã hội tràn lan "quan tham, dân gian" là do hậu quả của sự mất tự do dân chủ và nhân quyền thực sự cùng với sự độc quyền lãnh đạo đất nước của đảng CSVN...".

Đồng ý hoàn toàn với anh. Xin anh gửi cho những bài tham luận mới sát với thực trạng tại Việt Nam. Thân (PV)

- **Cô Lê Thị Thanh Trang (Đức):** Khi Tòa Soạn nhận được bài của cô thì "Hồi Tưởng" không còn vào mùa thu nữa mà đã sang đông và Viên Giác phải chuẩn bị cho số Xuân Đinh Sửu. Vì vậy bài của cô vẫn còn chờ và hy vọng sẽ có thể xuất hiện trên Viên Giác ở các số tới.

Bài của cô vẫn còn ở trong khuôn khổ của Trang Hoa Phượng, thật dễ thương những khá dài.

Trong tình thần quan tâm của cô đối với bài viết của mình, chúng tôi nghĩ cô có nhiều triển vọng phát huy khả năng của mình, chỉ xin cô động nhúng nét chính. Chúc cô thành

công trên đường học vấn và có thể gởi những bài mới. Cảm ơn. (PV)

- **Chi Lê Thị Bạch Nga (Canada):** Từ Canada trở về, Thầy Chủ nhiệm có chuyển cho PV bài vở và thiệp chúc Giáng Sinh + Tết của chị. Tôi chọn một số bài của chị, của Bác và của ông Tôn Thất Xứng để đăng trong số VG 96 Xuân Đinh Sửu và VG 97 Tân Niên.

PV rất thích bài "Những cái Tết chưa quên" của Ngân Uyển, nên dù đã đăng ở Văn Học Nghệ Thuật, PV cũng đề nghị cho đi trên báo Viên Giác.

Mỗi cuối năm một lần họp Ban Biên Tập Báo Viên Giác, các anh chị em bên này đều nhắc nhở đến chị và các cây viết cộng tác thường xuyên với tờ báo. Rất mong có lần được gặp gỡ.

Thay mặt Ban Biên Tập, thân chúc chị và gia đình năm mới thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường như ý. Thân (PV)

- **Cô Trần Thị Kim Lan (Đức):** Bài viết của cô có nhiều tâm ý lảm - nhất là lớp người trẻ như cô đã trưởng thành dưới chế độ cộng sản, thấy Sài Gòn, thấy miền Nam Việt Nam sau thời "giải phóng" và chứng nghiệm được những đổi gian tuyên truyền của chế độ, thấy xã hội đồi trụy, đất nước điêu linh.

"Ôi tuyệt vời! Đây mảnh đất Việt Nam!" sẽ đăng trong các số báo VG sắp tới.

Riêng "Những mẫu chuyện ngắn có thực chung quanh Hiệp ước Hồi hương người Việt tại Đức" hay và có ý nghĩa. Tuy nhiên có gửi lần lượt đến Tòa Soạn để chỉnh lại và làm thành một mục, chủ báo VG không có mục Chuyện Cuối - dù là cười ra nước mắt như bài đầu của cô mà tôi đề nghị sửa lại cái tựa đề thành "Sống với ông già còn hơn là sống với Cộng Sản!". Thân. (PV)

- **Cô Minh Trang (Đức):** Viên Giác rất hân hoan đón nhận những đóng góp rất có ý nghĩa của cô: "Thế Kỳ Của Tôi", của chúng ta chỉ còn vài năm nữa là hết, mà những khổ đau của dân tộc, những tan thương của đất nước... vẫn còn triền miên mà chế độ CSVN chưa biết đến ngày nào cáo chung. Thế kỷ 21 với những hy vọng...

Chúng tôi cũng mong được như vậy. Bài của cô đã được chọn đăng, sẽ xuất hiện trong VG các số tới. Thân. (PV)

- **Giáo sư Vũ Kỳ (Vương quốc Bỉ):** Giới thiệu cuốn "TINH" của Huỳnh Dung, một tác phẩm mới do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức Quốc (Chùa Viên Giác) xuất bản là phần vụ của một thành viên trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác. PV chỉ làm nhiệm vụ do Thượng Tọa chủ nhiệm giao phó, chủ chẳng có lý do gì khác hơn! Thân kính. (PV)

- **Anh Văn Tấn Phước (Pháp):** Cảm ơn anh có nhà ý ủng hộ cho Báo Viên Giác - sự ủng hộ tùy tâm để phụ cho Chùa về chi phí ấn loát và lệ phí bưu điện. (Lệ phí Bưu điện ở Đức có thể nói là đắt nhất thế giới). Viên Giác ấn hành đều đặn 6 số một năm (2 tháng một lần vào tháng chẵn) và số tháng 12 là số báo Xuân - dày gấp đôi số báo thường, số báo tháng 2 cho năm tới là số báo Tân Niên, vẫn còn phong vị mùa Xuân.

Vì cứ 2 tháng một lần, nên tờ báo có nhiều vấn đề để thông báo, có nhiều bài vở để đăng tải, trong một số trang và trọng lượng ấn định về lệ phí bưu điện; vì vậy

không thể tăng "corps" chữ lớn hơn như anh đề nghị cũng như mong muốn của chúng tôi. Nhiều độc giả cũng cho chúng tôi biết là từ ngày họ đọc báo Viên Giác, họ đã đến thăm các vị Bác sĩ nhân khoa để xin cặp mắt kiếng. Trong số anh chị em chúng tôi, chắc chỉ có Thầy chủ nhiệm là chưa đeo kiếng mà thôi. Vậy xin tiết lộ chút xíu để xin anh thông cảm.

Ngoài ra, rất cảm ơn anh đã gởi cho bài dịch của Văn hào Guy de Maupassant. Tôi rất tiếc là không vâng theo đề nghị của anh là xem xong thì... vứt vào sọt rác! Bài dịch của anh hay quá, nên tôi đề nghị cho đăng bài "Đêm Giáng Sinh" vào các số VG tới để giới thiệu với độc giả một tài năng không thể quên! Sau đó sẽ đăng bài "Hạnh Phúc" và dĩ nhiên độc giả sẽ yêu cầu tác giả gởi thêm và đều những bài dịch mới. Đừng quên gởi kèm thêm Disque để giảm bớt công việc của Ban Kỹ Thuật.

Cảm ơn anh đã có lời chúc lành trong dịp Xuân cho tờ báo, cho Ban Biên Tập. Kính chúc anh và gia đình một mùa Xuân thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường như ý. Kính. (NT)

- Anh Nguyễn Đai Quý (Đức): Đọc thư anh và bài "Thời Gian" của anh, chúng tôi cảm nhận sự chân tình và tấm lòng của anh - của một người Việt Nam luôn thiết tha với quê hương dân tộc, mà lòng khoan dung nhân ái của Khổng, Mạnh, lòng bác ái khoan thứ của Công Giáo hay lòng Tử Bi hỷ xả của Phật Giáo đều chung trong dòng sinh mệnh của dân tộc.

Cảm ơn anh, chỉ mỗi hai lần đến viếng Chùa Viên Giác, anh đã có những nhận xét tinh tế và vài đề nghị rất chân thành. Những kỷ niệm anh ghi trong bài "Thời Gian" - nhất là những ngôi Chùa ở Hội An/Quảng Nam mà một Phật Tử như tôi đã có thời gian ở đó 4 năm chùa chắc đã biết tường tận như anh là một con Chiên của Chúa.

Nếu Ban Kỹ Thuật tranh thủ kịp với thời gian thì bài của anh sẽ đăng ở trong số báo Xuân Đinh Sửu này.

Riêng giữa anh và tôi, chúng ta đã có duyên gặp gỡ vài năm trước đây trong đám cưới con của người bạn chúng ta ở München. Anh thử nhớ lại xem, PV là ai? Thân. (PV)

THÔNG BÁO CHUNG

Hiện nay Tòa Soạn chúng tôi dùng chứng trình Word cho Windows cùng chứng trình chữ Việt VPS của Hội Chuyên Gia VN để làm báo. Trong trường hợp các bạn không dùng chứng trình VPS. Các bạn có thể viết bài bằng các chứng trình: VNU, VNI cho Windows, và gởi đến cho Viên Giác vừa bản in vừa đĩa để giúp cho Tòa Soạn tiện sử dụng. Thành thật cảm ơn. (NT)

THÔNG BÁO

Lịch treo tường và tử vi

Lịch treo tường và Tử Vi năm Đinh Sửu 1997, có ngày Âm Dương đối chiếu đã có tại Chùa Viên Giác, cũng như các Chùa tại Đức và các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương.

* Giá thành tại Chùa Viên Giác, tại các Chùa và các Chi Hội như sau:

- Lịch treo tường: Hai Mươi Đức Mã

- Lịch Tử Vi: Hai Mươi Lăm Đức Mã

* Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:

- Lịch treo tường: Hai Mươi Tám Đức Mã

- Lịch Tử Vi: Hai Mươi Tám Đức Mã

* Còn gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì:

- Lịch treo tường: Ba Mươi Lăm Đức Mã

- Lịch Tử Vi: Ba Mươi Lăm Đức Mã

Ban Phát Hành chúng tôi nhận thấy gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân thì tiền cước phí quá đắt. Do đó, đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về cho chúng tôi bằng Ngân phiếu (Check), hoặc tiền mặt có gói kỹ, bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Cong. Ver. VN Buddh. Kirche -

Konto Nr. 109594-307

BLZ. 250 100 30

Postgiroamt Hannover

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay cho quý vị.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

THÔNG BÁO

TÂN BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI NÜRNBERG - FÜRTH - ERLANGEN.

Ngày 9.10.1996, toàn thể Phật Tử ba vùng Nürnberg - Fürth - Erlangen đã họp mặt làm lễ Phật cầu an và Tu Bát Quan Trai dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức, sau đó đã bầu Tân Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 1996-1998 với chức vụ và họ tên như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH. Đức Hương Hồ Thanh.- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH. Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ.- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH. Thiện Phương Nguyễn Thái Nam.- Thư Ký: ĐH. Thiện Như Mai Bích Lan.- Thủ Quỹ: ĐH. Thiện Hạnh Giang Lăng Hía.- Trưởng Ban Trai Soan: ĐH. Lê Cử Huỳnh Thị Hồng Xuân

Địa chỉ liên lạc:

ĐH. Đức Hương Hồ Thanh

Federgrasweg 7

90768 Fürth - Tel. 0911 - 75 46 50

GIỚI THIỆU

BÁN XE BÁN HÀNG ĂN

Với đầy đủ dụng cụ hành nghề

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về :

ĐT. : 0421 - 58 12 93

NHÂN TIN

• Tim bạn là **NGUYỄN VĂN LONG (Văn Hào)**, quê quán ở Tuy Hòa. Từng cải tạo tại Ban Mê Thuật, trốn về. Nghe tin anh đã rời Việt Nam, tới Philippin và đã định cư ở Mỹ.

Vậy, nay anh ở đâu, xin liên lạc với bạn là:

Hoàng Gia Khánh, Kurmainzer Str.121
65936 Frankfurt/a.-M. , GERMANY

• Ông **VO VIET PHONG**, trước đây ở Moritz-Budge Str.12a - 35576 Wetzlar - GERMANY.

Nay ở đâu, xin liên lạc Bà Vo Thanh Tam - 7060 St. Denis # 1 Montreal (Quebec) H2S 2S4 - CANADA, để biết tin gia đình.

• **TRẦN ĐĂNG** - Zi. 96 - Georg-Henrich Str.13 - 90431 Nürnberg. Địa chỉ mới chuyển nhờ bạn Nguyễn Đăng Lâm - Zi.96 - Tel. 0911 - 326.3957.

Xin liên lạc Thư và Báo hay Điện thoại với địa chỉ như trên. Cảm ơn.

QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

quyển hình ảnh QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM màu rất đẹp, in trên giấy láng, rất có giá trị. Do nhiếp ảnh gia Nguyễn Mạnh Đan thực hiện.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Nguyen Johnny Quang

Fritz-Flinte-Ring 9, 22309 Hamburg

ĐT. 040 / 6317561

CẦN NGƯỜI

Tiệm ăn Việt Nam tại Hannover cần người làm bếp.

Điều kiện :

Có giấy cư trú hợp pháp
Aufenthaltsbefugnis hoặc
Aufenthaltserlaubnis

Xin liên lạc

Tel. Nr. 0511 - 87 32 21

(khoảng 21 giờ)

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Viên Giác là báo biểu; nhưng Viên Giác cũng xin quý độc giả ủng hộ tối thiểu mỗi năm là 20 Đức Mã để phụ vào tiền tem thư, thì tờ báo mới có thể đến đều đặn với quý vị được. Dĩ nhiên cũng có nhiều vị đã ủng hộ nhiều hơn số tiền trên và nhiều lần trong năm; nhưng Viên Giác mong rằng số đóng góp đều đặn của quý vị là một món quà quý giá cho sự phát triển của tờ báo. Xin chân thành đa tạ.

Độc giả cũ Độc giả mới

Họ và tên người nhận báo :

Địa chỉ :

Xin ủng hộ báo Viên Giác số tiền :

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 16.12.1996)

Trong thời gian gần đây, Chúa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trà tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chúa không thể nào ghi vào sổ được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chúa nhỏ ghi rõ Họ & Tên, trà chi đầy đủ và mục đích, để Chúa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là linh đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chúa có tên trong danh sách. Chúa có 2 số Konto. *Riêng số 870-3449, thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần.* Nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Dường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chủ ĐH ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Giang Du (Pforzheim) 30DM. Trưởng Du (*) 50DM. Lâm Thị Cúc (Bochum) 30DM. Lương Thị Búp (*) 20DM. Phạm Vũ Khang (Regensburg) 50DM. Đặng Kinh Vĩ 100DM. Quan Vĩ Thanh 20DM. Đoàn (Hannover) 10DM. Nguyễn Anh Phượng (*) 20DM. Nguyễn Chí Dũng (Dessau) 10DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Hà Tiến Vạn (Frankfurt) 10DM. Chu Văn An (Dresden) 20DM. Thanh Bình (Botsfeld) 10DM. Lý Tam (Hildesheim) 10DM. Ánh Hồng (Herford) 50DM. Lâm Bích Phượng 20DM. Quán Hữu Chí (Peine) 50DM. Đặng Muối (Celle) 100DM, HHL ĐH Lâm Lệ Tiên Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Trưởng Văn Hoàn (Metzingen) 100DM, HHL ĐH Trưởng Ngọc Hai. Chi Hội Phật Tử Reutlingen 800DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 100DM. Nguyễn Văn Nhiệm (*) 50DM. Võ Thị Hoa (Frankfurt) 20DM. Diệu Hải (Hochdorf) 100DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Rot-Tuttlingen 400DM. Lê Văn Mười (*) 20DM. Thái Sển (Pforzheim) 100DM. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 30DM. Nguyễn Thị Thân (Remscheid) 50DM. Lê Văn Giát (Pháp) 200FF. Trần Quang Vũ (Augustfehn) 20DM. Phan Văn Phát (M'Gladbach) 50DM. Tô Thiên Hoa (Berlin) 200DM. ĐH Diệu Anh + Diệu Kim (Fürth) 200DM, HHL ĐH Diệp Thị Ba. Nguyễn Đức Thanh Phong (Oberhausen) 100DM. Nguyễn Viễn Phượng (Koblenz) 200DM. Khanh Blaesing (Brandenburg) 20DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Parichari (*) 10DM. Arnon Laopreela (*) 10DM. Tô Thân Hoa (Berlin) 150DM, HHL ĐH Trưởng Thị Ly. Trần Thị Chi (Pháp) 10DM. Vũ Quốc Dũng (Oberursel) 20DM. Trần Công Phi 10DM. Hùng Hà Vũ (Hannover) 10DM. Phạm Xuân Bình (Hameln) 20DM. Hồng Anh 20DM. Lê Văn Hồng 20DM. Phùng Viết Thắng 20DM. Ngô Xuân Hùng 10DM. Phan Văn Phúc 10DM. Mai

Hồng Tuấn 30DM. Châu Bảo Chứng (Bayreuth) 100DM. Chung Liệt + Ông Lăng Muối (Nürnberg) 60DM. Đức Hướng + Diệu Tịnh (Fürth) 100DM. Nguyễn Minh Nam + An (*) 100DM. Quý Đạo Hữu, Phật Tử Nürnberg + Fürth + Erlangen 930DM. Chi Hội Phật Tử (*) 400DM. Nhung (Nürnberg) 20DM. Mme Guyot Nguyễn (Pháp) 100FF. Trưởng Thị Xí (Hòa Lan) 100Guld, HHL PT Tạ Kim Long. Grand Cúc (Göttingen) 100DM, HHL ĐH Nguyễn Thị Oanh. Xuân Hồng Dũng (*) 20DM. Trần Chứng Phú (Watenbüttel) 100DM. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Braunschweig) 20DM. Hà Văn Thành (Frankfurt) 50DM. Đồng Ngọc (Darmstadt) 50DM. Trần Thị Hồng Diệu (Rodgau) 100DM, HHL PT Lê Thanh Hà Pd Trí Quang. Chi Hội Phật Tử VNTN Wiesbaden 400DM. Mỹ Linh (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Trí + Nguyễn Tử (Uisingen) 100DM. Cao Hợp Đức (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Thành (Heidenau) 60DM. Apon König (Bassinghausen) 10DM. Bùi Đức Duyên 10DM. Dương (Celle) 20DM. Trưởng Minh Hồng (Leipzig) 10DM. Quách Anh Bình (*) 5DM. Trưởng Duy Hiếu (Việt Nam) 10DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 30DM. Nguyễn Lan Anh 20DM. Lương Vinh Phúc (Bad Gegeberg) 50DM. Nguyễn Thị Hương (Hildesheim) 10DM. Trần Văn Tuấn (Hannover) 20DM. Nguyễn Tuấn Đức (Gardelegen) 10DM. König (Barsingen) 10DM. Phạm Trung Chánh 100DM. Dương (Celle) 10DM. Hồ Minh Hải (Berlin) 20DM. Phạm Thị Hồng Hương 100DM. Chủ Đức Viên (Hoa Kỳ) 110DM. Trần Thị Trai (Hannover) 30DM. Nguyễn Thị Thoa (Marienborn) 5DM. Nguyễn Văn Det (Göttingen) 50DM. Vũ Khương (Wiesbaden) 50DM. Erdfer 10DM. GĐĐH Vũ Đức Thắng (Braunschweig) 500DM, HHL PT Vũ Thị Cử Hiến tuần 49 ngày. Mai Hồng Khanh (Eppelborn) 15DM. Nguyễn Viễn Phượng (Koblenz) 200DM, HHL ĐH Nguyễn Thị Kính. Nguyễn Thị Ngọc Tuyết (Kaiserlautern) 17DM. GĐĐH Nguyễn Xuân Hòa (Recklinghausen) 1.800DM, HHL ĐH Nguyễn Thị Phụng Pd Thiên Tiên. Thị Phai Zimmermann (*) 50DM. Lê Thị Liễu (Hannover) 20DM. Trưởng Đoàn Hòa (Selm) 20DM. Nguyễn Dũng Lan (Eisleben) 20DM. Lê Văn Hai (*) 50DM. Đàm Quang Tiên (Anh) (Aschersleben) 50DM. Gđ. Hoàng Minh Phúc (Papenburg) 20DM. Fam. Tan Hiam Hwie (Hamburg) 100DM. Nguyễn Tuấn Quốc 20DM. Trần Thanh Pháp 10DM. Phạm Ngọc Dung (B.Münster) 10DM. Phan Văn Thọ (Hameln) 30DM. Gđ. Diệu Phượng + Thiên Chánh (Pháp) 500FF. Nguyễn Thị Lệ Phượng (*) 200FF. Phan Việt Cường (Bitburg) 20DM. Tạ Quang Huy (Harpstedt) 10DM. Đào Văn Giang (Regensburg) 20DM. Reihard + Đoàn (Celle) 20DM. Nguyễn Đạo 100DM. Đoàn Minh Thủy (Peine) 10DM. Tạ Thị Nga (Rheine) 4DM. Bùi Tuyết Anh 50DM. Bùi Thu Hằng (Taucha) 30DM. Hải Lý (Hannover) 10DM. Tạ Việt Tiến (*) 20DM. Ngụy Minh Thủy (*) 10DM. Đào Thiên Mẫn (*) 10DM. Nyan Myint Kyan (*) 10DM. Lê Văn Dũng (Hoya) 20DM. Hue Wollenberg (Werne) 40DM. Lê Trưởng Sinh (Ellwangen) 30DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Lâm Châu Quan (Berlin) 30DM. Lê Thị Bạch Nga (Essingen) 10DM. Phan Công Chánh (Berlin) 100DM. Nguyễn Hoàng Việt (Peine) 10DM. Khong Tướng Hong 10DM. Lê Đức Hiếu (BS) 20DM. Bùi Thị Lành (Idar Oberstein) 20DM. Lê Thị Hương (*) 20DM. Nguyễn Văn Bộ (Waltershausen) 20DM. Thái Thuận Dung (*) 50DM. Văn Công Trâm 200DM. Quách Anh Bình (Leipzig) 27DM. Thu Dung + Hải Yến (Burgwedel) 10DM. Vũ Tiến Giang (Việt Nam) 50DM. Hà Lam (M'Gladbach) 50DM. Trưởng Thoại Minh + Wang Chun Tong + Kyai Minh + Wang Chun Tong + Ky Yan 300DM. Lương Kim (Oldenburg) 200DM. Huỳnh Văn Cam (Schwerin) 20DM. Ngọc Hà 10DM. Nguyễn Thu Giang (DRDresden) 20DM. Thiên Hào 20DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 30DM. Ngô Thị Hải Yến (Garbsen) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị Lộc (B. Oeynhausen) 100DM. Đặng

Thị Chuyết (Hösbach) 50DM. Gđ. Vương Kim Tung (Hamburg) 40DM. Lôi Công Thành 10DM. Lê Thị Kim Thu (Taufhausen) 20DM. Lưu Quốc Huê (Zell) 100DM. Vũ Chí Thiện (Arnsstadt) 10DM. Gđ. Dương Văn Phượng (Essen) 100DM. Chấn Ngọc (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 50DM., HHL ĐH Nguyễn Văn Thuận. Hoàng Thị Tài (Wilhelmshaven) 50DM. GĐĐH Tâm Khương (Göttingen) 200DM, HHL ĐH Lê Thị Đức. Đỗ Lệ Huyền (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Việt Tâm (*) 20DM. Đỗ Chánh Dân (Sindelfinger) 100DM. Đỗ Thúc Liêm (Villengen) 20DM. Đỗ Lệ Xuân (*) 20DM. Hoàng Minh Dương (Ludwigsfelde) 50DM. Lưu Viết Toàn 100DM. Tăng Phú 100DM. Nguyễn Thị Kiều (Úc) 20 Úc kim. Khóa Tu Bát Quan Trai chùa Quan Âm (Canada) 220Can. Thiện Tử (*) 50Can. Võ Thị Lợi (Erding) 50Can. Thanh Trà (Canada) 50Can. Trần Thị Ích (*) 100Can. Cự Huyền (*) 100Can. Diêu Quỳnh (*) 100Can. Thiện Lạc (*) 20Can. Phạm Trọng Hàm + Lê Huy Nhâm (*) 100Can. Thiện An + Chi Pháp (*) 200Can. Diệu Lễ (*) 100Can. Trưởng Đình Phước (*) 100Can. Ngô Thế Chu (*) 100Can. Minh Tâm + Chí Nghĩa 100Can. Hứa Tú Mẫn (*) 60Can. Nguyễn Tin (*) 100Can. Diệu Huệ Nguyễn Thị Hiền (*) 100Can. Diệu Ngọc (*) 50Can. Thiện Tài (*) 300Can. Thị Hòa (*) 100Can. Chùa Quan Âm (*) 1.350Can. Thọ Bát Quan Trai chùa Từ Ân (*) 430Can. Phật Tử chùa Từ Ân (*) 250Can. Trần Thị Hương (*) 100Can. Tâm Hải (*) 100Can. Lâm Cúc (*) 200Can. Liên + Thiện Huê (*) 200Can. Trần Văn Đức (*) 50Can. Trần Thị Ba (*) 20Can. Nguyễn Lễ (*) 20Can. Anh Minh (*) 40Can. Hòa (*) 20Can. Chiến (*) 20Can. Châu Ngọc Mai (*) 20Can. Lê Thị Anh Vân (*) 20Can. Lê Thị Anh Thư (*) 20Can. Diệu Phát (*) 20Can. Đặng Đông Mỹ (*) 40Can. Nhâm (*) 10Can. Hàm (*) 10Can. Ấn danh (*) 5Can. Vũ Kim Lan (*) 20Can. Trưởng Văn Hoàn (*) 20Can. Trần Thị Liên (*) 20Can. Trần Thị Khánh (*) 10Can. Diệu Phước (*) 10Can. Lê Thị Phúc (*) 10Can. Diệu An (*) 10Can. Trần Hồng Vân (*) 10Can. Trà (*) 10Can. Thọ (*) 5Can. Đào Thị Út (*) 20Can. Phúc - Lan (*) 50Can. Nam Dung (*) 20Can. Nguyễn Hữu Thịnh (*) 20Can. Diễm Lệ (*) 20Can. Diệu Phương (*) 20Can. Nguyễn Hữu Lưu (*) 50Can. Lê Thị Bạch Nga (*) 20Can. Minh (*) 10Can. Phan Văn Hiếu (*) 20Can. Quang (*) 10Can. Hầu (*) 20Can. Diệu Pháp (*) 20Can. Tịnh Niệm (*) 20Can. Thọ Bát Quan Trai (*) 90Can. Cô Tâm Khương (*) 40Can. Trâm (*) 10Can. ĐH Đoàn + Ấn danh (*) 100Can. Thiện Tâm (*) 40Can. Diệu Nghĩa (*) 50Can. Nguyễn Thị Kim (*) 100Can. Trưởng Thị Xí (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Hải Sơn (Wilhelmshaven) 800DM, HHL YT Nguyễn Thành Long + Nguyễn Thanh Vũ. Trần An Phi (Frankfurt) 20DM. Phạm Thị Ngọc Nga (Aschaffenburg) 100DM. Đặng Văn Phú (Mühlheim) 100DM. Hà Văn Hưng 300DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 100DM. Dương Ngọc Trung 50DM. Đỗ Thị Thu Hà 55DM. Phạm Thị Yến 50DM. Đặng Nam An 30DM. Trần Tấn Tiến 20DM. Nguyễn Thế Thạch (Bad Kreuznach) 20DM. Nguyễn Đức Thanh Long (Oberhausen) 200DM. Đỗ Thị Thao Lê Phan (Essen) 200DM. Trần Thị Kim Lê 100DM. Vũ Thị Kim Oanh (Quirnbach) 30DM. Phạm Thị Hồng Hạnh (Löbau) 20DM. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 200FF. Trần Thị Cẩm Tú (*) 300FF + 225DM. Thị Phước + Thị Hạnh (USA) 100US. GĐĐH Nguyễn Công Khởi (Gütersloh) 1.000DM, HHL ĐH Nguyễn Thanh Quang tuần 49 ngày. Huỳnh Ngọc Minh (Hòa Lan) 50Guld. Trần Minh Tuấn (Göttingen) 10DM. Mai Hồng Tuấn 40DM. Phạm Thị Bích Liên (Sonderhausen) 200DM. Trưởng Ngọc Nga 10DM. Fam. Luân 10DM. Trưởng Thị Hương (D'dorf) 20DM. Hoàng Ngọc Hoa 50DM. Vương Văn Be (Leverkusen) 50DM. Gđ. Nguyễn Anh Phượng (Hannover) 20DM. Phùng Thu Hằng 20DM. Lâm Bửu Trần (Albstadt) 50DM. Tô Ngọc Sang 80DM. Fam. Tran 160DM. Gđ. Lê Văn Tuấn (Luckenwalde) 30DM. Nguyễn Thị Thủy (*) 60DM. Đào Quốc Chiến (*)

20DM. Gđ. Huỳnh Hữu Hạnh 50DM. Bùi Thiện Sơn (Brome) 10DM. Gđ. Trần Thanh Chi 200DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Thị T. Thủy 10DM. Phạm Hữu Đức (Schronbach) 20DM. Chong Si Muoi (Osnabrück) 50DM, HHHH ĐH Dong Ky Phướng. Chong Sy (*) 50DM, HHHH ĐH Chan, Chong Kim Liên. Trần Thị Nhật Hùng (Suisse) 50FS. Trưởng Chien Khai (Bỉ) 100DM. Lê Thị Lan (Hannover) 100DM. Lý Quốc Thái (*) 10DM: Fam. Teickner (Langenhagen) 10DM. Thiện Hào (*) 20DM. Quách Mỹ Trân (Wallenhorst) 50DM. Tsang (Rietberg) 100DM. Trần Thị Chung (Löbau) 20DM. Lê Văn Lo (Pháp) 50FF. Lê Thị Tuyết (Áo) 200Schl. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Thị Cúc (*) 100Guld. Võ Thị Lập (*) 100Guld. Trình Khoa Đẩu (*) 100DM. Hoàng Nguyễn Ngân (*) 10DM. Dương Văn Út (Bad Beuthem) 300DM, HHHH ĐH Nguyễn Thị Ngọc Hoàng. David & Mỹ Lê (USA) 50US. Nguyễn Phước Trường (Pháp) 100US. Mai Ngọc Đào (USA) 100US. Diệu Mỹ (*) 50US. Malsuda Kén (Nhật) 50US. Trần Văn Hiền 50DM. Nguyễn Bá Tiến (Großenkneten) 50DM. Đặng Lê Chi (Mannheim) 30DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 100DM. Bistum Hildesheim 275DM. Lê Minh Noi (Fürstenfeldbrück) 50DM. Wittingen 100DM. Phạm Ngọc Hoàng (Berlin) 40DM. Đinh Văn Lý (Mainz) 100DM. Đông Trí (Lünen) 50DM. Nguyễn Roanh (*) 100DM. Thái Tân 10DM. Vũ Quốc Dũng (Oberusel) 20DM. Vũ Đức Thắng (BS) 100DM. N.H. Việt (Peine) 10DM. Catalena 10DM. Lilly 10DM. Nguyễn Hồng Loan (Sehude) 20DM. Lê Hải Ngọc (Hannover) 10DM. Quách Đình Hoa (*) 300DM, HHHH ĐH Quách Tông Lâm. Minh Thanh + Minh Hải 20DM. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. Trình Trọng Hiếu (Emden) 100DM. Ngọc Liên (Grevenbroich) 10DM. Phan Thị Bình Phướng (Berlin) 120DM. Güntir Haefelde (*) 100DM. Mạnh Thắng + Trần Thị Thu 200DM. Phú Thọ Lộc 50DM. Trần Tân Tuấn 20DM. Nguyễn Hùng Việt (Recklinghausen) 20DM. Lê Anh Dũng (Cloppenburg) 30DM. Lê Phan (Essen) 200DM. Châu Thị Tâm (Koblenz) 40DM. Nguyễn Đức Thọ (Saarbrücken) 20DM. La Văn Thắng (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thị Hồng (Suisse) 100DM. Hồ Thị Bích Phướng (Schwaebisch Hall) 30DM. Nguyễn Catherine (Pháp) 200FF. Lê Văn Báo (Freiburg) 100DM. Đào Thúy Phướng (*) 50DM. Phùng Thị Quảng (*) 20DM. Nguyễn Thị Tú (*) 50DM. Quách Thu Anh (*) 20DM. Võ Ngọc Hùng (*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmindigen) 20DM. Trần Chí Lý (*) 50DM. Nguyễn Văn Long (*) 50DM. Trần Thị Mạnh (March Hugstetten) 30DM. Hứa Thị Đoan (Hanaberg) 30DM. Bùi Thị Kim Oanh 20DM. Phạm Duy Bình 10DM. Nguyễn Việt Đức (Salzgitter) 2DM. Lê Thanh Hà (*) 10DM. Lê Văn Anh (Bremen) 40DM. Trần Văn Sang (Bielefeld) 100DM. Parichart (*) 20DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 10DM. Trử Cổ Hùng (BS) 30DM. Đặng Trúc Nhân (*) 30DM. Vũ Thị Hợp (Usingen) 50DM. Lê Tuấn Anh (Vepker) 20DM. Lê Nguyễn Hồng 20DM. Jasmin Garten 50DM. Lý Quốc Thái 20DM. Lý Tam (Hildesheim) 10DM. He Gon Ji 50DM. Trần Ngọc Thắng (Leipzig) 10DM. Phạm Quang Sơn (*) 10DM. Tạ Quang Huy (Harpstadt) 20DM. Tạ Mạnh Hùng (Hamburg) 20DM. Trần Đoàn Thành (Đan Mạch) 200Kr. Vũ Văn Giang (Halle) 10DM. Phạm Thị Kim Thoa (Garbsen) 10DM. Sunee Leon Thong (Petershagen) 10DM. Chí Anh 20DM. Lê Hồng Sơn (Hameln) 50DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 20DM. Ấn danh (Münster) 60DM. Trưởng Giang (*) 50DM. Lê Y Thuận (*) 20DM. Lê Văn Tú (*) 20DM. Nguyễn (*) 30DM. Vũ (*) 50DM. Hồ Công Trình (*) 50DM. Đỗ Thị Đẹp (*) 50DM. Trần Văn Biểu (*) 20DM. Nguyễn Thị Thế (*) 50DM. Lâm Thị Đạo (*) 150DM. Châu Ái Hường (*) 100DM. Ngô Thị Nhị (*) 30DM. Ngô Trường Phát (*) 20DM. Má, Trưởng Giang (*) 50DM. Dr. Hồ Hữu Vện (*) 200DM. Chi Hội Phật Tử & GDPT Minh Hải (Norddeich) 760DM. Nguyễn Thị Phi (Münster) 100DM.

Nguyễn Thị Mỹ Dung (*) 200DM. Gđ. Nguyễn Thế Dũng (*) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Thế Dũng. Đặng Văn Ty (Freiburg) 50DM.

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Lâm Thị Cúc (Bochum) 20DM. Lương Thị Búp (*) 30DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 20DM. Thái Grieves (USA) 30US. Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Thiện Như Võ Văn Hùng (*) 50DM. Nguyễn Thu Hiền (Filderstadt) 50DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Trần Ngọc Diệp (Essen) 20DM. Đại Đức Thích Minh Nhân (Úc) 50Úc kim. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 50DM. Lê Thị Minh Hiền (Köthen) 10DM. Đồng Thị Gái (Ulm Wiblingen) 30DM. Trần Minh Cú (Bielefeld) 20DM. Phan Văn Phát (M'Gladbach) 50DM. Lê Kim Hường (Villingen) 50DM. Lê Thị Loan (Áo) 13,29DM. Tô Thân Hoa (Berlin) 50DM. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 200DM. Phan Ngọc Bình (Dietsenhafen) 20DM. Lê Thừa Nghiệp (Nürnberg) 30DM. Đặng Như Nam (*) 30DM. Vương Ngọc Liên (Grevenbroich) 20DM. Trần Thị Năm (Strensdorf) 20DM. Meme Guyot Nguyễn (Pháp) 300FF. Uyên Như (Canada) 22Can. Lê Thị Bạch Nga (*) 20Can. Trần Văn Nhung (*) 20Can. Chùa Từ Ân (*) 50Can. Nguyễn Văn Nhung (Laatzen) 50DM. Hứa Mỹ Hiền (D'dorf) 20DM. Lê Việt Hòa (Hòa Lan) 356Guld. Vũ Thị Kim Hường (Berlin) 20DM. Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Văn Thiện (Köln) 30DM. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (BS) 30DM. Đinh Văn Trám (Wiesbaden) 30DM. Nguyễn Ngọc Châu (*) 30DM. Đỗ Thị Cẩm (*) 50DM. Ngô Thanh Cát (*) 50DM. Nguyễn Lệ Xuân (Ludwigshafen) 20DM. Phan Hùng Cường (Hòa Lan) 50Guld. Trương Tấn Nhi (Köln) 20DM. Phạm Thị Sướng (Rottenburg) 20DM. Giác An (Hamm) 50DM. Nguyễn Thị Lua (Dreieich) 30DM. Nguyễn Thị Ngọc Tuyết (Kaiserslautern) 20DM. Văn Công Tuấn (Börusen) 100DM. Phạm Nguyễn Ngọc Dung (Bad Münster) 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Trần Thị Kim Lan (*) 30DM. Trương Văn Hà (Bad Oeynhausien) 20DM. Trần Thị Hồng (B.Schwartau) 20DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 35Guld. Nguyễn Khôi (München) 50DM. Lê Văn Đông (Lampertheim) 20DM. Phạm Văn Út (Ý) 20.000Lire. Ngô Thanh Nhân (Kreuztal) 20DM. Thu Thảo Romann (Osnabrück) 30DM. Đoàn Minh Thủy (Peine) 30DM. Phan Việt Cường (Bitburg) 20DM. Trần Thanh Sang (Gütersloh) 20DM. Phạm Hoài Trang (Irrel) 20DM. Phùng Văn Sơn (Oldenburg) 100DM. Hue Wollenberg (Werne) 20DM. Hà Hiếu Thanh (Đan Mạch) 100Kr. Dương Quốc Bảo (Seevetal) 50DM. Lê Thị Kim Ngọc (Hamburg) 20DM. Bùi Dong Dung (Hòa Lan) 10DM. Quách Bích Liên (Stockelsdorf) 20DM. Lâm Châu Quan (Berlin) 20DM. Dương Văn Mạnh (Peine) 50DM. Trần Kim Nhi (Pforzheim) 20DM. Huỳnh Anh Võ (Ludwigshafen) 50DM. Hoàng Sơn (Aschaffenburg) 100DM. Đoàn Văn Minh (Freiburg) 20DM. Lê Thị Bạch Nga (Essingen) 10DM. T. Hiền Heuser (Berghausen) 20DM. Nguyễn Thị Hoa (Wolfenbüttel) 100DM. Phướng Thế Ngọc (Đan Mạch) 100Kr. Báo Tuổi Trẻ - Hội Thanh Niên Thiện Nguyễn (Peine) 50DM. Nguyễn Công Khai (Cham) 30DM. Trần Văn Canh (Viersen) 50DM. Phan Thị Minh Nguyệt (München) 30DM. Nguyễn Thị Lan (*) 30DM. Nguyễn Ngọc Minh (*) 40DM. Trần Kiên Giang (Neustadt/W) 50DM. Lê Quang Định (Vechta) 20DM. Lữ Quốc Thọ (Hamburg) 20DM. Bùi Hữu Đạo (Pháp) 200FF. Từ Thị Quế (*) 200FF. Tâm Lệ (*) 200FF. ủng hộ sách Vũ Ngọc Long. Trần Thị Phướng Mai (Lörrach) 50DM. Thiện Đức (Laatzen) 40DM. Ngô Ái (Essen) 100DM. Gđ. Dương Văn Phướng (*) 30DM. Nguyễn (M'Gladbach) 30DM. Ngô Thị Kiều (Úc) 20Úc kim. Diệu Lê (Canada) 60Can. Minh Tâm + Chí Nghĩa (*) 20Can. Phạm Văn Thủ (*) 60Can. Thiện Sanh, Thiện Liên, Thiện Huệ (*) 100Can. Dương Văn Bé 10DM.

Dương Ngọc Trung 50DM. Nguyễn Thị Hoa 50DM. Phạm Ngọc Sơn 20DM. Phạm Thị Yên 50DM. Võ Thị Lệ Hoa (Pb.Elsen) 20DM. Nguyễn Thế Thạc (Bad Kreuznach) 30DM. Lê Anh Dũng (Cloppenburg) 30DM. Nguyễn Thị Thịnh (Heubach) 50DM. Trần Thị Kim Lê 50DM. Vũ Thị Kim Oanh (Quirnbach) 20DM. Phan Văn Công (M'G) 20DM. Phạm Tâm (Áo) 20DM. Trần Quang Hùng (Ý) 20.000Lire. Châu Trần Khanh (*) 20.000Lire. Trần Thị Hiền (Köln) 30DM. Lê Văn Hóa (Nordhausen) 30DM. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 100FF. Huỳnh Tiên K. Phong (*) 300FF. Trưởng Nguyễn (*) 100FF. Võ Vĩnh Hoa (*) 200FF. Nguyễn Hoàng Lý (*) 100FF. Phạm (*) 200FF. Thị Phước + Thị Hạnh (USA) 20US. Vương Văn Be (Leverkusen) 50DM. Phan Văn Lai (Neu Anspach) 20DM. Huỳnh Thị Hồng Nhung (Soilingen) 20DM. Lê Văn Báo (Đan Mạch) 30DM. Hồ Thị Hạnh (Hiddenhausen) 40DM. Lê Quốc Hưng (Sweden) 200Kr. Nguyễn Việt Hải (Peine) 30DM. Trưởng Quan Phúc (Mosschheim) 20DM. Lâm Văn Hoa (Bỉ) 20DM. Vũ Ngọc Hạnh (Nürnberg) 20DM. Manfred Heinke (Neustadt) 50DM. Lý Khắc Châu (Leer) 100DM. Casanova Thailan (Suisse) 20FS. Nguyễn Văn Đông (Eltmann) 20DM. Lưu Nguyệt Anh (Đan Mạch) 200Kr. Huỳnh Thanh Tâm (Stuttgart) 30DM. Đỗ Đình Thẩm (*) 50DM. Lê Thị Tuyết (Áo) 300Schl. La Hùng Linh (*) 200Schl. Phướng Hà (Bỉ) 50DM. Đỗ Thị Bích Chấn (Münster) 20DM. Võ Hồng Sơn (Frankfurt) 50DM. Tạ Thị Ngọc Dung (Bensheim) 10DM. Đinh Đức Thắng (Weingarten) 50DM. Ngô Kiều Oanh 100DM. Liên + Tâm (Gehrden) 20DM. Nguyễn Chí Thành (Halle) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (Peipzig) 20DM. Võ Thị Thu Thủy (Eugen) 20DM. Nguyễn Duy Tân (Berlin) 100DM. Detlev Doan 100DM. Nguyễn Quốc Ân (Suisse) 50DM. Đào Bá Hùng 20DM. Hồ Hoàng Tâm (Krefeld) 20DM. Lê Thị Thủy (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Triệu Học Thanh (Regensburg) 50DM. Đặng Văn Trúc (Sailauf) 20DM. Lê Thị Hoa (Filderstadt) 30DM. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 20DM. La Văn Thắng (Nordhorn) 50DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (Spaichingen) 50DM. Hồ Thị Bích Phướng (Schwaebisch Hall) 20DM. Kiều Phướng Lê (Suisse) 50DM, HH đến ĐH Lê Thị Thao. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Đinh Trọng Nghĩa (*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmindigen) 20DM. Trần Tú Kinh (*) 20DM. Nguyễn Văn Anh (Pháp) 200FF. Ngô Mỹ Dung (Krefeld) 20DM. Hồ Công Trình (Münster) 30DM. Nguyễn Thị Thế (*) 20DM.

• RẪM THÁNG MƯỜI

ĐH. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 10DM. Trưởng Bạc (Albstadt) 30DM. Lý Ất (Seevetal) 20DM. Phùng Văn Thanh 60DM. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 100FF. Nguyễn Duy Tân (Berlin) 100DM.-

• CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Bùi Như Sơn (M'Gladbach) 100DM.

• TRẠI CÙI, MÙ. CÔ NHI VIỆN, VIỆN DƯỠNG LÃO

ĐH. Nguyễn Viễn Phướng (Koblenz) 100DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 10DM. Trần Thị Duối (Reutlingen) 50DM. Đoàn Văn Minh (Freiburg) 50DM. Bùi Như Sơn (M'Gladbach) 100DM. Nguyễn Ngọc Tâm (Pb.Elsen) 300DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100Guld. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 100FF. Đào Hàng Báo Hiền, Đào Hàng Hải, Đào Hàng Dina (Rhein) 180DM. Dương Ngọc Liên (Grevenbroich) 10DM. Casanova Thailan (Suisse) 50DM. Đỗ Thị Bích Chấn (Münster) 15DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 75Guld. Võ Ngọc Sơn 100DM. Liên + Tâm (Gehrden) 50DM. Nguyễn Duy Tân (Berlin) 100DM. Vũ Quốc Dung (Ofersheim)

50DM. Nhóm Trẻ Hy Vọng (Aachen) 2.700DM. Nguyễn Tử Kinh 10DM. Lê Kim Trang (Köln) 20DM.

• NẠN ĐÓI VIỆT NAM & TRẠI CÙI SÓC TRẮNG

ĐH. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM.

• TRẠI TỰ NẠN

ĐH. Nguyễn Thanh Quang (Berlin) 20DM. Ấn danh 50DM. Casanova Thailan (Suisse) 60FS. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld.

• THIÊN TAI BẢO LỤT VIỆT NAM

ĐH. Casanova Thailan (Suisse) 50FS. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 150DM.

• GIÚP NGƯỜI NGHÈO ẤN ĐỘ

ĐH. Trình Trọng Hiếu (Emden) 100DM. Trình Thu Anh (München) 100DM. Tô Vĩnh Hòa (Marienhufe) 1.000DM.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM & HẢI NGOẠI

ĐH. Trần Thị 100DM. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 100DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 200DM. Chi Hội Phật Tử VNTN (Berlin) 5.000DM. Trình Trọng Hiếu (Emden) 200DM. Nguyễn Văn Đồng (Freiburg) 100DM.

- Danh sách những Đạo Hữu Cúng Dưỡng Quỹ Học Bổng Tặng Ni trong và ngoài nước trong tháng 11.96 của Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim và VPC: Nguyễn Hữu Nguyễn Thị Tất (Pháp) 200FF. Diệu Ngọc Kim Chi (*) 100FF. Đặng Thị Bình (Suisse) 75DM. Nguyễn Thị Ân (Hamburg) 60DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 200DM. CHPT Frankfurt, Aschaffenburg, Wiesbaden 1.000DM. Chủ Thiện Hà (Chùa Viên Giác) 50DM. Diệu Hạnh Nguyễn Ngọc Diệp (Darmsadt) 500DM. Thiện Lộc Nguyễn Thanh Tùng (Mannheim) 50DM. Tổng Cộng = 2020,40DM đã được chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg ngày 14.11.1996.

- Danh sách Phật Tử Cúng Dưỡng Quỹ Hỗ Trợ Học Bổng Tặng Ni của Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC (số kết đến ngày 16.12.1996): Gđ. Đặng Ngọc Trân (Belzingen) 1.000DM. Hoàng Đôn Trình (Tübingen) 100DM. Trần Xuân Hiền (*) 100DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 200DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 50DM. Đỗ Văn Nho (*) 50DM. Vương Vũ Thủy (Lichtenstein) 100DM. Quách Kim Lê (*) 50DM. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 115DM. Nguyễn Thị Tú (*) 80DM. Đỗ Hoàng Ân (*) 50DM. Văn Hồng Đức (*) 20DM. Văn Hồng Bửu (*) 20DM. Dư Xuân Vinh (*) 20DM. Trần Hòa Lê (*) 10DM. Đỗ Chánh Dân (*) 200DM. Đỗ Thất Liêm (*) 20DM. Đỗ Lệ Xuân (*) 20DM. Hứa Xuân Vinh (*) 300DM. Trần Thúc Hiền (*) 50DM. Đỗ Xuất Lễ (*) 100DM. Tổng Cộng = 2.655DM (Đã chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg ngày 16.12.1996).

• ẤN TỔNG

Chủ Thiện Hà (Hannover) 450DM. Tâm Lượng (Frankfurt) 100DM. Lâm Vinh Phong (Schweinfurt) 10DM. Trần Văn Nhung (Canada) 100Can, HHHL ĐH Trần Minh Thiệm Pd Nhật Kế. Nguyễn Công

Cường (Wilhelmshaven) 40DM. GĐĐH Ha, ĐH. Bà Phúc GĐĐH Ngô Thế Chụ, ĐH. Ngô Văn Quý (Canada) 700Can. Diệu Thanh + Diệu Quyết (*) 60Can. Trần An Phi (Frankfurt) 20DM. Mai Ngọc Đào (USA) 100US. Lí Thúy Phượng (Pforzheim) 200DM.

• Kinh Pháp Hoa

ĐH. Nguyễn Thị Nguyệt (Villingen) 200DM, Huỳnh Thị Kết (*) 50DM. Ngô Thị Kiều (Úc) 40Úc kim.

• Kinh Dược Sư

ĐH. Đồng Sĩ Tuấn (Sigmaringen) 100DM. Vương Thị Hàng (Rhein) 50DM. Lê Huê + Trần Thị Diệu Hoa (Ravensburg) 300DM.

• Kinh Địa Tang

ĐH. Nguyễn Lệ Xuân (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Viên Phượng (Koblenz) 200DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Kinh. Nguyễn Viên Phượng (*) 200DM, HH Phật Tử Nguyễn Duy Trung và Nguyễn Đức Tùng.

• Kinh Thủy Sám

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100Guld.

• Bach Y Thần Chú

ĐH. Nguyễn Thị Đức (Ingolstadt) 120DM. Nguyễn Văn Phát (Suisse) 584,45DM. Lý Cẩm Hà (Bremen) 600DM (BYTC & kinh Pháp Bảo Đàn).

• XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Ngô Thanh Cát (Wiesbaden) 50DM. Trần Thị Kim Lan (Hannover) 20DM. Gđ. Đàm Duy Sơn (Wilhelmshaven) 30DM. Đoàn Văn Minh (Freiburg) 30DM. T. Hiền Heuser (Berghausen) 10DM. Nguyễn Evelynne (Pháp) 58,14DM. Gđ. Đỗ A Sui (Essen) 50DM. Gđ. Đường Xào Ying (*) 20DM. Lương Minh Huy (München) 3.000DM chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang. Đàm Thị Diệu Dung (Canada) 200Can. Dương Ngọc Trung 100DM. Nguyễn Thị Hoa 100DM. Dương Ngọc Liên (Grevenbroich) 10DM. Gđ. Thị Chánh (Laatzen) 50DM. Casanova Thailan (Suisse) 20FS. Đặng Lệ Chi (Mannheim) 30DM. Liên + Tân (Gehrden) 60DM. Lê Thị Thủy (Stuttgart) 50DM. Trần Tú Kinh 10DM. Nguyễn Chí 100DM.

• VU LAN

ĐH. Ngô Lãnh Yến (Pháp) 200FF. Lâm Thị Hồng Đào (*) 100FF. Đinh Thị Bền (*) 200FF.

• MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 120DM, HHHL ĐH Diệp Thị Ba. Nguyễn Thị Phượng 240DM (Nguyễn Văn Chế và Tử Thị Phấn). Nguyễn Hiệp (Mannheim) 120DM. Trần Thị Vĩnh (*) 120DM. Martine Fernholz (Hannover) 120DM. Lê Văn Bảo (Đan Mạch) 130DM. Nguyễn Thị Phượng (*) 120DM. Đào Hàng Bảo Hiền, Đào Hàng Hải, Đào Hàng Dina (Rhein) 120DM. Frau Pfarr (Hannover) 150DM. Herr Paulig (*) 150DM.

• TƯỢNG THÍCH CA

ĐH. Nguyễn Thị Hào (Herne) 10DM.

• TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Trần Kim Nhi (Pforzheim) 10DM. Đào Thiện Mẫn (Hannover) 10DM. Vương Thị Hàng (Rhein) 50DM. Đào Hàng Bảo Hi ền, Đào Hàng

Hải, Đào Hàng Dina (Rhein) 50DM. Đỗ Thị Bích Chấn (Münster) 5DM.

• PHẬT A DI ĐÀ

ĐH. Lưu Nguyệt Anh (Đan Mạch) 300Kr.

• QUỸ ỦNG HỘ MÁY IN

ĐH. Trần Kim Nhi (Pforzheim) 10DM. Thị Phước + Thị Hạnh (USA) 30US. Chong Tac Vo (Osnabrück) 50DM.

• TRAI TẶNG

ĐH. Tạ Thị Ngọc Dung (Bensheim) 20DM.

• QUỸ GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

ĐH. Nguyễn Quốc Ân (Suisse) 100DM.

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (*Verwendungsweck = mục đích cho việc gì*) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dưỡng định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bảng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh.
Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 70
Deutsche Bank HANNOVER.
(Mỗi ngày Ngân Hàng báo một lần)

2. Pagode VIEN GIAC
Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng Ngân Hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau buồn báo tin Chồng, Cha, Chú, Cậu, Ông Nội và Ông Ngoại chúng tôi là:

CỤ NGUYỄN VĂN MINH

sinh ngày 01 tháng 9 năm 1922, nhằm ngày mùng 10 tháng 5 Quý Hợi. Đã thất lạc ngày 24 tháng 11 năm 1996, nhằm ngày 13 tháng 10 Bính Tý tại Bà Linh.
Hưởng thọ 74 tuổi.

Tang lễ cử hành ngày 05 tháng 12 năm 1996, nhằm ngày 25 tháng 10 Bính Tý tại Nghĩa trang Gericht Str.37 Wedding Berlin.

Tang gia đồng khắp báo, đồng thời chúng con xin thành kính đánh lễ tri ân:

- Thượng Toạ Thích Trí Minh, Viện chủ chùa Khuông Việt Na Uy.
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Trụ Trì chùa Bảo Quang Ni Tự.
- Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức Quốc.
- Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN tại Âu Châu.
- Các GDPT VN tại Đức Quốc
- Chi Hội Phật Tử Bà Linh, GDPT Chánh Niệm tại Niệm Phật Đường Linh Thửu.
- Quý Đoàn thể, Tổ chức tại Bà Linh, quý Cô, Bác, Anh, Chị bằng hữu xa gần đã hướng dẫn, giúp đỡ, hộ niệm, cầu siêu, điện thoại, viết thư, phúng điệu, phân ưu và tiễn đưa Chồng, Cha, Chú, Cậu, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm tình hỷ xả.

Tang gia đồng báo tạ.
Bà quả phụ Trịnh Ngọc Dung
Các con, cháu và các cháu nội, ngoại.

* Các con Trai:

- Nguyễn Hữu Phước
- Nguyễn Hữu Lộc PD Thị Hiện
- Nguyễn Ngọc Thọ PD Quảng Lộc
- Nguyễn Hữu Bình
- Nguyễn Hữu Hòa

* Các con Gái:

- Nguyễn Thị Thanh Thủy
- Tôn Nguyễn Thị Thu Mỹ
- Nguyễn Thị Ngọc Nga
- Nguyễn Thị Ngọc Anh

* Con Dâu:

- Nguyễn Thị Phúc
- Nguyễn Thị Hội PD Thị Trí

* Con Rể:

- Nguyễn Văn Nhiều
- Nguyễn Văn Cường
- Tôn Thất Luyện
- Nguyễn Văn Quang

* Các Cháu:

- Nguyễn Thường Lai
- Nguyễn Thị Tiếp

* Cháu Nội:

- Nguyễn Thị Thu Hiền - Thiện Hậu
- Nguyễn Hữu Đức - Thiện Giới

* Cháu Ngoại:

- Nguyễn Thị Hải Âu
- Nguyễn Hải Đăng
- Nguyễn Thanh Dũng
- Nguyễn Thanh Hùng
- Nguyễn Thị Kim Chi
- Tôn Nữ Thanh Mai
- Tôn Nữ Xuân Lan
- Tôn Nữ Mỹ An
- Nguyễn Tường Vi
- Nguyễn Thanh Vũ

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin buồn cùng thân quyến, bạn hữu của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi là:

ÔNG TRẦN THANH CƯỜNG (Viễn Thành)

tạ thế hồi 15.30 giờ ngày 18.11.1996, tức ngày mùng Tám tháng Chạp năm Bính Tý, tại Marburg.
Hưởng thọ 73 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 12.00 giờ ngày 25.11.1996 tại nghĩa trang Stadtlendorf, Tiểu Bang Hessen, Đức Quốc.

- Tang gia đồng khắp báo
- Bà Quả phụ Lưu Hương
 - Trường nam Duyệt-Sanh, vợ Đặng Ái Mai và các con.
 - Thủ nam Duyệt-Thái, vợ Lâm Thục Linh và các con.
 - Thủ nam Duyệt-Sướng, vợ Tăng Tiểu Phụng và các con.
 - Thủ nam Duyệt-Hiền.
 - Thủ nam Duyệt-Khánh và vợ Khuu Mỹ Tuyết.
 - Trường Nữ Ngọc-Anh
 - Thủ nữ Ngọc-Nga, chồng Nhã Hòa và con.
 - Thủ nữ Ngọc-Liên.

ĐỒNG THỜI GIA ĐÌNH CHÚNG TÔI CHÂN THÀNH CẢM TẠ

- Sa Di Thích Hạnh Vân, chùa Viên Giác Hannover.
- Gđ. Ngô Quế Chi Braunschweig
- Gđ. Dương Cẩm Mậu Delmenhorst.
- Gđ. Trương Vĩ, Trương Kim Anh, Trương Mai Quế Rotenburg.
- Gđ. Tạ Khánh, Tạ Sinh, Trần Thị Đông Hương Rotenburg.
- Gđ. Lý Chấn Lợi, Lý Lệ Nga, Lý Lệ Liên Hannover.
- Gđ. Lai Thế Phao Hamburg
- Gđ. Tầng China Restaurant Pu Yi Winzen
- Gđ. Thuận Nguyễn, Nguyễn Minh Thường Việt Nam
- Gđ. Tăng Thái, Văn Cách Meppen
- Gđ. Lâm Hải, Lâm Thu Sâm. L. Cẩm Toàn, L. Cẩm Hamburg Stade
- Gđ. Trần Xiêu Chi, La Hán Homberg
- Gđ. Khuu Nhân, La Khương Minh Nienburg
- Gđ. Trần Minh, Hầu Kim Long Lübeck
- Gđ. Lý Khắc Châu Leer
- Gđ. Huê Húng Hannover Nuenberg
- Gđ. Lý Bình Hiền, Trần Thái Minh, Tạ Xuân Vinh, Hà Long, Ngô Sang Thuần.

Cùng quý thông gia, quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã tụng kinh cầu nguyện, cầu siêu, phân ưu, phúng điệu hoa và tiễn đưa linh cữu Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình thông cảm.

Đại diện gia đình
Vợ: Bà Quả Phụ Lưu Hương
Các con và các Cháu

Tang gia đồng báo tạ

CHIA BUỒN

Rất đau lòng khi được tin thân phụ của Anh Trần Duyệt Thái

CỤ ÔNG TRẦN THÀNH CƯỜNG

vừa tạ thế ngày 18.11.1996 tại Marburg (Đức Quốc).

Hưởng thọ 73 tuổi.

Xin chia buồn cùng gia đình Anh Thái, nguyện cầu hướng linh Cụ Ông thành thối nơi Cực Lạc.

Nguyễn Thanh Hương

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

CỤ ÔNG NGUYỄN VĂN MINH

Tử trần ngày 24.11.1996 tại Berlin, Đức Quốc.

Hưởng thọ 74 tuổi

thân phụ của ĐH. Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc, Chi Hội Trưởng Chi Hội PTNTN tại Berlin, Trưởng Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Đức.

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng gia quyến và nguyện cầu hướng linh Cụ Ông sớm liêu diếu miền Cực Lạc.

- Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTNTN tại Âu Châu
- Hội Phật Tử VNTN và các Chi Hội PTNTN tại các địa phương
- Ban Hướng Dẫn GDPTVN và các GDPTVN tại Đức.

PHÂN ƯU

Được tin:

Cụ Ông TRẦN QUỠI THIÊN vừa tử trần tại Pháp.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng gia quyến và nguyện cầu hướng linh Cụ Ông sớm về miền Cực Lạc.

- Cô Hạnh Niệm, chùa Viên Giác Hannover (Đức Quốc)
- Gđ. Phạm Đăng Túy Hương, Kassel (Đức Quốc).

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân mẫu của nhà văn Nguyễn Tấn Húng là

CỤ BÀ NGUYỄN VĂN SỎI Nhũ danh VÕ THỊ TRANG

đã tử trần ngày 24.10.1996 tại Mỹ Tho, Định Tường, Việt Nam.

Hưởng thọ: 82 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng gia đình anh Nguyễn Tấn Húng và tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện cho hướng linh Cụ Bà sớm được siêu thăng Tịnh Độ.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác
- Gđ. Phú Văn - Vũ Nam

PHÂN ƯU

Được tin:

CỤ BÀ ĐÀO THỊ TỬ Pháp danh ĐỨC CẨN

tử trần ngày 01.11.1996, nhằm ngày 21 tháng 9 năm Bính Tý, tại Essen, Đức Quốc.

Thượng thọ 91 tuổi.

là thân mẫu của các Anh Dương Văn Dũng, Dương Văn Phướng và các Chị Dương Thị Quy (Đức), Dương Thị Sâm, Dương Thị Thực (Pháp).

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng tang quyến, đồng thời xin nguyện cầu cho Hưởng linh Cụ Bà sớm được siêu thoát về miền Cực Lạc.

- LMDCVN/Khu Bộ Đức
- Gđ. Nguyễn Văn Thịnh/Essen
- Gđ. Bùi Như Sơn/M'Gladbach
- Gđ. Nguyễn Ích Hiền /Oberhausen.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ thân bằng quyến thuộc cùng bằng hữu xa gần đã thăm viếng, gởi hoa, thiệp, điện thư, điện thiệp và điện thoại đến chia buồn, cầu nguyện, cầu siêu... cho Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố Nội, Bà Cố Ngoại của chúng tôi là:

CỤ BÀ NGUYỄN VĂN SỎI Nhũ danh VÕ THỊ TRANG

đã tử trần vào lúc 7 giờ sáng ngày 24 tháng 10 năm 1996 (tức ngày 13 tháng 9 năm Bính Tý) tại Thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường, Việt Nam.

Thượng thọ 82 tuổi.

Tang gia đồng bái tạ:

- Trưởng nữ: Bà Nguyễn Thị Ba, chồng Võ Văn Khai và các con, cháu.
- Thứ nữ: Cô Nguyễn Thị Anh,
- Dâu trưởng: Bà Nguyễn Văn Tân, nhũ danh Lê Thị Ngay và các con, cháu.
- Thứ nam: Ông Nguyễn Tấn Hưng, vợ Phan Thị Hồng Lan và các con.
- Thứ nữ: Bà Nguyễn Phướng Lan, chồng Đỗ Văn Hách và các con.
- Thứ nữ: Bà Nguyễn Phướng Dung, chồng Tôn Thất Hiếu và con.
- Thứ nữ: Bà Nguyễn Phướng Hạnh, chồng Lê Phước Quý và con.
- Thứ nam: Ông Nguyễn Thế Hùng, vợ Huỳnh Thị Trần và các con.

CHIA BUỒN

Được tin buồn, thân sinh của Anh, Chị Nguyễn Ngọc Tuấn & Nguyễn Thị Thu Cúc, Ban Biên Tập Vietnam Forum (Hamburg), là:

Cụ Ông NGUYỄN VĂN KHƯỜNG Pháp danh Sumedno

đã tử trần ngày 10.11.1996 tức ngày 30 tháng 9 năm Bính Tý, tại Cali/Hoa Kỳ. Thượng thọ 85 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng anh chị TUẤN & CÚC, các cháu và gia đình tang quyến; đồng thời thành kính cầu nguyện cho hưởng linh Cụ Ông sớm được siêu thăng Tịnh Quốc.

- Thượng Tọa Trụ Trì và Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- Ni Sư, các Sư Cô và Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Bảo Quang Ni Tự, Hamburg, Đức Quốc.
- Ban Biên Tập Báo Viên Giác.
- Gđ. Phù Vân, Từ Ngọc Phong, Huỳnh Thoảng, Phạm Văn Thế, Phạm Văn Hóa, Phạm Trọng Nguyên, Nguyễn Hữu Huấn, Lê Xuân Hồng, Nguyễn Thị Đẹp.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa Mönchengladbach
- Quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã dành thì giờ quý báu đến tụng kinh, cầu nguyện, cầu siêu. Đến tận nhà hoặc điện thoại phân úu, an ủi, phúng điếu và tiễn đưa linh cữu của Vợ và Con, Má và Em, Chị và Cháu chúng tôi là:

TRANG THỊ NGUYỆT HỒNG & NGÔ NHẬT TIẾN

tử trần ngày 26.10.1996 nhằm ngày 15 tháng 9 Âm Lịch năm Bính Tý, tại Essen, Đức Quốc, đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm linh tha thứ cho.

Tang gia đồng cảm tạ:

- Chồng và Cha: Ngô Ái,
- Con và Anh: Vinh Phát - Chí Thành - Đăng Tài,
- Em và Di: Trang Thị Ngọc Hoa cùng chồng và con.

CẢM TẠ

Chúng con xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Viện chủ chùa Thiện Hòa Mönchengladbach, Đức Quốc
- Đại Đức Thích Minh Định, Viện chủ chùa Kim Sơn, Roubaix, Pháp Quốc.
- Sư Chủ chùa Kim Sơn & Thiện Hòa.
- Hội Phật Giáo Kim Sơn, Roubaix, Pháp Quốc
- Hội Phật Giáo Lào tại Vương Quốc Bỉ (Belgique)
- Ban Hộ Niệm chùa ThiệnHòa.
- Hội Thân Hữu Düsseldorf.
- Các thân bằng quyến thuộc, các bằng hữu cũng như các Đạo Hữu xa gần đã dành nhiều thì giờ quý báu, đến hộ niệm, cầu nguyện, điện thoại phân úu, an ủi, phúng điếu hoa, Thiệp và tiễn đưa linh cữu của Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố chúng tôi là:

Bà Quả Phụ ĐƯỜNG VĂN UÔNG Nhũ danh Đào Thị Tử Pháp danh Đức CẨN

mệnh chung ngày 01.11.1996 nhằm ngày 21 tháng 9 năm Bính Tý tại tỉnh Essen Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Thượng thọ 91 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, có nhiều điều sơ sót khó tránh khỏi, kính xin quý vị niệm linh lượng thứ.

Tang gia đồng cảm tạ:

- Trưởng nam: Đường Văn Dương, Vợ và các con.
- Thứ nam: Đường Văn Phướng, Vợ và các con
- Trưởng nữ: Đường Thị Sâm, các con và các cháu.
- Thứ nữ: Đường Thị Quy, Chồng và các con.
- Thứ nữ: Đường Thị Thực, Chồng, các con và các cháu.
- Dich tôn: Đường Ngọc Đức.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa: Cố Tổ, Nội Tổ Phụ, Ngoại Tổ Phụ và Cha của chúng tôi là:

Cụ Ông NGUYỄN VĂN NỮA Pháp danh THIÊN THỌ

Sinh năm 1914, Giáp Dần. Đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 20.8.1996 nhằm ngày mùng 7.tháng 7 Âm Lịch năm Bính Tý tại Laatzten, Hannover (Đức Quốc).

Thượng thọ 83 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 11 giờ ngày Thứ Năm 29.8.1996 tại Nhà Quảng Bápst, Hannover.

ĐỒNG THỜI CHÚNG CON XIN CHÂN THÀNH CẢM TẠ VÀ TRI ÂN CÔNG ĐỨC SẴU XA

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác
- Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Trụ trì chùa Quảng Hưởng, Đan Mạch.
- Chú liệt vị Đại Đức Tăng Ni chùa Viên Giác
- Đại Đức Thích Tâm Huệ, Thụy Điển.
- Ban Hộ Niệm và Hộ Trì chùa Viên Giác.
- Quý Bà Con, Cô Bác, Anh Chị Em bạn hữu gần xa đã dành nhiều thì giờ quý báu để đến thăm hỏi, chia buồn, cũng như chia buồn qua điện thoại và tiễn đưa linh cữu của Cố Tổ Phụ, Nội Tổ Phụ, Ngoại Tổ Phụ và Cha của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc Tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ suất và thiếu sót, kính mong Quý Thầy, Quý Vị niệm linh tha thứ và bỏ qua cho.

Tang gia đồng bái tạ:

Các con:

- Gđ. Nguyễn Văn Vinh
- Gđ. Nguyễn Thị Hiền
- Gđ. Nguyễn Văn Phú
- Gđ. Nguyễn Thị Hộ
- Gđ. Nguyễn Văn Tài
- Gđ. Nguyễn Văn Lợi
- Gđ. Nguyễn Văn Lộc
- Nguyễn Văn Nhung
- Gđ. Nguyễn Văn Ngọc
- Gđ. Nguyễn Ngọc Tuấn.

CẢM TẠ

Tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ Trì Chùa Thiện Hòa Mönchengladbach.
- Các Hội đoàn, Đoàn thể, thân bằng quyến thuộc, bằng hữu cũng như các Đạo Hữu xa gần đã dành thời giờ quý báu đến hộ niệm, cầu nguyện, điện thoại phân úu, phúng điếu và tiễn đưa linh cữu của Cha Nuôi tôi là:

ÔNG HUỲNH CHÍNH Pháp danh TRI HỘ

tử trần ngày 19.11.1996 tại Essen (Tây Đức).
Hưởng dương 57 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm linh tha thứ.

- Nghĩa nữ: Phan Đỗ Thị Thảo Lê

THÔNG DỊCH & PHIÊN DỊCH VIÊN HỮU THỂ

HỒ TRẦM, HANS-SOMMER - STR.25/322,
38106 BRAUNSCHWEIG TEL. 0531/344 299

- Nhận dịch các văn kiện, giấy tờ từ tiếng Đức sang tiếng Việt và ngược lại.
- Giá "đồng hương": Lệ phí cho mỗi tờ (như khai sinh, hôn thú, chứng nhận độc thân, bằng lái xe, bằng cấp, giấy cho nhập tịch ...) là 20 DM

DỊCH NHANH CHÓNG : TỐI ĐA 2 NGÀY

THÔNG DỊCH & PHIÊN DỊCH VIÊN HỮU THỂ

VŨ CHRISTOPHER STEVEN, HANS-PORNER-STR.4
38126 BRAUNSCHWEIG, TEL. & FAX: 0531 / 695806

- Nhiều năm kinh nghiệm, từng làm việc với các văn phòng luật sư, dịch thuật tại tòa án, cơ quan xét công nhận tị nạn, phòng hộ tịch, cảnh sát và các công sở khác.
- Nhận :
- Dịch thi lý thuyết lái xe tại Tüv, luật sư, tòa án, phòng hộ tịch, bệnh viện và các công sở khác.
- Phiên dịch các văn kiện giấy tờ Đức / Việt - Việt / Đức .
- (khai sinh, hôn thú, chứng nhận độc thân, bằng lái xe, bằng tốt nghiệp, giấy mai táng, hợp đồng, giấy tờ nhập tịch ...). Giá mỗi trang 20,- DM.
- Phiên dịch các tài liệu, văn bản kỹ thuật, từ ngữ chuyên môn các ngành, thư từ, bài văn, bài báo ... Lệ phí xin hỏi để biết cụ thể.
- Hoàn tất nhanh chóng trong ngày. Xin gửi kèm lệ phí trong thư thường. Chỉ cần phóng ảnh (xin ghi rõ các chữ bị mờ)
- Có bán tài liệu và câu hỏi thi lý thuyết lái xe. Giá 43 DM

HÙNG Video

NHẬN CHỤP HÌNH VÀ QUAY PHIM CÁC BUỔI LỄ



Tân Hôn - Sinh Nhật - Họp Bạn
Chúng tôi dùng Computer làm phim thêm linh động và hấp dẫn hơn.

Tel. : (07621) 64 802



MIVICO Handelsgesellschaft

Lehartstr. 9, 38442 Wolfsburg

Tel. : 05362 / 64708

MIVICO, Deutsche Bank Wolfsburg

Konto: 2154920, Blz: 26971038



Cổ quàn Tiết Dành Từ 1997

tặng thân nhân cho quý khách

- **CHUYỂN TIỀN** : về Đông Nam Á (chỉ có 5,-DM cho mỗi địa chỉ, vàng miễn phí, có thể nhận USD (2%),DM)
- **BẢO ĐẢM** : sẽ gửi giấy hồi báo, có chữ ký, ngày nhận, số tiền nhận của thân nhân quý vị.
- **UY TÍN, LỆ PHÍ THẤP** : Giảm giá cho quý vị gửi nhiều



- **BÁN VÉ MÁY BAY** đi Á, Âu, Úc, Mỹ Châu
- **DỊCH** các giấy tờ đủ loại
- **HOÀN TẤT** thủ tục để thôi quốc tịch Việt Nam

NHÂN QUAY VIDEO & CHỤP HÌNH

Lễ cưới - Đính hôn - Sinh nhật và Tài liệu Nghệ Thuật v.v...



VIDEO & FOTO PROFESSIONAL PHAM BINH

LANGES KREUZ 14 - 31785 HAMELN
TEL. 05151 - 458 20

- Ghép Cảnh - Chữ - Nhạc các phim Video các khách tự quay
 - Tất cả hệ thống PAL - NTSC - SECAM. Bảo đảm quý khách sẽ hài lòng khi băng được dựng lại thêm tư liệu cảnh, chữ đẹp, nhạc hay.
 - Chuyển hệ băng Video từ hệ PAL sang NTSC và ngược lại bằng máy Computer bảo đảm chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt nhất.
 - "Thảm Mỹ hình ảnh" trên những hình phóng to các cỡ đo chúng tôi hoặc quý khách chụp. Bảo đảm chân dung quý khách sẽ không còn những nét nhăn, mụn ... và trẻ đẹp một cách tự nhiên.
 - Chúng tôi đã được sự khen ngợi và tin nhiệm của Cộng Đồng Người Việt tại nước Đức và các nước Châu Âu trong nhiều năm qua vì :
 - Người thực hiện công việc đã từng tốt nghiệp Đại Học ngành quay phim truyện và trên 15 năm kinh nghiệm trong nghề quay phim và chụp ảnh nghệ thuật.
 - Làm việc nhiệt tình - uy tín - cẩn thận.
 - Xử dụng máy quay phim Video và Studio Video - Computer tiêu chuẩn Professional.
 - Quay bằng hai máy Video SUPER (VHS)
 - Dùng phương pháp AUDIO-MIX và HIFI-STEREO trong việc thu thanh và lồng nhạc
 - Những băng Video được quay với sự đạo diễn và dàn dựng để trở thành một phim "KINO" có giá trị nghệ thuật và kỹ thuật với nhiều sáng tạo độc đáo.
 - Có đầy đủ nhạc thuộc về lễ cưới tiếng Việt, HongKong, Ngoại Quốc để lồng băng.
 - Hình ảnh chụp có nhiều FANTASY-EFFEKTEN đẹp và lạ.
- Những việc "trọng đại" trong đời người xin hãy tin tưởng và giao trách nhiệm cho : VIDEO & FOTO PROFESSIONAL PHAM BINH



Người bạn của quý vị trong việc chuyển tiền về Đông Nam Á

Bank Kreiss AG xin giới thiệu đến quý vị một cách chuyển tiền thuận tiện về Đông Nam Á với các ưu điểm sau đây :

ĐƠN GIẢN :

Quý vị có thể điền phiếu chuyển tiền sẵn tại nhà.

NHANH CHÓNG :

Chúng tôi giải quyết dịch vụ chuyển tiền ngay trong ngày nhận được tiền quý vị chuyển đến và sẽ thông báo liền sau đó cho người nhận.

BẢO ĐẢM :

Quý vị sẽ nhận được giấy xác nhận với đầy đủ chi tiết và chữ ký của người nhận.

LỆ PHÍ THẤP :

30.- Đức Mã cho mỗi lần chuyển tiền về Đông Nam Á, không tùy thuộc vào số tiền chuyển nhiều hay ít.

Để giải đáp vấn đề thắc mắc và gửi đến quý vị tập sách hướng dẫn cũng như phiếu chuyển tiền về Đông Nam Á, cô Nguyễn và những nhân viên người Việt của Bank Kreiss AG sẽ trực tiếp giúp đỡ và trả lời quý vị bằng thư từ hoặc qua điện thoại số :

0180 - 530 46 32

Thứ Hai đến thứ Sáu từ 14.00 đến 17.00 giờ

Friedrichstr.2 - 6,
60323 Frankfurt am Main